Việt dịch:
HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ NGHIÊM
Chiết giải:
LÃO CƯ SĨ THIỆN BỬU



TỔNG LUẬN

ĐẠI BÁT NHÃ

TẬP 2

TỔNG LUẬN
ĐẠI BÁT NHÃ

(Phiên bản III)

Việt dịch:
HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ NGHIÊM
Chiết giải:
LÃO CƯ SĨ THIỆN BỬU

Thiết kế: Cư sĩ **Thiện Bửu, Tâm Từ, Steve To**
Kiểm tra chính tả: Cư sĩ **Thanh Phi, Phương Nhật**

PHẬT LỊCH 2569

TẬP 2

MỤC LỤC TẬP 2:

Xin đọc nửa phần dưới Hội thứ I, ĐBN
Với các phẩm sau đây:

HẾT TẬP 2

---o0o---

Đọc tiếp nửa phần dưới(TẬP 2), Hội thứ I, ĐBN,
với phẩm “Tùy Hỷ Hồi Hướng”:

31. PHẨM "TÙY HỶ*(1)* HỒI HƯỚNG *(2)*"

Phần sau Q.168 cho đến đầu Q.172, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Tùy Hỷ", quyển thứ 12, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

Lúc bấy giờ, đại Bồ Tát Di Lặc*(3)* nói với cụ thọ Thiện Hiện: Nầy Đại đức! Nếu đại Bồ Tát đối với tất cả hữu tình, cùng làm các phước nghiệp sự và cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, lại lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên so với phước nghiệp sự tùy hỷ hồi hướng của các dị sanh, Thanh văn, Độc giác thời rất tối thắng, tối tôn, là cao quý, vi diệu, không gì bằng. Vì sao? Vì các dị sanh tu phước nghiệp sự chỉ để **cho mình được tự tại an lạc**; Thanh văn, Độc giác tu phước nghiệp sự là **để tự điều phục**, để được tịch tịnh, để được đắc Niết bàn; còn công đức có được do tùy hỷ hồi hướng của đại Bồ Tát, thì khắp vì **sự điều phục, tịch tịnh, Niết bàn cho tất cả chúng sanh.**

Cụ thọ Thiện Hiện hỏi Bồ Tát Di lặc: Nhưng nếu đại Bồ Tát lấy quả vị Giác ngộ tối cao làm sở duyên*(4)* mà tùy hỷ hồi hướng tức sanh tâm duyên nơi sự thì chỗ nghĩ tưởng như thế có được như ý muốn chăng?

Bồ Tát Di Lặc trả lời Thượng tọa Thiện Hiện: Nếu đại Bồ Tát có tâm phan duyên*(5)* như vậy tức là có sở thủ*(6)*, tức trụ tưởng điên đảo, thì như thế không thể được như ý muốn. Nếu đại Bồ Tát từ lâu tu hành sáu phép Ba la mật, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, đời trước đã từng trồng thiện căn, từ lâu phát đại nguyện, lại được các thiện hữu nhiếp thọ, khéo học nghĩa không của tự tướng các pháp, thì đại Bồ Tát này đối với sở duyên chẳng khởi tâm thủ tướng. Nếu chẳng khởi tâm thủ tướng thì có khả năng phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao. **Tùy hỷ hồi hướng như thế là do dùng phi nhị, phi bất nhị làm phương tiện; phi tướng, phi vô tướng làm phương tiện; phi hữu sở đắc, phi vô sở đắc làm phương tiện; phi nhiễm, phi tịnh làm phương tiện; phi sanh, phi diệt làm phương tiện. Vì vậy, đối với sở duyên cho đến quả vị Giác ngộ tối cao có thể chẳng thủ tướng; vì chẳng thủ tướng nên chẳng trụ tưởng điên đảo.***(Q.172, ĐBN)*

Lại nữa, này Đại đức! Đối với các Bồ Tát sơ học Đại thừa không nên tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật; cũng không nên tuyên thuyết tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật; không nên tuyên thuyết pháp không nội đến pháp không không tánh tự tánh; đối với các Bồ Tát sơ học Đại thừa không nên tuyên thuyết chơn như, pháp giới, pháp tánh, định pháp, trụ pháp, thật tế…; đối với các Bồ Tát sơ học Đại thừa không nên tuyên thuyết bốn Thánh đế, 12 duyên khởi, 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao; đối với các Bồ Tát sơ học Đại thừa cũng không nên tuyên thuyết nghĩa không của tự tướng tất cả pháp. Vì sao? các Bồ Tát sơ học Đại thừa đối với các pháp như thế, **tuy có đôi chút kính tin, ưa thích, nhưng họ nghe rồi hầu như quên mất, hoang mang, sợ sệt, sanh ra hủy báng.**

(Sự tùy hỷ hồi hướng trước hết không lấy nhị pháp hay bất nhị pháp làm phương tiện, không lấy hửu sở đắc hay vô sở đắc làm phương tiện, không lấy nhiễm tịnh, sanh diệt, đoạn thường... làm phương tiện. Đối với sở duyên dù là pháp tối cao như Vô thượng Bồ đề cũng không chấp tâm thủ tướng để tùy hỷ hồi hướng, thì đó là tùy hỷ đầy công đức trí tuệ. Nhưng cũng không nên lấy Bát Nhã hay tất cả pháp mầu Phật đạo tuyên thuyết đối với người sơ học Đại thừa, thì không bị xem là tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Phải biết, đây là pháp khó hiểu khó tu, chỉ sợ kẻ sơ cơ không thông suốt pháp tu này, đâm ra hoang mang sợ sệt rồi quay ra hủy báng Đại thừa).

Cụ thọ Thiện Hiện liền bạch Bồ Tát Di Lặc: Đại Bồ Tát dùng sự tùy hỷ cùng làm các nghiệp sự phước đức như thế, hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, thì gọi là tận dụng tâm tùy hỷ hồi hướng; tận dụng tâm này là tận diệt ly biến*(7)*; sở duyên này và các thiện căn cũng đều là tận diệt ly biến. Trong đó, cái gì là dụng tâm? Lại dùng cái gì làm sở duyên cho các thiện căn mà nói là tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao? Tâm ấy *(tâm hồi hướng)* đối với tâm *(tâm Bồ đề)* lẽ ra chẳng phải tùy hỷ hồi hướng, vì không có hai tâm cùng khởi một lúc; tâm cũng chẳng khá tùy hỷ hồi hướng tự tánh của tâm.

Thưa Đại sĩ! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật, thì có khả năng biết như thật: Sắc không có sở hữu, thọ, tưởng, hành, thức không có sở hữu; 12 xứ, 18 giới không có sở hữu; 12 duyên khởi không có sở hữu; sáu Ba la mật, Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng không có sở hữu; Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí không có sở hữu; Dự lưu đến quả vị Giác ngộ tối cao cũng không có sở hữu.

Thưa Đại sĩ! Đại Bồ Tát ấy đã biết như thật tất cả pháp đều không có sở hữu, dùng sự tùy hỷ cùng làm các nghiệp sự phước đức, hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, đó gọi là sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao không điên đảo.

Bấy giờ, Thiên Đế Thích bạch cụ thọ Thiện Hiện rằng: Thưa Đại đức! Đại Bồ Tát sơ học Đại thừa nghe pháp như thế, tâm kia sẽ kinh nghi, e sợ chăng? Thưa Đại đức! Đại Bồ Tát sơ học Đại thừa vì sao đem chỗ tu tập các thiện căn hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao? Thưa Đại đức! Đại Bồ Tát sơ học Đại thừa, vì sao nhiếp thọ tùy hỷ làm các nghiệp sự phước đức hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao?

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện nương thần lực gia bị của Bồ Tát Di Lặc, bảo trời Đế Thích: Này Kiều Thi Ca! Bồ Tát sơ học Đại thừa, nếu tu Bát Nhã, dùng vô sở đắc làm phương tiện, vô tướng làm phương tiện, như vậy là nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật; nếu tu tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật, dùng vô sở đắc làm phương tiện là nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật; nếu trụ bốn Thánh đế dùng vô sở đắc làm phương tiện, vô tướng làm phương tiện là nhiếp thọ bốn Thánh đế; nếu trụ tất cả các pháp Phật dùng vô sở đắc làm phương tiện, vô tướng làm phương tiện là nhiếp thọ tất cả các pháp Phật.

Này Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát ấy do nhân duyên này, mà tín giải sâu sắc Bát Nhã; tín giải sâu sắc tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật; tín giải sâu sắc pháp bốn Thánh đế rộng nói là tín giải sâu sắc tất cả pháp Phật.

Này Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát ấy do nhân duyên này thường được thiện hữu nhiếp thọ. Thiện hữu ấy dùng vô lượng pháp môn văn nghĩa xảo diệu vì họ biện thuyết pháp tương ưng Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật; dùng pháp như thế dạy bảo trao truyền, khiến họ nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, thường chẳng xa lìa sáu Ba la mật;

dùng pháp như thế dạy bảo trao truyền, khiến họ nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, thường chẳng xa lìa tất cả pháp Phật.

Này Kiều Thi Ca! Bồ Tát sơ học Đại thừa, nếu có khả năng như thế, dùng vô sở đắc làm phương tiện, vô tướng làm phương tiện, nhiếp thọ các công đức; đối với các công đức, tín giải sâu sắc, thường được các thiện hữu nhiếp thọ, nghe pháp như thế, tâm chẳng hoang mang, chẳng kinh, chẳng sợ vậy.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Bồ Tát sơ học Đại thừa tùy theo sự tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, mà dùng vô sở đắc làm phương tiện, vô tướng làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao; tùy theo sự an trụ pháp không nội đến pháp không không tánh tự tánh, dùng vô sở đắc làm phương tiện, vô tướng làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao; tùy theo sự an trụ chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế… dùng vô sở đắc làm phương tiện, vô tướng làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao; tùy theo sự an trụ tứ Thánh đế, 12 duyên khởi, 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao mà dùng vô sở đắc làm phương tiện, vô tướng làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Bồ Tát sơ học Đại thừa, nên đối với khắp mười phương vô số vô lượng vô biên thế giới, trong mỗi mỗi thế giới đều có vô số vô lượng vô biên tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, dứt đường các cõi, tuyệt đạo hý luận, bỏ các gánh nặng, bẻ gãy gai gốc tụ lạc, dứt hết các gút, đầy đủ chánh trí, tâm hoàn toàn giải thoát, khéo nói pháp yếu và chúng đệ tử Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác kia sở thành nhóm giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn đã thành tựu cùng với các thiện căn đã gieo trồng của dòng dõi lớn Sát đế lợi, dòng dõi lớn Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ v.v... hoặc thiện căn đã gieo trồng của trời bốn đại vương chúng, Trời Sắc cứu cánh v.v… Tất cả những thiện căn như thế tập hợp lại, cân nhắc, suy lường, so sánh, thì đối với các thiện căn khác, tâm tùy hỷ này rất tối thắng, tối tôn, là cao quý, vi diệu, không gì bằng. Lại dùng sự tùy hỷ như thế làm các phước nghiệp sự, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao.

(Tùy hỷ hồi hướng với tâm vô sở hữu, vô tướng... tức hành như vô sự, vô tâm; vật tùy hỷ, pháp tùy hỷ cũng vô sở hữu; hồi hướng cũng chẳng nghĩ mang lại nhiều phước đức trí tuệ. Tất cả đều bất khả đắc. Lấy cái tâm vô phân biệt này cùng với hữu tình hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Đó là làm phước nghiệp sự vô lậu thanh tịnh. Nên tùy hỷ hồi hướng này mới được xem là vô thượng).

Lúc bấy giờ, Bồ Tát Di Lặc hỏi cụ thọ Thiện Hiện: Này Đại đức! Bồ Tát sơ học Đại thừa, nếu dùng các thiện căn công đức của Phật và chúng đệ tử với thiện căn đã gieo trồng của trời, người v.v… cùng các hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, thì đại Bồ Tát ấy vì sao chẳng rơi vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp: Thưa Đại sĩ! Nếu đại Bồ Tát đối với công đức có được do niệm Phật, chẳng khởi lên tưởng về công đức của chư Phật; đối với các thiện căn đã gieo trồng của trời, người v.v... chẳng khởi tưởng thiện căn của trời, người v.v... đối với tâm đã phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng, cũng lại chẳng khởi tưởng về tâm này, thì đại Bồ Tát ấy, không có tưởng điên đảo, không có tâm điên đảo, không có kiến điên đảo. Nếu đại Bồ Tát đối với công đức đã có về sự niệm Phật và **nắm lấy tướng công đức của Phật**; đối với thiện căn đã gieo trồng của trời, người v.v... **nắm lấy** tướng thiện căn của trời, người v.v...; đối với tâm đã phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, **nắm lấy tướng đã phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng này** thì đại Bồ Tát ấy, đã tùy hỷ hồi hướng có tưởng điên đảo, có tâm điên đảo, có kiến điên đảo.

Lại nữa, thưa Đại sĩ! Nếu đại Bồ Tát dùng tâm tùy hỷ, nghĩ về công đức thiện căn của tất cả các đức Phật và chúng đệ tử, biết đúng đắn tâm này là diệt tận ly biến, chẳng thấy có năng sở tùy hỷ, nếu năng y vào điều đã nói ấy mà tùy hỷ hồi hướng là chánh, chẳng phải tà, đại Bồ Tát ấy đều nên như vậy mà hồi hướng.

Lại nữa, thưa Đại sĩ! Nếu đại Bồ Tát lại dùng tất cả thiện căn tích lũy có được cùng với các hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, ngay khi ấy, hiểu rằng các pháp năng tùy hỷ hồi hướng là diệt tận ly biến, các pháp sở tùy hỷ hồi hướng tự tánh đều không. Tuy hiểu như vậy, mà luôn luôn tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao. Lại ngay khi ấy, hiểu rằng không có pháp nào đối với pháp nào để tùy hỷ hồi hướng. Vì sao? Vì

tự tánh của tất cả các pháp đều không, trong cái không hoàn toàn không có pháp năng sở tùy hỷ hồi hướng. Tuy biết như vậy, mà luôn luôn tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao; đại Bồ Tát ấy, hoặc luôn luôn tùy hỷ hồi hướng như thế, mà tu hành Bát Nhã, tu hành tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật, không mắc vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy, đối với tâm tùy hỷ **chẳng sanh chấp trước**, đối với thiện căn công đức tùy hỷ cũng chẳng chấp trước; đối với tâm hồi hướng chẳng sanh chấp trước, đối với sở hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao cũng chẳng chấp trước. Do không chấp trước nên chẳng rơi vào điên đảo. Đại Bồ Tát đã khởi tâm tùy hỷ hồi hướng như thế gọi là **tùy hỷ hồi hướng vô thượng**.

Nếu đại Bồ Tát **dùng thủ tướng làm phương tiện** tu hành Bát Nhã, đối với tất cả công đức thiện căn của Phật và đệ tử ấy, giữ lấy tướng tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, thì **đó là chẳng phải thiện tùy hỷ.** Do nhân duyên này mà bị rơi vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Ngược lại, nếu đại Bồ Tát, **chẳng dùng thủ tướng làm phương tiện** tu hành Bát Nhã đối với tất cả công đức thiện căn của Phật và đệ tử ấy, lìa tướng tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, thì đó gọi là thiện tùy hỷ hồi hướng. Do nhân duyên này, đại Bồ Tát ấy tùy hỷ hồi hướng lìa được tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Lúc bấy giờ, đại Bồ Tát Di Lặc hỏi cụ thọ Thiện Hiện: Này Đại đức! Vì sao đại Bồ Tát đối với công đức thiện căn của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử, tùy hỷ cùng làm các nghiệp sự phước đức đều chẳng thủ tướng, mà có khả năng tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp: Thưa Đại sĩ! Trong sở học Bát nhã Ba la mật của đại Bồ Tát có những phương tiện thiện xảo như thế, tuy chẳng thủ tướng mà vẫn thành tựu được; chẳng phải lìa Bát nhã Ba la mật mà năng phát khởi tùy hỷ cùng làm các nghiệp sự phước đức, hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao.

Bồ Tát Di Lặc nói: Này Thiện Hiện! **Chớ thuyết như vậy**. Vì sao? Vì trong Bát Nhã đó, tất cả công đức thiện căn của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử đều **vô sở hữu, bất khả đắc** vậy. Các phước đức tùy hỷ đã làm cũng vô sở hữu, bất khả đắc; sự phát tâm hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Trong đó, đại Bồ Tát khi tu hành

Bát Nhã, nên quán thế này: Công đức thiện căn của chư Phật và chúng đệ tử trong quá khứ, tánh đều đã diệt; sở tác tùy hỷ các nghiệp sự phước đức, phát tâm hồi hướng Vô thượng Bồ đề tánh đều tịch diệt. Nếu ta đối với công đức thiện căn của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử ấy, **mà thủ tướng phân biệt và dùng thủ tướng phân biệt ấy làm phương tiện**, phát khởi hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, thì chư Phật Thế Tôn đều không hứa khả. Vì sao? Vì đối với chư Phật Thế Tôn và chúng đệ tử đã diệt độ, mà thủ tướng phân biệt tùy hỷ hồi hướng là **có sở đắc lớn**. Vì vậy nên đại Bồ Tát muốn đối với công đức thiện căn của chư Phật và chúng đệ tử, phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao một cách đúng đắn, thì trong tâm chẳng **khởi hữu sở đắc, chẳng thủ tướng phân biệt**; nếu trong tâm khởi lên hữu sở đắc, thủ tướng phân biệt, tùy hỷ hồi hướng thì chư Phật chẳng cho những người kia được đại nghĩa. Vì sao? Vì tâm tùy hỷ hồi hướng như vậy là **vọng tưởng phân biệt**, xen lẫn độc dược. Thí như có thức ăn, tuy đủ mùi vị, màu sắc ngon lành nhưng có lẫn độc dược, người ngu không biết, tham lam lấy ăn; tuy lúc đầu thấy sướng khoái, hoan hỷ, nhưng sau không tiêu hóa được phải chịu nhiều thứ đau khổ hay chết!

Sự tùy hỷ hồi hướng đã nói như thế, là dùng hữu sở đắc, thủ tướng phân biệt làm phương tiện, như thức ăn lẫn chất độc, trước lợi sau hại, cho nên đây chẳng phải là thiện tùy hỷ hồi hướng. Vì sao? Vì dùng hữu sở đắc, thủ tướng phân biệt mà phát khởi tâm tùy hỷ hồi hướng, có nhân, có duyên, có tác ý, có hý luận, chẳng tương ưng Bát nhã Ba la mật, vì nó có lẫn chất độc, tức là hủy báng Phật, chẳng theo lời Phật dạy, chẳng theo pháp đã nói. Bồ Tát chủng tánh Đại thừa chẳng nên theo lập thuyết như vậy mà tu học Bát Nhã.

Vậy, phải thuyết Bồ Tát thừa phát khởi tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao như thế nào cho phải?

Cụ thọ Thiện Hiện thưa: Thưa Đại sĩ! Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, tu hành Bát Nhã, nếu muốn chẳng hủy báng chư Phật Thế Tôn khi phát tâm tùy hỷ hồi hướng, thì nên nghĩ thế này: Chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác dùng Phật trí vô thượng hiểu rõ, biết khắp các thiện căn công đức, có “loại” như vậy, có “thể” như vậy, có “tướng” như vậy, có “pháp” như vậy, để tùy hỷ; ta nay cũng nên tùy hỷ như thế. Lại như chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác dùng Phật trí vô thượng hiểu rõ, biết

khắp, nên dùng các nghiệp sự phước đức như thế hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao; ta nay cũng nên hồi hướng như thế. Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, đối với thiện căn công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử, nên khởi sự tùy hỷ hồi hướng như thế. Nếu khởi sự tùy hỷ hồi hướng như thế, thì tức là chẳng hủy báng Phật, theo lời Phật dạy, theo pháp Phật nói. Đại Bồ Tát ấy, tâm tùy hỷ hồi hướng như vậy, chẳng lẫn chất độc, cuối cùng đạt đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Lại nữa, thưa Đại sĩ! Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, lúc thực hành Bát Nhã phải hồi hướng thiện căn như vầy: **Như sắc, thọ, tưởng v.v…** chẳng thuộc Dục giới, chẳng thuộc Sắc giới, chẳng thuộc Vô sắc giới, chẳng thuộc pháp, chẳng gọi quá khứ, vị lai, hiện tại; nội không đến vô pháp hữu pháp không cũng như vậy; pháp tánh, pháp tướng, pháp trụ, thật tế, bất tư nghì tánh; giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, Nhất thiết chủng trí chẳng thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, chẳng thuộc pháp, chẳng thuộc quá khứ, vị lai và hiện tại... cũng như vậy.

Hồi hướng này, chỗ hồi hướng này và hành giả chẳng hệ thuộc cũng như vậy. Chư Phật và những thiện căn đây cũng chẳng hệ thuộc. Thiện căn của Thanh văn, Bích Chi Phật đây cũng chẳng hệ thuộc, chẳng thuộc pháp, chẳng thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì sao? **Vì các pháp ấy tự tánh là không**, nên chẳng thuộc tam giới, chẳng thuộc ba đời, tùy hỷ hồi hướng cũng lại như vậy, đó là vì chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tự tánh là không, nên chẳng đọa tam giới, chẳng thuộc ba đời; vì công đức của chư Phật tự tánh là không, nên chẳng thuộc tam giới, chẳng thuộc ba đời; vì Thanh văn, Độc giác và trời, người v.v... tự tánh là không, nên chẳng thuộc tam giới, chẳng thuộc ba đời; vì các thiện căn ấy, tự tánh là không, nên chẳng thuộc tam giới, chẳng thuộc ba đời; vì tùy hỷ ấy, tự tánh là không, nên chẳng thuộc tam giới, chẳng thuộc ba đời; vì pháp sở hồi hướng, tự tánh là không, nên chẳng thuộc tam giới, chẳng thuộc ba đời; vì người thường hồi hướng, tự tánh là không, nên chẳng thuộc tam giới, chẳng thuộc ba đời.

Nếu đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã như thật biết sắc, thọ, tưởng v.v… đều chẳng hệ thuộc, thì chẳng thể đem pháp nắm lấy tướng để hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì các pháp: Sắc, thọ, tưởng v.v... tự tánh bất sanh. Nếu pháp bất sanh thì không có sở hữu, chẳng thể dùng pháp vô sở hữu kia mà tùy hỷ hồi hướng vô sở hữu. Đại Bồ

Tát ấy tùy hỷ hồi hướng như thế, chẳng lẫn các độc, cuối cùng đạt đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Lại nữa, thưa Đại sĩ! Trụ Bồ Tát thừa, các thiện nam, thiện nữ nếu **dùng hữu tướng làm phương tiện, hoặc hữu sở đắc làm phương tiện**, đối với thiện căn công đức của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử, phát sanh tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, thì như vậy là **tà hồi hướng**. Tâm tà tùy hỷ hồi hướng này, chẳng được chư Phật Thế Tôn khen ngợi, vì tâm tùy hỷ hồi hướng như thế chẳng phải là cái mà chư Phật Thế Tôn khen ngợi, chẳng có khả năng viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; cũng chẳng có khả năng viên mãn tất cả pháp Phật, nên chẳng có khả năng viên mãn nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình. Do vì chẳng có khả năng viên mãn nghiêm tịnh cõi Phật thành thục hữu tình nên chẳng có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì những vị ấy đã khởi tùy hỷ hồi hướng có lẫn các độc.

Lại nữa, thưa Đại sĩ! Các đại Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật, nên nghĩ thế này: Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở mười phương thế giới, hiểu rõ như thật thiện căn công đức có pháp như thế, có thể nương vào pháp ấy mà phát sanh tùy hỷ hồi hướng không điên đảo. Ta nay cũng phải nương vào pháp như thế mà phát sanh tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, thì đó là phát khởi **tùy hỷ hồi hướng chơn chánh.**

Lúc bấy giờ, Thế Tôn khen cụ thọ Thiện Hiện: Hay thay! Thiện Hiện! Nay ông đã làm việc Phật làm, đó là vì đại Bồ Tát v.v... mà khéo nói tùy hỷ hồi hướng không điên đảo. Sự tùy hỷ hồi hướng đã nói như thế là dùng vô tướng làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện, vô sanh làm phương tiện, vô diệt làm phương tiện, vô nhiễm làm phương tiện, vô tịnh làm phương tiện, tự tướng không làm phương tiện, tự tánh không làm phương tiện, vô tánh tự tánh làm phương tiện, chơn như làm phương tiện, pháp giới làm phương tiện, pháp tánh làm phương tiện, tánh chẳng hư vọng làm phương tiện, thật tế làm phương tiện.

Này Thiện Hiện! Giả sử tất cả hữu tình trong Tam thiên đại thiên thế giới đều được thành tựu mười thiện nghiệp đạo, bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, năm phép thần thông thì ý ông nghĩ sao? Công đức của các hữu tình ấy nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều.

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Nếu thiện nam, thiện nữ đối với thiện căn công đức của chư Như Lai và các đệ tử, phát khởi tùy hỷ hồi hướng **không nhiễm trước**, thì công đức đạt được, hơn trước rất nhiều. Này Thiện Hiện! Thiện nam, thiện nữ ấy, đã khởi tùy hỷ hồi hướng như thế là tối thắng, tối tôn, là cao siêu, là vi diệu, là cao cả, không gì hơn.

Lại nữa, Thiện Hiện! Giả sử tất cả hữu tình trong Tam thiên đại thiên thế giới đều đắc quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, có thiện nam, thiện nữ đối với quả Dự lưu đến A la hán ấy, suốt đời cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi, dùng vô lượng các thứ y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc men và các đồ dùng khác cung cấp thì theo ý ông thiện nam, thiện nữ ấy, do nhân duyên này được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Nếu thiện nam, thiện nữ đối với thiện căn công đức của chư Như Lai và các đệ tử, mà khởi **tùy hỷ hồi hướng không nhiễm trước**, thì phước đức đạt được, hơn trước rất nhiều. Này Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ ấy, đã khởi tùy hỷ hồi hướng như thế là tối thắng, tối tôn, là cao siêu, là vi diệu, là cao cả, không gì hơn.

Lại nữa, Thiện Hiện! Giả sử tất cả hữu tình trong Tam thiên đại thiên thế giới đều hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, hay tất cả hữu tình ở vô số thế giới trong mười phương nhiều như cát sông Hằng đều hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao ấy, được các thiện nam, thiện nữ cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi, dùng vô lượng các thứ y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc men, và các thức nuôi thân mà cung cấp đầy đủ, trải qua vô số đại kiếp, thì theo ý ông thế nào các thiện nam, thiện nữ ấy do nhân duyên này được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều! Số phước đức ấy là vô số, vô lượng, vô biên, vô hạn, tính đếm, thí dụ khó có thể biết hết. Bạch Thế Tôn! Nếu số phước ấy có hình sắc, thì vô số thế giới trong mười phương không dung chứa hết.

Phật dạy: Hay thay! Hay thay! Thiện Hiện! Số lượng phước đức ấy, như ông đã nói, nếu thiện nam, thiện nữ đối với thiện căn công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử, mà khởi **tùy hỷ hồi hướng không nhiễm trước**, thì phước đức đạt được, hơn trước rất nhiều.

Này Thiện Hiện! Thiện nam, thiện nữ ấy, đã khởi tùy hỷ hồi hướng như thế là tối thắng, tối tôn, là cao siêu, là vi diệu, là cao cả, không gì hơn.

(Người tu không nắm lấy tướng mà tu, người làm các nghiệp sự phước đức tùy hỷ cũng không mong cầu nắm bắt thì công đức tùy hỷ hồi hướng cao cả, không gì hơn!)

Lúc bấy giờ, bốn Đại thiên vương cùng với đông đủ hai vạn Thiên tử quyến thuộc, rất đổi vui mừng liền chấp tay đảnh lễ chân Phật, nói: Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát như vậy, có khả năng phát khởi tùy hỷ hồi hướng quảng đại, dùng vô tướng làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện, vô nhiễm trước làm phương tiện, vô tư tác làm phương tiện, đối với thiện căn công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử, phát sanh tủy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao. Phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng như thế, chẳng rơi vào pháp nhị, pháp bất nhị.

Khi ấy, trời Đế Thích, thiên vương Tô dạ ma, thiên vương San đổ sử đa, thiên vương Tối tự tại, cùng với vô lượng trăm ngàn Thiên tử quyến thuộc mỗi người đều cầm các thứ tràng hoa, hương đốt, hương xoa, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu… để cúng dường Phật, và bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát như vậy, mới có khả năng phát khởi tùy hỷ hồi hướng quảng đại như thế, dùng vô tướng làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện, vô nhiễm trước làm phương tiện, vô tư tác làm phương tiện, đối với thiện căn công đức của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử, phát tâm tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao. Đã khởi tùy hỷ hồi hướng như thế, thì chẳng rơi vào pháp nhị, pháp bất nhị.

Lúc bấy giờ, thiên vương Đại phạm, trời Cực quang tịnh, Trời Biến tịnh, Trời Quảng quả, trời Sắc cứu cánh, cùng với đầy đủ vô lượng, vô số trăm ngàn chúng Phạm thiên đến trước Phật, đảnh lễ chân Phật, cùng bạch: Bạch Thế Tôn! Thật hy hữu! Đại Bồ Tát như vậy đã được Bát Nhã và phương tiện thiện xảo nhiếp thọ, vượt hơn thiện căn của các thiện nam, thiện nữ đã tu hữu tướng, hữu sở đắc, không có phương tiện thiện xảo,.

Lúc bấy giờ, Phật bảo các chúng trời nói trên: Giả sử tất cả hữu tình trong Tam thiên đại thiên thế giới đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ tối cao, đối với khắp tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, vị lai, hiện tại trong mười phương thế giới, từ sơ phát tâm cho đến khi đắc quả vị

Giác ngộ tối cao, chuyển pháp luân nhiệm mầu, sau khi nhập Vô dư y Niết bàn cho đến thời pháp diệt, ở khoảng giữa ấy, có thiện căn tương ưng với sự tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; hoặc có thiện căn tương ưng với sự an trụ tất cả các pháp Phật, hoặc pháp đã nói của chư Như Lai, hoặc nương vào pháp ấy mà tu tập được ba nghiệp sự phước đức là thí tánh, giới tánh, tu tánh, hoặc nương vào pháp ấy tinh cần tu học mà đắc quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán hoặc đắc quả vị Độc giác, đắc Bồ Tát Chánh tánh ly sanh; hoặc thiện căn có được của các hữu tình do tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lư, Bát nhã Ba la mật, v.v... tất cả như vậy, nhóm tụ lại cân nhắc suy lường, **dùng hữu tướng làm phương tiện**, hữu sở đắc làm phương tiện, hữu nhiễm trước làm phương tiện, hữu tư tác làm phương tiện, hữu nhị bất nhị làm phương tiện, khởi lên sự tùy hỷ; đã tùy hỷ rồi hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao.

Và có thiện nam, thiện nữ phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, như các hữu tình kể trên, cũng có thiện căn tương ưng với sự tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; hoặc có thiện căn tương ưng với sự an trụ tất cả pháp Phật, tinh cần tu học mà đắc quả Dự lưu, Nhất hoàn, Bất hoàn, A la hán, hoặc quả vị Độc giác, nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, hoặc thiện căn có được của các hữu tình do tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lư, Bát nhã Ba la mật, v.v... tất cả nhóm tụ lại cân nhắc suy lường, **nhưng dùng vô tướng làm phương tiện**, vô sở đắc làm phương tiện, vô nhiễm trước làm phương tiện, vô tư tác làm phương tiện, vô nhị, bất nhị làm phương tiện, khởi lên sự tùy hỷ; đã tùy hỷ rồi hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, thì sự tùy hỷ hồi hướng của thiện nam, thiện nữ này là tối thắng, tối tôn, là cao siêu, là vi diệu, là cao cả, không gì hơn; so với sự tùy hỷ hồi hướng của hữu tình nói trước, trăm ức lần nhiều hơn, ngàn ức lần nhiều hơn, trăm ngàn ức lần nhiều hơn, vô số trăm ngàn ức lần nhiều hơn, bội số, bội toán, bội dụ cho đến bội cực số cũng hơn rất nhiều. *(Q.172, ĐBN)*

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Thế Tôn nói, sự tùy hỷ hồi hướng của thiện nam thiện nữ ấy là tối thắng, tối tôn, là cao siêu, là vi diệu, cao cả, không gì hơn?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Thiện nam, thiện nữ ấy đối với khắp cả các thiện căn của tất cả Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát, Như Lai Ứng

Chánh đẳng giác và tất cả các hữu tình khác ở quá khứ, vị lại, hiện tại trong 10 phương thế giới, chẳng thủ-chẳng xả, chẳng kiêu căng, chẳng khinh mạn, chẳng phải có sở đắc-chẳng phải không sở đắc; lại biết các pháp là không sanh-không diệt, không nhiễm-không tịnh, không tăng-không giảm, không khứ-không lai, không tụ-không tán, không nhập-không xuất, nghĩ như thế này: Các pháp chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì ở quá khứ, vị lai, hiện tại kia, Ta cũng tùy hỷ hồi hướng như thế. Này Thiện Hiện! Tùy hỷ xong, hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Này Thiện Hiện! Sự tùy hỷ hồi hướng này so với các pháp tùy hỷ khác gấp trăm ức lần, ngàn ức lần, trăm ngàn ức lần, vô số trăm ngàn ức lần, gấp bội số, bội toán, bội tính, bội dụ cho đến bội cực số… Vì vậy, nên Ta nói sự phát khởi tùy hỷ hồi hướng như thế là tối thắng, là tối tôn, là cao siêu, là vi diệu, cao cả, không gì hơn.

Lại nữa, Thiện Hiện! Trụ Bồ Tát thừa, các thiện nam, thiện nữ muốn đối tất cả Như Lai ứng Chánh đẳng quá khứ vị lai hiện tại 10 phương thế giới, từ sơ phát tâm đến được Vô thượng Bồ đề, quay xe diệu pháp, sau khi vào Vô dư y Niết Bàn cho đến Chánh pháp diệt tận. Ở thời gian giữa, có bao tất cả bố thí tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật tương ưng thiện căn. Hoặc nhóm giới, nhóm định, nhóm huệ, nhóm giải thoát, nhóm giải thoát tri kiến. Hoặc bao nhiêu vô lượng vô biên Phật pháp. Hoặc các công đức thiện căn của Thanh Văn, Độc giác, Bồ Tát. Hoặc các hữu tình có bao thí tánh, giới tánh, tự tánh ba phước nghiệp sự và các thiện pháp khác, nhóm họp cân lường, hiện tiền phát khởi tâm không điên đảo tùy hỷ hồi hướng. Nhưng, phải quan niệm rằng bố thí đồng đẳng với giải thoát; năm độ kia cũng đồng đẳng với giải thoát; sắc, thọ, tưởng, hành, thức đồng đẳng với giải thoát; nội không đến vô pháp hữu pháp không đồng đẳng với giải thoát; tứ niệm xứ đến bát thánh đạo phần đồng đẳng với giải thoát; thập lực đến Nhất thiết chủng trí đồng đẳng với giải thoát; giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến đồng đẳng với giải thoát; tùy hỷ đồng đẳng với giải thoát; các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại đồng đẳng với giải thoát; chư Phật mười phương cùng giải thoát đồng đẳng; chư Phật hồi hướng cùng giải thoát đồng đẳng; chư Phật cùng giải

thoát đồng đẳng; chư Phật diệt độ cùng giải thoát đồng đẳng; Thanh văn, Bích Chi Phật cùng giải thoát đồng đẳng; Thanh văn, Bích Chi Phật diệt độ cùng giải thoát đồng đẳng; pháp tướng của chư Phật cùng giải thoát đồng đẳng; pháp tướng của Thanh văn, Bích Chi Phật cùng giải thoát đồng đẳng. Tất cả các pháp tướng cũng cùng giải thoát đồng đẳng, tôi đem tướng những thiện căn này tùy hỷ công đức hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng đồng đẳng với giải thoát, vì bất sanh bất diệt vậy.

(Thế nào là tùy hỷ đồng đẳng với giải thoát; hồi hướng chư Phật cũng đồng đẳng với giải thoát? Để trả lời câu hỏi này ***phẩm thứ 39, "Tùy Hỷ", Tập 4, quyển 61, Đại Trí Độ Luận*** *giải thích rằng:*

"Hỏi: *Vì sao nói 6 pháp Ba La Mật cùng hết thảy các pháp đều bình đẳng? Vì sao nói sắc tướng và vô sắc tướng bình đẳng với giải thoát ? Đã nói có "hữu vi giải thoát" và "vô vi giải thoát", thì làm sao nói đến "bình đẳng giải thoát" được?*

Đáp: Trước đây nói đến phàm phu dùng nhục nhãn, y theo 6 thức điên đảo, mà quán các pháp, nên thấy có pháp tướng. Bồ Tát dùng huệ nhãn quán các pháp, nên thấy các pháp tướng đều là hư vọng, chẳng thật có. Do vậy mà vào được nơi thật tướng pháp.

Thật tướng pháp là vô tướng, là Niết Bàn Tướng.

Người tu, khi vào được "như thật đạo" rồi là vào được Vô Dư Niết Bàn, là minh liễu được các pháp đều là chẳng sanh cũng chẳng diệt, chẳng xuất cũng chẳng nhập, chẳng cấu cũng chẳng tịnh, chẳng phải có cũng chẳng phải không, chẳng thường cũng chẳng phải vô thường. Vì sao? Vì **<u>hết thảy các pháp tướng đều thường tịch diệt</u>, nên chẳng có thể dùng tâm thức để suy lường, chẳng có thể dùng ngôn ngữ để diễn bày được. Bởi vậy nên nói pháp là chẳng phải pháp (phi pháp), mà cũng chẳng phải chẳng phải pháp (phi phi pháp).**

Hết thảy pháp đều là vô sở hữu, đều bình đẳng ở nơi tướng dụng, nên nói "sắc tướng" cùng "vô sắc tướng" bình đẳng với giải thoát; nói 6 pháp Ba La Mật cùng hết thảy pháp bình đẳng với giải thoát. Đây là dùng huệ nhãn mà thấy được như vậy.

Nên biết "giải thoát" là huệ đức cao quý bậc nhất trong Phật pháp").

Kinh thuyết tiếp.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này tùy hỷ hồi hướng như vậy là tối, là thắng, là tôn, là cao, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng. Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát trọn nên tùy hỷ hồi hướng như thế, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu tới Đại Thừa, các thiện nam, thiện nữ, giả sử đối tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử mười phương thế giới hằng hà sa thảy, đem **hữu tướng làm phương tiện, hữu sở đắc làm phương tiện**, trọn một đời cúng dường cung kính, tôn trọng, ngợi khen. Lại đem các thứ áo mặc, ăn uống, đồ nằm, thuốc thang và bao nhiêu tư sanh lạc cụ hạng nhất mà phụng thí lên, sau khi các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử kia vào Niết Bàn, lấy ngọc Xá lợi đem bảy báu thượng hạng xây đắp các ngôi bảo tháp cao rộng tôn nghiêm, ngày đêm tinh siêng lễ kính đi quanh hữu. Lại dùng các thứ thượng diệu tràng hoa, hương bột, hương đốt, hương xoa, y phục, anh lạc, bảo tràng, phan lọng, các ngọc diệu trân kỳ quý lạ, kỹ nhạc, đèn sáng, hết thảy sẵn có cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Lại đem việc tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật cùng với công đức thiện căn của các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử, phát sanh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại có các thiện nam, thiện nữ phát tâm tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đem **vô tướng làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện** tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, Bát nhã Ba la mật cùng với công đức thiện căn của các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử, phát sanh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Các thiện nam, thiện nữ này do nương Bát Nhã, phương tiện khéo léo tùy hỷ hồi hướng, **hơn kẻ tùy hỷ hồi hướng trước trăm bội, ngàn bội, trăm ngàn bội, trăm ức bội, kế bội, dụ bội cho đến cực số bội**. Cho nên nói tùy hỷ hồi hướng như thế là tối, là thắng, là tôn, là cao, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng. Vậy nên, Thiện Hiện! Phát tâm tới Đại Thừa, các đại Bồ Tát **đều nên đem vô tướng làm phương tiện**, **vô sở đắc làm phương tiện** tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật thảy tương ưng thiện căn và nương Bát nhã Ba la mật, phương tiện khéo léo đối công đức thiện căn của các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử, phát tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thích nghĩa:

(1). Tùy hỷ: Vui theo điều thiện. Vui theo cái vui của người (thấy người làm việc thiện, lòng mình hoan hỷ vui theo)—To rejoyce in all good—To rejoice in the welfare of others, or to do that which one enjoys, or to follow one's inclination (Từ điển Phật học Việt Anh - Đồng Loại).

(2). Hồi hướng: (回向) *I. Hồi Hướng(Phạm: Parìịàma): Cũng gọi Chuyển hướng, Thí hướng. Đem công đức thiện căn do chính mình tu được chuyển lại cho chúng sinh để cùng được lợi ích như mình, gọi là hồi hướng. Trong các Kinh luận có nhiều thuyết nói về hồi hướng. 1. Theo thuyết Tính không của hệ tư tưởng Bát Nhã, nếu hồi hướng mà không thấy có người hồi hướng, có pháp để hồi hướng, có nơi chốn để hồi hướng, thì mới được gọi là Hồi hướng chân thực. Phẩm Hồi hướng trong Kinh "Tiểu Phẩm Bát Nhã" do Ngài Cưu Ma La Thập dịch (Đại 8, 548 trung), nói: Không có một pháp nào có thể gọi là pháp hồi hướng, mới được gọi là chính hồi hướng A nậu đa la tam miệu tam bồ đề (...) Vì chư Phật dạy hồi hướng không được chấp tướng, (...), nếu hồi hướng mà còn chấp tướng thì gọi là Tạp độc. 2. Đại thừa nghĩa chương quyển 9 của Ngài Tuệ Viễn chia hồi hướng làm 3 loại: a). Bồ đề hồi hướng: Đem tất cả thiện pháp mà mình tu hành để hướng cầu Bồ đề. b). Chúng sinh hồi hướng: Vì thương chúng sinh nên nguyện đem tất cả pháp lành mà mình tu được để ban cho họ. c). Thực tế hồi hướng: Đem thiện căn của mình hồi hướng để cầu pháp tính bình đẳng như thực. 3. Trong Hoa nghiêm Kinh sớ quyển 26, Ngài Trừng Quán nêu ra 10 loại hồi hướng, nhưng thâu tóm lại còn 3 loại: a). Bồ đề hồi hướng: Xoay nhân hướng tới quả, xoay kém hướng hơn, xoay tỉ hướng chứng. b). Chúng sinh hồi hướng: Xoay mình hướng tới người, xoay ít hướng nhiều, xoay nhân hạnh của mình hướng tới nhân hạnh của người. c). Thực tế hồi hướng: Xoay sự hướng lý, xoay hạnh sai biệt hướng hạnh viên dung. Ngoài 8 loại hồi hướng trên đây, 2 loại còn lại là: Xoay thế (việc thế tục) hướng xuất thế (cầu Phật đạo) và Xoay thuận lý sự hạnh hướng lý sở thành sự. Hai loại Hồi hướng này thông cả quả Bồ đề hồi hướng và Thực tế hồi hướng. 4. Theo thuyết của tông Tịnh độ thì có 2 loại Hồi hướng: a). Vãng tướng hồi hướng: Đem công đức của mình ở đời quá khứ và đời hiện tại hồi hướng cho chúng sinh, nguyện cùng được sinh về Tịnh độ phương Tây. b). Hoàn tướng hồi hướng: Sau khi đã vãng sinh Tịnh độ, phát tâm đại bi trở lại cõi Ta bà, giáo hóa chúng sinh, cùng*

hướng về Phật đạo. 5. Trong An lạc tập quyển hạ, Ngài Đạo Xước nêu ra 6 loại hồi hướng: a). Đem các công đức do mình tu được hồi hướng đức Phật A di đà cầu sinh về Tịnh độ, để sau khi được 6 thần thông, trở lại thế gian cứu độ chúng sinh. b). Hồi nhân hướng quả. c). Hồi hạ hướng thượng. d). Hồi chậm hướng nhanh. e). Hồi hướng cho chúng sinh bi niệm hướng thiện. g). Hồi hướng dứt hết tâm phân biệt. [X. Kinh Vô lượng thọ Q.hạ; Vãng sinh luận chú Q.hạ; Hoa nghiêm Kinh thám huyền kí Q.8]. II. Hồi Hướng. Cũng gọi Thập hồi hướng vị. Mười giai vị tu hành của Bồ Tát. (xt. Bồ Tát Giai Vị)- Phật Quang tự điển.

Cụm từ "Tùy hỉ hồi hướng": Nói nôm na là thấy người khác làm việc thiện, làm việc có công đức, lại đem công đức ấy chia sẻ cho tất cả chúng sanh khác rồi hồi hướng Vô thượng Bồ đề để thoát khỏi sanh tử được Niết bàn. Nếu mình không đủ phương tiện để làm như vậy, nhưng lại rất vui mừng hoan hỷ tán thán công đức của những người đã hồi hướng như vậy, thì công đức tùy hỷ cũng giống như người khác đã làm. ***TB***

(3). Di lặc Bồ Tát (Phạm: Maitreya, Pàli: Metteyya, Hán dịch: Từ thị): Theo Kinh Di lặc thượng sinh và Kinh Di lặc hạ sinh chép, thì Ngài Di lặc sinh ra trong một gia đình Bà la môn, sau xuất gia tu Phật và nhập diệt trước đức Phật, mang thân Bồ Tát trụ ở cõi trời Đâu suất, giảng pháp cho các trời ở cõi này. Theo truyền thuyết thì vị Bồ Tát này vì muốn giáo hóa thành tựu cho chúng sinh nên ngay từ lúc mới phát tâm đã không ăn thịt, do nhân duyên ấy mà có tên là Từ thị. Đại nhật Kinh sớ quyển 1 nói, Bồ Tát Từ thị là lấy Từ trong bốn tâm vô lượng của Phật làm đầu. Lòng từ đó sinh ra từ hạt giống Như Lai, khiến hết thảy thế gian không mất tính Phật, cho nên gọi là Từ thị. Đức Thích Tôn từng thọ ký cho Bồ Tát Di Lặc, hết thời kỳ loài người sống lâu 4000 tuổi (ước chừng 57 tỉ 60 triệu năm nữa), Bồ Tát Từ Thị sẽ giáng sanh xuống cõi này thành Phật dưới gốc cây Long hoa, chia làm ba hội thuyết pháp, độ vô số chúng sanh. Trong thực tế, Phật tử đã tôn xưng Di Lặc Bồ Tát là Phật và gọi là Di lặc Như Lai, mặc dù Ngài chỉ là Bồ Tát bổ xứ, đang thuyết pháp tại cung trời Đâu suất. Các Kinh thuộc về Di Lặc Bồ Tát gồm Di Lặc Bổn Kinh, Di Lặc Thượng Sanh Kinh, Di Lặc Hạ Sanh Kinh, Di Lặc Đại Thành Phật Kinh.

(4). Sở duyên: Thức không thể tự sinh khởi nếu không có đối tượng, hay là cảnh giới khách quan. Đối tượng hay cảnh giới khách quan của thức, gọi là sở duyên.

(5). Phan duyên: Nương theo, vịn theo các duyên. Ví như nhân một chuyện này mà nghĩ đến các chuyện khác, lại đến các chuyện khác nữa, như cây leo bò vịn vào rào dậu leo mãi không ngừng, gọi là phan duyên. Tâm ý nương theo sáu trần làm duyên, nẩy sanh những ý tưởng suy xét, mưu tính mãi mãi không dừng, gọi là phan duyên.

(6). Sở thủ: (Skt: Grahya) Cái bị nắm lấy hay cái bị nhận thức. (Từ điển Phật học Việt Anh - Thiện Phúc)

(7). Tâm "diệt tận ly biến": Bản gốc bằng chữ Hán đăng trong hoavouu.com ghi bằng chữ Hán có phụ âm là "心tâm 盡tận 滅diệt 離ly 變biến". *Nếu dùng lối chiết tự để giải thích riêng rẽ bốn từ này: **Tận**(盡) là hết, không còn gì nữa; **Diệt**(滅) là Lửa tắt — Hết — Mất đi; **Ly**(離) là lìa tan; **Biến**(變): là biến đổi.*

- Phẩm "Tùy Hỷ Hồi Hướng" Q.432, Hội thứ II, ĐBN dịch "tâm tận diệt ly biến" là "diệt tận ly biến", dịch như không dịch.

- Phẩm "Tùy Hỷ Hồi Hướng" Hội thứ III, ĐBN dịch là "tâm hết diệt lìa biến". Dịch như vậy xác nghĩa nhưng rất khó hiểu.

*- **Đại Trí Độ Luận**, giải thích về cụm từ "diệt tận ly biến" như sau:* "Bởi vậy nên đối với những người tu tập Bồ tát đạo, thì phải dạy họ thực tập dần dần sự tùy hỷ hồi hướng các phước đức thiện căn. Khi họ được đầy đủ tâm tận diệt, tận biến, tận ly rồi, thì mới dạy họ dụng "vô tướng tâm pháp" mà tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề". *Điều đó có nghĩa là tâm không, rỗng không. Nói khác là "tâm vô tướng", hay tâm không còn dung chấp bất cứ thứ gì. Dùng tâm như vậy mà tùy hỷ hồi hướng, thì mới được xem là hồi hướng vô thượng.*

Chúng ta có thể dùng đoạn kinh ngắn này trong Đại Trí Độ Luận phẩm thứ 39, "Tùy Hỷ" để hiểu cụm từ "diệt tận ly biến":

"Nay nói các phước đức đều là tự tướng không. Đây là nói Bồ Tát niệm chư Phật quá khứ, niệm các duyên sanh phước đức trong quá khứ đều đã tận diệt; niệm chư Phật quá khứ đã nhập Niết Bàn, <u>niệm tất cả các phước đức đều là rốt ráo không, đều là vô tướng, là thường tịch diệt</u>. Bồ Tát dụng tâm như vậy mà tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề mới được gọi là "chánh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề", nên chẳng có đọa về tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo".

Đó là tâm mà dịch giả là Ni Trưởng TN Diệu Không dịch bộ Đại Trí Độ Luận gọi là "vô tướng tâm pháp".

Sơ giải:

- "Cụ thọ Thiện Hiện hỏi Bồ Tát Di lặc: Nhưng nếu đại Bồ Tát lấy quả vị Giác ngộ tối cao làm sở duyên mà tùy hỷ hồi hướng tức sanh tâm **duyên nơi sự** thì chỗ nghĩ tưởng như thế có được như ý muốn chăng?

Bồ Tát Di Lặc trả lời Thượng tọa Thiện Hiện: Nếu đại Bồ Tát có tâm phan duyên như vậy **tức là có sở thủ, tức trụ tưởng điên đảo**, như thế không thể được như ý muốn. Nếu đại Bồ Tát từ lâu tu hành sáu phép Ba la mật, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, đời trước đã từng trồng thiện căn, từ lâu phát đại nguyện, lại được các thiện hữu nhiếp thọ, khéo học nghĩa không của tự tướng các pháp, thì đại Bồ Tát này đối với sở duyên chẳng khởi tâm thủ tướng, nếu chẳng khởi tâm thủ tướng thì có khả năng phát khởi sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao. Tùy hỷ hồi hướng như thế là do dùng phi nhị-phi bất nhị làm phương tiện; phi tướng-phi vô tướng làm phương tiện; phi hữu sở đắc-phi vô sở đắc làm phương tiện; phi nhiễm-phi tịnh làm phương tiện; phi sanh-phi diệt làm phương tiện. Vì vậy, đối với sở duyên cho đến quả vị Giác ngộ tối cao chẳng thủ tướng; vì chẳng thủ tướng nên chẳng trụ tưởng điên đảo".

- "Nếu đại Bồ Tát **dùng thủ tướng làm phương tiện** tu hành Bát Nhã, đối với tất cả công đức thiện căn của Phật và đệ tử ấy, giữ lấy tướng tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, thì đó là chẳng phải thiện tùy hỷ hồi hướng**.** Do nhân duyên này mà bị rơi vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Ngược lại, nếu đại Bồ Tát, **chẳng dùng thủ tướng làm phương tiện** tu hành Bát Nhã đối với tất cả công đức thiện căn của Phật và đệ tử ấy, lìa tướng tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, thì đó gọi là thiện tùy hỷ hồi hướng. Do nhân duyên này, đại Bồ Tát ấy tùy hỷ hồi hướng **lìa được tưởng, tâm, kiến điên đảo**".

- "Sự tùy hỷ hồi hướng đã nói như thế, là dùng hữu sở đắc, thủ tướng phân biệt làm phương tiện, như thức ăn lẫn chất độc, trước lợi sau hại, cho nên đây chẳng phải là thiện tùy hỷ hồi hướng. Vì sao? Vì dùng hữu sở đắc, thủ tướng phân biệt mà phát khởi tâm tùy hỷ hồi hướng, có nhân, có duyên, có tác ý, có hý luận, chẳng tương ưng Bát nhã Ba la mật, vì nó có lẫn chất độc, tức là hủy báng Phật, chẳng theo

lời Phật dạy, chẳng theo pháp đã nói. Bồ Tát chủng tánh Đại thừa chẳng nên theo lập thuyết kia mà tu học".

- "Lúc bấy giờ, Thế Tôn khen cụ thọ Thiện Hiện: Hay thay! Thiện Hiện! Nay ông đã làm việc Phật làm, đó là vì đại Bồ Tát v.v... mà khéo nói tùy hỷ hồi hướng không điên đảo. Sự tùy hỷ hồi hướng đã nói như thế là dùng vô tướng làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện, vô sanh làm phương tiện, vô diệt làm phương tiện, vô nhiễm làm phương tiện, vô tịnh làm phương tiện, tự tướng không làm phương tiện, tự tánh không làm phương tiện, vô tánh tự tánh không làm phương tiện, chơn như làm phương tiện, pháp giới làm phương tiện, pháp tánh làm phương tiện, tánh chẳng hư vọng làm phương tiện, thật tế làm phương tiện".

*Đoạn Kinh trích dẫn trên là **chìa khóa để hiểu phẩm này.** Theo đó chúng ta có thể rút ra các kinh nghiệm về sự tùy hỷ hồi hướng như sau:*

***1- Hồi hướng mà nắm lấy tướng là hồi hướng có sở đắc**, không được coi là thiện hồi hướng. Vì tâm tùy hỷ hồi hướng như vậy là **vọng tưởng phân biệt**, xen lẫn chất độc... Còn hồi hướng chân chính, tức không nắm lấy tướng, không phân biệt thì được hưởng phước vô lậu không gì bằng. Phẩm "Tùy Hỷ Hồi Hướng", Q.171, ĐBN, nói:* "Hồi hướng chân chính là dùng vô tướng làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện, vô sanh làm phương tiện, vô diệt làm phương tiện, vô nhiễm làm phương tiện, vô tịnh làm phương tiện, tự tướng không làm phương tiện, tự tánh không làm phương tiện, vô tánh tự tánh không làm phương tiện…" *Hồi hướng như thế là chân hồi hướng không gì bằng nên nói là hơn tất cả các sự hồi hướng khác gấp trăm ức lần, vạn ức lần, gấp bội số, bội toán, bội tính, bội dụ cho đến bội cực số... Vì vậy nên Phật nói sự phát khởi tùy hỷ hồi hướng như thế là tối thắng, tối tôn, vô cùng vi diệu, không gì hơn.*

***2- Tùy hỷ không năng sở, hồi hướng cũng không năng sở.** Tùy hỷ hồi hướng mà còn dính ngã, tức có tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo, đó là năng tùy hỷ. Tùy hỷ mà duyên sự bên ngoài: Lấy công đức, lấy chứng đắc để tùy hỷ, đó là sở tùy hỷ. Vì lấy năng sở tùy hỷ tức lấy nhị pháp làm phương tiện, đó là **chấp trước**. Nên công đức*

tùy hỷ hồi hướng không có ý nghĩa. Tùy hỷ hồi hướng chỉ có ý nghĩa khi nhận thức rằng:

"Tự tánh của tất cả các pháp đều không, trong cái không hoàn toàn không có pháp năng, sở tùy hỷ hồi hướng. Tuy biết như vậy, mà luôn luôn tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao; đại Bồ Tát ấy, hoặc luôn luôn tùy hỷ hồi hướng như thế, mà tu hành Bát Nhã, tu hành tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật, không có tưởng điên đảo, không có tâm điên đảo, không có kiến điên đảo. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy, đối với tâm tùy hỉ **chẳng sanh chấp trước**, đối với thiện căn công đức tùy hỷ cũng chẳng chấp trước; đối với tâm hồi hướng chẳng sanh chấp trước, đối với sở hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao cũng chẳng chấp trước. Do không chấp trước nên chẳng rơi vào điên đảo. Đại Bồ Tát đã khởi tâm tùy hỷ hồi hướng như thế gọi là sự tùy hỷ hồi hướng vô thượng"(*Q169, ĐBN*).

3- *Vấn đáp giữa Thiện Hiện với Thiên Đế Thích trong phẩm "Thiên Đế" Q.77, Hội thứ I, ĐBN, cho thấy* ***thái độ của hành giả Bát Nhã*** *phải có giữa tâm hồi hướng và tâm Bồ đề như sau:*

"Tâm hồi hướng của đại Bồ Tát chẳng hòa hiệp với tâm Bồ đề; tâm Bồ đề chẳng hòa hiệp với tâm hồi hướng; tâm hồi hướng ở trong tâm Bồ đề vô sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; tâm Bồ đề ở trong tâm hồi hướng vô sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Đại Bồ Tát tuy quán các pháp, nhưng đối với các pháp hoàn toàn không có sở kiến, vô năng thủ thì này Kiều Thi Ca, đó là Bồ Tát Bát nhã Ba la mật.

Thiên Đế Thích hỏi Thiện Hiện: Bạch Đại đức! Thế nào là tâm hồi hướng của đại Bồ Tát chẳng cùng với tâm Bồ đề hòa hiệp? Thế nào là tâm Bồ đề chẳng cùng tâm hồi hướng hòa hiệp? Thế nào là tâm hồi hướng ở trong tâm Bồ đề vô sở hữu, chẳng thể nắm bắt được? Thế nào là tâm Bồ đề ở trong tâm hồi hướng, vô sở hữu, chẳng thể nắm bắt?

Thiện Hiện trả lời: Kiều Thi Ca! **Tâm hồi hướng của đại Bồ Tát là phi tâm, tâm Bồ đề cũng phi tâm**; nếu là phi tâm thì bất khả tư nghì, chẳng lẽ phi tâm lại hồi hướng phi tâm, cũng chẳng lẽ phi tâm lại hồi hướng bất khả tư nghì! Chẳng lẽ bất khả tư nghì lại hồi hướng bất khả tư nghì! Cũng chẳng lẽ bất khả tư nghì lại hồi hướng phi tâm! Vì

sao? Vì phi tâm tức là bất khả tư nghì, bất khả tư nghì tức là phi tâm. Như vậy, 2 thứ đều vô sở hữu, trong vô sở hữu, không có hồi hướng".

Đó là chỗ tột cùng của hồi hướng. Như vậy, hồi hướng có ý nghĩa chân chánh là tâm hồi hướng và tâm giác ngộ phải là tâm không (phi tâm). Tâm không là rỗng không, vô sở hữu, bất khả đắc, không năng không sở, không chủ khách, không phân biệt. Hay nói khác là hồi hướng mà không thấy có người hồi hướng, không có pháp để hồi hướng, không có chỗ (đối tượng) hồi hướng. Đó là hồi hướng thanh tịnh, nên gọi là hồi hướng chân chánh. Đây gọi là hồi hướng vô thượng chẳng gì hơn!

***4-** Nếu thiện nam, thiện nữ đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại mà chẳng thủ-chẳng xả, chẳng nhớ-chẳng phải chẳng nhớ, chẳng được-chẳng phải chẳng được. Trong các pháp đó cũng chẳng có pháp sanh-diệt, cấu-tịnh, tăng-giảm, lai-khứ, hiệp-tán, nhập-xuất và cũng không dùng nhị pháp... cùng chúng sanh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Đây là sự tùy hỷ đệ nhất hơn hết, vi diệu vô thượng, không gì bằng* "nhưng phải quan niệm rằng tùy hỷ đồng đẳng với giải thoát; hồi hướng chư Phật cũng đồng đẳng với giải thoát". *Đem những thiện căn nầy tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Bồ Tát tùy hỷ công đức như thế thời mau được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.*

Phải nói đây là một phẩm khó, khó không phải do giáo lý mà khó là do lối diễn tả của Kinh. Các đoạn Kinh viết quá dài với nhiều ý kết hợp với nhau, lại dùng từ Hán Việt hơi nhiều nên khó hiểu. Lược giải đại cương như trên cũng tạm đủ./.

---o0o---

32. PHẨM "KHEN BÁT NHÃ".

Phần sau Q.172 cho đến đầu Q.181, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Chiếu Minh", Q.13, Kinh MHBNBLMĐ)

Gợi ý:

Thật ra phải đặt tên cho phẩm này là "Chiếu Minh" như Kinh MHBNBLMĐ đã làm. Nếu đặt tên cho phẩm này là "Khen Bát Nhã" thì phẩm này không làm tròn nhiệm vụ của nó. Vì sao? Vì khen tặng là người ta "gán cho mình". Đó là vay mượn (từ ngoài vào), không phải phát chiếu (từ trong ra) như viên ngọc Ma ly tự nó phát quang (không phải nhận ánh sáng từ ngoài và phản chiếu lại mà chính nó có khả năng phát chiếu), nên Kinh MHBNBLMĐ mới đặt tên phẩm này là chiếu minh.

Tóm lược:

1.

- Bạch Thế Tôn! Vì Bát Nhã như thế không bị nhiễm trước, nên các pháp trong thế gian chẳng thể làm ô uế được. **Bát Nhã như thế, xa lìa tất cả mê mờ trong ba cõi, có khả năng dứt trừ những tối tăm của phiền não. Bát Nhã như thế rất là cao cả, vì ở trong tất cả các loại pháp thuộc về giác ngộ, nó rất tôn quí hơn hết.** Bát Nhã như thế có khả năng làm cho an ổn, vĩnh viễn dứt trừ tất cả sự khiếp sợ, bức não, tai họa bất ngờ. Bát nhã Ba la mật như thế có khả năng phát ánh sáng nhiếp thọ các hữu tình, khiến chứng đắc năm loại mắt. Bát nhã Ba la mật như thế có khả năng chỉ bày trung đạo, khiến kẻ lạc đường lìa khỏi nhị biên. Bát nhã Ba la mật như thế có khả năng phát sanh Nhất thiết trí trí, vĩnh viễn đoạn trừ tất cả các phiền não tập khí tương tục. Bát nhã Ba la mật như thế là mẹ của các đại Bồ Tát, tất cả Phật pháp từ đấy xuất sanh.

Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế bất sanh, bất diệt, tự tánh không. Bát Nhã như thế xa lìa sanh tử, chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Bát Nhã như thế có khả năng làm chỗ nương tựa, bố thí các pháp bảo. Bát nhã như thế có khả năng thành tựu Phật mười lực, chẳng bị khuất phục. Bát nhã Ba la mật như thế có khả năng chuyển pháp luân vô thượng gồm ba lần chuyển mười hai hành tướng*(1)*, đạt tất cả pháp, không chuyển trở lại. Bát

nhã Ba la mật như thế có khả năng chỉ rõ tánh không điên đảo của các pháp, hiển bày pháp không không tánh tự tánh.

Bạch Thế Tôn!

- Bồ Tát thừa, hoặc Độc giác thừa, hoặc Thanh văn thừa, các loại hữu tình đối với Bát nhã Ba la mật, nên **trụ như thế nào**?

Phật dạy:

- Này Xá Lợi Tử! Các hữu tình ấy đối với Bát Nhã này **nên như Phật trụ**, cúng dường lễ kính, tư duy Bát Nhã, như cúng dường lễ kính Phật. Vì sao? **Vì Bát nhã Ba la mật chẳng khác Phật; Phật chẳng khác Bát nhã Ba la mật; Bát nhã Ba la mật tức là Phật, Phật tức là Bát nhã Ba la mật.** Vì sao? Xá Lợi Tử! Vì tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều do Bát Nhã mà được xuất hiện. Này Xá Lợi Tử! Vì tất cả đại Bồ Tát, Độc giác, A la hán, Bất hoàn, Nhất lai, Dự lưu v.v... đều do Bát Nhã mà được xuất sanh. Này Xá Lợi Tử! Vì tất cả mười thiện nghiệp đạo, bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, năm phép thần thông ở thế gian, đều do Bát Nhã mà được xuất sanh. Này Xá Lợi Tử! Vì tất cả bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, đều do Bát nhã Ba la mật được xuất sanh. Vì tất cả pháp không nội đến pháp Vô tánh tự tính không đều do Bát nhã Ba la mật mà được xuất sanh. Vì tất cả chơn như, pháp giới, pháp tánh, định pháp, trụ pháp, thật tế… đều do Bát Nhã mà được xuất sanh. Vì tất cả bốn Thánh đế, bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, mười hai duyên khởi, ba mươi bảy pháp trợ đạo, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao **đều do Bát Nhã mà được xuất sanh**.

Khi ấy, trời Đế Thích bỗng nghĩ: “Nay Xá Lợi Tử do nhân duyên gì mà hỏi việc này”?

Khi ấy, Xá Lợi Tử biết tâm niệm ấy liền bảo:

- Này Kiều Thi Ca! Vì các đại Bồ Tát được Bát Nhã và các phương tiện thiện xảo nhiếp thọ, nên có khả năng đối với tất cả thiện căn công đức của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, vị lai, hiện tại trong 10 phương thế giới, ở khoảng giữa từ sơ phát tâm đến khi chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, chuyển pháp luân nhiệm mầu cho đến pháp diệt; hoặc thiện căn công đức của chư Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát và các loại hữu tình khác nhóm tụ cân nhắc suy lường, khởi sự tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao; do duyên cớ này nên mới hỏi như vậy.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Các đại Bồ Tát học Bát Nhã vượt hơn học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự gấp vô lượng lần. Thí như trăm ngàn kẻ mù bẩm sanh, không có người sáng mắt khéo dẫn đường, thì chẳng có thể đến gần đường chính, huống là có thể đi xa để đến thành lớn phong phú an lạc; bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự Ba la mật cũng như vậy như các kẻ mù bẩm sinh, nếu không có Bát nhã Ba la mật là người sáng mắt dẫn đường, thì còn chẳng thể hướng đến Bồ Tát chánh đạo, huống chi có thể vào được thành Nhất thiết trí.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự Ba la mật như thế, vì do Bát nhã Ba la mật này nhiếp thọ, nên gọi là kẻ có mắt; lại vì do Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ nên bố thí, tịnh giới v.v... tất cả đều có tên là đến được bờ kia(đáo bỉ ngạn). *(Q.172, ĐBN)*

Khi ấy, trời Đế Thích liền bạch cụ thọ Xá Lợi Tử:

- Như Đại đức đã nói bố thí, tịnh giới v.v... cả năm Ba la mật, cốt yếu là do Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ, mới được gọi là đáo bỉ ngạn, thì đâu có thể nói: Do bố thí Ba la mật nhiếp thọ mà năm Ba la mật kia có tên là đáo bỉ ngạn; do tịnh giới Ba la mật nhiếp thọ mà năm Ba la mật kia có tên là đáo bỉ ngạn; do an nhẫn Ba la mật nhiếp thọ, nên năm Ba la mật kia có tên là đáo bỉ ngạn v.v…. Phải chăng có nhân duyên nào khác mới ngợi khen Bát Nhã vượt qua năm Ba la mật khác?

Xá Lợi Tử đáp:

- Chẳng phải vậy! Chẳng phải vậy! Vì sao? Này Kiều Thi Ca! Vì chẳng phải do bố thí Ba la mật nhiếp thọ, mà năm cái khác được tên là đáo bỉ ngạn; vì chẳng phải do tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn Ba la mật v.v… nhiếp thọ, mà năm cái khác có tên là đáo bỉ ngạn. Vì sao? **Vì các đại Bồ Tát cốt yếu là trụ Bát nhã Ba la mật mới có khả năng viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự Ba la mật**; chẳng phải trụ năm cái khác mà có thể thành tựu việc ấy. Vì vậy nên Bát nhã Ba la mật đối với năm thứ trước là tối thắng, là tôn quí, là cao siêu, là vi diệu, cao cả, không gì hơn.

2.

Lúc bấy giờ, Xá Lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát nên **dẫn phát**(*2*)**Bát nhã Ba la mật như thế nào?**

Phật dạy:

- Này Xá Lợi Tử! **Đại Bồ Tát chẳng dẫn phát***(dẫn dắt, hướng dẫn)* **sắc nên dẫn phát Bát nhã Ba la mật; chẳng dẫn phát thọ, tưởng, hành, thức nên có thể dẫn phát Bát nhã Ba la mật.**

Bạch Thế Tôn! Vì sao đại Bồ Tát chẳng dẫn phát sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vậy nên dẫn phát Bát nhã Ba la mật?

Này Xá Lợi Tử! **Vì sắc không làm, không nghỉ, không sanh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh** nên đại Bồ Tát chẳng dẫn phát sắc, vậy nên dẫn phát Bát nhã Ba la mật; vì thọ, tưởng, hành, thức không làm, không nghỉ, không sanh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên đại Bồ Tát chẳng dẫn phát thọ, tưởng, hành, thức, vậy nên dẫn phát Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá Lợi Tử! Đại Bồ Tát chẳng dẫn phát mười hai xứ, mười tám giới, tứ thiền, tứ vô lương, tứ định vô sắc cho đến quả vị Giác ngộ tối cao, và cũng chẳng dẫn phát tất cả pháp, vậy nên dẫn phát Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Vì sao đại Bồ Tát chẳng dẫn phát mười hai xứ, mười tám giới giới v.v… vậy nên dẫn phát Bát nhã Ba la mật; chẳng dẫn phát tất cả pháp vậy nên dẫn phát Bát nhã Ba la mật?

Này Xá Lợi Tử! Vì mười hai xứ, mười tám giới v.v… không làm, không nghỉ, không sanh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh nên đại Bồ Tát chẳng dùng mười hai xứ, mười tám giới giới v.v… để hướng dẫn; vì tất cả pháp cũng không làm, không nghỉ, không sanh, không diệt v.v… nên đại Bồ Tát chẳng dùng tất cả pháp để dẫn dắt, mà phải dùng Bát nhã để dẫn dắt. Khi ấy, Xá Lợi Tử lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát dẫn phát Bát nhã Ba la mật như thế cùng hiệp với pháp nào?

Phật dạy: Này Xá Lợi Tử! Đại Bồ Tát dẫn phát Bát nhã Ba la mật như thế chẳng hiệp với tất cả pháp. Vì chẳng hiệp nên được gọi là Bát nhã Ba la mật.

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế không cùng hiệp với tất cả những pháp nào?

Phật bảo:

- Này Xá Lợi Tử! Bát nhã Ba la mật như thế, chẳng cùng hiệp với pháp thiện, chẳng cùng hiệp với pháp phi thiện, chẳng cùng hiệp với pháp hữu tội, chẳng cùng hiệp với pháp vô tội, chẳng cùng hiệp với pháp hữu lậu, chẳng cùng hiệp với pháp vô lậu, chẳng cùng hiệp với pháp hữu vi, chẳng cùng hiệp với pháp vô vi, chẳng cùng hiệp với pháp tạp nhiễm, chẳng cùng hiệp với pháp thanh tịnh, chẳng cùng hiệp với pháp nhiễm ô, chẳng cùng hiệp với pháp bất nhiễm ô, chẳng cùng hiệp với pháp thế gian, chẳng cùng hiệp với pháp xuất thế gian, chẳng cùng hiệp với pháp sanh tử, chẳng cùng hiệp với pháp Niết bàn. Vì sao? Xá Lợi Tử! Vì Bát nhã Ba la mật như thế, đối với tất cả pháp, không có sở đắc. *(Q.173, ĐBN)*

Lúc bấy giờ, trời Đế Thích bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn!**Bát nhã Ba la mật như thế cũng chẳng hiệp với Nhất thiết trí trí chăng?**

Phật dạy:

- Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba la mật này **cũng chẳng hiệp với Nhất thiết trí trí. Vì không phải do cái này mà có cái kia, tất cả đều bất khả đắc.**

Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba la mật đối Nhất thiết trí trí không hiệp cũng không đắc?

Kiều Thi Ca! Chẳng phải Bát nhã Ba la mật đối Nhất thiết trí trí như danh, như tướng, như sở tác kia có hiệp có đắc.

Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát Nhã đối với **Nhất thiết trí trí** chẳng hiệp chẳng đắc?

Này Kiều Thi Ca! **Bát nhã Ba la mật đối với Nhất thiết trí trí không thọ, không thủ, không trụ, không đoạn, không chấp, không xả, đúng như danh, như tướng v.v... hiệp đắc như vậy mà không hiệp đắc. Bát nhã Ba la mật như thế, đối với tất cả pháp cũng không thọ, không thủ, không trụ, không đoạn, không chấp, không xả, đúng như danh, như tướng v.v… hiệp đắc như thế mà không hiệp đắc.**

Khi ấy, trời Đế Thích lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thật hiếm có! Bát nhã Ba la mật như thế, vì tất cả pháp không làm, không nghỉ, không sanh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh mà hiện tại tiền, tuy có hiệp có đắc nhưng không hiệp không đắc.

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, khởi tưởng thế này: Bát Nhã cùng hiệp với tất cả pháp hoặc Bát Nhã chẳng cùng hiệp với tất cả pháp thì đại Bồ Tát ấy xa lìa Bát nhã Ba la mật.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Lại cũng có nhân duyên khác khiến các đại Bồ Tát xa lìa Bát nhã Ba la mật, đó là khi đại Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật, khởi tưởng thế này: Bát nhã Ba la mật như thế không có sở hữu, chẳng phải chơn thật, chẳng kiên cố, chẳng tự tại, vì vậy, cho nên đại Bồ Tát ấy xa lìa Bát nhã Ba la mật.

3.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu vậy đại Bồ Tát khi tin Bát nhã Ba la mật thì chẳng tin pháp nào?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát **tin Bát nhã Ba la mật thì chẳng tin sắc; chẳng tin thọ, tưởng, hành, thức.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao đại Bồ Tát khi tin Bát nhã Ba la mật thì chẳng tin sắc, chẳng tin thọ, tưởng, hành, thức?

Phật đáp:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật, **quán sắc bất khả đắc; quán thọ, tưởng, hành, thức bất khả đắc**. Vì vậy nên đại Bồ Tát khi tin Bát nhã Ba la mật thì chẳng tin sắc; chẳng tin thọ, tưởng, hành, thức.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát tin Bát Nhã thì chẳng tin mười hai xứ, mười tám giới, chẳng tin bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, bốn Thánh đế, mười hai duyên, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Bạch Thế Tôn! Vì sao đại Bồ Tát khi tin Bát nhã Ba la mật thì chẳng tin tất cả pháp như đã nói?

Này Thiện Hiện! **Đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật, quán năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới bất khả đắc, quán tất cả pháp**

cũng bất khả đắc. Vì vậy, nên đại Bồ Tát khi tin Bát nhã Ba la mật thì chẳng tin mười hai xứ, mười tám giới cho đến tất cả pháp.

Bạch Thế Tôn! Vì sao đại Bồ Tát khi tin Bát nhã Ba la mật thì chẳng tin tất cả pháp?

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, quán tất cả pháp bất khả đắc. Vì vậy nên **đại Bồ Tát khi tin Bát nhã Ba la mật thì chẳng tin tất cả pháp**.

4.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn**! Bát nhã Ba la mật của đại Bồ Tát đáng được gọi là đại Ba la mật.**

Phật hỏi:

- Này Thiện Hiện! Ông dựa vào ý gì mà nói Bát nhã Ba la mật của đại Bồ Tát là đại Ba la mật?

Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật của đại Bồ Tát đối với sắc **chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ**; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; đối với sắc chẳng làm cho **nhóm tụ**, chẳng làm cho **phân tán**; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; đối với sắc chẳng làm cho **có hạn lượng**, chẳng làm cho **không có hạn lượng**; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; đối với sắc chẳng làm **cho rộng**, chẳng làm **cho hẹp**; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; đối với sắc chẳng làm cho **có lực**, chẳng làm cho **không có lực**; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng làm cho có lực, chẳng làm cho không có lực.

Bạch Thế Tôn! Con dựa vào ý này nên nói Bát nhã Ba la mật của đại Bồ Tát là đại Ba la mật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! **Bát nhã Ba la mật của đại Bồ Tát, đối với 12 xứ, 18 giới cho đến tất cả pháp Phật chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; chẳng làm cho**

rộng, chẳng làm cho hẹp; chẳng làm cho có lực hay chẳng làm cho không có lực. *(Q.174, ĐBN)*

Bạch Thế Tôn! Con dựa vào ý này nên nói Bát nhã Ba la mật của đại Bồ Tát là đại Ba la mật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát tân học Đại thừa, **nương vào hay chẳng nương vào** Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật, mà khởi tưởng thế này: Bát nhã Ba la mật như thế, đối với sắc **làm cho lớn hay chẳng làm cho lớn**, làm cho nhỏ hay chẳng làm cho nhỏ; đối với thọ, tưởng, hành, thức làm cho lớn hay chẳng làm cho lớn, làm cho nhỏ hay chẳng làm cho nhỏ, làm cho phân tán hay chẳng làm cho phân tán v.v... thì bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy, do khởi tưởng này nên chẳng phải tu hành Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát tân học Đại thừa, **nương vào hay chẳng nương vào Bát Nhã**, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật mà khởi tưởng thế này: Bát nhã Ba la mật như thế, đối với mười hai xứ, mười tám giới cho đến tất cả pháp làm cho lớn hay chẳng làm cho lớn, làm cho nhỏ hay chẳng làm cho nhỏ, làm cho phân tán hay chẳng làm cho phân tán v.v... thì bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy, do khởi tưởng này nên chẳng phải tu hành Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát tân học Đại thừa, nương vào hay chẳng nương vào Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật mà khởi tưởng thế này: Bát nhã Ba la mật như thế, đối với tất cả pháp làm cho lớn hay chẳng làm cho lớn, làm cho nhỏ hay chẳng làm cho nhỏ, làm cho phân tán hay chẳng làm cho phân tán v.v…, thì bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy, do khởi tưởng này nên chẳng phải tu hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì tất cả như thế đều chẳng phải là quả Đẳng lưu của Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát khởi tưởng thế này: Bát nhã Ba la mật như thế, đối với tất cả pháp hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với tất cả pháp hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán, v.v... thì bạch Thế Tôn! Tất cả như thế đều chẳng phải quả Đẳng lưu của Bát nhã Ba la mật.*(Q.178, ĐBN)*

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát **khởi tưởng** thế này: Bát Nhã như thế, đối với tất cả các pháp hoặc làm cho lớn cho nhỏ, chẳng làm cho lớn cho nhỏ; đối với tất cả pháp hoặc làm cho nhóm tụ cho phân tán,

chẳng làm cho nhóm tụ cho phân tán v.v… thì bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy gọi là **có sở đắc lớn,** chẳng phải tu hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao? **Vì chẳng phải tưởng có sở đắc mới có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao**. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì hữu tình vô sanh nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh; vì hữu tình vô diệt nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô diệt; vì hữu tình vô tự tánh nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô tự tánh; vì hữu tình vô sở hữu nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô sở hữu; vì hữu tình là không nên biết Bát nhã Ba la mật cũng không; vì hữu tình vô tướng nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô tướng; vì hữu tình vô nguyện nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô nguyện; vì hữu tình viễn ly nên biết Bát nhã Ba la mật cũng viễn ly; vì hữu tình tịch tịnh nên biết Bát nhã Ba la mật cũng tịch tịnh; vì hữu tình bất khả đắc nên biết Bát nhã Ba la mật cũng bất khả đắc; vì hữu tình bất khả tư nghì nên biết Bát nhã Ba la mật cũng bất khả tư nghì; vì hữu tình vô tri giác nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô tri giác; vì thế lực của hữu tình chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát nhã Ba la mật cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát nhã Ba la mật của đại Bồ Tát là đại Ba la mật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì sắc **vô sanh** nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh; thọ, tưởng, hành, thức vô sanh nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh; vì sắc **vô diệt** nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô diệt v.v...; vì thọ, tưởng, hành, thức vô sanh nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh; vì biết thọ tưởng hành thức vô diệt nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô diệt v.v... Mười hai xứ, mười tám giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, tứ Thánh đế, thập nhị nhân duyên, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao vô sanh, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh; vì biết tất cả pháp từ mười hai xứ, mười tám giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc... cho đến quả vị Giác ngộ tối cao vô diệt, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô diệt v.v...

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát nhã Ba la mật của đại Bồ Tát là đại Ba la mật.

Nói tóm lại, bạch Thế Tôn! Vì tất cả pháp vô sanh nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh; vì tất cả pháp vô diệt nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô diệt; vì tất cả pháp vô tự tánh nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô tự

tánh v.v... cho đến vì thế lực của tất cả pháp chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát nhã Ba la mật cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát nhã Ba la mật của đại Bồ Tát là đại Ba la mật.

Thích nghĩa:

(1). Ba lần chuyển 12 hành pháp luân (tam chuyển thập nhị hành tướng, 三轉十二行相*, Phạm: Trì-parivarta-dvàdazàkàradharma-cakra-pravartana): Xin xem lại thích nghĩa ở đoạn sáu của phẩm "So Lường Công Đức".*

(2). Dẫn phát: Dẫn dắt, hướng dẫn. Thí dụ: Chẳng lấy sắc hay thọ tưởng hành thức dẫn phát nghĩa là không nên lấy sắc để dẫn dắt hay hướng dẫn mình hoặc kẻ khác, vì sắc là những pháp vô thường, sanh diệt đổi dời, không thường trụ giống như bèo bọc, sương khói… duyên hợp thì có, duyên tán thì hoại diệt, làm sao có thể hướng dẫn được ai?

Sơ giải:

1. Bát Nhã là chiếu minh:

Bát Nhã là một trong sáu pháp Ba la mật, nhưng Bát Nhã là Ba la mật đứng đầu, là chỉ đạo. Thiếu Bát Nhã, tức thiếu bộ phận mẹ, các Ba la mật khác không thể hoạt động được. Bát Nhã là địa bàn đối với người vượt biển, là thuyền trưởng trên đại dương bao la. Có bố thí, có trì giới, nhẫn nhục, thiền định nhưng thiếu Bát Nhã, các Ba la mật khác giống như một con thuyền không người lái lưu lạc trên biển cả mênh mông và sẽ không bao giờ đến được bến bờ mong muốn! Vì vậy, Bát Nhã được ví như thuyền trưởng hay như người sáng mắt trong vô số người mù bẩm sanh. Bát Nhã cũng được ví như đất mà mọi sinh vật có thể sinh sống và nương tựa, thiếu đất là thiếu mầm sống, là thiếu tất cả!

Cũng vậy, Tứ niệm xứ đến 18 pháp bất cộng, các tam muội cho đến Nhất thiết chủng trí đều nương Bát nhã Ba la mật xuất sanh. Các Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát, Phật và các pháp của Thanh văn cho đến tất cả pháp của chư Phật cũng đều nương Bát nhã Ba la mật mà tăng trưởng. Năm Ba la mật nương Bát nhã Ba la mật mà trưởng thành. Thế nên Bát

nhã Ba la mật là chỉ đạo của năm Ba la mật và tất cả các pháp thế gian, xuất thế gian.

Phẩm "Khen Bát Nhã" Q.172, Hội thứ I, *nói trên do nhóm của Ngài Huyền Trang dịch:*

"Các Bồ Tát Ma ha tát sở học Bát nhã Ba la mật vượt hơn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự vô số lượng. Thí như bọn người mù bẩm sinh, có cả trăm ngàn mà không có một kẻ sáng mắt dắt dẫn đi, cố nhiên chẳng thể gần tới đường chính, huống đi xa thấu đại thành phong phú lợi vui. Bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự như thế là bọn người mù, nếu không có Bát nhã Ba la mật là kẻ sáng suốt dẫn đường, chẳng thể đạt Bồ Tát Chánh đạo, huống là năng vào được đại thành Nhất thiết trí.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự như thế là do Bát nhã Ba la mật đây nhiếp thọ, nên bố thí, trì giới v.v… tất cả đều được "đến bờ kia".

(…)Vì chẳng phải do bố thí Ba la mật nhiếp thọ, mà năm cái khác được gọi là đáo bỉ ngạn; vì chẳng phải do tịnh giới Ba la mật nhiếp thọ, mà năm cái khác được tên là đáo bỉ ngạn; vì chẳng phải do an nhẫn Ba la mật nhiếp thọ v.v…mà năm cái khác được tên là đáo bỉ ngạn, **chính do Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ, nên năm cái khác được coi là đáo bỉ ngạn**. Vì sao? Vì các Bồ Tát cốt yếu là trụ Bát nhã Ba la mật mới có khả năng viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự Ba la mật; chẳng phải trụ năm cái khác có thể thành tựu việc ấy. Vì vậy, nên Bát nhã Ba la mật đối với 5 thứ trước là tối thắng, là tối tôn, là vi diệu, cao cả, không gì hơn".

Phẩm "Chiếu Minh", quyển thứ 13, MHBNBLMĐ cũng nói thêm rằng:

"Bát Nhã là đuốc tuệ của tất cả pháp, Bát Nhã phá trừ mọi vô minh tăm tối, Bát Nhã là Nhất thiết chủng trí, Bát Nhã là mẹ của chư Bồ Tát vì hay xuất sanh Phật pháp, Bát Nhã là nơi an ổn, là nơi nương tựa của muôn loài. Vậy, phải lễ bái, cúng dường Bát nhã Ba la mật như lễ bái, cúng dường Phật. Vì Phật chẳng khác Bát nhã Ba la mật và Bát nhã Ba la mật tức là Phật. Phật tức là Bát nhã Ba la mật và Bát nhã Ba la mật tức là Phật. Bát nhã Ba la mật nầy xuất sanh chư Phật, chư Bồ Tát, Bích Chi Phật, A

La Hán, A Na Hàm, Tư Đà Hàm, Tu Đà Hoàn. Bát nhã Ba la mật nầy xuất sanh mười thiện đạo, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ niệm xứ đến bát thánh đạo. Bát nhã Ba la mật nầy xuất sanh thập lực, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, Nhất thiết chủng trí…"

Bát nhã Ba la mật giống như mặt trời, trung tâm của thái dương hệ. Tất cả uẩn, xứ, giới và các pháp, giống như những hành tinh bay trên những quỷ đạo xoay quanh mặt trời. Nhờ mặt trời mà các hành tinh nhận được ánh sáng và nhờ có ánh sáng mà có sự sống. Bát nhã Ba la mật cũng vậy, Bát nhã Ba la mật chiếu soi tất cả pháp và nhờ có Bát nhã Ba la mật mà các pháp xuất sanh và tăng trưởng. Vì vậy, nên Bát Nhã được xem là chiếu minh!

Bao nhiêu lời tán tụng như trên cũng đủ nói lên tánh cách thượng tôn của Bát nhã Ba la mật. Càng học càng thấy cái vi diệu nhiệm mầu của Bát nhã Ba la mật mà bút lông vẽ không nổi, bút thép tả cũng không xong!

2. Bát Nhã với những đặc thù của nó:

1- Phẩm "Phẩm Khen Bát Nhã" Q.173, Hội thứ I, ĐBN. *Phật bảo:*

"Này Xá Lợi Tử! Bát nhã Ba la mật như thế, chẳng cùng hiệp với pháp thiện, chẳng cùng hiệp với pháp phi thiện, chẳng cùng hiệp với pháp hữu tội, chẳng cùng hiệp với pháp vô tội, chẳng cùng hiệp với pháp hữu lậu, chẳng cùng hiệp với pháp vô lậu, chẳng cùng hiệp với pháp hữu vi, chẳng cùng hiệp với pháp vô vi, chẳng cùng hiệp với pháp tạp nhiễm, chẳng cùng hiệp với pháp thanh tịnh, chẳng cùng hiệp với pháp nhiễm ô, chẳng cùng hiệp với pháp bất nhiễm ô, chẳng cùng hiệp với pháp thế gian, chẳng cùng hiệp với pháp xuất thế gian, chẳng cùng hiệp với pháp sanh tử, chẳng cùng hiệp với pháp Niết bàn. Vì sao? Xá Lợi Tử! Vì **Bát nhã Ba la mật như thế, đối với tất cả pháp, không có sở đắc**. *(Q. 173, ĐBN)*

Thiện hay phi thiện, hữu tội hay vô tội, hữu lậu hay vô lậu... là nhị pháp. Bát Nhã là pháp môn bất nhị. Nên nói Bát nhã Ba la mật chẳng hiệp hai bên, chẳng theo hai tướng. Bát nhã Ba la mật vẫn hiện hữu giữa lòng căn tánh của tất cả vạn hữu, không nắm không bỏ, không thủ không xả, không hiệp không tán, không trói không mở... không

theo hai bên, không có hai tướng. Vì Bát nhã Ba la mật là vô sở đắc, nên mới có thể siêu vượt lên tất cả. Đó là tánh cách vô sở hữu, bất khả đắc của Bát nhã Ba la mật.

2- *Vì vậy,* ***đoạn Kinh kế tiếp*** *Phật bảo:*

"Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba la mật đối với Nhất thiết trí trí không thọ, không thủ, không trụ, không đoạn, không chấp, không xả, đúng như danh, như tướng v.v... hiệp đắc như vậy mà không hiệp đắc. Bát nhã Ba la mật như thế, đối với tất cả pháp cũng không thọ, không thủ, không trụ, không đoạn, không chấp, không xả, đúng như danh, như tướng v.v… hiệp đắc như thế mà không hiệp đắc.

Khi ấy, trời Đế Thích lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thật hiếm có! Bát nhã Ba la mật như thế, vì tất cả pháp không làm, không nghỉ, không sanh, không diệt, không thành, không hoại, không được, không bỏ, không có tự tánh mà hiện tại tiền, tuy có hiệp có đắc nhưng không hiệp không đắc".

Nói như vậy, Bát Nhã có nghĩa là thụ động hay tiêu cực chăng? Cụ thọ Thiện Hiện liền bạch Phật:

- "Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật, khởi tưởng thế này: Bát nhã Ba la mật **cùng hiệp** với tất cả pháp hoặc Bát nhã Ba la mật **chẳng cùng hiệp** với tất cả pháp thì đại Bồ Tát ấy xa lìa Bát nhã Ba la mật".

Hiệp là thường, chẳng hiệp là đoạn. Pháp thường pháp đoạn là pháp sanh diệt. Đã sanh diệt liền rơi vào đối đãi. Đối đãi là nhị pháp, tu hành như vậy là xa lìa Bát nhã Ba la mật.

Bát nhã Ba la mật không nương tựa các pháp khác mà Bát nhã Ba la mật cũng không muốn các pháp nương tựa nó, không người nương, không chỗ nương. Nên nói tuy (thấy) có hiệp có đắc mà (thật sự) chẳng hiệp chẳng đắc. Đấy là tánh cách vô tri của Bát Nhã. Chủ đích của Bát Nhã muốn hành giả Bát Nhã tự mình làm chủ, không nương tựa vào bất cứ pháp nào dù là các pháp mang nhiều công đức nhất.

3- "Này Thiện Hiện! **Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, quán năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới bất khả đắc, quán tất cả**

pháp cũng bất khả đắc. Vì vậy, nên đại Bồ Tát khi tin Bát nhã Ba la mật thì chẳng tin mười hai xứ, mười tám giới cho đến tất cả pháp.

Bạch Thế Tôn! Vì sao đại Bồ Tát khi tin Bát nhã Ba la mật thì chẳng tin tất cả pháp?

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, quán tất cả pháp bất khả đắc. Vì vậy nên đại Bồ Tát khi tin Bát nhã Ba la mật thì chẳng tin tất cả pháp".

Nếu không tin các pháp Phật thì làm sao trở thành Vô thượng Bồ đề? Có mong cầu, chấp đắm thì không còn tự chủ trong tư duy hay hành động. Bát Nhã tự phát khởi khả năng hoạt dụng của nó khi thâm nhập được chính nó chớ không phải do mong cầu nắm bắt từ bên ngoài. Vì vậy, nên nói tin Bát Nhã thì không nên tin các pháp khác.

Nói Bát Nhã bất khả đắc, bất khả thủ, bất khả chấp không ngoài gây tự tin cho những ai thọ trì. Hành giả Bát Nhã khi hiểu ra như vậy thì phải xem Bát Nhã như đuốt tuệ, để rồi tự mình lặn sâu vào trí năng của chính mình, bằng ý chí nghị lực tự mình vươn lên trong ánh sáng giác ngộ. Đó là Bát nhã Ba la mật tự biểu lộ tánh cách tích cực nó.

4- Bát Nhã là vô tri. Phẩm "Chiếu Minh" Q.174 đến Q.178, Hội thứ I, ĐBN: *Kiều Thi Ca bạch Phật:*

"Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật của đại Bồ Tát, đối với mười hai xứ, mười tám giới cho đến tất cả pháp Phật **chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ**; chẳng làm cho nhóm tụ, chẳng làm cho phân tán; chẳng làm cho có hạn lượng, chẳng làm cho không có hạn lượng; chẳng làm cho rộng, chẳng làm cho hẹp; chẳng làm cho có lực hay chẳng làm cho không có lực".

Bát nhã Ba la mật đối với tất cả pháp chẳng làm cho lớn chẳng làm cho nhỏ hoặc chẳng làm cho nhóm tụ chẳng làm cho phân tán v.v... Bát Nhã là bình đẳng. Nếu đại Bồ Tát nào khởi tưởng "Bát Nhã làm cho lớn làm cho nhỏ, làm cho nhóm tụ làm cho phân tán" là chẳng phải tu hành Bát nhã Ba la mật, vì có sở đắc lớn. Có sở đắc thì không thể tu Bát Nhã được. "Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì hữu tình **vô sanh** nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh; vì hữu tình **vô diệt** nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô diệt; vì hữu tình vô tự tánh nên biết Bát nhã Ba la mật cũng **vô tự tánh**; vì hữu tình vô sở hữu nên biết Bát nhã

Ba la mật cũng **vô sở hữu**; vì hữu tình là không nên biết Bát nhã Ba la mật cũng **không**; vì hữu tình vô tướng nên biết Bát nhã Ba la mật cũng **vô tướng**; vì hữu tình vô nguyện nên biết Bát nhã Ba la mật cũng **vô nguyện**; vì hữu tình viễn ly nên biết Bát nhã Ba la mật cũng **viễn ly**; vì hữu tình tịch tịnh nên biết Bát nhã Ba la mật cũng **tịch tịnh**; vì hữu tình bất khả đắc nên biết Bát nhã Ba la mật cũng **bất khả đắc**; vì hữu tình bất khả tư nghì nên biết Bát nhã Ba la mật cũng **bất khả tư nghì**; vì hữu tình vô tri giác nên biết Bát nhã Ba la mật cũng **vô tri giác**; vì thế lực của hữu tình chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát nhã Ba la mật cũng **chẳng thành tựu**".

"Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì sắc vô sanh nên biết Bát nhã Ba la mật cũng **vô sanh**; thọ, tưởng, hành, thức vô sanh nên biết Bát nhã Ba la mật cũng **vô sanh**; vì sắc vô diệt nên biết Bát nhã Ba la mật cũng **vô diệt** v.v...; vì thọ, tưởng, hành, thức vô sanh nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh; vì biết thọ tưởng hành thức vô diệt nên biết Bát nhã Ba la mật cũng **vô diệt** v.v..."

Bát Nhã không trực tiếp đem lại một kết quả thực tiễn nào cả*. Bát Nhã là vô tri, vô tác. Bát Nhã chỉ hoạt dụng qua phương tiện thiện xảo mà thôi. Đây chỉ là hệ quả của tất cả các tánh đặc thù kể trên. Nghĩa là khi hiểu được tất cả đặc tánh vi diệu như vậy* ***để tự mình tiến tu*** *thì có thể tìm được bè lớn mà sang sông, nên nói "Bát nhã Ba la mật của đại Bồ Tát là đại Ba la mật"./.*

---o0o---

33. "HỦY BÁNG BÁT NHÃ" hay PHẨM "CHÊ BÁT NHÃ"

Cuối quyển 181, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Tín Hủy" đầu quyển thứ 13, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

(1. Thấy Bát Nhã tức thấy Phật)

Lúc bấy giờ, cụ thọ Xá Lợi Tử bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát đối với Bát nhã Ba la mật thậm thâm này có khả năng tin hiểu thì vị ấy đã xả thân ở cõi nào mà sanh vào cõi này? Đại Bồ Tát ấy phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao đã trải qua bao lâu? Đại Bồ Tát ấy đã từng thân cận cúng dường bao nhiêu đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác? Đại Bồ Tát ấy tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật đã trải qua bao nhiêu kiếp? Đại Bồ Tát ấy tin hiểu nghĩa của Bát nhã Ba la mật thậm thâm ấy như thế nào?

Phật bảo: Nếu đại Bồ Tát đối với Bát nhã Ba la mật thậm thâm nầy có khả năng tin hiểu thời vị ấy đã xả thân từ trong pháp hội của vô số, vô lượng, vô biên Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở mười phương thế giới mà sanh vào cõi này. Đại Bồ Tát ấy đã phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao đã trải qua vô số, vô lượng, vô biên trăm ngàn vô số kiếp. Đại Bồ Tát ấy đã từng thân cận cúng dường vô số, vô lượng, vô biên chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể so lường. Đại Bồ Tát ấy từ sơ phát tâm thường siêng tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, đã trải qua vô số, vô lượng, vô biên trăm ngàn vô số kiếp.

Nếu đại Bồ Tát thấy Bát nhã Ba la mật này, thì liền nghĩ là ta được thấy Phật; nghe Bát nhã Ba la mật này thì liền nghĩ là ta được nghe Phật nói.

Vì Đại Bồ Tát ấy phải **dùng vô tướng, vô nhị, vô sở đắc làm phương tiện**, nên có khả năng tin hiểu nghĩa thú sâu xa của Bát nhã Ba la mật này.

(2. Các pháp vốn trì độn vô tri)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật thậm thâm có ai có thể nghe, có thể thấy chăng?

Phật bảo: Bát nhã Ba la mật thật không có người có thể nghe, không có người có thể thấy. Bát nhã Ba la mật như thế cũng chẳng phải là cái để nghe, để thấy. Sắc không nghe không thấy, vì là pháp trì độn*(1)*; thọ, tưởng, hành, thức không nghe không thấy, vì là pháp trì độn. Tất cả pháp từ mười hai xứ, mười tám giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… đến quả vị Giác ngộ tối cao không nghe không thấy. **Này Thiện Hiện! Tất cả pháp không nghe không thấy, vì tất cả pháp trì độn.**

(3. Tu Bát Nhã phải lấy vô sở đắc làm phương tiện)

Nhưng không phải bất cứ ai cũng có thể thọ trì Bát nhã Ba la mật. Chỉ có ai dùng **vô sở đắc làm phương tiện**, mặc dù chỉ là sơ phát tâm cũng có khả năng tu học Bát nhã Ba la mật, vì những kẻ ấy không xa lìa hạnh tương ưng lục Ba la mật; không xa lìa Phật, Pháp, Tăng; chẳng xa lìa thần thông thù thắng, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật.

Đối với những ai **lấy hữu sở đắc làm phương tiện**, bám chặc ngũ uẩn, tự cao khinh chê kẻ khác, lại nhiều sân hận, ác tâm… bị các tà ma mê hoặc trở nên ngu si, nên đối với pháp thậm thâm chẳng tin hiểu, đâm ra hủy báng chánh pháp. Những kẻ như thế không thể thọ trì Bát nhã Ba la mật mà trái lại bị rơi vào ác đạo, chịu đựng biết bao khổ não!

(4. Hủy bán Bát Nhã tức hủy bán Phật)

Đối với việc nghe nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm này, thân, ngữ và tâm đều chẳng hòa hợp, tăng trưởng thêm ngu si, ác tuệ, nên khi nghe nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế, liền **hủy báng**, vứt bỏ. Nên biết, nếu có người hủy báng Bát nhã Ba la mật tức là hủy báng quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật. Nếu hủy báng quả vị Giác ngộ của chư Phật tức là hủy báng Nhất thiết tướng trí của chư Phật trong quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu hủy báng Nhất thiết tướng trí tức là hủy báng Phật. Nếu hủy báng Phật tức là hủy báng Pháp. Nếu hủy báng Pháp tức là hủy báng Tăng. Nếu

hủy báng Tăng thì **sẽ hủy báng chánh kiến thế gian**. Nếu hủy báng chánh kiến thế gian thì sẽ hủy báng bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật… cũng sẽ hủy báng tất cả thiện pháp. Người ấy do hủy báng, làm chướng ngại, nên tạo tác tăng trưởng, **sẽ chiêu cảm nghiệp thiếu chánh pháp**. Vì vậy, khi chết mới bị đọa vào địa ngục lớn, lãnh chịu khổ dữ dội hàng trăm ngàn năm chẳng được giải thoát. Do tội nặng ấy nên trong thế giới này, họ bị đọa từ hết địa ngục lớn này đến địa ngục lớn khác.

Đến khi thế giới này bị kiếp thủy, hỏa, phong khởi lên, do ác nghiệp nặng nề của họ vẫn chưa hết, nên sau khi qua đời lại thọ sanh ở thế giới khác, tiếp tục bị đọa vào địa ngục lớn giống như trước để chịu khổ cực suốt trăm ngàn năm. Vì người kia tội nặng nên ở thế giới phương khác vẫn bị lưu đày hết địa ngục lớn này đến địa ngục lớn khác, cho đến khi kiếp hỏa, kiếp thủy, kiếp phong xảy đến nữa.

Cứ luân hồi như vậy vô số kiếp cho đến khi năng lực của nghiệp tội hủy báng Chánh pháp yếu dần đi, vừa được ra khỏi địa ngục lại đọa làm loài **bàng sanh** *(hay súc sanh, súc vật)*. Xoay chuyển như trước, hết cõi này đến phương khác, nhiều kiếp luân hồi chịu nhiều thứ khổ.

Khi năng lực của nghiệp tội hủy báng Chánh pháp yếu dần, họ mới thoát khỏi loài bàng sanh, nhưng lại đọa vào **loài quỷ**, hết cõi nầy đến phương khác, xoay chuyển luân hồi trải qua vô số kiếp chịu đủ mọi thống khổ.

Cuối cùng khi thế lực của nghiệp hủy báng Chánh pháp sắp hết, họ mới ra khỏi quỷ giới, được sanh vào **cõi người**. Tuy được làm người nhưng lại **bị rơi vào chỗ hạ tiện** như người mù bẩm sanh, hoặc như Chiên đà la, hoặc nhà khiêng thây chết, hoặc đánh cá, săn bắn, hoặc làm lao công, hoặc mua vui cho kẻ khác, hoặc hành tà kiến, hoặc thọ thân người không có mắt, không có tai, không có mũi, không có lưỡi, không có chân, ung thư, ghẻ lở, phong cùi, điên khùng, lưng gù, vai lệch, đen đủi, lùn xấu, tay co, chân khèo, các căn khiếm khuyết, bần cùng khốn khổ, bướng bỉnh không biết gì; phàm làm việc gì đều bị người khinh chê; hoặc tại chỗ sanh ra chẳng nghe danh hiệu Phật, Pháp, Tăng, danh hiệu Bồ Tát, Độc giác; hoặc sanh vào thế giới tối tăm, thường không có ngày đêm, chẳng thấy ánh sáng; vì kẻ ấy do hủy báng các công đức nên phải nhận chịu vô số, vô

lượng, vô biên tội lỗi, nên phải nhận chịu các đại địa ngục, bàng sanh, quỷ giới và vô số, vô lượng, vô biên thống khổ trong loài người.

Thích nghĩa:

(1). Trì độn: Từ này rất khó dịch, HT Thích Trí Nghiêm dịch là "lụt chậm", từ lụt chậm không diễn tả hết ý nghĩa của từ "trì độn". Anh ngữ gọi là dull, như dao gọi là "lụt"; nếu diễn tả cá tính thì gọi là cá tánh "lạnh nhạt". Ở đây có thể tạm dịch là "trơ trơ", hay "trơ lì". Các pháp tự nó không chậm không lụt; không khôn không dại..., nó như vậy bởi vì nó như vậy, nên nói: Nó "trơ lì ra đó", ai muốn hiểu sao, nói gì cũng được, nên có thể gọi là trì độn, vô tri! ***TB***

Sơ giải:

Đây là một phẩm khó chiết giải. Khó không phải do các giáo pháp mắc mỏ không thể giảng nói, mà khó là vì các giáo pháp khác nhau lại được đúc kết trong cùng một phẩm. Như:

1*. Nói về Bồ Tát chết từ đâu lại hiện thân ở cõi này? Kinh nói nói Bồ Tát hoặc ở cõi khác hoặc ở cõi trời Đâu suất hoặc ở cõi này thác sanh trở lại cõi này;*

2. *Bát nhã Ba la mật thật không có người nghe, không có người thấy. Vì các pháp vốn trì độn vô tri, lìa tướng nên chẳng có ai nghe ai thấy;*

3*. Tu Bát Nhã phải lấy vô sở đắc làm phương tiện, mới có hy vọng thành đạt Bát Nhã.*

Phẩm này đã sơ lược 3 đề mục trên rồi, đọc qua ai cũng có thể hiểu, nên không cần giải thích thêm. Chúng ta sẽ có rất nhiều dịp thảo luận các đề mục này trong 4 Hội kế tiếp.

Bây giờ, chúng ta bàn đến mục thứ tư là mục chính của phẩm này: Thế nào là tội hủy báng Bát Nhã và tội này bị trừng phạt ra sao?

4. *Hủy báng Bát Nhã tức hủy báng Phật. Đây là ý chánh của phẩm này giống như các phẩm "Địa Ngục" của các Hội khác.*

Phẩm "Địa Ngục" Q.544, Hội thứ IV, TBBN. Phật bảo:

"Thiện Hiện nên biết! Nếu hủy báng Bát nhã Ba la mật thậm thâm, thì đó là hủy báng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nếu hủy báng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì đó cũng là hủy báng Nhất thiết trí trí. Nếu hủy báng Nhất thiết trí trí, thì đó cũng là hủy báng Phật, Pháp, Tăng bảo. Nếu có hủy báng Phật, Pháp, Tăng bảo, thì nhận lấy vô biên tội lỗi. Nếu đã nhận lấy vô biên tội lỗi liền chuốc lấy vô biên khổ báo".

Điều đó có nghĩa: Trong lúc hiện tiền vì thiếu hiểu biết, ôm nhiều sân hận, ác tâm, khinh mạn, lại theo bọn ác quay lại chống đối Chánh pháp, đả kích Đại thừa, hủy báng Bát nhã Ba la mật, nên tạo nghiệp quá nặng. Vì vậy, khi chết mới ***bị đọa vào địa ngục lớn****, lãnh chịu các khổ dữ dội hàng trăm ngàn năm chẳng được giải thoát. Do tội nặng ấy nên trong thế giới này, đả kích Đại thừa, hủy báng Bát Nhã bị đọa từ hết địa ngục lớn này sang địa ngục lớn khác.*

Đến khi thế giới này bị kiếp thủy, kiếp hỏa, kiếp phong khởi lên, do ác nghiệp nặng của bọn ấy chưa hết, nên sau khi qua đời thọ sanh ở thế giới khác, tiếp tục bị đọa vào địa ngục lớn giống như trước. chịu khổ cực suốt trăm ngàn năm. Vì bọn kia tội nặng nên ở thế giới phương khác vẫn bị lưu đày hết địa ngục lớn này đến địa ngục lớn khác, cho đến khi kiếp hỏa, kiếp thủy, kiếp phong xảy đến nữa.

Cứ luân hồi như vậy vô số kiếp cho đến khi năng lực của nghiệp tội hủy báng Chánh pháp yếu dần, vừa được ra khỏi địa ngục lại đọa làm loài **bàng sanh***. Xoay chuyển như trước, hết cõi này đến phương khác, nhiều kiếp luân hồi chịu các thứ khổ.*

Khi năng lực của nghiệp tội hủy báng Chánh pháp yếu dần, bọn ấy mới thoát khỏi loài bàng sanh, nhưng lại đọa vào ***loài quỷ****, hết cõi này đến phương khác, xoay chuyển luân hồi trải qua vô số kiếp chịu đủ mọi thống khổ.*

Cuối cùng khi thế lực của nghiệp hủy báng Chánh pháp sắp hết, họ mới ra khỏi quỷ giới, được sanh vào ***cõi người****. Tuy được làm người nhưng thuộc hàng hạ tiện: Mù điếc, câm ngọng, nghèo cùng, xấu xí, ngu muội, bệnh tật… bị đời khinh chê, lăng nhục... Dù sanh đến chỗ nào cũng khổ nhiều vui ít, không nghe được danh hiệu Phật, Pháp, Tăng. Vì sao? Vì*

ác nghiệp phỉ báng Tam bảo nên phải chuốc lấy đủ loại quả khổ tàn khốc như vậy.

Kết kuận:

Ở cõi Diêm phù đề này nếu bị nghiệp vô gián sẽ thác sinh địa ngục A tỳ, chịu biết bao hình phạt khủng khiếp, không bao giờ gián đoạn, nên gọi là vô gián. Nhưng so với tội chống Chánh pháp, đả kích Đại thừa và hủy báng Bát nhã Ba la mật thì chẳng thấm thía gì. Người mang tội hủy báng bị đọa hết đại địa ngục này sang đại địa ngục khác, từ thế giới này sang thế giới khác, cho đến khi tội nghiệp mỏng dần mới được sanh vào cõi súc sinh, ngạ quỷ, cuối cùng mới được sanh vào cõi người... nhưng phải làm người hạ tiện, năm căn khiếm khuyết, ngu si, đần độn... bị người đời khinh chê hủy nhục như đã nói trên.

Tội hủy báng hay khinh chê Bát nhã Ba la mật như thế còn hơn 5 tội vô gián như giết cha, giết mẹ, giết A la hán, phá hoại hòa hiệp Tăng và làm cho thân Phật chảy máu. Nếu mắc vào 5 tội này, thì bị hình phạt tra tấn không bao giờ gián đoạn. Biết như thế nên tránh "vạ miệng" để khỏi bị lưu đày ghê gớm như đã nói trên. Phải tự mình răn đe và cũng phải vì người khác mà khuyên bảo./.

---o0o---

34. PHẨM "KHÓ TIN HIỂU".

Bắt đầu Q.182 đến hết Q.284, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Tín Hủy", phần sau quyển thứ 13, Kinh MHBNBLMĐ)

Gợi ý:

Phẩm "Khó Tin Hiểu" là một phẩm dài nhất trong Kinh ĐBN. Phẩm này kéo dài từ Q.182 đến Q.284, tổng cộng 103 quyển, thuyết minh sự liên hệ giữa con người và vạn hữu trong mối tương quan nhân quả do cảm quan và thức vọng gây nên. Vì vậy, mở đầu phẩm này Phật thuyết về các pháp không buộc không mở để dẫn đến ý niệm: "Nếu tâm không bị ràng buộc, không vướng mắc thì sẽ được thanh tịnh".

Kinh lấy một pháp trong 81 khoa danh tướng Bát Nhã (Kinh ĐBN gọi 81 khoa danh tướng Bát Nhã là tất cả pháp Phật, các pháp mầu Phật đạo, các thiện pháp, các pháp hy hữu, tư lương Bồ đề Bồ Tát, Bồ Tát hạnh hay Bồ Tát đạo v.v...) để thuyết một pháp, lần lượt cho đến hết 81 khoa danh tướng Bát Nhã như phẩm "So Lường Công Đức" trước đây. Tám mươi mốt khoa này được nhắc không những trong phẩm này, mà hầu như được nhắc đi nhắc lại trong toàn bộ 600 quyển thuộc ĐBN. Vì 81 khoa này bao *gồm nhân sinh và vũ trụ cùng với tất cả pháp môn tu học thế gian và xuất thế gian, nên chúng tôi tách ra thành một phần riêng gọi là "phần thứ I Tổng luận", một trong ba phần chính của thiên Tổng luận này.*

81 khoa danh tướng Bát Nhã được chép trong Đại Tạng Nhất Lãm Tập quyển 3. Đó là: Năm uẩn, sáu căn, sáu trần, sáu thức, sáu xúc (hợp lại thành 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới), sáu duyên sở sinh, bốn duyên, sáu đại, thập nhị nhân duyên, sáu độ (lục độ Ba la mật), ngã giả, sinh giả, thọ giả, mệnh giả, hữu tình giả, dưỡng dục giả, chúng số giả, tác giả, sử tác giả, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả, kiến giả, tri giả, hai mươi pháp không (ở đây liệt kê 20 pháp không, chứ không phải là 18 pháp không như chúng ta đã tụng qua), bốn đế, chân như, pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dịch tánh, bình đẳng tánh, ly sinh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghị giới, bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, bốn niệm xứ, bốn chính cần, bốn thần túc, năm căn, năm

lực, bảy chi giác, tám chi Thánh đạo, không giải thoát môn, vô tướng giải thoát môn, vô nguyện giải thoát môn, Bồ Tát thập địa, năm nhãn, sáu thông, mười lực, bốn vô úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỉ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí, Đà la ni môn, Tam ma địa môn, Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất hoàn quả, A la hán quả, Độc giác Bồ đề, Bồ Tát hạnh, quả vị Giác ngộ tối cao. Tổng cộng 81 khoa.

Phẩm "Khó Tin Hiểu" lấy một pháp thí dụ như ngã so với một pháp khác trong 81 khoa như sắc mà thuyết. Kế đến cũng lấy ngã so với thọ, tưởng, hành, thức. Cứ thế tiếp tục, lấy ngã so sánh với nhãn xứ, sắc xứ..., nhãn giới, sắc giới…, sáu pháp sở duyên v.v…cho đến cuối cùng của 81 khoa là quả vị Giác ngộ tối cao.

Phẩm này, đứng về kỹ thuật tóm lược không khó, vì không có nhiều tư tưởng dị biệt, mục đích là trì tụng sự đồng đẳng của các pháp mà được thanh tịnh, không phân biệt, không đoạn diệt giữa các pháp trong 81 khoa danh tướng Bát Nhã. Hiểu tác dụng của một pháp ảnh hưởng trên các pháp khác trong toàn thể các pháp mầu Phật đạo thì có thể hiểu tất cả. Trọng tâm của phẩm này cốt chỉ cho chúng sanh làm thế nào để được thanh tịnh?

Tóm lược:

(1. Thuyết về tất cả pháp không buộc không mở)

"Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu có người chẳng siêng năng tinh tấn, chưa trồng căn lành, tâm đầy bất thiện, lại bị ác tri thức chi phối, nên đối với Bát Nhã thậm thâm mà Phật đã thuyết này, thật **khó có thể tin hiểu.**

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói, nếu có người chẳng siêng năng tinh tấn, chưa trồng căn lành, tâm đầy bất thiện, bị ác tri thức chi phối, nên đối với Bát nhã Ba la mật thậm thâm đã thuyết này, thật khó có thể tin hiểu.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế nào mà khó tin khó hiểu?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! **Sắc chẳng phải buộc, chẳng phải mở**. Vì sao? Vì **sắc tánh vô sở hữu**, vô sở hữu chính là tự tánh của sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức tánh vô sở hữu, vô sở hữu chính là tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức. **12 xứ, 18 giới** chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì 12 xứ 18 giới tánh vô sở hữu, vô sở hữu chính là tự tánh của xứ giới; **tất cả pháp Phật** từ tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, Tứ đế, thập nhị nhân duyên, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì tất cả pháp Phật vô sở hữu, vô sở hữu chính là tự tánh của tất cả pháp Phật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Sắc ba đời chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì sắc ba đời tánh vô sở hữu, vô sở hữu chính là tự tánh của sắc ba đời; thọ, tưởng, hành, thức ba đời chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức ba đời tánh vô sở hữu, vô sở hữu chính là tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức ba đời. 12 xứ 18 giới ba đời chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Vì sao? Vì 12 xứ 18 giới ba đời tánh vô sở hữu, vô sở hữu chính là tự tánh của xứ giới ba đời. Tất cả pháp Phật ba đời cũng lại như thế".

(2. Tất cả pháp đều thanh tịnh)

"Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có các **Bổ đặc già la** chẳng siêng năng tinh tấn, chưa trồng căn lành, lại đầy căn bất thiện, bị ác hữu chi phối, làm theo ma lực, biếng nhác tăng, tinh tấn giảm, thất niệm, ác tuệ, nên đối với Bát Nhã này thật khó có thể tin hiểu.

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói! Bổ đặc già la chẳng siêng tinh tấn, chưa trồng căn lành, lại đầy tâm bất thiện, bị ác hữu chi phối, làm theo ma lực, lười biếng tăng lên, tinh tấn giảm xuống, thất niệm, ác tuệ, nên đối với Bát nhã Ba la mật này thật khó có thể tin hiểu. Vì sao? Thiện Hiện! **Vì sắc thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh.** Vì sao? Vì sắc thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh không hai, không hai phần, không

phân biệt, không đoạn diệt; 12 xứ, 18 giới thanh tịnh tức là quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức là 12 xứ, 18 giới thanh tịnh. Vì sao? Vì xứ giới thanh tịnh ấy cùng với quả thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt; tất cả pháp Phật cũng lại như thế.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Sắc thanh tịnh tức là Bát nhã Ba la mật thanh tịnh**; Bát nhã Ba la mật thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh. Vì sao? Vì sắc thanh tịnh ấy cùng với Bát nhã Ba la mật thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là Bát nhã Ba la mật thanh tịnh; Bát nhã Ba la mật thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh ấy cùng với Bát nhã Ba la mật thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt; mười hai xứ, mười tám giới thanh tịnh tức là Bát nhã Ba la mật thanh tịnh; Bát nhã Ba la mật thanh tịnh tức là 12 xứ 18 giới thanh tịnh. Vì sao? Vì xứ giới thanh tịnh ấy cùng với Bát nhã Ba la mật thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt; tất cả pháp Phật cũng lại như thế.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Sắc thanh tịnh tức là Nhất thiết trí trí thanh tịnh**; Nhất thiết trí trí thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh. Vì sao? Vì sắc thanh tịnh ấy cùng với Nhất thiết trí trí thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là Nhất thiết trí trí thanh tịnh; Nhất thiết trí trí thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh ấy cùng với Nhất thiết trí trí thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt; mười hai xứ, mười tám giới thanh tịnh tức là Nhất thiết trí trí thanh tịnh; Nhất thiết trí trí thanh tịnh tức là 12 xứ 18 giới thanh tịnh. Vì sao? Vì xứ giới thanh tịnh ấy cùng với Nhất thiết trí trí thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt; tất cả pháp Phật cũng lại như thế. *(Q.184, ĐBN)*

("<u>Ngã</u>" thanh tịnh tức tất cả 81 khoa danh tướng thanh tịnh)

"Lại nữa, Thiện Hiện! **Ngã thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh**; sắc thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành,

thức thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Lại nữa, Thiện Hiện! Ngã thanh tịnh tức là **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; 12 xứ, 18 giới thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với xứ giới thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Ngã thanh tịnh tức là tất cả pháp Phật từ tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, tứ Thánh đế, 12 nhân duyên, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh; tất cả pháp Phật thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với tất cả pháp Phật thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt". *(Q.190, ĐBN)*

(Phần trên Kinh thuyết về ngã thanh tịnh, bây giờ Kinh thuyết về "hữu tình")

"Lại nữa, Thiện Hiện! **Hữu tình thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh**; sắc thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt; hữu tình thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Hữu tình thanh tịnh tức là **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; 12 xứ, 18 giới thanh tịnh tức là hữu tình thanh tịnh. Vì hữu tình thanh tịnh ấy cùng với 12 xứ, 18 thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt; hữu tình thanh tịnh tức là tất cả pháp Phật thanh tịnh cũng lại như thế".

(Kế Kinh thuyết về "dòng sinh mạng")

"Lại nữa, Thiện Hiện! **Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh**; sắc thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt; dòng sinh mạng thanh tịnh tức là

thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là dòng sinh mạng thanh tịnh. Vì sao? Vì dòng sinh mạng thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Dòng sinh mạng thanh tịnh tức là **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; 12 xứ, 18 giới thanh tịnh tức là dòng sanh mạng thanh tịnh. Vì dòng sanh mạng thanh tịnh ấy cùng 12 xứ, 18 giới thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt; dòng sanh mạng thanh tịnh tức là tất cả pháp Phật thanh tịnh cũng lại như thế".

(Rồi tiếp tục, Kinh thuyết <u>sự sanh, sự dưỡng dục, sĩ phu, Bổ đặc già la, ý sanh, nho đồng, sự tạo tác, cái biết, cái thấy</u> thanh tịnh)

Tức là sắc thanh tịnh; ***sắc thanh tịnh tức sự sanh cho đến cái biết, cái thấy thanh tịnh****. Vì sao? Sự sanh cho đến cái biết, cái thấy thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt; sự sanh cho đến cái biết cái thấy thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là sự sanh cho đến cái biết cái thấy thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sanh cho đến cái biết cái thấy thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Sự sanh cho đến cái biết cái thấy thanh tịnh tức là* ***12 xứ, 18 giới*** *thanh tịnh; 12 xứ, 18 giới thanh tịnh tức là sự sanh cho đến cái biết cái thấy thanh tịnh. Vì sao? Vì sự sanh cho đến cái biết cái thấy thanh tịnh cùng 12 xứ, 18 giới thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt; sự sanh cho đến cái biết cái thấy thanh tịnh tức là tất cả pháp Phật thanh tịnh cũng lại như thế.*

(Tới đây, Kinh đưa thêm một yếu tố mới là "<u>Nhất thiết trí trí</u>" đi liền theo sau ngã)

"Lại nữa, Thiện Hiện! Vì **ngã thanh tịnh nên sắc thanh tịnh**; vì sắc thanh tịnh **nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh**. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt; vì ngã thanh tịnh nên

thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.Vì ngã thanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; vì 12 xứ, 18 giới thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc ngã thanh tịnh hoặc 12 xứ, 18 giới thanh tịnh hoặc Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt; vì hoặc ngã thanh tịnh hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh cũng lại như thế".

Cũng vậy, Kinh nói: Vì hữu tình đến dòng sanh mạng, đến sự sanh, sự dưỡng, sĩ phu, Bổ đặc già la, ý sanh, nho đồng, sự tạo tác, cái biết, cái thấy thanh tịnh nên sắc thanh tịnh, vì sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh cũng lại như thế.

(Kế đến, Kinh đưa thêm một yếu tố khác là "tham, sân, si")

Lại nữa, Thiện Hiện! **Tham, sân, si thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh**; sắc thanh tịnh tức là tham, sân, si thanh tịnh. Vì sao? Vì tham, sân, si thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Tham, sân, si thanh tịnh tức là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là tham, sân, si thanh tịnh. Vì sao? Vì tham, sân, si thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.Tham, sân, si thanh tịnh tức là **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; 12 xứ, 18 giới thanh tinh tức tham, sân, si thanh tịnh. Vì sao? Vì tham, sân, si thanh tịnh ấy cùng với 12 xứ, 18 giới thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Tham, sân, si thanh tịnh tức là tất cả pháp Phật thanh tịnh cũng lại như thế.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Vì tham, sân, si thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh**.Vì sao? Vì hoặc tham, sân, si thanh tịnh hoặc sắc thanh tịnh hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì tham, sân, si thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc tham, sân, si thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc Nhất

thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Vì tham, sân, si thanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; vì 12 xứ, 18 giới thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì hoặc tham, sân, si thanh tịnh, hoặc 12 xứ, 18 giới thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì tham, sân, si thanh tịnh nên tất cả pháp Phật thanh tịnh cũng lại như thế. *(Q.204, ĐBN)*

Lại nữa, Thiện Hiện! Vì **sắc thanh tịnh nên thọ thanh tịnh; vì thọ thanh tịnh nên sắc thanh tịnh.** Vì sao? Vì sắc thanh tịnh ấy cùng với thọ thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì thọ thanh tịnh nên tưởng thanh tịnh; vì tưởng thanh tịnh nên thọ thanh tịnh. Vì sao? Vì thọ thanh tịnh ấy cùng với tưởng thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì tưởng thanh tịnh nên hành thanh tịnh; vì hành thanh tịnh nên tưởng thanh tịnh. Vì sao? Vì tưởng thanh tịnh ấy cùng với hành thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hành thanh tịnh nên thức thanh tịnh; vì thức thanh tịnh nên hành thanh tịnh. Vì sao? Vì hành thanh tịnh ấy cùng với thức thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Vì **12 xứ thanh tịnh nên 18 giới thanh tịnh**, vì 18 giới thanh tịnh nên 12 xứ thanh tịnh. Vì sao? Vì 12 xứ thanh tịnh cùng 18 giới thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Cũng như vậy, tứ thiền thanh tịnh nên tứ vô lượng thanh tịnh, tứ vô lượng thanh tịnh nên tứ định vô sắc thanh tịnh, cho đến vì tấtcả Bồ Tát hạnh thanh tịnh nên quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh; vì quả vị Giác ngộtối cao thanh tịnh nên tất cả Bồ Tát hạnh thanh tịnh. Vì sao? Vì tất cả Bồ Tát hạnh thanh tịnh ấy cùng với quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. *(Q.205, ĐBN)*

(Kinh thuyết lục Ba la mật thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh).

Quyển 205 trở đi nói rằng: **Vì Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, trì giới, bố thí Ba la mật thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh**. Vì sao? Vì hoặc Bát Nhã đến bố thí Ba la mật thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Bát Nhã đến bố thí Ba la mật thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bát Nhã đến bố thí Ba la mật thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Vì lục Ba la mật thanh tịnh nên **12 xứ 18 g**iới thanh tịnh; vì 12 xứ 18 giới thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc 6 Ba la mật thanh tịnh, hoặc 12 xứ 18 giới thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì 6 Ba la mật thanh tịnh nên tất cả pháp Phật từ 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 4 Thánh đế, 12 nhân duyên, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh, vì tất cả pháp Phật thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc 6 Ba la mật thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.***(Q.208, ĐBN)***

(Kinh nói đến "<u>18 pháp không</u>")

Lại nữa, Thiện Hiện! **Vì 18 pháp không thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh.** Vì sao? Vì hoặc 18 pháp không thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì 18 pháp không thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc 18 pháp không thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Vì 18 pháp không thanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; vì 12 xứ 18 giới thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc 18 pháp không thanh tịnh, hoặc 12 xứ 18 giới thanh tịnh,

hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì 18 pháp không thanh tịnh nên tất cả pháp Phật từ 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, Tứ đế, 12 nhân duyên, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh, vì tất cả pháp Phật thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc 18 pháp không thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

***(Kinh nói đến chơn như, pháp giới, pháp tánh v.v…
tức muốn nói đến thập nhị chơn như)***

Lại nữa, Thiện Hiện! **Vì chơn như, pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dịch tánh, bình đẳng tánh, ly sinh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghị giới thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh**. Vì sao? Vì hoặc chơn như cho đến bất tư nghì giới thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì chơn như cho đến bất tư nghì giới thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc chơn như cho đến bất tư nghì giới thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Vì chơn như cho đến bất tư nghì giới thanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; vì 12 xứ, 18 giới thanh tịnh nên chơn như cho đến bất tư nghì giới thanh tịnh, hoặc 12 xứ, 18 giới thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì chơn như cho đến bất tư nghì giới thanh tịnh nên tất cả pháp Phật từ tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, tứ Thánh đế, 12 nhân duyên, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc chơn như cho đến bất tư nghì giới thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh, đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

(Kinh nói đến Tứ đế: "Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo")

Lại nữa, Thiện Hiện! **Vì tứ Thánh đế thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh.** Vì sao? Vì hoặc tứ Thánh đế thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì tứ Thánh đế thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc tứ Thánh đế thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Vì tứ đế thanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; vì 12 xứ, 18 giới thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc tứ Thánh đế thanh tịnh, hoặc12 xứ, 18 giới thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì tứ Thánh đế thanh tịnh nên tất cả pháp Phật từ tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 12 nhân duyên, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc tứ Thánh đế thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh, đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

(Kinh nói đến "tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc")

Lại nữa, Thiện Hiện! **Vì tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh.** Vì sao? Vì hoặc tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Vì tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc thanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; vì 12 xứ, 18 giới thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc

thanh tịnh, hoặc 12 xứ, 18 giới thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc thanh tịnh nên tất cả pháp Phật từ tứ Thánh đế, 12 nhân duyên, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh, đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

(Kinh nói tiếp về: "8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ")

Lại nữa, Thiện Hiện**! Vì tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh.** Vì sao? Vì hoặc 8 giải thoát đến 10 biến xứ thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì 8 giải thoát đến 10 biến xứ thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc 8 giải thoát đến 10 biến xứ thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Vì 8 giải thoát đến 10 biến xứ thanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh, vì 12 xứ, 18 giới thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc 8 giải thoát đến 10 biến xứ thanh tịnh, hoặc 12 xứ, 18 giới thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hoặc 8 giải thoát đến 10 biến xứ thanh tịnh nên tất cả pháp Phật từ 4 Thánh đế, 12 nhân duyên, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc 8 giải thoát đến 10 biến xứ thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh, đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

(Kinh thuyết tiếp về "37 pháp trợ đạo: 4 niệm trụ, 4 chánh đoạn, 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 chi đẳng giác, 8 chi Thánh đạo")

Lại nữa, Thiện Hiện! **Vì 37 pháp trợ đạo thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh.** Vì sao? Vì hoặc 37 pháp trợ đạo thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì 37 pháp trợ đạo thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc 37 pháp trợ đạo thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Vì 37 pháp trợ đạo thanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; vì 12 xứ, 18 giới thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc 37 pháp trợ đạo thanh tịnh, hoặc 12 xứ, 18 giới thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì hoặc 37 pháp trợ đạo thanh tịnh nên tất cả pháp Phật từ 4 Thánh đế, 12 nhân duyên, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc 37 pháp trợ đạo thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh, đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

(Kinh đề cập đến "tam giải thoát môn: Không, Vô tướng, Vô nguyện")

Lại nữa, Thiện Hiện! **Tam giải thoát môn thanh tịnh nên sắc thanh tịnh, sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh.** Vì sao? Vì hoặc tam giải thoát môn thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì tam giải thoát môn thanh tịnh nên thọ tưởng hành thức thanh tịnh, thọ tưởng hành thức thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc tam giải thoát môn thanh tịnh, hoặc thọ tưởng hành thức thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Vì tam giải thoát môn thanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; vì 12 xứ, 18 giới thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc tam giải thoát môn thanh tịnh, hoặc 12 xứ, 18 giới thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần,

không phân biệt, không đoạn diệt. Vì tam giải thoát môn thanh tịnh nên tất cả pháp Phật từ tứ Thánh đế, 12 nhân duyên, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc tam giải thoát môn thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh, đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

(Kinh thuyết tiếp về "Bồ Tát thập địa")

Lại nữa, Thiện Hiện! **Vì mười địa Bồ Tát thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh**. Vì sao? Vì hoặc mười địa Bồ Tát thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì mười địa Bồ Tát thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc mười địa Bồ Tát thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Vì 10 địa Bồ Tát thanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; vì 12 xứ, 18 giới thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc 10 địa Bồ Tát thanh tịnh, hoặc 12 xứ, 18 giới thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì 10 địa Bồ Tát thanh tịnh nên tất cả pháp Phật từ tứ Thánh đế, 12 nhân duyên, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc 10 địa Bồ Tát thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh, đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

(Kinh nói về "5 loại mắt, 6 pháp thần thông")

Lại nữa, Thiện Hiện! **Vì 5 loại mắt, 6 thần thông thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh.** Vì sao? Vì hoặc 5 loại mắt, 6 phép thần thông thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì 5 loại mắt, 6 phép thần thông thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Nhất

thiết trí trí. Vì sao? Vì hoặc 5 loại mắt, 6 phép thần thông thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Vì 5 loại mắt, 6 phép thần thông thanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; vì 12 xứ, 18 giới thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc 5 loại mắt, 6 phép thần thông thanh tịnh, hoặc 12 xứ, 18 giới thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì 5 loại mắt, 6 phép thần thông thanh tịnh nên tất cả pháp Phật từ Tứ đế, 12 nhân duyên, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc 5 loại mắt, 6 phép thần thông thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh, đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

(Kinh thuyết về "Phật mười lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt")

Lại nữa, Thiện Hiện! **Vì Phật 10 lực cho đến 4 sự hiểu biết thông suốt thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh.** Vì sao? Vì hoặc Phật 10 lực cho đến 4 sự hiểu biết thông suốt thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Phật 10 lực cho đến 4 sự hiểu biết thông suốt thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Phật 10 lực cho đến 4 sự hiểu biết thông suốt thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Vì Phật 10 lực cho đến 4 sự hiểu biết thông suốt thanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; vì 12 xứ, 18 giới thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Phật 10 lực đến 4 sự hiểu biết thông suốt thanh tịnh, hoặc 12 xứ, 18 giới thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Phật 10 lực đến 4 sự hiểu biết thông suốt thanh tịnh nên tất cả pháp Phật từ Tứ đế, 12 nhân duyên, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Phật 10 lực đến 4

sự hiểu biết thông suốt thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh, đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

(Kinh thuyết "4 vô lượng tâm: Đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả")

Lại nữa, Thiện Hiện! Vì đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Vì đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả thanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; vì 12 xứ, 18 giới thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả thanh tịnh, hoặc 12 xứ, 18 giới thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả thanh tịnh nên tất cả pháp Phật từ Tứ đế, 12 nhân duyên, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh, đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

(Kinh thuyết về "18 pháp Phật bất cộng, pháp không quên mất, tánh hằng trụ xả")

Lại nữa, Thiện Hiện! **Vì 18 pháp Phật bất cộng cho đến tánh hằng trụ xả thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh**. Vì sao? Vì hoặc 18 pháp Phật bất cộng cho đến tánh hằng trụ xả thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì 18 pháp Phật bất cộng đến tánh hằng trụ xả thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Nhất thiết

trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc 18 pháp Phật bất cộng đến tánh hằng trụ xả thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Vì 18 pháp Phật bất cộng đến tánh hằng trụ xả thanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; vì 12 xứ 18 giới thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí Thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc 18 pháp Phật bất cộng đến tánh hằng trụ xả thanh tịnh, hoặc 12 xứ 18 giới thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì 18 pháp Phật bất cộng đến tánh hằng trụ xả thanh tịnh nên tất cả pháp Phật từ Tứ đế, 12 nhân duyên, 37 pháp trợ đạo, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc18 pháp Phật bất cộng đến tánh hằng trụ xả thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh, đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

(Kinh thuyết tiếp về "Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí")

Lại nữa, Thiện Hiện! **Vì Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh.** Vì sao? Vì hoặc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Vì Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí thanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; Vì 12 xứ, 18 giới thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí thanh tịnh, hoặc 12 xứ, 18 giới thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí thanh

tịnh nên tất cả pháp Phật từ Tứ đế, 12 nhân duyên, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh, đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

(Kinh trình bày về "Đà la ni môn, Tam ma địa môn")

Lại nữa, Thiện Hiện! **Vì Đà la ni môn, Tam ma địa môn thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh.** Vì sao? Vì hoặc Đà la ni môn, Tam ma địa môn thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Đà la ni môn, Tam ma địa môn thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Đà la ni môn, Tam ma địa môn thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Vì Đà la ni môn, Tam ma địa môn thanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; vì 12 xứ, 18 giới thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Đà la ni môn, Tam ma địa môn thanh tịnh, hoặc 12 xứ, 18 giới thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Đà la ni môn, Tam ma địa môn thanh tịnh nên tất cả pháp Phật từ Tứ đế, 12 nhân duyên, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Đà la ni môn, Tam ma địa môn thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh, đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

(Kinh thuyết về tất cả Thánh quả từ "Dự lưu, Nhất lai…cho đến đến quả vị Giác ngộ tối cao")

Lại nữa, Thiện Hiện! **Vì tất cả Thánh quả thanh tịnh nên sắc thanh tịnh; vì sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh.** Vì sao? Vì hoặc tất cả Thánh quả thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí

thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì tất cả Thánh quả thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc tất cả Thánh quả thanh tịnh, hoặc thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Vì tất cả Thánh quảthanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; Vì 12 xứ 18 giới thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc tất cả Thánh quả thanh tịnh, hoặc 12 xứ 18 giới thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì tất cả Thánh quả thanh tịnh nên tất cả pháp Phật từ 4 Thánh đế, 12 nhân duyên, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc tất cả Thánh quả thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Trên đây Kinh lấy từng pháp, từng pháp một trong 81 khoa danh tướng Bát Nhã so chiếu với từng pháp của tất cả các pháp môn Phật học. Đến đây Kinh lấy Nhất thiết trí trí làm trục chánh phối hợp với từng pháp trong 81 khoa danh tướng để so chiếu với lục Ba la mật. Thí dụ: Vì Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên ngũ uẩn thanh tịnh; vì ngũ uẩn thanh tịnh nên Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật thanh tịnh.

Vì sao? Vì hoặc ***Nhất thiết trí trí thanh tịnh****, hoặc ngũ uẩn thanh tịnh, hoặc Bát Nhã đến bố thí Ba la mật thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên* ***12 xứ, 18 giới*** *thanh tịnh; vì 12 xứ, 18 giới thanh tịnh nên Bát Nhã đến bố thí Ba la mật thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 12 xứ, 18 giới thanh tịnh, hoặc Bát Nhã đến bố thí Ba la mật thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên* ***tất cả pháp Phật*** *thanh tịnh; vì tất cả pháp Phật thanh tịnh nên Bát Nhã đến bố thí Ba la mật thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh*

tịnh, hoặc Bát Nhã đến bố thí Ba la mật thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

***- Kinh lấy Nhất thiết trí trí làm trục chánh phối hợp với từng pháp một trong 81 danh tướng Bát Nhã** (tức tất cả pháp Phật từ uẩn xứ giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, tứ đế, 12 nhân duyên, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí... cho đến quả vị Giác ngộ tối cao) **để so chiếu với 18 pháp không** (từ không nội cho đến pháp vô tánh tự tánh không)**. Thí dụ:** Vì **Nhất thiết trí trí** thanh tịnh nên **ngũ uẩn** thanh tịnh; vì ngũ uẩn thanh tịnh nên **18 pháp không** (từ ngoại không cho đến... vô tánh tự tánh không) thanh tịnh.*

*Vì sao? Vì hoặc **Nhất thiết trí trí thanh tịnh**, hoặc ngũ uẩn thanh tịnh, hoặc 18 pháp không thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; vì 12 xứ, 18 giới thanh tịnh nên 18 pháp không thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 12 xứ, 18 giới thanh tịnh, hoặc 18 pháp không thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **tất cả pháp Phật** thanh tịnh; vì tất cả pháp Phật thanh tịnh nên 18 pháp không thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh, nên 18 pháp không thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. **(Xin đọc đoạn Kinh trích dẫn "nguyên văn", thuộc Q.255 và Q.256, Hội thứ I, ĐBN, cuối phần tóm lược này, làm thí dụ, để hiểu toàn bộ công thức quản diễn của phẩm "Khó Tin Hiểu").***

*(Vì **Nhất thiết trí trí thanh tịnh** nên **ngũ uẩn** thanh tịnh; vì ngũ uẩn thanh tịnh nên **chơn như đến cảnh giới bất tư nghì** thanh tịnh).*

*Vì sao? Vì hoặc **Nhất thiết trí trí thanh tịnh**, hoặc ngũ uẩn thanh tịnh, hoặc chơn như đến cảnh giới bất tư nghì thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; vì 12 xứ, 18 giới thanh tịnh nên chơn như đến cảnh giới bất tư nghì thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Nhất thiết trí trí*

*thanh tịnh, hoặc 12 xứ, 18 giới thanh tịnh, hoặc chơn như đến cảnh giới bất tư nghì thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **tất cả pháp Phật** thanh tịnh; vì tất cả pháp Phật thanh tịnh nên chơn như đến cảnh giới bất tư nghì thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh, hoặc chơn như đến cảnh giới bất tư nghì thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.*

***(Kinh đề cập đến Tứ đế** (khổ, tập, diệt, đạo) **cũng như vậy:** Vì **Nhất thiết trí trí thanh tịnh** nên **ngũ uẩn** thanh tịnh; vì ngũ uẩn thanh tịnh nên **tứ Thánh đế** thanh tịnh).*

*Vì sao? Vì hoặc **Nhất thiết trí trí thanh tịnh**, hoặc ngũ uẩn thanh tịnh, hoặc tứ Thánh đế thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **12 xứ, 18 giới** thanh tịnh; vì 12 xứ, 18 giới thanh tịnh nên tứ Thánh đế thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 12 xứ, 18 giới thanh tịnh, hoặc tứ Thánh đế thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt. Vì Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **tất cả pháp Phật** thanh tịnh; vì tất cả pháp Phật thanh tịnh nên tứ Thánh đế thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc tất cả pháp Phật thanh tịnh, hoặc tứ Thánh đế thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.*

*(Cuối cùng để tránh trùng tụng có thể làm các đạo hữu mệt mỏi, chúng tôi gộp tất cả pháp còn lại từ 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ, 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 chi đẳng giác, 8 chi Thánh đạo, không giải thoát môn, vô tướng giải thoát môn, vô nguyện giải thoát môn, Bồ Tát thập địa, 5 nhãn, 6 thông, Như Lai 10 lực, 4 vô úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỉ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí, Đà la ni môn, Tam ma địa môn, Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất hoàn quả, A la hán quả, Độc giác Bồ đề, Bồ Tát hạnh, quả vị Giác ngộ tối cao… **gọi chung là tất cả pháp mầu Phật đạo** quản diễn như sau):*

*Vì Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **ngũ uẩn** thanh tịnh; vì ngũ uẩn thanh tịnh nên **tất cả pháp mầu Phật đạo** thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc uẩn, xứ, giới thanh tịnh, hoặc tất cả pháp mầu Phật đạo thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.*

(Tiếp theo Kinh nói về các pháp hữu vi và vô vi)

*- Lại nữa, Thiện Hiện! Vì **hữu vi** thanh tịnh nên **vô vi** thanh tịnh; vì **vô vi** thanh tịnh nên **hữu vi** thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc hữu vi thanh tịnh, hoặc vô vi thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.*

(Sau cùng Kinh nói về tam tế)

*- Lại nữa, Thiện Hiện! **Vì quá khứ thanh tịnh nên vị lai, hiện tại thanh tịnh**; vì vị lai, hiện tại thanh tịnh nên quá khứ thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc quá khứ thanh tịnh, hoặc vị lai, hiện tại thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.*

Phụ đính 1:

*Sau đây là hai tiểu đoạn trong hàng trăm tiểu đoạn của phẩm "Khó Tin Hiểu", nói về **"Bất khả đắc không"*** trong 18 pháp không *(Q.255 và Q.256, Hội thứ I, ĐBN), và **"chơn như"**(Q.257 và Q.258, Hội thứ I, ĐBN) được trính dẫn để các thiện hữu có dịp nhận thấy sự trùng tụng của phẩm này, một phẩm rất dài của Kinh ĐBN, chiếm tổng cộng 103 quyển trong số 400 quyển trên của Hội thứ I, ĐBN.*

Phần tóm lược của chúng tôi cũng khá dài dòng, nếu xét kỹ chúng tôi cũng trùng tụng như nguyên bản, chỉ khác là rút gọn các pháp tu thay vì lần lượt lấy một pháp tu làm trục chính và thuyết các pháp tu khác xoay quanh trục chính này; từng pháp từng pháp một cho đến hết 81 khoa danh tướng Bát Nhã, kể cả các pháp phụ khác. Chúng tôi gộp năm bảy pháp làm một để tóm lược, thay vì nói từng pháp như sắc, thọ, tưởng, hành,

thức chúng tôi gọi tắt là ***ngũ uẩn****; thay vì nói nhãn xứ, nhĩ xứ…; sắc xứ, thọ xứ… chúng tôi gộp lại gọi chung là* ***12 xứ, 18 giới*** *cũng như vậy v.v… Kinh ĐBN là luyện trí, nên lối diễn tả của nó có tánh cách trùng tụng cốt để ru ngủ "thức". Một khi thức ngủ yên thì một "quan năng" mới phát sanh để thay thế. Quan năng mới đó là một thứ trực giác, để thành tựu trí tuệ. Ngày nào thức vọng còn hoành hành thì tri giác còn ngủ yên. Chỉ khi nào lìa được cảm quan, ý thức và các khái niệm trừu tượng thì chân trí sẽ hiện tiền. Nên khi chúng tôi rút gọn Kinh ở đây mặc dù cố làm cho các thiện hữu bớt mệt mỏi,* ***nhưng không đúng với tinh thần trùng tụng của Bát Nhã hay tất cả các môn Phật học khác.*** *Một lần nữa chúng tôi lặp lại ý nghĩa của sự trùng tụng cốt ru ngủ ý thức và cảm quan để tâm chứng bằng trực giác. Nếu chúng ta quá vội vàng trong lúc tu học là chúng ta phạm lỗi lầm rồi đó. Học Phật phải kiên nhẫn thôi!*

Hai tiểu đoạn *được trích dẫn với mục đích để các thiện hữu có dịp nhận xét và so chiếu lối diễn đạt Bát Nhã và đồng thời hiểu thế nào là tinh thần trùng tụng của Bát Nhã:*

1- Pháp "bắt khả đắc không" thanh tịnh (Q.255 và Q.256, Hội thứ I, ĐBN):

Lại nữa, Thiện Hiện! **Nhất thiết trí trí** thanh tịnh nên **sắc** *(trong ngũ uẩn)* thanh tịnh, sắc thanh tịnh nên **bất khả đắc không** thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **thọ tưởng hành thức thanh tịnh**, thọ tưởng hành thức thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc thọ tưởng hành thức thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **12 xứ** *(6 căn và 6 trần)* thanh tịnh, 12 xứ thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 12 xứ thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **18 giới** *(6 căn 6 trần và 6 thức)* thanh tịnh, 18 giới thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh.

Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 18 giới thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. *(Đoạn này đã được rút gọn, không phải chính văn. Nguyên văn nói 6 căn hợp với 6 trần thành 12 xứ và nếu cộng thêm 6 thức thì thành 18 giới, đúng ra phải thuyết từng xứ, từng giới).*

(…)Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **vô minh***(trong 12 duyên khởi)*thanh tịnh; vô minh thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc vô minh thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử sầu thán khổ ưu não** thanh tịnh; hành cho đến lão tử sầu thán khổ ưu não thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc hành cho đến lão tử sầu than khổ ưu não thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **bố thí Ba la mật** *(trong lục Ba la mật)* thanh tịnh, bố thí Ba la mật thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc bố thí Ba la mật thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật** thanh tịnh; tịnh giới cho đến Bát nhã Ba la mật thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc tịnh giới cho đến Bát nhã Ba la mật thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **nội không** *(18 pháp không)*thanh tịnh, nội không thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc nội không thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tế không, vô biến dị không, bổn tánh không, tự tướng không, cộng tướng**

không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không thanh tịnh; ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **chơn *như*(*12 chơn như)*** thanh tịnh, chơn như thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất trí trí thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghì giới thanh tịnh;** pháp giới cho đến bất tư nghì giới thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến bất tư nghì giới thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **khổ Thánh đế***(tứ đế)* thanh tịnh, khổ Thánh đế thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc khổ Thánh đế thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **tập diệt đạo Thánh đế** thanh tịnh, tập diệt đạo Thánh đế thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc tập diệt đạo Thánh đế thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **bốn tĩnh lự** thanh tịnh, 4 tĩnh lự thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 4 tĩnh lự thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **4 vô lượng, 4 vô sắc định** thanh tịnh; bốn vô lượng, bốn định vô sắc thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc bốn vô lượng, bốn vô sắc định thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **8 giải thoát** thanh tịnh, tám giải thoát thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 8 giải thoát thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ thanh tịnh;** 8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **bốn niệm trụ** *(trong 37 pháp trợ đạo)*thanh tịnh, bốn niệm trụ thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 4 niệm trụ thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **4 chánh đoạn, 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 đẳng giác chi, 8 Thánh đạo chi** thanh tịnh; 4 chánh đoạn cho đến 8 Thánh đạo chi thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 4 chánh đoạn cho đến 8 chánh đạo chi thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **Không giải thoát môn** thanh tịnh, Không giải thoát môn thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc Không giải thoát môn thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **vô tướng, vô nguyện giải thoát môn** thanh tịnh; vô tướng, vô nguyện giải thoát môn thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc vô tướng, vô nguyện giải thoát môn thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **Bồ Tát thập địa** thanh tịnh, Bồ Tát thập địa thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc Bồ Tát thập địa thanh tịnh,

hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên 5 nhãn thanh tịnh, **năm nhãn** thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 5 nhãn thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **6 thần thông** thanh tịnh, 6 thần thông thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 6 thần thông thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **Phật 10 lực** thanh tịnh, Phật 10 lực thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc Phật 10 lực thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng** thanh tịnh; 4 vô sở úy cho đến 18 pháp Phật bất cộng thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 4 vô sở úy cho đến 18 pháp Phật bất cộng thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **pháp vô vong thất** thanh tịnh, pháp vô vong thất thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc pháp vô vong thất thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên tánh hằng trụ xả thanh tịnh, **tánh hằng trụ xả** thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc tánh hằng trụ xả thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **Nhất thiết trí** *(Tam huệ)* thanh tịnh, Nhất thiết trí thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí** thanh tịnh; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí

thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất trí trí thanh tịnh nên tất cả **Đà la ni môn** thanh tịnh, tất cả đà la ni môn thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh, Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc **tất cả Đà la ni môn, Tam ma địa môn** thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên quả **Dự lưu** thanh tịnh, quả Dự lưu thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc quả Dự lưu thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên quả **Nhất lai, Bất hoàn, A la hán** thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **Độc giác Bồ đề** thanh tịnh, Độc giác Bồ đề thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc Độc giác Bồ đề thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **tất cả hạnh Bồ Tát** thanh tịnh, tất cả hạnh Bồ Tát thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc tất cả **hạnh Bồ Tát thạnh tịnh**, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh, không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh**, quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh nên bất khả đắc không thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc quả vị Giác ngộ tối cao thanh tịnh, hoặc bất khả đắc không thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

*Cái trục chính của đoạn Kinh này là "**Bất khả đắc không**" mà Kinh phải thuyết tất cả pháp Phật xoay dần chung quanh nó để thấy*

một pháp thanh tịnh thì tất cả pháp có liên hệ cũng cùng thanh tịnh không đoạn, không diệt như nhau.

2- "Chơn như" thanh tịnh (Q.257 và Q.258, Hội thứ I, ĐBN):

Lại nữa, Thiện Hiện! **Nhất thiết trí trí** thanh tịnh nên **sắc** thanh tịnh, sắc thanh tịnh nên **chơn như** thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên thọ tưởng hành thức thanh tịnh, thọ tưởng hành thức thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, **hoặc thọ tưởng hành thức thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh** không hai không hai phần, vì không riêng không dứt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **12 xứ** thanh tịnh, 12 xứ thanh tịnh nên **chơn như** thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 12 xứ thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **18 giới** thanh tịnh,18 giới thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 12 xứ thanh tịnh, hoặc 18 giới thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. *(Đoạn này cũng được rút gọn như trên).*

(…)Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **vô minh** *(trong 12 duyên khởi)* thanh tịnh, vô minh thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc vô minh thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử sầu thán khổ ưu não thanh tịnh**; hành cho đến lão tử sầu thán khổ ưu não thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc hành cho đến lão tử sầu thán khổ ưu não thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **bố thí Ba la mật***(trong lục Ba la mật)* thanh tịnh, bố thí Ba la mật thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc bố thí Ba la

mật thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật thanh tịnh**; tịnh giới cho đến Bát nhã Ba la mật thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc tịnh giới cho đến Bát nhã Ba la mật thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **nội không** *(trong 18 pháp không)* thanh tịnh, nội không thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc nội không thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô tế không, vô biến dị không, bổn tánh không, tự tướng không, cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không thanh tịnh; ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **chơn như** *(trong thập nhị chơn như)* thanh tịnh, chơn như thanh tịnh nên pháp giới thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất trí trí thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh, hoặc pháp giới thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghì giới thanh tịnh**; pháp giới cho đến bất tư nghì giới thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc pháp giới cho đến bất tư nghì giới thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **khổ Thánh đế** thanh tịnh, khổ Thánh đế thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc khổ Thánh đế thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt

vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **tập diệt đạo Thánh đế thanh tịnh**, tập diệt đạo Thánh đế thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc tập diệt đạo Thánh đế thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **4 tĩnh lự** thanh tịnh, 4 tĩnh lự thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 4 tĩnh lự thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **4 vô lượng, 4 định vô sắc** thanh tịnh; bốn vô lượng, bốn vô sắc định thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 4 vô lượng, 4 vô sắc định thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **8 giải thoát** thanh tịnh, 8 giải thoát thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 8 giải thoát thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ thanh tịnh; 8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ** thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **4 niệm trụ** thanh tịnh, 4 niệm trụ thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 4 niệm trụ thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **4 chánh đoạn, 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 đẳng giác chi, 8 Thánh đạo chi thanh tịnh; 4 chánh đoạn cho đến 8 Thánh đạo chi** thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc 4 chánh đoạn cho đến 8 chánh đạo chi thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **Không giải thoát môn** thanh tịnh, Không giải thoát môn thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh.

Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc Không giải thoát môn thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **vô tướng, vô nguyện giải thoát môn** thanh tịnh; vô tướng, vô nguyện giải thoát môn thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc vô tướng, vô nguyện giải thoát môn thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **Bồ Tát thập địa** thanh tịnh, Bồ Tát thập địa thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc Bồ Tát thập địa thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **năm nhãn** thanh tịnh, năm nhãn thanh tịnh nên pháp giới thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc năm nhãn thanh tịnh, hoặc pháp giới thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **sáu thần thông** thanh tịnh, sáu thần thông thanh tịnh nên pháp giới thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc sáu thần thông thanh tịnh, hoặc pháp giới thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **Phật 10 lực** thanh tịnh, Phật 10 lực thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc Phật 10 lực thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng** thanh tịnh; 4 vô sở úy cho đến 18 pháp Phật bất cộng thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc bốn vô sở úy cho đến 18 pháp Phật bất cộng thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **pháp vô vong thất** thanh tịnh, pháp vô vong thất thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc pháp vô vong thất thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không

đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên tánh hằng trụ xả thanh tịnh, **tánh hằng trụ xả** thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc tánh hằng trụ xả thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **Nhất thiết trí** thanh tịnh, nhất thiết trí thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh; **Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí** thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất trí trí thanh tịnh nên tất cả **Đà la ni môn** thanh tịnh, tất cả Đà la ni môn thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh, Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc **tất cả Đà la ni môn, Tam ma địa môn thanh tịnh**, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên quả **Dự lưu** thanh tịnh, quả Dự lưu thanh tịnh nên pháp giới thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc quả Dự lưu thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy. Nhất thiết trí trí thanh tịnh quả **Nhất lai, Bất hoàn, A la hán thanh tịnh; quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán** thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên **Độc giác Bồ đề** thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc Độc giác Bồ đề thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh không hai không hai phần, vì không đoạn không diệt vậy.

Này Thiện Hiện! Vì Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên tất cả hạnh Bồ Tát thanh tịnh; vì tất cả hạnh Bồ Tát thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc tất cả hạnh Bồ

Tát thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

Này Thiện Hiện! Vì Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật thanh tịnh; vì quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật thanh tịnh nên chơn như thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Nhất thiết trí thanh tịnh, hoặc quả vị Giác ngộ tôi cao của chư Phật thanh tịnh, hoặc chơn như thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt.

*Đoạn này Kinh lấy"**Chơn Như**" làm trục chánh và tất cả các pháp Phật xoay dần chung quanh trục chánh này như đoạn Kinh trên.*

*Phải nói **hai tiểu đoạn trên giống nhau như 2 giọt nước**, vì viết cùng 1 "công thức" như nhau, nếu chúng ta đổi cụm từ "bất khả đắc không" với "chơn như". Đó chính là lý do chứng minh tại sao các pháp được tóm lược trong toàn phẩm "Khó Tin Hiểu" như nhau, không khác!*

Phụ đính 2:

*E rằng tóm lược trên có nhiều thiếu sót, để dễ nắm toàn bộ phẩm "Khó Tin Hiểu", chúng tôi trích dẫn nguyên văn **phần sau của phẩm 41, "Tín Hủy", quyển thứ 13, Kinh MHBNBLMĐ** (chỉ vỏn vẹn khoảng một trang đánh máy), để các thiện hữu có dịp đọc thêm và so sánh với 103 quyển, tổng cộng 1.075 trang đánh máy của phẩm "Khó Tin Hiểu" thuộc Kinh ĐBN:*

(…)Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào Bát nhã Ba la mật nầy rất sâu khó tin, khó hiểu?"

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Sắc **chẳng trói, chẳng mở**. Tại sao vậy? Vì tánh vô sở hữu là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng trói chẳng mở. Tại sao vậy? Vì tánh vô sở hữu là thọ, tưởng, hành, thức.

Đàn na Ba la mật đến Bát nhã Ba la mật chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì tánh vô sở hữu là sáu Ba la mật.

Nội không đến vô pháp hữu pháp không chẳng trói, chẳng mở. Tại sao? Vì tánh vô sở hữu là nội không đến vô pháp hữu pháp không.

Tứ niệm xứ đến Nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì tánh vô sở hữu là tứ niệm xứ đến Nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì tánh vô sở hữu là tứ niệm xứ đến Nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí.

Nầy Tu Bồ Đề! Sắc bổn tế*(1)* chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì bổn tế tánh vô sở hữu là sắc.

Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí bổn tế chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì bổn tế tánh vô sở hữu là Nhất thiết chủng trí.

Nầy Tu Bồ Đề! Sắc hậu tế nhẫn đến Nhất thiết chủng trí hậu tế chẳng chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì hậu tế vô sở hữu là sắc, nhẫn đến là Nhất thiết chủng trí.

Nầy Tu Bồ Đề! Sắc hiện tại nhẫn đến Nhất thiết chủng trí hiện tại chẳng trói, chẳng mở. Tại sao vậy? Vì hiện tại tánh vô sở hữu là sắc nhẫn đến là Nhất thiết chủng trí".

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn! Những người chẳng chuyên cần tinh tấn, chẳng gieo trồng căn lành, gần gũi bạn ác, giải đãi, không trí huệ thiện xảo phương tiện, thiệt khó tin, khó hiểu Bát nhã Ba la mật".

Đức Phật nói: "Nầy Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Những người ấy thiệt khó tin khó hiểu Bát nhã Ba la mật nầy. Tại sao vậy? Vì **sắc thanh tịnh thời quả cũng thanh tịnh**. **Thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh thời quả cũng thanh tịnh. Nhẫn đến Vô thượng Bồ đề thanh tịnh thời quả cũng thanh tịnh***(chỉ có đoạn này nói về thanh tịnh)*.

Lại vì sắc thanh tịnh tức là Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Bát nhã Ba la mật thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh. Nhẫn đến **Nhất thiết chủng trí** thanh tịnh tức là Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Bát nhã Ba la mật thanh tịnh tức là Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

Sắc thanh tịnh và Bát nhã Ba la mật thanh tịnh không hai, không khác, không đoạn, không hoại. Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh và Bát nhã Ba la mật thanh tịnh không hai, không khác, không đoạn, không hoại.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì **chẳng hai** thanh tịnh nên sắc thanh tịnh. Vì chẳng hai thanh tịnh nên Nhất thiết chủng trí thanh tịnh. Tại sao vậy? Vì chẳng hai thanh tịnh nầy cùng sắc thanh tịnh đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh không hai, không khác.

Vì **ngã** thanh tịnh, chúng sanh đến **tri giả, kiến giả** thanh tịnh nên sắc nhẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

Vì sắc nhẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh nên ngã chúng sanh nhẫn đến tri giả, kiến giả thanh tịnh. Tại sao vậy? Vì ngã đến kiến giả thanh tịnh nầy cùng với sắc đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh chẳng hai, chẳng khác, không đoạn, không hoại.

Nầy Tu Bồ Đề! **Vì tham, sân, si** thanh tịnh nên sắc đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh. Tại sao vậy? Vì tham, sân, si thanh tịnh cùng với sắc đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh chẳng hai, chẳng khác.

Nầy Tu Bồ Đề! Vì **vô minh** thanh tịnh nên **hành** thanh tịnh. Vì hành thanh tịnh nên **thức** thanh tịnh. Vì thức thanh tịnh nên **danh sắc** thanh tịnh. Vì danh sắc thanh tịnh nên **lục nhập** thanh tịnh. Vì lục nhập thanh tịnh nên **xúc** thanh tịnh. Vì xúc thanh tịnh nên **thọ** thanh tịnh. Vì thọ thanh tịnh nên **ái** thanh tịnh. Vì ái thanh tịnh nên **thủ** thanh tịnh. Vì thủ thanh tịnh nên **hữu** thanh tịnh. Vì hữu thanh tịnh nên **sanh** thanh tịnh. Vì sanh thanh tịnh nên **lão tử** thanh tịnh. Vì lão tử thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh *(12 duyên khởi)*. Vì Bát Nhã thanh tịnh nên Thiền na thanh tịnh. Nhẫn đến vì Đàn na*(nói đến lục Ba la mật)* thanh tịnh nên nội không thanh tịnh. Vì nội không thanh tịnh nên nhẫn đến vô pháp hữu pháp không thanh tịnh *(18 pháp không)*. Vì vô pháp hữu pháp không thanh tịnh nên tứ niệm xứ nhẫn đến Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì Nhất thiết trí thanh tịnh nên Nhất thiết chủng trí thanh tịnh. Tại sao vậy? Vì Nhất thiết trí nầy cùng với Nhất thiết chủng trí không hai, không khác, không đoạn, không hoại*(tất cả pháp Phật)*.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Vì Bát nhã Ba la mật thanh tịnh nên sắc thanh tịnh. Nhẫn đến vì Bát nhã Ba la mật thanh tịnh nên Nhất thiết trí thanh tịnh. Tại sao vậy? Vì Bát nhã Ba la mật nầy cùng với Nhất thiết trí không hai, không khác.

Nầy Tu Bồ Đề! Thiền na Ba la mật thanh tịnh nên nhẫn đến Nhất thiết trí thanh tịnh. Nhẫn đến Đàn na Ba la mật thanh tịnh nên nhẫn đến Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì nội không thanh tịnh nên nhẫn đến Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì 4 niệm xứ thanh tịnh nên nhẫn đến Nhất thiết trí thanh tịnh.

Nầy Tu Bồ Đề! Vì Nhất thiết trí thanh tịnh nên nhẫn đến Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Nầy Tu Bồ Đề! Vì hữu vi thanh tịnh nên vô vi thanh tịnh. Tại sao? Vì hữu vi thanh tịnh nên vô vi thanh tịnh. Vì hữu vi thanh tịnh cùng với vô vi thanh tịnh không hai, không khác, không đoạn, không hoại.

Nầy Tu Bồ Đề! Vì quá khứ thanh tịnh nên vị lai và hiện tại thanh tịnh nên vị lai và hiện tại thanh tịnh. Vì vị lai thanh tịnh nên quá khứ và hiện tại thanh tịnh. Vì hiện tại thanh tịnh nên quá khứ và vị lai thanh tịnh. Tại sao vậy? Vì hiện tại thanh tịnh cùng với quá khứ và vị lai thanh tịnh không hai, không khác, không đoạn, không hoại vậy".

Phần đầu của phẩm "Khó Tin Hiểu" của Kinh ĐBN tương đương với phần sau của phẩm 41, "Tín Hủy", quyển thứ 13, Kinh MHBNBLMĐ. Ý của hai Kinh giống nhau. Chỉ có khác là Kinh ĐBN quản diễn trùng tụng nên quá dài.

Phải nói: Kinh viết cô động quá thì đâm ra khó hiểu, còn dài dòng quá thì thành loãng. Chúng tôi cố gắng trình bày cốt tủy của Kinh. Tóm lược, như phần sau phẩm 41, "Tín Hủy" của Kinh MHBNBLMĐ nói trên, chỉ vỏn vẹn ***có một trang giấy*** *thì quá ngắn, nên khó hiểu; còn trùng tụng quá nhiều như phẩm "Khó Tin Hiểu",* ***103 quyển, tổng cộng có tới 1.075*** **trang** *đánh máy như Kinh ĐBN lại quá dài, có thể làm cho các thiện hữu mệt mỏi. Đọc và so chiếu hai Kinh như đã trích dẫn ở trên, các thiện hữu sẽ rõ điều chúng tôi muốn nói.*

Cũng nên ghi nhận rằng: Phật thuyết Kinh, Phật không cho chép Kinh. Còn trùng tuyên Kinh trong các kỳ kết tập Kinh điển lại do người khác làm, không phải Phật. Tuy nói thế nhưng không phải thế. Chư Phật thuyết pháp độ sanh, chư Phật không muốn chúng sanh mệt mỏi. Phải đọc, càng đọc càng trì tụng thì đến một lúc nào đó cái gì giấu kín trong tiềm thức sẽ vỡ ra cho chúng ta những bông hoa tươi đẹp.

Như trên chúng tôi nói tóm tắt Kinh cũng có lỗi, nhưng chúng tôi xin nhận cái nghiệp này miễn những điều mà chúng tôi xiển dương đem lại lợi ích cho chúng sanh!

Thích nghĩa:

(1). Bổn tế: ***Bổn*** là cội nguồn và ***tế*** là *(biên tế) giới hạn của tất cả các pháp. Ở đây Kinh nói đến đời sau (hậu tế), nói hiện tại, nên có thể hiểu là tam tế hay tam thế.*

Sơ giải:

Phần trên của phẩm này trước thuyết tất cả pháp từ ngũ uẩn cho tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không buộc không mở, vì là vô sở hữu nên không buộc không mở, vì bản tế ba đời của tất cả pháp bất khả đắc, nên không buộc không mở. Những người chẳng tinh tấn, giải đãi, chẳng gieo trồng thiện căn, chẳng gần gũi bạn lành, trí tuệ kém cỏi, không phương tiện thiện xảo... thật khó tin, khó hiểu Bát nhã Ba la mật. Đó là nội dung của phẩm có tên là "Khó Tin Hiểu" này.

Phần trên của phẩm này nói về các pháp không buộc không mở, phần dưới của phẩm này nói về sự thanh tịnh của tất cả pháp.

1. Các pháp không buộc không mở:

Tất cả pháp như huyễn như mộng, vô sở hữu bất khả đắc, hư vọng vô sở tác tức là không. Nhập được pháp không tức thấy thật tướng các pháp thì không mong cầu nắm bắt nữa.. Vả lại, tất cả pháp vốn xa lìa, vắng lặng, vô sanh vô diệt, bất cấu bất tịnh làm gì có thể nắm bắt, cất giữ… mà nói có buộc có mở? Bởi thủ tâm chấp tướng nên suốt đời loanh quanh hết buộc rồi mở, hết mở rồi buộc tự mình làm rối mình mà không tự biết!

Phẩm 15 "Không Buộc Không Mở", Hội thứ II, ĐBN. *Mãn Từ Tử hỏi Thiện Hiện:*

- "Những gì là sắc không buộc không mở? Những gì là thọ tưởng hành thức không buộc không mở?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Như mộng sắc không buộc không mở. Như mộng thọ tưởng hành thức không buộc không mở. Như vang, như tượng, như bóng sáng, như ánh nắng, như việc huyễn, như không hoa, như thành tầm hương, như việc biến hóa sắc không buộc không mở. Như vang cho đến như việc biến hóa thọ tưởng hành thức không buộc không mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức **vô sở hữu** nên không buộc không mở. Vì **xa lìa** nên không buộc không mở. Vì **vắng lặng** nên không buộc không mở. Vì **vô sanh** nên không buộc không mở. Vì **vô nhiễm** nên không buộc không mở. Vì **vô tịnh** nên không buộc không mở".

"(…)**Lại nữa, Mãn Từ Tử! Tất cả pháp không buộc không mở. Vì sao? Vì tất cả pháp vô sở hữu nên xa lìa, nên vắng lặng, nên vô sanh, nên vô diệt, nên vô nhiễm, nên vô tịnh, nên không buộc không mở".**

2. Tất cả pháp đều thanh tịnh:

Khi biết thật tướng của tất cả pháp ***là không, là như, là bình đẳng****. Như vậy, sống trong đệ nhất nghĩa đế tức không còn phân biệt chấp trước nữa thì tâm thể được thanh tịnh. Một tâm thanh tịnh thì mười phương thế giới đều thanh tịnh.*

Nên Phật bảo: "(...)**Vì sắc thanh tịnh thời quả cũng thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh thời quả cũng thanh tịnh. Nhẫn đến Vô thượng Bồ đề thanh tịnh thời quả cũng thanh tịnh**".

Bởi vì, các chủ thể từ ngã, hữu tình, mạng giả, sanh giả, dưỡng giả, tác giả, thọ giả, tri giả, kiến giả… cho đến các uẩn xứ giới và tất cả pháp Phật đều có cùng liên hệ nhân quả mật thiết với nhau. Tất cả các pháp này (uẩn xứ giới và tất cả pháp Phật) quấn quýt nhau, tự xoay và cùng xoay quanh một cái trục (chủ thể thanh tịnh) giống như các hành tinh trong thái dương hệ mà trong đó mặt trời đứng chính giữa và các hành tinh, vệ tinh xoay chung quanh. Tất cả hệ thống đó vận hành trong một cơ chế đặc biệt, có liên hệ nhân quả với nhau. Một chủ thể thanh tịnh thì các chủ thể khác cùng khởi theo, như nói "ngã thanh tịnh, nên sắc thanh tịnh, sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh v.v…và v.v…"

Phẩm "Khó Tin Hiểu" Q.190, Hội thứ I, ĐBN *được trích dẫn làm thí dụ:* "Phật bảo: Thiện Hiện! **Ngã thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh**; sắc thanh tịnh tức ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với sắc thanh tịnh không hai, không khác, không đoạn không hoại; ngã thanh tịnh tức **thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh**; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh không hai, không khác, không đoạn, không hoại.

Này Thiện Hiện! Ngã thanh tịnh tức là **nhãn xứ** thanh tịnh; nhãn xứ thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với nhãn xứ thanh tịnh không hai, không khác, không đoạn, không hoại; ngã thanh tịnh tức **là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ** thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh tức là ngã thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã thanh tịnh ấy cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thanh tịnh không hai, không khác, không đoạn, không hoại.

Ngã thanh tịnh tức là **sắc xứ** thanh tịnh; và tất cả các pháp từ nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, địa giới, 12 nhân duyên, 6 Ba la mật, 18 pháp không, thập nhị chơn như, 4 đế, 4 tịnh lự, 8 giải thoát, 4 niệm trụ, tam giải thoát, thập địa Bồ Tát, 5 loại mắt, Phật 10 lực, pháp không quên mất, tánh hằng trụ xả, Nhất thiết trí, tất cả pháp môn Đà la ni, bốn quả Thanh văn, quả vị Độc giác, tất cả hạnh Bồ Tát, cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cũng lại như thế".

*Nghĩa là Kinh đề cập đến ngã, kế đến sắc thọ tưởng hành thức (tức năm uẩn), Kinh nhắc tới sắc xứ, nhãn xứ…(12 xứ), rồi đến nhãn giới, thân giới, ý giới…(18 giới), 12 nhân duyên, 6 Ba la mật, 18 pháp không, thập nhị chơn như, 4 Thánh đế, 37 pháp trợ đạo, 3 giải thoát môn, Bồ Tát thập địa, 5 loại mắt, 6 phép thần thông, Phật 10 lực v.v…cho tới quả vị Giác ngộ tối cao (nói chung là tất cả pháp Phật hay 81 khoa danh tướng Bát Nhã), **một pháp thanh tịnh thì tất cả pháp đều thanh tịnh**.*

Đoạn kế tiếp thay vì lấy ngã làm chủ đề thì Kinh lấy hữu tình, mạng giả, sanh giả, tác giả, thọ giả, tri giả, kiến giả… làm chủ đề để thuyết về thanh tịnh. Kinh thuyết: Một khi các chủ thể này thanh tịnh, nên uẩn xứ giới cho đến tất cả pháp Phật đều thanh tịnh.

*Chủ đề tiếp tục với **tam độc tham sân si**: Một khi tham sân si hết hoành hành (thanh tịnh) thì các uẩn xứ giới và tất cả pháp Phật trở nên vắng lặng(thanh tịnh). Các uẩn tạo thành chủ thể vì quá náo nhiệt nên giác tâm mới lăng xăng! Một căn thanh tịnh thì các căn khác đồng thanh tịnh, hoặc nói rộng ra một pháp thanh tịnh thì mười phương thế giới như cát sông Hằng đồng thanh tịnh (Q.201, phẩm "Khó Tin Hiểu").*

***Ta có thể thấy** (bất cứ quyển nào trong 103 quyển thuộc phẩm "Khó Tin Hiểu") một liên hệ nhân quả giữa các pháp từ uẩn, xứ, giới cho đến tất cả pháp Phật. Một pháp thanh tịnh thì mười phương thế giới như cát sông Hằng đều thanh tịnh. Một tâm thanh tịnh thì toàn thể quốc độ đều thanh tịnh. Trong ĐBN không có phẩm nào dài và nói nhiều về thanh tịnh như phẩm này. Vậy, mới biết thanh tịnh là pháp môn cực kỳ quan trọng trong việc tu tập để biến thức thành trí. Cứ tụng đi, tụng lại mãi đi thì thức sẽ ngủ yên, và khi đó trực giác thực chứng sẽ nhảy vào thay thế.*

Nếu thấy tất cả pháp là giả danh, giả thi thiết, các pháp là trì độn, các pháp là không thật, các pháp như huyễn như mộng, nên nói là không, bản tánh không, không có tự tánh, lấy vô tánh làm tự tánh. Tất cả pháp là nhất tướng chỗ gọi là vô tướng, các pháp trơ lì ra đó, không phân biệt, không chấp, không thủ, không buộc không mở...

Tóm lại tất cả pháp là không, là như như, như đó là bình đẳng. Có thấy biết như vậy là nhập vào dòng Thánh, tức sống trong đệ nhất nghĩa đế, thì không còn phân biệt, nên nói là thanh tịnh. *Vì không tri giác nổi cái nhiệm mầu như vậy, nên nói Bát nhã Ba la mật là thật khó tin hiểu. Nhưng một khi hiểu và tu viên mãn các pháp mầu Phật đạo thì Tâm được thanh tịnh.*

Học tất cả các pháp Phật cuối cùng sẽ được tịnh đạo Bồ đề. Nên Đạo Phật được gọi là ***Thanh-tịnh-đạo*** *cũng bởi lý do đó.*

Trong nhà thiền có câu chuyện: Ngưỡng Sơn hỏi Thiền sư Trung ấp Hồng Ân trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, nguyên văn như sau:

"Ngưỡng hỏi:

- Làm thế nào để kiến tánh?

Sư nói:

- Giả tỷ như có căn nhà. Căn nhà có sáu cửa sổ. Trong nhà có con khỉ nhĩ hầu, góc đông kêu chóe chóe, bên ngoài cửa sổ cũng có con nhĩ hầu kêu chóe chóe ứng như thế. Sáu cửa đều kêu, đều ứng như thế.

Ngưỡng Sơn lễ tạ rồi đứng dậy nói:

- Cám ơn Hòa thượng thí dụ, chẳng có gì mà không hiểu biết. Nhưng có một chuyện là nếu như con nhĩ hầu bên trong mệt mỏi ngủ, nhĩ hầu bên ngoài muốn nhìn thấy thì làm sao đây?

Sư bước xuống giường dây, nắm tay Ngưỡng Sơn múa, nói:

- Chóe chóe cùng ông nhìn thấy nhau rồi. Giống như con sâu tiêu mình nhỏ xíu làm tổ trên lông mi con ruồi, đi ra phía ngã tư đường cái kêu gọi rằng đất rộng, người thưa, gặp nhau hiếm lắm".

Con khỉ bị nhốt trong cái lòng có 6 cửa sổ, nếu có con khỉ khác ở bên ngoài đến 1 cửa chọc ghẹo thời con khỉ ở trong sẽ đến cửa đó "chí chóe". Nếu con khỉ bên ngoài đi qua cửa khác chọc ghẹo thời con khỉ bên trong lại qua cửa đó chí chóe. Vậy, nếu con khỉ bên trong ngủ yên thời sao?

Sáu cửa lòng tượng trưng cho sáu căn, ở trong có con khỉ (chủ), bên ngoài lại có con khỉ khác chọc ghẹo là trần (khách). Căn may mối cho trần, trần chuyển thời tâm chuyển, chủ theo khách quên tâm. Nếu tâm lặng thời khách đến khách đi mặc khách. Tâm lặng rồi thời sáu căn đều lặng. Tâm lặng như con khỉ ngủ yên thời trần cảnh theo đó mà tự yên!

Tới đây chúng ta có thể phát biểu được chưa?

"Một phút thanh tịnh là một phút ta làm Phật".

Đây là một phẩm dài, dài nhất trong các phẩm dài nhất của ĐBN trong 16 pháp hội, nhưng tương đối dễ hiểu. Nếu để nguyên không rút gọn thì không thể chiết giải. Nếu không thể chiết giải thì không có thiên Tổng luận này. Chúng tôi rút gọn phẩm này lại chưa đầy 26 trang kể cả thích nghĩa và lược giải và tin tưởng công việc tóm lược này không đến nổi lầm lẫn hay sơ sót.

Nếu có thời giờ nên đọc qua chánh văn. Trong khuôn khổ nhỏ hẹp của Tổng luận này chúng tôi cố gắng tóm lược hơn là quản diễn sâu rộng thêm. Để nắm vững tư tưởng toàn bộ phẩm này, chúng tôi đề nghị các thiện hữu nên đọc phẩm "Thanh Tịnh" của Hội thứ II, TẬP 3, ĐBN. Chánh văn phẩm "Thanh Tịnh" của Hội thứ II, viết ngắn gọn "nguyên chất" hơn./.

---o0o---

35. PHẨM "KHEN NGỢI THANH TỊNH".

Q.285 đến đầu Q.287, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Thán Tịnh", quyển thứ 13, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Xá lợi Tử thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh như thế rất là thẳm sâu? Phật nói: Như vậy, vì rốt ráo tịnh vậy.

Xá lợi Tử nói: Pháp nào rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu? Phật nói: Xá Lợi Tử! **Sắc rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu; thọ tưởng hành thức rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu**. Xá Lợi Tử! Mười hai xứ rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu. Xá Lợi Tử! Mười tám giới rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu.

Xá Lợi Tử! Địa giới rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu; thủy hỏa phong không thức giới *(ngũ đại chủng)* rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu. Xá Lợi Tử! Vô minh hành, thức, danh, sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử sầu thán khổ ưu não *(thập nhị nhân duyên)* rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu. Xá Lợi Tử! Bố thí Ba la mật, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu. Xá Lợi Tử! Nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tế không, tán không, vô biến dị không, bổn tánh không, tự tướng không, cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không *(18 pháp không)* rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu.

Xá Lợi Tử! Chơn như, pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghì giới *(thập nhị chân như)* rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu. Xá Lợi Tử! Khổ Thánh đế, tập diệt đạo Thánh đế *(tứ đế)* rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu. Xá Lợi Tử! Bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn vô sắc định rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu. Xá Lợi Tử! Tám giải thoát, tám thắng xứ, chín thứ đệ

định, mười biến xứ rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu. Xá Lợi Tử! Bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, bảy đẳng giác chi, tám Thánh đạo chi *(37 pháp trợ đạo)* rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu. Xá Lợi Tử! Không giải thoát môn, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn *(tam giải thoát môn)* rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu. *(Q.285, ĐBN)*

Xá Lợi Tử! Bồ Tát thập địa rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu. Xá Lợi Tử! Năm nhãn, sáu thần thông rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu. Xá Lợi Tử! Phật mười lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu. Xá Lợi Tử! Pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu. Xá Lợi Tử! Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu. Xá Lợi Tử! Tất cả Đà la ni môn, tất cả Tam ma địa môn rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu.

Xá Lợi Tử! Quả Dự lưu, quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu. Xá Lợi Tử! Độc giác Bồ đề, tất cả hạnh Bồ Tát, chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu. *(Nghĩa là tất cả pháp Phật rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất là thẳm sâu).*

Xá Lợi Tử! Sự thanh tịnh như vậy **rất trong sáng***(1)*.Vì 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất trong sáng. Ngũ đại chủng, thập nhị nhân duyên, lục Ba la mật, 18 pháp không rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất trong sáng. Xá lợi Tử! Thập nhị chân như, Tứ đế, 37 pháp trợ đạo, Tam giải thoát môn rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất trong sáng. Xá Lợi Tử! Bồ Tát thập địa, Năm nhãn, sáu thần thông, Phật mười lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, Pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất trong sáng. Xá Lợi Tử! Quả Dự lưu, quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ Đề, tất cả hạnh Bồ Tát, chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề rốt ráo tịnh, nên nói thanh tịnh đấy rất trong sáng.

Xá Lợi Tử! Sự thanh tịnh như vậy **không chuyển, không nối**. Vì 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới rốt ráo tịnh, nên nói sự thanh tịnh ấy không chuyển, không nối. Ngũ đại chủng, thập nhị nhân duyên, lục Ba la mật, 18 pháp

không rốt ráo tịnh, nên nói sự thanh tịnh ấy không chuyển, không nối. Xá Lợi Tử! Thập nhị chân như, tứ Thánh đế, 37 pháp trợ đạo, Tam giải thoát môn, năm nhãn, sáu thần thông, Phật mười lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 Phật bất cộng, Pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí rốt ráo tịnh, nên nói sự thanh tịnh ấy không chuyển, không nối. Xá Lợi Tử! Quả Dự lưu, quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề, tất cả hạnh Bồ Tát, chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề rốt ráo tịnh, nên nói sự thanh tịnh ấy không chuyển, không nối.

Xá Lợi Tử! Sự thanh tịnh như thế **vốn không tạp nhiễm**. Vì 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới, 5 đại, 12 nhân duyên, 6 Ba la mật, 18 pháp không, thập nhị chân như, tứ đế, 37 pháp trợ đạo, bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng cho đến Nhất thiết chủng trí rốt ráo tịnh nên nói sự thanh tịnh ấy vốn không tạp nhiễm. Xá Lợi Tử! Quả Dự lưu, quả Nhất lai... cho đến chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề rốt ráo tịnh, nên nói sự thanh tịnh ấy vốn không tạp nhiễm.

Xá Lợi Tử! Sự thanh tịnh như thế **bản tánh thanh khiết.** Vì 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới, 5 đại, 12 nhân duyên, 6 Ba la mật, 18 pháp không, thập nhị chân như, tứ Thánh đế, 37 pháp trợ đạo, bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng cho đến Nhất thiết chủng trí rốt ráo tịnh, nên nói sự thanh tịnh ấy bản tánh thanh khiết. Xá Lợi Tử! Quả Dự lưu, quả Nhất lai... cho đến chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề rốt ráo tịnh, nên nói sự thanh tịnh ấy bản tánh thanh khiết.

Xá Lợi Tử! Sự thanh tịnh như thế **vô đắc, vô quán.** Sự thanh tịnh như vậy **không sanh khởi, không hiển hiện**. Sự thanh tịnh như thế không sanh cõi Dục, cõi Sắc, hay vô Sắc **vì tự tánh các cõi kia không thể nắm bắt được**.

Xá Lợi Tử! Sự thanh tịnh như thế **bản tánh vô tri, vì tất cả pháp bản tánh trì độn,** nên sự thanh tịnh như thế bản tánh vô tri.

Tánh của sắc vô tri tức là thanh tịnh. Tánh của thọ, tưởng, hành, thức, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc…tất cả các thiện pháp vô tri tức là thanh tịnh. Vì **tự tướng là không nên tánh của chúng vô tri tức là thanh tịnh.**

Xá Lợi Tử! Bát nhã Ba la mật đối với Nhất thiết trí **không ích, không tổn.** Như vậy là rốt ráo tịnh. Vì pháp giới thường trú nên Bát nhã Ba la mật đối với Nhất thiết trí không ích, không tổn.

Xá Lợi Tử! Vô nhị thanh tịnh nên **vô đắc, vô quán**. Vì không nhiễm không tịnh *(tức không phải nhị pháp)* nên rốt ráo tịnh.

Xá Lợi Tử! Vì ngã thanh tịnh nên sắc thanh tịnh. Vì sắc thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh. Vì **ngã vô sở hữu** nên sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô sở hữu là rốt ráo tịnh. Mười hai xứ, mười tám giới, tứ thiền, tứ định, tứ đế, thập nhị nhân duyên, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết trí trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cũng vô sở hữu nên rốt ráo tịnh.

Ngã thanh tịnh nên Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì ngã **vô tướng, vô đắc, vô niệm, vô tri** nên Nhất thiết trí vô tướng, vô đắc, vô niệm, vô tri là rốt ráo tịnh.

Ngã không biên giới nên sắc thọ, tưởng, hành, thức không biên giới. Mười hai xứ, mười tám giới… tất cả các thiện pháp không biên giới. **Vì rốt ráo là không, không biên giới cũng không nên rốt ráo tịnh**.

Xá Lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát có khả năng hiểu biết như vậy thì đó là đại Bồ Tát Bát nhã Ba la mật. Vì rốt ráo là không, không biên giới là không, tức **thành đạo tướng trí.**

Bồ Tát tu hành Bát Nhã mà không trụ bờ này, không trụ bờ kia, không trụ giữa dòng thì đó là đại Bồ Tát Bát nhã Ba la mật.Vì pháp tánh ba đời, bình đẳng, tức là thành đạo tướng trí.

(Phẩm "Khó Tin Hiểu" vừa tụng trên, dài 103 quyển hơn 1.075 trang sách đánh máy cở lớn đã nói quá nhiều về thanh tịnh này rồi. Ở đây chỉ khen ngợi sự thanh tịnh và phẩm kế tiếp nữa là "Thuyết Tướng Bát Nhã" lại thuyết về thanh tịnh nữa. Vì vậy, chúng tôi nói không những pháp môn thanh tịnh là pháp môn quan trọng trong việc tu tập Bát Nhã mà còn là pháp môn quan trọng trong việc tu Phật đối với tất cả các tông phái. <u>Không có thanh tịnh không có đạo Phật</u>. Do đó, thanh tịnh mới được xem là thân ấn, ngữ ấn, tâm ấn, trí ấn, trí tạng của chư Như Lai. Nên nhiều chỗ chúng tôi nói đạo Phật là Thanh-Tịnh-Đạo. Tất cả pháp tu rốt ráo là đưa đến chỗ này. Nếu hiểu biết như vậy mà tu hành thì có thể tháo gỡ tất cả mọi hệ lụy thế gian, không phải chạy đầu kia tìm kiếm nữa!)

Thích nghĩa:

(1). HT Thích Trí Nghiêm dịch là minh liễu.

Sơ giải:

1. Khen tịnh:

Sự thanh tịnh rất sâu xa, rất trong sáng, không chuyển không nối, vốn không tạp nhiễm, bản tánh thanh khiết. Sự thanh tịnh như thế vô đắc, vô quán. Sự thanh tịnh như vậy không sanh khởi, không hiển hiện. Sự thanh tịnh như thế bản tánh vô tri. Vì sao? Vì tất cả pháp vô tri, trì độn, nên chúng trơ lì ra đó. Các pháp không tự biết nó, các pháp cũng không biết các pháp khác, tự tướng rỗng không, nếu có thấy biết như vậy thì tâm được thanh tịnh.

Biết hay không là ở con người. Để phân biệt pháp nọ với pháp kia, nên đặt tên cho nó. Từ khi có tên, có danh sắc thì nó không còn là nó nữa. Bây giờ, nó trở thành lớn nhỏ, vuông tròn, đẹp xấu... Đó là lỗi của con người, không phải ở pháp. Hãy trả lại cái bản nguyên của thuở ban đầu cho chính nó thì đâu đâu cũng toàn một màu xanh thanh tịnh như nhau.

2. Thế nào gọi là rốt ráo tịnh?

*Ta có thể lấy đối thoại giữa Phật và Tu Bồ Đề ở **phẩm "Thuyết Tướng Bát Nhã" Q.293, Hội thứ I, ĐBN.** Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:*

"Bạch Thế Tôn! Di Lặc Bồ Tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề **chứng** những pháp nào? Và **nói** những pháp nào?

Phật nói: "Thiện Hiện! Di Lặc Bồ Tát khi được Vô thượng Bồ đề **chứng pháp sắc rốt ráo tịnh**, **nói pháp sắc rốt ráo tịnh**. Chứng pháp thọ tưởng hành thức rốt ráo tịnh, nói pháp thọ tưởng hành thức rốt ráo tịnh. Chứng pháp thập nhị xứ rốt ráo tịnh, nói pháp thập nhị xứ rốt ráo tịnh. Chứng pháp thập bát giới rốt ráo tịnh, nói pháp thập bát giới rốt ráo tịnh. Chứng tất cả pháp Phật rốt ráo tịnh, nói tất cả pháp Phật rốt ráo tịnh".

Rốt ráo tịnh có nghĩa là đối với uẩn xứ giới và tất cả pháp "tâm như như bất động". Tâm như như bất động là đối với trần cảnh không có sở đắc, không cảm thọ, không trụ, không chấp. Có trụ, có chấp... là có dính mắc, có trói buộc, có trói buộc là có phiền não. Khi tâm không còn phân

biệt, vô sở đắc, vô sở trụ... đó là tâm không hay còn gọi là vô tri, vô thức, vô niệm, vô tâm. Bát nhã Ba la mật còn gọi là Tánh Không, chủ trương tâm không tức dùng diệu quán "vô sở đắc", diệu huệ "vô sở trụ" làm phương tiện để sanh tâm thanh tịnh. Mục đích là quét sạch tất cả những dây mơ rễ má, những thói quen, tập tục gây phiền não còn vướng bận trong tâm thức để con người được rỗng rang tự tại.

Khi đạt đến trình độ nầy thì tâm thể hoàn toàn vắng lặng. Lúc đó không có nghĩa là người tu biến thành gỗ đá. Thiền sư Khuê Phong tức tôn giả Tông Mật nói: "Tâm có lặng thì linh chi mới mở". *Khi tâm thể tuyệt đối vắng lặng, người ta tin tưởng là huệ (trí Bát Nhã nhiệm mầu) xuất hiện, một thứ ánh sáng vi diệu phát chiếu sau cái "trống không" đó.*

Vì vậy, Ngũ đạo pháp môn của Kinh Đại thừa Bắc Thiền nói rằng:

1- Phật giác ngộ và giác ngộ là không móng tâm.

*2- **Khi tâm bất động, các giác quan yên lặng và trong trạng thái tĩnh lặng đó cánh cửa trí tuệ vô thượng sẽ hé mở.***

3- Trí tuệ vô thượng khai mở dẫn đến khai phóng một cách vi diệu thân và tâm. Tuy nhiên đây không phải là Niết bàn tịch tĩnh của Tiểu thừa, bởi vì trí tuệ vô thượng do chư Bồ Tát chứng đắc đòi hỏi các cảm thức tuy có hoạt động nhưng không dính mắc.

4- Tính hoạt động không dính mắc nầy nghĩa là không kẹt vào nhị nguyên đối đãi giữa thân và tâm, nơi đó hội được thật tướng các pháp.

5- Rốt cuộc đây là con đường của Nhất tính, dẫn đến giới sự của Như thị không ngăn ngại, không sai biệt. Đó là giác ngộ.(1)

Nên, Kinh nói: "Ngã không biên giới nên sắc thọ, tưởng, hành, thức không biên giới. Mười hai xứ, mười tám giới… tất cả các thiện pháp không biên giới. **Vì rốt ráo là không, không biên giới cũng không nên rốt ráo tịnh**.

(...) Nếu đại Bồ Tát có khả năng hiểu biết như vậy thì gọi đó là đại Bồ Tát Bát nhã Ba la mật. Vì rốt ráo là không, không biên giới là không, tức **thành đạo tướng trí**".

Vì rốt ráo không, không biên giới cũng không nên rốt ráo tịnh. Ngài Huyền Sa cũng nói "Bản nhiên thanh tịnh tức là cái tịch lặng an nhiên trong hiện tại". *Vậy, thanh tịnh ngoài sắc trần không nhiễm ô, không sanh diệt, không trụ chấp, không trói buộc, không dính mắc… còn có một ý*

nghĩa tuyệt đối là chân, ***một siêu thức được coi là trí tuệ vô thượng phát chiếu****, cái mà Kinh ĐBN nói "thành đạo tướng trí".*

Tới đây không còn phân biệt, chấp trước nữa. Mọi hiện hữu bây giờ được phơi bày "như thị". Tất cả tánh tướng thể dụng đều bình đẳng, và cái bình đẳng đó chính là cái tịch lặng an nhiên trong cuộc sống hiên tại. Bình đẳng đó Bát Nhã gọi là thanh tịnh. Người đạt được thanh tịnh và chứng trí đó không ai khác hơn Như Lai. Vì Như Lai là giải thoát, Như Lai là Niết bàn. Giải thoát và Niết bàn cũng gọi tịch tĩnh, cái tịch lặng an nhiên. Tất cả các từ đó đều ẩn dụ về cái thanh tịnh này. Vì vậy, chúng ta *không lấy làm lạ khi Ngũ đạo pháp môn nói: "Khi tâm bất động, các giác quan yên lặng và trong trạng thái tĩnh lặng đó cánh cửa trí tuệ vô thượng sẽ hé mở".*

Kết luận:

Tu hành là gì nếu không phải là luyện tâm, luyện trí? Luyện tâm là kỹ thuật hành trì để đưa tâm thể đạt đến chỗ an nhiên tịch lặng: ***Giới*** là hàng *rào ngăn chận tội lỗi từ ngoài vào, nếu giữ được giới thì tâm được thanh tịnh;* ***Định*** *là ngăn chận những dao động bên trong tức gạt bỏ vọng niệm, tâm sẽ như như bất động. Tới đó linh chi sẽ mở, linh chi tức là* ***Huệ****, một khi Huệ khai mở thì chứng đạo, được giải thoát hay đạt Niết bàn! Tam vô lậu học đó chính là kỹ thuật luyện tâm luyện trí tối cao của Phật đạo từ khi nó mới khai sáng, ngoài kỹ thuật đó không còn kỹ thuật nào khác!*

Thích nghĩa cho phần lược giải phẩm "Khen Ngợi Thanh Tịnh":

(1). Trích trong tác phẩm "Vô Niệm" của Thiền sư D.T. Suzuki do Thuần Bạch dịch./.

---o0o---

36. PHẨM "TRƯỚC VÀ CHẲNG TRƯỚC TƯỚNG"

Quyển 287 đến quyển 292, Hội thứ I, ĐBN.

Gợi ý:

Phẩm "Vô Tác" quyển thứ 14, Kinh MHBNBLMĐ, không có nhấn mạnh về giáo lý "Trước, Chẳng Trước Tướng" như Kinh ĐBN. Nhưng thật ra phẩm "Trước, Chẳng Trước Tướng" của Kinh ĐBN, văn từ lại tách ra làm 2 phần rõ rệt: Phần đầu, từ Q.287 đến Q.288, thuyết về "Trước và Chẳng Trước Tướng", phần sau từ Q.288 đến Q.292, lại thuyết về "Vô Tác". Chính phần sau này tương đương với phần đầu của phẩm "Vô Tác" thuộc Kinh MHBNBLMĐ. Sự phân chia này có thể làm các đạo hữu rối rắm thêm. Tuy nhiên, chúng tôi phải trình bày ra để các thiện hữu có dịp tham cứu và so chiếu. Thật ra, ***kết quả của chấp trước đều đưa đến tạo tác****. Đó là ý nghĩa chính của phẩm này.*

So đo, cân nhắc hơn thiệt…là tác dụng của phân biệt. Nhưng phân biệt không đáng trách. Cái đáng trách đi liền sau đó là sanh ra chấp trước. Chấp trước dưới bất cứ hình thức nào cũng đem lại nhiều mất mát, giới hạn đại bi tâm. Một khi phân biệt hiện diện, thì ngay đó có chủ khách, năng sở hiện ra… giác tâm không còn ở đó nữa. Chấp trước là biểu hiện của ngã trở thành tác chủ, như đám mây mù che mờ tánh giác, cánh cửa đại bi khép lại, thế giới thay vì trải rộng ra với bao thương yêu ấp ủ, bây giờ biến thành cái vỏ sò ích kỷ ôm chặt cái ngã hạn hẹp. Có anh là có tôi, có chủ có khách là có biên giới, có động niệm hơn thua, có lấy có bỏ, có được có mất… ***Đó là kết quả tất nhiên của phân biệt mà hậu quả tai hại chính là chấp trước****. Nếu không chấp trước thì tâm được an nhiên tịch lặng.*

Tóm lược:

1. Nói về "Trước và Chẳng Trước Tướng".
(Đầu phẩm, Q.287 và Q.288, Hội thứ I, ĐBN nói về trước, chẳng trước tướng)

Các thiện nam thiện nữ nào trụ Bồ Tát thừa mà không có phương tiện khéo léo lại lấy sở đắc làm phương tiện, đối với Bát nhã Ba la mật này, khởi tưởng bám lấy danh, bám lấy tướng, đắm trước Bát nhã Ba la mật thì không thể **chứng đắc thật tướng Bát Nhã**. Vì vậy, chính họ đã xa lìa Bát nhã Ba la mật. Trái lại, thiện nam, thiện nữ có phương tiện khéo léo, **lấy vô sở đắc làm phương tiện**, đối với Bát nhã Ba la mật nầy không bám danh tướng, không khởi đắm trước, không sanh kiêu mạn thì có khả năng chứng đắc thật tướng Bát Nhã. Nên biết, hạng người này gọi là không xa lìa Bát nhã Ba la mật.

Các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, **nếu không có phương tiện khéo léo,** khi hành Bát Nhã thì đối với sắc **cho là không** *(phủ định)*, **rồi khởi tưởng chấp trước không**; đối với thọ, tưởng, hành, thức cho là không, rồi khởi tưởng chấp trước không. Đối với mười hai xứ, mười tám giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cho là không, rồi khởi tưởng chấp trước không.

Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, nếu không có phương tiện khéo léo, khi tu hành Bát nhã Ba la mật **đối với sắc cho là sắc** *(tức khẳng định)* **rồi khởi tưởng chấp trước sắc**, đối với thọ, tưởng, hành, thức cho là thọ, tưởng, hành, thức rồi khởi tưởng chấp trước thọ, tưởng, hành, thức v.v… Một khi khẳng định là sắc, đó chính là chấp trước sắc. Một khi cho là không phải là sắc *(phủ định)*, đó cũng chính là chấp trước. Phủ định hay khẳng định cả hai, là **chấp có chấp không**, liền rơi vào nhị biên đối đãi, tức thiên lệch, thì không thoát nổi ngõ cụt ở hai đầu, ngay đó xa lìa Bát nhã Ba la mật. Chỉ vượt qua và vượt trên có và không thì mới gọi là vô chấp, vô thủ.

Các thiện nam, thiện nữ trụ Đại thừa, nếu **lấy sở đắc làm phương tiện** từ lúc mới phát tâm đối với Bát nhã Ba la mật, khởi tưởng **chấp trước hành;** đối với tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, khởi tưởng chấp trước hành; đối với 18 pháp không, tứ Thánh đế, thập nhị nhân duyên, ngũ nhãn, lục thần thông… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao khởi tưởng chấp trước hành, đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã khởi tưởng chấp trước các pháp như thế thì gọi là **trước tướng.**

Nếu đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật, **có phương tiện khéo léo**, **đối với sắc không khởi tưởng không hay bất không**, đối với thọ, tưởng,

hành, thức cũng không khởi tưởng không hay bất không. Đối với 12 xứ, 18 giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao **không khởi tưởng không hay bất không, lấy vô sở đắc làm phương tiện, và không nghĩ**: Ta *(năng)* là Bồ Tát, ta có tu bố thí, ta giữ giới, ta tu định, ta tu tuệ, ta gieo phước điền, ta nhập Chánh tánh ly sanh; ta thành thục hữu tình; nghiêm tịnh cõi Phật v.v… Nếu đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã như thế thì **có thể tránh được tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước**. Do khéo thông đạt tất cả pháp như thế, gọi đó là đại Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật có phương tiện khéo léo, lấy vô sở đắc làm phương tiện, không có tướng chấp trước.

Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, do tưởng chấp trước nên không thể tu hành Bát nhã Ba la mật, không thể hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao. Đại Bồ Tát đối với quả vị Giác ngộ tối cao, muốn thị hiện, chỉ dẫn, khuyến khích, khen gợi các hữu tình khác thì nên y như thật tướng mà thị hiện… Nhưng không phân biệt ta bố thí, ta tu tịnh giới, ta tu huệ, ta tu hành tất cả pháp môn Phật học v.v… như thế thì chẳng tổn hại mình, cũng chẳng tổn hại người thì liền có thể xa lìa tất cả tưởng chấp trước.

Tất cả tưởng và tất cả chấp đều là hư vọng!

Bát nhã Ba la mật nầy là pháp không tạo, không tác, không thể biết được.

Bát nhã Ba la mật như vậy khó có thể biết rõ. Vì Bát nhã Ba la mật nầy là pháp không thể thấy, không thể nghe, không thể biết, không thể hiểu, lìa tướng chứng đắc.

Bát nhã Ba la mật như vậy là không thể nghĩ bàn. Vì sao? Bát nhã Ba la mật chẳng thể dùng tâm để biết **vì lìa tướng của tâm**. Bát nhã Ba la mật như thế chẳng thể dùng sắc để biết, vì lìa tướng của sắc, chẳng thể dùng thọ, tưởng, hành, thức để biết, vì lìa tướng của thọ, tưởng, hành, thức; cũng chẳng thể dùng tất cả pháp để biết, vì lìa tướng của tất cả pháp.Tánh của tất cả pháp cũng khó có thể biết.

Vì tất cả pháp nhất tánh chẳng phải hai. Nên biết, các pháp nhất tánh tức là vô tánh; các pháp vô tánh tức là nhất tánh. Như vậy là các pháp nhất tánh vô tánh không tạo, không tác. Nếu đại Bồ Tát có khả năng biết như thật các pháp hiện hữu là nhất tánh vô tánh, không tạo không tác thì có thể xa lìa tất cả chấp trước.

2. Nói về "vô tác".
(Tương đương, phẩm "Vô Tác", quyển thứ 14, Kinh MHBNBLMĐ)

Bát nhã Ba la mật như thế, không có tạo tác. Vì các tạo tác chẳng thể nắm bắt được. Vì sắc chẳng thể nắm bắt được nên tạo tác chẳng thể nắm bắt được; vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nắm bắt được nên tạo tác chẳng thể nắm bắt được. Mười hai xứ, mười tám giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao chẳng thể nắm bắt được, nên tạo tác chẳng thể nắm bắt được.

Đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật nếu **chẳng hành sắc là hành Bát Nhã**, chẳng hành sắc hoặc **thường hoặc vô thường,** hoặc **lạc hoặc khổ**, hoặc **ngã hoặc vô ngã**, hoặc **tịnh hoặc bất tịnh** là hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì tánh của sắc còn không có sở hữu huống là có sắc hoặc thường hoặc vô thường, hoặc lạc hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh; tánh của tất cả pháp không có sở hữu huống là có thường hoặc vô thường, hoặc lạc hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh.

Đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật nếu chẳng hành ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao là **thường hoặc vô thường,** hoặc **lạc hoặc khổ**, hoặc **ngã hoặc vô ngã**, hoặc **tịnh hoặc bất tịnh là hành Bát nhã Ba la mật.**

Đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật, nếu **chẳng hành sắc viên mãn và chẳng viên mãn** là hành Bát nhã Ba la mật. Vì viên mãn hay chẳng viên mãn là hai tướng đối đãi. Đã là nhị nguyên đối đãi thì không phải là Phật pháp, nên nói chẳng hành như thế là hành Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật, đối với tất cả pháp **chẳng khởi tưởng trước và chẳng trước** là hành Bát nhã Ba la mật.

Pháp tánh của Bát nhã Ba la mật như thế thật sâu xa, hoặc nói hoặc chẳng nói đều chẳng tăng chẳng giảm. Như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trọn đời khen hay chê hư không thì hư không kia vẫn không tăng không giảm, pháp tánh sâu xa của Bát Nhã cũng giống như vậy, hoặc khen hay chê chẳng tăng chẳng giảm. Như ảo nhân đối với việc khen hay chê

chẳng tăng chẳng giảm, không buồn, không vui. Pháp tánh sâu xa của Bát nhã Ba la mật cũng giống như thế, hoặc nói hoặc chẳng nói vẫn như như không khác.

Các đại Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật là việc khó làm, bởi vì Bát nhã Ba la mật nầy, hoặc tu hoặc chẳng tu không tăng không giảm, cũng không thuận, không trái, thế mà các đại Bồ Tát vẫn chuyên cần tu học Bát nhã Ba la mật cho đến quả vị Giác ngộ tối cao không hề thối chuyển. Vì sao? Các đại Bồ Tát **tu hành Bát nhã Ba la mật như tu hư không**, hoàn toàn không có sở hữu. Như trong hư không, không có sắc có thể an lập*(1)*, không có thọ, tưởng, hành, thức có thể an lập, không có tất cả pháp để an lập, việc tu hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như vậy.

Thiên Đế Thích hỏi cụ thọ Thiện Hiện:

- "Thế nào là đại Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật, **tuy biết các pháp như ảo ảnh**, như chiêm bao, như tiếng vang, như ảnh tượng, như bóng nắng, như bóng sáng, như biến hóa, như ảo thành **mà đại Bồ Tát ấy chẳng chấp là ảo ảnh, là chiêm bao v.v…**, cũng chẳng chấp **do** ảo ảnh, do chiêm bao…, cũng chẳng chấp **thuộc ảo ảnh, thuộc chiêm bao**..., cũng chẳng chấp **nương** ảo ảnh, nương chiêm bao v.v…?"

Thiện Hiện đáp:

- "Nầy Kiều Thi Ca! **Nếu đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã chẳng chấp là sắc, cũng chẳng chấp do sắc, cũng chẳng chấp thuộc sắc, cũng chẳng chấp nương sắc. Tuy biết tất cả pháp như vậy mà chẳng chấp: Đó là đại Bồ Tát có khả năng tu hành Bát nhã Ba la mật"***(2)*.

Thích nghĩa:

(1). An lập: An để, dựng lập, kiến lập.

Tức là đặt bày các nghĩa sai biệt. Cũng tức là dùng lời nói, danh tướng để phân biệt các sự vật khác nhau. Trái với an lập là phi an lập. Phi an lập là vượt lên trên sự sai biệt tương đối, không dùng lời nói và danh tướng để bày tỏ.

(2). Phẩm "Trước & Chẳng Trước Tướng" Q.292, Hội thứ I, ĐBN.

Sơ giải:

1. Bát Nhã là vô trước.

Chúng ta có thể lấy đoạn Kinh trong Bát Nhã Bát Thiên Tụng do Trúc Hộ dịch, *để giải thích phần "Trước, Chẳng Trước Tướng" nầy:*

"Này Xá Lợi Phất! Thực ra không có một pháp nào tồn tại, nếu không biết rõ như thế thì tức là vô minh. Phàm phu vì không biết như thế nên mới sinh lòng chấp trước, vì chấp trước nên cho tất cả pháp là thật có, vì cho các pháp thật có nên chấp trước nhị biên *(chấp hữu chấp vô)*, và vì chấp trước nhị biên nên mới không thấy, **không biết cái chân tướng của các pháp**, vì không thấy, không biết nên chấp trước tất cả các pháp hiện tại, quá khứ, vị lai, do đó mới chấp có danh sắc. Vì chấp danh sắc nên cho các pháp đều thật có, bởi thế mà không thấy không biết được đạo như thật (Yathabhutam marga), vì không thấy, không biết được đạo như thật nên không siêu việt được tam giới, không thấy rõ được thật tướng tất cả pháp".

Biết được chân tướng sự thật của tất cả pháp **là không**, *thì có thể siêu việt được tam giới. Điều đó có nghĩa một khi đã nhập được pháp không rồi, biết nhân không pháp không, sống trong nhất nghĩa đế thì không còn phân biệt chấp trước. Sống trong Đệ nhất nghĩa đế thì thấy tất cả pháp đều bình đẳng. Như vậy, dù* ***thức tuy có hoạt động nhưng không có dính mắc, phân biệt chấp trước nữa. Tức sống vô vàn sai biệt mà không phân biệt, sống trong vô vàn phân biệt mà không thấy sai biệt,*** *tâm thể nhất như, thì được an nhiên tịch lặng thôi.*

2. Bát Nhã là vô tác.

Bồ Tát có khả năng tu hành Bát nhã Ba la mật, nhập được pháp không rồi, thì chẳng chấp sắc hay chẳng phải sắc; cũng chẳng chấp do sắc hay chẳng phải do sắc; cũng chẳng chấp thuộc sắc hay chẳng phải thuộc sắc; cũng chẳng chấp nương sắc hay chẳng phải nương sắc. Vì tất cả pháp như ảo ảnh, như chiêm bao, như tiếng vang, như bóng sáng, như trò biến hóa, như ảo thành, như hoa đốm giữa hư không… Tất cả rỗng không, vô sở hữu, bất khả đắc, vô thủ, vô trụ, vô chấp. Nếu thấy như vậy, biết như vậy thì tâm hành diệt, ngôn ngữ đoạn, bặt hý luận thì lấy gì mà thi vi tạo tác nữa?

Trong nhà Thiền có câu chuyện:

Thiền sư Thủ Sơn Tĩnh Niệm đưa cao cây trúc bề (cây thước ngắn) hỏi đồ chúng: "Này quý ông, nếu bảo cái này là cây gậy tức khẳng định, nếu bảo cái này không phải là cây gậy tức là phủ định, ngoài khẳng định và phủ định, nói đi, nói đi gọi là cái gì?"

Lúc ấy có một ông Tăng bước ra giựt cây trúc bề trên tay Hòa Thượng ném xuống đất. Đó là câu trả lời tuy lỗ mãng, nhưng đem lại kết quả tốt: Vứt đi là hết, là không còn gì để nói, không khẳng định mà *cũng không phủ định. Đó là con đường vượt qua có không, cũng có cũng không... nó siêu vượt nếp sống lý luận. Đó chính là giải pháp của Bát Nhã: Bịt tai, che mắt, bụm miệng để khỏi phải nghe, phải thấy, phải nói đến cảnh đoạn thường, mê ngộ, thủ xả, khứ lai... của cuộc sống thường tục nầy. Phủi sạch thế là xong!*

Có ai không chấp nhận giải pháp này. Nói đi. Nói???

Khi tâm thể được tắm gội sạch sẽ không còn một hạt bụi dù nhỏ nhiệm như một vi trần thì sẽ được thanh tịnh. Tu hành trăm kiếp ngàn kiếp không ngoài mục đích này. Gạt bỏ so đo phân biệt không còn chấp trước, hết thi vi tao tác thì được ung dung tự tại thôi.

Tu là phải xả trừ tất cả hình tướng, khái niệm thì không còn so đo, phân biệt, chấp trước nữa./.

---o0o---

37. PHẨM "THUYẾT TƯỚNG BÁT NHÃ"

Phần sau Q.292 đến Q.296, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Vô Tác", phần sau quyển thứ 14, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát Di Lặc khi chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao sẽ dùng pháp gì và các hành tướng nào để tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật thậm thâm?

Phật dạy:

- Đại Bồ Tát Di Lặc khi chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao sẽ dùng sắc chẳng phải thường-chẳng phải vô thường, chẳng phải lạc-chẳng phải khổ, chẳng phải ngã-chẳng phải vô ngã, chẳng phải tịnh-chẳng phải bất tịnh, chẳng phải tịch tịnh-chẳng phải chẳng tịch tịnh, chẳng phải viễn ly-chẳng phải chẳng viễn ly, chẳng phải buộc-chẳng phải mở, chẳng phải có-chẳng phải không, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại để tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế. Đại Bồ Tát Di Lặc sẽ dùng thọ, tưởng, hành, thức, 12 xứ, 18 giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất công, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao chẳng phải thường-chẳng phải vô thường, chẳng phải lạc-chẳng phải khổ v.v… để tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế.

Đại Bồ Tát Di Lặc khi chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao sẽ chứng pháp sắc rốt ráo thanh tịnh và nói pháp sắc rốt ráo thanh tịnh; chứng pháp thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo thanh tịnh và nói pháp thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo thanh tịnh; chứng tất cả pháp thanh tịnh, nói tất cả pháp rốt ráo thanh tịnh. *(Q.292, ĐBN)*

(Thế nào là thanh tịnh?)

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch thế Tôn! **Như thế nào gọi là thanh tịnh?***(1)*

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Vì **sắc thanh tịnh** nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Vì **sắc không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh**; vì thọ, tưởng, hành, thức và tất cả pháp không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên Bát Nhã thanh tịnh. Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức và tất cả pháp không nhiễm ô nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Vì tất cả pháp bất khả đắc, nên không nhiễm ô, nên Bát nhã Ba la mật mới thanh tịnh.

Vì **hư không không nhiễm ô** nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Vì hư không cũng bất khả đắc nên không nhiễm ô, vì hư không không nhiễm ô nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Vì sắc chỉ có **giả nói** nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức và tất cả pháp chỉ có giả nói nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Giống như hai vật gia chạm nhau nương hư không mà phát ra tiếng, nên nói tất cả pháp chỉ giả có, do đó Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Vì hư không chỉ có giả nói nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Vì **sắc chẳng thể diễn đạt** nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh, vì thọ, tưởng, hành, thức và tất cả pháp chẳng thể diễn đạt nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Vì sắc là pháp không thể diễn đạt nên chẳng thể diễn đạt; vì thọ, tưởng, hành, thức và tất cả pháp là pháp không thể diễn đạt nên chẳng thể diễn đạt, do đó Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Vì hư không chẳng thể diễn đạt nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Vì hư không là pháp không thể diễn đạt nên chẳng thể diễn đạt, do đó Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Vì **sắc chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhiễm, chẳng tịnh** nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh; vì thọ, tưởng, hành, thức và tất cả pháp chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhiễm, chẳng tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Vì sắc **rốt ráo không** nên chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhiễm, chẳng tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh**;** vì thọ, tưởng, hành, thức và tất cả pháp rốt ráo không nên chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhiễm, chẳng tịnh, do đó Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Vì hư không chẳng sanh-chẳng diệt, chẳng nhiễm-chẳng tịnh nên Bát Nhã Ba la mật thanh tịnh. Vì hư không rốt ráo không nên chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhiễm, chẳng tịnh, do đó Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

(Bát nhã Ba la mật như kho báu lớn).

Thiện nam thiện nữ nào, đối với Bát nhã Ba la mật nầy, thọ trì đọc tụng, như lý tư duy, vì người diễn nói, thì thiện nam thiện nữ ấy, sáu căn không bệnh, tứ chi đầy đủ, thân không suy yếu cũng không chết yểu, thường được vô lượng trăm nghìn thiên thần cung kính vây quanh, theo sau hộ niệm. Thiện nam thiện nữ ấy, mỗi tháng vào ngày mồng tám, ngày mười bốn, ngày rằm đọc tụng tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật nầy, khi ấy chúng trời ở các cõi đều tập trung đến chỗ Pháp sư nầy để nghe và thọ trì. Thiện nam thiện nữ ấy, do đọc tụng, tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật thậm thâm ở trong đại hội vô lượng ấy mà được công đức thù thắng vô lượng, vô số, vô biên, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể suy lường. Vì sao? Vì **Bát nhã Ba la mật nầy là kho báu lớn, có khả năng cứu thoát vô lượng, vô biên hữu tình khỏi sự bần cùng đại khổ của địa ngục**, bàng sanh, quỉ giới, loài người và chư thiên có khả năng ban cho vô lượng, vô biên hữu tình sự phú quí an lạc của dòng họ lớn Sát đế lợi, Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ; có khả năng ban cho vô lượng, vô biên hữu tình sự phú quí an lạc của các chúng trời trong 25 cảnh giới; có khả năng ban cho vô lượng, vô biên hữu tình sự an lạc của quả Thanh văn, quả vị Độc giác; có khả năng ban cho vô lượng, vô biên hữu tình sự an lạc của quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? **Vì trong kho báu lớn Bát nhã Ba la mật ấy rộng nói khai thị tất cả các pháp Phật*(2)*. Đối với các thiện pháp quí báu như thế, vô số hữu tình theo đó tu học thì sẽ hưởng phước lộc không thể nghĩ bàn. Vì nhơn duyên nầy nên Bát nhã Ba la mật được gọi là kho báu lớn**.

Trong kho báu lớn Bát nhã Ba la mật như thế, chẳng mảy may nói pháp có sanh, có diệt, có nhiễm, có tịnh, có thủ, có xả. Vì sao? Vì không có mảy may pháp có thể sanh, có thể diệt, có thể nhiễm, có thể tịnh, có thể thủ, có thể xả.

Trong kho báu lớn Bát nhã Ba la mật như thế, không nói có pháp nào là thiện, là bất thiện, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu lậu vô lậu, là có tội vô tội, là tạp nhiễm hay thanh tịnh, là hữu vi hay vô vi.

Vì nhơn duyên nầy nên Bát Nhã được coi là kho báu vô sở đắc.

(Bát Nhã và tánh Bát Nhã là không).

Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã không khởi tưởng, không phân biệt, không thủ đắc, không lý luận: Ta đang tu, ta đang hành, thì đại Bồ Tát ấy có khả năng tu hành Bát Nhã chân thật, nên có thể gần gũi, lễ kính phụng sự chư Phật, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn, du hóa khắp các cõi Phật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh Phật độ, tu các hạnh Bồ Tát, mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Bát nhã Ba la mật như thế đối với tất cả pháp chẳng thuận-chẳng trái, chẳng dẫn-chẳng bỏ, chẳng thủ-chẳng xả, chẳng sanh-chẳng diệt, chẳng nhiễm-chẳng tịnh, chẳng thường-chẳng đoạn, chẳng một-chẳng khác, chẳng đến-chẳng đi, chẳng vào-chẳng ra, chẳng tăng-chẳng giảm. *(Đó là các pháp nhị nguyên đối đãi).*

Bát nhã Ba la mật như thế chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại.

Bát nhã Ba la mật như thế chẳng vượt cõi Dục, chẳng ở cõi Dục; chẳng vượt cõi Sắc, chẳng ở cõi Sắc; chẳng vượt cõi Vô sắc, chẳng ở cõi Vô sắc.

Bát nhã Ba la mật như thế, đối với bố thí chẳng cùng chẳng bỏ; đối với tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, phương tiện xảo, nguyện, lực, trí Ba la mật chẳng cùng chẳng bỏ. Bát nhã Ba la mật như thế, đối với uẩn, xứ, giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật chẳng cùng chẳng bỏ. Bát Nhã như thế, chẳng cùng pháp Thanh văn, chẳng bỏ pháp Dị sanh, chẳng cùng pháp Độc giác, chẳng bỏ pháp Thanh văn, chẳng cùng pháp chư Phật, chẳng bỏ pháp Độc giác, chẳng cùng pháp vô vi, chẳng bỏ pháp hữu vi. Vì sao? Vì hoặc Phật xuất thế hoặc không, các pháp như thế thường như thế. Tất cả Như Lai Đẳng Giác hiện quán pháp tánh, pháp giới, pháp định, pháp trụ. Bậc Đẳng Giác đã tự hiện quán rồi vì các hữu tình tuyên thuyết khai thị, phân biệt rõ ràng, khiến cùng ngộ nhập, xa lìa các vọng tưởng phân biệt điên đảo.

Vì Bát Nhã và tánh của Bát Nhã là **không**; vì tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí và tánh của tịnh lự cho đến bố thí là không, 18 pháp bất cộng và tánh của 18 pháp bất cộng là không, Nhất thiết trí và tánh của Nhất thiết trí là không… nói chung cho đến tất cả pháp và tánh của tất cả

pháp là không. Vì những pháp ấy **vô tánh tự tánh không** nên Bát nhã Ba la mật như thế, đối với tất cả pháp chẳng do chuyển, chẳng do hoàn mà xuất hiện thế gian.

Bát nhã Ba la mật của đại Bồ Tát là đại Ba la mật, **vì đạt đến tự tánh không của tất cả pháp**, tuy đạt được tự tánh của tất cả pháp đều không nhưng các đại Bồ Tát nhân Bát nhã Ba la mật nầy mà chứng quả vị Giác ngộ tối cao, chuyển pháp luân nhiệm mầu, độ vô lượng chúng sanh; tuy chứng quả vị Giác ngộ nhưng không có chứng, vì pháp chứng chẳng thể nắm bắt được; tuy chuyển pháp luân nhưng không có chuyển, vì pháp chuyển, pháp hoàn chẳng thể nắm bắt được; tuy độ hữu tình nhưng không có độ, vì pháp thấy, chẳng thấy, chẳng thể nắm bắt được.

Trong Bát nhã Ba la mật như thế, việc chuyển pháp luân rốt ráo chẳng thể nắm bắt được, vì tất cả pháp đều vĩnh viễn chẳng sanh. Vì sao? Vì chẳng phải trong pháp không, vô tướng, vô nguyện lại có thể có việc năng chuyển năng hoàn.

Đối với Bát nhã Ba la mật này, nếu có khả năng tuyên thuyết, khai thị, phân biệt rõ ràng như thế, khiến dễ ngộ nhập thì gọi là tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật thanh tịnh; trong đó hoàn toàn không có người thuyết, người nghe, người chứng, quả để chứng; đã không có người thuyết, người nghe, người chứng… thì cũng không có phước điền quy định.

Thích nghĩa:

(1). Nếu câu hỏi này được đổi lại là "Bát nhã Ba la mật phải như thế nào thì mới được gọi là thanh tịnh?" thì những câu trả lời kế tiếp của Phật sẽ dễ hiểu hơn, vì chủ đề ở đây là thuyết tướng Bát nhã Ba la mật, chớ không phải thuyết về thanh tịnh.

(2). Tất cả pháp Phật, các thiện pháp, các pháp mầu Phật đạo, các pháp hy hữu, tư lương bồ đề Bồ Tát, Bồ Tát đạo… đã trích dịch và luận giải trong phần thứ I Tổng luận.

Sơ giải:

Thế nào là tướng của Bát Nhã?

***1. Bát Nhã là pháp thanh tịnh** (vì là vô tướng, bất nhị):*

Phẩm "Xá Lợi Phật" trong Kinh MHBNBLMĐ nói:

"Vì trong Bát nhã Ba la mật nói rộng nghĩa Tam thừa. Vì là pháp vô tướng vậy. Vì là pháp vô sanh-vô diệt vậy. Vì là pháp vô cấu-vô tịnh vậy. Vì là pháp vô tác-vô khởi vậy. Vì là pháp bất nhập-bất xuất, bất tăng-bất tổn, bất thủ-bất xả vậy. Nói như thế là theo thế tục, chẳng phải là đệ nhất nghĩa. Tại sao vậy? Bát nhã Ba la mật nầy chẳng phải bỉ-thử, chẳng phải cao-hạ, chẳng phải đẳng-bất đẳng, chẳng phải tướng-phi tướng, chẳng phải thế gian-xuất thế gian, chẳng phải hữu lậu-vô lậu, chẳng phải hữu vi-vô vi, chẳng phải thiện-bất thiện, chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại".

Phẩm "So Lường Công Đức" Q.129, Hội thứ I, ĐBN, cũng có cùng tư tưởng như trên:

" (…)Kiều Thi Ca! Vì Bát nhã Ba la mật như thế trong tạng bí mật, đã rộng nói pháp tương ưng Ba thừa. Nhưng vì pháp đã nói là lấy vô sở đắc làm phương tiện, **vô tánh-vô tướng** làm phương tiện, **vô sanh-vô diệt** làm phương tiện, **vô nhiễm-vô tịnh** làm phương tiện, **vô tạo-vô tác** làm phương tiện, **vô nhập-vô xuất** làm phương tiện, **vô tăng-vô giảm** làm phương tiện, **vô thủ-vô xả** làm phương tiện. Nên đã nói như vậy là do thế tục, chẳng phải thắng nghĩa. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật như thế, chẳng phải Bát nhã Ba la mật, chẳng phải chẳng Bát nhã Ba la mật*(phi, chẳng phi)*, chẳng phải bờ này, chẳng phải bờ kia, chẳng phải giữa dòng, chẳng phải đất liền, chẳng phải nước, chẳng phải cao, chẳng phải thấp, chẳng phải bằng phẳng, chẳng phải chẳng bằng phẳng, chẳng phải hữu tướng-chẳng phải vô tướng, chẳng phải thế gian-chẳng phải xuất thế gian, chẳng phải hữu lậu-chẳng phải vô lậu, chẳng phải hữu vi-chẳng phải vô vi, chẳng phải hữu tội-chẳng phải vô tội, chẳng phải hữu sắc-chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến-chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối-chẳng phải vô đối, chẳng phải thiện-chẳng phải bất thiện, chẳng phải hữu ký-chẳng phải vô ký, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, chẳng phải thuộc dục giới, chẳng phải thuộc sắc giới, chẳng phải thuộc vô sắc giới, chẳng phải học, chẳng phải vô học, chẳng phải chẳng học, chẳng phải chẳng vô học, chẳng phải kiến sở đoạn, chẳng phải tu sở đoạn, chẳng

phải chẳng tu sở đoạn, chẳng phải hữu chẳng phải không, chẳng phải cảnh, chẳng phải trí.

Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba la mật như thế chẳng cùng pháp chư Phật, chẳng cùng pháp Bồ Tát, chẳng cùng pháp Độc giác, chẳng cùng pháp Dự lưu, chẳng cùng pháp Nhất lai, chẳng cùng pháp Bất hoàn, chẳng cùng pháp A la hán, chẳng bỏ pháp phàm phu".

"(…) Bát nhã Ba la mật nầy không tướng, không trạng, không ngôn, không thuyết, chẳng phải có tướng, có trạng, có ngôn, có thuyết, **cho nên Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết tất cả pháp là không tướng, không trạng, không ngôn, không thuyết mà chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao**, vì các hữu tình thuyết tất cả pháp là vô tướng, vô trạng, vô ngôn, vô thuyết".

Phẩm "Thuyết Tướng Bát Nhã" Q.296, Hội thứ I, ĐBN:

"Bát nhã Ba la mật như thế đối với tất cả pháp chẳng thuận-chẳng trái, chẳng dẫn-chẳng bỏ, chẳng thủ-chẳng xả, chẳng sanh-chẳng diệt, chẳng nhiễm-chẳng tịnh, chẳng thường-chẳng đoạn, chẳng một-chẳng khác, chẳng đến-chẳng đi, chẳng vào-chẳng ra, chẳng tăng-chẳng giảm".

Tất cả các đoạn Kinh trên dù là Kinh ĐBN hay Kinh MHBNBLMĐ đều nói Bát nhã Ba la mật là vô tánh vô tướng. Nói chung, Bát nhã Ba la mật chẳng phải là nhị pháp… Như Lai biết Bát nhã Ba la mật như vậy nên Như Lai mới đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Kinh bảo: "Bát nhã Ba la mật nầy không tướng, không trạng, không ngôn, không thuyết, chẳng phải có tướng, có trạng, có ngôn, có thuyết, cho nên Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết tất cả pháp là không tướng, không trạng, không ngôn, không thuyết mà chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, vì các hữu tình thuyết tất cả pháp là vô tướng, vô trạng, vô ngôn, vô thuyết".

Chúng tôi trùng tụng quá nhiều không ngoài mục đích nói lên tánh cách ***vô tri*** *của Bát nhã Ba la mật. Bát nhã Ba la mật muốn gột sạch tất cả những gì còn vướng bận trong tâm thức của chúng ta. Khi nào tâm thức được gột sạch như nước đổ là môn không còn dấu vết của nhị nguyên, của "bát bất"(1) thì tâm thể mới đạt được cái tịch lặng an nhiên. Tất cả pháp môn tu hành không ngoài "lìa trần xa cấu", sạch trong sạch ngoài thì an nhiên tịch lặng thôi! Trong "Tín Tâm Minh", Tam tổ Tăng Xán nói:*

"Hai bên đừng ghé mắt
cẩn thận chớ đuổi tầm
phải trái vừa vướng mắc
là nghiền đốt mất tâm".

2. Bát Nhã là kho báu lớn:

Người nào thọ trì Kinh này thì đời này, đời sau có vô vàn công đức không thể nghĩ bàn. Vì vậy, mới nói Bát Nhã là kho báu lớn, cứu độ vô lượng chúng sanh. Kinh bảo:

(...) "Thiện nam thiện nữ ấy, do đọc tụng, tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật thậm thâm ở trong đại hội vô lượng ấy mà được công đức thù thắng vô lượng, vô số, vô biên, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể suy lường. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật nầy là kho báu lớn, có khả năng cứu thoát vô lượng, vô biên hữu tình khỏi sự bần cùng đại khổ của địa ngục, bàng sanh, quỉ giới, loài người và chư thiên có khả năng ban cho vô lượng, vô biên hữu tình sự phú quí an lạc của dòng họ lớn Sát đế lợi, Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ; có khả năng ban cho vô lượng, vô biên hữu tình sự phú quí an lạc của các chúng trời trong hai mươi lăm cảnh giới; có khả năng ban cho vô lượng, vô biên hữu tình sự an lạc của quả Thanh văn, quả vị Độc giác; có khả năng ban cho vô lượng, vô biên hữu tình sự an lạc của quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? **Vì trong kho báu lớn Bát nhã Ba la mật ấy rộng nói khai thị tất cả các pháp Phật. Đối với các thiện pháp quí báu như thế, vô số hữu tình theo đó tu học thì sẽ hưởng phước lộc không thể nghĩ bàn. Vì nhơn duyên nầy nên Bát nhã Ba la mật được gọi là kho báu lớn"**.

Phẩm "Công Đức Khó Nghe"(2) Q.301, Hội thứ I, ĐBN. Phật bảo:

"Này Thiện Hiện! Kho báu lớn Bát Nhã như vậy có khả năng ban cho hữu tình pháp báu 10 thiện nghiệp đạo, 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 5 thần thông. Này Thiện Hiện! Kho báu lớn Bát Nhã như vậy có khả năng ban cho hữu tình báu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật.

Này Thiện Hiện! Kho báu lớn Bát Nhã như vậy có khả năng ban cho hữu tình pháp báu tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười

biến xứ, ba mươi bảy pháp trợ đạo, Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao. Vì vậy, nên gọi Bát nhã Ba la mật là kho báu lớn".

3. Bát Nhã là tướng rỗng không:

Phần sau phẩm "Vô Tác" quyển thứ 14, Kinh MHBNBLMĐ. *Phật nói với Tu Bồ Đề*:

"Nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật tướng rỗng không nhẫn đến Đàn na Ba la mật, Đàn na Ba la mật tướng rỗng không; nội không nội không tướng rỗng không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không vô pháp hữu pháp tướng rỗng không; tứ niệm xứ tứ niệm xứ tướng rỗng không nhẫn đến bát Thánh đạo bát Thánh đạo tướng rỗng không; Phật thập lực thập lực tướng rỗng không nhẫn đến mười tám pháp bất cộng pháp bất cộng tướng rỗng không; quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm tướng rỗng không nhẫn đến Nhất thiết trí Nhất thiết trí tướng rỗng không".

"*Bát Nhã thậm thâm lấy không làm tướng; Bát Nhã lấy vô tướng, vô nguyện làm tướng; Bát Nhã lấy vô tác, vô sanh vô diệt, vô nhiễm vô tịnh, vô tánh làm tướng; Bát Nhã lấy vô tánh tự tánh, vô sở y, phi đoạn phi thường, phi nhất phi dị, vô lai vô khứ làm tướng; Bát Nhã lấy hư không làm tướng... (3). Các từ không, vô, bất, phi, chẳng phải… là những từ rỗng không, dẫn xuất từ Tánh Không Bát Nhã.*

Bát Nhã là rỗng không, trong suốt: Trong không, ngoài không, trong ngoài đều không cho đến vô tánh tự tánh cũng không, tất cả đều không, rốt ráo không... là tất cánh không, là "tận không", là Đệ nhất nghĩa không. Nên nói Bát Nhã trong suốt ngang đồng như hư không. Đó là tướng của Bát nhã Ba la mật. Vậy, ai có thể nắm bắt được Bát Nhã? Nếu không thể nắm bắt được tướng, thì vô khởi vô tác. Không khởi không tác, tất cả đều vắng lặng nên nói là thanh tịnh.

Kết luận:

Đọc ĐBN tới đây có lẽ hành giả Bát Nhã không lấy gì làm ngạc nhiên khi Bát nhã Ba la mật ca tụng pháp tu thanh tịnh này. Phẩm "Khó Tin

Hiểu", phẩm "Khen Ngợi Thanh Tịnh" và phẩm "Thuyết Tướng Bát Nhã" khen tặng Bát nhã Ba la mật về thanh tịnh này không tiếc lời. Nhưng nhiều phẩm hay phần mà chúng ta sẽ tụng đọc tới, sẽ tiếp tục ca tụng cái thanh tịnh này cho đến khi chấm dứt đại phẩm. Vì vậy, pháp tu thanh tịnh mới được xem là pháp tu vi diệu không những đối với Bát nhã Ba la mật mà cả đến tất cả các Tông phái Phật đạo khác nữa!

Để kết luận, phẩm "Thuyết Tướng Bát Nhã" Q.296, Hội thứ I, ĐBN, nói rằng:

"Đối với Bát nhã Ba la mật này, nếu có khả năng tuyên thuyết, khai thị, phân biệt rõ ràng như thế, khiến dễ ngộ nhập thì gọi là **tuyên thuyết Bát Nhã thanh tịnh;** trong đó hoàn toàn không có người thuyết, người nghe, người chứng, quả để chứng; đã không có người thuyết, người nghe, người chứng… thì cũng không có phước điền quy định".

Phẩm "Ba la mật" kế tiếp sẽ làm sáng tỏ thêm tướng Ba la mật.

Thích nghĩa cho phần chiết giải "Thuyết Tướng Bát Nhã":

(1). Bát bất là "Tám phạm trù phủ định" của Bồ Tát Long Thọ: Bất sinh-Bất diệt, Bất thường-Bất đoạn, Bất nhất-Bất dị, Bất khứ-Bất lai. Phủ định tất cả để giải thích "Trung đạo đế" của Bát nhã Ba la mật.

(2). Phẩm "Công Đức Khó Nghe" Q.301, Hội thứ I, phải đặt tên là "Công Đức Khó Được Nghe", không phải là "Công Đức Khó Nghe" mới đúng, nghĩa là không phải bất kỳ ai cũng có thể nghe được Bát nhã Ba la mật, chỉ có những người có công đức phước duyên mới có thể nghe, không có phúc duyên thì khó "được" nghe. Vì vậy, Bồ Tát Thường Đề trong Kinh này phải chẻ xương bán tủy mới được nghe Bát nhã Ba la mật.

(3). Phẩm "Vấn Tướng", quyển thứ 16, Kinh MHBNBLMĐ./.

---o0o---

38. PHẨM "BA LA MẬT"

Cuối Q.296 đến đầu Q.297, Hội thứ I, ĐBN.
(Tức phẩm "Khắp Ca Ngợi Trăm Ba La Mật" quyển thứ 14, MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

Bát Nhã là Ba la mật **vô biên** vì không có ngằn mé; là Ba la mật không có **dấu vết** vì không có danh thể; là **viễn ly** vì rốt ráo không; là **vô hành** vì tất cả pháp không đến không đi; là Ba la mật **vô tri** vì các sự hiểu biết chẳng thể nắm bắt được; là Ba la mật **chẳng sanh diệt** vì tất cả pháp không sanh diệt; **là không tạo tác** vì các sự tạo tác chẳng thể nắm bắt được; là **không dời đổi** vì sự sanh tử bất khả đắc, **không hư mất** vì tất cả pháp không biến hoại; là Ba la mật **vô nhị** vì xa lìa nhị biên; là **không sở đắc, không hý luận, không nhiễm, không tịnh**; là Ba la mật không kiêu mạn, không tham dục, không sân nhuế, không ngu si, không phiền não; là Ba la mật không đoạn, không hoại, không chấp trước, không phân biệt, không so lường, không khởi đẳng cấp; là Ba la mật **bình đẳng**, xa lìa nhiễm trước, vô cùng tĩnh lặng, như hư không…

Bát Nhã như vậy là Ba la mật **như mộng** vì tất cả pháp như chiêm bao, chẳng thể nắm bắt được; là Ba la mật như tiếng vang vì năng, sở, văn, thuyết đều chẳng thể nắm bắt được; là Ba la mật **như ảnh tượng** vì các pháp đều như ảnh hiện trong gương, chẳng thể nắm bắt được; là Ba la mật **như bóng nắng**; như ảo ảnh vì tất cả pháp như tướng trạng của dòng nước, chẳng thể nắm bắt được; là Ba la mật **như biến hóa** vì các pháp đều như ảo thuật; là Ba la mật **như ảo thành** vì các pháp đều như thành bằng hương khói.

Bát Nhã như vậy là Ba la mật khổ, Ba la mật không, Ba la mật vô thường, Ba la mật vô ngã*(1)*, Ba la mật vô tướng, vì có khả năng vĩnh viễn đoạn trừ các vọng niệm chấp trước.

Bát Nhã như vậy là Ba la mật **mười tám pháp không** vì các pháp chẳng thể nắm bắt được. Bát Nhã như vậy là Ba la mật **chơn như**, là Ba la mật pháp giới, là Ba la mật pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới,

bất tư nghì giới. Bát Nhã như vậy là Ba la mật **bốn Thánh đế, là ba mươi bảy pháp trợ đạo**.

Bát Nhã như vậy là Ba la mật **không giải thoát môn, là vô tướng giải thoát môn, là vô nguyện giải thoát môn**. Bát Nhã như vậy là Ba la mật tám giải thoát, là Ba la mật tám thắng xứ, chín thứ đệ định, mười biến xứ v.v… Bát Nhã như vậy là Ba la mật Nhất thiết trí, là Ba la mật Đạo tướng trí, Ba la mật Nhất thiết tướng trí. Bát Nhã như vậy là Ba la mật tất cả Bồ Tát hạnh, là quả vị Giác ngộ tối cao. Bát Nhã như vậy là Ba la mật Như Lai. Bát Nhã như vậy là Ba la mật tự nhiên vì đối với tất cả pháp được tự tại. Bát Nhã như vậy là Ba la mật Chánh Đẳng Giác vì đối với tất cả pháp có khả năng giác ngộ chơn chánh bình đẳng tất cả tướng *(Nói tóm lại, Bát Nhã như vậy là gồm thâu tất cả pháp Phật)*.

Thích nghĩa:

(1) Khổ, không, vô thường, vô ngã: Đó là tứ pháp ấn của Phật đạo. Chỉ được xem là Kinh Phật khi nào có nói đến các yếu tố căn bản này.

Sơ giải:

Nói chung, ngoài mười Ba la mật thông thường được các Kinh giới thiệu: 1. Bố thí, 2. Trì giới, 3. An nhẫn, 4. Tinh tấn, 5. Thiền định, 6. Bát Nhã, 7. Phượng tiện xảo, 8. Nguyện, 9. Lực và 10. Trí Ba la mật, Kinh còn cho rằng tất cả pháp mầu Phật đạo cũng được gọi là Ba la mật của chư Phật, chư Bồ Tát. Tu học các Ba la mật nầy sẽ Giác ngộ, được Nhất thiết trí trí, và chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề nghĩa là được giải thoát hay sang được bờ kia.

Vì các Ba la mật là rốt ráo, là viên mãn, là cứu cánh, là Niết bàn. Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ tất cả pháp, tức nhiếp thọ trăm ngàn các Ba la mật khác. Nên Kinh bảo: "Bát nhã Ba la mật như vậy là Ba la mật **không giải thoát môn, là vô tướng giải thoát môn, là vô nguyện giải thoát môn**. Bát nhã Ba la mật như vậy là Ba la mật tám giải thoát, là Ba la mật tám thắng xứ, chín thứ đệ định, mười biến xứ v.v… Bát nhã Ba la mật như vậy là Ba la mật Nhất thiết trí, là Ba la mật Đạo tướng trí, Ba la mật Nhất thiết tướng trí. Bát nhã Ba la mật như vậy là Ba la mật tất cả Bồ Tát hạnh, là quả vị Giác ngộ tối cao. Bát nhã Ba la mật như vậy là Ba la mật Như

Lai. Bát Nhã như vậy là Ba la mật tự nhiên vì đối với tất cả pháp được tự tại. Bát nhã Ba la mật như vậy là Ba la mật Chánh Đẳng Giác vì đối với tất cả pháp có khả năng giác ngộ chơn chánh bình đẳng tất cả tướng*". Nói tóm lại, Bát Nhã như vậy là gồm thâu tất cả pháp Phật*.

*Đó là lý do tại sao Kinh bảo:"*Bát nhã Ba la mật như vậy là Ba la mật Như Lai*". Đó cũng là âm vang cao tột cho những ai hành trì các Ba la mật. Cứ theo chỉ dẫn đó mà đi, đi đi rồi sẽ tới bờ bên kia:*

"Gaté gaté, paragaté, parasamgaté Bodhi Svahà!"

Lưu ý:

Phẩm "Ba La Mật" của Hội thứ I, ĐBN chính văn viết quá vắn tắt nên rất khó lãnh hội sự kỳ diệu của trăm ngàn Ba la mật mà Phật cho là học các pháp môn này thì "lìa bỏ bờ triền phược được giải thoát mà sang bờ Niết bàn bên kia". Chiết giải tới đây chúng tôi lấy làm ái ngại, các thiện hữu nên đọc thêm phẩm "Bất Khả Đắc" của Hội thứ II. Phẩm này có kèm theo chú giải của Bồ Tát Long Thọ trong Đại Trí Độ Luận, rõ ràng xúc tích hơn, các thiện hữu sẽ thấy cái mầu nhiệm của các Ba La Mật này.

Hẹn gặp lại phẩm "Bất Khả Đắc" của Hội thứ II, ĐBN./.

---o0o---

39. PHẨM "CÔNG ĐỨC KHÓ NGHE"

Phần sau Q.297 đến hết Q.302, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Kinh Nhĩ Văn Trì" quyển thứ 15, MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

(Sự tu tập và hành trì Bát nhã Ba la mật)

Kinh nói: Nếu thiện nam thiện nữ **chỉ được nghe** Bát nhã Ba la mật không thôi thì đời trước đã tích tụ nhiều công đức huống chi từng thọ trì, đọc tụng… Nếu người được nghe lại còn thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, đúng theo Kinh tu hành và có thể hỏi, có thể đáp Bát nhã Ba la mật này thì phải biết người ấy đời trước đã từng cúng dường thân cận nhiều đức Phật.

Nếu **nghe Bát nhã Ba la mật mà chẳng kinh chẳng sợ**, phải biết người ấy đã từ vô lượng ức kiếp thực hành lục Ba la mật. Nếu nghe rồi lại thọ trì, thân cận, đúng như lời mà tu tập, phải biết người ấy như các bậc Bồ Tát bất thối chuyển. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật này rất thâm sâu. Nếu đời trước chưa từng thực hành sáu Ba la mật thâm sâu, thời người ấy không thể nào tin được.

Nếu có thiện nam, thiện nữ nào **khinh chê** Bát nhã Ba la mật. Phải biết người ấy đời trước cũng đã từng khinh chê Bát nhã Ba la mật. Nên lúc nghe Bát nhã Ba la mật thậm thâm, người ấy không tin ưa, lòng không thanh tịnh. Vì người ấy đời trước chẳng từng thưa hỏi chư Phật và đệ tử Phật phải thực hành sáu Ba la mật thế nào, phải tu tập nội không đến vô pháp hữu pháp không thế nào, phải tu tập chơn như, pháp giới, pháp tánh… như thế nào, phải tu tứ niệm xứ đến bát Thánh đạo thế nào, phải tu hành mười tám pháp bất cộng… đến quả vị Giác ngộ như thế nào. Nếu chưa hề tu tập, chưa hề thưa hỏi nên không có lòng tin hiểu thì không có gì đáng lấy làm lạ!

Thiện nam, thiện nữ muốn trụ Nhất thiết trí, thời **phải trụ** Bát Nhã. Muốn sanh Đạo chủng trí thời **phải tập hành** Bát Nhã. Muốn dứt tất cả kiết sử và tập khí thời phải tập hành Bát Nhã. Muốn chuyển pháp luân thời phải tập hành Bát Nhã. Muốn được quả Thanh văn, Bích Chi Phật, thời phải tập hành Bát Nhã. Muốn giáo hóa chúng sanh cho được quả Tu Đà

Hoàn nhẫn đến quả Bích Chi Phật thời phải tập hành Bát nhã Ba la mật. Muốn giáo hóa chúng sanh được Vô thượng Bồ đề, muốn tổng nhiếp Tỳ Kheo Tăng, thời phải tập hành Bát Nhã.

Lúc thực hành Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát **đối với sắc chẳng an trụ, chẳng tu tập, chẳng phải chẳng an trụ, chẳng phải chẳng tu tập sắc tức là an trụ, tu tập sắc**. Đối với thọ, tưởng, hành, thức chẳng an trụ, chẳng tu tập, chẳng phải chẳng an trụ chẳng phải chẳng tu tập thọ, tưởng, hành, thức tức là an trụ, tu tập thọ, tưởng, hành, thức. Đối với tất cả pháp Phật chẳng an trụ, chẳng tu tập, chẳng phải chẳng an trụ, chẳng phải chẳng tu tập tất cả pháp Phật tức là an trụ, tức là tu tập tất cả pháp Phật. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy quán tất cả pháp Phật khoảng trước, sau, giữa đều **chẳng thể nắm bắt được**.

Vì vậy, nên nói Bát Nhã như thế rất sâu xa, khó có thể suy lường, vô hạn lượng.

Vì sắc như*(chơn như của sắc)* rất sâu xa, khó suy lường, vô hạn lượng, nên Bát Nhã rất sâu xa, khó suy lường, vô hạn lượng; vì thọ như, tưởng như, hành như, thức như rất sâu xa, khó suy lường, vô hạn lượng, nên Bát Nhã rất sâu xa, khó suy lường, vô hạn lượng. Vì mười hai xứ như, mười tám giới như rất sâu xa, khó suy lường, vô hạn lượng, nên Bát Nhã rất sâu xa, khó suy lường, vô hạn lượng. Vì tất cả pháp như *(tức chơn như của tất cả pháp)* Phật rất sâu xa, khó suy lường, vô hạn lượng, nên Bát Nhã rất sâu xa, khó suy lường, vô hạn lượng.

Bấy giờ, **Xá Lợi Tử bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát phải hành Bát nhã Ba la mật như thế nào cho phải?**

Phật dạy: Nếu đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã chẳng hành tánh sâu xa, chẳng hành tánh rất khó suy lường, chẳng hành tánh vô hạn lượng của uẩn, xứ, giới và tất cả pháp Phật là hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì tánh sâu xa, tánh khó suy lường, tánh vô hạn lượng của uẩn, xứ, giới thì chẳng phải là uẩn, xứ, giới; vì tánh sâu xa, tánh khó suy lường, tánh vô hạn lượng của tất cả pháp Phật thì chẳng phải là tất cả pháp Phật. Chẳng hành như vậy là hành Bát nhã Ba la mật.

Khi ấy, trời Đế Thích hỏi Xá Lợi Tử:

- Thưa Đại đức! Nếu ở trước hàng Bồ Tát tân học Đại thừa mà nói Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế thì có lỗi gì?

Xá Lợi Tử đáp:

- Này Kiều Thi Ca! Nếu ở trước hàng Bồ Tát tân học Đại thừa mà nói Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế thì khi nghe **họ sẽ kinh hoàng, sợ hãi, nghi hoặc, chẳng thể tin hiểu, nên sanh hủy báng**; do đó tăng trưởng tạo tác, chiêu cảm nghiệp đọa ác thú, chìm đắm ba đường ác, ở lâu trong sanh tử, khó đạt được quả vị Giác ngộ tối cao. Vì thế, chẳng nên ở trước Bồ Tát tân học mà nói Bát Nhã như thế.

Bát nhã Ba la mật rất thậm thâm nầy **chỉ nên thuyết giảng cho hàng Bồ Tát bất thối chuyển**. Khi nghe Bát Nhã, đại Bồ Tát này chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng sanh nghi hối, tất có thể tin và hành, thời nên biết đó là bậc Bồ Tát chẳng bao lâu sẽ được thọ ký Vô thượng Bồ đề, chẳng quá một hai đời Phật.

Thiện nam, thiện nữ **thành tựu thiện căn** nên khi được nghe Bát nhã Ba la mật liền thọ trì, tu hành đúng như lời. Phải biết vị này là bậc đại Bồ Tát, đã phát tâm từ lâu, gieo trồng căn lành, đã cúng dường nhiều đức Phật, gần gũi thiện tri thức. Vị này có thể thọ trì đến chánh ức niệm Bát nhã Ba la mật. Phải biết thiện nam thiện nữ ấy hoặc đã được thọ ký quả vị đại giác ngộ, hoặc sắp được thọ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Giống như lữ hành leo đèo lặn suối đi qua những vùng hiểm trở để đến nơi giàu sang lập nghiệp. Vị này trước tiên thấy có người chăn súc vật, hoặc thấy cây cối vườn tược… Lòng người ấy cảm thấy thư thái chẳng còn lo sợ ác thú, giặc cướp, đói khát… vì biết mình đã gần đến thành lớn an ổn lợi vui.

Cũng giống như người muốn tìm đường ra biển *(để dạo chơi hóng mát)*. Vị này vượt qua khỏi rừng rậm thấy có đồi cát xa xa, lại cảm thấy không khí mát lạnh mặc dù chưa thấy biển nhưng người ấy cũng đoán biết là mình chẳng bao lâu sẽ tới biển.

Cũng giống như mọi người mong chờ Xuân đến, khi thấy cây cỏ bắt đầu ló nụ, tiết Đông giảm dần, vạn vật trở nên ấm áp dễ chịu thì biết chẳng bao lâu Xuân sẽ đến! *(Q.300, ĐBN)*

Cũng vậy, đại Bồ Tát được nghe Bát nhã Ba la mật thậm thâm rồi thọ trì, đọc tụng nhẫn đến chánh ức niệm… Phải biết đại Bồ Tát nầy đã thành tựu thiện căn trải qua nhiều đời Phật. Chư Thiên Tử đã từng thấy chư Phật vui mừng như vậy… như vậy… thì nghĩ rằng các vị Bồ Tát tu trì Bát Nhã trước đây cũng có tướng tiên khởi được thọ ký như vậy, nên đoán biết các

đại Bồ Tát nầy chắc trước sau gì cũng sẽ được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thật là hy hữu, khéo phó chúc các đại Bồ Tát, khéo nhiếp thọ các đại Bồ Tát.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Vì sao? Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát cầu đạt quả vị Giác ngộ tối cao, vì lợi lạc cho các hữu tình; vì thương yêu, làm nhiều lợi ích cho hàng thiên nhơn. Các đại Bồ Tát ấy khi hành Bồ Tát đạo vì muốn làm lợi ích vô lượng trăm ngàn ức hữu tình nên dùng tứ nhiếp pháp mà nhiếp thọ họ, đó là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự; cũng an lập họ khiến siêng năng tu tập mười thiện nghiệp đạo.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy tự hành bốn tịnh lự, cũng dạy người hành bốn tịnh lự; tự hành bốn vô lượng, cũng dạy người hành bốn vô lượng; tự hành bốn định vô sắc, cũng dạy người hành bốn định vô sắc; tự hành sáu phép Ba la mật, cũng dạy người hành sáu phép Ba la mật; tự an trụ địa vị Bất thối chuyển, cũng khuyên họ an trụ địa vị Bất thối chuyển; tự đoạn tất cả phiền não, tập khí, cũng dạy người đoạn tất cả phiền não, tập khí; tự chứng quả vị Giác ngộ tối cao, chuyển pháp luân mầu nhiệm, độ vô lượng chúng, cũng dạy họ chứng quả vị Giác ngộ tối cao, chuyển pháp luân mầu nhiệm, độ vô lượng chúng sanh.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã như thế nào để mau được viên mãn?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát nào khi tu hành Bát Nhã **chẳng thấy sắc hoặc tăng hoặc giảm**, chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc tăng hoặc giảm, thì đại Bồ Tát ấy tu hành Bát Nhã mau được viên mãn. Nếu đại Bồ Tát nào khi tu hành Bát Nhã chẳng thấy mười hai xứ, mười tám giới hoặc tăng hoặc giảm, chẳng thấy tất cả pháp Phật hoặc tăng hoặc giảm, thì đại Bồ Tát ấy tu hành Bát Nhã mau được viên mãn.

Lại nữa, này Thiện Hiện! **Nếu đại Bồ Tát nào khi hành Bát Nhã chẳng thấy pháp đúng, chẳng thấy pháp sai, chẳng thấy hữu lậu, chẳng thấy vô lậu, chẳng thấy hữu vi, chẳng thấy vô vi thì đại Bồ Tát ấy tu hành Bát Nhã mau được viên mãn**.

Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát nào khi hành Bát Nhã **chẳng thấy quá khứ, chẳng thấy hiện tại, chẳng thấy vị lai**, chẳng thấy thiện, chẳng thấy bất thiện, chẳng thấy vô ký, chẳng thấy Dục giới, chẳng thấy Sắc giới, chẳng thấy Vô sắc giới, thì đại Bồ Tát ấy tu hành Bát Nhã mau được viên mãn.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát nào khi hành Bát Nhã **chẳng thấy bố thí** Ba la mật, chẳng thấy tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, thì đại Bồ Tát ấy tu hành Bát Nhã mau được viên mãn. Nếu đại Bồ Tát nào khi hành Bát Nhã chẳng thấy **pháp không nội** cho đến pháp không không tánh tự tánh, chẳng thấy chơn như, chẳng thấy pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế… thì đại Bồ Tát ấy tu hành Bát Nhã mau được viên mãn. Nếu đại Bồ Tát nào **khi hành Bát Nhã chẳng thấy tất cả pháp Phật thì đại Bồ Tát ấy tu hành Bát Nhã được viên mãn.** Vì sao? Này Thiện Hiện! **Vì tất cả pháp không có tánh tướng, không có tác dụng, chẳng chuyển động, hư vọng giả dối, tánh chẳng chắc chắn, chẳng tự tại, không tri giác, không cảm thọ, xa lìa ngã, hữu tình, dòng sinh mạng, sự sanh… cho đến cái biết, cái thấy.**

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Những điều Như Lai đã nói chẳng thể nghĩ bàn.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đúng vậy! **Những điều Như Lai đã nói chẳng thể nghĩ bàn.**

Này Thiện Hiện! **Vì sắc chẳng thể nghĩ bàn** nên điều Như Lai nói chẳng thể nghĩ bàn; vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nghĩ bàn nên điều Như Lai nói chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện Hiện! Vì mười hai xứ, mười tám giới chẳng thể nghĩ bàn nên những điều Như Lai nói chẳng thể nghĩ bàn; vì tất cả pháp Phật chẳng thể nghĩ bàn nên những điều Như Lai nói chẳng thể nghĩ bàn.

Nhưng này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát nào khi hành Bát Nhã, **đối với sắc chẳng khởi ý tưởng chẳng nghĩ bàn,** đối với thọ, tưởng, hành, thức chẳng khởi ý tưởng chẳng nghĩ bàn, thì đại Bồ Tát ấy tu hành Bát Nhã mau được viên mãn.

Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát nào khi hành Bát Nhã, đối với mười hai xứ, mười tám giới chẳng khởi ý tưởng chẳng nghĩ bàn, đối với tất cả pháp Phật chẳng khởi ý tưởng chẳng nghĩ bàn, thì đại Bồ Tát ấy tu hành Bát Nhã mau được viên mãn.

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế nghĩa lý sâu xa **ai có thể tin hiểu**?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Nếu đại Bồ Tát nào từ lâu đã tu sáu pháp Ba la mật, từ lâu đã trồng các căn lành, đã cúng dường nhiều đức Phật, đã phụng sự nhiều thiện hữu, thì đại Bồ Tát ấy có thể tin hiểu Bát nhã Ba la mật sâu xa này.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như vậy nên biết đại Bồ Tát ấy từ lâu đã tu sáu phép Ba la mật, từ lâu đã trồng các căn lành, đã cúng dường nhiều đức Phật, đã phụng sự nhiều thiện hữu.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã chẳng tư duy **phân biệt sắc**, chẳng tư duy phân biệt thọ, tưởng, hành, thức; **chẳng tư duy phân biệt tướng của sắc**, chẳng tư duy phân biệt tướng của thọ, tưởng, hành, thức; **chẳng tư duy phân biệt tánh** của sắc, chẳng tư duy phân biệt tánh của thọ, tưởng, hành, thức là vì sao? Vì sắc cho đến thức chẳng thể nghĩ bàn.

Như vậy, nên biết đại Bồ Tát ấy từ lâu đã tu sáu phép Ba la mật, từ lâu đã trồng các căn lành, đã cúng dường nhiều đức Phật, đã phụng sự nhiều thiện hữu.

Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã chẳng tư duy phân biệt mười hai xứ, mười tám giới, chẳng tư duy phân biệt tất cả pháp Phật; chẳng tư duy phân biệt tướng của tất cả pháp Phật, chẳng tư duy phân biệt tánh của tất cả pháp Phật. Vì sao? Vì mười hai xứ, mười tám giới và tất cả pháp Phật chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện Hiện! Như vậy, nên biết đại Bồ Tát ấy từ lâu đã tu sáu phép Ba la mật, từ lâu đã trồng các căn lành, đã cúng dường nhiều đức Phật, đã phụng sự nhiều thiện hữu.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Bát nhã Ba la mật như vậy là kho báu lớn**?

Phật dạy:

- Đúng vậy! Vì Bát nhã Ba la mật có khả năng ban cho hữu tình báu công đức.

Này Thiện Hiện! Kho báu lớn Bát nhã Ba la mật như vậy có khả năng ban cho hữu tình pháp báu mười thiện nghiệp đạo, bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông. Này Thiện Hiện! Kho báu lớn Bát nhã Ba la mật như vậy có khả năng ban cho hữu tình báu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật.

Này Thiện Hiện! Kho báu lớn Bát nhã Ba la mật như vậy có khả năng ban cho hữu tình pháp báu tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, ba mươi bảy pháp trợ đạo, Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao. Vì vậy, nên gọi Bát nhã Ba la mật là kho báu lớn. *(Q.301, ĐBN)*

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như vậy **là nơi tập hợp của mọi thanh tịnh**?

Phật dạy:

- Đúng vậy! Này Thiện Hiện! **Vì sắc thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh**; vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Vì mười hai xứ, mười tám giới thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh, vì tất cả pháp Phật thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Vì vậy, Bát nhã Ba la mật được xem như là nơi tập hợp của mọi thanh tịnh.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng: Rất lạ, Thế Tôn! Hiếm có, Thiện Thệ! Bát nhã Ba la mật như thế vì quá thẳm sâu, có nhiều các lưu nạn, mà nay tại sao rộng thuyết lưu nạn chẳng sanh?

Phật nói: Thiện Hiện! Như vậy. Bát nhã Ba la mật thẳm sâu có nhiều lưu nạn, nhờ thần lực Phật nên nay Ta rộng thuyết lưu nạn chẳng sanh. Vậy nên, các Đại thừa thiện nam, thiện nữ thảy đối Bát nhã Ba la mật đây, nếu muốn biên chép nên biên chép mau, nếu muốn đọc tụng, thọ trì thì nên thọ trì mau, tu tập, suy nghĩ, tuyên nói nên tuyên nói mau. Vì sao? Thiện nam tử! Bát nhã Ba la mật thẳm sâu có nhiều lưu nạn, chớ để nó khởi khiến kẻ biên chép, đọc tụng, thọ trì, tu tập, suy nghĩ, vì người tuyên nói chẳng được rốt ráo.

Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ này, nếu muốn một tháng, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn... hoặc bảy cho đến một năm biên chép Bát nhã Ba

la mật thẳm sâu như thế, năng được rốt ráo; nên siêng tinh tấn buộc niệm lo biên chép, trải qua thời gian ấy khiến được rốt ráo thành xong. Thiện Hiện! Các thiện nam thiện nữ này, nếu muốn một tháng, hoặc hai, hoặc ba... hoặc bảy cho đến một năm, đối Bát nhã Ba la mật đây thọ trì, đọc tụng, tu tập, suy nghĩ, vì người tuyên nói năng được rốt ráo; nên siêng tinh tấn buộc niệm thọ trì cho đến tuyên nói trải thời gian ấy, khiến được rốt ráo thành xong. Vì sao? Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thẳm sâu là ngọc báu vô giá nên nhiều lưu nạn vậy.

Bấy giờ, Thiện Hiện lại thưa Phật rằng: Rất lạ, Thế Tôn! Hiếm có, Thiện Thệ! Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như ngọc báu vô giá, mà có kẻ biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, suy nghĩ, vì người diễn nói. Tại sao ác ma muốn làm lưu nạn chẳng cho biên chép diễn nói?

Phật nói: Thiện Hiện! Ác ma đối Bát nhã Ba la mật thẳm sâu đây, dù muốn lưu nạn chẳng cho biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, suy nghĩ, vì người diễn nói; nhưng vô lực không làm được việc này.

Bấy giờ Xá Lợi Tử thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Là thần lực nào khiến ác ma kia chẳng làm lưu nạn được?

Phật nói: Xá Lợi Tử! Là thần lực Phật khiến ác ma kia chẳng thể làm lưu nạn được. Lại nữa, Xá Lợi Tử! Cũng là thần lực của chư Phật mười phương tất cả thế giới, khiến ác ma kia chẳng năng lưu nạn được. Chư Phật Thế Tôn đều chung hộ niệm các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, ra làm nghiệp lành khiến ác ma kia chẳng năng làm lưu nạn được.

Khi ấy, Xá Lợi Tử lại thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu các thiện nam thiện nữ, đối Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế năng biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, suy nghĩ, rộng thuyết, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện đang thuyết pháp mười phương thế giới vô lượng vô số vô biên đem Phật nhãn xem thấy. Do nhân duyên đây từ bi hộ niệm.

Phật nói: Như vậy. Như lời ngươi vừa nói. Nếu các thiện nam, thiện nữ biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, suy nghĩ, rộng thuyết Bát nhã Ba la mật, thời các thiện nam, thiện nữ này hằng được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện đang thuyết pháp 10 phương vô lượng vô số vô biên thế giới đem Phật nhãn xem thấy hiểu biết hộ niệm, khiến các ác ma chẳng năng quấy nhiễu não loạn, chỗ tu nghiệp lành mau được thành xong.

Xá Lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, nếu đối Bát nhã Ba la mật thẳm sâu này năng biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, suy nghĩ, rộng nói, phải biết các thiện nam, thiện nữ này đã gần Vô thượng Bồ đề, các ác ma chẳng năng làm lưu nạn được.

Lại nữa, Xá Lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ thảy trụ Bồ Tát thừa, nếu năng biên chép Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, dùng các món trang nghiêm, thọ trì, đọc tụng. Phải biết các thiện nam, thiện nữ này đối Bát nhã Ba la mật đây đã sâu sanh tin hiểu. Nếu lại đối Bát nhã Ba la mật thẳm sâu này, đem các hoa hương, bảo tràng, phan lọng, áo mặc, anh lạc, kỹ nhạc, đèn sáng cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Phải biết các thiện nam, thiện nữ này thường được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đem Phật nhãn xem thấy hiểu biết hộ niệm. Do nhân duyên này quyết định sẽ được đại tài, đại thắng lợi, đại quả, đại dị thục.

Xá Lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ này vì năng biên chép, thọ trì đọc tụng, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, do căn lành ấy cho nên được bậc Bất thối chuyển. Ở trong thời gian giữa thường chẳng rời Phật, hằng nghe chánh pháp, chẳng đọa ác thú.

Xá Lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ này do căn lành đây, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thường chẳng xa lìa bố thí Ba la mật; thường chẳng xa lìa tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Xá Lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ này do căn lành đây, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thường chẳng xa lìa mười tám pháp không, thập nhị chân như. Xá Lợi Tử! Các thiện, thiện nữ này do căn lành đây, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thường chẳng xa lìa tứ Thánh đế, bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn vô sắc định, tám giải thoát, ba mươi bảy pháp trợ đạo, tam giải thoát môn; chẳng xa lìa tu bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng, Nhất thiết tướng trí... cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề; thường chẳng xa lìa thần thông tự tại, dạo các cõi Phật, khuyến thỉnh chư Phật quay xe chánh pháp, độ vô lượng chúng sanh. Xá Lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ này do căn lành đây, cho đến Vô thượng Bồ đề thường chẳng xa lìa Bồ Tát hạnh.

(Sự bành trướng Bát nhã Ba la mật trên thế giới).

Bấy giờ, Xá Lợi Tử thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, **Phật diệt độ rồi phương nào sẽ được hưng thịnh**?

Phật nói: Xá Lợi Tử! Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, ta diệt độ rồi đến **phương Đông Nam** sẽ lần hưng thịnh. Phương kia sẽ có Bí sô, Bí sô ni, tại gia nam, tại gia nữ, quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ trụ Bồ Tát thừa, năng đối Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế đem lòng tin hiểu, biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, suy nghĩ, rộng nói. Lại đem các món tràng hoa thượng diệu, hương xoa, hương bột thảy... đèn sáng cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế. Các chúng sanh kia do căn lành thù thắng như thế, nên rốt ráo chẳng đọa ác thú, thường sanh trong trời người hưởng giàu sang sung sướng. Do thế lực tăng ích sáu pháp Ba la mật khiến mau viên mãn. Nhờ đây lại năng cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen các Phật Thế Tôn. Sau tùy chỗ sanh, nương pháp Tam thừa lần lữa tu tập mà ra khỏi.

Xá Lợi Tử! Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, khi Ta diệt độ rồi từ phương Đông Nam chuyển đến **phương Nam** sẽ lần hưng thịnh. Rồi lại từ phương Nam đến **phương Tây Nam** sẽ lần hưng thịnh. Kế đến lại từ phương Tây Nam đến **phương Tây Bắc** sẽ lần hưng thịnh. Lại từ phương Tây Bắc chuyển đến **phương Bắc**. Rồi từ phương Bắc đến **phương Đông Bắc** sẽ lần hưng thịnh.

Sau khi **Ta diệt độ rồi phần sau của hậu thời năm trăm năm sau, Bát Nhã thẳm sâu ở phương Đông Bắc đại tác Phật sự**. Vì sao? Xá Lợi Tử! Pháp được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tôn trọng tức là Bát nhã Ba la mật. Bát nhã Ba la mật như thế tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cùng đồng hộ niệm. Xá Lợi Tử! Luật tạng Vô Thượng Chánh Đẳng là pháp mà Phật đã được, chẳng phải có tướng diệt mất. Các Phật đã được pháp Luật tạng Vô thượng Chánh pháp tức là Bát nhã Ba la mật. Xá Lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ phương Đông Bắc kia, nếu năng đối Bát nhã Ba la mật thẳm sâu đây tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, tu tập, suy nghĩ, rộng nói, Ta thường hộ niệm các thiện nam, thiện nữ này khiến không não hại. Xá Lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ phương Đông Bắc kia, nếu năng biên chép Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, lại đem các món tràng hoa thượng diệu, hương xoa, hương bột thảy, áo mặc... kỹ nhạc, đèn sáng cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen Bát nhã Ba la mật thẳm sâu. Ta nói quyết định các thiện nam, thiện nữ kia, do căn lành đây rốt ráo chẳng đọa ác thú, sanh

trong trời người thường hưởng giàu sang sung sướng. Do thế lực đây tăng ích sáu pháp Ba la mật. Sau tùy chỗ sanh, nương pháp Tam thừa lần lữa tu tập mà vào Niết bàn. Vì sao? Xá Lợi Tử! Ta đem Phật nhãn xem thấy chứng biết, xưng ca khen ngợi các thiện nam, thiện nữ này chỗ được công đức. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác yên ổn trụ trì hiện đang thuyết pháp ở Đông Tây Nam Bắc, bốn góc, trên dưới vô lượng vô biên thế giới cũng đem Phật nhãn xem thấy chứng biết, xưng ca khen ngợi các thiện nam, thiện nữ này chỗ được công đức.

Bấy giờ, Xá Lợi Tử thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, Phật diệt độ rồi phần sau của hậu thời năm trăm năm sau, ở phương Đông Bắc rộng lưu khắp ư?

Phật nói: Xá Lợi Tử! Như vậy. **Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, Ta diệt độ rồi phần sau của hậu thời năm trăm năm sau, ở phương Đông bắc sẽ được rộng lưu khắp**. Xá Lợi Tử! Ta diệt độ rồi các thiện nam, thiện nữ phương Đông Bắc kia, nếu được năng nghe Bát nhã Ba la mật thẳm sâu đây, rất sanh lòng tin hiểu, biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, suy nghĩ, rộng nói. Phải biết các thiện nam, thiện nữ kia đã lâu phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng giác, đã tu hạnh Bồ Tát, cúng dường nhiều Đức Phật, phụng sự nhiều các bạn lành, chỗ trồng căn lành đều đã thành thục. Do phước lực này được nghe Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế, rất sanh lòng tin hiểu, lại năng biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, vì người rộng nói.

Khi ấy, Xá Lợi Tử lại thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Phật diệt độ rồi phần sau của hậu thời năm trăm năm sau, ở phương Đông Bắc có bao nhiêu thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, được nghe Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế rất sanh lòng tin hiểu, lại năng biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, vì người rộng nói?

Phật nói: Xá Lợi Tử! Ta diệt độ rồi phần sau của hậu thời năm trăm năm sau, ở phương Đông Bắc tuy có vô lượng các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, mà ít kẻ được nghe Bát Nhã thẳm sâu rất sanh lòng tin hiểu, tâm kia chẳng kinh, chẳng khủng, chẳng bố, cũng không ưu hối. Lại năng biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, vì người rộng nói.

Xá Lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ này chẳng lâu sẽ trọn đủ bố thí Ba la mật; chẳng lâu sẽ trọn đủ tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật.

Xá Lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ này chẳng lâu sẽ trọn đủ 18 pháp không, thập nhi chơn như, tứ Thánh đế, bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn vô sắc định, tám giải thoát, tám thắng xứ, chín thứ đệ định, mười biến xứ, 37 pháp trợ đạo, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết trí trí... cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, Xá Lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ kia vì được tất cả Như Lai hộ niệm, vì được nhiều bạn lành nhiếp hộ, vì được căn lành thù thắng giữ gìn, vì muốn lợi ích nhiều chúng sanh nên cầu đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Xá Lợi Tử! Ta thường vì các thiện nam, thiện nữ kia nói pháp tương ưng Nhất thiết trí trí. Các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ cũng thường vì các thiện nam, thiện nữ kia nói pháp tương ưng Nhất thiết trí trí. Do nhân duyên này, các thiện nam, thiện nữ, đời sau lại năng cầu đến Vô thượng Bồ đề. Cũng năng vì người mà nói pháp khiến đến Vô thượng Bồ đề. Xá Lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ kia thân tâm an định, các ác ma vương cùng quyến thuộc kia hãy chẳng phá hoại tâm cầu đến Vô thượng Chánh Đẳng giác.

Xá Lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ Đại thừa như thế, nghe Ta nói Bát nhã Ba la mật thẳm sâu đây, tâm vui mừng được diệu pháp rộng lớn, cũng năng an lập vô lượng chúng sanh nơi thắng thiện pháp khiến đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Xá Lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ này, nay ở trước ta cũng ở trước vô lượng Phật quá khứ phát hoằng thệ nguyện rằng: “Ta sẽ an lập vô lượng trăm ngàn trăm ức muôn ức các loại hữu tình, khiến phát tâm Vô thượng Chánh Đẳng giác, tu hạnh Bồ Tát, thị hiện khuyến dẫn khen gắng vui mừng, khiến đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cho đến được thọ ký Bất thối chuyển”. Xá Lợi Tử! Ta đối nguyện kia rất sanh lòng tùy hỷ. Vì sao? Xá Lợi Tử! Ta xem các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa như thế, đã phát hoằng nguyện tâm ý hợp nhau. Các thiện nam, thiện nữ kia ở đời đương lai an lập vô lượng trăm ngàn trăm ức muôn ức các loại hữu tình khiến phát tâm Vô thượng Chánh Đẳng giác, tu hạnh Bồ Tát thị hiện khuyến dẫn khen gắng vui mừng, khiến đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cho đến được thọ ký Bất thối chuyển.

Xá Lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ này tin hiểu rộng lớn, hay nương sắc thanh hương vị xúc nhiệm mầu tu bố thí rộng lớn. Tu bố thí đây rồi, lại hay vun trồng căn lành rộng lớn, nhờ căn lành này lại hay nhiếp thọ quả

báo rộng lớn. Nhiếp thọ quả báo rộng lớn như thế, chuyên làm lợi vui cho tất cả hữu tình. Đối các hữu tình năng xả tất cả sở hữu trong ngoài. Các thiện nam, thiện nữ hồi hướng căn lành đã trồng như thế, nguyện sanh cõi nước các Đức Phật phương khác, hiện có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đang tuyên nói Bát Nhã thẳm sâu. Nghe Bát nhã Ba la mật pháp thẳm sâu vô thượng rồi, lại an lập vô lượng trăm ngàn trăm ức muôn ức các loại hữu tình trong cõi Phật kia, khiến phát tâm Vô thượng Chánh Đẳng giác tu Bồ Tát hạnh cho đến khi đạt Bất thối chuyển.

Khi ấy, Xá Lợi Tử lại thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Rất lạ. Bạch Thiện Thệ! Hiếm có. Phật đối các pháp vô sở hữu quá khứ vị lai hiện tại, không pháp nào chẳng chứng biết. Đối tất cả pháp chơn như, pháp giới và pháp tánh thảy, không pháp nào không chứng biết. Đối các pháp giáo hóa, không pháp nào chẳng chứng biết. Đối tâm hành sai khác của các hữu tình khác, không tâm nào chẳng chứng biết. Đối quá khứ, vị lai, hiện tại Phật, Bồ Tát, Thanh văn và cõi Phật, không thứ gì chẳng chứng biết. Đối mười phương cõi tất cả Như Lai Ứng Giác đã thuyết pháp, Bồ Tát, Thanh văn và cõi Phật thảy, không thứ gì chẳng chứng biết.

Xá lợi Tử lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát đối sáu Ba la mật, mạnh mẽ tinh tiến hằng cầu chẳng dứt, đối sáu Ba la mật đây thời được hay chẳng được? Phật nói: Xá Lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ kia hằng đối sáu Ba la mật đây mạnh mẽ tinh tiến hớn hở cầu chẳng dứt, tất cả thời được, chẳng phải không được. Vì sao? Xá Lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ kia hằng đối sáu Ba la mật đây, mạnh mẽ tinh tiến mừng cầu chẳng dứt, thì được chư Phật, Bồ Tát thường hộ niệm vậy.

Xá Lợi Tử nói: Bạch Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ kia, nếu chẳng được sáu Ba la mật thẳm sâu, thì làm sao thuyết sáu Ba la mật đây? Phật nói: Xá Lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ kia, hằng đối sáu Ba la mật mạnh mẽ tin cầu chẳng đoái thân mạng, mà chẳng được Kinh này, thì không có lẽ ấy. Vì sao? Xá Lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thị hiện khuyến dẫn khen gắng vui mừng các loại hữu tình, khiến đối sáu Ba la mật thẳm sâu, thọ trì đọc tụng, suy nghĩ tu học. Do căn lành đây, tùy sanh chỗ nào thường được sáu Ba la mật thẳm sâu, thọ trì đọc tụng, dũng mãnh tinh tiến, như giáo tu hành, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Sơ giải:

1. Phần trên của phẩm này nói về sự tu tập và hành trì Bát Nhã:

- "Đối với tất cả pháp chẳng an trụ, chẳng tu tập, chẳng phải chẳng an trụ, chẳng phải chẳng tu tập là an trụ, tu tập tất cả pháp". *Có an trụ là có bám víu, nương tựa; chẳng tu tập là giải đãi, biếng nhác. Nhưng chẳng an trụ, chẳng tu tập thì làm sao Giác ngộ, đạt Chánh giác? Vì vậy, Kinh nói đối với tất cả pháp chẳng an trụ, chẳng tu tập, chẳng phải chẳng an trụ, chẳng phải chẳng tu tập là an trụ, là tu tập tất cả pháp. Đó chính là hành mà không sở hành, hành như vô sự. Hành như vậy là hành Bát nhã Ba la mật.*

- Kinh lại nói: **"Nếu đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã chẳng hành tánh sâu xa, chẳng hành tánh rất khó suy lường, chẳng hành tánh vô hạn lượng của uẩn, xứ, giới và tất cả pháp Phật là hành Bát Nhã.** Vì sao? Vì tánh sâu xa, tánh khó suy lường, tánh vô hạn lượng của uẩn, xứ, giới thì chẳng phải là uẩn, xứ, giới; vì tánh sâu xa, tánh khó suy lường, tánh vô hạn lượng của tất cả pháp Phật thì chẳng phải là tất cả pháp Phật. Chẳng hành như vậy là hành Bát nhã Ba la mật".

- "Nếu đại Bồ Tát nào khi hành Bát Nhã chẳng thấy pháp đúng, chẳng thấy pháp sai, chẳng thấy hữu lậu, chẳng thấy vô lậu, chẳng thấy hữu vi, chẳng thấy vô vi thì đại Bồ Tát ấy tu hành Bát Nhã **mau được viên mãn**".

- "Nếu đại Bồ Tát nào khi hành Bát Nhã chẳng thấy tất cả pháp dù là pháp Phật thì đại Bồ Tát ấy tu hành Bát Nhã mau được viên mãn. Vì sao? **Vì tất cả pháp không có tánh tướng, không có tác dụng, chẳng chuyển động, hư vọng giả dối, tánh chẳng chắc chắn, chẳng tự tại, không tri giác, không cảm thọ, xa lìa ngã, hữu tình, dòng sinh mạng, sự sanh… cho đến cái biết, cái thấy".**

- Nếu đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã chẳng tư duy phân biệt tất cả pháp, chẳng tư duy phân biệt ***tướng****, chẳng tư duy phân biệt* ***tánh*** *của tất cả pháp, thì đại Bồ Tát ấy tu hành Bát Nhã mau được viên mãn. Tu hành mà còn thủ tâm chấp tướng thì còn chướng (phiền não chướng hay sơ tri chướng). Vì sao? Vì Kinh nói:* **"Tất cả pháp không có tánh tướng, không tác dụng, chẳng thể chuyển động, hư vọng giả dối, tánh chẳng**

chắc chắn, chẳng tự tại, vô tri giác, vô cảm thọ, xa lìa ngã, hữu tình, dòng sinh mạng, sự sanh… cho đến cái biết, cái thấy".

Tu như vô tu, học như vô học, hành như vô sự. Đó chính là tu, là học, là hành mới mau viên mãn Bát nhã Ba la mật, mới sớm chứng Vô thượng Bồ đề. Tu hành mà còn mong cầu nắm bắt, còn nương vịn thì không bao giờ đến được bờ kia. Đó là tu có sở đắc.

*Nói tóm lại, nếu hữu tình đều nghĩ tưởng tất cả pháp không tánh, không tướng, không tác dụng, không động chuyển, hư vọng giả dối, chẳng tự tại, vô tri giác, vô cảm thọ, lìa ngã & ngã sở... thì có thể nói **tất cả pháp đều thanh tịnh.** Nếu tất cả pháp thanh tịnh thì: Sắc thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh; mười hai xứ, mười tám giới cho đến 84.000 pháp môn... thanh tịnh, nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Bát nhã Ba la mật thanh tịnh nên tất cả cõi nước 10 phương thế giới như cát sông Hằng đều thanh tịnh.*

*Vì vậy, Bát nhã Ba la mật được coi là nơi tập hợp của mọi thanh tịnh thế gian**.***

2. Phần dưới của phẩm này nói về sự bành trướng của Bát Nhã:

*Sau khi Phật nhập diệt, Bát nhã Ba la mật sâu xa nầy sẽ lan đến các **cõi nước phương Nam**. Nơi đó, các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di sẽ biên chép, sẽ thọ trì, đọc tụng, tư duy, giảng nói, chánh ức niệm, tu hành Bát Nhã sâu xa này.*

Từ phương Nam truyền đến phương Tây, từ phương Tây sẽ truyền đến phương Bắc, hàng tứ chúng ở các cõi nước ấy cũng sẽ biên chép, thọ trì, đọc tụng, tư duy, giảng nói, chánh ức niệm, tu hành Bát Nhã sâu xa này. Do nhơn duyên căn lành của các người đó càng thêm tăng trưởng lớn mạnh, nhờ đó mà họ chẳng còn bị sa vào ác đạo, hưởng phước vui cõi Trời Người, thêm lớn sáu Ba la mật, cúng dường, cung kính, ngợi khen chư Phật, lần lần đắc quả Thanh văn, Bích Chi Phật và Phật thừa.

*Bát Nhã sẽ tiếp tục làm Phật sự ở phương Bắc. Rồi từ phương Bắc đến **phương Đông Bắc** sẽ lần hưng thịnh. Phật bảo Xá Lợi Tử:* "Sau khi Ta diệt độ rồi phần sau của hậu thời năm trăm năm sau, Bát nhã Ba la mật thẳm sâu ở phương Đông Bắc đại tác Phật sự". *Thiện nam thiện nữ thọ trì*

nhẫn đến tu hành Bát Nhã sâu xa này sẽ biên chép, thọ trì, đọc tụng, vì người giảng nói lại cung kính, cúng dường, ca ngợi Bát nhã Ba la mật thẳm sâu này. Các thiện nam, thiện nữ ấy do nhơn duyên đây, căn lành thêm lớn mạnh nên chẳng sa vào ác đạo, được hưởng phúc lợi cõi Trời Người, thêm lớn sáu Ba la mật, cúng dường cung kính, ngợi khen chư Phật, lần lần đắc quả Thanh văn, Bích Chi Phật và Phật thừa.

Kết luận:

Giáo ý Bát Nhã là trụ mà không chỗ trụ, hành như vô sự, Bồ Tát ra vào thế giới nầy vô số kiếp để độ chúng hữu tình như đi trong hư không. Cứu độ mà không thấy chúng hữu tình được đắc độ, quên cả thời gian, quên cả số kiếp! Ấy thế mà Bồ Tát cứ tu, cứ hành, cứ độ! Đó là chỗ uyên áo khó hiểu, khó nắm của Bồ Tát đạo. Bồ Tát hành những hạnh khó hành, mới độ vô lượng chúng sanh không hề mệt mỏi. Công hạnh của Bồ Tát đạo là như vậy. Nên Kinh mới bảo Bồ Tát được vô vàn công đức trí tuệ không thể nghĩ bàn. Công đức đó vì vậy mới nói là "khó nghe"!

Khó nghe ở đây có nghĩa "khó được nghe". Ai cũng có cái nghe, thấy, biết, nhưng muốn nghe được Bát nhã Ba la mật phải là người có thiện căn công đức, nhiều đời thờ phụng, cúng dường chư Phật, phụng sự bạn lành... mới được phúc duyên này. Nghe rồi thì phải thọ trì, công đức mới được vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn.

Phẩm này viết theo lối trần thuật dễ hiểu, nên không cần dài dòng nữa, dành thời giờ đọc tụng các phẩm khó khăn tiếp theo./.

---o0o---

40. PHẨM "MA SỰ"

Q.303 và Q.304, tập 13, Hội thứ I, ĐBN.

(Phẩm "Ma Sự" của Kinh ĐBN dưới đây tương đương với 2 phẩm "Ma Sự", Q.15 và phẩm "Lưỡng Bất Hòa Hiệp"của Q.16, MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

1. Nói về "Ma sự".

Kinh nói: Khi chép Bát nhã Ba la mật mà chẳng cung kính, thân tâm nhiễu loạn, sanh hiểu sai lầm, văn cú đảo lộn, bỗng nhiên có việc xảy ra khiến không hoàn tất được… phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lúc thọ trì, đọc tụng, giảng nói, chánh ức niệm Bát nhã Ba la mật mà ra dấu cười cợt, khinh lờn ngạo mạn, phê phán lẫn nhau… đó là ma sự của Bồ Tát.

Lúc thọ trì nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba la mật mà tâm chẳng hòa hiệp, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lúc đang thọ trì Bát nhã Ba la mật mà bỏ ngang đi học các Kinh điển khác, Bồ Tát nầy trọn không thể đến Nhất thiết chủng trí. Vì đây là bỏ gốc níu lấy ngọn như người bỏ ngọc ma ni lấy ngọc thủy tinh, cũng như kẻ đang đói bỏ cơm nóng sốt đi ăn cơm thiu… phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Cũng vậy, đời sau có thiện nam, thiện nữ tội dày phước mỏng cầu Phật đạo được Bát nhã Ba la mật thậm thâm nầy lại bỏ đi lấy các Kinh sở hành của hàng Thanh văn, Bích Chi Phật, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Các thiện nam, thiện nữ nầy thích nói pháp, ưa nói về ngũ uẩn, bố thí, thiền định; ưa nói các pháp mầu sâu xa Phật học. Đó là ma sự. Vì trong Bát Nhã thậm thâm không có tướng ưa nói, vì Bát Nhã không thể nghĩ bàn, vì Bát nhã Ba la mật không suy ngẫm, vì Bát Nhã không sanh diệt, vì Bát Nhã không nhiễm tịnh, vì Bát Nhã không định loạn, vì Bát Nhã lìa danh ngôn, vì Bát Nhã chẳng thể nói, vì Bát Nhã chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba la mật thậm thâm như trước đã nói, các pháp đều vô sở hữu, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được.

Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi sao chép Kinh Bát nhã Ba la mật không thâm hiểu như vậy, tâm bị nhiễu loạn, khiến chẳng hoàn tất, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Bát nhã Ba la mật **tự tánh không**. Thiền na Ba la mật nhẫn đến Nhất thiết chủng trí tự tánh không. Tự tánh đã không thì chẳng gọi là pháp. **Không pháp chẳng thể biên chép được không pháp**. Nhưng cũng không thể chấp không pháp là Bát nhã Ba la mật.

Nếu thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, sao chép Bát Nhã mà nghĩ ta dùng văn tự sao chép Bát Nhã và chấp văn tự có thể sao chép Bát Nhã thì nên biết đó là ma sự. Vì sao? Vì trong Kinh Bát nhã Ba la mật thậm thâm nầy, sắc không có văn tự, thọ, tưởng, hành, thức không có văn tự, tất cả pháp mầu Phật đạo không có văn tự nên chẳng nên chấp văn tự có thể sao chép Bát Nhã. Chấp hay không chấp đều là ma sự!

Nếu thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Kinh Bát nhã Ba la mật ấy, nếu khởi nghĩ về cõi nước, hoặc khởi nghĩ về thành ấp, hoặc khởi nghĩ về kinh đô, hoặc khởi nghĩ về nơi chốn, phương hướng thì nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Kinh Bát nhã Ba la mật, nếu khởi nghĩ về bạn bè đồng học, cha mẹ, vợ con, hoặc anh em, chị em, bằng hữu thân thích, nếu khởi nghĩ về ác tặc, ác thú, ác nhân, ác quỷ, hoặc khởi nghĩ chúng hội du hý, dâm nữ hoan lạc, hoặc khởi nghĩ báo ân, báo oán, hoặc khởi vô lượng tưởng khác, đều là do dẫn phát của ác ma làm chướng ngại Bát Nhã, thì nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Nếu thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Kinh Bát nhã Ba la mật thậm thâm ấy, mà được danh dự lớn, được cung kính cúng dường y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc men, của cải mà thiện nam, thiện nữ ấy thọ nhận và đắm trước, bỏ bê công việc thì nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Phật nói với Thiện Hiện: **"Trong Kinh Bát nhã Ba la mật nầy, ta rộng nói đạo Bồ Tát phương tiện thiện xảo, nếu theo đó tinh cần tu học, mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao. Nếu các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa bỏ Kinh điển nầy để thọ học sách vở thế tục hoặc Kinh Nhị thừa của ác ma thì nên biết đó là ma sự của Bồ Tát".**

2. Nói về "bất hòa hợp"
(Phần này tương đương phẩm "Lưỡng Bất Hòa Hiệp", quyển thứ 16, Kinh MHBNBLMĐ)

Gợi ý:

Đây có thể xem như những điểm bất đồng về cách sống, về quan niệm sống của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Nói khác, chính là những bất đồng về nhân sinh quan hay ý thức. Tất cả những biểu hiện của hành động hun đúc bởi quyền lợi vật chất hay tinh thần thuộc luân lý, đạo đức... tạo nên một thứ văn hóa riêng tùy thuộc trình độ hấp thụ và môi trường sống của mỗi cá thể. Thứ văn hóa riêng đó nếu va chạm nhau sẽ là nguyên nhân tạo nên những xung đột ngấm ngầm hay bùng nổ. Nếu nhỏ thì có thể thỏa hiệp, nếu sâu đậm sẽ đem đến phân ly xa cách.

Phần sau của phẩm "Ma Sự" tương đương với phẩm "Lưỡng Bất Hòa Hiệp Quá" của Kinh MHBNBLMĐ, chỉ đề cập đến những tương xung tương khắc trong phạm vi nhỏ giữa người nói pháp và người thọ pháp hay giữa thầy và trò trong việc tu hành Bát Nhã. Tuy nhiên, đó là những kinh nghiệm quý báu nếu không muốn nó trở thành mối bận tâm hay phiền muộn lớn gọi là "tương ưng ma sự", có thể làm thối thất đạo Bồ đề.

Tóm lược:

1. Sự học hỏi thọ trì giữa người thuyết pháp và người nghe pháp:

Kinh nói: Người thuyết pháp đối với 6 phép Ba la mật có phương tiện thiện xảo, còn người nghe pháp đối với 6 phép Ba la mật không có phương tiện thiện xảo; 2 bên chẳng hòa hợp, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát. Hay trái lại, người nghe pháp đối với 6 phép Ba la mật có phương tiện thiện xảo còn người thuyết pháp đối với 6 phép Ba la mật không có phương tiện thiện xảo; hai bên chẳng hòa hợp, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Người thuyết pháp muốn cung kính sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát Nhã, còn người nghe pháp chẳng muốn cung kính sao chép, thọ trì v.v..., hai bên chẳng hòa hợp, sự thuyết pháp học hỏi không thành, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, người nghe pháp muốn được cung kính, sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát Nhã, còn người thuyết pháp

chẳng muốn, hai bên chẳng hòa hợp, sự thuyết pháp học hỏi chẳng thành, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Người thuyết pháp thì đầy dẫy ác dục, quá ham mê danh lợi, y phục, ăn uống, đồ nằm, thuốc thang, đồ cúng dường của cải; còn người nghe pháp thì thiểu dục tri túc, tu hạnh viễn ly, dũng mãnh tinh tấn, đầy đủ niệm tuệ, chán sợ lợi dưỡng, chán sự cung kính, danh dự; hai bên chẳng hòa hợp, chẳng thành sự thuyết, nghe, sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát Nhã thì nên biết đó là ma sự của Bồ Tát. Hay trái lại, người thuyết pháp tu hành chính chắn, không mê vật dục, đầy đủ niệm tuệ trong khi người thọ pháp đầy dẫy ác dục, ham mê vật chất danh lợi. Hai bên không hòa hợp nên sự truyền pháp không thành.

Người thuyết pháp một thân không hệ lụy, vô ngại tự tại, còn người nghe pháp thì liên hệ nhiều người, bị níu kéo ràng buộc; hai bên chẳng hòa hợp, sự nghe, nói, sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát Nhã chẳng thành, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, người nghe pháp một thân không hệ lụy, vô ngại tự tại, còn người nói pháp thì liên hệ nhiều người, bị níu kéo ràng buộc; hai bên chẳng hòa hợp, sự thuyết pháp học hỏi chẳng thành, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Người thuyết pháp thì chẳng ưa tụ hội, ồn náo, còn người nghe thì thích ở chỗ tụ hội ồn náo hay ngược lại; hai bên chẳng hòa hợp, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Người thuyết pháp thích du phương thuyết pháp, không kể chốn nguy hiểm đến thân mạng, còn người nghe lại sợ mất thân mạng, chẳng dám đi theo hay ngược lại; 2 bên chẳng hòa hợp, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Người thuyết pháp thích du phương thí pháp mặc dù biết chốn ấy nghèo khổ, thiếu ăn thiếu mặc, còn người nghe pháp lo nơi ấy gian khổ, nên chẳng cùng đi; 2 bên chẳng hòa hợp, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.

2. Ác ma phá hoại kẻ tu hành:

Đó là những bất hòa hợp làm trở ngại trong việc sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát Nhã mà kinh gọi là ma sự. Ngoài ra Kinh cũng đề cập đến những trở ngại khác là ác ma giả dạng Bí sô đến chỗ Bồ Tát tìm cách phá hoại như ác ma nói với Bồ Tát: Ngươi tu tập Kinh điển vô tướng chẳng phải là chơn Bát nhã Ba la mật; tu tập Kinh nầy chỉ chứng thật tế của quả

Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A la hán, hoặc quả vị Độc giác, chẳng bao giờ có thể đắc Phật quả tối cao, thì tội gì đối với Bát Nhã nầy nhọc công vô ích. Còn ta, ta đã từng tu tập Kinh điển hữu tướng, đó chính là chơn Bát nhã Ba la mật. Khi nghe nói lời như thế, các Bồ Tát chưa được thọ ký sanh nghi hoặc; do nghi hoặc nên đối với Bát Nhã đâm nhàm chán; do nhàm chán liền bỏ việc sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, vì người diễn nói, nên biết đó là ma sự củaBồ Tát. Nên khi nói, nghe, thọ trì Bát Nhã có nhiều ma sự làm trở ngại như thế, Bồ Tát phải cảnh giác lánh xa.

Có nhiều pháp tương tự như Phật pháp, do ác ma thuyết giảng, cũng gây trở ngại cho việc tu tập, Bồ Tát nên cảnh giác xa lánh. Như ác ma giả dạng Bí sô hay giả dạng làm Phật, thân toàn màu vàng, hào quang một tầm, đầy đủ 32 tướng đại trượng phu, 80 vẻ đẹp để tự trang nghiêm đến chỗ Bồ Tát tuyên nói pháp tương ưng Nhị thừa, đó là bốn Thánh đế, 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 8 giải thoát v.v… nói pháp ấy rồi, lại bảo Bồ Tát : Này Đại sĩ! Nên biết, phải nương vào pháp nầy tinh cần tu học có thể đắc quả Thanh văn hoặc quả vị Độc giác, xa lìa tất cả sanh, lão, bệnh, tử; cần gì quả vị Giác ngộ tối cao. Đó là các ma sự làm cản trở việc thọ trì, đọc tụng Bát Nhã cần phải cảnh giác xa tránh.

Ở trong Bát nhã Ba la mật sắc không sở hữu, thanh, hương, vị, xúc, pháp không sở hữu. Nếu trong pháp ấy sắc không sở hữu; thanh, hương, vị, xúc, pháp không sở hữu thì trong pháp ấy Phật cũng không sở hữu, Bồ Tát, Độc giác và các Thanh văn cũng không sở hữu. Vì tự tánh của tất cả pháp là không. Trong pháp không ấy làm gì có đắc quả Thanh văn, Bích chi Phật như ác ma thuyết giảng.

Kẻ ngu bị ma sai khiến, chưa trồng căn lành, phước tuệ kém cỏi, chưa ở chỗ Phật phát nguyện rộng lớn, chưa được các thiện hữu tri thức nhiếp thọ, nên đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật thậm thâm, tự mình chẳng thể nghe, hỏi, sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập mà lại còn ngăn cản kẻ khác nghe, hỏi, sao chép, thọ trì. Đó là ma sự do ác ma gây nên làm chướng ngại đạo Bồ đề, nên biết, phải cảnh giác xa lánh!

Nếu thiện nam, thiện nữ khi nghe, hỏi, sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, vì người diễn nói Kinh Bát nhã Ba la mật ấy tránh được các trở ngại do ma sự, ác ma gây nên lại có thể viên mãn lục Ba la mật; viên mãn tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp Phật bất cộng… cho

đến viên mãn quả vị Giác ngộ tối cao thì nên biết, đều do sức oai thần của chư Phật gia hộ, khiến cho họ khi nghe, hỏi, sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Kinh Bát Nhã ấy, ma sự không khởi; lại khiến viên mãn tất cả pháp mầu Phật đạo.

Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cùng tất cả đại Bồ Tát trụ ngôi bất thối chuyển trong 10 phương thế giới vì các hữu tình, hiện đang thuyết pháp cũng dùng thần lực gia hộ các thiện nam, thiện nữ ấy. Tất cả chúng đại Bồ Tát ở địa vị Bất thối chuyển trong 10 phương thế giới, cũng dùng thần lực gia hộ các thiện nam, thiện nữ ấy, khiến họ khi sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, diễn nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm ấy không có ma sự.

Sơ giải:

1. Nói về "Ma Sự":

Kinh nói: Khi chép Bát nhã Ba la mật mà chẳng cung kính, thân tâm nhiễu loạn, sanh hiểu sai lầm, văn cú đảo lộn, bỗng nhiên có việc xảy ra khiến không hoàn tất được… phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lúc thọ trì, đọc tụng, giảng nói, chánh ức niệm Bát nhã Ba la mật mà ra dấu cười cợt, khinh lờn ngạo mạn, phê phán chê bai lẫn nhau… đó là ma sự của Bồ Tát.

Lúc thọ trì nhẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba la mật mà tâm chẳng hòa hiệp, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Lúc đang thọ trì Bát nhã Ba la mật mà bỏ ngang đi học các Kinh điển khác, Bồ Tát nầy trọn không thể đến Nhất thiết chủng trí. Vì đây là bỏ gốc níu ngọn như người bỏ ngọc Ma ni lấy ngọc thủy tinh, cũng như kẻ đang đói bỏ cơm nóng sốt đi ăn cơm thiu… phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Cũng vậy, đời sau có thiện nam, tín nữ tội dày phước mỏng cầu Phật đạo được Bát nhã Ba la mật thậm thâm nầy lại bỏ đi lấy các Kinh sở hành của hàng nhị thừa, phải biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Các thiện nam, tín nữ nầy thích nói pháp, ưa nói về ngũ uẩn, bố thí, thiền định; ưa nói các pháp mầu sâu xa Phật học. Đó là ma sự. Vì trong Bát Nhã thậm thâm không có tướng ưa nói; vì Bát Nhã không thể nghĩ bàn; vì Bát Nhã không suy ngẫm; vì Bát Nhã không sanh diệt; vì Bát Nhã không nhiễm tịnh; vì Bát Nhã không định loạn; vì Bát Nhã lìa danh ngôn;

vì Bát Nhã chẳng thể nói; vì Bát Nhã chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba la mật thậm thâm như trước đã nói, các pháp đều vô sở hữu, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Các thiện nam, tín nữ trụ Bồ Tát thừa, khi sao chép Kinh Bát Nhã không thâm hiểu như vậy, tâm bị nhiễu loạn, khiến chẳng hoàn tất, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Bát nhã Ba la mật tự tánh không. Thiền na Ba la mật nhẫn đến Nhất thiết chủng trí tự tánh không. Tự tánh đã không thì chẳng gọi là pháp. ***Không pháp chẳng thể biên chép được không pháp****. Nhưng cũng không thể chấp không pháp là Bát nhã Ba la mật.*

Nếu thiện nam, tín nữ trụ Bồ Tát thừa, sao chép Bát Nhã mà nghĩ ta dùng văn tự sao chép Bát Nhã và ***chấp văn tự*** *có thể sao chép Bát Nhã thì nên biết đó là ma sự. Vì sao? Vì trong Kinh Bát Nhã thậm thâm nầy, sắc không có văn tự; thọ, tưởng, hành, thức không có văn tự; tất cả pháp mầu Phật đạo không có văn tự nên chẳng chấp văn tự có thể sao chép Bát nhã Ba la mật. Chấp hay không chấp đều là ma sự!*

Nếu thiện nam, tín nữ trụ Bồ Tát thừa, khi sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Kinh Bát nhã Ba la mật, nếu khởi nghĩ về cõi nước, hoặc khởi nghĩ về thành ấp, hoặc khởi nghĩ về Kinh đô, hoặc khởi nghĩ về nơi chốn, phương hướng… thì nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Các thiện nam, tín nữ trụ Bồ Tát thừa, khi sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Kinh Bát Nhã, nếu khởi nghĩ về bạn bè, hoặc khởi nghĩ cha mẹ, vợ con, anh em, bằng hữu thân thích, nếu khởi nghĩ về ác tặc, ác thú, ác nhân, ác quỷ, hoặc khởi nghĩ chúng hội du hý, dâm nữ hoan lạc, hoặc khởi nghĩ báo ân, báo oán, hoặc khởi vô lượng tưởng khác, đều là do dẫn phát của ác ma làm chướng ngại Bát Nhã, thì nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Nếu thiện nam, tín nữ trụ Bồ Tát thừa, khi sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát Nhã thậm thâm ấy, được danh dự lớn, được cung kính cúng dường mà thiện nam, tín nữ ấy thọ nhận đắm trước, bỏ bê công việc thì nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Phật nói với Thiện Hiện: **"Trong Kinh Bát nhã Ba la mật nầy, ta rộng nói đạo Bồ Tát phương tiện thiện xảo, nếu theo đó tinh cần tu học, mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao. Nếu các thiện nam, tín nữ trụ Bồ Tát thừa bỏ Kinh điển nầy để thọ học sách vở thế tục hoặc Kinh Nhị thừa của ác ma thì nên biết đó là ma sự của Bồ Tát".**

2. Nói về "Bất Hòa Hợp":

1- Lưỡng bất hòa hiệp:

Kinh nói: Người thuyết pháp đối với lục Ba la mật có phương tiện thiện xảo, còn người nghe pháp đối với lục Ba la mật không có phương tiện thiện xảo; 2 bên chẳng hòa hợp, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát. Hay trái lại, người nghe pháp đối với lục Ba la mật có phương tiện thiện xảo còn người thuyết pháp đối với lục Ba la mật không có phương tiện thiện xảo; 2 bên chẳng hòa hợp, nên biết đó là ma sự.

Người thuyết pháp muốn sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã *Ba la mật, còn người nghe pháp chẳng muốn sao chép, thọ trì v.v..., 2 bên chẳng hòa hợp, sự thuyết pháp học hỏi không thành, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, người nghe pháp muốn được sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật, còn người thuyết pháp chẳng muốn, 2 bên chẳng hòa hợp, sự thuyết pháp học hỏi chẳng thành, nên biết đó là ma sự.*

Người thuyết pháp thì đầy dẫy ác dục, quá ham mê danh lợi, còn người nghe pháp thì thiểu dục tri túc, tu hạnh viễn ly, dũng mãnh tinh tấn, đầy đủ niệm tuệ, chán sợ lợi dưỡng, chán sự cung kính danh dự; 2 bên chẳng hòa hợp, chẳng thành sự thuyết, nghe, sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật thì nên biết đó là ma sự của Bồ Tát. Hay trái lại, người thuyết pháp tu hành chính chắn, không mê vật dục, đầy đủ niệm tuệ trong khi người thọ pháp đầy dẫy ác dục, ham mê vật chất danh lợi, 2 bên không hòa hợp nên sự truyền pháp không thành.

Người thuyết pháp 1 thân không hệ lụy, vô ngại tự tại, còn người nghe pháp thì liên hệ nhiều người, bị níu kéo ràng buộc; 2 bên chẳng hòa hợp, sự nghe nói sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã *Ba la mật chẳng thành, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, người* nghe pháp *1 thân không hệ lụy, vô ngại tự tại, còn người nói pháp thì liên hệ nhiều người, bị níu kéo ràng buộc; 2 bên chẳng hòa hợp, sự thuyết pháp học hỏi chẳng thành, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.*

Người thuyết pháp thì chẳng ưa tụ hội, ồn náo, còn người nghe thì thích ở chỗ tụ hội ồn náo hay ngược lại; 2 bên chẳng hòa hợp, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Người thuyết pháp thích du phương thuyết pháp, không kể chốn nguy hiểm đến thân mạng, còn người nghe lại sợ mất thân mạng, chẳng dám đi theo hay ngược lại; 2 bên chẳng hòa hợp, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Người thuyết pháp thích du phương thí pháp mặc dù biết chốn ấy nghèo khổ, thiếu ăn thiếu mặc, còn người nghe pháp thì lo nơi ấy gian khổ, nên chẳng cùng đi, 2 bên chẳng hòa hợp, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.

Đó là những bất hòa hợp làm trở ngại trong việc sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật mà Kinh gọi là ma sự.

2- Ác ma giả dạng phá hoại tâm Bồ đề:

Ngoài ra Kinh cũng đề cập đến những trở ngại khác ***là ác ma giả dạng Bí sô đến chỗ Bồ Tát tìm cách phá hoại tâm Bồ đề. Đó cũng gọi là ma sự của Bồ Tát.***

"Như ác ma giả dạng Bí sô hay giả dạng làm Phật, thân toàn màu vàng, hào quang một tầm, đầy đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, tám mươi vẻ đẹp để tự trang nghiêm đến chỗ Bồ Tát tuyên nói pháp tương ưng Nhị thừa, đó là bốn Thánh đế, bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, tám giải thoát v.v… nói pháp ấy rồi, lại bảo Bồ Tát: Này Đại sĩ! Nên biết, phải nương vào pháp nầy tinh cần tu học có thể đắc quả Thanh văn hoặc quả vị Độc giác, xa lìa tất cả sanh, lão, bệnh, tử; cần gì đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Đó là các ma sự làm cản trở việc thọ trì, đọc tụng Bát Nhã cần phải cảnh giác xa tránh".

Đọc phẩm này ai cũng có thể hiểu, không cần giảng luận dong dài. Tất cả những gì ghi trên chỉ là tóm tắt phẩm "Ma Sự" không hơn không kém. Các phẩm tương đương của 4 Hội kế tiếp, diễn tả cũng như vậy, ai cũng có thể đọc tụng chẳng có gì khó khăn. Nên không cần nhiêu khê nữa./.

---o0o---

41. PHẨM "PHẬT MẪU"

Quyển 305 đến đầu quyển 308, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Phật Mẫu" quyển thứ 16, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

1. Bát Nhã là Mẹ của chư Phật.
(Phần nầy tương đương với phẩm "Phật Mẫu" quyển thứ 16, Kinh MHBNBLMĐ)

Như người mẹ sanh nhiều con, nuôi dưỡng giáo dục cho chúng lớn khôn, thành đạt nên người. Bây giờ, người mẹ già yếu bệnh tật, các con phải hết lòng phụng dưỡng mẹ để báo ân. Các con tự nghĩ: Sở dĩ ta được khôn lớn nên người là nhờ mẹ tảo tần nuôi nấng chúng ta. Bây giờ, mẹ già yếu bệnh tật, thân thể không an lạc, lại nhiều phiền muộn, lo nghĩ… ta phải dùng lương thực, thuốc thang thượng diệu cung phụng mẹ, lại phải ân cần săn sóc an ủi để mẹ được an lạc sung sướng.

Tất cả Như Lai trong 10 phương thế giới cũng chăm sóc hộ niệm Bát nhã Ba la mật như vậy! Vì Bát nhã Ba la mật thậm thâm có công năng phát sanh tất cả công đức của chư Phật, có công năng chỉ bày thật tướng các pháp thế gian. Nhờ Bát nhã Ba la mật nầy mà lục Ba la mật, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết chủng trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao*(1)* ở quá khứ, hiện tại, vị lai xuất hiện ở thế gian.

Do nhân duyên đó nên tất cả Như Lai mười phương thế giới đều biết ơn. Vì vậy, Như Lai ở mười phương thường dùng Phật nhãn quán sát hộ niệm Bát nhã Ba la mật này.

Các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, nếu thường nghe, hỏi, sao chép, thọ trì, đọc tụng, tư duy, tu tập, rộng nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm thì tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong 10 phương thế giới thường dùng Phật nhãn quán sát hộ niệm khiến thân tâm họ thường được an lạc, tu các thiện nghiệp không có trở ngại, đối với quả vị Giác ngộ tối cao không thối thất. *(Q.305, ĐBN)*

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng: Vì sao Bát nhã Ba la mật thẳm sâu năng sanh chư Phật? Vì sao Bát nhã Ba la mật thẳm sâu năng chỉ thật tướng các pháp thế gian? Vì sao chư Phật từ Bát nhã Ba la mật thẳm sâu xuất sanh? Vì sao chư Phật nói tướng thế gian?

- Vì Bát nhã Ba la mật có công năng xuất sanh năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí… Vô lượng, vô biên công đức của chư Phật như thế đều từ Bát nhã Ba la mật sanh; do đạt được công đức của chư Phật như thế cho nên gọi là Phật. Bát nhã Ba la mật có nhiều công năng xuất sanh công đức chư Phật, do đó nên nói có công năng xuất sanh chư Phật, cũng nói chư Phật từ Bát nhã Ba la mật xuất sanh.

- Vì Bát nhã Ba la mật đều **chẳng nói 5 uẩn có thành-có hoại**, có sanh-có diệt, có nhiễm-có tịnh, có tăng-có giảm, có nhập-có xuất. Bát Nhã cũng chẳng nói năm uẩn có quá khứ, vị lai, hiện tại, có thiện, có bất thiện, có vô ký, có sự ràng buộc của ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc. Vì sao? Vì chẳng phải các pháp **không** có thành có hoại, chẳng phải pháp **vô tướng** có thành có hoại, chẳng phải pháp **vô tác** có thành có hoại, chẳng phải pháp **vô sanh diệt** có thành có hoại... **Vì tướng các pháp hiển thị như vậy nên Phật nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm hay hiển thị tướng thế gian.**

Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều nương Bát nhã Ba la mật có thể chứng biết hết vô lượng, vô số tâm hành sai biệt của các loại hữu tình. Nhưng trong lý của Bát nhã Ba la mật thậm thâm này không có hữu tình, không có thi thiết hữu tình có thể nắm bắt được; không có sắc, không có thi thiết sắc có thể nắm bắt được; không có thọ, tưởng, hành, thức, không có thi thiết thọ tưởng hành thức có thể nắm bắt; không có mười hai xứ, mười tám giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, mười tám pháp bất công, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao; không có thi thiết tất cả pháp nói trên có thể nắm bắt được. **Thế nên Bát nhã Ba la mật sâu xa nầy hay hiển thị tướng thế gian.**

Này Thiện Hiện! Nhưng trong lý Bát Nhã thậm thâm đây chẳng chỉ rõ sắc, chẳng chỉ rõ thọ tưởng hành thức. Vì sao? Vì trong lý Bát nhã Ba la mật như thế, Bát nhã Ba la mật còn vô sở hữu, chẳng thể nắm bắt, huống là có sắc thọ tưởng hành thức có thể chỉ rõ được. Trong lý Bát nhã Ba la

mật thậm thâm chẳng chỉ rõ Nhất thiết trí... cho đến quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì trong lý Bát Nhã như thế, Bát Nhã còn vô sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, huống là có tất cả pháp Phật có thể chỉ rõ được.

Có bao nhiêu danh số chúng sanh hoặc loài có sắc hay không sắc, có tưởng hay không tưởng, hoặc chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng… ở quốc độ nầy nhẫn đến khắp quốc độ mười phương. Những chúng sanh ấy hoặc nhiếp tâm, hoặc loạn tâm đức Phật đều biết thật rõ tất cả tâm niệm của họ. Tại sao đức Phật biết rõ được? Là do đức Phật **dùng pháp tánh***(2)*nên biết rõ. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết như thật trong pháp tánh, pháp tánh còn chẳng thể nắm bắt được, huống là có nhiếp tâm hay loạn tâm.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác do tận diệt ly biến nên như thật biết nhiếp tâm hay loạn tâm của các loại hữu tình.

Bạch Thế Tôn! Vì sao Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác do tận diệt ly biến nên như thật biết nhiếp tâm hay loạn tâm của các loại hữu tình?

Này Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như thật biết tận diệt ly biến; do tánh của tận v.v... còn chẳng thể nắm bắt được, huống là có nhiếp tâm, loạn tâm! Này Thiện Hiện! Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ấy, nương Bát nhã Ba la mật thậm thâm, do tận v.v... nên như thật biết nhiếp tâm, loạn tâm của các loại hữu tình ấy.

Do Bát Nhã mà đức Phật biết thật rõ nhiễm tâm của chúng sanh, biết thật rõ sân tâm, si tâm của chúng sanh, nếu chúng sanh có nhiễm tâm, sân tâm, si tâm. Tại sao đức Phật biết thật rõ như vậy? Vì **thật tướng của tâm** không có tướng nhiễm, không có tướng sân, không có tướng si. **Trong thật tướng không có tâm vương, tâm sở***(3)*, huống có nhiễm tâm, sân tâm, si tâm hay có tâm chẳng nhiễm, chẳng sân, chẳng si.

Do Bát nhã Ba la mật, nếu chúng sanh có **quảng tâm***(4)*, đức Phật biết thật rõ quảng tâm của chúng sanh. Vì đức Phật biết tâm tướng của chúng sanh chẳng rộng, chẳng hẹp, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng đến, chẳng đi, vì tâm tướng rời lìa, vì **tâm tánh vốn không**, nên không có gì làm rộng, làm hẹp, làm tăng giảm, đến đi.

Do Bát nhã Ba la mật mà đức Phật biết thật rõ **đại tâm** của chúng sanh. Tại sao? Vì đức Phật chẳng thấy tâm chúng sanh có tướng lai, tướng khứ, tướng sanh, trụ, dị, diệt. Tại sao? **Vì tâm tánh vốn không nên không có ai đến, đi, không có sanh, trụ, dị, diệt.**

Do Bát nhã Ba la mật mà đức Phật biết thật rõ **tâm vô lượng** của chúng sanh. Vì đức Phật biết rõ tâm ấy của chúng sanh; chẳng thấy an trụ, chẳng thấy chẳng an trụ. Vì tướng của tâm vô lượng không chỗ y chỉ nào có chỗ trụ, chẳng trụ.

Tất cả đức Phật nương Bát Nhã như thật biết rõ **tâm vô kiến**, **vô đối** của chúng sanh. Vì **tâm chúng sanh là vô tướng, vì tự tướng vốn không**.

Do Bát nhã Ba la mật, những **tâm, tâm sở hiện, ẩn, co, duỗi** của chúng sanh, đức Phật biết thật rõ. Tại sao? Vì **tất cả** tâm, tâm sở hiện, ẩn, co, duỗi **của chúng sanh đều căn cứ vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà sanh khởi,** có nghĩa là đức Phật như thật biết tâm, tâm sở hiện, ẩn, co, duỗi của chúng sanh hoặc nương sắc, hoặc nương thọ, tưởng, hành, thức **chấp ngã và thế gian là thường và cho điều này là đúng**; hoặc nương sắc, hoặc nương thọ, tưởng, hành, thức chấp ngã và thế gian là **vô thường** và cho điều này là đúng; hoặc chấp ngã và thế gian **vừa thường vừa vô thường**, là **chẳng phải thường, là chẳng phải vô thường**, là hữu biên, là vô biên hoặc là vừa hữu biên, vừa vô biên hoặc chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên; chấp mạng tức là thân hoặc chấp mạng khác thân; chấp Như Lai sau khi tịch diệt, là hữu hoặc chấp Như Lai sau khi tịch diệt, là phi hữu hoặc chấp Như Lai sau khi tịch diệt, vừa hữu, vừa phi hữu hoặc chấp Như Lai sau khi tịch diệt phi hữu, phi phi hữu*(5)* và cho điều này là đúng. Thế nên, do Bát nhã Ba la mật mà đức Phật biết thật rõ những tâm, tâm sở hiện, ẩn, co, duỗi của chúng sanh.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương Bát Nhã thậm thâm như thật biết sắc, như thật biết thọ tưởng hành thức.

Bạch Thế Tôn! Vì sao Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như thật biết sắc, như thật biết thọ tưởng hành thức?

Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như thật biết sắc chơn như(6), như pháp giới, như pháp tánh, chẳng hư dối, chẳng biến khác, không phân biệt, không tướng trạng, không tác dụng, không hý luận, không sở đắc. Như thật biết thọ tưởng hành thức như chơn như, như pháp giới, như pháp tánh, chẳng hư dối, chẳng biến khác, không phân biệt, không tướng trạng, không tác dụng, không hý luận, không sở đắc.

Thiện Hiện! Như vậy, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương Bát nhã Ba la mật thậm thâm, như thật biết các loại hữu tình kia, pháp tâm và tâm sở hiện ẩn co duỗi cũng như chơn như, như pháp giới, như pháp tánh,

chẳng hư dối, chẳng biến khác, không phân biệt, không tướng trạng, không tác dụng, không hý luận, không sở đắc. Thiện Hiện! Các loại hữu tình pháp tâm và tâm sở hiện ẩn co duỗi như tức năm uẩn như. Năm uẩn như tức thập nhị xứ như. Thập nhị xứ như tức thập bát giới như. Thập bát giới như tức lục giới như. Lục giới như nói rộng cho đến chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề như. Chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề như tức tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như tức tất cả hữu tình như.

Thiện Hiện! Hoặc tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như, hoặc tất cả hữu tình như, hoặc tất cả pháp như không hai, không riêng, là một như. Như tướng như thế không riêng không khác vậy. Vì không hoại, không tận, chẳng khá phân biệt được.

Đức Phật do Bát nhã Ba la mật mà được như tướng. Vì thế nên Bát nhã Ba la mật hay sanh chư Phật, hay hiển thị tướng thế gian. Thế nên, nầy Thiện Hiện! **Đức Phật biết rõ tất cả pháp như tướng, chẳng dị biệt, chẳng phải chẳng như. Vì được như tướng như vậy nên đức Phật được gọi là Như Lai.** *(Q.306, ĐBN)*

(Tất cả pháp đều như, như vậy là như vậy. Đức Phật biết rõ tất cả pháp "như tướng" nầy, chẳng dị chẳng biệt, chẳng phải chẳng như. Vì biết được như tướng như vậy nên đức Phật được gọi là Như Lai. Như Lai biết tất cả pháp như tướng như vậy nên không sanh phân biệt, chấp trước mà chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao và được trí vô ngại. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác an trụ như tướng như thế để phân biệt, khai thị Bát Nhã giúp chúng hữu tình được khai ngộ tất cả pháp đều bình đẳng, vô sai biệt nên chứng đắc vô ngại trí mà được an nhiên tự tại).

2. Bát nhã Ba la mật lấy gì làm tướng?
(Phần nầy tương đương với phẩm "Vấn Tướng"
quyển thứ 16, Kinh MHBNBLMĐ)

Bát nhã Ba la mật thậm thâm lấy **không** làm tướng; Bát Nhã lấy **vô tướng, vô nguyện** làm tướng; Bát Nhã lấy **vô tác, vô sanh vô diệt, vô nhiễm vô tịnh, vô tánh** làm tướng; Bát Nhã lấy **vô tự tánh, vô sở y, phi**

đoạn phi thường, phi nhất phi dị, vô lai vô khứ làm tướng; Bát Nhã lấy **hư không** làm tướng; Bát nhã Ba la mật có vô lượng tướng như thế.

Các tướng như thế, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương vào thế tục mà nói, chứ không nương vào thắng nghĩa. Các tướng như thế trời, người, A tu la v.v... trong thế gian đều chẳng thể phá hoại. Vì sao? Vì trời, người, A tu la v.v... trong thế gian cũng là tướng.

Các tướng chẳng thể phá hoại các tướng, các tướng chẳng thể biết rõ các tướng, các tướng chẳng thể phá hoại vô tướng, các tướng chẳng thể biết rõ vô tướng; vô tướng chẳng thể phá hoại các tướng, vô tướng chẳng thể biết rõ các tướng, vô tướng chẳng thể phá hoại vô tướng, vô tướng chẳng thể biết rõ vô tướng. Vì sao? Vì hoặc tướng, hoặc vô tướng, hoặc tướng vô tướng đều vô sở hữu, năng phá, năng tri, sở phá, sở tri, sự phá, sự biết chẳng thể nắm bắt được.

Các tướng như thế chẳng do sắc tạo ra, chẳng do thọ, tưởng, hành, thức tạo ra; chẳng do 12 xứ, 18 giới, 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 4 đế, 12 duyên khởi, 37 pháp trợ đạo, 18 bất cộng pháp, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao tạo ra.

Các tướng như thế chẳng phải do thiên tạo ra, chẳng phải do phi thiên tạo ra, chẳng phải do nhơn tạo ra, chẳng phải do phi nhơn tạo ra, chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, chẳng phải thế gian, chẳng phải xuất thế gian, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, không hệ thuộc vào đâu, chẳng thể tuyên thuyết. **Bát nhã Ba la mật thậm thâm xa lìa tất cả tướng.**

Phật nói với các Thiên tử:

“Vì biết như thật các tướng nên Như Lai mới phân biệt khai thị chỉ rõ tướng của tất cả pháp là vô tướng. Như Lai biết: Biến ngại là tướng của sắc, lãnh nạp là tướng của thọ, nắm lấy bóng là tướng của tưởng, tạo tác là tướng của hành, liễu biệt là tướng của thức, Như Lai biết như thật là vô tướng; khổ não tích tụ là tướng của uẩn, cửa sanh trưởng là tướng của xứ, nhiều độc hại là tướng của giới, hòa hợp sanh khởi là tướng của duyên khởi, thường ban cho là tướng của bố thí, không bị phiền não thiêu đốt là tướng của tịnh giới, không sân nhuế là tướng của an nhẫn, chẳng thể khuất phục là tướng của tinh tấn, nhiếp trì tâm là tướng của tịnh lự, không trở ngại là tướng của Bát Nhã, Như Lai biết như thật là vô tướng; không sở hữu là tướng của pháp không nội, pháp không ngoại v.v..., Như Lai biết như thật là vô tướng; chẳng điên đảo là tướng của chơn

như, pháp giới, pháp tánh v.v..., Như Lai biết như thật là vô tướng; chẳng hư vọng là tướng của bốn Thánh đế, Như Lai biết như thật là vô tướng; không phiền nhiễu là tướng của bốn tịnh lự, Như Lai biết như thật là vô tướng; không có giới hạn ngăn cách là tướng của bốn vô lượng, Như Lai biết như thật là vô tướng; không ồn ào, tạp loạn là tướng của bốn định vô sắc, Như Lai biết như thật là vô tướng; không ràng buộc là tướng của tám giải thoát, Như Lai biết như thật là vô tướng; có khả năng chế phục là tướng của 8 thắng xứ; chẳng tán loạn là tướng của 9 định thứ đệ; không giới hạn là tướng của 10 biến xứ; Như Lai biết như thật là vô tướng; có công năng xuất ly là tướng của 37 pháp Bồ đề phần; xa lìa tất cả là tướng của pháp môn giải thoát không, rất tĩnh lặng là tướng của pháp môn giải thoát vô tướng, nhàm chán các khổ là tướng của pháp môn giải thoát vô nguyện, Như Lai biết như thật là vô tướng; hướng đến đại giác ngộ là tướng của 10 địa Bồ Tát, Như Lai biết như thật là vô tướng; có khả năng quán chiếu là tướng của 5 loại mắt, Như Lai biết như thật là vô tướng; không ngưng trệ là tướng của 6 phép thần thông, Như Lai biết như thật là vô tướng; khéo quyết định là tướng của 10 lực Phật, Như Lai biết như thật là vô tướng; khéo an lập là tướng của 4 điều không sợ, Như Lai biết như thật là vô tướng; không đoạn tuyệt là tướng của 4 sự hiểu biết thông suốt, Như Lai biết như thật là vô tướng; ban cho lợi lạc là tướng của đại từ, bứng gốc sầu khổ là tướng của đại bi, mừng việc thiện là tướng của đại hỷ, bỏ ồn ào tạp loạn là tướng của đại xả, Như Lai biết như thật là vô tướng; chẳng thể đoạt là tướng của 18 pháp Phật bất cộng, Như Lai biết như thật là vô tướng; khéo nhớ nghĩ là tướng của pháp không quên mất, không chấp trước là tướng của tánh luôn luôn xả, Như Lai biết như thật là vô tướng; hiện giác ngộ là tướng của Nhất thiết trí, khéo thông đạt là tướng của Đạo tướng trí, hiện biệt giác là tướng của Nhất thiết tướng trí, Như Lai biết như thật là vô tướng; nhiếp trì khắp là tướng của tất cả pháp môn Đà la ni, nhiếp thọ khắp là tướng của tất cả pháp môn Tam ma địa, Như Lai biết như thật là vô tướng; khéo thọ giáo là tướng của quả Thanh văn, tự khai ngộ là tướng của quả vị Độc giác, hướng đến đại quả là tướng của tất cả hạnh Bồ Tát, không gì bằng là tướng của quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật, Như Lai biết như thật là vô tướng. *(Q.306, ĐBN)*

Thiên tử nên biết! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối với tất cả pháp tướng như thế đều có khả năng biết như thật là vô tướng.

Do nhân duyên này, Ta nói chư Phật chứng đắc trí vô ngại, không ai sánh bằng".

Phật bảo cụ thọ Thiện Hiện: "Thiện Hiện nên biết! Bát Nhã thậm thâm là mẹ của chư Phật, Bát Nhã có công năng chỉ rõ thật tướng của các pháp thế gian. Cho nên, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương pháp ấy mà an trụ, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, nhiếp thọ hộ trì. Pháp ấy tức là Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì Bát Nhã có khả năng xuất sanh chư Phật, có khả năng làm nơi nương tựa cho chư Phật, có khả năng chỉ rõ thật tướng các pháp thế gian".

Cho nên, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là bậc biết ơn, đền ơn Bát Nhã như các con phải biết ơn, đền ơn mẹ hiền!

Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều nương Bát nhã Ba la mật thậm thâm, đối với các pháp hữu tướng và vô tướng đều biểu hiện sự **giác ngộ bình đẳng**, không tạo tác, vì cái tạo tác vô sở hữu; tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều nương Bát nhã Ba la mật thậm thâm đối với các pháp hữu tướng vô tướng đều biểu hiện sự giác ngộ bình đẳng, không có sự thành tựu, vì các hình tướng bất khả đắc. Vì chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết nương Bát nhã Ba la mật thậm thâm như vậy, nên có khả năng biểu hiện sự giác ngộ bình đẳng về pháp tướng, vô tướng đều không tác dụng, không gì thành tựu, ở tất cả thời cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, nhiếp thọ hộ trì không có gián đoạn, cho nên gọi là tri ân, báo ân chơn thật.

Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều nương Bát nhã Ba la mật thậm thâm đối với tất cả pháp, không tạo tác, không thành tựu, không sanh khởi chuyển trí, lại có khả năng biết nhân duyên vô chuyển này. Vì vậy, nên biết Bát nhã Ba la mật thậm thâm có khả năng xuất sanh chư Phật, cũng có khả năng chỉ rõ như thật tướng thế gian.

Tất cả pháp tánh không sanh, không khởi, không biết, không thấy, nhưng nương thế tục mà nói Bát Nhã thậm thâm có khả năng xuất sanh chư Phật, là mẹ của chư Phật, cũng có khả năng chỉ rõ như thật tướng thế gian. Vì tất cả pháp là không, vô sở hữu, đều chẳng tự tại, hư dối, không chắc thật, nên tất cả pháp không sanh, không khởi, không biết, không thấy. *(Q.306, ĐBN)*

Lại nữa, tất cả pháp tánh không nơi nương tựa, không hệ thuộc vào đâu, do nhân duyên ấy nên không sanh, không khởi, không biết,

không thấy. Bát Nhã tuy có khả năng xuất sanh chư Phật, có khả năng chỉ rõ như thật tướng thế gian nhưng không có cái sanh khởi, cũng không có cái chỉ rõ.

Bát nhã Ba la mật thậm thâm **vì chẳng thấy sắc nên gọi là chỉ rõ tướng của sắc**; vì chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức nên gọi là chỉ rõ tướng của thọ, tưởng, hành, thức; vì chẳng thấy 12 xứ, 18 giới, và tất cả pháp Phật từ 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao nên gọi là chỉ rõ 12 xứ, 18 giới và tất cả pháp Phật. Do ý nghĩa như thế, nên nói Bát nhã Ba la mật có khả năng chỉ rõ thật tướng thế gian cho chư Phật, nên gọi là mẹ của chư Phật.

Tại sao Bát nhã Ba la mật vì chẳng thấy sắc nên gọi là chỉ rõ tướng của sắc? Vì chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức nên gọi là chỉ rõ tướng của thọ, tưởng, hành, thức? Vì chẳng thấy tất cả pháp Phật nên gọi là chỉ rõ tất cả pháp Phật?

Bát Nhã thậm thâm do **chẳng duyên sắc mà sanh thức**, đó là vì chẳng thấy sắc, nên gọi là chỉ rõ **tướng của sắc**; chẳng duyên thọ, tưởng, hành, thức mà sanh thức, đó là vì chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức, nên gọi là chỉ rõ tướng của thọ, tưởng, hành, thức; do chẳng duyên mười hai xứ, mười tám giới và tất cả pháp Phật mà sanh thức, đó là vì chẳng thấy mười hai xứ, mười tám giới và tất cả pháp Phật, nên gọi là chỉ rõ tướng của mười hai xứ, mười tám giới và tất cả pháp Phật. Do ý nghĩa như thế, nên nói Bát Nhã thậm thâm có khả năng chỉ rõ thật tướng thế gian cho chư Phật, nên gọi là mẹ của chư Phật.

Bát Nhã có khả năng chỉ rõ **cái không của thế gian** cho chư Phật nên gọi là mẹ của chư Phật, điều đó có nghĩa là chỉ rõ **thật tướng thế gian** cho chư Phật. Bát Nhã có khả năng vì chư Phật chỉ rõ sắc là cái không của thế gian, chỉ rõ thọ, tưởng, hành, thức là cái không của thế gian; chỉ rõ mười hai xứ, mười tám giới và tất cả pháp là cái không của thế gian. Bát Nhã có khả năng khiến Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác làm cho người cõi nầy **nhận** cái không của thế gian, **tưởng** cái không của thế gian, **nghĩ** cái không của thế gian, **rõ** cái không của thế gian. Do ý nghĩa như thế, nên nói Bát Nhã thậm thâm có khả năng chỉ rõ thật tướng thế gian cho chư Phật, nên gọi là mẹ của chư Phật.

Bát Nhã có khả năng chỉ rõ **tướng không của thế gian** cho chư Phật nên gọi là mẹ của chư Phật, điều đó có nghĩa là có khả năng **chỉ rõ thật**

tướng thế gian cho chư Phật. Bát Nhã có khả năng chỉ rõ **sắc là tướng không** của thế gian; thọ, tưởng, hành, thức là tướng không của thế gian; có khả năng chỉ rõ mười hai xứ, mười tám giới và tất cả pháp là tướng không của thế gian cho chư Phật. Do ý nghĩa như thế, nên nói Bát Nhã có khả năng chỉ rõ thật tướng thế gian cho chư Phật, nên gọi là mẹ của chư Phật. **Bát Nhã có khả năng chỉ rõ tướng chẳng thể nghĩ bàn của thế gian** cho chư Phật. Bát Nhã có khả năng chỉ rõ **tướng viễn ly** của thế gian cho chư Phật. Bát Nhã có khả năng chỉ rõ **tướng tịch tịnh của thế gian** cho chư Phật. Bát Nhã có khả năng chỉ rõ **tướng rốt ráo không của thế gian** cho chư Phật. Bát Nhã có khả năng chỉ rõ **tướng của pháp không tánh của thế gian** cho chư Phật. Bát Nhã có khả năng chỉ rõ **tướng của pháp không tự tánh của thế gian** cho chư Phật. Bát Nhã có khả năng chỉ rõ **tướng của pháp không không tánh tự tánh của thế gian***(7)*cho chư Phật. Bát Nhã có khả năng chỉ rõ tướng thuần **không,** thuần **vô tướng, vô nguyện** của thế gian cho chư Phật nên gọi là mẹ của chư Phật, điều đó có nghĩa là có khả năng chỉ rõ thật tướng thế gian cho chư Phật. Bát Nhã có khả năng chỉ rõ sắc, thọ, tưởng, hành, thức là như thế, có khả năng chỉ rõ 12 xứ, 18 giới và tất cả pháp Phật là tướng thế gian như thế. Do ý nghĩa đó, nên nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm có khả năng chỉ rõ thật tướng thế gian cho chư Phật, nên gọi là mẹ của chư Phật.

Bát nhã Ba la mật thậm thâm có khả năng **chỉ rõ thật tướng thế gian ấy cho chư Phật**, khiến không sanh khởi tưởng thế gian này, tưởng thế gian nọ. Vì sao? **Vì thật không có pháp có thể khởi tưởng thế gian này, thế gian nọ.**

Thích nghĩa:

(1). Đó là nói tóm tắt tất cả pháp Phật hay còn gọi là các thiện pháp, tư lương Bồ đề Bồ Tát... Xin xem lại phần thứ I Tổng luận. Có lẽ chúng tôi lưu ý quá nhiều về các pháp này phải không? Nhưng không có nó không có Phật, không có Bồ Tát, không có Phật đạo.

*(2). Trong Phật đạo có Pháp Tướng Tông, có Pháp Tánh Tông, có Chơn Tông… lấy tướng hay tánh hay lấy chơn như… làm tôn chỉ tu hành. Còn Bát nhã Ba la mật lại lấy Không hay Tánh không làm tôn chỉ tu hành(Tam luận Tông). Đoạn Kinh trên, MHBNBLMĐ dùng từ **“thật tướng”;** trong khi Kinh ĐBN dùng từ **“thật tánh”**. Thật ra,* **trong chân**

tâm không có tánh tướng thể dụng; không có sanh diệt, cấu tịnh, tăng giảm, xuất nhập; không có tham sân si, không thiện ác… Bát nhã Ba la mật là Không. *Bát nhã Ba la mật nói đến trí, và trí đó là trí Không thảy, được ghi trong phẩm "Các Tướng Công Đức" Q.379, Hội thứ I, ĐBN Ngài Huyền Trang dịch:* "Thiện Hiện! Vì sao gọi là trí không thảy? Thiện Hiện! Đó là trí nội không, trí ngoại không, trí nội ngoại không, trí không không, trí đại không, trí thắng nghĩa không, trí hữu vi không, trí vô vi không, trí tất cánh không, trí vô tế không, trí tán không, trí vô biến dị không, trí bổn tánh không, trí tự tướng không, trí cộng tướng không, trí nhất thiết pháp không, trí bất khả đắc không, trí vô tánh không, trí tự tánh không, trí vô tánh tự tánh không. Hoặc trí chơn như, trí pháp giới, trí pháp tánh, trí bất hư vọng tánh *(không hư vọng)*, trí bất biến dị tánh *(chẳng đổi khác)*, trí bình đẳng tánh, trí ly sanh tánh, trí pháp định, trí pháp trụ, trí thật tế, trí hư không giới, trí bất tư nghì giới. Thiện Hiện! Đấy gọi là trí không thảy". *Trí này tuyệt đối không dung chứa thiện ác, cấu tịnh, tội phước… Vì là tuyệt đối nên mới gọi Đệ nhất nghĩa đế và chúng ta không lấy làm lạ với những "diễn tả" như vậy trong suốt 600 quyển ĐBN hay bất cứ quyển Kinh nào thuộc hệ Bát Nhã.*

(3). Tâm vương, tâm sở: Bản thể của thức là tâm vương, tương ứng với tâm vương mà khởi lên tác dụng riêng là tâm sở. Duy Thức Học quan niệm Tâm Thức có oai lực, tự chủ cũng như ông Vua có quyền ra lệnh, sai xử các quần thần, nên gọi là ***Tâm vương****. Còn Tâm sở giống như những quần thần chỉ thừa hành mệnh lệnh của Vua, nên gọi là* ***Tâm sở.*** *Tâm vương gồm có tám thức là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, Mạt na thức và A lại Da thức (sau này còn phát triển thêm một thức nữa là thức thứ chín, gọi là A Đà Na Thức). Tâm sở có sáu loại là 1- Biến hành, 2- Biệt cảnh, 3- Thiện, 4- Căn bản phiền não, 5- Tùy phiền não và 6- Bất định. Sáu loại tâm sở nầy lại chia làm 51 món. Thí dụ* ***Biến hành tâm sở*** *có năm là Xúc, Tác ý, Tưởng và Tư;* ***Biệt cảnh tâm sở*** *có năm là Dục, Thắng giải, Niệm, Định và Tuệ;* ***Thiện tâm sở*** *có 11 là Tín, Tàm, Quý, Vô tham, Vô sân, Vô si, Tinh tấn, Khinh an, Bất phóng vật, Hành xả, Bất hại;* ***Căn bản phiền não tâm sở*** *có sáu là Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác kiến;* ***Tùy phiền não tâm sở*** *có 20 là Phẫn, Hận, Phú, Não, Tật, Xan, Cuống, Siểm, Hại, Kiêu, Vô tàm, Vô quý, Trạo cử, Hôn trầm, Bất tín, Giải đãi, Phóng dật, Thất niệm, Tán loạn, Bất chánh tri;* ***Bất định***

***tâm sở** có bốn là Hối, Miên, Tầm, Tư. (Xin đọc "Duy Thức Học Nhập Môn", dịch giả: Cố HT. Thích Thiện Hoa, nhà xuất bản Tôn Giáo). Thích nghĩa này được lặp đi lặp lại nhiều lần, cốt để ghi nhớ.*

(4). Quảng tâm: Tâm bao dung, tâm rộng lớn, tâm ưu việt.

(5). Chấp theo tứ cú, chấp như vậy là điên đảo, hí luận.

(6). Sắc như hay gọi là chơn như của sắc.

*(7). Kinh có ý nhắc tới 18 pháp không, đã thuyết ở phẩm "Biện Đại Thừa" Q.51; phẩm "Tam Ma Địa" Q.417, và phẩm "Thiện Hiện" Q.488, v.v... ĐBN do nhóm của Ngài Huyền Trang dịch, như sau: "Cái không nội, cái không ngoại, cái không nội ngoại, cái không không, cái không lớn, cái không thắng nghĩa, cái không hữu vi, cái không vô vi, cái không rốt ráo, cái không không biên giới, cái không tản mạn, cái không không đổi khác, cái không bổn tánh, cái không tự tướng, cái không cộng tướng, cái không tất cả pháp, cái không chẳng thể nắm bắt được, **cái không không tánh, cái không tự tánh, cái không không tánh tự tánh**". Mười tám pháp không này đã được tóm lược nhiều lần. Đây chỉ nhắc lại cho nhớ! Xin xem lại phần thứ I Tổng luận.*

Sơ giải:

Không có hình ảnh nào đẹp, Thánh thiện bằng hình ảnh người mẹ đầy lòng ấp ủ thương yêu, hy sinh bảo bọc đàn con. Vì vậy, khi sức mỏi hơi mòn, thân nhiều bệnh tật, các con phải biết báo ơn, lo lắng an ủi mẹ già. Cũng vậy, tất cả chư Phật trong 10 phương thế giới đều xuất sanh từ Bát nhã Ba la mật. Vì Bát nhã Ba la mật là mẹ của chư Phật, nên chư Phật chăm sóc hộ niệm Bát Nhã như các con chăn sóc mẹ già để báo ơn!

Bát Nhã thậm thâm có công năng phát sanh tất cả công đức của chư Phật, có công năng chỉ bày thật tướng các pháp thế gian. Nhờ Bát nhã Ba la mật nầy các lục Ba la mật, tứ thiền, tứ định, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết chủng trí... cho đến quả vị Giác ngộ tối cao ở quá khứ, hiện tại, vị lai xuất sanh ở thế gian. Do nhân duyên đó nên nói tất cả Như Lai đều biết ơn. Nên, Như Lai ở 10 phương thế giới thường dùng Phật nhãn quán xét hộ niệm Bát nhã Ba la mật nầy.

Các thiện nam tín nữ trụ Bồ Tát thừa, nếu thường nghe hỏi, sao chép, thọ trì, đọc tụng, rộng nói Bát nhã Ba la mật thì tất cả Như Lai Ứng

Chánh Đẳng Giác trong 10 phương thế giới thường dùng Phật nhãn quán xét hộ niệm khiến thân tâm họ thường được an lạc, tu các thiện nghiệp không trở ngại, đối với quả vị Giác ngộ tối cao không bao giờ thối thất. Tại sao chư Phật 10 phương thế giới hộ niệm Bát nhã Ba la mật?

Vì Bát nhã Ba la mật năng sanh chư Phật. Vì Bát nhã Ba la mật chỉ thật tướng năm uẩn thế gian v.v...

1. Bát nhã Ba la mật có công năng xuất sanh chư Phật. Vì sao?

Vì Bát Nhã có công năng xuất sanh năm loại mắt, sáu thần thông; hoặc Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Vô lượng, vô biên công đức của chư Phật như thế đều từ Bát nhã Ba la mật sanh. Do đó, nên nói Bát Nhã có công năng xuất sanh chư Phật, cũng nói chư Phật từ Bát nhã Ba la mật sanh.

2. Bát nhã Ba la mật chỉ rõ thật tướng 5 uẩn thế gian. Vì sao?

Vì năm uẩn là nhân sinh và vũ trụ hay nói khác năm uẩn tiêu biểu hay hiển thị thế gian. Bát nhã Ba la mật chẳng nói năm uẩn có thành-có hoại, có sanh-có diệt, có nhiễm-có tịnh, có tăng-có giảm, có nhập-có xuất... Bát nhã Ba la mật cũng chẳng nói năm uẩn có quá khứ, vị lai, hiện tại, có thiện ác, vô ký, có sự ràng buộc của ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc. Vì sao? Vì chẳng phải các pháp **không** *có thành có hoại, chẳng phải pháp* ***vô tướng*** *có thành có hoại, chẳng phải pháp* **vô tác** *có thành có hoại, chẳng phải pháp* ***vô sanh vô diệt*** *có thành có hoại...* **"Vì tướng các pháp hiển thị như vậy nên Phật nói Bát nhã Ba la mật hay hiển thị tướng thế gian".**

Tục đế hay nói khác là năm uẩn, là tiêu biểu của thế gian nên lúc nào cũng nói đến sanh diệt, đoạn thường, khứ lai... Bát nhã Ba la mật là Chân đế, là thắng nghĩa đế nên nói ngược lại năm uẩn không có thành có hoại, có sanh có diệt, không có đoạn thường khứ lai... Hay nói khác tất cả pháp dưới con mắt của Bát nhã Ba la mật là không, là vô tánh, là vô tác, vô sanh vô diệt...

*Do có cái thấy như vậy, nên tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều nương Bát nhã Ba la mật có thể chứng biết hết vô lượng, vô số tâm hành sai biệt của các loại hữu tình. Nhưng trong lý của Bát nhã Ba la mật thậm thâm này **không có hữu tình**, không có thi thiết hữu tình có thể nắm bắt được; không có uẩn, không có thi thiết uẩn có thể nắm bắt được; không có mười hai xứ, mười tám giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, mười tám pháp bất công, Nhất thiết trí... cho đến quả vị Giác ngộ tối cao, không có thi thiết tất cả pháp Phật có thể nắm bắt được. Tại sao? Tại vì tất cả pháp là không, vô tánh, vô tác, vô sanh vô diệt... **Thế nên Bát nhã Ba la mật thậm thâm này nầy hay hiển thị tướng thế gian.***

*Kinh giải thích rằng: Trong lý Bát nhã Ba la mật thậm thâm đây cũng **chẳng chỉ rõ 5 uẩn**. Vì sao? Vì trong lý Bát nhã Ba la mật như thế, Bát nhã Ba la mật còn vô sở hữu bất khả đắc, huống là uẩn có thể chỉ rõ được. Trong lý Bát nhã Ba la mật thậm thâm chẳng chỉ rõ tất cả pháp. Vì trong lý Bát nhã Ba la mật như thế, cũng vô sở hữu, bất khả đắc, huống là tất cả pháp có thể chỉ rõ được.*

Có bao nhiêu danh số hữu tình hoặc loài có sắc hay không sắc, có tưởng hay không tưởng, hoặc chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng... ở quốc độ này cho đến khắp quốc độ mười phương. Những hữu tình ấy hoặc nhiếp tâm hoặc loạn tâm, hoặc tham sân si hoặc không tham không sân không si, đức Phật đều biết như thật tất cả tâm, tâm sở của họ.

*Tại sao đức Phật biết rõ được? Vì Phật vượt qua phân biệt, an trú trong thật tướng pháp, trong tánh không, nên biết rõ hết thảy chúng sanh tâm. Phật cũng dùng "vô thường tướng"(tất cả pháp hữu vi là vô thường, biến hoại) biết "tướng tận" (tất cả pháp đều như, chẳng lúc nào chẳng như, là vô tận như) mà ly hết thảy nhiễm, được vô nhiễm. Tất cả tâm là không, là vô tướng, vô tác, là bất khả đắc. Bởi vì, **ở nơi thật tướng pháp, thì hết thảy các pháp đều là vô tướng**. Trong vô tướng không có tội phước, nhiễm tịnh, tham sân si.*

*Tóm lại, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như thật biết **quảng tâm, biết đại tâm, vô lượng tâm, tâm vô kiến, vô đối**... của các loại hữu tình ấy, tâm không rộng-không hẹp, không tăng-không giảm, không đến-không đi, không sanh-không diệt, không trụ-không dị, không đại-không tiểu... Vì sao? Vì tự tánh của tâm **vô sở hữu, bất khả đắc, là không**, nên chẳng có gì rộng hẹp, tăng giảm, chẳng phải đến, chẳng phải đi, chẳng*

phải sanh, chẳng phải diệt, chẳng phải trụ, chẳng phải dị, chẳng phải đại, chẳng phải tiểu v.v… ***<u>Nói như vậy, là nói theo Đệ nhất nghĩa đế</u>.***

Do Bát Nhã, những tâm, tâm sở ẩn, hiện, co, duỗi của chúng sanh, đức Phật biết thật rõ. Vì sao? Vì tất cả tâm, tâm sở ẩn, hiện, co, duỗi của chúng sanh ***đều nương sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà sanh khởi, rồi phân biệt chấp thế gian thế này hay thế nọ. <u>Đó là nói theo Tục đế</u>****.*

Tất cả pháp thế gian dù thiên sai vạn biệt dưới óng kính Bát nhã, chư Phật đều thấy là ***"như tướng"*** *qua đoạn Kinh ngắn dưới đây:*

"Hơn nữa, Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương Bát Nhã thậm thâm như thật biết 5 thủ uẩn.

Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như thật biết 5 thủ uẩn?

Thiện Hiện! <u>Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như thật biết 5 uẩn là "như tướng", như đó là như thường tại, chẳng hư dối, chẳng biến khác, không phân biệt, không tướng trạng, không tác dụng, không hý luận, vô sở hữu, bất khả đắc.</u>

Thiện Hiện! Như vậy, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương Bát Nhã thậm thâm, như thật biết các loại hữu tình kia, tâm và tâm sở hiện ẩn co duỗi cũng là như tướng, như đó là như thường tại, chẳng hư dối, chẳng biến khác, không phân biệt, không tướng trạng, không tác dụng, không hý luận, vô sở hữu, bất khả đắc. Thiện Hiện! Các loại hữu tình tâm và tâm sở hiện ẩn co duỗi như tức 5 uẩn như. Năm uẩn như tức thập nhị xứ như. Thập nhị xứ như tức thập bát giới như. Thập bát giới như tức lục giới như. Lục giới như nói rộng cho đến chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề như. Chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề như tức tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như tức tất cả hữu tình như.

Thiện Hiện! **Hoặc tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như, hoặc tất cả hữu tình như, hoặc tất cả pháp như không hai, không riêng, là một như. Như tướng như thế không hoại, không tận, chẳng khá phân biệt được**".

Trong thật tướng tất cả pháp, tất cả đều như tướng, như thế là như thế chẳng lúc nào chẳng như. Đức Phật biết rõ tất cả pháp như tướng nầy, chẳng dị chẳng biệt, chẳng phải chẳng như, là vô tận như. Vì biết được

như tướng như vậy nên đức Phật mới được gọi là Như Lai. Đức Như lai biết tất cả pháp như tướng như vậy nên không sanh phân biệt, chấp trước mà chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao và được trí vô ngại.

Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác an trụ vô tận như tướng mà cứu vớt chúng hữu tình vượt qua bể khổ đồng thời phân biệt, khai thị Bát Nhã giúp chúng hữu tình biết tất cả pháp là bình đẳng như như, sớm được khai ngộ mà chứng đắc trí vô ngại. Nói khác, Như Lai biết tất cả pháp là như. ***Như đó là chân như thật tướng của tất cả pháp****. Vì tất cả pháp đều nằm trong chân như, pháp giới, pháp tánh, thật tế... nên đều là bình đẳng không phân biệt. Nên Như Lai đạt trí vô ngại mà chứng Vô thượng Bồ đề mới khai thị chỉ rõ tướng như cho tất cả hữu tình.*

Thiền sư D.T. Suzuki trong Thiền Luận quyển hạ, trích dẫn một đoạn Kinh như vậy và thuyết rằng:

"Vậy, Kinh nói, bằng con mắt của trí Bát Nhã, Bồ Tát thấy rõ các loại tâm của tất cả các loại hữu tình, và Ngài biết rõ chúng sai biệt như thế nào, sai biệt về cá tính, sai biệt về hoạt dụng, sai biệt về thọ báo, sai biệt về giá trị đạo đức, về tâm tính, vân vân. Rồi tri kiến như thực (yathàbhùtam) của Ngài thấu triệt qua những giả tướng này và nhận ra rằng các tâm của chúng; tịnh hay bất tịnh, nhiếp tâm hay loạn tâm, nhiễm tâm hay ly nhiễm tâm, tất cả đều không tự tánh, không thủ trước, không phân biệt. **Đấy được coi là nhìn vạn hữu trong chân như tướng của chúng, trong đó mọi sai biệt tan biến hết, đồng thời tự hiển lộ tự thân như thực trong ánh sáng của trí Bát Nhã**".

Đây là chân như quan Bát Nhã, quan điểm quan trọng trong việc thấu hiểu cái như tướng của vạn hữu để từ đó đi đến như như, bình đẳng mà được thanh tịnh.

3. Bát nhã Ba la mật lấy gì làm tướng?

Bát nhã Ba la mật thậm thâm lấy không làm tướng; Bát nhã Ba la mật lấy vô tướng, vô nguyện làm tướng; Bát nhã Ba la mật lấy vô tác, vô sanh vô diệt, vô nhiễm vô tịnh, vô tánh làm tướng; Bát nhã Ba la mật lấy vô tự tánh, vô sở y, phi đoạn phi thường, phi nhất phi dị, vô lai vô

khứ làm tướng; Bát nhã Ba la mật lấy hư không làm tướng; Bát nhã Ba la mật có vô lượng tướng như thế.

Các tướng như thế, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương vào thế tục mà nói, chứ không nương vào thắng nghĩa. Các tướng như thế trời, người, A tu la v.v... trong thế gian đều chẳng thể phá hoại. Vì sao? Vì trời, người, A tu la v.v... trong thế gian cũng là tướng.

"Các tướng chẳng thể phá hoại các tướng, các tướng chẳng thể biết rõ các tướng, các tướng chẳng thể phá hoại vô tướng. Các tướng chẳng thể biết rõ vô tướng; vô tướng chẳng thể phá hoại các tướng, vô tướng chẳng thể biết rõ các tướng, vô tướng chẳng thể phá hoại vô tướng, vô tướng chẳng thể biết rõ vô tướng…". Vì sao? Vì hoặc tướng, hoặc vô tướng, hoặc tướng vô tướng đều vô sở hữu, năng phá, năng tri, sở phá, sở tri, sự phá, sự biết đều chẳng thể nắm bắt được. Đây không phải là xáo ngữ, có tánh cách áp đặt mà đây là sở tri của Phật. Khi nói là không, rỗng không có nghĩa là không có tánh tướng thể dụng gì cả. Đó là pháp không, vô tướng. Nếu không có gì cả thì không phải là thật vật thì có gì để lấy để bỏ. Nên nói là vô sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Vì vậy, nên nói các tướng như thế chẳng do sắc tạo ra, chẳng do thọ, tưởng, hành, thức tạo ra; chẳng do 12 xứ, 18 giới tạo ra, chẳng do tất cả pháp Phật tạo ra. Các tướng như thế chẳng phải do thiên tạo ra, chẳng phải do phi thiên tạo, chẳng phải do nhơn tạo, chẳng phải do phi nhơn tạo, chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, chẳng phải thế gian, chẳng phải xuất thế gian, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, không hệ thuộc vào đâu. Vì chẳng phải là thật vật, nên chẳng thể tuyên thuyết. Bát Nhã xa lìa tất cả tướng, nói xa lìa nhưng chẳng có gì để xa lìa. Nói như vậy như chẳng nói gì.

Vì pháp không thấy pháp, pháp không biết pháp. Không thấy cái gì, không biết cái gì? Không thấy, không biết tướng của các pháp, chỗ không thấy không biết tướng của các pháp đó nên gọi là vô tướng. Chỉ có con người nhìn thấy pháp, cho đó là đẹp xấu, vuông tròn, lớn nhỏ… Đẹp xấu, vuông tròn v.v… là tướng, thấy biết tướng nên chấp tướng, rồi sanh thức tức cảm thọ, mà khởi tạo tác. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều nương Bát Nhã thậm thâm, đối với các pháp (dù hữu tướng hay vô tướng) đều biểu hiện sự ***giác ngộ bình đẳng, nên không tạo tác. Nếu không thấy tướng, chỗ gọi là vô tướng thì tâm sẽ được như như, tâm như như là***

***tâm giác ngộ bình đẳng.** Vì giác ngộ bình đẳng nên mới được thanh tịnh. Đó có thể nói là hệ quả của cái thấy biết không phân biệt, không chấp đắm để thực hiện một sự chuyển y, tức biến thức thành trí. Trí này soi thấy thật tướng tất cả pháp thế gian.*

Phật bảo cụ thọ Thiện Hiện: "Thiện Hiện nên biết! Bát Nhã thậm thâm là mẹ của chư Phật, Bát Nhã có công năng chỉ rõ thật tướng của các pháp thế gian. Cho nên, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương pháp ấy mà an trụ, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, nhiếp thọ hộ trì. Pháp ấy tức là Bát Nhã thậm thâm. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì Bát Nhã có khả năng xuất sanh chư Phật, có khả năng làm nơi nương tựa cho chư Phật, có khả năng chỉ rõ thật tướng các pháp thế gian".

Cho nên, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là bậc biết ơn, đền ơn Bát Nhã như các con phải biết ơn, đền ơn mẹ hiền!

Kết luận:

*Phật thuyết các pháp là giả danh, các pháp như huyễn, như mộng, các pháp không có tự tánh nên gọi là không, các pháp là vô sanh vô diệt, không tướng, không trạng. Tới đây, để dẫn dắt chúng sanh đến chỗ thanh tịnh, Phật thuyết các pháp là như tướng. Như tướng có nghĩa nó như vậy bởi vì nó như vậy, chẳng lúc nào chẳng như, và khi nhận chân tất cả pháp đều như, tức thấu rõ **pháp tánh bình đẳng, thấu rõ pháp tánh bình đẳng nên đạt được tâm bình đẳng vô chướng ngại mà được thanh tịnh**. Vì vậy, phẩm "Thắng Nghĩa Du Già" Phật bảo cụ thọ Thiện Hiện:* "Các pháp như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư dối, tánh chẳng biến khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghì giới. Như Lai ra đời hoặc chẳng ra đời, tánh tướng thường trụ, đấy gọi tất cả pháp tánh bình đẳng. **Tánh bình đẳng đây gọi pháp thanh tịnh**, đây nương thế tục nói là thanh tịnh, chẳng nương thắng nghĩa. Vì sao? Vì trong thắng nghĩa đế không phân biệt, không hý luận, bặt cả ngôn ngữ danh tự".

Không hý luận, bặt ngôn ngữ danh tự tức được an nhiên tịch lặng nên nói là thanh tịnh.

Một phút tư duy:

Nếu có thể nói thì phẩm "Phật Mẫu" là một phẩm hay vô cùng. Phải đọc đi đọc lại nhiều lần mới thấm! Nhưng Phật bảo không có pháp hay pháp dở, không có pháp cao pháp hạ... Tại sao ở đây lại nói đến các phân biệt, đối trị này làm gì? Phật cũng phân biệt các pháp như những phàm phu tục tử, nhưng Phật ***không dính mắc*** *nghĩa là có thấy biết phân biệt nhưng không có cảm thọ. Vậy, chúng ta có thể khen pháp hay pháp nhiệm mầu, vi diệu có sao đâu, miễn đừng dính mắc là tốt! Đó là "bàn ra".*

Bây giờ "tán vào" nghĩa là quay lại phẩm "Phật Mẫu" để nói đến những giáo lý sâu mầu của nó. Kinh tiếp tụng tán tụng công năng Bát Nhã đối với thế gian: Bát Nhã năng sanh chư Phật, năng hiển thị các pháp thế gian mà pháp thế gian không ngoài năm uẩn, 12 xứ, 18 giới. Hiểu biết uẩn xứ giới là hiểu hiểu rõ thế gian tức hiểu rõ tinh thần và những tạo tác của con người. Đó là vấn đề lớn thuộc nhân sinh quan và vũ trụ quan, giải quyết được nó tức là thành thục chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. Nên có thể làm thiên nhân sư hay cha mẹ của muôn loài. Vì vậy, phẩm này mới có tên là "Phật Mẫu".

Hôm nay, tôi dành đôi phút để giải trí các đạo hữu về cái nhiều chuyện "nói ra nói vào". Xin thứ lỗi, đọc hoài viết hoài lắm khi mệt mỏi, buồn nản lắm phải không, cười một chút để lấy lại sinh lực. Đời không nọ không kia cũng mất vui, miễn đừng dính mắc là tốt.

Đây là phẩm mắc mỏ, rất khó tiêu hóa, phải đọc nhiều và tư duy nhiều mới có thể thâm nhập được "tướng như" hay chơn như thật tướng tất cả pháp. Giáo lý chơn như được lặp đi lặp lại trong sáu Hội đầu nhất là Hội thứ VI. Chúng ta có rất nhiều cơ hội, hiểu được chơn như là nhập pháp giới tức giác ngộ. Nên phải chú ý mới có kết quả./.

---o0o---

42. PHẨM "CHẲNG NGHĨ BÀN"

Phần sau Q.308 đến đầu Q.310, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Thành Biện" quyển thứ 17, MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

Bát nhã Ba la mật thậm thậm vì việc lớn mà xuất hiện ở đời; Bát Nhã vì việc chẳng thể nghĩ bàn mà xuất hiện ở đời; Bát Nhã vì việc chẳng thể xưng lường mà xuất hiện ở đời; Bát Nhã vì việc không có hạn lượng mà xuất hiện ở đời, Bát Nhã vì việc không gì sánh bằng mà xuất hiện ở đời.

Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, lấy việc cứu độ khắp tất cả hữu tình không ngưng nghỉ làm việc lớn nầy mà xuất hiện ở đời.

Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có bao Phật tánh, Như Lai tánh, tự nhiên pháp tánh, Nhất thiết trí tánh đều là việc chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không có hạn lượng, không có gì sánh bằng mà xuất hiện trên đời.

Chẳng phải chỉ có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có bao Phật tánh, Như Lai tánh, tự nhiên tánh, Nhất thiết trí tánh chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng mà **Sắc cũng chẳng nghĩ bàn**, chẳng xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng. Thọ tưởng hành thức cũng chẳng nghĩ bàn, chẳng xưng lường được, không hạn lượng, không gì sánh bằng. 12 xứ, 18 giới, và tất cả pháp Phật từ tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cũng chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng. Tất cả pháp cũng chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng. Ở trong chơn pháp tánh, tâm và tâm sở chẳng thể nắm bắt được.

Tánh sắc chẳng thể thi thiết, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng. Tánh thọ tưởng hành thức cũng chẳng thể thi thiết, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng. Tánh 12 xứ, 18 giới và tánh của tất cả pháp Phật từ 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cũng chẳng thể thi thiết, chẳng

thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng.

Duyên cớ gì mà nói **tánh sắc chẳng thể thi thiết, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng**. Tánh thọ tưởng hành thức cũng chẳng thể thi thiết, chẳng thể nghĩ bàn, v.v...? Duyên cớ gì mà nói tánh mười hai xứ, mười tám giới và tất cả pháp Phật cũng như thế?

Vì **tánh của sắc**, vì tánh của thọ tưởng hành thức, vì tánh của tất cả pháp Phật chẳng thể thi thiết, nghĩ bàn, xưng lường, hạn lượng, bình đẳng chẳng bình đẳng.

Duyên cớ gì mà nói tánh sắc, tánh thọ tưởng hành thức cũng chẳng thể thi thiết, nghĩ bàn, xưng lường, hạn lượng, bình đẳng chẳng bình đẳng? Duyên cớ gì mà nói tánh mười hai xứ, mười tám giới, tứ thiền, tứ định v.v… nói chung là các pháp Phật chẳng thể thi thiết, nghĩ bàn, xưng lường, hạn lượng, bình đẳng chẳng bình đẳng được?

Vì tánh sắc chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng. **Vì không có tự tánh, nên tánh sắc chẳng thể thi thiết, nghĩ bàn, xưng lường, hạn lượng, bình đẳng chẳng bình đẳng.** Tự tánh thọ tưởng hành thức cũng chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, hạn lượng v.v... Vì không có tự tánh, nên tánh thọ tưởng hành thức chẳng thể thi thiết, nghĩ bàn, hạn lượng v.v... Tự tánh 12 xứ, 18 giới và tất cả pháp Phật chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, chẳng có hạn lượng v.v... Vì không có tự tánh, nên tánh 12 xứ, 18 giới và tất cả pháp chẳng thể thi thiết, nghĩ bàn, xưng lường v.v... cũng lại như thế.

Phật hỏi Tu Bồ đề:

- Này Thiện Hiện! Theo ý ông, trong cái chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng, không có tự tánh của sắc, sắc **có thể nắm bắt được chăng**? Trong cái chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng, không có tự tánh của thọ tưởng hành thức, thọ tưởng hành thức có thể nắm bắt được chăng? Trong cái chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng, không có tự tánh của 12 xứ, 18 giới và tất cả pháp Phật từ tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao thì tất cả pháp ấy có thể nắm bắt được chăng?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! Không!

Phật dạy: Thiện Hiện! Đúng vậy! Do nhân duyên này, nên nói tất cả pháp đều chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng.

Này Thiện Hiện! **Vì tất cả pháp đều chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng nên Phật pháp, Như Lai pháp, tự nhiên pháp, Nhất thiết trí pháp của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cũng chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng.**

Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có bao Phật pháp, Như Lai pháp, Tự nhiên pháp, Nhất thiết trí pháp đều chẳng thể nghĩ bàn, vì **dứt nghị luận**. Chẳng thể xưng lường, vì dứt xưng lường. Không hạn lượng, vì **dứt so lường**. Không gì sánh bằng, vì **dứt so sánh hơn thua** vậy. **Do nhân duyên nầy nên nói tất cả pháp cũng chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng.**

Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có bao Phật pháp, Như Lai pháp, Tự nhiên pháp, Nhất thiết trí pháp đều chẳng thể nghĩ bàn, vì vượt quá luận bàn vậy. Chẳng thể xưng lường, vì **vượt quá xưng lường** vậy. Không hạn lượng, vì **vượt quá hạn lượng** vậy. Không gì sánh bằng, vì **vượt quá so sánh hơn thua** vậy. Do nhân duyên nầy nên nói tất cả pháp cũng chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì so sánh được.

Chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng là chỉ có trên phương diện ngôn thuyết. Tất cả đều giống như hư không. Vì hư không chẳng thể so sánh, xưng tán được: Chẳng thể nghĩ bàn là chẳng thể nghĩ bàn như hư không; chẳng thể xưng lường là chẳng thể xưng lường như hư không; không hạn lượng là không có giới hạn như hư không; không gì sánh bằng là không có gì có thể so sánh với hư không.

Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có bao Phật pháp, Như Lai pháp, Tự nhiên pháp, Nhất thiết trí pháp; Thanh văn, Độc giác, thế gian, trời, người, A tu la thảy đều chẳng thể nghĩ bàn, xưng lường, hạn lượng, so sánh. Do nhân duyên nầy nên nói tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có bao Phật pháp, Như Lai pháp, Tự nhiên pháp, v.v… đều chẳng thể nghĩ bàn, chẳng khá xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng.

Khi đức Phật nói pháp chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng như thế, trong hội chúng có năm trăm Bí sô chẳng còn các lậu hoặc, tâm được giải thoát; lại có hai ngàn Bí sô ni cũng chẳng còn mắc các lậu hoặc, tâm được giải thoát; lại có sáu vạn nam cư sĩ, đối với các pháp xa lìa trần cấu, phát sanh pháp nhãn thanh tịnh; lại có ba vạn bảy ngàn nữ cư sĩ, đối với các pháp cũng lìa trần cấu, phát sanh pháp nhãn thanh tịnh; lại có hai vạn đại Bồ Tát chứng đắc Vô sanh pháp nhẫn, được thọ ký thành Phật ở trong Hiền kiếp.

Sơ giải:

Tất cả 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới và tất cả pháp Phật từ tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao đều không có tự tánh, nên ***lấy vô tánh làm tự tánh****, mà vô tánh cũng là không. Nói rộng ra, tất cả pháp kể cả Phật pháp, Như Lai pháp, Tự nhiên pháp, Nhất thiết trí pháp… thảy đều không. Trong cái rỗng không này thì có gì có thể nắm bắt được? Nếu không thể nắm bắt thì cũng không thể nói năng luận bàn. Đó là nguyên nhân khiến Phật bảo: "Tất cả pháp đều chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng, chỉ có trên phương diện ngôn thuyết. Tất cả đều giống như hư không".*

Vì vậy, Kinh bảo:

"… Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có bao Phật pháp, Như Lai pháp, Tự nhiên pháp, Nhất thiết trí pháp đều chẳng thể nghĩ bàn, vì **vượt quá** luận bàn vậy. Chẳng thể xưng lường, vì vượt quá xưng lường vậy. Không hạn lượng, vì vượt quá hạn lượng vậy. Không gì sánh bằng, vì vượt quá so sánh hơn thua vậy. Do nhân duyên nầy nên nói tất cả pháp cũng chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì so sánh được.

Phật so sánh:

Chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng là chỉ có trên phương diện ngôn thuyết. <u>Tất cả đều giống như hư không</u>. **Vì hư không chẳng thể so sánh, xưng tán được: Chẳng thể nghĩ bàn là chẳng thể nghĩ bàn như hư không; chẳng thể xưng lường là chẳng thể xưng lường như hư không; không hạn lượng là không có**

giới hạn như hư không; không gì sánh bằng là không có gì có thể so sánh với hư không".

Tất cả yếu chỉ của phẩm này nhấn mạnh ở điểm "tất cả pháp không thể nghĩ bàn". Đó là một đề tài phối hợp của một số giáo lý khó khăn mà người chưa hiểu pháp vô tướng, vô tánh, pháp không, pháp như, bình đẳng và thanh tịnh thì không thể nào hiểu ngay câu Phật nói: **"…tánh sắc chẳng thể thi thiết, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lường, không hạn lượng, không gì sánh bằng"**

Chỉ khi nào hiểu giáo lý "ly tướng"; chỉ khi nào hiểu tất cả pháp là nhất tướng chỗ gọi "vô tướng"; chỉ khi nào hiểu tất cả "pháp không", "pháp như", các "pháp bình đẳng" thì tâm thể thanh tịnh, mới có thể nói ***tất cả pháp không thể thi thiết, không thể nghĩ bàn, rộng lớn như hư không.*** *Vì sao? Vì pháp không, pháp như, pháp bình đẳng và thanh tịnh mà chư Phật gọi là thân ấn, ngữ ấn, tâm ấn, trí ấn, trí tạng của chư Phật ba đời. Nhập được các pháp này thì đắc vô phân biệt trí, vô trước trí, Bát nhã trí hay Nhất thiết trí trí…*

Nói như vậy như không nói gì, vì thông đạt những trí trên là thông đạt tuệ tức chứng được vô lậu học của hàng Đại thừa như chư Phật chư Bồ Tát, thì cần gì phải nghe phải học nữa.

Bát nhã Ba la mật là vô thượng thừa, không dễ gì một sớm một chiều mà có thể thông đạt được, chỉ khi nào hành giả Bát Nhã hiểu được ***18 pháp không, thập nhị chân như****, khi đó mặc dù chưa nhập pháp giới, hành giả Bát Nhã vẫn có thể hiểu tại sao tất cả pháp là bất khả tư nghị, bất khả xưng lượng v.v…*

Phẩm "Trí Hướng Đến", Hội thứ I, ĐBN, Kinh bảo rằng: "... sắc tức là Bát nhã Ba la mật, sắc cũng tức là Nhất thiết trí trí... cho đến quả vị Giác ngộ tối cao là Nhất thiết trí trí".Vì sao?

Phật trả lời: "Thiện Hiện! Hoặc sắc như, hoặc Nhất thiết trí trí như hoặc tất cả pháp như, đều một như không hai không khác; hoặc thọ tưởng hành thức như, hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều một như không hai không khác v.v...".

Tại sao nói Sắc tức là Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật tức là Sắc và Sắc cũng tức là Nhất thiết trí trí, là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề…, không những thế mà tất cả pháp đều như thế cả. Bởi vì tất cả pháp đều cùng một "như". Nên nói, Bát nhã Ba la mật hay Sắc cùng tất cả pháp

đồng một như, cái gọi là "nhất như của vạn hữu". Nên có thể nói: Bát Nhã có khả năng soi thấy thế giới như thế là như thế, thấy các pháp trong bản tính như thật của chúng. ***Đấy là cái thấy xuyên qua tướng trạng để trực ngộ được chân tánh của vạn hữu mà tuyên bố rằng thấy như thế là thấy tất cả các pháp trong chơn như thật tướng của chúng.*** *Do đó, mới nói tất cả pháp không hai không khác. Tất cả đều không nghĩ bàn, không thể hạn lượng... như hư không.*

Ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới cùng tất cả pháp hữu vi... là cái sanh diệt đổi dời nói theo Tục đế, trong Chân đế không có sanh diệt đổi dời, tất cả pháp là không, là như, là bình đẳng... Khi nào chứng biết được như vậy thì nhập chơn như, pháp giới tức giác ngộ thì trở thành Phật, thành Như Lai, đắc Nhất thiết trí trí mà trở thành Vô thượng Bồ đề. Lúc đó có thể nói "chạm mắt tức Bồ đề", "tất cả thanh sắc đều là mắt tuệ Phật".

Tăng Triệu một học giả cùng thời với ngài Cưu Ma La Thập, bảo: "Trời đất cùng ta đồng gốc, vạn vật cùng ta đồng thể". Giác biết như vậy là ***nhập pháp giới****, tức thấy được cái nhất như của vạn hữu hay nói khác là biết được chân như thực tướng. Biết được chân như thực tướng, nên nói Sắc tức là Bát nhã Ba la mật, là Nhất thiết trí trí, là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nên, Kinh bảo: Tất cả pháp là không thể nghĩ bàn, không thể xưng lường, không hạn lượng như hư không.*

Do đó, chúng tôi kết luận: Muốn thế phải học mười tám pháp không và thập nhị chơn như. Khi thông đạt 18 pháp không và thập nhị chơn như, rồi thì sẽ hiểu câu nói này của Phật: "Tất cả pháp là pháp giới"*(1), lúc đó có thể làm chủ trọn vẹn cả thế gian này.*

Thích nghĩa cho phần Sơ giải:

(1). Phẩm "Các Pháp Bình Đẳng", Q. 385, Hội thứ I, ĐBN./.

---o0o---

43. PHẨM "BIỆN SỰ"

Phần sau Q.310 đến đầu Q.311, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương Q.17, phẩm "Thành Biện", MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

Bát Nhã thậm thâm vì nhân duyên đại sự mà xuất hiện ở đời; vì việc chẳng thể nghĩ bàn mà xuất hiện ở đời; vì việc chẳng xưng lường mà xuất hiện ở đời; vì việc không có hạn lượng mà xuất hiện ở đời; vì việc không gì sánh bằng mà xuất hiện ở đời. Vì sao? Vì Bát Nhã thậm thâm có khả năng thành tựu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Vì Bát Nhã thậm thâm có khả năng thành tựu 18 pháp không; thành tựu chơn như, pháp giới, pháp tánh v.v…, thành tựu 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ; có khả năng thành tựu 37 pháp trợ đạo; có khả năng thành tựu Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng; có khả năng thành tựu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí... cho đến có khả năng thành tựu quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật *(nghĩa là Bát nhã Ba la mật có khả năng thành tựu tất cả pháp Phật).*

Như vua Quán đảnh đại vương dòng Sát đế lợi oai đức tự tại hàng phục tất cả, đem các việc nước giao phó cho đại thần, khoanh tay vô sự an hưởng vui thú. Như Lai cũng vậy, là Đại pháp vương đem pháp Thanh văn, pháp Độc giác, hoặc pháp Bồ Tát, hoặc các Phật pháp khác thảy đều phó chúc cho Bát nhã Ba la mật. Bởi Bát Nhã đây đều năng thành xong tất cả sự nghiệp. Vậy nên, **Bát Nhã vì đại sự nhân duyên xuất hiện thế gian**, vì việc chẳng thể nghĩ bàn, vì việc chẳng thể xưng lường, vì việc không hạn lượng, vì việc không gì sánh bằng nên xuất hiện thế gian. Vì sao? Vì **Bát Nhã chẳng chấp trước** sắc mà xuất hiện ở đời, nên có khả năng thành tựu nghiệp sự; vì Bát Nhã chẳng chấp trước thọ, tưởng, hành, thức mà xuất hiện ở đời, nên có khả năng thành tựu nghiệp sự; chẳng chấp trước 12 xứ, 18 giới và tất cả pháp Phật từ tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến chẳng chấp trước quả vị Giác ngộ tối cao mà xuất hiện ở đời, nên có khả năng thành tựu nghiệp sự.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Tại sao Bát nhã Ba la mật thậm thâm xuất hiện ở đời mà chẳng chấp trước sắc, chẳng chấp trước thọ, tưởng, hành, thức? Tại sao Bát Nhã thậm thâm xuất hiện ở đời mà chẳng chấp trước mười hai xứ, mười tám giới... cho đến tất cả pháp Phật?

Phật hỏi lại Thiện Hiện: Này Thiện Hiện! Theo ý ông, ông thấy sắc có thể chấp, có thể trước chăng? Ông thấy thọ, tưởng, hành, thức có thể chấp, có thể trước chăng? Ông thấy có pháp nào có thể chấp, có thể trước chăng? Ông thấy do pháp ấy mà có chấp, có trước chăng?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! Không!

Này Thiện Hiện! Theo ý ông, ông thấy 12 xứ, 18 giới và tất cả pháp Phật từ tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao có thể chấp, có thể trước chăng? Ông có thấy do pháp ấy mà có chấp, có trước chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không!

Phật dạy: Hay thay! Đúng như ý ông đáp! Này Thiện Hiện! Ta cũng chẳng thấy sắc có thể chấp, có thể trước; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức có thể chấp, có thể trước. Ta cũng chẳng thấy có pháp nào có thể chấp có thể trước, cũng chẳng thấy do pháp ấy mà có chấp có trước; **do chẳng thấy nên chẳng chấp, do chẳng chấp nên chẳng trước**.

Ta cũng chẳng thấy Chánh đẳng giác tánh, Như Lai tánh, tự nhiên giác tánh, Nhất thiết trí trí tánh khiến tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có thể chấp có thể trước. Ta cũng chẳng thấy có pháp nào có thể chấp có thể trước, cũng chẳng thấy do tất cả pháp ấy mà có chấp có trước; **do chẳng thấy nên chẳng chấp, do chẳng chấp nên chẳng trước**. Cho nên, này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát cũng chẳng nên chấp trước sắc, chẳng nên chấp trước thọ, tưởng, hành, thức. Đại Bồ Tát cũng chẳng nên chấp trước 12 xứ, 18 giới và tất cả pháp Phật. *(Q.311, ĐBN)*

Lúc bấy giờ, các Thiên tử ở cõi Dục, cõi Sắc bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế rất là sâu xa, khó thấy khó biết, chẳng thể suy tầm, vượt cảnh suy tầm, vắng lặng mầu nhiệm, chắc thật kín đáo, chỉ người trí tuệ mới có thể biết rõ được. Nếu các hữu tình có khả năng tin hiểu sâu sắc Bát nhã Ba la mật như thế thì nên biết họ đã từng cúng dường vô lượng chư Phật trong quá khứ; ở chỗ chư Phật phát nguyện rộng lớn, trồng nhiều căn lành, đã được vô lượng các thiện tri thức nhiếp thọ mới có khả năng tin hiểu được.

Giả sử các loại hữu tình trong tam thiên đại thiên thế giới đều thành tựu bậc tùy tín hành*(1)*, tùy pháp hành*(2)*, bậc bát nhơn*(3)*, bậc Thanh văn, bậc Bích Chi Phật cũng chẳng bằng người chỉ một ngày ưa thích, tư duy, xưng lường, quán sát Bát nhã Ba la mật. Vị này chắc chắn hơn các bậc trí đoạn*(4)* kia vô lượng, vô biên. Vì sao? Vì trí đoạn của các bậc trên chỉ được một phần nhỏ nhẫn so với vô sanh pháp nhẫn của bậc đã từng chứng đắc Bát nhã Ba la mật".

Phật bảo các Thiên tử: "Đúng vậy! Đúng như các ông đã nói! Trí đoạn của chư tùy tín hành, tùy pháp hành, đệ bát, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác đều chỉ là một phần nhỏ nhẫn so với vô sanh pháp nhẫn của bậc đã chứng đắc Bát nhã Ba la mật.

Thiên tử nên biết! Nếu thiện nam thiện nữ nào vừa nghe Bát Nhã thậm thâm như thế, nghe rồi sao chép, đọc tụng, thọ trì, tư duy, tu tập thì những người ấy thoát khỏi sanh tử, chứng đắc Niết bàn, nhanh hơn những người thích cầu Thanh văn, Độc giác, xa lìa Bát nhã Ba la mật mà học Kinh điển khác, một kiếp hoặc hơn một kiếp. Vì sao? Nầy các Thiên tử! Trong Bát nhã Ba la mật thậm thâm này, rộng nói các pháp thắng diệu. Các bậc tùy tín hành, hoặc tùy pháp hành, đệ bát v.v…đều nên đối với pháp này mà tinh cần tu học. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều nương pháp này mà học, đã chứng, sẽ chứng và hiện chứng quả vị Giác ngộ tối cao".

Khi ấy, các Thiên tử đều cùng bạch: "Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế là Ba la mật lớn, Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế là Ba la mật chẳng thể nghĩ bàn, Bát nhã Ba la mật như thế là Ba la mật chẳng thể xưng lường, Bát nhã Ba la mật như thế là Ba la mật không có hạn lượng, Bát nhã Ba la mật như thế là Ba la mật không gì sánh bằng.

Bạch Thế Tôn! Bậc tùy tín hành, hoặc tùy pháp hành, đệ bát v.v… đều đối với Bát nhã Ba la mật như thế mà tinh cần tu học, chóng thoát sanh tử, chứng đắc Niết bàn. Tất cả đại Bồ Tát đều đối với Bát Nhã như thế mà tinh cần tu học, mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao".

Thích nghĩa:

*(1). **Tùy tín hành** (S: śraddhānusārin; P: saddhānu-sārin) và (2). **Tùy pháp hành**: (S: dharmānussarin; p: dhammānussarin) là hai hạng người tu hành đang chuẩn bị đắc quả Dự lưu. Tùy tín hành là người chỉ dựa vào lòng tin (Tín; s: śraddhā; p: saddhā), **lấy lòng tin** làm căn bản để tu tập*

Phật pháp. Trong khi Tùy pháp hành: (S: dharmānussarin; p: dhammānussarin), là người ***lấy lý trí*** *phân tích lời thuyết pháp của Phật mà đạt quả Dự lưu. - Phỏng theo Từ điển Đạo uyển.*

(3). ***Bát nhân:*** *Còn gọi là Bát nhẫn: Giai vị tu 8 pháp nhẫn để đoạn Kiến hoặc. Cũng gọi Đệ bát địa, Bát nhân địa. Nhân nghĩa là nhẫn. Tương đương với 15 tâm kiến đạo của Thanh văn và vô sinh pháp nhẫn của Bồ Tát. Đây là địa vị thứ ba trong mười địa vị thuộc Tam thừa cộng thập địa.*

Mục (1), (2) và (3) là ba địa vị trong Thập Địa cộng thông cả ba thừa đã thích nghĩa chi tiết trong phẩm "Học Quán".

(4). Trí đoạn: Trí huệ đoạn tuyệt, người học đạo nhờ trí huệ này mà đoạn tuyệt các phiền não, ấy là trí đoạn. Lại nữa, trí và đoạn là hai đức của người học đạo: Trí là chiếu liễu chân lý, hiểu rõ sự và lý; đoạn là diệt trừ các phiền não tham luyến, sân hận, si mê. ***Trí tức Bồ đề, đoạn tức là Niết bàn, hai thể ấy liên quan với nhau vậy****. (Đoàn Trung Còn).*

Sơ giải:

Phẩm "Thành Biện" này và phẩm "Chẳng Nghĩ Bàn" (của ĐBN vừa tụng trên) do nhóm của Ngài Huyền Trang dịch chỉ là một, tương đương với phẩm "Thành Biện" của Kinh MHBNBLMĐ do nhóm của Ngài La Thập dịch như đã gợi ý ở trên. Phẩm thứ 50, Đại Trí Độ Luận cũng có cùng tên là "Thành Biện", tập 4, quyển 71, nội dung cũng giống như Kinh ĐBN. Đọc một phẩm thì biết cả ba.

Mở đầu phẩm này Hội thứ I, ĐBN nói:

"Bát Nhã thậm thâm vì nhân duyên đại sự mà xuất hiện ở đời; vì việc chẳng thể nghĩ bàn mà xuất hiện ở đời; vì việc chẳng xưng lường mà xuất hiện ở đời; vì việc không có hạn lượng mà xuất hiện ở đời; vì việc không gì sánh bằng mà xuất hiện ở đời". *Vì sao?*

Vì không có bất cứ pháp nào trong thế gian hay xuất thế gian thoát khỏi sự nhiếp hộ của Bát Nhã. Bát nhã Ba la mật là tri kiến của chư Như Lai, rộng lớn không có ngằn mé, không có hạn lượng, không có gì sánh bằng, nên nói là không thể nghĩ bàn, bất khả tư lượng như hư không.

Kế đến Kinh nói đến ***chấp trước****. Tại sao có chấp trước? Do lục căn (nhãn, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý) tiếp xúc với lục trần (sắc, thanh, hương, vị,*

xúc, pháp) khởi phân biệt mà sanh ra lục thức (thức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý). Tất cả lập cước của đạo Phật đều nằm trên căn bản này. Vì do thấy Sắc nên phân biệt, do phân biệt nên sanh chấp. Rồi từ chấp mới có tạo tác thi vi, muốn thủ giữ cất dấu hay buông bỏ mà sanh vui hay buồn, đau khổ hay phiền muộn. Đầu mối là ở phân biệt chấp trước mà ra.

Bản thể của tất cả pháp là vô tri trì độn, là như huyễn như mộng... duyên hợp thì có, duyên tan thì rã rời biến hoại, không có tự tánh nên bảo là không. Nếu nhập được pháp không rồi, thì không còn chấp ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới... cho đến Nhất thiết chủng trí nữa. Vậy cái đáng qui trách gây ra động niệm là do phân biệt chấp trước.

Thấy thì ai có nhãn căn đều thấy cả. Phân biệt thì ai cũng phân biệt cả. Phật là người phân biệt giỏi nhất thế gian này, nhưng Phật không bị sắc trần níu kéo, vì Phật không dính mắc. Không dính mắc, nên Phật không chấp, do công năng vô chấp mới được như như bất động. Do như như bất động này nên Phật mới được gọi là Như Lai. Còn chúng sanh thấy sắc mà tâm ôm cứng lấy, không rời một bước không nổi dù phải đổi lấy thân mạng. Tất cả đều do thủ tâm chấp tướng phân biệt mà ra.

Kinh Lăng nghiêm Phật bảo ông A nan: "Căn trần đồng một thể *(tâm)*, triền phược và giải thoát không hai *(mê thì triền phược, ngộ thì giải thoát).* Các thứ hư vọng như hoa đốm giữa hư không. Vì có trần cảnh, nên ở nơi căn khởi ra phân biệt. Vì có năng phân biệt ở nơi căn, nên mới hiện ra cái tướng bị phân biệt là cảnh. Căn *(kiến)* và cảnh *(sắc tướng)* đối đãi vọng hiện, chớ không có thật *(vô tâm)(1).* Cũng như hình cây lau gác nhau. Thế nên, khi thấy, nghe, hay, biết mà khởi vọng niệm phân biệt, đó là gốc vô minh triền phược. **Còn khi thấy, nghe, hay, biết mà không khởi vọng niệm phân biệt, đó là Niết bàn. Ở trong chơn tâm thanh tịnh, không dung chứa vật nào khác!"**

Đó là cái thấy của chơn tâm theo Kinh Lăng Nghiêm. Tu Bát Nhã khi thâm nhập được nhân không pháp không rồi thì dù cho thấy nghe hay biết cũng đều là không cả. Do đó Phật bảo "**Ta chẳng thấy sắc có thể chấp, có thể trước**; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức có thể chấp, có thể trước. Ta cũng chẳng thấy có pháp nào có thể chấp có thể trước, cũng chẳng thấy do pháp ấy mà có chấp có trước; do chẳng thấy nên chẳng chấp, do chẳng chấp nên chẳng trước".

Ở đây vì thấy tất cả pháp là không, là như, là bình đẳng nên Phật chẳng chấp trước, chẳng thủ giữ bất cứ pháp nào dù là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Do đó, Kinh MHBNBLMĐ, Phật dạy:

"Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Nhất thiết chủng trí, Vô thượng Bồ đề có thể thủ, có thể chấp chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bach Thế Tôn! Chẳng thể được vậy.

Phật dạy: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Ta cũng chẳng thấy sắc… dẫn đến thức có thể thủ, có thể chấp, cũng chẳng thấy Nhất thiết chủng trí, Vô thượng Bồ đề có thể thủ, có thể chấp. Vì chẳng thấy như vậy nên chẳng thủ, chẳng chấp.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ta cũng chẳng thấy Phật pháp, Như Lai pháp, tự nhiên trí pháp, Nhất thiết trí pháp có thể thủ, có thể chấp. Vì chẳng thấy như vậy nên chẳng thủ, chẳng chấp.

Lúc bấy giờ hàng chư Thiên cõi Dục và cõi Sắc đồng bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật rất thậm thâm, khó thấy, khó giải, chẳng thể suy lường mà biết được. Chỉ có bậc thiện xảo vi diệu, trí huệ tịch diệt, mới có thể tín giải được.

Nếu người nào thâm tín Bát nhã Ba la mật này, thì phải biết đó là bậc đại Bồ Tát. Người đó trong vô lượng kiếp đã cúng dường chư Phật, đã gieo trồng thiện căn, đã thân cận chư thiện tri thức, mới có thể tín giải thâm Bát nhã Ba la mật này vậy".

Chẳng thấy thì chẳng chấp chẳng trước. Giản dị như vậy. Nhưng làm sao có mắt mà chẳng thấy? Thấy thì vẫn thấy nhưng đừng dính mắc, cảm thọ là được./.

---o0o---

44. PHẨM "CÁC DỤ"

Phần sau Q.311 đến hết Q.312, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Thí Dụ", quyển thứ 17, Kinh MHBNBLMĐ)

Gợi ý:

Mong cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà không nhiếp thọ Bát Nhã thì giống như người vượt qua chốn hiểm ác mà không mang khí giới; cũng giống như người đi lấy nước mà dùng bình bằng đất chưa nung; giống như người vượt biển mà không tu bổ thuyền bè trước khi ra khơi; như người già yếu bệnh tật muốn dạo chơi mà không có người giúp đỡ... Các đoạn Kinh được tóm lược sau đây nói lên tính cách quan trọng của sự thọ trì Bát Nhã như các thí dụ vừa kể, nên phẩm này có tên là "Các Dụ".

Tóm lược:

Các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, đối với Đại thừa tuy có phần tín, kính, ưa, thích, nhưng chẳng sao chép, thọ trì, đọc tụng, tư duy, tu tập Bát nhã Ba la mật hay nói chung là tất cả các thiện pháp **để làm chỗ nương tựa thì nửa đường sẽ suy bại,** chẳng chứng được quả vị Giác ngộ tối cao, mà thối thất rơi vào địa vị Thanh văn hoặc Độc giác. Trái lại, nếu thiện nam thiện nữ hoặc thường sao chép, thọ trì, đọc tụng, tư duy, tu tập Bát Nhã hoặc lấy quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật để làm nơi nương tựa thì nên biết, các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa ấy, nửa đường không bao giờ thối thất, bị rơi vào bậc Nhị thừa, nhất định chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Như người muốn qua đồng hoang nguy hiểm, nếu chẳng mang theo lương thực, đồ dùng, thì chẳng thể đến được nơi an lạc, mà ở nửa đường gặp khổ nạn mất mạng. Cũng vậy, các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, đối với quả vị Giác ngộ tối cao dù có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, có thâm tâm, có sự ưa thích, có thắng giải, có xả, có tinh tấn, nhưng chẳng nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật hoặc chẳng nhiếp thọ tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật hay nói chung là tất cả pháp Phật*(1)* thì nên biết, các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa ấy, nửa đường suy bại,

chẳng chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao mà thối thất, rơi vào địa vị Thanh văn hoặc Độc giác.

Trái lại, như người muốn qua đồng hoang nguy hiểm, nếu luôn mang theo lương thực, đồ dùng, chắc chắn sẽ đến được nơi an lạc, chẳng bao giờ gặp khổ nạn, phải bỏ mạng giữa đường. Cũng vậy, các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, đối với quả vị Giác ngộ tối cao dù có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, v.v... nhưng chẳng nhiếp thọ Bát nhã hay nói chung là tất cả thiện pháp thì nên biết, các thiện nam thiện nữ ấy, quyết chẳng suy thối giữa đường mà vượt trên bậc Thanh văn, Độc giác, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Thí như người con trai hoặc con gái, mang bình đất chưa nung chín đi lấy nước hoặc ở sông, hoặc ở ao hồ giếng nước hoặc ở suối hoặc ở kênh, nên biết bình này chẳng bao lâu sẽ tan rã. Vì sao? Vì bình ấy chưa nung chín, chẳng thể đựng nước được. Cũng như thế, có thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, đối với quả vị Giác ngộ tối cao dù có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, v.v… nhưng chẳng nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật, chẳng nhiếp thọ phương tiện thiện xảo, hoặc chẳng nhiếp thọ tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí hay tất cả pháp Phật thì nên biết, các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa ấy, nửa đường suy bại, chẳng chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao mà thối thất, rơi vào địa vị Thanh văn hay Độc giác.

Trái lại, người nam hay nữ **mang bình đất đã nung chín** đi đến sông hồ ao hoặc giếng hoặc suối để lấy nước, nên biết bình này không bao giờ bị hư rã. Vì sao? Vì bình này đã được nung chín, rất chắc chắn, có thể đựng đầy nước. Cũng như vậy, các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, nếu đối với quả vị Giác ngộ tối cao có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, v.v… lại thường nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật và tất cả pháp Phật thì nên biết, các thiện nam thiện nữ ấy không bao giờ suy thối nửa đường, mà còn vượt qua địa vị Thanh văn, Độc giác, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Như có người lái buôn không có trí khi thuyền còn ở trên bờ chẳng chịu chuẩn bị đầy đủ, sửa chữa thuyền tàu mà mang hàng hóa của cải chất lên đó, rồi gấp rút khởi hành thì nên biết thuyền ấy bị hư chìm giữa đường, người, thuyền, của cải trôi giạt tứ tán. Người lái buôn như thế không có trí phương tiện thiện xảo, nên bị tan thân mất mạng, của cải tiêu tan. Cũng như vậy, thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, đối với quả vị Giác ngộ dù

có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, v.v… nhưng nếu chẳng nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật và tất cả các thiện pháp thì nên biết, các thiện nam thiện nữ ấy, bị suy bại nửa đường, thân bại mệnh chung, tiêu tan hết của báu. Các thiện nam thiện nữ ấy, chẳng chứng đắc Giác ngộ, nên dễ thối thất đạo Bồ đề mà rơi vào hàng Thanh văn hoặc Độc giác.

Trái lại, **thí như người lái buôn có trí phương tiện thiện xảo**, ở trên bờ, trước hết sửa chữa, trang bị thuyền xong, mới mang của cải hàng hóa chất lên trên đó rồi ra khơi. Nên biết thuyền ấy chắc chắn chẳng bị hư chìm, người vật an ổn, đến nơi đến chốn. Cũng vậy, thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, nếu đối với quả vị Giác ngộ có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, v.v... lại thường nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật và tất cả các thiện pháp. Nên biết, các thiện nam thiện nữ ấy, không bao giờ suy thối nửa đường, lại còn vượt qua địa vị Thanh văn, Độc giác, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Thí như có người một trăm hai mươi tuổi, già nua suy yếu, lại thêm nhiều bệnh tật. Người ấy dù có người đỡ đứng dậy cũng không đủ sức đi một, hai hay ba thước nói chi đi cả dặm. Vì sao? Vì quá già lại nhiều bệnh. Cũng vậy, thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, đối với quả vị Giác ngộ dù có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, v.v… nhưng nếu chẳng nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật và tất cả các thiện pháp, thì nên biết, các thiện nam thiện nữ ấy, sẽ suy bại nửa đường, chẳng chứng đắc Giác ngộ, nên dễ thối thất đạo Bồ đề mà rơi vào hàng Thanh văn hoặc Độc giác.

Trái lại, thí như người một trăm hai mươi tuổi, già nua suy yếu lại thêm bệnh tật, muốn dạo chơi, lại có hai người mạnh khỏe, xóc nách, dùi đi an ổn, vui thích. Cũng vậy, có các thiện nam thiện nữ nếu đối với quả vị Giác ngộ có tín, có nhẫn, có tịnh tâm, v.v… lại thường nhiếp thọ Bát Nhã và tất cả các thiện pháp, nên biết, các thiện nam thiện nữ ấy, chẳng bao giờ suy thối nửa đường, lại còn vượt qua địa vị Thanh văn, Độc giác, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Tại sao các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, do **chẳng nhiếp thọ Bát Nhã cũng chẳng nhiếp thọ phương tiện thiện xảo** nên rơi lại địa vị Thanh văn và Độc giác?

Vì thiện nam thiện nữ ấy từ lúc mới phát tâm đã **chấp trước ngã, ngã sở** khi hành bố thí, hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Khi hành bố thí mà tự hào là ta biết hy sinh, kia là kẻ nghèo khổ đáng

cho, đó là vật rất cần phải thí; khi thực hành tịnh giới thì chấp ta là người giữ giới, ta thành tựu giới hạnh hơn người; khi tu hành an nhẫn, thì nghĩ ta tu hành an nhẫn, ta nhẫn nhục hơn người v.v... Khi tu hành Bát Nhã, thì tự đắc ta tu tuệ, ta có trí tuệ hơn người v.v... Đã chấp dù chấp dưới bất cứ hình thức nào đều là do phân biệt ngã và ngã sở mà ra. Các Ba la mật như đã nói không phân biệt chấp trước, không có bờ nầy, bờ kia. Khi khởi tâm phân biệt là tự mình xa rời Bát nhã Ba la mật, xa rời Nhất thiết trí trí nên nói là bị thối thất, rơi rụng vào Nhị thừa, không thể chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao!

Thích nghĩa:

*(1). Tất cả pháp Phật: Thỉnh thoảng chúng tôi lặp lại toàn bộ các thiện pháp để giúp các đạo hữu ôn lại. Các pháp này còn gọi là các pháp mầu Phật đạo, v.v… hay 81 khoa danh tướng Bát Nhã. Các pháp này được nhắc đi nhắc lại hàng trăm, hàng ngàn lần trong Kinh ĐBN hay Kinh MHBNBLMĐ, nên khi tóm lược Kinh chúng tôi thường nhắc là **tất cả các thiện pháp hay tất cả pháp Phật** thay vì ghi lại nguyên văn. Chúng tôi lúc nào cũng lưu ý các đạo hữu nên xem lại **phần thứ I Tổng luận**. Muốn được Nhất thiết trí trí, Chánh giác hay Giác ngộ phải tu tập và thực hành các thiện pháp nầy. Đó là quy y Phật Pháp Tăng, thọ trì 5 giới cận sự, thọ trì 8 giới cận trụ, thọ trì 10 thiện nghiệp đạo; tu hành tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc; tu hành Phật tùy niệm, Pháp tùy niệm, Tăng tùy niệm, giới tùy niệm, xả tùy niệm, thiên tùy niệm; tu quán bất tịnh, quán sổ tức; tu hành tưởng vô thường, tưởng khổ vô thường, tưởng khổ vô ngã, tưởng bất tịnh, tưởng nhàm ăn, tưởng tất cả thế gian chẳng đáng vui, tưởng chết, tưởng đoạn, tưởng lìa, tưởng diệt; tu hành 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 chi đẳng giác, 8 chi Thánh đạo, 3 pháp môn giải thoát, 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ, 4 Thánh đế; tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát Nhã, phương tiện xảo, nguyện, lực, trí Ba la mật; tu hành 10 địa Bồ Tát, tất cả hạnh Bồ Tát, pháp không nội, pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm*

bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, định pháp, trụ pháp, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì; tu hành 5 loại mắt, 6 phép thần thông, Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; tất cả pháp môn Đà la ni, tất cả pháp môn Tam ma địa; tu hành 32 tướng đại sĩ, 80 tướng tùy hảo; tu hành 4 quả Thanh văn, quả Độc giác Bồ đề; tu hành tất cả hạnh Bồ Tát Ma ha tát; tu hành chư Phật Vô thượng Bồ đề".

*Như đã nhiều lần lưu ý, cứ mỗi lần đề cập tới tất cả pháp Phật, nếu phải liệt kê hết thảy các pháp tu như trên thì công việc tóm lược hay chiết giải trở nên nặng nề, có thể làm mệt óc các đạo hữu . Để giản lược và tránh trùng tụng chúng tôi chỉ ghi là **"tất cả các thiện pháp", "các pháp mầu Phật đạo" hay rút gọn các pháp tu trên**.*

Sơ giải:

Để mở đầu chiết giải cho phẩm này, Đại Trí Độ Luận giải thích thế nào là "có đầy đủ tín tâm, nhẫn tâm, tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn…?" Như sau:

"Đoạn kinh trên đây nói có hai hạng Bồ Tát. Đó là:

- Hạng Bồ Tát đã vào được thật tướng các pháp.
- Hạng Bồ Tát tuy chưa vào được thật tướng các pháp, nhưng ở nơi Phật đạo đã có tín tâm, có nhẫn tâm, có tịnh tâm, có thâm tâm, lại cũng đã có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn.

"Tín" là tin có các nhân duyên tội phước, có quả báo, lại tin rằng do tu tập 6 pháp Ba La Mật, sẽ được quả Vô thượng Bồ đề.

Có người tuy tin Phật đạo, nhưng do tư duy, trù lượng mà chưa được nhẫn tâm. Cho nên phải có **"nhẫn"**.

Có người tuy đã có nhẫn nhưng chưa dứt bỏ được các tà nghi, khiến tâm loạn động. Cho nên phải có **"tịnh"**, tức là phải có định tâm.

Có người tuy đã có định nhưng trí tuệ còn nông cạn, chưa thấu rõ được chỗ thâm diệu của kinh. Cho nên phải có **"thâm"**, tức là phải có trí tuệ thậm thâm.

Khi đã có đầy đủ 4 tâm trên đây rồi, hành giả lại phải nhất tâm cầu Vô thượng Bồ đề. Cho nên phải có **"nguyện"**.

Lại nữa, hành giả cần xem thế gian là việc nhỏ, chẳng nên tham đắm. Cho nên phải có **"giải"**.

Khi đã có **"tịnh"**, có **"nguyện"**, có **"giải"** rồi, thì hành giả xả tài vật, xả sân nhuế v.v… Cho nên phải có **"xả'**.

Đầy đủ các pháp nói trên đây rồi, hành giả phải siêng năng tu tập, chẳng có giải đãi, thối thất. Cho nên phải có **"tinh tấn"**.

Cho nên Kinh nói: Dù hữu tin, hữu nhẫn, hữu ái, hữu dục, hữu giải, hữu hành, hữu hỉ, hữu lạc, hữu xả, hữu tinh tiến, hữu tôn trọng, hữu tịnh tâm, ly phóng dật, bất tán loạn... mà không nhiếp thọ Bát Nhã và tất cả pháp Phật làm phương tiện thì cũng giống như người băng qua sa mạc hay nơi hoang vắng đầy thú dữ, trộm cướp mà không mang lương thực khí giới, làm sao thoát hiểm để đến chỗ lợi vui? Cũng giống như những người đi lấy nước dùng bình bằng đất chưa nung, làm sao lấy được nước? Như người đi biển không dùng phao làm chỗ nương tựa, làm sao khỏi chết chìm? Như người già 120 tuổi lại bệnh tật, không có người xóc nách, làm sao lê thân được vài bước nói chi đi cả dặm?

Vì vậy, tu Bát Nhã là phải biên chép, thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ, tu tập, vì người diễn nói mới không bị thối thất nửa chừng, phải rơi vào bậc Thanh văn hay Độc giác.

Bát Nhã đóng vai trò quan trọng trong kỹ thuật luyện tâm luyện trí để trở thành Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nên Bát Nhã là chỗ đáng nương tựa. Do đó, tùy thuận và nhiếp thọ Bát Nhã là phương tiện cần yếu nếu muốn được Nhất thiết trí trí, Chánh giác hay Giác ngộ. Bát Nhã như vậy được nhân-cách-hóa là mẹ, mẹ sinh mẹ dưỡng của chư Phật chư Bồ Tát. Vai trò đó đáng được "tâng bốc" hơn bao giờ hết./.

---o0o---

45. PHẨM "CHƠN THIỆN HỮU"

Phần sau Q.313 đến đầu Q.316, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Thiện Tri Thức", quyển thứ 17, MHBNBLMĐ)

Gợi ý:

Chơn thiện hữu hay còn gọi là thiện tri thức không phải chỉ dành cho Bồ Tát hay Phật, danh hiệu này được dùng rất rộng rãi. Bạn lành, tức chỉ cho người chính trực, có đức hạnh, có năng lực dẫn dắt người khác hướng về Chánh đạo thì được gọi là Thiện tri thức. Theo phẩm Thường đề trong Kinh Đại phẩm Bát Nhã quyển 27 thì người có khả năng nói các pháp không, vô tướng, vô tác, vô sinh, vô diệt và Nhất thiết chủng trí, khiến người nghe vui vẻ tin ưa, cũng được gọi là Thiện tri thức. Phẩm Nhập pháp giới trong Kinh Hoa nghiêm ghi rằng trong quá trình cầu đạo, Thiện tài đồng tử đã tham vấn 55 vị Thiện tri thức (thông thường nói chỉ có 53 vị), tức từ chư Phật, Bồ Tát đến người, trời, vua chúa kể cả đồng tử đang nô đùa trên đường phố, kỹ nữ trong kỹ viện, những tay buôn gian bán lận tục tằng ngoài chợ... và bất ai xuất hiện dưới bất cứ hình thức nào, hễ có khả năng dắt dẫn chúng sinh bỏ ác tu thiện để bước vào Phật đạo, thì đều có thể được gọi là Thiện tri thức. Còn Thích Thị Yếu Lãm quyển thượng, trích dẫn luận Du Già Sư Địa nêu lên 10 thứ công đức của Thiện tri thức là: Điều phục, tịch tĩnh, trừ hoặc, tăng đức, dũng mãnh, kinh phú, giác chân, thiện thuyết, bi thâm và ly thoái. Nếu người có các công đức như vậy thì được coi là Thiện tri thức. Lại theo Luật Tứ phần quyển 41, thì Thiện thân hữu phải có đủ 7 điều kiện là: Cho được cái khó cho, làm được việc khó làm, nhẫn được điều khó nhẫn, đem việc kín bảo cho nhau biết, khuyên nhau không che giấu điều lỗi, gặp khổ nạn không bỏ nhau và nghèo hèn không khinh nhau, gọi là Thiện hữu thất sự (bảy việc của người bạn lành). Trong Kinh luận có nêu các loại Thiện tri thức khác nhau, cứ theo Ma Ha Chỉ quán quyển 4 hạ của Ngài Trí Khải thì có 3 loại Thiện tri thức dưới đây: 1- Ngoại hộ: Giúp đỡ ở bên ngoài để bạn được an ổn tu đạo. 2- Đồng hành: Cùng nhau hành động, khích lệ lẫn nhau. 3- Giáo thụ: Nói pháp khéo léo. Theo Câu Xá Luận Tụng sớ quyển 29 của Ngài Viên Huy thì người bạn cho pháp là Thượng thân hữu, người cho của và pháp là Trung thân hữu, còn người chỉ cho của không thôi thì là Hạ thân hữu;

trên đây gọi là Tam hữu. Hoa nghiêm Kinh Thám Huyền kí quyển 18 cũng nêu ra 3 loại Thiện tri thức là Nhận, Pháp và Nhân pháp hợp biện. Cứ theo phẩm Ly thế gian trong Kinh Hoa nghiêm quyển 36 (bản dịch cũ) thì có 10 loại Thiện tri thức đó là: 1- Thiện tri thức thường giúp đỡ bạn an trụ nơi tâm Bồ đề. 2- Thiện tri thức có năng lực khiến bạn tu tập các căn lành. 3- Thiện tri thức có năng lực giúp bạn tu các Ba la mật một cách rốt ráo. 4- Thiện tri thức có năng lực giúp bạn phân biệt giảng nói tất cả pháp. 5- Thiện tri thức có năng lực giúp bạn an trụ và thành thục tất cả chúng sinh. 6- Thiện tri thức có năng lực giúp bạn có đủ biện tài giải đáp được các nghi vấn. 7- Thiện tri thức có năng lực giúp bạn không bám víu tất cả sinh tử. 8- Thiện tri thức có năng lực giúp bạn tu hạnh Bồ Tát trong tất cả kiếp mà tâm không chán mỏi. 9- Thiện tri thức có năng lực giúp bạn an trụ nơi hạnh Phổ hiền. 10- Thiện tri thức có năng lực giúp bạn tiến sâu vào tất cả trí của Phật.(1)

Trong phẩm này, Kinh ĐBN cũng như Kinh MHBNBLMĐ không định nghĩa Thiện tri thức mà chỉ nêu ra một số ***điều kiện cho những ai muốn trở thành Thiện tri thức để cứu rỗi chúng sanh****. Thực hiện những điều kiện đó chính là hành Bồ Tát đạo hay Bồ Tát hạnh là trên (thượng) cầu quả vị Giác ngộ tối cao, dưới (hạ) hóa độ chúng sanh.*

Mong rằng với những khái niệm sơ khởi này có thể giúp các thiện hữu hiểu vai trò của Thiện tri thức trong Phật đạo dễ dàng hơn.

Tóm lược:

Điều kiện tiên quyết cho người muốn trở thành Thiện tri thức thì người ấy phải có khả năng tuyên thuyết, ban phát cho chúng hữu tình lục Ba la mật và tất cả pháp Phật, rồi cùng chung hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nhưng dẫu vậy, người ấy không nên thủ đắc, tham đắm kết quả do mình đạt được kể cả quả vị Vô thượng Bồ đề. Một khi có thủ đắc thì không đắc, không thể giác ngộ, mà không đắc, không giác ngộ thì làm sao có khả năng làm đuốc tuệ, làm ánh sáng, làm đạo sư, làm cồn đảo, làm chỗ nương tựa, làm chỗ hướng đến… để giải thoát các nỗi thống khổ đồng thời mang lại nhiều phúc lợi cho toàn thể chúng sanh.

Kinh thuyết:

"Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát khi mới bắt đầu sự nghiệp nên học lục Ba la mật như thế nào?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát mới bắt đầu sự nghiệp, nếu muốn tu học Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật thì **trước hết phải gần gũi, cung kính, cúng dường chơn thiện tri thức** có khả năng giỏi nói Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật, nghĩa là khi nói Kinh Bát nhã Ba la mật thậm thâm, nói như thế này: Thiện nam tử! Hãy đến đây! Khi ngươi bố thí thì, nên nghĩ thế này, việc tu bố thí này ban khắp cho tất cả hữu tình, cùng chung hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao; khi ngươi trì giới, nên nghĩ thế này, việc tu tịnh giới này ban khắp cho tất cả hữu tình, cùng chung hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao; khi ngươi tu an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật thì nên nghĩ thế này, việc tu an nhẫn, việc tu tinh tấn, tịnh lư, Bát nhã Ba la mật này ban khắp cho tất cả hữu tình, cùng chung hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao.

Này thiện nam tử! Ngươi **chẳng nên dựa vào sắc để thủ đắc quả vị Giác ngộ tối cao**, cũng chẳng nên dựa vào thọ, tưởng, hành, thức để thủ đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì nếu chẳng chấp thủ sắc thì mới có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao; chẳng chấp thủ thọ, tưởng, hành, thức mới chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Ngươi chẳng nên dựa vào mười hai xứ, mười tám giới và tất cả pháp Phật từ tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, tứ Thánh đế, mười hai duyên khởi, ba mươi bảy pháp trợ đạo, Nhất thiết trí… để thủ đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Này thiện nam tử! Ngươi chẳng nên dựa vào quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật để thủ đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì nếu không chấp thủ quả vị Giác ngộ tối cao thì mới có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Này thiện nam tử! Đối với sắc, ngươi **chớ sanh tham ái**, đối với thọ, tưởng, hành, thức, cũng chớ sanh tham ái. Vì sao? Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là pháp có thể tham ái. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp là không. Này thiện nam tử! Đối với 12 xứ, 18 giới và tất cả pháp Phật từ tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, Tứ Thánh đế, mười hai duyên khởi, ba mươi bảy pháp trợ đạo, Nhất thiết trí…cho đến quả vị Giác ngộ tối cao, ngươi cũng chớ sanh tham ái. Vì sao? Vì tất cả pháp Phật chẳng phải là pháp có thể tham ái. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp là không.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát có khả năng làm việc khó làm, là ở trong tự tánh không của tất cả pháp, mà lại mong cầu quả vị Giác ngộ, lại muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! Các đại Bồ Tát có khả năng làm việc khó làm, là ở trong tự tánh không của tất cả pháp, lại mong cầu quả vị Giác ngộ, lại muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Này Thiện Hiện: Tất cả những ai tuy biết tất cả pháp như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như ảnh tượng, như bóng sáng, như bóng nắng, như sự biến hóa, như ảo thành... tự tánh đều không, nhưng **vì nghĩa lợi thế gian** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao; **vì khiến cho thế gian được lợi ích** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao; **vì khiến thế gian được an lạc** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao; **vì muốn cứu vớt thế gian**; **vì muốn làm nơi nương tựa cho thế gian**; **vì muốn làm nơi cư trú cho thế gian**; **vì muốn làm đạo rốt ráo cho thế gian; vì làm cù lao cho thế gian**; **vì làm ánh sáng cho thế gian**; **vì làm ngọn đuốc cho thế gian**; **vì làm đạo sư, làm tướng soái, làm chỗ hướng đến cho thế gian** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao đại Bồ Tát vì khiến thế gian **được nghĩa lợi** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát vì **muốn tất cả hữu tình giải thoát các nỗi thống khổ** mà tu hành bố thí, tịnh giới, tu hành an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao đại Bồ Tát vì khiến cho thế gian **được lợi ích** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát vì **cứu vớt hữu tình ra khỏi sự sợ hãi của năm thú** *(địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, Người, Trời)*, đặt họ ở bờ Niết bàn vô úy*(2)* mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát vì khiến thế gian **được an lạc** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát vì **cứu vớt hữu tình khỏi ưu, sầu, khổ não đặt họ ở bờ Niết bàn an ổn** kia mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát vì **muốn cứu vớt thế gian** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát vì **muốn cứu vớt các khổ sanh tử của hữu tình** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao; khi chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao mới có khả năng nói đúng như thật pháp đoạn khổ; hữu tình nghe rồi, nương vào giáo pháp ba thừa mà lần lượt tu hành để được giải thoát.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát vì **làm chỗ nương tựa** cho thế gian mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát vì **muốn giải thoát tất cả hữu tình khỏi sanh, lão, bệnh, tử, sầu, than, khổ, ưu, não, an trụ cõi Vô dư y Niết bàn** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao đại Bồ Tát vì làm **chỗ cư trú cho thế gian** mà hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát **muốn vì hữu tình nói tất cả pháp đều chẳng hòa hợp** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Thiện Hiện lại bạch: Bạch Thế Tôn! **Tại sao tất cả pháp đều chẳng hòa hợp?**

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Sắc chẳng hòa hợp tức là sắc chẳng hệ thuộc*(3)* nhau; sắc chẳng hệ thuộc nhau tức là sắc vô sanh; sắc vô sanh tức là sắc vô diệt; sắc vô diệt tức là sắc chẳng hòa hợp. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng hòa hợp tức là thọ, tưởng, hành, thức chẳng hệ thuộc nhau; thọ, tưởng, hành, thức chẳng hệ thuộc nhau tức là thọ, tưởng, hành, thức vô sanh; thọ, tưởng, hành, thức vô sanh tức là thọ, tưởng, hành, thức vô diệt; thọ, tưởng, hành, thức vô diệt tức là thọ, tưởng, hành, thức chẳng hòa hợp. mười hai xứ, mươi tám giới, tất cả pháp chẳng hòa hợp tức là tất cả pháp chẳng hệ thuộc nhau; tất cả pháp chẳng hệ thuộc nhau tức là tất cả pháp vô sanh; tất cả pháp vô sanh tức là tất cả pháp vô diệt; tất cả pháp vô diệt tức là tất cả pháp chẳng hòa hợp.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát muốn vì hữu tình nói tất cả pháp đều có tướng chẳng hòa hợp như vậy mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát **muốn tạo đạo cứu cánh cho thế gian** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao vì muốn hữu tình nói pháp thế này: **Sắc rốt ráo tức chẳng phải là sắc**, thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo tức chẳng phải là thọ, tưởng, hành, thức; 12 xứ, 18 giới rốt ráo tức chẳng phải là 12 xứ, 18 giới. Bốn tĩnh lự rốt ráo tức chẳng phải 4 tĩnh lự; 4 vô lượng, 4 định vô sắc, rốt ráo tức chẳng phải 4 vô lượng, 4 định vô sắc. Tám giải thoát rốt ráo tức chẳng phải 8 giải thoát; 8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ rốt ráo tức chẳng phải 8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ. 37 pháp trợ đạo rốt ráo tức chẳng phải 37 pháp trợ đạo. Không giải thoát môn rốt ráo tức chẳng phải không giải thoát môn; vô tướng, vô nguyện giải thoát môn rốt ráo tức chẳng phải vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Bồ Tát thập địa rốt ráo tức chẳng phải Bồ Tát thập địa. Năm nhãn 6 thần thông rốt ráo tức chẳng phải 5 nhãn, 6 thần thông. Phật 10 lực rốt ráo tức chẳng phải Phật 10 lực; 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng rốt ráo tức chẳng phải bốn vô sở úy cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Pháp vô vong thất rốt ráo tức chẳng phải pháp vô vong thất; tánh hằng trụ xả rốt ráo tức chẳng phải tánh hằng trụ xả. Nhất thiết trí rốt ráo tức chẳng phải Nhất thiết trí; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí rốt ráo tức chẳng phải Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Tất cả Đà la ni môn rốt ráo tức chẳng phải tất cả Đà la ni môn; tất cả Tam ma địa môn rốt ráo tức chẳng phải tất cả tam ma địa môn.Quả Dự lưu rốt ráo tức chẳng phải quả Dự lưu; quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán rốt ráo tức chẳng phải quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán. Độc giác Bồ đề rốt ráo tức chẳng phải Độc giác Bồ đề. Tất cả hạnh Bồ Tát rốt ráo tức chẳng phải tất cả hạnh Bồ Tát. Chư Phật Vô thượng Bồ đề rốt ráo tức chẳng phải Chư Phật Vô thượng Bồ đề .

Thiện Hiện! **Tướng rốt ráo của các pháp này như thế nào thì tướng tất cả pháp cũng như vậy.**

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu tướng của tất cả pháp như tướng rốt ráo thì làm sao đại Bồ Tát đối với tất cả pháp, ứng

hiện Đẳng giác? Vì sao? Bạch Thế Tôn! Chẳng phải trong cái rốt ráo của sắc có sự phân biệt thế này: Đây là sắc; cũng chẳng phải trong cái rốt ráo của thọ, tưởng, hành, thức có sự phân biệt thế này: Đây là thọ, tưởng, hành, thức. Chẳng phải trong cái rốt ráo của 12 xứ, 18 giới có sự phân biệt thế này: Đây là 12 xứ, 18 giới. Cũng chẳng phải trong cái rốt ráo của tất cả pháp Phật có sự phân biệt thế này: Đây là tất cả pháp Phật?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Này Thiện Hiện! **Trong cái rốt ráo của sắc không có sự phân biệt thế này:** Đây là sắc; trong cái rốt ráo của thọ, tưởng, hành, thức cũng không có sự phân biệt thế này: Đây là thọ, tưởng, hành, thức… cho đến trong cái rốt ráo của **tất cả pháp Phật** không có sự phân biệt thế này: Đây là tất cả pháp Phật.

Này Thiện Hiện! Đây là việc khó khăn của đại Bồ Tát, đó là tuy quán tất cả pháp đều là tướng tịch diệt nhưng tâm không chìm đắm và tự nghĩ: Ta đối với pháp ấy, hiện đẳng giác rồi, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, vì các hữu tình tuyên thuyết, khai thị pháp vi diệu tịch diệt như vậy.

Này Thiện Hiện! Đó là đại Bồ Tát vì **muốn tạo con đường rốt ráo cho thế gian** nên phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát vì **muốn tạo cù lao cho thế gian** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Thí như ở trong biển cả, sông ngòi lớn nhỏ, có chỗ nhô cao lên khỏi mặt nước, có thể ở được thì gọi đó là cù lao.

Này Thiện Hiện! Cũng vậy, khoảng trước, sau của sắc đều dứt, khoảng trước, sau của thọ, tưởng, hành, thức đều dứt; khoảng trước, sau của 12 xứ, 18 giới đều dứt, khoảng trước, sau của tất cả pháp Phật đều dứt. Này Thiện Hiện! Do khoảng trước, khoảng sau này đều dứt nên tất cả pháp đều dứt.

Này Thiện Hiện! Khoảng trước, sau của tất cả pháp Phật đều dứt tức là tịch diệt, tức là vi diệu, tức là như thật, đó là không, không có sở đắc, **con đường dứt ái hết, lìa nhiễm không còn gì, vĩnh viễn Niết bàn**. Đại Bồ Tát cầu chứng quả vị Giác ngộ tối cao, muốn vì hữu tình tuyên thuyết khai thị pháp vi diệu tịch diệt như thế.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát vì **làm ánh sáng cho thế gian** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát vì phá tan đêm dài vô minh, đập vỡ vỏ trứng che khuất hữu tình nhiều lớp đen tối, vì trị liệu mắt nhặm vô tri của hữu tình khiến cho trong sáng, vì tất cả hữu tình ngu tối làm ánh sáng chiếu soi mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát vì **làm ngọn đuốc cho thế gian** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát muốn vì hữu tình tuyên thuyết sáu phép Ba la mật và Kinh điển tương ưng bốn nhiếp pháp, nghĩa thú chơn thật để phương tiện giáo hóa dẫn dắt, khuyên họ tu học mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao đại Bồ Tát vì **cùng thế gian làm đạo sư**, nên phát thú Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật bảo: Thiện Hiện! Thiện Hiện! Bồ Tát Ma ha tát không muốn hữu tình sa vào tà đạo, xa lìa tứ chủng chướng chẳng nên hành, nên thuyết nhất đạo*(4)* khiến quay về nẻo chánh*(5)*. Vì kẻ tạp nhiễm được thanh tịnh, vì kẻ sầu não được vui, vì kẻ buồn khổ được hoan lạc, vì hữu tình phi lý chứng pháp như lý, vì hữu tình trôi lăn được vào Niết bàn, phát thú Vô thượng Bồ đề. Thiện Hiện! Đấy là đại Bồ Tát vì cùng thế gian làm đạo sư, nên phát thú Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát vì **làm tướng soái cho thế gian** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát mong cầu quả vị Giác ngộ tối cao là muốn vì hữu tình tuyên thuyết khai thị sắc vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, vô tịnh; thọ, tưởng, hành, thức vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, vô tịnh; muốn vì hữu tình tuyên thuyết khai thị 12 xứ, 18 giới và tất cả pháp Phật cũng như vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát vì **làm nơi hướng đến cho thế gian** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát mong cầu quả vị Giác ngộ tối cao muốn vì hữu tình tuyên thuyết khai thị **sắc lấy hư không làm chỗ hướng đến**; thọ, tưởng, hành, thức cũng lấy hư không làm chỗ hướng đến; muốn vì hữu tình tuyên thuyết khai thị 12 xứ, 18 giới cho đến tất cả pháp Phật cũng như thế.

Vì các hữu tình tuyên thuyết khai thị **sắc chẳng phải chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ chẳng hướng đến***(6)*. Vì sao? Vì tánh của **sắc là không**; trong tánh không, không có chỗ hướng đến, không có chỗ chẳng hướng đến; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ chẳng hướng đến. Vì sao? Vì tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; trong tánh không, không có chỗ hướng đến, không có chỗ chẳng hướng đến. Vì các hữu tình tuyên thuyết khai thị 12 xứ, 18 giới chẳng phải chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ chẳng hướng đến. Vì sao? Vì tánh của 12 xứ, 18 giới là không; trong tánh không, không có chỗ hướng đến, không có chỗ chẳng hướng đến; tất cả pháp Phật cũng chẳng phải chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ chẳng hướng đến. Vì sao? Vì tánh của tất cả pháp Phật là không; trong tánh không, không có chỗ hướng đến, không có chỗ chẳng hướng đến.

Này Thiện Hiện! Vì tất cả pháp đều **lấy không,** làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể vượt qua được*(7)*. Vì sao? Vì trong không, chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến đều chẳng thể nắm bắt được. Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy vô tướng, vô nguyện làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, đều chẳng vượt qua được. Vì sao? Vì trong vô tướng, vô nguyện chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng **đến đều chẳng thể nắm bắt được**.

Này Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy vô khởi, vô tác, vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, vô tịnh, làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể vượt qua được. Vì sao? Vì trong vô khởi đến vô nhiễm, vô tịnh, chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến đều chẳng thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **vô sở hữu** làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể vượt qua được. Vì sao? Vì trong vô sở hữu, chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến đều chẳng thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **huyễn, mộng, tiếng vang, ảnh tượng, bóng sáng, bóng nắng, việc biến hóa, ảo thành** làm chỗ hướng

đến; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể vượt qua được. Vì sao? Vì trong huyễn, mộng… đến ảo thành, chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến đều chẳng thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **vô lượng, vô biên** làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể vượt qua được. Vì sao? Vì trong vô lượng, vô biên, chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến đều chẳng thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **việc chẳng cho, chẳng nhận, việc chẳng nâng, chẳng hạ, vô khứ, vô lai, vô tăng, vô giảm, bất nhập, bất xuất làm chỗ hướng đến**; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể vượt qua được. Vì sao? Vì trong chẳng cho, chẳng nhận cho đến chẳng hợp, chẳng lìa, chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến đều chẳng thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **ngã** làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể vượt qua được. Vì sao? Vì ngã rốt ráo còn vô sở hữu, huống là có chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến, có thể nắm bắt được. Tất cả pháp đều lấy **hữu tình, dòng sanh mạng,** khả năng sanh khởi, sự dưỡng dục, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sanh, nho đồng, khả năng làm việc, khả năng khiến người làm việc, khả năng thọ báo, khả năng khiến người thọ báo, khả năng tạo nghiệp, khả năng khiến người tạo nghiệp, cái biết, cái thấy làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể vượt qua được. Vì sao? Vì hữu tình cho đến cái biết, cái thấy rốt ráo còn vô sở hữu, huống là có chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến, có thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **thường, lạc, ngã, tịnh làm chỗ hướng đến**; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể vượt qua được. Vì sao? Vì thường, lạc, ngã, tịnh rốt ráo còn vô sở hữu, huống là có chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến, có thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **vô thường, khổ, vô ngã, tịch tịnh, làm chỗ hướng đến**; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể vượt qua được. Vì sao? Vì vô thường, khổ, vô ngã, tịch tịnh rốt ráo còn vô sở hữu, huống là có chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến, có thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **tham, sân, si làm chỗ hướng đến**; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể vượt qua được. Vì sao? Vì tham,

sân, si rốt ráo còn vô sở hữu, huống là có chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến, có thể nắm bắt được.

Tất cả pháp đều lấy **chơn như làm chỗ hướng đến**; đối với chỗ hướng đến ấy, cũng chẳng thể vượt qua được. Vì sao? Vì trong chơn như, chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến rốt ráo đều chẳng thể nắm bắt được. Tất cả pháp đều lấy pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không,cảnh giới bất tư nghì làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, cũng chẳng thể vượt qua được. Vì sao? Vì trong tất cả pháp ấy, chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến rốt ráo đều chẳng thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **sự bất động làm chỗ hướng đến**; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể vượt qua được. Vì sao? Vì trong sự bất động, chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến rốt ráo đều chẳng thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **sắc, thọ, tưởng, hành, thức làm chỗ hướng đến**; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể vượt qua được. Vì sao? Vì ngũ uẩn rốt ráo còn chẳng thể nắm bắt được, huống là có chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến. Tất cả pháp đều lấy 12 xứ, 18 giới và tất cả pháp Phật làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể vượt qua được. Vì sao? Vì 12 xứ, 18 giới và tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, tứ Thánh đế, thập nhị nhân duyên, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… rốt ráo còn vô sở hữu chẳng thể nắm bắt được, huống là có chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến.

Này Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác làm chỗ hướng đến**; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể siêu vượt. Vì sao? Vì tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác rốt ráo còn vô sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, huống là có chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến.

Này Thiện Hiện! Như thế là đại Bồ Tát vì làm chỗ hướng đến cho thế gian mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Thích nghĩa:

(1). Phỏng theo Từ điển Phật Quang.

(2). Niết bàn vô úy còn gọi là Vô dư y Niết bàn, Vô dư y bát Niết bàn: Đã thích nghĩa trong phần thứ I Tổng luận.

(3). Hệ thuộc: Bị trói buộc, bị cột chặt, bị dẫn dắt.

(4). và (5). Cụ thọ Thiện Hiện thưa với Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ Tát Ma ha tát vì cùng thế gian làm đạo sư, nên phát thú Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề? Phật nói: Thiện Hiện! Bồ Tát Ma ha tát **vì muốn hữu tình hướng vào tà đạo lìa hạnh bốn thứ**, chẳng nên hành xứ, vì thuyết nhất đạo khiến quy chánh vậy. *Dịch như vậy khó hiểu. Nguyên văn đoạn kinh này bằng chữ Hán là: "*世Thế 尊Tôn .云vân 何hà 菩Bồ 薩Tát .摩Ma 訶Ha 薩Tát 為vi 與dữ 世thế 間gian 作tác 導đạo 師sư 故cố .發phát 趣thú 無Vô 上Thượng 正Chánh 等Đẳng 菩Bồ 提Đề .佛Phật 言ngôn .善Thiện 現Hiện .菩Bồ 薩Tát 摩Ma 訶Ha 薩Tát .欲dục 令linh 趣thú 向hướng 邪tà 道đạo 有hữu 情tình .離ly 行hành 四tứ 種chủng 不bất 應ưng/ứng 行hành 處xứ .為vi **說**thuyết 一nhất 道đạo 令linh 歸quy 正chánh 故cố". *Câu vì muốn hữu tình lạc vào tà đạo "lìa hạnh bốn thứ". Chữ Hán là* 離ly 行hành 四tứ 種chủng. *Từ "bốn thứ" dịch từ chữ Hán là* **四 tứ 種chủng**, *không được chỉnh lắm. Vì vậy, đoạn Kinh này khó giải thích, nếu không so chiếu với bản chữ Hán. Tứ chủng nói đây có nghĩa là* ***tứ chủng chướng*** (四種障)*là bốn thứ chướng đạo gồm: Duyên tướng, Nhân tướng, Sanh tướng, và Hoại tướng. Có thể dịch là "Phật nói: Thiện Hiện! Bồ Tát Ma ha tát thấy hữu tình sa vào tà đạo, khuyến hữu tình lìa tứ chủng chướng chẳng nên hành, nên thuyết nhất đạo khiến quay về nẻo chánh". Dịch như vậy đúng và dễ hiểu hơn?*

(6). Chẳng phải chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ chẳng hướng đến: Từ "hướng đến" là dịch chữ kép "thú hướng" tức hướng đến mục tiêu nào đó. ***Đại Trí Độ Luận*** *giải thích rằng:*

"Thú có nghĩa là đến. "Thú hướng" có nghĩa là hướng đến một mục tiêu nào. Đây là hướng đến Niết Bàn an lạc, vô úy. Như vậy là "muốn an lạc chúng sanh" và "muốn làm chỗ thú hướng cho chúng sanh" đồng nghĩa với nhau.

"Được an lạc nơi Niết Bàn" là cứu cánh, và "thú hướng Niết Bàn" là phương tiện. Vì "Thú hướng Niết Bàn" là phương tiện nên phải rộng nói.

Đoạn kinh trên đây cho thấy rằng, hướng đến Niết Bàn là hướng đến **chỗ cứu cánh, chỗ rốt ráo không, tức là vào nơi thật tướng của các**

pháp vậy. Đến chỗ "không tướng" là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến.

Vì sao? Vì trong "không" thì "đến" và "chẳng đến" cũng **đều là bất khả đắc.**

(7). Hai bản dịch Kinh ĐBN của HT Thích Trí Nghiêm, một bản đăng trên thuvienhoasen.org dịch là: "Tất cả pháp đều lấy không làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, cũng chẳng thể siêu việt" và bản khác đăng trên tuvienquangduc.com lại dịch là "Tất cả pháp đều lấy không làm tới. Kia đối tới này chẳng thể vượt khỏi". Hai đoạn Kinh trên dịch hơi khó hiểu. Nếu dịch là "Tất cả pháp đều lấy không làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, cũng chẳng thể vượt qua được" có lẽ dễ hiểu hơn chăng?

Từ "thú" có nghĩa là đến, "thú hướng" có nghĩa là hướng đến một mục tiêu nào.

Sơ giải:

1. Ai là người có thể làm thiện tri thức hay bạn lành chơn tịnh của tất cả hữu tình?

Chủ đề của phẩm này thay vì thuyết "ai là người có thể làm thiện tri thức, làm bạn lành chơn tịnh của chúng hữu tình?" thì lại đề cập đến những điều kiện để trở thành thiện hữu tri thức của tất cả hữu tình:

*Kinh trả lời là muốn trở thành Thiện tri thức thì người ấy phải có khả năng tuyên thuyết, ban phát cho chúng hữu tình lục Ba la mật và tất cả pháp Phật, rồi cùng chung hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nhưng dẫu vậy, người ấy **không nên thủ đắc, tham đắm tất cả pháp kể cả quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề**. Một khi có thủ đắc thì không đắc, không thể giác ngộ, mà không đắc, không giác ngộ thì làm sao có khả năng làm đuốc tuệ, làm ánh sáng, làm đạo sư, làm cồn đảo, làm chỗ nương tựa, làm chỗ hướng đến… để giải thoát các nỗi thống khổ đồng thời mang lại nhiều phúc lợi cho toàn thể chúng sanh. Nên cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:*

" Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát khi mới bắt đầu sự nghiệp nên học lục Ba la mật như thế nào?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát mới bắt đầu sự nghiệp, nếu muốn tu học Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật thì **trước hết phải gần gũi, cung kính, cúng dường chơn thiện tri thức** có khả năng giỏi nói Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật, nghĩa là khi nói Kinh Bát nhã Ba la mật thậm thâm, nói như thế này: Thiện nam tử! Hãy đến đây! Khi ngươi bố thí thì, nên nghĩ thế này, việc tu bố thí này ban khắp cho tất cả hữu tình, cùng chung hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao; khi ngươi trì giới, nên nghĩ thế này, việc tu tịnh giới này ban khắp cho tất cả hữu tình, cùng chung hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao; khi ngươi tu an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật thì nên nghĩ thế này, việc tu an nhẫn, việc tu tinh tấn, tịnh lư, Bát nhã Ba la mật này ban khắp cho tất cả hữu tình, cùng chung hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao".

Rồi Phật khuyến dẫn:

*"***Người tu chẳng nên dựa vào tất cả pháp Phật để thủ đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Nếu không chấp thủ quả vị Giác ngộ tối cao thì mới có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao**".

Kinh bảo: "Tất cả những ai tuy biết tất cả pháp như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như ảnh tượng, như bóng sáng, như bóng nắng, như sự biến hóa, như ảo thành, tự tánh đều không, nhưng **vì nghĩa lợi thế gian** mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao; vì khiến cho thế gian được lợi ích mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao; vì khiến thế gian được an lạc mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao; vì **muốn cứu vớt thế gian**; vì muốn làm **nơi nương tựa** cho thế gian; vì muốn làm **nơi cư trú** cho thế gian; vì muốn làm **đạo rốt ráo** cho thế gian; vì làm **cù lao** cho thế gian; vì làm **ánh sáng** cho thế gian; vì làm **ngọn đuốc** cho thế gian; vì làm **đạo sư** cho thế gian; làm **tướng soái** cho thế gian; làm chỗ hướng đến cho thế gian mà phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao".

Bất cứ những chúng sanh nào làm được như vậy thì có khả năng và xứng đáng làm thiện tri thức, làm bạn lành chơn tịnh cho tất cả hữu tình! Tất cả thế gian Trời Người nếu thân cận Thiện tri thức như thế thì có cơ hội tu sửa, sớm mở đạo nhãn thì có thể đem lại thường lạc ngã tịnh cho thế gian!

2. Đâu là chỗ hướng đến của Bồ Tát?

Chỗ hướng đến là giải thoát các nỗi thống khổ của tất cả hữu tình; cứu vớt hữu tình ra khỏi sự sợ hãi của năm thú; cứu vớt hữu tình khỏi sanh, lão, bệnh, tử, ưu, sầu, khổ não và đặt họ ở bờ Niết bàn an ổn. Đó là mục tiêu.

Muốn thực hiên mục tiêu này thì phải ***tạo đạo cứu cánh cho thế gian****. Tạo đạo cứu cánh cho thế gian là thuyết tất cả pháp rốt ráo* **không** *(pháp không), nói tất cả pháp rốt ráo là* ***như tướng*** *(pháp như) để chúng sanh hiểu biết tu tập đạt được đạo Bồ đề mà giải thoát. Muốn thế phải lập phương tiên.*

Kinh bảo: Chỗ hướng đến thiết thực nhất là ***tạo cù lao*** *cho thế gian vì muốn hữu tình dứt ái, lìa nhiễm***.** *Chỗ hướng đến là* **làm ánh sáng** *cho thế gian vì muốn lột vỏ vô minh tâm tối cho hữu tình. Chỗ hướng đến là* ***làm ngọn đuốc*** *cho thế gian nên thuyết sáu pháp đưa người qua bờ bên kia. Chỗ hướng đến là* ***làm đạo sư*** *vì muốn hữu tình sa lìa tà đạo quay về nẻo chánh. Chỗ hướng đến là* ***làm tướng soái*** *cho thế gian vì hữu tình tuyên thuyết khai thị tất cả pháp vô sanh-vô diệt, vô nhiễm-vô tịnh v.v…*

Thực hiện được tất cả các điểm ấy, Bồ Tát mới được gọi là bạn lành chơn thiện của tất cả hữu tình.

Nhưng Phật lại nói đến những khó khăn: “Vì các hữu tình tuyên thuyết khai thị **sắc chẳng phải chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ chẳng hướng đến**. Vì sao? Vì tánh của **sắc là không**; trong tánh không, không có chỗ hướng đến, không có chỗ chẳng hướng đến; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ chẳng hướng đến. Vì sao? Vì tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; trong tánh không, không có chỗ hướng đến, không có chỗ chẳng hướng đến. Vì các hữu tình tuyên thuyết khai thị 12 xứ, 18 giới chẳng phải chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ chẳng hướng đến. Vì sao? Vì tánh của 12 xứ, 18 giới là không; trong tánh không, không có chỗ hướng đến, không có chỗ chẳng hướng đến; tất cả pháp Phật cũng chẳng phải chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ chẳng hướng đến. Vì sao? Vì tánh của tất cả pháp Phật là không; trong tánh không, không có chỗ hướng đến, không có chỗ chẳng hướng đến.

Vì tất cả pháp đều **lấy không,** làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong không, chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến đều chẳng thể nắm bắt được. Thiện Hiện! Tất

cả pháp đều lấy **vô tướng, vô nguyện** làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, đều chẳng siêu vượt. Vì sao? Vì trong vô tướng, vô nguyện chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến đều chẳng thể nắm bắt được.

Tất cả pháp đều lấy **vô sở hữu** làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong vô sở hữu, chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến đều chẳng thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **huyễn, mộng, tiếng vang, ảnh tượng, bóng sáng, bóng nắng, việc biến hóa, ảo thành** làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong huyễn, mộng… đến ảo thành, chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến đều chẳng thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện! Tất cả pháp đều lấy **vô lượng, vô biên** làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong vô lượng, vô biên, chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến đều chẳng thể nắm bắt được".

Đó là chỗ nan hành của Bồ Tát, biết rằng tất cả pháp đều như huyễn như hóa, tất cả pháp là không, vô tướng, vô tác, vô sỡ hữu không thể nắm bắt, không thể siêu vượt... Đó là công trình nan hành năng hành (khó làm mà vẫn thường làm). Nhưng Bồ Tát tu nhẫn kiên cố, vẫn thực hành đạo pháp, vẫn làm Phật sự thành thục chúng sanh, thanh tịnh Phật đạo. Đó là chỗ uyên áo (sâu xa, huyền bí) của Bồ Tát hạnh hay Bồ Tát đạo trong việc thực thi công hạnh làm đẹp thế gian này.

3. Chỗ hướng đến chẳng thể siêu vượt.

"Này Thiện Hiện! Tất cả pháp đều **lấy việc chẳng cho-chẳng nhận, việc chẳng nâng-chẳng hạ, vô khứ-vô lai, không tăng-không giảm, bất nhập-bất xuất, chẳng hợp-chẳng lìa** làm chỗ hướng đến; đối với chỗ hướng đến ấy, chẳng thể siêu vượt. Vì sao? Vì trong chẳng cho-chẳng nhận cho đến chẳng hợp-chẳng lìa, chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến đều chẳng thể nắm bắt được".

Chỗ hướng đến của chúng sanh là chẳng cho-chẳng nhận cho đến chẳng hợp-chẳng lìa, là bất khả đắc cũng gọi là đệ nhất nghĩa đế tức không. Tu cốt để đắc và sống trong Đệ nhất nghĩa đế, mà Đệ nhất nghĩa đế cũng tức là không. Đã là không rồi thì làm gì có đến có đi, có vượt qua,

vượt trên hay siêu vượt(1). Vì vậy, không có gì có thể nói là siêu việt, kỳ đặc ở đây.

Đừng tưởng tượng bốc cao là có thể vượt qua và vượt trên những thứ ấy. Một khi muốn vượt qua và vượt trên chỗ siêu việt rồi thì siêu việt không còn là siêu việt nữa. Siêu việt chỉ trở thành siêu việt khi không có một giới hạn nào, nó là tuyệt đối không, là vô sở hữu. Nên Kinh nói: "rốt ráo là vô sở hữu chẳng thể nắm bắt được, huống là có chỗ hướng đến, chẳng phải chỗ hướng đến".

Thật là ngược đời khi Phật bảo phải lấy huyễn mộng... của tất cả pháp làm chỗ hướng đến. Phật cốt phủ nhận tánh cách bất thực của tất cả pháp và nói rằng khi tri nhận các pháp chỉ là huyễn mộng... rồi, thì sẽ thấy cái chẳng huyễn (phi huyễn) đằng sau nó. Nhưng cái chẳng huyễn cũng chẳng phải là chỗ hướng đến vì tất cả đều không thể nắm bắt được. Vậy chỗ nào là chỗ cần hướng đến? Khi đã thâm nhập được tất cả các pháp không, tất cả pháp như rồi, biết tất cả pháp đều bình đẳng, thì chẳng có gì ngược đời. Với cái tâm đại bi bình đẳng, Bồ Tát có thể thực hiện bất cứ công trình nan hành nào trong việc đem lại phúc lợi cho toàn thể chúng sanh.

Thích nghĩa cho phần lược giải này:

(1). Siêu vượt: Vượt qua năng lực hay sự hiểu biết thông thường cũng có nghĩa là siêu việt./.

---o0o---

46. PHẨM "TRÍ HƯỚNG ĐẾN"

Phần sau Q.316 đến đầu Q.318, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm: "Xu Hướng Nhất Thiết Trí", quyển thứ 17, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế, ai có thể phát sanh tin, hiểu?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát, từ lâu đối với quả vị Giác ngộ tối cao phát tâm hướng cầu, tinh cần tu hành, đã từng cúng dường trăm ngàn muôn ức Phật, ở chỗ chư Phật phát nguyện rộng lớn, thiện căn thuần thục, được vô lượng thiện hữu nhiếp thọ thì đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa như vậy, mới có khả năng phát sanh tin, hiểu.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế có khả năng phát sanh tin hiểu, thì phải có tánh gì, tướng gì, trạng gì, mạo gì?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy **điều phục tánh tham, sân, si làm tánh**; xa lìa tướng tham, sân, si **làm tướng**; xa lìa trạng thái tham, sân, si **làm trạng**; xa lìa diện mạo tham, sân, si **làm mạo.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy điều phục tánh tham-vô tham; sân-vô sân; si-vô si làm tánh; xa lìa tướng tham-vô tham; sân-vô sân; si-vô si làm tướng; xa lìa trạng thái tham-vô tham; sân-vô sân; si-vô si làm trạng; xa lìa diện mạo tham-vô tham; sân-vô sân; si-vô si làm mạo.

Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát thành tựu tánh, tướng, trạng, mạo như thế thì đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa ấy mới có khả năng phát sanh tin, hiểu.

Nếu đại Bồ Tát có khả năng tin hiểu Bát nhã Ba la mật sâu xa này thì mới có khả năng hướng đến Nhất thiết trí trí; nếu có khả năng hướng đến Nhất thiết trí trí thì mới có khả năng làm chỗ hướng về cho tất cả hữu tình.

Thiện Hiện lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy có khả năng làm việc khó làm đó là mang giáp mũ kiên cố*(1)* thế này: Ta sẽ độ thoát tất cả hữu tình, đều khiến chứng đắc Niết bàn rốt ráo. Tuy đối với hữu tình

làm việc như vậy, nhưng hoàn toàn chẳng thấy có hữu tình nào được an lập*(2)*.

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như lời ông đã nói. Đại Bồ Tát ấy có khả năng làm việc khó làm, đó là mang giáp mũ kiên cố như vầy: Ta sẽ độ thoát tất cả hữu tình, khiến đều chứng đắc Niết bàn rốt ráo. Tuy đối với hữu tình làm việc như vậy, nhưng hoàn toàn chẳng thấy có hữu tình nào được an lập.

Lại nữa, Thiện Hiện! Giáp mũ mà đại Bồ Tát ấy đã mang, đội chẳng thuộc sắc. Vì sao? Vì sắc rốt ráo vô sở hữu. Không có *(phi)*Bồ Tát, không *(phi)* giáp mũ nên nói giáp mũ kia chẳng thuộc sắc*(3)*. Giáp mũ mà đại Bồ Tát ấy đã mang, đội chẳng thuộc thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo không có sở hữu. Không có Bồ Tát, không giáp mũ nên nói giáp mũ kia chẳng thuộc thọ, tưởng, hành, thức.

Này Thiện Hiện! Giáp mũ mà đại Bồ Tát ấy đã mang, đội chẳng thuộc 12 xứ, 18 giới. Vì sao? Vì 12 xứ, 18 giới rốt ráo không có sở hữu. Không có Bồ Tát, không giáp mũ nên nói giáp mũ kia chẳng thuộc 12 xứ, 18 giới. Giáp mũ mà đại Bồ Tát ấy đã mang, đội chẳng thuộc tất cả pháp Phật từ tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, tứ Thánh đế, 12 duyên khởi, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì tất cả pháp Phật rốt ráo không có sở hữu. Không có Bồ Tát, không giáp mũ nên nói giáp mũ kia chẳng thuộc tất cả pháp Phật.

Này Thiện Hiện! Giáp mũ mà đại Bồ Tát ấy mang, đội chẳng thuộc tất cả pháp. Vì sao? Vì tất cả pháp rốt ráo không có sở hữu. Không có Bồ Tát, không giáp mũ nên nói giáp mũ kia chẳng thuộc tất cả pháp.

Đại Bồ Tát ấy chẳng phải vì độ thoát một số ít hữu tình mà mang giáp, đội mũ, cũng chẳng phải vì cầu một phần nhỏ trí mà mang giáp, đội mũ, mà đại Bồ Tát ấy vì cứu vớt tất cả hữu tình khiến nhập Niết bàn nên mang giáp, đội mũ. Đại Bồ Tát ấy chỉ vì cầu chứng đắc Nhất thiết trí trí mà mang giáp, đội mũ. Do nhân duyên này đại Bồ Tát ấy chẳng rơi vào bậc Thanh văn, Độc giác.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như vậy rất sâu xa không có người năng tu, không có pháp sở tu, cũng không có chỗ tu, cũng không do pháp này mà được tu tập. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Chẳng phải trong ý nghĩa sâu xa của Bát nhã Ba la mật này có

một phần nhỏ thật pháp có thể đạt được để gọi là người năng tu và pháp sở tu, hoặc chỗ tu tập, hoặc do pháp này mà tu tập.

Bạch Thế Tôn! Nếu tu hư không là tu Bát Nhã. Nếu tu tất cả pháp*(4)* **là tu Bát Nhã. Nếu tu pháp chẳng thật***(5)* **là tu Bát Nhã. Nếu tu vô sở hữu là tu Bát Nhã. Nếu tu không nhiếp thọ là tu Bát Nhã. Nếu tu trừ khiển***(6)* **là tu Bát nhã Ba la mật.**

Phật hỏi: Này Thiện Hiện! Tu trừ khiển những gì mà được coi là tu Bát nhã Ba la mật?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! **Tu trừ khiển sắc** là tu Bát Nhã; tu trừ khiển thọ, tưởng, hành, thức là tu Bát Nhã. Nếu tu trừ khiển 12 xứ, 18 giới là tu Bát Nhã; tu trừ khiển tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, tứ Thánh đế, mười hai duyên khởi, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng… là tu Bát Nhã. Tu trừ khiển Nhất thiết trí là tu Bát Nhã; tu trừ khiển Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí là tu Bát nhã Ba la mật.

Lúc bấy giờ, Phật bảo cụ thọ Thiện Hiện: Này Thiện Hiện! Nên nương vào Bát Nhã sâu xa để nghiệm biết đại Bồ Tát bất thối chuyển. Nếu đại Bồ Tát đối với Bát nhã Ba la mật, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí **chẳng sanh chấp trước, thì nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển**.

Nếu đại Bồ Tát đối với pháp không nội cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng sanh chấp trước, thì nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển. Nếu đại Bồ Tát đối với chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế… chẳng sanh chấp trước, thì nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển. Nếu đại Bồ Tát đối với tất cả pháp Phật chẳng sanh chấp trước, thì có thể nghiệm biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Này Thiện Hiện! Có các đại Bồ Tát bất thối chuyển tu hành thậm thâm Bát Nhã, chẳng quán chiếu lời lẽ và sự dạy bảo của kẻ khác cho là chơn yếu. Có các đại Bồ Tát bất thối chuyển tu hành thậm thâm Bát Nhã, chẳng phải chỉ tin người có sở tác. Có các đại Bồ Tát bất thối chuyển tu hành thậm thâm Bát Nhã, chẳng bị tâm tham dẫn dắt, chẳng bị tâm sân dẫn dắt, chẳng bị tâm si dẫn dắt, chẳng bị tâm kiêu mạn dẫn dắt, chẳng bị các loại tâm tạp nhiễm khác dẫn dắt. Có các đại Bồ Tát bất thối chuyển tu hành thậm thâm Bát Nhã chẳng lìa bố thí, chẳng lìa tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Có các đại Bồ Tát bất thối chuyển nghe nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm như vậy, tâm họ chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng

hãi, chẳng chìm, chẳng đắm, cũng chẳng thối bỏ; đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa hoan hỷ, ưa nghe, thọ trì, đọc tụng, rốt ráo thông suốt, gắn chặt tư duy, như thuyết tu hành, không hề mệt mỏi.

Này Thiện Hiện! Nên biết, đại Bồ Tát bất thối chuyển ấy vì đời trước đã nghe nghĩa lý Bát nhã Ba la mật thậm thâm, thọ trì, đọc tụng, như lý tư duy, như thuyết tu hành, không hề mệt mỏi.

Đại Bồ Tát ấy **muốn thâm nhập Nhất thiết trí trí** thì phải liên tục, tùy thuận, hướng đến, thâm nhập **pháp không**, **vô tướng**, **vô nguyện**. Đó là đại Bồ Tát liên tục, tùy thuận, hướng đến, thâm nhập Nhất thiết trí trí để tu hành thậm thâm Bát Nhã.

Nếu đại Bồ Tát liên tục, tùy thuận, hướng đến, thâm nhập **hư không, vô sở hữu, vô sanh-vô diệt, vô nhiễm-vô tịnh** để tu hành Bát Nhã thì đó là đại Bồ Tát liên tục, tùy thuận, hướng đến, thâm nhập Nhất thiết trí trí để tu hành thậm thâm Bát Nhã.

Nếu đại Bồ Tát liên tục, tùy thuận, hướng đến, thâm nhập **chơn như**, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghì giới để tu hành Bát Nhã thì đó là đại Bồ Tát liên tục, tùy thuận, hướng đến, thâm nhập Nhất thiết trí trí để tu hành thậm thâm Bát Nhã.

Nếu đại Bồ Tát liên tục, tùy thuận, hướng đến, thâm nhập **không tạo tác** để tu hành Bát Nhã thì đó là đại Bồ Tát liên tục, tùy thuận, hướng đến, thâm nhập Nhất thiết trí trí để tu hành thậm thâm Bát Nhã.

Nếu đại Bồ Tát liên tục, tùy thuận, hướng đến**, thâm nhập huyễn, mộng, tiếng vang, ảnh tượng, bóng sáng, bóng nắng, sự biến hóa, ảo thành để tu hành Bát Nhã**, thì đó là đại Bồ Tát liên tục, tùy thuận, hướng đến, thâm nhập Nhất thiết trí trí để tu hành thậm thâm Bát Nhã.

"Phật đã dạy, nếu đại Bồ Tát liên tục, tùy thuận, hướng đến, thâm nhập không, vô tướng, vô nguyện, hư không, vô sở hữu, vô sanh-vô diệt, vô nhiễm-vô tịnh, chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, định pháp, trụ pháp, thật tế, hư không giới, bất tư nghì giới, vô tạo tác, huyễn, mộng, tiếng vang, ảnh tượng, bóng sáng, bóng nắng, việc biến hóa, ảo thành để tu hành Bát Nhã thì đó là đại Bồ Tát liên tục, tùy thuận, hướng đến, thâm nhập Nhất thiết trí trí để tu hành thậm thâm Bát Nhã".*(Q. 318, ĐBN)*

Muốn đạt đến Nhất thiết trí trí đại Bồ Tát ấy chẳng hành sắc, chẳng hành thọ, tưởng, hành, thức. Đại Bồ Tát ấy cũng chẳng hành 12 xứ, 18 giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao. **Vì sự tùy thuận, hướng đến, thâm nhập Nhất thiết trí trí của đại Bồ Tát ấy, không năng tác, không năng hoại, không từ đâu đến, không đi đến đâu, cũng không chỗ trụ, không phương cõi, không số lượng, không vãng lai.**

Nhất thiết trí trí như thế đã không số lượng, không vãng lai, không thể nắm bắt được nên cũng không thể chứng đắc. Nhất thiết trí trí như thế, chẳng thể dựa vào sắc để chứng, chẳng thể dựa vào thọ, tưởng, hành, thức để chứng. Nhất thiết trí trí như thế, chẳng thể dựa vào 12 xứ, 18 giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao để chứng. **Vì sắc tức là Nhất thiết trí trí**; thọ, tưởng, hành, thức tức là Nhất thiết trí trí; vì 12 xứ, 18 giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao hay nói chung tất cả pháp Phật tức là Nhất thiết trí trí.

Vì sao? Thiện Hiện! **Hoặc sắc như, hoặc Nhất thiết trí trí như hoặc tất cả pháp như, đều một như không hai không khác; hoặc thọ tưởng hành thức như, hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều một như không hai không khác v.v...**

Thích nghĩa:

(1). Mang giáp mũ kiên cố, mặc giáp bị đại thừa hay mặc giáp bị đại công đức, Hán ngữ dùng cụm từ "擐 hoàn 大 Đại 乘 Thừa 鎧 khải". Kinh MHBNBLMĐ gọi là "đại thệ trang nghiêm" cũng gọi "hoằng thệ nguyện" như đã thích nghĩa trong phẩm "Ma Ha Tát" và phẩm "Giáp Bị Đại Thừa".

(2). An lập: (安立) đã thích nghĩa trong phẩm "Trước và Chẳng Trước Tướng". Nói nôm na an lập là "xếp đặt cho yên thân yên chốn".

*(3). Không có (phi) Bồ Tát, Không (phi) giáp mũ nên nói giáp mũ kia chẳng thuộc sắc. Nguyên văn bằng chữ Hán là "*非phi 菩Bồ 薩Tát 非phi 甲giáp 冑trụ 故 cố . 說thuyết 彼bỉ 甲giáp 冑trụ 不bất 屬thuộc 色sắc".

*(4). Nếu tu tất cả pháp là tu Bát Nhã, nguyên văn là "*若nhược 修tu 一nhất 切thiết 法pháp 是thị 修tu". *Cụm từ tu "tất cả pháp" là dịch từ chữ Hán "Nhất thiết pháp" (s: sarva*-dharma, *p:* sabba-dhamma*) có nghĩa là tất cả các pháp, hết thảy các pháp, toàn bộ các pháp, còn có tên là nhất thiết vạn pháp. Hết thảy các pháp là tên gọi chung bao gồm tất cả vạn hữu. Đại Trí Độ Luận có đoạn Kinh nói rằng: "Nhất thiết pháp lược thuyết hữu tam chủng, nhất giả hữu vi pháp, nhị giả vô vi pháp, tam giả bất khả thuyết pháp, thử tam kỷ nhiếp nhất thiết pháp (dịch: hết thảy các pháp nói tắt có 3 loại, một là pháp hữu vi, hai là* pháp vô vi, ba là pháp *không thể nói được; cả 3 loại này gồm thâu hết thảy các pháp" - Phật học Tinh tuyển. Tất cả pháp trong bản dịch này là nhất thiết pháp. Chúng tôi giữ y lời dịch khi tóm lược,* ***không sửa đổi!***

(5). Nếu tu pháp chẳng thật là tu Bát Nhã, nguyên văn bằng chữ Hán là 若nhược 修tu 不bất 實thật 法pháp 是thị 修tu. *Cụm từ "pháp chẳng thật" dịch từ chữ Hán "bất thật pháp".*

(6). Khiển và trừ khiển:

- 1. Khiển: Trách hay ra lệnh như cha trách con không nên làm như vậy nữa.

- 2. Trừ khiển: ***Trừ*** *là bỏ;* ***khiển*** *là trách: Bỏ đừng trách nữa như mẹ trách lại cha: Trách con như vậy không đúng, không nên trách* con *như vậy.* ***TB***

Sơ giải:

Mục tiêu kỳ cùng, tối hậu của hành giả Bát Nhã là hướng đến Giác ngộ, đạt Chánh giác và Nhất thiết trí trí. Không có Giác ngộ, không có Chánh giác, không có Nhất thiết trí trí thì không phải là Bát Nhã. Vậy, điều kiện để đạt Nhất thiết trí trí thì phải chứng Bát nhã Ba la mật, rồi mới có khả năng thành thục chúng sanh, thanh tịnh Phật độ hay nói khác mới có khả năng làm chỗ quy hướng cho tất cả hữu tình. Đó là mục tiêu của người hành Bồ Tát đạo. Nên Kinh nói: **"Nếu đại Bồ Tát có khả năng tin hiểu Bát nhã Ba la mật sâu xa này thì mới có khả năng hướng đến Nhất thiết trí trí; nếu có khả năng hướng đến Nhất thiết trí trí thì mới có khả năng làm chỗ hướng về cho tất cả hữu tình".**

Phẩm “So Lường Công Đức” Q.106, Hội thứ I, ĐBN. Phật bảo trời Đế Thích:

“(...) Kiều Thi Ca! Muốn chứng đắc Nhất thiết trí trí của chư Phật, phải cầu Bát nhã Ba la mật; muốn chứng đắc Bát nhã Ba la mật, phải cầu Nhất thiết trí trí của chư Phật. Vì sao? Vì Nhất thiết trí trí của chư Phật đã chứng đắc, đều phát sanh từ Bát nhã Ba la mật; Bát nhã Ba la mật như thế đều được phát sanh từ Nhất thiết trí trí của chư Phật. Vì sao? Vì Nhất thiết trí trí của chư Phật đã chứng đắc chẳng khác Bát nhã Ba la mật; Bát nhã Ba la mật như thế chẳng khác Nhất thiết trí trí của chư Phật. Nhất thiết trí trí của chư Phật đã chứng đắc cùng với Bát nhã Ba la mật này, nên biết, không hai, không khác. Vì vậy, nên công đức oai thần của Bát nhã Ba la mật thật là hy hữu”.

Phẩm “Tôn Đạo” quyển thứ 10, MHBNBLMĐ, cũng nói:

“Muốn được Nhất thiết trí phải tìm cầu trong Bát nhã Ba la mật. Muốn được Bát nhã Ba la mật phải tìm cầu trong Nhất thiết trí”.

Hai đoạn Kinh trên cùng một tư tưởng như nhau, đủ để chứng minh sự hỗ tương sinh khởi giữa Bát nhã Ba la mật và Nhất thiết trí trí. Muốn làm chỗ nương tựa, làm chỗ hướng về... cho tất cả hữu tình thì Bồ Tát phải đạt ngộ. Nhưng muốn đạt ngộ phải tu hành Bát Nhã, có tu hành Bát Nhã, mới có thể đạt Nhất thiết trí trí. Đó là con đường tất yếu, không có giải pháp nào khác.

Tuy nhiên, để đắc Bát nhã Ba la mật hay Nhất thiết trí trí thì Bồ Tát cần tu khổ hạnh, cúng dường trăm ngàn muôn ức Phật, ở chỗ chư Phật phát nguyện rộng lớn, tu tập thiện căn, chứa nhóm công đức, nhưng phải được vô lượng thiện hữu nhiếp thọ thì đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa như vậy, mới có khả năng phát sanh tin, hiểu.

1. “Tu không nhiếp thọ là tu Bát Nhã”:

Suốt 600 quyển Đại Bát Nhã hầu như chỗ nào Kinh cũng khuyến cáo hành giả Bát Nhã muốn Giác ngộ, muốn thành bậc Chánh giác hay được Nhất thiết trí trí thì ***phải nhiếp thọ Bát Nhã****. Phẩm “Các Dụ” Q.312, Hội thứ I, ĐBN, vừa thuyết ở trên, Phật bảo* “... tu Bát Nhã là **phải nhiếp thọ**

tất cả pháp Phật hay nói khác là phải nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật". *Vì tất cả pháp đều thu nhiếp vào Bát nhã Ba la mật.*

Phẩm "Vô Tướng" Q.467, Hội thứ II, ĐBN, Phật thuyết: "**Chẳng nhiếp thọ hoặc pháp thiện hoặc pháp phi thiện**, hoặc pháp hữu ký hoặc pháp vô ký, hoặc pháp thế gian hoặc pháp xuất thế gian, hoặc pháp hữu lậu hoặc pháp vô lậu, hoặc pháp hữu vi hoặc pháp vô vi. Cũng chẳng nhiếp thọ kể cả sở chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề".

Nếu nhiếp thọ hoặc pháp thiện hoặc pháp phi thiện: Pháp thiện và pháp phi thiện là pháp đối đãi, pháp hữu ký và pháp vô ký là pháp tương đãi... Nếu nhiếp thọ và tu nhị pháp thì không phải là tu Bát Nhã. Nhưng chẳng nhiếp thọ kể cả sở chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề là điều nghịch lý phải không? Tại sao lại có sự mâu thuẫn như vậy? Nếu không nhiếp thọ tất cả pháp Phật thì lấy gì mà tu, lấy gì mà chứng. Tu là phải nhiếp thọ, chắc chắn như vậy!

Bát Nhã không tự mâu thuẫn: Phủ định ở đây chính là xác định. Lối lập ngôn đó có vẻ nghịch đời đối với pháp thức thường tục, nhưng lại rất tự nhiên đối với Bát Nhã, vì nó rất phù hợp với Tánh Không. Không nhiếp thọ ở đây là nhiếp thọ Bát Nhã! Đây không phải là lối biện hộ có tánh cách "dở hơi". Tại sao?

Phẩm "Phương Tiện Khéo Léo" Q.524, Hội thứ III, ĐBN. *Phật xác nhận rõ rằng:* "Bát nhã Ba la mật thậm thâm đối tất cả pháp không sở chấp đắm, không sở nhiếp thọ. Nếu đối các pháp có sở chấp đắm, có sở nhiếp thọ thời lìa Bát nhã Ba la mật".

*Đó chính là lý do, một khi có thọ có thủ là có **chấp đắm**, và một khi chấp đắm thì Bát Nhã dỡ nón ra đi. Do đó, tu chẳng vì nhiếp thủ, cũng chẳng xả bỏ, cũng chẳng khiển trừ. Đó chính là tu Bát Nhã. Có chấp đắm, có nắm bắt buông bỏ, có thủ xả... là có động chuyển, có sinh diệt đổi dời thì làm sao tu Bát Nhã được.*

Vả lại, tất cả pháp là không, trong rỗng không thì có gì để nhiếp thọ. Đây là lối nói của Đại Bát Nhã nhưng phải hiểu rằng: Không nhiếp thọ không phải là không nhiếp thọ, nếu không nhiếp thọ một pháp thì mất một pháp, nếu không nhiếp thọ tất cả pháp Phật thì lấy gì để học để tu. Vì vậy, tu Bát Nhã là phải nhiếp thọ tất cả pháp, nhưng đừng nắm giữ, cất dấu, đừng nương vịn, đừng ái pháp, đừng chấp đắm, đừng lấy sở đắc mà tu Phật. Nên Kinh Kim Cang bảo "pháp còn phải bỏ hiến chi phi pháp".

Do đó, đoạn Kinh sau đây nâng nhận thức chúng sanh lên tầng cao hơn. ***Phẩm "Chơn Như" Q.321, Hội thứ I, ĐBN.*** *Phật cũng bảo:*

"(...) Nếu Bồ Tát vì nhiếp thủ sắc mà tu hành, vì xả bỏ sắc mà tu hành; vì nhiếp thủ thọ, tưởng, hành, thức mà tu hành, vì xả bỏ thọ, tưởng, hành, thức mà tu hành, thì Bồ Tát ấy **chẳng có thể tu Bát Nhã**, cũng chẳng có thể tu tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật; Bồ Tát ấy chẳng có thể chứng pháp không nội cho đến pháp không không tánh tự tánh; Bồ Tát ấy chẳng có thể chứng chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế…; Bồ Tát ấy chẳng có thể tu tứ đế, 37 pháp trợ đạo; Bồ Tát ấy chẳng có thể tu 5 loại mắt, 6 phép thần thông; Bồ Tát ấy chẳng có thể tu pháp môn Đà la ni, Tam ma địa; Bồ Tát ấy chẳng có thể tu Phật 10 lực, cũng chẳng có thể tu 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng; Bồ Tát ấy chẳng có thể tu Nhất thiết trí, cũng chẳng có thể tu Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

(...) Nếu Bồ Tát vì nhiếp thủ tất cả pháp Phật mà tu hành, vì xả bỏ tất cả pháp Phật mà tu hành, Bồ Tát ấy chẳng có thể tu Nhất thiết trí, cũng chẳng có thể tu Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí".

Đó là lập cước của Bát Nhã: Học Bát Nhã là không có thủ có xả, nếu thủ xả "nọ kia" là xa lìa Bát Nhã. ***Phẩm thứ 30, "Tam Thán"****(Ba Lần Tán Thán)****, Tập 3, quyển 56, Đại Trí Độ Luận,*** *nói rằng:* "Do được thâm giải về Bát nhã Ba la mật, nên Bồ Tát biết rõ hết thảy pháp đều là hư vọng, khiến chẳng còn thủ pháp, lại biết rõ hết thảy pháp đều đem lại lợi ích cho chúng sanh, khiến chẳng có xả pháp, vào được nơi thật tướng bất sanh, bất diệt của các pháp".

Chẳng nhiếp thủ không phải là không nhiếp thủ, xa lìa mà cũng chẳng xa lìa. Tu hành cốt yếu là đừng phân biệt chấp đắm, đừng tu hai pháp, đừng chấp hai tướng, thì pháp nào pháp nào cũng là chân tâm Bát Nhã, pháp nào pháp nào cũng là hoa vàng rực rỡ, chim hoàng anh đứng hót líu lo thôi. Thủ tâm chấp tướng là điều tối kỵ trong việc tu hành!

2. "Tu trừ khiển là tu Bát Nhã?"

Cũng cùng phẩm trên, cụ thọ Thiện Hiện lại nói **"Tu trừ khiển là tu Bát nhã Ba la mật"** *và Phật khả chứng! Sắc thọ tưởng hành thức là ngũ*

*uẩn, ngũ che vì nó che đậy tánh giác. Nên tu là "phải khiển, phải trừ", không nên dựa vào các uẩn mà tu. Khiển trừ có nghĩa là hành Bát Nhã không được hành nơi sắc thọ tưởng hành thức, hành như vậy là lấy cảm quan và ý thức phân biệt mà hành, tức tạo tác thi vi, nên phải khiển trừ. Nhưng, Bát Nhã lại khuyến cáo là phải trừ khiển, phải bỏ cả cái khiển đó đi! Vì sao? Vì khiển là động niệm mà trừ khiển cũng lại là một thứ động niệm khác,"tránh vỏ dưa đạp vỏ dừa cũng vậy". **Phẩm "Huệ Đến Bờ Kia", Q.527, Hội thứ III, ĐBN, nói rõ rằng:*** "Các Bồ Tát Ma ha tát khi hành sâu Bát Nhã, nếu nhớ có sắc và nghĩ phải tu, như vậy là chẳng trừ khiển sắc, chẳng phải tu Bát Nhã. Nếu nhớ có thọ tưởng hành thức và nghĩ phải tu, như vậy là chẳng trừ khiển thọ tưởng hành thức, chẳng phải tu Bát Nhã. Nói rộng cho đến nếu nhớ có dứt hẳn phiền não tập khí nối nhau và nghĩ phải tu, như vậy là chẳng trừ khiển dứt hẳn phiền não tập khí nối nhau, chẳng phải tu Bát Nhã...

(…)Ngược lại, các Bồ Tát Ma ha tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, chẳng nhớ có sắc và chẳng nghĩ phải tu trừ khiển sắc, là tu Bát Nhã. Chẳng nhớ có thọ tưởng hành thức và chẳng nghĩ phải tu trừ khiển thọ tưởng hành thức, là tu Bát Nhã. Nói rộng cho đến chẳng nhớ có dứt hẳn phiền não tập khí nối nhau và chẳng nghĩ phải tu trừ khiển dứt hẳn phiền não tập khí nối nhau, là tu Bát Nhã… Vì sao? Vì chẳng phải kẻ tưởng có dứt tham sân si, tùy miên trói buộc thường dễ tu Bát nhã Ba la mật.

Vậy nên, Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát Ma ha tát **tu trừ khiển sắc, cũng tu trừ cái khiển đây**, gọi tu Bát Nhã. Tu trừ khiển thọ tưởng hành thức, cũng tu trừ cái khiển đây, gọi tu Bát Nhã. Nói rộng cho đến tu trừ khiển dứt hẳn phiền não tập khí nối nhau và tu trừ cái khiển đây, gọi tu Bát Nhã …"

Nếu cứ nghĩ tưởng phải tu, phải hành, phải khiển, phải chứng… bất cứ pháp nào dù pháp đó mang nhiều công đức nhất thì cũng coi như chẳng tu Bát Nhã.

Nếu nhớ, nếu nghĩ ngũ uẩn là cái che đậy tánh giác thì nên khiển trừ cái nhớ cái nghĩ đó. Nhưng mỗi khi khởi niệm thì vọng sanh. Nếu coi ngũ uẩn là không thì không cần lìa cũng không cần khiển. Đó cũng chính là giáo lý siêu việt của Tâm Kinh.

***Khiển chính là động niệm thì khiển cũng là cái đáng bỏ, đáng trừ**. Vậy lìa cũng bỏ, khiển cũng bỏ và cái bỏ sau cùng đó cũng bỏ nốt, phủi sạch, coi tất cả là không. Như thế thì tâm hành diệt, ngôn ngữ đoạn, mới*

an trụ trong Tánh Không, "tức hành cảnh vô tướng, nguyện vô phân biệt" *tâm mới an nhiên tịch lặng. Bát Nhã nghịch đời ở chỗ đó. Thói thường thấy cái gì nghịch lại tri thức thường tục thì muốn trừ, muốn lìa, muốn khiển ngay mà không biết rằng chính cái phải trừ, phải lìa, phải khiển đó là những biện pháp chống lại sự an tịnh của tâm. Lấy động chế động, tâm càng thêm động. Trong "Tín Tâm Minh" Tổ Tăng Xán nói:*

Ngăn động mà cầu tịnh
Hết ngăn lại động thêm.

Muốn tâm thanh tịnh thì phải xả bỏ: Khiển cũng bỏ mà trừ khiển cũng phải bỏ thì tâm mới được như như. Đó là cái khó khăn tế nhị của tu hành. Nếu có khả năng tin hiểu Bát nhã Ba la mật và thực hành được như vậy thì có thể thâm nhập được Nhất thiết trí trí.

3. Làm sao biết là Bồ Tát Bất thối chuyển?

Nếu đại Bồ Tát đối với sáu pháp Ba la mật ***chẳng sanh chấp trước****, thì nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển. Nếu Bồ Tát đối với 18 pháp không, 12 chơn như chẳng sanh chấp trước, thì nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển. Nếu đại Bồ Tát đối với tất cả pháp Phật cũng chẳng chấp trước, thì có thể nghiệm biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển.*

Đại Bồ Tát bất thối chuyển tu hành thậm thâm Bát Nhã rồi, thời chẳng cho lời lẽ và sự dạy bảo của kẻ khác là chơn yếu; chẳng bị tâm tham, sân, si dẫn dắt; chẳng bị tâm kiêu mạn khuynh đảo; chẳng bị các loại tâm tạp nhiễm khác lôi kéo. Bồ Tát bất thối chuyển đối với Bát Nhã sâu xa hoan hỷ, ưa nghe, thọ trì, đọc tụng, rốt ráo thông suốt, chịu khó tư duy, như thuyết tu hành, không hề mệt mỏi. Đó chính là Bồ Tát bất thối.

4. Làm sao thâm nhập Nhất thiết trí trí?

Như chúng ta đã biết có học Bát Nhã mới có giác ngộ, có giác ngộ đương nhiên có Nhất thiết trí trí. Vậy, hỏi làm sao thâm nhập Nhất thiết trí trí và câu hỏi làm sao thâm nhập Bát Nhã như nhau. Nhưng thâm nhập Bát Nhã hết sức khó khăn thì thâm nhập Nhất thiết trí trí cũng khó khăn

như nhau. Muốn thế Bồ Tát phải liên tục, tùy thuận, hướng đến, thâm nhập không, vô tướng, vô nguyện; Bồ Tát phải liên tục, tùy thuận, hướng đến, thâm nhập chân như, pháp giới, pháp tánh...; Bồ Tát phải có tâm lượng rộng lớn như hư không, đối với tất cả pháp vô sở hữu, vô sanh-vô diệt, vô nhiễm-vô tịnh, vô tạo-vô tác, và phải xem tất cả pháp như huyễn, như mộng, tiếng vang, ảnh tượng, bóng sáng, bóng nắng, như việc biến hóa, như ảo thành để tu hành Bát Nhã thì đó tức là đại Bồ Tát hướng đến, thâm nhập Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, Bồ Tát muốn đạt đến Nhất thiết trí trí thì chẳng nên hành sắc, chẳng hành thọ, tưởng, hành, thức, chẳng hành 12 xứ, 18 giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết chủng trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sự tùy thuận, hướng đến, thâm nhập Nhất thiết trí trí của Bồ Tát ấy, không năng tác, không năng hoại, không từ đâu đến, không đi đến đâu, cũng không chỗ trụ, không phương cõi, không số lượng, không vãng lai.

Kinh nói: "Nhất thiết trí trí như thế đã không số lượng, không vãng lai, không thể nắm bắt được nên cũng không thể chứng đắc. Nhất thiết trí trí như thế, chẳng thể dựa vào sắc để chứng, chẳng thể dựa vào thọ, tưởng, hành, thức để chứng. Nhất thiết trí trí như thế, chẳng thể dựa vào 12 xứ, 18 giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao để chứng. **Vì sắc tức là Nhất thiết trí trí**; thọ, tưởng, hành, thức tức là Nhất thiết trí trí; vì 12 xứ, 18 giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao hay nói chung tất cả pháp Phật tức là Nhất thiết trí trí.

Vì sao? Thiện Hiện! Hoặc sắc như, hoặc Nhất thiết trí trí như hoặc tất cả pháp như, đều một như không hai không khác; hoặc thọ tưởng hành thức như, hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều một như không hai không khác v.v…" *(cuối Q.318, ĐBN)*

Đồng ý Nhất thiết trí trí không thể nắm bắt được nên cũng không thể chứng đắc, chúng ta cũng đồng ý Nhất thiết trí trí không bao giờ "dựa vào" bất cứ pháp nào để tu dù là pháp Phật. Nếu dựa vào như là một thứ vin duyên thì chắc chắn Nhất thiết trí trí không bao giờ làm việc đó. Nói như thế nhưng không phải thế. Nhất thiết trí trí không phải từ trên trời rơi xuống, nếu không tu không học không hành tất cả pháp Phật thì cũng

không đắc Nhất thiết trí trí. Nhất thiết trí trí từ sắc mà ra, Nhất thiết trí trí cũng từ thọ tưởng hành thức mà ra, Nhất thiết trí trí cũng từ 12 xứ, 18 giới nói rộng cũng từ tất cả pháp Phật mà ra. Nên nói sắc tức là Nhất thiết trí trí, thọ tưởng hành thức là Nhất thiết trí trí, 12 xứ, 18 giới là Nhất thiết trí trí, tứ đế, thập nhị nhân duyên, 18 pháp không, thập nhị chân như, Nhất thiết chủng trí... cho đến nói rộng ra tất cả pháp Phật là Nhất thiết trí trí. Vì vậy, phẩm "Các Tướng Công Đức" Q.380, Hội thứ I, ĐBN, Phật bảo cụ thọ Thiện Hiện tất cả pháp Phật được gọi là ***trí không thảy***. *Trí đó là Thánh trí chẳng khác gì Bát Nhã Trí hay Nhất thiết trí trí:*

"Thiện Hiện! Thánh pháp của Đại Bồ Tát là trí quả Dự lưu, trí quả Nhất lai, trí quả Bất hoàn, trí quả A la hán, trí quả vị Độc giác, trí quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật; trí bốn niệm trụ, trí bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy chi đẳng giác, tám chi Thánh đạo; trí pháp môn giải thoát không, trí pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện; trí bốn tịnh lự, trí bốn vô lượng, bốn định vô sắc; trí tám giải thoát, trí tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ; trí bố thí Ba la mật, trí tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; trí tất cả pháp môn Đà la ni, trí tất cả pháp môn Tam ma địa; trí Thánh đế khổ, trí Thánh đế tập, diệt, đạo; trí pháp không nội, trí pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; trí chơn như, trí pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì; trí mười địa Bồ Tát; trí 5 loại mắt, trí 6 phép thần thông; trí 10 lực Như Lai, trí 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng; trí pháp không quên mất, trí tánh luôn luôn xả; trí Nhất thiết trí, trí Đạo tướng trí, trí Nhất thiết tướng trí và tất cả trí pháp thế gian và trí xuất thế gian khác; trí pháp hữu lậu, vô lậu; trí pháp hữu vi, vô vi". *Rốt ráo, tất cả trí liệt kê trên không ngoài pháp Phật hay các pháp mầu Phật đạo mà ra. Học tất cả pháp Phật thì đắc tất cả trí này, cũng như đắc Bát Nhã Trí hay Nhất thiết trí trí.*

Nhưng phần kết của phẩm "Trí Hướng Đến", gây ngạc nhiên với nghi vấn: "... sắc tức là Bát nhã Ba la mật, sắc cũng tức là Nhất thiết trí trí... cho đến quả vị Giác ngộ tối cao là Nhất thiết trí trí".Vì sao? *Phật trả lời:* "Thiện Hiện! Hoặc sắc như, hoặc Nhất thiết trí trí như hoặc tất cả pháp như, đều một như không hai không khác; hoặc thọ tưởng hành thức như, hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều một như không hai không khác v.v...".

Tại sao nói Sắc tức là Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật tức là Sắc và Sắc cũng tức là Nhất thiết trí trí..., tất cả pháp đều như thế cả. Bởi vì tất cả pháp đều là như, đều cùng một "tướng như". Nên nói, Bát nhã Ba la mật hay Sắc cũng ngang đồng với tất cả pháp, cái gọi là "nhất như tướng". Nên có thể nói: Bát Nhã có khả năng soi thấy thế giới như thế là như thế, thấy các pháp trong bản tính như thực của chúng. ***Đấy là cái thấy xuyên qua tướng trạng để trực ngộ được chân tánh của vạn hữu mà tuyên bố rằng thấy như thế là thấy tất cả các pháp trong chơn như thật tướng của chúng.*** *Do đó, mới nói tất cả pháp không hai không khác. Tất cả đều không nghĩ bàn, không thể hạn lượng... như hư không.*

Vì sao nói là như như không hai không khác? Bởi vì tất cả pháp sanh ra trong cùng một Như Lai tạng nên cùng là anh em với nhau, bình đẳng chẳng phải hai chẳng phải khác. Nhập được pháp như, sống trong thắng nghĩa, là nhập được chơn như pháp giới. Nên thấy tất cả pháp bình đẳng không hai không khác.

Phẩm "Chơn Như" kế kiếp sẽ cho ta nhãn quang kỳ diệu này./.

---o0o---

47. PHẨM “CHƠN NHƯ”*(1)*

Phần sau Q.324 đến đầu Q.325, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phần sau phẩm “Đại Như”(2)
quyển thứ 18, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

Lúc bấy giờ, các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc mỗi vị đều mang hương bột, hương xoa v.v… lại cầm hoa sen đủ màu của cõi trời, từ xa rải cúng Phật, rồi đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân, lui đứng một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn! Bát Nhã Ba la mật như thế rất là sâu xa, khó thấy, khó biết, chẳng thể suy tầm, vượt cảnh suy tầm, vi diệu vắng lặng. Người trí thông tuệ mới có thể hiểu biết, chẳng phải kẻ tầm thường trong thế gian ai cũng có thể tin thọ. Ngay khi chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đều nói thế này: **Sắc tức là Nhất thiết trí trí, Nhất thiết trí trí tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức tức là Nhất thiết trí trí, Nhất thiết trí trí tức là thọ, tưởng, hành, thức.** mười hai xứ, mười tám giới tức là Nhất thiết trí trí, Nhất thiết trí trí tức là mười hai xứ, mười tám giới và tất cả pháp Phật từ bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, bốn Thánh đế, mười hai duyên khởi, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí… tức là Nhất thiết trí trí, Nhất thiết trí trí tức là tất cả pháp Phật đã nói trên.

(Tất cả pháp đều là như như, không hai, không khác)

Quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật tức là Nhất thiết trí trí, Nhất thiết trí trí tức là quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì sắc như*(3)*, Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều là như như, không hai, không khác, cũng không cùng tận; hoặc thọ, tưởng, hành, thức như, hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều là nhất như, không hai, không khác, cũng không cùng tận. Hoặc mười hai xứ, mười tám giới như hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều đồng một như, không hai, không khác, cũng không cùng tận; hoặc tất cả pháp Phật như hoặc Nhất thiết trí trí như,

hoặc tất cả pháp như, đều là như như, không hai, không khác, cũng không cùng tận”.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc:

“Đúng vậy! Đúng như lời các ngươi đã nói! Uẩn, Xứ, Giới cho đến tất cả pháp Phật tức là Nhất thiết trí trí, Nhất thiết trí trí tức là Uẩn, Xứ, Giới... cho đến tất cả pháp Phật. Uẩn như, Xứ như, Giới như và tất cả pháp Phật như tức là Nhất thiết trí trí như, Nhất thiết trí trí như tức Uẩn Xứ Giới như cho đến tất cả pháp Phật như đều đồng một như, không hai, không khác, cũng không cùng tận.

Này các Thiên tử! Ta quán nghĩa này, tâm thường hướng đến chỗ vắng lặng, chẳng ưa thuyết pháp. Vì sao? Vì pháp này sâu xa khó thấy, khó biết, chẳng có thể suy tầm, vượt cảnh suy tầm, vi diệu vắng lặng. Người trí tuệ mới có thể hiểu được, chẳng phải hạng người tầm thường trong thế gian có thể tín thọ, đó là Bát nhã Ba la mật sâu xa tức là quả vị Giác ngộ tối cao mà Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã chứng.

Này các Thiên tử! Quả vị Giác ngộ tối cao như thế không thể chứng, chẳng phải đối tượng để chứng, không có chỗ chứng, không thời chứng.

Này các Thiên tử! Pháp này sâu xa mầu nhiệm, chỉ xuất hiện độc nhất, chẳng phải là pháp mà thế gian có thể sánh kịp.

Vì hư không sâu xa nên pháp này sâu xa; vì **chơn như** sâu xa nên pháp này sâu xa; vì **pháp giới** sâu xa nên pháp này sâu xa; vì **pháp tánh** sâu xa nên pháp này sâu xa; vì **thật tế** sâu xa nên pháp này sâu xa cho đến vì **cảnh giới hư không** sâu xa nên pháp này sâu xa; vì **cảnh giới bất tư nghì** sâu xa nên pháp này sâu xa.

Vì vô lượng, vô biên sâu xa nên pháp này sâu xa; vì vô khứ, vô lai sâu xa nên pháp này sâu xa; vì vô sanh, vô diệt sâu xa nên pháp này sâu xa; vì vô nhiễm, vô tịnh sâu xa nên pháp này sâu xa; vì vô trí, vô đắc sâu xa nên pháp này sâu xa; vì vô tạo, vô tác sâu xa nên pháp này sâu xa.

Vì **ngã** sâu xa nên pháp này sâu xa; vì hữu tình sâu xa nên pháp này sâu xa; cho đến vì cái biết, cái thấy sâu xa nên pháp này sâu xa.

Vì **sắc** sâu xa nên pháp này sâu xa; vì thọ, tưởng, hành, thức sâu xa nên pháp này sâu xa. Vì mười hai xứ, mười tám giới sâu xa nên pháp này sâu xa; vì tất cả pháp Phật sâu xa nên pháp này sâu xa.

(Chẳng thủ, chẳng xả)

Bạch Thế Tôn! Pháp thâm diệu này, **chẳng vì nhiếp thủ sắc mà nói, chẳng vì xả bỏ sắc mà nói**; chẳng vì nhiếp thủ thọ, tưởng, hành, thức mà nói, chẳng vì xả bỏ thọ, tưởng, hành, thức mà nói. Pháp thâm diệu này, chẳng vì nhiếp thủ 12 xứ, 18 giới mà nói, chẳng vì xả bỏ 12 xứ, 18 giới mà nói; chẳng vì nhiếp thủ tất cả pháp Phật mà nói, chẳng vì xả bỏ tất cả pháp Phật mà nói.

Bạch Thế Tôn! **Các hữu tình trong thế gian phần nhiều tu hành vì nhiếp thủ mà khởi sanh chấp ta và của ta**, và cho: Sắc là ta, là của ta; thọ, tưởng, hành, thức là ta, là của ta; 12 xứ, 18 giới là ta, là của ta; bố thí Ba la mật là ta, là của ta; tịnh giới là ta, là của ta; an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát Nhã là ta, là của ta; 37 pháp trợ đạo, Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng… cho đến Nhất thiết trí là ta, là của ta; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí là ta, là của ta.

Bấy giờ, Phật bảo các Thiên tử: Đúng vậy! Đúng như các ông đã nói! Này các Thiên tử! Pháp thâm diệu này, chẳng vì nhiếp thủ tất cả pháp Phật mà nói, chẳng vì xả bỏ tất cả pháp Phật mà nói. *(Q.319, ĐBN)*

Này các Thiên tử! Nếu Bồ Tát **vì nhiếp thủ sắc mà tu hành, vì xả bỏ sắc mà tu hành**; vì nhiếp thủ thọ, tưởng, hành, thức mà tu hành, vì xả bỏ thọ, tưởng, hành, thức mà tu hành, thì Bồ Tát ấy **chẳng có thể tu Bát Nhã**, cũng chẳng có thể tu tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật; Bồ Tát ấy chẳng có thể chứng pháp không nội cho đến pháp không không tánh tự tánh; Bồ Tát ấy chẳng có thể chứng chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế…; Bồ Tát ấy chẳng có thể tu Tứ đế, 37 pháp trợ đạo; Bồ Tát ấy chẳng có thể tu 5 loại mắt, 6 phép thần thông; Bồ Tát ấy chẳng có thể tu pháp môn Đà la ni, pháp môn Tam ma địa; Bồ Tát ấy chẳng có thể tu Phật mười lực, cũng chẳng có thể tu bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng; Bồ Tát ấy chẳng có thể tu Nhất thiết trí, cũng chẳng có thể tu Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Này các Thiên tử! Nếu Bồ Tát vì nhiếp thủ tất cả pháp Phật mà tu hành, vì xả bỏ tất cả pháp Phật mà tu hành, Bồ Tát ấy chẳng có thể tu Nhất thiết trí, cũng chẳng có thể tu Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.*(Q.321, ĐBN)*

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Pháp thâm diệu **này tùy thuận tất cả pháp**. Pháp thâm diệu này tùy thuận mười tám pháp không, tùy thuận thập nhị chơn như…, tùy thuận Tứ đế, mười hai duyên khởi, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám pháp Phật bất cộng… cho đến tùy thuận Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Bạch Thế Tôn! **Pháp thâm diệu này hoàn toàn không có chướng ngại**. Pháp thâm diệu này đối với sắc không chướng ngại; đối với thọ, tưởng, hành, thức không chướng ngại; đối với mười hai xứ, mười tám giới không chướng ngại. Nói rộng ra, cho đến đối với tất cả pháp Phật cũng không chướng ngại.

Bạch Thế Tôn! Pháp thâm diệu này <u>lấy không chướng ngại làm tướng</u>. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì tánh của hư không bình đẳng, vì tánh chơn như bình đẳng, vì tánh pháp giới bình đẳng, vì tánh của pháp tánh bình đẳng, vì tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh của pháp định, pháp trụ, thật tế… bình đẳng, vì tánh của không, vô tướng, vô nguyện bình đẳng; vì tánh của vô tạo, vô tác bình đẳng; vì tánh của vô nhiễm, vô tịnh bình đẳng.

Bạch Thế Tôn! **Pháp thâm diệu này vô sanh, vô diệt**. Vì sao? Vì sắc vô sanh, vô diệt; vì thọ, tưởng, hành, thức vô sanh, vô diệt. Vì mười hai xứ, mười tám giới vô sanh, vô diệt; vì tất cả pháp Phật vô sanh, vô diệt.

Bạch Thế Tôn**! Pháp thâm diệu này hoàn toàn không có dấu vết.** Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì dấu vết của sắc chẳng thể nắm bắt được; vì dấu vết của thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nắm bắt được. Vì dấu vết của 12 xứ, mười 18 chẳng thể nắm bắt được; vì dấu vết của tất cả pháp Phật chẳng thể nắm bắt được.

(Như Lai tùy sinh)

Khi ấy, các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thượng tọa Thiện Hiện do Như Lai sanh, là chân đệ tử Phật. Vì sao? Vì tất cả các pháp mà Thượng tọa Thiện Hiện đã nói **đều tương ưng với không**.

Bấy giờ, Thiện Hiện bảo các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc:

- Thiên tử các ông nói Thiện Hiện ta tùy*(4)*Như Lai sanh, là chân đệ tử Phật. Tại sao Thiện Hiện tùy Như Lai sanh? Đó là vì tùy Như Lai như sanh. Vì sao? Vì Như Lai như không đến, không đi, Thượng tọa Thiện Hiện như cũng vậy, không đến, không đi. Do đó nên nói Thượng tọa Thiện Hiện tùy Như Lai sanh.

Lại nữa, Như Lai như tức là tất cả pháp như, tất cả pháp như tức là Như Lai như. Như**,** không bao giờ chẳng như. Thượng tọa Thiện Hiện như cũng vậy. Do đó nên nói Thượng tọa Thiện Hiện tùy Như Lai sanh.

Lại nữa, Như Lai như thường trụ là tướng; Thượng tọa Thiện Hiện như cũng vậy, thường trụ là tướng. Do đó nên nói Thượng tọa Thiện Hiện tùy Như Lai sanh.

Lại nữa, Như Lai như không đổi khác, không phân biệt, chuyển khắp các pháp. Thượng tọa Thiện Hiện như cũng vậy, không đổi khác, không phân biệt, chuyển khắp các pháp. Do đó nên nói Thượng tọa Thiện Hiện tùy Như Lai sanh.

Lại nữa, Như Lai như không chướng ngại; tất cả pháp như cũng không chướng ngại; hoặc Như Lai như, hoặc tất cả pháp như đều đồng một như, không hai, không khác, không tạo, không tác. Như như vậy là như thường tại, không khi nào chẳng như; vì là như thường tại, nên không khi nào chẳng như, nên không hai, không khác. Thượng tọa Thiện Hiện như cũng vậy. Do đó nên nói Thượng tọa Thiện Hiện tùy Như Lai sanh.

Lại nữa, Như Lai như đối với tất cả xứ không nhớ nghĩ, không phân biệt; Thượng tọa Thiện Hiện như cũng vậy, đối với tất cả xứ không nhớ nghĩ, không phân biệt. Do đó nên nói Thượng tọa Thiện Hiện tùy Như Lai sanh.

Lại nữa, Như Lai như không riêng, không khác, chẳng thể nắm bắt được; Thượng tọa Thiện Hiện như cũng vậy, không riêng, không khác, chẳng thể nắm bắt được. Do đó nên nói Thượng tọa Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Lại nữa, Như Lai như chẳng lìa tất cả pháp như; tất cả pháp như chẳng lìa Như Lai như. Như, như vậy là như thường tại, không khi nào chẳng như. Thượng tọa Thiện Hiện như cũng vậy. Do đó, nên nói Thượng tọa Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Tuy nói tùy sanh nhưng không có chỗ tùy sanh, vì Thiện Hiện như chẳng khác Phật vậy.

Lại nữa, Như Lai như chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại; tất cả pháp như cũng chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Thượng tọa Thiện Hiện như cũng vậy. Do đó nên nói Thượng tọa Thiện Hiện do Như Lai sanh.

Lại nữa, **sắc như bình đẳng, nên Như Lai như bình đẳng**; Như Lai như bình đẳng nên sắc như bình đẳng. Thọ tưởng hành thức như bình đẳng, nên Như Lai như bình đẳng; Như Lai như bình đẳng, nên thọ tưởng hành thức như bình đẳng. Như vậy, hoặc sắc như bình đẳng, hoặc thọ tưởng hành thức như bình đẳng, hoặc Như Lai như bình đẳng, đồng một như bình đẳng, không hai không khác.

Lại nữa, mười hai xứ như, mười tám như bình đẳng nên Như Lai như bình đẳng; Như Lai như bình đẳng nên mười hai xứ như, mười tám giới như bình đẳng. Tất cả pháp Phật như bình đẳng, nên Như Lai như bình đẳng; Như Lai như bình đẳng nên tất cả pháp Phật như bình đẳng. Như vậy, hoặc mười hai xứ như, mười tám giới như bình đẳng, hoặc tất cả pháp Phật như bình đẳng, hoặc Như Lai như bình đẳng, đồng một như, không hai không khác.

Lại nữa, quá khứ như bình đẳng, nên Như Lai như bình đẳng; Như Lai như bình đẳng nên quá khứ như bình đẳng. Vị lai như bình đẳng, nên Như Lai như bình đẳng; Như Lai như bình đẳng, nên vị lai như bình đẳng. Hiện tại như bình đẳng, nên Như Lai như bình đẳng; Như Lai như bình đẳng, nên hiện tại như bình đẳng. Hoặc quá khứ như, hiện tại như, vị lai như bình đẳng, hoặc Như Lai như bình đẳng, đồng một như bình đẳng, không hai không khác.

Này các Thiên tử! **Đại Bồ Tát hiện chứng tất cả pháp như bình đẳng như vậy, nên gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Thượng tọa Thiện Hiện đối với như này, có khả năng tin hiểu sâu sắc. Do đó, nên gọi là Thượng tọa Thiện Hiện tùy Như Lai sanh***(5)*.

(Chẳng do chẳng lìa, chẳng nắm chẳng bắt)

Ngay khi nói tướng như như thế, ở thế giới Tam thiên đại thiên này, sáu phương biến động.

Khi ấy, các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc dùng hương bột, hương xoa v.v… cùng các loại hoa sen đủ màu của cõi trời rải cúng dường Thế Tôn

và Thượng tọa Thiện Hiện, rồi bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Rất kỳ lạ, chưa từng có! Thượng tọa Thiện Hiện do như này nên tùy Như Lai sanh.

Bấy giờ, Thiện Hiện bảo các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc: Này các Thiên tử! Nên biết, vì Thiện Hiện tôi chẳng do **sắc** nên tùy Như Lai sanh, vì chẳng do **sắc như** nên tùy Như Lai sanh; vì chẳng lìa sắc nên tùy Như Lai sanh, vì chẳng lìa sắc như nên tùy Như Lai sanh. Vì chẳng do thọ, tưởng, hành, thức nên tùy Như Lai sanh, vì chẳng do thọ, tưởng, hành, thức như nên tùy Như Lai sanh; vì chẳng lìa thọ, tưởng, hành, thức nên tùy Như Lai sanh, vì chẳng lìa thọ, tưởng, hành, thức như nên tùy Như Lai sanh.

Này các Thiên tử! Nên biết, vì Thiện Hiện tôi chẳng do mười hai xứ, mười tám giới nên tùy Như Lai sanh, chẳng do mười hai xứ như, mười tám giới như nên tùy Như Lai sanh; vì chẳng lìa mười hai xứ, mười tám giới nên tùy Như Lai sanh, vì chẳng lìa mười hai xứ như, mười tám giới như nên tùy Như Lai sanh. Vì chẳng do tất cả pháp Phật nên tùy Như Lai sanh, vì chẳng do tất cả pháp Phật như nên tùy Như Lai sanh; vì chẳng lìa tất cả pháp Phật nên tùy Như Lai sanh, vì chẳng lìa tất cả pháp Phật như nên tùy Như Lai sanh.

Này các Thiên tử! Nên biết, vì Thiện Hiện tôi chẳng do hữu vi nên tùy Như Lai sanh, vì chẳng do hữu vi như nên tùy Như Lai sanh; vì chẳng lìa hữu vi nên tùy Như Lai sanh, vì chẳng lìa hữu vi như nên tùy Như Lai sanh.

Này các Thiên tử! Nên biết, vì Thiện Hiện tôi chẳng do vô vi nên tùy Như Lai sanh, vì chẳng do vô vi như nên tùy Như Lai sanh; vì chẳng lìa vô vi nên tùy Như Lai sanh, vì chẳng lìa vô vi như nên tùy Như Lai sanh. Vì sao? Này các Thiên tử! **Tất cả pháp ấy hoàn toàn không có sở hữu, vì các pháp sanh, hoặc sở sanh, do đây sanh ra và chỗ sanh ra đều chẳng thể nắm bắt được.**

Bấy giờ, cụ thọ Xá Lợi Tử bạch Phật: Bạch Thế Tôn! **Các pháp chơn như, pháp giới**, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì đều **rất sâu xa**.

Bạch Thế Tôn! **Trong đó, sắc chẳng thể nắm bắt được, sắc như cũng chẳng thể nắm bắt được.** Vì sao? Vì trong đó, sắc còn chẳng thể nắm bắt được, huống là có sắc như có thể nắm bắt được. Trong đó, thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nắm bắt được, thọ, tưởng, hành, thức như

cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, thọ, tưởng, hành, thức còn chẳng thể nắm bắt được, huống là có thọ, tưởng, hành, thức như có thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn! Trong đó, mười hai xứ, mười tám giới chẳng thể nắm bắt được, mười hai xứ, mười tám giới như cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, mười hai xứ, mười tám giới còn chẳng thể nắm bắt được, huống là có mười hai xứ, mười tám giới như có thể nắm bắt được. Trong đó, tất cả pháp Phật chẳng thể nắm bắt được, tất cả pháp Phật như cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó tất cả pháp Phật còn chẳng thể nắm bắt được, huống là có tất cả pháp Phật như có thể nắm bắt được.

Phật dạy: Xá Lợi Tử ! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói. Chơn như của các pháp: Pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, v.v... Trong đó, sắc uẩn chẳng thể nắm bắt được, sắc uẩn như cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, sắc uẩn còn chẳng thể nắm bắt được, huống là có sắc uẩn như có thể nắm bắt được. Trong đó, xứ giới chẳng thể nắm bắt được, xứ giới như cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, xứ giới còn chẳng thể nắm bắt được, huống là có xứ giới như có thể nắm bắt được.

Này Xá Lợi Tử! Trong đó, tất cả pháp Phật chẳng thể nắm bắt được, tất cả pháp Phật như cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì trong đó, tất cả pháp Phật còn chẳng thể nắm bắt được, huống là có tất cả pháp Phật như có thể nắm bắt được.

Khi thuyết tướng như này, trong chúng hội này có một vạn ba ngàn Bí sô, các lậu hết sạch, tâm được giải thoát, thành A la hán; năm trăm Bí sô ni xa lìa trần cấu, ở trong các pháp, sanh pháp nhãn thanh tịnh; năm ngàn đại Bồ Tát chứng đắc vô sanh pháp nhẫn; sáu vạn Bồ Tát hết sạch các lậu, tâm được giải thoát, thành A la hán. *(Q.322, ĐBN)*

Bấy giờ, Phật bảo Xá Lợi Tử: Sáu vạn Bồ Tát này, ở trong quá khứ đã từng thân cận cúng dường năm trăm đức Phật, ở chỗ các đức Phật này, phát nguyện rộng lớn, chánh tín xuất gia, tuy tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, nhưng vì chẳng nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật, cũng chẳng nhiếp thọ sức phương tiện thiện xảo, nên khởi tưởng sai khác, làm việc sai khác. Vì vậy, mà chẳng được vào địa vị Chánh tánh ly sanh của Bồ Tát;

do chẳng được vào địa vị Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, nên các Bồ Tát này chỉ đắc quả Dự lưu, lần lượt cho đến đắc quả A la hán.

Xá Lợi Tử! Các Bồ Tát này tuy có tu pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện nhưng vì xa lìa Bát nhã Ba la mật và sức phương tiện thiện xảo, nên đối với thật tế tác chứng thủ quả Thanh văn.

(Tu xa lìa hay không xa lìa tâm Nhất thiết trí và phương tiện thiện xảo?)

Lúc bấy giờ, Xá Lợi Tử bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà có các Bồ Tát tu pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện **chẳng nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật**, **không có sức phương tiện thiện xảo**, nên chứng thật tế thủ quả Thanh văn, Độc giác; lại có các Bồ Tát tu pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật, có sức phương tiện thiện xảo, chẳng chứng thật tế mà hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Này Xá Lợi Tử! Nếu các Bồ Tát **xa lìa tâm Nhất thiết trí**, tu pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện thì các Bồ Tát ấy vì chẳng nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật, không có sức phương tiện thiện xảo, nên chứng thật tế, thủ quả Thanh văn, hoặc Độc giác. Nếu các Bồ Tát **chẳng lìa tâm Nhất thiết trí trí** tu pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, các Bồ Tát ấy **vì nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật, có sức phương tiện thiện xảo**, nên có khả năng nhập địa vị Chánh tánh ly sanh, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. *(Q.323, ĐBN)*

Này Xá Lợi Tử! Thí như có một con chim thân hình to dài đến trăm do tuần, hoặc hai trăm cho đến năm trăm do tuần, nhưng không có cánh; con chim ấy từ cõi trời Ba mươi ba lao mình xuống châu Thiệm bộ, nhưng ở giữa đường, nghĩ thế này: Ta muốn trở lại cõi trời Ba mươi ba, thì này Xá Lợi Tử! Theo ý ông nghĩ chim ấy có thể trở lại cõi trời Ba mươi ba được chăng?

Xá Lợi Tử bạch: Bạch Thế Tôn! Không!

Phật dạy: Này Xá Lợi Tử! Hoặc chim ấy, ở giữa đường, khởi nguyện thế này: Khi đến châu Thiệm Bộ, thân ta không bị tổn hại, thì này Xá Lợi Tử! Theo ý ông thì sao, con chim ấy có thể toại nguyện chăng?

Xá Lợi Tử bạch: Bạch Thế Tôn! Không! Chim ấy khi đến châu Thiệm bộ này, nhất định thân nó sẽ bị tổn hoại, hoặc có thể chết, hoặc chịu cái khổ gần chết. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì chim ấy thân hình to lớn nhưng không có cánh lại từ nơi cao rơi xuống.

Phật dạy: Này Xá Lợi Tử! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói! Này Xá Lợi Tử! Có các Bồ Tát cũng giống như thế, tuy trải qua đại kiếp như số cát sông Hằng, siêng năng tu hành lục Ba la mật cũng tu pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, làm việc lớn, phát đại tâm, muốn chứng quả vị Giác ngộ tối cao vi diệu, nhưng lại rơi vào địa vị Thanh văn hoặc Độc giác. Vì sao? Này Xá Lợi Tử! Vì các Bồ Tát ấy **xa lìa tâm Nhất thiết trí trí,** không nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật, cũng không có sức phương tiện thiện xảo nên rơi vào địa vị Thanh văn hoặc Độc giác.

Này Xá Lợi Tử! Các Bồ Tát ấy tuy nhớ nghĩ nhóm giới, nhóm định, nhóm tuệ, nhóm giải thoát, nhóm giải thoát tri kiến của tất cả các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cung kính cúng dường, tùy thuận tu hành, nhưng vì ở trong những pháp ấy, **chấp thủ tướng** nên chẳng có thể hiểu đúng đắn về công đức chân thật của nhóm giới, nhóm định, nhóm tuệ, nhóm giải thoát, nhóm giải thoát tri kiến của các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ấy.

Này Xá Lợi Tử! Các Bồ Tát ấy vì chẳng có thể hiểu đúng đắn công đức của Phật nên tuy nghe pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, nhưng lại nương vào pháp này **chấp thủ tướng**; chấp thủ tướng rồi hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, các Bồ Tát ấy hồi hướng như vậy thì chẳng đắc quả vị Giác ngộ tối cao mà trụ ở địa vị Thanh văn hoặc Độc giác. Vì sao? Xá Lợi Tử! Vì các Bồ Tát ấy xa lìa Bát Nhã và sức phương tiện thiện xảo, nên tuy dùng các loại căn lành đã tu, hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, nhưng vẫn trụ địa vị Thanh văn hoặc Độc giác.

Này Xá Lợi Tử! Có các Bồ Tát từ khi mới phát tâm, thường chẳng xa lìa tâm Nhất thiết trí trí, siêng tu sáu pháp Ba la mật, chẳng lìa Bát nhã Ba la mật và phương tiện thiện xảo, tuy nhớ nghĩ về nhóm giới, nhóm định, nhóm tuệ, nhóm giải thoát, nhóm giải thoát tri kiến của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác **nhưng chẳng chấp thủ tướng**; tuy tu tất cả pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, cũng chẳng chấp thủ tướng; tuy nhớ nghĩ các loại thiện căn công đức của mình của người, cùng hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao nhưng cũng chẳng chấp thủ tướng, thì này

Xá Lợi Tử! Nên biết, đại Bồ Tát ấy chẳng trụ địa vị Thanh văn và Độc giác, mà hướng thẳng đến quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Này Xá Lợi Tử! Đại Bồ Tát ấy từ khi mới phát tâm cho đến cứu cánh, thường chẳng xa lìa tâm Nhất thiết trí trí; tuy tu bố thí mà chẳng chấp thủ tướng; tuy tu tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật cũng chẳng chấp thủ tướng; tuy nhớ nghĩ nhóm giới, nhóm định, nhóm tuệ, nhóm giải thoát, nhóm giải thoát tri kiến của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cũng chẳng chấp thủ tướng; tuy tu tất cả Bồ Tát hạnh, pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện cũng chẳng chấp thủ tướng.

Này Xá Lợi Tử! Đại Bồ Tát ấy vì có phương tiện thiện xảo, **nên dùng tâm lìa tướng mà tu hành lục Ba la mật**; dùng tâm lìa tướng an trụ pháp không nội cho đến dùng tâm lìa tướng an trụ pháp không không tự tánh; dùng tâm lìa tướng an trụ chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì; dùng tâm lìa tướng tu hành tứ Thánh đế, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Khi ấy, Xá Lợi Tử bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu ý nghĩa mà Phật đã dạy là nếu đại Bồ Tát từ khi mới phát tâm cho đến cứu cánh, nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật, **chẳng lìa sức phương tiện thiện xảo**, thì Bồ Tát ấy nhất định gần đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì đại Bồ Tát ấy từ khi mới phát tâm cho đến cứu cánh, **hoàn toàn chẳng thấy có một pháp nhỏ nào có thể đắc**. Đó là hoặc năng chứng, hoặc sở chứng, hoặc chỗ chứng, hoặc thời chứng, hoặc do pháp này chứng, đều hoàn toàn **chẳng thể nắm bắt được**; hoặc uẩn, hoặc xứ, giới, hoặc tất cả pháp Phật hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn! Có thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, xa lìa Bát nhã Ba la mật và phương tiện thiện xảo mà cầu quả vị Giác ngộ tối cao, thì nên biết, họ đối với sở cầu là quả vị Giác ngộ tối cao ấy hoặc chứng đắc, hoặc chẳng chứng đắc. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa ấy, xa lìa Bát nhã Ba la mật và phương tiện thiện xảo, nên đối với việc tu hành sáu pháp Ba la mật **đều chấp thủ tướng**; đối với việc an trụ pháp không nội, cho đến pháp không không tánh tự tánh đều chấp thủ tướng; đối với việc an trụ chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế… đều chấp thủ tướng; đối với việc tu hành tứ Thánh đế, ba

mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao đều chấp thủ tướng. Do nhân duyên này nên các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa ấy đều đối với quả vị Giác ngộ tối cao hoặc chứng đắc, hoặc chẳng chứng đắc.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy an trụ Bát nhã Ba la mật và phương tiện thiện xảo, **dùng vô sở đắc làm phương tiện**, dùng tâm vô tướng câu hành *(xảy ra đồng thời, tương tác với nhau)***thì nên tu** sáu Ba la mật; **thì nên an trụ** pháp không nội cho đến pháp không không tánh tự tánh; **thì nên an trụ** chơn như, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế…; **thì nên tu** tứ Thánh đế, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao.

(Quả vị Giác ngộ tối cao khó tin, khó hiểu, khó chứng hay dễ tin, dễ hiểu, dễ chứng?)

Lúc bấy giờ, các Thiên tử ở cõi Dục và cõi Sắc bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! **Quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật rất khó tin, khó hiểu, rất khó chứng đắc**. Vì sao? Vì các đại Bồ Tát đối với tự tướng, cộng tướng của tất cả pháp đều nên chứng biết mới có khả năng đạt được sở cầu là quả vị Giác ngộ tối cao. Nhưng **pháp tướng mà các Bồ Tát biết được thì hoàn toàn vô sở hữu, đều chẳng thể nắm bắt được?**

Phật bảo các Thiên tử: Đúng vậy! Đúng như các ông đã nói! Quả vị Giác ngộ tối cao rất khó tin, khó hiểu, rất khó chứng đắc.

Này các Thiên tử! Nên biết, Ta cũng hiện biết tất cả pháp tướng, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, nhưng **hoàn toàn chẳng thủ đắc pháp tướng** mà cho đây là năng chứng, đây là sở chứng, đây là chỗ chứng, đây là thời chứng và do pháp ấy mà chứng. Vì sao? Này các Thiên tử! **Vì tất cả pháp rốt ráo đều thanh tịnh, nên hữu vi, vô vi rốt ráo là không.**

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như Phật đã dạy, quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật rất khó tin, khó hiểu, rất khó chứng. Như con suy nghĩ ý nghĩa mà Phật đã dạy về quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật thì **rất dễ tin, dễ hiểu, rất dễ chứng đắc**. Vì sao? Vì nếu có khả năng tin hiểu, không có pháp năng chứng, không có pháp sở chứng, không có chỗ chứng, không có thời chứng, cũng không do pháp này mà chứng, **thì có khả năng tin hiểu** quả vị Giác ngộ tối cao của chư

Phật. Nếu chứng biết, không có pháp năng chứng, không có pháp sở chứng, không có chỗ chứng, không có thời chứng, cũng không do pháp ấy mà chứng, **thì có khả năng chứng đắc** sở cầu là quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Bạch Thế Tôn! **Vì tất cả pháp rốt ráo đều không; trong cái rốt ráo không, hoàn toàn không có pháp có thể nói là năng chứng, là sở chứng, là chỗ chứng, là thời chứng, là do pháp ấy mà chứng. Vì sao? Vì các pháp đều không, hoặc tăng, hoặc giảm, hoàn toàn vô sở hữu, đều chẳng thể nắm bắt được.**

Bạch Thế Tôn! Sáu Ba la mật mà các đại Bồ Tát đã tu hoàn toàn vô sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không nội cho đến pháp không không tánh tự tánh; chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì mà các đại Bồ Tát đã an trụ hoàn toàn vô sở hữu, đều chẳng thể nắm bắt được; tứ Thánh đế, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao đều chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn! Các pháp hoặc hữu sắc, hoặc vô sắc, hoặc hữu kiến, hoặc vô kiến, hoặc hữu đối, hoặc vô đối, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, mà các đại Bồ Tát đã quán hoàn toàn vô sở hữu, đều chẳng thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy, con suy nghĩ nghĩa thú mà Phật đã dạy về quả vị Giác ngộ tối cao là rất dễ tin, dễ hiểu, rất dễ chứng. Các đại Bồ Tát đối với việc này chớ nên cho là khó tin, khó hiểu và khó chứng. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì sắc và tự tánh của sắc **là không**; thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không; mười hai xứ, mười tám giới và tự tánh của mười hai xứ, mười tám giới là không; cho đến tất cả pháp Phật và tự tánh của tất cả pháp Phật cũng không.

Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát đối với tự tánh không như vậy, phát sanh tin hiểu sâu sắc, không điên đảo, thì liền chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Do nhân duyên này, con nói là quả vị Giác ngộ tối cao chẳng phải khó tin, khó hiểu, chẳng phải khó chứng.

(Pháp gì đối với quả vị Giác ngộ tối cao có thối chuyển?)

Khi ấy, Xá Lợi Tử bảo với Thiện Hiện: Này Đại đức! Nếu quả vị Giác ngộ tối cao rất dễ tin, dễ hiểu, rất dễ chứng, thì tại sao lại có vô số đại Bồ Tát phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, nửa đường lại thối

chuyển, mặc dù các đại Bồ Tát ấy quán tất cả pháp hoàn toàn không có tự tánh, tất cả đều không, giống như hư không. Vì vậy, nên tôi nói: **Quả vị Giác ngộ tối cao rất khó tin, khó hiểu, rất khó chứng**!

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện hỏi lại Tôn giả Xá Lợi Tử:

- Thưa Ngài Xá Lợi Tử! Theo ý Ngài **sắc đối với quả vị Giác ngộ tối cao có thối chuyển chăng?**

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

- Thưa Ngài Xá Lợi Tử! Theo ý Ngài thọ, tưởng, hành, thức đối với quả vị Giác ngộ tối cao có thối chuyển chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không.

Thiện Hiện hỏi tiếp:

- Thưa Ngài Xá Lợi Tử! Theo ý Ngài lìa sắc, có pháp nào đối với quả vị Giác ngộ tối cao bị thối chuyển chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

- Thưa Ngài! Theo ý Ngài lìa thọ, tưởng, hành, thức, có pháp nào đối với quả vị Giác ngộ tối cao bị thối lui chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

- Theo ý Ngài sắc như đối với quả vị Giác ngộ tối cao có thối chuyển chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

- Theo ý Ngài lìa sắc như, có pháp nào đối với quả vị Giác ngộ tối cao bị thối chuyển chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

- Theo ý Ngài thọ, tưởng, hành, thức như đối với quả vị Giác ngộ tối cao bị thối chuyển chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

- Theo ý Ngài lìa thọ, tưởng, hành, thức như, có pháp nào đối với quả vị Giác ngộ tối cao bị thối chuyển chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

- Theo ý Ngài mười hai xứ, mười tám giới đối với quả vị Giác ngộ tối cao có thối chuyển chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

- Theo ý Ngài lìa mười hai xứ, mười tám giới có pháp nào đối với quả vị Giác ngộ tối cao bị thối chuyển chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

- Theo ý Ngài, mười hai xứ như, mười tám giới như đối với quả vị Giác ngộ tối cao có thối chuyển chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

- Theo ý Ngài lìa mười hai xứ như, mười tám giới như có pháp nào đối với quả vị Giác ngộ tối cao bị thối chuyển chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

- Theo ý Ngài tất cả pháp Phật đối với quả vị Giác ngộ tối cao có thối chuyển chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

- Theo ý Ngài lìa tất cả pháp Phật, có pháp nào đối với quả vị Giác ngộ tối cao bị thối chuyển chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

- Theo ý Ngài tất cả pháp Phật như đối với quả vị Giác ngộ tối cao có thối chuyển chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

- Theo ý Ngài lìa tất cả pháp Phật như, có pháp nào đối với quả vị Giác ngộ tối cao bị thối chuyển chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa với Xá Lợi Tử:

- Nếu tất cả pháp là chắc thật, là an trụ v.v… thời những pháp nào đối với quả vị Giác ngộ tối cao có thối chuyển?

Khi ấy, Xá Lợi Tử trả lời cụ thọ Thiện Hiện:

- Như Ngài đã nói, thì trong pháp vô sanh nhẫn hoàn toàn không có pháp, cũng không có Bồ Tát đối với quả vị Giác ngộ tối cao nói là có thối chuyển. Nếu vậy, cớ sao Phật thuyết có ba loại chủng tánh trụ Bồ Tát thừa *(nhất định bị thối chuyển, nhất định không thối chuyển hay bất định)*, lẽ ra chỉ nên thuyết một. Lại như Ngài thuyết, lẽ ra không có sai biệt Tam thừa Bồ Tát *(Thanh văn thừa, Độc giác thừa và Chánh đẳng giác thừa)* mà chỉ nên có một đẳng thừa Chánh giác thôi?

Khi ấy, cụ thọ Mãn Từ Tử nói với Xá Lợi Tử:

- Ông không nên chất vấn trước mà phải hỏi Thiện Hiện phải chăng chỉ có một Bồ Tát thừa?

Khi ấy, Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Này Đại đức Thiện Hiện! Có phải chỉ có một Bồ Tát thừa chăng?

Bấy giờ, Thiện Hiện thưa với Xá Lợi Tử:

- Thưa Ngài Xá Lợi Tử! Theo ý Ngài ở trong tất cả pháp như, có ba loại chủng tánh Bồ Tát sai khác trụ Bồ Tát thừa chăng? Điều đó có nghĩa là đối với quả vị Giác ngộ tối cao có loại nhất định bị thối chuyển, nhất định không thối chuyển hay bất định chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

- Vậy, theo ý Ngài ở trong tất cả pháp như, có ba thừa Bồ Tát là Thanh văn thừa, Độc giác thừa và Chánh đẳng giác thừa khác nhau chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

- Theo ý Ngài, ở trong tất cả pháp như, có phải chỉ có một loại Bồ Tát thừa nhất định không bị thối chuyển chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

- Theo ý Ngài ở trong tất cả pháp như, chỉ thật có một Chánh đẳng giác Bồ Tát thừa chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

- Theo ý Ngài các pháp như có 1 như, có 2 như, có 3 như*(6)* chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

- Vậy, theo ý Ngài ở trong tất cả pháp như, chỉ có một pháp, một Bồ Tát, có thể nắm bắt được chăng?

Xá Lợi Tử đáp: Không, Thiện Hiện!

Lúc bấy giờ, Thiện Hiện thưa với Xá Lợi Tử:

- Thưa Ngài, nếu tất cả pháp là chắc thật, là an trụ, hoàn toàn vô sở hữu đều chẳng thể nắm bắt được, thì tại sao Ngài có thể nghĩ thế này: Bồ Tát như thế đối với quả vị Giác ngộ tối cao nhất định bị thối chuyển; Bồ Tát như thế đối với quả vị Giác ngộ tối cao, nhất định không thối chuyển; Bồ Tát như thế đối với quả vị Giác ngộ tối cao nhất định là bất định; Bồ Tát như thế là Thanh văn thừa, Bồ Tát như thế là Độc giác thừa, Bồ Tát như thế là Chánh đẳng giác thừa? Như vậy là ba, hay như vậy là một?

Nếu đại Bồ Tát đối với tất cả pháp hoàn toàn vô sở đắc, đối với tất cả pháp như cũng hoàn toàn vô sở đắc, đối với Bồ Tát đạo cũng vô sở đắc, đối với quả vị Giác ngộ tối cao cũng vô sở đắc thì nên biết đó là đại Bồ Tát chân thật.

Thưa Ngài! Nếu đại Bồ Tát nghe nói các pháp như như thế chẳng thể nắm bắt được mà tâm họ chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng hãi, chẳng nghi, chẳng hối, chẳng thối, chẳng chìm, thì phải biết đại Bồ Tát ấy mau chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Bấy giờ, Phật bảo cụ thọ Thiện Hiện:

- Hay thay! Ông nay có thể vì các đại Bồ Tát mà nói pháp yếu. Những điều ông nói đều là do oai thần của Như Lai gia bị, chẳng phải tự lực của ông.

Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát đối với tất cả các pháp như chẳng thể nắm bắt được, phát sanh sự tin hiểu sâu xa, biết tướng không sai biệt của tất cả pháp, nghe nói các pháp như chẳng thể nắm bắt được như thế, tâm họ chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng hãi, chẳng nghi, chẳng hối, chẳng thối, chẳng chìm, thì đại Bồ Tát ấy mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Lúc bấy giờ, Xá Lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát thành tựu pháp này thì có mau chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao chăng?

Phật dạy:

- Này Xá Lợi Tử! Đúng vậy! Nếu đại Bồ Tát thành tựu pháp này thì mau chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, chẳng rơi vào địa vị Thanh văn và Độc giác.

Thích nghĩa:

(1). ***Chơn như hay chân như****: Đã thích nghĩa ở tiểu mục 20 phần thứ I Tổng luận. Đại cương chân như (Phạm: Bhùta-tathatà hoặc tathatà) chỉ bản thể chân thực tràn đầy khắp vũ trụ - là nguồn gốc của hết thảy muôn vật. Còn gọi Như như, Như thực, Pháp giới, Pháp tính, Thật tế, Thật tướng, Như lai tạng, Pháp thân, Phật tính, Tự tính thanh tịnh thân, Nhất tâm, Bất tư nghì giới. Trong sách Phật, Hán dịch ở thời kỳ đầu dịch là* ***Bản vô****. Chân: chân thật không hư dối. Như: Tánh của sự chân thật ấy không thay đổi. Tức là cái mà Phật giáo Đại thừa gọi là Bản thể của muôn vật.*

(2). ***Đại như****: Nói lên cái thể tính tuyệt đối như như của tất cả vạn hữu mà danh từ chung thường gọi là chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, cảnh giới bất tư nghì, cảnh giới hư không, cảnh giới đoạn, cảnh giới ly, cảnh giới diệt, cảnh giới vô tánh, cảnh giới vô tướng, cảnh giới vô tác, cảnh giới vô vi, cảnh giới an ổn, cảnh giới tịch tịnh, pháp định, pháp trụ, bổn vô, thật tế, Niết bàn v.v... Thâm hiểu được thật nghĩa của nó, được coi là Giác ngộ (Tri kiến được Chân như tức là Giác ngộ). Đó là một loại tri*

kiến vượt ra khỏi thế giới nhị nguyên, chứng được cái nhất thể của vạn hữu. Đại như chẳng qua là Như Lai tạng, là Phật tính hay Pháp thân.

(3). Sắc như hay Chơn như của sắc (Kinh MHBNBLMĐ gọi là sắc tướng như). Tất cả pháp hình thái thì thiên sai vạn biệt, nhưng bản chất đều bình đẳng như nhau, nên nói tất cả pháp là như như, nó như vậy bởi vì nó như vậy. Cái thấy biết không qua tướng dạng khác biệt của vạn hữu mà thấy qua như như tướng của nó, như câu nói của cổ đức "Tất cả sóng đều là nước". Sóng có lớn có nhỏ, có dài có ngắn..., tức nói hình tướng có khác. Nhưng tánh ướt thì như nhau, là bình đẳng. Tánh chơn thật của nước là tánh ướt thì như nhau. Cái thấy mà đòi hỏi phải có đối tượng của cái thấy, là cái thấy ngây ngô, thấy theo hình tướng, dễ sanh chấp trước. Còn thấy mà không đòi hỏi đối tượng của cái thấy, cái thấy đó là "kiến tánh", thấy tận nguồn tâm. Thấy như vậy, nên không khởi chấp trước, và Kinh nói rằng người thấy các pháp "Như" như vậy nên gọi là Như Lai. Trong Kinh Tiểu Phẩm Bát Nhã, Ngài La Thập dùng lối dịch này, nó gãy gọn, thay vì nói chơn như của Như Lai thì nói gọn là "Như Lai như". Chúng tôi cũng dùng lối diễn tả này.

Theo Phật Quang Đại Từ điển do HT. Thích Quảng Độ dịch giải, thì từ "Như" dịch từ chữ Phạn là Tathà. Cũng gọi như như, chân như, như thật. ***Bản tánh chân thật bất biến của hết thảy muôn vật.*** *Bởi vì tất cả pháp đều có thuộc tính riêng biệt không giống nhau như đất có tánh cứng, nước có tánh ướt... Nhưng, những thuộc tính riêng biệt ấy chẳng phải thật có, mà tất cả đều lấy "Không" làm thật thể, cho nên thật tính là "Như". Lại vì Như là bản tánh của các pháp nên gọi là* **pháp tánh** *mà pháp tánh là biên tế cùng cực của chân thật rốt ráo, nên pháp tánh còn được gọi là* ***thật tế.*** *Do đó, nên biết: Như, pháp tánh, thật tế đều là* ***thật tướng*** *các pháp.*

Đứng về phương diện hiện tượng mà nhìn, thì các pháp tuy có sai biệt, nhưng nhận xét về lý thể thì các pháp bình đẳng, không khác nhau. Lý thể bình đẳng này của các pháp cũng gọi là Như. Do đó, nên biết Như cũng là tên khác của lý. Vì lý ấy chân thật nên gọi là ***chân như;*** *vì lý ấy là một nên gọi là* ***nhất như****. Lại đứng về phương diện lý thể của Như mà nói, vì các giáo môn đều khác nhau, nên đặt tên cho Như cũng bất đồng, chẳng hạn Kinh Bát Nhã gọi Như là "Không", mà Kinh Pháp Hoa gọi Như là "Trung". Ngoài ra, Tông Thiên Thai căn cứ vào thuyết Thập như thị nói*

trong phẩm "Phương Tiện", thừa nhận trong 10 giới, mỗi giới đều có đủ 9 giới kia, nên thành 100 giới (Thập bách giới) và trong 100 giới, mỗi giới đều có 10 như (Thập như) hợp thành 1.000 như (Thiên như).

Nói tóm lại, Như, Như như, Tướng như, Nhất như, Chân như, Pháp tánh, Thật tế, Không, Thật tánh, Thật tướng... là những chữ đồng loại trong Kinh Bát Nhã.

(4). Chữ "từ", "theo" hay "do" dịch nghĩa ở đây không bằng chữ "tùy". Thí dụ trong câu: "Chư Thiên các ông nói Thiện Hiện là Phật tử, **do** *Như Lai sanh,* ***từ*** *Như lai sanh hay* **theo** *Như lai sanh". Câu này nếu dịch là "Chư Thiên các ông nói Thiện Hiện là Phật tử,* **tùy** *Như Lai sanh", có lẽ dễ hiểu và chính xác hơn. Chữ tùy là chữ Hán, tránh không dùng chữ Hán mà dùng các từ như "từ", "theo" hay "do" chẳng khác nào tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa cũng vậy.*

Kinh Đại Bát Nhã do Ngài Huyền Trang dịch từ Phạn sang Hán, HT Thích Trí Nghiêm dịch từ Hán sang Việt, chia ra làm hai bản:

- Bản thứ nhất (đăng trong tuvienquangduc.com) là bản gốc xuất bản năm 1998, do chính HT. Thích Trí Nghiêm dịch, văn phong cổ kính, và có nhiều từ gốc Hán;

- Bản thứ hai (đăng trong thuvienhoasen.org) là bản nhuận văn, xuất bản năm 2003 có vẻ Việt hơn.

*Chữ "do" hay "từ" dịch trong các phẩm "Chân Như" thuộc thuvienhoasen.org (ở Q.321 và Q.447); chữ "theo" thuộc tuvienquangduc.com (cũng ở Q.447). Cả ba chữ "do, từ hay theo" không bằng chữ "***tùy***" dịch trong Q.321, phẩm "Chân Như" thuộc bản dịch thứ nhất, chưa nhuận bút, xuất bản 1998(có người nói xuất bản năm 1997, có người nói xuất bản năm 1998). Trong tuvienquangduc.com hay trong Kinh MHBNBLMĐ, tập II, quyển thứ 18, phẩm "Đại Như" dùng chữ "tùy". Nguyên văn bằng chữ Hán là* " 世Thế 尊Tôn . 上thượng 座tòa 善thiện 現hiện 隨tùy 如Như 來Lai 生sanh . 佛Phật 真chân 弟đệ 子tử ". *Việt dịch "Bạch Thế Tôn Thượng tọa Thiện Hiện* ***tùy*** *Như Lai sanh, là chân đệ tử Phật". Chữ "tùy" ở đây được giữ y nguyên văn chữ Hán nên có vẻ "thông" hơn thay vì dùng các chữ "do, từ hay theo".* ***TB***

(5). Đoạn Kinh tóm lược này, chúng tôi dùng từ "Như" thay thế cho "Chơn như". Thích nghĩa trong phần lược giải dưới đây nói về "Như Lai tùy sinh", Ngài Tuệ Sĩ sẽ nói rõ lý do.

(6). Tất cả pháp như là một như, không hai, không khác. Đã nhất như dĩ nhiên là không phải hai, không phải ba, không phải khác. Phẩm "Bồ Tát Bất Thối Chuyển", phần sau Q.325, Hội thứ I, ĐBN cũng nói rằng: "... Vì pháp như chẳng thể nói một, chẳng thể nói khác, chẳng thể nói đồng hay chẳng đồng vậy".

Sơ giải:

1. Các pháp Như thật trong chân như thật tướng của nó:

Mở đầu phẩm này, các Thiên tử trình Phật:

"Quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật tức là Nhất thiết trí trí, Nhất thiết trí trí tức là quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì sắc như, Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều là như như, không hai, không khác, cũng không cùng tận; hoặc thọ, tưởng, hành, thức như, hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều là nhất như, không hai, không khác, cũng không cùng tận. Hoặc mười hai xứ, mười tám giới như hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều đồng một như, không hai, không khác, cũng không cùng tận; hoặc tất cả pháp Phật như hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều là như như, không hai, không khác, cũng không cùng tận".

Sau khi nghe các Thiên tử trình bày như vậy, đức Thế Tôn bảo các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc:

"Đúng vậy! Đúng như lời các ngươi đã nói! Uẩn, Xứ, Giới cho đến tất cả pháp Phật tức là Nhất thiết trí trí, Nhất thiết trí trí tức là Uẩn, Xứ, Giới... cho đến tất cả pháp Phật. Uẩn như, Xứ như, Giới như và tất cả pháp Phật như tức là Nhất thiết trí trí như, Nhất thiết trí trí như tức Uẩn Xứ Giới như cho đến tất cả pháp Phật như đều đồng một như, không hai, không khác, cũng không cùng tận.

Này các Thiên tử! Ta quán nghĩa này, tâm thường hướng đến chỗ vắng lặng, chẳng ưa thuyết pháp. Vì sao? Vì pháp này sâu xa khó thấy, khó biết, chẳng có thể suy tầm, vượt cảnh suy tầm, vi diệu vắng lặng. Người trí tuệ mới có thể hiểu được, chẳng phải hạng người tầm thường trong thế gian có thể tín thọ, đó là Bát nhã Ba la mật sâu xa tức là quả vị Giác ngộ tối cao mà Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã chứng.

Này các Thiên tử! Quả vị Giác ngộ tối cao như thế không thể chứng, chẳng phải đối tượng để chứng, không có chỗ chứng, không thời chứng.

Này các Thiên tử! Pháp này sâu xa mầu nhiệm, chỉ xuất hiện độc nhất, chẳng phải là pháp mà thế gian có thể sánh kịp".

Dưới con mắt thế tục tất cả pháp đều có hình tướng thiên sai vạn biệt mà Phật bảo tất cả pháp "đều đồng một như, không hai, không khác, cũng không cùng tận". *Phật bảo như vậy con người trần tục làm sao tin nhận được. Nên Phật mới than:* "Ta quán nghĩa này, tâm thường hướng đến chỗ vắng lặng, chẳng ưa thuyết pháp". *Vì sao? Vì tất cả pháp dù hình sắc danh tướng tuy thiên sai vạn biệt nhưng* "đều đồng một như, không hai, không khác". *Đó gọi là chân như thật tướng của tất cả pháp. Trong chân như thật tướng thì sắc cũng như Nhất thiết trí trí, sắc cũng như quả vị Giác ngộ tối cao. Vậy, hạng người tầm thường trong thế gian làm sao có thể tín thọ được.*

Phẩm "Vô Sở Đắc", Q.69, Hội thứ I, ĐBN. *Thiện Hiện nói với Xá Lợi Phất:*

"Xá Lợi Tử! Nói tóm lại, tất cả pháp thiện chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh là như vậy. Tất cả pháp phi thiện chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì **bản tánh như vậy là như vậy.** Tất cả pháp hữu ký chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh như vậy là như vậy. Tất cả pháp vô ký chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì sao? Vì bản tánh như vậy là như vậy. Tất cả pháp hữu lậu chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì bản tánh như vậy là như vậy. Tất cả pháp vô lậu chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì bản tánh như vậy là như vậy. Tất cả pháp hữu vi chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì bản tánh như vậy là như vậy. Tất cả pháp vô vi chẳng phải thường, chẳng phải hoại. Vì bản tánh như vậy là như vậy".

Tất cả pháp tuy thiên sai vạn biệt biểu hiện dưới nhiều hình tướng khác nhau tùy theo cái nhìn (cảm quan và ý thức) của mỗi cá thể. Hình tướng thì có khác, nhưng tánh thì như nhau. Sóng có trùng trùng điệp điệp hình tướng to nhỏ khác nhau nhưng tánh nước không khác. Nên có câu: "lượn sóng nào cũng đều là nước". Các pháp hiện hữu "như thật trong *chơn như thật tánh" của nó. Nó như vậy bởi vì nó như vậy. Hòn sỏi đứng bên đường ngàn năm vẫn là hòn sỏi cũ. Nó không tự biết nó xấu hay đẹp,*

to hay nhỏ, sạch hay dơ... Nó cũng không biết các hòn sỏi khác chung quanh nó. Các pháp tự tánh là không, nó không tự biết nó và cũng không biết các pháp khác, từ xưa đã vậy, nay vẫn vậy, nó là nó, nó là như như. Những biểu lộ đây kia đều là vọng tình do cảm quan và ý thức phân biệt của con người. Con người vì để dễ phân biệt vật nầy với vật khác, nên mới đặt tên: Đây là đá, đây là sỏi. Một khi các pháp có tên gọi thì ngay đó có cảm thọ, có phân biệt chấp nhất, tâm từ đó "hết như", đành theo khách trần mà lưu chuyển.

Tất cả pháp vốn bình đẳng, chân thật, như như. Nên Phật bảo:

"Sắc tức là Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật tức là sắc. Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí là Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật là Nhất thiết chủng trí. Sắc tướng như, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí tướng như là **một như, không hai, không khác**".

Bát Nhã có khả năng soi thấy vạn hữu như thế là như thế, thấy các pháp trong bản tính như thật của chúng. Đấy là cái thấy xuyên qua tướng trạng để trực ngộ được chân tánh của vạn hữu mà tuyên bố rằng thấy như thế là thấy các pháp như trong chân như thật tướng của nó.

2. "Tùy Như Lai sinh":

Đây là nguyên văn đoạn Kinh nói về "Như Lai tùy sinh", phẩm "Chơn Như", Q.447, Hội thứ II, ĐBN do Ngài Huyền Trang dịch:

"Chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại đức Thiện Hiện là chơn đệ tử Phật, tùy Như Lai sanh. Vì sao? Vì đại đức Thiện Hiện đã thuyết tất cả pháp đều tương ưng với không.

Cụ thọ Thiện Hiện bảo chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc:

- Chư Thiên các ông nói Thiện Hiện là chơn đệ tử Phật, tùy Như Lai sanh. Thế nào là Thiện Hiện tùy Như Lai sanh? Nghĩa là tùy Như Lai như sanh. Vì sao? Vì Như Lai như **không đến, không đi**, Thiện Hiện như cũng không đến, không đi, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như **tức tất cả pháp như**, tất cả pháp như tức Như Lai như. Như, như thế là **không tánh như, cũng không phải không tánh như**. Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như

thường trụ là tướng, Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như **không biến đổi, không phân biệt, chuyển khắp các pháp**. Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như **không quái ngại**, tất cả pháp như cũng không quái ngại. Hoặc Như Lai như, hoặc tất cả pháp như, **đều đồng một như** không hai, không khác, không tạo, không tác. Như, như thế là **tướng thường như, không thời nào chẳng như**. Vì tướng thường như, không thời nào chẳng như nên không hai không khác. Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như **khắp mọi nơi không nhớ nghĩ, không phân biệt**. Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như **không đổi khác, bất khả đắc**. Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Như Lai như không lìa tất cả pháp như, tất cả pháp như không lìa Như Lai như. Như, như thế thường như, không thời nào chẳng tướng như. Thiện Hiện như cũng lại như thế nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Dù nói tùy sanh mà không có chỗ tùy sanh, vì Thiện Hiện như chẳng khác Phật vậy.

Như Lai như không quá khứ, không vị lai, không hiện tại. Tất cả pháp như cũng không quá khứ, không vị lai, không hiện tại. Thiện Hiện như cũng lại như vậy, nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh. Quá khứ như tức Như Lai như, Như Lai như tức quá khứ như. Vị lai như tức Như Lai như, Như Lai như tức vị lai như. Hiện tại như tức Như Lai như, Như Lai như tức hiện tại như. Hoặc quá khứ như, hoặc vị lai như, hoặc hiện tại như, hoặc Như Lai như, đều đồng một như không hai, không khác.

Sắc như tức Như Lai như, Như Lai như tức sắc như. Thọ, tưởng, hành, thức như tức Như Lai như, Như Lai như tức thọ, tưởng, hành, thức như. Hoặc sắc như, hoặc thọ, tưởng, hành, thức như, hoặc Như Lai như, đều đồng một như không hai, không khác. Mười hai xứ như, mười tám giới như, tứ thiền như, tứ vô sắc định như, mười tám pháp bất cộng như, Nhất thiết trí như, Đạo tướng trí như, Nhất thiết chủng trí như… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao như tức Như Lai như, Như Lai như tức mười hai xứ như, mười tám giới như, tứ thiền như, tứ vô sắc định như, mười tám pháp bất cộng như, Nhất thiết trí như, Đạo tướng trí như, Nhất thiết chủng trí như… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao như đều đồng một như không hai, không khác. Bồ Tát hạnh như tức Như Lai như, Như Lai như tức Bồ Tát hạnh

như. Quả vị Vô thượng Bồ đề như tức Như Lai như, Như Lai như tức quả vị Vô thượng Bồ đề như. Hoặc tất cả Bồ Tát hạnh như, hoặc quả vị Vô thượng Bồ đề như, hoặc Như Lai như, đều đồng một như không hai, không khác. Nhất thiết trí như tức Như Lai như, Như Lai như tức Nhất thiết trí như. Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí như tức Như Lai như, Như Lai như tức Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí như. Hoặc Nhất thiết trí như, hoặc Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí như, hoặc Như Lai như, đều đồng một như không hai, không khác.

Thiên chúng nên biết, các Đại Bồ Tát đang chứng tất cả pháp như như thế nên gọi là Như Lai ứng Chánh Đẳng Giác. Thưa Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác! Con tin hiểu sâu sắc các pháp như như thế nên nói Thiện Hiện tùy Như Lai sanh".

Tại sao đang nói về chân như lại thuyết về Như Lai tùy sanh? Vì chân như là tự tướng của chư Phật, chư Như Lai. Những biểu thị của Thiện Hiện cũng chính là những biểu thị của Như Lai. Như vậy, Thiện Hiên như Như Lai không hai không khác. Hay nói khác Thiện Hiện là em ruột của Như Lai, vì cùng sanh ra từ một bào thai gọi là Như Lai Tạng, nên được gọi là Như Lai tùy sanh. Không những Thiện Hiện mà bất cứ chúng sanh nào có tự tướng như Như Lai, đều được gọi là Như Lai tùy sanh giống như Thiện Hiện vậy.

Để giải thích "các pháp như thật" và "Như Lai tùy sinh", không gì hơn là chúng tôi lấy một đoạn luận giải* "Bát Nhã như là soi thấy các Pháp Như thực" *trong Thiền Luận III, của thiền sư D.T. Suzuki để các thiện hữu thưởng thức thêm:

"Do công năng vô chấp đó, chúng ta có thể nói rằng Bát Nhã có khả năng nhìn thấy thế giới như thế là như thế, **thấy các pháp trong bản tính như thực (yathàbhùtum) của chúng.** Đây là hoạt dụng đặc sắc nhất của Bát Nhã mà Bồ Tát sở đắc khi Ngài chứng ngộ rằng đến thì như thế mà đến, đến từ Bát Nhã, và do đó biết rằng Bát Nhã sinh ra Ngài cũng như sinh ra hết thảy chư Phật. Một khi đôi mắt của Bồ Tát mở ra cho sự thực này, Bồ Tát quan sát thế gian và hết thảy thiên sai vạn biệt của thế gian trong tổng trạng chân thực của chúng. Nói thế tức là, trong tầm tri giác của chúng ta, thế gian không ngừng biến đổi, chịu đủ hình thái thành và hoại. Nhưng Bồ Tát khi mà trí Bát Nhã của Ngài đã khai ngộ hoàn toàn, nhận

thấy rằng, năm uẩn tạo thành thế gian này dù có những biến dịch bên ngoài của chúng, **trong tự tánh (svabhava) chúng không hề bị hoại diệt**, chúng không mang những hoại tướng, không bị chi phối bởi những thành hoại, không bị chi phối bởi sinh tử, không bị chi phối bởi những tham dục và phiền não.

Kinh điển Bát nhã Ba la mật vừa là một nền triết học và vừa là một nền tôn giáo, nên giáo thuyết của nó luôn luôn hỗn hợp bản thể học và tâm lý học. Sự thực, nó không nói tới sự hữu là như thế nào, nhưng nói tới những gì có nơi con người. Biết rõ thế gian tức biết rõ tinh thần của con người và những tạo tác của nó. Không có những vấn đề siêu hình nào mà cùng lúc không là những vấn đề về giải thoát và giác ngộ. Do đó khi Bồ Tát nhận thấy thế gian như là như thực (yathàbhùtam) Ngài cũng nhận thấy các loại tâm của con người như thế là như thế; thế rồi Ngài mới thi thiết các phương tiện thiện xảo (upàya) của mình. **Vậy, Kinh nói, bằng con mắt của trí Bát Nhã, Bồ Tát thấy rõ các loại tâm của tất cả các loại hữu tình, và Ngài biết rõ chúng sai biệt như thế nào, sai biệt về cá tính, sai biệt về hoạt dụng, sai biệt về thọ báo, sai biệt về giá trị đạo đức, về tâm tính, v.v… Rồi tri kiến như thực (yathàbhùtam) của Ngài thấu triệt qua những giả tướng này và nhận ra rằng các tâm của chúng; tịnh hay bất tịnh, nhiếp tâm hay loạn tâm, nhiễm tâm hay ly nhiễm tâm, tất cả đều không tự tánh, không thủ trước, không phân biệt. Đấy được coi là nhìn vạn hữu trong chân như tướng của chúng, trong đó mọi sai biệt tan biến hết, đồng thời tự hiển lộ tự thân như thực trong ánh sáng của trí Bát Nhã***(1)*.

Do đó, đương nhiên tri kiến như thực trong các Kinh Bát nhã Ba la mật có nghĩa là tri kiến xuyên qua bức màn trùng điệp phủ tối đôi mắt chúng ta, và rồi dùng trí Bát Nhã nắm lấy vạn hữu trong chân như của chúng. Chân như (tathatà)*(2)* là một chữ quá lạ, nhưng trong thuật ngữ Phật giáo, nó là một trong những chữ ý vị nhất. Hiểu rõ nghĩa của nó là hiểu toàn bộ hệ thống tư tưởng của đạo Phật. Chân như là như như và đừng có hiểu lộn thành như nhau hay như một. Khi người ta nói đến vô dị tướng, thì có thể tưởng rằng các dị tướng bị biến thành vô sở tri hay vô sở hữu, để bộc lộ cái tướng như một của chúng. Nhưng cái mà các hành giả Bát Nhã muốn nói là những cái được thấu hiểu trong những tương quan

chân thực của chúng, không chỉ tương quan giữa cái này với cái kia mà tương quan với lý tính hiện hữu của chúng.

"Kinh Bát Nhã có một đoạn dành cho Tu Bồ Đề (Subhùti) luận về Như lai Tùy sinh (Tathàgata-anujata)*(3).* Tùy sinh (Anujàta) có nghĩa, sinh sau hay "sinh ra tùy theo". Chính Tu Bồ Đề (Subhuti), người nói triết học Bát Nhã, sinh ra sau Như lai, tức em ruột của Như lai, hay nói đúng hơn, Tu Bồ Đề được sinh ra tùy theo tự tướng của Như lai. Đó là một trong các đoạn quan trọng nhất của Bát Nhã, nhất là **khi xét tới liên hệ với giáo thuyết Chân như**. Như Lai (Tathagata) thông thường được coi như là một biệt hiệu của Phật, nghĩa đen hoặc "người đến như thế" hoặc "người đi như thế". Điểm quan trọng ở đây là ý nghĩa của chữ Như (tatha) hơn là Lai (agata, đến hay gata, đi); hình như tác giả của Kinh Bát Nhã nhấn mạnh trên chữ tatha coi đó là chìa khóa để hiểu giáo pháp Tathata (Chân như) hay Yathabhutam (Như thực). Khi ông nói tới Chân như của Như Lai (tathagata- tathata), ông muốn nói lý tánh, căn nguyên, hay lý tắc cho sự xuất hiện có thể có của Như Lai trong thế gian. Vì vậy, Tu Bồ Đề mà được sinh ra sau (anujata) Chân như của Như Lai, thì có nghĩa là Tu Bồ Đề và Như Lai cùng đến từ bào thai vũ trụ mà Kinh Lăng già (Lankavatara) và các Kinh Phật khác gọi là Như Lai tạng (tathagatagarbha). Với giải thích sơ khởi này, đoạn dưới đây nói về Tùy sinh (Anujata) và Như Lai (Tathagata) sẽ trở nên dễ hiểu hơn.

"Khi nói Tu Bồ Đề sinh ra sau Như Lai, nói thế có nghĩa như vầy: Như của Như Lai là Như của Tu Bồ Đề, Như Như không hai không khác, vì Chân Như là một trong hết thảy các loại hữu tình và ở đây không hai tướng, không phân biệt, không phân đôi; trong hết thảy Chân Như không có đến và cũng không có đi vì bản lai vô sinh; chúng không chỗ trụ nơi chúng thường trụ như là những pháp sai biệt; chúng là vô tác, vì có nghĩa rằng chúng không phải là sở tri như là đang hoạt dụng trong một phương thế quyết định nào đó để biểu lộ những tự tướng sai biệt của chúng; thế nhưng chúng cũng không phải là thường tịch và vô sở tác; chúng luôn luôn như Như trong tất cả mọi xứ sở, trong tất cả mọi thời gian, trong tất cả mọi cảnh giới, trong tất cả mọi tụ tập nhân duyên; trong chúng không từng có quá khứ, không từng có hiện tại, không từng có vị lai mặc dù chúng hữu tình được coi như đang hiện hữu, tồn tại và biến mất; chúng không lệ thuộc sự phân biệt, không sắc tướng sai biệt, là bất khả đắc; và

sau hết dù với những phẩm tính đó chúng vẫn xuất hiện như là những thực tại, có thể được định danh, được định nghĩa và được phân biệt, mặc dù như thế chúng không còn là Chân như nữa. Vì những lý do đó, Chân như của Tu Bồ Đề là Chân như của Như Lai, và Chân như của Như Lai là Chân như của hết thảy các pháp, cả hai không hai không khác. Chân như nhất như hiển hiện ở đây, nhưng ngay khi nói về Chân như như thế, Chân như không còn là Chân như nữa. Chân như chỉ là giả danh, nhưng nếu không có giả danh đó không có Như Lai, không có Tu Bồ Đề, không có Phật, không có A la hán, không có các loại hữu tình. Duy chỉ Như Lai mới thấu triệt như thế, không một chúng sinh nào có thể nắm nổi lý này. Tu Bồ Đề, vì Ngài thấu hiểu, nên có thể diễn nói những huyền diệu sâu xa của Bát nhã Ba la mật, và vì lý do đó, Ngài là Tùy sinh của Như Lai”*(4)*.

Thêm nữa, chúng ta đọc trong chương XVII, “Tướng Bất thối chuyển của Bồ Tát ” (Avinivartaniyakaralinganimitta parivarta):

“Phật tử hành đạo trải qua các giai đoạn khác nhau của tâm linh*(5)*, nhưng ở trong Chân như chúng không hai, không phân biệt. Bồ Tát từ Chân như nhất tướng đó mà có thể nhập vào Pháp tánh *(nói gọn: Chân lý)*. Sau khi nhập vào Pháp tánh, ở đó cũng không sinh ra phân biệt. Dù khi nghe những giáo pháp khác, Bồ Tát cũng không hủy báng, vì biết rằng có nhiều pháp môn sai khác dẫn vào Pháp tánh. Dù khi nghe những danh tướng và ngôn thuyết, Bồ Tát cũng không sinh nghi hoặc đối với công năng thù thắng của Chân như mà Ngài đang hộ trì trong mình”.

“Một trong những hoạt dụng của Bát Nhã, vậy thì, chính là **tri nhận các pháp Như thực hay thấy Chân như tướng của chúng.** Trong Chân như đó, thấy rằng hết thảy mọi loài, mọi sự hữu, không bị nhiễm ô, do đó chúng là một với chư Phật và trong phương diện đặc biệt này có thể gọi các Ngài là chư Như Lai. Vì tất cả là một như thế, nên tất cả cùng là anh em (anujatà) với nhau, kể cả chư Phật và Bồ Tát. Cái thai mẹ sinh ra hết thảy những anh em này đích danh là Như Lai tạng (Tathagata- garbha*(6)*). Vai trò làm mẹ của Bát Nhã ở đây thành xác chứng hơn bao giờ hết, và ý nghĩa đó thường được dùng để tán dương Bát Nhã càng là tự nhiên”.

Với bình giải trí tuệ đó giúp chúng ta có cái nhìn như như trên vạn hữu, tránh được phân biệt và chấp trước mà có thể nhập pháp giới.

3. Chân Như Quan Bát Nhã:

Cuộc đối thoại giữa Phật và Thiện Hiện ở Q.320, ĐBN, chứng tỏ điều này:

"Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Sao gọi là quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! **Chân như của các pháp là quả vị Giác ngộ tối cao.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch: Bạch Thế Tôn! Chân như của pháp nào mà nói là tất cả pháp như là quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Sắc như là quả vị Giác ngộ tối cao; thọ, tưởng, hành, thức như là quả vị Giác ngộ tối cao; mười hai xứ như, mười tám giới như, tứ thiền, tứ vô sắc định, mười tám pháp bất cộng như là quả vị Giác ngộ tối cao; Nhất thiết trí như… cho đến Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác như là quả vị Giác ngộ tối cao. Sanh tử như là quả vị Giác ngộ tối cao; cho đến Niết bàn như là quả vị Giác ngộ tối cao".

Tại sao đang nói về chân như lại đề cập đến chân như quan Bát Nhã?

Tất cả pháp đều như, người nào biết tất cả các pháp như như thế gọi là gọi là Như Lai và Như Lai là người đắc quả vị Giác ngộ Tối cao, hay nói khác Như Lai và quả vị Giác ngộ không hai không khác. Đó là cái chứng biết của Phật khi quán về bản tánh của tất cả pháp.

Thế tục làm sao thấy được pháp sâu mầu này, vì thế để giải thích thế nào là chân như của tất cả pháp Kinh điển Phật học mới đưa ra quan điểm về chân như. Vậy, có thể nói chân như quan chỉ là biện chứng duy vật sử quan để giải thích "Lượn sóng nào cũng đều là nước". Sóng có dài có ngăn, có cao có thấp, có mạnh có yếu. Đó là cái sanh diệt tương đối của cuộc đời thường, dưới cái nhìn của Tục đế. Nhưng bất cứ ngọn sóng nào, trùng trùng diệp điệp vô tận cũng chỉ là nước. Nước bất cứ nơi nào, bất cứ lúc nào cũng như nhau nói theo thắng nghĩa.

Thế tục đưa ra quan niệm để giải thích về chân như, nên tạm gọi là "chân như quan Bát Nhã". Trái lại qua thật chứng, Chân đế dùng thí dụ "Như Lai tùy sanh" để chứng minh tất cả pháp đều là một như, không hai không khác. Như đó là như thường tại chẳng lúc nào chẳng như dù có Phật hay không có Phật ra đời, các pháp vẫn thường trụ vô tận như vậy,

không hai không khác. Nếu bất ai quán hành đến chỗ nhiệm mầu này như chư Phật, hay ít nhất tương tự như Phật thì được gọi là Như Lai tùy sanh.

Phẩm chân như chính là chìa khóa để thấu hiểu chân như thật tướng, cốt sanh trí tuệ rồi thể nhập chân như pháp giới để được giải thoát.

Kết luận:

Phẩm "Chơn Như" là một trong những phẩm khó khăn vào bậc nhất của Bát Nhã và chỉ trí Bát Nhã mới có thể soi thấy tính cách chân thật của mọi hình thái sai biệt hay vô sai biệt của vạn hữu chung quanh chúng ta. Người nào chứng biết được sự chân thật đó của vạn hữu, tức mở được con mắt thứ ba mà đạo Phật hình dung bằng con mắt có hào quang nằm giữa trán. Con mắt này đã nhìn suốt cái thiên sai vạn biệt của mọi sự hữu trần gian và bắt nó hiện nguyên hình trong chân như thật tướng của nó, rồi tuyên bố rằng tất cả pháp đều như, chẳng lúc nào chẳng như, nó như vậy bởi vì nó như vậy, không hai không khác, vô cùng tận và Như Lai là người tri nhận cái như đó nên được gọi là Như Lai.

Sơ giải phẩm này gồm các điểm chính yếu như trên, các giáo lý khác sẽ giảng ở các Hội kế tiếp.

Phụ chú của HT Thích Tuệ Sĩ, dịch giả Thiền luận III:

(1). Phật mẫu: Chú giải trong Thiền luận III.

*(2). Tathatà: **Phật mẫu**, phẩm 16, Chân như; **Tiểu phẩm**, La thập, phẩm 5, "Đại như".*

(3). Các bản Hán, của La Thập, do Thí Hộ và Huyền Trang dịch đều nói: Tùy Như lai sinh; đương nhiên nghĩa không bằng ở đây tách đôi cho Tùy sinh có nghĩa là Em ruột. (Tuệ Sĩ phụ chú)

(4). Tuệ Sĩ phụ chú: Đoạn trên, người dịch cố theo sát nguyên bản Anh. Do đó, có thể thêm cước chú nầy. Điểm lưu ý là bản Anh không làm nổi bật ý nghĩa Chân như. Trong các bản Hán, riêng bản Tiểu phẩm của La Thập chỉ dùng một chữ Như, thay vì Chân như hay Như như, nên rất độc đáo, và đã được trích dịch trọn cả đoạn về "Tùy Như Lai sinh" sau đây, để thưởng thức chơi:

"Tùy Như mà hành, nên Tu Bồ Đề tùy Như Lai sinh.

Như Như Lai Như không lai không khứ, Tu Bồ Đề Như bản lai cũng không lai không khứ, cho nên Tu Bồ Đề tùy Như Lai sinh. Lại nữa, Như

Lai Như tức thị Nhất thiết pháp Như. Nhất thiết pháp Như tức thị Như lai Như; Như lai Như tức là Phi Như, cho nên Tu Bồ Đề tùy Như lai Sinh. Như Như lai Như, nhất thiết xứ và nhất thiết xứ thường không hoại không phân biệt, cho nên Tu Bồ Đề tùy Như lai sinh. Như Như lai Như không phải trụ không phải không trụ, Tu Bồ Đề Như cũng như vậy, cho nên Tu Bồ Đề tùy Như lai sinh. Như Như lai Như không chỗ chướng ngại, Nhất thiết pháp Như cũng không chỗ chướng ngại, cho nên Tu Bồ Đề tùy Như lai sinh. Lại nữa, Như lai Như và Nhất thiết pháp Như đều là Nhất Như không hai không khác. Như đó không tác, không phi Như; nếu Như đó không phi Như, cho nên Như đó không hai không khác. Cho nên Tu Bồ Đề tùy Như lai sinh. Lại nữa, Như lai Như trong Nhất thiết xứ không hoại không phân biệt, Nhất thiết pháp Như cũng không hoại không phân biệt, Như thế Như lai Như vì không thể phân biệt nên không hoại không khác, cho nên Tu Bồ Đề tùy Như lai sinh. Như Như lai Như không rời Nhất thiết pháp như, Như đó không khác các Pháp, Như đó không phi Như, nên thường mọi thời là Như đó. Tu Bồ Đề Như vì không khác Như đó, nên Như thật tùy Như mà hành cũng không có sở hành. Cho nên Tu Bồ Đề tùy Như lai sinh. Như Như lai Như phi quá khứ, phi hiện tại, phi vị lai, Nhất thiết pháp Như cũng vậy. Cho nên tu Bồ Đề tùy Như mà hành nên được gọi là tùy Như Lai sinh. Lại nữa, Như lai tức thị Như lai Như, như Như lai Như tức thị quá khứ Như, quá khứ Như tức thị Như lai Như; như Như lai Như tức thị hiện tại Như, hiện tại Như tức thị Như lai Như. Quá khứ, vị lai, hiện tại Như và Như lai Như không hai không khác. Nhất thiết pháp Như và Tu Bồ Đề Như cũng không hai không khác, cho nên Tu Bồ Đề tùy Như lai sinh. Bồ Tát Như tức thị Như khi chứng ngộ Chính giác tối thượng. Bồ Tát lấy Như đó mà chứng đắc giác ngộ tối thượng. Gọi là Như lai. Khi Phật nói về Như đó, đất rung động bằng sáu cách. Do bởi Như đó, Tu Bồ Đề tùy Như lai sinh".

(5). Các giai đoạn của tâm linh; Phật mẫu liệt kê: Dị sinh địa, Thanh văn địa, Duyên giác địa, Bồ Tát địa, Như lai địa. (Tuệ Sĩ phụ chú).

*Nói rộng ra gọi là **Tam thừa cộng thập địa** trong các giai vị tu hành của Bồ Tát Tam thừa. Nếu liệt kê đủ gồm: 1- Tánh quán địa; 2- Tánh địa nhơn; 3- Bát nhơn hay Bát nhân địa; 4- Tu Đà Hoàn; 5- Tư Đà Hàm; 6- A Na Hàm; 7- Thanh văn địa; 8- Duyên giác địa; 9- Bồ Tát địa; 10- Phật địa. **TB** chụ chú.*

(6). Như lai tạng: (S: tathāgata-garbha): Là "cái thai" nơi xuất sinh tất cả Như Lai. Mỗi chúng sinh dù mê hay ngộ đều có Như lai tạng như nhau, tức sẵn có Pháp thân, có khả năng thành Phật, khả năng Giác ngộ, vì Như lai tạng xưa nay vốn tuyệt đối thanh tịnh, thường hằng, bất biến có sẵn trong tự thể của mỗi chúng sanh. Khi bị phiền não trói buộc (triền), nó ẩn phục thì gọi là Như lai tạng "tại triền", tức ở trạng thái "mê" nên gọi chúng sanh. Nếu nó thoát khỏi những phiền não trói buộc thì gọi là Như lai tạng "xuất triền", tức ở trạng thái "ngộ" thì gống như Phật. Theo phẩm Tự thể tướng của luận Phật tính quyển 2 và chương Tự tính thanh tịnh trong Kinh Thắng Man, thì Tạng có 5 nghĩa là Tự tính, nhân, chí đắc, chân thực và bí mật.

1- Tự tính: Muôn vật đều là tự tính Như lai, đó là nói theo nghĩa tự tính, nên gọi là ***Như lai tạng****.*

2- Nhân...: Tạng này là đối cảnh do Thánh nhân tu hành Chính pháp mà sinh ra, đó là nói theo nghĩa trở thành nhân của cảnh giới, nên gọi là Chính pháp tạng, hoặc ***Pháp giới tạng****.*

3- Chí đắc: Tin tưởng tạng này có thể đạt được quả pháp thân Như lai, đó là nói theo nghĩa chí đắc(đạt được), nên gọi là ***Pháp thân tạng****.*

4- Chân thực: Tạng này vượt ra ngoài tất cả sự hư dối của thế gian, đó là nói theo nghĩa chân thực nên gọi là Xuất thế tạng, hoặc ***Xuất thế gian thượng thượng tạng****.*

5- Bí mật: Tất cả pháp nếu thuận theo tạng nầy thì được thanh tịnh, ngược lại thì trở thành ô trọc, đó là nói theo nghĩa bí mật, nên gọi là ***Tự tính thanh tịnh tạng****.*

Thích nghĩa theo Phật Quang tự điển. Thích này quan trọng trong sự hiểu biết về Như Lại Tạng trong Kinh điển Đại thừa, cần lưu ý. ***TB****./.*

---o0o---

48. PHẨM “BỒ TÁT AN TRỤ”

Phần sau Q.324 đến đầu Q.325, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phần sau phẩm “Đại Như” quyển thứ 18, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát muốn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì **nên trụ ở đâu và trụ như thế nào**?*(1)*

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát muốn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thời đối với tất cả hữu tình nên **trụ tâm bình đẳng**; đối với tất cả hữu tình nên khởi tâm đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả; đối với tất cả hữu tình nên khởi tâm cung kính, khởi tâm ngay thẳng thật thà, khởi tâm mềm mỏng, khởi tâm an lạc, khởi tâm không vướng mắc, khởi tâm làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, chẳng nên khởi tâm ngược lại đối với các tâm trên; cũng chẳng dùng các tâm chóng trái này nói với họ.

Đối với tất cả hữu tình nên **khởi tâm xem như cha mẹ, như anh em**, như con cái, như bà con, cũng dùng tâm này mà nói với họ nên khởi tâm xem như cha mẹ, anh em, bạn bè v.v… đối với tất cả hữu tình nên khởi tâm như bậc thầy dạy dỗ, bậc thầy khuôn phép, như đệ tử, như bạn đồng học, cũng dùng tâm này mà nói với họ.

Đối với tất cả hữu tình nên **khởi tâm xem như Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát,** cũng dùng tâm này mà nói với họ; đối với tất cả hữu tình nên khởi tâm xem như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cũng dùng tâm này mà nói với họ; đối với tất cả hữu tình nên khởi tâm cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen, cũng dùng tâm này mà nói với họ; đối với tất cả hữu tình nên **khởi tâm cứu giúp, thương yêu, che chở**, cũng dùng tâm này mà nói với họ; đối với tất cả hữu tình nên **khởi tâm rốt ráo không, vô sở hữu, chẳng thể nắm bắt được,** cũng dùng tâm này mà nói với họ; đối với tất cả hữu tình nên **khởi tâm không, vô tướng, vô nguyện**, cũng dùng tâm này mà nói với họ.

Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát muốn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì dùng vô sở đắc làm phương tiện. Nên an trụ như vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát muốn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì nên tự **xa lìa ba nghiệp của thân là sát, đạo, dâm**; cũng khuyên người khác xa lìa giết hại, trộm cắp và dâm dục; hoan hỷ khen ngợi người xa lìa giết hại, trộm cắp và dâm dục.

Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát muốn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì nên tự mình **xa lìa bốn nghiệp khẩu:** nói lời hư dối, nói lời thô ác, nói lời chia rẽ, nói lời hỗn tạp, cũng khuyên người khác xa lìa bốn nghiệp khẩu, chính thức tuyên dương pháp xa lìa bốn nghiệp khẩu.

Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát muốn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì nên tự mình **xa lìa ba nghiệp của ý là tham, sân, si;** cũng khuyên người xa lìa tham sân si, thường xuyên chính thức tuyên dương pháp xa lìa tham, sân, si.

Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát muốn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thời nên tự mình tu tứ thiền, cũng khuyên người khác tu tứ thiền, thường xuyên tuyên dương, hoan hỷ khen ngợi người tu bốn thiền. Nếu đại Bồ Tát muốn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì nên tự mình tu bốn vô lượng cũng khuyên người khác tu tứ vô lượng, thường xuyên chính thức tuyên dương và đồng thời hoan hỷ khen ngợi người tu bốn vô lượng. Nếu đại Bồ Tát muốn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì nên tự mình tu bốn định vô sắc, thường xuyên chính thức tuyên dương và hoan hỷ khen ngợi người tu các định này.

Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát muốn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì nên tự viên mãn sáu pháp Ba la mật; nên tự an trụ thập bát chủng không, nên tự an trụ thập nhị chơn như, nên tự tu tứ Thánh đế, tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ; nên tự tu tam giải thoát môn; nên tự viên mãn thập vị Bồ Tát; nên tự viên mãn năm loại mắt, sáu phép thần thông; nên tự viên mãn pháp môn Tam ma địa, Đà la ni; nên tự viên mãn Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng; nên

tự nhập địa vị Chánh tánh ly sanh của Bồ Tát; nên tự khởi Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; nên tự đoạn tất cả tập khí phiền não tương tục; nên tự khởi pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả hay nói rộng ra **tu tất cả pháp Phật**, **cũng khuyên người khác tu tất cả pháp Phật**, thường xuyên chính thức tuyên dương, hoan hỷ khen ngợi người tu tất cả pháp Phật và nhiếp hộ khiến chánh pháp tồn tại mãi với thời gian.

Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát muốn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên an trụ như vậy.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nên học phương tiện thiện xảo của Bát Nhã sâu xa như thế; nếu học như vậy thì mới có khả năng an trụ pháp an trụ; nếu học như vậy, an trụ như vậy, thì đối với **sắc** không bị chướng ngại, đối với thọ, tưởng, hành, thức không bị chướng ngại; đối với mười hai xứ, mười tám giới không bị chướng ngại; đối với vô minh không bị chướng ngại, đối với hành, thức, danh, sắc, lục xứ, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử không bị chướng ngai; đối với thập thiện đạo không bị chướng ngại; đối với bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc không bị chướng ngại; đối với sáu Ba la mật không bị chướng ngại; đối với mười tám pháp Không hay thập nhị chơn như không bị chướng ngại; đối với ba mươi bảy pháp trợ đạo, bốn Thánh đế, tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ không bị chướng ngại; đối với tam giải thoát môn không, vô tướng, vô nguyện không bị chướng ngại v.v... Nói chung, đối với tất cả pháp Phật không bị chướng ngại; **đối với việc đoạn diệt tất cả tập khí phiền não tương tục không bị chướng ngại; đối với tuổi thọ viên mãn không bị chướng ngại; đối với việc chuyển pháp luân không bị chướng ngại; đối với sự tồn tại của chánh pháp không bị chướng ngại.** Vì sao?

Này Thiện Hiện! Vì đại Bồ Tát ấy từ đời trước đến nay chẳng nhiếp thọ sắc, chẳng nhiếp thọ thọ, tưởng, hành, thức; chẳng nhiếp thọ mười hai xứ, mười tám giới, chẳng nhiếp thọ tất cả pháp Phật từ bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, bốn Thánh đế, mười hai duyên khởi, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao?

Này Thiện Hiện! Vì sắc chẳng thể nhiếp thụ, nếu sắc chẳng thể nhiếp thụ thì chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức, nếu thọ, tưởng,

hành, thức chẳng thể nhiếp thụ thì chẳng phải là thọ, tưởng, hành, thức; nói rộng ra tất cả pháp Phật chẳng thể nhiếp thụ, nếu tất cả pháp Phật chẳng thể nhiếp thụ thì chẳng phải là tất cả pháp Phật.

Này Thiện Hiện! Tuổi thọ viên mãn chẳng thể nhiếp thọ, nếu tuổi thọ viên mãn chẳng thể nhiếp thọ thì chẳng phải là tuổi thọ viên mãn. Chuyển pháp luân chẳng thể nhiếp thọ, nếu chuyển pháp luân chẳng thể nhiếp thọ thì chẳng phải là chuyển pháp luân. Chánh pháp tồn tại chẳng thể nhiếp thọ, nếu chánh pháp tồn tại chẳng thể nhiếp thọ thì chẳng phải là chánh pháp tồn tại.

Khi nói phẩm Bồ Tát an trụ ấy, có một vạn hai ngàn đại Bồ Tát đắc vô sanh pháp nhẫn.

Thích nghĩa:

(1). Trụ trong nghĩa trụ xứ là chỗ đứng, chỗ ở, chỗ ngụ… trong nghĩa đen của nó; nghĩa bóng là sở ngộ, sở đắc hay là quan điểm, lãnh vực hoạt dụng của tâm linh.

Thiền sư D.T. Suzuki trong Luận III (Thiền luận, quyển hạ), trong mục "Trụ Xứ của Bồ Tát ", đứng trên quan điểm thiền, luận giải về "trụ xứ" như sau: "Đương nhiên là câu hỏi "Ở đâu?" Có khi được diễn tả trong những hạn từ liên quan đến chỗ ngụ của Thiền sư. Trong trường hợp này, người hỏi thường là một vị Tăng muốn biết đâu là những đặc sắc *(cảnh)* của Tăng viện, nơi Thiền sư đang ngụ. Hán ngữ, cảnh, ngoài nghĩa "phong cảnh", hay "quan điểm", "nền tảng", "cứ địa", "giới hạn" hay "lãnh vực", thường được dùng tương đương với chữ "gocara" hay "visaya" trong tiếng Phạn. Visaya là "môi trường", lãnh vực "khu vực", "địa vực", trụ xứ còn gocara là "đồng cỏ chăn thú", "môi trường hành động", "nơi cư ngự", "trụ xứ". Khi nó mang một ý nghĩa chủ quan, như ở trong văn học Phật giáo, nó là một thái độ tâm linh hay tâm thần đặc sắc chung mà người ta dùng để đối trị tất cả những kích thích. Nhưng nói một cách nghiêm xác, các Phật tử Thiền tông không gọi "gocara" hay "cảnh" chỉ là một thái độ hay là một xu hướng của tâm; **mà coi nó như một thành phần cốt yếu hơn thiết lập căn cơ đích thực cho thể tánh của mình, nghĩa là, một môi trường mà ở đó, người ta, trong ý nghĩa uyên áo nhất, sống và vận động và có lý do hiện hữu của mình.** Môi trường đó, chính yếu, được xác định bởi chiều sâu và độ sáng của những trực giác tâm linh của y.

"Cảnh Tăng viện của bạn ra sao", do đó, có nghĩa là "Sở ngộ của bạn về chân lý cứu cánh của Phật pháp là gì"? Trong khi những câu hỏi như "Từ đâu", "Ở đâu" hay "Về đâu" được đặt ra cho một thầy Tăng tầm sư phỏng đạo, thì những câu hỏi nhắc đến chỗ ngụ, chỗ ở, khía cạnh hay phong cảnh, được đặt ra cho một bậc Thầy không thấy cần vân du tìm nơi an nghỉ cuối cùng nữa. Do đó, cả hai loại câu hỏi này, trên thực tế đều như nhau.

Thương Khê Liên được hỏi về phong cảnh Thương Khê, Sư đáp: "Con nước trước mặt chảy về Đông", 面前水正東流 (Diện tiền thủy chánh đông lưu). Minh ở tương Đàm, đáp: "Núi liền Đại nhạc, nước tiếp Tiêu tương", 山連大嶽水接瀟湘 (Sơn liên Đại nhạc, thủy tiếp Tiêu tương). Thái Khâm ở Kim lăng, khi ngụ tại Song lâm, trả lời như vầy: "Không vẽ nổi".

Mong rằng với lối giải thích này, các thiện hữu nắm vững "thế nào là trụ xứ". Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này trong phần thứ III Tổng luận.

Sơ giải:

Phẩm này tuy ngắn nhưng giáo lý lại rất thâm: "Không trụ là trụ, không đắc mới đắc". Toàn bộ Đại Bát Nhã lặp đi lặp lại giáo lý này nhiều lần:

Bồ Tát đối với hữu tình khởi tâm như cha mẹ, anh em, bà con, thân hữu...; đối với tất cả hữu tình nên khởi tâm như bậc Thầy dạy dỗ, bậc Thầy khuôn phép, như đệ tử, như bạn đồng học...; đối với hữu tình khởi tâm cứu giúp, thương yêu, che chở...; đối với tất cả hữu tình nên trụ tâm bình đẳng; đối với tất cả hữu tình nên khởi tâm đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả... Nếu đại Bồ Tát muốn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nên dùng vô sở đắc làm phương tiện, nên an trụ như vậy.

Bồ Tát muốn chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì phải tu thập thiện; tu tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ định vô sắc; viên mãn lục Ba la mật; an trụ mười tám pháp không, an trụ chơn như, pháp giới, pháp tánh..., hay tu tứ Thánh đế, thập nhị nhân duyên, ba mươi bảy pháp trợ đạo; tu thập địa Bồ Tát; tự nhập địa vị của Bồ Tát Chánh tánh ly sanh; tự khởi Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí hay nói rộng ra là tu tất cả các pháp Phật để tự đoạn trừ tập khí phiền não tương tục. Nếu

đại Bồ Tát muốn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì phải lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên an trụ như vậy.

*Đại Bồ Tát nên học phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế; mới có khả năng an trụ pháp an trụ; nếu học như vậy, an trụ như vậy, thì đối với **sắc** không bị chướng ngại, đối với thọ, tưởng, hành, thức không bị chướng ngại; đối với mười hai xứ, mười tám giới hay nói rộng ra đối với tất cả pháp Phật không bị chướng ngại. Vì sao?*

*Vì đại Bồ Tát ấy từ trước đến nay **chẳng nhiếp thọ sắc,** chẳng nhiếp thọ thọ, tưởng, hành, thức; chẳng nhiếp thọ mười hai xứ, mười tám giới, chẳng nhiếp thọ tất cả pháp Phật từ bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, bốn Thánh đế, mười hai duyên khởi, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao?*

Vì sắc chẳng thể nhiếp thọ, nếu sắc chẳng thể nhiếp thọ thì chẳng phải là sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nhiếp thọ, nếu thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nhiếp thọ thì chẳng phải là thọ, tưởng, hành, thức; nói rộng ra tất cả pháp Phật chẳng thể nhiếp thọ, nếu tất cả pháp Phật chẳng thể nhiếp thọ thì chẳng phải là tất cả pháp Phật.

*Tại sao không thể nhiếp thọ các pháp? **Phẩm "Vô Trụ", Q.37, Hội thứ I, ĐBN nói**:*

"Sắc chẳng nên nhiếp thọ. Sắc chẳng nên nhiếp thọ, bèn chẳng phải sắc. Thọ tưởng hành thức chẳng nên nhiếp thọ, bèn chẳng phải thọ tưởng hành thức. Vì sao? **Vì bản tánh không** vậy. Cho đến tất cả Đà la ni môn chẳng nên nhiếp thọ, tất cả Tam ma địa môn chẳng nên nhiếp thọ. Đà la ni môn chẳng nên nhiếp thọ, bèn chẳng phải Đà la ni môn; Tam ma địa môn chẳng nên nhiếp thọ, bèn chẳng phải Tam ma địa môn. Vì sao? Vì bản tánh không vậy. Chỗ nhiếp thọ tu hành viên mãn là Bát nhã Ba la mật, cũng chẳng nên nhiếp thọ. Bát nhã Ba la mật đã chẳng nên nhiếp thọ, bèn chẳng phải Bát nhã Ba la mật. Vì sao? **Vì bản tánh không** vậy. Như vậy, khi tu hành Bát Nhã, Bồ Tát Ma ha tát nên **đem bản tánh không mà quán tất cả pháp. Khi khởi lên quán này, tâm đối tất cả pháp sẽ không có sở hành**".

Có nhiếp thọ là có tạo tác, có tùy thuộc, tức có hành nên nói là bị trói buộc. Một khi bị trói thì không còn tự do trong tư tưởng hay hành động.

Vì vậy, ***Thiền sư D.T. Suzuki trong Thiền luận III viết rằng:***

"Cho nên, các nhà Đại thừa là những người tùy thuận chân lý Tánh Không, trụ trong Bát nhã, từ chối không tìm gốc rễ của mình trong Sắc, Thọ, Tưởng, Hành và Thức, cũng không tìm trong thế giới Hữu vi hay Vô vi. Trụ xứ đó được gọi là trụ xứ vô sở trụ. **Vì lý do này, trụ trong Bát nhã, theo bất cứ ý nghĩa nào khác, đều trụ nơi chấp thủ, và cái đó phải tránh nếu người ta muốn tự mình tác chủ.** Khi có trụ điểm cố định, ở đâu đó, dù ở trong Bát Nhã, đấy là một kết quả nó trói buộc chúng ta, và chúng ta không còn độc lập trong tri thức, đạo đức hay tâm linh. **Bát nhã Ba la mật như thế dạy chúng ta quét sạch mọi trụ điểm cố định có thể có, hay quét sạch mọi vọng tưởng**. Khi đạt được thế giới không còn những vọng tưởng, đấy là vô trụ xứ hay trụ trong Tánh Không. Phật hay Bồ Tát nói ra giáo pháp của mình từ chỗ vô trụ xứ đó; cho nên, trong đó, không có người thuyết, không có pháp được thuyết cũng không có người nghe thuyết".

Phẩm "Biện Đại Thừa", Q.54, Hội thứ I, ĐBN. *Phật bảo:*

"Lại nữa, Thiện Hiện! Ngươi hỏi Đại thừa như vậy là trụ chỗ nào? Thiện Hiện! Đại thừa như vậy đều không có chỗ trụ. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không có chỗ trụ. Vì sao? Vì chỗ trụ của các pháp bất khả đắc vậy. Thiện Hiện! Nhưng Đại thừa đây trụ vô sở trụ!"

Bồ Tát tuy tu tất cả pháp nhưng lấy vô sở đắc làm phương tiện, có nghĩa là tu tất cả pháp nhưng chẳng trụ ở bất cứ pháp nào. Tuy không trụ ở bất cứ pháp nào nhưng Bồ Tát vẫn có khả năng hoàn thành sự nghiệp. Không trụ tất cả chỗ là trụ vô sở trụ. Trụ vô sở trụ đây mới được coi là chân trụ! Lục Tổ do thấu hiểu giáo pháp "ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" mà đại ngộ và được ngũ tổ Hoằng Nhẫn trao chiếc áo pháp nối tiếp dòng thiền Tây Thiên truyền thừa từ đức Thích Ca Mâu Ni.

Kết kuận:

Chỗ an trụ của Bồ Tát không ngoài tất cả pháp Phật và chúng sanh. Nếu không có chúng sanh, không pháp Phật cũng không có Bồ Tát. Bồ Tát

không lìa chúng sanh, Bồ Tát với chúng sanh là một. Bồ Tát cũng không lìa tất cả pháp Phật, pháp Phật cùng Bồ Tát không hai không khác.

Nhưng nếu Bồ Tát nhiếp thủ, chấp chặt tất cả pháp một cách triệt để thì cũng dễ sanh ra thủ tâm chấp tướng và do đó không tránh khỏi trở ngại cho sự an trụ.

***Phẩm "Nhiếp Thọ" Q.101, Hội thứ I, ĐBN**. Nói:*

"Đại Bồ Tát khi an trụ pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, định pháp, trụ pháp, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì nếu nghĩ: Ta có khả năng an trụ pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì thì đại Bồ Tát ấy vì bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiễu loạn sự an trụ pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng Nhất thiết trí".

Nếu khởi tâm tự cao, nên không có khả năng hồi hướng Nhất thiết trí trí làm sao chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao mà nói cứu rỗi chúng sanh. Vì vậy, Kinh luôn nhắc nhở là không nên chấp thủ pháp dù chấp thủ bất cứ dưới hình thức nào, phải lấy vô sở đắc làm phương tiện mà an trụ. Hành Bát Nhã là hành vô biên cảnh, trụ Bát nhã như hư không mà trụ. Hành và trụ như thế mới gọi là chân trụ./.

---o0o---

49. PHẨM “BẤT THỐI CHUYỂN”*(1)*

Phần sau Q.325 đến hết Q.327, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm “Bất Thối Chuyển”, quyển thứ 18, Kinh MHBNBLMĐ)

Gợi ý:

Thông thường, vì một lý do nào đó làm thối thất đạo Bồ đề thì gọi là thối chuyển. Nhưng nếu nguyên nhân đó dù trắc trở, gian nan cách mấy cũng không thể lung lạc, không làm cho Bồ Tát thay lòng đổi dạ thì Bồ Tát ấy được gọi là bất thối chuyển. Đó là lối suy nghĩ cũng như cách diễn đạt của người hiện đại. Nhưng Kinh MHBNBLMĐ quyển thứ 18, phẩm “Bất Thối Chuyển”, Tu Bồ Đề lại hỏi Phật:

- “Bạch đức Thế Tôn! Vì bất chuyển mà gọi là bất thối chuyển hay là vì chuyển mà gọi là bất thối chuyển?

- Nầy Tu Bồ Đề! **Vì bất chuyển, vì chuyển cũng gọi là bất thối chuyển**”.

Bồ Tát phát tâm hướng đến giác ngộ: Trong suốt quá trình tu tập trải qua biết bao gian nan thử thách mà không sa ngã, không chùn bước thối lui trước mọi trở lực mọi thử thách thì gọi là Bất thối chuyển. Nhưng Kinh lại nói **“vì bất chuyển, vì chuyển” cũng gọi là bất thối chuyển**. *Như các bậc Thanh văn hay Độc giác thay vì chứng thật tế rồi vào Niết bàn, lại vì phát nguyện rộng lớn tu hành đến Vô thượng Bồ đề để cứu độ chúng sanh thì Kinh nói “vì chuyển” mà thành Bồ Tát bất thối chuyển. Chuyển là chuyển cái tâm ích kỷ hạn hẹp để trở thành tâm quảng đại. Đây là chuyển “xấu” thành “tốt”, Kinh cũng gọi là bất thối chuyển.*

Thông thường mà nói không sa ngã thối lui thì gọi là bất thối chuyển. Vậy, khi đọc nguyên văn phẩm này cẩn thận, đừng để nhầm lẫn.

Nên biết lìa mê tức ngộ, lìa phiền não tức Bồ đề... Trong một tâm có mê lẫn ngộ (mê, ngộ đồng nguồn, triền phược giải thoát không hai). Chỉ cần lìa mê tức ngộ. Giống trong một lu nước đục, lấy phèn bỏ vào khuấy(quậy) lên rồi để lắng xuống, tức có nước trong. Vậy, không phải trong lu có hai thứ nước, mà chỉ có một thứ: Nước trong tức nước đục, nước đục tức nước trong. Chả có gì là chuyển hay bất chuyển ở đây.

"Chuyển" hay "bất chuyển" là pháp tương đãi. Đó là nói theo Tục đế trong thắng nghĩa không có nghĩa này.

Danh từ "Bất thối chuyển", trong phẩm này là chỉ cho danh xưng của Bồ Tát ở địa vị thứ bảy trong Thập tâm trụ của hàng Bồ Tát không còn thối lui nữa.

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa với Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Bất thối chuyển có hành nào, có trạng nào, có tướng nào mà chúng con có thể biết đấy là đại Bồ Tát Bất thối chuyển?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát có khả năng như thật biết các bậc dị sanh, các bậc Thanh văn, các bậc Độc giác, các bậc Bồ Tát, các bậc Như Lai. Các bậc như thế các thuyết có khác, mà đối trong các **pháp như** không khác, không phân biệt, đều không hai không hai phần. Bồ Tát này tuy thật ngộ vào các pháp như, mà đối (chơn) như không sở phân biệt, vì đem vô sở đắc làm phương tiện vậy. Bồ Tát này đã thật ngộ vào các pháp như, tuy nghe như cùng tất cả pháp không hai không riêng mà không trệ ngại. Vì sao? Vì pháp như chẳng thể nói một, chẳng thể nói khác, chẳng thể nói đồng hay chẳng đồng vậy. Pháp giới cho đến bất tư nghì giới cũng lại như thế. Bồ Tát này trọn chẳng vội vã mà thốt ra lời, những lời nói ra đều dẫn nghĩa lợi, nếu không nghĩa lợi trọn chẳng phát lời. Bồ Tát này trọn chẳng xem tốt xấu hay dở của kẻ khác, bình đẳng thương xót mà vì thuyết pháp. Bồ Tát này chẳng xem chủng tánh tốt xấu của Pháp sư, chỉ cầu pháp sở thuyết nhiệm mầu mà thôi.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát Bất thối chuyển đủ các hành trạng tướng như thế v.v…, nên do các hành trạng tướng này mà biết là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Bấy giờ, Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Lại do hành nào, trạng nào, tướng nào mà biết đấy là đại Bồ Tát Bất thối chuyển?

Phật nói :

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào có thể quán tất cả pháp vô hành vô trạng vô tướng, phải biết đấy là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Nếu tất cả pháp vô hành vô trạng vô tướng, đại Bồ Tát này đối pháp nào chuyển nên gọi Bất thối chuyển?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này đối sắc chuyển nên gọi Bất thối chuyển, đối thọ tưởng hành thức chuyển nên gọi Bất thối chuyển*(2)*. Đối 12 xứ cho đến 18 giới chuyển nên gọi Bất thối chuyển. Đối nhãn xúc chuyển nên gọi Bất thối chuyển, đối nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc chuyển nên gọi Bất thối chuyển. Đối nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ chuyển nên gọi Bất thối chuyển. Đối nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ chuyển nên gọi Bất thối chuyển. Đối bố thí Ba la mật chuyển nên gọi Bất thối chuyển. Đối tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát Nhã chuyển nên gọi Bất thối chuyển. Đối nội không chuyển nên gọi Bất thối chuyển, đối ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không chuyển nên gọi Bất thối chuyển. Đối chơn như chuyển nên gọi Bất thối chuyển, đối pháp giới cho đến bất tư nghì giới chuyển nên gọi Bất thối chuyển. Nói rộng ra, đối với tất cả pháp Phật từ tứ Thánh đế cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chuyển nên gọi là bất thối chuyển. Vì sao?

Thiện Hiện! Tự tánh sắc vô sở hữu, tự tánh thọ tưởng hành thức vô sở hữu. Như vậy, cho đến tự tánh chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề vô sở hữu. **Đại Bồ Tát này đối trong chẳng trụ, nên gọi là chuyển**. Do chẳng chuyển nên gọi danh Bồ Tát Bất thối chuyển. Nếu đại Bồ Tát có khả năng biết như thế, đấy gọi Bồ Tát Bất thối chuyển.

Thiện Hiện! Tất cả đại Bồ Tát Bất thối chuyển quyết không ưa xem hình tướng, nói năng của ngoại đạo, Sa môn, Bà la môn v.v... Vì các Sa môn, Bà la môn kia v.v… đối pháp sở tri như thật biết thật thấy, hoặc có thể thi thiết chánh kiến, quyết định không có lẽ ấy. Nếu Bồ Tát trọn nên các hành động tướng trạng như thế, nên biết đấy là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Đối với pháp Tỳ nại gia*(3)* mà Phật đã dạy, phát sanh tin hiểu, không nghi hoặc, không chấp đắm các giới cấm thủ, chẳng rơi vào tà kiến, chẳng chấp đắm các điềm tốt xấu của thế tục, không bao giờ lễ bái, cúng dường các thiên thần, ngoại đạo như người thế gian. Nếu thành tựu các hành, trạng, tướng mạo như thế, thì nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Đại Bồ Tát ở địa vị bất thối chuyển, chẳng sanh vào địa ngục, bàng sanh, quỷ giới, cũng chẳng sanh vào dòng hạ tiện, cũng chẳng bao giờ thọ sanh bán nam bán nữ hay thân nữ, cũng chẳng bao giờ thọ thân bị đui, mù, câm, điếc, ngọng nghịu, tay chân co quắp, hủi lác v.v…

Nếu đại Bồ Tát ở địa vị bất thối chuyển thì thường ưa thọ trì mười thiện nghiệp đạo, tự xa lìa việc giết hại, cũng khuyên người khác xa lìa việc giết hại, tự xa lìa việc không cho mà thích lấy, tự xa lìa dâm dục, tà hạnh, tự xa lìa hư dối, tự xa lìa nói lời chia rẽ; tự xa lìa lời nói hỗn tạp, tự xa lìa tham, xa lìa sân, si. Đại Bồ Tát ở địa vị bất thối chuyển không những tự mình xa lìa mà còn khuyên người khác xa lìa, tuyên dương pháp xa lìa, hoan hỷ khen ngợi người xa lìa các tội lỗi xấu ác nói trên. Nếu thành tựu các hành, trạng, tướng mạo như thế, thì nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Đại Bồ Tát ở địa vị bất thối chuyển vì làm lợi ích cho tất cả hữu tình mà luôn tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Lúc nào cũng thọ trì, tư duy, đọc tụng, thông lợi mười hai bộ Kinh. Đem những pháp nầy **làm pháp thí cho các hữu tình**, rồi đồng hồi hướng công đức đến quả vị Vô thượng Bồ đề. Nếu thành tựu các hành, trạng, tướng mạo như vậy, thì nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Đại Bồ Tát ở địa vị bất thối chuyển thường thành tựu nhuần nhuyễn nghiệp thân, ngữ, ý dễ thương, dễ mến, đối với các hữu tình tâm không vướng mắc. Thường xuyên thành tựu từ, bi, hỷ, xả v.v... khởi nghiệp thân, khẩu, ý tương ưng. Nếu thành tựu các hành, trạng, tướng mạo như thế, thì nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Đại Bồ Tát ở địa vị bất thối chuyển quyết định không chung cùng với ngũ cái tham dục, sân nhuế, hôn trầm, thùy miên, trạo cử ác tác, nghi. Vì Bồ Tát nầy đối với tất cả thùy miên đều đã phá hết; tất cả sự trói buộc của tùy phiền não cũng vĩnh viễn chẳng thể khởi được. Nếu thành tựu các hành, trạng, tướng mạo như thế, thì nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Đồ dùng như giường chiếu, y phục của các vị nầy luôn luôn thơm sạch, không có mồ hôi cáu bẩn, không có các loại chí rận v.v… tâm ưa thanh cao, thân không tật bệnh. Nếu thành tựu các hành, trạng, tướng mạo như thế, thì nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Đại Bồ Tát ở địa vị bất thối chuyển thì thân tâm thanh tịnh, chẳng phải như thân của người thường luôn bị tám vạn bốn ngàn hộ trùng gây hại. Vì sao? Vì các Bồ Tát ấy, thiện căn tăng trưởng, vượt khỏi thế gian, thọ thân hình trong ngoài thanh tịnh, nên không có các loại trùng gây hại thân thể. Thiện căn như thế, dần dần tăng trưởng, và cứ như vậy, thân tâm càng thanh tịnh. Do nhân duyên này, các Bồ Tát ấy, thân tâm kiên cố, giống như kim cương, chẳng bị nghịch duyên xâm phạm não hại. Nếu thành tựu các hành, trạng, tướng mạo như thế, thì nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Đại Bồ Tát ở địa vị bất thối chuyển chẳng xem trọng lợi dưỡng, chẳng màng danh dự; đối với các thức ăn, nước uống, y phục, đồ nằm, phòng xá, của cải đều chẳng tham luyến. Tuy thọ mười hai công đức đầu đà nhưng hoàn toàn không ỷ lại. Nếu thành tựu các hành, trạng, tướng mạo như thế, thì nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Đại Bồ Tát ở địa vị bất thối chuyển thường tu bố thí, tâm xan tham rốt ráo chẳng khởi; thường tu tịnh giới, tâm phạm giới rốt ráo chẳng xuất; thường tu an nhẫn, tâm sân giận rốt ráo chẳng hiện; thường tu tinh tấn, tâm giải đãi rốt ráo chẳng phát; thường tu tịnh lự, tâm tán loạn rốt ráo chẳng sanh; thường tu Bát Nhã; tâm ngu si rốt ráo chẳng lộ. Do đó, các tâm ganh ghét, dua nịnh, dối trá, kiêu căn, phóng túng… cũng vĩnh viễn chẳng thể xăm nhập được. Nếu thành tựu các hành, trạng, tướng mạo như thế, thì nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Đại Bồ Tát ở địa vị bất thối chuyển tuệ giác kiên cố, có khả năng ngộ nhập sâu xa chánh pháp, tùy theo pháp thế gian và xuất thế đã nghe, đều có khả năng dùng phương tiện hội nhập nghĩa thú Bát nhã Ba la mật. Nếu thành tựu các hành, trạng, tướng mạo như thế, thì nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

(Tất cả tư tưởng trên đều là chánh kiến, chánh tư duy, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đó cũng là chánh hạnh của Bồ Tát bất thối chuyển. Những phát biểu trên được xem như những tiêu biểu của Bồ Tát bất thối chuyển. Đó cũng là kỹ luật tu hành của Bồ Tát đạo hay Bồ Tát hạnh).

Đại Bồ Tát, nếu ác ma hóa làm tám đại Địa ngục*(4)*, trong đó có ngàn ức vạn Bồ Tát đang bị đốt nấu thống khổ. Ác ma bảo đại Bồ Tát nầy rằng: Những người trong Địa ngục đây toàn là bậc Bất thối chuyển Bồ Tát được đức Phật thọ ký mà đọa vào đây, nếu Ngài được đức Phật thọ ký bậc bất thối chuyển cũng sẽ đọa vào đại Địa ngục nầy. Chi bằng Ngài xả bỏ tâm Bồ Tát thì chẳng bị đọa Địa ngục mà sẽ được sanh lên cõi Trời. Dù thấy nghe như vậy, Bồ Tát nầy vẫn chẳng động tâm, chẳng nghi, chẳng sợ, chẳng thối chí. Dù cho ác ma trấn áp, dẫn dụ, khuynh đảo bằng cách nầy hay cách khác, Bồ Tát ấy không bị lung lạc, suy thối. Nếu thành tựu các hành, trạng, tướng mạo như thế, thì nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

***(Không sa ngã trước những cám dỗ của dục vọng,
hay lo âu, sợ hãi)***

Đại Bồ Tát ở địa vị bất thối chuyển thường hành Bát Nhã, luôn luôn nghĩ: Nếu đại Bồ Tát theo lời Phật dạy, tinh cần tu học thường chẳng xa lìa diệu hạnh đã nhiếp thọ là bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; thường chẳng xa lìa tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí; thường dùng phương tiện khuyên các hữu tình tinh cần tu học sáu Ba la mật. Đại Bồ Tát ấy quyết định chẳng từ bỏ sáu Ba la mật; chẳng từ bỏ mười tám pháp không; chẳng từ bỏ chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì; chẳng từ bỏ ba mươi bảy pháp trợ đạo; chẳng từ bỏ bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; chẳng từ bỏ bốn tịnh lự, chẳng từ bỏ bốn vô lượng, bốn định vô sắc; chẳng từ bỏ tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ; chẳng từ bỏ pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; chẳng từ bỏ Bồ Tát thập địa; chẳng từ bỏ năm loại mắt, sáu phép thần thông; chẳng từ bỏ pháp môn Tam ma địa, pháp môn Đà la ni; chẳng từ bỏ Phật mười lực, chẳng từ bỏ bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng từ bỏ pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; chẳng từ bỏ Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; chẳng từ bỏ quả vị Giác ngộ tối cao. Nếu thành tựu

các hành, trạng, tướng mạo như thế, thì nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

(Luôn luôn hành chánh đạo)

Đại Bồ Tát ở địa vị bất thối chuyển thường hành Bát Nhã, luôn luôn nghĩ: Nếu đại Bồ Tát hiểu biết việc ma, chẳng theo việc ma; hiểu biết bạn ác, chẳng nghe lời bạn ác; hiểu biết cảnh giới, chẳng chuyển theo cảnh giới; đại Bồ Tát ấy quyết định chẳng từ bỏ bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; chẳng từ bỏ 18 pháp không; chẳng từ bỏ chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác v.v… cho đến chẳng từ bỏ quả vị Giác ngộ tối cao. Nếu thành tựu các hành, trạng, tướng mạo như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Đại Bồ Tát ở địa vị bất thối chuyển khi nghe pháp yếu mà chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã nói, thâm tâm hoan hỷ, cung kính tín thọ, khéo hiểu nghĩa thú; **tâm họ kiên cố như kim cương chẳng thể lay chuyển, chẳng thể lung lạc**, thường siêng tu học sáu pháp Ba la mật, cũng khuyên các hữu tình tinh cần tu học sáu pháp Ba la mật. Nếu thành tựu các hành, trạng, tướng mạo như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

(Luôn luôn thúc liễm thân tâm, tự mình làm ông chủ cuộc đời mình)

Đại Bồ Tát ấy dùng tự tướng không, quán tất cả pháp, đã nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh cho đến chẳng tưởng, chẳng thấy, chẳng tin một pháp nhỏ nhặt nào có thể nắm bắt được, nếu không nắm bắt nên không tạo tác, vì không tạo tác, nên rốt ráo chẳng sanh, vì rốt ráo chẳng sanh, nên gọi là Vô sanh pháp nhẫn. Do chứng đắc Vô sanh pháp nhẫn như thế, nên gọi là Bồ Tát bất thối chuyển. Nếu thành tựu các hành, trạng, tướng, mạo như thế, thì nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển. *(Q. 327, ĐBN)*

Nói tóm lại là luôn luôn tu hành theo chánh pháp.

Thích nghĩa:

*(1). Bất thối chuyển: (Phạm: avinivartanìya). Dịch âm: A duy việt trí, A bệ bạt trí, Bất thối chuyển nghĩa là không sa ngã, không lùi bước trước mọi trở lực hay cám dỗ. Bồ Tát bất thối: Kinh Đại Bát Nhã Q.449 nói, vào ngôi Kiến đạo được vô sinh pháp nhẫn, thì không còn rơi vào bậc Nhị thừa, nên được gọi là bất thoái. Còn đứng về phương diện giai vị, trong 52 giai vị Bồ Tát (Thập tín vị, Thập trụ vị, Thập hạnh vị, Thập hồi hướng vị, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác) thì trong Thập trụ vị gồm có: Thập tâm trụ: 1- Phát tâm trụ, 2- Trị địa (tâm) trụ, 3- Tu hành (tâm) trụ, 4- Sinh quí (tâm) trụ, 5- Phương tiện (tâm) trụ, 6- Chính tâm trụ, 7- **Bất thoái (tâm) trụ**, 8- Đồng chân (tâm) trụ, 9- Pháp vương tử (tâm) trụ và 10- Quán đính (tâm) trụ. Ở giai vị thứ bảy: Bất thoái (tâm) trụ nầy, Bồ Tát không còn thoái chuyển nữa nên gọi là Bất thoái chuyển Bồ Tát.*

(2). ***Nguyên văn chữ Hán trong Hoavouu. com dịch là:***

"佛Phật 言ngôn 善thiện 現hiện 。是thị 菩Bồ 薩Tát 摩Ma 訶Ha 薩Tát 。於ư 色sắc 轉chuyển 故cố 名danh 不bất 退thối 轉chuyển 。於ư 受thọ 。想tưởng 。行hành 。識thức 轉chuyển 故cố 名danh 不bất 退thối 轉chuyển."

Nguyên văn đoạn Kinh bằng chữ Hán này của hovouu.com được HT Thích Trí Nghiêm dịch trong tuvienquangduc.com, như sau:

Phật bảo: "Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này đối sắc chuyển nên gọi Bất thối chuyển, đối thọ tưởng hành thức chuyển nên gọi Bất thối chuyển".

- Bản dịch đã nhuận văn của tuvienhoasen.org và quangduc.com: *Cũng dịch như trên.*

Cả ba bản dịch trên không có gì sai khác. Chỗ làm thắc mắc là câu trả lời của Phật: "Đại Bồ Tát này đối với sắc chuyển nên gọi Bất thối chuyển; đối với thọ, tưởng, hành, thức chuyển nên gọi Bất thối chuyển".

Thông thường nói đối với sắc bị lôi cuốn, sa ngã thì gọi là thối chuyển, chứ không phải là bất thối chuyển. Nhưng nếu dịch "đối với sắc chuyển nên gọi là bất thối chuyển" ("於ư 色sắc 轉chuyển 故cố 名danh 不bất 退thối 轉chuyển") *trở thành khó hiểu. Đó là điểm làm chúng ta thắc mắc. Từ chuyển ở đây tùy theo điều kiện hay tình trạng tốt hay xấu mà trở thành thối chuyển hay bất thối chuyển! Hội thứ I dịch như vậy và các Hội kế tiếp cũng dịch như vậy, nên chúng tôi cũng ghi lại như vậy.*

Cuối đoạn Kinh này, nói: “Nói rộng ra, đối với tất cả pháp Phật từ tứ đế cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chuyển nên gọi là bất thối chuyển *(chuyển tốt)*. Vì sao?

Thiện Hiện! Tự tánh sắc vô sở hữu, tự tánh thọ tưởng hành thức vô sở hữu. Như vậy, cho đến tự tánh chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề vô sở hữu. **Đại Bồ Tát này đối trong chẳng trụ, nên gọi là chuyển. Do chẳng chuyển nên gọi danh Bồ Tát Bất thối chuyển. Nếu đại Bồ Tát có khả năng biết như thế, đấy gọi Bồ Tát Bất thối chuyển”**. *Đối với tất cả pháp mà chẳng trụ, nên gọi là chuyển. Phật lại bảo:* “Vì bất chuyển, vì chuyển cũng gọi là bất thối chuyển”. *Chính câu nói này có thể gây ngộ nhận.*

Bất thối chuyển ở đây có nghĩa tốt, Bồ Tát ở vào giai đoạn Thập(tâm)trụ thứ bảy thì được danh xưng là Bất thối chuyển.

(3). Pháp tỳ nại da là Kinh Phật nói chung.

*(4). **Tám địa ngục:** Nguyên văn bản chính bằng chữ Hán đăng trong hoavouu.com cũng ghi là **“八bát 大đại 地địa 獄ngục”**. Có rất nhiều loại Địa ngục, không kể xiết. Từ điển Việt Anh- Đồng loại có ghi “Tám Đại Địa Ngục” như sau: 1- Đẳng hoạt, sànjiva; 2- Hắc thằng, kàla sùtra; 3- Chúng hợp, sanghàta; 4- Hào khiếu, raurava; 5- Đại hào khiếu, mahà raurava; 6- Viêm nhiệt, tapana; 7- Đại nhiệt, pratàpana; 8- Vô gián, avici. Muốn tránh cảnh đen tối của địa ngục thì phải tu thôi.*

Sơ giải:

1. Làm thế nào để biết Bồ Tát Bất thối chuyển?

*Để mở đầu chiết giải phẩm “A Bệ Bạt Trí”(Bất Thối Chuyển), **Đại Trí Độ Luận, phẩm 55, Tập 4, quyển 73**, giải thích Bồ Tát Bất thối chuyển như sau:*

“Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bồ Tát chuyển nơi pháp gì mà được gọi là Bồ Tát bất thối chuyển?

Phật dạy: Ở nơi sắc tướng... dẫn đến ở nơi Phật tướng mà chuyển, thì được gọi là “bất thối chuyển”.

Thế nào gọi là “Ở nơi sắc tướng... dẫn đến ở nơi Phật tướng mà chuyển?”

Đó là ở nơi sắc tướng... dẫn đến ở nơi Phật tướng mà hành "pháp tánh không". Do hành pháp tánh không, nên được "vô sanh pháp nhẫn". Ở nơi đây chẳng còn có pháp nào là khả đắc; hết thảy các pháp đều là bất khả đắc, dẫn đến vi tế pháp cũng đều là bất khả đắc cả.

Khi đã được "vô sanh pháp nhẫn" rồi, thì chẳng có tác (vô tác) cũng chẳng có khởi (vô khởi) các nghiệp báo nữa. Tu hành được như vậy gọi là được "vô sanh pháp nhẫn".

Bồ Tát được "vô sanh pháp nhẫn" được gọi là Bồ Tát bất thối chuyển, cũng được gọi là Bồ Tát A Bệ Bạt Trí (Bất thối chuyển)".

Đây được xem là một định nghĩa về Bồ Tát Bất thối chuyển. Nhưng trên phương diện thực hành Bồ Tát đạo, Kinh bảo là phải qua hình trạng tướng mạo của các Bồ Tát mới có thể xác định đâu là tinh thể của Bồ Tát Bất thối chuyển:

Thường những ai chẳng sanh nơi nhà hạ tiện, nhẫn đến chẳng sanh chỗ bát nạn, chẳng thọ thân bán nam bán nữ hay thân nữ. Do những hình trạng tướng mạo nầy mà đoán biết đó là bậc đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Do đức từ mà thân, khẩu, ý thành tựu. Nên thân khẩu ý vị này lúc nào cũng thanh tịnh: Ôn nhu hòa nhã. Do đây biết là bậc Bồ Tát Bất thối chuyển.

Vị này chẳng chung cùng với ngũ cái: Dâm dục, sân khuể, thùy miên, điệu hối và nghi. Do hình trạng tướng mạo nầy mà biết là bậc Bồ Tát Bất thối chuyển.

*Với tất cả chỗ, tất cả thời vị này đều **không ái trước**. Lúc nằm ngồi đi đứng, cất bước, hạ chân, thân tâm luôn an ổn, thường tự chánh niệm, nhất tâm nhìn đất mà bước. Do những hình trạng tướng mạo nầy mà biết là bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển.*

Y phục, đồ nằm của vị này không dơ bẩn hôi hám, thân thể không có hộ trùng, nên ít bệnh tật. Vì công đức của vị này vượt ngoài thế gian nên được thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh. Do những hình trạng tướng mạo đây mà đoán biết là bậc Bồ Tát bất thối chuyển.

Lại nữa, vì lợi ích cho chúng sanh vị này thực hành bố thí nhẫn đến Bát nhã Ba la mật. Đây gọi là bậc Bất thối chuyển Bồ Tát. Vị này thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, chánh ức niệm tất cả mười hai bộ Kinh, từ khế Kinh đến luận nghị, lại đem các pháp ấy làm pháp thí cho tất cả hữu tình,

rồi cùng hồi hướng công đức Vô thượng Bồ đề. Đây gọi là bậc Bồ Tát Bất thối chuyển.

Vị này chẳng quý lợi dưỡng. Dù thực hành mười hai hạnh Đầu đà mà chẳng quý hạnh Đầu đà. Vị này chẳng sanh tâm xan tham, tật đố, thường chẳng sanh tâm phá giới, sân động, giải đãi, tán loạn. Do những hình trạng tướng mạo đây mà biết là bậc đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Vị này tuệ giác kiên cố, có khả năng ngộ nhập sâu xa chánh pháp, tùy theo pháp thế gian và xuất thế đã nghe, đều có khả năng dùng phương tiện hội nhập nghĩa thú Bát nhã Ba la mật. Nếu thành tựu các hành, trạng, tướng mạo như thế, nên biết đó là Bồ Tát Bất thối chuyển.

2. Ý chí và hành động của Bồ Tát Bất thối chuyển.

Nếu ác ma hóa hiện tám đại Địa ngục, trong đó có ngàn ức vạn Bồ Tát đang bị đốt nấu thống khổ. Ác ma bảo đại Bồ Tát nầy rằng: Những người trong Địa ngục đây toàn là bậc đại Bồ Tát bất thối chuyển đã được đức Phật thọ ký mà đọa vào đây, nếu Ngài được đức Phật thọ ký bậc bất thối chuyển cũng sẽ đọa vào đại Địa ngục nầy. Chi bằng xả bỏ tâm Bồ Tát thì chẳng bị đọa mà sẽ được sanh lên cõi Trời. Dù thấy nghe như vậy, Bồ Tát nầy vẫn chẳng nao núng, chẳng nghi, chẳng sợ, chẳng thối. Dù cho ác ma trấn áp, dẫn dụ, khuynh đảo bằng cách nầy hay cách khác, Bồ Tát ấy cũng không bị lung lạc, suy thối. Nếu thành tựu các hình trạng tướng mạo như thế, thì nên biết đó là bậc bất thối chuyển.

Vị này thường hành Bát nhã Ba la mật, luôn luôn nghĩ: Nếu đại Bồ Tát theo lời Phật dạy, tinh cần tu học thường chẳng xa lìa diệu hạnh đã nhiếp thọ là bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; thường chẳng xa lìa tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí; thường dùng phương tiện khuyên các hữu tình tinh cần tu học lục Ba la mật. Đại Bồ Tát ấy quyết định chẳng từ bỏ lục Ba la mật; quyết định chẳng từ bỏ mười tám pháp không; chẳng từ bỏ chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì; chẳng từ bỏ ba mươi bảy pháp trợ đạo, chẳng từ bỏ tứ đế; chẳng từ bỏ Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí... cho đến quyết định chẳng từ bỏ quả vị

Giác ngộ tối cao. Nếu thành tựu các hình trạng tướng mạo như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Vị này thường hành Bát nhã Ba la mật và luôn nghĩ: Nếu đại Bồ Tát hiểu biết việc ma, chẳng theo việc ma; hiểu biết bạn ác, chẳng nghe lời bạn ác; hiểu biết cảnh giới, chẳng chuyển theo cảnh giới; đại Bồ Tát ấy quyết định chẳng từ bỏ lục Ba la mật; quyết định chẳng từ bỏ mười tám pháp không; chẳng từ bỏ chơn như pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác v.v… cho đến chẳng bỏ quả vị Giác ngộ tối cao. Nếu thành tựu các hình, trạng, tướng mạo như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

Vị này khi nghe pháp yếu mà chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã nói, thâm tâm hoan hỷ, cung kính tín thọ, khéo hiểu nghĩa thú; lại có tâm kiên cố như kim cương chẳng thể lay chuyển, chẳng thể lung lạc, thường siêng tu học lục Ba la mật, cũng khuyên các hữu tình tinh cần tu học lục Ba la mật. Nếu thành tựu các hình, trạng, tướng mạo như thế, nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển.

3. Pháp không là chánh pháp của chư Phật.

Kinh nói:

- "Nếu, Đại Bồ Tát Bất thối chuyển này dùng **tự tướng không** để quán tất cả pháp. Đã vào ngôi Chánh tánh ly sanh của Bồ Tát, cho đến chẳng thấy chút pháp nào có thể đắc. Vì bất khả đắc nên không tạo tác. Vì không tạo tác nên rốt ráo chẳng sanh. Vì rốt ráo không sanh nên gọi là vô sanh pháp nhẫn. Do chứng được vô sanh pháp nhẫn này nên gọi là Đại Bồ Tát Bất thối chuyển".

- "Vì đại Bồ Tát này hiểu rõ tất cả pháp: Tánh tướng đều không, ngang bằng với hư không và hoàn toàn bất khả đắc. Chẳng thấy có pháp nào để sanh quý trọng. Năng sanh, sở sanh, thời sanh, chỗ sanh hay do đây mà sanh đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Thiện Hiện! Vì tất cả pháp ngang đồng hư không, tự tướng vốn không, lấy vô tánh làm tánh".

- "Vì đại Bồ Tát này biết tất cả pháp tánh tướng đều không, trong tánh tướng không ấy, không thấy có tướng".

Vì trong không, không thấy tướng, nên không tạo tác thi vi nữa, mới không bị tướng chuyển. Không bị tướng chuyển, nên gọi là Bồ Tát Bất

thối chuyển. Vì vậy, ngồi tại đạo tràng mà có thể chuyển pháp luân khắp 10 phương thế giới.

Phật bảo:

- "Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, giác ngộ đã nói **tất cả pháp không**. **Như vậy gọi là chánh pháp của chư Phật**".

Vì nhập được pháp không rồi thì thấy nhân không, pháp không thì không còn thi vi tạo tác nữa. Chư Phật đã tuyên nói pháp không như thế. Đó gọi là chánh pháp của chư Phật. Phật rát hầu rã họng nói pháp không này ròng rã trong 22 năm trời. Hãy tin nhận phụng hành nếu muốn trở thành Bồ Tát Bất thối chuyển được trời người A tu la... cung kính cúng dường, chư Phật hộ niệm, ở giữa đại chúng tuyên dương công đức.

Kết luận:

*Tất cả pháp tự nói lên nghĩa thú của nó. Ai đọc đều có thể hiểu, chỉ cần lược tóm để nhớ! Điều quan trọng đối với kẻ tu hành chân chánh là tự mình phải thúc liễm thân tâm để làm mẫu mực, làm thân giáo cho kẻ khác! **Thân giáo là một trong các bố thí pháp cao nhất**. Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, Bồ Tát vô sanh pháp nhẫn hay Bồ Tát Bất thối chuyển cũng chỉ là danh tự do người khác gán cho mình! Tu chánh hạnh thì được chánh đạo sẽ tạo công đức trí tuệ cho mình đồng thời giúp chúng sanh thoát khỏi phiền não và chứng Niết bàn. Đó chính là tinh thể của Bồ Tát Bất thối chuyển, cái cao cả cần phải làm chẳng phải để biểu dương. /.*

---o0o---

50. PHẨM “PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO”

Quyển 328 đến quyển 330, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm “Thâm áo” và phẩm “Mộng Hành”, quyển thứ 19, Kinh MHBNBLMĐ)

Gợi ý:

Chúng tôi cũng chia phẩm này làm ***hai phần****:*
1. Phần thứ nhất tương đương với phẩm “Thâm Áo”, và
2. Phần thứ hai tương đương với phẩm “Mộng Hành”.
Để dễ tóm lược và chiết giải.

Tóm lược:

1. <u>Phần thứ nhất</u>: Phẩm “Phương Tiện Thiện Xảo” (Tương đương với phẩm “Thâm Áo”, Kinh MHBNBLMĐ)

Đại Bồ Tát ở địa vị bất thối chuyển đã chứng đắc trí rộng lớn vô lượng, vô biên, chẳng thể tính đếm, khó nghĩ bàn, khác với trí Thanh văn và Độc giác. Đại Bồ Tát ấy an trụ trong trí này, biểu hiện 4 sự hiểu biết thông suốt thù thắng*(1)*. Do bốn sự hiểu biết thông suốt thù thắng này, mà trời, người, A tu la v.v… trong thế gian không có thể vấn nạn được.

Chỗ thâm áo mà Bồ Tát chứng đắc trí rộng lớn đó là **không, vô tướng, vô nguyện, vô tác, vô sanh, vô diệt, tịch tịnh, Niết bàn, chân như, pháp giới, pháp tánh, thật tế v.v…** Tên của chỗ thâm áo đã nói như vậy đều chỉ rõ Niết bàn là chỗ thâm áo. Tất cả các pháp khác cũng gọi là thâm áo. Sắc cũng gọi là thâm áo; thọ, tưởng, hành, thức cũng gọi là thâm áo. 12 xứ, 18 giới, 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Vô thượng Bồ đề cũng gọi là thâm áo. Vì sao? Vì **sắc như** thâm áo nên sắc cũng thâm áo; vì thọ, tưởng, hành, thức như thâm áo nên thọ, tưởng, hành, thức cũng thâm áo. **Vì xứ như, giới như và tất cả pháp Phật như thâm áo nên xứ, giới và tất cả pháp Phật cũng thâm áo.** *(Q. 328, ĐBN)*

Vì sao tất cả pháp như thâm áo? Vì sắc như chẳng phải là sắc, chẳng lìa sắc, cho nên thâm áo; vì thọ, tưởng, hành, thức như chẳng phải là thọ,

tưởng, hành, thức, chẳng lìa thọ, tưởng, hành, thức, cho nên thâm áo. Vì tất cả pháp như chẳng phải là tất cả pháp, cũng chẳng lìa tất cả pháp, cho nên thâm áo.

Đó là Phật dùng phương tiện vi diệu, vì đại Bồ Tát bất thối chuyển **ngăn khiển** sắc để chỉ rõ Niết bàn; ngăn khiển thọ, tưởng, hành, thức để chỉ rõ Niết bàn. Đó là phương tiện rất vi diệu, vì đại Bồ Tát bất thối chuyển ngăn khiển mười hai xứ, mười tám giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến đến quả vị Giác ngộ tối cao để chỉ rõ Niết bàn. Đó cũng là phương tiện rất vi diệu, vì đại Bồ Tát bất thối chuyển ngăn khiển tất cả pháp hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc cộng, hoặc bất cộng, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi để chỉ rõ Niết bàn*(2)*. *(Q. 329, ĐBN)*

Nếu đại Bồ Tát đối với các chỗ thâm áo như thế, thường nương vào ý nghĩa tương ưng Bát nhã Ba la mật thậm thâm thẩm xét, tư duy, suy lường, quán sát, tu học, an trụ như Bát Nhã đã nói thì đại Bồ Tát ấy do thường tinh cần tu học như vậy, nương vào Bát Nhã, khởi tâm nhất niệm *(thời)* có khả năng thâu nhiếp vô số, vô lượng, vô biên công đức, vượt vô lượng kiếp sanh tử lưu chuyển, mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao, huống là thường tu Bát Nhã không gián đoạn, thường an trụ tác ý tương ưng quả vị Giác ngộ tối cao.

Nếu đại Bồ Tát an trụ như Bát Nhã đã dạy, trải qua 1 ngày một đêm thì công đức đạt được này giả sử có hình tướng thì cả Tam thiên đại thiên thế giới cũng chẳng thể dung nạp *(chứa)* **hết**. Nếu đại Bồ Tát xa lìa Bát Nhã, giả sử trải qua hằng hà sa số đại kiếp bố thí cúng dường tam bảo Phật, Pháp, Tăng tuy cũng được vô số, vô lượng, vô biên công đức, nhưng không bằng đại Bồ Tát nương vào Bát Nhã chỉ trải qua 1 ngày 1 đêm như lời dạy mà tu học, thì công đức đạt được còn nhiều hơn công đức kia gấp bội phần. Vì Bát Nhã là cỗ xe lớn chở các Bồ Tát mau đến Vô thượng Bồ đề. Và cũng vì chư đại Bồ Tát tu hành thậm thâm Bát Nhã sẽ vượt qua địa vị Thanh văn và Độc giác, mau nhập Chánh tánh ly sanh, lại có khả năng tu hành Bồ Tát hạnh mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Nếu đại Bồ Tát **xa lìa Bát Nhã**, giả sử trải qua hằng hà sa số đại kiếp tinh cần tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự Ba la mật phước đức tuy vô lượng, vô biên. Tuy nhiên, nếu đại Bồ Tát ấy **nương vào lời dạy của Bát Nhã** thậm thâm mà an trụ, trải qua một ngày một đêm tinh

cần tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự Ba la mật, thì công đức đạt được hơn công đức kia rất nhiều. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật thậm thâm là mẹ các đại Bồ Tát, vì Bát Nhã có khả năng sanh ra các đại Bồ Tát. Đại Bồ Tát nương vào Bát Nhã mau viên mãn tất cả pháp Phật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát xa lìa Bát nhã Ba la mật, giả sử trải qua đại kiếp như số cát Căng già, đem pháp bố thí phục vụ tất cả hữu tình. Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Đại Bồ Tát này do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp rằng: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều. Phước kia vô số vô lượng vô biên!

Phật nói: Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát nương Bát nhã Ba la mật thậm thâm đã thuyết mà trụ, trải một ngày đêm, đem pháp bố thí phục vụ tất cả hữu tình, chỗ được công đức rất nhiều hơn kia. Vì sao? Thiện Hiện! Vì nếu đại Bồ Tát xa lìa Bát nhã Ba la mật thời là xa lìa Nhất thiết trí trí. Nếu đại Bồ Tát chẳng xa lìa Bát nhã Ba la mật thời là chẳng xa lìa Nhất thiết trí trí. Vậy nên, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thời thường chẳng lìa Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát xa lìa Bát Nhã, giả sử trải qua đại kiếp như số cát Căng già tu hành bố thí Ba la mật, tu hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự. Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Đại Bồ Tát này do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp rằng: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều. Phước kia vô số vô lượng vô biên!

Phật nói: Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát nương Bát nhã Ba la mật thậm thâm đã thuyết mà trụ, trải một ngày đêm tu hành bố thí Ba la mật, tu hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, chỗ được công đức rất nhiều hơn kia.Vì sao? Thiện Hiện! Vì nếu đại Bồ Tát chẳng lìa Bát nhã Ba la mật, đối quả Vô thượng Bồ đề mà có thối lui, không có lẽ ấy. Nếu đại Bồ Tát xa lìa Bát Nhã, đối Phật Vô thượng Bồ đề mà có thối lui, đây mới có lẽ đáng nói. Vậy nên, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát muốn chứng Vô thượng Bồ đề, thời chẳng nên xa lìa Bát nhã Ba la mật thậm thâm.

Nếu đại Bồ Tát xa lìa Bát Nhã, giả sử trải qua hằng hà sa số đại kiếp, duyên khắp thiện căn công đức của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử ở quá khứ, vị lai, hiện tại, hòa hợp tùy hỷ, vì tất cả hữu tình hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, thì do nhân duyên này được phước đức

vô số, vô lượng, vô biên. Nếu đại Bồ Tát nương vào lời dạy của Bát nhã Ba la mật mà an trụ, trải qua một ngày một đêm duyên khắp thiện căn công đức của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử ở quá khứ, vị lai, hiện tại, hòa hợp tùy hỷ, vì khắp tất cả hữu tình hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, thì công đức đạt được hơn công đức kia rất nhiều. Vì sao? Vì tất cả thiện căn công đức mà tùy hỷ hồi hướng đều lấy Bát nhã Ba la mật thậm thâm làm đầu. Vì vậy, nếu đại Bồ Tát muốn chứng quả vị Giác ngộ tối cao, thời chẳng nên xa lìa Bát nhã Ba la mật.

(Tất cả pháp là không, bất khả thuyết)

Phân biệt sở tác chẳng có thể phát khởi chánh kiến chân thật, chẳng có thể **hướng** vào Chánh tánh ly sanh, chẳng có thể **đắc** bốn quả Thanh văn hoặc quả vị Độc giác, cũng chẳng có thể đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Các đại Bồ Tát tu hành thậm thâm Bát Nhã thời biết tất cả **các loại phân biệt sở tác là không, vô sở hữu, hư vọng chẳng thật**. Vì sao? Vì các đại Bồ Tát khéo học 18 pháp không. Đại Bồ Tát ấy an trụ pháp không rồi, quán sát biết đúng như thật tất cả các loại phân biệt sở tác là không, vô sở hữu, hư vọng chẳng thật như thế, tức là chẳng xa lìa Bát Nhã. Vì chẳng xa lìa Bát Nhã như thế nên mới được phước vô số, vô lượng, vô biên.

Như Lai thường nói sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức cũng là không; Như Lai thường nói 12 xứ, 18 giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cũng là không, điều đó có nghĩa là tất cả pháp là không. Tất cả pháp là không tức là vô tận, cũng là vô số, cũng là vô lượng, cũng là vô biên. Trong cái không của tất cả pháp, cái tận chẳng thể nắm bắt được, cái vô số chẳng thể nắm bắt được, cái vô lượng chẳng thể nắm bắt được, cái vô biên cũng chẳng thể nắm bắt được. Do nhân duyên này, mà vô tận, vô số, vô lượng, vô biên, văn nghĩa không phân biệt. Vì vô tận, vô số, vô lượng, vô biên, văn nghĩa không phân biệt, nên đều cùng làm sáng tỏ cái không của tất cả pháp.

Tất cả pháp không đều bất khả thuyết. Như Lai phương tiện nói là vô tận, hoặc nói vô số, hoặc nói vô lượng, hoặc nói vô biên, hoặc nói là không, hoặc nói vô tướng, hoặc nói vô nguyện, hoặc nói vô tác, hoặc nói vô sanh, hoặc nói vô diệt, hoặc nói ly nhiễm, hoặc nói tịch diệt,

hoặc nói Niết bàn, hoặc nói chân như, hoặc nói pháp giới, hoặc nói pháp tánh, hoặc nói thật tế; các nghĩa như thế đều là do Như Lai phương tiện diễn nói.

Thật tướng của các pháp bất khả thuyết, Phật vì hữu tình mà phương tiện chỉ rõ. Tánh của tất cả pháp cũng bất khả thuyết. Vì sao? Vì tánh của tất cả pháp đều rốt ráo "không", "không" không thể diễn nói "cái không rốt ráo".

Cái nghĩa bất khả thuyết cũng không tăng không giảm, bố thí Ba la mật cũng không tăng không giảm; tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát Nhã Ba la mật cũng không tăng không giảm; 37 pháp trợ đạo cũng không tăng không giảm v.v… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cũng không tăng không giảm.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Nếu bố thí Ba la mật không tăng, không giảm; tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát Nhã cũng không tăng, không giảm thì làm sao đại Bồ Tát tu hành bố thí cho đến Bát Nhã mà có thể chứng đắc Vô thượng Bồ đề? Làm sao đại Bồ Tát tu hành 37 pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao, lại có thể chứng đắc Vô thượng Bồ đề?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Nghĩa bất khả thuyết không tăng, không giảm; bố thí Ba la mật cũng không tăng không giảm; tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát Nhã Ba la mật cũng không tăng không giảm; 37 pháp trợ đạo cũng không tăng không giảm; bốn tịnh lự cũng không tăng không giảm; bốn vô lượng, bốn định vô sắc cũng không tăng, không giảm; tám giải thoát cũng không tăng không giảm; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ cũng không tăng không giảm; pháp môn giải thoát không cũng không tăng không giảm; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện cũng không tăng, không giảm; thập địa Bồ tát cũng không tăng, không giảm; năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng không tăng, không giảm; pháp môn Tam ma địa, Đà la ni cũng không tăng không giảm; Phật mười lực cũng không tăng không giảm; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng cũng không tăng không giảm; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả cũng không tăng không giảm; Nhất thiết trí cũng không tăng không giảm; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng không tăng không giảm.

(Lấy sự không tăng không giảm làm phương tiện tu hành)

Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã an trụ phương tiện thiện xảo Bát Nhã, chẳng nghĩ: Ta đối với Bát Nhã hoặc tăng hoặc giảm; **chẳng nghĩ: Ta đối với tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật hoặc tăng hoặc giảm; chỉ nghĩ: Bát nhã Ba la mật chỉ là danh tự; chỉ nghĩ: Tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí cũng chỉ là danh tự. Các Đại Bồ Tát khi tu hành lục Ba la mật, đem tác ý nầy với tất cả thiện căn, cùng các hữu tình bình đẳng hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Do sức phương tiện thiện xảo hồi hướng này, mà chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.**

(Tất cả pháp như là quả vị Giác ngộ tối cao)

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Sao gọi là quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! **Các pháp như là quả vị Giác ngộ tối cao.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch: Bạch Thế Tôn! Các pháp như nào mà nói tất cả pháp như là quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Sắc như là quả vị Giác ngộ tối cao; thọ, tưởng, hành, thức như là quả vị Giác ngộ tối cao. Mười hai xứ như, mười tám giới như, tứ thiền như, tứ vô lượng như, tứ định vô sắc như, mười tám pháp bất cộng như, Nhất thiết trí như… cho đến Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác như là quả vị Giác ngộ tối cao. **Sanh tử như là quả vị Giác ngộ tối cao; Niết bàn như là quả vị Giác ngộ tối cao.**

Tất cả pháp như không tăng không giảm, nên quả vị Giác ngộ tối cao cũng không tăng không giảm. Các đại Bồ Tát chẳng xa lìa Bát nhã Ba la mật, thường ưa an trụ tất cả pháp như, hoàn toàn chẳng thấy có pháp nào có tăng có giảm. Do nhân duyên này, nghĩa bất khả thuyết không tăng không giảm; bố thí Ba la mật cũng không tăng không giảm; tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát Nhã cũng không tăng không giảm; 37 pháp trợ đạo cũng không tăng, không giảm; nói chung tất cả Phật pháp cũng không tăng không giảm.

Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nương vào sự không tăng không giảm này làm phương tiện tu hành Bát nhã Ba la mật; do đây làm cửa chứa nhóm các công đức bèn chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

(Chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề là do sơ tâm hay hậu tâm?)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát nương vào sự không tăng không giảm bèn tu hành Bát nhã Ba la mật, do đây làm cửa chứa nhóm tất cả công đức, bèn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề ấy. Đại Bồ Tát này vì dùng sơ tâm chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề hay là dùng hậu tâm chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề? Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát này nếu dùng sơ tâm chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, khi sơ tâm khởi lên thì hậu tâm chưa khởi, không có nghĩa hòa hợp. Nếu dùng hậu tâm chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, khi hậu tâm khởi lên thì tiền tâm đã diệt, không có nghĩa hòa hợp. Như vậy, tâm và tâm sở trước sau tìm gạn tới lui không có nghĩa hòa hợp, thì làm sao có thể chứa nhóm các căn lành được. Nếu các căn lành chẳng thể chứa nhóm, thì Bồ Tát làm sao chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Ta vì ngươi lược nói thí dụ, khiến kẻ trí với nghĩa đã nói sẽ dễ hiểu hơn. Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Như khi đốt đèn, vì ngọn lửa ban đầu năng đốt cái tim hay là ngọn lửa sau năng đốt cái tim?

- Bạch Thế Tôn! Như ý con hiểu. Chẳng phải ngọn lửa ban đầu năng đốt tim, cũng chẳng rời ngọn lửa ban đầu năng đốt tim; chẳng phải ngọn lửa sau năng đốt tim, cũng chẳng rời ngọn lửa sau năng đốt tim.

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Cái tim bị đốt chăng?

- Bạch Thế Tôn! Thế gian hiện thấy cái tim bị đốt thật.

Phật nói: **Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát cũng lại như vậy, chẳng phải dùng sơ tâm chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng chẳng rời sơ tâm chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Chẳng phải dùng hậu tâm chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng chẳng rời hậu tâm chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát từ sơ phát tâm tu hành Bát nhã Ba la mật viên mãn 10 địa, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Phật lại hỏi:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Nếu tâm đã diệt, sanh lại được chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy. Bạch Thiện Thệ! Chẳng phải vậy.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Nếu tâm đã sinh, có pháp diệt chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Như vậy. Bạch Thiện Thệ! Như vậy.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Tâm có pháp diệt, phi đương diệt chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy. Bạch Thiện Thệ! Chẳng phải vậy.

Phật lại hỏi Thiện Hiện:

- Thiện Hiện! Theo ý ông, như*(3)* tức là tâm chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Theo ý ông, rời như có tâm chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Theo ý ông, tâm tức như chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Theo ý ông, rời tâm có như chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Theo ý ông, như thấy như chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Theo ý ông, nếu đại Bồ Tát năng hành như thế, là hành Bát Nhã thậm thâm chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Nếu đại Bồ Tát năng hành như thế là hành Bát Nhã thậm thâm.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Theo ý ông, nếu Bồ Tát năng hành như thế là hành chỗ nào?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Nếu đại Bồ Tát năng hành như thế thì **hoàn toàn không có chỗ hành. Vì sao? Vì nếu đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã thì không có tâm hành, không có sở hành.** Vì trụ trong như đều không hiện hành và chỗ hiện hành vậy.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Theo ý ông, đại Bồ Tát hành Bát Nhã là hành ở chỗ nào?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Đại Bồ Tát hành Bát Nhã là hành ở trong thắng nghĩa đế, trong đây tâm hành và sở hành đều vô sở hữu, vì năng lấy bị lấy chẳng thể được vậy.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Theo ý ông, đại Bồ Tát hành Bát Nhã là hành trong thắng nghĩa đế, tuy chẳng lấy tướng mà hành tướng chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Theo ý ông, đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã là hành trong thắng nghĩa đế vì hoại tướng mà hành hay hoại tướng tưởng mà hành chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nầy khi tu hành Bát Nhã vì sao chẳng hoại tướng, cũng chẳng hoại tướng tưởng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, chẳng tác nghĩ: Ta sẽ hoại tướng, cũng chẳng tác nghĩ: Ta sẽ hoại tướng và hoại tướng tưởng; cũng chẳng tác nghĩ: Ta sẽ hoại vô tướng và hoại vô tướng tưởng. Vì đối tất cả pháp không có phân biệt.

Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã trong tam muội không, vô tướng, vô nguyện thì không phân biệt tất cả pháp. Do sức phương tiện thiện xảo nầy nên **đối với tất cả pháp chẳng thủ, chẳng hoại**. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy biết **tự tướng của tất cả pháp là không**. Nên an trụ trong tự tướng không của tất cả pháp vì nguyện lực đại bi độ các hữu tình nhập vào tam muội Tam ma địa để thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật.

Thích nghĩa cho phần thứ nhất:

(1). Bốn sự hiểu biết thông suốt còn gọi là bốn trí vô ngại (tứ vô ngại trí): Bốn năng lực lý giải và diễn đạt vô ngại: 1- Pháp vô ngại, 2- Nghĩa vô ngại, 3- Từ vô ngại, 4- Nhạo thuyết vô ngại. Bốn trí không ngăn ngại này cũng chính là Bốn biện tài vô ngại (Tứ vô ngại biện), Bồ Tát khi đạt được bốn trí này thì có thể vì tất cả chúng sinh mà biện thuyết Chánh pháp không ngăn ngại. (Xem lại phần thứ I Tổng luận)

(2). Vì khiển cũng là một thứ động niệm nên phải trừ, phải ngăn. Và chính cái trừ khiển, cái ngăn khiển sau cùng đó cũng phải vứt bỏ nốt.

*(3) **(Chơn) như tức là tâm chăng?** Từ "chơn như" này được dùng trong phẩm "Chơn Như" để diễn đạt về bản tánh như thực của tất cả pháp, bản tánh này chân thật thường hằng, bất biến tràn đầy vũ trụ, chẳng lúc nào chẳng như, "như vậy bởi vì nó như vậy", nên gọi tắt là "tất cả pháp như". Trong Kinh MHBNBLMĐ gọi là "tướng như", Tiểu Phẩm Bát Nhã của Ngài La Thập cũng dùng một từ duy nhất là "như". Kinh nói "tất cả pháp như là một như, nên không hai không khác". Vì vậy, cụm từ chơn như của tất cả pháp hay tất cả pháp tướng như, được gọi ngắn gọn là **tất cả pháp như.** Cách chuyển ngữ như vậy, gây nhiều rắc rối cho các đạo hữu . Đó là cái khó khăn trong ngôn ngữ! Để tránh sự khó khăn này, trong phần tóm lược, chúng tôi dùng một từ duy nhất là NHƯ. Từ NHƯ này có thể làm nổi bật **tính cách chơn thật của tất cả pháp hay thật tánh của tất cả pháp chăng?** Các thiện hữu tự thẩm định. Câu hỏi: Chơn như có phải là tâm chăng? Chúng tôi ghi là: Như có phải là tâm chăng? Bỏ đi từ "chơn" trong từ kép "chơn như", chỉ lấy một chữ "như" duy nhất. **TB***

Sơ giải:
*(Cho **phần thứ nhất**)*

Dẫn ý:

Đây là một đoạn Kinh chiết giải hết sức khó khăn: Khó khăn không phải do văn từ khúc mắc, khó khăn không phải nghĩa lý thâm áo mà khó khăn là do nhiều tư tưởng gần như không liên hệ với nhau lại gộp chung trong cùng một đoạn Kinh. Làm sao nối kết các điểm chính có phẩm tựa là "Phương Tiện Thiện Xảo" (Kinh ĐBN) do nhóm của Ngài Huyền Trang soạn dịch hay phẩm "Thâm Áo" (Kinh MHBNBLMĐ) do nhóm của La Thập soạn dịch: 1. Bồ Tát chứng trí rộng lớn gọi là thâm áo? 2. Tất cả pháp là không, không phân biệt. 3. Lấy sự không tăng không giảm làm phương tiện tu hành. 4. Tất cả pháp "pháp như" là quả vị Giác ngộ tối cao. 5. Chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề là do sơ tâm hay hậu tâm? Nếu chiết giải riêng rẽ từng ý chính nêu trên thì chẳng có gì khó khăn cho lắm, nhưng đúc kết cho phù hợp với phẩm tựa là cả vấn đề!

Phẩm này của ĐBN chia làm 2 phần. Phần thứ nhất nói về "Phương tiện thiện xảo"(tương đương với phẩm "Thâm Áo" của Kinh MHBNBLMĐ), phần thứ hai nói về "Mộng Hành". Rất tiếc phần thứ nhất chỉ đề cập một phần nhỏ về phương tiện thiện xảo trong khi phẩm tựa có tên là "Phương Tiện Thiện Xảo". Kinh nói lấy sự ***không tăng không giảm làm phương tiện tu hành****, như sau:*

"Ta đối với Bát Nhã hoặc tăng hoặc giảm; **chẳng nghĩ: Ta đối với tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật hoặc tăng hoặc giảm; chỉ nghĩ: Bát nhã Ba la mật chỉ là danh tự; chỉ nghĩ: Tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí cũng chỉ là danh tự. Các Đại Bồ Tát khi tu hành lục Ba la mật, đem tác ý nầy với tất cả thiện căn, cùng các hữu tình bình đẳng hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Do sức phương tiện thiện xảo hồi hướng này, mà chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao"**. *Kinh vỏn vẹn nói về phương tiện thiện xảo chỉ có bao nhiêu đó! Tất cả những điều còn lại của phần này nói về các điểm sau đây:*

1- Tại sao nói tất cả pháp là không? Là như?

Vì Bát Nhã chẳng phải Bát Nhã, cũng chẳng phải chẳng Bát Nhã; chẳng bờ đây chẳng bờ kia, chẳng giữa dòng, chẳng đất liền, chẳng

giữa biển; chẳng cao-chẳng thấp; chẳng bình đẳng-chẳng phải chẳng bình đẳng; chẳng có tướng-chẳng không tướng; chẳng thế gian-chẳng xuất thế gian; chẳng hữu lậu-chẳng vô lậu; chẳng hữu vi-chẳng vô vi; chẳng thiện-chẳng phải chẳng thiện; chẳng phải tội-chẳng phải vô tội; chẳng phước-chẳng phải vô phước, chẳng hữu-ký chẳng vô ký; chẳng khứ-chẳng lai; chẳng đoạn-chẳng thường; chẳng nhất-chẳng dị, chẳng tăng-chẳng giảm... Tất cả pháp này rỗng không, vượt danh ngôn thế tục, ***nên gọi là không****, không phân biệt, vượt qua và vượt trên mọi danh ngôn thế tục, nên gọi là đệ nhất nghĩa. Chư Phật nương Bát nhã Ba la mật soi thấy tất cả pháp đều không nên mới chứng được "trí không".*

Trí không này rộng lớn thâm áo, đó là không, vô tướng, vô nguyện, vô tác, vô sanh, vô diệt, tịch tịnh, Niết bàn, chân như, pháp giới, pháp tánh, thật tế... Không những thế tất cả các thiện pháp hay còn gọi là các pháp mầu Phật đạo, cũng rất pháp thâm áo. Tại sao? Vì nếu không có tất cả pháp này, thì không có Phật, không có Phật thì không có giác ngộ, cũng không có trí này. Phật dùng nó như phương tiện để chỉ rõ Niết bàn, cứu độ chúng sanh, nên nói là vi diệu thâm áo. Chúng ta, đã biết tại sao gọi là **pháp không** *rồi, nên ở đây không cần phải chứng minh hay lặp lại nữa. Cái cần nhất là khi hiểu được pháp không rồi, áp dụng nó vào đời sống tu hành thì mới thấy lý đạo.*

Kinh cũng nói tất cả ***pháp như*** *cũng là pháp thâm áo. Chư Phật nương Bát Nhã soi thấy tất cả pháp như thật trong chân như thật tướng của nó, như đó là như thường tại, chẳng lúc nào chẳng như. Người thấy các pháp như như thế gọi là Như Lai. Như Lai cũng là danh hiệu khác của Phật nghĩa là người chứng được chân như thì được trí không thảy như Phật không khác. Người nào lấy pháp như làm phương tiện tu hành Bát Nhã, mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao.*

Nên trong phẩm này, Phật bảo: "**Các pháp như là quả vị Giác ngộ tối cao**".

2- Tất cả pháp thâm áo, thì khiển tu làm gì?

Tất cả pháp và tất cả pháp như đều thâm áo, đều được xem như quả vị Giác ngộ tối cao thì tu khiển các pháp làm gì cho nhọc. Khiển lại là một thứ động niệm, đi ngược với lối tu tịch lặng(1). Khiển có

nghĩa ngăn động để cầu tịnh, nhưng không biết rằng càng ngăn lại càng động thêm. Nước bẩn để nó tự lóng, càng khuấy càng thêm đục, chẳng ích gì. Vì vậy, Phật vì các Bồ Tát mà nói ngăn khiển. Ngăn khiển có nghĩa là ngăn chặn không cho khiển hay trách nữa. Tổ Tăng Xán trong "Tín Tâm Minh" bảo rằng:

Chỉ động qui chỉ
chỉ cánh di động
duy trệ lưỡng biên
minh tri nhất chủng

Dịch:

Ngăn động mà cầu tịnh
hết ngăn lại động thêm
càng trệ ở hai bên
thà rõ đâu là đầu mối.

3- Tu không sở tác:

Nếu biết tất cả pháp đều không, không tăng không giảm; tất cả pháp là như, tất cả pháp như là quả vị Giác ngộ tối cao hay nói khác "tất cả thanh sắc đều là mắt tuệ Phật". Nếu thật hiểu như vậy thì bặt niệm phân biệt, không còn chấp đắm nữa. Nếu không chấp đắm thì không còn sở tác. Trong không tác (năng), ngoài không chỗ hành (sở) tức không còn năng sở nữa thì tâm như. Trụ trong như này mới có thể phát khởi chánh kiến chân thật, tu tất cả thiện pháp, chứng quả vị Giác ngộ tối cao mà chẳng xa lìa Bát nhã Ba la mật, nên công đức mới được vô lượng.

Thích nghĩa cho phần lược giải phần đầu:

(1). Lối tu tịch lặng: Có nghĩa lau sạch mặt gương tâm để thấy bóng của Tự tánh xưa nay vốn thanh tịnh.

*2. **Phần thứ hai**: Phẩm "Phương Tiện Thiện Xảo". (Tương đương phẩm "Mộng Hành" Kinh MHBNBLMĐ).*

Gợi ý:

Một khi tâm biến động buồn hay vui, sân hận hay thanh thoát… đều có thể biểu lộ trong khi đi đứng nằm ngồi, thức hay ngủ. Một người sa đọa, tư tưởng, lời nói và hành động đều biểu lộ sự sa đọa. Một người trong sáng, thanh cao thì trong tứ uy nghi đều biểu lộ trong sáng thanh cao dù người đó thức hay ngủ, đi đứng hay nằm ngồi.

Tôi còn nhớ trong một quyển sách nào đó(có lẽ là Thiền luận của Thiền sư D.T. Suzuki) mà tôi đọc từ lâu kể câu chuyện: Người vợ kể cho chồng biết là những giấc ngủ của ông "không được bình thường lắm". Người chồng hỏi tại sao thì người vợ chỉ bảo: Trong lúc ngủ ông như người bị "động kinh", khua tay múa chân la hét như ngựa hý vậy. Té ra người chồng là một họa sĩ tài danh chuyên vẽ về ngựa. Vì để lột hết tinh thần diễn tả những thao tác từ hình dáng, tướng mạo chạy nhảy cùng tiếng hý của ngựa qua nhiều năm, nên tác động vào tiềm thức, tạo thành những giấc mơ với các thao tác giống như ngựa chạy nhảy la hý vậy. Người chồng tự hiểu lý do, nên bỏ nghề vẽ ngựa. Từ đó ông chuyển sang vẽ chân dung chư Phật. Ông tập trung cao độ để diễn tả nét hiền hòa, từ bi hỉ xả của chư Phật. Sự tập trung cao độ nầy ảnh hưởng đến tâm thức, nên bây giờ khi ngủ ông có được những giấc ngủ yên lành, thanh thản.

Kinh nói về nguyên nhân của tạo tác và kết quả của nó, tức nói năng duyên, sở duyên. Vì có năng sở đối đãi nên sanh ra tâm hành và kết quả là thọ nghiệp hay hưởng quả. Chủ thể nhận thức là năng duyên (tức tâm vương và tâm sở), còn khách thể (đối tượng của nhận thức, tức trần cảnh) là sở duyên. Tâm vương và tâm sở không tự phát sanh, phải nhờ có chỗ nương vịn mới có thể phát sanh hành động. Chỗ nương gá vào thì gọi là sở duyên.

Tóm lược:

(Chính văn của phần sau)

"Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát này hành Bát nhã Ba la mật, năng lìa phân biệt. Nếu Phật 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng cùng vô lượng công đức thù thắng chưa được viên mãn thời chưa chứng Vô thượng Bồ đề. Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát này trọn nên phương tiện khéo léo, do sức phương tiện khéo léo đây nên

đối tất cả pháp chẳng lấy chẳng hoại. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì đại Bồ Tát này biết tất cả pháp tự tướng không vậy. Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát này an trụ trong tất cả pháp tự tướng không, dùng tam ma địa để thành thục hữu tình.

Phật nói: Thiện Hiện! Như vậy, như vậy. Như lời ngươi vừa nói.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát này vì sao vào ba tam ma địa để thành thục hữu tình?

Phật nói: Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này an trụ Không tam ma địa, thấy các hữu tình phần nhiều chấp ngã, đem sức phương tiện dạy khiến an trụ Không tam ma địa. Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này an trụ Vô tướng tam ma địa, thấy các hữu tình phần nhiều hành tướng, đem sức phương tiện dạy khiến an trụ Vô tướng tam ma địa. Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này an trụ Vô nguyện tam ma địa, thấy các hữu tình phần nhiều ưa vui, đem sức phương tiện dạy khiến an trụ Vô nguyện tam ma địa. Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này hành Bát Nhã thẳm sâu như thế, vào ba tam ma địa để thành thục hữu tình.

Bấy giờ, cụ thọ Xá Lợi Tử hỏi cụ thọ Thiện Hiện rằng: Thưa Ngài Thiện Hiện! Nếu các Bồ Tát trong mộng vào ba tam ma địa này, đối Bát Nhã thẳm sâu có tăng *(lợi)* ích gì không? Thiện Hiện đáp rằng: Ngài Xá Lợi Tử! Nếu Bồ Tát ban ngày *(trạng thái tỉnh)* vào ba tam ma địa này, đối với Bát Nhã có tăng ích, thì những người ấy lúc ở trong mộng *(trạng thái mê)* cũng có tăng ích. Vì sao? Xá Lợi Tử! Vì tỉnh hay mê cũng không sai khác. Xá Lợi Tử! Nếu Bồ Tát ngày hành Bát Nhã đã gọi tu tập Bát Nhã, thời Bồ Tát này trong mộng hành Bát Nhã cũng gọi tu tập Bát Nhã. Ba tam ma địa đối Bát nhã Ba la mật năng làm tăng ích, cũng như vậy.

Khi ấy, Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng: Các Bồ Tát tạo nghiệp trong mộng có tăng ích, hoặc tổn giảm chăng? Phật nói hữu vi hư dối chẳng thật như mộng sở tác, làm sao nghiệp kia có tăng giảm được? Vì sao? Vì chẳng phải nghiệp sở tác ở trong mộng có tăng ích hoặc tổn giảm**, cần đến khi giác tưởng phân biệt cảnh sở tác trong mộng mới có tăng giảm.**

Thiện Hiện đáp rằng: Có những vụ ban ngày giết mạng người, ban đêm trong mộng nhớ tưởng phân biệt rất đỗi sung sướng; hoặc lại có người trong mộng dứt mạng kẻ khác, đến khi thức giấc sanh vui mừng. Hai nghiệp như thế, ý Ngài hiểu như thế nào?

Xá Lợi Tử nói: Không sở duyên sự hoặc nghĩ, hoặc nghiệp đều chẳng sanh được, **cần có duyên sự thời nghĩ và nghiệp mới khởi**. Nghĩ và nghiệp trong mộng duyên đâu mà sanh?

Thiện Hiện đáp rằng: Như vậy, như vậy. Hoặc mộng, hoặc giác không sở duyên sự nghĩ và nghiệp chẳng sanh. Cần có sở duyên sự nghĩ nghiệp mới khởi. Vì sao? Xá Lợi Tử! Hoặc mộng, hoặc giác cần ở trong pháp thấy nghe giác biết, **có giác huệ chuyển**, do đấy khởi nhiễm, hoặc lại khởi tịnh. Nếu không có thấy nghe hiểu biết, không có giác huệ chuyển, cũng không có nhiễm tịnh. Do đây nên biết hoặc mộng hoặc giác, có sở duyên sự nghĩ nghiệp mới khởi, không có sở duyên sự nghĩ nghiệp chẳng sanh.

Khi ấy, Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng: Phật nói nghĩ nghiệp đều rời tự tánh, làm sao khá nói có sở duyên sự mới khởi?

Thiện Hiện đáp rằng: Tuy các nghĩ, nghiệp và sở duyên sự tự tánh đều không, mà do **tự tâm nắm lấy tướng phân biệt** nên nói nghĩ nghiệp có sở duyên sanh. Nếu không có sở duyên, nghĩ nghiệp chẳng khởi.

Bấy giờ, cụ thọ Xá Lợi Tử lại hỏi cụ thọ Thiện Hiện rằng: Nếu đại Bồ Tát tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật trong mộng, đem căn lành đây cùng các hữu tình bình đẳng chung có hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Bồ Tát này có thật hồi hướng Đại bồ đề chăng?

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bảo Xá Lợi Tử rằng: Ngài Từ Thị Bồ Tát nhận ký Bất thối chuyển đã lâu, chỉ cách một đời nữa quyết định sẽ làm Phật, giỏi môn năng thù đáp tất cả vấn nạn. Hiện tại ở trong hội này nên thỉnh hỏi, bổ xứ Từ Tôn chắc chắn giải đáp cho.

Khi ấy, Xá Lợi Tử như lời Thiện Hiện cung kính thỉnh hỏi Từ Thị Bồ Tát. Khi ấy, Từ Thị Bồ Tát bảo Xá Lợi Tử rằng: Sao gọi danh Từ Thị năng đáp? Vì sắc ư, hay vì thọ tưởng hành thức ư? Vì sắc không ư, hay vì thọ tưởng hành thức không ư? Vả sắc chẳng năng đáp, thọ tưởng hành thức cũng chẳng năng đáp. Sắc không chẳng năng đáp, thọ tưởng hành thức không cũng chẳng năng đáp. Vì sao? Xá Lợi Tử! Ta đều chẳng thấy có pháp năng đáp, có pháp sở đáp, chỗ đáp, thời đáp và do đây mà đáp. Ta đều chẳng thấy có pháp năng ký, có pháp sở ký, chỗ ký, thời ký và do đây mà ký cũng đều chẳng thấy. Vì tất cả pháp bản tánh đều không, đều vô sở hữu, không hai không riêng, gạn tìm rốt ráo chẳng thể được vậy.

Xá Lợi Tử lại hỏi Từ Thị Bồ Tát rằng: Thưa tôn giả! Pháp mà Ngài đã thuyết là sở chứng chăng? Từ Thị Bồ Tát nói: Pháp Ta đã thuyết đó chẳng

phải sở chứng. Vì sao? Xá Lợi Tử! Vì pháp Ta sở chứng bất khả thuyết vậy.

Xá Lợi Tử tác nghĩ: Từ Thị Bồ Tát trí huệ sâu rộng, tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật đã lâu viên mãn, mới đem vô sở đắc làm phương tiện, đối việc vừa hỏi mới đáp được như thế.

Bấy giờ, Phật bảo Xá Lợi Tử rằng: Xá Lợi Tử! Ý ngươi nghĩ sao? Ngươi do pháp ấy được quả A la hán, hay thấy pháp ấy khả thuyết chăng?

Xá Lợi Tử thưa: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy. Bạch Thiện Thệ! Chẳng phải vậy.

Phật nói: Xá Lợi Tử! Các Bồ Tát hành Bát Nhã, sở chứng các pháp cũng lại như vậy. Xá Lợi Tử! Bồ Tát này chẳng tác nghĩ đây: Ta do pháp này sẽ được nhận ký, Ta do pháp này hiện được nhận ký, Ta do pháp này đã được nhận ký. Chẳng tác nghĩ này: Ta do pháp đây sẽ chứng Vô thượng Bồ đề. Xá Lợi Tử! Bồ Tát này hành Bát Nhã chẳng sanh do dự nghĩ rằng Ta đối Vô thượng Bồ đề là được hay chẳng được. Chỉ nên tác nghĩ này: Ta đối Vô thượng Bồ đề quyết định sẽ chứng được. Xá Lợi Tử! Bồ Tát này hành Bát Nhã, nghe pháp sâu thẳm nơi tâm chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ quyết định tự biết ta sẽ chứng được sở cầu là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề".

Sơ giải:
*(cho **phần thứ hai**)*

Phẩm"Tướng Không" Q.516, Hội thứ III và phẩm "Tham Hành" Q.563, Hội thứ V, ĐBN, nhóm của Ngài Huyền Trang dịch, cùng một tư tưởng với đoạn Kinh nầy, nói: Có sở duyên nghĩ nghiệp khởi, không sở duyên nghĩ nghiệp chẳng sanh. Vậy, trong đêm nằm mộng thấy mình tạo nghiệp, nghiệp đó cũng không tăng không giảm, chỉ lúc tỉnh phân biệt phát sanh vui mừng như người nằm mộng thấy mình giết được kẻ thù, lòng vui thích. Những nghĩ tưởng như vậy là tạo nghiệp nên tăng ích. Vì vậy, nên Tu Bồ đề mới giải thích cho Xá Lợi Phất: **"Hoặc mộng hoặc tỉnh không có sở duyên nghĩ nghiệp chẳng sanh, cần có sở duyên nghĩ nghiệp mới khởi. Vì sao? Xá Lợi Phất! Ở trong pháp thấy nghe giác biết, có giác huệ chuyển, do đấy khởi nhiễm, khởi tịnh. Nếu không có thấy nghe giác biết, giác huệ không chuyển, cũng không nhiễm tịnh.**

Do đây nên biết hoặc mộng hoặc tỉnh, có sở duyên nghĩ nghiệp khởi, cho đến không có sở duyên nghĩ nghiệp chẳng sanh"*(1).*

Nếu vậy, một người ngồi trong phòng trống thiền định, niệm niệm tuông đến không ngừng, nào ác nào thiện, nào xấu nào tốt… thì có coi đó là nghĩ nghiệp sanh hay không? Trong trường hợp này, Huệ mạng Tu Bồ Đề trả lời: **"Mặc dù các nghĩ nghiệp và sở duyên tự tánh đều không, mà do tự tâm làm tướng phân biệt, nên nói nghĩ nghiệp có sở duyên sanh, nếu không nghĩ nghiệp chẳng sanh"***(2). Nghĩ nghiệp không, sở duyên cũng không, do tự tâm phân biệt nên mới "có chuyện". Kinh Lăng Nghiêm nói:* **"Tự tâm mà trách tự tâm, chân tâm biến thành huyễn".** *Cổ đức cũng có câu:* **"Cuồng tâm chẳng nghỉ** *(chẳng chịu dừng)***, nghỉ tức Bồ đề".**

Theo thế pháp tội chỉ thành tựu khi phát ra hành động cụ thể như tội trộm được định danh là "lược thủ một vật ngoài sự hay biết của kẻ khác". Vậy muốn kết tội một người về tội trộm thì trước hết phải bắt quả tang người ấy lược thủ (đánh cắp) một vật, vật đó không thuộc về mình mà thuộc quyền sở hữu của người khác. Hình luật Pháp quốc khi xưa lúng túng với các tội như ăn quỵt, trộm điện hay đi xe buýt (bus) không trả tiền. Như tội ăn quỵt, vị này trịnh trọng vào tiệm gọi thức ăn, người hầu bàn mang thức ăn đến cho hắn. Ở đây hắn không ăn cắp món ăn ngoài sự hay biết của kẻ khác. Tội trộm điện, điện không được coi là một vật cụ thể có thể thấy bằng mắt. Người đi xe buýt, hắn bước lên xe đàng hoàng, ai cũng thấy, tới nơi xuống xe, hắn không lược thủ vật gì không thuộc quyền sở hữu của y. Không luật, không thành tội. Tòa án bắt buộc phải tha bổng những vị này. Về sau nước Pháp mới định danh những hành động như trên (ăn quỵt, trộm điện v.v…) thuộc tội trộm.

Tôn giáo, gồm luân lý, đạo đức… trên cả hai phương diện vật chất lẫn tinh thần, đòi hỏi một sự trong sáng tuyệt đối. Những gì được coi là tội lỗi không cần phải thể hiện bằng hành động, nó chỉ cần manh nha trong tâm tưởng. Giới là hàng rào ngăn chặn những tội lỗi xâm nhập từ ngoài vào. Giới có nặng có nhẹ, có khai, có giá (3) tùy cấp thọ giới (4). Bồ Tát giới là giới luật khó khăn, tế nhị nhất không những giới dùng ngăn chặn những tội lỗi từ bên ngoài mà còn ngăn chặn những tội lỗi manh nha từ nội tâm. Có sở duyên hay không sở duyên không cần biết, một khi móng khởi một niệm tham, sân hay si, hoặc một việc đáng làm mà không làm, hoặc suy

nghĩ, hành động trái với tàm và quý (tự mình xấu hổ hay hổ thẹn với kẻ khác) thì coi như là có tội, phải lập đàn sám hối hay quỳ hương tùy theo tội nặng hay nhẹ!

Tôi còn nhớ một câu chuyện của một nhà sư trẻ, sắp hàng để nhận của tín thí. Món cúng dường là món xôi mà Sư thích. Nhưng nhiều người sắp hàng quá, nên Sư nghĩ đến lượt mình chắc sẽ hết. Khi nghĩ như vậy Sư giật mình và tự mắng là tham lam, rồi lấy tay tát mạnh vào mặt, tự động bước ra khỏi hàng quay về am với bình bát rỗng không. Sư nhịn đói ngày hôm đó để tự trừng phạt sự sai quấy của mình!

Thích nghĩa cho phần lược giải của phần thứ hai:

(1). Năng duyên và sở duyên: Chủ thể nhận thức là năng duyên, còn khách thể (đối tượng) của nhận thức là sở duyên. Nói khác tâm vương và tâm sở gọi là năng duyên, trần cảnh gọi là sở duyên. Tâm vương và tâm sở không tự phát sanh, phải nhờ có chỗ nương vịn vào mới phát sanh tác động. Chỗ nương vịn vào thì gọi là sở duyên.

*(2). **“Mặc dù các tư duy, tạo tác và pháp sở duyên tự tánh đều không, nhưng do tự tâm thủ tướng phân biệt nên nói tư duy tạo tác có sở duyên mới sanh. Nếu không có sở duyên, thì tư duy và tạo tác không khởi”**. Tư duy phân biệt là năng, cái nương vịn vào để chấp (sắc trần…) là sở. Tâm nương vịn vào sở duyên để phân biệt, chấp trước thì gọi là phan duyên, giống như dây leo nhờ có rào dậu bám vào nên mới có thể chuyền leo mãi được.*

(3). Có khai, có giá: Có chỗ cho phép, có chỗ cấm chỉ.

(4). Người thọ giới: Gọi chung là Chúng, chỉ người xuất gia hay tại gia. Có bảy chúng là Ưu bà tắc, Ưu bà di, Sa di, Sa di ni, Thức xoa ma ni, Tỳ kheo và Tỳ kheo ni. Từ Thức xoa ma ni (Phạm:Zikwamàịà. Pàli: Sikkhamànà) cũng gọi Thức xoa ma na ni, Thức xoa ni, Thức xoa ma xoa. Hán dịch: Học giới nữ, chính học nữ, học pháp nữ. Chỉ cho Ni chúng đang học pháp, chưa thụ giới Cụ túc, 1 trong 7 chúng nói trên. Trong 2 năm trước khi thụ giới Cụ túc, Ni chúng này phải học 4 giới căn bản và 6 pháp, tức học tập tất cả giới hạnh của Tỳ khưu ni; nhờ khoảng thời gian 2 năm ấy mà nghiệm biết Ni chúng này có thai hay không, đồng thời nhờ tu hành giới pháp và rèn luyện tâm tính mà tập quen với nếp sống xuất gia, khiến cho đạo tâm vững chắc. Bốn giới căn bản tức 4 giới trọng: Giới sát, giới đạo, giới dâm và giới đại vọng ngữ. Sáu pháp chỉ cho: Tâm nhiễm ô

đụng chạm người nam, lấy trộm tiền của người, giết hại chúng sinh, nói dối việc nhỏ, ăn phi thời và uống rượu. Theo luận Du già sư địa thì vì người nữ nhiều phiền não nên phải thực hành pháp thụ giới theo thứ lớp dần dần này - Phật Quang từ điển.

Kết luận:

Đến đây chấm dứt phẩm "Phương Tiện Tiện Xảo", những giải thích trên cũng tạm đủ, không cần phải dong dài, chỉ thêm rườm rà vô ích! Vì phẩm này có tên là "Phương Tiện Thiện Xảo", nhưng lại đề cập nhiều về pháp Không, đồng thời Kinh lại thuyết về "chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề là do sơ tâm hay hậu tâm", nhưng lại không nói mấy về phương tiện thiện xảo. Vậy, để đúc kết phẩm này chúng tôi trích dẫn lời bình giải của Thiền sư D.T. Suzuki trong phần nói về "Upàya, Phương tiện thiện xảo, để Các thiện hữu hiểu thế nào là phương tiện thiện xảo, thay thế cho phần kết luận của chúng tôi:

"Như thế chúng ta có thể thấy rằng, có một mối quan hệ ách yếu giữa Nhất thiết trí (Sarvajnata), Bát Nhã (prajna), Đại bi (Karuna), Phương tiện (Upaya) và Chính giác (Sambodhi) hay Giải thoát (Moksa). Theo lý thuyết mà nói: Nhất thiết trí là thành quả hay nội dung của Giác ngộ (Sambodhi) vốn được thể hiện bởi Bát Nhã; **nhưng tự thân của Bát Nhã thì không thể thành tựu một kết quả thực tiễn nào, nó hoạt dụng ngang qua Phương tiện sinh ra từ Đại bi**. Bát nhã Ba la mật phác họa những quan hệ này bằng các thí dụ như sau:

"Này Tu Bồ Đề; như một người vào biển, bỗng nhiên thuyền bị đắm. Nếu y không nắm chặt lấy phao, một khúc gỗ hay một tấm ván, chắc chắn y phải chết chìm trước khi vào đến bờ. Tu Bồ Đề, cũng vậy, Bồ Tát có thể, đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác (anuttara-samyak sambodhi), đã có tín tâm, có nhẫn thọ, có hâm mộ, có khát khao, có kiến giải, có thực hành, có hỉ, có lạc, có xả, có tinh tiến, có tôn trọng, có thâm tâm, có tịnh tâm, không buông trôi, không tán loạn. Tuy có đủ các công đức đó Bồ Tát vẫn không thể đạt tới Nhất thiết trí nếu không được hộ niệm bởi Bát Nhã và Phương tiện. Bởi vì nhất định sẽ bị thoái chuyển ở giữa đường sự nghiệp. "Giữa đường sự nghiệp" tức là Thanh văn thừa và Duyên giác thừa. Thoái chuyển tức là lạc mất dấu Nhất thiết trí.

"Lại nữa, như người giữ chặt phao, một khúc gỗ hay một tấm ván khi thuyền bị đắm, y sẽ an toàn sang tới bờ bên kia. Bồ Tát cũng vậy, bằng tất cả những công đức do có tín tâm, có nhẫn thọ, v.v..., đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác, **được hộ trì bởi Bát Nhã và phương tiện**; Bồ Tát đó sẽ đạt tới Nhất thiết trí mà không bị thoái chuyển giữa đường nơi Thanh văn thừa và Duyên giác thừa".

Một thí dụ khác: Giả sử có một người 120 tuổi; vì bị đủ mọi thứ bịnh hoạn bức bách, nên nằm yên trên giường mà nhẫn nại chịu đựng đau đớn; y không cách nào mộng tưởng được rằng có thể đứng dậy và đi chừng vài dặm thôi, chứ đừng nói đến chuyện đi dài hơn. Bỗng có hai người lực lưỡng đến đỡ y dậy, dìu y đi đến bất cứ nơi nào ưa thích. Y đi theo họ, mặc dù yếu đuối, cuối cùng vẫn có thể đi đến đích.

Cũng như vậy, dù có tín, có nhẫn, v.v... đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác, Bồ Tát vẫn không thể sang tới bờ bên kia. Nhất thiết trí, **nếu không được hộ trì bởi hai người lực lưỡng, là Bát Nhã và Phương tiện**; vì đó là những kẻ hộ trì của Bồ Tát trong quá trình hành đạo hướng đến đích của đời sống mình; nếu không có chúng, nhất định Bồ Tát bị lùi lại giữa đường và rơi vào trình độ Thanh văn và Duyên giác. Tại sao? Vì đó là như thực tính của vạn hữu".*(1)*

Ở đây, Bát nhã Ba la mật và phương tiện là những kẻ hộ trì của Bồ Tát trong quá trình hành động của các Ngài. Ngoài ra, tất cả các pháp mầu Phật đạo hay các công đức thiện căn cũng được xem là phương tiện thiện xảo của Bồ Tát như chúng ta đã học ở các phẩm trước.

Thích nghĩa cho phần chú giải của phần sau:

(1). Các dẫn chứng này của Thiền sư D.T. Suzuki rút ra từ phẩm "Các Dụ" Q.312, ĐBN hay phẩm "Thí Dụ" Q.548 của Tiểu Bản Bát Nhã (TBBN) do Ngài Huyền Trang dịch./.

---o0o---

51. PHẨM "HẠNH NGUYỆN"

Đầu quyển 331, Hội thứ I, ĐBN
(Tương đương phần cuối phẩm "Mộng Hành" quyển thứ 19, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

Này Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tu đủ sáu phép Ba la mật, thấy các hữu tình **bị lệ thuộc cảnh chúa tôi** thì phát nguyện rằng: Ta phải tinh cần, chẳng tiếc thân mạng, tu hành sáu phép Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, khiến mau viên mãn, chóng chứng quả vị Giác ngộ tối cao. Trong cõi Phật của ta, không có ai là chúa, không có ai là tôi, ai muốn làm việc gì đều được tự do, cho đến chẳng thấy hình tượng chúa tể, cũng chẳng nghe danh tự chúa tể, chỉ có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác dùng pháp thống nhiếp gọi là Pháp Vương.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy do sáu phép Ba la mật này, mau được viên mãn, gần gũi quả vị Giác ngộ tối cao.

Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tu đủ sáu phép Ba la mật, thấy các hữu tình **sống trong các cảnh giới sai biệt**: Địa ngục, quỷ giới, súc sanh, A tu la, nhơn, thiên, thấy rồi phát nguyện: Khi ta thành đạo, trong cõi Phật ta, không các cảnh giới sai biệt cũng không có danh tự sai biệt là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh v.v… Tất cả hữu tình đều cùng một loài, cùng tu một pháp là sáu pháp Ba la mật, an trụ pháp không nội cho đến pháp không không tánh tự tánh; an trụ chơn như, an trụ pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế v.v…; an trụ bốn Thánh đế, tu hành ba mươi bảy pháp trợ đạo; tu hành bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; tu hành tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ; tu hành tam giải thoát môn; tu hành ngũ nhãn, lục thần thông; tu hành pháp môn Đà la ni, Tam ma địa; tu hành Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng; tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; tu hành Bồ Tát hạnh; tu hành quả vị Giác ngộ tối cao.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy do sáu phép Ba la mật này, mà mau được viên mãn, gần gũi quả vị Giác ngộ tối cao.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tu đủ sáu phép Ba la mật, thấy các hữu tình **sanh ra trong bốn loài sai biệt**: Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh. Thấy như vậy rồi, mới phát nguyện khi thành Phật rồi trong cõi Phật Ta, các loài hữu tình đều là hóa sanh.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tu đủ sáu phép Ba la mật, thấy các hữu tình **không có 5 loại thần thông, đối với việc làm không được tự tại.** Thấy rồi phát nguyện, nếu Ta thành Phật, trong cõi Ta các loại hữu tình có năm tuệ thần thông đều được tự tại.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tu đủ sáu phép Ba la mật, thấy các hữu tình **thọ dụng đoàn thực***(1)*, thân có các thứ đại tiểu tiện, máu mủ hôi thối, thật đáng chán bỏ, thệ nguyện rằng: Khi Ta thành Chánh Đẳng Chánh giác rồi, trong cõi Phật của Ta, các hữu tình đều cùng thọ dụng món ăn diệu pháp hỷ, thân thể thơm sạch, không có các việc đại tiểu tiện dơ uế.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tu đủ sáu phép Ba la mật, thấy các hữu tình **thân không ánh sáng**, có làm việc gì phải nhờ đến ánh sáng bên ngoài. Nghĩ như thế rồi mới thệ nguyện: Nếu chứng quả vị Giác ngộ tối cao, trong cõi Phật của ta, thân các loài hữu tình đầy đủ ánh sáng, chẳng nhờ ánh sáng bên ngoài.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tu đủ 6 phép Ba la mật, **thấy nơi cư ngụ của các hữu tình có ngày có đêm**, có tháng nửa tháng, thời tiết số năm, chuyển biến chẳng thường, thì ước nguyện rằng: Trong cõi Phật của ta, không có ngày đêm, và tháng nửa tháng, thời tiết số năm v.v…

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tu đủ sáu phép Ba la mật, thấy các hữu tình **tuổi thọ ngắn ngủi**. Đã nghĩ vậy rồi, phát lời nguyện: Ta phải tinh cần, tu học, chóng mau chứng quả, khiến trong cõi Phật của ta, tuổi thọ của các loài hữu tình dài lâu, khó biết kiếp số.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tu đủ sáu phép Ba la mật, thấy các hữu tình **không có các tướng tốt**, mới ước nguyện, khi Ta thành Phật, cõi nước Ta, các loại hữu tình đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, tám mươi vẻ đẹp tùy hảo viên mãn.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tu đủ sáu phép Ba la mật, thấy loài hữu tình **xa lìa các căn lành**, mới phát nguyện: Trong cõi Phật của ta, các

loại hữu tình, tất cả đều thành tựu căn lành vi diệu thù thắng. Do căn lành này, thường cúng dường chư Phật, nương vào phước lực này, tùy theo chỗ thọ sanh, được hưởng nhiều phúc lợi.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tu đủ sáu phép Ba la mật, thấy các hữu tình **có đủ các bệnh** về thân tâm, mới phát nguyện: Khi Ta thành Phật, cõi nước của ta, các loại hữu tình, thân tâm thanh tịnh, không có nỗi khổ về bệnh, cho đến không nghe tên của các loại bệnh cũng chẳng nghe các bệnh phiền não như tham, sân, si, mạn v.v…

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tu đủ sáu phép Ba la mật, thấy có hữu tình **có đủ các ý thích**: Hoặc có người thích hướng đến Thanh văn thừa, hoặc có người thích hướng đến Độc giác thừa, hoặc có người thích hướng đến Vô thượng thừa. Thấy như vậy rồi mới ước nguyện, khi Ta thành Phật rồi thì cõi nước Ta chỉ có một thừa duy nhất, là Đại thừa mà thôi.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tu đủ sáu phép Ba la mật, thấy các hữu tình **khởi tăng thượng mạn**; chưa có thể thật sự xa lìa thập ác mà cho ta đã tu xong thập thiện; chưa đắc thiền, chưa đắc định mà cho ta đắc thiền, đắc định; chưa đắc tứ vô lượng mà cho ta đã hoàn tất từ, bi, hỷ, xả; chưa đắc các thần thông mà cho là đã chứng các thần thông; chưa đắc bậc chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện mà cho là đắc bậc chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện; chưa đắc quả vị Độc giác mà cho là đắc quả vị Độc giác; chưa đắc lục Ba la mật mà cho là đắc lục Ba la mật. Nói rộng ra, chưa đắc tất cả pháp Phật mà cho rằng ta đã chứng đắc tất cả pháp Phật.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, thấy việc đó rồi, nghĩ thế này: Ta phải làm thế nào để cứu giúp các loại hữu tình như thế, khiến họ xa lìa sự kết buộc của tăng thượng mạn. Đã nghĩ vậy rồi, phát lời nguyện: Ta phải tinh cần, chẳng tiếc thân mạng, tu hành sáu phép Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, khiến mau viên mãn, chóng chứng quả vị Giác ngộ tối cao. Trong cõi Phật của ta, không có hạng tăng thượng mạn như thế, tất cả hữu tình lìa tăng thượng mạn.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tu đủ sáu phép Ba la mật, thấy các hữu tình **chấp trước các pháp**, đó là chấp trước sắc, chấp trước thọ, tưởng, hành, thức; chấp trước mười hai xứ, mười tám giới; chấp trước tất

cả pháp Phật. Đại Bồ Tát ấy, thấy việc đó rồi, phát thệ nguyện: Trong cõi Phật của ta, các loại hữu tình không có các loại chấp trước như thế.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tu đủ 6 phép Ba la mật, thấy có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác **hào quang giới hạn, tuổi thọ giới hạn, các chúng đệ tử số lượng giới hạn**. Đại Bồ Tát ấy, thấy việc đó rồi, nghĩ thế này: Ta làm thế nào để được hào quang vô lượng, thọ mạng vô lượng, và các chúng đệ tử số lượng không giới hạn. Đã nghĩ vậy rồi, phát lời nguyện: Ta phải tinh cần, chẳng tiếc thân mạng, tu hành sáu phép Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến mau viên mãn, chóng chứng quả vị Giác ngộ tối cao. Bấy giờ, thân ta hào quang vô lượng, thọ mạng vô lượng, số lượng đệ tử được tăng lên vô lượng.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tu đủ 6 pháp Ba la mật, thấy cõi nước của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, **có chu vi giới hạn**. Đại Bồ Tát Ma ha tát này thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ta phải làm sao cho cõi Phật này có chu vi vô hạn. Đã suy nghĩ rồi, tác lời nguyện này: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành 6 pháp Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến cho mau viên mãn chứng quả vị Giác ngộ tối cao. Đại thiên thế giới mười phương đều như số cát sông Hằng hợp làm một cõi, Ta ở trong ấy thuyết pháp giáo hoá vô lượng vô số vô biên hữu tình.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tu đủ 6 Ba la mật, thấy các **hữu tình đường sanh tử quá dài, ác cõi hữu tình số ấy vô biên**. Đại Bồ Tát này thấy việc đây rồi, liền nghĩ: Ngằn mé sanh tử y như hư không, các cõi hữu tình cũng lại như thế. Tuy không thật có các loại hữu tình trôi lăn trong sanh tử hoặc được Niết bàn, mà các hữu tình vọng chấp là có, xoay quanh sanh tử, chịu khổ vô biên. Ta phải làm sao phương tiện cứu vớt. Đã suy nghĩ rồi, tác lời nguyện này: Ta phải tinh siêng chẳng đoái thân mạng, tu hành sáu Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật khiến cho chóng chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Vì các hữu tình thuyết Vô thượng pháp, đều khiến giải thoát đại khổ sanh tử, cũng khiến chứng biết sanh tử, giải thoát đều vô sở hữu, đều rốt ráo không.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này do sáu Ba la mật đây, mau được viên mãn gần gũi Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thích nghĩa:

(1). Đoàn thực hay suyển thực là thức ăn vo tròn. Theo tục lệ Ấn độ, dân Ấn không dùng muỗng nĩa để ăn mà thường dùng tay vo tròn thức ăn rồi bỏ vào miêng. Đoàn thực, nói chung là thức ăn cõi Dục, chia làm hai loại: 1- Thô thực: Như cơm, bánh, miến, mì v.v... 2- Tế thực: Như bơ, phô mai(cheese) v.v...

Sơ giải:

Phần cuối của phẩm "Mộng Hành" quyển thứ 19, MHBNBLMĐ *nói lên ước nguyện sâu xa của một vị Bồ Tát* ***giống như ước nguyện của Pháp Tạng Tỳ kheo trong Kinh Vô Lượng Thọ trước khi thành Phật A di đà****. Đó cũng là ước nguyện của Văn Thù, của Phổ Hiền, của Đức Quán Âm Bồ Tát hoặc bất cứ một vị Bồ Tát nào trong hằng sa thế giới.*

Tu Bồ Tát đạo hay Bồ Tát hạnh là thực hiện Bồ đề tâm, quyết tâm đạt Bồ đề vì lợi ích hữu tình, nhằm dẫn dắt cho chúng sanh đến Niết bàn dù phải trải qua bao gian nan thử thách trong vô lượng kiếp. Nhưng muốn thực hiện hạnh nguyện đó thì trước nhất phải tu đủ sáu phép Ba la mật còn gọi là tu lục độ vạn hạnh, tu tất cả các pháp mầu Phật đạo, lại phải tích tụ thiện căn công đức mới có thể đạt Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, để phục vụ chúng sanh.

Hạnh nguyện của một vị Bồ Tát là muốn thực hiện một thế giới lý tưởng, tạo một mô hình gương mẫu mà vô lượng vô biên thế giới hằng ước mơ về mọi phương diện vật chất cũng như tinh thần.

Phần cuối phẩm "Mộng Hành" quyển thứ 19, Kinh MHBNBLMĐ ghi như sau. *Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề:*

- "Có đại Bồ Tát lúc **hành bố thí Ba la mật**, hoặc thấy chúng sanh đói rét, y phục rách rưới, phát nguyện rằng: Trong thời gian tôi hành bố thí Ba la mật đó, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có sự đói rét như vậy. Những đồ dùng, thức ăn, thức uống, y phục… giống như cõi Trời Tứ Thiên Vương, Trời Đao Lợi, Trời Dạ Ma, Trời Đâu Suất, Trời Hóa Lạc, Trời Tha Hóa Tự tại.

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ bố thí Ba la mật, gần kề Vô thượng Bồ đề.

Lại nầy Tu Bồ Đề! Lúc **hành trì giới Ba la mật**, đại Bồ Tát thấy chúng sanh sát sanh, trộm cướp nhẫn đến tà kiến, bị chết yểu, nhiều bịnh, tướng xấu, thiếu oai đức, nghèo hèn, tàn tật, phải phát nguyện rằng: Trong thời gian tôi hành Trì giới Ba la mật đây, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có nghiệp ác và quả báo xấu như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ Trì giới Ba la mật, gần kề Vô thượng Bồ đề.

- Lại này Tu Bồ Đề! Lúc **hành Nhẫn nhục Ba la mật**, đại Bồ Tát thấy chúng sanh giận dữ, thù ghét, mắng nhiếc, đánh đập, tàn sát lẫn nhau, phải phát nguyện rằng: Trong thời gian tôi hành Nhẫn nhục Ba la mật đây, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có những sự đó, tất cả đều xem nhau như cha, như mẹ, như anh chị em, như thiện tri thức, đều có lòng từ bi.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ Nhẫn nhục Ba la mật, gần kề Vô thượng Bồ đề.

- Lại này Tu Bồ Đề! Lúc thực **hành Tinh tấn Ba la mật**, đại Bồ Tát thấy chúng sanh lười biếng, chẳng siêng tu pháp lành, rời bỏ ba thừa Thanh Văn, Bích Chi Phật, Phật thừa, phải phát nguyện rằng: Trong thời gian tôi hành Tinh tấn Ba la mật, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có sự như vậy, tất cả đều siêng tu tinh tấn, đều được đắc độ nơi pháp Nhất thừa.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy có thể đầy đủ Tinh tấn Ba la mật, gần kề Vô thượng Bồ đề.

- Lại này Tu Bồ Đề! Lúc **hành Thiền Ba la mật**, đại Bồ Tát thấy chúng sanh bị ngũ cái che đậy: Dâm dục, ngủ nghỉ, điệu hối, nghi ngờ, mất thiền, mất định, mất vô lượng tâm, phát nguyện rằng: Lúc tôi tu Thiền Ba la mật, nguyện khi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi đều không có sự như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy có thể đầy đủ Thiền Ba la mật, gần kề Vô thượng Bồ đề.

- Lại này Tu Bồ Đề! Lúc **hành Bát nhã Ba la mật**, đại Bồ Tát thấy chúng sanh ngu si, mất chánh kiến thế gian, xuất thế gian hoặc cho rằng không nghiệp, không nhân duyên, hoặc cho rằng thân là thường còn, hoặc cho rằng đoạn diệt, hoặc nói là vô sở hữu, phải phát nguyện rằng: Trong thời gian tôi hành Bát nhã Ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng

sanh, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có sự như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy thì có thể đầy đủ Bát nhã Ba la mật, gần kề Vô thượng Bồ đề.

Lại này Tu Bồ Đề! Lúc **hành sáu Ba la mật**, đại Bồ Tát thấy chúng sanh an trụ nơi ba tụ: Một là chánh định tụ, hai là tà định tụ, ba là bất định tụ, phải phát nguyện rằng: Lúc tôi hành lục Ba la mật, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, nguyện khi tôi thành Phật, chúng sanh trong cõi nước tôi không có tà định tụ, cũng không có danh từ tà tụ.

Nầy Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát tu hành như vậy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, gần kề Nhất thiết tướng trí".

Bồ Tát sống lăn lóc với chúng sanh, hiểu rõ thế gian đầy thống khổ này, nên Bồ Tát lập nguyện khi thành Phật sẽ xây dựng thế giới của mình là một thế giới lý tưởng, trong đó tất cả chúng sanh đều sống an lạc, hạnh phúc, thái bình về mọi phương diện vật chất cũng như tinh thần!

Đó là lý tưởng hoằng độ chúng sanh của Bồ Tát đạo với tứ vô lượng tâm, duy trì huyết mạch của Đại thừa, làm đẹp thế gian này dù trải qua muôn ngàn số kiếp khổ nhọc./.

---o0o---

52. PHẨM "CĂNG GIÀ THIÊN"*(1)*

Giữa quyển 331, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Hằng Già Đề Bà", quyển thứ 20, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

Lúc bấy giờ, trong pháp hội có một Thiên nữ tên là Căng Già Thiên, từ chỗ ngồi đứng dậy, phủ che vai bên trái, gối phải quỳ xuống đất, chấp tay hướng về Phật, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Cõi Phật mà con cầu như cõi Phật mà hiện nay Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vì các đại chúng đã nói đầy đủ tất cả cảnh tướng cõi ấy, ở trong Kinh Bát nhã Ba la mật này.

Căng già Thiên nói như vậy rồi, liền lấy các thứ hoa vàng, hoa bạc, hoa tươi trên bờ, dưới nước, các đồ trang nghiêm và cầm một chiếc thiên y*(2)* màu vàng, cung kính chí thành mà rải lên Phật. Do thần lực của Phật, thiên y bay vọt lên hư không, xoay qua phía bên phải, ở trên đỉnh Phật, biến thành đài báu có 4 trụ, 4 góc, thêu dệt trang trí rất dễ ưa thích.

Thiên nữ cầm đài báu này ban cho các hữu tình đều có như nhau, hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao.

Lúc bấy giờ, Như Lai biết thiên nữ kia, chí nguyện sâu rộng, liền mỉm cười, và khi chư Phật mỉm cười thì thường có các thứ hào quang từ miệng phóng ra, nay Phật Thích Ca cũng vậy, từ trong diện môn của Ngài, phóng ra các thứ hào quang xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, biếc, tía, lục, chiếu khắp vô lượng, vô biên, vô số thế giới trong 10 phương, rồi trở lại cõi này, hiện đại thần biến, xoay quanh Phật ba vòng, rồi nhập vào đỉnh Phật.

Lúc bấy giờ, A nan thấy việc ấy rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, gối phải quì xuống đất, chấp tay hướng về Phật, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Ngài mỉm cười, vì thường chư Phật mỉm cười, chẳng phải là không có nhân duyên?

Phật bảo A nan:

- Nay Thiên nữ này, ở đời vị lai sẽ được làm Phật, kiếp tên Tinh Dụ, hiệu Phật là Kim Hoa Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhơn Sư, Phật, Bạc Già Phạm. A nan nên biết, nay thiên nữ này, tức là thân nữ cuối cùng phải thọ; bỏ thân này rồi, liền thọ nam thân, tận đời vị lai, chẳng thọ lại thân nữ; từ đây chết rồi, sanh vào thế giới rất dễ ưa thích của đức Phật Bất Động Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở phương Đông. Tại cõi Phật kia, siêng tu phạm hạnh. Vị nữ này ở thế giới ấy cũng có tên là Kim Hoa, tu Bồ Tát hạnh.

Này A nan! Đại Bồ Tát Kim Hoa này, ở cảnh giới ấy chết rồi lại sanh phương khác, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, sanh ở bất kỳ cõi nào cũng chẳng xa Phật. Như chuyển luân vương từ đài quán này đến đài quán khác, vui vẻ hưởng lạc cho đến mạng chung, chân chẳng chạm đất, Bồ Tát Kim Hoa cũng lại như vậy, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác cho đến quả vị Giác ngộ tối cao ở trong bất cứ đời nào thường không xa Phật, nghe thọ Chánh pháp, tu Bồ Tát hạnh.

Lúc bấy giờ, A nan thầm nghĩ thế này: Bồ Tát Kim Hoa, khi thành Phật cũng tuyên thuyết Bát Nhã sâu xa. Chúng đại Bồ Tát ở pháp hội ấy, số nhiều hay ít có giống như hội chúng Bồ Tát của Phật này hay không?

Phật biết ý nghĩ ấy, bảo A nan:

- Đúng vậy! Đúng như ông đã nghĩ! Bồ Tát Kim Hoa khi thành Phật cũng vì chúng hội tuyên thuyết Bát Nhã sâu xa như thế. Chúng đại Bồ Tát ở pháp hội kia, số nhiều hay ít cũng như hội chúng Bồ Tát của Phật này.

Này A nan! Nên biết, đại Bồ Tát Kim Hoa ấy, khi thành Phật, thì thế giới của Phật ấy, số lượng đệ tử xuất gia rất nhiều, chẳng thể tính đếm: Hoặc trăm ngàn muôn ức, hoặc triệu, hoặc trăm triệu, hoặc ngàn triệu, hoặc trăm ngàn triệu chúng đại Bí sô, chỉ có thể nói tóm lại là vô số, vô lượng, vô biên trăm ngàn ức triệu chúng đại Bí sô.

Này A nan! Nên biết, Bồ Tát Kim Hoa ấy, khi thành Phật, ở cõi Phật ấy, không có nhiều tội lỗi như trong Kinh Bát nhã Ba la mật này đã nói.

Bấy giờ, cụ thọ A nan lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nay thiên nữ này, trước đây, đối với đức Phật nào, đã phát tâm cầu quả vị Giác ngộ tối cao, trồng các căn lành, phát nguyện hồi hướng mà nay được gặp Phật, cung kính cúng dường, để được thọ ký Bất thối chuyển?

Phật bảo A nan:

- Nay thiên nữ này, ở chỗ Phật Nhiên Đăng đã phát Bồ đề tâm*(3)*, trồng các căn lành, hồi hướng Phật đạo. Cho nên nay gặp ta, cung kính cúng dường để được thọ ký Bất thối chuyển.

Này A Nan! Như lúc đó chính ta dùng năm cành hoa, rải cúng dường Phật Nhiên Đăng để cầu Vô thượng Bồ đề. Phật Nhiên Đăng biết thiện căn của Ta đã thành tựu nên thọ ký Vô thượng Bồ đề cho Ta. Khi ấy, nữ nhơn này nghe Ta được thọ ký liền rải năm cành hoa vàng, cúng dường Phật Nhiên Đăng và nguyện rằng: Cầu mong cho con ở đời sau cũng được thọ ký Vô thượng Bồ đề như đại Bồ Tát này.

Cụ thọ A nan nghe Phật nói xong, rất đổi vui mừng, lại bạch Phật:

- Nay thiên nữ này, từ lâu, vì quả vị Giác ngộ tối cao, trồng cội phước, nay được thành thục nên được Phật thọ ký.

Phật bảo A nan:

- Đúng vậy! Nay thiên nữ này, từ lâu đã vì quả vị Giác ngộ tối cao, trồng cội phước, nay đã thành thục nên được Ta thọ ký.

Thích nghĩa:

(1). Căng Già Thiên tên của một thiên nữ xuất hiện trong Kinh Đại Bát Nhã, Kinh MHBNBLMĐ gọi là Hằng Già Đề Bà. Tuy hai mà một, tên của Thiên nữ được Phật thọ ký.

(2). Thiên y: Áo của nhà Trời như áo của các Thiên vương.

(3). Phát Bồ đề tâm hay Bồ đề tâm (Phạm: bodhi-citta) Gọi đủ: A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm. Cũng gọi là Vô thượng đạo tâm, Vô thượng đạo ý, Vô thượng tâm, Đạo tâm, Đạo ý, Đạo niệm, Giác ý. Tức là tâm cầu Bồ đề vô thượng (cầu thành Phật). Tâm Bồ đề là hạt giống sinh ra hết thẩy chư Phật, là ruộng tốt nuôi lớn các pháp lành. Nếu phát khởi tâm nầy mà tu hành tinh tiến, thì sẽ mau chóng được Bồ đề vô thượng. Cho nên biết tâm Bồ đề là chỗ bắt đầu của tất cả thệ nguyện chân chính, là gốc của Bồ đề, là chỗ dựa của đại bi và Bồ Tát học. Bồ Tát Đại thừa trước hết cần phải phát tâm rộng lớn, gọi là phát tâm Bồ đề, phát tâm, phát ý; mới bắt đầu phát tâm, gọi là sơ phát tâm. Người cầu sanh về Tịnh độ, cũng phải phát tâm Bồ đề. Kinh Vô lượng thọ quyển hạ nói, ba bậc người cầu vãng sanh đều phải phát tâm Vô thượng Bồ đề. Về thể tính của tâm Bồ đề, Kinh Đại nhật quyển 1 phẩm Trụ tâm nói, biết tâm mình một cách như thực, đó

là Bồ đề. ***Tức tâm tự tính trong sạch sẵn có là tâm Bồ đề****. Tâm Bồ đề nhờ vào nhiều duyên mà phát khởi. Theo Kinh Bồ Tát Địa trì quyển 1, thì có bốn thứ: 1- Thấy nghe thần thông biến hóa không thể nghĩ bàn của chư Phật và Bồ Tát mà phát tâm. 2- Tuy chưa thấy thần biến, nhưng được nghe nói về Bồ đề và Bồ Tát tạng mà phát tâm. 3- Tuy chưa nghe pháp, nhưng tự thấy tướng pháp diệt, vì muốn giữ gìn pháp mà phát tâm. 4- Tuy không thấy tướng pháp diệt, nhưng thấy chúng sinh đời ô trọc bị phiền não quấy phá khó phát được nên mình phát tâm. Lại Phát Bồ đề Tâm Kinh luận quyển thượng phẩm Phát tâm cũng nói có bốn duyên: 1- Tư duy về chư Phật. 2- Quán xét lỗi lầm của thân. 3- Thương xót chúng sinh. 4- Cầu quả tối thắng. Vô Lượng Thọ Kinh tông yếu lấy bốn thệ nguyện rộng lớn làm tâm Bồ đề và chia làm hai loại là Tùy sự phát tâm (do những việc cụ thể mà phát) và Thuận lý phát tâm (do chân lý phổ thông mà phát). Đại thừa Nghĩa chương quyển 9 thì lập ba loại phát tâm: 1- Tướng phát tâm, thấy tướng sinh tử và Niết bàn, nhàm chán sinh tử mà phát tâm cầu Niết bàn. 2- Tức tướng phát tâm, biết bản tính của sinh tử vắng lặng không khác gì Niết bàn; lìa tướng sai biệt mới khởi tâm bình đẳng. 3- Chân phát tâm, biết bản tính Bồ đề là tự tâm mình, Bồ đề tức là tâm, tâm tức là Bồ đề, mà quay về tâm gốc của chính mình. Ma Ha Chỉ Quán quyển 1 thượng nói, các Bồ Tát Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo, cho đến Viên giáo đều do suy lường về cái lý của Sinh diệt Tứ đế, Vô sinh Tứ đế, Vô lượng Tứ đế, Vô tác Tứ đế mà phát tâm, cho nên gọi là suy lý phát tâm. Luận Đại thừa Khởi tín thì nói ba loại phát tâm: Tín thành tựu phát tâm, Giải hành phát tâm, và Chứng phát tâm. Trong tín thành tựu phát tâm mà sinh khởi Trực tâm, Thâm tâm, Đại bi tâm thì cũng gọi là ba loại phát tâm. Mật giáo chủ trương phát tâm là một trong năm lần chuyển biến của chữ A, và dựa vào ba thứ Tâm Bồ đề: Hạnh nguyện, Thắng nghĩa, Tam ma địa trong luận Bồ đề tâm mà lập bốn loại phát tâm: 1- Tín tâm, chỉ cho tâm đối với việc cầu Vô thượng Bồ đề không một mảy may ngờ vực. Vì tâm này là nền tảng của muôn hạnh nên cũng gọi là Bạch tịnh tín tâm (lòng tin trắng sạch). 2- Đại bi tâm, sau khi phát Bạch tịnh tín tâm, lại lập bốn thệ nguyện rộng lớn, tâm này cũng gọi là Hạnh nguyện tâm, Hạnh nguyện Bồ đề tâm. 3- Thắng nghĩa tâm, trong các giáo pháp, chọn lựa giáo pháp chân thực. Tâm này cũng gọi là Thâm Bát Nhã tâm, Thắng nghĩa Bồ đề tâm. 4- Đại Bồ đề tâm, ngay lúc quyết định bỏ phần kém, chọn phần hơn, thì chư Phật mười*

phương liền hiện ở trước mặt để chứng minh, các ma thấy thế sợ mà rút lui. Đại Bồ đề tâm này cũng gọi Tam ma địa Bồ đề tâm. Tuy chia ra bốn tâm như trên, nhưng vốn là một thể, cho đến lúc thành quả Phật cũng không giây phút nào rời nhau. Được như thế là nhờ tự hành hóa tha, thế gian xuất thế gian tu tam mật của chư tôn mà ra, nên gọi là Hữu tướng Bồ đề tâm. Nhưng vì xưa nay vốn có tướng tức không tướng, cũng như hư không lìa tất cả tướng, nên khế hợp với Vô tướng Bồ đề tâm. Trong tông Tịnh độ Nhật bản, Ngài Nguyên Không có soạn Tuyển trạch bản nguyện niệm Phật tập, cho Bồ đề tâm là tạp hành, nên loại bỏ. Căn cứ vào lý này, phái Trấn tây thuộc tông Tịnh độ mới chia tâm Bồ đề thành Bồ đề tâm Thánh đạo môn và Bồ đề tâm Tịnh độ môn, và cho rằng Bồ đề tâm là Tổng an tâm, Tam tâm (Chí thành tâm, Thâm tâm, Hồi hướng phát nguyện tâm) là Biệt an tâm, vì thế chủ trương cần phải phát tâm Bồ đề. Lại nữa, phái Tây sơn thuộc tông Tịnh độ chia Bồ đề tâm làm Bồ đề tâm hành môn và Bồ đề tâm quán môn, chủ trương không cần Bồ đề tâm hành môn là vì trong Bồ đề tâm quán môn đã đầy đủ tam tâm rồi. Còn Tịnh độ chân tông thì chia Bồ đề tâm thành Tự lực Bồ đề tâm và Tha lực Bồ đề tâm. Trong hai tâm này, Phật dùng thệ nguyện gốc cho chúng sinh tâm tin ưa, tức là tín tâm chân thực vì tâm nguyện làm Phật (tâm tự lợi nguyện thành Phật), tâm độ chúng sinh (tâm lợi tha cứu độ hết thảy chúng sinh), cho nên gọi là Tha lực Bồ đề tâm, Tịnh độ đại Bồ đề tâm. [X. Kinh Đại phẩm Bát Nhã Q.9; Kinh Hoa nghiêm (bản dịch cũ) Q.9; Kinh Ưu bà tắc giới Q.1; Kim cương đính liên hoa bộ tâm niệm tụng nghi quĩ; Đại nhật Kinh sớ Q.1, Q.14; Ma ha chỉ quán Q.1 hạ]. - Từ điển Phật Quang.

*Ai cũng có một tâm, Phật cũng có một, chư Bồ Tát, Thanh văn, Độc giác cũng chỉ có một tâm không khác. Ngộ cũng tâm ấy mà mê cũng tâm ấy. Tâm mê là tâm sinh diệt đổi dời. Ngộ ngộ là **tâm như**. Tu cũng từ tâm ấy mà ra. Biết vậy, cứ ngày ngày quán chiếu tự tâm là tốt.* ***TB***

Lưu ý: *Muốn hiểu ý nghĩa Bồ đề tâm (một tiêu đề vĩ đại trong mạch sống Đại thừa), xin xem Luận Bốn: "Gandavỳuha và mong cầu giác ngộ" của Thiền sư D.T. Suzuki trong Thiền luận quyển hạ.*

Sơ giải:

Kinh Đại Bát Nhã đột ngột đưa ra một nhân vật tên là Căng Già Thiên hay Hằng Già Đề Bà, được Phật thọ ký thành Như Lai Chánh Đẳng giác. Sự kiện nầy có lẽ làm các đạo hữu ngạc nhiên. Nhân vật nầy không phải là một Bồ Tát đại từ đại bi như đức Quán Âm, đại trí như Văn Thù Sư lợi, đại hạnh như Phổ Hiền... Nhân vật nầy cũng không phải là đại đệ tử trí tuệ của Phật như Xá Lợi Phất, thần thông biến hóa như Mục kiền Liên, "người giải Không bậc nhất" như Tu Bồ Đề, người có trí nhớ siêu việt như Ngài A Nan hay biện tài vô ngại như Phú Lâu Na v.v... thường xuất hiện trong nhiều Kinh điển Phật học. ***Nhân vật nầy chỉ là một người bình thường như những chúng sanh bình thường khác*.**

Tuy nhiên, Căng Già Thiên biết chứa nhóm thiện căn, tích tụ công đức, lại phát nguyện rộng lớn tu hành sáu phép Ba la mật và các pháp mầu Phật đạo liền được Phật thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Điều đó chứng tỏ bất cứ ai tu lục Ba la mật và các pháp mầu Phật đạo lại chứa nhóm thiện căn, tích tụ công đức, phụng thờ Thiện hữu tri thức, cúng dường nhiều đời Phật... đều có cơ hội được thọ ký như trường hợp của thiên nữ nầy.

Phẩm nầy không phải là một phẩm đặc biệt, nhưng trở thành đặc biệt. Thiên nữ này bình thường cũng giống như trăm ngàn thiên nữ khác nhưng được thọ ký thành Phật vì chí nguyện sâu rộng, phát Bồ đề tâm, tu hành lục độ vạn hạnh, trồng nhiều cội phước, nay đã thành thục nên được Phật thọ ký. Điều đó có nghĩa ***ai cũng có phần*** *nếu tiến tu như Thiên nữ này.*

Phần thưởng Giác ngộ to lớn nhất không phải chỉ dành riêng cho Phật, mà dành cho tất cả chúng sanh kể từ khi Phật chứng ngộ. Phật đã trao chìa khóa đó cho tất cả chúng sanh kể từ khi Ngài Giác ngộ 26 thế kỷ trước. Phật như tâm bà lão luôn luôn nhắc nhở chúng sanh mà mấy ai chú ý nghe theo. Phát Bồ đề tâm, tịnh tu phạm hạnh rồi một ngày nào đó sẽ có cơ hội, không thể ngồi hả miệng chờ sung rụng, phải cần tu khổ hạnh, đào xới bới vỡ thì mới có miếng ăn./.

---o0o---

53. PHẨM "KHÉO HỌC"

Cuối Q.331 đến đầu Q.335, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương với 2 phẩm: Phẩm "Học Không Bất Chứng" và phẩm "Mộng Trung Bất Chứng" thuộc quyển thứ 20, Kinh MHBNBLMĐ)

Gợi ý:

*"Quán Không Bất Chứng", một pháp quán (tam muội): Không, Vô tướng, Vô nguyện mà Bồ Tát dùng để thâm nhập các pháp môn Phật học và khi các Bồ Tát thông đạt tất cả pháp Phật rồi, các Ngài không chứng thật tế và nhập Niết bàn. Trái lại, hạnh nguyện của các Ngài là cứu khổ chúng sanh, nên Kinh nói các Bồ Tát học quán Không, Vô tướng, Vô nguyên nhưng không chứng thật tế Không, Vô tướng, Vô nguyện. Đây chỉ là thời học không phải thời chứng, nên gọi pháp quán này là "**Quán Không Bất Chứng"**.*

*Kinh Đại Bát Nhã chỉ nói sơ qua thế nào gọi là "Mộng Trung Bất Chứng" của một vị Bồ Tát, nhưng lại nói nhiều về các giáo pháp đã từng được tuyên thuyết trước đây. Vì vậy, phẩm tựa và nội dung không ăn khớp nhau. Chúng tôi chủ yếu chỉ lược tóm phần "Mộng Trung Bất Chứng" mà không lặp lại các phần đã trì tụng trước đây. Kinh MHBNBLMĐ cũng gọi đoạn Kinh này là "**Mộng Trung Bất Chứng**".*

Để cho dễ trì tụng chúng tôi chia phẩm "Khéo Học" của Kinh ĐBN làm hai: 1. Đoạn một: Nói về Quán Không Bất Chứng, và 2. Đoạn hai: Nói về "Mộng Trung Bất Chứng".

Tóm lược:

1. <u>Đoạn một</u>: Quán Không Bất Chứng.
(Tương đương với đoạn Kinh "Học Không Bất Chứng", Kinh MHBNBLMĐ)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát tu hành sâu sắc Bát nhã Ba la mật, làm thế nào tập gần và nhập Tam ma địa Không, Tam ma địa Vô tướng, Tam ma địa Vô nguyện? Làm thế nào

tập gần bốn niệm trụ, làm thế nào tu bốn niệm trụ? Làm thế nào tập gần và tu 37 pháp trợ đạo? Làm thế nào tập gần và tu Phật mười lực? Làm thế nào tập gần bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, làm thế nào tu bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát tu hành sâu sắc Bát nhã Ba la mật nên quán uẩn xứ giới cùng các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra là **không**; nên quán lục đại chủng là không; nên quán 12 duyên khởi là **không**; nên quán bố thí Ba la mật là **không**, nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật là không; nên quán 18 pháp không; nên thập nhị chân như là không; nên quán tứ Thánh đế là không; nên quán bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc là không; nên quán tám giải thoát là không, nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ là không; nên quán tam giải thoát môn là không; nên quán mười địa Bồ Tát của Ba thừa là không; nên quán năm loại mắt là không, nên quán sáu phép thần thông là không; nên quán Phật mười lực là không, nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng là không; nên quán pháp không quên mất là không, nên quán tánh luôn luôn xả là không; nên quán Nhất thiết trí là không, nên quán Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí là không; nên quán tất cả pháp môn Đà la ni là không, nên quán tất cả pháp môn Tam ma địa là không; nên quán quả Dự lưu là không, nên quán quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán là không; nên quán quả vị Độc giác là không; nên quán tất cả hạnh Bồ Tát là không; nên quán quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật là không; nên quán pháp hữu lậu pháp vô lậu là không; nên quán pháp thế gian xuất thế gian là không; nên quán pháp hữu vi pháp vô vi là không; nên quán pháp quá khứ, vị lai, hiện tại là không; nên quán pháp thiện pháp bất thiện, vô ký là không; nên quán pháp Dục giới là không, nên quán pháp Sắc, Vô sắc giới là không *(nghĩa là quán tất cả pháp Phật là không)*

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, khi quán như vậy, khiến tâm chẳng loạn; **nếu tâm chẳng loạn thì chẳng thấy pháp; nếu chẳng thấy pháp thì chẳng chứng đắc.** Vì sao?

Này Thiện Hiện! Vì Đại Bồ Tát ấy, khéo học **tự tướng các pháp đều không, không có pháp nào có tăng, không có pháp nào giảm**, cho nên

đối với *(tất cả pháp)* chẳng thấy, chẳng chứng. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì ở trong thắng nghĩa đế của tất cả pháp, năng chứng, sở chứng, chỗ chứng, thời chứng và do pháp đó được chứng, hoặc hiệp hoặc ly đều chẳng thể nắm bắt được, chẳng thể thấy được.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như Phật đã dạy, các đại Bồ Tát đối với cái không của các pháp, chẳng nên chứng đắc. Bạch Thế Tôn! Vì sao các đại Bồ Tát an trụ cái không của các pháp mà chẳng chứng đắc?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi quán cái không của pháp thì trước hết nghĩ thế này: Ta nên quán các tướng của pháp đều không, chẳng nên chứng đắc. **Ta vì học nên quán cái không của các pháp chứ chẳng vì chứng đắc mà quán cái không của các pháp. Nay là thời học chứ chẳng phải là thời chứng.**

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, chưa nhập định vị, buộc tâm ở sở duyên; khi đã nhập định thì chẳng để tâm nơi cảnh.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, đang lúc ấy, chẳng từ bỏ lục Ba la mật, chẳng chứng các lậu tận; chẳng từ bỏ 18 pháp không, chẳng chứng các lậu tận; chẳng từ bỏ thập nhị nhân duyên, chẳng chứng lậu tận; chẳng từ bỏ tứ đế, chẳng chứng lậu tận; chẳng từ bỏ bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, chẳng chứng lậu tận; chẳng từ bỏ tám giải thoát, chẳng chứng lậu tận, chẳng từ bỏ tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, chẳng chứng lậu tận; cho đến chẳng từ bỏ Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; chẳng từ bỏ quả vị Giác ngộ tối cao, chẳng chứng lậu tận. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì đại Bồ Tát ấy thành tựu đại trí vi diệu như thế, khéo an trụ pháp không và tất cả pháp Bồ đề phần*(1),* nghĩ thế này: **Bây giờ nên học chẳng phải là thời chứng.**

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy tu hành sâu sắc Bát nhã Ba la mật nên nghĩ thế này: Ta đối với bố thí Ba la mật, bây giờ nên học, chẳng nên chứng; ta đối với tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, bây giờ nên học, chẳng nên chứng. **Nói tóm lại, Ta đối với tất cả pháp Phật, bây giờ là thời học, chẳng phải thời chứng.**

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy tu hành sâu xa Bát nhã Ba la mật, nên tập gần, nên an trụ, nên tu hành Tam ma địa Không, Vô tướng, Vô nguyện, nhưng đối với thật tế chẳng nên chứng đắc. Nên tập gần 37 pháp trợ đạo, nhưng đối với thật tế chẳng nên chứng đắc. Như vậy cho đến nên

tập, nên hướng đến, nên tu hành Phật mười lực, nhưng đối với thật tế chẳng nên chứng đắc. Nên tập gần, nên hướng đến, nên tu bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, nhưng đối với thật tế chẳng nên chứng đắc.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy tuy tập gần, an trụ, tu hành Tam ma địa Không, Vô tướng, Vô nguyện, nhưng chẳng chứng quả Dự lưu, cũng chẳng chứng quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, cũng lại chẳng chứng Độc giác. Tuy tập gần, an trụ, tu hành 37 pháp trợ đạo, nhưng chẳng chứng quả Dự lưu, cũng chẳng chứng Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, cũng lại chẳng chứng Độc giác. Đại Bồ Tát ấy, do nhân duyên này, chẳng rơi vào địa vị Thanh văn và Độc giác, mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Này Thiện Hiện! **Thí như vị tráng sĩ, oai dũng mạnh mẽ**, tướng mạo đoan nghiêm, người thấy hoan hỷ, đầy đủ quyến thuộc, rất thanh tịnh viên mãn, đối với các binh pháp, học đến chỗ rốt ráo, khéo cầm khí trượng, vững chắc bất động, 64 tài năng, 18 loại Kinh thư, tất cả kỹ thuật đều làu thông, mọi người nhìn vào thảy đều kính phục; vì việc làm khéo léo nên công ít mà được lợi nhiều. Do đó mà mọi người cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen. Bấy giờ, người ấy càng thêm vui mừng, phấn khởi tự bằng lòng với mình. Vì có duyên sự, người ấy đưa những người già yếu và thân bằng quyến thuộc đi đến địa phương khác; giữa đường ngang qua cánh đồng hoang vắng đầy hiểm nạn, nơi ấy có nhiều ác thú, giặc cướp, oan gia, tiềm phục các việc khiếp sợ. Thân quyến lớn nhỏ đều sợ hãi kinh hoàng. Người ấy tự trông cậy vào sức mạnh uy mãnh của mình, có nhiều kỹ thuật nên thân ý thư thái, an ủi cha mẹ cùng thân quyến chớ lo sợ, sẽ làm cho hết khổ. Khi ấy, người ấy dùng xảo thuật khéo léo, đưa các thân quyến đến chỗ an ổn. Đã thoát nạn hiểm rồi, mừng vui thọ lạc, nhưng vị tráng sĩ ấy, ở nơi chốn đồng hoang, ác thú oán tặc không có ý làm hại. Vì sao? Vì tự trông cậy vào sức mạnh, đủ các kỹ thuật không hề sợ sệt.

Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát cũng lại như thế, vì thương yêu các hữu tình bị khổ sanh tử, nên hướng đến quả vị Giác ngộ, nên hướng đến duyên khắp hữu tình, khởi bốn vô lượng, an trụ tâm câu hành với bốn vô lượng, tinh cần tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, khiến mau viên mãn. Đại Bồ Tát ấy đối với sáu phép Ba la mật này, ở giai vị chưa viên mãn, vì muốn tu học Nhất thiết trí, nên chẳng chứng lậu tận. Tuy an trụ pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô

nguyện, nhưng chẳng theo thế lực của pháp môn ấy, cũng chẳng bị dẫn dắt theo sự chướng ngại ấy; đối với pháp môn giải thoát cũng chẳng chứng đắc. Vì chẳng chứng nên chẳng rơi vào địa vị Thanh văn và Độc giác, chắc chắn hướng đến quả vị Giác ngộ nên hướng.

Này Thiện Hiện! Như con chim có đôi cánh khỏe bay trên hư không, tự tại bay lượn đùa giỡn, chẳng rơi xuống đất. Tuy nương hư không đùa giỡn nhưng chẳng chiếm cứ hư không, cũng chẳng bị hư không ngăn ngại.

Này Thiện Hiện! Nên biết, các đại Bồ Tát cũng lại như vậy, tuy đối với pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện luôn luôn tập gần, an trụ, tu hành nhưng chẳng chứng đắc; do chẳng chứng đắc nên chẳng rơi vào địa vị Thanh văn và Độc giác. Tu Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí trí, nếu chưa viên mãn thì chẳng bao giờ nương ba pháp Tam ma địa không, vô tướng, vô nguyện mà chứng lậu tận.

Này Thiện Hiện! **Thí như người khỏe mạnh thông thạo nghệ thuật bắn cung**, muốn biểu diễn tài nghệ của mình, ngước bắn lên hư không, vì muốn mũi tên ở trên không, không rơi xuống đất, nên dùng mũi tên sau bắn mũi tên trước. Cứ như vậy, lần lượt trải qua nhiều thời gian, mũi tên này nối đuôi mũi tên kia chẳng cho rơi xuống; nếu muốn cho rơi xuống thì dừng bắn; khi ấy, các tên liền rơi xuống đất.

Này Thiện Hiện! Nên biết, các đại Bồ Tát cũng giống như thế, vì tu hành sâu sắc Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện thiện xảo nhiếp thọ, cho đến quả vị Giác ngộ tối cao, tu hành căn lành nếu chưa thành thục, thì chẳng bao giờ nửa chừng mà chứng thật tế*(2)*. Nếu muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, thì nhơn tu hành căn lành, tất cả đều thành thục, bấy giờ Bồ Tát mới chứng thật tế, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Vì vậy, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát tu hành sâu sắc Bát nhã Ba la mật, đều nên quán xét kỹ lưỡng về thật tướng của các pháp như trước đã nói.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát thường làm việc khó làm, tuy học thập nhị chân như; tuy học các 18 pháp không; tuy học tứ đế, 37 pháp trợ đạo; tuy học pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, nhưng nửa chừng chẳng rơi vào địa vị Thanh văn và Độc giác, thối thất quả vị Giác ngộ tối cao.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy rất là hiếm có.

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Vì các đại Bồ Tát ấy đối với các hữu tình, thề chẳng rời bỏ. Họ nguyện: Nếu các hữu tình chưa được giải thoát, thì ta quyết chẳng bỏ gia hạnh đã khởi.

Này Thiện Hiện! Nguyện lực của các đại Bồ Tát thù thắng, thường nghĩ: Tất cả hữu tình nếu chưa giải thoát, ta quyết chẳng bỏ họ. Do phát khởi tâm rộng lớn như thế, nên nửa chừng quyết chẳng thối lui.

Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát thường nghĩ thế này: Ta chẳng nên bỏ tất cả hữu tình, quyết khiến họ giải thoát. Nhưng các hữu tình làm việc bất chánh, ta vì độ họ nên luôn chỉ dẫn pháp môn giải thoát tịch tịnh là không, vô tướng, vô nguyện. Tuy luôn luôn chỉ dẫn mà chẳng thủ chứng.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy vì thành tựu sức phương tiện thiện xảo, nên tuy luôn luôn hiện khởi ba pháp môn giải thoát, nhưng nửa chừng chẳng chứng thật tế cho đến chưa chứng đắc Nhất thiết trí trí, cần phải chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao thì mới thủ chứng.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát thường ưa quán xét chỗ sâu xa, đó là ưa quán sát 18 pháp không; cũng ưa quán sát 37 pháp trợ đạo và pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện v.v... **đều là tự tánh không**.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy quán sát như vậy rồi, sanh khởi ý nghĩ thế này: Các loại hữu tình do sức của bạn ác, ở trong đêm dài khởi tưởng chấp ngã, tưởng chấp hữu tình, tưởng chấp dòng sanh mạng... cho đến tưởng chấp cái biết, cái thấy. Do tưởng chấp này mà việc làm **có sở đắc** luân hồi sanh tử, chịu đủ các khổ. Vì dứt trừ các tưởng chấp như thế của hữu tình nên ta hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao; vì các hữu tình mà nói pháp sâu xa mầu nhiệm, khiến đoạn tưởng chấp, lìa khổ sanh tử.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, bấy giờ, tuy tu tập pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện nhưng chẳng nương vào pháp này mà chứng thật tế, vì đối với thật tế chẳng thủ chứng, nên chẳng rơi vào quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, cũng lại chẳng rơi vào Độc giác.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy do nghĩ như thế, nên tu hành sâu sắc Ba la mật thành tựu căn lành, chẳng chứng thật tế; tuy đối với thật tế chưa chứng đắc ngay, nhưng chẳng từ bỏ bốn tịnh lự, cũng chẳng từ bỏ bốn vô lượng, bốn định vô sắc; cũng chẳng từ bỏ 37 pháp trợ đạo; cũng chẳng từ bỏ tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ; cũng chẳng từ bỏ tam giải thoát môn, 18 pháp không; cũng chẳng từ bỏ thập nhị

chân như; cũng chẳng từ bỏ tứ Thánh đế; lục Bát nhã Ba la mật; cũng chẳng từ bỏ năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng chẳng từ bỏ tất cả pháp môn Đà la ni, pháp môn Tam ma địa; cũng chẳng từ bỏ Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, cũng chẳng từ bỏ đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả; cũng chẳng từ bỏ pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng chẳng từ bỏ Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, bấy giờ, thành tựu tất cả pháp phần Bồ đề, cho đến chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, đối với các công đức chẳng hề suy giảm.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy tu hành sâu sắc Bát nhã Ba la mật vì dùng phương tiện thiện xảo nhiếp thọ, cho nên trong từng sát na, bạch pháp tăng trưởng, các căn lanh lợi, vượt qua tất cả Thanh văn, Độc giác.

Lại nữa, Thiện Hiện! Hoặc đại Bồ Tát thường nghĩ thế này: Các loại hữu tình ở trong đêm dài, tâm họ thường bị bốn món làm điên đảo, đó là thường, lạc, ngã, tịnh: Tâm điên đảo, kiến điên đảo, tưởng điên đảo. Ta vì các hữu tình như vậy, nên hướng đến quả vị Giác ngộ, tu các hạnh đại Bồ Tát. Khi chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, vì các hữu tình nói pháp không điên đảo: Nói sanh tử là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, chỉ có Niết bàn là tịch tịnh vi diệu, đầy đủ các loại công đức chơn thật Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy thành tựu niệm này: Tu hành sâu sắc Bát nhã Ba la mật. Vì dùng phương tiện thiện xảo nhiếp thọ, nên đối Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, nếu chưa viên mãn thì chẳng bao giờ nhập thắng định của Như Lai.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, bấy giờ, tuy tu tập pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện nhập xuất tự tại, nhưng đối với thật tế, chưa chứng đắc ngay, vì công đức tu hành chưa hoàn toàn viên mãn, nên chẳng chứng đắc thật tế và các công đức khác, chỉ khi nào viên mãn quả vị Giác ngộ tối cao mới chứng đắc.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, bấy giờ, tuy đối với các công đức khác, tu chưa viên mãn, nhưng đối với pháp môn Tam ma địa không, vô tướng, vô nguyện tu đã viên mãn.

Lại nữa, Thiện Hiện! Hoặc đại Bồ Tát luôn nghĩ thế này: Các loại hữu tình ở trong đêm dài, tu **hành có sở đắc**, đó là chấp có ngã, hoặc chấp có hữu tình, dòng sanh mạng, khả năng sanh khởi, sự dưỡng dục... cho đến cái biết, cái thấy; hoặc chấp uẩn xứ giới hoặc chấp các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra; hoặc chấp lục đại chủng; hoặc chấp 12 duyên khởi; hoặc chấp có mười thiện nghiệp đạo; hoặc chấp có bốn tịnh lự, hoặc chấp có bốn vô lượng, bốn định vô sắc. Ta vì các hữu tình như thế, nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, tu các hạnh Bồ Tát; khi chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, khiến các hữu tình vĩnh viễn dứt trừ các chấp.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy thành tựu tâm niệm này, tu hành sâu sắc Bát nhã Ba la mật, vì dùng phương tiện thiện xảo nhiếp thọ nên đối với Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng nếu chưa viên mãn thì chẳng chứng thật tế.

Lại nữa, Thiện Hiện! Hoặc đại Bồ Tát tu hành sâu sắc Bát nhã Ba la mật, thấy các hữu tình do sức bạn ác, trong đêm dài **chấp trước vô lượng các loại tướng**, đó là chấp trước tướng nữ, tướng nam, tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên luôn luôn nghĩ: Ta vì các loài hữu tình như thế nên hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, tu các hạnh Bồ Tát, khi chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, khiến các hữu tình vĩnh viễn không có sự chấp trước các tướng như thế.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy thành tựu tâm niệm này, tu hành sâu sắc Bát nhã Ba la mật, vì dùng phương tiện thiện xảo nhiếp thọ, nên đối với Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng nếu chưa viên mãn thì chẳng chứng thật tế.

Lại nữa, Thiện Hiện! Hoặc đại Bồ Tát đã tu học hoàn hảo lục Ba la mật; đã an trụ 18 pháp không; đã an trụ hoàn hảo thập nhị nhân duyên; đã an trụ hoàn hảo tứ Thánh đế; đã tu học hoàn hảo 37 pháp trợ đạo; đã tu tập hoàn hảo tam giải thoát môn; đã tu học hoàn hảo cho đến Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng và vô lượng, vô biên Phật pháp khác.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy thành tựu công đức trí tuệ như thế, nếu đối với sanh tử phát khởi ý tưởng ưa thích, hoặc nói là ưa thích, hoặc đối với ba cõi, chấp trước an trụ thì không có việc đó.

Tóm lại, Bồ Tát tu hết 6 Ba la mật và tất cả pháp Phật hoặc trụ hoặc chẳng trụ địa vị Bất thối chuyển nhưng chẳng chứng thật tế để nhập Niết bàn, cũng vì bản nguyện phục vụ chúng sanh. Kinh bảo: Đây là thời tu chẳng phải là thời chứng. Đó là pháp "quán không bất chứng!"

Thích nghĩa <u>Đoạn một</u> *"Quán Không Bất Chứng":*

(1). Bồ đề phần: (Phạm: Bodhyaíga) cũng gọi giác chi, giác phần. Phần nghĩa là chi phần, là nhân. Bồ đề phần giải thích theo nghĩa rộng là chỉ chung 37 phẩm trợ đạo, là những phương pháp tu hành để tầm cầu trí tuệ, gồm: Tứ niệm trụ, Tứ chính cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác phần, Bát chính đạo phần v.v... Vì 37 pháp phần này đều thuận tới Bồ đề, cho nên đều gọi là Bồ đề phần pháp. Bồ đề phần giải thích theo nghĩa hẹp thì chỉ riêng cho Thất giác phần trong 37 phẩm trợ đạo, tức là: 1- Niệm giác chi, 2- Trạch pháp giác chi, 3- Tinh tiến giác chi, 4- Hỷ giác chi, 5- Khinh an giác chi, 6- Định giác chi, và 7- Xả giác chi. (Xem Kinh Nhân vương hộ quốc Bát nhã Ba la mật đa Q. hạ; Đại thừa nghĩa chương Q.16, hay có thể xem thêm Thất Giác Chi, Tam Thập Thất Đạo Phẩm). Từ điển Phật Quang. (xem lại phần thứ I Tổng luận có giải thích chi tiết).

(2). Thực tế hay thật tế: Thực tế một trong những từ khó giải thích nhất mà Bát Nhã thường lặp đi lặp lại nhiều lần. Tùy theo các tông phái, tùy theo trình độ tu tập, công phu hành trì của mỗi cá nhân mà có những nhận định khác nhau về từ nầy. Trong văn chương Phật học thường đặt từ nầy ngang hàng hay có thể thay thế với chân như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, hư không giới, bất tư nghì giới, Phật tánh, bình đẳng tánh, như như, Như lai tạng v.v… (Vì thật tế là một thành tố trong nhị thập chân như đã thích nghĩa trước đây). Thực tế (Bhutakoti) theo D.T. Suzuki là "Biên tế của Thực tại", bhùta: ***Thực*** *=thực tại, và koti:* ***Tế*** *=biên tế. Vì thường được dùng đồng nghĩa với Tánh Không, nó chỉ cho cái cùng đích biên tế của hết thảy thực tại. Nếu Tánh Không được đồng hóa với Tuyệt Đối, Thực tế (Bhutakoti) cũng là một từ ngữ khác chỉ cho Tuyệt Đối. Nó có một âm hưởng lạnh lùng của trí năng. Các hàng Thanh văn và Duyên giác, theo các nhà Đại thừa, cứ bị đắm sâu trong đó với đôi mắt hoàn toàn khép kín trước những thống khổ của quần sinh. Họ thủ chứng Thật tế. Nhưng Bồ Tát từ chối đồng nhất mình với Tuyệt Đối, bởi vì đồng nhất như thế là chận đứng những rung động của con tim đang rung cảm trước thế giới sai biệt và bất ổn. Nói cách khác, với con mắt của thanh tịnh tuyệt*

đối, Bồ Tát trực nhận Như tính (Tathatà) của vạn hữu, và đó là Tánh Không (Sùnyatà), nhưng con mắt kia vẫn mở, nhìn vào thiên sai vạn biệt, nghĩa là nhìn vào thế giới của vô minh và khổ lụy. Nói theo chuyên môn, cái đó gọi là "Quán không bất chứng": Na bhutakotim saksatkaroti, không thủ chứng Thực tế ở đó".

Sơ giải:

*(Cho **Đoạn một**: "Quán Không Bất Chứng")*

"Các đại Bồ Tát tu hành thậm thâm Bát Nhã làm thế nào để tiến đến và thâm nhập Tam ma địa Không, Vô tướng, Vô nguyện? Làm thế nào để tiến đến và thâm nhập 37 pháp trợ đạo? Làm thế nào để tiến đến và thâm nhập bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng?

Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã nên **quán sắc là không**, nên quán thọ, tưởng, hành, thức là không; nên quán 12 xứ, 18 giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, Nhất thiết chủng trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao là không. Nếu các Bồ Tát quán được như vậy thì tâm chẳng động chuyển, tâm chẳng động thì không thấy pháp, nếu không thấy pháp thì chẳng thấy đắc. Vì sao? Vì Đại Bồ Tát ấy, khéo học tự tướng các pháp đều là không, không có pháp nào có tăng có giảm, cho nên đối với tất cả pháp chẳng thấy, chẳng thấy nên chẳng chứng. Vì sao? Vì **trong thắng nghĩa đế của tất cả pháp, năng chứng, sở chứng, chỗ chứng, thời chứng và do pháp đó chứng được, hoặc hiệp, hoặc ly đều chẳng thể nắm bắt được, chẳng thể thấy được.**

Bồ Tát quán các pháp đều không, nên **không an trụ không**, **không chứng đắc không**. **Vì đây là thời học chẳng phải thời chứng.** Bồ Tát không buộc tâm nơi sở duyên, nơi trần cảnh. Bồ Tát chẳng từ bỏ lục Ba la mật, chẳng chứng lậu tận; Bồ Tát chẳng từ bỏ 18 pháp không; Bồ Tát chẳng từ bỏ thập nhị chân như; chẳng bỏ tám giải thoát, chẳng từ bỏ tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ; chẳng từ bỏ 37 pháp trợ đạo; chẳng từ bỏ bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng từ bỏ pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, chẳng từ bỏ Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí; chẳng từ bỏ tất cả pháp môn Đà la ni, Tam ma địa;

chẳng từ bỏ Bồ Tát hạnh*(1)*, chẳng từ bỏ quả vị Giác ngộ tối cao, chẳng chứng lậu tận. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy thành tựu đại trí vi diệu như thế, khéo an trụ pháp không và tất cả Bồ đề phần pháp, và nghĩ: **Bây giờ là thời học chẳng phải là thời chứng. Bây giờ, nên học tất cả các thiện pháp cho thật viên mãn chớ không nên chứng!**

Đại Bồ Tát ấy tu hành thậm thâm Bát Nhã, nên tập gần Tam ma địa Không, an trụ Tam ma địa Không, tu hành Tam ma địa Không nhưng chẳng chứng đắc thật tế Không. Nên gần Tam ma địa Vô tướng, Vô nguyện, an trụ Tam ma địa Vô tướng, Vô nguyện, tu hành Tam ma địa Vô tướng, Vô nguyện nhưng chẳng đắc thật tế. Tuy tập gần bốn niệm trụ, an trụ bốn niệm trụ, tu hành bốn niệm trụ, nhưng chẳng chứng quả Thanh văn, quả vị Độc giác; tuy tập 37 pháp trợ đạo, 12 nhân duyên nhưng chẳng chứng A la hán, chẳng chứng quả vị Độc giác Bồ đề. Đại Bồ Tát ấy, do nhân duyên này, chẳng rơi vào địa vị Thanh văn và Độc giác, mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

(...)Bồ Tát cũng như vậy, tu tập Bát nhã Ba la mật và các phương tiện thiện xảo không phải để cho mình chứng đắc và nhập Niết bàn mà hạnh nguyện các Ngài là học tập để cứu độ chúng sanh.

Như chim có đôi cánh mạnh mẽ, bay bổng trong hư không, bình thản bay lượn rất lâu mà không bị rơi xuống. Tuy nương hư không nô đùa mà không trụ hư không, cũng không bị hư không câu ngại. Nên biết Bồ Tát cũng như vậy, tuy tu tập pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện mà không trụ không, vô tướng, vô nguyện. Cho đến tất cả pháp Phật chưa viên mãn cùng tận thì không bao giờ nương vào đó để vĩnh viễn chấm dứt các lậu, rồi nhập Niết bàn”*(2)*.

Bồ Tát mong cầu Giác ngộ tối thượng, được hộ trì bởi Bát nhã Ba la mật và các phương tiện thiện xảo, thành tựu Vô thượng Giác ngộ, nhưng không quên tác ý đại bi. Hành trong Không, trụ trong Không, đạt Tam muội Không, nhưng không thủ đắc Thật tế của Không, lăn xả trong chốn quần sanh trải qua nhiều kiếp khổ lụy để thực hiện tâm nguyện: Ngày nào chúng sinh còn khổ ngày đó Bồ Tát không muốn thành Phật và nhập Niết bàn. Đó là hạnh nguyện cao cả của Bồ Tát. Chính nhờ hạnh nguyện này mà hạt giống Như lai còn tiếp nối mãi tận cùng vị lai.

Vì vậy, Phật bảo:

"Này Thiện Hiện! Nếu các Bồ Tát đối với chỗ sâu xa, hoặc đã quán sát, hoặc sẽ quán sát, nghĩa là chỗ sở hành của ba pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện đẳng trì, các Bồ Tát này thường nghĩ: Hữu tình luôn luôn khởi tưởng, **hành có sở đắc, dẫn đến các nẻo tà,** luân hồi trong sanh tử, chịu khổ vô cùng. Ta vì đoạn tận ác kiến cho chúng hữu tình kia nên cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì các hữu tình mà thuyết pháp Không để chấm dứt sự chấp chặt kia, và ra khỏi khổ sanh tử. Thế nên tuy học pháp môn giải thoát Không mà trong thời gian đó không chứng Thật tế.

Thiện Hiện nên biết: Các Bồ Tát này do khởi nghĩ phương tiện thiện xảo, tuy ở khoảng giữa không chứng thật tế, nhưng không thối lui bốn định vô lượng. Vì sao? Vì các Bồ Tát này đã được phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật sâu xa hộ trì, nên thiện pháp tăng trưởng, và các căn thông lợi, các Bồ đề phần pháp càng ngày càng được nâng cao".

Do các căn thông lợi, các thiện pháp tăng trưởng nên dễ tiến đến Vô thượng Bồ đề vượt hẳn Thanh văn, Duyên giác. Bấy giờ Bồ Tát mới chứng thật tế, mới chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Còn ở khoảng giữa chỉ là thời học chớ không phải thời chứng. Học tất cả pháp đều không mà không thủ chứng Thật tế Không (na sunyatam saksatkaroti), nên gọi là "quán không bất chứng". Tuy quán không bất chứng nhưng không ngừng tu tập, không ngừng cứu khổ chúng sanh. Đó là hạnh nguyện siêu việt, uyên áo nhất của Bồ Tát Đại thừa và nhờ đó mà hạt giống Phật lưu truyền mãi mãi mãi.

- Phẩm "Phương tiện" trong Bát thiên tụng (Astasahasrika), Phật bảo: "Nếu Bồ Tát muốn thực hành Bát nhã Ba la mật, hãy quán (pratyaveksitavyam) hết thảy các pháp là Không, phải đem tâm không tán loạn (aviksiptaya cittasantatya) mà soi vào tự tánh của chúng. Tuy quán pháp tánh Không như vậy nhưng không nên ở nơi đó mà chứng Không Thật tế"*(3)*.

Quán là để chứng cái quán đó, quán Không để chứng tất cả pháp đều không nghĩa là nhận chân các pháp không chân thật, giả có, vô sở hữu, bất khả đắc để không nương tựa vào đó mà mong cầu nắm bắt. Nhưng khi chứng tới cái biên tế Không, tức là đạt được cái thực tại tuyệt đối. Tới đó là không còn gì để học, không còn gì để chứng, tới đó là giải thoát, là

nhập Niết Bàn. Nhưng hạnh nguyện của Bồ Tát là phục vụ chúng sanh. Ngày nào còn một chúng sanh chưa nhập Niết bàn, thì Bồ Tát không nhập Niết bàn. Vì vậy, Bồ Tát tuy quán Không, nhưng không chứng thật tế Không. Đối với Bồ Tát đây chỉ là thời học, không phải là thời chứng. Khi nào viên mãn tất cả pháp Phật, hạnh nguyện vuông tròn, cái gì cần làm đã làm xong, khi ấy mới chứng thật tế mà nhập Niết bàn. Đó là, ý nghĩa của Quán Không bất chứng!

- ***Trong mục Tôn giáo của Bát nhã Ba la mật (Thiền Luận quyển hạ)****, Thiền sư D.T. Suzuki lặp lại lời Phật dạy như sau:* "Khi Bồ Tát quán thấy (pratyaveksate) rằng hết thảy các pháp đều có đủ lý tánh của Không; dù học Không nhưng ở trong đó không lấy Không làm *(đối tượng để)* chứng, vì biết rằng, đây chỉ là thời học, không phải thời chứng (parijayasyayam ka lo nayam kalah saksatkriyaya)". Như thế Bồ Tát dừng lại thoáng chốc trước khi gặt hái kết quả đích thực của Chính định (samadhi), và không toàn nhiên đắm mình giữa lòng Tánh Không. Được hộ vệ bởi công năng của Bát nhã Ba la mật, Bồ Tát khi chứng Không không xao lãng thực hành các yếu tố giác ngộ *(các Bồ đề phần)*; và đã diệt tận tất cả các tham dục, vẫn không trụ tịch diệt tuyệt đối. Chính bởi lý do đó Bồ Tát, khi thực hành môn giải thoát Không Tam ma địa *(tức Chính quán về Không)*, mà không thủ chứng Không; khi thực hành môn giải thoát Vô tướng Tam ma địa (animitta- samadhi) mà không thủ chứng Vô tướng, không trụ Hữu tướng. Trí tuệ sâu sắc, thiện căn đầy đủ, được hộ trì bởi Bát nhã Ba la mật, Bồ Tát thấy rằng đời sống của mình lúc bấy giờ là thời gian học, không phải là thời gian chứng. Như thế, tuy quán Không mà không thủ chứng Thật Tế" (bhutakoti)".

Thích nghĩa cho phần lược giải của Đoạn một:

(1). Bồ Tát đạo hay Bồ Tát hạnh: Bồ Tát tu hành lục độ vạn hạnh lợi mình lợi người để thành tựu quả Phật và hóa độ chúng sanh. Bồ Tát hạnh là một hạnh nguyện tuyệt vời, một lý tưởng siêu việt. Chính nhờ hạnh nguyện và lý tưởng uyên áo nầy mà hột giống Phật lưu truyền mãi mãi với thời gian! Cũng như Bồ đề tâm, Bồ Tát hạnh hay Bồ Tát đạo là một tiêu đề vĩ đại trong mạch sống Đại thừa. Vậy, Các thiện hữu các đạo hữu nếu có hứng thú xin đọc "Tu tập hạnh Bồ Tát trong Trang Nhà Quảng Đức".

(2). Phẩm "Biết Việc Ma" Q.550, Tiểu Bản Bát Nhã, Hội thứ IV.

(3). Nguyên văn đoạn này trong Bát Thiên Tụng: "Bấy giờ, Phật nói với Tu Bồ Đề: Đúng thế, đúng thế! Đấy thực là khó khăn; đấy thực là vô cùng khó khăn, Bồ Tát Ma ha tát tu tập Tánh Không, trụ nơi Tánh Không, đạt Không Tam ma địa, nhưng không thủ chứng Thật Tế. Tại sao? Bởi vì Bồ Tát phát đại nguyện tối thắng (Pranidhànavisesàh) không rời bỏ chúng sinh; nguyện dẫn chúng đến giải thoát cứu cánh. Sau khi phát những đại nguyện đó, Bồ Tát bước vào các Tam ma địa Giải thoát môn, là Không, Vô tướng và Vô nguyện; nhưng bấy giờ Bồ Tát không lấy đó mà thủ chứng Thật Tế, vì Bồ Tát được trang bị đầy đủ (Samavàgata) bằng Phương tiện Thiện xảo, được hộ trì bởi Phương tiện Thiện xảo, Bồ Tát biết rõ lúc nào nên thủ chứng Thật Tế, trước khi đầy đủ hết thảy Phật pháp. Bồ Tát quyết tâm không thọ hưởng kết quả hành Không của mình cho đến khi hết thảy chúng sinh thoát khỏi triền phược và thống khổ".

<u>2. Đoạn hai:</u> Mộng Trung Bất Chứng.
(Tương đương với đoạn Kinh "Mộng Trung Bất Chứng" Kinh MHBNBLMĐ)

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát ngay trong mộng, cũng chẳng ưa thích khen ngợi địa vị Thanh văn và Độc giác, đối với pháp tam giới cũng chẳng để tâm ưa thích khen ngợi, thường quán các pháp như mộng, như huyễn, như tiếng vang, như ảnh tượng, như bóng sáng, như bóng nắng, như trò ảo thuật, như ảo thành. Tuy quán sát như vậy nhưng chẳng chứng thật tế thì này Thiện Hiện! Nên biết, đó là tướng Bất thối chuyển của đại Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát mộng thấy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có vô lượng chúng, vô lượng trăm chúng, vô lượng ngàn chúng, vô lượng trăm ngàn chúng, vô lượng ức chứng, vô lượng trăm ức chứng, vô lượng trăm ngàn ức chúng... cho đến vô lượng trăm ngàn triệu ức chúng, đó là Bí sô, Bí sô ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, trời, rồng, Dược xoa, Kiền đạt phược, A tố lạc, Yết lộ trà, Khẩn nại lạc, Mạc hô lạc già, nhơn phi nhơn v.v... cung kính vây quanh để được nghe pháp; đã nghe pháp rồi, hiểu rõ nghĩa thú; hiểu nghĩa thú rồi, tinh tấn tu hành pháp tùy pháp hành và hòa kính hành*(1)*, thì này Thiện Hiện! Nên biết, đó là tướng Bất thối chuyển của đại Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát mộng thấy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đầy đủ 32 tướng đại trượng phu, và 80 vẻ đẹp tùy hảo viên mãn trang nghiêm, hào quang bao quanh chiếu sáng, cùng với chúng Bí sô, vọt lên trên hư không, hiện đại thần thông, rồi hiện đại thần lực biến làm hóa nhơn đến Phật độ khác mà làm Phật sự, thì này Thiện Hiện! Nên biết, đó là tướng Bất thối chuyển của đại Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát mộng thấy cuồng tặc phá hoại thôn xóm, thành ấp, hoặc thấy lửa bốc thiêu đốt cháy xóm làng, hoặc thấy hổ lang, sư tử, thú dữ, rắn độc, rít dữ đến hại thân mạng, hoặc thấy oan gia muốn chặt đầu, hoặc thấy cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, bạn bè gần chết, hoặc thấy tự mình bị lạnh nóng đói khát và các nỗi khổ khác bức bách não hại; thấy những việc đáng sợ như thế nhưng chẳng kinh, chẳng sợ, cũng chẳng lo lắng; sau khi tỉnh mộng, liền thường tư duy ba cõi hư dối đều như những điều thấy trong mộng; nguyện sau khi ta chứng quả vị Giác ngộ tối cao, vì các hữu tình tuyên nói ba cõi tất cả đều hư vọng như cảnh mộng thì này Thiện Hiện! Nên biết, đó là tướng Bất thối chuyển của đại Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát ngay cả trong mộng thấy có địa ngục, bàng sanh, quỷ giới, các loại hữu tình, liền nghĩ thế này: Ta sẽ tinh cần tu các hạnh đại Bồ Tát, mau hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, nguyện khi ta chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, trong cõi Phật của ta không có địa ngục, bàng sanh, quỷ giới, các loại hữu tình, cho đến không có tên gọi các đường ác; sau khi tỉnh mộng, cũng nghĩ như thế. Này Thiện Hiện! Nên biết, đại Bồ Tát ấy khi thành Phật, trong cõi của Phật ấy, nhất định không có đường ác. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì hoặc mộng, hoặc tỉnh, các pháp không hai, không hai phần thì này Thiện Hiện! Nên biết, đó là tướng Bất thối chuyển của đại Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát trong mộng thấy lửa thiêu các hữu tình trong địa ngục v.v... hoặc lại thấy thiêu thành ấp, làng xóm, liền phát thệ nguyện: Nếu ta đã được thọ ký Bất thối chuyển sẽ chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, thì **nguyện cho ngọn lửa dữ này diệt ngay tức khắc**, biến thành hơi mát. Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này, nguyện như vậy rồi, trong mộng nếu thấy lửa bị diệt tức khắc thì nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tỉnh hiện thấy lửa dữ bốc cháy thiêu các thành ấp, hoặc thiêu xóm làng, liền nghĩ thế này: Ta ở trong mộng, hoặc khi tỉnh đã từng tự thấy có các hành, trạng, tướng của bậc Bất thối chuyển, mà chưa xét kỹ thật hư; nếu điều ta thấy là thật có, thì nguyện cho lửa dữ này tức thì diệt hết, biến thành hơi mát. Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này khi phát thệ nguyện thành thật ấy, lửa dữ tức thời diệt hết thì nên biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tỉnh thấy lửa thiêu các thành ấp, hoặc thiêu xóm làng, liền nghĩ thế này: Ta ở trong mộng, hoặc khi tỉnh đã từng tự thấy có các hành, trạng, tướng của bậc Bất thối chuyển; nếu điều ta thấy nhất định là thật có, quyết đắc quả vị Giác ngộ tối cao, thì nguyện cho lửa dữ này tức thời diệt hết, biến thành hơi mát. Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy phát lời thệ nguyện chân thật này rồi, lửa dữ chẳng diệt liền mà đốt cháy một nhà, chừa một nhà, rồi lại đốt một nhà; hoặc đốt một xóm, chừa một xóm, lại đốt một xóm; cứ lần lượt như vậy cho đến lửa ấy diệt hẳn. Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy nên tự biết rõ, nhất định là đã đắc bậc Bất thối chuyển. Nhưng những chỗ bị thiêu đốt là do hữu tình ở đó tạo tác tăng trưởng nghiệp phá hoại chánh pháp. Họ do nghiệp này, trước hết đọa vào đường ác trong vô lượng kiếp, chịu khổ báo lớn; nay sanh cõi người thọ tai ương còn lại ấy; hoặc do nghiệp này, sẽ đọa vào đường ác, trải qua vô lượng kiếp, thọ các khổ báo lớn, nay tại cõi người, trước hết hiện tai ương nhỏ thì này Thiện Hiện! Nên biết, đó là tướng Bất thối chuyển của đại Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Do các loại nhân duyên đã nói ở trước mà biết là đại Bồ Tát Bất thối chuyển. Lại có các hành, trạng, tướng thành tựu khác để biết đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển. Ta sẽ nói cho ông rõ. Ông nên lắng nghe.

Thiện Hiện đáp: Dạ, xin Ngài nói cho.

(Biết việc ma)

Phật bảo Thiện Hiện! Hoặc đại Bồ Tát thấy có nam tử hoặc có nữ nhân đang **bị phi nhân nhập xác**, liền nghĩ: Nếu các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết ta đã được ý nghiệp thanh tịnh, thì thọ ký quả vị Giác ngộ tối cao Bất thối chuyển cho ta. Hoặc ta từ lâu phát ý thanh tịnh cầu chứng quả vị

Giác ngộ tối cao xa lìa ý thích Thanh văn, Độc giác, chẳng dùng tác ý Thanh văn, Độc giác mà cầu chứng quả vị Giác ngộ tối cao. Hoặc tương lai, ta sẽ chắc chắn chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, tận cùng đời vị lai, lợi ích an lạc cho các loài hữu tình. Hoặc vô lượng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện tại thật có trong khắp mười phương thế giới, thuyết pháp nhiệm mầu, lợi lạc hữu tình; chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác kia, không có gì mà chẳng thấy, không có gì mà chẳng biết, không có gì mà chẳng hiểu, không có gì mà chẳng chứng, hiện biết, thấy hiểu ý muốn sai biệt của tất cả loài hữu tình, nguyện xót thương chiếu giám tâm niệm và lời chân thành của con. Nếu con có khả năng tu hạnh Bồ Tát quyết chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, cứu vớt nỗi khổ sanh tử của hữu tình, **thì nguyện cho nam tử ấy, hoặc nữ nhân này chẳng bị loài phi nhân quấy nhiễu;** loài phi nhơn ấy theo lời con bảo liền bỏ đi.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, khi nói lời này, nếu loài phi nhân kia chẳng bỏ đi thì nên biết đại Bồ Tát ấy chưa từng được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thọ ký quả vị Giác ngộ tối cao Bất thối chuyển.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, khi nói lời này, nếu loài phi nhân kia tức thời bỏ đi, thì nên biết đại Bồ Tát ấy, đã được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thọ ký quả vị Giác ngộ tối cao Bất thối chuyển.

Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát thành tựu các hành, trạng, tướng như thế, thì nên biết, đó là đại Bồ Tát Bất thối chuyển.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát chưa tu học hoàn hảo sáu Ba la mật; chưa an trụ hoàn hảo 18 pháp không; chưa an trụ hoàn hảo thập nhị chân như; chưa an trụ hoàn hảo Tứ đế; chưa tu học hoàn hảo 37 pháp trợ đạo, bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; chưa tu học hoàn hảo tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ; chưa tu học hoàn hảo pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; chưa tu tập đầy đủ tất cả Phật pháp; xa lìa phương tiện quyền xảo của Bồ Tát, chưa thoát khỏi sự não loạn của ác ma; đối với các ma sự chưa có thể hiểu hết, chẳng tự đo lường thiện căn dày mỏng; học nói lời chơn thật của các Bồ Tát, liền bị ác ma dối hoặc.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy thấy có nam tử hoặc có nữ nhân đang bị phi nhân dựa nhập, liền xem thường việc ấy, phát lời thành thật: Nếu ta đã từ chư Phật quá khứ được thọ ký quả vị Giác ngộ tối cao Bất thối

chuyển, thì khiến cho nam tử hoặc nữ nhân ấy chẳng bị phi nhân nhiễu loạn. Phi nhân ấy theo lời ta hãy mau bỏ đi.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy nói như thế rồi, lúc ấy, ác ma muốn gây nhiễu loạn, nghe lời khấn nguyện của đại Bồ Tát liền đuổi phi nhân đi. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì ác ma oai lực mạnh hơn phi nhân kia, cho nên phi nhân nghe lời ác ma liền bỏ đi.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, thấy sự việc ấy rồi, vui mừng nhảy nhót, nghĩ thế này: Phi nhân nay bỏ đi là do oai lực của ta. Vì sao? Vì phi nhân theo sự phát nguyện của ta liền xả bỏ nam tử nữ nhân này, chứ không có lý do nào khác.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy chẳng có thể biết đó là việc làm của ác ma, mà cho là do sức mình, vọng sanh hoan hỷ, ỷ vào việc này mà **xem thường các Bồ Tát khác**, nói ta đã từ chư Phật trong quá khứ được thọ ký quả vị Giác ngộ tối cao Bất thối chuyển, những điều đã phát nguyện đều không hư dối. Các ngươi chưa được chư Phật thọ ký, chẳng nên học phát lời thành thật tương ưng; dù cho tha thiết mong cầu chắc chắn là rỗng không, không có kết quả.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy vì xem thường **chê bai các Bồ Tát khác,** nên vọng ỷ vào chút ít công năng; vì đối với các công đức sanh trưởng nhiều thứ tăng thượng mạn, nên xa lìa quả vị Giác ngộ tối cao, chẳng có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy vì không có sức phương tiện thiện xảo, vì sanh trưởng nhiều thứ tăng thượng mạn, vì khinh miệt chê bai các Bồ Tát khác, nên tuy siêng năng tinh tấn nhưng bị rơi vào địa vị Thanh văn hoặc Độc giác.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy vì phước đức cạn mỏng, nên thiện nghiệp đã làm, phát lời thành thực đều khởi ma sự.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy chẳng thường thân cận cúng dường, cung kính, tôn trọng ngợi khen các thiện tri thức, chẳng có thể thỉnh vấn Bồ Tát đắc Bất thối chuyển, chẳng thể thăm hỏi nhận lãnh sự nghiệp đã tạo tác của quân ác ma, do sự trói buộc của ma này nên càng trở nên nhiễu loạn. Vì sao? Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy vì tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật chẳng bao lâu, lại xa lìa phương tiện quyền xảo, cho nên bị ác ma nhiễu loạn. Vì vậy, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nên hiểu biết hoàn toàn các loại ma sự.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện liền bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát tu hành sáu pháp Ba la mật chẳng được bao lâu? An trụ pháp tất cả pháp Phật cũng chẳng được bao lâu; chưa nhập Chánh tánh ly sanh của Bồ Tát, chưa tu hành đầy đủ tất cả Phật pháp; xa lìa phương tiện thiện xảo của Bồ Tát, nên bị các ác ma nhiễu loạn?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Ác ma biến làm đủ các loại hình tượng, đến trước đại Bồ Tát này, tìm cách nói dối: Này thiện nam tử! Ngươi có tự biết chăng? Chư Phật quá khứ đã từng thọ ký quả vị đại giác ngộ cho ngươi, ngươi đối với quả vị giác ngộ quyết định sẽ chứng đắc, chẳng bị thối chuyển; ngươi tên như thế, cha mẹ tên như thế, anh em tên như thế, chị em tên như thế, bằng hữu quyến thuộc cho đến bảy đời cha mẹ, dòng họ đều có tên như thế. Thân ngươi sanh vào phương đó, cõi nước đó, thành đó, ấp đó, xóm làng đó; ngươi sanh vào năm đó, tháng đó, ngày đó, giờ đó, vào đời vua đó.

Này Thiện Hiện! Ác ma ấy, nếu thấy tâm hành của Bồ Tát này yếu đuối, căn tánh chậm lụt, bèn nói dối: Đời trước tâm hành của ngươi cũng yếu đuối, căn tánh chậm lụt. Ác ma ấy, nếu thấy tâm hành Bồ Tát này cang cường, căn tánh lanh lợi, bèn nói dối: Đời trước tâm hành của ngươi cũng cang cường, căn tánh lanh lợi. Ác ma ấy, nếu thấy Bồ Tát này ở chốn thanh vắng, hoặc ở bãi tha ma, hoặc ở chỗ đồng trống, hoặc dưới bóng cây, hoặc thường khất thực, hoặc ăn một bữa, hoặc ngồi ăn một chỗ, hoặc ăn một bát, hoặc mặc y chằm vá, hoặc chỉ có ba y, hoặc thường ngồi không nằm, hoặc trải tọa cụ cũ, hoặc ít ham muốn, hoặc ưa đủ, hoặc ưa xa lìa, hoặc đầy đủ chánh niệm, hoặc ưa định tĩnh, hoặc đủ diệu tuệ, hoặc chẳng coi trọng lợi dưỡng, hoặc chẳng quý chuộng danh dự, hoặc thích liêm khiết tiết kiệm, chẳng thoa dù chân, hoặc ít ngủ nghỉ, hoặc chẳng trạo cử, hoặc thích ít nói, hoặc ưa lời nhu hòa thì ác ma ấy nói: Ở đời trước, ngươi đã từng ở chỗ thanh vắng như thế, hoặc ở bãi tha ma v.v… như đã nói ở trên, cho đến ít nói, ưa lời nhu hòa. Vì sao? Vì nay ngươi thành tựu các thứ công đức đầu đà như thế, thế gian đều thấy. Nhất định đời trước ngươi cũng có các loại công đức thù thắng như thế. Nên tự vui mừng đi, chớ tự coi thường mình.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy nghe ác ma này nói đời trước và đời sau của mình có công đức thù thắng và nói danh tự sai biệt của mình, của bà con ở hiện tại, cùng nơi sanh, lúc sanh, và khen ngợi công đức đầu đà;

nghe xong hoan hỷ, **sanh tâm kiêu mạn, khinh miệt chê bai các Bồ Tát khác.**

Này Thiện Hiện! Bấy giờ, ác ma biết tâm địa của Bồ Tát này ám độn, lại bảo: Ngươi có công đức tướng trạng như thế, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ nhất định đã thọ ký quả vị đại giác ngộ cho ngươi; đối với quả vị Giác ngộ tối cao, chắc chắn ngươi sẽ chứng đắc, chẳng bị thối chuyển.

Này Thiện Hiện! Khi ấy vì bị ác ma muốn nhiễu loạn, nên giả hiện hình dạng người xuất gia, hoặc giả hiện hình dạng người tại gia, hoặc giả hiện hình dạng cha mẹ, hoặc giả hiện hình dạng anh em, hoặc giả hiện hình dạng chị em, hoặc giả hiện hình dạng bạn hữu, hoặc giả hiện hình dạng phạm chí, hoặc giả hiện hình dạng sư phạm, hoặc giả hiện đủ các loại hình dạng trời, rồng, dược xoa, nhân phi nhân v.v... đến chỗ đại Bồ Tát này, nói như vầy: Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ từ lâu đã thọ ký quả vị đại giác ngộ cho ngươi; đối với quả vị Giác ngộ tối cao quyết định ngươi sẽ chứng đắc, chẳng còn thối chuyển. Vì sao? Vì các tướng trạng công đức của đại Bồ Tát ở địa vị Bất thối chuyển ngươi đều có đủ, nên tự tôn trọng, chớ sanh do dự.

Này Thiện Hiện! Như ta đã thuyết, là đại Bồ Tát thật đắc hành, trạng, tướng của đại Bồ Tát Bất thối chuyển, mà còn ôm lòng tăng thượng mạn, thì chẳng có lẽ đó.

Này Thiện Hiện! Nên biết, đại Bồ Tát ấy đã bị ma nắm giữ, bị ma ám nhập. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy đối với các hành, trạng, tướng của đại Bồ Tát được Bất thối chuyển, thật sự chưa có, chỉ nghe ác ma nói công đức và nói danh tự, chỗ sanh, khi sanh của mình có đôi phần giống sự thật, liền sanh kiêu mạn, khinh thường chê bai các Bồ Tát khác. Vì vậy, này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, thì nên hiểu biết rõ ràng các ma sự như thế.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát bị ma nắm giữ, bị ma làm mê hoặc, chỉ nghe danh tự vọng sanh chấp trước. Vì sao?

Này Thiện Hiện! Vì đại Bồ Tát ấy trước chưa tu học sáu Ba la mật; trước chưa an trụ mười tám pháp không; trước chưa an trụ thập nhị chân như; trước chưa an trụ tứ Thánh đế; trước chưa tu học 37 pháp trợ đạo, bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; trước chưa tu học tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ; trước chưa tu học

Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng; trước chưa tu học Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, hạnh Bồ Tát, quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật. Do nhân duyên này tạo điều kiện thuận tiện cho ma.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy chẳng có khả năng hiểu rõ hành tướng của uẩn ma, chẳng có khả năng hiểu rõ hành tướng của tử ma, của thiên ma, của phiền não ma. Do nhân duyên này tạo điều kiện thuận tiện cho ma.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy chẳng hiểu uẩn xứ giới; chẳng hiểu rõ 12 duyên khởi, 6 Ba la mật, 18 pháp không; chẳng hiểu rõ 12 chân như, 4 niệm trụ, 37 pháp trợ đạo, tứ Thánh đế; chẳng hiểu rõ Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí... cho đến quả vị Giác ngộ tối cao. Do nhân duyên này tạo điều kiện thuận tiện cho ma, chúng dùng phương tiện hóa làm đủ các hình dạng nói với đại Bồ Tát này: Hạnh nguyện tu hành của ngươi đã viên mãn, nên chứng quả vị Giác ngộ tối cao đi. Khi ngươi thành Phật, sẽ được danh hiệu tôn quý, công đức thù thắng như thế.

Này Thiện Hiện! Nghĩa là ác ma kia biết Bồ Tát này trải qua thời gian vô tận tư duy, tâm nguyện là khi ta thành Phật, sẽ được công đức, danh hiệu như thế, nên tùy theo tâm nguyện tư duy của vị ấy mà nói như thế.

Này Thiện Hiện! Khi ấy, Bồ Tát này **xa lìa Bát nhã Ba la mật, vì không có phương tiện thiện xảo** nên nghe ma nói, liền nghĩ thế này: Lạ thật! Người này vì ta mà nói rõ sẽ được thành Phật cùng công đức danh hiệu, tương ưng với tâm nguyện tư duy lâu dài của ta; do vậy, nên biết chư Phật quá khứ chắc chắn đã thọ ký quả vị Đại giác ngộ cho ta; đối với quả vị Giác ngộ tối cao, ta nhất định được Bất thối chuyển. Khi ta thành Phật chắc chắn sẽ được danh hiệu tôn quý công đức như thế.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, nghe ác ma ấy, hoặc quyến thuộc của ma, hoặc các Sa môn bị ma nắm giữ nói là đương lai sẽ thành Phật danh hiệu như thế, như thế, nên tâm kiêu mạn càng tăng trưởng cho rằng ta vị lai nhất định sẽ thành Phật, đạt được danh hiệu công đức như thế, các Bồ Tát khác chẳng bằng ta.

Này Thiện Hiện! Như lời ta nói, các hành, trạng, tướng của đại Bồ Tát Bất thối chuyển, đại Bồ Tát này đều chưa thành tựu, chỉ nghe ma nói hư danh thành Phật, liền sanh ngạo mạn, khinh miệt chê bai các chúng đại Bồ Tát khác.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy do khởi ngạo mạn, khinh miệt chê bai các đại Bồ Tát khác, nên xa lìa quả vị Giác ngộ tối cao.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy xa lìa Bát nhã Ba la mật, vì không có phương tiện thiện xảo, vì rời bỏ thiện hữu, vì thường bị bảo bọc bởi ác hữu huyễn hoặc, nên rơi vào địa vị Thanh văn hoặc Độc giác.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy nếu có thân này, lại được chánh niệm, chí thành hối lỗi, **bỏ tâm kiêu mạn cũ**, luôn luôn gần gũi cúng dường, cung kính, tôn trọng ngợi khen thiện hữu tốt nhất thì vị ấy tuy lưu chuyển sanh tử trong thời gian dài, nhưng sau lại nương vào Bát nhã Ba la mật sâu xa, dần dần tu học, cũng sẽ chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, nếu có thân này nhưng chẳng được chánh niệm, chẳng biết hối lỗi, chẳng bỏ tâm kiêu mạn, chẳng muốn gần gũi cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen thiện hữu tốt nhất thì vị ấy nhất định lưu chuyển sanh tử dài lâu, sau tuy tinh tấn tu các thiện nghiệp nhưng cũng rơi vào địa vị Thanh văn hoặc Độc giác.

Này Thiện Hiện! Thí như Bí sô cầu Thanh văn, đối với bốn trọng tội*(2)*, nếu bị phạm một, thì chẳng phải là Sa môn, chẳng phải con dòng họ Thích; trong hiện tại, vị ấy nhất định chẳng có thể đắc quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn.

Này Thiện Hiện! Bồ Tát vọng chấp hư danh cũng vậy, chỉ nghe ma nói đến hư danh là thành Phật thì liền khởi tâm kiêu mạn, khinh miệt, chê bai các chúng đại Bồ Tát khác; nên biết tội này hơn tội tứ trọng mà Bí sô kia đã phạm vô lượng lần.

Này Thiện Hiện! Ngoài việc hơn cả bốn trọng tội mà Bí sô kia phạm, tội của Bồ Tát này hơn cả năm tội vô gián*(3)* vô lượng lần. Vì sao?

Này Thiện Hiện! Vì đại Bồ Tát ấy sự thật chẳng thành tựu công đức thù thắng, mà chỉ nghe ác ma nói danh hiệu thành Phật liền tự ngạo mạn, khinh Bồ Tát khác, vì vậy tội này hơn tội năm vô gián.

Vì vậy, này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát muốn đắc quả vị Giác ngộ tối cao thì phải hiểu biết rõ lời nói về danh hiệu hư vọng như vậy là ma sự vi tế.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát ẩn cư ở núi rừng, nơi đồng hoang, đầm vắng, một mình ngồi yên, tu hạnh viễn ly. Khi ấy có ác ma đi đến chỗ của vị ấy, cung kính khen ngợi công đức viễn ly, nói thế này: Lành thay, Đại sĩ, có thể tu hạnh viễn ly như thế. Hạnh viễn ly này, tất cả Như Lai

Ứng Chánh Đẳng Giác đều cùng khen ngợi. Trời Đế Thích, các trời, thần tiên đều cùng bảo vệ, cúng dường tôn trọng. Nên thường trụ ở nơi đây, chớ đi nơi khác.

Này Thiện Hiện! Ta chẳng khen ngợi các đại Bồ Tát ở chỗ thanh vắng, nơi đồng hoang, núi rừng, ngồi yên tư duy, tu hạnh viễn ly.

Bấy giờ, Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Phật chẳng khen ngợi người ở nơi thanh vắng, chốn đồng hoang, núi rừng, bỏ các đồ nằm, ngồi yên, tư duy công đức viễn ly, thì các đại Bồ Tát nên tu những hạnh viễn ly nào khác? Cúi xin Ngài dạy hạnh viễn ly thù thắng cho các đại Bồ Tát.

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Chư đại Bồ Tát hoặc ở các nơi thanh vắng như núi rừng, đầm vắng, đồng hoang, hoặc ở chỗ phức tạp ồn ào như thành ấp, xóm làng, kinh thành thì chỉ có thể viễn ly ác nghiệp phiền não, còn viễn ly tác ý Thanh văn, Độc giác, siêng tu Bát nhã Ba la mật và tu các công đức thù thắng khác, đó gọi là **hạnh chơn viễn ly của Bồ Tát.**

Này Thiện Hiện! Hạnh viễn ly này, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cùng khen ngợi. Hạnh viễn ly này, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cùng mở bày chấp nhận.

Này Thiện Hiện! Hạnh viễn ly này, các đại Bồ Tát thường phải tu học; hoặc ngày, hoặc đêm phải chánh tư duy, tinh tấn tu hành pháp viễn ly này. Đó gọi là hạnh viễn ly của Bồ Tát.

Này Thiện Hiện! Hạnh viễn ly này, chẳng lẫn lộn tác ý Thanh văn, Duyên giác, chẳng xen lẫn tất cả phiền não ác nghiệp, xa lìa các việc ồn ào phức tạp, rốt ráo thanh tịnh, khiến các Bồ Tát mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao, lợi lạc hữu tình cùng tận đời vị lai, thường không dứt hết.

Này Thiện Hiện! Các việc mà ác ma đã ngợi khen, như ở các chỗ thanh vắng như núi rừng, đầm vắng, đồng hoang, rời bỏ đồ nằm, ngồi yên một mình, chẳng phải là hạnh viễn ly thù thắng của Bồ Tát. Vì sao? Vì hạnh viễn ly ấy còn có ồn ào xen lẫn, nghĩa là hạnh ấy còn xen lẫn ác nghiệp phiền não, hoặc xen lẫn tác ý Thanh văn, Độc giác; đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa, chẳng thường tín thọ, tinh cần tu học, chẳng có thể viên mãn Nhất thiết trí trí.

Này Thiện Hiện! Có đại Bồ Tát tuy siêng tu tập pháp hạnh viễn ly, mà ma khen ngợi nhưng khởi tâm kiêu mạn, không thanh tịnh, khinh miệt, chê bai các chúng đại Bồ Tát khác, đó là có chúng đại Bồ Tát tuy ở thành ấp,

xóm làng, đô thị mà tâm thanh tịnh, không bị các loại ác nghiệp phiền não xen lẫn, chẳng xen lẫn tác ý Thanh văn, Độc giác, tinh cần tu tập lục Ba la mật; tinh cần an trụ thập bát không; tinh cần an trụ thập nhị nhân duyên, an trụ Tứ đế, tu tập Tam thập thất trợ đạo chi pháp; đối với công đức thế gian như là bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông v.v... tu đã viên mãn rồi; tinh cần tu tập Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình; tuy ở chỗ ồn ào nhưng tâm tĩnh lặng, thường xuyên siêng năng tu tập hạnh viễn ly thù thắng. Đối với chúng đại Bồ Tát chơn tịnh như vậy, họ sanh tâm kiêu mạn, phỉ báng, khinh miệt.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy xa lìa Bát nhã Ba la mật, vì không có phương tiện thiện xảo, nên dù ở nơi đồng hoang rộng trăm do tuần, nơi ấy tuyệt nhiên không có các ác cầm thú, rắn rết, đạo tặc, chỉ có thần quỷ la sát tà v.v... dạo chơi và dừng nghỉ trong đó, họ ở chốn thanh vắng như thế, tuy trải qua một năm, hoặc trải qua mười năm, hoặc trải qua trăm năm, hoặc trải qua ngàn năm, hoặc trải qua trăm ngàn năm, hoặc trải qua ức năm, hoặc trải qua trăm ức năm, hoặc vượt hơn số này, tu hạnh viễn ly nhưng chẳng hiểu rõ hạnh chơn viễn ly của các đại Bồ Tát, đó là các chúng đại Bồ Tát **tuy ở chỗ ồn ào mà tâm vẫn tĩnh lặng**, xa lìa các loại phiền não ác nghiệp, hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, xa lìa tác ý Thanh văn, Độc giác. Đại Bồ Tát này tuy ở nơi đồng hoang trải qua thời gian lâu dài, nhưng còn xen lẫn tác ý Thanh văn, Độc giác, đắm trước pháp của địa vị Thanh văn, Độc giác, nương vào pháp ấy mà tu hạnh viễn ly; lại đối với hạnh này sanh mê đắm sâu xa.

Này Thiện Hiện! Bồ Tát ấy tuy tu hành hạnh viễn ly như thế, nhưng chẳng thuận theo tâm của chư Như Lai.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy khi tu hạnh viễn ly chẳng chơn thắng, ma đi đến chỗ trống hoan hỷ khen ngợi, bảo: Hay thay! Hay thay! Ngài có khả năng tu hành hạnh chơn viễn ly. Hạnh viễn ly này, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cùng xưng tán. Đối với hạnh này Ngài tinh cần tu tập, thì mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy xa lìa Bát nhã Ba la mật, vì không có phương tiện thiện xảo nên vọng sanh chấp trước. Vì sao? Vì vị ấy nghĩ thế này: Việc tu hành của ta là chơn viễn ly, cho nên được phi nhân xưng tán

hộ niệm. Người ở thành ấp thân tâm nhiễu loạn, thì ai mà hộ niệm cung kính khen ngợi.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, do nhân duyên này, tâm nhiều ngạo mạn, khinh miệt, chê bai các chúng đại Bồ Tát khác, phiền não ác nghiệp ngày đêm tăng trưởng.

Này Thiện Hiện! Nên biết, đại Bồ Tát ấy là hạng Chiên đồ la làm ô uế chúng đại Bồ Tát. Tuy giống tướng đại Bồ Tát nhưng là đại tặc trong cõi trời, cõi người, dối trá mê hoặc trời, người, A tố lạc v.v... Thân tuy mang pháp y của Sa môn nhưng tâm thường chứa ý muốn trộm cướp. Người hướng đến Bồ Tát thừa, chẳng nên thân cận, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen người ác như thế. Vì sao?

Này Thiện Hiện! Nên biết, người ấy ôm lòng tăng thượng mạn, bên ngoài giống Bồ Tát nhưng bên trong nhiều phiền não. Vì vậy, này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát chơn thật thì chẳng bỏ Nhất thiết trí trí, chẳng bỏ quả vị Giác ngộ tối cao, thâm tâm cầu chứng Nhất thiết trí trí, cầu chứng quả vị Giác ngộ tối cao, vì lợi lạc khắp các hữu tình, nên chẳng thân cận cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen người ác như thế.

Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát thường nên tinh tấn tu hành sự nghiệp của mình, nhàm chán xa lìa sanh tử, chẳng đắm ba cõi; đối với kẻ ác tặc Chiên đồ la kia, nên thường phát tâm từ, bi, hỷ, xả, nên nghĩ thế này: Ta chẳng nên sanh khởi tội lỗi như ác nhân kia đã sanh khởi. Nếu khi thất niệm tạm khởi như kẻ kia thì kịp thời biết ngay, khiến mau trừ diệt.

Này Thiện Hiện! Chư đại Bồ Tát muốn chứng quả vị Giác ngộ tối cao, nên hiểu biết rõ ràng ma sự như vậy, nên siêng tinh tấn xa lìa, trừ diệt như tội lỗi mà Bồ Tát kia đã khởi.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát ý muốn quả vị Giác ngộ tối cao tăng trưởng thì nên thường thân cận, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen thiện hữu tốt nhất.

(Ai là thiện hữu tốt nhất của Bồ Tát?)

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những ai được gọi là thiện hữu tốt nhất của các đại Bồ Tát ?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Tất cả **Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác** là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát; **tất cả đại Bồ Tát** cũng là thiện hữu tốt

nhất của đại Bồ Tát. Có **các Thanh văn và Thiện sĩ khác**, có khả năng vì chúng đại Bồ Tát mà tuyên thuyết khai thị, phân biệt làm rõ pháp tương ưng bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, khiến cho dễ hiểu, nên biết, cũng là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát.

Này Thiện Hiện! Nên biết, **sáu pháp Ba la mật là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát.**

Này Thiện Hiện! Nên biết, 37 pháp trợ đạo cũng là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát.

Này Thiện Hiện! Nên biết, bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc cũng là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát.

Này Thiện Hiện! Nên biết, tám giải thoát là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát; tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ cũng là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát.

Này Thiện Hiện! Nên biết, pháp môn giải thoát không là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện cũng là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát.

Này Thiện Hiện! Nên biết, bậc Cực hỷ là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân cũng là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát.

Này Thiện Hiện! Nên biết, năm loại mắt là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát; sáu phép thần thông cũng là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát.

Này Thiện Hiện! Nên biết, pháp môn Tam ma địa là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát; pháp môn Đà la ni cũng là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát.

Này Thiện Hiện! Nên biết, Phật mười lực là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng cũng là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát.

Này Thiện Hiện! Nên biết, pháp không quên mất là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát; tánh luôn luôn xả cũng là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát.

Này Thiện Hiện! Nên biết, vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tập khí phiền não là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát.

Này Thiện Hiện! Nên biết, Nhất thiết trí là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát.

Này Thiện Hiện! Nên biết, tất cả hạnh Bồ Tát là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát; quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật cũng là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát.

Này Thiện Hiện! Nên biết, tứ Thánh đế cũng là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát.

Này Thiện Hiện! Nên biết, các chi duyên khởi cũng là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát, 18 pháp không, thập nhị chân như cũng là thiện hữu tốt nhất của đại Bồ Tát, **nghĩa là tất cả pháp Phật là thiện hữu tốt nhất của Bồ Tát**.

Này Thiện Hiện! Nên biết, Bố thí Ba la mật đối với các chúng đại Bồ Tát là thầy, là người dẫn dắt, là ánh sáng, là ngọn đuốc, là ngọn đèn, là sự chiếu sáng, là hiểu, là biết, là trí, là tuệ, là cứu, là hộ, là thất, là nhà, là bờ, là bến, là về, là đến, là cha, là mẹ. Nên biết tịnh lự, an nhẫn, tinh tấn, thiền định, Bát nhã Ba la mật đối với các chúng đại Bồ Tát là thầy, là người dẫn dắt, là ánh sáng, là ngọn đuốc, là ngọn đèn, là sự chiếu sáng, là hiểu, là biết, là trí, là tuệ, là cứu, là hộ, là thất, là nhà, là bờ, là bến, là về, là đến, là cha, là mẹ.

Này Thiện Hiện! Nên biết, ba mươi bảy pháp trợ đạo, bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, tám giải thoát tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, tam giải thoát môn, Bồ Tát thập địa, năm loại mắt, sáu phép thần thông, pháp môn Tam ma địa, pháp môn Đà la ni, Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, sự vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tập khí phiền não, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, tất cả hạnh Bồ Tát, quả vị Giác ngộ tối cao, Tứ đế, 12 Duyên khởi, 18 pháp không, thập nhị chân như, đối với các chúng đại Bồ Tát là thầy, là người dẫn dắt, là ánh sáng, là ngọn đuốc, là ngọn đèn, là sự chiếu sáng, là hiểu, là biết, là trí, là tuệ, là cứu, là hộ, là thất, là nhà, là bờ, là bến, là về, là đến, là cha, là mẹ. Vì sao?

Này Thiện Hiện! Vì tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác của quá khứ, vị lai, hiện tại ở vô lượng, vô số, vô biên thế giới trong khắp mười phương trụ trì an ổn tất cả hữu tình, khai thị pháp vi diệu đều lấy lục Ba la

mật, nói đủ cho đến cảnh giới bất tư nghì làm thầy, làm người dẫn dắt, làm ánh sáng, làm ngọn đuốc, làm ngọn đèn, làm sự chiếu sáng, làm hiểu, làm biết, làm trí, làm tuệ, làm cứu, làm hộ, làm thất, làm nhà, làm bến, làm bờ, làm về, làm đến, làm cha, làm mẹ. Vì sao?

Này Thiện Hiện! Vì chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều từ lục Ba la mật… nói đủ cho đến cảnh giới bất tư nghì mà xuất sanh. Vì vậy, này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát ý thích muốn chứng quả vị Giác ngộ tối cao, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật thì nên học lục Ba la mật; nên học 37 pháp trợ đạo; nên học bốn tịnh lự, nên học bốn vô lượng, bốn định vô sắc... cho đến quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật. Nói chung, nên học tất cả pháp Phật.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy đã học bố thí Ba la mật cho đến cảnh giới bất tư nghì. Lại nên dùng bốn nhiếp pháp nhiếp hóa các hữu tình. Bốn nhiếp pháp là gì? Một là bố thí, hai là ái ngữ, ba là lợi hành, bốn là đồng sự.

Này Thiện Hiện! **Ta quán xét nghĩa này cho nên nói là bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, nói đủ cho đến cảnh giới bất tư nghì, đối với các chúng đại Bồ Tát là thầy, là người dẫn dắt, là ánh sáng, là ngọn đuốc, là ngọn đèn, là sự chiếu sáng, là hiểu, là biết, là trí, là tuệ, là cứu, là hộ, là thất, là nhà, là bờ, là bến, là về, là đến, là cha, là mẹ.** Vì vậy, này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát muốn tu muốn đoạn nghi của tất cả hữu tình, muốn thỏa mãn nguyện vọng của tất cả hữu tình, muốn nghiêm tịnh cõi Phật, muốn thành thục hữu tình, thì nên học Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì ở trong Kinh Bát nhã Ba la mật sâu xa này, rộng nói tất cả pháp tướng nên tu học của chúng đại Bồ Tát. Tất cả chúng Bồ Tát đối với pháp này đều phải siêng năng tu học.

(Bát nhã Ba la mật lấy gì làm tướng?)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật ấy lấy gì làm tướng mà khuyên chúng đại Bồ Tát phải siêng năng tu học?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! **Bát nhã Ba la mật ấy <u>lấy hư không làm tướng</u>; Bát nhã Ba la mật ấy <u>lấy vô trước làm tướng</u>; Bát nhã Ba la mật ấy <u>lấy vô tướng làm tướng</u>**. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì ở trong

tướng của Bát nhã Ba la mật sâu xa này, **tướng của các pháp đều chẳng thể nắm bắt được, vì vô sở hữu.**

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có nhân duyên nào mà có thể nói diệu tướng của Bát nhã Ba la mật chăng? Các pháp cũng có tướng như thế chăng?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Có nhân duyên có thể nói diệu tướng của Bát nhã Ba la mật, các pháp cũng có diệu tướng như thế. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì Bát nhã Ba la mật ấy lấy tánh không làm tướng, các pháp cũng lấy tánh không làm tướng. Bát nhã Ba la mật ấy lấy viễn ly làm tướng, các pháp cũng lấy viễn ly làm tướng.

Này Thiện Hiện! **Do nhân duyên này, có thể nói thế này: Bát nhã Ba la mật sâu xa có diệu tướng; các pháp cũng có diệu tướng như thế. Vì tất cả pháp, tự tánh đều là không, lìa tất cả tướng.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp, tự tánh đều là không, xa lìa các tướng, thì tất cả pháp và cái không của tất cả pháp, cũng là tất cả pháp, lìa tất cả pháp, thì tại sao hữu tình có thể bày ra có tạp nhiễm, có thanh tịnh? Bạch Thế Tôn! Chẳng phải pháp tánh không có nhiễm có tịnh, cũng chẳng phải xa lìa pháp có nhiễm có tịnh.

Bạch Thế Tôn! Chẳng phải pháp tánh không có khả năng chứng quả vị Giác ngộ tối cao, cũng chẳng pháp viễn ly có khả năng chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Bạch Thế Tôn! Chẳng phải trong tánh không, có pháp có thể chứng đắc; cũng chẳng phải trong xa lìa có pháp có thể chứng đắc.

Bạch Thế Tôn! Chẳng phải trong tánh không có đại Bồ Tát chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao; cũng chẳng phải trong viễn ly, có đại Bồ Tát chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Bạch Thế Tôn! Làm sao cho con hiểu nghĩa thú sâu xa mà Phật đã dạy?

Bấy giờ, Phật dạy cụ thọ Thiện Hiện: Này Thiện Hiện! Theo ý ông thì sao? Hữu tình trải qua thời gian vô tận có ngã và ngã sở, chấp ngã và ngã sở chăng?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Bạch Thiện Thệ! Đúng vậy! Hữu tình trong thời gian vô tận có (tâm) ngã và ngã sở, chấp trước ngã và ngã sở.

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Theo ý ông thì sao, cái tâm chấp ngã và ngã sở ấy xa lìa không chăng?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Bạch Thiện Thệ! Đúng vậy! Cái tâm chấp ngã và ngã sở ấy đều xa lìa không.

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Theo ý ông thì sao? Đâu chẳng phải do hữu tình chấp ngã và ngã sở mà lưu chuyển sanh tử?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Các loại hữu tình do chấp ngã và ngã sở mà lưu chuyển sanh tử.

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Hữu tình lưu chuyển sanh tử như thế là do có tạp nhiễm. Vì vậy biết chắc rằng tạp nhiễm hiện hữu.

Này Thiện Hiện! **Nếu các hữu tình không có tâm chấp trước ngã và ngã sở thì không có tạp nhiễm. Nếu không có tạp nhiễm thì không có lưu chuyển sanh tử, nếu lưu chuyển sanh tử đã hiện thì do đó nên biết có pháp tạp nhiễm; đã có pháp tạp nhiễm thì cũng có thanh tịnh. Vì vậy, này Thiện Hiện! Nên biết, hữu tình tuy tự tánh là không, xa lìa các tướng, nhưng có tạp nhiễm, thanh tịnh hiện hữu.**

(Công đức của người tuyên nói Bát nhã Ba la mật)

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát nếu tu hành như thế thì **chẳng hành uẩn xứ giới**. Các đại Bồ Tát nếu tu hành như thế thì chẳng hành lục đại chủng, 12 duyên khởi, lục Ba la mật, 18 pháp không, 12 nhân duyên. Các đại Bồ Tát nếu tu hành như thế thì chẳng hành 37 pháp trợ đạo, Tứ đế, bốn tịnh lự; cũng chẳng hành bốn vô lượng, bốn định vô sắc. Các đại Bồ Tát nếu tu hành như thế thì chẳng hành tám giải thoát; cũng chẳng hành tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, Tam giải thoát môn, năm loại mắt; cũng chẳng hành sáu phép thần thông. Các đại Bồ Tát nếu tu hành như thế thì chẳng hành pháp môn Tam ma địa, pháp môn Đà la ni, Phật mười lực Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng. Các đại Bồ Tát nếu tu hành như thế thì chẳng hành pháp không quên mất; cũng chẳng hành tánh luôn luôn xả. Các đại Bồ Tát nếu tu hành như thế thì chẳng hành quả Dự lưu; cũng chẳng hành quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, quả vị Độc giác. Các đại Bồ Tát nếu tu hành như thế thì chẳng hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Vì sao? Bạch Thế Tôn! **Vì các pháp ấy năng hành, sở hành, thời hành, xứ hành và do đó mà được hành đều chẳng thể nắm bắt được.** Nếu đại Bồ Tát có khả năng tu hành như thế, thì chẳng bị tất cả trời, người, A tố lạc v.v... trong thế gian hàng phục được; mà trái lại có khả năng hàng phục tất cả trời, người, A tố lạc v.v... Nếu đại Bồ Tát có khả năng tu hành như thế thì chẳng bị tất cả Thanh văn, Độc giác hàng phục, mà lại có khả năng hàng phục tất cả Thanh văn, Độc giác. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy đã an trụ chỗ chẳng thể hàng phục được. Đại Bồ Tát ấy thường xuyên an trụ tác ý Nhất thiết trí trí, chẳng thể khuất phục. Đại Bồ Tát ấy khi tu hành như thế, vì gần gũi với Nhất thiết trí trí, nên mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói.

Lại nữa, Thiện Hiện! Theo ý ông thì sao? Giả sử, các loại hữu tình **ở châu Nam thiệm bộ** này đều tự tu tập được thân người, đã được thân người rồi, đều chứng quả vị Giác ngộ tối cao; có thiện nam hay thiện nữ nào đó, suốt cả cuộc đời, dùng đồ cúng thượng diệu của thế gian, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác này; lại đem thiện căn cúng dường như thế ban cho tất cả hữu tình cùng có như nhau, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao thì thiện nam thiện nữ ấy, do nhân duyên này, được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Nếu thiện nam thiện nữ, **ở giữa đại chúng, tuyên nói Bát nhã Ba la mật sâu xa ấy**, phân bố sắp đặt, phân biệt khai thị, khiến cho dễ hiểu và an trụ tác ý tương ưng Bát nhã Ba la mật sâu xa ấy, thì thiện nam thiện nữ này, do nhân duyên ấy, nên công đức đạt được nhiều hơn vị trước vô lượng, vô biên chẳng thể tính đếm.

Lại nữa, Thiện Hiện! Theo ý ông thì sao? Giả sử các loại hữu tình của **cõi Nam thiệm bộ, cõi Đông thắng thần, cõi Tây ngưu hóa** hay **cõi Bắc câu lư** này đều tự tu tập được thân người, được thân người rồi, đều chứng quả vị Giác ngộ tối cao. Có thiện nam thiện nữ nào đó, suốt cả cuộc đời dùng các đồ cúng thượng diệu của thế gian, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác này; lại đem thiện căn cúng dường ấy ban cho các hữu tình cùng có như nhau đồng hồi

hướng quả vị Giác ngộ tối cao, thì thiện nam thiện nữ ấy, do nhân duyên này được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Nếu thiện nam thiện nữ ở **giữa đại chúng tuyên nói Bát nhã Ba la mật sâu xa** ấy, phân bố sắp đặt, phân biệt khai thị khiến cho dễ hiểu và an trụ tác ý tương ưng Bát nhã Ba la mật sâu xa ấy thì thiện nam thiện nữ này, do nhân duyên ấy, công đức đạt được nhiều hơn vị trước vô lượng, vô biên chẳng thể tính đếm.

Lại nữa, Thiện Hiện! Theo ý ông thì sao? Giả sử, các loại hữu tình ở thế giới **Tiểu thiên, Trung thiên**, **Tam thiên đại thiên** này đều được thân người, được thân người rồi đều chứng quả vị Giác ngộ tối cao; có thiện nam thiện nữ nào đó, suốt cả cuộc đời dùng các đồ cúng thượng diệu của thế gian cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác này; lại đem thiện căn cúng dường như thế ban cho các hữu tình cùng có như nhau đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, thì thiện nam thiện nữ ấy, do nhân duyên này được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Nếu thiện nam thiện nữ nào, ở giữa đại chúng, tuyên nói Bát Nhã sâu xa như thế, phân bố, sắp đặt, phân biệt khai thị làm cho dễ hiểu và an trụ tác ý tương ưng Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế, thì thiện nam tử, thiện nữ nhơn này, do nhân duyên ấy, công đức đạt được nhiều hơn vị trước vô lượng, vô biên, chẳng thể tính đếm.

Lại nữa, Thiện Hiện! Theo ý ông thì sao? Giả sử, các loại hữu tình ở **châu Nam thiệm bộ, châu Đông thắng thần, châu Tây ngưu hóa** hay **châu Bắc câu lư này**, chẳng phải trước, chẳng phải sau đều được thân người, có thiện nam tử, thiện nữ nhơn nào đó, phương tiện dạy bảo, chỉ dẫn đều khiến **an trụ thập thiện đạo, bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, bốn quả Sa môn, quả vị Độc giác hay dẫn dắt đều làm cho phát khởi tâm Vô thượng giác, tu tập hạnh Bồ Tát, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao,** lại đem thiện căn dạy bảo, chỉ dẫn như thế ban cho các hữu tình cùng có như nhau đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, thì thiện nam thiện nữ ấy, do nhân duyên này được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Nếu thiện nam thiện nữ nào, ở giữa đại chúng, **tuyên nói Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế**, phân bố, sắp đặt, phân biệt khai thị làm cho dễ hiểu và an trụ vững vàng tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, thì thiện nam, thiện nữ này, do nhân duyên ấy, công đức đạt được nhiều hơn vị trước vô lượng, vô biên, chẳng thể tính đếm.

Lại nữa, Thiện Hiện! Theo ý ông thì sao? Giả sử, các loại hữu tình ở thế giới **Tiểu thiên, Trung thiên hay Tam thiên đại thiên này** chẳng phải trước, chẳng phải sau đều được thân người, có thiện nam tử, thiện nữ nhơn nào đó, phương tiện dạy bảo, chỉ dẫn **khiến đều an trụ thập thiện đạo**, bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, bốn quả Sa môn, quả vị Độc giác hay dẫn dắt đều làm cho phát khởi tâm Vô thượng giác, tu tập hạnh Bồ Tát, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, lại đem thiện căn dạy bảo, chỉ dẫn như thế ban cho các hữu tình cùng có như nhau đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, thì thiện nam tử, thiện nữ nhơn ấy, do nhân duyên này được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Nếu thiện nam thiện nữ nào, ở giữa đại chúng, **tuyên nói Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế,** phân bố, sắp đặt, phân biệt khai thị làm cho dễ hiểu và an trụ vững chắc tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, thì thiện nam thiện nữ này, do nhân duyên ấy, công đức đạt được nhiều hơn vị trước vô lượng, vô biên, chẳng thể tính đếm.

Này Thiện Hiện! Nên biết, đại Bồ Tát ấy do thế lực tinh cần tăng tiến này, đưa các hữu tình đến bờ phước điền bên kia. Vì sao? Này Thiện Hiện! Thế lực tinh cần tăng tiến đó, tất cả hữu tình chẳng ai có thể bì kịp, chỉ trừ Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì đại Bồ Tát ấy tu hành sâu sắc Bát nhã Ba la mật, thấy các hữu tình khốn khổ nên khởi tâm đại từ, thấy các hữu tình đầy đau thương nên khởi tâm đại bi, thấy các hữu tình được vui nên khởi tâm đại hỷ, thấy các hữu tình hay ôm giữ nên khởi tâm đại xả.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, tuy đối với hữu tình, bình đẳng phát khởi đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, nhưng đối với tất cả không chấp trước.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, tu hành sâu sắc Bát nhã Ba la mật nên được hào quang lớn, đó là hào quang bố thí Ba la mật, cũng được hào quang tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy tuy chưa chứng đắc Nhất thiết trí trí, nhưng đối với quả vị Giác ngộ tối cao được Bất thối chuyển, nên đưa các hữu tình đến bên kia bờ phước điền, có thể thọ nhận các dụng cụ sanh sống như tất cả y phục, ẩm thực, giường tòa, thuốc men v.v…

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy an trụ tác ý tương ưng Bát nhã Ba la mật nên có khả năng báo ân thí chủ một cách rốt ráo, cũng có khả năng gần gũi Nhất thiết trí trí. Vì vậy, này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát chẳng muốn hư dối nhận đồ cúng dường của quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, hữu tình, vì muốn chỉ cho hữu tình con đường chơn thiện, muốn vì hữu tình làm ánh sáng thanh tịnh, muốn cứu thoát hữu tình khỏi lao ngục ba cõi, muốn ban cho hữu tình pháp nhãn thanh tịnh, thì nên thường an trụ tác ý tương ưng Bát nhã Ba la mật sâu xa. Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát an trụ tác ý tương ưng Bát nhã Ba la mật sâu xa thì mở miệng ra đều nói Bát nhã Ba la mật, nghĩa là nói pháp tương ưng Bát nhã Ba la mật. Đã nói pháp tương ưng Bát nhã Ba la mật rồi, lại thường như lý tư duy pháp tương ưng Bát nhã Ba la mật.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy ngày đêm tinh cần an trụ tác ý tương ưng Bát nhã Ba la mật, không có khi nào dừng nghỉ.

Này Thiện Hiện! Thí như có người, trước chưa từng có bảo châu Mạt ni, sau đó gặp được, quá đỗi vui mừng, ngắm xem không chán; bỗng nhiên bị mất, lòng rất đau khổ, luôn luôn than tiếc: Tiếc thay! Biết ngày nào có lại viên bảo châu Mạt ni đã mất! Người ấy tác ý tương ưng với viên bảo châu Mạt ni này, không khi nào dừng nghỉ.

Này Thiện Hiện! Nên biết, các đại Bồ Tát cũng giống như thế, thường phải tinh cần an trụ tác ý tương ưng Bát nhã Ba la mật; nếu lìa tác ý tương ưng Bát nhã Ba la mật thì làm tan mất tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí.

Thích nghĩa <u>Đoạn hai</u> *"Mộng trung Bất Chứng":*

(1). Tùy pháp hành và hòa kính hành: Một trong hai hạng. Hạng người thứ nhất, có lợi căn tu quả Dự lưu lấy lý trí phân tích pháp Phật tu hành gọi là tùy pháp hành. Hạng thứ hai căn trí chậm lụt hơn thường lấy lòng tin để tu thì gọi là tùy tín hành. Còn gọi là hòa kính hành là người tu lấy sự hòa nhã đối xử với nhau để cùng tu hành, thì gọi là hòa kính hành.

Có sáu loại hòa kính là: 1. Thân hòa đồng trụ (ở chung với nhau); 2. Khẩu hòa vô tranh; 3. Ý hòa đồng duyệt; 4. Giới hòa đồng tu; 5. Kiến hòa đồng giải; 6. Lợi hòa đồng quân (chia sẻ đều nhau), gọi chung là Lục hòa, là quy ước căn bản của Tăng chúng cùng sống chung trong Tăng đoàn.

(2). Bốn trọng tội: 1. Sát (giết hại), 2. Đạo (trộm cắp), 3. Dâm (dâm dục), 4. Vọng ngữ hay nói láo.

(3). Tội ngũ nghịch hay năm tội vô gián: 1. Giết cha, 2. Giết mẹ, 3. Giết A la hán, 4. Phá hòa hợp tăng, 5. Làm thân Phật chảy máu.

Cả 3 thích nghĩa trên, đã giải thích rồi, nay lặp lại cho nhớ!

Sơ giải:

*(Cho **Đoạn hai**: "Mộng Trung Bất Chứng")*

"Bồ Tát khi nằm mộng thấy Phật hiện ra đầy đủ 32 tướng đại trượng phu, 80 vẻ đẹp với trăm ngàn hào quang sáng chói, có vô lượng chúng cư sĩ, Tỳ kheo nam, Tỳ kheo nữ cùng trời rồng, dược xoa, nhơn, phi nhơn vây quanh nghe pháp. Thấy đức Phật thuyết pháp cho đại chúng. Bồ Tát nầy theo Phật nghe pháp liền hiểu nghĩa trong đó rồi thực hành theo pháp. **Phải biết đó là tướng bất thối chuyển của đại Bồ Tát.**

Nếu trong chiêm bao, đại Bồ Tát thấy giặc nổi dậy đánh phá xóm làng, thành thị, hoặc phóng hỏa, hoặc thấy những ác thú cọp, sói, sư tử, hoặc thấy có kẻ muốn đến chặt đầu mình, hoặc thấy cha mẹ, anh chị, bạn hữu chết. Dù thấy bao nhiêu điềm dữ, sầu khổ như vậy mà chẳng kinh sợ, buồn lo. Sau khi thức giấc liền suy gẫm ba cõi hư vọng đều như cảnh chiêm bao. Nên nguyện, lúc tôi được Vô thượng Bồ đề, sẽ vì chúng sanh mà giảng nói ba cõi như chiêm bao. Phải biết đó là tướng bất thối chuyển của đại Bồ Tát.

Bồ Tát lúc tỉnh hay mộng thấy lửa thiêu đốt thành ấp xóm làng liền phát nguyện: Nếu ta được thọ ký chứng đắc quả Phật, thì nguyện cho lửa dữ nầy diệt ngay tức khắc, biến thành hơi mát. Đại Bồ Tát nguyện như vậy rồi, trong khi tỉnh hay mộng, thấy lửa bị diệt tức khắc thì nên biết đó là đại Bồ Tát bất thối chuyển. Nếu Bồ Tát trong lúc tỉnh hay mộng nguyện như vậy mà lửa vẫn tiếp tục thiêu đốt thì nên biết Bồ Tát ấy chưa phải là bậc bất thối chuyển.

Hoặc đại Bồ Tát thấy có nam hay nữ nhân đang bị phi nhơn nhập xác, liền nghĩ: Nếu chư Phật biết ta có khả năng tu hạnh Bồ Tát quyết chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao thì nên cho ta uy lực của bậc bất thối chuyển để cứu vớt nam hay nữ nầy chẳng bị loài phi nhơn quấy nhiễu; loài phi nhơn ấy theo lời ta bảo liền bỏ đi. Đó là Bồ Tát có tướng bất thối chuyển. Trái lại, Đại Bồ Tát ấy nguyện rồi mà loài phi nhơn kia chẳng bỏ đi thì nên biết đại Bồ Tát ấy chưa từng được thọ ký bậc bất thối chuyển. v.v..."

Chủ đề chính của đoạn hai này nói về "Mộng Trung Bất Chứng" của Bồ Tát: Nếu Bồ Tát nằm mộng mà thấy ước vọng của mình tương ứng với mộng thì biết ngay là có được thọ ký bất thối hay không? Đây có thể xem là một thứ "điềm mộng". Đọc tới đây ai cũng có thể hiểu, nên không cần dong dài! Có điểm hơi lạ, chủ đề là "Mộng Trung Bất Chứng" nhưng Kinh lại nói nhiều về Bồ Tát Bất thối chuyển.

Phần cuối phẩm này (từ Q333 đến Q.335), thuyết về:

***1- Biết việc ma.** Phẩm "Ma Sự" từ Q.303 đến Q.304, Hội thứ I, ĐBN đã thuyết vấn đề này rồi;*

***2- Ai là thiện hữu tốt nhất của Bồ Tát?** Phẩm "Chơn Thiện Hữu", đầu Q.313 đến đầu Q.316, Hội thứ I, ĐBN cũng thuyết chủ đề này rồi, nên không cần lặp lại nữa;*

3- Bát Nhã lấy gì làm tướng?

*Kinh nói đại cương như sau: Bát nhã Ba la mật lấy hư **không** làm tướng, Bát nhã Ba la mật ấy lấy **vô trước** làm tướng, Bát nhã Ba la mật ấy lấy **vô tướng** làm tướng. Các đoạn Kinh dẫn chứng sau đây liệt kê Bát Nhã tướng như sau:*

- ***Phẩm "Phật Mẫu", Q.306, Hội thứ I, ĐBN,** chúng ta mới tụng qua. Các Thiên tử cung kính chấp tay đồng thưa Phật rằng:*

"Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật thậm thâm lấy gì làm tướng?

Bấy giờ, Phật bảo các thiên tử rằng: Thiên tử! Thiên tử phải biết: Bát nhã Ba la mật thậm thâm lấy **không làm tướng**. Bát nhã Ba la mật lấy **vô tướng làm tướng**. Bát nhã Ba la mật lấy **vô nguyện làm tướng**. Bát nhã Ba la mật lấy **vô tác làm tướng**. Bát Nhã lấy **vô sanh vô diệt làm tướng**. Bát Nhã lấy **vô nhiễm vô tịnh làm tướng**. Bát Nhã lấy **vô tánh làm tướng**. Bát Nhã lấy **vô tánh tự tánh làm tướng**.

Bát Nhã lấy **vô sở y chỉ làm tướng**. Bát Nhã lấy **phi đoạn, phi thường làm tướng**. Bát Nhã lấy **phi nhất, phi dị làm tướng**. Bát Nhã lấy **vô lai, vô khứ làm tướng**. Bát nhã Ba la mật lấy **hư không làm tướng**. Bát nhã Ba la mật thậm thâm có vô lượng các tướng như thế.

Thiên tử phải biết: Các tướng như thế, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương thế tục mà nói, chẳng nương thắng nghĩa. Các ông phải biết: Các tướng như thế, thế gian trời, người, A tu la đều chẳng phá hoại được. Vì sao? Vì trời, người, A tu la v.v... trong thế gian cũng là tướng. Thiên tử nên biết! Các tướng chẳng thể phá hoại các tướng, các tướng chẳng thể biết rõ các tướng, các tướng chẳng thể phá hoại vô tướng, các tướng chẳng thể biết rõ vô tướng; vô tướng chẳng thể phá hoại các tướng, vô tướng chẳng thể biết rõ các tướng, vô tướng chẳng thể phá hoại vô tướng, vô tướng chẳng thể biết rõ vô tướng. Vì sao? Vì hoặc tướng, hoặc vô tướng, hoặc tướng vô tướng đều không sở hữu, năng phá, năng tri, sở phá, sở tri và sự phá, sự biết chẳng thể nắm bắt được. Thiên tử phải biết: Các tướng như thế chẳng phải sắc làm ra, chẳng phải thọ tưởng hành thức làm ra. Chẳng phải các xứ các giới làm ra.

Chẳng phải 18 pháp không làm ra. Chẳng phải 12 chơn như làm ra. Nói gọn lại, chẳng phải tất cả pháp Phật làm ra. Chẳng phải quả Dự lưu làm ra; chẳng phải quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán làm ra. Chẳng phải Độc giác Bồ đề làm ra. Chẳng phải tất cả hạnh Bồ Tát Ma ha tát làm ra. Chẳng phải chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề làm ra.

Thiên tử phải biết: Các tướng như thế chẳng phải thiên tạo ra, chẳng phải phi thiên tạo ra, chẳng phải nhơn tạo ra, chẳng phải phi nhơn tạo ra, chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, chẳng phải thế gian, chẳng phải xuất thế gian, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, không chỗ hệ thuộc, chẳng thể tuyên thuyết. Thiên tử phải biết: Bát nhã Ba la mật xa lìa các tướng, chẳng nên thưa hỏi Bát Nhã thậm thâm lấy gì làm tướng.

Phật bảo: Thiên tử! Theo ý các ông, như có người hỏi: "Hư không có tướng không? Câu hỏi như thế có xác đáng không? Các thiên tử thưa rằng: Bạch Thế Tôn! Không. Vì sao? Vì hư không không hình thể, không tướng trạng, không tạo tác, chẳng nên đặt câu hỏi như thế. Phật bảo các thiên tử: Bát nhã Ba la mật thậm thâm cũng thế, chẳng

nên thưa hỏi. Tuy nhiên, các pháp tướng có Phật, không Phật, pháp giới, pháp nhĩ, đối với những tướng này Phật biết như thật cho nên gọi là Như Lai".

Vì chứng biết các tướng như thế nên tất cả Như Lai Chánh Đẳng Giác được Trí vô ngại. Còn phàm phu dùng thức vọng phân biệt nên mới thấy thiên sai vạn biệt mà gặp nhiều chướng ngại, trôi lăn trong ba cõi sáu đường không bao giờ yên!

"Vì biết như thật các tướng nên Như Lai mới phân biệt khai thị chỉ rõ tướng của **tất cả pháp là vô tướng**. Như Lai biết như thật là vô tướng: biến ngại là tướng của sắc, lãnh nạp là tướng của thọ, nắm lấy bóng là tướng của tưởng, tạo tác là tướng của hành, liễu biệt là tướng của thức. Như Lai biết như thật là vô tướng: khổ não tích tụ là tướng của uẩn, cửa sanh trưởng là tướng của xứ, nhiều độc hại là tướng của giới, hòa hợp sanh khởi là tướng của duyên khởi, thường ban cho là tướng của bố thí, không bị phiền não thiêu đốt là tướng của tịnh giới, không sân nhuế là tướng của an nhẫn, chẳng thể khuất phục là tướng của tinh tấn, nhiếp trì tâm là tướng của tịnh lự, không trở ngại là tướng của Bát Nhã. Như Lai biết như thật là vô tướng: không sở hữu là tướng của pháp không nội v.v... Như Lai biết như thật là vô tướng: chẳng điên đảo là tướng của chơn như v.v... Như Lai biết như thật là vô tướng: chẳng hư vọng là tướng của 4 Thánh đế; Như Lai biết như thật là vô tướng: không phiền nhiễu là tướng của bốn tịnh lự; Như Lai biết như thật là vô tướng: không có giới hạn ngăn cách là tướng của 4 vô lượng; Như Lai biết như thật là vô tướng: không ồn ào, tạp loạn là tướng của 4 định vô sắc; Như Lai biết như thật là vô tướng: không ràng buộc là tướng của tám giải thoát; Như Lai biết như thật là vô tướng: có khả năng chế phục là tướng của tám thắng xứ; Như Lai biết như thật là vô tướng: chẳng tán loạn là tướng của chín định thứ đệ; Như Lai biết như thật là vô tướng: không giới hạn là tướng của 10 biến xứ; Như Lai biết như thật là vô tướng: có công năng xuất ly là tướng của 37 pháp Bồ đề phần; Như Lai biết như thật là vô tướng: xa lìa hết mức là tướng của pháp môn giải thoát không; Như Lai biết như thật là vô tướng: rất tĩnh lặng là tướng của pháp môn giải thoát vô tướng; Như Lai biết như thật là vô tướng: nhàm chán các khổ là tướng của pháp môn giải thoát vô nguyện; Như Lai biết như thật là vô tướng:

hướng đến đại giác ngộ là tướng của mười địa Bồ Tát; Như Lai biết như thật là vô tướng: có khả năng quán chiếu là tướng của năm loại mắt; Như Lai biết như thật là vô tướng: không ngưng trệ là tướng của sáu phép thần thông; Như Lai biết như thật là vô tướng: khéo quyết định là tướng của mười lực Phật; Như Lai biết như thật là vô tướng: khéo an lập là tướng của bốn điều không sợ; Như Lai biết như thật là vô tướng: không đoạn tuyệt là tướng của bốn sự hiểu biết thông suốt; Như Lai biết như thật là vô tướng: ban cho lợi lạc là tướng của đại từ; Như Lai biết như thật là vô tướng: bứng gốc sầu khổ là tướng của đại bi; Như Lai biết như thật là vô tướng: mừng việc thiện là tướng của đại hỷ; Như Lai biết như thật là vô tướng: bỏ ồn ào tạp loạn là tướng của đại xả; Như Lai biết như thật là vô tướng: chẳng thể đoạt là tướng của mười tám pháp Phật bất cộng; Như Lai biết như thật là vô tướng: khéo nhớ nghĩ là tướng của pháp không quên mất; Như Lai biết như thật là vô tướng: không chấp trước là tướng của tánh luôn luôn xả; Như Lai biết như thật là vô tướng: hiện giác ngộ là tướng của Nhất thiết trí; Như Lai biết như thật là vô tướng: khéo thông đạt là tướng của trí đạo tướng; Như Lai biết như thật là vô tướng: hiện biệt giác là tướng của Nhất thiết tướng trí; Như Lai biết như thật là vô tướng: nhiếp trì khắp là tướng của tất cả pháp môn Đà la ni; Như Lai biết như thật là vô tướng: nhiếp thọ khắp là tướng của tất cả pháp môn Tam ma địa; Như Lai biết như thật là vô tướng: khéo thọ giáo là tướng của quả Thanh văn; Như Lai biết như thật là vô tướng: tự khai ngộ là tướng của quả vị Độc giác; Như Lai biết như thật là vô tướng: hướng đến đại quả là tướng của tất cả hạnh đại Bồ Tát; Như Lai biết như thật là vô tướng: không gì bằng là tướng của quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật.

Thiên tử nên biết! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối với tất cả pháp tướng như thế đều có khả năng biết như thật là vô tướng. Do nhân duyên này, Ta nói chư Phật chứng đắc trí vô ngại, không ai sánh bằng".

Biết bao nhiêu tướng, rốt lại Như Lai như thật biết tất cả pháp đồng nhất tướng, chỗ gọi là vô tướng. Nói vô tướng để phá tất cả tướng. Khi nào không còn thấy tướng là thấy tánh. Vì vậy, mới có những đoạn Kinh kế tiếp:

- Phẩm "Chỉ Tướng", Q.442, Hội thứ II; phẩm "Hiện Thế Gian", Q.510, Hội thứ III cũng lặp lại ý tưởng như vậy. Phẩm "Xảo Tiện", Q.519, Hội thứ III, ĐBN kết luận cũng y như vậy:

"Huệ mạng Tu Bồ Đề thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật thậm thâm lấy gì làm tướng?

Phật bảo: Tu Bồ Đề! Bát Nhã lấy **không** làm tướng, **vô trước** làm tướng, **vô tướng** làm tướng, **vắng lặng** làm tướng, **xa lìa** làm tướng. Sở dĩ vì sao? Trong tướng thậm thâm Bát nhã Ba la mật như thế, các tướng các pháp đều bất khả đắc, vì vô sở hữu vậy.

Cụ thọ Tu Bồ Đề lại thưa Phật rằng: Vả có nhân duyên khá nói Bát nhã Ba la mật có bao diệu tướng, tất cả các pháp cũng có các diệu tướng như thế ư?

Phật bảo: Tu Bồ Đề! Như vậy, như vậy. Có nhân duyên nên khá nói Bát nhã Ba la mật có bao diệu tướng, các pháp cũng có diệu tướng như thế. Sở dĩ vì sao? Bát nhã Ba la mật **lấy tánh không làm tướng**, các pháp cũng lấy tánh không làm tướng. Bát nhã Ba la mật **lấy vô trước làm tướng**, các pháp cũng lấy vô trước làm tướng. Bát nhã Ba la mật lấy vô tướng làm tướng, các pháp cũng lấy vô tướng làm tướng. Bát nhã Ba la mật **lấy vắng lặng làm tướng**, các pháp cũng lấy vắng lặng làm tướng. Bát nhã Ba la mật **lấy xa lìa làm tướng**, các pháp cũng lấy xa lìa làm tướng. Do nhân duyên đây khá tác thuyết này: Bát nhã Ba la mật thậm thâm có bao diệu tướng, các pháp cũng có diệu tướng như thế, vì tất cả pháp đều tự tánh không, tự tánh lìa vậy".

Kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật có câu "Hễ cái gì có tướng là có hư dối". Hư dối không có nghĩa là không có gì hết, hư dối có nghĩa là không có cái thật thể nguyên vẹn cố định, có nhưng chỉ là tạm bợ, không thể nắm bắt, không thể bám víu được. Nói chung, có tướng là có động, có phân biệt đối đãi. Có tướng là có tạo tác, có tạo tác là có sinh diệt, có sinh có diệt nên nói là hư dối! Không có tướng gọi là vô tướng, vô tướng thì không thấy, không thấy nên không chấp.

Thấy tướng mê tướng quên tâm nên nói là hợp trần thì bội giác. Phải tránh cảnh quán tâm thì mới gọi "bội trần hợp giác". Vì vậy, Bát Nhã lặp đi lặp lại: "Bát nhã Ba la mật thậm thâm lấy không làm tướng, lấy vô tướng làm tướng, lấy vô nguyện làm tướng, lấy vô tác làm tướng, lấy vô sanh vô diệt làm tướng, lấy vô nhiễm vô tịnh làm

tướng, lấy vô tánh vô tướng làm tướng, lấy vô y vô trụ làm tướng, lấy chẳng đoạn chẳng thường làm tướng, lấy chẳng một chẳng khác làm tướng, lấy vô khứ vô lai làm tướng, lấy hư không làm tướng. Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế có vô lượng tướng. Tu vô tướng là tu Bát nhã Ba la mật, tu như vậy chóng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề!"

Thiết nghĩ với những trích dẫn "Bát nhã Ba la mật lấy gì làm tướng" như trên là quá đủ, các đạo hữu có thể hiểu tướng và vô tướng của Bát Nhã như thế nào rồi. Nên không cần nói thêm nữa!

4- Công đức của người tuyên nói Bát nhã Ba la mật?

Phẩm "So Lường Công Đức" và hầu hết rải rác trong toàn thể Kinh ĐBN, chỗ nào cũng nói về công đức này. Dưới đây là 2 thí dụ:

1/. Phẩm "So Lường Công Đức", Q.126, Hội thứ I, ĐBN.
Trời Đế Thích bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn! Nay đây Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối với tất cả công đức của Bát nhã Ba la mật này, nói còn chưa hết. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật mà con đã lãnh thọ từ Thế Tôn, với công đức rộng sâu, không bờ bến. Các thiện nam tử, thiện nữ nhân đối Bát nhã Ba la mật này chí tâm lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, tinh cần tu học, như lý tư duy, vì các hữu tình tuyên thuyết truyền bá rộng rãi thì công đức có được cũng **không bờ bến.** Nếu có người sao chép Bát nhã Ba la mật này rồi dùng các thứ trang trí cho đẹp, lại dùng vô lượng tràng hoa, các loại hương xoa, hương bột tuyệt diệu, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, các thứ ngọc quý lạ, kỹ nhạc, đèn sáng, tất cả vật sở hữu cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen thì **công đức có được cũng không bờ bến**".

Cùng một phẩm như trên, Phật bảo tiếp:

"Này Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn v.v... chẳng lìa tâm của Nhất thiết trí trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với Bát nhã Ba la mật này chí tâm lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, tinh cần tu học, như lý tư duy, vì các hữu tình tuyên thuyết truyền bá rộng rãi, hoặc lại sao chép, trang trí đẹp đẽ, rồi dùng vô lượng tràng hoa, các thứ hương xoa, hương bột tuyệt diệu, y phục, anh

lạc, tràng phan, lọng báu, các thứ ngọc quí, kỹ nhạc, đèn sáng, hết cả vật sở hữu cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen thì thiện nam tử, thiện nữ nhơn v.v... ấy, ta nói, **có được vô lượng vô biên công đức thù thắng trong hiện tại và vị lai**".

__2/.__ Vô lượng vô biên công đức thù thắng được Thiên Đế Thích Ca tụng trong ***phẩm "So Lường Công Đức" ở Q.129, Hội thứ I, ĐBN như sau****:*

"Bát nhã Ba la mật như thế thành tựu công đức **quảng đại** thù thắng; Bát nhã Ba la mật như thế thành tựu công đức thù thắng **vô lượng**; Bát nhã Ba la mật như thế thành tựu công đức thù thắng **viên mãn**; Bát nhã Ba la mật như thế thành tựu công đức thù thắng **vô biên**; Bát nhã Ba la mật như thế thành tựu công đức thù thắng **vô đối**; Bát nhã Ba la mật như thế thành tựu công đức thù thắng **vô tận**; Bát nhã Ba la mật như thế thành tựu công đức thù thắng **vô giới hạn**; Bát nhã Ba la mật như thế thành tựu công đức thù thắng **không gì bằng**; Bát nhã Ba la mật như thế, thành tựu công đức thù thắng **khó nghĩ bàn**; Bát nhã Ba la mật như thế thành tựu công đức thù thắng **chẳng thể nói hết".**

Tóm lại, tất cả các tiết mục từ 1- Biết việc ma, 2- Ai là thiện hữu tốt nhất của Bồ Tát? 3- Bát Nhã lấy gì làm tướng? 4- Công đức của người tuyên nói Bát nhã Ba la mật, tất cả đã được thuyết ở các phẩm trước, Kinh chỉ trùng tuyên thôi. Ở đây chúng tôi không có lược giải, chỉ trích dẫn những đoạn Kinh trên để chứng minh cũng như làm sáng tỏ những gì mà chánh văn đã trình bày. Tự Kinh đã giải thích rõ rồi, không cần rườm rà nữa. Nếu thọ trì kỹ các phẩm trước thì phẩm này không có gì trở ngại./.

---o0o---

54. PHẨM "ĐOẠN PHÂN BIỆT"

Phần sau Q.335 đến hết Q.336, Hội thứ I, ĐBN.
(Phẩm "Tùy Hỷ" quyển thứ 21, MHBNBLMĐ có đề cập tới "phân biệt và vô phân biệt", nhưng phẩm "Tùy Hỷ" này không phải là phẩm nói riêng về phân biệt như Kinh ĐBN)

Tóm lược:

Bấy giờ cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Tất cả tác ý đều tự tánh ly, tự tánh không. **Các pháp cũng thế, đều tự tánh ly, tự tánh không**. Trong tự tánh ly, tự tánh không, hoặc đại Bồ Tát, hoặc Bát nhã Ba la mật, hoặc Nhất thiết trí trí, hoặc các tác ý đều chẳng khá được. Làm sao đại Bồ Tát chẳng ly tác ý tương ưng Bát nhã Ba la mật, chẳng ly tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí?

Phật nói: Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát biết **tất cả pháp và các tác ý đều tự tánh ly, tự tánh không**; ly-không như thế chẳng phải Thanh văn làm, chẳng phải Độc giác làm, chẳng phải các Bồ Tát làm, chẳng phải chư Phật làm, cũng chẳng phải ai khác làm. Nhưng tất cả pháp: Chơn như, pháp tánh, pháp giới, pháp trụ, pháp định, thật tế… là pháp tự nhiên*(1)* đều như vậy. Đại Bồ Tát này chẳng ly tác ý tương ưng Bát nhã Ba la mật, lại cũng chẳng ly tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, Nhất thiết trí trí cùng các tác ý đều tự tánh ly, tự tánh không vậy. Cái ly, cái không như thế không tăng, không giảm. Có khả năng thông đạt đúng đắn như thế, thì gọi là không ly, không lìa vậy.

Khi ấy cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu Bát Nhã cũng tự tánh ly, tự tánh vốn không, làm sao đại Bồ Tát chứng Bát Nhã tánh bình đẳng rồi mới chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật bảo: Thiện Hiện! Chẳng phải tất cả Phật pháp có tăng có giảm mà Bồ Tát khi tu mới chứng được tánh bình đẳng Bát Nhã; cũng chẳng phải tất cả pháp: Pháp trụ, pháp định, pháp tánh, pháp giới, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, chơn như, thật tế có tăng có giảm. Vì sao? Vì Bát Nhã chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải bốn, cũng chẳng phải nhiều. Nếu đại Bồ Tát nghe nói Bát Nhã sâu xa như thế, tâm họ không kinh, không sợ, không hãi, chẳng chìm, chẳng đắm cũng

chẳng do dự, thì nên biết đại Bồ Tát ấy tu hành Bát Nhã được rốt ráo, an trụ bậc Bất thối chuyển của Bồ Tát.*(Q.335, ĐBN)*

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có phải tự tánh chẳng chắc thật, tánh chẳng tự tại, rỗng không, chẳng phải có của Bát Nhã mà có thể hành Bát Nhã chăng?

- Thế Tôn bảo: Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa tánh chẳng chắc thật, tánh chẳng tự tại, rỗng không, chẳng phải thật có của Bát Nhã mà có pháp có thể đắc, có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự Bát Nhã có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa Bát Nhã có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự tánh không có thể hành không chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa tánh không có thể hành không chăng?

- Không! Thiện Hiện!

Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự sắc, có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa sắc, có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự thọ, tưởng, hành, thức, có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa thọ, tưởng, hành, thức, có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự 12 xứ, 18 giới có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa 12 xứ, 18 giới có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự tất cả pháp Phật có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa tất cả pháp Phật có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

Cụ thọ Thiện Hiên lại hỏi tiếp:

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự tánh chẳng chắc thật, tánh chẳng tự tại, rỗng không chẳng phải có của sắc, có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa tánh chẳng chắc thật, tánh chẳng tự tại, rỗng không chẳng phải có của sắc, có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự tánh chẳng chắc thật, tánh chẳng tự tại, rỗng không chẳng phải có của thọ, tưởng, hành, thức, có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa tánh chẳng chắc thật, tánh chẳng tự tại, rỗng không chẳng phải có của thọ, tưởng, hành, thức, có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải **tự tánh** chẳng chắc thật, tánh chẳng tự tại, rỗng không chẳng phải có của 12 xứ, 18 giới cho đến tất cả pháp Phật, có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải **lìa tánh** chẳng chắc thật, tánh chẳng tự tại, rỗng không chẳng phải có của 12 xứ, 18 giới cho đến tất cả pháp Phật có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì của sắc, có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa chơn như, pháp giới, pháp tánh v.v… cho đến cảnh giới bất tư nghì của sắc, có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự chơn như, pháp giới, pháp tánh v.v… cho đến cảnh giới bất tư nghì của thọ, tưởng, hành, thức, có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa chơn như, pháp giới, pháp tánh v.v… cho đến cảnh giới bất tư nghì của thọ, tưởng, hành, thức, có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự chơn như, pháp giới, pháp tánh v.v… cho đến cảnh giới bất tư nghì của 12 xứ, 18 giới có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa chơn như, pháp giới, pháp tánh v.v… cho đến cảnh giới bất tư nghì của 12 xứ, 18 giới có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải tự chơn như, pháp giới, pháp tánh v.v… cho đến cảnh giới bất tư nghì của tất cả pháp Phật, có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải lìa chơn như, pháp giới, pháp tánh v.v… cho cảnh giới bất tư nghì của tất cả pháp Phật, có thể hành Bát Nhã chăng?

- Không! Thiện Hiện!

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp như thế, đều chẳng thể hành thì tại sao đại Bồ Tát có thể hành Bát Nhã?

Phật bảo Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? **Ông có thấy pháp nào có thể hành Bát Nhã chăng**?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! Không!

Phật bảo Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Ông có thấy Bát Nhã là sở hành của đại Bồ Tát chăng?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! Không!

Phật bảo Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Pháp mà ông chẳng thấy là pháp có thể đạt được chăng?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! Không!

Phật bảo Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Pháp chẳng thể đạt được có sanh diệt chăng?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! Không!

Phật bảo Thiện Hiện: **Thật tánh của các pháp như ông đã thấy tức là vô sanh pháp nhẫn***(2)* **của đại Bồ Tát. Nếu đại Bồ Tát thành tựu vô sanh pháp nhẫn như thế thì liền được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thọ ký Bất thối chuyển đối với quả vị Giác ngộ tối cao.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát **nhờ đạt tánh vô sanh** của tất cả pháp mà được Phật thọ ký Bất thối chuyển chăng?

Phật dạy: Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát **nhờ tánh sanh** của tất cả pháp mà được Phật thọ ký Bất thối chuyển chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát **nhờ tánh sanh, vô sanh** của tất cả pháp mà được Phật thọ ký Bất thối chuyển chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát **nhờ tánh phi sanh, phi vô sanh** của tất cả pháp mà được Phật thọ ký Bất thối chuyển chăng?

- Không! Thiện Hiện!

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao đại Bồ Tát được Phật thọ ký Bất thối chuyển?

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? **Ông có thấy pháp nào được Phật thọ ký Bất thối chuyển chăng**?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! Không! <u>Con chẳng thấy có pháp nào được Phật thọ ký Bất thối chuyển, cũng chẳng thấy pháp nào đối với quả vị Giác ngộ tối cao của Phật có năng chứng, sở chứng, thời chứng và do đây mà chứng, tất cả đều chẳng thể nắm bắt được</u>.

Phật dạy: Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói.

Thích nghĩa:

(1). Pháp tự nhiên: Kinh MHBNBLMĐ gọi là Pháp nhĩ hay còn gọi là Pháp nhiên, Tự nhiên, Thiên nhiên, Tự nhĩ, Tự nhiên pháp nhĩ... chỉ cho trạng thái tự nhiên, thiên nhiên của các pháp (muôn vật), không bị biến đổi dưới bất kỳ trạng thái nào. ***Tức chỉ cho tướng trạng của sự vật xưa***

nay vốn như thế. *Cứ theo Hoa nghiêm Kinh Thám huyền kí quyển 3, thì nghĩa Pháp nhĩ có thể nhận xét về 2 phương diện: 1- Nhận xét về sự tồn tại của tất cả các pháp: Hết thảy các pháp đều do nhân duyên hòa hợp mà thành, dù nước chảy xuống thấp, lửa bốc lên cao, đều là việc tự nhiên như thế. 2- Nhận xét theo lý chân như của các pháp: Các pháp vốn tùy duyên mà sinh khởi, tính của các pháp xưa nay vốn bình đẳng thường nhiên. Theo luận Du già sư địa quyển 88, thì Pháp nhĩ là đạo lý thứ tư trong 4 đạo lý, là đạo lý tự nhiên biểu trưng cái tướng vốn như thế của mỗi sự vật, như tính của lửa vốn nóng, tính của nước vốn ướt... Tịnh độ chân tông của Nhật bản cho rằng nhờ nguyện lực của đức Phật A di đà mà tự nhiên được vãng sinh Cực lạc, gọi là Pháp nhĩ vãng sinh. Pháp nhĩ trong trường hợp này có nghĩa là tự nhiên và tha lực. - Phật Quang từ điển.*

(2). Vô sanh pháp nhẫn: Vì thấu hiểu các pháp không sanh, không diệt tức thấu hiểu thật tướng các pháp thì không còn lo rầu, phiền muộn trước mọi cảnh huống, nên đối người đối vật không sanh lòng hờn giận, oán ghét mà được vô sanh pháp nhẫn.

Sơ giải:

Mấu chốt của phẩm này là chẳng phải tất cả Phật pháp có tăng có giảm mà Bồ Tát lúc tu mới chứng được tánh bình đẳng Bát Nhã. Chẳng phải do hay lìa tánh chẳng chắc thật, tánh chẳng tự tại, rỗng không của Bát Nhã mà Bồ Tát có thể hành Bát Nhã. Chẳng phải do sắc như hay lìa sắc như mà có thể hành Bát Nhã, chẳng phải do hay lìa thọ tưởng hành thức như mà có thể hành Bát Nhã. Nói rộng ra, chẳng phải do hay lìa tất cả pháp như mà có thể hành Bát Nhã.

Tất cả pháp chẳng thể hành, chẳng thể chứng, chẳng sanh chẳng diệt tức là ***vô sanh pháp nhẫn*** *của đại Bồ Tát. Nếu đại Bồ Tát thành tựu vô sanh pháp nhẫn như thế thì liền được Phật thọ ký bất thối chuyển. Nên biết, Bồ Tát chẳng phải nhờ tánh sanh, tánh vô sanh hay tánh phi sanh, phi vô sanh mà được thọ ký. Rốt ráo, chẳng thấy có pháp nào được Phật thọ ký bất thối chuyển, cũng chẳng thấy pháp nào đối với quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật có năng chứng, sở chứng, thời chứng và do đây mà chứng, vì tất cả đều chẳng thể nắm bắt được.* ***Các đại Bồ Tát tu hành thậm thâm Bát Nhã, không có phân biệt như thế thì mau chứng đắc.***

Nhưng, chứng hay chẳng chứng rốt ráo cũng vô phân biệt. Vì sao? Vì Bát Nhã là vô phân biệt.

Điều này có nghĩa: "Bồ Tát tu hành Bát Nhã nếu không phân biệt các pháp thì sẽ không thấy có sở hành sở chứng", nhưng vẫn hành vẫn chứng, vẫn hoàn thành sự nghiệp. Kinh nói "như người thợ, vì có sự nghiệp phải làm nên thầy trò tạo ra người gỗ hoặc voi, ngựa, trâu, dê gỗ. Các hình gỗ đó cũng làm được việc mà vô phân biệt*".(1)*

Phần "Bát nhã Ba la mật" Q.597, Hội thứ XVI, ĐBN. *Phật bảo Bồ Tát Thiện Dũng Mãnh:*

"Vì tất cả điên đảo đều do hành, do có hành nên có cùng khởi. Sự hành, cùng khởi đều do điên đảo hư dối phân biệt. Bồ Tát đối với pháp hành đều không phân biệt, cũng không cùng khởi, nên gọi là xa lìa điên đảo. Do không điên đảo nên không có sở hành. Do không có sở hành thì không có sở khởi. Nên nói Bồ Tát hành không chỗ hành. Không chỗ hành ấy nghĩa là đối với các pháp hoàn toàn không có chỗ hành, cũng không quán xét, cũng không thị hiện có tướng hành. Cho nên nói Bồ Tát hành không chỗ hành. Nếu có thể hành được không chỗ hành mà hành như thế là hành Bát nhã Ba la mật".

Có phân biệt là có chấp, có chấp nên sanh thi vi tạo tác, tức hành có thương ghét, trọng khinh... Đó là hành trong điên đảo. Bồ Tát biết rằng thế gian là thiên sai vạn biệt, nhưng Bồ Tát không phân biệt nên không chấp, do công năng vô chấp đó mà đối với tất cả pháp đều được vô ngại. Kinh nói: "Như kẻ được các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biến hóa, dù hành bố thí… cho đến Bát nhã Ba la mật mà đối quả kia chẳng thọ chẳng trụ, chỉ vì muốn hữu tình được Niết bàn. Như vậy, cho đến dù hành Nhất thiết chủng trí mà đối quả kia chẳng thọ chẳng trụ, chỉ vì muốn hữu tình nhập Niết bàn. Các Bồ Tát cũng lại như thế, khi hành sâu Bát Nhã đối tất cả pháp thiện hoặc phi thiện, hoặc hữu ký hoặc vô ký, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu vi hoặc vô vi **đều không chấp trước**, cũng không bị ngại. Vì sao? Vì khéo đạt các pháp như thật tướng vậy". *(Phẩm "Nhiều Đức Tướng" Q.471, Hội thứ II, ĐBN).*

*Nhưng thật tướng tất cả pháp là Không, là Tánh không. Trong Tánh Không không có tánh tướng, nên **"Phân Biệt Kinh"**(2) nói:*

"Này các tỳ kheo! Nói đến Tánh Không là không có gì cả, không vọng tưởng, không sanh không diệt, xa lìa mọi thấy biết. Tại sao? Vì Tánh Không không có nơi chốn, không có sắc tướng, không có tư tưởng, vốn không sanh, chẳng phải sự thấy biết có thể thấu được. Xa lìa mọi đắm chấp, nên thâu nhiếp được tất cả pháp, trú ở thấy biết bình đẳng, là sự thấy biết chơn thật. Các ông nên biết, Tánh Không như vậy, các pháp cũng như vậy. **Đó gọi là Pháp Ấn**.

Lại nữa, các Tỳ kheo, Pháp ấn này là **cửa ngõ của ba pháp giải thoát**, là căn bản của chư Phật, là con mắt của chư Phật, là nơi chư Phật đạt đến. Vậy nên các ông nghe cho kỹ, ghi nhận cho đúng, như sự thật mà suy nghĩ quán sát.

Lại nữa, Tỳ kheo các ông! Nếu có người nào tu hành, nên đi vào chốn núi rừng, hoặc ở dưới gốc cây hay ở các nơi vắng vẻ yên tĩnh, đúng như sự thật quán sát: Sắc là khổ, là không, là vô thường, nên sanh tâm nhàm chán xa lìa; như vậy quán sát về Thọ, Tưởng, Hành, Thức là khổ, là không, là vô thường nên sanh tâm nhàm chán xa lìa. Trú ở sự thấy biết bình đẳng.

Này các Tỳ kheo! Các uẩn vốn không, chỉ do tâm phát sanh. Khi tâm diệt thì các uẩn không còn tác động. Biết đúng như vậy, tức là chánh giải thoát. Khi được chánh giải thoát, xa lìa mọi sự thấy biết, thì gọi là **cửa Giải thoát không.**

Lại nữa, trú trong chánh định quán sát các sắc cảnh, tất cả đều tiêu diệt, xa lìa mọi nghĩ tưởng. Như vậy, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng đều tiêu diệt, xa lìa mọi nghĩ tưởng. Quán sát như vậy gọi là **cửa Giải thoát vô tướng.** Vào được cửa Giải thoát này tức thấy được thanh tịnh. Do sự thấy biết thanh tịnh đó, dứt trừ được tất cả tham sân si. Tham sân si đã dứt trừ, trú ở sự thấy biết bình đẳng, trú ở sự thấy biết bình đẳng rồi, tức xa lìa được cái thấy ta và vật sở hữu của ta. Thấu rõ được mọi sự thấy biết không nơi sanh khởi, cũng không nơi nương tựa.

Lại nữa, xa lìa được cái thấy ta rồi, tức không còn thấy, không còn hay, không còn biết. Tại sao thế? **Vì có nhơn duyên cho nên mới sanh thức, tức nhơn duyên kia cùng với thức được phát sanh đều là vô thường**. Vì là vô thường nên thức không có thật thể. Thức uẩn đã không, không có tạo tác, thì gọi là **cửa Giải thoát vô tác.** Vào được cửa Giải thoát này, tức biết được pháp cứu cánh, không còn đắm chấp các pháp và chứng được pháp tịch diệt".

Rốt cuộc rồi tất cả pháp Phật cũng dẫn đến kết luận: Chấm dứt sự sanh diệt của cảm quan và thức vọng phân biệt thì chứng được cái thấy biết bình đẳng. Đạt được cái thấy biết bình đẳng thì tâm được thanh tịnh. Đó là chỗ rốt ráo của tu hành. Muốn được như vậy thì không nên phân biệt, không phân biệt khác mới có thể mở được cửa không, vô tướng, vô tác mà qua bờ kia.

*Phân biệt Kinh là một đoạn Kinh nói về pháp môn **tam tam ma địa** hay nhất. Ngắn gọn mà Phật luôn luôn tán tụng trong toàn thể ĐBN. Đó là pháp ấn mầu nhiệm của chư Phật cũng là pháp ấn của chúng ta*.

Kết luận:

Phật bảo Bồ Tát Thiện Dũng Mãnh: "Này Thiện Dũng Mãnh! Nếu có phân biệt thời phân biệt khác. Nếu đối chỗ này không có phân biệt, thời đối chỗ ấy không phân biệt khác. Tất cả phân biệt và phân biệt khác đều do phàm phu ngu si tạo ra và tư tưởng của họ cũng đều do phân biệt và phân biệt khác phát sanh. Vậy nên, Bồ Tát chẳng khởi phân biệt, không phân biệt khác.

Này Thiện Dũng Mãnh! Nói phân biệt ấy là bên thứ nhất, phân biệt khác ấy là bên thứ hai. Nếu đối chỗ này chẳng khởi phân biệt, không phân biệt khác, thời đối chỗ ấy xa lìa hai bên, cũng không có giữa.

Này Thiện Dũng Mãnh! Nếu bảo có giữa cũng là phân biệt, phân biệt giữa ấy cũng gọi có bên. Nếu đối chỗ này có phân biệt, thời đối chỗ đây có phân biệt khác. Do nhân duyên đây không có nghĩa là dứt phân biệt, phân biệt khác. Nếu đối chỗ này không phân biệt, thời đối chỗ đấy không phân biệt khác. Do nhân duyên đây mới dứt phân biệt, phân biệt khác.

Này Thiện Dũng Mãnh! Đoạn trừ phân biệt nghĩa là trong đó hoàn toàn không có gì để đoạn trừ cả. Vì sao? Này Thiện Dũng Mãnh! Vì sức phân biệt, phân biệt khác là vô sở hữu, hư vọng nên phát sanh điên đảo; vì nó tịch tĩnh nên điên đảo cũng không có; vì điên đảo cũng không nên hoàn toàn không có chỗ đoạn trừ.

Này Thiện Dũng Mãnh! Vì không có sự đoạn trừ nên mới hiển bày ý niệm về khổ đoạn. Nghĩa là trong đó không có một chút khổ nào để đoạn trừ nên gọi là khổ đoạn.

Nếu tự tánh của khổ mà có một chút chân thật thì mới có thể nói là đoạn trừ. Nhưng tự tánh của khổ không có chút gì là chân thật nên không có chỗ để đoạn trừ.

Nếu chỉ thấy khổ thì không thể gọi là khổ đoạn, nghĩa là biết rõ cái khổ hoàn toàn không có một chút phần tự tánh nào có thể bị, nên gọi là khổ đoạn.

Nếu mọi người đối với khổ mà hoàn toàn không phân biệt và phân biệt khác thì gọi là khổ tịch tĩnh, tức là làm cho khổ không còn có ý nghĩa phát sanh nữa.

Này Thiện Dũng Mãnh! Nếu các Bồ Tát thấy như vậy thì đối với các pháp không khởi phân biệt và không phân biệt khác. Này Thiện Dũng Mãnh! Đó gọi là Bồ Tát biết rõ tánh phân biệt và phân biệt khác mà tu hành Bát nhã Ba la mật”*(3).*

Đây là chỗ tột cùng của Bát Nhã: Không có phân biệt cũng không phân biệt khác, đoạn trừ phân biệt mà cũng không có gì để đoạn trừ (vì phân biệt chỉ do tưởng, tự mình tạo ra); cho đến khổ mà hoàn toàn không phân biệt và phân biệt khác thì gọi là khổ tịch tĩnh, tức là làm cho khổ không còn có ý nghĩa phát sanh nữa, như vậy khổ tự đoạn. Nhưng đoạn mà không có gì để đoạn, khiển cũng không có gì khiển. Đoạn hay khiển cũng là động niệm mà động niệm cần xa lìa thì tâm mới được an nhiên tịch lặng. Bát Nhã là như vậy: Một giáo pháp nghịch đời nhưng cứ theo những chỉ dẫn đó rồi sẽ được an nhiên tịnh lặng trong muôn ngàn số kiếp.

Tổ Tăng Xán mở đầu bài tụng “Tín Tâm Minh” với câu nói thời danh **“Chí đạo vô nan, duy hiềm giản trạch”**- *Chí đạo chẳng khó, cốt đừng chọn lựa!*

Câu chuyện sau đây nói lên cái ghê tởn của phân biệt thế gian:

Có cô gái của một gia đình nọ xin Bố mẹ cho nuôi một con chó nhỏ để làm bạn vì cô đi học xa, xa gia đình cảm thấy lẻ loi. Sau vài năm cô gái tốt nghiệp cử nhân và chuyển sang học chuyên khoa ở phương xa, không thể tiếp tục chăm sóc con chó tên Bella được nữa. Vì vậy, cô để nó lại nhờ Bố mẹ chăn sóc.

Con Bella càng lớn càng lười biếng, ăn rồi ngủ, không chịu chạy nhảy nô đùa như trước nữa. Ông Bố mới theo ý kiến của những người chuyên

môn khuyên: Nuôi chó phải nuôi hai con để nó làm bạn nô đùa với nhau. Rồi ba bố con đưa nhau đến một trung tâm nuôi chó "bị bỏ rơi" (Shelter)*. Ông Bố có ý kiến là nên nhận một con chó đẹp, lành lặn. Ba bố con mới đi một vòng quan sát. Cậu con trai thấy một con chó nhỏ giống chuhuahua, rất vui vẻ, quẫy đuôi chạy loanh quanh ba bố con như có ý muốn nói: "Hãy nhận con đi, tội nghiệp!" Nó bị tật hai chân sau, không ai thừa nhận, nên mới bị bỏ rơi tại trung tâm này* khá lâu.

Người bố bảo "Nó bị tật, không nên lấy". Ba bố con nhận một con chó khác, khỏe mạnh và đẹp hơn. Trên đường đi về, cậu con trai mới nói với bố: "Con thích con chó chuhuahua". Ông bố mới bảo: "Nó bị tật mà lấy làm gì thêm khổ?" Đứa con trai mới nói với bố: "Nếu không ai nhận người ta sẽ chít thuốc cho chết, con thấy nó vui vẻ, có sao đâu?"

Câu chuyện xảy ra như vậy tưởng chẳng có gì trầm trọng. Nhưng trải qua một thời gian dài, ông bố học đạo mới hối tiếc, buồn rầu và tự trách "cái nghiệp này có thể đưa mình đến trầm luân không biết bao nhiêu kiếp". Vì sao? Vì phân biệt đẹp với xấu, toàn vẹn với khuyết tật. Cái so đo, chọn lựa làm mất đại bi tâm. Đó là hậu quả tất nhiên của cuộc đời thường: Có chọn lựa là có được có mất, có điên đảo! Con người chỉ thích đẹp, còn cái xấu, cái khuyết tật bỏ cho ai? Thiếu đạo đức, thiếu công bằng là ở chỗ đó! Nên Phật bảo: "Bất tùy phân biệt thì giải thoát".

Người Bố cứ mỗi lần nhắc đến chuyện này, đều không tránh nổi đau buồn, thở dài!

Thích nghĩa cho phần lược giải này:

(1). Phẩm "Tùy Hỉ" quyển thứ 21, Kinh *MHBNBLMĐ, La Thập dịch.*

(2). Pháp ấn Kinh, Đại tạng Tích Sa quyển 514 dịch theo bản chữ Hán của Thí Hộ, dịch giả Thích thiện Trì.

(3). Phần "Bát nhã Ba la mật" Q.599, Hội thứ XVI, ĐBN./.

---o0o---

55. PHẨM "HỌC PHƯƠNG TIỆN XẢO"

Quyển 337 đến đầu quyển 341, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương với phẩm "Ma Sầu" và phẩm "Đẳng Học", quyển thứ 21, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

1."Ma sầu"*(1)*

Phẩm "Học Phương Tiện Xảo", đầu Q.337, Hội thứ I, ĐBN (Tương đương phẩm "Ma Sầu" quyển thứ 21, Kinh MHBNBLMĐ)

Bát Nhã như thế vô cùng sâu xa, khó thấy, khó biết, chẳng thể suy tầm, vượt cảnh suy tầm. Đó là sở chứng của bậc trí tuệ sâu sắc, rốt ráo xa lìa tất cả phân biệt mới có thể đạt được. Nếu các hữu tình đối với Kinh Bát nhã Ba la mật sâu xa nầy, thường lắng nghe, thọ trì đọc tụng, rốt ráo thông lợi, như lý tư duy, y giáo phụng hành, vì người giảng nói mà chẳng xen lẫn các tâm và tâm sở khác thì nên biết, các hữu tình ấy quyết định thành tựu thiện căn to lớn.

Giả sử tất cả hữu tình ở châu Thiệm bộ thành tựu công đức nhờ tu thập thiện đạo, 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, năm thần thông v.v... Lại có thiện nam thiện nữ đối với Kinh điển Bát Nhã sâu xa này, thường ưa lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, như lý tư duy, y giáo phụng hành, vì người giảng nói thì công đức đạt được của thiện nam hay thiện nữ ấy, đối với công đức đã thành tựu của các hữu tình trong châu Thiệm bộ nói trên, trăm ngàn lần hơn, trăm ức lần hơn, trăm triệu lần hơn, kể cả tính đếm, thí dụ.

Nếu có thể so sánh thì nên biết công đức trí tuệ của thiện nam thiện nữ ấy, chẳng những hơn các loài hữu tình trong châu Thiệm bộ thành tựu 10 thiện nghiệp đạo v.v… mà còn hơn tất cả trời, người, A tu la, hơn cả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác; hơn cả Bồ Tát xa lìa Bát Nhã và phương tiện thiện xảo tu hành 6 Ba la mật. Vì sao? Vì thiện nam thiện nữ ấy mau chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, lợi lạc cho vô lượng hữu tình.

Công đức trí tuệ của thiện nam thiện nữ ấy, **cũng hơn đại Bồ Tát xa lìa Bát Nhã và phương tiện thiện xảo**, an trụ 18 pháp không; an trụ chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác v.v…; an trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; tu hành 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… Nên biết, công đức trí tuệ của thiện nam thiện nữ ấy, cũng hơn cả Bồ Tát xa lìa Bát Nhã và phương tiện thiện xảo tu Bồ Tát hạnh hay tu quả vị Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì thiện nam thiện nữ ấy mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao, lợi lạc vô lượng hữu tình.

Thiện nam thiện nữ ấy tức là đại Bồ Tát, có khả năng tiếp nối giống Phật, không để dứt diệt. Đại Bồ Tát ấy như thuyết tu hành Bát Nhã, nên chẳng bao lâu sẽ ngồi tòa Bồ đề, hàng phục ma quân, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, chuyển pháp luân nhiệm mầu, cứu khổ sanh tử to lớn cho tất cả hữu tình.

Đại Bồ Tát ấy như thuyết tu hành Bát nhã Ba la mật, thường học pháp nên học của các chúng đại Bồ Tát nên được các Thiên vương, Thiên đế ở 25 cõi trời Ba mươi, Dạ ma, Đổ sử đa, Lạc biến hóa, Tha hoa tự tại, trời Phạm chúng, Phạm phụ, Phạm hội, trời Quang, trời Thiểu Quang, trời Vô lượng quang, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến… thống lãnh binh tướng đi đến chỗ vị ấy, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, và nói: Đại sĩ hay lắm! Nên siêng năng tinh tấn học các pháp nên học của chúng đại Bồ Tát, chớ học hạnh Thanh văn, Độc giác. Nếu học như vậy thì sẽ mau an tọa tòa Bồ đề mầu nhiệm, chóng chứng quả vị Giác ngộ tối cao, chuyển pháp luân, độ vô lượng chúng sanh.

Nên biết, vì Đại Bồ Tát ấy như thuyết tu hành Bát Nhã, nên tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các chúng đại Bồ Tát cùng các trời, rồng, A tu la v.v... thường theo hộ niệm. Do nhân duyên nầy tất cả hiểm nạn, bệnh tật trong thế gian đều chẳng xâm hại Bồ Tát ấy được. Đại Bồ Tát ấy như thuyết tu hành Bát Nhã sâu xa, nên đạt được vô lượng, vô biên công đức đời hiện tại, cũng như vị lai.

Kinh chia Bồ Tát làm hai hạng: Một hạng dễ bị chúng ma khuynh đảo và một hạng không thể bị ác ma nhiễu loạn được:

Nếu Bồ Tát nào đời trước nghe Bát Nhã chẳng tin, chẳng hiểu, đâm do dự, nghi hoặc rồi sanh tâm phỉ báng, thì Bồ Tát ấy khi tu hành Bát Nhã liền bị ác ma nhiễu loạn. Còn nếu Bồ Tát nào đời trước nghe Bát Nhã tâm

tin hiểu sâu sắc, chẳng sanh phỉ báng, thì Đại Bồ Tát ấy khi tu hành Bát Nhã chẳng bị ác ma nhiễu loạn.

Nếu Bồ Tát xa lìa thiện hữu tri thức, lại bị các ác hữu chi phối, chẳng nghe, chẳng tin Bát Nhã; do chẳng nghe, chẳng tin nên chẳng hiểu; vì chẳng hiểu nên chẳng có thể tu tập; vì chẳng thể tu tập nên chẳng thể thật chứng Bát nhã Ba la mật thì Bồ Tát ấy, khi tu hành Bát Nhã liền bị ác ma nhiễu loạn. Còn nếu Bồ Tát gần gũi thiện hữu, chẳng bị ác hữu ràng buộc, được nghe Bát Nhã sâu xa, do được nghe nên có thể hiểu rõ; do hiểu rõ nên thường tu tập; do thường tu tập nên thật chứng Bát Nhã thì Bồ Tát ấy, khi tu hành Bát nhã Ba la mật, không bị ác ma nhiễu loạn.

Nếu Đại Bồ Tát xa lìa Bát Nhã, học tập, khen ngợi các pháp tạp nhiễm thì Bồ Tát ấy, khi tu hành Bát Nhã liền bị ác ma nhiễu loạn. Còn nếu Bồ Tát nào gần gũi Bát Nhã chẳng thâu nạp, chẳng khen ngợi pháp tạp nhiễm thì Bồ Tát ấy, khi tu hành Bát Nhã sâu xa, chẳng bị ác ma nhiễu loạn.

Nếu Bồ Tát ỷ lại vào danh vị được nhiều người biết hay ỷ lại vào thiện căn công đức của mình, tự khen mình chê người, khinh miệt các Bồ Tát khác. Do tăng thượng mạn, khinh miệt chê bai như vậy mà sanh nhiều phiền não nên dễ bị ác ma khuyến dụ, khuynh đảo, nhiễu loạn. Trái lại, nếu Bồ Tát chẳng ỷ lại vào thiện căn công đức của mình, thường tinh tấn tu các pháp lành nhưng chẳng chấp trước tướng của các pháp lành, thì nên biết Bồ Tát ấy, khi tu hành Bát nhã Ba la mật sâu xa, chẳng bị ác ma khuynh đảo, nhiễu loạn.

Nếu Bồ Tát cùng với người cầu Thanh văn, Độc giác thừa, Bồ Tát thừa hay Phật thừa **hủy nhục, tranh cãi, phỉ báng nhau** thì biết đó là những người xa lìa chánh giác, tiến gần địa ngục, bàng sanh hay quỷ giới. Bọn này trước sau gì cũng trở thành đồng đảng với ma, nên bọn ma vui mừng. Trái lại, nếu Bồ Tát nào không cùng với thiện nam thiện nữ cầu quả Tam thừa hủy nhục, tranh cãi, phỉ báng nhau, lại nhắc nhở nhau siêng tu thiện pháp, để mau chứng đắc Nhất thiết trí, thì nên biết, các Bồ Tát ấy khi tu hành Bát nhã Ba la mật, chẳng bị ác ma nhiễu loạn.

Một khi bị ác ma khuynh đảo, khởi tội rồi thì phải bị lưu chuyển nhiều đời nhiều kiếp, nếu không biết phát lồ sám hối sẽ không có cơ hội xuất tội. Bằng ngược lại, nếu hồi tâm, tu Bồ Tát hạnh chân thật thì cũng có cơ hội để xuất tội bù lại.

Nói tóm lại, Bồ Tát tu chánh hạnh, chẳng lìa Bát Nhã, sớm chứng Vô Thượng Chánh giác, thành thục chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, quay xe diệu pháp độ chúng hữu tình được giác ngộ như mình. Do đó, thiện đạo càng ngày càng tăng trưởng, ác đạo ngày càng giảm đi, ác ma và bè lũ hết đất dụng võ, trở nên sầu khổ, giãy chết như kẻ trúng phải tên.

2. “Đẳng học”

Phẩm “Học Phương Tiện Xảo” từ Q.338 - Q.341, Hội thứ I, ĐBN (Tương đương phẩm “Đẳng Học”quyển thứ 21, Kinh MHBNBLMĐ).

Các vị đồng tu trên nguyên tắc phải kính trọng lẫn nhau, coi nhau như thiện tri thức, coi nhau như bạn đồng hội, như kẻ đồng thuyền. **Chỗ học, thời gian học và pháp học của chúng ta và vị ấy, tất cả đều không khác**. Các vị ấy phải học lục Ba la mật, ta cũng phải học; các vị ấy cần phải học 18 pháp không, phải học chơn như, pháp giới, pháp tánh v.v…, ta cũng phải học; các vị ấy phải học Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, ta cũng phải học; các vị ấy phải học tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, 37 pháp trợ đạo, ta cũng phải học; các vị vị ấy phải học tam giải thoát môn, ta cũng phải học; các vị ấy phải học Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí, ta cũng phải học như thế. Các vị ấy vì chúng sanh nói đạo Bồ đề, tức là bạn lành chơn thật của ta, cũng là thầy ta. Nếu các vị ấy tạp loạn, điên đảo xa lìa tác ý tương ưng Nhất thiết trí, thì ta chẳng cùng học với các vị ấy. Trái lại, nếu các vị ấy lìa tạp loạn, điên đảo chẳng rời tác ý tương ưng Nhất thiết trí, thì ta luôn luôn cùng học. Nếu các vị ấy luôn luôn học như thế, thì tư lương Bồ đề mau viên mãn. Vì sao? Vì học như thế thì gọi là **đẳng học**.

Vì vậy, Kinh nói các pháp nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, thắng nghĩa không, tự tướng không, tự tánh không v.v…cho đến pháp không không tánh tự tánh là **tánh bình đẳng** của đại Bồ Tát. Các đại Bồ Tát đối với pháp ấy phải học, nên gọi là đẳng học. Do cái học bình đẳng đó, nên mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Sắc và tự tánh không của sắc **là tánh bình đẳng của Bồ Tát**; thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh không của thọ, tưởng, hành, thức là tánh bình đẳng của Bồ Tát. Các đại Bồ Tát đối với pháp ấy phải học, nên gọi là đẳng

học. Do cái học bình đẳng đó, nên mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao. 12 xứ và tự tánh không của 12 xứ; 18 giới và tự tánh không của 18 giới là tánh bình đẳng của Bồ Tát... cho đến tất cả pháp Phật và tự tánh không của tất cả pháp Phật là tánh bình đẳng của Bồ Tát. Các đại Bồ Tát đối với pháp ấy phải học, nên gọi là đẳng học. Do cái học bình đẳng đó, nên mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Này Thiện Hiện! Như ông đã hỏi là, nếu đại Bồ Tát vì sự **tận** của sắc mà học, là học Nhất thiết trí chăng? Vì sự **ly** của thọ, tưởng, hành, thức mà học, là học Nhất thiết trí chăng? Nếu đại Bồ Tát vì sự **xa lìa** của sắc mà học, là học Nhất thiết trí chăng? Vì sự xa lìa của thọ, tưởng, hành, thức mà học, là học Nhất thiết trí chăng? Nếu đại Bồ Tát vì sự **diệt** của sắc mà học, là học Nhất thiết trí chăng? Vì sự diệt của thọ, tưởng, hành, thức mà học, là học Nhất thiết trí chăng? Nếu đại Bồ Tát vì sự **vô sanh** của sắc mà học, là học Nhất thiết trí chăng? Vì sự vô sanh của thọ, tưởng, hành, thức mà học, là học Nhất thiết trí chăng? Nếu đại Bồ Tát vì sự **vô diệt** của sắc mà học, là học Nhất thiết trí chăng? Vì sự vô diệt của thọ, tưởng, hành, thức mà học, là học Nhất thiết trí chăng? Nếu đại Bồ Tát vì **bản lai tịch tịnh***(2)* của sắc mà học, là học Nhất thiết trí chăng? Vì bản lai tịch tịnh của thọ, tưởng, hành, thức mà học, là học Nhất thiết trí chăng? Nếu đại Bồ Tát vì **tự tánh Niết bàn** của sắc mà học, là học Nhất thiết trí chăng? Vì tự tánh Niết bàn của thọ, tưởng, hành, thức mà học, là học Nhất thiết trí chăng? Thì này Thiện Hiện! Theo ý ông? Như của sắc có tận, diệt, đoạn chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Theo ý ông? **Như của thọ, tưởng, hành, thức có tận, diệt, đoạn chăng?**

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát đối với các như học như thế là học Nhất thiết trí.

Này Thiện Hiện! Nên biết, như không tận, không diệt, không đoạn, chẳng thể tác chứng*(3)*. Nếu đại Bồ Tát đối với như, học như thế là học Nhất thiết trí". *(Q.339, ĐBN)*

Không những như của 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí v.v… mà cả đến như của quả vị Giác ngộ tối cao **không tận, không diệt, không đoạn, chẳng thể tác chứng. Nếu đại Bồ Tát đối với như học như thế là học Nhất thiết trí.** *(Q.340, ĐBN)*

Nếu đại Bồ Tát khi học như thế là học bố thí, là học tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Nếu đại Bồ Tát học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật chính là học Nhất thiết trí. Nếu đại Bồ Tát khi học như thế là học pháp không nội, là học pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không v.v… cho đến pháp không không tánh tự tánh. Nếu đại Bồ Tát khi học như thế là học pháp không nội cho đến pháp không không tánh tự tánh, chính là học Nhất thiết trí. Nếu đại Bồ Tát khi học như thế là học chơn như, là học pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế v.v… Nếu đại Bồ Tát học chơn như, pháp giới cho đến thật tế v.v… chính là học Nhất thiết trí. Nói tóm lại, **nếu đại Bồ Tát học tất cả pháp Phật chính là học Nhất thiết trí.**

Do đại Bồ Tát khi học như thế là đạt đến chỗ rốt ráo viên mãn của tất cả sự học. Nếu đại Bồ Tát học như thế, thì tất cả thiên ma và các ngoại đạo không thể phá hoại. Nếu đại Bồ Tát học như thế, thì mau đạt đến địa vị Bất thối chuyển. Nếu đại Bồ Tát học như thế là tự tu hành chỗ nên tu hành của tổ phụ tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Nếu đại Bồ Tát học như thế, thì đối với pháp năng hộ không bị chuyển theo điên đảo. Nếu đại Bồ Tát học như thế thì có khả năng tu hành pháp thích ứng để xa lìa hôn ám. Nếu đại Bồ Tát học như thế là học pháp nghiêm tịnh cõi Phật. Nếu đại Bồ Tát học như thế là học pháp thành thục hữu tình. Nếu đại Bồ Tát học như thế, thì có khả năng nghiêm tịnh cõi Phật, có khả năng thành thục hữu tình. Nếu đại Bồ Tát học như thế, thì có khả năng phát khởi đại từ, đại bi thương yêu tất cả. Nếu đại Bồ Tát học như thế, là học ba lần chuyển mười hai hành pháp luân vi diệu*(4)*. Nếu đại Bồ Tát học như thế, là học độ thoát tất cả hữu tình đưa vào cảnh giới Niết bàn tuyệt đối. Nếu đại Bồ Tát học như thế, là học diệu hạnh không đoạn giống Phật. Nếu đại Bồ Tát học như thế, là học chư Phật mở cửa cam lồ cho loài hữu tình. Nếu đại Bồ Tát học

như thế, là học an lập vô lượng, vô số, vô biên hữu tình trụ ở pháp Ba thừa. Nếu đại Bồ Tát học như thế, là học thị hiện cảnh giới chơn vô vi, rốt ráo, tịch diệt của tất cả hữu tình, là chân tu Nhất thiết trí. Nếu đại Bồ Tát học như thế, thì có khả năng thật sự cứu vớt sanh, lão, bệnh, tử của tất cả hữu tình, làm cho họ siêng năng tu học điều nên tu học. Việc học như thế thì hữu tình hạ liệt không có thể học được.

Lại nữa, nếu đại Bồ Tát học như thế, quyết định chẳng đọa trở lại địa ngục, bàng sanh, quỷ giới. Nếu đại Bồ Tát học như thế, quyết định chẳng sanh dòng hạ liệt ở chốn biên địa ác kiến. Nếu đại Bồ Tát học như thế, quyết định chẳng sanh vào nhà làm nghề khiêng xác chết và các nhà bần cùng, ti tiện, chẳng biết phép tắc. Nếu đại Bồ Tát học như thế, chẳng bao giờ bị đui mù, câm điếc, ngọng nghịu, cùi cụt, căn chi thiếu sót, lưng gù, điên cuồng và bao nhiêu bệnh ung nhọt nguy hiểm khác. Nếu đại Bồ Tát học như thế, thì đời đời thường được quyến thuộc đông đảo, hình mạo đẹp đẽ, lời nói oai nghiêm, mọi người kính mến. Nếu đại Bồ Tát học như thế, thì đời đời sanh ở chốn lành xa lìa giết hại sanh mạng, xa lìa việc không cho mà lấy, xa lìa dâm dục, tà hạnh, xa lìa lời nói hư dối, xa lìa lời nói thô ác, xa lìa lời nói ly gián, xa lìa lời nói hỗn tạp, cũng xa lìa tham dục, sân nhuế, tà kiến. Nếu đại Bồ Tát học như thế, đời đời sanh vào chốn chẳng dùng tà pháp để sanh sống, chẳng bao giờ dung túng tà pháp hư dối, cũng chẳng chấp nhận hữu tình phá giới, ác kiến hủy báng chánh pháp. Nếu đại Bồ Tát học như thế, thì chẳng bao giờ sanh cõi trời trường thọ, đam mê dục lạc, trí tuệ kém cỏi. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy thành tựu thế lực phương tiện thiện xảo. Do sức phương tiện thiện xảo này, nên tuy thường nhập định vô lượng và định vô sắc, nhưng chẳng theo thế lực ấy mà thọ sanh. Vì được Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ nên thành tựu phương tiện thiện xảo như thế, ở trong các định tuy thường nhập xuất tự tại, nhưng chẳng theo thế lực của các định ấy mà sanh cõi trời trường thọ, bỏ tu Bồ Tát hạnh.

Nếu đại Bồ Tát học như thế, thì đối với các pháp như Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, cùng vô lượng, vô số, vô biên Phật pháp khác, đều được thanh tịnh, quyết định chẳng rơi vào các bậc Thanh văn và Độc giác.

Tự tánh bản lai của các pháp là thanh tịnh, đại Bồ Tát ấy ở trong bản tánh thanh tịnh của tất cả pháp tinh cần tu học Bát Nhã, như thật thông đạt, không chìm đắm, không ngưng trệ, xa lìa tất cả phiền não nhiễm

trước, cho nên nói là Bồ Tát được thanh tịnh. Tuy **tất cả pháp bản tánh thanh tịnh** nhưng các phàm phu chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu. Đại Bồ Tát ấy vì muốn cho họ biết, thấy, hiểu, nên tu hành bố thí, tu hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; an trụ pháp không nội, an trụ pháp không ngoại v.v… cho đến an trụ pháp không không tánh tự tánh; an trụ chơn như, an trụ pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế v.v…; an trụ Thánh đế khổ, an trụ Thánh đế tập, diệt, đạo; tu hành 4 tịnh lự, 4 vô lương, 4 định vô sắc; tu hành 8 giải thoát, tu hành 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ; tu hành 37 pháp trợ đạo; tu hành pháp môn giải thoát không, tu hành pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện; tu hành Bồ Tát thập địa; tu hành 5 loại mắt, 6 phép thần thông; tu hành Phật 10 lực, tu hành 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng; tu hành pháp không quên mất, tu hành tánh luôn luôn xả; tu hành tất cả pháp môn Đà la ni, Tam ma địa; tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí. Đại Bồ Tát ấy đối với bản tánh thanh tịnh của tất cả pháp, khi học như thế thì đối với Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng v.v... cùng vô lượng, vô số, vô biên Phật pháp khác đều được thanh tịnh, chẳng rơi vào bậc Thanh văn hay Độc giác; đối với tâm hành sai biệt của các hữu tình đều có thể thông đạt đến chỗ rốt ráo, phương tiện khéo léo làm cho các hữu tình chứng bản tánh thanh tịnh của tất cả pháp.

Nên biết, các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, nếu **chẳng xa lìa phương tiện thiện xảo**, thì nhất định có khả năng nhập vào bậc Bất thối chuyển. Nếu xa lìa phương tiện thiện xảo, thì nhất định đối với quả vị Giác ngộ tối cao sẽ bị thối chuyển. Cho nên, đại Bồ Tát muốn đắc, muốn nhập vào hàng ngũ Bồ Tát Bất thối chuyển, nên siêng tu học phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật sâu xa. *(Q.341, ĐBN)*

Nếu Đại Bồ Tát tu học phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật như thế, thì chẳng bao giờ phát khởi tâm tương ưng xan tham, phá giới, sân hận, giải đãi, tán loạn, ác tuệ; chẳng bao giờ phát khởi tâm tương ưng tham dục, sân nhuế, ngu si, kiêu mạn; chẳng bao giờ phát khởi tâm tương ưng các tội lỗi khác; chẳng bao giờ phát khởi tâm tương ưng sự chấp thủ sắc tướng, cũng chẳng phát khởi tâm tương ưng chấp thủ tướng thọ, tưởng, hành, thức; chẳng bao giờ phát khởi tâm tương ưng chấp thủ 12 xứ,

18 giới, 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí v.v… cho đến chẳng bao giờ phát khởi tâm tương ưng chấp thủ tướng quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy tu hành phương tiện thiện xảo của Bát Nhã hoàn toàn chẳng thấy có pháp nào là pháp có thể đạt được; vì không có sở đắc nên chẳng khởi tâm chấp thủ các pháp.

Nếu đại Bồ Tát muốn đứng trên tất cả hữu tình, thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn làm lợi ích cho khắp tất cả hữu tình, đối với người không ai cứu hộ, làm người cứu hộ; đối với người không nơi nương tựa, làm chỗ nương dựa; người không nơi hướng về, làm chỗ hướng về; người lạc đường thì chỉ cho đường về, người chưa được Niết bàn, khiến được Niết bàn. Nếu đại Bồ Tát muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, muốn đi trên cảnh giới chư Phật đã đi, muốn dạo chơi chỗ chư Phật đã dạo chơi, muốn rống tiếng rống sư tử của chư Phật, muốn đánh trống pháp, muốn dộng chuông pháp, muốn thổi loa pháp, muốn ngồi tòa vô thượng, muốn nói pháp nghĩa vô thượng của chư Phật, muốn phá lưới nghi của tất cả hữu tình, muốn vào cõi pháp cam lồ của chư Phật, muốn hưởng diệu lạc của chư Phật, thì nên học Bát nhã Ba la mật. *(Q.341, ĐBN)*

Lại nữa, nếu đại Bồ Tát tu học Bát Nhã như thế, thì không có bất cứ thiện căn công đức nào mà không có thể đạt được. Nếu đại Bồ Tát học như thế, thì vượt lên trên phước điền của Sa môn, Phạm chí, Thanh văn và Độc giác, chóng đến Nhất thiết trí, mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao. Nếu đại Bồ Tát học như thế, thì tùy thọ sanh chỗ nào cũng chẳng bỏ, chẳng lìa Bát Nhã mà trái lại thường hành Bát Nhã không ngừng nghỉ.

Nếu đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật mà nghĩ tưởng: Đây là lúc tu, đây là chỗ tu, đây là người tu, đây là pháp phải tu, đây là pháp phải chứng, và nhờ đây mà xa lìa được các chướng ngại phiền não và chứng đắc. Nếu nghĩ tưởng như thế thì không hiểu Bát Nhã, không hiểu Bát Nhã thì không thể hành Bát Nhã, không thể hành Bát Nhã thì không thể chứng đắc. Nhưng nếu khi hành Bát Nhã, Bồ Tát lại tác nghĩ như vầy: **Đây chẳng phải Bát Nhã, đây chẳng phải thời tu, đây chẳng phải xứ tu, đây chẳng kẻ tu, chẳng phải nhờ Bát Nhã mà có sở ly, sở đắc. Vì sao? Vì tất cả pháp đều trụ chơn như, pháp giới, thật tế, không phân biệt vậy. Nếu hành được như vậy là hành thậm thâm Bát Nhã.**

Thích nghĩa:

(1). Kinh MHBNBLMĐ không có phẩm "Học Phương Tiện Xảo" như Kinh ĐBN, nhưng lại có hai phẩm "Ma Sầu" và phẩm "Đẳng Học" tương đương với phẩm "Học Phương Tiện Xảo" của Kinh ĐBN.

(2). Bản lai tịch tịnh: Cái chân tánh từ vô thủy vốn tịch lặng hay nói khác tức chân như.

(3). Tác chứng: Kinh nghiệm chứng ngộ rốt ráo riêng của một người. Thành tựu công phu tu đạo. Sự ấn chứng trạng thái giác ngộ cho một người. (Từ điển Phật học Anh Hán Việt, C. Muller soạn - Thích Nhuận Châu Việt dịch).

(4). Còn gọi là "Ba lần chuyển mười hai hành pháp luân" đã thích nghĩa chi tiết trong phẩm "So Lường Công Đức".

Sơ giải:

1. Ma sầu:

Kinh Phật thường ví những phần tử xấu ác là **ma, ma quân** *và người chân thiện, giác ngộ thì gọi là* ***Bồ Tát, Phật****. Nếu ác ma nhiều thì Bồ Tát ít đi, Bồ Tát nhiều thì bọn Ma giảm. Đó thế đối địch hai đầu của thiện ác. Vì vậy, bè đảng bọn Ma lo sợ những người tu đắc quả Bồ Tát hay quả vị Giác ngộ tối cao, thì bọn ma không còn đất sống nữa.*

Phẩm "Ma Sầu" trong Bát nhã Ba la mật mục đích nêu lên: Người tu các thiện pháp nhất là tu Bát nhã Ba la mật càng đông, càng nhiều thì bè lũ ma xấu ác càng giảm sụt. Nên bọn ma luôn luôn tìm cách nhiễu loạn, không muốn ai cũng trở thành Bồ Tát, Phật. Kinh luôn luôn cảnh giác nên sáng suốt tránh xa các cạm bẩy của chúng ma và Kinh nói phương tiện hữu hiệu nhất là học và hành Bát nhã Ba la mật. Một khi chứng được Bát nhã Ba la mật thì mọi chuyện đều xong hết! Kinh nói: "Bồ Tát tu chánh hạnh, chẳng lìa Bát nhã Ba la mật, sớm chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác, thành thục chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, quay xe diệu pháp độ chúng hữu tình được giác ngộ như mình. Do đó, thiện đạo càng ngày càng tăng trưởng, ác đạo ngày càng giảm đi, ác ma và bè lũ hết đất dụng võ, trở nên sầu khổ, giãy chết như kẻ trúng phải tên độc".

2. Đẳng học:

Các vị đồng tu phải thương yêu, kính trọng lẫn nhau, xem như thiện tri thức, như bạn đồng hội, như kẻ đồng thuyền. ***Chỗ học, thời gian học và pháp học của chúng ta và vị ấy, tất cả đều không khác****. Các vị ấy phải học lục Ba la mật, ta cũng phải học; các vị ấy cần phải học 18 pháp không, phải học chơn như, pháp giới, pháp tánh v.v..., ta cũng phải học như thế; các vị ấy phải học bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, ta cũng phải học như thế; các vị ấy phải học tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, 37 pháp trợ đạo, ta cũng phải học như vậy; các vị vị ấy phải học Tam giải thoát môn, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí, ta cũng phải học như vậy.*

Các vị ấy vì chúng sanh nói đạo Bồ đề, tức là bạn lành chơn thật của ta, cũng là thầy ta. Nếu các vị ấy tạp loạn, điên đảo xa lìa tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, thì ta chẳng cùng học. Trái lại, nếu các vị ấy lìa tạp loạn, điên đảo chẳng rời tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, thì ta luôn luôn cùng học. Nếu các vị ấy luôn luôn học như thế, thì tư lương Bồ đề mau viên mãn. Vì sao? Vì học như thế thì gọi là đẳng học.

Vì vậy, Kinh nói các pháp nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, thắng nghĩa không, tự tướng không, tự tánh không v.v... là tánh bình đẳng của đại Bồ Tát. Các đại Bồ Tát đối với pháp ấy phải học, nên gọi là đẳng học. Do cái học bình đẳng đó, nên mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Sắc và tự tánh không của sắc là tánh bình đẳng của Bồ Tát; thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh không của thọ, tưởng, hành, thức là tánh bình đẳng của Bồ Tát. Các đại Bồ Tát đối với pháp ấy phải học, nên gọi là đẳng học. Do cái học bình đẳng đó, nên mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao. Mười hai xứ, mười tám giới và tự tánh không của mười hai xứ, mười tám giới là tánh bình đẳng của Bồ Tát. Cho đến tất cả pháp Phật và tự tánh không của tất cả pháp Phật là tánh bình đẳng của Bồ Tát. Các đại Bồ Tát đối với pháp ấy phải học, nên gọi là đẳng học. Do cái học bình đẳng đó, nên mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Mười tám pháp không là tánh bình đẳng của Bồ Tát, uẩn xứ giới tự tánh không cũng là tánh bình đẳng của Bồ Tát, cho đến tất cả pháp Phật cũng như vậy. Vì sao? Vì trong Không, không cọng với 0 bằng không

(0+0=0); không trừ với 0 cũng là không (0 - 0=0); không nhân với 0 cũng là không (0 x 0=0); không chia với 0 cũng là không (0 : 0=0. Chẳng có đáp số nào trong phương trình rỗng không này. Tất cả đều là không, trong không làm gì có hơn kém, cao thấp,... nên nói là bình đẳng. Bồ Tát học là học cái Không này, nên gọi là đẳng học. Học như hư không mà học. Học như vậy mới gọi là học Bát nhã Ba la mật. Học tận bờ mé của hư không!

"Nếu đại Bồ Tát muốn đứng trên tất cả hữu tình, thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn làm lợi ích cho khắp tất cả hữu tình, đối với người không ai cứu hộ, làm người cứu hộ; đối với người không nơi nương tựa, làm chỗ nương dựa; người không nơi hướng về, làm chỗ hướng về; người lạc đường thì chỉ cho đường về, người chưa được Niết bàn, khiến được Niết bàn. Nếu đại Bồ Tát muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, muốn đi trên cảnh giới chư Phật đã đi, muốn dạo chơi chỗ chư Phật đã dạo chơi, muốn rống tiếng rống sư tử của chư Phật, muốn đánh trống pháp, muốn động chuông pháp, muốn thổi loa pháp, muốn ngồi tòa vô thượng, muốn nói pháp nghĩa vô thượng của chư Phật, muốn phá lưới nghi của tất cả hữu tình, muốn vào cõi pháp cam lồ của chư Phật, muốn hưởng hỉ lạc vi diệu của chư Phật, thì nên học Bát nhã Ba la mật".

*Tất cả pháp Phật đều thâu nhiếp vào Bát nhã Ba la mật, nên phải xem Bát nhã Ba la mật là **phương tiện xảo diệu mầu nhiệm** của các Bồ Tát trong việc học và hành để đi đến giác ngộ. Tất cả Bồ Tát dùng phương tiện Trí và Bi đó trong cuộc đời hành đạo của các ngài không ngoài mục đích trên chứng Vô thượng đạo, dưới hạ hóa chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, quay xe diệu pháp cứu độ muôn loài tận đời vị lai an lạc không ngừng nghỉ. Ngoài phương tiện đó không còn phương tiện nào khác.*

Đây là lối thuyết giảng theo trần thuật rất dễ hiểu nên không cần nói thêm nữa./.

---o0o---

56. PHẨM "NGUYỆN DỰ"*(1)*

Phần sau Q.341 đến đầu Q.342, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Tùy Hỷ" quyển thứ 21, MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

(1. Tùy hỷ công đức).

Khi ấy, trời Đế Thích nghĩ thế này: Nếu đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, tu hành tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật, còn vượt lên trên tất cả hữu tình, huống chi đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Nếu đại Bồ Tát an trụ pháp không nội, không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh, còn vượt lên trên tất cả hữu tình, huống chi đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Nếu đại Bồ Tát an trụ chơn như, an trụ pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế… còn vượt lên trên tất cả hữu tình, huống chi đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Nếu đại Bồ Tát tu hành bốn tịnh lự, tu hành bốn vô lượng, bốn định vô sắc, tu hành tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ cho đến tu hành bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, còn vượt lên trên tất cả hữu tình, huống chi đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Nếu đại Bồ Tát tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, còn vượt lên trên tất cả hữu tình, huống chi đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Nếu các hữu tình nghe nói danh tự Nhất thiết trí trí, tâm sanh tin hiểu, còn đạt được lợi ích tốt đẹp trong cõi người và được thọ mạng tối thắng trong thế gian, huống chi phát tâm cầu quả vị Giác ngộ tối cao, hoặc thường nghe Kinh điển Bát Nhã thẳm sâu như vậy. Nếu các hữu tình thường phát tâm cầu quả vị Giác ngộ tối cao, lắng nghe Kinh điển Bát Nhã sâu xa, mà các hữu tình khác đều cũng ưa thích, thì công đức đạt được trong thế gian trời, người, A tu la… chẳng thể sánh kịp.

Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của trời Đế Thích, liền bảo:

- Này Kiều thi ca! Đúng vậy! Đúng như ông đã nghĩ.

Khi ấy, trời Đế Thích lòng rất vui mừng, liền lấy hoa hương vi diệu cõi trời rải cúng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các chúng đại Bồ Tát. Rải hoa xong rồi, phát lời nguyện: Nếu thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa,

cầu hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, thì con sẽ đem thiện căn công đức của con có được, khiến cho sở cầu Phật pháp vô thượng của vị ấy, mau được viên mãn, khiến cho sở cầu Nhất thiết trí trí của vị ấy mau được viên mãn, khiến cho tất cả pháp mà vị ấy muốn nghe mau được viên mãn.

Bạch Thế Tôn! Nếu các chúng đại Bồ Tát đối với quả vị Giác ngộ tối cao tâm đã sanh ưa thích, thì con nguyện cho tâm ấy càng thêm tăng tiến, mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao. Nguyện cho chúng đại Bồ Tát ấy, thấy đủ các nỗi khổ trong sanh tử rồi, vì muốn lợi lạc cho trời, người, A tu la v.v… trong thế gian, phát khởi các loại đại nguyện kiên cố: Ta đã vượt qua biển lớn sanh tử, cũng sẽ tinh cần độ những chúng sanh chưa vượt. Ta đã tự giải thoát buộc ràng sanh tử, cũng sẽ tinh cần giải thoát cho chúng sanh chưa giải thoát. Đối với các sợ hãi sanh tử, ta đã tự an ổn, cũng sẽ tinh cần làm cho chúng sanh chưa an ổn, được an ổn. Ta đã tự chứng Niết bàn rốt ráo, cũng sẽ tinh cần làm cho chúng sanh chưa chứng đều được chứng.

Bạch đức Thế Tôn! Đối với Bồ Tát mới phát tâm, thiện nam, thiện nữ có tâm tùy hỷ công đức thì được bao nhiêu phước đức? Đối với Bồ Tát phát tâm từ lâu, thì sự tùy hỷ được bao nhiêu phước đức? Đối với bậc Bồ Tát Nhất sanh bổ xứ, thì sự tùy hỷ được bao nhiêu phước đức?

Phật bảo: Tâm tùy hỷ như thế thì không có gì có thể sánh bằng, phước đức tùy hỉ cũng như vậy. Nếu phước đức ấy có hình tướng thì tam thiên đại thiên cũng không thể dung chứa hết. Vì sao? Vì phước đức tùy hỷ của các thiện nam thiện nữ ấy không ngằn mé, không giới biên.

“Nếu thiện nam thiện nữ nào, đối với thiện căn công đức của các Bồ Tát, phát sanh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì thiện nam thiện nữ ấy mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao, mau viên mãn Bồ Tát đạo, mau cúng dường tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, thường gặp thiện hữu, thường nghe Kinh điển Bát Nhã thậm thâm; thiện nam thiện nữ ấy thành tựu thiện căn công đức như thế, tùy theo chỗ thọ sanh, thường được tất cả trời, người, A tu la v.v... trong thế gian cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, chẳng thấy sắc xấu, chẳng nghe tiếng ác, chẳng ngửi mùi hôi, chẳng nếm vị đắng, chẳng xúc chạm điều khó chịu, thường chẳng suy nghĩ pháp chẳng như lý, chẳng bao giờ xa lìa chư Phật Thế Tôn, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, gần gũi chư Phật, trồng các thiện căn, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Vì sao? Vì thiện nam thiện nữ ấy đối

với vô lượng, vô số, vô biên thiện căn công đức của Bồ Tát sơ phát tâm, Bồ Tát phát tâm từ lâu, Bồ Tát Bất thối, Bồ Tát Nhất sanh bổ xứ, phát sanh tùy hỷ sâu xa, hồi hướng Vô Thượng Giác ngộ. Do nhân duyên này, thiện nam thiện nữ ấy, thiện căn tăng trưởng, mau gần Nhất thiết trí; chóng chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Khi được chứng đắc rồi thì độ vô lượng, vô số, vô biên các loại hữu tình được nhập cảnh giới Niết bàn tuyệt đối. Vì vậy, các thiện nam thiện nữ đối với thiện căn công đức của Bồ Tát sơ phát tâm, Bồ Tát phát tâm đã lâu, Bồ Tát Bất thối, Bồ Tát Nhất sanh bổ xứ, nên sanh tùy hỷ hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao. **Khi hồi hướng, chẳng nên chấp trước tức tâm, lìa tâm; cũng chẳng nên chấp trước tức tâm tu hành, lìa tâm tu hành. Nếu thường không có chấp trước như thế, tùy hỷ hồi hướng thì mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao, độ các trời, người, A tu la v.v... khiến thoát sanh tử, được Niết bàn an vui rốt ráo**.

(2. Tâm như huyễn làm sao chứng đắc Vô Thượng Giác ngộ?)

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

"Rồi Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Tâm như huyễn làm sao có thể chứng đắc Vô thượng Giác ngộ?

"Phật nói: Tu Bồ Đề! Theo ý ông, ông thấy có tâm như huyễn chăng?

"Tu Bồ Đề thưa: Bạch, không thấy có.

"Phật nói: Ông thấy có huyễn chăng?

"Tu Bồ Đề: Không thấy có.

"Phật: Khi ông không thấy có huyễn, không thấy có tâm như huyễn, theo ý ông, có pháp nào ngoài huyễn tâm và huyễn tướng mà chứng đắc Vô Thượng Giác ngộ chăng?

"Tu Bồ Đề: Thưa không. Không thấy có pháp nào như vậy. Nếu có pháp nào ngoài tâm như huyễn, pháp ấy cũng không thể nói là hữu hay vô. Tất cả là tất cánh viễn ly (atantavivikta), và trong tất cánh viễn ly*(2)* đó không có pháp nào có thể nói là hữu hay là vô; không có pháp nào gọi là phải tu, không có pháp nào gọi là phải chứng. Vì lý do đó, Bát nhã Ba la mật là tất cánh viễn ly. Vô thượng giác ngộ cũng vậy. Giữa hai tất cánh viễn ly không thể có liên hệ nào; chúng ta không thể nói cái này như là phương tiện để chứng đắc cái kia; cũng không phải cái kia như là cái sở

đắc. Bồ Tát mà chứng đắc Vô Thượng Giác ngộ là do bởi Bát nhã Ba la mật. Nhưng Bồ Tát cũng là pháp (dharma) tất cánh viễn ly, và chúng ta không thể dựng lên một khẳng định nào cho sự chứng đắc đó, ngay cả giác ngộ.

"Phật: Hay thay, Tu Bồ Đề. Đúng như lời ông nói. Tất cánh viễn ly là hết thảy các pháp (dharma) - Bồ Tát, Bát Nhã và Vô Thượng Giác ngộ. Nhưng Bồ Tát ở trong pháp tất cánh viễn ly đó mà như thật biết rõ Bát nhã Ba la mật và đạt tới tri kiến rằng Bát nhã Ba la mật là tất cánh viễn ly, cho nên Bát nhã Ba la mật tức phi Bát nhã Ba la mật. Quả thực Bồ Tát do Bát nhã Ba la mật mà chứng đắc Vô thượng giác ngộ nhưng ở trong đó không pháp nào là khả thủ, là khả đắc; do không thủ, không đắc, nên Bồ Tát tuy chứng đắc Vô Thượng Giác ngộ mà không phải là do viễn ly chứng đắc viễn ly".*(3)*

Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu pháp rốt ráo lìa, pháp này chẳng nên tu, cũng chẳng nên hoại, cũng chẳng nên dẫn. Bát nhã Ba la mật thẳm sâu rốt ráo lìa, nên chẳng nên năng dẫn. Bạch Thế Tôn! Bát Nhã thẳm sâu đã rốt ráo lìa, làm sao nói được đại Bồ Tát nương Bát nhã Ba la mật thẳm sâu chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề? Bạch Thế Tôn! Chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng rốt ráo lìa, tại sao pháp lìa năng chứng pháp lìa? Vậy nên Bát nhã Ba la mật lẽ chẳng nên nói chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật nói: Thiện Hiện! Hay thay! Như vậy! Như ngươi vừa nói. Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật **rốt ráo lìa**. Tĩnh lự, tinh tiến, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật cũng rốt ráo lìa.Nội ngọai không cho tới không tánh tự tánh rốt ráo lìa. Chơn như, pháp giới, pháp tánh… tự tánh rốt ráo lìa. Nói rộng ra cho đến Nhất thiết trí trí, quả Phật Vô thượng Bồ đề cũng rốt ráo lìa. Vì tất cả pháp cũng rốt ráo lìa nên Bồ Tát có thể chứng quả vị Vô thượng Bồ đề. Nếu tất cả pháp rốt ráo chẳng lìa, thì chẳng phải là tất cả pháp. Vì tất cả pháp lìa, nên gọi tên tất cả pháp.

Này Thiện Hiện! Vì vậy, đại Bồ Tát chẳng phải chẳng nương vào Bát nhã Ba la mật mà có thể chứng quả vị Giác ngộ tối cao. Tuy chẳng phải pháp lìa chứng pháp lìa nhưng nếu chẳng nương vào Bát nhã Ba la mật thẳm sâu thì chẳng thể chứng. Cho nên, chúng đại Bồ Tát muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, phải siêng năng tu học Bát nhã Ba la mật thẳm sâu.

(3. Phân biệt và vô phân biệt)

(Phẩm "Nguyện Dụ", phần đầu Q.342, Hội thứ I, ĐBN)

Vì tất cả pháp đều lìa, đều không thể nắm bắt được, Bát Nhã cũng vậy, vô sở hữu, bất khả đắc, không năng sở: Không người chứng, không pháp để chứng, không xứ chứng, không thời chứng… tất cả đều không thể nắm bắt được.

Các Bồ Tát quán biết tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được, thì có pháp nghĩa nào có thể làm sở chứng? Có Bát nhã Ba la mật nào có thể làm năng chứng? Có những pháp nào để có thể thi thiết pháp chứng, người chứng, xứ chứng, thời chứng? Đã vậy thì tại sao có thể chấp do đây mà chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao? Quả vị bậc Thanh văn, Độc giác còn chẳng thể chứng, huống là chứng được Giác ngộ tối cao của chư Phật? Đó gọi là **hạnh vô sở đắc** của Bồ Tát. Nếu Bồ Tát có khả năng tu hành hạnh vô sở đắc như thế, thì đối với tất cả pháp không bị ám chướng.

Nếu Bồ Tát nghe lời nói ấy, tâm chẳng chìm đắm, chẳng kinh, chẳng sợ, cũng chẳng lo buồn hối tiếc là hành Bát Nhã. Các Bồ Tát ấy, khi tu hành như thế, chẳng thấy các tướng, chẳng thấy mình tu hành, chẳng thấy chẳng tu hành, chẳng thấy Bát Nhã là sở hành, chẳng thấy quả vị Giác ngộ tối cao là sở chứng, lại cũng chẳng thấy xứ chứng, thời chứng v.v…

Nên khi hành Bát nhã Ba la mật, các Bồ Tát chẳng nghĩ rằng: Thanh Văn, Bích Chi Phật cách xa tôi, Nhất thiết chủng trí gần tôi. Như hư không kia chẳng nghĩ rằng có pháp cách xa nó hay gần nó, vì hư không vô phân biệt. Cũng vậy, các Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật chẳng nghĩ rằng: Bậc Thanh Văn, Bích Chi Phật cách tôi xa, Nhất thiết chủng trí gần tôi. **Vì Bát nhã Ba la mật là vô phân biệt.**

Như người huyễn chẳng nghĩ huyễn sư cách tôi gần, khán giả cách tôi xa. Vì người huyễn vô phân biệt. Cũng vậy, đại Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật chẳng nghĩ là gần là xa, vì vô phân biệt vậy.

Như bóng trong gương chẳng nghĩ hình vật sở nhơn gần mình, thứ khác thì xa. Vì bóng không thể phân biệt. Cũng vậy, đại Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật chẳng nghĩ là gần, là xa, vì vô phân biệt vậy.

Như đức Phật không thương cũng không ghét. Đại Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật cũng không thương, không ghét. Vì Bát nhã Ba la

mật là vô phân biêt. Như đức Phật, tất cả phân biệt, tưởng niệm đã dứt mất. Đại Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật tất cả phân biệt, tưởng niệm cũng đều dứt sạch. Vì rốt ráo không vậy.

Như chư Như Lai muốn làm việc gì, hóa ra "hóa thân"*(hay hóa Phật)* để làm việc đó, nhưng hóa thân đó chẳng nghĩ thế này: Ta có thể tạo nên việc làm như thế. Vì sao? Vì các hóa thân ấy không phân biệt. Bát nhã Ba la mật sâu xa cũng như thế, vì có việc làm nên tinh cần tu tập, đã tu tập rồi, tuy có thể hoàn thành công việc, nhưng đối với việc làm ấy, hoàn toàn không phân biệt. Vì sao? Vì Bát Nhã không phân biệt.

Thí như người thợ mộc hay học trò của ông ta, có thể tạo ra các cơ quan hoặc nam hay nữ, hoặc voi ngựa v.v… Các cơ quan này tuy có thể hoàn thành công việc nhưng đối với việc làm ấy hoàn toàn không phân biệt. Vì sao? Vì các cơ quan không phân biệt. Bát nhã Ba la mật thẳm sâu cũng giống như thế, vì có việc phải làm nên làm. Tuy có thể làm xong các việc, nhưng đối với việc đã làm hoàn toàn không phân biệt. Vì sao? Vì Bát Nhã đối với tất cả pháp, không phân biệt.

Bấy giờ, cụ thọ Xá lợi Tử hỏi Tu Bồ đề:

- Thưa Tôn giả Thiện Hiện! Có phải chỉ có Bát nhã Ba la mật không phân biệt, hay tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí cũng không phân biệt?

Thiện Hiện đáp:

- Thưa Tôn giả! Chẳng phải chỉ có Bát Nhã không phân biệt mà tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí cũng không phân biệt.

Cụ thọ Xá lợi Tử lại hỏi Thiện Hiện:

- Thưa Tôn giả! Có phải sắc cũng không phân biệt, thọ, tưởng, hành, thức cũng không phân biệt chăng? Có phải 12 xứ, 18 giới cũng không phân biệt? Có phải bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, mười tám pháp bất cộng… cho đến Nhất thiết trí cũng không phân biệt? Có phải Bồ Tát hạnh cũng không phân biệt, quả vị Giác ngộ tối cao cũng không phân biệt? Kể cả cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi cũng không phân biệt chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Thưa Tôn giả Xá lợi Tử! Tất cả pháp kể cả cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi cũng không phân biệt.

Xá lợi Tử lại hỏi:

- Này Tôn giả Thiện Hiện! Nếu tất cả pháp đều không phân biệt, thì tại sao có năm cõi sai khác là địa ngục, bàng sanh, quỷ giới, người, trời? Tại sao lại có các bậc tu hành khác nhau như Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát, Phật?

Thiện Hiện đáp:

- Thưa Tôn giả Xá lợi Tử! Bởi vì, hữu tình điên đảo, phiền não tạo tác đủ các loại nghiệp thân, ngữ, ý; do đó chiêu cảm nghiệp quả dị thục do dục làm căn bản, nương vào đó mà tạo ra năm thứ sai khác là địa ngục, bàng sanh, quỷ giới, người, trời. Còn tại sao nói có các bậc tu hành lại có quả vị sai khác như Dự lưu, Nhất lai v.v… thì thưa Tôn giả Xá lợi Tử! Vì không phân biệt nên có tu Dự lưu và quả Dự lưu, vì không phân biệt nên có tu Nhất lai và quả Nhất lai v.v…, vì không phân biệt nên có tu Bồ Tát và Bồ Tát đạo, vì không phân biệt nên có tu Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và quả vị Giác ngộ tối cao.

Thưa Tôn giả! Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ do không phân biệt, vì dứt phân biệt nên mới khá an lập. Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vị lai cũng không phân biệt, vì dứt phân biệt nên mới khá an lập. Mười phương chư Phật thế giới, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện tại đang thuyết cũng không phân biệt, vì dứt phân biệt nên mới khá an lập.

Thưa Tôn giả! Do nhân duyên đây mới biết tất cả pháp đều không phân biệt. Đem không phân biệt chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế làm định lượng*(4)* vậy. Bồ Tát nên hành tướng không phân biệt Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế. Nếu hành tướng không phân biệt như thế, bèn năng chứng được tướng không phân biệt sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thích nghĩa:

(1). Nguyện dụ: Các thí dụ về nguyện.

(2). Tất cánh viễn ly: Tất cánh có nghĩa là rốt ráo, viễn ly là viễn trần xa cấu. Rốt ráo CÓ-KHÔNG đều xa lìa nghĩa là tuyệt đối xa lìa nhị biên đối đãi. Có xa lìa thì không bị hệ lụy bởi nó, không bị chi phối, ràng buộc bởi nó.

(3). Đoạn Kinh nầy dịch quá hay nên chúng tôi trích dẫn lại từ Thiền luận quyển hạ của Thiền sư D.T. Suzuki (trong mục Triết học và Tôn giáo trong Bát nhã Ba la mật, tiểu mục II, nói về Vô sở đắc và Vô thủ trước, do

Tuệ Sĩ dịch). Nội dung của nó không khác với phẩm "Nguyện Dụ", Q. 342, Hội thứ I; phẩm "Vô phân Biệt", Q.456, Hội thứ II hoặc phẩm "Gốc Chồi", Q.564, Hội thứ V, ĐBN do nhóm của Ngài Huyền Trang dịch hay phẩm "Tùy Hỉ" thuộc quyển thứ 21, MHBNBLMĐ do Ngài La Thập dịch.

(4). Định lượng: Số lượng đã định, không thể thay đổi như trong hệ thống cân lường người Anh dùng pound, người Pháp dùng kilogram. Kinh bảo: "Do nhân duyên đây mới biết tất cả pháp đều không phân biệt. Đem không phân biệt chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế làm định lượng vậy". *Tại sao đem không phân biệt chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế làm định lượng? Bởi vì chơn như pháp giới... nói ở đây có ý nhắc đến thập nhị chơn như. Tất cả 12 pháp trong thập nhị chơn như đều không, đều như như bình đẳng. Người có cái thấy biết như vậy là sống trong đệ nhất nghĩa đế, nên nói là không phân biệt mà được thanh tịnh. Do đó, Kinh bảo lấy chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế... làm định lượng.*

Sơ giải:

1. Tùy hỷ công đức:

(Xem lại phẩm "Tùy Hỷ Hồi Hướng" Q.169,
Hội thứ I, ĐBN trở đi)

Có những người hoặc mới phát tâm, những người phát tâm từ lâu, hoặc Bồ Tát Bất thối chuyển hoặc các Bồ Tát Nhất sanh bổ xứ làm các việc công đức độ sanh, hữu tình nhờ đó được lợi vui. Rồi các vị ấy đem công đức mình gặt hái được, ban cho tất cả chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Công đức đó không có ngằn mé, không có giới biên. Còn những người khác không có điều kiện làm được như vậy nhưng có lòng tùy hỷ, nghĩa là vui theo cái vui và tán thán các công đức phước nghiệp của những vị đã làm, thì công đức của người tùy hỷ cũng ngang đồng với công đức của các vị nói trên. **Nhưng Kinh nhắc nhở rằng "khi hồi hướng chẳng nên chấp trước tức tâm, lìa tâm; cũng chẳng nên chấp trước tức tâm tu hành, lìa tâm tu hành. Nếu thường không chấp trước như thế, tùy hỷ hồi hướng thì mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao"** *thì tất cả Như lai, trời, người, A tu la... đồng tán thán và đều cùng hộ niệm.*

Công đức tùy hỷ đã thuyết đầy đủ trong phẩm "Tùy Hỷ Hồi Hướng". Nên không cần lặp lại ở đây. Kinh chỉ trùng tụng thôi.

2. Tâm như huyễn làm sao chứng đắc giác ngộ?

Khi nói huyễn hay như huyễn tức nói về cái không, cái rỗng không, chẳng có gì cả giống như ảnh trong gương, như trăng đáy nước, như cảnh mộng, như thành tầm hương... Nếu vạn hữu là thật có dù chỉ bằng mảy lông sợi tóc thì không phải là như huyễn như mộng. Huyễn chỉ là huyễn, và mộng chỉ là mộng... vì bản thể của chúng là không. Huyễn tức là không, không tức là huyễn, không hai không khác. Nói huyễn đây là thấy nó không thật có, nói như huyễn là so sánh nó như trò ảo thuật, như giấc mộng đêm qua...

***Phẩm "Áo Giáp Đại Thừa", Q.49, Hội thứ I, ĐBN**, Phật bảo:*

"Thiện Hiện! Như nhà ảo thuật hoặc đệ tử của y, ở trước đại chúng, nơi ngã tư đường, biến hóa thành các loại hữu tình nghèo khổ, cô độc, tật nguyền, bệnh hoạn; tùy theo sự nhu cầu của họ, đều biến hóa ra mà cho. Thiện Hiện! Theo ý ông việc biến hóa như vậy là có thật chăng?

Thiện Hiện đáp: Bạch Thế Tôn! Không!

Phật bảo: Thiện Hiện! Đại Bồ Tát an trú bố thí Ba la mật, hoặc biến thế giới thành ngọc Phệ lưu ly, hoặc tự thân hóa làm Chuyển Luân vương v.v... tùy theo nhu cầu của loài hữu tình mà cho và vì họ mà tuyên nói pháp tương ưng sáu pháp Ba la mật cũng lại như vậy, tuy có làm nhưng không thật có. Vì sao? Thiện Hiện! Vì các pháp, tánh không, đều như huyễn hóa".

***Phẩm "Thấy Bất Động", Q.522, Hội thứ III, ĐBN.** Phật bảo thị giả của Ngài:*

"A Nan phải biết: Pháp chẳng hành pháp, pháp chẳng thấy pháp, pháp chẳng biết pháp, pháp chẳng chứng pháp. A Nan phải biết: Tất cả pháp tánh không kẻ năng hành, không kẻ năng thấy, không kẻ năng biết, không kẻ năng chứng, không động không tác. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không tác dụng, năng lấy sở lấy, tánh xa lìa. Vì tất cả pháp chẳng thể nghĩ bàn, năng sở nghĩ bàn tánh xa lìa vậy. Vì tất cả pháp như việc huyễn, các duyên

hòa hợp tương tự có vậy. Vì tất cả pháp không kẻ tác thọ, vọng hiện giống như có, không bền chắc vậy.

A Nan phải biết: Nếu đại Bồ Tát năng hành như thế, năng thấy như thế, năng biết như thế, năng chứng như thế là hành Bát Nhã, cũng chẳng chấp trước tướng các pháp này. A Nan phải biết: Nếu đại Bồ Tát khi học như thế là học Bát nhã Ba la mật".

Pháp chẳng thấy pháp, pháp chẳng biết pháp, pháp chẳng hành pháp, pháp chẳng chứng pháp. Chỉ có con người mới thấy pháp, rồi cho như thế nọ thế kia. Nhưng không biết rằng các pháp là duyên hợp mà có, duyên tan thì diệt, sanh diệt đổi dời, không có gì vững bền như giọt sương trên đầu ngọn cỏ. Nói như vậy có vẻ công thức, khuôn xáo? Tánh không hay như huyễn, không có nghĩa là phủ nhận thế giới hiện hữu mà chỉ phủ nhận cái thấy biết ngây ngô trên muôn sự muôn vật rồi sanh ra chấp trước mà gây tổn hại thân tâm.

Các pháp bản tính tự nhiên trơ lì ra đó, nên gọi là trì độn vô tri. Bởi vì nó như vậy là như vậy. Đừng có thêm bớt bất cứ một thứ tình cảm nào vào cái thấy biết trên muôn vật, thì không những muôn vật sẽ tịch lặng an nhiên mà chính con người cũng được tịch lặng an nhiên thôi.

***Thiền sư D.T. Suzuki trong Thiền Luận III**, nói về "Bát Nhã và như Huyễn", luận rằng:*

"Dân Ấn lừng danh về tài huyễn thuật, đương nhiên các triết gia đạo Phật muốn vẽ ra bản chất mong manh của đời sống cũng dùng các lối huyễn thuật. Nhưng đừng hiểu lối nói của họ qua nghĩa đen. Chúng ta phải cố đạt tới ý nghĩa trung thực của nó. Như đã nhắc nhở nhiều lần, sức mạnh luận chứng mà **Kinh Bát Nhã chọn nhằm đối trị mê lầm căn để trong cái nhìn của chúng ta thường ném vào thế giới thông tục cái nhìn duy thực ngây ngô**. Khuôn mặt thực của thứ duy thực đó là coi thế giới như một thực tại thường trụ vĩnh viễn và nằm trơ ra đó ngược với những gì được nhận như là thế giới nội tại của tư tưởng, tình cảm và cảm giác, một thế giới được điều động bởi ngã linh hồn cô lập với những cái khác và tranh sống với chúng. Một trong những khí giới tuyệt hảo để hủy diệt sức mạnh của óc duy thực ngây thơ là tuyên bố rằng tất cả như Huyễn, và rằng không có trật tự vĩnh viễn cố định trong thế gian, rằng khái niệm phân đôi về hiện hữu nội tại và ngoại tại, hữu thể và vô thể v.v... là ảo tưởng, và

rằng muốn đạt tới căn cơ chân thực của hiện hữu thì phải thức tỉnh Trí Bát Nhã nắm được cái bất khả đắc. Bởi vì chỉ bằng vào Trí Bát Nhã mới có thể điều chỉnh tất cả mọi thứ chấp thủ, dù tri thức hay tình cảm; và cũng nhờ đó mới có thể nhận chân như tính của hiện hữu và hành động theo đó. Kinh Bát nhã Ba la mật luôn luôn nhắm tới công dụng này cho nên triết lý của nó bất chấp tưởng tượng bốc cao, bất chấp bí nhiệm như sương mù.

Đạo Phật mà có ý nhận một nền triết lý nào đó, chỉ vì để bứng gốc rễ của phiền não (klesa) đã từng chôn chặt hoạt dụng thong dong vô ngại của Trí Bát Nhã. Phiền não bao giờ cũng nghiêng lệch, và tạo ra mọi hình thái chấp trước, rồi do phiền não và chấp trước mới tạo ra các hành vi tội lỗi qua ba ngã đường thân, miệng và ý, rồi chúng lại dẫn tới những tội diễn ra bất tận y như thế. Cho nên, chúng ta biết rằng những khoái lạc và đau khổ đang phải hứng chịu đây, chẳng có bản tính thường hằng nào cả; các đối tượng của khoái lạc và đau khổ cũng vậy, chúng giả tạm và biến thiên như huyễn. Hoàn toàn không có thực tại bất biến. Chúng chỉ là những giả tưởng, và phải thấy chúng là giả tướng chứ không có giá trị nào nữa. Đối với các giả tướng, chúng đang ở đó, và sự kiện đó đừng bao giờ quên lãng. Nhưng bám vào chúng lấy làm những cùng đích, người trí biết rõ lắm, vì con mắt Bát Nhã của họ đã mở rồi, rọi thẳng vào hang sâu của thực tại. Theo Ngài Long Thọ (Nagarjuna), trẻ thơ thấy mặt trăng trong nước, trong lòng nổi dậy ước muốn vớt trăng lên, rồi duỗi tay vào nước. Nhưng nào có nắm được nó đâu, nên quá đỗi phiền muộn. Bấy giờ người khôn mới dạy cho rằng cái thấy trong nước đó không thể nắm được. Cũng vậy, <u>không phải phủ nhận thế giới của những giả tướng; chỉ phủ nhận tính chất khả thủ khả đắc của nó</u>. Thế giới sai biệt có đó, trước mặt kẻ trí cũng như người ngu; khác nhau chăng ở chỗ, trí thấy nó mà tâm không ôm cứng lấy, còn ngu thì dời xa một chút không nổi để vào cảnh giới của Tánh Không. Bồ Tát đã nhận ra bức màn Như Huyễn như thế; chỉ những ai đang còn trong vòng trói buộc mới cho nó là có thực.

Vì vậy, phải tựa trên hậu cứ của Tánh Không hay Chân như mà hiểu thuyết Như Huyễn. Nếu không, Huyễn vẫn y nhiên là Huyễn, và những người theo đạo Phật sẽ không bao giờ biết đặt chân vào đâu, mặc dù không ai dám nói đặt chân vào cõi phân biệt. Nếu không giảng luận ra như thế, Như huyễn sẽ hoàn toàn vô nghĩa trong giáo pháp của Bát nhã Ba la mật. Câu nói: Cho đến Niết bàn cũng như huyễn như mộng, sẽ không hơn

một câu trào lộng. Như huyễn là một chỉ điểm viên. Ai theo nó một cách thông minh sẽ thấy đằng sau màn bạc có một thế giới của những huyền diệu không thể tả và những thực tại "bất khả đắc".

3. Phân biệt và vô phân biệt:

Bồ Tát sở dĩ đạt đạo và được vô ngại trí, vô phân biệt trí, vô trước trí vì Bồ Tát thấu rõ thế gian nầy có vô vàn hình thái sai biệt, sai biệt về cái thấy, cái biết, sai biệt về góc độ, chỗ đứng, sai biệt về quan điểm, tâm hành, nói chung là sai biệt văn hóa... Bồ Tát với tâm bình đẳng, vô phân biệt mới thực thi các chương trình cứu rỗi chúng sanh, giúp chúng sanh ra khỏi hư vọng. Bồ Tát như vậy, sống trong sai biệt mà không phân biệt, mới làm được những việc khó làm, mang nhiều phúc lợi cho chúng sanh. Đó chính là cái khó, cái sâu sắc của Bồ Tát hạnh: Sống trong sai biệt mà vô phân biệt mới thật khó!

Sống giữa thiên sai vạn biệt của cuộc đời thường không có phân biệt hay có phân biệt mà không thấy sai biệt. Đó mới là khó, đó là chỗ thâm áo của hành giả Bát Nhã. Chỉ bằng trí Bát Nhã, Bồ Tát mới đạt được chỗ thậm diệu này.

Kết luận:

Ta có thể lấy đoạn Kinh trong phần "Na Già Thật Lợi" Q.576, Hội thứ VIII, ĐBN làm kết luận cho phẩm này:

Bồ Tát Na Già Thất Lợi (còn gọi là Long Cát Tường) nói với Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi (còn gọi là gọi Văn Thù Sư Lợi) là muốn chứng Vô thượng Bồ đề, Mạn Thù Thất Lợi bảo:

"Pháp Vô thượng Bồ đề chẳng thể chứng. Ngài muốn chứng pháp ấy tức là hành hý luận. Vì sao? Vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề lìa tướng, tịch diệt. Vậy Ngài muốn trở thành người nắm giữ lấy hý luận hay sao? Ví như có người nói như vầy: "Tôi khiến huyễn sĩ ngồi tòa Bồ đề, chứng huyễn Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề". Lời nói như thế quá ư hý luận. Vì huyễn sĩ còn bất khả đắc, huống nữa là khiến cho chứng được huyễn đại Bồ đề!

Huyễn đối với pháp huyễn chẳng hợp chẳng tan, chẳng lấy chẳng bỏ, tự tánh đều Không. Chư Phật Thế Tôn nói tất cả pháp chẳng thể phân biệt, đều như huyễn mộng. Nay Ngài muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, há chẳng phải thành người phân biệt huyễn pháp! **Nhưng tất cả pháp đều chẳng thể lấy, cũng chẳng thể bỏ, không thành không hoại, chẳng phải pháp đối với pháp có tạo tác và có diệt hoại. Không có pháp nào đối với pháp nào mà có hòa hiệp, có chia lìa. Vì sao? Vì tất cả pháp chẳng hợp chẳng tan, tự tánh đều không, lìa ngã, ngã sở, đồng cõi hư không, không nói, không chỉ, không khen, không chê, không cao, không thấp, không tổn, không ích, chẳng thể tưởng tượng, chẳng thể hý luận, bản tánh hư tịch, đều rốt ráo không, như huyễn như mộng, vô đối, vô tỉ, sao có thể khởi tâm phân biệt nó được".**

Đấy là câu trả lời tuyệt diệu: Tất cả pháp rốt ráo đều không, như huyễn như mộng, vô đối, vô tỉ, sao có thể khởi tâm phân biệt được? Thấy như huyễn không có nghĩa là phân biệt các pháp là thật hay không thật mà xuyên qua cái thấy này tri giác rằng các pháp không phải trường tồn hay bất biến mà nương vịn vào đó để phải chịu khổ lụy thân tâm. Bản chất các pháp là không, không có tự tánh nên gọi là không. Nó trơ lì ra đó, nó là trì độn, vô tri, bất động. Chỉ có con người lúc nào cũng dán cái thức và cái ngã vào nhãn quang nên mới thấy muôn sự muôn vật tụ tán đổi dời sanh diệt. Nếu thấy muôn sự muôn vật tịch lặng an nhiêm thì được tâm an tinh, tâm giải thoát, huệ giải thoát thì chứng Niết Bàn. Vì Niết bàn là vắng lặng, là tịch tĩnh, là giải thoát.

Các Thiền sư thường bảo: "Tất cả thanh sắc đều là mắt tuệ Phật" hay "Chạm mắt tức Bồ đề". Có cái thấy biết như vậy là chứng đạo./.

---o0o---

57. PHẨM “KHEN PHÁP CHẮC THẬT”*(1)*

Phần sau Q.342 đến đầu Q.346, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm “Hư Không” quyển thứ 21, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật sâu xa là hành pháp chắc thật hay là hành pháp không chắc thật?

Thiện Hiện đáp:

- Đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật sâu xa, là **hành pháp không chắc thật**, chẳng phải hành pháp chắc thật. Vì sao? Thưa Tôn giả! Vì Bát nhã Ba la mật không chắc thật; tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật cũng không chắc thật.

Thưa Tôn giả Xá lợi Tử! Vì pháp không nội không chắc thật, pháp không ngoại không chắc thật cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng không chắc thật; chơn như pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế… cũng không chắc thật; mười hai xứ, mười tám giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí…; bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc cũng không chắc thật; tám giải thoát tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ không chắc thật; Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí… cho đến Bồ Tát hạnh, quả vị Giác ngộ tối cao cũng không chắc thật.

Thưa Tôn giả Xá lợi Tử! Nhất thiết trí trí cũng không chắc thật. Vì sao?

Thưa Tôn giả Xá lợi Tử! Vì Bồ Tát khi hành Bát Nhã, đối với Bát Nhã thấy “pháp chắc thật” chẳng khá nắm bắt được huống chi thấy “pháp không chắc thật”; đối với tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật, thấy **pháp chắc thật chẳng khá nắm bắt được**, huống chi thấy có pháp không chắc thật.

Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, đối với pháp không nội thấy pháp chắc thật chẳng khá nắm bắt được, huống chi thấy có pháp không chắc thật; đối với pháp không ngoại, pháp không nội ngoại… cho đến pháp không không tánh tự tánh cũng thấy pháp chắc thật chẳng khá nắm bắt được, huống chi

thấy có pháp không chắc thật; đối với chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế… cũng thấy pháp chắc thật chẳng khá nắm bắt được, huống chi thấy có pháp không chắc thật khá được; đối với 12 xứ, 18 giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cũng thấy pháp chắc thật chẳng khá nắm bắt được, huống chi thấy có pháp không chắc thật. Đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật, đối với Bồ Tát hạnh, quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật cũng thấy pháp chắc thật chẳng khá nắm bắt được, huống chi thấy có pháp không chắc thật khá được.

Khi ấy, các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc đều nghĩ: Nếu thiện nam thiện nữ nào có khả năng phát tâm cầu chứng quả vị Giác ngộ tối cao, như nghĩa hạnh mà Bát Nhã đã nói, học tất cả pháp mà không chứng thật tế, để nhập Niết bàn thì chẳng rơi vào bậc Thanh văn và Độc giác. Đại Bồ Tát ấy rất hiếm có, có khả năng làm việc khó làm, phải nên kính bái.

Biết tâm niệm của các Thiên tử, nên Thiện Hiện bảo: Đại Bồ Tát ấy chẳng chứng thật tế, chẳng rơi vào bậc Thanh văn và Độc giác, chưa phải là hy hữu. Nếu đại Bồ Tát biết tất cả pháp và các hữu tình đều chẳng thể nắm bắt được mà phát tâm cầu quả vị Giác ngộ tối cao, mang giáp bị đại bi, độ vô lượng, vô số, vô biên hữu tình, làm cho chứng đắc Niết bàn rốt ráo, thì đại Bồ Tát ấy mới rất hiếm có, có khả năng làm việc khó làm.

Này các thiên tử! Nên biết, các đại Bồ Tát mang giáp bị đại bi, là vì muốn điều phục tất cả hữu tình, nhưng các hữu tình hoàn toàn vô sở hữu, như có người mang giáp bị đánh nhau với hư không.

Này các thiên tử! Nên biết, các đại Bồ Tát mang giáp bị đại bi vì muốn lợi lạc tất cả hữu tình, nhưng các hữu tình và giáp bị đại bi đều chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Này các thiên tử! Vì **hữu tình xa lìa**, nên biết giáp bị đại bi này cũng xa lìa; vì hữu tình **rỗng không**, nên biết giáp bị đại bi này cũng rỗng không; vì hữu tình **chẳng chắc thật**, nên biết giáp bị này cũng không chắc thật; vì hữu tình **vô sở hữu**, nên biết giáp bị này cũng vô sở hữu.

Đại Bồ Tát ấy, tuy biết hữu tình hoàn toàn vô sở hữu, nhưng phát tâm cầu quả vị Giác ngộ, mang giáp bị đại bi muốn điều phục các loài hữu tình, nhưng sự điều phục ấy chẳng khác nào điều phục hư không. Vì sao? Vì hư không xa lìa, nên biết tất cả hữu tình cũng xa lìa; vì hư không rỗng không, nên biết tất cả hữu tình cũng rỗng không; vì hư không không chắc thật, nên biết tất cả hữu tình cũng không chắc thật; vì hư không vô sở hữu,

nên biết tất cả hữu tình cũng vô sở hữu. Vì vậy, đại Bồ Tát ấy rất hiếm có, có khả năng làm việc khó làm.

Nên biết, **việc điều phục phúc lạc cho các hữu tình của các đại Bồ Tát cũng chẳng thể nắm bắt được**. Vì sao? Vì hữu tình xa lìa, nên biết sự điều phục cũng xa lìa; vì hữu tình rỗng không, nên biết sự điều phục cũng rỗng không; vì hữu tình chẳng chắc thật, nên biết sự điều phục cũng không chắc thật; vì hữu tình vô sở hữu, nên biết sự điều phục phúc lạc cũng vô sở hữu.

Nên biết, các đại Bồ Tát cũng vô sở hữu. Vì sao? Vì hữu tình xa lìa, nên biết đại Bồ Tát cũng xa lìa; vì hữu tình rỗng không, nên biết đại Bồ Tát cũng rỗng không; vì hữu tình không chắc thật, nên biết đại Bồ Tát cũng không chắc thật; vì hữu tình vô sở hữu, nên biết đại Bồ Tát cũng vô sở hữu.

Đối với Bát Nhã tất cả đều rỗng không: Các pháp kể cả hữu tình, Bồ Tát đều rỗng không, vô sở hữu, bất khả đắc, thì có gì có thể nói là chắc hay không chắc. Học Bát Nhã, hành Bát Nhã như hành hư không. Nếu đại Bồ Tát nghe như vậy mà tâm chẳng chìm đắm, chẳng kinh, chẳng sợ, cũng chẳng lo buồn, hối tiếc, thì nên biết đại Bồ Tát ấy có thể tu hành Bát Nhã thâm sâu.

Lìa sắc nên lìa hữu tình; lìa thọ, tưởng, hành, thức nên lìa hữu tình; lìa 12 xứ, 18 giới, lìa bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến lìa quả vị Giác ngộ tối cao nên lìa hữu tình.

Lìa sắc nên lìa lục Ba la mật; lìa thọ, tưởng, hành, thức nên lìa lục Ba la mật; lìa sắc nên lìa pháp không nội, pháp không ngoại, pháp không nội ngoại…cho đến pháp không không tánh tự tánh; lìa thọ, tưởng, hành, thức nên lìa pháp không nội cho đến pháp không không tánh tự tánh; lìa sắc nên lìa chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế v.v…; lìa thọ, tưởng, hành, thức nên lìa chơn như cho đến thật tế v.v…; lìa sắc nên lìa Tứ đế; lìa thọ, tưởng, hành, thức nên lìa Tứ đế; lìa sắc nên lìa bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; lìa thọ, tưởng, hành, thức nên lìa bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc v.v… Cũng như vậy, vì lìa 37 pháp trợ đạo, 3 môn giải thoát, thập vị Bồ Tát, 5 nhãn, 6 thần thông, Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí, tất cả pháp môn Đà la ni, Tam

ma địa, bốn quả Thanh văn, Bích Chi Phật, tất cả Bồ Tát hạnh, quả vị Giác ngộ tối cao tức là lìa tất cả pháp Phật. **Vì lìa tất cả pháp Phật như thế nên xa sáu pháp Ba la mật, xa Nhất thiết chủng trí và xa lìa luôn quả vị Vô thượng Bồ đề**.

(Cứ lìa một pháp thì xa một pháp, nếu lìa tất cả pháp Phật thì không còn pháp nào để tu để học nữa! Nếu không còn pháp nào để tu để học thì làm sao chứng, làm sao độ? Không phải Bát Nhã cố ý nói như vậy. Bát Nhã muốn nói bản chất tất cả pháp đều chẳng phải có, đều viễn ly, vì tất cả pháp đều vắng lặng, đều vô sở hữu, duyên hợp thì có, duyên tan thì rã rời… nên nói là không chắc thật.

Thật ra, không có pháp chắc thật hay không chắc thật. Chắc hay không chắc là nhị nguyên pháp. Pháp Phật bất nhị. Nói có nói không chỉ là phương tiện dẫn dắt chúng sanh: Pháp không chắc thật có nghĩa là không kiên cố, không bền chắc, nên phải xa lìa. Đừng bám víu vào chúng mà khổ lụy thân tâm. Nếu không bám, thì không hệ lụy hay nói khác là không bị trói buộc bởi chúng. Nếu không bị trói buộc thì được tự tại, tâm chẳng chìm, chẳng đắm, chẳng kinh, chẳng sợ, cũng chẳng lo buồn, hối tiếc). Nên Kinh thuyết tiếp:

Nếu đại Bồ Tát nghe nói các pháp viễn ly mà tâm chẳng chìm, chẳng đắm, chẳng kinh, chẳng sợ, cũng chẳng lo buồn, hối tiếc, thì nên biết đại Bồ Tát ấy đã từng tu hành thậm thâm Bát Nhã. Vì sao? Vì tất cả pháp **đều chẳng phải có**, nên các đại Bồ Tát đối với Bát Nhã, tâm chẳng chìm, chẳng đắm. Vì tất cả pháp **đều viễn ly**, vì tất cả pháp **đều vắng lặng**, vì tất cả pháp **đều vô sở hữu**, vì tất cả pháp **đều không sanh diệt**, nên các đại Bồ Tát đối với Bát Nhã, tâm chẳng chìm, chẳng đắm. Do những nhân duyên như thế, nên các đại Bồ Tát đối với Bát Nhã, tâm chẳng chìm, chẳng đắm. Vì sao? Vì các đại Bồ Tát đối với tất cả pháp hoặc năng chìm đắm, hoặc sở chìm đắm, hoặc thời chìm đắm, hoặc xứ chìm đắm, hoặc sự chìm đắm, do đó mà chìm đắm, đều chẳng thể nắm bắt được, vì **tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được**. Nếu các đại Bồ Tát nghe nói như vậy, tâm chẳng chìm, chẳng đắm, chẳng kinh, chẳng sợ v.v… thì nên biết đại Bồ Tát ấy đã từng tu hành thậm thâm Bát Nhã. *(Q.346, ĐBN)*

Nếu đại Bồ Tát thường tu hành Bát Nhã như thế, không những Thiên Đế Thích, Đại Phạm Thiên vương, các chúa tể thế giới thường kính lễ mà trời Cực quang tịnh, hoặc trời Biến tịnh, hoặc trời Quảng quả, hoặc trời Tịnh cư và các chúng trời khác, thường cung kính lễ bái, cả đến tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong vô lượng, vô số, vô biên thế giới khắp mười phương cũng thường hộ niệm.

Nếu đại Bồ Tát ấy thường tu hành Bát Nhã như vậy, thì không những **làm cho việc tu hành Bát Nhã sớm được viên mãn** mà còn làm cho tất cả pháp Phật và các thiện căn công đức sớm hoàn thành, mau chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Nếu đại Bồ Tát thành tựu hai pháp: **Một là quán các pháp đều rốt ráo không; hai là chẳng bỏ hữu tình** thì vô lượng ác ma trong hằng sa thảy chẳng có thể cản trở phá hoại, chẳng có thể ngăn cản sự tu hành Bát Nhã, cũng chẳng thể phá hoại sở cầu quả vị Vô Thượng Giác ngộ. Các đại Bồ Tát chỉ thành tựu **được hai pháp ấy đúng như lời chư Phật đã nói thời được chư Phật thường hộ niệm.**

Nếu các đại Bồ Tát thường an trụ Bát Nhã như thế, thì chư Phật hiện tại trong vô lượng, vô số, vô biên thế giới mười phương, ở giữa đại chúng hoan hỷ, tán dương, khen ngợi danh tự dòng họ và các công đức của các đại Bồ Tát ấy.

Bồ Tát tu hành Bát Nhã mặc dù đối với tánh vô sanh, đối với tánh không, đối với tánh tịch tịnh, đối với tánh viễn ly, đối với tánh vô sở hữu, đối với tánh chẳng tự tại, đối với tánh chẳng chắc thật của tất cả pháp, phát sanh tin hiểu sâu sắc, cũng chưa chắc chứng đắc Vô sanh pháp nhẫn. Nếu các Bồ Tát đối với Bát Nhã mà Phật đã thuyết phát sanh lòng tin thanh tịnh, trụ đúng lời, hành đúng như lời. Trụ và hành đúng như lời sẽ được Vô sanh pháp nhẫn, rồi an trụ trong Nhất thiết chủng trí, sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Tu Bồ Đề bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu như đức Phật nói chư đại Bồ Tát trụ đúng như lời, hành đúng như lời, sẽ an trụ trong Nhất thiết chủng trí? Đại Bồ Tát không pháp để đắc thì làm thế nào lại có thể an trụ trong Nhất thiết chủng trí?

- Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát **trụ trong pháp như** đó là an trụ Nhất thiết chủng trí.

- Bạch đức Thế Tôn! Trừ như ra, không còn pháp nào để được thì ai trụ trong như, trụ trong như rồi sẽ được Vô thượng Bồ đề? Ai trụ trong như để thuyết pháp? Như ấy còn chẳng thể được, huống trụ trong như được Vô thượng Bồ đề? Không bao giờ có ai trụ trong như để thuyết pháp?

- Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy. Trừ như ra không còn pháp nào để được, ai trụ trong như, trụ trong như rồi sẽ được Vô thượng Bồ đề, ai trụ trong như để thuyết pháp. Như ấy còn chẳng thể được, huống là ai trụ trong như được Vô thượng Bồ đề. Ai trụ trong như để thuyết pháp. Tại sao vậy? **Như ấy không có sanh, không có diệt, không có trụ, không có dị. Nếu pháp không có sanh, diệt, trụ, dị thì trong đó ai sẽ trụ như. Ai sẽ trụ như mà thuyết pháp. Không bao giờ có việc đó**.

Tới đây, Thích Đề Hoàn Nhân thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Ở trong Bát nhã Ba la mật thậm thâm muốn được Vô thượng Bồ đề rất là khó. Tại sao vậy? Vì không có ai trụ trong như, cũng không ai được Vô thượng Bồ đề, cũng không ai thuyết pháp? Đối với pháp tánh thậm thâm, tâm chẳng kinh sợ, các việc như thế rất là hi hữu?

Cụ thọ Thiện Hiện bảo Thích đề Hoàn nhân:

Kiều Thi Ca! Các đại Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, quán tất cả pháp, không pháp nào đều chẳng không. Nghĩa là quán tất cả pháp hữu sắc không, pháp vô sắc cũng không. Quán tất cả pháp hữu kiến không, pháp vô kiến cũng không. Quán tất cả pháp hữu đối không, pháp vô đối cũng không. Quán tất cả pháp hữu lậu không, pháp vô lậu cũng không. Quán tất cả pháp hữu vi không, pháp vô vi cũng không. Quán tất cả pháp thế gian không, pháp xuất thế gian cũng không. Quán tất cả pháp vắng lặng không, pháp chẳng vắng lặng cũng không. Quán tất cả pháp xa lìa không, pháp chẳng xa lìa cũng không. Quán tất cả pháp quá khứ không, pháp vị lai, hiện tại cũng không. Quán tất cả pháp thiện không, pháp bất thiện, vô ký cũng không. Quán tất cả pháp cõi Dục không, pháp cõi Sắc, Vô sắc cũng không. Quán tất cả pháp học không, pháp vô học, chẳng phải học, chẳng phải vô học cũng không. Quán tất cả pháp thấy đoạn không, pháp tu đoạn, chẳng phải đoạn cũng không. Quán tất cả pháp hữu không, pháp vô, pháp phi hữu phi vô cũng không. Kiều Thi Ca! Các đại Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, quán tất cả pháp như thế thảy đều không. Trong các pháp không đều vô sở hữu, thì ai chìm, ai đắm, ai sợ, ai

kinh, ai nghi, ai ngại? Vậy nên, Kiều Thi Ca! Các đại Bồ Tát tu hành sâu sắc Bát Nhã, đối với pháp tánh sâu xa, tâm chẳng chìm đắm, chẳng sợ, chẳng kinh, không nghi, không ngại, là việc dĩ nhiên.

Thích đề Hoàn Nhân nói:

- Những điều Tôn giả đã nói tất cả đều nương không, vậy nên không ngăn ngại. Ví như lấy tên bắn hư không hoặc xa hoặc gần đều không ngăn ngại. Tôn giả đã nói cũng lại như vậy, còn ai có thể dám đối chất.

(Tất cả pháp đều không, đều không chắc thật, thì làm sao tu hành pháp không, tu pháp không chắc thật mà được Vô thượng Bồ đề? Vậy mà có người vẫn tiếp tục tu hành và vẫn có người do pháp nầy chứng đắc quả vị Vô thượng Bồ đề tiếp nối dòng giống Phật. Đó chính là cái ẩn áo vi diệu của Bát nhã Ba la mật. Cái đó mới hi hữu!

Kinh nhấn mạnh các pháp không, các pháp không bền chắc, các pháp đều như, vô sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Nếu hiểu như vậy, tu như vậy, hành như vậy thì không có chướng ngại, mau chứng Vô thượng Bồ đề. ***Ở đây, Kinh không khen pháp chắc thật hay chẳng chắc thật, kiên cố hay chẳng kiên cố mà ở đây Kinh mật ý nói hành mà không thấy năng hành, sở hành, đó là vô đạo hành. Hành như vậy là hành Bát nhã Ba la mật).***

Thích nghĩa:

(1). Kinh ĐBN do *HT Thích Trí Nghiêm dịch từ Hán sang Việt có 2 bản, một bản đăng ở thuvienhoasen.org dịch nguyên văn câu chữ Hán* "堅kiên 等đẳng 讚tán 品phẩm" *là phẩm "Khen tánh chắc thật"; bản khác đăng ở tuvienquangduc.com lại dịch là phẩm "Khen bền chắc thảy"; trong khi Kinh MHBNBLMĐ do HT Thích Trí Tịnh cũng dịch từ Hán sang Việt lại dùng "Pháp chơn thật". Và câu mở đầu nguyên văn bản chữ Hán là:* "菩Bồ 薩Tát 摩Ma 訶Ha 薩Tát . 行hành 深thâm 般Bát 若Nhã 波Ba 羅La 蜜Mật 多Đa 時thời . 為vi 行hành 堅kiên 實thật 法pháp . 為vi 行hành 無vô 堅kiên 實thật 法pháp 耶da" . *Cụm từ "hành kiên thật pháp" có thể tạm dịch là "hành pháp chắc thật", vì từ "kiên" có nghĩa là chắc chắn, bền chắc hay kiên cố. Hội thứ II, có phẩm tựa "Kiên Cố, Chẳng*

Kiên Cố", Thưvienhoasen. org lại dùng từ "kiên cố". Từ chắc thật, bền chắc, kiên cố, kiên định dịch từ chữ Hán "堅固".

Sơ giải:

Phật dùng nhiều phương tiện khác nhau để chỉ rõ thiên sai vạn biệt của tất cả pháp trên thế gian này. Bằng nhiều cách diễn tả khác nhau, Phật bảo: Các pháp nào là giả danh, chỉ có tên gọi, không có tự tánh; nào là rỗng không, không tánh không tướng, không thể không dụng; nào là như huyễn, như mộng vì không thật có chỉ do duyên hợp; nào là như, như vậy là như vậy, chẳng lúc nào chẳng như, như đó bình đẳng, bình đẳng đó gọi là thanh tịnh… Tới đây, Phật nói về tánh các pháp: ***Bền chắc hay chẳng bền chắc****.*

Tất cả những chỉ dẫn đó không ngoài chủ đích ngăn chận chúng sanh không nên dùng cảm quan và ý thức nhìn vạn hữu phơi bày trước mắt bằng cái nhìn "duy thực". Cái thấy biết ngây ngô dễ sanh phân biệt chấp trước. Và một khi chấp trước thì sẽ đưa đến thiên lệch, làm nhiễu loạn thân tâm, không thể tu hành được. Vì sao? Vì những cảm thọ dễ sanh phiền não chướng và ý thức dễ sanh sở tri chướng. Có chướng là có phiền não, mà phiền não thì đi ngược với giác ngộ làm sao tu, làm sao chứng.

Vì vậy, Phật bảo "Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, là hành pháp không chắc thật, chẳng phải hành pháp chắc thật. Vì sao? Vì Bát Nhã không chắc thật; tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật cũng không chắc thật". Không những lục Ba la mật không chắc thật, mà tất cả pháp Phật kể cả Vô thượng Bồ đề cũng không chắc thật. Vì sao? Vì **tất cả là không, pháp vô sở hữu, không thể nắm bắt được"**. *Mong cầu, nắm bắt chẳng khác nào nắm bắt một làn hương. Cái có được không phải từ ngoài vào, đuổi bắt chẳng khác nào bỏ hình bắt bóng. Nếu biết bóng chẳng khác hình, vậy bỏ hình bắt bóng hay bỏ bóng bắt hình chẳng khác nhau, cũng không ngoài nắm bắt. Biết vậy, đừng nương vịn vào các pháp, cũng đừng mong cầu, nắm bắt cất giữ nữa.*

Kinh nói: **"Đối với Bát Nhã tất cả đều rỗng không: Các pháp kể cả hữu tình, Bồ Tát đều rỗng không, vô sở hữu, bất khả đắc, thì có gì có thể nói là chắc hay không chắc. Học Bát Nhã, hành Bát Nhã như hành hư không. Nếu đại Bồ Tát nghe như vậy mà tâm chẳng chìm đắm,**

chẳng kinh, chẳng sợ, cũng chẳng lo buồn, hối tiếc, thì nên biết đại Bồ Tát ấy có thể tu hành sâu sắc Bát nhã Ba la mật".

Còn nương vịn hay nắm bắt là còn bị trói. Không nương vịn, không nắm bắt cũng không xa lìa. Xa lìa tứ đế thì không có Thanh văn, xa lìa thập nhị nhân duyên thì không có Bích Chi Phật, xa lìa lục Ba la mật thì không có Bồ Tát. Lìa một pháp thì mất một pháp, lìa tất cả pháp Phật thì không còn gì để học, để tu. Phải "mượn chỉ để đưa diều qua khỏi gió". Vậy, nương mà chẳng nương, nắm bắt mà chẳng nắm bắt, xa lìa mà cũng chẳng xa lìa. Vậy, chỉ cần quán không là xong hết. Vì sao?

Vì: "Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã thẳm sâu, **quán tất cả pháp, không pháp nào chẳng đều không**. Nghĩa là quán tất cả pháp hữu sắc không, pháp vô sắc cũng không. Quán tất cả pháp hữu kiến không, pháp vô kiến cũng không. Quán tất cả pháp hữu đối không, pháp vô đối cũng không. Quán tất cả pháp hữu lậu không, pháp vô lậu cũng không. Quán tất cả pháp hữu vi không, pháp vô vi cũng không. Quán tất cả pháp thế gian không, pháp xuất thế gian cũng không. Quán tất cả pháp vắng lặng không, pháp chẳng vắng lặng cũng không. Quán tất cả pháp xa lìa không, pháp chẳng xa lìa cũng không v.v… Quán tất cả pháp hữu không, pháp vô, pháp phi hữu phi vô cũng không. Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã, quán tất cả pháp như thế thảy đều không. **Trong các pháp không,** *(tất cả)* **đều vô sở hữu, thì ai chìm, ai đắm, ai sợ, ai kinh, ai nghi, ai ngại?**"

Tất cả yếu chỉ tu hành đều nằm ở chỗ đó. Nếu quán các pháp đều không thì không cần biết pháp chắc thật hay chẳng chắc thật, kiên cố hay chẳng kiên cố. Phải quán sát liên tục miên mật qua nhiều năm tháng mới có hy vọng. Một tư tưởng gia đã nói: Thiên tài chẳng qua là một sự luyện tập lâu dài./.

---o0o---

58. PHẨM CHÚC LỤY*(1)*

Phần sau Q.346 đến đầu Q.347, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Chúc Lụy" quyển thứ 22, Kinh MHBNBLMĐ)

Gợi ý:

Xin nhắc lại khi chúng tôi đề cập đến phẩm tựa của Kinh MHBNBLMĐ là chúng tôi muốn nói đến Đại Trí Độ Luận. Vì chánh văn của Kinh MHBNBLMĐ là chánh văn của Luận Đại Trí Độ. Bồ Tát Long Thọ dùng Kinh MHBNBLMĐ (tức Hội thứ II của Kinh Đại Bát Nhã) để biên soạn Đại Trí Độ Luận. Phẩm "Chúc Lụy" của Hội thứ II, ĐBN tương đương với ***phẩm "Chúc Lụy", quyển thứ 22, Kinh MHBNBLMĐ, cũng chính là phẩm thứ 66, có tên là "Chúc Lụy", Tập 4, quyển 79 của Đại Trí Độ Luận.***

Việc làm của chúng tôi có vẻ nhiêu khê cũng vì lợi ích cho việc thọ dụng thiên Tổng luận này. Biết mà biết không rõ ràng thì chẳng thà không biết còn hơn. Chúng tôi ghi chú các Kinh Luận liên hệ đến đề tài chiết giải để các thiện hữu tham khảo hiểu biết thêm mà khỏi mất thời giờ tra cứu.

Tóm lược:

Muốn chứng quả vị Giác ngộ tối cao, đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa cần phải khéo hiểu, khéo thông suốt lục Ba la mật; an trụ pháp không nội, an trụ pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không cho đến pháp không không tánh tự tánh *(an trụ tất cả 18 pháp không)*; an trụ chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế v.v…*(an trụ thập nhị chân như)*; an trụ Thánh đế khổ, an trụ Thánh đế tập, diệt, đạo *(an trụ tứ Thánh đế)*; tu hành ba mươi bảy pháp trợ đạo; tu hành bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; tu hành tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ; tu hành tam giải thoát môn; tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông, Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng; tu hành pháp không quên mất, tu hành tánh luôn luôn xả; tu hành tất cả pháp môn Đà la ni, pháp môn Tam ma địa; tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí khiến được viên mãn mà đại

Bồ Tát ấy chẳng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, mà lại trụ ở bậc Thanh văn, Độc giác, thì không có việc đó. **Đại Bồ Tát muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, đối với Bát nhã Ba la mật như thế, khéo hiểu, thông suốt, tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật cho đến Nhất thiết tướng trí khiến được viên mãn.**

Nếu đối với kinh điển Bát nhã Ba la mật có thể thọ trì dù chỉ một câu chẳng để quên mất, được vô lượng phước; còn nếu có người đối với Kinh nầy chẳng khéo thọ trì, cho đến một câu cũng quên, thì bị trọng tội, ngang đồng với lượng phước đức nói trên. Vì vậy, nên Phật bảo Khánh Hỷ:

"Này Khánh Hỷ! Ta nay đem Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa nầy, ở trước vô lượng đại chúng trời, người, A tu la v.v... **phó chúc** cho ông. Này Khánh Hỷ! Nay ta nhắc nhở ông: Có các tịnh tín muốn chẳng bỏ Phật, muốn chẳng bỏ Pháp, bỏ Tăng, cũng muốn chẳng bỏ sở chứng quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, thì nhất định chẳng nên bỏ Kinh điển Bát nhã Ba la mật thậm thâm.

Này Khánh Hỷ! Đây là pháp dạy bảo trao truyền cho các đệ tử của chư Phật. Nếu thiện nam thiện nữ nào, đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật thậm thâm này, ưa thích lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, như lý tư duy, dùng vô lượng cách, vì người rộng nói, phân biệt khai thị, trình bày an lập, khiến họ dễ hiểu thì thiện nam thiện nữ ấy mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao, sắp viên mãn Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ tối cao, sở đắc của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều nương vào Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế mà được phát sanh".

Nếu thiện nam thiện nữ nào cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Bát nhã Ba la mật tức là cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật, cũng là cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai, hiện tại ở 10 phương thế giới. Nếu thiện nam thiện nữ nào nghe nói Kinh điển Bát nhã Ba la mật, thâm tâm tín thọ cung kính ưa thích, tức là tín thọ cung kính ưa thích chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu kính Phật, chẳng bỏ Như Lai, thì cũng nên kính mến, chẳng nên bỏ Kinh điển Bát nhã Ba la mật cho đến một câu chớ để quên mất.

Nên biết, Nhất thiết trí trí, quả vị Giác ngộ tối cao, sở đắc của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều nương vào Bát nhã Ba la mật mà xuất sanh. Bát nhã Ba la mật như thế là mẹ của các đại Bồ Tát,

sanh ra các đại Bồ Tát. Bát nhã Ba la mật như thế là Kinh điển sáu phép Ba la mật sâu xa, là tạng pháp*(2)* vô tận của chư Như Lai.

Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ cũng nương vào tạng pháp vô tận sáu phép Ba la mật nầy tinh cần tu học, đã chứng quả vị Giác ngộ tối cao. Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vị lai cũng nương vào tạng pháp vô tận sáu phép Ba la mật nầy tinh cần tu học, sẽ chứng quả vị Giác ngộ tối cao. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện tại hiện đang thuyết pháp ở trong các thế giới khắp Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phía, trên dưới, cũng nương vào tạng pháp vô tận sáu phép Ba la mật nầy tinh cần tu học, hiện chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Đệ tử của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ đều nương vào pháp tạng vô tận sáu phép Ba la mật này, tinh cần tu học, đối với cảnh giới Niết bàn tuyệt đối mầu nhiệm đã nhập Niết bàn. Đệ tử của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vị lai, đều nương vào tạng pháp vô tận sáu phép này tinh cần tu học, đối với cảnh giới Niết bàn tuyệt đối mầu nhiệm sẽ nhập Niết bàn. Đệ tử của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện tại, ở trong các thế giới khắp Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phía, trên dưới, đều nương vào tạng pháp vô tận sáu phép này, tinh cần tu học, đối với cảnh giới Niết bàn tuyệt đối mầu nhiệm đang nhập Niết bàn.

Các đại Bồ Tát tự tu bố thí Ba la mật, cũng dạy người tu bố thí; tự tu tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, cũng dạy người tu tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Do nhân duyên ấy, thiện căn tăng trưởng, nếu đối với quả vị Giác ngộ tối cao mà có sự thối chuyển, thì không có việc đó. Các Bồ Tát ấy, tự an trụ pháp không nội, an trụ pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không v.v… cũng dạy người an trụ mười tám pháp không đó. Do nhân duyên ấy, thiện căn tăng trưởng, nếu đối với quả vị Giác ngộ tối cao mà có sự thối chuyển, thì không có việc đó.

Đại Bồ Tát ấy, tự an trụ chơn như, cũng dạy người an trụ chơn như; tự an trụ pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế v.v… cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì, cũng dạy người an trụ pháp giới, pháp tánh… cho đến cảnh giới bất tư nghì. Do nhân duyên ấy, thiện căn tăng trưởng, nếu đối với quả vị Giác ngộ tối cao mà có sự thối chuyển, thì không có việc đó. Nói tóm lại, các đại Bồ Tát ấy tự an trụ tất cả pháp Phật, cũng dạy người an trụ tất cả pháp Phật. Do nhân duyên ấy, thiện căn tăng

trưởng, nếu đối với quả vị Giác ngộ tối cao mà có sự thối chuyển, thì không có việc đó.

Đại Bồ Tát ấy, tự tu Vô sanh pháp nhẫn, cũng dạy người tu Vô sanh pháp nhẫn. Đại Bồ Tát ấy, tự nghiêm tịnh cõi Phật, cũng dạy người nghiêm tịnh cõi Phật; tự thành thục hữu tình, cũng dạy người thành thục hữu tình. Đại Bồ Tát ấy, tự học chuyển pháp luân Vô thượng, cũng dạy người học chuyển pháp luân Vô thượng. Do nhân duyên ấy, thiện căn tăng trưởng, nếu đối với quả vị Giác ngộ tối cao mà có sự thối chuyển, thì đó là điều không thể xảy ra.

Đại Bồ Tát ấy, tự dùng vô lượng tướng tốt vi diệu để trang nghiêm thân, cũng dạy người dùng vô lượng tướng tốt vi diệu để trang nghiêm thân. Do nhân duyên ấy, thiện căn tăng trưởng, nếu đối với quả vị Giác ngộ tối cao mà có sự thối chuyển, thì không có lẽ đó.

Đại Bồ Tát ấy, tự quán tất cả pháp không có ngã, không có hữu tình, không có dòng sanh mạng, không có khả năng sanh khởi, không có sự dưỡng dục, không có sự trưởng thành, không có chủ thể luân hồi, không có ý sanh, không có nho đồng, không có khả năng làm việc, không có khả năng thọ quả báo, không có cái biết, cái thấy, cũng dạy người quán tất cả pháp không có ngã cho đến không có cái biết, cái thấy. Do nhân duyên ấy, thiện căn tăng trưởng, nếu đối với quả vị Giác ngộ mà có sự thối chuyển, thì không có lẽ đó.

Đại Bồ Tát ấy, tự quán tất cả pháp như huyễn hóa, như chiêm bao, như ảnh tượng, như tiếng vang, như bóng sáng, như bóng nắng, như trò ảo thuật, như ảo thành, tuy giống như có nhưng không có thật tánh; cũng dạy người quán tất cả pháp như huyễn hóa cho đến như ảo thành, tuy giống như có nhưng không có thật tánh; cũng dạy người quán tất cả pháp như huyễn hóa cho đến như ảo thành, tuy giống như có nhưng không có thật tướng. Do nhân duyên ấy, thiện căn tăng trưởng, nếu đối với quả vị Giác ngộ mà có sự thối chuyển, thì không có lẽ đó.

Lúc nói Bát nhã Ba la mật như vậy, đức Phật ở giữa tứ chúng Trời, Người, Quỷ thần, Bát bộ… hóa hiện thần thông biến hóa làm cho tất cả đại chúng dự pháp hội đều thấy đức Phật A Súc*(3)* đương thuyết pháp cho chư Tỳ Kheo Tăng. Chư Tăng của đức Phật A Súc đều là bậc A La Hán đã sạch hết phiền não, đều được tự tại giải thoát: Tâm giải thoát và huệ giải thoát, tâm điều hòa nhu thuận như đại tượng, chỗ làm đã xong, đã được tự

lợi, hết các kiết sử, được chánh trí giải thoát, tâm và tâm sở đều được tự tại. Cũng thấy chư đại Bồ Tát thành tựu vô lượng công đức.

Bỗng đức Phật thâu nhiếp thần lực, đại chúng không còn thấy đức Phật A Súc và đại hội Thanh Văn Bồ Tát nước Diệu Hỷ nữa.

Phật mới hỏi Khánh Hỷ:

- Ông còn thấy Bất Động Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cùng cõi nước, chúng hội đó chăng?

Khánh Hỷ bạch:

- Con không còn thấy, vì những cảnh ấy chẳng phải là đối tượng nhận thức của nhãn căn này.

Phật bảo Khánh Hỷ:

- Như các cảnh cõi Phật, chúng hội v.v... ấy chẳng phải là cảnh giới đối tượng nhận thức của nhãn căn ở cõi này, **tất cả pháp cũng như thế, chẳng phải là cảnh đối tượng nhận thức của nhãn căn***(4)*, pháp chẳng nhận thức pháp, pháp chẳng thấy pháp, pháp chẳng biết pháp.

Khánh Hỷ phải biết, **tất cả pháp không kẻ hành, không kẻ thấy, không kẻ biết, không động, không tác. Vì sao? Vì tất cả pháp đều vô tác dụng, tánh năng thủ sở thủ xa lìa vậy. Vì tất cả pháp chẳng thể nghĩ bàn, tánh năng sở nghĩ bàn xa lìa vậy. Vì tất cả pháp như việc huyễn, nhiều duyên hòa hợp tương tợ có. Vì tất cả pháp không có kẻ tác thọ, vọng hiện như có, không bền chắc vậy. Khánh Hỷ phải biết, Nếu đại Bồ Tát biết như thế, thấy như thế, hành như thế, ấy là hành Bát nhã Ba la mật sâu xa, cũng chẳng chấp trước các Pháp Tướng này.**

Khánh Hỷ nên biết! Nếu Đại Bồ Tát muốn tất cả Ba la mật mau được viên mãn, thì nên học Bát Nhã. Vì sao? Vì người học như thế, đối với các sự học là tối, là thắng, là trưởng, là tôn, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng, lợi ích an lạc tất cả thế gian, đối với kẻ không chỗ nương nhờ, làm chỗ nương nhờ, chư Phật Thế Tôn đẹp lòng khen ngợi.

Bát Nhã thẳm sâu tánh vô tận nên nói là **vô lượng.** Bát nhã Ba la mật thẳm sâu tánh xa lìa nên nói là vô lượng. Bát nhã Ba la mật thẳm sâu tánh vắng lặng nên nói là vô lượng. Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thật tế nên nói là vô lượng. Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như hư không nên nói là vô lượng.

Quá khứ Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều học Bát Nhã, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì các hữu tình tuyên nói khai chỉ, mà Bát nhã Ba la mật đây cũng không bao giờ cạn, nên nói là **không tận**. Vị lai Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều học Bát Nhã, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì các hữu tình tuyên nói khai chỉ, mà Bát nhã Ba la mật đây cũng không dứt, nên nói không tận. Hiện tại thế giới mười phương vô lượng vô số vô biên tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều học Bát Nhã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì các hữu tình tuyên nói khai chỉ, mà Bát nhã Ba la mật đây cũng không hết, nên nói không tận. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật thẳm sâu ví như hư không, chẳng thể dứt tận vậy. Có kẻ muốn Bát nhã Ba la mật thẳm sâu dứt tận, thời là muốn ngằn mé hư không dứt tận.

Phải biết Bát nhã Ba la mật chẳng thể cạn tận, nên đã chẳng tận, hiện chẳng tận, sẽ chẳng tận. Tĩnh lự, tinh tiến, an nhẫn, tịnh giới, bố thí cũng chẳng thể cạn tận, nên đã chẳng tận, hiện chẳng tận, sẽ chẳng tận. Tất cả pháp Phật cũng chẳng bao giờ cạn tận.

Trong Kinh Bát Nhã thẳm sâu như thế, rộng nói tất cả Bồ đề phần pháp và các pháp tướng. Vì vậy, tất cả hữu tình cầu Thanh văn thừa, hữu tình cầu Độc giác thừa, hữu tình cầu Vô thượng thừa đều nên đối với pháp môn đã nói của Bát nhã Ba la mật thẳm sâu này, thường siêng tu học, chớ nên chán bỏ. Nếu được như thế thì mau tự an trụ bậc sở cầu.

Bát nhã Ba la mật có khả năng ngộ nhập tất cả tướng, tất cả tự môn*(5),* tất cả pháp môn Đà la ni. Các đại Bồ Tát đối với tất cả pháp môn Đà la ni này đều nên tu học. Nếu đại Bồ Tát thọ trì pháp môn này thì mau chứng đắc tất cả biện tài thông suốt. Vì vậy, nên nói Bát nhã Ba la mật chính là tạng pháp vô tận của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai, hiện tại.

Do đó, Phật bảo Khánh Hỷ:

"Này Khánh Hỷ! Ta nay nói rõ với ngươi: Nếu có người đối với Bát nhã Ba la mật này thọ trì, đọc tụng, rốt ráo thông đạt, như lý tư duy, tức là thọ trì quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại.

Này Khánh Hỷ! Ta nói Bát nhã Ba la mật thẳm sâu là đôi chân kiên cố có khả năng đi đến đạo Bồ đề, cũng là đại Đà la ni của tất cả Phật pháp vô thượng. Nếu các ông có khả năng thọ trì các Đà la ni Bát Nhã thẳm sâu như thế, tức là nắm giữ được tất cả Phật pháp".

Thích nghĩa:

(1). Chúc lụy hay phó chúc: ***Chúc****, nghĩa là dặn dò, phó thác.* ***Lụy****, nghĩa là gánh vác sự vất vả phiền lụy, có nghĩa là đem công việc giao phó và dặn dò người khác khiến họ gánh vác. Trong tông môn, mỗi khi đem đại pháp của Phật Tổ trao truyền khiến người sau gìn giữ và phát huy, thì gọi là chúc lụy. [X. Duy ma Kinh sớ lược Q.10 phẩm Thích chúc lụy (Trí khải)]. - Từ điển Phật Quang.*

(2). Tạng pháp hay Pháp tạng, hoặc Kinh tạng là kho tàng Kinh điển Phật, phân biệt với Luật tạng hay Luận tạng.

(3). Phật A Súc hay còn gọi là Như lai Bất Động, Vô động Phật, Vô nộ Phật, Vô sân Phật, A Súc Bất động Như lai, Diệu Sắc Thân Như lai... Cứ theo Kinh A Súc Phật Quốc quyển thượng, phẩm Phát ý thụ tuệ và phẩm Thiện khoái chép, thì ở quá khứ, cách đây một nghìn cõi Phật về phương Đông, có thế giới A tì la đề (Phạm: Abhirati), trong đó, có đức Đại mục Như lai xuất hiện, Ngài vì các Bồ Tát mà nói pháp tu hành sáu độ cao tột. Lúc bấy giờ, có một vị Bồ Tát, sau khi nghe pháp, phát tâm đạo vô thượng chính chân, nguyện dứt sân hận, đoạn dâm dục, cho đến thành đại chính giác, Đại mục Như lai vui mừng và ban hiệu là A súc. Bồ Tát A súc liền thành Phật trong thế giới A tì la đề ở phương Đông, và hiện nay vẫn đang thuyết pháp ở cõi đó. Lại cứ theo Kinh Pháp Hoa quyển 3, phẩm Hóa thành dụ chép, thì đức Phật Đại thông trí thắng, khi chưa xuất gia, có mười sáu vương tử, sau đều xuất gia làm Sa di, người con thứ nhất tên là Trí Tích, tức là A súc, thành Phật tại nước Hoan hỉ ở phương Đông. Kinh Bi hoa quyển 4 chép, Phật A di đà ở đời quá khứ là vua Vô tránh niệm, có một nghìn người con, người con thứ chín là Mật tô, tức A súc, thành Phật tại phương Đông, tên nước là Diệu lạc. Mật giáo lấy đức Phật này làm một trong năm vị Phật ở Kim cương giới, tượng trưng cho Đại viên kính trí. Ngài được tôn trí ở giữa nguyệt luân chính đông, trong năm luân giải thoát, phía trước là Kim cương tát đỏa, phía phải là Kim cương vương Bồ Tát, phía trái là Kim cương ái Bồ Tát, phía sau là Kim cương hỉ Bồ Tát. Hình tượng màu vàng ròng, tay trái nắm lại đặt ở trước rốn, tay phải thõng xuống chạm đất, tức là A súc xúc địa ấn (Ấn A súc chạm đất). Mật hiệu là Bất động kim cương. Chủng tử là (Hùô). Hình tam muội da là chày năm chẽ. Chân ngôn là Án á khất sô tì dã hồng. [X. Kinh Đại bảo tích hội

bất động Như lai; Kinh Đạo hành Bát Nhã Q.6, Q.9; Kinh Thủ lăng nghiêm tam muội Q.thượng; Kinh Duy ma Q.hạ; Tịnh độ dữ Thiền (Ấn thuận, Diệu vân tập hạ biên 4)]- Phật Quang Tự điển.

(4). "Tất cả pháp cũng như thế, chẳng phải là cảnh đối tượng nhận thức của nhãn căn": ***"Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 99, "Đàm Vô Kiệt", Tập 5, quyển 100".*** *Nói:* "Thật ra thật tánh của các pháp vượt qua khỏi tâm lượng của chúng sanh, vượt qua ngoài danh tự ngữ ngôn". *Sẽ giải thích chi tiết ở các Hội sau.*

(5). Tự môn: Là những chữ cái gồm nguyên âm và phụ âm chính, cần phải học để dễ nhớ những chữ đồng âm khác.

Sơ giải:

Ta có thể lấy lời của Thế Tôn nói trong phẩm "Thật Ngữ" Q.458, Hội thứ II, ĐBN để giải thích lý do tại sao Thế Tôn phó chúc Bát nhã Ba la mật cho Ngài A Nan:

(…) "Thiện nam, thiện nữ nào cúng dường, cung kính, tôn trọng, ca ngợi Bát nhã Ba la mật thẳm sâu thì chính là cúng dường, cung kính, tôn trọng, ca ngợi Ta, cũng là cúng dường, cung kính, tôn trọng, ca ngợi tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện đang thuyết pháp ở mười phương thế giới và cũng là cúng dường, cung kính, tôn trọng, ca ngợi chư Phật ở quá khứ, vị lai.

Thiện nam, thiện nữ nào nghe nói Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như vậy, phát sanh lòng tin trong sạch, cung kính tôn trọng thì chính là đem lòng tin trong sạch, cung kính tôn trọng quả vị Vô thượng Bồ đề mà tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, vị lai, hiện tại đã chứng đắc.

Nếu ngươi cung kính, tôn trọng và tin tưởng ở Ta thì phải chí thành tha thiết cung kính, tôn trọng, tin tưởng Bát nhã Ba la mật cho đến một câu cũng đừng quên mất.

Việc giao phó Bát nhã Ba la mật thẳm sâu này cho ngươi, tuy có vô lượng lý do nhưng Ta chỉ nói tóm gọn. **Như Ta đã là đại sư của các ngươi thì phải biết Bát nhã Ba la mật thẳm sâu cũng là đại sư của các ngươi**. Nếu các ngươi cùng trời người cung kính, tôn trọng Ta thì cũng phải cung kính, tôn trọng Bát nhã Ba la mật thẳm sâu.

Vì vậy, Ta dùng vô số phương tiện thiện xảo giao phó Kinh điển Bát nhã Ba la mật thẳm sâu cho ngươi, ngươi phải thọ trì đừng để quên mất. Nay ở trước trời, người, A tu la và vô số đại chúng, Ta đem Bát nhã Ba la mật thẳm sâu này giao phó cho ngươi.

Nay Ta nói thật với ngươi: Các hữu tình có lòng tin trong sạch muốn không xả bỏ Phật, không xả bỏ Pháp, không xả bỏ Tăng lại muốn không xả bỏ quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đã chứng đắc thì không nên xả bỏ Bát nhã Ba la mật thẳm sâu. Đó chính là pháp mà chư Phật dạy dỗ truyền trao cho các đệ tử.

Thiện nam thiện nữ nào ưa thích lắng nghe Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, thọ trì, đọc tụng hoàn toàn thông suốt, tư duy đúng lý, đem vô lượng pháp môn giảng rộng cho người khác, phân biệt, khai thị, chỉ bày, an lập giúp họ hiểu rõ và siêng năng tu học thì thiện nam thiện nữ này mau chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề và gần được viên mãn Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã chứng đắc đều dựa vào Bát nhã Ba la mật thẳm sâu này mà được thành tựu.

Chư Phật đời quá khứ, vị lai, hiện tại đều dựa vào Bát nhã Ba la mật thẳm sâu này để thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì thế, này Khánh Hỷ! Đại Bồ Tát nào muốn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì cần phải siêng năng tu học Bát nhã Ba la mật thẳm sâu này. Vì sao? Vì **Bát nhã Ba la mật thẳm sâu là mẹ của các đại Bồ Tát,** đã sanh ra các vị đại Bồ Tát.

Khánh Hỷ nên biết! Đại Bồ Tát nào siêng năng tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật thì mau chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì thế, này Khánh Hỷ! Ta đem sáu pháp Ba la mật giao phó cho ngươi, ngươi phải thọ trì cho đúng đừng để quên mất. Vì sao? Vì sáu pháp Ba la mật này là **kho pháp vô tận** của các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tất cả Phật pháp đều được sanh ra từ nơi đó.

Khánh Hỷ nên biết! **Pháp yếu mà chư Phật hiện tại, quá khứ, vị lai đã nói đều lưu xuất từ kho pháp vô tận là sáu pháp Ba la mật này**".

Không có lời nhắn nhủ nào tha thiết bằng lời phó chúc này, nên phần sau Q.457 đến phần đầu Q.458, Hội thứ II, ĐBN, có một phẩm nội dung tương đương với phẩm "Phó Chúc", nhưng phẩm tựa lại khác, tên là

"Thật Ngữ". Những ai tin tưởng vào thật ngữ mà Như Lai giao phó cho ngài A Nan mà theo đó thọ trì, đọc tụng, giảng nói, quảng bá sâu rộng... thì sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đạt Nhất thiết trí trí và được sang bờ kia. Kinh nói: **"Nên biết, Nhất thiết trí trí, quả vị Giác ngộ tối cao, sở đắc của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều nương vào Bát nhã Ba la mật mà xuất sanh. Bát nhã Ba la mật như thế là mẹ của các đại Bồ Tát, sanh ra các đại Bồ Tát. Bát nhã Ba la mật như thế là Kinh điển sáu phép Ba la mật sâu xa, là tạng pháp vô tận của chư Như Lai"**.

Hãy giữ lòng tin thanh tịnh phụng trì 6 pháp Ba la mật này rồi sẽ có cơ hội thoát khỏi những phiền não lậu tận, các ngục tù đen tối của thế gian mà sang được bờ kia. Phật đã dùng thật ngữ hay tâm huyết khuyến bảo thọ trì, đồng thời quảng bá Kinh này.

Chúng ta may mắn được làm người, có đầy thiện căn công đức mới có phúc duyên đọc tụng thọ trì Kinh nầy. Nên đây là dịp may hiếm có trong nhiều đời nhiều kiếp. Theo lời Phật dạy đọc tụng thọ trì, rộng vì người thư giải khiến lưu bố, phước đức không gì bằng. Pháp thí là pháp cúng dường cao cả nhất trong tất cả pháp cúng dường. Xin chớ lãng quên./.

---o0o---

59. PHẨM "VÔ TẬN"

Phần sau Q.347 cho đến hết Q.348, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Bất Khả Tận" quyển thứ 21, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

Vì sắc bất khả tận nên đại Bồ Tát phải lấy Bát nhã Ba la mật để hướng dẫn*(1)*; vì thọ, tưởng, hành, thức bất khả tận, nên đại Bồ Tát phải lấy Bát nhã Ba la mật để hướng dẫn; 12 xứ bất khả tận, 18 giới bất khả tận, 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 4 đế, 37 pháp trợ đạo, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật bất khả tận nên đại Bồ Tát phải lấy Bát nhã Ba la mật để hướng dẫn.

Vì **sắc như hư không bất khả tận** nên đại Bồ Tát phải lấy Bát Nhã để hướng dẫn; vì thọ, tưởng, hành, thức như hư không bất khả tận nên đại Bồ Tát phải lấy Bát Nhã để hướng dẫn; 12 xứ, 18 giới như hư không bất khả tận, tứ thiền, tứ vô luợng, tứ định vô sắc, Nhất thiết trí v.v… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật như hư không, bất khả tận nên đại Bồ Tát phải lấy Bát nhã Ba la mật để hướng dẫn.

Vì đại Bồ Tát quán **vô minh** như hư không bất khả tận nên phải lấy Bát nhã Ba la mật để hướng dẫn; vì đại Bồ Tát quán **hành** như hư không bất khả tận nên phải lấy Bát nhã Ba la mật để hướng dẫn; vì đại Bồ Tát quán **thức, quán danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử** như hư không bất khả tận nên phải lấy Bát nhã Ba la mật để hướng dẫn.

Các đại Bồ Tát ngồi tòa Bồ đề, như thật quán sát mười hai chi duyên khởi giống như hư không, chẳng cùng tận, xa lìa nhị biên, nên có khả năng mau chứng Nhất thiết trí trí.

Nên biết, nếu đại Bồ Tát dựa vào hành tướng như hư không bất khả tận, lại dùng các phương tiện thiện xảo Bát Nhã hướng dẫn, **như thật quán sát mười hai chi duyên khởi**, sẽ không bị thối chuyển, chẳng đọa vào bậc Thanh văn và Độc giác, lại mau an trụ quả vị Giác ngộ tối cao.

Nếu đại Bồ Tát khi quán sát pháp duyên khởi như thế, chẳng thấy có pháp nào không có nhân mà sanh khởi; chẳng thấy có pháp nào không có nhân mà hoại diệt; chẳng thấy có pháp nào thường trụ bất

diệt; chẳng thấy có pháp nào có ngã, hữu tình, dòng sanh mạng cho đến cái thấy cái biết; chẳng thấy có pháp nào thường hoặc vô thường, hoặc lạc hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc vắng lặng hoặc chẳng vắng lặng, hoặc viễn ly hoặc chẳng viễn ly.

Các đại Bồ Tát muốn tu hành Bát nhã Ba la mật thì phải quán sát duyên khởi như thế. Chỉ khi nào đại Bồ Tát tu hành thậm thâm Bát nhã Ba la mật thì đại Bồ Tát ấy **chẳng thấy sắc hoặc thường hoặc vô thường**, hoặc lạc hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc vắng lặng hoặc chẳng vắng lặng, hoặc viễn ly hoặc chẳng viễn ly; cũng chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc thường hoặc vô thường, hoặc lạc hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã v.v… Chỉ khi nào đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã đến chỗ thậm thâm, thì khi ấy đại Bồ Tát chẳng thấy mười hai xứ, mười tám giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, Nhất thiết trí trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao hoặc thường hoặc vô thường, hoặc lạc hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã v.v…

Chỉ khi nào đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã đến chỗ thậm thâm, thì khi ấy đại Bồ Tát tuy tu hành Bát Nhã nhưng chẳng thấy Bát Nhã có sở hành; lại cũng chẳng thấy pháp năng hành Bát Nhã. Lúc đại Bồ Tát tu hành đến chỗ thậm thâm Bát Nhã, lúc ấy đại Bồ Tát tuy tu hành tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí nhưng chẳng thấy có sở hành tịnh lự cho đến bố thí; lại cũng chẳng thấy có pháp năng hành tịnh lự cho đến bố thí; lại cũng chẳng thấy có "cái thấy".

Lúc đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã đến chỗ thậm thâm, lúc ấy đại Bồ Tát tuy an trụ pháp không nội mà chẳng thấy có sở trụ pháp không nội; lại cũng chẳng thấy có pháp năng thấy sở trụ pháp không nội, pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không… cho đến pháp không không tánh tự tánh; lúc ấy đại Bồ Tát tuy an trụ chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế v.v… mà chẳng thấy có sở trụ chơn như; lại cũng chẳng thấy có pháp năng thấy sở trụ pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế v.v…; lại cũng chẳng thấy có "cái thấy".

Chỉ khi nào Bồ Tát tu hành Bát Nhã đến chỗ thậm thâm, thì khi ấy đại Bồ Tát tuy an trụ Thánh đế khổ, Thánh đế tập, diệt, đạo mà chẳng thấy có sở trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; lại cũng chẳng thấy có pháp năng thấy sở trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Lúc đại Bồ Tát tu

hành Bát Nhã đến chỗ thậm thâm, lúc ấy đại Bồ Tát tuy tu bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, ba mươi bảy pháp trợ đạo, ba môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, thập vị Bồ Tát, ngũ nhãn, lục thần thông, Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí, tất cả pháp môn Đà la ni, Tam ma địa, bốn quả Thanh văn, Bích Chi Phật, tất cả Bồ Tát hạnh, quả vị Giác ngộ tối cao… **nhưng chẳng thấy pháp, chẳng thấy năng tu, sở tu. Các đại Bồ Tát đối với tất cả pháp hoàn toàn không có sở đắc, nên mới có thể hành Bát Nhã thậm thâm như thế.**

Nếu đại Bồ Tát đối với tất cả pháp, **lấy vô sở đắc làm phương tiện**, tu hành Bát Nhã như thế, thì khi ấy ác ma rất lo buồn đau đớn như trúng phải tên độc, hay giống như người có thân nhân mới chết.

Nếu đại Bồ Tát thường an trụ **hạnh an trụ tối thắng** của Bát nhã Ba la mật thì trời, người, A tu la v.v... trong thế gian có rình tìm khuyết điểm của vị ấy cũng không thể tìm được, cũng chẳng có thể nào làm cho các vị ấy lo buồn. Vì vậy, nếu đại Bồ Tát muốn chứng quả vị Giác ngộ tối cao, thì phải siêng năng **an trụ hạnh an trụ tối thắng Bát Nhã.**

Lại nữa, nếu đại Bồ Tát có khả năng an trụ vững chắc hạnh an trụ tối thắng Bát Nhã thì có khả năng tu đầy đủ bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự Ba la mật. Nếu đại Bồ Tát có khả năng tu hành chơn chính Bát Nhã thậm thâm, thì có khả năng tu đầy đủ tất cả Ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã không điên đảo, dùng tâm Nhất thiết trí mà tu lục Ba la mật, lại đem công đức tu các pháp ấy ban cho tất cả hữu tình cùng hưởng như nhau, rồi hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, thì đó là đại Bồ Tát có khả năng tu hành chơn chính Bát Nhã, lại có đủ khả năng tu đầy đủ sáu Ba la mật.

Thích nghĩa:

(1). Hướng dẫn: Nguyên văn chữ Hán là "引發"*, thường dịch là dẫn phát hay dẫn hướng, có nghĩa là đưa đến, đem đến. Như dịch trong câu:* "Thiện Hiện nên biết! Vì sắc vô tận nên đại Bồ Tát phải dẫn phát Bát nhã Ba la mật; vì thọ, tưởng, hành, thức vô tận nên đại Bồ Tát phải dẫn phát Bát nhã Ba la mật". *Chúng tôi dịch là hướng dẫn hay dẫn hướng. Nên câu trên có thể dịch là "Thiện Hiện nên biết! Vì sắc vô tận nên đại Bồ Tát phải*

lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn hướng; vì thọ, tưởng, hành, thức vô tận nên đại Bồ Tát phải lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn hướng".

Sơ giải:

Cảm thọ và ý thức là cái giúp con người sống, không ai có thể sống mà không dùng cảm thọ, ý thức. Cảm thọ và ý thức giúp con người sống nhưng đôi khi lừa phỉnh con người, mà con người không tự biết. Xấu hay đẹp, ngon hay dở, lạnh hay nóng là tùy người. Người khỏe mạnh vào phòng lạnh thì cho là mát mẻ, trong khi người ốm vào phòng lạnh chịu không nổi. Người khỏe ăn cái gì cũng thấy ngon, người ốm ăn cái gì cũng thấy dở. Bản thân của con người không phải là cái máy phân tích, đo lường hay là hàn thử biểu. Do đó, có những cảm nhận khác nhau. Đó chỉ nói về những cảm thọ thuộc về vật chất. Sự khác biệt thuộc về ý thức lại càng to lớn hơn nữa. Ý thức về giá trị, về văn hóa, đạo đức, tâm linh… là những sai biệt tất nhiên trong cuộc đời thường. Chúng là những sai biệt... tưởng chừng như không thể nào hàn gắn được.

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, thế giới nội hay ngoại là biểu tượng cho những sai biệt bất tận. Bát Nhã là vô phân biệt, và là pháp môn bất nhị. Vì vậy, Bát Nhã mới có thể đối trị những sai biệt đó. Bát Nhã chiếu soi tới đâu thì tất cả thiên sai vạn biệt đều phải phơi bày thật tướng của nó. Nên Bát Nhã mới có thể tháo gỡ được những trói buộc thế gian.

Vì vậy, Bồ Tát một khi thâm nhập được Bát nhã Ba la mật, sống trong pháp không mới ***chẳng thấy*** *sắc hoặc thường hoặc vô thường, hoặc lạc hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc vắng lặng hoặc chẳng vắng lặng, hoặc viễn ly hoặc chẳng viễn ly; cũng chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc thường hoặc vô thường, hoặc lạc hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã v.v… Bồ Tát cũng chẳng thấy 12 xứ, 18 giới, tứ thiền, tứ vô lương, tứ định vô sắc, Nhất thiết trí trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao hoặc thường hoặc vô thường, hoặc lạc hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã v.v… Bồ Tát chẳng thấy tất cả pháp, chẳng thấy năng tu, sở tu, cả đến chẳng thấy Bát nhã Ba la mật là năng hành, sở hành. Vì đối với tất cả pháp, Bồ Tát biết tất cả pháp là không, hoàn toàn bất khả đắc, nên mới có thể tránh được trói buộc của cảm quan và ý thức mà an trụ trong Bát nhã Ba la mật.*

Đó là Bồ Tát an trụ hạnh an trụ tối thắng của Bát nhã Ba la mật. "Nếu đại Bồ Tát có khả năng an trụ vững chắc hạnh an trụ tối thắng Bát nhã Ba la mật thì có khả năng tu đầy đủ bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Nếu đại Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật không điên đảo, dùng tâm Nhất thiết trí mà tu lục Ba la mật, lại đem công đức tu các pháp ấy ban cho tất cả hữu tình cùng hưởng như nhau, rồi hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao, thì đó là đại Bồ Tát có khả năng tu hành chơn chính Bát nhã Ba la mật, lại có đủ khả năng tu đầy đủ sáu Ba la mật".

Nhưng đó không phải là hạnh dễ hành. Kinh nói:

"Chỉ khi nào đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã đến chỗ thậm thâm, thì khi ấy đại Bồ Tát tuy tu hành Bát Nhã nhưng chẳng thấy Bát Nhã có sở hành; lại cũng chẳng thấy pháp năng hành Bát Nhã. Lúc đại Bồ Tát tu hành đến chỗ thậm thâm Bát nhã Ba la mật, lúc ấy đại Bồ Tát tuy tu hành tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí nhưng chẳng thấy có sở hành tịnh lự cho đến bố thí; lại cũng chẳng thấy có pháp năng hành tịnh lự cho đến bố thí; lại cũng chẳng thấy có "cái thấy".

Tu hành Bát Nhã đến chỗ thậm thâm như vậy, thời chẳng thấy năng hành sở hành Bát nhã Ba la mật, chẳng thấy người hành, pháp hành, cũng lại chẳng thấy có "cái thấy" đó. Hành như vô sự, vô đạo hành là hành Bát nhã Ba la mật. Nên không thấy không biết: Không thấy sở duyên, không thấy sở trụ là không sở hành, tức không có gì ngăn ngại, trói buộc nữa.

Đó là chỗ thâm áo: Hành như vô sự là hành Bát nhã Ba la mật. Nếu những ai nắm được giáo lý này tu hành thì có thể tháo gỡ những rối rắm trói buộc của tâm và tâm sở pháp thì giải thoát./.

---o0o---

60. PHẨM "DẪN NHIẾP*(1)* NHAU"

Quyển 349 đến hết quyển 350, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Lục Độ Tương Nhiếp", quyển thứ 22, Kinh MHBNBLMĐ)

Gợi ý:

Phẩm "Dẫn Nhiếp Nhau" của Kinh ĐBN viết rất dài dòng. Phẩm "Lục Độ Tương Nhiếp", quyển thứ 22, Kinh MHBNBLMĐ (tương đương với phẩm "Dẫn Nhiếp Nhau" của Kinh ĐBN) ngắn gọn hơn. Nên thay vì, tóm lược phẩm "Dẫn Nhiếp Nhau", chúng tôi trích dẫn nguyên văn phẩm "Lục Độ Tương Nhiếp"của Kinh MHBNBLMĐ thay thế.

Cũng xin nói thêm rằng nội dung của phẩm "Lục Độ Tương Nhiếp" cũng đầy đủ như phẩm "Dẫn Nhiếp Nhau". Như trước đây trong phần dẫn nhập về bố cục Kinh Đại Bát Nhã , chúng tôi có ghi: ***Kinh MHBNBLMĐ cũng được xem là đại phẩm như Kinh ĐBN****, chỉ có điều Hội thứ I của Kinh ĐBN tổng cộng tới 400 quyển, trong khi Kinh MHBNBLMĐ được Phật thuyết ở Hội thứ II, do nhóm của Ngài La Thập dịch chỉ có 27 quyển mà thôi. Bản dịch của HT Thích Trí Tịnh có ghi thêm 3 quyển nữa là phẩm "Tát Đà Bà Luân"(tức Bồ Tát Thường Đề trong Kinh ĐBN), phẩm "Bồ Tát Đàm Vô Kiệt"(tức Bồ Tát Pháp Dũng trong Kinh ĐBN) và phẩm "Chúc Lụy"(tức phẩm Kết Khuyến" trong Kinh ĐBN), tổng cộng Kinh MHBNBLMĐ mới được 30 quyển.*

Xin các thiện hữu các đạo hữu đừng lo ngại Kinh văn ĐBN do chúng tôi lược giải "không được nguyên chất". Kinh ĐBN Phật thuyết ở 5 Hội đầu gần giống nhau. Riêng Hội thứ I chiếm hết 2/3 Kinh ĐBN, tức 400 quyển đầu (từ quyển 1 đến quyển 400 trong tổng số 600 quyển), Kinh trùng tuyên quá nhiều nên cần tóm lược. Hội thứ II không do nhóm của Ngài Huyền Trang dịch mà nhóm của Ngài Huyền Trang sao lại bản dịch của người khác và ghi vào ĐBN, chiếm 78 quyển (từ quyển 401 đến quyển 478). Còn Kinh MHBNBLMĐ do nhóm của Ngài La Thập dịch, đã tóm lược rồi, nên gần như "nguyên chất". Hội thứ III chỉ có 58 quyển (từ Q.479 đến Q.537 do nhóm của Ngài Huyền Trang dịch). Hội thứ IV ngắn hơn nữa chỉ có 18 quyển (từ Q.538 đến Q.555, không do nhóm của Ngài Huyền Trang dịch, mà chỉ sao lại). Hội thứ V ngắn nhất chỉ vỏn vẹn có 10

quyển (từ Q.556 đến hết Q.565 do nhóm của Ngài Huyền Trang dịch). Thể tài thuyết pháp của 5 Hội này gần như nhau, chỉ khác là nói gọn hay tán rộng các giáo lý.

Nếu các đạo hữu e ngại sự trình bày của chúng tôi thiếu trung thực trong Hội này hay trong các Hội kế tiếp, các đạo hữu có thể so chiếu các phẩm liên hệ của cả 5 Hội đầu, sẽ rõ.

Để thay đổi không khí, chúng tôi ghi lại nguyên văn phẩm "Lục Độ Tương Nhiếp" của Kinh MHBNBLMĐ để các đạo hữu có dịp thưởng thức và so chiếu hai Kinh. Tu là rộng mở tâm hồn chứ không phải là câu nệ!

Kinh lấy một độ thuyết về sự tương nhiếp với 5 độ khác. Cứ xoay dần như thế cho đến hết 6 độ. Nếu biết rõ chức năng của từng độ thì biết rõ hiệu năng tổng hợp của toàn thể lục độ hay phẩm này, chẳng có gì khó.

Tóm lược:

Sau đây là chính văn phẩm "Lục Độ Tương Nhiếp", quyển thứ 22, Kinh MHBNBLMĐ:

1. Thế nào là an trụ Bố thí nắm lấy năm Ba la mật kia?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là **đại Bồ Tát an trụ Bố thí mà nắm lấy Trì giới Ba la mật**?"

Đức Phật phán dạy: "Này Tu Bồ Đề! Lúc bố thí, đại Bồ Tát đem sự bố thí đó hồi hướng Nhất thiết trí, ở trong tất cả chúng sanh, thân, khẩu, ý an trụ nơi đức từ. Đây là đại Bồ Tát an trụ Bố thí Ba la mật mà nắm lấy Trì giới Ba la mật".

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát an trụ Bố thí Ba la mật mà nắm lấy Nhẫn nhục Ba la mật?

- Này Tu Bồ Đề! Lúc đại Bồ Tát bố thí, kẻ lãnh thọ giận mắng Bồ Tát, Bồ Tát nhịn nhục chẳng sanh lòng phiền giận. Đây là đại Bồ Tát an trụ Bố thí Ba la mật mà nắm lấy Nhẫn nhục Ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát **an trụ Bố thí mà nắm lấy Tinh tấn Ba la mật**?

- Này Tu Bồ Đề! Lúc đại Bồ Tát bố thí, kẻ lãnh thọ giận mắng, Bồ Tát bố thí nhiều thêm nữa và nghĩ rằng tôi phải bố thí chẳng có lòng hối tiếc,

liền lúc đó phát sanh hai tinh tấn: thân tinh tấn và tâm tinh tấn. Đây là đại Bồ Tát an trụ Bố thí Ba la mật mà nắm lấy Tinh tấn Ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát **an trụ Bố thí mà nắm lấy Thiền na Ba la mật**?

- Này Tu Bồ Đề! Lúc bố thí, Bồ Tát hồi hướng Nhất thiết trí, chẳng mong bậc Thanh Văn, Bích Chi Phật, chỉ nhất tâm nghĩ đến Nhất thiết trí. Đây là Đại Bồ Tát an trụ bố thí Ba la mật mà nắm lấy Thiền na Ba la mật.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát **an trụ Bố thí mà nắm lấy Bát nhã Ba la mật?**

- Này Tu Bồ Đề! Lúc bố thí, đại Bồ Tát biết bố thí là không, là như huyễn ảo, chẳng thấy vì chúng sanh bố thí có ích hay vô ích. Đây là đại Bồ Tát an trụ Bố thí Ba la mật mà nắm lấy Bát nhã Ba la mật.

2. Thế nào an trụ Tịnh giới nắm lấy năm Ba la mật kia?

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là **đại Bồ Tát an trụ Trì giới Ba la mật**, thân, khẩu, ý ba nghiệp phát sanh phước đức bố thí giúp nên Vô thượng Bồ đề, giữ lấy công đức này, chẳng lấy bậc Thanh Văn, Bích Chi Phật, an trụ trong Trì giới Ba la mật, chẳng biết đoạt mạng sống kẻ khác, chẳng biết trộm của cải tài vật kẻ khác, chẳng làm tà dâm, chẳng vọng ngôn, chẳng lưỡng thiệt, chẳng ác khẩu, chẳng ỷ ngữ, chẳng tham lam bỏn sẻn, chẳng giận dữ ganh ghét, chẳng tà kiến, thật hành bố thí: Kẻ đói cho ăn, kẻ khát cho uống, cần xe cho xe, cần áo cho áo, cần chuỗi ngọc cho chuỗi ngọc, cần hương hoa cho hương hoa, cần giường nệm, phòng nhà, đèn đuốc, tất cả đồ tư sanh đều cung cấp cho cả, đem sự bố thí đó cùng chung với chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề, hồi hướng như vậy thì chẳng sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Trì giới mà nắm lấy Bố thí Ba la mật.**

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ trong Trì giới Ba la mật, nếu có ai đến chia cắt thân xác, lúc đó Bồ Tát chẳng sanh một niệm giận thù mà nghĩ rằng: Tôi được sự lợi ích rất lớn, họ đến chia cắt thân xác rời rã, tôi không có một niệm hận thù. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Trì giới mà nắm lấy Nhẫn nhục Ba la mật.**

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát thân tinh tấn và tâm tinh tấn thường chẳng lìa bỏ, nghĩ rằng: Tất cả chúng sanh ở trong biển sanh tử, tôi phải cứu vớt

đặt họ trên bờ cam lồ. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Trì giới mà nắm lấy Tinh tấn Ba la mật**.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát nhập sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, chẳng tham bậc Thanh Văn, Bích Chi Phật, nghĩ rằng: Tôi phải an trụ trong Thiền na Ba la mật để độ tất cả chúng sanh trong sanh tử. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Trì giới nắm lấy Thiền na Ba la mật**.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Trì giới Ba la mật không có pháp nào thấy được: Hoặc pháp tác, pháp vô tác, pháp số, pháp tướng, hoặc hữu hoặc vô, chỉ thấy tất cả đều chẳng ngoài tướng như, do sức phương tiện Bát nhã Ba la mật nên chẳng sa vào bậc Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây là **Đại Bồ Tát an trụ Trì giới mà nắm lấy Bát nhã Ba la mật**.

3. Thế nào an trụ Nhẫn nhục nắm lấy năm Ba la mật kia?

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là **đại Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục mà nắm lấy năm Ba la mật kia?**

- Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, trong khoảng thời gian đó, nếu có chúng sanh nào đến giận mắng, hoặc chặt đứt thân thể, Bồ Tát an trụ nhẫn nhục nghĩ rằng: Tôi phải bố thí tất cả chúng sanh, chẳng nên chẳng cho, chúng sanh cần ăn uống, cho ăn uống, nhẫn đến tất cả đồ tư sanh nếu cần tôi đều cho họ tất cả, đem công đức đó cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Lúc Bồ Tát hồi hướng chẳng sanh hai tâm niệm: Ai hồi hướng và hồi hướng chỗ nào. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục mà nắm lấy Bố thí Ba la mật.**

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, trong khoảng thời gian đó trọn chẳng giết hại, trộm cướp, tà dâm nhẫn đến chẳng tà kiến, cũng chẳng tham bậc Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đem công đức đó cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Lúc hồi hướng, Bồ Tát chẳng sanh ba tâm niệm: Ai hồi hướng, dùng pháp gì để hồi hướng và hồi hướng chỗ nào. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục mà nắm lấy Trì giới Ba la mật**.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục Ba la mật, phát sinh Tinh tấn nghĩ rằng: Tôi sẽ qua một do tuần, hoặc mười trăm ngàn muôn ức do tuần, tôi sẽ qua một thế giới nhẫn đến qua trăm ngàn muôn ức thế giới hoặc chỉ để khuyên dạy một người trì ngũ giới thôi, huống là làm cho họ

được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán, Bích Chi Phật hay quả Phật. Đem công đức đó cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục mà nắm lấy Tinh tấn Ba la mật.**

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục Ba la mật, lìa dục, lìa ác, những pháp bất thiện, có giác, có quán, ly sanh hỉ lạp nhập sơ thiền, nhẫn đến xả niệm thanh tịnh nhập tứ thiền, trong các thiền ấy tâm, tâm sở thanh tịnh đều hồi hướng Nhất thiết trí. Lúc hồi hướng, Bồ Tát này ở nơi thiền và thiền chi đều bất khả đắc. Đây là **đại Bồ Tát an trụ nhẫn nhục mà nắm lấy Thiền na Ba la mật**.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục Ba la mật, quán các pháp hoặc tướng ly, tướng tịch diệt, tướng vô tận, chẳng chứng lấy tướng tịch diệt, nhẫn đến ngồi đạo tràng được Nhất thiết chủng trí, rời đạo tràng để chuyển pháp luân. Đây là đại **Bồ Tát an trụ Nhẫn nhục mà nắm lấy Bát nhã Ba la mật**, vì là chẳng lấy bỏ vậy.

4. Thế nào là an trụ Tinh tấn nắm lấy năm Ba la mật kia?

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là **đại Bồ Tát an trụ Tinh tấn mà nắm lấy năm Ba la mật kia**?

- Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Tinh tấn Ba la mật, thân tâm tinh tấn chẳng lười chẳng nghỉ, tự nghĩ rằng: Tôi quyết chắc sẽ được Vô thượng Bồ đề, chẳng phải không được. Vì lợi ích cho chúng sanh mà Bồ Tát này đến một do tuần hoặc đến trăm ngàn muôn ức do tuần, hoặc qua một thế giới hoặc qua trăm ngàn muôn ức thế giới, hoặc chẳng dạy được một người vào trong Phật đạo, Thanh Văn đạo, hoặc chỉ dạy được một người hành 10 nghiệp đạo lành, tinh tấn chẳng biếng trễ, làm pháp thí và tài thí cho họ được đầy đủ. Đem công đức này cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề, chẳng hồi hướng bậc Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Tinh tấn mà nắm lấy Bố thí Ba la mật**.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Tinh tấn Ba la mật từ lúc mới phát tâm cho đến lúc ngồi đạo tràng, tự mình chẳng sát sanh, chẳng bảo người sát sanh, hoan hỷ khen ngợi người chẳng sát sanh, nhẫn đến tự mình xa rời tà kiến, bảo người xa rời tà kiến, hoan hỷ khen ngợi người chẳng tà kiến. Bồ Tát này an trụ Trì giới Ba la mật, chẳng cầu phước cõi Dục, cõi Sắc, cõi

Vô sắc, chẳng cầu bậc Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đem công đức này cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề, Bồ Tát chẳng sanh ba tâm niệm: chẳng thấy người hồi hướng, chẳng thấy pháp hồi hướng và chẳng thấy chỗ hồi hướng. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Tinh tấn mà nắm lấy trì giới Ba la mật**.

Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ Tát an trụ Tinh tấn Ba la mật từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, trong khoảng thời gian đó hoặc có Nhơn hay Phi Nhơn đến chặt đứt rời rã thân thể, Bồ Tát suy nghĩ: Ai chém tôi, ai chặt tôi, ai cướp hại tôi. Bồ Tát lại nghĩ rằng: Tôi được lợi lành rất lớn, tôi vì chúng sanh mà thọ lấy thân này, hôm nay chúng sanh đến lấy lại. Khi đó Bồ Tát chánh ức niệm thật tướng các pháp. Đem công đức này cùng chung với chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề, chẳng cầu bậc Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Tinh tấn mà nắm lấy Nhẫn nhục Ba la mật.**

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Tinh tấn Ba la mật lìa dục ác bất thiện, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc nhập sơ thiền, nhập nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, nhập từ, bi, hỷ, xả, nhẫn đến nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ định, thọ trì bốn thiền, bốn vô lượng tâm và bốn định vô sắc, chẳng thọ quả báo mà thọ sanh nơi lợi ích chúng sanh để đem sáu Ba la mật thành tựu chúng sanh, đó là Bố thí đến Bát nhã Ba la mật, từ một Phật độ này đến một Phật độ khác, cúng dường thân cận chư Phật để trồng căn lành. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Tinh tấn mà nắm lấy Thiền na Ba la mật**.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Tinh tấn Ba la mật, chẳng thấy pháp Bố thí, nhẫn đến chẳng thấy pháp Thiền na, chẳng thấy tướng Thiền na Ba la mật, chẳng thấy pháp tứ niệm xứ, chẳng thấy tướng tứ niệm xứ, nhẫn đến chẳng thấy pháp Nhất thiết chủng trí, chẳng thấy tướng Nhất thiết chủng trí. Thấy tất cả pháp: Phi pháp, phi phi pháp. Đối với tất cả pháp, Bồ Tát không chấp trước. Bồ Tát này chỗ làm đúng như chỗ nói. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Tinh tấn mà nắm lấy Bát nhã Ba la mật**.

5. Thế nào là an trụ Thiền na nắm lấy năm Ba la mật kia?

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là **đại Bồ Tát an trụ Thiền na mà nắm lấy năm Ba la mật kia?**

- Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Thiền na Ba Ba la mật lìa dục, lìa ác bất thiện, có giác, có quán, ly sanh hỷ nhập sơ thiền, nhập nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, nhập từ, bi, hỷ, xả, nhẫn đến nhập phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ định, an trụ trong Thiền na Ba la mật, tâm chẳng loạn động, thật hành tài pháp hai sự bố thí lợi ích chúng sanh. Bồ Tát này tự mình hành hai sự bố thí, dạy người hành bố thí, ca ngợi pháp bố thí và hoan hỉ khen ngợi người hành bố thí. Đem công đức này cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề, chẳng cầu bậc Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Thiền na nắm lấy Bố thí Ba la mật**.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Thiền na Ba la mật chẳng sanh tâm dâm dục, sân khuể, ngu si, chẳng não hại người, chỉ tu hành tâm tương ưng Nhất thiết trí. Đem công đức này cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề, chẳng cầu bậc Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Thiền na nắm lấy Trì giới Ba la mật**.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Thiền na Ba la mật quán sắc như đống bọt, quán thọ như bong bóng nước, quán tưởng như ánh nắng chói, quán hành như cây chuối, quán thức như huyễn ảo. Lúc quán như vậy, thấy năm ấm là tướng không bền chắc, nghĩ rằng: Chém tôi là ai? Chặt tôi là ai? Ai là thọ, là tưởng, ai là hành, là thức, ai là người mắng, ai là người bị mắng, ai sanh lòng giận. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Thiền na mà nắm lấy Nhẫn nhục Ba la mật**.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Thiền na Ba la mật nhập các thiền định. Các thiền, các định và những tướng thiền chi đó sanh khởi những thứ thần thông: Đi trên nước như đất, vào trong đất như nước, có thiên nhĩ, biết tâm niệm người khác là loạn hay định, biết những đời trước, có thiên nhãn. Nương năm thần thông đó, Bồ Tát từ một Phật độ đến một Phật độ, thân cận cúng dường chư Phật để trồng căn lành, thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh. Đem công đức này cùng chung với tất cả chúng sanh hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Thiền na mà nắm lấy Tinh tấn Ba la mật.**

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Thiền na Ba la mật chẳng thấy có sắc, chẳng thấy có thọ, tưởng, hành, thức, chẳng thấy có sáu Ba la mật, chẳng thấy có tứ niệm xứ đến Nhất thiết chủng trí, chẳng thấy có tánh hữu vi, tánh vô vi, vì chẳng thấy có nên chẳng tác, vì chẳng tác nên chẳng sanh, vì chẳng sanh nên chẳng diệt. Tại sao vậy? Vì có Phật hay không Phật vẫn là

như: Pháp tướng, pháp tánh thường trụ, chẳng sanh, chẳng diệt. Bồ Tát này thường nhứt tâm đúng Nhất thiết chủng trí. Đây là Bồ Tát **an trụ Thiền na Ba la mật**.

6. Thế nào là an trụ Bát Nhã nắm lấy năm Ba la mật kia?

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát an trụ Bát nhã Ba la mật mà nắm lấy năm Ba la mật kia?

- Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Bát nhã Ba la mật: nội không, nội không bất khả đắc, ngoại không, ngoại không bất khả đắc, nội ngoại không, nội ngoại không bất khả đắc, không không, không không bất khả đắc, nhẫn đến nhứt thiết pháp không, nhứt thiết pháp không bất khả đắc. Bồ Tát an trụ trong mười bốn không đó, chẳng thấy có tướng sắc hoặc không hay chẳng không, chẳng thấy có tướng thọ, tưởng, hành, thức hoặc không hay chẳng không, nhẫn đến chẳng thấy có Vô thượng Bồ đề hoặc không hay chẳng không, chẳng thấy có tánh hữu vi, tánh vô vi hoặc không hay chẳng không. Bồ Tát này an trụ trong Bát nhã Ba la mật như vậy có bố thí đều quán bố thí không. Những gì là không? Người thí, kẻ thọ và tài vật đều không, chẳng để tâm niệm bỏn sẻn tham trước sanh khởi. Tại sao vậy? Đại Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng không có vọng tưởng phân biệt, như chư Phật lúc được Vô thượng Bồ đề không có tâm tham trước, đại Bồ Tát lúc hành Bát nhã Ba la mật cũng không có tâm tham trước. Chỗ đáng tôn trọng nhứt của Bồ Tát này chính là Bát nhã Ba la mật vậy. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Bát Nhã mà nắm lấy Bố thí Ba la mật.**

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Bát nhã Ba la mật chẳng sanh tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Với Bồ Tát này, bực Thanh Văn, Bích Chi Phật bất khả đắc, tâm xu hướng Thanh Văn, Bích Chi Phật cũng bất khả đắc. Bồ Tát này từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, trong khoảng thời gian đó tự mình chẳng sát sanh, chẳng bảo người sát sanh, hoan hỷ khen ngợi người chẳng sát sanh, nhẫn đến tự mình không tà kiến, chẳng bảo người tà kiến, ca ngợi pháp chẳng tà kiến, hoan hỷ khen ngợi người chẳng tà kiến. Do vì nhơn duyên trì giới này không có pháp nắm lấy được, hoặc bậc Thanh Văn, Bích Chi Phật huống là những pháp khác. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Bát Nhã nắm lấy Trì giới Ba la mật.**

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Bát nhã Ba la mật phát sanh tùy thuận pháp nhẫn, nghĩ rằng trong pháp này không có pháp gì hoặc sanh hoặc diệt, hoặc sanh hoặc tử, không có pháp gì hoặc chửi hoặc mắng, hoặc chém hoặc chặt, hoặc trói hoặc đánh, hoặc đạp hoặc giết. Bồ Tát này từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, nếu hoặc có tất cả chúng sanh đến mắng chửi, dùng dao gậy ngói đá chém chặt tổn hại, Bồ Tát chẳng động tâm, Bồ Tát nghĩ rằng: Rất lạ thay, trong pháp này chẳng có ai bị mắng giết tổn hại cả mà chúng sanh lại nhận sự khổ não này. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Bát Nhã nắm lấy Nhẫn nhục Ba la mật.**

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Bát nhã Ba la mật vì chúng sanh mà thuyết pháp khiến họ hành sáu Ba la mật, dạy họ tu tứ niệm xứ đến bát Thánh đạo, cho họ được quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chí Phật, cho họ được quả Vô thượng Bồ đề, chẳng an trụ trong tánh hữu vi, chẳng an trụ trong tánh vô vi. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Bát Nhã mà nắm lấy Tinh tấn Ba la mật.**

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát an trụ Bát nhã Ba la mật nhập tất cả các tam muội, ngoại trừ tam muội của chư Phật, hoặc tam muội của Thanh Văn, của Bích Chi Phật, của Bồ Tát đều hành, đều nhập cả. Nơi các tâm tam muội đó, Bồ Tát nghịch thuận xuất nhập **tám bội xả**: Bội xả thứ nhất là trong có sắc tướng ngoài quán sắc; bội xả thứ hai là trong không sắc tướng ngoài quán sắc; bội xả thứ ba là tịnh bội xả thân tác chứng; bội xả thứ tư là vượt qua tất cả sắc tướng, dứt diệt tướng có đối đãi, vì chẳng nghĩ nhớ các thứ sắc tướng nên nhập hư không vô biên xứ; bội xả thứ năm là vượt qua tất cả hư không xứ, nhập thức vô biên xứ; bội xả thứ sáu là vượt qua tất cả thức xứ; nhập vô sở hữu xứ; bội xả thứ bảy là vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, nhập phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; bội xả thứ tám là vượt qua tất cả phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập diệt thọ, tưởng, định. Nơi chánh định tám thứ bội xả, Bồ Tát này nghịch thuận xuất nhập **chín thứ đệ định**: Bốn thiền, bốn định vô sắc và diệt thọ tưởng định. Bồ Tát này nói tám bội xả và chín thứ đệ định mà nhập **sư tử phấn tấn tam muội**: Nhập sơ thiền, xuất sơ thiền, nhập nhị thiền, nhẫn đến xuất phi phi tưởng xứ định nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập phi phi tưởng xứ định nhẫn đến xuất nhị thiền, nhập sơ thiền. Bồ Tát này y nơi sư tử phấn tấn tam muội mà nhập **siêu việt tam muội***(2)*: Nhập sơ thiền, xuất sơ thiền nhập nhị thiền, nhẫn đến xuất phi phi tưởng xứ nhập diệt thọ tưởng định, xuất diệt tận

định nhập sơ thiền, xuất sơ thiền nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập nhị thiền, xuất nhị thiền nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập tam thiền, xuất tam thiền nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập hư không xứ, xuất hư không xứ nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập thức xứ, xuất thức, xứ nhập diệt tận định nhập thức xứ, xuất thức, xứ nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập vô sở hữu xứ, xuất vô sở hửu xứ nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập phi phi tưởng xứ, xuất phi phi tưởng xứ nhập diệt tận định nhập tán tâm ra tán tâm nhập diệt tận định, xuất diệt tận định lại nhập tán tâm, ra tán tâm nhập phi phi tưởng xứ, xuất phi phi tưởng xứ lại vào tán tâm, ra tán tâm nhập vô sỡ hữu xứ, xuất vô sở hữu xứ vào tán tâm, ra tán tâm nhập thức xứ, xuất thức xứ vào tán tâm, ra tán tâm nhập không xứ, xuất không xứ vào tán tâm, ra tán tâm nhập tứ thiền, xuất tứ thiền vào tán tâm, ra tán tâm nhập tam thiền, xuất tam thiền vào tán tâm, ra tán tâm nhập nhị thiền, xuất nhị thiền vào tán tâm, ra tán tâm nhập sơ thiền, xuất sơ thiền vào tán tâm. Bồ Tát này ở nơi siêu việt tam muội chứng được tướng bình đẳng của tất cả pháp. Đây là **đại Bồ Tát an trụ Bát Nhã mà nắm lấy Thiền na Ba la mật”**.

Thích nghĩa:

(1). Dẫn nhiếp hay tương nhiếp: Nhiếp phục lẫn nhau, cùng chung với nhau, chia sẻ cùng nhau.

(2). Các loại Thiền như Bát bội xả, Cửu thứ đệ định đã giải thích sơ lược ở phần thứ I Tổng luận. Còn các thứ Tam muội khác như Sư tử phấn tấn tam muội, Siêu việt tam muội được đức Phật giải thích ở phẩm “Dẫn Nhiếp”, Q.350, ĐBN, nên không cần ghi lại.

Sơ giải:

Bố thí có sức mạnh riêng của bố thí, trì giới có sức mạnh riêng của trì giới, các Ba la mật khác cũng như vậy. Tu bố thí thì được phước đức trong cõi trời người, tu tịnh giới tột cùng thì trở thành Thánh nhân, tu thiền có thể thành chư thiên trong nhị thập ngũ hữu thuộc ba cõi, tu Bát Nhã có trí tuệ thì hết vô minh si ám v.v... Kết quả của các pháp tu Ba la mật riêng rẽ chỉ có giới hạn, không thể thành tựu Giác ngộ, được Nhất thiết trí trí hay Chánh giác.

Nội lực của một pháp tu riêng rẽ không bằng tổng lực của sáu pháp tu Ba la mật hiệp lại. Chúng hỗ tương nhau, tạo thành một sức mạnh mới, dẫn nhiếp nhau để đưa đến một giới xứ cao hơn, nên mới nói là lục độ tương nhiếp. Như thế, người tu mới có hy vọng chứng ngộ cảnh giới cao nhất là Giác ngộ, thành tựu Nhất thiết trí trí và trở thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác.

Do đó, chư Phật mười phương ba đời luôn luôn chăm sóc các Ba la mật như các con chăm sóc mẹ hiền, và chư Phật cũng đồng hộ niệm cho những ai thọ trì, đọc tụng, vì người giảng nói, truyền bá rộng rãi sáu pháp Ba la mật này.

Phẩm này một lần nữa nhắc lại giáo pháp nhiếp phục lẫn nhau của lục Ba la mật, đã thuyết ở Q.47 đến Q.49, phẩm "Ma Ha Tát" rồi, nên ở đây không cần trùng tuyên nữa.

Muốn biết các Ba la mật tương nhiếp (dẫn nhiếp hay hỗ tương) nhau trước hết ***phải hiểu vai trò cũng như chức năng riêng rẽ của từng pháp Ba la mật*** *như bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, thiền định và Bát nhã Ba la mật, thời có thể thông suốt lực kết hợp hỗ tương của từng biệt tướng cũng như tổng tướng của các Ba la mật này như "xe lục mã", mỗi con ngựa có sức mạnh và biệt tài riêng rẽ nếu chủ xe biết phối hợp vị trí của từng con ngựa, chiếc xe sẽ chạy mạnh và nhanh hơn. Sự phối hợp của các Ba la mật trong việc tạo thành tinh thể Bồ Tát trong vai trò cứu độ chúng sanh cũng như thành tựu giác ngộ hay chứng đắc Nhất thiết trí cũng tương tự như vậy.*

Đó là ý nghĩa của phẩm "Lục Độ Tương Nhiếp" (6 độ hỗ tương nhau) này. Chúng tôi chỉ có thể giải thích đại cương như vậy. Chúng ta sẽ còn rất nhiều cơ hội để thọ trì về sự phối hợp kỳ diệu của 6 pháp Ba la mật này nhất là trong 6 pháp hội cuối cùng từ pháp hội thứ XI cho đến pháp hội thứ XVI trước khi chấm dứt thiên Tổng luận Đại Bát Nhã Ba La Mật./.

---o0o---

61. PHẨM "ĐA VẤN BẤT NHỊ"

Quyển 351 đến hết quyển 363, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương với phẩm "Đại Phương Tiện" và "Tam Huệ" quyển thứ 23, MHBNBLMĐ)

Gợi ý:

Phẩm "Đa Vấn Bất Nhị" của Kinh Đại Bát Nhã gồm tổng cộng 13 quyển (từ Q.351 đến Q.363). Phần đầu của phẩm nầy thuyết nhiều về 6 Ba la mật, coi đó là phương tiện thiện xảo để tiến đến Giác ngộ và đắc Nhất thiết trí trí. Phần sau nói nhiều về bất nhị với các câu hỏi và trả lời giữa Phật và cụ thọ Thiện Hiện với ý nghĩa "Hỏi nhiều nhưng chẳng hai".

Kinh MHBNBLMĐ không có phẩm riêng như phẩm "Đa Vấn Bất Nhị", nhưng lại có 2 phẩm tương đương có tên là phẩm "Đại Phương Tiện" và phẩm "Tam Huệ". Sự phân chia của Kinh MHBNBLMĐ tương đối rõ ràng, dễ học, nên chúng tôi cũng chia phẩm "Đa Vấn Bất Nhị" làm ***hai phần****: 1. Đại phương tiện và 2. Tam huệ, để dễ tóm lược và chiết giải. Về hình thức trình bày thì thấy có hai, nhưng văn nghĩa chẳng hai.*

Rất khó tóm lược một cách gãy gọn toàn phẩm "Đa Vấn Bất Nhị". Kinh thuyết nhiều giáo lý khác nhau, khó đúc kết trong một phẩm duy nhất. Nhưng nhờ đó mà chúng ta có cơ hội ôn lại một số giáo pháp cơ bản. Đó là lý do tại sao phẩm này có tên "nói tuy nhiều nhưng chẳng phải hai", cốt tủy của đạo Phật nằm trong phẩm này. Cố gắng thọ trì thôi.

Tóm lược chánh văn:

1. Phần đầu: Đại Phương Tiện.
(Phẩm "Đa Vấn Bất Nhị", Q.351 - Q.360, Hội thứ I, ĐBN)

Muốn thành tựu phương tiện thiện xảo, đại Bồ Tát từ lúc phát tâm trở đi phải trải qua trăm ngàn triệu kiếp, phải cúng dường hằng sa đức Phật, phải vun trồng không biết bao thiện căn, không lúc nào **đối với 6 Ba la mật mà chẳng tinh cần tu học viên mãn**, không lúc nào đối với 18 pháp Không mà chẳng tinh cần an trụ viên mãn; không có lúc nào đối với chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế v.v… mà chẳng tinh

cần an trụ viên mãn; không có lúc nào đối với 4 đế, 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ mà chẳng tinh cần tu tập viên mãn; không có lúc nào mà đối với 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao mà chẳng tinh cần an trụ viên mãn.

Đại Bồ Tát ấy từ lúc mới phát tâm trở đi, gieo trồng các thứ thiện căn viên mãn như trên. Do nhân duyên này mà thành tựu phương tiện thiện xảo như thế.

Đại Bồ Tát thành tựu phương tiện thiện xảo như thế, rất là hi hữu giống như mặt trời mặt trăng chiếu sáng bốn châu giúp hữu tình, phi tình hoàn thành sự nghiệp. Bát nhã Ba la mật chiếu sáng 5 Ba la mật như bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự và tùy theo thế lực của Bát nhã Ba la mật mà chuyển vận đều hoàn thành sự nghiệp của mình.

Năm Ba la mật đều do Bát Nhã nhiếp thọ, mới được gọi là Ba la mật; nếu lìa Bát Nhã thì 5 Ba la mật kia chẳng được gọi là Ba la mật. Như Chuyển luân vương, nếu không có xe bảy báu*(1)* thì không được gọi là Chuyển luân Thánh vương, cần phải có xe đầy đủ bảy loại báu mới được gọi là Chuyển luân Thánh vương. Bố thí cùng các Ba la mật khác cũng lại như thế, nếu chẳng được Bát Nhã nhiếp thọ, chẳng được gọi là Ba la mật, cần được Bát Nhã nhiếp thọ mới được tên là Ba la mật.

Như có nữ nhân giàu sang đoan chánh, nếu không được có người chồng khỏe mạnh bảo vệ, dễ bị ác nhân xâm hại. Bố thí cùng các Ba la mật khác cũng lại như thế, nếu không sức mạnh Bát Nhã nắm giữ, dễ bị thiên ma và quyến thuộc làm trở ngại.

Như có quân tướng khi lâm chiến, giỏi chuẩn bị giáp mũ dao gậy, lân quốc oán địch chẳng làm hại được. Bố thí cùng các Ba la mật cũng lại như thế, nếu chẳng xa rời Bát Nhã thẳm sâu, thiên ma quyến thuộc, kẻ tăng thượng mạn, kể cả Bồ Tát chiên đà la, đều chẳng làm hại được.

Như các tiểu vương châu Thiệm bộ, theo chầu Chuyển luân Thánh vương, nhờ vua mà được nhiều thắng sự. Bố thí cùng các Ba la mật khác cũng lại như vậy, thuận theo Bát Nhã, nhờ thế lực Bát Nhã dẫn nhiếp nên mau tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Như các dòng sông phía Đông của châu Thiệm bộ, đều chảy vào sông Hằng, cùng sông Hằng đổ ra biển cả. Bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự Ba la mật cũng giống như thế, đều được Bát nhã Ba la mật nhiếp dẫn nên có thể đạt đến quả vị Giác ngộ tối cao. Ví như các dòng nước

hoặc lớn, hoặc nhỏ đều đổ vào biển cả, đồng một vị mặn. Bố thí cùng các Ba la mật khác cũng lại như thế, đều được Bát Nhã nhiếp dẫn nên đồng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, do đây nên nói "năng đến bờ kia".

Như vua Chuyển luân đầy đủ bảy báu là xe báu, voi báu, ngựa báu, kho báu, nữ báu, tướng báu, ngọc như ý báu. Vua Chuyển luân này muốn đến chỗ nào, bốn quân bảy báu trước sau vây quanh hộ tống. Bấy giờ, xe báu dù đi trước mà chẳng phân biệt tướng trước sau. Bố thí cùng các Ba la mật khác cũng lại như thế, cùng các thiện pháp muốn tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tất lấy Bát nhã Ba la mật dẫn đường đi trước. Nhưng Bát nhã Ba la mật chẳng khởi nghĩ này: Ta đối bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự Ba la mật là tối cao dẫn đường đi trước, các Ba la mật kia tùy tùng theo ta. Bố thí cùng các Ba la mật khác cũng chẳng khởi nghĩ này: Bát Nhã thẳm sâu đi trước chúng ta, chúng ta lóc cóc theo sau. Vì sao? **Vì các Ba la mật và tất cả pháp <u>tự tánh trì độn</u>, không làm được việc gì, hư dối chẳng thật, rỗng không, vô sở hữu, tướng chẳng tự tại, in như ánh nắng, bóng sáng, trăng đáy nước, tượng trong gương v.v... Trong ấy tự tánh đều không, không có tác dụng chơn thật.**

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp, tự tánh đều không, không có tác dụng chân thật, thì tại sao đại Bồ Tát tinh cần tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật mà có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát đối với 6 phép Ba la mật nầy, khi siêng tu học, thường nghĩ: Hữu tình thế gian, tâm thường điện đảo, chịu khổ sanh tử, chẳng thể tự thoát. Nếu ta không tu phương tiện thiện xảo, thì chẳng có thể giải thoát khổ sanh tử kia. Ta sẽ vì các loài hữu tình, tinh cần tu học các phương tiện bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy nghĩ như thế xong, vì các hữu tình xả bỏ vật trong ngoài mà tu bố thí; đại Bồ Tát ấy, vì các hữu tình chẳng bao giờ phạm giới mà tu tịnh giới; vì các hữu tình chẳng khởi sân hận mà tu an nhẫn; vì các hữu tình tinh siêng tu học các thiện pháp, thường không giải đãi mà tu tinh tấn; đại Bồ Tát ấy vì các hữu tình tu các định thù thắng, không khởi tâm tán loạn mà tu tịnh lự; đại Bồ Tát ấy vì các hữu tình,

thường chẳng xa lìa Bát nhã Ba la mật mà siêng tu trí tuệ thù thắng vi diệu thế gian và xuất thế gian. Nhờ suy nghĩ, quan sát, tu hành như thế mà các đại Bồ Tát mau viên mãn các Ba la mật, chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh dẳng Bồ đề.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả thứ Ba la mật tánh không sai khác, đều được Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ, đều do Bát nhã Ba la mật mà được thành mãn, lẽ nên hợp làm một Ba la mật, chỗ gọi Bát nhã Ba la mật. Vì sao nói là Bát nhã Ba la mật đối năm Ba la mật trước là tối, là thắng, là tôn, là diệu, là thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng?

Phật bảo:

- Đúng vậy! Đúng lời ông nói! Sáu pháp Ba la mật này tánh không sai khác, đều được Bát nhã Ba la mật hộ trì. Nếu không có Bát nhã Ba la mật, thì năm Ba la mật như bố thí, an nhẫn v.v... không được gọi là Ba la mật. Phải nương vào Bát nhã Ba la mật, năm Ba la mật như bố thí, an nhẫn v.v... mới được gọi là Ba la mật. Vì vậy, 5 Ba la mật trước tùy thuộc Bát nhã Ba la mật, do đó nên nói chúng chỉ có một Ba la mật được gọi là Bát nhã Ba la mật.

Thiện Hiện phải biết, như các hữu tình dù có các thứ thân tướng sai khác, nếu ở gần núi chúa diệu cao đều đồng một sắc. Bố thí cùng năm Ba la mật kia cũng lại như thế, dù có các thứ phẩm loại sai khác, mà được Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ nên đều tu thành mãn. Các Ba la mật kia phải nương dựa Bát nhã Ba la mật mới năng vào Nhất thiết trí trí, mới được nói là “đến bờ kia”. Vì đều đồng một vị, tướng không sai khác, nên chẳng thể phân biệt đây là bố thí, đây là tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Thiện hiện! Sáu món Ba la mật như thế đồng năng vào Nhất thiết trí trí, đồng năng đến bờ kia, tướng không sai khác. Do nhân duyên đây, bố thí cùng năm Ba la mật kia tướng không sai khác.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Ba la mật và tất cả pháp, nếu theo thật nghĩa đều không có sai khác đây kia hơn kém thì vì duyên cớ gì nói Bát Nhã thẳm sâu đối với các Ba la mật kia là tối, là thắng, là trưởng, là tôn, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng?

Phật nói:

- Thiện hiện! Như vậy, như người vừa nói! Nếu theo thật nghĩa Ba la mật và tất cả pháp đều không có sai khác đây kia hơn kém, chỉ nương thế tục ngôn thuyết nói có đây kia, hơn kém sai khác, thi thiết đây là bố thí, thi thiết đây là tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Vì muốn độ thoát sanh lão bệnh tử cho các loại hữu tình thế tục, nhưng các sanh lão bệnh tử đều chẳng phải thật có, chỉ giả thi thiết. Vì sao? Vì hữu tình không vậy, nên phải biết các pháp cũng vô sở hữu. Bát Nhã thẳm sâu thông đạt tất cả các pháp đều vô sở hữu có thể cứu vớt hữu tình ra khỏi sanh, lão, bệnh, tử. Vì vậy nói, đối với năm Ba la mật, Bát nhã Ba la mật là tối, là thắng, là trưởng, là tôn, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng.

Hơn nữa, Thiện Hiện! Bởi Bát nhã Ba la mật đây dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, thường nhiếp lấy tất cả thiện pháp, hòa hợp vào Nhất thiết trí trí an trụ chẳng động, nên Ta hằng thường khen Bát nhã Ba la mật.

Bát nhã Ba la mật như thế, đối với các thiện pháp có thủ xả chăng?

Bát Nhã thẳm sâu đối với tất cả pháp **không thủ, không xả**. Vì sao? Vì tất cả pháp đều chẳng thủ, chẳng xả. Bát nhã Ba la mật đối với sắc không thủ không xả; đối với thọ, tưởng, hành, thức, không thủ không xả. Bát Nhã đối với mười hai xứ, mười tám giới không thủ không xả; đối với tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cũng chẳng thủ chẳng xả. Tại sao? Vì Bát Nhã chẳng tư duy sắc, vì vậy đối với sắc không thủ, không xả; chẳng tư duy thọ, tưởng, hành, thức, vì vậy đối với thọ, tưởng, hành, thức không thủ, không xả; Bát Nhã chẳng tư duy 12 xứ, 18 giới vì vậy đối với xứ, giới không thủ, không xả; **Bát Nhã chẳng tư duy tất cả pháp Phật nói chung, vì vậy đối với tất cả pháp Phật không thủ, không xả.**

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật đối với tất cả pháp như thế nào mà gọi là chẳng tư duy?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đối với tất cả pháp, Bát nhã Ba la mật chẳng nghĩ tưởng về **tướng**, cũng chẳng nghĩ tưởng về **sở duyên** của chúng, thì **gọi là chẳng tư duy về chúng.**

Nếu đại Bồ Tát chẳng nghĩ tưởng uẩn, xứ, giới và tất cả các pháp Phật thì làm sao tăng trưởng thiện căn đã gieo trồng? Nếu chẳng tăng trưởng thiện căn đã gieo trồng thì làm sao viên mãn Ba la mật? Nếu chẳng viên mãn Ba la mật, làm sao có thể đắc Nhất thiết trí trí? Nếu đại Bồ Tát **chẳng nghĩ tưởng uẩn, xứ, giới và tất cả pháp Phật thì khi ấy đại Bồ Tát có thể tăng trưởng thiện căn đã gieo trồng**. Vì thiện căn đã gieo trồng được tăng trưởng nên có thể viên mãn Ba la mật; vì Ba la mật được viên mãn nên có thể chứng đắc Nhất thiết trí.Vì sao? **Vì các đại Bồ Tát không nghĩ tưởng, tư duy uẩn, xứ, giới và tất cả pháp Phật mới có đủ khả năng tu Bồ Tát hạnh, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật.**

Vì lý do gì mà các đại Bồ Tát không nghĩ tưởng, tư duy uẩn, xứ, giới và tất cả pháp Phật mới có đủ khả năng tu Bồ Tát hạnh, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao ? Nếu đại Bồ Tát nghĩ tưởng, tư duy uẩn, xứ, giới và tất cả pháp Phật **thì nhiễm trước cõi Dục, Sắc, Vô sắc**. Nếu nhiễm trước cõi Dục, Sắc, Vô sắc, thì chẳng có đủ khả năng tu Bồ Tát hạnh, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Trái lại, nếu chẳng nhiễm trước cõi Dục, Sắc, Vô sắc thì có đủ khả năng tu Bồ Tát hạnh, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Vì vậy, nếu đại Bồ Tát muốn tu Bồ Tát hạnh, muốn chứng quả vị Giác ngộ thì phải siêng năng tu học Bát nhã Ba la mật thậm thâm, chẳng nên tư duy, nhiễm trước các pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! **<u>Nếu đại Bồ Tát tinh cần tu học Bát nhã Ba la mật thậm thâm, thì nên an trụ ở đâu?</u>**

Phật nói:

- Nếu đại Bồ Tát tinh cần tu học Bát nhã Ba la mật thậm thâm thì chẳng nên trụ trong uẩn, xứ, giới và tất cả pháp Phật. Vì sao? Vì đối với tất cả pháp không khởi chấp trước, nên chẳng trụ dù trụ trong quả vị Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy chẳng thấy có pháp nào ở trong đó có thể khởi chấp trước và an trụ. Như vậy, đại Bồ Tát phải dùng tâm không chấp trước và không an trụ làm phương tiện để tu hành Bát Nhã thậm thâm.

Nếu không chấp trước, không an trụ như thế là tu hành thậm thâm Bát nhã Ba la mật, có khả năng mau chứng Vô thượng Bồ đề. Trái lại **thủ tướng chấp trước thì xa lìa Bát nhã Ba la mật**, nếu xa lìa Bát Nhã thì xa

lìa tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí, cũng xa lìa pháp không nội, pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không…cho đến pháp không không tánh tự tánh; xa lìa chơn như, pháp giới, pháp tính, pháp định, pháp trụ, thật tế v.v… cũng xa lìa Thánh đế khổ, Thánh đế tập, diệt, đạo; cũng xa lìa 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; cũng xa lìa 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ; cũng xa lìa 37 pháp trợ đạo; cũng xa lìa tam giải thoát môn; cũng xa lìa 5 loại mắt, 6 phép thần thông, Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng; cũng xa lìa pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng xa lìa Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; cũng xa lìa tất cả pháp môn Đà la ni, Tam ma địa; cũng xa lìa Bồ Tát hạnh; cũng xa lìa quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật. Vì sao? Vì Bát Nhã thậm thâm là tất cả hạt giống của bạch pháp*(2)*. Nếu từ bỏ Bát nhã Ba la mật tức là từ bỏ tất cả bạch pháp.

Nếu Bồ Tát nghĩ tưởng Bát nhã Ba la mật có khả năng nhiếp thọ các Ba la mật như bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, cũng nhiếp thọ khắp pháp không nội cho đến pháp không không tánh tự tánh; cũng nhiếp thọ khắp chơn như, pháp giới, pháp tính, pháp định, pháp trụ, thật tế v.v… cũng nhiếp thọ khắp tứ đế; cũng nhiếp thọ khắp tất cả Bồ Tát hạnh; cũng nhiếp thọ khắp quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật. **Nếu đại Bồ Tát ấy nghĩ tưởng như thế thì thối thất Bát nhã Ba la mật**; nếu thối thất Bát nhã Ba la mật thì chẳng có khả năng nhiếp thọ lục Ba la mật; cũng chẳng có khả năng nhiếp thọ pháp không nội, pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không v.v…; cũng chẳng có khả năng nhiếp thọ Bồ Tát hạnh; cũng chẳng có khả năng nhiếp thọ quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? **Vì chẳng phải lìa Bát nhã Ba la mật** mà có thể nhiếp thọ khắp thiện pháp thù thắng và chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Hoặc đại Bồ Tát nghĩ tưởng như thế này: An trụ Bát nhã Ba la mật thì đối với quả vị Giác ngộ tối cao, nhất định được thọ ký. Nếu đại Bồ Tát ấy nghĩ tưởng như thế thì thối thất Bát Nhã thậm thâm; nếu thối thất Bát nhã Ba la mật, thì đối với quả vị Giác ngộ chẳng được thọ ký. Vì sao? Vì chẳng phải lìa Bát nhã Ba la mật mà có thể được thọ ký.

Hoặc đại Bồ Tát nghĩ tưởng như thế này: An trụ Bát nhã Ba la mật thì có thể dẫn phát khắp bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự; cũng an trụ tất cả pháp… Nếu đại Bồ Tát nghĩ tưởng như thế thì **thối thất Bát**

Nhã; nếu thối thất Bát Nhã, thì chẳng có khả năng dẫn phát lục Ba la mật; cũng chẳng có khả năng an trụ tất cả pháp. Vì chẳng phải lìa Bát nhã Ba la mật mà có khả năng dẫn phát an trụ khắp thiện pháp.

Hoặc đại Bồ Tát nghĩ: Phật biết các pháp không có tướng nhiếp thọ, tự chứng quả vị Giác ngộ tối cao, đã đắc Bồ đề rồi, vì các hữu tình tuyên thuyết, khai thị thật tướng các pháp. Nếu đại Bồ Tát ấy nghĩ tưởng như thế thì bị thối thất Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Vì sao? **Vì Như Lai đối với pháp không tri, không giác, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì thật tướng các pháp chẳng thể hiểu biết, chẳng thể an lập, thì làm sao đạt được cái có hiểu, có biết, có nói, có chỉ.**

Các pháp vô sở hữu, bất khả đắc. Nếu pháp vô sở hữu, bất khả đắc thì không có khả năng biểu hiện sự hiểu biết, cũng không có khả năng nói, chỉ. Nếu hành như thế là hành Bát nhã Ba la mật, xa lìa các lầm lỗi. Bát nhã Ba la mật thậm thâm đối với tất cả pháp, không có sự chấp trước, không có sự nhiếp thọ. Nếu đối với các pháp có chấp trước, có nhiếp thọ thì xa lìa Bát nhã Ba la mật. *(Q. 353, ĐBN)*

Bát nhã Ba la mật đối với Bát nhã Ba la mật là xa lìa hay chẳng xa lìa? Tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí, đối với tịnh lự cho đến bố thí Ba la mật là xa lìa hay chẳng xa lìa? Nói chung, nếu mười tám pháp không đối với mười tám pháp không… cho đến Nhất thiết trí đối với Nhất thiết trí xa lìa hay chẳng xa lìa, thì làm sao đại Bồ Tát có thể tránh được chấp trước mà dẫn phát Nhất thiết trí? Nếu Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí đối với Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí xa lìa hay chẳng xa lìa, thì làm sao đại Bồ Tát có thể tránh được chấp trước mà dẫn phát Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí?

Bát nhã Ba la mật đối Bát nhã Ba la mật chẳng xa lìa chẳng phải chẳng xa lìa. Vậy nên, đại Bồ Tát tránh được chấp trước mà dẫn phát Bát nhã Ba la mật. Tĩnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật đối tĩnh lự cho đến bố thí Ba la mật **chẳng xa lìa chẳng phải chẳng xa lìa**. Vậy nên, đại Bồ Tát có thể tránh được chấp trước dẫn phát tĩnh lự cho đến bố thí Ba la mật. Nói rộng ra, 18 pháp Không đối với 18 pháp Không… cho đến Nhất thiết trí đối với Nhất thiết trí **chẳng xa lìa hay chẳng phải chẳng xa lìa**. Vậy nên, đại Bồ Tát tránh được chấp trước mà dẫn phát Bát Nhã. Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí đối với Đạo tướng trí, Nhất thiết

tướng trí chẳng xa lìa hay chẳng phải chẳng xa lìa. Vậy nên, đại Bồ Tát tránh được chấp trước mà dẫn phát Bát nhã Ba la mật.

(Bát nhã Ba la mật đối với Bát nhã Ba la mật chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa. Vì tất cả pháp đều không, pháp không không thể xa lìa pháp không. Vả lại, xa lìa hay chẳng xa lìa là nhị biên đối đãi. Không rơi vào nhị biên đối đãi thì tránh được phân biệt chấp trước. Nếu không phân biệt chấp trước đại Bồ Tát có thể dẫn phát Bát nhã Ba la mật. Tất cả pháp đối với tất cả các pháp cũng lại như thế. Nếu xa lìa hay chẳng xa lìa đều bỏ thì không rơi vào nhị biên đối đãi, nghĩa là không còn phân biệt chấp trước, tâm thể mới được rỗng rang, thì làm gì cũng được tự tại. Vì sao? Vì chẳng phải chính tự tánh, chẳng phải lìa tự tánh, mà năng an trụ dẫn phát tự tánh. Đó là ý nghĩa của đoạn Kinh nói trên).

Các Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật chẳng chấp trước sắc rằng đây là sắc, sắc đây thuộc kia. Cũng chẳng chấp trước thọ tưởng hành thức rằng đây là thọ tưởng hành thức, thọ tưởng hành thức đây thuộc kia. Như vậy cho đến chẳng chấp trước Nhất thiết trí trí rằng đây là Nhất thiết trí trí, Nhất thiết trí trí đây thuộc kia.

Bồ Tát này đối tất cả pháp như thế vì không chấp trước nên mới năng dẫn phát được Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Cho đến năng dẫn phát được Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì nếu Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật, đối với các pháp có sở chấp trước rằng đây là pháp, pháp đây thuộc kia, thời chẳng năng tùy ý dẫn phát được công đức an trụ thắng diệu.

(Đại Bồ Tát khi hành sâu Bát Nhã cho đây là sắc hay cho đây không phải sắc. Một khi xác nhận hay phủ nhận là có chấp. Chấp bất cứ dưới hình thức nào cũng đều thiên lệch. Chấp đây, chấp kia đều là phiền não. Vô kiến, vô chấp mới chính là Bát Nhã. Đại Bồ Tát, đối với tất cả pháp không thủ tâm chấp đắm, nên có thể dẫn phát Bát Nhã, cũng có thể dẫn phát các Ba la mật, nên cũng có thể an trụ tất cả các pháp).

Đại Bồ Tát khi <u>hành sâu Bát nhã Ba la mật, chẳng quán tất cả pháp hoặc thường hoặc vô thường</u>, hoặc lạc hoặc khổ, hoặc ngã hoặc

vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc vắng lặng hoặc chẳng vắng lặng, hoặc viễn ly hoặc chẳng viễn ly.

Đại Bồ Tát ấy, đối với tất cả pháp, vì chẳng quán sát như thế **nên có khả năng dẫn phát Bát nhã Ba la mật**; cũng có khả năng dẫn phát tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí và cũng có khả năng dẫn phát tất cả pháp Phật.

Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, tức tu hành lục Ba la mật, tức cũng tu hành tất cả Phật pháp. Bát nhã Ba la mật nầy tùy chỗ đi, tất cả các Ba la mật và các Bồ đề phần pháp*(3)* khác đều đi theo; tùy chỗ đến, tất cả các Ba la mật và các Bồ đề phần khác đều theo đến. Như Chuyển luân Thánh vương có bốn đội quân dõng mãnh tùy theo vị Luân vương ấy đi đâu thì bốn đội quân dõng mãnh ấy đều đi theo; tùy theo vị Luân vương ấy đến chỗ nào thì bốn đội quân dõng mãnh ấy đều theo đến. Bát Nhã thậm thâm cũng lại như vậy, tùy chỗ đi và tùy chỗ đến, tất cả các Ba la mật và các Bồ đề phần khác đều đi theo, cứu cánh vẫn là Nhất thiết trí trí.

Như người đánh xe giỏi, tránh đường hiểm yếu, đi trên chánh lộ, có thể đến chỗ muốn đến. Bát Nhã cũng như vậy, khéo điều chỉnh tất cả Ba la mật và các Bồ đề phần pháp khác, tránh được đường hiểm yếu sanh tử, đi trên đường chánh tự lợi lợi tha, đến chỗ sở cầu là Nhất thiết trí trí.

<u>Thế nào là đạo, thế nào là chẳng phải đạo của đại Bồ Tát?</u>

Đạo của phàm phu, đạo của Thanh văn, đạo của Độc giác chẳng phải là đạo của Bồ Tát. Đạo tự lợi lợi tha là đạo của các đại Bồ Tát; đạo Nhất thiết trí trí là đạo của các đại Bồ Tát; đạo chẳng trụ sanh tử và Niết bàn là đạo của các đại Bồ Tát. Đó là đạo và chẳng phải đạo của đại Bồ Tát.

Bát Nhã thậm thâm xuất hiện thế gian là vì đại sự, đó là chỉ rõ cho các đại Bồ Tát tướng đạo và chẳng phải đạo để cho các đại Bồ Tát biết đó là đạo, đó chẳng phải là đạo, có thể mau chứng đắc Nhất thiết trí trí. Bát Nhã xuất hiện thế gian là vì đại sự, đó là độ thoát vô lượng, vô số, vô biên hữu tình đạt được lợi ích an lạc. Bát Nhã tuy đem lại vô biên lợi lạc cho hữu tình, nhưng đối với việc nầy cũng **không thủ trước**.

Bát Nhã thậm thâm tuy thường chỉ rõ tác dụng của sắc nhưng đối với việc nầy không chấp trước; tuy thường chỉ rõ tác dụng của thọ, tưởng, hành, thức nhưng đối với việc nầy không chấp trước. Bát Nhã tuy thường

chỉ rõ tác dụng của tất cả pháp Phật nhưng đối với việc nầy không chấp trước. Bát Nhã dẫn đạo Bồ Tát khiến hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, nhất định nửa chừng chẳng thối chuyển. Bát Nhã tuy khiến đại Bồ Tát xa lìa bậc Thanh văn, Độc giác, lại thân cận quả vị Vô thượng Bồ đề, nhưng đối với các pháp không khởi không diệt, vì lấy tánh an trụ của pháp làm định lượng *(hay nói khác là lấy an trụ pháp tánh làm định lượng)*.

Nếu Bát Nhã thậm thâm **<u>đối với tất cả pháp không khởi không diệt</u>**, thì tại sao đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm phải tu bố thí, phải tu tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật?

Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm nên duyên với Nhất thiết trí trí, vì các hữu tình mà tu bố thí, tu tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ Tát ấy đem thiện căn nầy ban cho các hữu tình cùng có như nhau, hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao; khi hồi hướng phải xa lìa ba tâm: Ai hồi hướng, hồi hướng để làm gì, hồi hướng cho ai. Đại Bồ Tát ấy đem thiện căn này hồi hướng mong cầu quả vị Giác ngộ như thế thì tu sáu phép Ba la mật mới mau viên mãn; cũng tu từ, bi, hỷ, xả mau viên mãn. Do đó, chóng chứng đắc Nhất thiết trí trí, cho đến an tọa tòa Bồ đề nhiệm mầu, thường chẳng xa lìa sáu phép Ba la mật. Nếu đại Bồ Tát chẳng lìa sáu phép Ba la mật thì chẳng lìa Nhất thiết trí trí. Vì vậy, nếu đại Bồ Tát muốn được mau chứng sở cầu quả vị Giác ngộ thì phải siêng năng tinh tấn tu học sáu phép Ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát thường siêng năng tinh tấn tu hành sáu phép Ba la mật như thế, thì tất cả thiện căn mau được viên mãn, chóng chứng quả vị Giác ngộ tối cao. Vì vậy, các Đại Bồ Tát nên thường cùng tương ưng với sáu phép Ba la mật, chẳng nên lìa nhau.

Tại sao đại Bồ Tát <u>thường cùng tương ưng*(4)* với 6 phép Ba la mật, chẳng lìa bỏ nhau?</u>

Nếu đại Bồ Tát quán như thật về sắc chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng; quán như thật về thọ, tưởng, hành, thức chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, thì đại Bồ Tát ấy, thường cùng tương ưng với sáu phép Ba la mật, chẳng lìa bỏ nhau. Nếu đại Bồ Tát quán như thật về mười hai xứ, mười tám giới, bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối

cao chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, thì đại Bồ Tát ấy, thường cùng tương ưng với sáu phép Ba la mật, chẳng lìa bỏ nhau.

Nếu đại Bồ Tát luôn nghĩ thế này: Ta chẳng nên trụ sắc, cũng chẳng nên trụ thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì **sắc chẳng phải năng trụ, chẳng phải sở trụ**; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải năng trụ, chẳng phải sở trụ, thì đại Bồ Tát ấy, thường cùng tương ưng với sáu phép Ba la mật, chẳng lìa bỏ nhau. Nếu đại Bồ Tát luôn nghĩ thế này: Ta chẳng nên trụ mười hai xứ, mười tám giới, bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, mười tám pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao. Nếu Bồ Tát đối với tất cả pháp **Phật cũng chẳng phải năng trụ, chẳng phải sở trụ, thì đại Bồ Tát ấy, thường cùng tương ưng với 6 phép Ba la mật, chẳng lìa bỏ nhau.**

Nếu đại Bồ Tát thường dùng **phương tiện vô trụ** như thế để tu hành 6 phép Ba la mật, thì đại Bồ Tát ấy, mau chứng Vô thượng Bồ đề. Giống như người muốn ăn quả Am một la (quả xoài) hoặc quả Bán na ta (giống quả bí đao) thì trước hết phải gieo giống, sau đó tưới bón, chăm sóc cho đến khi cây đơm bông ra quả, thâu hoạch mà thưởng thức mùi vị của nó. Cũng vậy, đại Bồ Tát muốn thành thục tất cả hữu tình, muốn nghiêm tịnh cõi Phật, muốn mau an tọa tòa Bồ đề, muốn có khả năng hàng phục ma quân, muốn chóng chứng đắc Nhất thiết trí trí, muốn chuyển pháp luân cứu thoát sanh lão bệnh tử cho hữu tình, thì nên học sáu phép Ba la mật, dùng tứ nhiếp hóa nhiếp thọ các loại hữu tình. Muốn được như thế thì đại Bồ Tát đối với Bát nhã Ba la mật phải thường tinh cần tu học:

- Đại Bồ Tát nên đối với <u>Bát nhã Ba la mật **thường tinh cần tu học** *(những gì)*</u>?

Nếu đại Bồ Tát đối với các pháp muốn được đại tự tại thì nên học **Bát nhã Ba la mật**. Vì sao? Vì Bát Nhã thậm thâm, có khả năng khiến cho Bồ Tát đối với tất cả pháp được tự tại. Bát Nhã là phương tiện sanh trưởng, là cửa ngõ hướng đến các thiện pháp. Vì vậy, chúng sanh cầu Thanh văn thừa, chúng sanh cầu Độc giác thừa, Bồ Tát thừa đều nên đối với Bát Nhã thậm thâm này thường tinh cần tu học.

Các đại Bồ Tát đối với Bát Nhã nầy khi tinh cần tu học thì nên **tinh cần tu học bố thí, nên tinh cần tu học tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh tự**; nên tinh cần an trụ **18 pháp không**; nên tinh cần tu học chân như, pháp

giới, pháp tính, pháp định, pháp trụ, thật tế v.v…; nên tinh cần tu học 4 đế, 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ; nên tinh cần tu học 37 pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. *(Nghĩa là tinh cần tu học tất cả pháp mầu Phật đạo)*

Như người bắn tên giỏi, có áo mũ kiên cố, tay cầm cung tên tốt, chẳng sợ oán địch. Đại Bồ Tát cũng giống như thế, nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật, nhiếp thọ tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí; nhiếp thọ tất cả pháp Phật. Khi nhiếp thọ các công đức như thế đều lấy Bát nhã Ba la mật làm phương tiện. Do nhân duyên nầy, tất cả ma quân, ngoại đạo, các luận thuyết khác đều chẳng thể hàng phục được. Vì vậy, nếu đại Bồ Tát muốn chứng quả vị Giác ngộ tối cao thì nên tinh cần tu học Bát Nhã thậm thâm. Nếu đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã như thế thì được chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều hộ niệm.

- <u>Đại Bồ Tát hành Bát Nhã như thế nào thì được chư Phật ba đời hộ niệm?</u>

Nếu đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật mà **thường hành bố thí**, thường hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự thì được chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại hộ niệm. Nếu đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã mà thường hành 18 pháp không; thường hành chân như, pháp giới, pháp tính, pháp định, pháp trụ, thật tế v.v…; thường hành 4 đế, 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến; thường hành 37 pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí… thì được chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại hộ niệm. *(Tức hành 6 pháp Ba la mật và tất cả các pháp mầu Phật đạo thì được chư Phật 10 phương hộ niệm).*

- Tại sao khi hành lục Ba la mật như thế thì **<u>được chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại hộ niệm?</u>**

Vì đại Bồ Tát ấy, khi hành bố thí, **quán bố thí chẳng thể nắm bắt được**, nên được chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại hộ niệm; khi hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát Nhã; quán tịnh giới cho đến Bát Nhã chẳng thể nắm bắt được, nên được chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại hộ niệm. Vì đại Bồ Tát ấy, khi hành 18 pháp không v.v… cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; quán 18 pháp không v.v... chẳng thể nắm bắt được, nên được chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại hộ niệm.

Bố thí bất khả đắc, trì giới nhẫn đến Nhất thiết chủng trí bất khả đắc. Đại Bồ Tát chẳng thể nắm bắt được các pháp như vậy thì chư Phật đều hộ niệm. Vì chư Phật chẳng niệm sắc, chẳng niệm thọ, tưởng, hành, thức cả đến chẳng niệm Nhất thiết chủng trí.

(Thế nào là học tướng lược tướng rộng của tất cả pháp?)

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát chỗ học tuy rất nhiều, nhưng thật ra không chỗ học?

- Đúng như vậy. Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát tuy chỗ học rất nhiều, nhưng thật ra không chỗ học. Tại sao? **Chỗ học các pháp đều bất khả đắc**.

- Bạch đức Thế Tôn! Chỗ thuyết pháp của đức Phật hoặc*(giản)* lược, hoặc*(giải)* rộng, ở trong các pháp đó, chư đại Bồ Tát muốn cầu Vô thượng Bồ đề, đối với 6 Ba la mật đều phải thọ trì, đọc tụng, rồi suy gẫm chánh quán, thì tâm và tâm sở đối với tướng sở duyên chẳng chuyển nữa.

- Này Thiện Hiện! Đúng như vậy. Đại Bồ Tát học 6 Ba la mật hoặc giản lược, hoặc giải rộng thì phải biết tướng lược, tướng rộng của tất cả pháp.

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát biết tướng lược, rộng của tất cả pháp thế nào?

- Này Tu Bồ Đề! Biết **sắc như***(5)*; biết thọ, tưởng, hành, thức như, nhẫn đến biết Nhất thiết chủng trí như. Đó là biết được tướng lược và rộng của tất cả pháp.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là sắc như, thế nào là thọ, tưởng, hành, thức như, nhẫn đến Nhất thiết chủng trí như?

- Này Thiện Hiện! **Sắc như: "Không sanh, không diệt, không trụ, không dị, đây gọi là sắc như. Nhẫn đến Nhất thiết chủng trí như: Không sanh, không diệt, không trụ, không dị, đây gọi là Nhất thiết chủng trí như. Trong đây đại Bồ Tát cần phải học"**.

- Cụ thọ Thiện Hiên bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát phải biết thế nào là **sắc thật tế***(6)*; thế nào thọ, tưởng, hành, thức thật tế mà tu học, để đối với tất cả pháp rõ biết như thật tướng lược, hay rộng?

- Này Thiện Hiện! **Sắc không có ngần mé, đó là sắc thật tế***(sắc vô tế, vô tế là thật tế)*; thọ, tưởng, hành, thức không có ngần mé, đó là thọ, tưởng, hành, thức thật tế, các đại Bồ Tát rõ biết như thật mà tu học, để đối với tất cả pháp, như thật rõ biết tướng lược, tướng rộng; mười hai xứ, mười tám giới, bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, mười tám pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao không có ngần mé, đó là mười hai xứ thật tế, mười tám giới thật tế v.v… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao thật tế, các đại Bồ Tát rõ biết như thật mà tu học, để đối với tất cả pháp, như thật rõ biết tướng lược, tướng rộng.

Cụ thọ Thiện Hiên bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là **sắc pháp giới***(7)*, thế nào là thọ, tưởng, hành, thức pháp giới để các đại Bồ Tát rõ biết như thật mà tu học, để đối với tất cả pháp, rõ biết như thật tướng lược, tướng rộng?

- Này Thiện Hiện! Cảnh giới hư không là sắc pháp giới; **sắc pháp giới này không đoạn, không diệt, không phân biệt mà có thể an lập, đó là sắc pháp giới**; các đại Bồ Tát như thật rõ biết mà tu học, để đối với tất cả pháp, rõ biết như thật tướng lược, tướng rộng. Cảnh giới hư không là thọ, tưởng, hành, thức, đó là thọ, tưởng, hành, thức pháp giới; thọ, tưởng, hành, thức pháp giới này cũng không đoạn, không diệt, không phân biệt mà có thể an lập, đó là thọ, tưởng, hành, thức pháp giới, các đại Bồ Tát rõ biết như thật, cần phải tu học để đối với tất cả pháp, rõ biết như thật tướng lược, tướng rộng. Tất cả pháp Phật cũng lại như thế. **Cảnh giới hư không là tất cả pháp Phật, đó là tất cả pháp Phật pháp giới; tất cả pháp Phật pháp giới này không đoạn, không diệt, không phân biệt mà có thể an lập, đó là tất cả pháp Phật pháp giới; các đại Bồ Tát rõ biết như thật, cần phải tu học để đối với tất cả pháp, rõ biết như thật tướng lược, tướng rộng v.v...**

(Sắc như, sắc pháp giới, sắc pháp tánh, sắc thật tế... chẳng đổi dời, không trụ, không dị, không phân biệt, vô biên vô tận, không đoạn không diệt, chẳng lúc nào chẳng như. Như đó là như thường tại, nên nói là bình đẳng, cũng là chân như thật tướng của tất cả pháp. Biết như vậy là biết tướng lược tướng rộng của tất cả pháp).

(Tất cả pháp chẳng hợp chẳng tan?)

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát lại phải **làm thế nào để biết tướng lược, tướng rộng của tất cả pháp?**

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát rõ **biết như thật tất cả pháp chẳng hợp chẳng tan,** thì đại Bồ Tát ấy, sẽ biết tướng lược, tướng rộng của tất cả pháp.

- Bạch Thế Tôn! Pháp nào là pháp chẳng hợp chẳng tan?

- Này Thiện Hiện! Sắc chẳng hợp, chẳng tan; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng hợp, chẳng tan. Không những tất cả pháp Phật chẳng hợp chẳng tan mà cảnh giới hữu vi chẳng hợp, chẳng tan; cảnh giới vô vi cũng chẳng hợp, chẳng tan. Vì sao? **Vì các pháp như thế đều không có tự tánh; nếu không có tự tánh thì không có sở hữu; nếu vô sở hữu thì chẳng thể nói có hợp có tan**. Các đại Bồ Tát đối với tất cả pháp, rõ biết như thế, thì có khả năng rõ biết tướng lược, tướng rộng.

Như vậy, gọi là lược nhiếp *(tóm lược)* sáu phép Ba la mật, các đại Bồ Tát nếu đối với pháp ấy mà tu học thì có khả năng làm được nhiều việc. Bát nhã Ba la mật tóm lược như thế, đại Bồ Tát sơ phát tâm nên tu học, cho đến đại Bồ Tát thập địa cũng nên tu học. Nếu đại Bồ Tát học Bát nhã Ba la mật tóm lược này, thì đối với tất cả pháp, biết tướng lược, tướng rộng. Pháp môn như thế, hàng đại Bồ Tát lợi căn có thể nhập, hàng đại Bồ Tát trung căn cũng có thể nhập, hàng đại Bồ Tát định căn có thể nhập, hàng đại Bồ Tát bất định căn*(8)* cũng có thể nhập. **Pháp môn như thế không chướng, không ngại; nếu đại Bồ Tát truy cứu tu học thì không thể không nhập**. Pháp môn như thế chẳng phải là đối tượng có thể nhập của kẻ lười biếng, kẻ kém tinh tấn, kẻ mất chánh niệm, kẻ tán loạn, kẻ ác tuệ. Pháp môn như thế, chỉ người siêng năng tinh tấn, người trụ chánh niệm, người khéo nhiếp tâm, người tu diệu tuệ mới có thể nhập. Nếu đại Bồ Tát muốn trụ bậc bất thối chuyển, muốn trụ bậc thập địa, muốn trụ bậc Nhất thiết trí trí thì phải tinh cần phương tiện nhập pháp môn này.

Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát y Bát Nhã nói mà học thì có thể chứng đắc tất cả pháp mầu Phật đạo, mau dứt trừ tất cả nghiệp chướng, tiến gần sở cầu Nhất thiết trí trí. Nếu đại Bồ Tát hành Bát Nhã ấy, tu Bát Nhã ấy, tập Bát Nhã ấy, thì đại Bồ Tát liền được tất cả Như Lai Chánh Đẳng Giác hiện tại đang trụ trì diễn thuyết chánh pháp trong

vô lượng, vô số, vô biên thế giới khắp mười phương cùng hộ niệm. Vì sao? Vì chư phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều từ Bát nhã Ba la mật như vậy xuất sanh. Nếu đại Bồ Tát năng hành Bát Nhã, siêng tu học Bát Nhã như thế thì các Bồ Tát này mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vậy nên, các đại Bồ Tát chẳng nên lìa tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí mà tu hành Bát nhã Ba la mật.

Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát đối với Bát nhã Ba la mật nầy, như thật tu hành hoặc chừng khoảng khẩy ngón tay, hoặc nửa ngày hay một ngày, một tháng, trăm ngày, một năm, hoặc trăm năm, một kiếp, trăm kiếp, nhẫn đến hoặc vô lượng, vô biên, vô số kiếp, Bồ Tát đó tu Bát Nhã này được phước đức rất nhiều, hơn là dạy tất cả chúng sanh trong hằng sa thế giới ở mười phương bố thí, trì giới, tịnh lự, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, được quả Tu Đà Hoàn đến quả Bích Chi Phật.

Thiện Hiện! Nếu có đại Bồ Tát an trụ đúng như Bát nhã Ba la mật đã nói, phải biết đó là bậc Bồ Tát bất thối chuyển, sẽ thành tựu phương tiện thiện xảo tối thắng, sẽ đắc biện tài vô tận, sẽ đắc pháp Đà la ni thù thắng, thành tựu sắc thân vi diệu tối thượng, đã được chư Phật thọ ký viên mãn; tùy theo sự ưa thích, vì độ các hữu tình mà thọ sanh các loại thân hình, đều được tự tại. Nên biết, đại Bồ Tát ấy **thông thạo môn sở duyên, thông thạo môn hành tướng,** thông thạo môn tự, thông thạo môn phi tự, thông thạo ngôn, thông thạo bất ngôn, thông thạo một ngôn ngữ, thông thạo hai ngôn ngữ, hay nhiều ngôn ngữ, thông thạo ngôn ngữ nam, thông thạo ngôn ngữ nữ, thông thạo ngôn ngữ phi nam nữ, thông thạo ngôn ngữ quá khứ, thông thạo ngôn ngữ vị lai, ngôn ngữ hiện tại, thông thạo văn chương, thông thạo ý nghĩa.

Thiện Hiện! Nên biết đại Bồ Tát ấy thông thạo sắc, thông thạo thọ, tưởng, hành, thức, thông thạo uẩn, xứ, giới, thông thạo duyên khởi, thông thạo các chi duyên khởi, thông thạo tánh thế gian, thông thạo tánh Niết bàn; thông thạo tướng pháp giới, thông thạo tướng hành, thông thạo chẳng phải tướng hành, thông thạo tướng hữu vi, tướng vô vi, thông thạo tướng tướng, thông thạo tướng phi tướng, thông thạo hữu, thông thạo phi hữu, thông thạo tự tánh, thông thạo tha tánh, thông thạo hợp, thông thạo tan, thông thạo hợp tan, thông thạo tương ưng, thông thạo bất tương ưng, thông thạo tương ưng bất tương ưng; thông thạo chơn như, thông thạo pháp tánh, pháp giới, pháp định, pháp trụ, thật tế v.v…; thông thạo tánh

duyên, thông thạo tánh phi duyên, thông thạo tất cả pháp Phật; thông thạo cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi, thông thạo cảnh giới, thông thạo phi cảnh giới. Nên biết đại Bồ Tát ấy thông thạo **tác ý sắc,** thông thạo **tác ý thọ, tưởng, hành, thức**; thông thạo tác ý mười hai xứ, mười tám giới, thông thạo bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, mười tám pháp Phật bất cộng v.v… cho đến thông thạo tác ý Nhất thiết trí, thông thạo Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí.

Thiện Hiện! Nên biết đại Bồ Tát ấy **thông thạo sắc và tướng không của sắc**, thông thạo thọ, tưởng, hành, thức và tướng không của thọ, tưởng, hành, thức; thông thạo mười hai xứ, mười tám giới và tướng không của mười tám giới; thông thạo bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc và tướng không của bốn vô lượng, bốn định vô sắc; thông thạo mười tám pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí, thông thạo quả vị Giác ngộ tối cao và tướng không của tất cả pháp vừa kể.

Nên biết đại Bồ Tát ấy **thông thạo đạo dừng nghỉ, thông thạo đạo chẳng dừng nghỉ**, thông thạo sanh, diệt, thông thạo trụ, dị, thông thạo tham, sân, si, thông thạo không tham, không sân, không si, thông thạo kiến, phi kiến, thông thạo tà kiến, phi tà kiến, thông thạo tất cả kiến, triền, tùy miên, kiết phược; thông thạo sự dứt trừ tất cả kiến, triền, tùy miên, kiết phược. Thông thạo danh, thông thạo sắc, thông thạo danh sắc, thông thạo nhân duyên, thông thạo đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên; thông thạo hành, thông thạo giải, thông thạo tướng, thông thạo trạng, thông thạo khổ, tập, diệt, đạo. Thông thạo địa ngục, thông thạo đạo địa ngục; thông thạo bàng sanh, thông thạo đạo bàng sanh; thông thạo quỷ giới, thông thạo đạo quỷ giới, thông thạo người, thông thạo đạo làm người, thông thạo trời, thông thạo đạo trời, thông thạo Thanh văn, thông thạo đạo Thanh văn, quả Thanh văn; thông thạo Độc giác, thông thạo đạo Độc giác, quả Độc giác; thông thạo đại Bồ Tát, thông thạo Bồ Tát hạnh; thông thạo Như Lai ứng Chánh Đẳng Giác, thông thạo quả vị Giác ngộ tối cao; thông thạo Nhất thiết trí, thông thạo đạo Nhất thiết trí, quả Nhất thiết trí; thông thạo Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, thông thạo đạo quả của chúng. Thông thạo căn, căn viên mãn, căn thắng liệt; thông thạo tuệ, thông thạo tuệ nhanh, tuệ mạnh, tuệ bén, tuệ mau, tuệ đạt, thông thạo tuệ rộng, tuệ sâu, tuệ lớn, tuệ vô đẳng, tuệ chơn thật, tuệ trân bảo*(9)*. Thông thạo đời quá khứ, thông thạo đời vị lai, đời hiện tại; thông thạo phương tiện, thông

thạo ý lạc, thông thạo ý lạc tăng thượng, thông thạo sự chiếu cố hữu tình, thông thạo tướng văn nghĩa, thông thạo các Thánh pháp, thông thạo phương tiện an lập ba thừa.

Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát **hành** Bát nhã Ba la mật, **dẫn phát** Bát nhã Ba la mật, **tu** Bát nhã Ba la mật, thì **đạt được những công đức thắng lợi như thế**.

Thích nghĩa cho phần đầu phẩm này:

(1). Luân bửu hay luân bảo(Phạm: Cakra-ratna. Pàli: Cakka-ratana): Bánh xe báu, 1 trong 7 thứ báu của vua Chuyển luân Thánh vương. Phẩm Chuyển luân Thánh vương trong Kinh Khởi thế quyển 2 (Đại 1, 317 thượng), nói: Vua Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở châu Diêm phù (...) vào ngày trăng tròn, quần thần vây chung quanh vua, lúc ấy trước mặt vua, có bảo luân hốt nhiên xuất hiện, đầy đủ 1.000 nan hoa, tự nhiên thành tựu, không do thợ tạo tác. Bảo luân có 4 loại: Kim luân bảo (bánh xe bằng vàng), Ngân luân bảo (bánh xe bằng bạc), Đồng luân bảo (bằng đồng) và Thiết luân bảo (bằng sắt). Ngoài ra, giáo pháp của đức Phật nói ra có thể phá tan vô minh phiền não, các điều xấu ác và tà kiến của ngoại đạo, cho nên giáo pháp ấy được ví như bánh xe của Luân vương đánh dẹp quân địch ở 4 phương và khi đức Phật thuyết pháp gọi là Chuyển pháp luân. Bánh xe có 8 nan hoa hoặc 12 nan hoa, tượng trưng cho 8 chính đạo và 12 nhân duyên. Ngoài ra, trong các vị tôn túc của Mật giáo, cũng có vị dùng Kim luân làm danh hiệu. Lại như Nhất tự kim luân, Tối thắng Phật đính, Kim cương luân trì Kim cương Bồ Tát, Chuyển pháp luân Bồ Tát, v.v... đều dùng Kim luân làm hình Tam muội da. Còn như Chuẩn đề Phật mẫu, Như ý luân Quan âm, Đại tùy cầu Bồ Tát, v.v... đều cầm Kim luân. Lại nữa, trong 40 tay của Bồ Tát Thiên thủ Quan âm, thì tay cầm Kim luân được gọi là Kim luân thủ.- Từ điển Phật Quang.

(2). Bạch pháp: Thiện pháp hay pháp lành, trái với hắc pháp là những pháp bất thiện, pháp xấu ác.

(3). Bồ đề phần pháp: Xem lại thích nghĩa trong phẩm "Khéo Học", mục hai nói về "Mộng Trung Bất Chứng".

(4). Tương ưng: Khế hợp, cùng đi với nhau, cùng nhau, hiệp lực cùng nhau, tin vào nhau, liên hợp trực tiếp với nhau. 1- Những điểm được xếp loại cùng nhau theo đề tài chính của giáo lý. 2- Đi kèm theo nhau, tương quan cùng nhau (s: anvita). 3- Ràng buộc cùng nhau, hiện hữu cùng nhau.

Liên kết, tương quan với nhau (yukti, saṃbandha). 4- Sự tương ưng của tâm với các tâm sở. 5- Theo giáo lý Duy thức, đó là sự tương ưng của tâm và các tâm sở. Tâm và tâm sở đều phát sinh từ cùng một giác quan, được xem như là tác nhân, có cùng một đối tượng, biểu tượng, thời gian và nguồn gốc (saṃprayoga). 6- Khế hợp với nguyên lý chân thật (yoga).- Từ điển Phật học Anh-Hán-Việt.

(5). (6) và (7). Thập nhị chân như gồm chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghì giới. Những từ này chỉ cái bản thể chân thật của vạn pháp tràn đầy trong vũ trụ. Các vật thể này có như tánh, bình đẳng tánh... đều đồng một như, chẳng lúc nào chẳng như, không hai không khác. Khi nói sắc như, sắc pháp giới, sắc thật tế v.v… có nghĩa là chơn như của sắc cũng đồng với pháp giới của sắc hay cũng đồng với thật tế của sắc vì tất cả đều như, đều bình đẳng, không sanh, không diệt, không trụ, không dị, nên gọi là như. (Xem lại phần thứ I Tổng luận về "thập nhị chân như" hay phẩm "Chân Như").

*(8). Bồ Tát lợi căn, trung căn, định căn, bất định căn: **Lợi căn**: Căn tánh lanh lợi, bén nhạy có thể chứng nhập lý đạo dễ dàng. Lợi căn còn gọi là thượng căn. **Trung căn** là căn tánh trung bình, không bén nhạy so với thượng căn mà cũng không đần độn so với hạ căn. **Định căn:** Định hay Tịnh lự dịch nghĩa chữ Phạn là Dhyana (thiền na). Định là lắng tâm yên tịnh, chuyên chú vào chánh pháp để hiểu rõ thật nghĩa của nó. Căn là gốc rễ, như rễ cây có tác dụng làm cho cây lớn mạnh. Định căn là cội nguồn của sự tập trung trí tuệ để tiến đến giác ngộ. **Bất định căn**, trái lại, tâm ý không an định, không có quyết định mạnh mẽ, lúc nầy, lúc khác.*

*(9). Tuệ nhanh, tuệ mạnh, tuệ bén, tuệ mau, tuệ đạt, tuệ rộng, tuệ sâu, tuệ lớn, tuệ vô đẳng, tuệ chơn thật, tuệ trân bảo. Tuệ hay trí tuệ, nói gọn là trí. Trí thế gian gọi là tri thức, trí xuất thế gian gọi là tuệ. Tất cả tuệ nói trên nằm trong **thập trí*** (十智 Phạm: Daza jñànàni), *được chia làm bốn thành phần và được giải thích như sau:*

> ***1- Thập Trí. Chỉ cho 10 trí được phân biệt theo tính chất hữu lậu, vô lậu**. Đó là: 1/. Thế tục trí (Phạm: Saôvftì-jñàna): Trí thường chấp vào các cảnh thế tục gọi chung là Hữu lậu tuệ. 2/. Pháp trí (Phạm: Dharma-jñàna): Trí vô lậu duyên theo lý Tứ đế ở cõi Dục, đoạn trừ các phiền não cõi Dục. 3/. Loại trí(Phạm: Anvaya-jñàna): Trí*

vô lậu theo Pháp trí mà phát sinh, duyên theo lý Tứ đế ở cõi Sắc, cõi Vô sắc và đoạn trừ phiền não của các cõi này. 4/. Khổ trí (Phạm: Du#kha-jĩàna). 5/. Tập trí (Phạm: Samudaya-jĩàna). 6/. Diệt trí (Phạm: Nirodha-jĩàna). 7/. Đạo trí (Phạm: Màrga-jĩàna). Bốn trí này theo thứ tự đoạn trừ phiền não của Tứ đế. 8/. Tha tâm trí (Phạm: Para-cittajĩàna): Trí biết rõ tâm, tâm sở hiện tại của cõi Dục, cõi Sắc và tâm, tâm sở vô lậu. 9/. Tận trí (Phạm: Kwaya-jĩàna): Trí tuệ của bậc Thánh ở giai vị Vô học, biết rõ rằng ta đã biết khổ, ta đã đoạn tập, ta đã chứng diệt, ta đã tu đạo, là trí vô lậu sinh cùng lúc với Đắc của lậu tận. 10/. Vô sinh trí (Phạm: Anutpàdajĩàna): Trí tuệ của bậc Thánh ở giai vị Vô học biết ta đã biết khổ, không còn gì để biết; ta đã đoạn tập, không còn gì để đoạn; ta đã chứng diệt, không còn gì để chứng; ta đã tu đạo, không còn gì để tu, là trí vô lậu sinh cùng lúc với Đắc của phi trạch diệt. ***Kinh Đại Bát Nhã quyển 489, ngoài 10 trí trên đây còn nêu thêm Như thuyết trí, cộng chung là 11 trí.*** *Nếu trí lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết tướng như thuyết của tất cả pháp, thì chính là Nhất thiết tướng trí của Như lai, gọi là Như thuyết trí. [X. luận Câu xá Q.26].*

2- Thập Trí. Chỉ cho 10 trí mà hàng Bồ Tát Quán đính trụ trong Thập trụ đạt được*. Đó là: 1/. Trí làm rúng động tất cả vô lượng thế giới. 2/. Trí có năng lực chiếu sáng vô lượng thế giới. 3/. Trí có khả năng trụ trì vô lượng thế giới. 4/. Trí có năng lực đi dạo khắp vô lượng thế giới. 5/. Trí có khả năng nghiêm trang thanh tịnh vô lượng thế giới. 6/. Trí biết rõ tâm hành của vô lượng chúng sinh. 7/. Trí biết rõ chỗ tùy tâm hành của chúng sinh. 8/. Trí biết rõ căn cơ của vô lượng chúng sinh. 9/. Trí có năng lực phương tiện độ tất cả vô lượng chúng sinh. 10/. Trí có năng lực điều phục hết vô lượng chúng sinh. Trong 10 trí trên thì 5 trí đầu biết rõ thế giới một cách vô ngại, một là tùy tâm xoay chuyển, hai là ánh sáng soi rọi rõ biết, ba là nguyện đẳng trụ trì, bốn là tự tại vào khắp các cõi, năm là đến đâu cũng đều trang nghiêm. Ba trí kế là trí biết tâm hành của chúng sinh, một là biết tâm, hai là biết cảnh của tâm sở hành, ba là biết căn hải. Hai trí sau cùng là trí truyền pháp, một là tùy theo căn cơ mà nói pháp, hai là diệt hoặc thành đức, gọi là Điều phục. [X. phẩm Bồ Tát thập trụ trong Kinh Hoa nghiêm Q.8 (bản dịch cũ); Hoa nghiêm Kinh thám huyền kí Q.5].*

***3- Thập Trí. Chỉ cho 10 trí mà hàng Bồ Tát Quán đính trụ trong Thập trụ tu học ở Thắng tiến phần được nói trong Kinh Hoa nghiêm quyển 16** (bản dịch mới). Đó là: 1/. Tam thế trí: Trí đối với các pháp trong 3 đời đều thông suốt rõ biết. 2/. Phật pháp trí: Trí rõ biết tự tính các pháp, khéo xuất thế gian, hiện các uy nghi, thuyết pháp độ sinh. 3/. Pháp giới vô ngại trí: Trí biết rõ tất cả chúng sinh vốn sẵn đủ thể của pháp giới, sự lý dung thông, tính phần giao thoa, không ngăn ngại lẫn nhau. 4/. Pháp giới vô biên trí: Trí biết các pháp sắc, tâm của chúng sinh chính là pháp giới, đầy khắp tất cả thế gian, không có ngằn mé. 5/. Sung mãn nhất thiết thế giới trí: Trí Như lai từ trong định phát khởi diệu dụng rộng lớn, trùm khắp thế gian, chiếu soi tất cả. 6/. Phổ chiếu nhất thiết thế gian trí: Đại trí tuệ của Như lai soi sáng khắp vô lượng thế giới. 7/. Trụ trì nhất thiết thế giới trí: Trí Như lai có đại thần lực, giữ gìn thế giới, biết rõ căn khí lớn nhỏ của hết thảy chúng sinh để hóa độ. 8/. Tri nhất thiết chúng sinh trí: Trí Như lai biết rõ nhân duyên thiện ác của hết thảy chúng sinh được Như lai hóa độ. 9/. Tri nhất thiết pháp trí: Trí Như lai đã biết rõ các chúng sinh được hóa độ(sở hóa), cũng lại biết rõ các pháp hóa độ(năng hóa). 10/. Trí vô biên chư Phật trí: Trí Như lai biết rõ các việc vô biên chư Phật xuất hiện nơi thế gian và thuyết pháp hóa độ hết thảy chúng sinh**.*

***4- Thập Trí: Chỉ cho 10 trí được ghi trong phẩm Bồ Tát thập trụ Kinh Hoa nghiêm quyển 8** (bản dịch cũ), đó là: 1/. Tam thế trí. 2/. Nhất thiết Phật pháp trí. 3/. Pháp giới vô chướng ngại trí. 4/. Pháp giới vô lượng vô biên trí. 5/. Sung mãn nhất thiết thế giới trí. 6/. Phổ chiếu nhất thiết thế giới trí. 7/. Năng trì nhất thiết thế giới trí. 8/. Phân biệt nhất thiết chúng sinh trí. 9/. Nhất thiết chủng trí. 10/. Phật trí vô lượng vô biên trí. Ngoài ra, phẩm Thập trụ còn liệt kê 10 trí từ Vô ngại trí cho đến Vô thoái trí và 10 trí từ Thị xứ phi xứ trí cho đến Tam thế lậu tận trí. Phẩm Lô xá na Phật Kinh Hoa nghiêm quyển 3 (bản dịch cũ) cũng liệt kê 10 trí từ Nhập vô lượng vô biên pháp giới trí cho đến Nhất thiết chư Phật âm thanh trí và 10 trí từ Nhất thiết thế giới hải thành bại thanh tịnh trí cho đến Như lai chủng chủng tự tại trí. [X. phẩm Thập địa Kinh Hoa nghiêm Q.24 (bản dịch cũ); Kinh Bồ Tát bản nghiệp; Hoa nghiêm Kinh sớ Q.17; Hoa nghiêm Kinh thám huyền kí Q.5]. - Từ điển Phật Quang.*

Sơ giải:

1. Cho phần đầu phẩm "Đa Vấn Bất Nhị" hay tạm gọi là "Đại Phương Tiện":

Kinh thường ví các Ba la mật như bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, thiền định như những người mù bẩm sanh, nếu không có Bát Nhã là người sáng mắt dẫn đường thì không thể đi trên chánh đạo nói chi đến được thành lớn lợi vui. Vì vậy, 5 Ba la mật chỉ được gọi là Ba la mật nếu được Bát Nhã nhiếp thọ, nếu lìa Bát Nhã thì 5 Ba la mật chẳng được gọi là Ba la mật, chẳng thể đạt Nhất thiết trí trí, chẳng thể đến bờ kia(1).

Như các dòng sông phía Đông của châu Thiệm bộ, đều chảy vào sông Hằng, cùng sông Hằng đổ ra biển cả. Bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự cũng giống như thế, nếu được Bát nhã Ba la mật nhiếp dẫn nên cùng đều sang được "bờ kia".

Cũng như Chuyển Luân Thánh Vương, muốn đi đến đâu tất cả xe báu, voi báu, ngựa báu, bốn quân bảy báu đều phải theo quanh hộ tống. Nhưng xe báu đi trước cũng không phân biệt tướng trước sau. Tất cả các Ba la mật cùng các thiện pháp muốn tới Vô thượng Bồ đề cần phải có Bát nhã Ba la mật hướng dẫn. Nhưng Bát Nhã chẳng khởi nghĩ ta là lãnh đạo, còn các Ba la mật khác là tùy tùng phải theo sau hộ tống. Vì sao? Vì tất cả pháp đều trì độn, tịch diệt, rỗng không, chẳng tự tại, vô sở hữu chẳng khác nào trăng đáy nước, tượng trong gương, không có tự thể, không phân biệt, không có tác dụng chân thật.

Nếu nói tất cả pháp tịch diệt, rỗng không, không có tự thể, không có tác dụng chân thật thì tại sao Bồ Tát phải tinh cần tu tập để được Vô thượng Bồ đề(2)?

Phật bảo: "Các đại Bồ Tát đối với 6 phép Ba la mật này, khi siêng tu học, thường nghĩ: Hữu tình thế gian, tâm thường điên đảo, chịu khổ sanh tử, chẳng thể tự thoát. Nếu ta không tu phương tiện thiện xảo, thì chẳng có thể giải thoát khổ sanh tử cho hữu tình. Ta sẽ vì các loài hữu tình, tinh cần tu học các phương tiện Ba la mật này: Vì các hữu tình *(mà Ta)* xả bỏ vật trong ngoài để tu bố thí; vì các hữu tình *(mà Ta)* chẳng bao giờ phạm giới mà tu tịnh giới; vì các hữu tình *(mà Ta)* chẳng khởi sân hận mà tu an nhẫn;

vì các hữu tình *(mà Ta)* tinh siêng tu học các thiện pháp, *(Ta)* thường không giải đãi mà tu tinh tấn; vì các hữu tình *(mà Ta)* tu các định thù thắng, không khởi tâm tán loạn mà tu tịnh lự; đại Bồ Tát ấy vì các hữu tình, thường chẳng xa lìa Bát Nhã siêng tu trí tuệ thù thắng thế gian và xuất thế gian. Nhờ suy nghĩ, quan sát, tu hành như thế mà các đại Bồ Tát mau viên mãn các Ba la mật, chứng đắc Vô thượng Bồ đề".

*Bát nhã Ba la mật đối với các thiện pháp **không thủ không xả**. Thủ xả là muốn giữ bỏ. Giữ bỏ những gì? Giữ bỏ tướng: Tốt thì ôm lấy, xấu thì vứt bỏ; sang thì tìm cách gần gũi, hèn thì xa lánh, đuổi xô… đó là hành theo tướng. Hành theo tướng nên bị tướng chuyển, tướng chuyển tức bị nhiễm trước mà sa vào các cõi sai khác. Vì vậy, đại Bồ Tát muốn tu Bồ Tát hạnh, muốn chứng quả vị Giác ngộ phải siêng năng tu học Bát nhã Ba la mật, chẳng nên tư duy nhiễm trước các pháp. Tổ Tăng Xán trong "Tín Tâm Minh" mới bảo:*

"Tròn đầy tợ thái hư,
Không thiếu cũng không dư
Bởi mãi lo giữ bỏ
Nên chẳng được như như".

Một khi chấp trước thì xa lìa Bát Nhã. Bát Nhã dỡ nón ra đi, thì làm sao tu, làm sao trụ, mà nói là chứng đắc? Như vậy, là tự xa lìa Bát Nhã. Nếu xa lìa Bát Nhã, thì chẳng có cơ hội dẫn phát các Ba la mật khác; cũng chẳng có khả năng an trụ tất cả pháp. Kinh nói rằng: **"Các pháp vô sở hữu, bất khả đắc; nếu pháp vô sở hữu, bất khả đắc thì không có khả năng biểu hiện sự hiểu biết, cũng không có khả năng nói, chỉ. Nếu hành như thế là hành Bát nhã Ba la mật, xa lìa các lầm lỗi. Bát nhã Ba la mật thậm thâm đối với tất cả pháp, không có sự chấp trước, không có sự nhiếp thọ. Nếu đối với các pháp có chấp trước, có nhiếp thọ thì xa lìa Bát nhã Ba la mật"**.

*Bát nhã Ba la mật đối với tất cả pháp **chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa**. Xa lìa một pháp thì mất một pháp, xa lìa tất cả pháp thì không còn pháp nào để tu để học. Xa lìa là xa lìa tướng, xa lìa sở duyên. Nếu hành như vậy là có thể xa lìa phân biệt chấp trước nên có thể dẫn*

phát Bát nhã Ba la mật. Trái lại, nếu Bồ Tát tu hành Bát Nhã, đối với các pháp có sở chấp trước rằng đây là pháp, pháp đây thuộc kia, thời chẳng năng tùy ý dẫn phát được công đức an trụ thắng diệu.

Đại Bồ Tát khi hành sâu Bát nhã Ba la mật, cũng ***chẳng quán tất cả pháp hoặc thường hoặc vô thường****, hoặc lạc hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc vắng lặng hoặc chẳng vắng lặng, hoặc viễn ly hoặc chẳng viễn ly. Đối với tất cả pháp, vì chẳng quán sát các điên đảo như thế nên có khả năng dẫn phát Bát nhã Ba la mật; cũng có khả năng dẫn phát tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí và cũng có khả năng dẫn phát tất cả pháp Phật.*

Nếu đại Bồ Tát đối với tất cả pháp không chấp trước thì ***đại Bồ Tát thường cùng tương ưng với sáu phép Ba la mật, chẳng lìa bỏ nhau.*** *Nếu đại Bồ Tát luôn nghĩ thế này: Ta chẳng nên trụ sắc, cũng chẳng nên trụ thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì sắc chẳng phải năng trụ, chẳng phải sở trụ; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng phải năng trụ, chẳng phải sở trụ, thì đại Bồ Tát ấy, thường cùng tương ưng với 6 phép Ba la mật, chẳng lìa bỏ nhau. Nói rộng ra, nếu đại Bồ Tát luôn nghĩ thế này: Ta chẳng nên trụ 12 xứ, 18 giới, 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì tất cả pháp Phật cũng chẳng phải năng trụ, chẳng phải sở trụ, thì đại Bồ Tát ấy, thường cùng tương ưng với 6 phép Ba la mật, chẳng lìa bỏ nhau. Nếu đại Bồ Tát thường dùng* ***phương tiện vô trụ*** *như thế để tu hành 6 phép Ba la mật, đại Bồ Tát ấy, mau chứng Vô thượng Bồ đề.*

Muốn được như thế đại Bồ Tát đối với các Ba la mật phải thường tinh cần tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh tự, Bát nhã Ba la mật; cũng thường tinh cần an trụ 18 pháp không; cũng tinh siêng tu học chân như, pháp giới, pháp tánh, pháp trụ, thật tế v.v…; cũng tinh siêng tu học bốn Thánh đế... cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Vì vậy, nếu đại Bồ Tát muốn chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề nên tinh cần tu học ***6 Ba la mật: Dùng bố thí để nhiếp lấy chúng sanh, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ để nhiếp lấy chúng sanh, độ chúng hữu tình thoát khỏi sanh tử.*** *Nếu đại Bồ Tát hành Bát Nhã như thế thì được chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều hộ niệm.*

Nói tóm lại: "Nếu đại Bồ Tát y Bát Nhã đã nói mà học thì có thể chứng đắc tất cả pháp mầu Phật đạo, mau dứt trừ tất cả nghiệp chướng, tiến gần sở cầu Nhất thiết trí trí. Nếu đại Bồ Tát hành Bát Nhã ấy, tu Bát Nhã ấy, tập Bát Nhã ấy, thì đại Bồ Tát liền được tất cả Như Lai Chánh Đẳng Giác hiện tại đang trụ trì diễn thuyết chánh pháp trong vô lượng, vô số, vô biên thế giới khắp 10 phương cùng hộ niệm. Vì sao? Vì chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều từ Bát nhã Ba la mật như vậy xuất sanh. Nếu đại Bồ Tát năng hành Bát Nhã, siêng tu học Bát Nhã như thế thì các Bồ Tát này mau chứng Vô thượng Bồ đề. Vậy nên, các đại Bồ Tát chẳng nên lìa tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí mà tu hành Bát nhã Ba la mật".

Thích nghĩa cho phần lược giải này:

(1). Phẩm "Khen Bát Nhã" Q.172, Hội thứ I, ĐBN.

(2). Phẩm "Đa Vấn Bất Nhị", Q.351, Hội thứ I, ĐBN.

2. <u>Phần sau</u> gọi là Tam huệ:
(Từ Q.360 đến hết Q.363 thuyết về Hành, Dẫn và Tu Bát Nhã)

Đại Bồ Tát **nên hành** Bát Nhã, **nên dẫn** Bát Nhã, **nên tu** Bát Nhã như thế nào?

Đại Bồ Tát vì quán sắc tịch diệt, có thể hủy hoại, chẳng tự tại, thể hư dối, chẳng chắc thật, nên hành Bát Nhã; vì quán thọ, tưởng, hành, thức tịch diệt, có thể hủy hoại, chẳng tự tại, thể hư vọng, chẳng chắc thật, nên hành Bát Nhã. Đại Bồ Tát vì quán mười hai xứ, mười tám giới, 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao tịch diệt, có thể hủy hoại, chẳng tự tại, thể hư vọng, chẳng chắc thật, **nên hành** Bát Nhã.

Đại Bồ Tát **nên dẫn** Bát Nhã như thế nào?

Đại Bồ Tát giống như **dẫn cái không của hư không** mà dẫn phát Bát Nhã.

Đại Bồ Tát **nên tu** Bát Nhã như thế nào?

Đại Bồ Tát giống như **tu cái không của hư không**, mà tu Bát Nhã.

Đại Bồ Tát từ khi mới phát tâm cho đến khi an tọa tòa Bồ đề, chẳng để phát khởi các tác ý khác, **chỉ thường an trụ tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, để hành, để dẫn, để tu Bát Nhã.** Đại Bồ Tát ấy, nên hành như thế, nên dẫn như thế, nên tu như thế, **cho đến khi tâm và tâm sở đối với cảnh chẳng sanh tình**. Đó là hành, là dẫn, là tu Bát Nhã.

"Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn: Đại Bồ Tát hành, dẫn, tu Bát nhã Ba la mật như thế có thể đắc Nhất thiết trí trí chăng?

- Chẳng đắc. Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát chẳng hành, chẳng phải dẫn, chẳng phải tu Bát nhã Ba la mật sẽ đắc Nhất thiết trí trí chăng?

- Chẳng đắc. Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát vừa hành vừa chẳng hành Bát Nhã, vừa dẫn vừa chẳng dẫn Bát Nhã, vừa tu vừa chẳng tu Bát nhã Ba la mật, sẽ đắc Nhất thiết trí trí chăng?

- Chẳng đắc. Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát chẳng phải hành, chẳng phải chẳng hành Bát Nhã; chẳng phải dẫn, chẳng phải chẳng dẫn Bát Nhã; chẳng phải tu, chẳng phải chẳng tu Bát nhã Ba la mật sẽ đắc Nhất thiết trí trí chăng?

- Chẳng đắc. Thiện Hiện!

- Hành, chẳng hành; vừa hành, vừa chẳng hành; chẳng phải hành, chẳng phải chẳng hành v.v…tất cả đều không, thì làm thế nào đại Bồ Tát có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí?

- Này Thiện Hiện! **Đại Bồ Tát sẽ đắc trí Nhất thiết trí trí phải như như tướng**.

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là như như tướng?

- **Như thật tế.**

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là như thật tế?

- Như pháp tánh.

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là như pháp tánh.

- Này Thiện Hiện! Như ngã tánh, chúng sanh tánh, thọ mạng tánh…

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là ngã tánh, chúng sanh tánh, thọ mạng tánh?

- Này Thiện Hiện! Theo ý ngươi? Pháp ngã, chúng sanh, thọ mạng… có thể nắm bắt được chăng?

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thể được.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu ngã, chúng sanh, thọ mạng… chẳng thể nắm bắt được thì làm sao ta có thể phô diễn*(1)* được ngã tánh, chúng sanh tánh, thọ mạng tánh? Như vậy, Thiện Hiện! **Nếu đại Bồ Tát chẳng phô diễn** *(chỉ bày)***Bát Nhã; cũng chẳng phô diễn Nhất thiết trí trí và tất cả pháp, đại Bồ Tát này quyết định sẽ chứng được Nhất thiết trí trí".**

Vì vậy, đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, **nên học tất cả pháp đều chẳng thể phô diễn.** Nói như vậy, đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã lẽ nào chẳng nên học sắc; lẽ nào chẳng nên học thọ, tưởng, hành, thức; lẽ nào chẳng nên học mười hai xứ, mười tám giới; lẽ nào cũng chẳng nên học 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao?

- Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, đối với sắc có học nhưng học cái **bất tăng bất giảm của sắc**; đối với thọ, tưởng, hành, thức có học nhưng học cái bất tăng bất giảm của thọ, tưởng, hành, thức. Đối với mười hai xứ, mười tám giới hay nói rộng ra, đối với tất cả pháp Phật, đại Bồ Tát có học, nhưng học cái bất tăng bất giảm của chúng. Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, đối với tất cả pháp cũng học nhưng học cái **bất sanh bất diệt** của chúng.

Đại Bồ Tát hành Bát Nhã quán các tất cả pháp và tướng của tất cả pháp đều không. Hành tất cả như vậy, là học tự tướng không của tất cả pháp, nên đối với tất cả pháp chẳng khởi lên các hành hoặc hữu, hoặc vô. Không khởi hành là không hành. Không hành hữu, không hành vô là không có sở hành. Đại Bồ Tát hoàn toàn không có sở hành là hành Bát Nhã.

Cụ thọ Thiện Hiện liền bạch Phật:

- Vì nhân duyên gì mà đại Bồ Tát hoàn toàn không có sở hành là hành Bát Nhã?

Phật nói:

- Vì Bát nhã Ba la mật này chẳng thể nắm bắt được: Pháp hành, người hành, hoặc chỗ hành… đều chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy, đại Bồ Tát hoàn toàn không có sở hành, là hành Bát Nhã. Vì ở trong đó, tất cả hý luận chẳng thể nắm bắt được.

(Đoạn Kinh dưới đây nói về Hữu sở đắc và Vô sở đắc

cùng pháp môn bất nhị)

Đại Bồ Tát từ khi mới phát tâm, nên đối với tất cả pháp, **thường học vô sở đắc**. Đại Bồ Tát ấy, khi tu bố thí, **dùng vô sở đắc làm phương tiện** để tu bố thí; khi tu tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu tịnh giới cho đến Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ Tát ấy khi an trụ mười tám phép Không, dùng vô sở đắc làm phương tiện để an trụ mười tám phép Không; khi an trụ chơn như, dùng vô sở đắc làm phương tiện để an trụ chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế v.v… Đại Bồ Tát ấy, khi tu ba mươi bảy pháp trợ đạo, dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu ba mươi bảy pháp trợ đạo; khi trụ tứ đế, dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ tứ đế… cho đến khi tu Nhất thiết trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu Nhất thiết trí; khi tu Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Cụ thọ thiện hiện bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao gọi là hữu sở đắc? Sao gọi là vô sở đắc?

Phật nói:

- Thiện Hiện! **Cái gì có hai ấy gọi là có sở đắc, cái gì không hai ấy gọi là vô sở đắc**. *(Q.361, ĐBN)*

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao là có hai? Sao là không hai?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nhãn, sắc là hai cho đến ý, pháp là hai. Hữu sắc, vô sắc là hai. Hữu kiến, vô kiến là hai. Hữu đối, vô đối là hai. Hữu lậu, vô lậu là hai. Hữu vi, vô vi là hai. Thế gian, xuất thế gian là hai. Sanh tử, Niết bàn là hai. Pháp dị sanh, dị sanh là hai. Pháp Dự lưu, Dự lưu là hai, cho đến pháp Duyên giác, Duyên giác là hai. Bồ Tát hạnh, Bồ Tát là hai. Phật Vô thượng Bồ đề, Phật là hai. Như vậy, tất cả có hý luận ấy đều gọi là hai. Cái gì có hai đều **có sở đắc**.

Thiện Hiện! Chẳng nhãn chẳng sắc là không hai, cho đến chẳng ý chẳng pháp là không hai. Như vậy, cho đến chẳng Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chẳng Phật là không hai. Như vậy, tất cả lìa hý luận đều gọi là không hai.Cái gì không hai ấy đều **vô sở đắc**.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì có sở đắc nên vô sở đắc hay vô sở đắc nên vô sở đắc?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Chẳng phải có sở đắc nên vô sở đắc, chẳng phải vô sở đắc nên vô sở đắc. **Nhưng có sở đắc, không sở đắc tánh bình đẳng gọi vô sở đắc.** Các Bồ Tát đối tánh bình đẳng có sở đắc, không sở đắc nên siêng tu học. Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi học như thế gọi học Bát nhã Ba la mật vô sở đắc.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật thậm thâm, **chẳng trước** có sở đắc, chẳng trước vô sở đắc. Bồ Tát này làm sao tu hành Bát Nhã thậm thâm được từ một bậc đến một bậc lần hồi viên mãn mà có thể chứng Nhất thiết trí trí?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu chẳng phải trụ có sở đắc hành Bát Nhã thậm thâm được từ một bậc đến một bậc lần hồi viên mãn được Nhất thiết trí trí, chẳng phải trụ vô sở đắc hành Bát Nhã thậm thâm được từ một bậc đến một bậc lần hồi viên mãn được Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! **Bát Nhã thậm thâm vô sở đắc, Nhất thiết trí trí cũng vô sở đắc, kẻ hành Bát Nhã cũng vô sở đắc, vô sở đắc đây cũng vô sở đắc nốt.** Các Bồ Tát nên hành Bát Nhã như thế.

(Tất cả pháp không năng tác, sở tác)

Nếu Bát Nhã chẳng thể nắm bắt được, quả vị Giác ngộ **chẳng thể nắm bắt được**, người hành Bát Nhã, chỗ hành, khi hành cũng chẳng thể nắm bắt được, thì tại sao đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đối với tất cả pháp, **thường ưa giản trạch***(2)*: Đây là sắc, đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là xứ giới, bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao?

Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, tuy đối với các pháp thường ưa phân tích, chọn lựa **nhưng chẳng nắm** bắt sắc, cũng chẳng nắm bắt thọ, tưởng, hành, thức; cũng chẳng nắm xứ giới, bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao.

Nhưng nếu chẳng nắm bắt tất cả pháp Phật, thì làm sao có thể viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật? Nếu chẳng có thể viên mãn lục Ba la mật thì làm sao có thể nhập Chánh tánh ly sanh? Nếu chẳng nhập Chánh tánh ly sanh thì làm sao có thể nghiêm tịnh cõi Phật, làm sao có thể thành thục hữu tình, làm sao có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí, làm sao có thể chuyển bánh xe pháp, làm Phật sự…? Nếu chẳng có thể chuyển bánh xe pháp, làm Phật sự… thì làm sao có thể giải thoát các khổ sanh tử cho vô lượng trăm ngàn ức triệu các loài hữu tình và làm cho chứng đắc Niết bàn thường, lạc, ngã, tịnh?

Thật sự thì đại Bồ Tát chẳng vì sắc mà tu Bát Nhã, cũng chẳng vì thọ, tưởng, hành, thức mà tu Bát Nhã. Nói rộng ra, đại Bồ Tát cũng chẳng vì tất cả pháp Phật mà tu Bát Nhã. Vì sao? **Vì tất cả pháp không năng tác, sở tác; Bát Nhã cũng không có năng tác, sở tác**; quả vị Giác ngộ tối cao cũng không năng tác, sở tác; đại Bồ Tát cũng không năng tác, sở tác. Như vậy, đại Bồ Tát nên **lấy không năng sở làm phương tiện** mà tu hành Bát Nhã.

Cụ thọ Thiện Hiện hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không có năng tác sở tác, tại sao chư Phật lại phân định ba thừa là Thanh văn thừa, Độc giác thừa và Vô Thượng thừa?

Phật đáp:

- Thiện Hiện! Chẳng phải pháp vô sở đích, vô sở tác khá thi thiết được; cần pháp có sở đích, có sở tác mới khá thi thiết được. Sở dĩ chư Phật phân định như vậy vì ngu phu dị sanh do thiếu học hỏi nên thường **chấp đắm**. Ngu phu dị sanh nghĩ tất cả pháp từ bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Vô thượng Bồ đề có thể chứng đắc. Vì các hạng ngu phu ấy nghĩ tất cả pháp Phật nói trên chắc chắn có thể nắm bắt được: Ta quyết định sẽ chứng đắc Vô thượng Bồ đề, thoát các khổ sanh tử, khiến đạt Niết bàn rốt ráo thường lạc.

Vì vậy, Phật bảo Thiện Hiện:

- Các hạng ngu phu thiếu học ấy vì điên đảo nên nghĩ như thế, tức là hủy báng Phật. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì Phật dùng ngũ nhãn tìm sắc còn chẳng thể được; tìm thọ, tưởng, hành, thức còn chẳng thể được, huống là có người quyết định sẽ đắc Vô thượng Bồ đề, độ thoát các khổ sanh tử

của hữu tình, khiến đạt được Niết bàn rốt ráo thường lạc, thì đó là điều chẳng thể có.

(…) Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều dùng ngũ nhãn tìm sắc chẳng thể được, tìm thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng thể được… cho đến tìm Vô thượng Bồ đề chẳng thể được, như thế nhất định không có sự chứng đắc thì tại sao Thế Tôn lại chứng Vô thượng Bồ đề, an lập ba nhóm hữu tình sai khác, đó là nhóm chánh định, nhóm tà định và nhóm bất định?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ta dùng ngũ nhãn như thật quan sát, quyết định **vô ngã năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề**, an lập ba nhóm hữu tình sai khác. Nhưng các hữu tình ngu si điên đảo đối với pháp phi thật khởi tưởng thật pháp, đối với hữu tình phi thật khởi tưởng thật hữu tình. Ta vì khiến trừ chấp trước hư vọng đó, nên nương vào thế tục mà nói, chứ chẳng y thắng nghĩa. *(Q.362, ĐBN)*

(Chỗ trụ, chỗ chứng?)

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có phải trụ thắng nghĩa, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải trụ điên đảo, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng trụ thắng nghĩa cũng chẳng trụ điên đảo chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, thì chắc sẽ không có Thế Tôn chứng quả vị Giác ngộ tối cao?

- Không! Thiện Hiện! Ta tuy chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, nhưng chẳng trụ hữu vi giới, cũng chẳng trụ vô vi giới. Này Thiện Hiện! Như các hóa nhân mà Như Lai đã biến hóa ra tuy chẳng trụ hữu vi giới, cũng chẳng trụ vô vi giới, nhưng có đi, có đến, có đứng, có ngồi.

Hóa nhân đó cũng hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật hoặc tu Phật 10 lực; cũng tu bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải,

đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng. Hóa nhân đó hoặc tu pháp vô vong thất, cũng tu tánh hằng trụ xả. Hóa nhân đó tu Nhất thiết trí, cũng tu Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Hóa nhân đó hoặc chứng Vô thượng Bồ đề, quay xe diệu pháp làm các Phật sự. Hóa nhân đó lại biến hóa làm vô lượng hữu tình, rồi trong số hữu tình đó, kiến lập ba nhóm sai khác như nhóm chánh định, nhóm tà định và nhóm bất định.

Thiện hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Kẻ được các Như Lai biến hóa này có thật đi lại, cho đến hằng trụ hay chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề quay xe diệu pháp, làm các Phật sự, an lập ba nhóm có sai khác chăng?

Thiện hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Không. Bạch Thiện Thệ! Không.

Phật nói:

- Thiện hiện! **Như Lai cũng vậy, biết tất cả pháp đều như biến hóa, thuyết tất cả pháp đều như biến hóa, tuy có việc làm nhưng không chơn thật, tuy độ hữu tình nhưng không sở độ, như hóa nhân hóa độ hữu tình. Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, nên biết như các hóa nhân mà Phật đã biến hóa ra, tuy có làm việc mà không chấp trước.**

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều như biến hóa, thì Như Lai cũng vậy. Như vậy thì Phật cùng hóa nhân có gì sai khác?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Phật cùng hóa nhân và tất cả pháp bình đẳng không sai biệt. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì sự việc mà Phật đã làm, thì hóa nhơn của Phật cũng có thể làm.

Nên biết, thân Như Lai cùng với hóa Phật bình đẳng, không sai biệt, vì dùng các pháp và pháp tánh làm định lượng. Cũng thế, đại Bồ Tát nên **dùng các pháp và pháp tánh mà làm định lượng**, tu hành Bát Nhã, dùng phương tiện thiện xảo nhập các pháp và pháp tánh rồi, nhưng đối với các pháp chẳng hoại pháp tánh, nghĩa là **chẳng phân biệt**: Đây là Bát Nhã, đây là pháp của Bát Nhã; đây là pháp tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí, đây là pháp tánh của tịnh lự cho đến bố thí; đây là mười tám pháp Không, đây là pháp tánh của mười tám pháp Không; đây là chơn như, đây là pháp tánh của chơn như v.v… cho đến đây là quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật, đây là pháp tánh của quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật.

Đại Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật chẳng nên phân biệt sự sai khác giữa các pháp và pháp tánh như thế mà hoại pháp tánh.

Nhưng một khi nói đây là sắc, đây là thọ, tưởng, hành, thức, đây là chơn như, đây là pháp giới v.v… Nói như thế tức là phân biệt, thì lẽ nào không hoại các pháp, pháp tánh? Phật nói như thế nọ hay thế kia chẳng qua chỉ **dùng danh tướng phương tiện giả nói các pháp, pháp tánh, khiến các hữu tình ngộ nhập lý vô sai biệt của các pháp và pháp tánh**. Tùy theo thế tục mà Phật giả lập danh tướng, phương tiện tuyên thuyết các pháp, pháp tánh **nhưng không chấp trước**.

(Nếu đối với danh trước danh, đối với tướng trước tướng, thì như thế đối với không cũng trước không, đối với vô tướng trước vô tướng, đối với vô nguyện trước vô nguyện; đối với chơn như trước chơn như... Một khi có chấp có trước thì không thể nào chứng Vô thượng Bồ đề. Vì tất cả pháp chỉ có danh tướng. Danh tướng ấy chỉ giả đặt bày, tánh của danh tướng là không, danh tướng không sanh, không diệt, cũng không trụ. Hữu tình điên đảo chấp trước, nên bị lưu chuyển sanh tử, chẳng được giải thoát. Vì vậy, Thánh giả mới phát Bồ đề tâm, hành Bồ Tát đạo, nguyện chứng Nhất thiết trí trí, chuyển bánh xe pháp, dùng pháp ba thừa độ thoát hữu tình, khiến ra khỏi sanh tử, nhập cảnh giới Niết bàn an vui).

(Nương nghĩa gì mà gọi là Bát nhã Ba la mật?)

Cụ thọ Thiện Hiện bạch:

- Thế Tôn thường nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Bát Nhã thậm thâm nương nghĩa gì mà gọi là Bát nhã Ba la mật?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nhờ Bát Nhã mà tất cả pháp đều **đến bờ kia rốt ráo**, nương nghĩa đây nên gọi là Bát nhã Ba la mật. Nhờ Bát Nhã đây Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Như Lai được đến bờ kia, nương nghĩa đây nên gọi là Bát nhã Ba la mật.

Thiện Hiện! Bát Nhã đây y theo thắng nghĩa để phân tách **các pháp không chút khá được**, nương nghĩa đây nên gọi là Bát nhã Ba la mật.

Thiện Hiện! Do Bát Nhã đây **nhiếp chứa chơn như**, pháp giới, pháp tánh, nói rộng cho đến bất tư nghì giới, nương nghĩa đây nên gọi là Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Do Bát Nhã đây không có chút pháp hoặc tương ưng hoặc chẳng tương ưng, hoặc có sắc hoặc không sắc, hoặc có thấy hoặc không thấy, hoặc có đối hoặc không đối, nương nghĩa đây nên gọi là Bát nhã Ba la mật. Vì sao? **Vì Bát Nhã thậm thâm chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng, không sắc, không thấy, không đối, nhất tướng, chỗ gọi vô tướng.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Do Bát Nhã đây **năng sanh tất cả các pháp lành thù thắng**, năng phát tất cả biện tài trí tuệ, năng đem lại tất cả lợi vui thế gian xuất thế gian, năng soi tất cả nghĩa lý sâu thẳm, nương nghĩa đây nên gọi là Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Do Bát Nhã đây lý thú vững chắc chẳng thể động hoại, nương nghĩa đây nên gọi là Bát nhã Ba la mật. Các đại Bồ Tát nên như thật tu hành nghĩa thú sâu xa của Bát nhã Ba la mật như thế.

(Hành Bát Nhã chẳng nên hành nghĩa hay phi nghĩa)

Nếu đại Bồ Tát muốn hành nghĩa thú sâu xa của Bát Nhã thì nên hành nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã; nên hành nghĩa khổ trí, nghĩa tập trí, nghĩa diệt trí, nghĩa đạo trí; nên hành nghĩa pháp trí, nghĩa loại trí, nghĩa thế tục trí, nghĩa tha tâm trí; nên hành nghĩa tận trí, nghĩa vô sanh trí, nghĩa như thuyết trí*(3)*.

Đại Bồ Tát vì hành nghĩa thú sâu xa của Bát Nhã, nên nghĩ thế này: Ta **chẳng nên hành nghĩa phi nghĩa của sắc**; ta chẳng nên hành nghĩa phi nghĩa của thọ, tưởng, hành, thức. Ta chẳng nên hành nghĩa phi nghĩa của xứ, giới, tứ thiền bát định, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến chẳng nên hành nghĩa phi nghĩa của quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật. **Vì sao? Vì khi Như Lai đắc quả vị Giác ngộ tối cao chẳng thấy có pháp nào có thể cùng với pháp nhỏ nhiệm nào tạo ra nghĩa phi nghĩa.**

Như Lai xuất thế hay chẳng xuất thế, thì các pháp, pháp tánh, pháp trụ, pháp định… thường trụ như thế, không có pháp nào đối với pháp nào làm nghĩa phi nghĩa. Như vậy, đại Bồ Tát nên xa lìa nghĩa phi nghĩa, khi hành Bát Nhã. *(Q.363, ĐBN)*

Bát nhã Ba la mật vì sao chẳng cùng các pháp tạo thành nghĩa phi nghĩa? Vì Bát nhã Ba la mật đối với pháp hữu vi, pháp vô vi đều chẳng tạo tác, chẳng ân oán, không thêm, không bớt. Vì vậy, Bát nhã Ba la mật chẳng cùng các pháp tạo thành nghĩa phi nghĩa. Đại Bồ Tát hành Bát Nhã phải rời nghĩa và phi nghĩa. Đại Bồ Tát cần phải học Bát Nhã vô vi sâu xa, mới có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí, nhưng **không nên dùng pháp bất nhị làm phương tiện.**

(Thế nào là bất nhị pháp môn?)

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có phải dùng pháp bất nhị, đắc pháp bất nhị chăng?
- Không! Thiện Hiện!
- Bạch Thế Tôn! Có phải dùng pháp nhị, đắc pháp bất nhị chăng?
- Không! Thiện Hiện!
- Bạch Thế Tôn! Nếu không có hai pháp, chẳng dùng pháp nhị, pháp bất nhị mà đắc, thì đại Bồ Tát làm sao đắc Nhất thiết trí trí?
- Này Thiện Hiện! **Pháp nhị bất nhị đều chẳng thể nắm bắt được, cho nên chẳng phải có sở đắc nên đắc, cũng chẳng phải vô sở đắc nên đắc, vì pháp hữu sở đắc, pháp vô sở đắc chẳng thể nắm bắt được. Không chỗ đắc tức là đắc, bởi đắc này không chỗ đắc. Nếu biết như thế mới chứng đắc Nhất thiết trí trí.** *(Q.363, ĐBN)*

Thích nghĩa cho <u>phần sau</u> của phẩm phẩm này:

(1). Phô diễn: Diễn đạt hay chỉ bày.

(2). Giản trạch có nghĩa là phân tích, giảng nói, chọn lựa.

*(3). Các loại trí: Gồm có thập trí và như thật trí, tổng cộng là 11 trí. Thập trí: Chỉ cho 10 trí tùy theo tính chất hữu lậu hay vô lậu của chúng. Đó là: 1-**Thế tục trí** (Phạm: Saôvftì-jĩàna): Trí thường chấp vào các cảnh thế tục gọi chung là Hữu lậu tuệ. 2-**Pháp trí** (Phạm: Dharma-jĩàna): Trí vô lậu duyên theo lí tứ Thánh đế ở cõi Dục, đoạn trừ các phiền não cõi Dục. 3-**Loại trí** (Phạm:A nvaya-jĩàna): Trí vô lậu theo Pháp trí mà phát sinh, duyên theo lí tứ Thánh đế ở cõi Sắc, cõi Vô sắc và đoạn trừ phiền não của các cõi này. 4-**Khổ trí** (Phạm: Du#kha-jĩàna). 5-**Tập trí** (Phạm: Samudaya-jĩàna). 6-**Diệt trí** (Phạm: Nirodha-jĩàna). 7-**Đạo trí** (Phạm: Màrga-jĩàna). Bốn trí này theo thứ tự đoạn trừ phiền não của tứ Thánh*

*để. 8-**Tha tâm trí** (Phạm: Para-cittajĩàna): Trí biết rõ tâm, tâm sở hiện tại của cõi Dục, cõi Sắc và tâm, tâm sở vô lậu. 9-**Tận trí** (Phạm: Kwaya-jĩàna): Trí tuệ của bậc Thánh ở giai vị Vô học, biết rõ rằng ta đã biết khổ, ta đã đoạn tập, ta đã chứng diệt, ta đã tu đạo, là trí vô lậu sinh cùng lúc với Đắc của lậu tận. 10-**Vô sinh trí** (Phạm: Anutpàdajĩàna): Trí tuệ của bậc Thánh ở giai vị Vô học biết: Ta đã biết khổ, không còn gì để biết; ta đã đoạn tập, không còn gì để đoạn; ta đã chứng diệt, không còn gì để chứng; ta đã tu đạo, không còn gì để tu, là trí vô lậu sinh cùng lúc với Đắc của phi trạch diệt. Kinh Đại Bát Nhã Q.363 hay Q.489, ngoài 10 trí trên đây còn nêu thêm **Như thuyết trí** (phẩm "Tam Huệ", quyển thứ 23, Kinh MHBNBLMĐ gọi Như thuyết trí là Như thật trí), cộng chung là 11 trí. Nếu trí lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết tướng như thuyết của tất cả pháp, thì chính là Nhất thiết tướng trí của Như lai, gọi là Như thuyết trí.- Phật Quang tự điển. Vừa thích nghĩa ở trên. Nhắc lại cho nhớ!*

Sơ giải:

*(Cho **<u>phần sau</u>** của phẩm "Đa Vấn Bất Nhị" gọi là Tam Huệ)*

*- Đại Bồ Tát **nên hành** Bát Nhã, **nên dẫn** Bát Nhã, **nên tu** Bát Nhã như thế nào?*

*Đại Bồ Tát vì quán sắc tịch diệt, có thể hủy hoại, chẳng tự tại, thể hư dối, chẳng chắc thật, nên hành Bát Nhã; vì quán thọ, tưởng, hành, thức tịch diệt, có thể hủy hoại, chẳng tự tại, thể hư vọng, chẳng chắc thật, nên hành Bát Nhã. Đại Bồ Tát vì quán Mười hai xứ, mười tám giới, tứ thiền tứ định, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao tịch diệt, có thể hủy hoại, chẳng tự tại, thể hư vọng, chẳng chắc thật, **nên hành** Bát Nhã.*

*Đại Bồ Tát nên dẫn phát Bát Nhã như thế nào? Đại Bồ Tát giống như **dẫn phát cái không của hư không** mà dẫn phát Bát Nhã.*

*Đại Bồ Tát nên tu Bát Nhã như thế nào? Đại Bồ Tát giống như **tu cái không của hư không** mà tu Bát Nhã.*

Đại Bồ Tát từ khi mới phát tâm cho đến khi an tọa tòa Bồ đề, chẳng để phát khởi các tác ý khác, chỉ thường an trụ tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, để hành, để dẫn, để tu Bát Nhã. Đại Bồ Tát ấy, nên hành như thế, nên

dẫn như thế, nên tu như thế, cho đến khi tâm và tâm sở ***đối với cảnh chẳng sanh tình.***

Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, đối với sắc có học nhưng học cái ***bất tăng, bất giảm của sắc****; đối với thọ, tưởng, hành, thức có học nhưng học cái bất tăng, bất giảm của thọ, tưởng, hành, thức. Đối với 12 xứ, 18 giới hay nói chung đối với tất cả pháp Phật, đại Bồ Tát có học, nhưng học cái bất tăng bất giảm của chúng.*

Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, đối với tất cả pháp cũng học, nhưng học cái bất sanh, bất diệt của chúng. ***Nếu đại Bồ Tát hành Bát Nhã** __**quán các tất cả pháp và tướng của tất cả pháp đều không**__**.*** *Học tất cả như vậy, là học tự tướng không của tất cả pháp, nên đối với tất cả pháp chẳng khởi lên các hành hoặc Hữu, hoặc Vô. Không khởi hành là không hành: Không hành Hữu, không hành Vô là không có sở hành. Đại Bồ Tát hoàn toàn không có sở hành là hành Bát Nhã.*

Vì Bát nhã Ba la mật là không, nên chẳng thể nắm bắt được: Pháp hành, người hành, chỗ hành v.v... đều chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy, đại Bồ Tát hoàn toàn không có sở hành, đó chính là hành Bát Nhã. Vì trong đó, tất cả hý luận chẳng thể nắm bắt được.

1. Dùng vô sở đắc làm phương tiện:

Đại Bồ Tát từ khi mới phát tâm, nên đối với tất cả pháp, thường học vô sở đắc. Đại Bồ Tát ấy, khi tu bố thí, ***dùng vô sở đắc làm phương tiện*** *để tu bố thí; khi tu tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật dùng vô sở đắc để an trụ tịnh giới cho đến Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ Tát ấy khi an trụ 18 pháp không, dùng vô sở đắc làm phương tiện để an trụ 18 pháp không; khi an trụ chơn như, dùng vô sở đắc làm phương tiện để an trụ chơn như, pháp giới, cho đến thật tế v.v… Đại Bồ Tát ấy, khi tu 37 pháp trợ đạo, dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu 37 pháp trợ đạo v.v... cho đến tu Nhất thiết trí trí, lúc nào cũng dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu Nhất thiết trí trí.*

2. Hữu sở đắc và Vô sở đắc:

Cái gì có hai ấy gọi là có sở đắc, cái gì không hai gọi là vô sở đắc. *Nhãn đối với sắc là hai cho đến ý đối với pháp là hai. Hữu sắc đối với vô sắc là hai. Hữu kiến đối với vô kiến là hai, hữu đối đối với vô đối là hai, hữu lậu đối với vô lậu là hai, hữu vi đối với vô vi là hai, thế gian đối với xuất thế gian là hai, sanh tử đối với Niết bàn là hai... tất cả hai là* ***có sở đắc, nên nói là hý luận!***

Chẳng nhãn chẳng sắc là không hai, cho đến chẳng ý chẳng pháp là không hai… cho đến chẳng Phật chẳng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề là không *hai. Như vậy, tất cả lìa hý luận đều gọi là không hai. Cái gì có hai là có sở đắc, cái gì không hai đều vô sở đắc. Chẳng phải có sở đắc nên vô sở đắc, chẳng phải vô sở đắc nên vô sở đắc. Nhưng* ***có sở đắc, không sở đắc tánh bình đẳng gọi vô sở đắc.*** *Các đại Bồ Tát đối tánh bình đẳng có sở đắc hay không sở đắc nên siêng tu học. Các đại Bồ Tát khi học như thế gọi là học Bát Nhã vô sở đắc.*

Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã chẳng phải trụ có sở đắc mà được từ một bậc đến một bậc lần hồi viên mãn Nhất thiết trí trí, chẳng phải trụ vô sở đắc mà được từ một bậc đến một bậc lần hồi viên mãn được Nhất thiết trí trí. Vì sao? ***Vì Bát nhã Ba la mật thậm thâm vô sở đắc, Nhất thiết trí trí cũng vô sở đắc, kẻ hành Bát Nhã cũng vô sở đắc, vô sở đắc đây cũng vô sở đắc nốt.*** *Các đại Bồ Tát nên hành Bát Nhã như thế.*

Có sở đắc là ***có chấp****. Có chấp là có chướng. Vì vậy, không được Vô thượng Bồ đề, không được Nhất thiết trí trí.* ***Vô sở đắc là tướng của Bát nhã Ba la mật, vô sở đắc là tướng của Vô thượng Bồ đề, vô sở đắc cũng là tướng của người hành Bát nhã Ba la mật****. Cho dù, một khi quan niệm vô sở đắc là tôn chỉ tối cao của Bát Nhã thời vô sở đắc cũng trở thành một chướng ngại khác của hành giả Bát Nhã. Vô sở đắc rốt ráo phải là không được, không đắc bất cứ thứ gì. Tất cả phải là không, là rỗng không, trong suốt. Đó là chính tông Bát Nhã! Hành Bát Nhã tức hành không, vô tướng, vô tác.* **“Bát nhã Ba la mật thậm thâm là Vô sở đắc, Nhất thiết trí trí cũng Vô sở đắc; người thực hành Bát Nhã, chỗ thực hành và khi thực hành, tất cả cũng đều Vô sở đắc; Vô sở đắc này cũng Vô sở đắc nốt”.**

Phẩm “Vô Tướng” Q.466, Hội thứ II, ĐBN, nói rằng:

"Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh, các Bồ Tát Ma ha tát nhận thấy những gì mà muốn lợi ích an vui hữu tình cầu đạt Vô thượng Bồ đề?

Phật bảo Thiện Hiện! Vì tất cả pháp đều **lấy vô tánh làm tự tánh** mà các Bồ Tát muốn lợi ích an vui hữu tình. Vì sao? Vì các loại hữu tình đủ kiến chấp đoạn thường, **trụ có sở đắc**, khó điều phục được, ngu si điên đảo khó giải thoát.

Thiện Hiện phải biết, kẻ trụ có sở đắc, bởi tưởng có sở đắc, không đắc, không hiện quán, cũng không được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật rằng: Nếu kẻ có sở đắc, sẽ không đắc, không hiện quán, cũng không Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Kẻ không sở đắc, sẽ có đắc, có hiện quán, có được Vô thượng Bồ đề chăng?

Phật bảo: Thiện Hiện! Nếu không sở đắc, tức là đắc, tức là hiện quán, tức là Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì kẻ đó chẳng hoại pháp giới vậy.

Thiện Hiện! Phải biết nếu đối "không sở đắc" đây muốn có sở đắc, muốn đắc hiện quán, muốn đắc Vô thượng Bồ đề, phải biết kẻ đó muốn hoại pháp giới.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật rằng: Nếu kẻ có sở đắc, sẽ không đắc, không hiện quán, tức là Vô thượng Bồ đề hay không sở đắc tức là đắc, tức là hiện quán, tức là Vô thượng Bồ đề?

Trong không sở đắc, không đắc, không hiện quán cũng không được Vô thượng Bồ đề, các Bồ Tát Ma ha tát làm sao được từ sơ địa lên đến thập địa. Làm sao có được Vô sanh pháp nhẫn. Làm sao có được dị thục*(quả báo)* thần thông. Làm sao được có dị thục bố thí Ba la mật cho đến Bát nhã Ba la mật. Làm sao an trụ pháp sanh dị thục như thế để thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Ở chỗ chư Phật cung kính cúng dường các món thượng diệu để được căn lành, cho đến Vô thượng Bồ đề cùng quả bất tận. Lần lữa cho đến sau vào Niết bàn, Thiết lợi la *(xá lợi)* mình và các đệ tử vẫn được người đời cung kính cúng dường thế lực căn lành như vậy mới bất tận?

Phật bảo: Thiện Hiện! Vì tất cả pháp không sở đắc nên các Bồ Tát Ma ha tát được sơ địa cho đến thập địa; tức do đây nên được Vô sanh pháp nhẫn; tức do đây nên được dị thục thần thông; tức do đây nên được dị thục bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; tức do đây nên được an trụ pháp sanh dị thục, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Ở chỗ chư Phật cung kính

cúng dường các món thượng diệu mới được căn lành, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cùng quả bất tận. Lần lữa cho đến sau vào Niết bàn, Thiết lợi la mình và các đệ tử vẫn được người đời cung kính cúng dường thế lực căn lành như vậy mới được bất tận.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều không có sở đắc, bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và các thần thông có gì sai khác?

Phật bảo: Thiện Hiện! Không sở đắc ấy, bố thí kể cả năm Ba la mật kia và các thần thông đều không có gì sai khác. Nhưng vì muốn khiến kẻ có sở đắc kia **lìa chấp đắm**, phương tiện tuyên nói bố thí cùng năm Ba la mật kia và các thần thông có tướng sai khác.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!Vì nhân duyên gì không sở đắc, bố thí cùng năm Ba la mật kia và các thần thông nói không sai khác?

Phật bảo: Thiện Hiện! Các Bồ Tát Ma ha tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, chẳng đắc bố thí, chẳng đắc kẻ thí, chẳng đắc kẻ thọ, chẳng đắc vật thí, chẳng đắc quả thí mà hành bố thí. Chẳng đắc tịnh giới mà hộ tịnh giới. Chẳng đắc nhẫn nhục mà tu nhẫn nhục. Chẳng đắc tinh tiến mà siêng tinh tiến. Chẳng đắc thiền định mà vào thiền định. Chẳng đắc Bát Nhã mà khởi Bát Nhã. Chẳng đắc tất cả pháp Phật mà tu tất cả pháp Phật. Chẳng đắc hữu tình mà thành thục hữu tình. Chẳng đắc cõi Phật mà nghiêm tịnh cõi Phật. Chẳng đắc tất cả pháp mà chứng Vô thượng Bồ đề.

Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nên hành vô sở đắc Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế. Nếu đại Bồ Tát năng hành vô sở đắc Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế, tất cả ác ma và quyến thuộc ma đều chẳng thể phá hoại được”.

Có sở đắc thời không đắc, không hiện quán, không đắc Vô thượng Bồ đề. Nhưng không sở đắc, tức là đắc, tức là hiện quán, tức đắc Vô thượng Bồ đề. Nếu trong “không sở đắc” muốn đắc, muốn hiện quán, muốn chứng Vô thượng Bồ đề, Phật bảo là phá hoại pháp giới.

*Có sở đắc hay vô sở đắc là **nhị pháp**, pháp Phật là pháp môn bất nhị. Tuy biết hoặc đắc hoặc chẳng đắc tất cả các thiện pháp mà Bồ Tát vẫn tu các thiện pháp. Cho đến tuy biết hoặc đắc hoặc chẳng đắc Nhất thiết trí trí mà Bồ Tát vẫn tu Nhất thiết trí trí. Hoặc đắc hoặc chẳng đắc hữu tình*

mà thành thục hữu tình. Hoặc đắc hoặc chẳng đắc cõi Phật mà nghiêm tịnh cõi Phật v.v…Vì biết tất cả pháp đều vô sở hữu, bất khả đắc vậy.

Đem tâm ly tướng vô lậu lìa đắm lìa nhiễm, tu các thiện pháp mà chẳng thấy tâm vô lậu cũng chẳng thấy tất cả Phật pháp, các Bồ Tát này khi thực hành Bát Nhã thậm thâm như thế năng đối với pháp vô tướng, vô tác chóng viên mãn các Ba la mật, cũng năng tròn đầy các công đức khác. Đó gọi là tu vô tướng và tu vô tướng đây là tu Bát **Nhã.**

Đây là một đoạn Kinh vi diệu trong những đoạn Kinh vi diệu nhất của ĐBN. Pháp tu này hết sức quan trọng vì trừ được phân biệt, chấp trước đồng thời phá ngã. Bát Nhã là phóng xả hết, không muốn nắm bắt cất giữ bất cứ thứ gì làm vướng bận tâm thể để được rỗng rang tự tại mà đạt vô niệm vô tâm. Hơn bao giờ hết, vô sở hữu, bất khả đắc ***trở thành Thánh chỉ cần thiết*** *trong việc tu tập và thực hành Bát Nhã nói riêng hay các pháp môn Phật học nói chung. Vì vậy, vô sở hữu, bất khả đắc được định nghĩa là* ***"tên khác của không"****, không này là Tánh Không, không này là Bát Nhã hay là huệ, huệ đến từ bờ kia.*

3. Tất cả pháp không năng tác, sở tác:

Nếu Bát Nhã chẳng thể nắm bắt được, quả vị Giác ngộ chẳng thể nắm bắt được, người hành Bát Nhã, chỗ hành, khi hành cũng chẳng thể nắm bắt được, thì tại sao đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật, đối với tất cả pháp, ***thường hay giản trạch****(so đo, chọn lựa): Đây là sắc, đây là thọ tưởng hành thức; đây là xứ giới, tứ thiền bát định, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao?*

Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, tuy đối với các pháp thường hay giản trạch ***nhưng chẳng nắm bắt sắc****, cũng chẳng nắm bắt thọ, tưởng, hành, thức; cũng chẳng nắm xứ giới, tứ thiền bát định, Nhất thiết trí trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao.*

Nhưng nếu chẳng nắm bắt tất cả pháp Phật, thì làm sao viên mãn Bát Nhã. Nếu không viễn mãn Bát Nhã làm sao được Nhất thiết trí trí, làm sao chứng được Vô Thượng Giác ngộ, làm sao chuyển bánh xe pháp cứu độ chúng sanh? Thật sự thì đại Bồ Tát chẳng vì sắc mà tu Bát Nhã, cũng

chẳng vì thọ, tưởng, hành, thức mà tu Bát Nhã. Nói chung, đại Bồ Tát cũng chẳng vì tất cả pháp Phật mà tu Bát Nhã. Vì sao? Vì tất cả là pháp không, trong không làm gì có năng tác, sở tác; Bát Nhã cũng không có năng tác, sở tác; quả vị Giác ngộ tối cao cũng không có năng tác, sở tác; đại Bồ Tát cũng không có năng tác, sở tác. Như vậy, đại Bồ Tát nên ***lấy không năng sở làm phương tiện mà tu hành Bát nhã Ba la mật****. Đó là cái thấy của Thánh nhân, cái thấy của đệ nhất nghĩa đế, hoàn toàn khác với thế tục.*

Nếu tất cả pháp không có năng tác sở tác, tại sao chư Phật lại phân định ba thừa là Thanh văn thừa, Độc giác thừa và Vô Thượng thừa? Sở dĩ, chư Phật phân định như vậy vì hữu tình do thiếu học nên thường chấp đắm. Hữu tình tự nghĩ phải dùng tất cả pháp Phật mới có thể chứng đắc Vô thượng giác ngộ. Vì các hữu tình ấy nghĩ tưởng tất cả pháp Phật chắc chắn có thể nắm bắt được: Ta quyết định sẽ chứng đắc Vô thượng Bồ đề, thoát các khổ sanh tử, khiến đạt được Niết bàn rốt ráo thường lạc.

Phật bảo Thiện Hiện:

"Này Thiện Hiện! Ta dùng năm loại mắt như thật quan sát, quyết định không có ngã (Phật) năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, an lập ba nhóm hữu tình sai khác. Nhưng các hữu tình ngu si điên đảo đối với pháp phi thật khởi tưởng thật pháp, đối với hữu tình phi thật khởi tưởng thật hữu tình. Ta vì dẹp trừ chấp trước hư vọng đó, nên nương vào thế tục mà nói, chứ chẳng y thắng nghĩa".

4. Đâu là chỗ trụ, đâu là chỗ chứng?

"Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có phải trụ thắng nghĩa, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải trụ điên đảo, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng trụ thắng nghĩa, cũng chẳng trụ điên đảo chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, thì chắc sẽ không có Thế Tôn chứng quả vị Giác ngộ tối cao?

- Không! Thiện Hiện! Ta tuy chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, nhưng chẳng trụ hữu vi giới, cũng chẳng trụ vô vi giới. Này Thiện Hiện! Như các hóa nhân mà Như Lai đã biến hóa ra tuy chẳng trụ hữu vi giới, cũng chẳng trụ vô vi giới, nhưng có đi, có đến, có đứng, có ngồi.

Hóa nhân đó cũng hành bố thí, tịnh giới; cũng tu 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí v.v… Hóa nhân ấy nếu chứng quả vị Giác ngộ tối cao, chuyển pháp luân mầu nhiệm làm các Phật sự. Hóa nhân ấy lại biến hóa ra vô lượng hữu tình, rồi trong số hữu tình đó, kiến lập ba nhóm sai biệt như Chánh tánh định v.v… Như Lai cũng vậy, biết tất cả pháp đều như biến hóa, nói tất cả pháp đều như biến hóa, tuy có việc làm nhưng không chơn thật, tuy độ hữu tình nhưng không sở độ, như hóa nhân hóa độ hữu tình. Các đại Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật, nên biết các hóa nhân mà Phật đã biến hóa ra, tuy có làm việc mà không chấp trước. Phật cùng hóa nhân và tất cả pháp bình đẳng không sai biệt. Vì sao? Vì sự việc mà Phật đã làm, thì hóa nhân của Phật cũng có thể làm".

Có trụ là có trói buộc, thì không còn tự do trong tư tưởng hay hành động nữa. Nên vô trụ là chỗ trụ của Bát Nhã. Nên người Đại thừa lấy vô sở trụ làm chỗ trụ. Trụ như vậy mới gọi là chân trụ!

Tu mà nghĩ đến chứng đắc là còn sở cầu, sở đắc thì tâm không còn thanh tịnh nữa, nên không thể chứng, không thể đắc. Chứng hay đắc chỉ là cái thầm ngộ chẳng thể nói cho người. Nên tu không bao giờ nói đến chứng đắc mà bị quở là hý luận!

5. Hoại hay không hoại các pháp và pháp tánh?

*Nên biết, thân Như Lai cùng với hóa Phật bình đẳng, không sai biệt, vì dùng các pháp và pháp tánh làm định lượng. Tại sao lấy các pháp và pháp tánh làm định lượng? Bởi vì, pháp tánh là thể tánh các pháp, thể tánh của các pháp thì chân thực thường như, nên gọi là chân như. Pháp giới: **Giới** nghĩa là chỗ nương. **Chân như** cũng là chỗ nương của các pháp. Bình đẳng tánh: Lìa tướng sai biệt của các pháp, bình đẳng không hai. Các từ chân như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh... tất cả đều một như, bình đẳng, vô sai biệt. Vậy, pháp tánh cũng đồng nghĩa với chân như. Và, người hiểu được tánh chân thật tràn đầy trong vũ trụ thì được xem là giác ngộ. Nên những từ đó được xem như là những tiêu chuẩn để*

đo lường Giác ngộ. Do đó, Kinh bảo: Đại Bồ Tát ***dùng các pháp và pháp tánh mà làm định lượng*****.**

Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, dùng phương tiện thiện xảo nhập vào các pháp và pháp tánh rồi, nhưng đối với các pháp chẳng hoại pháp tánh, nghĩa là ***chẳng phân biệt****: Đây là Bát Nhã, đây là pháp tánh của Bát Nhã; đây là 18 pháp không, đây là pháp tánh của 18 pháp không; đây là chân như, đây là pháp tánh của chân như v.v… cho đến đây là quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật, đây là pháp tánh của quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật.* ***Đó là lý do đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã chẳng phân biệt sự sai khác giữa các pháp và pháp tánh như thế mà hoại pháp tánh.***

Nhưng một khi nói đây là sắc, đây là thọ, tưởng, hành, thức, đây là chân như, đây là pháp giới v.v… Nói như thế tức là phân biệt, thì lẽ nào không hoại các pháp, pháp tánh? Phật nói như thế nọ hay thế kia chẳng qua chỉ ***dùng danh tướng phương tiện giả nói*** *các pháp, pháp tánh, khiến các hữu tình ngộ nhập lý vô sai biệt của các pháp và pháp tánh. Tùy theo thế tục mà Phật giả lập danh tướng, phương tiện tuyên thuyết các pháp, pháp tánh* ***nhưng không chấp trước****.*

Nếu đối với danh, trước danh; đối với tướng, trước tướng, thì như thế đối với không cũng trước không, đối với vô tướng trước vô tướng, đối với vô nguyện trước vô nguyện; đối với chân như trước chân như... Một khi có chấp có trước thì không thể nào chứng quả Vô thượng Bồ đề. Vì tất cả pháp chỉ có danh tướng. Danh tướng ấy chỉ giả đặt ra, ***tánh của danh tướng là không, danh tướng không sanh, không diệt, cũng không trụ,*** *các loài hữu tình điên đảo chấp trước, nên bị lưu chuyển sanh tử, chẳng được giải thoát. Vì vậy, Thánh giả mới phát Bồ đề tâm, hành Bồ Tát đạo, dần dần chứng đắc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, chuyển bánh xe pháp, dùng pháp ba thừa độ thoát hữu tình, khiến ra khỏi sanh tử, nhập cảnh giới Niết bàn.*

6. Thế nào là ba trí

(Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí?)(1)

Đại cương, ***Nhất thiết trí****: Là cộng trí của Thanh văn và Độc giác, trí nầy có thể biết rõ năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới v.v... nhưng không có thể biết tất cả đạo tướng, tất cả các loại tướng và tất cả pháp.*

Đạo tướng trí*: Là cộng trí của Bồ Tát. Bồ Tát nên học tất cả đạo tướng, đó là đạo tướng Thanh văn, đạo tướng Độc giác, đạo tướng Bồ Tát, đạo tướng Như Lai. Các đại Bồ Tát đối với các đạo này thường nên tu học khiến mau viên mãn; tuy dùng đạo này làm việc nên làm, nhưng không khiến chứng thật tế.*

Nhất thiết tướng trí: *Là diệu trí bất cộng của các Như Lai Ứng Chánh Đẳng giác. Trí này biết tất cả pháp đều đồng một tướng, đó là tướng tịch diệt. Vì vậy, gọi là Nhất thiết tướng trí. Các hành trạng tướng là biểu tượng các pháp, Như Lai như năng khắp giác biết, vậy nên gọi tên Nhất thiết tướng trí.*

Ba trí này đều có thể đoạn trừ các phiền não lậu hoặc. Thanh văn, Độc giác chỉ có thể đoạn trừ các phiền não lậu hoặc thô, nhưng không thể đoạn trừ các phiền não lậu hoặc câu sanh vi tế. Chỉ có Bồ Tát, Phật mới có khả năng đoạn trừ vĩnh viễn tất cả tập khí phiền não tương tục nhỏ nhiệm. Một khi phá trừ hết tất cả tập khí phiền não nhỏ nhiệm thì mới có thể chứng đắc vô vi. Nhưng trong pháp vô vi cũng không có sự sai biệt giữa Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát hay Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao? Vì tự tướng của tất cả pháp sở hữu đều không, không tiền tế, không trung tế, không hậu tế. Nhưng các hữu tình chẳng thể hiểu rõ tự tướng của các pháp sở hữu đều không. Vì ích lợi cho họ nên phương tiện phân biệt chỉ rõ đây là tiền tế, đây là trung tế, hậu tế… Nhưng trong tự tướng của tất cả các pháp, tiền tế, trung tế, hậu tế đều chẳng thể nắm bắt được. Nếu đại Bồ Tát đạt được tự tướng của tất cả pháp đều không rồi, tu hành Bát nhã Ba la mật thì đối với các pháp, không có chấp trước. Đó là không chấp trước pháp trong, pháp ngoài, pháp thiện, pháp ác, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Độc giác, hoặc pháp Bồ Tát, hoặc pháp Như Lai. Đối với tất cả pháp như thế, đều không chấp trước. (Q.363, ĐBN)

7. Nương nghĩa gì mà gọi là Bát nhã Ba la mật?

Nhờ Bát Nhã, ***tất cả pháp đều đến bờ kia rốt ráo****, nương nghĩa đây nên gọi là Bát nhã Ba la mật. Nhờ Bát Nhã mà Thanh văn, Duyên giác, Bồ*

Tát, Như Lai sang được bờ kia, nương nghĩa đây nên gọi là Bát nhã Ba la mật.

Do Bát Nhã nhiếp chứa chân như, pháp giới, pháp tánh... nói rộng cho đến bất tư nghì giới, nương nghĩa đây nên gọi là Bát nhã Ba la mật.

Do Bát Nhã đây năng sanh tất cả các pháp lành thù thắng, năng phát tất cả biện tài trí tuệ, năng đem lại tất cả lợi vui thế gian xuất thế gian, năng soi tất cả nghĩa lý sâu thẳm, nương nghĩa đây nên gọi là Bát nhã Ba la mật.

Do Bát Nhã đây lý thú vững chắc chẳng thể động hoại, nương nghĩa đây nên gọi là Bát nhã Ba la mật. (*Phẩm "Phương Tiện Khéo Léo", Q.526, ĐBN).*

Các đại Bồ Tát nên như thật tu hành nghĩa thú sâu xa của Bát nhã Ba la mật như thế!

8. Hành Bát Nhã chẳng nên hành nghĩa hay phi nghĩa:

*Đại Bồ Tát vì hành nghĩa thú sâu xa của Bát nhã Ba la mật, nên nghĩ thế này: Ta chẳng nên **hành nghĩa phi nghĩa của sắc**; ta chẳng nên hành nghĩa phi nghĩa của thọ, tưởng, hành, thức. Ta chẳng nên hành nghĩa phi nghĩa của xứ, giới, 4 thiền, 4 định, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến chẳng nên hành nghĩa phi nghĩa của quả vị Giác ngộ tối cao. **Vì sao? Vì khi Như Lai đắc quả vị Giác ngộ tối cao chẳng thấy có pháp nào có thể cùng với pháp nhỏ nhiệm nào tạo nghĩa hay phi nghĩa.***

Như Lai xuất thế hay chẳng xuất thế, thì các pháp, pháp tánh, pháp trụ, pháp định... thường trụ như thế, không có pháp nào đối với pháp nào làm nghĩa phi nghĩa. Như vậy, đại Bồ Tát nên xa lìa nghĩa phi nghĩa, khi hành Bát nhã Ba la mật.

*Bát nhã Ba la mật vì sao chẳng cùng các pháp tạo thành nghĩa phi nghĩa? **Vì Bát nhã Ba la mật đối với pháp hữu vi, pháp vô vi đều không tạo tác, không ân không oán, không thêm không bớt**. Vì vậy, Bát nhã Ba la mật chẳng cùng các pháp tạo thành nghĩa phi nghĩa. Đại Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật phải rời nghĩa và phi nghĩa. Đại Bồ Tát cần phải học Bát nhã Ba la mật vô vi sâu xa, mới có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí, nhưng **không dùng pháp bất nhị làm phương tiện.***

9. Thế nào là bất nhị pháp môn?

"Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có phải dùng pháp bất nhị, đắc pháp bất nhị chăng?
- Không! Thiện Hiện!
- Bạch Thế Tôn! Có phải dùng pháp nhị, đắc pháp bất nhị chăng?
- Không! Thiện Hiện!
- Bạch Thế Tôn! Nếu không có hai pháp, chẳng dùng pháp nhị, pháp bất nhị mà đắc, thì đại Bồ Tát làm sao đắc Nhất thiết trí trí?
- Này Thiện Hiện! **Pháp nhị bất nhị đều chẳng thể nắm bắt được, cho nên chẳng phải có sở đắc nên đắc, cũng chẳng phải vô sở đắc nên đắc, vì pháp hữu sở đắc, pháp vô sở đắc chẳng thể nắm bắt được. Không chỗ đắc tức là đắc, bởi đắc này không chỗ đắc. Nếu biết như thế mới chứng đắc Nhất thiết trí trí".**

*Đây là các giáo lý căn bản của Bát Nhã đề cập đến hữu sở đắc-vô sở đắc, năng hành-sở hành, năng tác-sở tác, năng chứng-sở chứng, năng trụ-sở trụ v.v... Tất cả như thế gọi **nhị pháp**. Người nào dùng nhị pháp làm phương tiện tu hành sẽ không đắc Bát Nhã, không được Nhất thiết trí trí, không được Vô thượng Bồ đề. Bát nhã Ba la mật thậm thâm là Vô sở đắc, Nhất thiết trí trí cũng Vô sở đắc, người thực hành Bát Nhã, chỗ thực hành và khi thực hành, tất cả cũng đều Vô sở đắc. Và Vô sở đắc cũng Vô sở đắc nốt. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không, tất cả pháp đều như. Nếu biết như vậy, thì "như như bất động", nên không còn chấp trước nữa, mới chứng được Vô Thượng Giác ngộ.*

Chúng sanh lúc nào cũng thấy thiện-ác, tội-phước, nhiễm-tịnh... đó là các pháp lưỡng nguyên, nên bị trôi lăn trong sanh tử, chịu nhiều trầm luân khổ ải. Muốn giải thoát thì trong 84.000 pháp môn phải học pháp môn bất nhị mới có thoát khỏi trầm luân, nếu không thì không những đời này, kiếp này... mà trong nhiều đời nhiều kiếp phải bị trôi lăn thôi!

Thích nghĩa cho <u>phần sau</u> lược giải này:

(1). Ba trí hay tam trí(三智; C: sānzhì; J: sanchi): Trong đạo Phật phân chia ba trí thành nhiều loại khác nhau tùy các Tông phái:

*1- **Loại thứ nhất gọi là**: 1- Pháp trí (法智), trí huệ hiểu biết chư pháp; 2- Tỉ trí (比智), trí hiểu biết, phân biệt vạn vật sai biệt và 3-*

Đẳng trí (等智)*, trí thế tục* (*theo A-tì-đàm Tì-bà-sa luận*阿毘曇毘婆沙論).

*2- **Loại thứ hai gọi là**: 1- Nhất thiết trí* (一切智*), trí huệ hiểu biết tất cả; 2- Đạo tướng trí hay Đạo chủng trí* (道種智)*, trí biết được những con đường tu tập khác nhau; 3- Nhất thiết tướng trí, Nhất thiết chủng trí hay Nhất thiết trí trí* (一切智智)*, trí thông đạt tất cả những loại trí huệ khác. Ba loại trí này tương quan đến ba Thánh quả Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát hay Phật(đã thích nghĩa nhiều lần)*

*3- **Loại thứ ba là**: 1- Văn tuệ (Phạm:Zrutamayì prajĩà): Tuệ do nghe từ 3 tạng 12 phần giáo mà được; 2- Tư tuệ (Phạm: Cintàmayì prajĩà): Sự tư duy về đạo lý đã nghe, đã thấy và 3- Tu tuệ (Phạm: Bhàvanàmayì prajĩà): Do nương vào sự tu tập mà phát sinh.*

*4- **Loại thứ tư là**: 1- Thanh tịnh trí (Phạm: Zuddhajĩàna): Trí quán Đệ nhất nghĩa, đoạn trừ tất cả tập khí phiền não, lìa chướng, vô nhiễm. Đây là trí Đệ nhất nghĩa của Như lai. 2- Nhất thiết trí (Phạm: Sarva-jĩàna): Trí biết rõ tất cả pháp tướng như tất cả thời, tất cả cõi, tất cả việc, tất cả giống loài... Đây là trí thế đế của Như lai. 3- Vô ngại trí (Phạm:Asaíga-jĩàna): Cũng gọi Vô trệ trí, là trí thế đế của Như lai biết tất cả pháp tướng.*

*5- **Loại thứ năm là**: 1- Thế gian trí (Phạm: Laukikajĩàna): Tức trí của phàm phu, ngoại đạo. Phàm phu, ngoại đạo đối với tất cả pháp phân biệt theo các quan điểm, chấp trước hữu vô, nên không thể ra khỏi thế gian. 2- Xuất thế gian trí (Phạm:Lokottarajĩàna): Trí của hàng Thanh Văn, Duyên giác. Thanh văn, Duyên giác tu tứ đế, 12 nhân duyên, có khả năng ra khỏi thế gian, nhưng vẫn còn rơi vào cái thấy tự tướng, cộng tướng, cho rằng có sinh tử đáng chán, có Niết bàn để cầu. 3- Xuất thế gian thượng thượng trí (Phạm: Lokottaratama-jĩàna): Trí của chư Phật, Bồ Tát. Trí của chư Phật, Bồ Tát quán thấy tất cả pháp đều vắng lặng, chẳng sinh chẳng diệt, được địa vị Như lai, vượt trên Thanh văn, Duyên giác.*

*6- **Loại thứ sáu là:** 1- Ngoại trí: Trí khéo phân biệt rõ ràng các cảnh 6 căn 6 trần, biết suốt cổ, kim, thông hiểu mọi việc thế tục. 2- Nội trí: Trí khéo diệt trừ vô minh phiền não, tâm ý tịch tĩnh. 3- Chân trí: Trí khéo thông suốt tịnh và uế là cùng một thể, không có sai khác, muôn vật vốn tự vắng lặng.*

*7- **Loại thứ bảy** (bốn trí theo Duy thức học) là: 1- Thành sở tác trí, 2- Diệu quan sát trí, 3- Bình đẳng tánh trí và 4- Đại viên cảnh trí hay Đại viên kính trí.*

Lại có rất nhiều loại trí khác nhau như mười trí cộng với như thật trí (còn gọi như thuyết trí) tạo thành mười một trí, đã giải thích tường tận trong phần trước, đã liệt kê trên.

Kết luận:

*Đây có thể coi là phẩm quan trọng trong việc tìm hiểu và tu học Bát nhã Ba la mật. Tất cả **giáo lý cốt tủy Bát nhã Ba la mật đều được tóm thâu trong phẩm này**: Thế nào là Bát nhã Ba la mật? Thế nào là học hành dẫn Bát nhã Ba la mật? Thế nào là pháp môn bất nhị? Thế nào hữu sở đắc, vô sở đắc? Thế nào là năng tác, sở tác? Đâu là chỗ trụ, chỗ chứng? Thế nào là chấp trước đưa đến tâm hành nguy hại ra sao, v.v... và v.v...? Kinh đã giải thích quá rõ, nên không cần phải luận giải thêm. Tuy nhiên, các Hội kế tiếp cho đến khi chấm dứt, chúng ta còn rất nhiều dịp thảo luận và học hỏi các giáo pháp này. Ở đây, chỉ cần kiên nhẫn và quyết tâm thì có tất cả./.*

---o0o---

62. PHẨM "NÓI THẬT"

Cuối Q.363 đến đầu Q.366, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Đạo Thọ" quyển thứ 24, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

(Bát nhã Ba la mật này rất sâu)

Chư đại Bồ Tát chẳng thấy có chúng sanh mà vì chúng sanh cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đây là việc rất khó. Như người muốn trồng cây giữa hư không, muốn hưởng kết quả, điều này không thể có. Cũng như vậy, đại Bồ Tát vì chúng sanh mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nhưng chúng sanh cũng bất khả đắc, làm sao có thể độ chúng sanh? Hành mà không thấy sở hành, độ mà không có người đắc độ, cái đó mới khó như người trồng cây chẳng biết có kết quả hay không mà vẫn yêu quí vun trồng tưới bón, cây lớn dần ra lá, đơm bông, kết trái, cho hột thành tựu hưởng dụng. Cũng vậy, chư đại Bồ Tát vì chúng sanh cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, lần lượt hành sáu Ba la mật, được Nhất thiết chủng trí, thành tựu quả Phật đem lá, hoa, trái, hột lợi ích chúng sanh.

Thế nào là **lá** lợi ích chúng sanh?
- Chúng sanh nhờ đại Bồ Tát mà được lìa khỏi ba ác đạo, đó là **lá lợi ích**.

Thế nào là **hoa** lợi ích chúng sanh?
- Nhờ đại Bồ Tát mà chúng sanh được sanh làm người thuộc dòng cao quý, được sanh ở cõi Trời Tứ Thiên Vương nhẫn đến cõi Trời Phi Phi Tưởng, đó là **hoa lợi ích**.

Thế nào là **quả** lợi ích chúng sanh?
- Đại Bồ Tát đó được Nhất thiết chủng trí làm cho chúng sanh được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả Phật, chúng sanh này lần lần dùng pháp ba thừa nhập vô dư Đại Niết Bàn, đó là **quả lợi ích**.

Đại Bồ Tát đó chẳng thấy có thật chúng sanh mà độ chúng sanh khiến lìa ngã chấp điên đảo. Đại Bồ Tát nghĩ rằng: Trong tất cả pháp không có chúng sanh, ta vì chúng sanh mà cầu Nhất thiết chủng trí, chúng sanh đó thật bất khả đắc. *(Q.24, MHBNBLMĐ)*

(Đại Bồ Tát tức là Như Lai)

Vì các đại Bồ Tát có khả năng dứt trừ vĩnh viễn tất cả địa ngục, cũng có khả năng dứt trừ vĩnh viễn tất cả bàng sanh, quỷ giới, cũng có khả năng dứt trừ vĩnh viễn tất cả nghèo khó, dứt trừ tất cả đường hạ liệt, cũng có khả năng dứt trừ tất cả cõi Dục, Sắc và Vô sắc giới.

Nếu không có đại Bồ Tát phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, thì thế gian không có tam thế Phật*(1)*, cũng không có Độc giác xuất hiện ở đời, cũng không có A la hán; cũng không có khả năng dứt trừ vĩnh viễn tam ác đạo, dứt trừ nghèo khổ, đường hạ liệt, cũng không có khả năng dứt trừ ba cõi. Vì vậy, **nên biết đại Bồ Tát tức là Như Lai.**

Vì sao? Nếu **do như** này an lập Như Lai, tức do như này an lập Độc giác. Nếu do như này an lập Độc giác, tức do như này an lập Thanh văn. Nếu do như này an lập Thanh văn, tức do như này an lập tất cả Hiền Thánh. Nếu do như này an lập tất cả Hiền Thánh, tức do như này an lập sắc. Nếu do như này an lập sắc, tức do như này an lập thọ, tưởng, hành, thức. Nếu do như này an lập thọ, tưởng, hành, thức, tức do như này an lập mười hai xứ, mười tám giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao. Nếu do như này an lập quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật, tức là do như này an lập cảnh giới hữu vi. Nếu do như này an lập cảnh giới hữu vi, tức là do như này an lập cảnh giới vô vi. Nếu do như này an lập cảnh giới vô vi, tức là do như này an lập tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Nếu do như này an lập tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tức là do như này an lập tất cả Bồ Tát đạo. Nếu do như này an lập tất cả Bồ Tát đạo, tức là do như này an lập tất cả hữu tình. Nếu do như này an lập tất cả hữu tình, tức là do như này an lập tất cả pháp.

Như vậy, tất cả pháp như, tất cả hữu tình như, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như, tất cả đại Bồ Tát như, <u>tất cả là một như, không sai khác</u>; do không sai khác nên gọi là như. Các đại Bồ Tát đối

với như này tu học viên mãn, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì vậy, nên biết, đại Bồ Tát tức là Như Lai, vì tất cả pháp, tất cả hữu tình lấy như này làm định lượng. Cho nên, đại Bồ Tát nên học như này của Bát nhã Ba la mật.

Các đại Bồ Tát nếu học như của Bát nhã Ba la mật sâu xa, thì có khả năng học tất cả pháp như. Nếu có khả năng học tất cả pháp như thì có khả năng viên mãn tất cả pháp như. Nếu có khả năng viên mãn tất cả pháp như, thì đối với tất cả pháp như được an trụ tự tại. Nếu đối với tất cả pháp như được an trụ tự tại, thì có khả năng biết rõ căn tánh thắng liệt của tất cả hữu tình. Nếu có khả năng biết rõ căn tánh thắng liệt của tất cả hữu tình, thì có khả năng thấu rõ sự hiểu biết sai biệt của tất cả hữu tình. Nếu có khả năng thấu rõ sự hiểu biết sai biệt của tất cả hữu tình, thì biết hữu tình do tư nghiệp mà thọ quả. Nếu biết hữu tình do tư nghiệp mà thọ quả, thì có khả năng đầy đủ trí nguyện. Nếu có đầy đủ trí nguyện, thì có khả năng tịnh tu diệu trí ba đời. Nếu có khả năng tịnh tu diệu trí ba đời, thì có khả năng không làm ngược lại Bồ Tát đạo. Nếu có khả năng không làm nghịch lại Bồ Tát đạo, thì có khả năng như thật thành thục hữu tình. Nếu có khả năng như thật thành thục hữu tình, thì có khả năng như thật nghiêm tịnh cõi Phật. Nếu có khả năng như thật nghiêm tịnh cõi Phật, thì có khả năng chứng đắc Nhất thiết trí trí. Nếu có khả năng chứng đắc Nhất thiết trí trí, thì có khả năng chuyển pháp luân mầu nhiệm. Nếu có khả năng chuyển pháp luân mầu nhiệm, thì có khả năng an lập hữu tình ở đạo ba thừa. Nếu có khả năng an lập hữu tình ở đạo ba thừa, thì có khả năng làm cho hữu tình nhập cảnh giới Niết bàn tuyệt đối.

Các đại Bồ Tát thấy tất cả công đức tự lợi, lợi tha như thế, nên phát tâm cầu quả vị Giác ngộ tối cao, dõng mãnh tinh tấn, tu hành Bát nhã Ba la mật kiên cố, không thối lui.

(Hệ cấp giai vị tu hành trong Phật đạo)

Nếu đại Bồ Tát vì độ thoát khắp hữu tình nên khi mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ tối cao, số phước đạt được đã vô lượng, vô biên, chẳng thể tính đếm hết được, nếu so với phước đức của các hữu tình đầy cả tam thiên đại thiên đều đạt bậc Thanh văn hay Độc giác, thì phước đức của những vị này chẳng bằng một phần trăm, chẳng bằng một phần ngàn…

cũng chẳng bằng một phần trong trăm ngàn ức triệu phần đối với các vị đại Bồ Tát mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ tối cao.

Không kể lượng phước của tất cả hữu tình trong thế giới tam thiên đại thiên, đều đạt bậc Thanh văn hoặc Độc giác, giả sử tất cả hữu tình đầy ắp thế giới Tam thiên đại thiên đều an trụ ở bậc tịnh quán địa*(2)*, bậc chủng tánh địa*(3)*, Bậc đệ bát địa*(4)*, bậc kiến địa*(5)*, bậc bạc địa*(6)*, bậc li dục địa*(7)*, bậc dĩ biện địa*(8)*, bậc Độc giác*(9)*, lượng phước mà họ đạt được **so với lượng phước của một đại Bồ Tát mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ tối cao**, thì chẳng bằng một phần trăm, chẳng bằng một phần ngàn… cũng chẳng bằng một phần trong trăm ngàn ức triệu phần.

Giả sử, tất cả hữu tình đầy ắp cả thế giới Tam thiên đại thiên đều vì độ thoát tất cả hữu tình nên mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ tối cao thì lượng phước của các đại Bồ Tát ấy đạt được so với lượng phước của một đại Bồ Tát **nhập Chánh tánh ly sanh** chẳng bằng một phần trăm, chẳng bằng một phần ngàn… cũng chẳng bằng một phần trong trăm ngàn ức triệu phần.

Giả sử tất cả hữu tình đầy ắp cả thế giới Tam thiên đại thiên đều nhập Chánh tánh ly sanh, thì lượng phước của các đại Bồ Tát ấy đạt được so với lượng phước của một đại Bồ Tát hành **Bồ đề hướng**, thì chẳng bằng một phần trăm, chẳng bằng một phần ngàn… cũng chẳng bằng một phần trong trăm ngàn ức triệu phần.

Giả sử tất cả hữu tình đầy ắp cả thế giới Tam thiên đại thiên đều hành Bồ đề hướng, thì lượng phước mà các đại Bồ Tát ấy đạt được, đối với lượng phước đạt được của một **Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác**, thì chẳng bằng một phần trăm, chẳng bằng một phần ngàn… cho đến chẳng bằng một phần trong trăm ngàn ức triệu phần*(10)*.

(Tất cả pháp lấy vô tánh làm tánh)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ tối cao, tư duy điều gì?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ tối cao, **thường chánh tư duy Nhất thiết tướng trí.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nhất thiết tướng trí có tánh gì? Nhất thiết tướng trí duyên cái gì, tăng thượng cái gì, hành tướng là gì, có tướng gì?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nhất thiết tướng trí, vô tánh làm tánh, vô tướng không nhân, không có cảnh giác, không sanh, vô hiện. Lại như ông hỏi, Nhất thiết tướng trí duyên cái gì, tăng thượng cái gì, hành tướng gì, có tướng gì, thì này Thiện Hiện! Với Nhất thiết tướng trí, **vô tánh là sở duyên, chánh niệm là tăng thượng, tịch tịnh là hành tướng, vô tướng là tướng.**

Này Thiện Hiện! Nhất thiết tướng trí, sở duyên như thế, tăng thượng như thế, hành tướng như thế, tướng như thế. *(Q.364, ĐBN)*

Nhưng chẳng phải chỉ riêng có Nhất thiết tướng trí lấy vô tánh làm tánh mà sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng lấy vô tánh làm tánh; mười hai xứ, mười tám giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí cũng lấy vô tánh làm tánh. Năm loại mắt, sáu thần thông cũng lấy vô tánh làm tánh. Cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi cũng lấy vô tánh làm tánh. **Nếu pháp nào không có tự tánh, thì pháp ấy lấy vô tánh làm tánh**. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có tự tánh, xứ giới và tất cả pháp kể cả cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi cũng không có tự tánh. Nếu pháp nào không có tự tánh, thì pháp ấy lấy vô tánh làm tánh.

Tại sao Nhất thiết tướng trí cùng tất cả các pháp đều không có tự tánh? Vì Nhất thiết tướng trí cùng tất cả pháp tự tánh không hòa hợp. Nếu pháp nào tự tánh không hòa hợp, thì pháp ấy lấy vô tánh làm tánh.

Tất cả pháp đều lấy không làm tự tánh, tất cả pháp đều lấy vô tướng làm tự tánh, tất cả pháp đều lấy vô nguyện làm tự tánh.

Do nhân duyên ấy, các đại Bồ Tát nên biết tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh.

(Tất cả pháp lấy chơn như làm tự tánh)

Tất cả pháp đều lấy chơn như làm tự tánh; tất cả pháp đều lấy pháp giới làm tự tánh; tất cả pháp đều lấy pháp tánh làm tự tánh; tất cả pháp đều lấy tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng

tánh, ly sanh tánh làm tự tánh; tất cả pháp đều lấy pháp định, pháp trụ, thật tế làm tự tánh; tất cả pháp đều lấy cảnh giới hư không làm tự tánh; tất cả pháp đều lấy cảnh giới bất tư nghì làm tự tánh *(nghĩa là tất cả pháp đều lấy thập nhị chơn như làm tánh).*

Do nhân duyên ấy, các đại Bồ Tát nên biết tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh.

Nếu tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh thì đại Bồ Tát khi mới phát tâm cầu quả vị Giác ngộ tối cao, thành tựu những phương tiện thiện xảo nào, mà có thể hành lục Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật? Thành tựu những phương tiện thiện xảo nào mà có thể an trụ mười tám pháp không; thành tựu những phương tiện thiện xảo nào mà có thể an trụ chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế v.v… thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật? Thành tựu những phương tiện thiện xảo nào mà có thể hành ba mươi bảy pháp trợ đạo, tứ Thánh đế, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật?

Đại Bồ Tát ấy thành tựu phương tiện thiện xảo thế này: Tu, học, biết tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh.

Đại Bồ Tát ấy tuy hành bố thí, học đạo Bồ đề, nhưng biết đạo Bồ đề **lấy vô tánh làm tự tánh**; tuy hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, học đạo Bồ đề, nhưng biết đạo Bồ đề lấy vô tánh làm tự tánh… cho đến tuy hành Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, học đạo Bồ đề, nhưng biết đạo Bồ đề lấy vô tánh làm tự tánh. Nếu đại Bồ Tát học, hành, an trụ như thế thì đạo Bồ đề được viên mãn; đối với tất cả Ba la mật cũng viên mãn. Vì đã viên mãn Ba la mật nên chỉ trong một sát na tương ưng với diệu trí, chứng đắc Nhất thiết tướng trí của Như Lai. Bấy giờ, tất cả phiền não, tập khí tương tục vi tế vĩnh viễn chẳng sanh, nên gọi là vô dư y đoạn đắc, tức thành Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, nên quán tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh. Như vậy gọi là đại Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo tối thắng, đó cũng là hành Bát Nhã, quán tất cả pháp còn chẳng đắc vô, huống là đắc hữu!

(Quán Có, quán Không!)

Đại Bồ Tát khi hành bố thí Ba la mật thì đối với sự bố thí này, người cho, kẻ nhận, các vật cho và tâm Bồ đề còn **chẳng quán không huống là quán có**. Khi hành tịnh giới Ba la mật thì đối với tịnh giới này, chỗ hộ trì tịnh giới, người trì tịnh giới, tâm giữ tịnh giới, còn chẳng quán không huống là quán có. Khi hành an nhẫn Ba la mật thì đối với an nhẫn này, chỗ tu an nhẫn, người an nhẫn, tâm tu an nhẫn, còn chẳng quán không huống là quán có. Khi hành tinh tấn Ba la mật thì đối với tinh tấn này, chỗ tu tinh tấn, người tu tinh tấn, tâm tu tinh tấn, còn chẳng quán không huống là quán có. Khi hành tịnh lự Ba la mật thì đối với tịnh lự này, chỗ tịnh lự, người tu tịnh lự, tâm tu tịnh lự, còn chẳng quán không huống là quán có. Khi hành Bát Nhã thì đối với Bát Nhã này, chỗ tu Bát Nhã, người tu Bát Nhã, tâm tu Bát nhã Ba la mật, còn chẳng quán không huống là quán có. Tóm lại, **đại Bồ Tát ấy khi tu hành hay an trụ tất cả pháp Phật, thì đối với tất cả Pháp Phật này, người hành hay trụ, lý do hành hay trụ và chỗ hành hay chỗ trụ này, còn chẳng quán không, huống là quán có.**

Vì đại Bồ Tát ấy thường nghĩ: **Các pháp đều lấy vô tánh làm tánh; vô tánh ấy, bản tánh như thế, chẳng phải Phật tạo ra, chẳng phải Độc giác tạo ra, chẳng phải Thanh văn tạo ra, cũng chẳng phải ai khác tạo ra, vì tất cả pháp đều không có tác giả, lìa tác giả.**

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

Các pháp thật ra chẳng lìa pháp tánh?

Phật nói: Thiện Hiện! Thật vậy, **các pháp chẳng lìa pháp tánh.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại hỏi: Nếu tất cả pháp lìa tánh ấy, vì sao pháp lìa năng biết pháp lìa hoặc có hoặc không? Bạch Thế Tôn! Pháp có chẳng lẽ năng biết pháp không, pháp không chẳng lẽ năng biết pháp có. Pháp có chẳng lẽ năng biết pháp có, pháp không chẳng lẽ năng biết pháp không?

Bạch Thế Tôn! <u>**Như vậy tất cả pháp đều lấy vô tri làm tánh**</u>. Làm sao đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã đối với các pháp chỉ rõ được các thứ? Nghĩa là sắc thọ tưởng hành thức hoặc có hoặc không, thập nhị xứ cho đến thập bát giới hoặc có hoặc không. Địa giới cho đến thức giới hoặc có hoặc không. Nhân duyên cho đến tăng thượng duyên hoặc có hoặc không. Tất cả các thiện pháp hoặc có hoặc không. Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí hoặc có hoặc không. Quả Dự lưu cho đến Duyên giác hoặc có hoặc không. Tất cả Bồ Tát hạnh hoặc có hoặc không. Chư Phật Vô

thượng Chánh đẳng Bồ đề hoặc có hoặc không. Nhất thiết trí trí hoặc có hoặc không. Hữu vi giới, vô vi giới hoặc có hoặc không?

Phật bảo: Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã, theo thế tục nên chỉ rõ các pháp hoặc có hoặc không, chẳng theo thắng nghĩa.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế tục và thắng nghĩa có khác nhau chăng?

- Không! Thiện Hiện! Chẳng phải khác thế tục mà riêng có thắng nghĩa. Vì sao? Thiện Hiện! Vì thế tục như là thắng nghĩa. Các loại hữu tình điên đảo vọng chấp, nên đối với như này, chẳng biết, chẳng thấy. Đại Bồ Tát vì thương xót họ, nên theo tướng thế tục, mà chỉ rõ các pháp hoặc hữu, hoặc vô. *(Q.365, ĐBN)*

Lại nữa, Thiện Hiện! Các loại hữu tình đối với các pháp uẩn v.v… khởi tưởng có thật, chẳng biết chẳng phải có. Đại Bồ Tát vì thương xót họ nên phân biệt các pháp hoặc hữu, hoặc vô, làm thế nào để khiến các loại hữu tình đó biết rõ pháp uẩn v.v… đều chẳng phải thật có.

Thích nghĩa:

(1). Tam thế Phật: Ba đời Phật: Phật quá khứ, vị lai và hiện tại như Tỳ Bà Thi là Phật quá khứ, Di Lặc Bồ Tát là Phật vị lai và Thích Ca Mâu Ni là Phật hiện tại.

(2). Bậc Tịnh quán địa tức bậc Can huệ địa (Phạm: Zukha-vidarsanà-bhùmi). Tức là địa thứ nhất của Tam thừa cộng thập địa (mười ngôi vị chung cho ba thừa) trong các giai vị tu hành của Bồ Tát; địa này có tuệ mà không định, cho nên gọi Can tuệ địa. Cũng gọi Quá diệt tịnh địa, Siêu tịnh quán địa, Kiến tịnh địa. Vì các bậc Thánh ba thừa, bắt đầu tu ba phép quán Ngũ đình tâm, Biệt tướng niệm xứ, Tổng tướng niệm xứ, tuy đã có tuệ quán, nhưng chưa hoàn toàn được "nước" lý pháp tính chân đế, cho nên gọi là Can tuệ địa (trí tuệ khô khan).

(3). Bậc Tánh địa (Phạm: Gotra-bhùmi), cũng gọi Tánh địa nhơn hay Chủng tánh địa. Tức địa vị tương đương với giai vị Tứ thiện căn của Thanh văn và giai vị Thuận nhẫn của Bồ Tát, tuy đắm trước thực tướng các pháp, nhưng không sanh tà kiến, đầy đủ trí tuệ và thiền định.

(4). Bậc Đệ bát (Phạm: Awỉamakabhùmi), cũng gọi Đệ bát địa, Bát nhân địa. Nhân nghĩa là nhẫn. Tương đương với 15 tâm kiến đạo của Thanh văn và vô sinh pháp nhẫn của Bồ Tát.

(5). Bậc Kiến địa (phạm: Durzana-bhùmi), cũng gọi Cụ kiến địa. Tương đương với quả Tu đà hoàn của Thanh văn và địa vị A bệ bạt trí (bất thoái chuyển) của Bồ Tát.

(6). Bậc Bạc địa (Phạm: Tanù-bhùmi), cũng gọi Nhu nhuyến địa, Vi dục địa. Tức giai vị đã đoạn trừ 1 phẩm trong 9 phẩm Tư hoặc (phiền não) ở cõi Dục, tức quả Tu đà hoàn hoặc Tư đà hàm. Cũng chỉ cho địa vị Bồ Tát đã đoạn trừ các phiền não, nhưng vẫn còn các tập khí mỏng (bạc), tức địa vị từ A bệ bạt trí trở lên cho đến trước quả Phật.

(7). Bậc Ly dục: (Phạm: Vìta-ràga-bhùmi), cũng gọi Ly tham địa. Tức giai vị Thanh văn đoạn hết phiền não cõi Dục được quả A na hàm và địa vị Bồ Tát lìa dục được 5 thần thông.

(8). Bậc Dĩ tác địa (Phạm: Kftàvì-bhùmi), cũng gọi Sở tác biện địa, Dĩ biện địa. Tức địa vị Thanh văn được tận trí, vô sinh trí chứng đắc A la hán, hoặc Bồ Tát thành tựu Phật địa.

(9). Bậc Độc giác còn gọi là Bích Chi Phật: Quán xét 12 nhân duyên mà thành đạo. (Phật Quang từ điển)

(10). Đây là so sánh giai vị tu hành trong hệ cấp Phật giáo. Có nhiều hệ cấp tùy theo các Tông phái khác nhau:

***I. Hệ cấp phổ thông nhất có tên là Tam thừa cộng thập địa** (Thập địa chung cho Ba thừa). Theo hệ cấp này thì đứng trên hết là Phật (người có quyền năng và phúc đức cao cả nhất đứng trên cùng), kế là Bồ Tát, thứ nữa là Bích chi Phật, đến bậc Dĩ tác địa (A la hán), bậc Li dục (A na hàm), bậc Bạc địa (Tu đà hàm), bậc Kiến địa (Tu đà hoàn), bậc Đệ bát, bậc Tánh địa (hay Tánh địa nhơn), bậc Tịnh địa (hay Tánh quán địa hoặc Can huệ địa).*

***II. Hệ cấp thứ hai gọi là Thập địa Bồ Tát gồm 52 giai vị khác nhau**: Đứng đầu là Diệu giác Bồ Tát (tức Phật), kế đến là Đẳng giác Bồ Tát, tiếp nữa là Thập địa, Thập hồi hướng, Thập hạnh, Thập trụ, Thập tín, v.v... Nhưng các hệ cấp tu hành của Phật giáo không phải được dựng lập bởi Giáo hội như bên Thiên chúa giáo mà các hệ cấp này được dựng lên tùy theo tôn chỉ tu hành từng Tông phái khác nhau.*

Thích nghĩa trên là chi tiết hóa các giai vị. Phần thích nghĩa tổng quát đã ghi rõ ràng trong phẩm "Học Quán" rồi.

Sơ giải:

1. Tất cả pháp lấy <u>vô tánh</u> làm tự tánh.

Các phẩm trước Phật bảo tất cả pháp như huyễn như mộng... Các pháp do duyên hợp giả có, đương thể tức không. Không đây có nghĩa là không có thực thể, không chủ thể nên nói là không có tự tánh. Vì vậy, Phật bảo nếu tất cả pháp không có tự tánh nên lấy vô tánh làm tự tánh. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng lấy vô tánh làm tự tánh; mười hai xứ, mười tám giới, tứ thiền, tứ định, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng lấy vô tánh làm tự tánh. Năm loại mắt, sáu thần thông cũng lấy vô tánh làm tự tánh. Cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi cũng lấy vô tánh làm tự tánh. Nói khác, tất cả pháp đều không có tự tánh, nên lấy **không** *làm tự tánh; lấy* ***vô tướng*** *làm tự tánh,* ***vô nguyện*** *làm tự tánh.*

Do nhân duyên ấy, các đại Bồ Tát nên biết tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh. Đó là cái nhìn của Bát Nhã. Mỗi khi con mắt Bát Nhã giữa trán mở ra nó không nhìn vạn hữu qua hình tướng thiên sai vạn biệt của chúng mà soi thấy chúng qua bản tánh không, bản tánh vô tánh của chúng.

2. Tất cả pháp đều lấy <u>vô tri</u> làm tánh.

Kinh cũng thường nói bản tánh tất cả pháp là trì độn. Trì độn có nghĩa là trơ lì ra như sỏi đá. Vì pháp không tự biết pháp, pháp cũng không biết các pháp khác. Cục đá nằm bên đường ngàn năm vẫn là cục đá cũ. Nó không biết nó đen hay trắng, vuông hay tròn, đẹp hay xấu... vì nó là trì độn, vô tri. Nên nói tất cả pháp đều lấy vô tri làm tánh.

Danh và tướng của vạn hữu cũng do con người đặt ra và khi một vật có danh có tướng thì liền theo đó có phân biệt chấp trước. Và một khi chấp trước xảy ra thì không tránh khỏi mất mát. Đó là cái hư vọng của cuộc đời thường!

Vạn hữu vốn không có thuộc tánh. Nó là nó, nó vô tri, bản tánh là không, không có tự tánh, nên nói lấy vô tri làm tự tánh!

3. Tất cả pháp lấy chơn như làm tự tánh.

Nói về hình sắc, danh tướng... là nói cái vỏ bên ngoài của các pháp. Tất cả pháp đều có muôn màu muôn vẻ khác nhau không thể tính đếm hết được như nữ trang nào nhẫn, vòng, xuyến... hình thù có khác, nhưng chất lượng chế biến ra chúng không khác như vàng chẳng hạn: Nhẫn cũng bằng vàng, vòng xuyến cũng bằng vàng... Vàng bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào cũng có bản chất như nhau. Bản chất đó thường hằng cố hữu bất biến. Nó là cái như thực trong chân như thực tướng (yathàbhùtam) của chính nó. Nó như vậy bởi vì như vậy, chẳng lúc nào chẳng như. Nên được gọi là "pháp như".

Đây là câu chuyện về "Phật Tánh" trong nhà thiền:

Khi Huệ Năng đến thôn Hoàng Mai thọ giáo học Thiền với Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn.

Ngũ Tổ hỏi Huệ Năng:

- Ngươi đến đây cầu gì?

Năng đáp:

- Con cầu làm Phật.

Ngũ Tổ hỏi tiếp:

- Ngươi từ đâu đến?

- Con từ phương Nam đến.

Tổ bèn nói:

- Người phương Nam man rợ, sao làm Phật được?

Năng đáp:

- Người thì ở phương Nam, phương Bắc khác nhau, nhưng ***Phật tánh*** **không khác**.

Hoằng Nhẫn biết đây là người có căn tánh Đại thừa, nên nhận Huệ Năng làm đệ tử và tu chưa đầy một năm Huệ Năng đáp ứng được chỗ tâm yếu, nên được Ngũ Tổ truyền y bát để nối tiếp dòng Thiền chánh tông từ đức Thích Ca Mâu Ni.(1)

Vì sợ nhóm Thần Tú cướp đoạt y bát nên nửa đêm Ngũ Tổ đưa Lục Tổ Huệ Năng xuống thuyền sang sông để trốn về phương Nam. Huệ Minh là đệ tử thân tín của Thần Tú, muốn đoạt y bát lại cho Thần Tú, cỡi ngựa đuổi theo kịp. Lục tổ sợ quá để y bát trên tảng đá rồi chui vô bụi cây trốn. Huệ Minh thấy y bát mừng rỡ định cướp lấy. Nhưng đến khi dỡ lên thì không dỡ nổi, mới tự bảo: Linh vật của ai thì người ấy giữ, không thể cướp đoạt được. Nghĩ như vậy liền hô lớn:

- Con đến đây vì pháp, không phải vì y bát.

Lục Tổ từ trong bụi chui ra, nói với Huệ Minh:

- Nếu ngươi vì pháp thì nên sửa lại áo mũ, ta sẽ vì ngươi nói.

Huệ Minh sửa lại áo mũ xong, Lục Tổ bảo:

- Không thiện không ác, cái gì là ***Bản lai diện mục*** *của Thượng tọa Minh?*

Từ lúc mới đến gặp Ngũ Tổ để cầu đạo, Huệ Năng chỉ là một người thường nói với Ngũ Tổ về Phật tánh. Chưa đầy một năm sau thành đạt đạo hạnh trở thành Tổ thứ sáu cũng nói về Phật tánh (Bản lai diện mục). Con người ở bất cứ nơi đâu, Đông hay Tây, Nam hay Bắc, dù thiện hay ác, dù Thánh hay phàm, nhiễm hay tịnh... đều có cùng một Phật tánh như nhau, nó bình đẳng, phổ cập không sanh, không diệt, không trụ, không dị, như thế thường như, chẳng lúc nào chẳng như trong vô lượng kiếp. Phật tánh mà Lục Tổ tri nhận đó cũng là chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế, bản lại diện mục, như như... tất cả là một như, không hai không khác.

Nên, phẩm "Nói Thật" Q. 364, Hội thứ I, ĐBN bảo rằng:

"Tất cả pháp đều lấy *(chơn)* như làm tự tánh; tất cả pháp đều lấy pháp giới làm tự tánh; tất cả pháp đều lấy pháp tánh làm tự tánh; tất cả pháp đều lấy tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh làm tự tánh; tất cả pháp đều lấy pháp định, pháp trụ, thật tế làm tự tánh; tất cả pháp đều lấy cảnh giới hư không làm tự tánh; tất cả pháp đều lấy cảnh giới bất tư nghì làm tự tánh. Do nhân duyên ấy, các đại Bồ Tát nên biết tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh".

Bằng trí Bát Nhã chư Phật soi thấy tất cả pháp không qua hình tướng biến hoại bên ngoài của chúng. Thấy hình tướng là thấy lớn nhỏ, xấu tốt... Đó là cái thấy phân hai của phàm phu, gọi là Thế đế. Cái thấy của chư Phật là tri nhận cái như thật trong chân như thật tướng của các pháp. Thấy các pháp là trì độn vô tri, không có tự tánh lấy vô tánh làm tự tánh.

Cái thấy đó tuyệt đối gọi là Đệ nhất nghĩa đế, nó vượt qua và vượt trên các đối thể, nó không bị chi phối bởi lưỡng nguyên, nên cái thấy đó không bị câu thúc, dính mắc bởi các hệ lụy thế gian. Vì vậy, chư Phật nói đó là phương tiện thiện xảo để thành tựu Bát Nhã.

4. Các pháp hoặc Hữu hoặc Vô.

Làm sao Bồ Tát hành sâu Bát Nhã đối với các pháp chỉ rõ được các thứ? Nghĩa là sắc thọ tưởng hành thức hoặc có hoặc không, thập nhị xứ cho đến thập bát giới hoặc có hoặc không? Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí hoặc có hoặc không? Hữu vi giới, vô vi giới hoặc có hoặc không?

Các đại Bồ Tát hành Bát Nhã, theo thế tục nên chỉ rõ các pháp hoặc có hoặc không, chẳng theo thắng nghĩa.

Phật bảo: "Vì (chơn) như của thế tục là thắng nghĩa". Các loại hữu tình điên đảo vọng chấp, nên đối với *(chơn)* như này, chẳng biết, chẳng thấy. Đại Bồ Tát vì thương xót họ, nên theo tướng thế tục, mà chỉ rõ các pháp hoặc hữu, hoặc vô. Lại nữa, các loại hữu tình đối với các pháp uẩn v.v… khởi tưởng có thật, chẳng biết chẳng phải có. Đại Bồ Tát vì thương xót họ nên **phân biệt các pháp hoặc hữu, hoặc vô, làm thế nào để khiến các loại hữu tình đó biết các pháp uẩn v.v… đều chẳng phải thật có**".

Đoạn Kinh của Bát Nhã Bát Thiên Tụng do Ngài Trúc Hộ dịch, giải thích đoạn Kinh trên, như sau:

"Phật bảo ông Xá Lợi Phất như sau: Này Xá Lợi Phất! Thực ra không có một pháp nào tồn tại, nếu không biết rõ như thế thì tức là vô minh. Phàm phu vì không biết như thế nên mới sinh lòng chấp trước, vì chấp trước nên cho tất cả pháp là thật có, vì cho các pháp thật có nên chấp trước nhị biên *(chấp hữu chấp vô)*, và vì chấp trước nhị biên nên mới không thấy, không biết cái chân tướng của các pháp; vì không thấy, không biết nên chấp trước tất cả các pháp hiện tại, quá khứ, vị lai, do đó mới chấp có danh sắc: Vì chấp danh sắc nên cho các pháp đều thật có, bởi thế mà không thấy không biết được đạo như thật (Yathabhutam marga), vì không thấy, không biết được đạo như thật nên không siêu việt được tam giới, không thấy rõ được thật tướng của tất cả pháp".

Vì vậy, có kệ nói rằng:

*"Kẻ chấp **CÓ**, đau khổ vì **CÓ**,*
*Người chấp **KHÔNG**, khổ lụy vì **KHÔNG**.*
Tránh lửa đốt đâm đầu chui xuống nước,
Không chết nóng, chết cóng cũng thế thôi!

Kết Luận:
(Cho 2 phẩm: "Đa Vấn Bất Nhị" và "Nói Thật").

Để sáng tỏ phẩm "Đa Vấn Bất Nhị" và phẩm "Nói Thật", không gì hơn, chúng tôi xin trích dẫn lời bình giảng của Thiền sư D.T. Suzuki, để các thiện hữu thưởng thức thêm:

"Bất khả đắc, Vô sở đắc (anupalabdha), hay Vô thủ trước (aparamrista): Vô sở đắc còn có một âm vang của trí thức, trong khi vô thủ trước là thuật ngữ cho xúc cảm. Xác nhận rằng "Nhất thiết trí vốn là vô thủ trước" (apararista hi sarvajnata) sự thực là một trong những lời cảnh giác mà chúng ta thường gặp trong Kinh Bát nhã Ba la mật. Theo đó chúng ta được gây xác tín vững mạnh rằng Kinh điển Đại thừa là một tài liệu mô tả những cái nhìn về mặt khác của **đời sống không bị chi phối bởi lưỡng tính của có và không**. Những đoạn văn dưới, chữ aparamrista được thay thế bằng chữ aslesa và asamga, cùng chỉ cho một ý niệm giống nhau; tác giả của chúng ta cố hết sức cho chúng ta có ấn tượng về sự quan trọng của giáo thuyết Vô trước.

"Bồ Tát khi chứng đắc Giác ngộ, giảng cho hết thảy chúng sinh về pháp bất trước (aslesa). Bất trước có nghĩa là không bị buộc ràng bởi Sắc (rùpasyã-sambandhà), bởi Thọ (vedana), Tưởng (samjnă), Hành (samskàra) và Thức (vijnăna). Khi một người không bị buộc ràng bởi chúng, người ấy không hệ thuộc vào sự sinh và diệt của chúng. Do vô sở trước, người ấy không nằm trong hệ phược hay giải thoát".

"Bát nhã Ba la mật này thật khó tin, khó hiểu. Bởi vì, sắc (rupam) không phải phược không phải giải. Tại sao? Vì sắc lấy vô tánh (asvabhava) làm tự tánh. Các uẩn khác cũng vậy. Chúng không có tự tánh, không có tiền tế, không có trung tế, không có hậu tế. Vì không tự tánh là tự tánh của nó, nên không có trói buộc, không có cởi mở. Vì vậy, Bát nhã Ba la mật thật là khó đạt tới".

"Nếu chấp vào danh (nàma) và tướng (nimitta), ấy là chấp trước (samga). Danh và tướng là những sản phẩm của phân biệt (vikalpa). Phân biệt xảy ra khi Bát nhã Ba la mật bị chấp trước là như vậy. Phân biệt, chấp trước và thất ly trong Bát nhã Ba la mật là những chữ đồng nghĩa và thay thế nhau trong ngôn thuyết của Phật giáo Đại thừa. Sắc là không (rupam sunyam), nhưng khi khẳng nhận như thế, là chấp trước (samga), và chấp trước khiến chúng ta rời xa Bát nhã Ba la mật.

"Giả sử một Bồ Tát phát tâm, đã trải qua tu tập Bồ Tát hạnh, và ôm giữ ý tưởng cho rằng do đó đã chứa nhóm công đức. Nhưng khi móng khởi tâm niệm này là đã có chấp trước, không còn tương ứng với Bát nhã Ba la mật. Bất cứ ở đâu có phân biệt, là có dẫn tới chấp trước; hoặc có thể nói ngược lại rằng bất cứ ở đâu có chấp trước là có phân biệt. **Chỉ đạt tới Giác ngộ khi nào không có chấp trước, không móng khởi tâm niệm, không có hai tướng có và không** (astitva và nastitva)**; vì giác ngộ là vô trước, và tự tánh của nó là không tự tánh**".

Vượt ngoài phân biệt, chấp trước và không có tự tánh, còn được gọi là cảnh giới của thanh tịnh tuyệt đối (atyantavisuddhi). Và Kinh nói do bởi thanh tịnh tuyệt đối đó là Bát nhã Ba la mật là quảng đại chiếu diệu, là vô hòa hiệp, là vô sở đắc, là vô sở chứng, là vô sở liễu tri, là vô sinh, là vô diệt, là vô trụ v.v..." *(2)*

Đây là lý giải của thiền sư D.T. Suzuki tuy ngắn, nhưng rất vi diệu: Hiểu được nó là hiểu thế nào là danh và tướng, thế nào là phân biệt chấp trước, thế nào là bất nhị pháp môn, v.v... của hai phẩm nói trên.

Thích nghĩa cho lược giải này:

(1). Vì tuổi thọ quá cao, nên Ngũ Tổ, ra niêm yết người nào đáp ứng được chỗ tâm yếu của đạo, sẽ truyền y bát để nối tiếp dòng Thiền từ thời Phật Thích Ca Mâu Ni. Pháp thoại lịch sử giữa Thần Tú (tiệm tu) và Huệ Năng (đốn ngộ) trong Thiền Tông Trung Hoa truyền thừa từ Tổ thứ 28 là Bồ Đề Đạt Ma, như sau:

Thân thị Bồ đề thọ
Tâm như minh cảnh đài
Thời thời cần phất thức
Vật sử nhá trần ai.- (Thần Tú)

Dịch:

Thân thiệt Bồ đề thọ,
Lòng như minh cảnh đài,
Hằng hằng lau sạch bụi,
Không để vướng trần ai.

Để đối lại bốn câu kệ trên, Huệ Năng nhờ một bạn đồng môn viết trên tường kế bên để đáp lại 4 câu kệ của Thành Tú, như sau:

Bồ đề bổn vô thọ
Minh Cảnh diệc phi đài
Bản lai vô nhất vật
Hà xứ nhá trần ai. - (Huệ Năng)

Dịch:

Bồ đề đâu phải thọ,
Minh cảnh có chi đài,
Xưa nay không một vật,
Chỗ nào vướng trần ai?

(2). Đoạn Kinh trích dẫn của Thiền sư DT. Suzuki, tóm lược các giáo lý trong các phẩm "Vô Sở Đắc" và "Trước, Chẳng Trước Tướng" trong Kinh ĐBN, do nhóm của Ngài Huyền Trang dịch./.

---o0o---

63. PHẨM "XẢO TIỆN HÀNH"

Phẩm "Xảo Tiện Hành" Q.365 - Q.366, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương với 2 phẩm: Phẩm "Bồ Tát Hạnh" và phẩm "Chủng Thiện Căn", Kinh MHBNBLMĐ)

Gợi ý:

Nói rõ ra, phẩm "Xảo Tiện Hành" của Kinh ĐBN nằm trong:

1. Phần đầu Q.365 cho tới đầu Q.366, tương đương với phẩm "Bồ Tát Hạnh" của Kinh MHBNBLMĐ,

2. Phần giữa Q.366, ĐBN lại tương đương với phẩm "Chủng Thiện Căn" của Kinh MHBNBLMĐ.

3. Phần cuối Q.366, ĐBN thuyết về sáu pháp Ba la mật.

Để dễ chiết giải và dễ tụng đọc chúng tôi cũng chia phẩm này làm 3 phần chính: 1. Bồ Tát hạnh, 2. Chủng thiện căn và 3. Phương tiện thiện xảo.

Tóm lược:

(1. Thế nào là Bồ Tát hạnh hay Bồ Tát đạo?)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát hạnh?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đại Bồ Tát nên hành Bồ Tát hạnh như thế nào? **Đại Bồ Tát phải đối sắc không hành Bồ Tát hạnh, đối thọ tưởng hành thức không hành Bồ Tát hạnh**. Đại Bồ Tát đối với mười hai xứ, mười tám giới không hành Bồ Tát hạnh; đối với mười hai nhân duyên, mười tám pháp Không, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc không hành Bồ Tát hạnh; đại Bồ Tát phải đối với tứ đế, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… **cho đến quả vị Giác ngộ tối cao không hành Bồ Tát hạnh**. Đại Bồ Tát khi hành Bồ Tát hạnh như thế, đối với các pháp, chẳng khởi hai tướng.

Nếu đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật như thế gọi là **vì quả vị Giác ngộ tối cao mà hành Bồ Tát hạnh**.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Thế nào là Phật đà***(1)*?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như giác thật nghĩa, hiện giác thật pháp, thông đạt thật tánh, năng như thật giác tướng tất cả pháp chỗ gọi vô tướng nên gọi là Phật Đà. Đối tất cả pháp tự tướng, cộng tướng, hữu tướng, vô tướng, tự nhiên khai giác nên gọi là Phật Đà. Đối pháp ba đời và pháp vô vi, tất cả chủng tướng, chuyển thành trí vô chướng, nên gọi là Phật Đà. Như thật khai giác cho tất cả hữu tình, khiến lìa các khổ điên đảo, các ác nghiệp, nên gọi là Phật Đà*(2)*.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Vì **nghĩa gì gọi là Bồ đề***(3)*?

Phật Bảo:

- Thiện Hiện: **Chứng pháp không, nên gọi là Bồ đề**. Chứng chơn như, thật tế, pháp tánh, pháp giới nên gọi là Bồ đề. Giả lập danh tướng, phô bày ngôn thuyết, có khả năng giác ngộ chơn thật pháp tối thượng thắng diệu, nên gọi là Bồ đề. Chẳng thể phá hoại, chẳng thể phân biệt, nên gọi là Bồ đề. Biết pháp như, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh không điên đảo của tất cả pháp, nên gọi là Bồ đề. Bồ đề chỉ là giả danh chứ không phải thật tướng có thể nắm bắt được, nên gọi là Bồ đề. Diệu giác chơn tịnh của chư Phật, nên gọi là Bồ đề. Chư Phật do đó mà hiện giác tất cả tướng của các pháp, nên gọi là Bồ đề.

Đại Bồ Tát vì Bồ đề nên khi tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, không ích-không tổn, không tăng-không giảm, không sanh-không diệt, không nhiễm-không tịnh. Khi tu mười tám pháp không, khi an trụ chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế không ích-không tổn, không tăng-không giảm, không sanh-không diệt, không nhiễm-không tịnh. Đại Bồ Tát vì Bồ đề nên khi hành ba mươi bảy pháp trợ đạo, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao không ích-không tổn, không tăng-không giảm, v.v... Vì sao?

Đại Bồ Tát vì Bồ đề nên khi hành Bát Nhã thậm thâm, đối với tất cả pháp hoàn toàn không dùng sở duyên làm phương tiện, chẳng vì ích-tổn, chẳng vì tăng-giảm, v.v… bây giờ và ở đây*(4)*.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát không dùng sở duyên làm phương tiện, thì tại sao đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã lại phải nhiếp thọ lục Ba la mật? Tại sao đại Bồ Tát lại phải nhiếp thọ thập nhị chơn như, mười tám pháp Không, bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, ba mươi bảy pháp trợ đạo… cho đến phải nhiếp thọ Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí? Nếu không nhiếp thọ các pháp, thì làm sao đại Bồ Tát có thể vượt các bậc Thanh văn và Độc giác vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, tu hành chánh hạnh Bồ Tát thập địa, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, chẳng vì hai *(nhị pháp)*nên nhiếp thọ bố thí Ba la mật; chẳng vì hai nên nhiếp thọ tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự; chẳng vì hai nên nhiếp thọ mười tám pháp không, bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc v.v… Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, chẳng vì hai, nên vượt các bậc Thanh văn và Độc giác, chẳng vì hai nên nhập Chánh tánh ly sanh; chẳng vì hai nên tu hành chánh hạnh thập địa; chẳng vì hai nên chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Cụ thọ Thiện Hiện lại hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, chẳng vì hai nên nhiếp thọ lục Ba la mật; chẳng vì hai nên nhiếp thọ tất cả pháp Phật; cho đến chẳng vì hai mà chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì tại sao đại Bồ Tát từ khi mới phát tâm cho đến khi chứng quả, các thiện pháp có thể tăng trưởng được?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! **Tất cả hàng phàm phu ngu si đều nương vào nhị pháp nên các thiện pháp chẳng phát khởi được. Đại Bồ Tát tu hành bất nhị, nên từ khi mới phát tâm cho đến khi chứng quả, các thiện pháp mới có thể tăng trưởng được.**

(2. Chủng thiện căn.)

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát vì căn lành nên hành Bát Nhã chăng?

Phật bảo:

- Chẳng phải! Đại Bồ Tát chẳng vì căn lành nên hành Bát Nhã, cũng chẳng phải chẳng vì căn lành nên hành Bát Nhã. Vì sao? Vì Bát Nhã như vậy, nếu muốn chứng đắc Nhất thiết trí trí, nhưng chưa cung kính cúng dường chư Phật, chưa viên mãn thiện căn thù thắng, chưa được chơn thiện hữu nhiếp thọ thì chẳng bao giờ chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa tiếp:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát nhờ cung kính cúng dường chư Phật, được viên mãn căn lành thù thắng, được nhiều bạn lành nhiếp thọ mới năng được Nhất thiết trí trí như thế chăng?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát từ khi mới phát tâm cung kính cúng dường vô lượng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, từ chỗ chư Phật, nghe nói mười hai bộ kinh. Nghe rồi thọ trì; thọ trì xong, thân ngữ cung kính cúng dường, chuyển đọc, ôn tập, khiến khéo thông lợi; đã thông lợi rồi, tâm khéo quán sát; tâm khéo quán sát rồi, thấy rõ lý thú; thấy lý thú rồi lại khéo thông đạt; đã thông đạt rồi, đắc tam muội, phát khởi sự hiểu biết thông suốt; phát khởi sự hiểu biết thông suốt rồi, cho đến chứng đắc Nhất thiết trí trí, tùy chỗ thọ sanh, đối với giáo nghĩa chánh pháp đã nghe, thọ trì, chẳng bao giờ quên mất; ở chỗ chư Phật, gieo trồng vô lượng thiện căn; do các thiện căn đã nhiếp thọ nên chẳng bao giờ sanh vào đường ác, chỗ bát nạn*(5)*. Lại do thiện căn đã nhiếp thọ nên ở trong tất cả thời, ý ưa thanh tịnh; ý ưa thanh tịnh nên thường nghiêm tịnh sở cầu là cõi Phật, cũng thường thành thục sở hóa là hữu tình. Vì vậy, đại Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật muốn mau chứng đắc Nhất thiết trí trí, **nên phải tinh cần cung kính cúng dường chư Phật, nhiếp thọ viên mãn thiện căn thù thắng, thường cầu gần gũi chơn thiện tri thức, không hề chán mỏi.** *(Q.366, ĐBN)*

Nếu đại Bồ Tát chẳng cung kính cúng dường chư Phật, chẳng viên mãn thiện căn thù thắng, chẳng được nhiều thiện hữu nhiếp thọ, thì chẳng được gọi là đại Bồ Tát, nói chi đến việc chứng đắc Nhất thiết trí trí hay quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì **các đại Bồ Tát ấy đã xa lìa sức phương tiện thiện xảo.**

(3. Thế nào là phương tiện thiện xảo?)

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Những gì là **phương tiện thiện xảo** của Bồ Tát ?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát từ sơ phát tâm, khi **tu hành bố thí Ba la mật**, dùng tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí hoặc cúng dường Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, hoặc cúng dường Độc giác, hoặc cúng dường Thanh văn, hoặc cúng dường các Sa môn, Bà la môn khác, hoặc bố thí người ngoại đạo tu hành phạm hạnh, hoặc bố thí kẻ bần cùng v.v… Đại Bồ Tát ấy tuy hành bố thí nhưng không tưởng nghĩ việc bố thí, không tưởng nghĩ người nhận, không tưởng nghĩ người cho, cũng không tưởng nghĩ tất cả ngã, ngã sở. Vì sao? **Vì đại Bồ Tát ấy quán tự tướng của tất cả pháp đều không, vô khởi vô thành, vô chuyển vô diệt, vào tướng các pháp; biết tất cả pháp vô tác vô năng, vào tướng các hành.** Đại Bồ Tát ấy thành tựu phương tiện thiện xảo như thế, luôn luôn tăng trưởng thiện căn thù thắng. Do thiện căn thù thắng, nên có thể hành bố thí, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật; chẳng mong cầu được quả bố thí, nghĩa là chẳng tham trước cảnh giới khả ái do việc bố thí mà được, cũng chẳng tham cầu quả báo tốt đẹp trong sanh tử do bố thí mà được, chỉ vì cứu hộ người không ai cứu hộ và muốn giải thoát cho người chưa giải thoát.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào từ lúc mới phát tâm **tu hành tịnh giới Ba la mật,** dùng tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí mà thọ trì tịnh giới, thì tâm ý chẳng bị tham dục che lấp, cũng lại chẳng bị sân nhuế che lấp, chẳng bị ngu si che lấp, chẳng bị tùy phiền não*(6)*, các triền phược và các pháp ác bất thiện làm chướng đạo Bồ đề, đó là xan lẫn ác hoặc, phẫn nhuế, giải đãi, liệt tâm, loạn tâm, ác tuệ, các mạn, quá mạn, mạn quá mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, ty mạn, tà mạn; cũng thường chẳng khởi tác ý tương ưng Thanh văn, Độc giác. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy quán tự tướng của tất cả pháp đều không, vô khởi vô thành, vô chuyển vô diệt, vào tướng các pháp; biết tất cả pháp vô tác vô năng, vào tướng các hành. Đại Bồ Tát ấy thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy, nên luôn luôn tăng trưởng thiện căn thù thắng; do thiện căn tăng trưởng, nên có thể hành tịnh giới, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Tuy hành tịnh giới, mà chẳng mong cầu đắc quả tịnh giới, đó là chẳng tham trước cảnh giới khả ái do giữ giới mà được, cũng chẳng tham cầu quả báo tốt đẹp trong sanh tử do

giữ giới mà được, chỉ vì cứu hộ người không ai cứu hộ và muốn giải thoát người chưa giải thoát.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào từ lúc mới phát tâm **tu hành an nhẫn Ba la mật,** dùng tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí mà tu học an nhẫn thì đại Bồ Tát ấy thậm chí vì bảo vệ sự sống của mình cũng chẳng phát khởi một niệm sân nhuế, chẳng phát lời nói thô ác và khởi tâm oán hận báo thù. Giả sử có người đến muốn giết hại thân mạng, cướp đoạt tài sản, xâm phạm thê thiếp, láo khoét dối trá, ly gián thân hữu, nhục mạ thô tục, giễu cợt bôi nhọ, hoặc chà đạp hoặc đánh đập, hoặc cắt hoặc chặt... thì đại Bồ Tát ấy đối với ác nhân kia hoàn toàn không phẫn hận. Vì sao? Vì Đại Bồ Tát ấy quán tất cả pháp, tự tướng đều không, vô khởi vô thành, vô chuyển vô diệt, vào tướng các pháp; biết tất cả pháp vô tác vô năng, vào tướng các hành. Đại Bồ Tát ấy thành tựu phương tiện thiện xảo như thế, luôn luôn tăng trưởng thiện căn thù thắng; do thiện căn thù thắng thường tăng trưởng, nên có thể hành an nhẫn, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Tuy hành an nhẫn, nhưng chẳng mong cầu đắc quả nhẫn, đó là chẳng tham trước cảnh giới khả ái do nhẫn mà được, cũng chẳng tham cầu quả báo tốt đẹp trong sanh tử do nhẫn mà được, chỉ vì cứu hộ những kẻ không người cứu hộ và muốn giải thoát những người chưa giải thoát mà tu hành an nhẫn.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào từ lúc mới phát tâm **tu hành tinh tấn Ba la mật**, dùng tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí phát khởi chánh cần, mang giáp kiên cố, dõng mãnh không khiếp nhược, xa lìa tâm giải đãi biếng lười. Đại Bồ Tát ấy vì cầu quả vị Giác ngộ tối cao chẳng sợ các khổ, đối với cái khổ của người, khổ của A tu la, quỷ giới, khổ của bàng sanh, địa ngục và các khổ khác đều chẳng khiếp sợ, cũng thường phương tiện ngăn chặn chế phục, siêng tu thiện pháp, thường không lười bỏ. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì đại Bồ Tát ấy quán tất cả pháp, tự tướng đều không, vô khởi vô thành, vô chuyển vô diệt, vào tướng các pháp; biết tất cả pháp vô tác vô năng, vào tướng các hành. Đại Bồ Tát ấy thành tựu phương tiện thiện xảo như thế, luôn luôn tăng trưởng thiện căn thù thắng; do thiện căn thù thắng thường tăng trưởng, nên có thể hành tinh tấn, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Tuy hành tinh tấn, nhưng chẳng mong cầu đắc quả của sự tinh cần, đó là chẳng tham trước các cảnh giới khả ái do tinh cần mà được, cũng chẳng tham cầu quả báo tốt đẹp trong sanh tử do tinh

cần mà được, chỉ vì cứu hộ những kẻ không được cứu hộ và muốn giải thoát những người chưa giải thoát mà tu hành tinh tấn Ba la mật.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào từ lúc mới phát tâm **tu hành tịnh lự Ba la mật**, dùng tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí tu học các định, thì đại Bồ Tát ấy mắt thấy sắc rồi, chẳng thủ các tướng, chẳng thủ vẻ đẹp của nó, tức là ngay khi ấy phòng hộ nhãn căn, chẳng dám phóng dật, chớ để tâm khởi lên tham ái pháp dục ác bất thiện, các lậu phiền não thế gian nổi lên mà nhiếp tâm định niệm, thủ hộ nhãn căn; đại Bồ Tát ấy cũng phòng hộ nhĩ căn khi nghe tiếng rồi, chẳng thủ các tướng, chẳng thủ sự êm ái của chúng; đại Bồ Tát ấy cũng phòng hộ tỷ căn khi mũi ngửi hương rồi, chẳng thủ các tướng, chẳng thủ hương; đại Bồ Tát ấy cũng phòng hộ thiệt căn khi lưỡi nếm vị rồi, chẳng thủ các tướng, chẳng thủ các vị đã nếm; đại Bồ Tát ấy cũng phòng hộ thân căn khi thân xúc chạm rồi, chẳng thủ các tướng, chẳng thủ sự dễ chịu do xúc chạm; đại Bồ Tát ấy cũng phòng hộ ý căn khi ý phân biệt pháp rồi, chẳng thủ các tướng, chẳng thủ sự quyến rũ do phân biệt khách trần; đại Bồ Tát ấy, hoặc đi, đứng, nằm, ngồi, hoặc nói, hoặc nín, thường chẳng xa lìa chỉ, quán. Đại Bồ Tát ấy tay chân, đều chẳng hung dữ; lời nói chẳng thô bạo, lẫn lộn; mắt và các căn chẳng nhiễu loạn, lay động; thân tĩnh lặng, tâm tĩnh lặng, oai nghi không khác. Đối với thức ăn uống, y phục, đồ nằm, thuốc thang trị bệnh và các vật dụng khác đều biết đủ, dễ thỏa mãn, dễ cúng dường, dễ phụng sự. Khuôn pháp tu hành điều hòa khéo léo, tuy ở chỗ ồn ào nhưng hành hạnh viễn ly; đối xử bình đẳng chẳng cao, chẳng thấp; chẳng oán, chẳng thân, chẳng thiện, chẳng ác, chẳng ghét, chẳng thương; đối với sắc khả ái, sắc chẳng khả ái, đối với các việc tùy thuận, trái nghịch, hoàn toàn không phân biệt, tâm thường an định v.v… Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy quán tất cả pháp tự tướng đều không, vô khởi vô thành, vô chuyển vô diệt, vào tướng các pháp; biết tất cả pháp vô tác vô năng, vào tướng các hành. Đại Bồ Tát ấy thành tựu phương tiện thiện xảo như vậy, luôn luôn tăng trưởng thiện căn thù thắng; do thiện căn thù thắng thường tăng trưởng, nên hành tịnh lự, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, tuy hành tịnh lự, nhưng chẳng mong cầu đắc quả định, nghĩa là chẳng tham trước các cảnh giới khả ái do định mà được, cũng chẳng tham cầu quả báo tốt đẹp trong sanh tử do tịnh lự mà được, chỉ vì cứu hộ kẻ không ai cứu hộ và muốn giải thoát người chưa giải thoát mà tu hành tịnh lự Ba la mật.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào từ lúc mới phát tâm **tu hành Bát nhã Ba la mật**, dùng tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí mà tu học Bát Nhã thì đại Bồ Tát ấy không có các ác tuệ, thế lực khác chẳng có thể dẫn dắt; đại Bồ Tát ấy xa lìa tất cả chấp ngã và ngã sở, xa lìa tất cả kiến chấp, hữu tình kiến, mạng giả kiến, sanh giả kiến, dưỡng giả kiến, sĩ phu kiến, bổ đặc già la kiến, ý sanh kiến, nho đồng kiến, tác giả kiến, thọ giả kiến, tri giả kiến *(người biết)*, kiến giả kiến *(người thấy)*; xa lìa tất cả hữu vô kiến, các ác kiến thú; xa lìa kiêu mạn, không phân biệt mà tu diệu huệ. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy quán tất cả pháp tự tướng đều không, vô khởi vô thành, vô chuyển vô diệt, vào tướng các pháp; biết tất cả pháp vô tác vô năng, vào tướng các hành. Tuy hành Bát Nhã, nhưng chẳng mong cầu đắc quả của tuệ, nghĩa là chẳng tham trước cảnh giới khả ái do tuệ mà được, cũng chẳng tham cầu quả báo tốt đẹp trong sanh tử do tuệ mà được, chỉ vì cứu hộ kẻ không ai cứu hộ và muốn giải thoát người chưa giải thoát, mà tu hành diệu huệ Ba la mật. *(Q.366, ĐBN)*

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, dùng tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, dù được tự tại thuận nghịch vào ra tám định giải thoát, cũng được tự tại thuận nghịch vào ra tám định thắng xứ, cũng được tự tại thuận nghịch vào ra chín định thứ lớp, cũng được tự tại thuận nghịch vào ra mười định biến xứ, cũng năng tu tập quán bốn Thánh đế. Tự tại vào ra Tam ma địa môn, Đà la ni môn, ba giải thoát môn, mà năng trọn nên phương tiện khéo léo chẳng lấy quả Dự lưu, cũng chẳng lấy quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề. Vì sao? Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này quán tự tướng tất cả pháp đều không, vô khởi vô thành, vô chuyển vô diệt, vào tướng các pháp; biết tất cả pháp vô tác vô năng, vào tướng các hành. Đại Bồ Tát này trọn nên phương tiện khéo léo như thế, hằng thời tăng trưởng căn lành thù thắng. Do căn lành tăng trưởng thù thắng nên năng hành tám định giải thoát, tám định thắng xứ, chín định thứ lớp, mười định biến xứ; quán bốn Thánh đế, Tam ma địa môn, Đà la ni môn, ba giải thoát môn. Dù năng hành tám định giải thoát cho đến ba giải thoát môn mà vượt Thanh văn và bậc Độc giác chứng vào ngôi Bồ Tát Bất thối chuyển. Thiện Hiện! Đấy là Bồ Tát có tên là Bồ Tát Vô sanh pháp thọ ký nhẫn.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã dùng tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí học Phật mười lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại

giải, mười tám pháp Phật bất cộng, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, năm nhãn, sáu thần thông cho đến chưa đủ thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, và chưa chứng được Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này quán tự tướng tất cả pháp đều không, vô khởi vô thành, vô chuyển vô diệt, vào tướng các pháp; biết tất cả pháp vô tác vô năng, vào tướng các hành. Đại Bồ Tát này trọn nên phương tiện khéo léo như thế, hằng thời tăng trưởng căn lành thù thắng. Do căn lành tăng trưởng thù thắng nên năng hành Phật mười lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, mười tám pháp Phật bất cộng, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, năm nhãn, sáu thần thông. Do năng hành Phật mười lực cho đến sáu thần thông, nên mới năng viên mãn thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, lần lữa chứng được Nhất thiết trí trí.

Thiện Hiện! Như vậy, gọi là **phương tiện thiện xảo**. Nếu đại Bồ Tát trọn nên phương tiện thiện xảo như thế, làm điều gì cũng quyết định đưa đến chứng đắc Nhất thiết trí trí. Thiện Hiện! Phương tiện thiện xảo như thế, đều do Bát Nhã mà được trọn nên. Vậy nên, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát nên hành Bát Nhã, làm điều gì cũng chẳng mong cầu phước báo.

Lưu ý:

Vì là tóm lược, nên tất cả sự kiện kể cả giáo lý đều được giản lược như công việc của Ngài La Thập khi biên dịch Kinh MHBNBLMĐ. Trong phẩm này tất cả đối thoại giữa Phật và Thiện Hiện cũng không ngoài thông lệ đó, nghĩa là cũng được giản lược, cắt xén những trùng tuyên. Vả lại, có ai dám đoan quyết các cuộc đối thoại đó là "nguyên chất?"

Ai cũng biết rằng những lời Phật dạy, Phật không cho phép ghi chép bằng bút mực khi Phật còn tại thế cho mãi đến kỳ kết tập Kinh điển lần thứ ba, nghĩa là hơn 200 năm sau khi Phật nhập diệt (khoảng 218 năm sau khi Phật nhập Niết bàn, tức năm 325 trước Tây lịch), các nhà trùng tu Kinh điển mới dùng văn tự ghi chép lại lời Phật dạy. Vậy, có ai có thể đoan quyết là những cuộc đối thoại giữa Phật và các đệ tử lúc Phật còn tại thế cho đến khi được ghi lại thành văn tự (cách nhau hơn 2 thế kỷ) chính xác y như đã xảy ra trong thực tế hay không?

Đặt nghi vấn như vậy không có nghĩa là khi tóm tắt Kinh điển, muốn "chế biến" như thế nào cũng được. Trước khi cắt xén nhất nhất phải tham khảo, so chiếu, suy lường. Chỉ trật một đường tơ, đất trời nghiêng lệch, tội lỗi không thể nào lường trước được! Muốn xác tín hơn, xin Các thiện hữu có thể so chiếu với các bản dịch chính hiện có trên thị trường hay trên các mạng Phật học mà chúng tôi đã liệt kê trước đây. Điều lo ngại nhất của chúng tôi kể từ khi mới bắt đầu làm công việc chiết giải Kinh ĐBN này là chỉ sợ rằng các đạo hữu đọc tụng nữa chừng thiên Tổng luận rồi bỏ ngang với lý do thiên Tổng luận này đã chế biến, không còn nguyên chất, có thể làm sai lạc ý Kinh. Đã có nghi tình thì khó học khó tu. Cứ đọc nguyên văn các bản dịch ĐBN hiện có trên thị trường và so chiếu với bản tóm lược Đại Bát Nhã Ba La Mật Tổng luận, hay Kinh MHBNBLMĐ do nhóm La Thập dịch Các thiện hữu sẽ rõ lưu ý này của chúng tôi.

Thích nghĩa:

(1). Danh từ Phật Đà thì nương vào người xưng danh mà nói.

(2). Xem lại thích nghĩa ở mục 31, nói về "Tu hành quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật", phần thứ I Tổng luận.

(3). Danh từ Bồ Đề là nương vào pháp mà nói.

*(4). Cụm từ "Bây giờ và ở đây" (here-now, ici e maintenant, hinc-nunc) dịch là **đương xứ**. Trúc Thiên, dịch giả quyển "Cốt Tủy Đạo Phật" của Thiền sư D.T. Suzuki chú giải: **Đương** chỉ về thời gian: Bây giờ; **Xứ** chỉ về không gian; Ở đây: Đây là điểm tuyệt đối dung thông cả thời gian và không gian, thường gọi là giây phút vĩnh hằng mà Thiền thường gọi là sát na tam muội. Khi Thiền nói "nhất niệm vạn niên, vạn niên nhất niệm" là chỉ vào cảnh giới tâm chứng ấy.*

Cụm từ "Bây giờ và ở đây" có ý nghĩa là chẳng "chuyển", chẳng "hằng"; trong lưu chuyển mà thường hằng, trong thường hằng mà lưu chuyển; thời gian tức không gian, không gian tức thời gian, các tướng đồng đẳng, không phân biệt.

(5). Bát nạn: 1- Địa ngục; 2- Súc sinh; 3- Ngạ quỷ; 4- Trường thọ thiên: Thọ mệnh cao cũng là những chướng ngại làm cho chúng sanh quên những nỗi khổ của sinh lão bệnh tử trong Luân hồi mà không chịu tu hành; 5- Biên địa là những vùng xa xôi, không thuận tiện cho việc tu học chánh pháp; 6- Căn khuyết tật: Như đui, mù, câm điếc, ngọng nghịu; 7-

Tà kiến: Những kiến chấp sai lệch; 8- Như Lai bất xuất sinh: Nghĩa là sinh sống trong thời gian không có Phật xuất hiện. Đó là tám chướng ngại cho việc tu học để được giải thoát nên gọi là bát nạn. Đã thích nghĩa rồi, đây chỉ lặp lại để nhớ thôi.

(6). Tùy phiền não: Trước hết phải xác nhận rằng phiền não tạo vô minh, nên nói nó là chướng ngại đạo Bồ đề. Có phiền não là không có giải thoát, hay nói ngược lại. Vì vậy, trong Kinh văn thường nói đến chướng ngại này và thường gọi là phiền não chướng. Duy thức học chia phiền não làm hai loại chính:

1- Căn bản phiền não, vì nó là cội gốc sanh ra các phiền não khác, nên gọi là căn bản phiền não, gồm: Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến;

2- Tùy phiền não, còn gọi là chi mạc phiền não do 6 món phiền não căn bản sanh ra. Phạm vi tương ưng của nó rộng hẹp không đồng, nên người ta lại chia làm ba loại:

1/. Tiểu tùy gồm: Phẫn (giận), hận (hờn), phú (che giấu), não (buồn buồn), tật (ganh ghét), san (bỏn sẻn), cuống (dối trá), siểm (bợ đỡ, nịnh hót), hại (tổn hại), kiêu (kiêu căng);

2/. Trung tùy: Vô tàm (tự mình không biết xấu hổ), vô quí (không biết thẹn với người khác hay trơ trẻn);

3/. Đại tùy gồm: Trạo cử (lao chao), hôn trầm (mờ tối), bất tín (không tin), giải đãi (biếng nhác), phóng dật (buông thả), thất niệm (mất chánh niệm), tán loạn (rối loạn), bất chánh tri (biết không chân chánh). (Xem "Duy Thức Học", HT Thích Thiện Hoa, nhà xuất bản Tôn Giáo).

Sơ giải:

1. Bồ Tát hạnh hay Bồ Tát đạo:

- Thế nào là ***Bồ Tát hạnh****?*

Người phát Bồ đề tâm, tu hành lục độ vạn hạnh, tu tất cả thiện pháp hay pháp mầu Phật đạo với hạnh nguyện trên cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, dưới hóa độ chúng sanh thì gọi là hành Bồ Tát hạnh hay Bồ Tát đạo.

Đại Bồ Tát nên hành Bồ Tát hạnh như thế nào? Nghĩa là đối sắc không hành Bồ Tát hạnh, đối thọ tưởng hành thức không hành Bồ Tát hạnh. Đại Bồ Tát đối với mười hai xứ, mười tám giới không hành Bồ Tát hạnh; đối với mười hai nhân duyên, mười tám pháp không, bốn thiền, bốn vô lượng, bốn vô sắc định không hành Bồ Tát hạnh; đại Bồ Tát đối với tứ đế, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí... cho đến quả vị Giác ngộ tối cao không hành Bồ Tát hạnh. Đại Bồ Tát khi hành Bồ Tát hạnh như thế, đối với tất cả pháp, không mong cầu nắm bắt, không thủ giữ cất dấu, không chấp đắm, không lấy sở đắc làm phương tiện, chẳng khởi hai tướng.

Nếu đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật như thế gọi là vì quả vị Giác ngộ tối cao và vì hạnh nguyện phục vụ chúng sanh mà hành. Đó là hành Bồ Tát hạnh hay Bồ Tát đạo.

*- Thế nào là **Phật đà**?*

Như giác thật nghĩa, hiện giác thật pháp, thông đạt thật tánh, năng như thật giác tướng tất cả pháp chỗ gọi vô tướng nên gọi là Phật Đà. Đối tất cả pháp tự tướng, cộng tướng, hữu tướng, vô tướng, tự nhiên khai giác thông hiểu chẳng có chướng ngại, nên gọi là Phật Đà. Đối pháp ba đời và pháp vô vi, tất cả chủng tướng, chuyển thành trí vô chướng, nên gọi là Phật Đà. Như thật khai giác cho tất cả hữu tình, khiến lìa các khổ điên đảo ác nghiệp, nên gọi là Phật Đà.

*- Sao gọi là **Bồ đề**?*

*Chứng các **pháp không** nên gọi là Bồ đề. Chứng chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, thật tế... nên gọi là Bồ đề. Giả lập danh tướng, phô bày ngôn thuyết, có khả năng giác ngộ chơn thật pháp tối thượng, nên gọi là Bồ đề. Chứng diệu giác chơn tịnh của chư Phật, cũng gọi là Bồ đề. Hiện đẳng giác tất cả tướng tất cả pháp, nên gọi là Bồ đề.*

*Đại Bồ Tát vì Bồ đề nên khi tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, **nhưng không thấy các pháp có ích-có tổn, tăng-giảm, sanh-diệt, nhiễm-tịnh v.v...** Khi tu tất cả các pháp mầu Phật đạo cũng như vậy. Vì sao? Đại Bồ Tát vì Bồ đề nên khi hành Bát Nhã sâu xa như thế, đối với tất cả pháp hoàn toàn không lấy sở duyên làm phương*

tiện, chẳng vì tăng ích-tổn giảm, sanh-diệt, đoạn-thường, nhiễm-tịnh, khứ-lai… bất cứ bây giờ và ở đâu.

Đại Bồ Tát hành Bát Nhã thậm thâm chẳng vì nhị pháp nên nhiếp thọ tất cả pháp Phật cho đến chẳng vì nhị pháp mà chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Hàng phàm phu ngu si đều dựa vào nhị pháp tu hành nên các thiện pháp chẳng tăng trưởng. Trái lại, Đại Bồ Tát tu hành không hai, nên từ khi mới phát tâm cho đến khi chứng quả, các thiện pháp mới có thể tăng trưởng được.

Những gì là nhị pháp? Đó là pháp thế gian, pháp tương đãi của cảm quan và ý thức, các pháp sinh-diệt, tốt-xấu, v.v... Một khi đã chấp vào nhị pháp thì sẽ không thấy thật tánh của các pháp. Bất nhị là pháp vượt trên đối đãi, xa lìa tánh tướng, nhiễm tịnh, thiện ác v.v… Đó là pháp xuất thế gian, là đệ nhất nghĩa đế, là tuyệt đối, là đạo. Nếu gạt bỏ phân biệt, chấp trước thì tâm thể bình đẳng, vắng lặng mới dễ tu dễ chứng.

Chẳng phải vì căn lành, cũng chẳng phải chẳng vì căn lành mà đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã. ***Bồ Tát vào được pháp không pháp như biết tất cả pháp đều bình đẳng, nương bình đẳng đó tu hành thì được nhiều lực phương tiện****. Nhưng nếu các đại Bồ Tát chưa cúng dường chư Phật, chưa tích tụ đầy đủ thiện căn công đức, chưa được thiện tri thức nhiếp thọ, thì chẳng có thể được Nhất thiết trí trí.*

2. Chủng thiện căn:

Các đại Bồ Tát từ khi mới phát tâm cung kính cúng dường vô lượng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, từ chỗ chư Phật, lắng nghe mười hai bộ kinh. Nghe rồi thọ trì; thân tâm khéo quán sát; thấy rõ lý thú rồi tu tập nên mới đắc các tam muội, các thần thông, phát khởi sự hiểu biết thông suốt; cho đến chứng đắc Nhất thiết trí trí, tùy chỗ thọ sanh, đối với giáo nghĩa chánh pháp đã nghe, thọ trì, chẳng bao giờ quên mất; ở chỗ chư Phật, gieo trồng vô lượng thiện căn công đức; do các thiện căn công đức đã nhiếp thọ nên chẳng bao giờ sanh vào đường ác, chỗ bát nạn. Lại do thiện căn công đức đã nhiếp thọ nên ở trong tất cả thời, ý ưa thanh tịnh; ý ưa thanh tịnh nên thường nghiêm tịnh sở cầu là cõi Phật, cũng thường thành thục sở hóa là hữu tình. Vì vậy, đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã thậm thâm muốn mau chứng đắc Nhất thiết trí trí, nên tinh cần cung kính cúng dường

chư Phật, nhiếp thọ viên mãn thiện căn công đức thù thắng, thường cầu gần gũi chơn thiện tri thức, không hề chán mỏi.

Nếu đại Bồ Tát chẳng cung kính cúng dường chư Phật, chẳng viên mãn thiện căn công đức, chẳng được thiện hữu nhiếp thọ, thì chẳng được gọi là đại Bồ Tát, nói chi đến việc chứng đắc Nhất thiết trí trí hay quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì các đại Bồ Tát ấy đã xa lìa lực phương tiện là 6 pháp Ba la mật.

3. Những gì là phương tiện thiện xảo của Bồ Tát ?

- *Bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, thiền định và Bát nhã Ba la mật là phương tiện thiện xảo tốt nhất của Đại Bồ Tát.*

Đại Bồ Tát ấy từ khi mới phát tâm, tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí lấy lục Ba la mật làm phương tiện mà hành ***bố thí Ba la mật*** *nhưng không tưởng nghĩ việc bố thí, không tưởng nghĩ người nhận, không tưởng nghĩ người cho, cũng không tưởng nghĩ tất cả ngã, ngã sở.*

Đại Bồ Tát thọ trì ***tịnh giới Ba la mật*** *nhưng tâm ý chẳng bị tham dục, sân nhuế, ngu si che lấp, chẳng bị phiền não, các triền phược và các pháp ác bất thiện làm chướng ngại đạo Bồ đề.*

Khi tu học ***an nhẫn Ba la mật*** *thì đại Bồ Tát ấy chẳng vì bảo vệ sự sống của mình mà phát khởi một niệm sân nhuế, không nói lời thô ác và tâm không oán hận báo thù; giả sử có người đến muốn giết hại thân mạng, cướp đoạt tài sản, lừa dối, nhục mạ, khinh chê… đại Bồ Tát ấy đối với ác nhân kia hoàn toàn không phẫn hận.*

Đại Bồ Tát khi tu ***tinh tấn Ba la mật****, phát khởi chánh cần, mang giáp bị dõng mãnh, xa lìa tâm giải đãi lười biếng, tự mình chẳng sợ các khổ, cũng thường ngăn chặn, chế phục các khổ cho người khác, siêng tu thiện pháp, thường không lười bỏ.*

Các đại Bồ Tát khi ***tu các định*** *(tịnh lự Ba la mật), chẳng buông lung phóng dật, sống trong chánh định, phòng hộ* sáu *căn chẳng để nhiễu loạn, lay động; đối xử bình đẳng chẳng cao, chẳng thấp, chẳng oán, chẳng thân, chẳng thiện, chẳng ác, chẳng ghét, chẳng thương; đối với sắc khả ái hay chẳng khả ái, đối với các việc tùy thuận hay trái nghịch, hoàn toàn không phân biệt, tâm thường an định v.v…*

Đại Bồ Tát ấy khi tu ***Bát Nhã*** *xa lìa chấp ngã và ngã sở, xa lìa các kiến chấp, kiến thủ, kiêu mạn, không phân biệt mà tu diệu tuệ.*

Vì sao? Vì các đại Bồ Tát ấy ***quán tất cả pháp tự tướng đều không****, không khởi, không thành, không chuyển, không diệt, nhập các pháp tướng; biết tất cả pháp vô tác, vô năng, nhập các hành tướng. Đại Bồ Tát ấy thành tựu phương tiện thiện xảo như thế, luôn luôn tăng trưởng thiện căn thù thắng; do thiện căn thù thắng thường tăng trưởng, nên có thể hành lục Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Tuy hành bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, thiền định hay Bát nhã Ba la mật mà chẳng tham trước cảnh giới khả ái tốt đẹp hay Niết bàn, chỉ vì cứu hộ kẻ không ai cứu hộ và muốn giải thoát cho người chưa được giải thoát mà tu hành các phương tiện thiện xảo trên.*

Tu bố thí, trì giới, an nhẫn, là ***tu phước****; tu tinh tấn, thiền định, Bát nhã Ba la mật là* ***tu huệ****. Lấy thiện căn công đức mà tu là tu phước; lấy trí tuệ hướng dẫn để tu là tu huệ, nên gọi là phước tuệ song tu thì không có gì bằng. Nhưng chủ yếu vẫn phải tích tụ thiện căn công đức, rồi hồi hướng Nhất thiết trí trí mới có cơ hội.*

Kết luận:

Giáo lý của phẩm này cũng đã từng được Đại Bát Nhã xiển dương nhiều lần trong các phẩm trước. Ở đây, chỉ lược tóm hơn là giảng luận. Điều cần ghi nhớ là phải học và hành trì nhuần nhuyễn 6 pháp Ba la mật và các pháp mầu Phật đạo, thì công hạnh sớm vuông tròn Bồ Tát hạnh hay Bồ Tát đạo. Đó là phương tiện cần thiết để đưa đến phản tỉnh, đến xả trừ, đến thâm ngộ, đến diệu giác, đến Niết bàn. Ngoài phương tiện "Xảo Tiện Hành" này không còn phương tiện nào khác./.

---o0o---

64. PHẨM "HỌC ĐẠO KHẮP"

Cuối Q.366 cho đến đầu Q.372, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Biển Học" quyển thứ 24, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

Đại Bồ Tát thành tựu phương tiện thiện xảo thì tăng trưởng thiện căn thù thắng. Do thiện căn tăng trưởng thù thắng, nên có khả năng hành Bát Nhã, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, tuy hành Bát Nhã, nhưng chẳng mong cầu được giàu sang, thọ mệnh lâu dài, sanh vào dòng quý tộc, sanh Thiên hay đắc quả của tuệ, nghĩa là chẳng tham trước cảnh giới khả ái, cũng chẳng tham cầu quả báo tốt đẹp trong sanh tử do tu lục Ba la mật mà được, chỉ vì cứu hộ kẻ không ai cứu hộ và muốn giải thoát người chưa giải thoát, mà tu hành diệu huệ đến bờ kia.

Sở dĩ, đại Bồ Tát được diệu huệ như vậy, là vì các đại Bồ Tát **đối với tự tánh vô tánh của sắc bất động**; đối với tự tánh vô tánh của thọ, tưởng, hành, thức, bất động; đối với tự tánh vô tánh của 12 xứ, 18 giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Vô thượng Bồ đề, cũng bất động. **Vì sao? Vì tự tánh các pháp tức là vô tánh, vô tánh chẳng năng hiện chứng vô tánh.***(Q.366, ĐBN)*

"Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có phải pháp hữu tánh có thể hiện chứng vô tánh chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải pháp vô tánh có thể hiện chứng hữu tánh chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải pháp hữu tánh có thể hiện chứng hữu tánh chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Có phải pháp vô tánh có thể hiện chứng vô tánh chăng?

- Không! Thiện Hiện!

- Bạch Thế Tôn! Nếu vậy, hữu tánh chẳng năng hiện quán vô tánh, vô tánh chẳng năng hiện quán hữu tánh, hữu tánh chẳng năng hiện quán hữu tánh, vô tánh chẳng năng hiện quán vô tánh, như vậy làm sao Thế Tôn lại đắc, lại hiện quán?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Có đắc có hiện quán nhưng lìa tứ cú*(1).*

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là có đắc có quán nhưng lìa tứ cú?

- Này Thiện Hiện! Hoặc đắc hoặc quán chẳng phải có, chẳng phải không, dứt bỏ hý luận. Vậy nên, Ta nói có đắc có quán nhưng lìa tứ cú".

Đại Bồ Tát quán sắc hoặc thường hoặc vô thường, đó là hý luận; quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc thường hoặc vô thường, đó là hý luận; quán sắc hoặc lạc, hoặc khổ, đó là hý luận, quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc lạc hoặc khổ, đó là hý luận; quán sắc hoặc ngã, hoặc vô ngã, đó là hý luận; quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc ngã hoặc vô ngã, đó là hý luận; quán sắc hoặc tịnh hoặc bất tịnh, đó là hý luận; quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc tịnh hoặc bất tịnh, đó là hý luận; quán sắc hoặc tịch tịnh hoặc chẳng tịch tịnh, đó là hý luận; quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc tịch tịnh hoặc chẳng tịch tịnh, đó là hý luận; quán sắc hoặc viễn ly hoặc chẳng viễn ly, đó là hý luận; quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc viễn ly hoặc chẳng viễn ly, đó là hý luận. Đại Bồ Tát quán mười hai xứ, mười tám giới, bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí… cho đến quán quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật hoặc thường hoặc vô thường, hoặc lạc, hoặc khổ… cho tới viễn ly hoặc chẳng viễn ly, đó là hý luận.

Lại nữa, Đại Bồ Tát nào nghĩ: Thánh đế khổ ta phải biết, Thánh đế tập ta phải trừ, Thánh đế diệt ta phải chứng, Thánh đế đạo ta phải tu, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Ta phải tu tập bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải tu bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải tu pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải tu tám giải thoát, tám thắng xứ, chín thứ đệ định, mười biến xứ, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải vượt khỏi quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải thực hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải trụ pháp nội Không cho đến pháp vô tính tự tính Không, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải trụ chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì, đó là hý luận. Hoặc

nghĩ: Phải nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải viên mãn 10 địa Bồ Tát, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải làm phát sanh năm loại mắt, sáu phép thần thông, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải phát sanh Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải viên mãn ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp tùy hảo của bậc Đại sĩ, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải làm phát sanh pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải làm phát sanh Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải thực hành tất cả Bồ Tát hạnh, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Phải chứng quả vị Vô thượng Bồ đề, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Ta phải trang nghiêm cõi Phật, thành thục hữu tình, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Ta phải chứng đắc Nhất thiết trí trí, đó là hý luận. Hoặc nghĩ: Ta phải vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tập khí phiền não nối nhau, đó là hý luận.

Trái lại, đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, chẳng quán từ sắc cho đến quả vị Giác ngộ tối cao hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc ngã, hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh v.v… chẳng quán như vậy là **chẳng hý luận**.

Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, nên quán bốn tịnh lự, **hoặc nên tu hoặc chẳng nên tu**, nếu chẳng quán như vậy là chẳng hý luận. Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, nên quán lục độ, **hoặc nên hành hoặc chẳng nên hành,** nếu chẳng quán như vậy là chẳng hý luận. Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, nên quán mười tám pháp không **hoặc nên an trụ hoặc chẳng nên an trụ**, nếu chẳng quán như vậy là chẳng hí luận. Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, nên quán Chánh tánh ly sanh của Bồ Tát, **hoặc nên hướng nhập hoặc chẳng nên hướng nhập**, đại Bồ Tát quán tất cả hữu tình, **hoặc nên thành thục hoặc chẳng nên thành thục,** đại Bồ Tát quán Phật mười lực, **hoặc nên khởi hoặc chẳng nên khởi;** đại Bồ Tát quán tất cả tập khí phiền não tương tục, hoặc **nên đoạn hoặc chẳng nên đoạn**; đại Bồ Tát quán quả vị Giác ngộ tối cao **hoặc nên chứng hoặc chẳng nên chứng**, nếu chẳng quán tất cả như vậy là chẳng hý luận.

Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, nên quán tất cả pháp và các hữu tình như thế thảy, đều chẳng khá hý luận vậy chẳng nên hý luận. Vì sao? Vì tất cả pháp hữu tánh chẳng năng hý luận hữu tánh, vô tánh chẳng năng hý luận vô tánh; hữu tánh chẳng năng hý luận vô tánh, vô tánh chẳng năng hý luận hữu tánh; **tánh lìa pháp có, pháp không, chẳng thể nắm bắt được**; hoặc năng hý luận, hoặc sở hý luận, hoặc xứ hý luận hoặc thời đều vô sở

hữu. Vậy nên, sắc vô hý luận, thọ tưởng hành thức vô hý luận; xứ giới vô hý luận hay nói khác **tất cả pháp Phật cũng vô hý luận.** Các đại Bồ Tát nên hành Bát Nhã thậm thâm vô hý luận như thế. *(Q.366, ĐBN)*

Tại sao tất cả pháp đều vô hý luận? Vì **tất cả pháp không có tự tánh**, nên đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, quán sắc không có tự tánh, thọ tưởng hành thức không có tự tánh; quán mười hai xứ, mười tám giới, bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí, v.v… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao không có tự tánh; quán sự đoạn trừ vĩnh viễn tất cả tập khí phiền não tương tục cũng không tự tánh. **Nếu pháp không có tự tánh, thì chẳng nên hý luận**. Vì vậy, tất cả Bồ Tát hạnh vô hý luận, quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật vô hý luận; sự đoạn trừ vĩnh viễn tất cả tập khí phiền não tương tục cũng vô hý luận.

Nếu đại Bồ Tát có khả năng hành Bát Nhã thậm thâm vô hý luận như thế, thì sẽ đạt được tất cả pháp không có tự tánh nên không còn hý luận, bèn nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh.

Đại Bồ Tát chẳng phải dùng đạo của Thanh văn, chẳng phải dùng đạo của Độc giác, chẳng phải dùng đạo của chư Phật mà nhập được Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Nhưng các đại Bồ Tát đối với tất cả đạo, trước học hết rồi, dùng đạo Bồ Tát tức Đạo tướng trí*(2)* mà nhập Chánh tánh ly sanh của Bồ Tát. Đã nhập bậc Chánh tánh ly sanh rồi, lại dùng Nhất thiết tướng trí đoạn trừ vĩnh viễn tất cả tập khí tương tục, nhập bậc Như Lai, như vậy mới thành tựu Nhất thiết trí trí.

Bồ Tát phải học khắp tất cả pháp, tất cả đạo cho thật viên mãn, phải vượt tám bậc Bát nhân địa, dùng Đạo tướng trí thanh tịnh mà nhập Bồ Tát vị, rồi dùng Kim Cang dụ*(3)* phát khởi Nhất thiết trí trí, và chỉ cần trong một sát na tương ưng diệu huệ chư Phật, thì thành tựu Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác, mới đem quả chứng ấy thành thục hữu tình, thanh tịnh quốc độ, quay bánh xe pháp, độ khắp hữu tình.

(Đó chính là chủ đề của phẩm "Học Đạo Khắp" của Kinh ĐBN hay phẩm "Biển Học" của Kinh MHBNBLMĐ).

Tất cả loại Bồ đề phần pháp*(4)* và các Bồ đề*(5)* đều chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, không hợp không tan, không sắc, không kiến, không đối, nhất tướng, chỗ gọi vô tướng. Nếu Bồ đề phần pháp như

thế làm sao năng thủ *(tự giữ lấy)* Bồ đề? Ví như hư không, đối tất cả pháp không thủ không bỏ, vì tự tướng không. Các pháp cũng vậy, tự tướng đều không, chẳng phải đối với các pháp có thủ có xả, làm sao nói Bồ đề phần pháp năng thủ Bồ đề?

Vì **tự tướng của tất cả pháp đều không, không thủ, không xả.** Nhưng các hữu tình đối với nghĩa không tự tướng của tất cả pháp, không hiểu rõ, nên vì thương xót họ mà phương tiện tuyên nói Bồ đề phần pháp có thể thủ Bồ đề. Hoặc sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức; hoặc xứ, giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến hoặc tất cả Bồ Tát hạnh; hoặc quả vị Giác ngộ tối cao, hoặc sự đoạn trừ vĩnh viễn tất cả tập khí tương tục; hoặc cảnh giới hữu vi, hoặc cảnh giới vô vi: tất cả pháp như thế, ở trong Thánh pháp Tỳ nại da*(6)* này đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, không hợp, không tan, không sắc, không thấy, không đối, nhất tướng đó là vô tướng. Phật vì lợi ích cho các hữu tình khiến họ hiểu biết đúng đắn, nhập vào thật tướng vì thế tục tuyên nói, chẳng phải vì thắng nghĩa.

Các đại Bồ Tát đối với tất cả pháp như thế, nên học để có tri kiến; có hiểu biết rồi, như thật thông đạt các pháp **nên nhiếp thọ** hay **chẳng nên nhiếp thọ**. Đại Bồ Tát đối với pháp của các bậc Thanh văn, Độc giác, học để biết rồi nhưng chẳng nhiếp thọ. Trái lại, đối với các pháp tương ưng với Nhất thiết trí trí, học hiểu biết thông suốt rồi, nên nhiếp thọ. Đại Bồ Tát đối với Thánh pháp Tỳ nại da đây, nên học Bát Nhã thậm thâm như thế.

(Tu Vô tướng)

Những gì là Thánh pháp Tỳ nại da?

Hoặc Thanh văn, hoặc Độc giác, hoặc Bồ Tát, hoặc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Tất cả như thế đều cùng tham dục giận dữ ngu si **chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng hợp chẳng tan**. Đều cùng tất cả tà kiến, giới cấm thủ, nghi chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng hợp chẳng tan. Đều cùng dục tham giận dữ chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng hợp chẳng tan. Đều cùng sắc ái, vô sắc ái, sắc động loạn, vô minh chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng hợp chẳng tan. Đều cùng tất cả pháp Phật từ bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám pháp

không, thập nhị chân như, từ bi hỷ xả, tứ Thánh đế hoặc pháp môn tam giải thoát, hoặc tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ; hoặc tất cả pháp môn Tam ma địa, pháp môn Đà la ni, hoặc Bồ Tát thập địa… cho đến Nhất thiết tướng trí chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng hợp chẳng tan; đều cùng với cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng hợp chẳng tan.Những pháp ấy gọi là Thánh pháp Tỳ nại da. Vì sao? **Tất cả pháp này, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng chỗ gọi vô tướng.** Các bậc Thánh kia như thật hiện thấy.

Vô sắc cùng vô sắc chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng hợp chẳng tan. Vô kiến cùng vô kiến, vô đối cùng vô đối, nhất tướng cùng nhất tướng, vô tướng cùng vô tướng cũng chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng hợp chẳng tan. Các đại Bồ Tát đối Bát nhã Ba la mật thẳm sâu vô sắc, vô kiến, vô đối nhất tướng, vô tướng đây thường nên tu học. **Học rồi chẳng thủ đắc tướng của tất cả pháp.**

Đại Bồ Tát nên học tướng của sắc, cũng nên học tướng của thọ, tưởng, hành, thức chăng? Nên học tướng của các xứ, giới… cho đến nên học tướng của quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật chăng?

Nếu tất cả pháp thật có tướng thì các đại Bồ Tát nên học, vì tất cả pháp thật chẳng phải có tướng, không sắc, không thấy, không đối, nhất tướng đó là vô tướng. Vì vậy, **đại Bồ Tát chẳng học pháp hữu tướng, cũng lại chẳng học pháp vô tướng. Vì sao? Vì Như Lai xuất thế hoặc chẳng xuất thế thì pháp giới vẫn thường trụ, các pháp nhất tướng đó là vô tướng. Vô tướng như thế đã chẳng phải hữu tướng cũng chẳng phải vô tướng.**

Tất cả pháp chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải nhất tướng, chẳng phải dị tướng. Nếu đại Bồ Tát biết tất cả pháp hoặc hữu tướng, hoặc vô tướng, hoặc nhất tướng, hoặc dị tướng, đều đồng một tướng thì đó là vô tướng. **Tu vô tướng này là tu Bát nhã Ba la mật.**

(Tu khiển và tu trừ khiển)

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát tu vô tướng này là tu Bát Nhã?

Phật đáp: **Vì đại Bồ Tát tu khiển tất cả pháp nên nói là tu Bát Nhã.**

Cụ thọ lại hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào tu khiển tất cả pháp gọi là tu Bát Nhã?

Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát tu khiển sắc, cũng khiển tu đây là tu Bát Nhã; tu khiển thọ, tưởng, hành, thức, cũng khiển tu đây là tu Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát tu khiển tất cả pháp và cũng khiển tu đây là tu Bát Nhã. **Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, nếu nghĩ có sắc, có khiển tu thì chẳng phải tu Bát Nhã**. Vì chẳng phải có tưởng là có thể tu Bát Nhã. Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, nếu nghĩ có Nhất thiết trí trí, có khiển tu đây thì chẳng phải tu Bát Nhã. Nếu nghĩ có tất cả tập khí phiền não tương tục và nghĩ có sự vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tập khí phiền não tương tục, có khiển tu đây thì chẳng phải tu Bát Nhã. Vì sao? **Vì chẳng phải có tưởng** *(là)* **có thể tu Bát Nhã**. Vì vậy, nếu đại Bồ Tát tu khiển Nhất thiết trí trí, cũng khiển tu đây là tu Bát Nhã; tu khiển đoạn trừ vĩnh viễn tất cả tập khí phiền não tương tục, cũng khiển tu đây là tu Bát Nhã *(7)*.

Kẻ trụ vào hữu tưởng, nhất định chẳng có thể tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì kẻ trụ vào hữu tưởng nếu tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, chắc chắn sẽ chấp ngã và ngã sở; do chấp này mà thủ trước nhị biên; vì thủ trước nhị biên nên chẳng giải thoát sanh tử, không đạo, không Niết bàn thì làm thế nào có thể như thật tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật!

Kẻ trụ vào hữu tưởng, nhất định chẳng có thể tu ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám pháp không, tu đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả… cho đến Nhất thiết trí. Vì sao? Vì kẻ trụ vào hữu tưởng, nếu tu ba mươi bảy pháp trợ đạo cho đến Nhất thiết trí, chắc chắn sẽ chấp ngã và ngã sở; do chấp này mà thủ trước nhị biên; vì thủ trước nhị biên nên chẳng giải thoát sanh tử, không đạo, không Niết bàn thì làm thế nào có thể như thật tu ba mươi bảy trợ đạo cho đến Nhất thiết trí.

Kẻ trụ hữu tưởng, nhất định chẳng có thể tu Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Vì sao? Vì kẻ trụ hữu tưởng, chắc chắn sẽ chấp có ngã và ngã sở; do sự chấp này mà thủ trước nhị biên; vì thủ trước nhị biên nên chẳng giải thoát sanh tử, không đạo, không Niết bàn thì làm thế nào có thể như thật tu Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí!

(Nhị và Bất nhị)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Cái gì là hữu, cái gì chẳng phải là hữu?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Nhị là hữu, bất nhị chẳng phải hữu.**

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là nhị, thế nào là bất nhị?

- Này Thiện Hiện! Tưởng sắc là nhị, tưởng sắc không là bất nhị; tưởng thọ, tưởng, hành, thức là nhị, tưởng thọ, tưởng, hành, thức không là bất nhị.

- Này Thiện Hiện! Tưởng nhãn xứ là nhị, tưởng nhãn xứ không là bất nhị; tưởng nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là nhị, tưởng nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không là bất nhị.

(…)Này Thiện Hiện! Tưởng cảnh giới hữu vi là nhị, tưởng cảnh giới hữu vi không là bất nhị; tưởng cảnh giới vô vi là nhị, tưởng cảnh giới vô vi không là bất nhị.

- Này Thiện Hiện! **Cho đến tất cả tưởng đều là nhị; cho đến tất cả nhị là hữu; cho đến tất cả hữu đều là sanh, tử; hễ có sanh, tử thì chẳng có thể giải thoát sanh, lão, bệnh, tử, sầu, than, khổ, ưu, não.**

- Này Thiện Hiện! Các tưởng không đều là vô nhị, vô nhị tức là phi hữu, phi hữu đều không sanh tử, không sanh tử thì có thể giải thoát sanh, lão, bệnh, tử…”*(Q. 371, ĐBN)*

Do nhân duyên này, nên biết tất cả người tưởng hai, nhất định không bố thí, không tịnh giới, không an nhẫn, không tinh tấn, không tịnh lự, cũng không Bát nhã Ba la mật, không đạo không quả, cũng không hiện quán; cho đến thuận nhẫn*(8)* còn chẳng có huống là biết khắp sắc, huống là biết khắp thọ, tưởng, hành, thức; huống là biết khắp xứ, giới; huống hồ biết khắp bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao. Họ còn chẳng có thể tu các Thánh đạo huống là đắc quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, quả vị Độc giác; huống là có thể đắc Nhất thiết trí trí và có thể đoạn trừ vĩnh viễn tất cả tập khí phiền não tương tục.

Thích nghĩa:

(1). Tứ cú: Bốn câu liên quan đến siêu hình của các học phái ngoại đạo. Đó là: 1- Hữu (có); 2- Vô (không); 3- Diệc hữu (vừa có), diệc vô

(vừa không); 4- Phi hữu (chẳng phải có), phi vô (chẳng phải không). Rơi vào tứ cú là rơi vào hý luận!

(2). Đạo tướng trí (道種智) *Cũng gọi Nhất thiết đạo chủng trí, Đạo chủng tuệ, Đạo chủng trí. Trí tuệ biết khắp tất cả các pháp môn sai biệt của thế gian và xuất thế gian, là Bất cộng trí của Bồ Tát; 1 trong 3 trí. Cứ theo luận Đại trí độ quyển 27 nói, thì trí này có khả năng tư duy phân biệt gọi là Đạo chủng trí, tức là trí Bồ Tát học rộng tất cả đạo pháp để cứu độ chúng sinh. Tông Thiên thai lấy trí này phối hợp với Giả quán trong ba quán: Không, Giả, Trung và cho đó là trí hóa đạo do phá trừ Trần sa hoặc(các lậu hoặc nhiều như cát bụi) mà thành tựu được. [X. phẩm Tựa trong Kinh Đại phẩm Bát Nhã Q.1; Ma ha chỉ quán Q.3 phần trên; Quan âm huyền nghĩa Q.hạ]. (xt. Nhất Thiết Trí). Từ điển Phật Quang.*

(3). Kim Cang dụ còn gọi là Kim Cang Dụ Định hay Kim Cang Tam Muội: Thiền định tối cao của Bồ Tát ở giai đoạn tối hậu. Người đạt được định này sẽ được trí sắc bén, bất hoại như kim cương, có thể cắt đứt tất cả phiền não câu sanh, những lậu hoặc vi tế tương tục.

(4). Bồ đề phần pháp: Đã thích nghĩa nhiều lần, tuy nhiên chúng tôi cũng xin lặp lại ngắn gọn để Các thiện hữu các đạo hữu dễ nhớ. Bồ đề phần pháp nói rộng là tam thập thất Bồ đề phần pháp (37 pháp trợ đạo) gồm: Tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần và bát chánh đạo phần. Vì 37 pháp nầy đều thuận tới Bồ đề, nên gọi là Bồ đề phần pháp. Bồ đề phần pháp nói rút gọn là Thất Bồ đề phần, gồm: Niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, và xả. (Xem lại thích nghĩa chi tiết ở phần thứ I Tổng luận).

(5). Bồ đề: Có nghĩa là Đạo, Giác, Trí, Tri. Có phiền não thì không có Bồ đề hay ngược lại. Đắc Bồ đề thì diệt hết phiền não, chứng Niết bàn. Bồ đề đầy đủ thì thành Như Lai, gọi là Vô thượng Bồ đề, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác. (Xem thích nghĩa phẩm "Ma ha tát", đầu Q.49, ĐBN).

(6). Thánh pháp Tỳ nại da: Đã thích nghĩa ở trên. Ở đây Thánh pháp Tỳ lại da không có nghĩa là chỉ riêng cho luật tạng (một trong ba tạng: Kinh, Luật và Luận) mà nói chung bao gồm tất cả Thánh pháp, những kỹ thuật tu trì v.v… Kinh ĐBN giải thích: "Những pháp ấy (tất cả pháp Phật nói chung) gọi là Thánh pháp Tỳ nại da. Vì sao? ***Vì tất cả pháp này, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng chỗ gọi vô tướng****. Vô sắc cùng vô sắc chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng hợp chẳng tan. Vô*

kiến cùng vô kiến, vô đối cùng vô đối, nhất tướng cùng nhất tướng, vô tướng cùng vô tướng cũng chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng hợp chẳng tan. Các đại Bồ Tát đối Bát Nhã vô sắc, vô kiến, vô đối nhất tướng, vô tướng đây thường nên tu học. ***Học rồi chẳng thủ đắc tướng của tất cả pháp****". Đó là Thánh pháp Tỳ nại da.(Q.370, ĐBN)*

(7). ***Khiển:*** *Tức khiển trách, chê trách;* ***trừ khiển hay khiển trừ****: Bỏ qua, không trách cứ. Khiển trách, chê trách là động niệm. Nếu không khiển cũng không trừ khiển thì động niệm không sanh. Tu hành cần nhất là tránh động niệm. Vậy, khiển cũng bỏ mà trừ khiển cũng bỏ nốt thì tâm mới được bất động. Hai từ này đã thích nghĩa rồi, nay chỉ tán rộng thêm.*

(8). Thuận nhẫn: Tâm nhu nhuyễn tùy thuận chân lý.

Sơ giải:

Học khắp tất cả pháp như biển học, nhưng đại Bồ Tát đối với tất cả pháp mà khởi nghĩ: Nên biết (tất cả pháp), nên tu (4 tịnh lự), nên hành (lục độ), nên an trụ (18 pháp không), nên hướng (nhập Chánh tánh ly sanh), nên khởi (Phật10 lực), nên đoạn (phiền não), nên chứng (quả vị Giác ngộ tối cao), phải nên như thế nọ, phải nên như thế kia… thì đó là hý luận! Học tất cả pháp vô tướng như hư không là học thậm thâm Bát Nhã.

"Tất cả pháp này, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng, chỗ gọi là vô tướng. Học rồi chẳng thủ đắc tướng của tất cả pháp. Rốt ráo, phải biết tất cả pháp chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải nhất tướng, chẳng phải dị tướng. Nếu đại Bồ Tát biết khắp tất cả pháp hoặc hữu tướng, hoặc vô tướng, hoặc nhất tướng, hoặc dị tướng, **đều đồng một tướng thì đó là vô tướng. Tu vô tướng đây là tu Bát Nhã**".

Đồng một tướng tức là vô tướng, cũng tức là ***bình đẳng****. Khi thấy tất cả pháp là vô tướng, tức thấy như như, thấy như như là cái thấy biết bình đẳng, thì tâm thể mới được an nhiên tịch lặng. Đó chính là tu Bát Nhã.*

Thế Tôn ở đây không muốn lặp lại cái tác chứng ở trước là các pháp không có tự tánh, lấy vô tánh làm tự tánh. Tới đây Thế Tôn nói các pháp là nhất tướng, chỗ gọi là vô tướng. Nhất tướng là chỉ cho tướng như như bình đẳng vô sai biệt, vô tướng là không có tướng mạo, không có hình dạng thì không thể chấp tướng thật hay giả, tốt hay xấu, lớn nhỏ... Ở đây, ***Thế Tôn muốn chỉ bày các pháp đều đồng một tướng.*** *Đồng một tướng*

tức là như, nó như thế là như thế, chẳng lúc nào chẳng như, nhưng đừng hiểu là như nhau, và bình đẳng nghĩa là không phân biệt to nhỏ, hơn kém... Bình đẳng có nghĩa cùng đồng một thể tính, như nói "lượn sóng nào cũng đều là nước". Sóng có hình tướng lớn nhỏ, dài ngắn, nước thì đồng một thể, không hai không khác. Một khi đạt được trạng thái này thì không còn chấp tâm thủ tướng, tâm thể mới được an nhiên tịch lặng. Đó là chỗ tu, chỗ trụ của Bát Nhã. Nên Kinh bảo:

"Nếu đại Bồ Tát tu khiển sắc, cũng khiển tu đây là tu Bát Nhã; tu khiển thọ, tưởng, hành, thức, cũng khiển tu đây là tu Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát tu khiển tất cả pháp và cũng khiển tu đây là tu Bát Nhã.

Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, nếu nghĩ có sắc, có khiển tu đây thì chẳng phải tu Bát Nhã. Vì chẳng phải có tưởng là có thể tu Bát Nhã. Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, nếu nghĩ có Nhất thiết trí trí, có khiển tu đây thì chẳng phải tu Bát Nhã, nếu nghĩ có tất cả tập khí phiền não tương tục và nghĩ có sự vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tập khí phiền não tương tục, có khiển tu đây thì chẳng phải tu Bát Nhã. Vì sao? **Vì chẳng phải có tưởng *(là)* có thể tu Bát Nhã**. Vì vậy, nếu đại Bồ Tát tu khiển Nhất thiết trí trí, cũng khiển tu đây là tu Bát Nhã; tu khiển đoạn trừ vĩnh viễn tất cả tập khí phiền não tương tục, cũng khiển tu đây là tu Bát Nhã.

Kẻ trụ vào hữu tưởng, nhất định chẳng có thể tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự và Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì kẻ trụ vào hữu tưởng nếu tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, chắc chắn sẽ chấp ngã và ngã sở; do chấp này mà thủ trước nhị biên; vì thủ trước nhị biên nên chẳng giải thoát sanh tử, không đạo, không Niết bàn làm thế nào có thể như thật tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật!"

Tưởng ***Có****, tưởng* ***Không*** *đều là động, cầu tịnh mà ngăn động thì càng động thêm. Vì vậy, khiển hay trừ khiển cũng là động, nên khiển cũng xả mà trừ khiển cũng xả nốt, thì tâm được tịch lặng an nhiên. Tam Tổ Tăng Xán trong "Tín Tâm Minh" bảo:*

"*Ngăn động mà cầu tịnh*
Hết ngăn lại động thêm
Càng trệ ở hai bên
Thà rõ đâu là mối".

Do đó, Kinh kết luận:

"Do nhân duyên này, nên biết tất cả người tưởng hai, nhất định không bố thí, không tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, cũng không Bát nhã Ba la mật, không đạo, không quả, cũng không hiện quán; cho đến thuận nhẫn còn chẳng có huống là biết khắp sắc, huống là biết khắp thọ, tưởng, hành, thức; huống là biết khắp xứ, giới; huống hồ biết khắp bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao. Họ còn chẳng có thể tu các Thánh đạo huống là đắc quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, quả vị Độc giác; huống là có thể đắc Nhất thiết trí trí và có thể đoạn trừ vĩnh viễn tất cả tập khí phiền não tương tục".

Tổ bảo là phải rõ "đâu là mối". Đầu mối ở đây là "huyền chỉ", chính là tâm không phân hai, không tưởng hai (tức bất nhị). Còn tưởng hai là còn ***sanh diệt đổi dời****, thì quả nhỏ nhất trong tu hành như Dư lưu còn không thể đắc nói chi chứng Vô thượng Bồ đề, làm sao có thể đoạn trừ tất cả tập khí phiền não nhỏ nhiệm tương tục mà chứng Bồ đề. Khi tâm không còn phân biệt chấp trước, thì được như như bất động. Tâm như như bất động, các thiền sư thường gọi là "an nhiên tịch lặng". Học khắp cả đạo, tu khắp tất cả pháp cũng không ngoài chỗ này. Đó là đầu dây mối nhợ của tu hành, tạm gọi là huyền chỉ.*

Nhưng chả có gì là huyền diệu bí nhiệm ở đây! Nói huyền thuyết diệu cũng vậy thôi, phủi sạch trong ngoài *thì được vô thức vô niệm vô tâm. Yếu chỉ tu hành chỉ có thế./.*

---o0o---

65. PHẨM "TAM TIỆM THỨ"

Phần sau Q.372 cho đến đầu Q.373, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương với phẩm "Tam Thứ Đệ Hành" quyển thứ 24, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

(Lấy vô tánh làm tự tánh)

Người trụ hữu tưởng, không thuận nhẫn, không đạo, không quả cũng không hiện quán thì **người trụ vô tưởng** cũng không thuận nhẫn, cũng không đạt bậc Tịnh quán, Chủng tánh, Bát nhân, bậc Kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, Dĩ biện, Độc giác, Bồ Tát hay Như Lai. Do tu Thánh đạo mới đoạn được phiền não. Vì bị phiền não khách trần ngăn che nên các đại Bồ Tát chẳng có thể nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Nếu chẳng có thể nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh thì chẳng có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí. Nếu chẳng có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí thì không thể đoạn trừ vĩnh viễn tất cả phiền não tập khí tương tục.

Nếu tất cả pháp hoàn toàn không có sở hữu thì không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh. Các pháp như thế đã hoàn toàn không sanh thì làm sao có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí?

Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm có tưởng hữu, tưởng vô chăng? có tưởng sắc, tưởng thọ, tưởng, hành, thức chăng? Có tưởng mười hai xứ, mười tám giới, bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, mười tám pháp bất cộng chăng? Có tưởng Nhất thiết trí trí chăng? Có tưởng các quả Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát hạnh, quả vị Giác ngộ tối cao chăng? Có tưởng đoạn trừ vĩnh viễn tất cả tập khí phiền não tương tục chăng?

Bồ Tát khi hành Bát Nhã không tưởng hữu, tưởng vô. Nếu không tưởng hữu cũng không tưởng vô thì đó tức là Bồ Tát thuận nhẫn; nếu không tưởng hữu cũng không tưởng vô tức là tu đạo; nếu không tưởng hữu cũng không tưởng vô tức là đắc quả. Nên biết, vô tánh tức là đạo Bồ Tát Ma ha tát, vô tánh tức là hiện quán Bồ Tát Ma ha tát.

Do nhân duyên này, **<u>nên biết tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh</u>.**

- Nếu nói tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh thì vì sao Như Lai đối với tất cả pháp vô tánh hiện Đẳng Chánh Giác? Hiện Đẳng Chánh Giác rồi, đối với tất cả pháp và các cảnh giới đều được tự tại?

Như Lai khi xưa học đạo Bồ Tát, tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật không trái ngược. Bấy giờ, Như Lai **đối các tĩnh lự và chi tĩnh lự, tuy khéo lấy tướng mà không sở chấp**. Đối các tĩnh lự và chi tĩnh lự đều không say đắm, không thủ đắc. Như Lai bấy giờ đối các tĩnh lự, đem hành tướng thanh tịnh không sở phân biệt an trụ đầy đủ, tu các tĩnh lự và chi tĩnh lự khéo thông thạo rồi, khiến tâm phát khởi các Thần thông. Lúc bấy giờ, Như Lai đối các trí chứng thông đã phát khởi, tuy khéo lấy tướng mà không sở chấp; đối các trí chứng thông đã phát khởi đều không say đắm, không thủ đắc như hư không không sở phân biệt, an trụ đầy đủ. Như Lai dùng diệu huệ tương ưng Nhất thiết trí trí, chỉ trong sát na chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nghĩa là hiện đẳng giác: Đây khổ Thánh đế, đây tập Thánh đế, đây diệt Thánh đế, đây đạo Thánh đế hoàn toàn vô sở hữu, thành tựu mười lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng… thảy vô biên công đức khác; an lập ba nhóm hữu tình sai khác, tùy căn cơ mà phương tiện dạy bảo dẫn dắt khiến được lợi ích an vui thù thắng.

- Làm sao Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có thể dùng vô tánh làm tự tánh phát khởi bốn tịnh lự, có thể dùng vô tánh làm tự tánh phát khởi năm phép thần thông*(1)*, có thể dùng vô tánh làm tự tánh chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, có thể dùng vô tánh làm tự tánh an lập hữu tình thành ba nhóm; xong, tùy theo căn cơ của họ mà phương tiện dạy bảo dẫn dắt, khiến đạt được lợi ích an vui thù thắng?

Nếu **các pháp dục ác bất thiện có chút tự tánh, hoặc tha tánh**, thì khi xưa, Như Lai tu hành Bồ Tát hạnh, chẳng thông đạt tất cả pháp dục ác bất thiện. Nhưng vì các pháp dục ác bất thiện thảy không có tự tánh, tha tánh, chỉ lấy vô tánh làm tự tánh, nên Như Lai khi xưa tu Bồ Tát hạnh, thông đạt các pháp dục ác bất thiện, mới năng lìa được chúng mà vào được tứ thiền. Nếu các thần thông có chút tự tánh hoặc tha tánh, thì khi xưa Như Lai tu Bồ Tát hạnh, chẳng ưng thông đạt tất cả thần thông. Vì các thần thông không có tự tánh, tha tánh, chỉ lấy vô tánh làm tự tánh, nên Như Lai khi xưa tu Bồ Tát hạnh thông đạt các thần thông, đều lấy vô tánh làm tự

tánh rồi, có thể khiến tâm phát khởi các thần thông, đắc các thần thông rồi nên đối với các cảnh giới, tự tại vô ngại.

Nếu **Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có chút tự tánh, hoặc tha tánh**, Như Lai khi xưa tu Bồ Tát hạnh, chẳng ưng thông đạt quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nhưng vì Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không có tự tánh tha tánh, chỉ lấy vô tánh làm tự tánh, nên khi xưa Như Lai tu Bồ Tát hạnh thông đạt Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề đều lấy vô tánh làm tự tánh rồi, mới dùng diệu huệ tương ưng Nhất thiết trí trí chỉ trong sát na chứng được quả vị Giác ngộ tối cao, như thật giác biết khổ tập diệt đạo Thánh đế đều vô sở hữu; trọn nên mười lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, và vô biên công đức khác.

Nếu các hữu tình có chút tự tánh hoặc tha tánh thì khi Như Lai thành Phật rồi, chẳng ưng thông đạt tất cả hữu tình, an lập ba nhóm sai khác. Nhưng vì các **hữu tình không có tự tánh, tha tánh**, chỉ lấy vô tánh làm tự tánh nên Như Lai sau khi thành Phật, thông đạt hữu tình, đều lấy vô tánh làm tự tánh rồi, mới có thể an lập ba nhóm hữu tình sai khác, tùy theo căn cơ của họ mà phương tiện dạy bảo, dẫn dắt, khiến đạt được lợi ích an lạc thù thắng.

- Các đại Bồ Tát nương vào pháp vô tánh làm tự tánh, khởi bốn tịnh lự, phát năm thần thông, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, an lập ba nhóm hữu tình sai khác thì tại sao đại Bồ Tát đối với pháp lấy vô tánh làm tự tánh **lần lược làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc***(2)* mà có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao?

Tất cả các bậc hiền Thánh từ Thanh văn đến Vô Thượng Giác ngộ đối với các pháp đều <u>lấy vô tánh làm cứu cánh tu hành tất cả pháp</u> để chứng đắc quả vị mà mình trụ trì, nhưng không thấy mình tu, mình chứng cũng không thấy bất cứ một pháp nào dù nhỏ nhiệm bằng đầu mảy lông phải tu, phải chứng, phải trụ.

Đại Bồ Tát ấy phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, vì cứu độ khắp các hữu tình nên <u>làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc</u> giống như các đại Bồ Tát ở quá khứ đã từng làm: Trước hết nên lần lược tu hành bố thí Ba la mật, kế đến nên tu hành tịnh giới, tu hành an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, sau cùng nên tu hành Bát nhã Ba la mật.

(Tu lục Ba la mật)

- Đại Bồ Tát ấy từ lúc mới phát tâm **tu hành bố thí Ba la mật,** tự hành bố thí, cũng khuyên người hành bố, khen ngợi chỉ rõ công đức của bố thí, hoan hỷ khen ngợi người hành bố thí. Do nhân duyên này, bố thí viên mãn, sanh vào cõi trời người, được tài lộc lớn, thường hành bố thí, xa lìa tâm xan lẫn, tùy theo các hữu tình, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần y phục cho y phục, cần xe cộ, phòng xá, đồ nằm, đèn đuốc, của cải… tùy theo nhu cầu đều thí cho đầy đủ. Đại Bồ Tát do bố thí nên thọ trì giới uẩn; do thí-giới nên được định uẩn; do thí-giới-định nên được tuệ uẩn; do thí-giới-định-tuệ nên được giải thoát uẩn; do thí-giới-định-tuệ-giải thoát nên được giải thoát tri kiến uẩn; do **thí-giới-định-tuệ-giải-thoát-giải-thoát-tri-kiến-uẩn** viên mãn nên vượt qua các bậc Thanh văn và Độc giác, hướng nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh; nhập bậc Chánh tánh ly sanh, mới có thể thành thục hữu tình nghiêm tịnh cõi Phật; thành thục hữu tình nghiêm tịnh cõi Phật được viên mãn rồi, mới có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao; chứng đắc quả vị Giác ngộ rồi, mới có thể chuyển bánh xe pháp; do chuyển bánh xe pháp nên an lập hữu tình ở pháp ba thừa; hữu tình an trụ ở pháp ba thừa rồi mới có thể giải thoát sanh tử, chứng đắc Niết bàn.

Đại Bồ Tát ấy, do bố thí nên tuy có thể làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc như thế, nhưng quán tất cả hoàn toàn chẳng có thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp là không.

- Đại Bồ Tát ấy từ khi mới phát tâm **tu hành tịnh giới Ba la mật**, nên tự hành tịnh giới, cũng khuyên người hành tịnh giới, khen ngợi chỉ rõ công đức tịnh giới, hoan hỷ khen ngợi người hành tịnh giới. Do nhân duyên này, đại Bồ Tát ấy được giới uẩn thanh tịnh, sanh vào cõi trời người, rất được tôn quí, an trụ giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn. **Do an trụ giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn thanh tịnh** nên vượt qua các bậc Thanh văn và Độc giác, hướng nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh; nhập bậc Chánh tánh ly sanh rồi, mới có thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật; thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật được viên mãn rồi, mới có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao; chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao rồi, mới có thể

chuyển bánh xe pháp; do chuyển bánh xe pháp nên an lập hữu tình ở pháp ba thừa; hữu tình an trụ ở pháp ba thừa rồi mới có thể giải thoát sanh tử, chứng đắc Niết bàn.

Đại Bồ Tát ấy, do tịnh giới nên tuy có thể làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc như thế, nhưng quán tất cả hoàn toàn chẳng có thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp là không.

- Đại Bồ Tát ấy từ khi mới phát tâm **tu hành an nhẫn Ba la mật**, nên tự hành an nhẫn, cũng khuyên người hành an nhẫn, khen ngợi chỉ rõ công đức an nhẫn, hoan hỷ khen ngợi người hành an nhẫn. Đại Bồ Tát ấy khi hành an nhẫn thường chịu đựng được những nỗi vinh nhục não hại cả thân tâm, để thành tựu đạo nghiệp, nên an trụ giới uẩn, an trụ định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn. **Do giới định tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến uẩn thanh tịnh** nên vượt qua các bậc Thanh văn và Độc giác, hướng nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh; nhập bậc Chánh tánh ly sanh, mới có thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật v.v… như đã nói ở trên.

Đại Bồ Tát ấy, do an nhẫn nên tuy có thể làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc như thế, nhưng quán tất cả hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp là không.

- Đại Bồ Tát ấy từ khi mới phát tâm **tu hành tinh tấn Ba la mật**, nên tự hành tinh tấn, cũng khuyên người đối với các thiện pháp phát khởi sự chuyên cần tinh tấn, khen ngợi chỉ rõ công đức đối với các thiện pháp, hoan hỷ khen ngợi người đối với các thiện pháp phát khởi sự chuyên cần tinh tấn. Đại Bồ Tát ấy hành tinh tấn, đạo hạnh lần lần viên mãn, nên mới có thể an trụ giới uẩn, an trụ định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn. **Do giới-định-tuệ-giải thoát-giải thoát tri kiến uẩn thanh tịnh** nên vượt qua các bậc Thanh văn và Độc giác, hướng nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh; nhập bậc Chánh tánh ly sanh, mới có thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật; thành thục hữu tình nghiêm tịnh cõi Phật, được viên mãn rồi, mới có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao v.v… như đã nói ở trên.

Đại Bồ Tát ấy, do tinh tấn nên tuy có thể làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc như thế, nhưng quán tất cả hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp là không.

- Đại Bồ Tát ấy từ khi mới phát tâm **tu hành tịnh lự Ba la mật**, nên tự nhập bốn tịnh lự, bốn định vô sắc, cũng khuyên người khác nhập bốn tịnh lự, bốn định vô sắc, khen ngợi chỉ rõ công đức việc nhập bốn tịnh lự, bốn định vô sắc, hoan hỷ khen ngợi người nhập bốn tịnh lự, bốn định vô sắc. Đại Bồ Tát ấy an trụ bốn tịnh lự, bốn định vô sắc, tâm được an định, nên mới an trụ giới uẩn, an trụ định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn. **Do giới-định-tuệ-giải thoát giải-thoát tri kiến uẩn thanh tịnh** nên vượt qua các bậc Thanh văn và Độc giác, hướng nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh; nhập bậc Chánh tánh ly sanh mới có thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật; thành thục hữu tình nghiêm tịnh cõi Phật được viên mãn rồi, mới có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao v.v… như đã nói ở trên.

Đại Bồ Tát ấy, do tịnh lự nên tuy có thể làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc như thế, nhưng quán tất cả hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp là không.

- Đại Bồ Tát ấy từ khi mới phát tâm **tu hành Bát nhã Ba la mật**, thí cho các hữu tình các thứ tài vật, an trụ giới uẩn, an trụ an nhẫn, tinh tấn, an trụ định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn, tự hành lục Ba la mật, cũng khuyên người khác hành lục Ba la mật, khen ngợi chỉ rõ công đức của lục Ba la mật, hoan hỷ khen ngợi người hành lục Ba la mật. Đại Bồ Tát ấy do sức phương tiện thiện xảo của bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật nên vượt qua các bậc Thanh văn và Độc giác, hướng nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh; nhập bậc Chánh tánh ly sanh rồi, mới có thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật; thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật được viên mãn rồi, mới có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao; chứng đắc quả vị Giác ngộ rồi, mới có thể chuyển bánh xe pháp; do chuyển bánh xe pháp nên an lập hữu tình ở pháp ba thừa; hữu tình an trụ vững vàng ở pháp ba thừa rồi mới có thể giải thoát sanh tử, chứng đắc Niết bàn.

Đại Bồ Tát ấy, do Bát nhã Ba la mật nên tuy có thể làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc như thế, nhưng quán tất cả hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp là không.

Đó là Đại Bồ Tát nương vào tu hành sáu phép Ba la mật, làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì*(3)* theo thứ bậc, Đại Bồ Tát khi làm

việc lần lữa này, tu học lần lữa, hành hạnh lần lữa, từ sơ phát tâm, đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí tin hiểu các pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh, nên trước tu Phật tùy niệm, kế nên tu Pháp tùy niệm, tu Tăng tùy niệm, tu giới tùy niệm, tu xả tùy niệm, sau nên tu thiên tùy niệm.

(Tu Phật, Pháp, Tăng, Giới, Xả và Thiên tùy niệm)

- Thế nào là đại Bồ Tát tu **Phật tùy niệm**?

Đại Bồ Tát này khi tu hành Bát nhã Ba la mật chẳng nên lấy sắc nghĩ tưởng Như Lai, chẳng nên lấy thọ tưởng hành thức nghĩ tưởng Như Lai. Vì cớ sao? Sắc vô tự tánh, thọ tưởng hành thức vô tự tánh. Nếu pháp vô tự tánh thời vô sở hữu, nếu vô sở hữu thời chẳng khá niệm. Nếu không nghĩ, không niệm, đấy là Phật tùy niệm.

Đại Bồ Tát chẳng nên lấy ba mươi hai tướng đại sĩ nghĩ tưởng Như Lai, chẳng nên lấy thân kim sắc nghĩ tưởng Như Lai, chẳng nên lấy thân có hào quang tứ phía nghĩ tưởng Như Lai, chẳng nên lấy tám mươi tùy hảo nghĩ tưởng Như Lai. Vì sao? Vì tướng hảo, kim quang, sắc thân như thế đều vô tự tánh. Nếu pháp vô tự tánh thời vô sở hữu, nếu vô sở hữu thời chẳng khá niệm. Nếu không nghĩ, không niệm, đấy là Phật tùy niệm.

Đại Bồ Tát chẳng nên lấy **nhóm giới** nghĩ tưởng Như Lai, chẳng nên lấy **nhóm định**, **nhóm huệ, nhóm giải thoát, nhóm giải thoát tri kiến** nghĩ tưởng Như Lai. Vì sao? Vì các nhóm như thế đều vô tự tánh. Nếu pháp vô tự tánh thời vô sở hữu, nếu vô sở hữu thời chẳng khá niệm. Nếu không nghĩ, không niệm, đây là Phật tùy niệm.

Lại nữa, đại Bồ Tát chẳng nên dựa vào năm loại mắt, sáu phép thần thông mà tưởng niệm Như Lai, chẳng nên dựa vào Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng mà nghĩ tưởng Như Lai… cho đến chẳng nên dựa vào Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí mà tưởng niệm Như Lai. Vì sao? Vì các pháp như thế đều không có tự tánh. Nếu pháp không có tự tánh thì không có sở hữu; nếu không có sở hữu thì chẳng khá niệm. Nếu không niệm, không suy nghĩ, đây là Phật tùy niệm.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật nên tu tùy niệm Phật như thế. Nếu tu tùy niệm Phật như thế thì đó là đại Bồ Tát làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc.

Đại Bồ Tát khi hành trì lần lữa như thế thì có thể viên mãn tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc; có thể viên mãn tám giải thoát, cũng có thể viên mãn tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ; có thể viên mãn tất cả pháp môn Tam ma địa, pháp môn Đà la ni; có thể viên mãn lục Ba la mật, cũng có thể viên mãn mười tám pháp Phật bất cộng… cho đến viên mãn Nhất thiết trí, cũng có thể viên mãn Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Do đó, có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Đại Bồ Tát này lấy vô tánh làm tự tánh, vì sức phương tiện nên giác tất cả pháp đều vô tự tánh. Trong ấy không hữu tưởng, cũng lại không vô tưởng.

Đại Bồ Tát nên tu Phật tùy niệm như thế, nghĩa là đối với tất cả pháp hãy không có chút niệm, huống có niệm Phật! *(Q.372, ĐBN)*

- Thế nào là đại Bồ Tát tu **Pháp tùy niệm?**

Đại Bồ Tát ấy khi tu hành Bát nhã Ba la mật, chẳng nên nghĩ tưởng pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký, chẳng nên nghĩ tưởng pháp thế gian, pháp xuất thế gian, chẳng nên nghĩ tưởng pháp ái nhiễm, không ái nhiễm, chẳng nên nghĩ tưởng pháp có tranh cãi, pháp không tranh cãi, chẳng nên nghĩ tưởng pháp Thánh, pháp phàm, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp cõi Dục, Sắc, hoặc Vô sắc. Vì sao? Vì các pháp như thế đều không có tự tánh. Nếu pháp không có tự tánh thì không có sở hữu; nếu không có sở hữu thì chẳng thể nghĩ tưởng. Vì sao? Vì nếu không nghĩ, không niệm thì đây là Pháp tùy niệm.

Đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật nên tu tùy niệm Pháp như thế. Nếu tu Pháp tùy niệm như thế thì đó là đại Bồ Tát làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc.

Đại Bồ Tát ấy khi làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc như thế thì có thể viên mãn ba mươi bảy pháp trợ đạo; có thể viên mãn Tam giải thoát môn, bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; mười tám pháp Phật bất cộng v.v… có thể viên mãn Nhất thiết trí, cũng có thể viên mãn Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Do đó, có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Đại Bồ Tát ấy vì dùng sức phương tiện lấy vô tánh làm tự tánh, nên biết tất cả pháp đều không có tự tánh; trong ấy không hữu tưởng, cũng lại không vô tưởng.

Đại Bồ Tát tu Pháp tùy niệm như thế, nghĩa là đối với tất cả pháp hãy không có chút niệm, huống là có niệm Pháp!

- Thế nào là đại Bồ Tát tu **Tăng tùy niệm**?

Đại Bồ Tát ấy khi tu hành Bát nhã Ba la mật chẳng nghĩ thế này, chúng đệ tử Phật, đầy đủ giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn; Bổ đặc già la của tứ song bát chích *(4)*, tất cả đều là do vô tánh hiển ra, đều lấy vô tánh làm tự tánh. Do nhân duyên ấy, chẳng nên nghĩ tưởng. Vì sao? Vì chúng đệ tử Phật đều không có tự tánh. Nếu pháp không có tự tánh thì không có sở hữu; nếu không có sở hữu thì không thể nghĩ tưởng. Vì sao? Vì nếu không nghĩ, không niệm, thì đây là Tăng tùy niệm.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật nên tùy niệm Tăng như thế. Nếu tu tùy niệm Tăng như thế thì đó là đại Bồ Tát làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc.

Đại Bồ Tát ấy khi làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc như thế, thì có thể viên mãn ba mươi bảy pháp trợ đạo; có thể viên mãn Tam giải thoát môn, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, mười tám pháp bất cộng v.v… có thể viên mãn Nhất thiết trí, cũng có thể viên mãn Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Do đó, có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Đại Bồ Tát ấy vì dùng sức phương tiện lấy vô tánh làm tự tánh, nên biết tất cả pháp đều không có tự tánh; trong ấy không hữu tưởng, cũng lại không vô tưởng.

Đại Bồ Tát tu Tăng tùy niệm như thế, nghĩa là trong đó đối với tất cả pháp còn không có chút niệm, huống là có niệm Tăng!

- Thế nào là đại Bồ Tát tu **Giới tùy niệm**?

Đại Bồ Tát ấy khi hành Bát nhã Ba la mật, từ lúc mới phát tâm cho đến khi an tọa tòa Bồ đề, thường trụ tịnh giới không khuyết, không hở, không tỳ vết, không nhiễm ô, không chấp trước, xứng đáng thọ nhận cúng dường, được người trí khen ngợi là diệu thiện, thọ trì rốt ráo diệu thiện, tùy thuận thắng định, suy nghĩ giới này lấy vô tánh làm tự tánh. Do nhân duyên ấy, chẳng nên nghĩ tưởng. Vì sao? Vì tịnh giới như thế hoàn toàn không có tự tánh. Nếu pháp không có tự tánh thì không có sở hữu; nếu không có sở hữu thì không thể nghĩ tưởng. Vì sao? Vì nếu không nghĩ, không niệm, thì đây là Giới tùy niệm.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật nên tùy niệm giới như thế. Nếu tu Giới tùy niệm như thế thì đó là Đại Bồ Tát làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc.

Đại Bồ Tát ấy khi làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc như thế, thì có thể viên mãn ba mươi bảy pháp trợ đạo; có thể viên mãn Tam giải thoát môn, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, mười tám pháp bất cộng v.v… có thể viên mãn Nhất thiết trí, cũng có thể viên mãn Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Do đó, có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Đại Bồ Tát ấy vì dùng sức phương tiện lấy vô tánh làm tự tánh, nên biết tất cả pháp đều không có tự tánh; trong ấy không hữu tưởng, cũng lại không vô tưởng.

Đại Bồ Tát tu Giới tùy niệm như thế, nghĩa là trong đó đối với tất cả pháp còn không có chút niệm, huống là có niệm Giới!

- Thế nào là đại Bồ Tát tu **Xả tùy niệm**?

Đại Bồ Tát ấy khi hành Bát nhã Ba la mật, vì sức phương tiện lấy vô tánh làm tự tánh, nên tu Xả tùy niệm; hoặc xả tài, hoặc xả pháp, đều chẳng khởi tâm là ta thí, chẳng thí; xả, chẳng xả; hoặc xả lóng đốt thân phần cũng chẳng khởi tâm là ta thí, chẳng thí; xả, chẳng xả; cũng chẳng nghĩ vật đã xả, đã thí và phước đức của xả thí đó. Vì sao? Vì các pháp như thế đều không có tự tánh. Nếu pháp không có tự tánh thì không có sở hữu; nếu không có sở hữu thì không thể nghĩ tưởng. Vì sao? Vì nếu không nghĩ, không niệm, thì đây là Xả tùy niệm.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật nên tu Xả tùy niệm như thế. Nếu tu Xả tùy niệm như thế thì đó là Đại Bồ Tát làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc.

Đại Bồ Tát ấy khi làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc như thế, thì có thể viên mãn ba mươi bảy pháp trợ đạo; có thể viên mãn Tam giải thoát môn, bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; mười tám pháp Phật bất cộng v.v… có thể viên mãn Nhất thiết trí, cũng có thể viên mãn Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Do đó, có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Đại Bồ Tát ấy vì dùng sức phương tiện lấy vô tánh làm tự tánh, nên biết tất cả pháp đều không có tự tánh; trong ấy không hữu tưởng, cũng lại không vô tưởng.

Đại Bồ Tát tu Xả tùy niệm như thế, nghĩa là trong đó đối với tất cả pháp Phật còn không có chút niệm, huống là có Xả niệm!

- Thế nào là đại Bồ Tát tu **Thiên tùy niệm**?

Đại Bồ Tát ấy khi hành Bát nhã Ba la mật, vì sức phương tiện lấy vô tánh làm tự tánh nên tu Thiên tùy niệm, quán Dự lưu v.v… tuy sanh vào chúng trời Tứ đại vương, hoặc trời Ba mươi ba, hoặc trời Dạ ma, hoặc trời Đổ sử đa, hoặc trời Lạc biến hóa, hoặc trời Tha hóa tự tại, nhưng chẳng thể nắm bắt được, chẳng nên nghĩ tưởng; quán Bất hoàn v.v… tuy sanh cõi trời Sắc giới, hoặc trời Vô sắc giới, nhưng chẳng thể nắm bắt được, chẳng nên nghĩ tưởng. Vì sao? Vì các trời như thế đều không có tự tánh. Nếu pháp không có tự tánh thì không có sở hữu; nếu không có sở hữu thì không thể nghĩ tưởng. Vì sao? Vì nếu không nghĩ, không niệm, thì đây là Thiên tùy niệm.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật, nên Thiên tùy niệm như thế. Nếu tu Thiên tùy niệm như thế thì đó là đại Bồ Tát làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc.

Đại Bồ Tát ấy khi làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc như thế, thì có thể viên mãn ba mươi bảy pháp trợ đạo; có thể viên mãn Tam giải thoát môn, tứ thiền bát định; mười tám pháp Phật bất cộng v.v… có thể viên mãn Nhất thiết trí, cũng có thể viên mãn Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Do đó, có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Đại Bồ Tát ấy vì dùng sức phương tiện lấy vô tánh làm tự tánh, nên biết tất cả pháp đều không có tự tánh; trong ấy không hữu tưởng, cũng lại không vô tưởng.

Đại Bồ Tát tu Thiên tùy niệm như thế, nghĩa là trong đó đối với tất cả pháp Phật còn không có chút niệm, huống là có niệm Thiên!

Đại Bồ Tát khi tu Bát Nhã, vì muốn viên mãn làm theo thứ bậc, tu theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc, lấy vô tánh làm tự tánh, vì sức phương tiện nên phải học mười tám pháp không; nên học chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế…; cũng lấy vô tánh làm tự tánh,

vì sức phương tiện nên phải học bốn Thánh đế, bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, mười tám pháp Phật bất cộng; cũng lấy vô tánh làm tự tánh, vì sức phương tiện nên phải học Nhất thiết trí; phải học Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí v. v… Đại Bồ Tát này khi hành Bồ Tát hạnh

như thế, học tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh, trong ấy hãy không chút niệm khá được, huống có niệm sắc, niệm thọ tưởng hành thức, niệm tất cả pháp Phật. Các niệm và pháp bị niệm như thế, nếu có chút thật, thì không có lẽ.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã như thế tuy làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc, nhưng ở trong đó, có tất cả tâm sở hành nghiệp, tâm sở tu học, tâm sở hành trì đều chẳng chuyển, vì tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh.

(Chẳng chấp Hữu chấp Vô)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng: Nếu tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh thì đáng lẽ không có sắc, cũng không có thọ, tưởng, hành, thức; đáng lẽ không có xứ, giới…, đáng lẽ không có Nhất thiết trí, cũng không có Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; không có các quả Thanh văn, Độc giác; đáng lẽ không có Bồ Tát hạnh, cũng không có quả vị Giác ngộ tối cao; đáng lẽ không Phật, không Pháp, không Tăng; không đạo, không quả; không nhiễm, không tịnh; đáng lẽ không hành, cũng không đắc, không hiện quán, cho đến tất cả pháp đáng lẽ cũng đều không có?

Phật hỏi lại cụ thọ Thiện Hiện:

- "Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Ở trong tất cả pháp lấy vô tánh làm tự tánh thì tánh hữu, tánh vô có thể nắm bắt được chăng?

Thiện Hiện bạch:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không! Ở trong tất cả pháp lấy vô tánh làm tự tánh, thì tánh hữu, tánh vô đều chẳng thể nắm bắt được.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu ở trong tất cả pháp lấy vô tánh làm tự tánh, tánh hữu, tánh vô đều chẳng thể nắm bắt được thì tại sao nay ông có thể đặt câu hỏi là nếu tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh thì đáng lẽ không có sắc, cũng không có thọ, tưởng, hành, thức; đáng lẽ không có xứ, giới v.v… đáng lẽ không có Nhất thiết trí, cũng không có Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; đáng lẽ không có quả Dự lưu, cũng không có quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, quả vị Độc giác; đáng lẽ không có Bồ Tát hạnh, cũng không có quả vị Giác ngộ tối cao; đáng lẽ không Phật, cũng không Pháp, không Tăng; đáng lẽ không đạo, không quả; không nhiễm,

không tịnh; đáng lẽ không hành, không đắc, không hiện quán, cho đến tất cả pháp đáng lẽ đều là không?

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đối với pháp ấy, con không nghi hoặc, nhưng vào đời tương lai, có Bí sô v.v… hoặc cầu Thanh văn thừa, hoặc cầu Độc giác thừa, hoặc cầu Bồ Tát thừa, họ sẽ nói: Phật dạy tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh. Nếu tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh thì ai nhiễm, ai tịnh, ai triền phược, ai giải thoát? Vì đối với nhiễm, tịnh và đối với triền phược, giải thoát chẳng hiểu rõ, nên họ phá giới, phá kiến, pháp oai nghi, phá tịnh mạng; do phá giới, phá kiến, phá pháp, phá tịnh mạng nên đọa địa ngục, bàng sanh, quỷ giới, chịu các khổ kịch liệt, luân hồi sanh tử, khó được giải thoát. Con quán đời vị lai sẽ có sự việc đáng sợ như thế, nên hỏi Như Lai ý nghĩa sâu xa như thế, nhưng đối với điều này, con không nghi hoặc.

Phật dạy:

- Hay thay! Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! Trong tất cả pháp lấy vô tánh làm tự tánh, tánh hữu tánh vô đều chẳng thể nắm bắt được. Ở đây **chẳng nên chấp tánh hữu tánh vô**”.

Thích nghĩa:

(1). Ngũ thần thông: Thần cảnh trí chứng thông, Thiên nhĩ trí chứng thông, Thiên nhãn trí chứng thông, Tha tâm trí chứng thông và Túc trụ tùy niệm chứng thông, nếu thêm Lậu tận trí chứng thông nữa thì thành lục thần thông. (Xem lại phần thứ I Tổng luận hay phẩm “Vãng Sanh”, quyển thứ 02, Kinh MHBNBLMĐ).

(2). Lần lượt làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc: Nguyên văn câu chữ Hán là “作tác 漸tiệm 次thứ 業**nghiệp** . 修tu 漸tiệm 次thứ 學**học** . 行hành 漸tiệm 次thứ 行**hành**”:

- ***Nghiệp*** *(*業S*: karma; P: kamma): Đó là một khái niệm quan trọng của Đạo Phật, có thể nói gọn là do các hành vi tư tưởng thiện ác, xấu tốt của thân khẩu ý tạo nên. Làm lành thì có kết quả tốt, làm ác thì hậu quả xấu. Kết quả hay hậu quả của hành vi tạo tác đó được gọi là nghiệp.*

- ***Học*** (學)*: Nghiên cứu, tra cứu, ghi nhớ.*

- ***Hành*** (行)*: Thực hành, hành trì.*

Vì vậy, câu chữ Hán trên được nhiều dịch giả dịch là "làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc" hay "làm nghiệp lần hồi, tu học lần hồi, hành hạnh lần hồi", hoặc "tuần tự tạo nghiệp, tuần tự tu học, tuần tự thực hành". Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật trong phẩm "Tam Thứ Đệ Hành" dịch là: Chỗ làm thứ đệ hành, thứ đệ học và thứ đệ đạo. Đại Trí Độ Luận lại dịch là "Thứ lớp tu, thứ lớp học, thứ lớp hành đạo". Chúng tôi không theo bản chữ Hán, chỉ "dịch ý" là "làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc". Dịch như thế dễ hiểu nhưng không xác nghĩa lắm?

(3). Hành trì: Thực hành, áp dụng sở học vào đời sống. Có hành trì mới có tu chứng. Học không hành như cái đãy đựng sách.

(4). Bổ đặc già la của tứ song bát chích: Bổ đặc già la đã thích nghĩa rồi, xin nhắc lại Bổ đặc già la nói nôm na là hữu tình có luân hồi sanh tử, đôi khi dịch là "chủ thể luân hồi". Có rất nhiều quan niệm về Bổ đặc già la tùy theo bộ phái Phật giáo. Có giáo phái cho Bổ đặc già la đồng nghĩa với người.

Luận Pháp uẩn túc quyển 2 gọi quả vị tu hành Tứ song bát bối (bốn đôi tám bậc) là Tứ song bát chích bổ đặc già la. Chú Thích Phật Học - Pháp Thí Hội: Bốn đôi tám vị, còn gọi là tứ song bát bối (四雙八輩): Là thánh giả tứ hướng tứ quả của Tiểu thừa. Hướng quả là một song, mà một song như vậy có tứ chủng, vậy một song của tứ chủng tức là bát bối.

Sơ giải:

Phần đầu của phẩm này, lặp lại giáo pháp: Người trụ hữu tưởng không thuận nhẫn, không đạo, không quả cũng không hiện quán thì người trụ vô tưởng cũng không thuận nhẫn, không đạo, không quả, không hiện quán. Trụ hữu, trụ vô là trụ hai bên, nếu có hai bên là có chấp, có chấp là có thiên lệch... thì rơi vào lưỡng nguyên đối đãi. Ngược lại, nếu không trụ hữu cũng không trụ vô thì đó tức là Bồ Tát thuận nhẫn, cũng là tu đạo, cũng là đắc quả.

Trụ hữu, trụ vô có nghĩa là vẫn nắm giữ những nghĩ tưởng thuộc nhị pháp hoặc thường hoặc vô thường, hoặc lạc hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc viễn ly hoặc bất viễn ly... Những nghĩ tưởng này do thức vọng phân biệt sanh khởi tạo thành tâm sanh diệt, nên

không thể tu, không thể chứng. Bất nhị chính là pháp vô tánh, nghĩa là không nắm giữ có không, được mất nữa… Nên Kinh nói vô tánh đây tức là Bồ Tát đạo, vô tánh đây tức là hiện quán. Vì lý do đó, nên nói "tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh".

Chúng ta cũng biết tất cả pháp không có tự tánh vì chúng là duyện hội. Có duyên mới có pháp, không duyên làm sao có pháp. Không có pháp, thì làm gì có tự tánh, nên thi thiết lấy vô tánh làm tự tánh. Nói như vậy là quá cô động, nhưng nó là sở ngộ của Phật. Giáo pháp này được nhắc nhở không biết bao nhiêu lần. Ngày nào hiểu được chỗ này thì thấy đạo. Nên Kinh nói **"... vô tánh tức là đạo Bồ Tát Ma ha tát, vô tánh tức là hiện quán Bồ Tát Ma ha tát"**.

Kinh thuyết tiếp: Đoạn trừ phiền não là do tu Thánh đạo, không phải do nắm bắt hay buông bỏ các pháp. Nếu bị phiền não khách trần che tâm thì các đại Bồ Tát chẳng có thể nhập Chánh tánh ly sanh. Nếu không thể nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh thì cũng không thể chứng đắc Nhất thiết trí trí. Nếu không thể chứng đắc Nhất thiết trí trí thì cũng không thể đoạn trừ vĩnh viễn tất cả tập khí phiền não tương tục.

Tất cả các bậc Hiền Thánh từ bốn quả Thanh văn đến Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác đều ***lấy vô tánh tự tánh làm cứu cánh tu hành tất cả pháp*** *để chứng đắc quả vị mà mình thọ trì, nhưng không thấy mình tu, mình chứng cũng không thấy bất cứ một pháp nào dù nhỏ nhiệm bằng đầu mảy lông là phải tu, phải chứng, phải trụ.*

Đại Bồ Tát ấy phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, vì cứu độ khắp hữu tình nên làm việc theo thứ bậc, tu học theo thứ bậc, hành trì theo thứ bậc giống như các đại Bồ Tát ở quá khứ đã từng làm: Trước hết nên lần lượt tu hành bố thí, kế đến nên tu hành tịnh giới, tu hành an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, sau cùng nên tu hành Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ Tát ấy từ khi mới phát tâm tu hành ***lục Ba la mật,*** *cũng khuyên người hành lục Ba la mật, chỉ rõ công đức của việc hành lục Ba la mật, hoan hỷ khen ngợi người hành lục Ba la mật. Do nhân duyên này, nên viên mãn sáu pháp Ba la mật, được sanh vào cõi trời người, hưởng được quả báo lợi vui. Nhưng Bồ Tát không an trụ ở đó mà lại tu tập giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn. Do* ***giới-định-tuệ-giải thoát-giải thoát tri kiến uẩn viên mãn*** *nên vượt qua các bậc Thanh văn và Độc giác, hướng nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, thành*

thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, chuyển bánh xe pháp, an lập hữu tình ở ba thừa để giúp chúng sanh giải thoát sanh tử, được an vui.

Đại Bồ Tát ấy, nương lục Ba la mật nên khi làm việc lần lữa, tu học lần lữa, hành hạnh lần lữa này theo thứ bậc, từ sơ phát tâm, đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí tin hiểu các pháp hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, vì biết các pháp đều không, lấy vô tánh làm tự tánh, trước nên tu Phật tùy niệm, kế nên tu Pháp tùy niệm, tu Tăng tùy niệm, v.v…

Đại Bồ Tát khi tu Bát Nhã, vì muốn viên mãn "làm theo thứ bậc, tu theo thứ bậc, hành theo thứ bậc", nên phải học tất cả pháp, nhưng đều lấy vô tánh làm tự tánh, ***trong ấy hãy không chút niệm khá được, huống có niệm sắc cho đến niệm tất cả pháp Phật.*** *Các niệm và pháp bị niệm như thế, nếu có chút thật, thì không có lẽ. Vì sao?* ***Vì tất cả "tâm sở hành nghiệp, tâm sở tu học, tâm sở hành trì đều chẳng chuyển đối với tất cả pháp lấy vô tánh làm tự tánh".***

Câu nói này mắc mỏ. Nhưng nếu hiểu ra rằng: Vô tánh là không, tự tánh cũng không, vô tánh tự tánh cũng không nốt. Trong không, không thấy mình tu, mình chứng cũng không thấy bất cứ một pháp nào dù nhỏ nhiệm bằng đầu mảy lông phải tu, phải chứng, phải trụ thời có thể hiểu ***"tâm sở hành nghiệp, tâm sở tu học, tâm sở hành trì"*** *có thể chuyển hay không chuyển?*

Pháp nào, pháp nào cũng tốt, cũng mang nhiều công đức cả. Biết như vậy nên đừng chấp đắm. Một khi có chấp Bát Nhã không còn ở đó nữa, Bát Nhã dỡ nón ra đi, thì còn gì để tu để học để chứng. Học tất cả pháp, tu tất cả hạnh... nhưng chẳng chấp bất cứ pháp gì. Vì tất cả pháp đều không có tự tánh, lấy vô tánh làm tự tánh. Nói vô tướng, nói vô tánh như nhau, ***tất cả đều là không,*** *thì chẳng có gì dính mắc.*

Nói như vậy để chúng sanh không còn mong cầu, nắm bắt, cất giữ nữa. Tất cả phủi sạch. Đó chính là tam tam muội KHÔNG, VÔ TƯỚNG, VÔ TÁC. Chư Phật luôn luôn nhắc nhỡ chúng ta, không có pháp môn nào để học ngoài pháp môn này.

Kết luận:

Giáo pháp chính của phẩm này nói về kỹ thuật tu hành của hành giả Bát Nhã phải tuân theo. Muốn thành đạt giác ngộ hành giả Bát Nhã phải lần lượt "làm theo thứ bậc, tu theo thứ bậc và hành trì theo thứ bậc" tất cả các thiện pháp nhất là sáu pháp Ba la mật.

Ngoài ra, từ sơ phát tâm, hành giả Bát Nhã phải lấy tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí làm đầu, tin hiểu các pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh, nên trước phải tu sáu pháp Ba la mật, kế đến tu Phật tùy niệm, tu Pháp tùy niệm, Tăng tùy niệm, giới tùy niệm, xả tùy niệm, sau nên tu Thiên tùy niệm. Nhưng dù tu dưới bất cứ hình thức nào cũng phải nhớ: **"Tất cả pháp lấy vô tánh làm tự tánh, tánh hữu, tánh vô đều bất khả đắc. Ở đây chẳng nên chấp hữu chấp vô".**

Đó là lối dạy bảo trao truyền mà Phật giao phó Thiện Hiện dạy Bát nhã Ba la mật cho hàng Bồ Tát sơ học Đại thừa. Chúng ta cũng có thể học như vậy: Đừng tưởng Có tưởng Không, đó là nhị pháp, đạo Phật là bất nhị. Học Bát Nhã như ảo nhân thính pháp.

Luôn luôn tâm nguyện: Học là học Không, Vô Tướng, Vô tác. Đó là ba cửa giải thoát. Học ba Tam muội này thành công thì có thể bước qua ba giải thoát môn mà qua được bờ kia./.

---o0o---

66. PHẨM “VÔ TƯỚNG VÔ ĐẮC”

Phần sau Q.373 đến đầu Q.378, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm: “Nhất Niệm” quyển thứ 25, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

1. Không tưởng Có, tưởng Không, xa lìa 2 tưởng.

***Phẩm “Vô Tướng” Q.466, Hội thứ II, ĐBN** có cùng một giáo nghĩa giống như phần mở đầu phẩm này, nói rằng:*

“Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh, các Bồ Tát Ma ha tát nhận thấy những gì mà muốn lợi ích an vui hữu tình cầu Vô thượng Bồ đề?

Phật bảo Thiện Hiện! Vì tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh mà các Bồ Tát muốn lợi ích an vui hữu tình. Vì sao? Vì **các loại hữu tình đủ kiến chấp** đoạn thường, trụ có sở đắc, khó điều phục được, ngu si điên đảo khó giải thoát.

Thiện Hiện phải biết, **kẻ trụ có sở đắc, bởi tưởng có sở đắc, không đắc, không hiện quán, cũng không được Vô thượng Bồ đề**.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật rằng: Nếu kẻ có sở đắc, sẽ không đắc, không hiện quán, cũng không Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Kẻ không sở đắc, sẽ có đắc, có hiện quán, có được Vô thượng Bồ đề chăng?

Phật bảo: Thiện Hiện! Nếu không sở đắc, tức là đắc, tức là hiện quán, tức là Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì kẻ đó chẳng hoại pháp giới vậy.

Thiện Hiện! Phải biết nếu đối “không sở đắc” đây muốn có sở đắc, muốn đắc hiện quán, muốn đắc Vô thượng Bồ đề, phải biết kẻ đó muốn hoại pháp giới.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật rằng: Nếu kẻ có sở đắc, sẽ không đắc, không hiện quán, tức là được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề hay không sở đắc tức là đắc, tức là hiện quán, tức là được Vô thượng Bồ đề?

Trong không sở đắc, không đắc, không hiện quán cũng không Vô thượng Bồ đề, các Bồ Tát Ma ha tát làm sao được từ sơ địa lên đến thập địa. Làm sao có được Vô sanh pháp nhẫn. Làm sao có được dị thục thần thông. Làm sao được có dị thục bố thí Ba la mật cho đến Bát nhã Ba la

mật. Làm sao an trụ pháp sanh dị thục như thế để thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Ở chỗ chư Phật cung kính cúng dường các món thượng diệu để được căn lành, cho đến Vô thượng Bồ đề cùng quả bất tận. Lần lữa cho đến sau vào Niết bàn, Thiết lợi la *(xá lợi)* của mình và các đệ tử vẫn được người đời cung kính cúng dường, thế lực căn lành như vậy mới bất tận?

Phật bảo: Thiện Hiện! Vì **tất cả pháp không sở đắc** nên các Bồ Tát Ma ha tát được sơ địa cho đến thập địa. Tức do đây nên được Vô sanh pháp nhẫn. Tức do đây nên được dị thục thần thông. Tức do đây nên được dị thục bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Tức do đây nên được an trụ pháp sanh dị thục, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Ở chỗ chư Phật cung kính cúng dường các món thượng diệu mới được căn lành, cho đến Vô thượng Bồ đề cùng quả bất tận. Lần lữa cho đến sau vào Niết bàn, Thiết lợi la của mình và các đệ tử vẫn được người đời cung kính cúng dường, thế lực căn lành vậy mới bất tận.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật rằng: Nếu tất cả pháp đều không sở đắc, bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và các thần thông có sai khác không?

Phật bảo: Thiện Hiện! Không sở đắc ấy, bố thí kể cả 5 Ba la mật kia và các thần thông đều không sai khác. Nhưng vì muốn khiến kẻ có sở đắc kia **lìa chấp đắm**, phương tiện tuyên nói bố thí cùng năm Ba la mật và các thần thông có tướng sai khác.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật rằng: Vì nhân duyên gì không sở đắc, bố thí cùng năm Ba la mật và các thần thông nói không sai khác?

Phật bảo: Thiện Hiện! Các Bồ Tát Ma ha tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, chẳng đắc bố thí, chẳng đắc kẻ thí, chẳng đắc kẻ thọ, chẳng đắc vật thí, chẳng đắc quả thí mà hành bố thí. Chẳng đắc tịnh giới mà hộ trì tịnh giới. Chẳng đắc nhẫn nhục mà tu nhẫn nhục. Chẳng đắc tinh tiến mà siêng tinh tiến. Chẳng đắc thiền định mà vào thiền định. Chẳng đắc Bát Nhã mà khởi Bát Nhã. Chẳng đắc thần thông mà phát khởi thần thông. Chẳng đắc tứ niệm xứ cho đến bát Thánh đạo mà tu tứ niệm xứ cho đến bát Thánh đạo. Chẳng đắc ba môn giải thoát mà tu ba môn giải thoát. Chẳng đắc bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc mà tu bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc. Chẳng đắc tám giải thoát cho đến mười biến xứ mà tu tám giải thoát cho đến mười biến xứ.

Chẳng đắc Bồ Tát địa mà tu Bồ Tát địa. Chẳng đắc Đà la ni, Tam ma địa mà tu Đà la ni, Tam ma địa. Chẳng đắc năm nhãn, sáu thần thông mà tu năm nhãn, sáu thần thông. Chẳng đắc pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả mà tu pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả... cho đến chẳng đắc Nhất thiết chủng trí mà tu Nhất thiết chủng trí. Chẳng đắc hữu tình mà thành thục hữu tình. Chẳng đắc cõi Phật mà nghiêm tịnh cõi Phật. Chẳng đắc tất cả Phật pháp mà chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Như vậy, Thiện Hiện! Các Bồ Tát Ma ha tát nên hành vô sở đắc Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Nếu Bồ Tát Ma ha tát năng hành vô sở đắc như vậy, tất cả ác ma và bà con ma đều chẳng năng hoại*(1)*.

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã **nhất tâm nhiếp thọ đầy đủ** bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; cũng có thể nhiếp thọ đầy đủ bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, cũng có thể nhiếp thọ đầy đủ ba mươi bảy pháp trợ đạo, tứ Thánh đế, mười tám pháp bất cộng, cũng có thể nhiếp thọ đầy đủ Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí...cho đến ba mươi hai tướng đại sĩ và tám mươi vẻ đẹp phụ thuộc?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, hành bố thí **chẳng lìa Bát Nhã** là đều do Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ, việc tu tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự chẳng lìa Bát Nhã là đều do Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ; việc tu bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, ba mươi bảy pháp trợ đạo, tứ Thánh đế, mười tám pháp bất cộng, chẳng lìa Bát Nhã đều do Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ…; việc tu Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, chẳng lìa Bát Nhã là đều do Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ; việc tu ba mươi hai tướng đại sĩ, tám mươi vẻ đẹp phụ thuộc, chẳng lìa Bát Nhã là đều do Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ.

- Này Thiện Hiện! Như vậy, **đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã** trong khoảng một sát na, tâm có thể nhiếp thọ đầy đủ bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; cũng có thể nhiếp thọ đầy đủ bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, ba mươi bảy pháp trợ đạo, tứ đế, mười tám pháp phật bất cộng…; cũng có thể nhiếp thọ đầy đủ Nhất thiết

trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; cũng có thể nhiếp thọ đầy đủ ba mươi hai tướng đại sĩ và tám mươi vẻ đẹp phụ thuộc.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, các việc đã làm chẳng lìa Bát Nhã, thường được Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ nên trong khoảng một sát na, tâm có thể nhiếp thọ đầy đủ bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; tâm có thể nhiếp thọ đầy đủ bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, ba mươi bảy pháp trợ đạo, tứ Thánh đế, mười tám pháp bất cộng…; tâm có thể nhiếp thọ đầy đủ Nhất thiết tướng trí cho đến ba mươi hai tướng đại sĩ và tám mươi vẻ đẹp phụ thuộc?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, việc hành bố thí vì được Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ **nên xa lìa hai tưởng**; việc hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, vì được Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ nên xa lìa hai tưởng; việc tu bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, ba mươi bảy pháp trợ đạo, tứ Thánh đế, mười tám pháp bất cộng vì được Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ nên xa lìa hai tưởng…; cho đến việc tu Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, vì được Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ nên xa lìa hai tưởng; việc dẫn phát ba mươi hai tướng đại sĩ và tám mươi vẻ đẹp phụ thuộc, vì được Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ nên xa lìa hai tưởng*(2)*.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **tuy hành bố thí mà không có hai tưởng**, tuy hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật mà không có hai tưởng; tuy tu bốn thiền mà không có hai tưởng, tuy tu bốn vô lượng, bốn định vô sắc, ba mươi bảy pháp trợ đạo, tứ Thánh đế, mười tám pháp bất cộng mà không có hai tưởng…; tuy tu Nhất thiết trí, tuy tu Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí mà không có hai tưởng; việc dẫn phát ba mươi hai tướng đại sĩ và tám mươi vẻ đẹp phụ thuộc mà không có hai tưởng?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã vì muốn viên mãn bố thí Ba la mật nên ngay trong khi bố thí, nhiếp thọ luôn tất cả tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật **mà hành bố thí**; nhiếp thọ luôn tất cả bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc mà hành bố thí; nhiếp

thọ luôn ba mươi bảy pháp trợ đạo, tứ Thánh đế, mười tám pháp bất cộng mà hành bố thí…; nhiếp thọ luôn Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí mà hành bố thí; nhiếp thọ luôn ba mươi hai tướng đại sĩ và tám mươi vẻ đẹp phụ thuộc mà hành bố thí. Do nhân duyên đó, mà không có hai tưởng.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, vì muốn viên mãn tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật nên ngay trong **tịnh giới** nhiếp thọ luôn tất cả bố thí, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật **mà hành tịnh giới**; nhiếp thọ luôn tất cả bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc mà hành tịnh giới; nhiếp thọ luôn ba mươi bảy pháp trợ đạo, tứ Thánh đế, mười tám pháp bất cộng mà hành tịnh giới…; nhiếp thọ luôn Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí mà hành tịnh giới, nhiếp thọ luôn ba mươi hai tướng đại sĩ và tám mươi vẻ đẹp phụ thuộc mà hành tịnh giới. Do nhân duyên đó, mà không có hai tưởng.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, vì muốn viên mãn bốn tịnh lự nên ngay trong **bốn thiền** nhiếp thọ tất cả bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, Bát nhã Ba la mật **mà tu bốn tịnh lự**; nhiếp thọ tất cả bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc mà tu bốn tịnh lự; nhiếp thọ luôn ba mươi bảy pháp trợ đạo, tứ Thánh đế, mười tám pháp bất cộng mà hành bốn tịnh lự…; nhiếp thọ luôn Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí mà hành bốn tịnh lự, nhiếp thọ luôn ba mươi hai tướng đại sĩ và tám mươi vẻ đẹp phụ thuộc mà hành bốn tịnh lự. Do nhân duyên đó, mà không có hai tưởng.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, vì muốn viên mãn bốn vô lượng, bốn định vô sắc nên ngay trong bốn vô lượng, bốn định vô sắc nhiếp thọ tất cả bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật **mà tu bốn vô lượng, bốn định vô sắc**; nhiếp thọ tất cả bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc mà tu bốn vô lượng, bốn định vô sắc; nhiếp thọ tất cả ba mươi bảy pháp trợ đạo, tứ Thánh đế, mười tám pháp bất cộng mà tu bốn vô lượng, bốn định vô sắc…; nhiếp thọ luôn Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí mà tu bốn vô lượng, bốn định vô sắc; nhiếp thọ luôn ba mươi hai tướng đại sĩ và tám mươi vẻ đẹp phụ thuộc mà tu bốn vô lượng, bốn định vô sắc. Do nhân duyên đó, mà không có hai tưởng.

- Này Thiện Hiện! Cũng như vậy, các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, **muốn viên mãn ba mươi bảy pháp trợ đạo**, nên ngay trong ba mươi bảy

pháp trợ đạo, nhiếp thọ tất cả bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật **mà tu ba mươi bảy pháp trợ đạo;** nhiếp thọ luôn tất cả bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc mà tu ba mươi bảy pháp trợ đạo; nhiếp thọ luôn tứ Thánh đế, mười tám pháp bất cộng mà tu ba mươi bảy pháp trợ đạo…; nhiếp thọ luôn Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí mà tu ba mươi bảy pháp trợ đạo, nhiếp thọ luôn ba mươi hai tướng đại sĩ và tám mươi vẻ đẹp phụ thuộc mà tu ba mươi bảy pháp trợ đạo. Do nhân duyên đó, mà không có hai tưởng.

Nói tóm lại, các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, muốn viên mãn tất cả pháp Phật nói chung thì ngay trong tất cả pháp Phật nầy, phải nhiếp thọ tất cả bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật mà **tu tất cả pháp Phật.** Do nhân duyên đó, mà không có 2 tưởng.

2. Đem tâm vô lậu, ly tướng tu hành tất cả thiện pháp.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Vì Đại Bồ Tát ấy tu hành Bát Nhã nên khi hành bố thí **an trụ tâm vô lậu mà hành bố thí**; hoặc khi hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, an trụ tâm vô lậu mà hành tịnh giới cho đến Bát nhã Ba la mật. Vì vậy, tuy hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật nhưng không có hai tưởng. Khi tu bốn thiền, an trụ tâm vô lậu mà tu bốn thiền, hoặc khi tu tứ vô lượng, tứ định vô sắc, an trụ tâm vô lậu mà tu bốn thiền, tứ vô vô lượng, tứ định vô sắc. Khi tu ba mươi bảy phép trợ đạo, thì an trụ tâm vô lậu mà tu ba mươi bảy phép trợ đạo. Khi tu tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, mười tám pháp không, chơn như, pháp giới, năm loại mắt, sáu thần thông, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao, thì cũng **an trụ tâm vô lậu mà hành tất cả Phật pháp**. Vì vậy, tuy hành tất cả Phật pháp mà nói không có hai tưởng.

Dùng **tâm ly tướng** mà tu lục Ba la mật và tất cả các thiện pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát vì tu hành Bát Nhã, tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, an trụ tâm vô lậu mà hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật? Hay nói rộng ra thế nào là đại Bồ Tát vì tu hành Bát Nhã tu tất cả các thiện pháp trụ tâm vô lậu mà hành tất cả các thiện pháp?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, dùng tâm ly tướng mà tu bố thí, chẳng thấy mình hành, chẳng thấy mình xả, đối với việc này mà hành bố thí, do việc này mà bố thí, vì việc này mà bố thí, **hành bố thí như thế là an trụ trong tâm vô lậu ly tướng, lìa ái, lìa xan.** Khi ấy, chẳng thấy sở hành, lại cũng chẳng thấy tâm vô lậu này cho đến chẳng thấy tất cả Phật pháp; như thế là đại Bồ Tát an trụ tâm vô lậu mà hành bố thí. Đại Bồ Tát này khi tu hành Bát Nhã, **dùng tâm ly tướng mà tu tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, thiền định, Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế.**

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **dùng tâm ly tướng tu hành tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc**: Chẳng thấy *(mình tu)* tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định, chẳng thấy mình xả việc này, đối với việc này... do việc này... vì việc này... mà tu 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định. Như thế là an trụ tâm vô lậu lìa tướng, không nhiễm ô, không chấp trước mà tu 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định; khi ấy, chẳng thấy việc tu hành cũng lại chẳng thấy tâm vô lậu này, cho đến chẳng thấy tất cả Phật pháp; như thế là đại Bồ Tát an trụ tâm vô lậu mà tu 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc.

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, dùng tâm ly tướng tu hành 37 phép trợ đạo, tứ Thánh đế, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao, chẳng thấy mình tu, chẳng thấy mình xả việc này, đối với việc này..., do việc này..., vì việc này... mà tu tất cả pháp nói trên. **Như thế là an trụ trong tâm vô lậu lìa tướng, không nhiễm ô, không chấp trước thì chẳng thấy sở tu, chẳng thấy năng tu, cho đến chẳng thấy tất cả Phật pháp; như thế là đại Bồ Tát an trụ tâm vô lậu mà tu tất cả pháp.**

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Khi đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã ở trong tất cả pháp vô tướng, vô giác, vô đắc, vô ảnh, vô tác **làm sao có thể viên mãn** bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật? Hay nói rộng ra làm sao có thể viên mãn tất cả pháp Phật?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, **có thể dùng tâm vô lậu ly tướng mà hành bố thí**; nếu các hữu tình cần ăn thì

cho ăn, cần uống cho uống, cần y phục cho y phục, cần đồ nằm cho đồ nằm, cần xe cộ, của cải, nhà đất v.v… cần thứ gì đều cho hết; hoặc có người cần mắt, tủy, não, da, thịt, lóng đốt, gân cốt v.v… cũng đều cho hết, không đếm xỉa gì đến những lời đàm tiếu, khuynh đảo. Đại Bồ Tát ấy, vì tu hành Bát Nhã thậm thâm, không vì vậy mà ân hận thối thất. Đại Bồ Tát ấy, đem phước bố thí này cho các hữu tình cùng có như nhau, hồi hướng quả vị Giác ngộ tối cao. Khi bố thí và hồi hướng như thế, chẳng thấy tướng ấy, nghĩa là chẳng thấy ai cho, ai nhận, bố thí vật gì, đối với cái gì mà thí, do cái gì mà thí, vì cái gì mà thí, vì sao mà thí; cũng lại chẳng thấy ai năng hồi hướng, hồi hướng về đâu, đối với cái gì mà hồi hướng, do cái gì mà hồi hướng, vì cái gì mà hồi hướng, tại sao phải hồi hướng; đối với tất cả sự vật như thế đều chẳng thấy. Vì sao? **Vì các pháp như thế đều không.** Đại Bồ Tát ấy, quán tất cả pháp đều không rồi, lại nghĩ: Ai năng hồi hướng, hồi hướng về đâu, đối với cái gì…, do cái gì…, vì cái gì…, tại sao phải hồi hướng? **Tất cả pháp như thế đều chẳng thể nắm bắt được**. Đại Bồ Tát ấy, do quán như thế và nghĩ như thế, nên việc hồi hướng đó gọi là **thiện hồi hướng**, lìa độc hồi hướng, cũng gọi là ngộ nhập pháp giới hồi hướng; do đó lại có thể nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình; cũng có thể viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; cũng có thể viên mãn tứ thiền, tứ vô lượng, tứ địnhvô sắc, mười tám pháp bất công, Nhất thiết trí… cho đến viên mãn quả vị Giác ngộ tối cao. *(Q.376, ĐBN)*

Đại Bồ Tát ấy, tuy có thể viên mãn bố thí như thế, nhưng chẳng nhiếp thọ quả dị thục của bố thí*(3)*; tuy chẳng nhiếp thọ quả dị thục của bố thí nhưng do khéo **thanh tịnh bố thí**, nên tùy ý có thể có đầy đủ tất cả tài vật như chư thiên Tha hóa tự tại, tất cả nhu yếu đều tùy ý hiện ra, Đại Bồ Tát ấy cũng như thế, cần nhu yếu gì đều tùy ý hiện đủ. Do thế lực bố thí này tăng thượng, nên có thể dùng đủ các thứ đồ cúng thượng diệu, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn. Đại Bồ Tát ấy do bố thí này nhiếp thọ các hữu tình, phương tiện thiện xảo dùng pháp ba thừa mà an lập họ, khiến cho tùy theo căn cơ mà được lợi lạc.

Này Thiện Hiện! **Như vậy, đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, do tâm lực vô lậu ly tướng, mà có thể ở trong tất cả pháp vô tướng, vô giác, vô đắc, vô ảnh, vô tác, viên mãn bố thí, cũng có thể viên mãn các công đức khác.**

- Lại nữa. Thiện Hiện! Làm sao đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, ở trong tất cả pháp vô tướng, vô giác, vô đắc, vô ảnh, vô tác, có thể **viên mãn tịnh giới Ba la mật**?

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, có thể **dùng tâm vô lậu lìa tướng, thọ trì tịnh giới,** đó là pháp sở nhiếp của chi Thánh đạo vô lậu, khi ấy đắc giới thanh tịnh trọn vẹn; tịnh giới như thế, không khuyết, không hở, không tỳ vết, không ô uế, không có thủ trước, xứng đáng nhận cúng dường; được người trí khen ngợi là thọ trì khéo léo, cứu cánh tuyệt vời, tùy thuận thắng định, chẳng thể khuất phục; do tịnh giới này, đối với tất cả pháp, không có thủ trước, nghĩa là **chẳng thủ trước sắc**, cũng chẳng thủ trước thọ, tưởng, hành, thức; chẳng thủ trước mười hai xứ, mười tám giới cũng chẳng thủ trước tất cả pháp Phật; chẳng thủ trước ba mươi hai tướng đại sĩ, cũng chẳng thủ trước tám mươi vẻ đẹp phụ thuộc; chẳng thủ trước được sanh vào dòng họ lớn Sát đế lợi, cũng chẳng thủ trước được sanh vào dòng họ lớn Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ; chẳng thủ trước được sanh vào hai mươi lăm cõi trời sai khác của Dục, Sắc và Vô sắc giới; chẳng thủ trước quả Dự lưu, cũng chẳng thủ trước quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, quả vị Độc giác; chẳng thủ trước ngôi vị Chuyển luân vương, cũng chẳng thủ trước các ngôi vua khác và các Tể quan phú quí tự tại, mà chỉ đem sự hộ trì tịnh giới như thế cho các hữu tình cùng có như nhau, hồi hướng quả vị Giác ngộ; **dùng vô tướng, vô đắc, vô nhị làm phương tiện** mà hồi hướng; chẳng phải dùng có tướng, có đắc, có hai làm phương tiện. Tùy theo thế tục mà hồi hướng, chứ chẳng phải thắng nghĩa.

Do nhân duyên này, tất cả Phật pháp đều được viên mãn. Đại Bồ Tát ấy, do tịnh giới Ba la mật này viên mãn thanh tịnh, nên phương tiện thiện xảo khởi phát phần thắng tấn của tứ thiền, dùng sự không mê đắm làm phương tiện, mà khởi phát các thần thông. Đại Bồ Tát ấy dùng thiên nhãn dị thục sanh thanh tịnh, thường thấy chư Phật hiện tại trong vô biên thế giới ở khắp mười phương, an ổn trụ trì, vì các hữu tình, tuyên thuyết chánh pháp; thấy rồi cho đến khi chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, cũng không quên mất. Đại Bồ Tát ấy dùng thiên nhĩ thanh tịnh vượt hẳn người thường, nghe chư Phật trong mười phương thuyết pháp; nghe rồi cho đến khi chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao thường chẳng quên mất, theo pháp đã nghe có thể làm các việc lợi lạc cho mình và người, không có việc nào

là vô ích. Đại Bồ Tát ấy dùng tha tâm trí sai biệt, để biết tâm và tâm sở của mười phương Phật và các hữu tình; biết rồi thường phát khởi các việc lợi lạc cho tất cả hữu tình. Đại Bồ Tát ấy dùng trí túc trụ tùy niệm biết nghiệp đã tạo đời trước của các hữu tình, do nghiệp đã tạo không hoại mất nên sanh vào các chỗ như thế... thọ các điều khổ, vui; biết rồi vì họ mà nói nhân duyên nghiệp cũ, khiến họ nhớ biết mà làm việc lợi ích. Đại Bồ Tát ấy dùng trí lậu tận an lập hữu tình, hoặc khiến an trụ quả Dự lưu, hoặc khiến an trụ quả Nhất lai, hoặc khiến an trụ quả Bất hoàn, hoặc quả A la hán, hoặc quả vị Độc giác, hoặc bậc đại Bồ Tát hoặc khiến an trụ quả vị Giác ngộ tối cao. Nói tóm lại, đại Bồ Tát ấy bất cứ ở nơi nào tùy theo khả năng sai khác của các hữu tình mà phương tiện thiện xảo, khiến họ an trụ trong các thiện pháp.

Này Thiện Hiện! Như vậy là đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, do tâm lực vô lậu lìa các tướng mà có thể ở trong tất cả pháp vô tướng, vô giác, vô đắc, vô ảnh, vô tác, viên mãn tịnh giới Bát nhã Ba la mật, cũng có thể viên mãn các công đức khác.

- Lại nữa. Thiện Hiện! Làm sao đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, ở trong tất cả pháp vô tướng, vô giác, vô đắc, vô ảnh, vô tác, có thể **viên mãn an nhẫn Ba la mật**?

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, **<u>năng đem tâm ly tướng vô lậu mà tu an nhẫn</u>**. Đại Bồ Tát này từ sơ phát tâm cho đến lúc ngồi ở tòa Bồ đề vi diệu. Trong khoảng giữa đó, giả sử các loại hữu tình đều cầm các thứ ngói đá dao gậy đua nhau đến gia hại, đại Bồ Tát này chẳng khởi lên một niệm sân hận. Bấy giờ, đại Bồ Tát nên tu hai nhẫn. Những gì là hai? **Một** là nên chịu tất cả hữu tình mạ nhục gia hại chẳng sanh tức giận, đó là **Phục sân nhuế nhẫn***(phẩm "Giáo nghĩa Vô Tạp" gọi là <u>an thọ nhẫn</u>)*. **Hai** là nên khởi **Vô sanh pháp nhẫn***(4)*. Đại Bồ Tát này nếu bị các thứ ác ngôn mạ nhục, hoặc bị các thứ dao gậy gia hại, nên suy nghĩ kỹ, so lường quan sát: Ai năng mạ nhục, ai năng gia hại, ai chịu nhục mạ, ai chịu gia hại, ai khởi tức giận, ai nên nhẫn chịu? Lại nên quan sát hết thảy pháp tánh rốt ráo đều không, pháp đã chẳng có, huống là pháp tánh. Đã không có pháp tánh, huống lại có hữu tình. Khi quan sát như thế hoặc năng mạ nhục, hoặc sở mạ nhục, hoặc năng gia hại, hoặc sở gia hại, đều chẳng thấy có. Cho đến mổ xẻ cắt chia thân thể từng phần, nơi

tâm an nhẫn đều không có niệm gì khác. Đối với các pháp tánh quán sát như thế thì có khả năng chứng đắc vô sanh pháp nhẫn. Vì sao gọi là Vô sanh pháp nhẫn? Nghĩa là khiến cho các phiền não chẳng sanh và quán các pháp rốt ráo chẳng khởi, vi diệu trí huệ thường không gián đoạn. Vì vậy, gọi là Vô sanh pháp nhẫn. Đại Bồ Tát này an trụ trong hai thứ nhẫn như thế, mau năng viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, cũng có thể viên mãn tất cả pháp Phật. Đại Bồ Tát này, tu hành Bát Nhã, phương tiện thiện xảo thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, có thể mau đầy đủ Nhất thiết tướng trí, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, chuyển pháp luân mầu nhiệm, độ vô lượng chúng sanh.

Này Thiện Hiện! Như vậy, đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, do tâm lực vô lậu ly tướng, mà có thể ở trong tất cả pháp vô tướng, vô giác, vô đắc, vô ảnh, vô tác, viên mãn an nhẫn cũng có thể viên mãn các công đức khác.

- Lại nữa. Thiện Hiện! Làm sao đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, ở trong tất cả pháp vô tướng, vô giác, vô đắc, vô ảnh, vô tác, có thể **viên mãn tinh tấn Ba la mật**?

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, **có thể <u>dùng tâm vô lậu ly tướng mà tu tinh tấn</u>,** vì **thành tựu tinh tấn** tâm dõng mãnh, nên năng viên mãn các Thánh đạo vô lậu và chi đạo sở nhiếp tinh tấn Ba la mật. Do đó, có thể khiến cho tất cả nghiệp thân, ngữ, ý bất thiện không có chỗ phát sanh. Đại Bồ Tát ấy, chẳng bao giờ **thủ trước sắc,** thọ, tưởng, hành, thức hoặc thường hoặc vô thường, hoặc lạc hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc viễn ly hoặc chẳng viễn ly; cũng chẳng bao giờ thủ trước 12 xứ, 18 giới, tứ thiền bát định, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao hoặc thường hoặc vô thường, hoặc lạc hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, hoặc viễn ly hoặc chẳng viễn ly. Đại Bồ Tát ấy chẳng bao giờ thủ trước đây là Dự lưu, là Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát Như Lai, cũng chẳng thủ trước hữu tình đắc những giai vị như thế nên được gọi là Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn hoặc thường hoặc vô thường v.v… Vì sao? Vì các pháp đều không có tự tánh nên đại Bồ Tát ấy thành tựu tinh tấn tâm dõng mãnh, tuy làm việc lợi ích cho các hữu tình

nhưng chẳng tiếc thân mạng mà đối với hữu tình, hoàn toàn vô sở đắc; tuy có thể viên mãn sở tu là tinh tấn nhưng đối với tinh tấn, hoàn toàn vô sở đắc; tuy có thể viên mãn tất cả Phật pháp, nhưng đối với Phật pháp hoàn toàn vô sở đắc; tuy có thể nghiêm tịnh tất cả cõi Phật, nhưng đối với cõi Phật hoàn toàn vô sở đắc. Đại Bồ Tát ấy thành tựu tinh tấn thân, tâm như vậy, tuy có thể xa lìa tất cả ác pháp, cũng có thể nhiếp thọ tất cả thiện pháp nhưng **không thủ trước**. Vì không thủ trước nên từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, từ thế giới này đến thế giới khác; vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình, nên các thần thông muốn thị hiện đều có thể thị hiện tự tại vô ngại, nhơn đó hóa đạo vô biên hữu tình khiến nhập chánh đạo, xa lìa giết hại, xa lìa không cho mà lấy, xa lìa dâm dục tà hạnh, xa lìa lời nói hư vọng, lời nói ly gián, lời nói thô ác, lời nói tạp uế, xa lìa tham dục, sân nhuế, tà kiến; hoặc dùng bố thí nhiếp thọ các hữu tình, hoặc dùng tịnh giới nhiếp thọ các hữu tình, hoặc dùng an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ các hữu tình. Vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình, hoặc xả của báu, hoặc xả thê tử, hoặc xả ngôi vua, hoặc xả các bộ phận của thân thể, hoặc xả sanh mạng, tùy các hữu tình mà làm lợi ích cho họ.

Này Thiện Hiện! Như vậy, đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thâm thâm, do tâm lực vô lậu lìa tướng nên ở trong tất cả pháp vô tướng, vô giác, vô đắc, vô ảnh, vô tác, viên mãn tinh tấn cũng có thể viên mãn các công đức khác.

- Lại nữa. Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã thậm thâm, có thể ở trong tất cả pháp vô tướng, vô giác, vô đắc, vô ảnh, vô tác, **viên mãn tịnh lự Ba la mật**?

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã thâm thâm **có thể <u>dùng tâm vô lậu ly tướng mà tu tịnh lự</u>**. Đại Bồ Tát ấy, trừ định Như Lai, đối với các thiền định, từ sơ thiền tới tứ thiền, từ không vô biên xứ định cho tới phi phi tưởng xứ định đều có thể viên mãn. Đại Bồ Tát ấy an trụ tịnh lự, đối với tám giải thoát, đối với tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, có thể nhập theo chiều thuận nghịch, an trụ trọn vẹn. Đại Bồ Tát ấy có thể nhập các Tam ma địa như Tam ma địa giải thoát, Tam ma địa vô gián, Tam ma địa kim cang dụ, an trụ trọn vẹn. Đại Bồ Tát ấy an trụ tịnh lự, tu ba mươi bảy phép trợ đạo viên mãn, dùng Đạo tướng trí nhiếp thọ tất cả Tam ma địa rồi, lần lượt tu vượt qua bậc Tịnh quán, bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc

Độc giác, chứng nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh; đã nhập bậc Chánh tánh ly sanh rồi, tu các địa hạnh, viên mãn Phật địa. Đại Bồ Tát ấy, tuy đối với các bậc lần lượt tu vượt qua nhưng ở khoảng giữa **không thủ trước quả chứng** cho đến khi chưa đắc Nhất thiết tướng trí. Đại Bồ Tát ấy an trụ tịnh lự, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn. Ở chỗ chư Phật trồng các căn lành, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật; từ thế giới này đến thế giới khác, làm lợi ích cho các hữu tình, thân tâm không mệt mỏi, hoặc dùng bố thí nhiếp thọ các hữu tình, hoặc dùng tịnh giới nhiếp thọ các hữu tình, hoặc dùng an nhẫn, tịnh lự, Bát Nhã nhiếp thọ các hữu tình; hoặc dùng giải thoát, giải thoát tri kiến nhiếp thọ các hữu tình; hoặc giáo hóa hữu tình an trụ quả Dự lưu, hoặc giáo hóa hữu tình an trụ quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, hoặc Bồ Tát; hoặc giáo hóa hữu tình an trụ quả vị Giác ngộ tối cao, tùy theo thế lực thiện căn và thiện pháp tăng trưởng của các hữu tình mà dùng các thứ phương tiện khiến họ an trụ. Đại Bồ Tát ấy an trụ tịnh lự có thể dẫn phát tất cả pháp môn Tam ma địa, có thể dẫn phát tất cả pháp môn Đà la ni, có thể đắc bốn sự hiểu biết thông suốt thù thắng, có thể đắc thần thông dị thục thù thắng. Đại Bồ Tát ấy, do đắc thần thông dị thục thù thắng nên quyết định chẳng nhập lại mẫu thai, quyết định chẳng hưởng thú vui dâm dục, quyết định chẳng bị sanh quả làm nhiễm. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy khéo thấy, khéo đạt tất cả pháp tánh đều như huyễn hóa nhưng vẫn thừa bi nguyện nhiêu ích hữu tình. Tuy nương nơi bi nguyện nhiêu ích mà đạt hữu tình, nhưng hữu tình và thi khiết kia cũng đều bất khả đắc, mà vẫn cứ an lập tất cả hữu tình khiến họ an trụ pháp bất khả đắc. Đó là nương lý thế tục mà nói, chẳng nương thắng nghĩa. Đại Bồ Tát ấy an trụ tịnh lự Ba la mật, tu hành tất cả tịnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí*(5),* cho đến viên mãn sở cầu là quả vị Giác ngộ tối cao, thường chẳng xả ly sở tu là tịnh lự Ba la mật. Đại Bồ Tát ấy hành Đạo tướng trí, phương tiện dẫn phát Nhất thiết tướng trí, an trụ trong đó, vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tập khí tương tục. Vì đại Bồ Tát ấy, có thể đoạn trừ vĩnh viễn tập khí tương tục, nên có thể tự lợi và lợi tha chính đáng. Vì đại Bồ Tát ấy, có thể tự lợi, lợi tha chính đáng, nên có thể làm ruộng phước thanh tịnh, có thể thọ nhận tất cả sự cung kính cúng dường của trời, người, A tu la v.v... trong thế gian.

Này Thiện Hiện! Như thế, đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, do tâm lực vô lậu ly tướng nên có thể ở trong tất cả pháp vô tướng, vô giác,

vô đắc, vô ảnh, vô tác, viên mãn tịnh lự, cũng có thể viên mãn các công đức khác.

- Lại nữa. Thiện Hiện! Thế nào là đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, có thể ở trong tất cả pháp vô tướng, vô giác, vô đắc, vô ảnh, vô tác, **viên mãn Bát nhã Ba la mật?**

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, có thể **dùng tâm vô lậu ly tướng mà tu Bát Nhã**. Đại Bồ Tát ấy, chẳng thấy một pháp nhỏ nào thật có thành tựu, nghĩa là chẳng thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức sanh hay diệt; chẳng thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức tăng ích hay tổn giảm; chẳng thấy sắc thọ, tưởng, hành, thức có chứa nhóm hay ly tán. Như thật quán sắc, thọ, tưởng, hành, thức là hư vọng, chẳng bền chắc, thật không tự tại; chẳng thấy mười hai xứ, mười tám giới thật có thành tựu, sanh hay diệt, tăng ích hay tổn giảm, có chứa nhóm hay ly tán; chẳng thấy tất cả pháp hữu lậu hay vô lậu thật có thành tựu, sanh hay diệt, tăng ích hay tổn giảm, có chứa nhóm hay ly tán. Như thật quán tất cả pháp hữu lậu hay vô lậu là hư vọng, chẳng bền chắc, thật không tự tại. Đại Bồ Tát ấy khi quán như thế, chẳng đắc tự tánh của sắc, chẳng đắc tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức; chẳng đắc tự tánh của tất cả xứ, giới; chẳng đắc tự tánh của tất cả pháp hữu lậu, vô lậu. Đại Bồ Tát ấy tu hành Bát nhã Ba la mật, đối với tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh, phát sanh tin hiểu sâu sắc. Đại Bồ Tát ấy, đối với sự việc như thế sanh tin hiểu rồi, có thể hành pháp không nội, pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không… cho đến pháp không không tánh tự tánh. Đại Bồ Tát ấy khi tu hành như thế, đối với tất cả pháp hoàn toàn không chấp trước, nghĩa là **chẳng chấp trước** sắc, chẳng chấp trước thọ, tưởng, hành, thức; chẳng chấp trước xứ, giới; chẳng chấp trước thất đại chủng; chẳng chấp trước các duyên; chẳng chấp trước mười hai nhân duyên; chẳng chấp trước lục Ba la mật; chẳng chấp trước mười tám pháp không; chẳng chấp trước chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế; chẳng chấp trước ba mươi bảy pháp trợ đạo; chẳng chấp trước bốn Thánh đế, bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; chẳng chấp trước tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, tất cả pháp môn Tam ma địa, tất cả pháp môn Đà la ni; chẳng chấp trước Tam giải thoát môn, năm loại mắt, sáu thần thông; chẳng

chấp trước Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; chẳng chấp trước Nhất thiết trí, chẳng chấp trước Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; chẳng chấp trước bốn quả Thanh văn, quả vị Độc giác; chẳng chấp trước Bồ Tát hạnh, quả vị Giác ngộ tối cao. Đại Bồ Tát ấy khi hành Bát Nhã thậm thâm, **lấy vô tánh làm tự tánh có thể viên mãn Bồ Tát đạo**, nghĩa là có thể viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; cũng có thể viên mãn mười tám pháp không; cũng có thể viên mãn chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp trụ, thật tế v.v… hay nói gọn là có thể viên mãn tất cả pháp Phật.

Đại Bồ Tát ấy viên mãn đạo Bồ đề như thế rồi, lìa các ám chướng, an trụ trong Phật đạo, do sức thần thông thù thắng, phương tiện làm lợi ích cho các loại hữu tình, người cần dùng bố thí nhiếp thọ thì liền dùng bố thí mà nhiếp thọ họ, người cần dùng tịnh giới nhiếp thọ thì liền dùng tịnh giới mà nhiếp thọ họ, người hợp với an nhẫn, tinh tấn thì dùng an nhẫn, tinh tấn nhiếp thọ, người thích tịnh lự, Bát nhã Ba la mật thì dùng tịnh lự, Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ, khiến họ an trụ các quả Thanh văn, Độc giác hay khiến họ an trụ quả vị Giác ngộ tối cao.

Đại Bồ Tát ấy có thể thi triển các loại thần thông biến hóa, muốn an trụ hằng hà sa thế giới thì tùy ý có thể an trụ, muốn từ thế giới này đến thế giới khác, làm lợi ích an lạc vô lượng hữu tình, muốn nghiêm tịnh cõi Phật thì có thể làm theo sở thích. Đại Bồ Tát ấy do bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật nên được báo đắc thần thông vi diệu, cùng báo đắc Bồ Tát đạo, nên hành Đạo tướng trí; do Đạo tướng trí được thành thục nên lại có thể chứng đắc Nhất thiết tướng trí; do đắc trí này, đối với tất cả pháp không có sự nhiếp thọ, nghĩa là chẳng nhiếp thọ uẩn, xứ, giới v.v… cho đến chẳng nhiếp thọ tất cả pháp thiện, pháp phi thiện, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp hữu tội, pháp vô tội; cũng chẳng nhiếp thọ sở chứng là quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? **Vì Đại Bồ Tát ấy trước chẳng nhiếp thọ tất cả pháp, nên đối tất cả pháp vô sở đắc. Vì các hữu tình tuyên nói tất cả pháp tánh vô nhiếp thọ không trái ngược vậy.**

Này Thiện Hiện! Như vậy, đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, do tâm lực vô lậu ly tướng, nên có thể ở trong tất cả pháp vô tướng, vô giác,

vô đắc, vô ảnh, vô tác, viên mãn Bát nhã Ba la mật, cũng có thể viên mãn các công đức khác.

Thích nghĩa:

(1). Đoạn Kinh này của phẩm "Vô Tướng" Q.466, thuộc Hội thứ II, tương đương với phẩm "Vô Tướng Vô Đắc" Q.373, thuộc Hội thứ I, ĐBN, nhưng ngắn gọn và dễ hiểu, nên được chúng tôi trích dẫn để thay thế.

(2). "Không hai tưởng": Kinh MHBNBLMĐ dịch cụm từ này là bất nhị tướng. Không tưởng có không tưởng không thì gọi là bất nhị tưởng, không tưởng có không tưởng không cũng có thể gọi là bất nhị tướng. Ngôn từ có khác nhưng ý không sai khác, mặc dù từ 'tưởng' và 'tướng' khác nhau.

(3). Quả dị thục: Quả trong nghĩa nhân quả. Nhân (nguyên nhân) sanh ra quả (kết quả). Thí dụ quả báo hiện tại cảm ứng do nghiệp thiện ác ở đời trước tạo ra; vì quả khi chín (thục) thì tính chất lại khác (dị) với nhân nên gọi là Dị thục.

(4). Có hai loại nhẫn: Trong nhiều Kinh sách có đề cập đến hai loại nhẫn này: 1. là An thọ (khổ) nhẫn và 2. là Quan sát nhẫn như Kinh "Bồ Tát Địa Trì" Q.5. Theo phẩm "Vô Tướng Vô Đắc" này thì ***Phục sân nhuế nhẫn*** *tương đương với An thọ (khổ) nhẫn của Kinh "Bồ Tát Địa Trì".* ***Vô sanh pháp nhẫn là một loại nhẫn cao hơn*** *còn gọi là trí, khi Bồ Tát đã thành đạt cả hai nhẫn là An thọ (khổ) nhẫn và Quan sát nhẫn nói trên. Phẩm "Pháp Nghĩa Vô Tạp" kế tiếp của Hội thứ I này nói rằng:* "Đại Bồ Tát ấy, vì tu tập hai thứ nhẫn như thế*(An thọ nhẫn và Quan sát nhẫn)*, nên có thể viên mãn an nhẫn Ba la mật vô tướng; do viên mãn an nhẫn Ba la mật vô tướng nên liền đạt được **Vô sanh pháp nhẫn**". *Xin xem phần thích nghĩa số(6). của phẩm "Pháp Nghĩa Vô Tạp" kế tiếp.*

Lưu ý các đạo hữu cẩn thận về các danh từ này, do cách dịch sai khác có thể làm cho người thọ trì Kinh điển lầm lộn. Chỉ cần nhớ cách gọi ***An thọ nhẫn, Quan sát nhẫn và Vô sanh pháp nhẫn*** *tùy theo hoàn cảnh nhẫn nhục chịu đựng nên có giai vị và danh tướng Bồ Tát sai khác. Phải lưu ý cách giải thích của Kinh. Nhóm dịch của Tam Tạng Huyền Trang khi đúc kết toàn thể Kinh Đại Bát Nhã Ba La Mật, nhất là các Kinh do các dịch giả có trước dịch rồi, nhóm của Tam tạng Huyền Trang sao lại bỏ vào Kinh ĐBN* ***thường không ghi thống nhất các pháp tu và nhất là đối***

<u>với tên họ của các nhân vật trong Kinh</u>. *Đó chính là mối trở ngại gây khó khăn (thắc mắc hay lẫn lộn) cho người học đạo! Phụ chú* ***TB***.

(5). ***Tịnh lự*** *trong nghĩa Thiền định nói chung;* ***Giải thoát*** *trong nghĩa giải thoát môn hay giải thoát tam muội;* ***Đẳng trì****: Một loại chỉ (định) gọi là Xa Ma Tha (s: śamatha, p: samatha,* 奢摩他*);* ***Đẳng chí****: một loại quán gọi là Tỳ Bát Xá Na (s: vipaśyanā, p: vipassanā,* 毘鉢舍那*).*

Sơ giải:

1. Không tưởng CÓ, tưởng KHÔNG, xa lìa 2 tưởng.

Kẻ trụ có sở đắc, bởi tưởng có sở đắc, nên không đắc, không hiện quán, cũng không được quả Vô thượng Bồ đề. Kẻ trụ không sở đắc, cũng không đắc, không hiện quán, cũng không được Vô thượng Bồ đề. Phải biết nếu đối "không sở đắc" đây muốn đắc, muốn hiện quán, muốn chứng Vô thượng Bồ đề, Phật bảo "phải biết kẻ đó muốn phá hoại pháp giới".

Tại sao? Vì do tâm chấp đắm nên sanh tạo tác thi vi, mới có nắm bắt buông bỏ. Tất cả đều do phân biệt chấp đắm tạo thành. Đó là tâm sanh diệt, nghiêng ngả, nọ kia. Đã là tâm sanh diệt, nghiêng ngả nọ kia... thì làm sao tu, làm sao chứng mà cho là tu, là chứng. Như vậy, gọi là điên đảo nên Phật bảo là phá hoại pháp giới. Pháp giới vốn như, không nọ không kia, xa lìa hai tưởng.

Phẩm "Học Đạo Khắp", Q.370, Hội thứ I, ĐBN nói rằng:

"Tất cả pháp chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải nhất tướng, chẳng phải dị tướng. Nếu đại Bồ Tát biết tất cả pháp hoặc hữu tướng, hoặc vô tướng, hoặc nhất tướng, hoặc dị tướng, đều đồng một tướng thì đó là vô tướng. Tu vô tướng này là tu Bát Nhã".

Vì vô tướng nên không thấy không biết. Không thấy không biết nên không chấp. Vô chấp thì vô ngại nên không cần lìa mà tự nhậm lìa. Lìa tức không còn suy vi tạo tác nữa. Tu như vậy là tu Bát Nhã, xa lìa hai tưởng, lìa chấp lìa đắm, ***mới có thể nhất tâm nhiếp thọ đầy đủ*** *bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; cũng có thể nhiếp thọ đầy đủ bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; cũng có thể nhiếp thọ đầy đủ 37 pháp trợ đạo, bốn Thánh đế, 18 pháp bất cộng; cũng có thể nhiếp thọ đầy đủ Nhất thiết tướng trí cho đến quả vị Giác ngộ tối cao.*

“Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, dùng tâm ly tướng tu hành 37 phép trợ đạo, bốn Thánh đế, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chẳng thấy mình tu, chẳng thấy mình xả việc này, đối với việc này..., do việc này..., vì việc này... mà tu tất cả pháp nói trên. Như thế là an trụ trong tâm vô lậu lìa tướng, không nhiễm ô, không chấp trước thì không thấy sở tu, không thấy năng tu, cho đến không thấy tất cả Phật pháp, như thế là đại Bồ Tát an trụ tâm vô lậu mà tu tất cả pháp”.

Không thấy thì không biết, không biết thì không tạo tác. Vả lại, vào được pháp không rồi, biết tất cả pháp đều không, không tướng không trạng, không ngôn thuyết… thì lấy gì chấp đắm nắm giữ nữa. Đó là tu vô tướng, tu vô sở đắc, ý nghĩa chính của giáo pháp “Vô Tướng Vô Đắc” của phẩm này. Giáo lý tuy giản dị, nhưng không phải dễ tu dễ hành!

2. Đem tâm vô lậu, ly tướng tu hành tất cả thiện pháp.

*Khi đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã ở trong tất cả pháp vô tướng, vô giác, vô đắc, vô tác **có thể viên mãn** bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật? Hay nói rộng ra làm sao có thể viên mãn tất cả pháp Phật, nếu đem tâm vô lậu ly tướng mà hành lục Ba la mật? **Phải quán các pháp đều không, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng, chỗ gọi vô tướng.** Dùng vô tướng, vô đắc, vô nhị làm phương tiện, không chấp không thủ bất cứ pháp nào dù là quả vị Giác ngộ tối cao. Đại Bồ Tát ấy khi hành lục Ba la mật lấy vô tánh làm tự tánh có thể viên mãn Bồ Tát đạo, nghĩa là có thể viên mãn lục Ba la mật; cũng có thể viên mãn 18 pháp không; cũng có thể viên mãn chơn như, pháp giới, pháp tánh v.v… hay nói gọn là có thể viên mãn tất cả pháp Phật.*

Như vậy, đại Bồ Tát khi hành lục Ba la mật, do tâm vô lậu ly tướng, có thể ở trong tất cả pháp vô tướng, vô giác, vô đắc, vô tác viên mãn tất cả các pháp Phật cũng có thể viên mãn các công đức khác. Rồi đem tất cả công đức này ban cho tất cả hữu tình đồng hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

“Đại Bồ Tát ấy viên mãn đạo Bồ đề như thế rồi, lìa các ám chướng, an trụ trong Phật đạo, do sức thần thông thù thắng, phương tiện làm lợi ích cho các loại hữu tình, người nên dùng **bố thí** nhiếp thọ thì liền dùng bố thí mà nhiếp thọ họ, người nên dùng **tịnh giới** nhiếp thọ thì liền dùng tịnh

giới mà nhiếp thọ họ, người hợp với **an nhẫn, tinh tấn** thì dùng an nhẫn, tinh tấn nhiếp thọ, người thích **tịnh lự, Bát Nhã** thì dùng tịnh lự, Bát Nhã nhiếp thọ, khiến họ an trụ các quả Thanh văn, Độc giác, hay khiến họ an trụ quả vị Giác ngộ tối cao.

Đại Bồ Tát ấy có thể thi triển các loại thần thông biến hóa, muốn an trụ hằng hà sa thế giới thì tùy ý có thể an trụ, muốn từ thế giới này đến thế giới khác, làm lợi ích an lạc vô lượng hữu tình, muốn nghiêm tịnh cõi Phật thì có thể làm theo sở thích. Đại Bồ Tát ấy do bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật nên được báo đắc thần thông vi diệu, cùng báo đắc Bồ Tát đạo, nên hành Đạo tướng trí; do Đạo tướng trí được thành thục nên lại có thể chứng đắc Nhất thiết tướng trí; do đắc trí này, đối với tất cả pháp không có sự nhiếp thọ, nghĩa là chẳng nhiếp thọ uẩn, xứ, giới v.v… cho đến chẳng nhiếp thọ tất cả pháp thiện-pháp phi thiện, pháp thế gian-pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu-pháp vô lậu, pháp hữu vi-pháp vô vi, pháp hữu tội-pháp vô tội; cũng chẳng nhiếp thọ sở chứng là quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy trước chẳng nhiếp thọ tất cả pháp, nên đối tất cả pháp vô sở đắc. Vì các hữu tình tuyên nói tất cả pháp tánh vô nhiếp thọ không trái ngược vậy.

Này Thiện Hiện! Như vậy, đại Bồ Tát khi hành thâm Bát Nhã, do tâm vô lậu ly tướng, nên có thể ở trong tất cả pháp vô tướng, vô giác, vô đắc, vô tác, viên mãn Bát nhã Ba la mật, cũng có thể tròn đầy công đức khác”.

Đem tâm vô lậu ly tướng mà tu các thiện pháp, tức lấy tịnh tâm tu hành thì không có pháp nào mà không thành tựu, không công đức nào mà chẳng viên mãn. Đó là phương châm của giáo lý “vô tướng vô đắc” dành cho hành giả Bát Nhã để phụng sự chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. Cứ theo phương châm đó mà tu thì đường mê đổi ngược được tự tại không những tự độ mà có thể độ người ra khỏi bờ mê đến bến giác.

*Phẩm trước thuyết nhiều **vô tánh** với giáo lý “pháp nào không có tự tánh thì lấy vô tánh làm tự tánh và kết luận tu vô tánh đây là tu Bát Nhã thì mau thành Đạo tướng trí. Phẩm này nói về **vô tướng**, tu mà không thấy tướng lại đem tâm vô lậu lìa tướng tu các thiện pháp thì có thể viên mãn Bát nhã Ba la mật cũng tròn đầy các công đức thắng diệu khác.*

Kết luận:

Học phẩm này chúng ta rút ra các kinh nghiệm như sau:

1- Giáo pháp vô sở đắc đối với việc tu hành Bát Nhã:

Phẩm "Xảo Tiện", Q.462, Hội thứ II và phẩm "Phương Tiện Khéo Léo", Q.525, Hội thứ III, ĐBN nói rằng: "Bát nhã Ba la mật thậm thâm là vô sở đắc, Nhất thiết trí cũng vô sở đắc; người thực hành Bát Nhã, chỗ thực hành và khi thực hành, tất cả đều vô sở đắc. Vô sở đắc này cũng là vô sở đắc nốt!"

Chẳng phải có sở đắc nên vô sở đắc, chẳng phải vô sở đắc nên vô sở đắc. Nhưng có sở đắc, không sở đắc ***bình đẳng trong tự tánh*** *gọi vô sở đắc. Các đại Bồ Tát đối với tánh bình đẳng có sở đắc, không sở đắc nên siêng tu học. Các đại Bồ Tát khi học như thế gọi học Bát Nhã vô sở đắc. Giáo lý này được xiển dương một lần nữa.*

Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã chẳng phải trụ có sở đắc mà được từ một bậc đến một bậc lần hồi viên mãn Nhất thiết trí trí, chẳng phải trụ vô sở đắc mà được từ một bậc đến một bậc lần hồi viên mãn được Nhất thiết trí trí. Vì có sở đắc là có chấp, có chấp là có dính mắc quái ngại. Vì vậy, không Giác ngộ, không được Vô thượng Bồ đề hay đạt Nhất thiết trí trí. Nên Phật bảo: "Vô sở đắc là tướng của Bát nhã Ba la mật, vô sở đắc là tướng của Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vô sở đắc cũng là tướng của người hành Bát nhã Ba la mật". *Ở đây, vô sở đắc đã được nâng lên cao độ ngang hàng với Bát nhã Ba la mật hay Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.*

Nhưng kinh nghiệm Bát nhã Ba la mật cho thấy rằng một khi quan niệm vô sở đắc là tôn chỉ tối cao của Bát nhã Ba la mật, thời vô sở đắc cũng trở thành một chướng ngại khác đối với hành giả Bát Nhã. ***Vô sở đắc rốt ráo phải là vô sở đắc nốt****. Tất cả phải là không, là rỗng không. Đó là tôn chỉ của Tánh không Bát Nhã!*

Bát nhã Ba la mật phải là Bát nhã Ba la mật khi hành không, vô tướng, vô tác. "**Bát nhã Ba la mật thậm thâm là Vô sở đắc, Nhất thiết trí trí cũng là Vô sở đắc; người thực hành Bát Nhã, chỗ thực hành và khi thực hành, tất cả cũng đều Vô sở đắc; Vô sở đắc này cũng là Vô sở đắc nốt**". *Đó là vô sở đắc không.*

Tất cả phóng xả, phủi sạch hết thế là xong! Đó là phương tiện tốt trong việc tu tập Bát Nhã để được Giác ngộ. Ngày nào còn mong cầu

nắm bắt cất giữ ngày đó còn trở ngại cho việc tu học hay chứng đắc giác ngộ.

2- Tu "vô tướng" là tu Bát Nhã chăng?

Đối với người tu Bát Nhã chỉ có cách là hãy ***lìa tất cả cái gì gọi là tướng****: Phẩm "Pháp Giới", Q.567, ĐBN Phật bảo Tối Thắng:* "Thiên vương nên biết! Các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã nên **xa lìa các tướng**, nghĩa là hoàn toàn chẳng thấy các tướng trong ngoài, lìa tướng hý luận, lìa tướng phân biệt, lìa tướng tầm cầu, lìa tướng tham đắm, lìa tướng cảnh giới, lìa tướng phan duyên, lìa tướng năng tri và sở tri".

Nghĩa là hữu tướng, tri tướng, thức tướng, duyên tướng, tăng thượng tướng, nhân tướng, quá tướng, tổng tướng, biệt tướng, y tướng... đều lìa tất cả. Nên ***đem tâm ly tướng vô lậu lìa đắm lìa nhiễm****, tu các thiện pháp mà chẳng thấy tâm vô lậu cũng chẳng thấy tất cả Phật pháp, các Bồ Tát này khi thực hành Bát Nhã thậm thâm như thế năng đối với pháp vô tướng, vô tác chóng viên mãn các Ba la mật, cũng năng tròn đầy các công đức khác. Đó gọi là tu vô tướng và tu vô tướng đây là tu Bát Nhã hay tịnh đạo Bồ đề.*

3- Tu "vô tánh" là tu Bát Nhã chăng?

- Còn sở ngộ của Thắng Quân Phạm Chí (Phạm Thiên vương) trong đoạn Kinh của phẩm "Thiên Tử", Q.556, ĐBN hỏi: Tại sao Phạm Chí ngộ nhập được Nhất thiết trí trí? Vì Phạm chí đối với Nhất thiết trí trí ***không nắm lấy tướng****. Phạm chí* ***dùng các môn ly tướng*** *đối Nhất thiết trí trí rất sanh tin hiểu, gọi tùy tín hành, đối tất cả pháp đều chẳng lấy bỏ, chẳng chấp đắm, cũng chẳng đắc. Do đó, mà Phạm Chí thâm nhập được Nhất thiết trí trí. Đó là điểm để chứng minh về* <u>*pháp môn tu ly tướng*</u> *nói trên.*

- Trường hợp của Phật hoàn toàn khác, ở đây thay vì không nắm lấy tướng như Phạm Chí Thắng quân, Phật ***lấy vô tánh làm tự tánh*** *nhập Bát nhã Ba la mật, rồi viên mãn tất cả pháp Phật, nhập vào các tĩnh lự, an trụ thanh tịnh, dẫn phát các thần thông, tự tại đối các cảnh giới diệu dụng vô ngại. Rồi trong một sát na tương ưng với diệu huệ, nhập Đẳng giác, rồi vào Diệu giác, trở thành Vô thượng Chánh đẳng*

Bồ đề. Muốn được như thế, phải <u>lấy vô tánh làm Thánh đạo, lấy vô tánh làm hiện quán</u>, đạt được chân như của tất cả pháp.

*<u>Phạm chí Thắng quân đạt Nhất thiết trí trí là dùng pháp môn **ly tướng**. Phật nhập được Bát nhã Ba la mật là Phật lấy **vô tánh làm tự tánh**</u>. Vậy, mới biết vào điện lễ Phật không phải chỉ có một cửa. Nói như vậy có nghĩa là có nhiều tiến trình dẫn đến giác ngộ. Phẩm "Tam Tiệm Thứ", Q.372, Hội thứ I, ĐBN nói:* **"... vô tánh tức là đạo Bồ Tát Ma ha tát, vô tánh tức là hiện quán Bồ Tát Ma ha tát".**

Chúng ta ngừng thảo luận về tu vô tướng, vô tánh ở đây. Các phẩm kế tiếp còn đi xa hơn khi nói phải tu vô tướng không, vô tánh không, vô tánh tự tánh không là thật tướng pháp để nói lên vạn pháp đều không, dẫn đến chứng nhập pháp không ở tầng cao hơn của Đại Bát Nhã Ba La Mật là bất khả đắc không.

Chúng tôi cố gắng ôn lại các pháp vi diệu này để dẫn đến cái "duy nhất không", cái "rốt ráo không", cái "tận không" của Đệ nhất nghĩa không. Nếu còn ái pháp, còn nể Phật, không dám nói Phật không, Bồ Tát không, chúng sanh không và Niết Bàn cũng không thì cũng không đạt được tận không. Và một khi đạt được tận không rồi mà còn chấp tận không, thì cũng chẳng thể gọi là Đệ nhất nghĩa không!

Bát Nhã phá tướng, phá chấp triệt để đi đến "Vô Tướng Vô Đắc". Khi nào không thấy tướng, không thấy đắc thì mới đắc, mới hiện quán, mới chứng quả vị Giác ngộ tối cao. Còn thấy tướng là còn động chuyển, còn thấy đắc thì còn tham cầu, nắm bắt. Nên không thể chứng không thể đắc. Tu vô tướng vô đắc là tu Bát Nhã. Đó là ý nghĩa thâm áo của phẩm này./.

---o0o---

67. PHẨM "PHÁP NGHĨA VÔ TẠP"

Phần sau Q.378 đến đầu Q.379, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phần đầu phẩm "Lục Dụ" quyển thứ 26, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

(Phần mở đầu này tương đương với phẩm "Lục Dụ" quyển thứ 26, Kinh MHBNBLMĐ)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Làm sao đối tất cả pháp vô tạp vô tướng, tự tướng không, năng viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật? Làm sao đối tất cả pháp vô lậu không sai khác, thi thiết các pháp sai khác như thế và có thể biết rõ? Làm sao đối Bát Nhã, nhiếp thọ tất cả lục Ba la mật? Nhiếp thọ tất cả 18 pháp không? Nhiếp thọ tất cả chơn như, pháp giới, pháp tánh…; nhiếp thọ tất cả 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; nhiếp thọ tất cả 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 thứ đệ định, 10 biến xứ… cho đến nhiếp thọ tất cả Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; nhiếp thọ tất cả pháp thế xuất thế gian? Làm sao đối với tất cả pháp dị tướng thi thiết nhất tướng, chỗ gọi vô tướng và đối với tất cả pháp nhất tướng vô tướng thi thiết tất cả pháp tướng sai khác?

Phật bảo: Thiện Hiện! Khi đại Bồ Tát tu hành thâm Bát Nhã, an trụ trong 5 thủ uẩn như mộng, như vang, như tượng, như bóng sáng, như ánh nắng, như huyễn sự, như thành tầm hương, như việc biến hóa, tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Như thật biết rõ 5 thủ uẩn như mộng, như vang, như tượng v.v… <u>đều vô tướng</u>. Vì sao? Vì các mộng, vang, tượng v.v… đều không tự tánh. <u>Nếu pháp không có tự tánh, thời pháp này vô tướng. Nếu pháp vô tướng, pháp này là nhất tướng chỗ gọi vô tướng.</u>

- **T**hiện Hiện! Do nhân duyên này, phải biết tất cả bố thí là vô tướng, người thí vô tướng, người nhận vô tướng, vật cho vô tướng. Nếu biết như vậy mà hành bố thí, thì có thể **<u>viên mãn việc tu hành bố thí Ba la mật vô tướng</u>**; nếu có thể viên mãn việc tu hành bố thí vô tướng thì chẳng xa lìa

tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; an trụ bố thí, tịnh giới, cho đến Bát nhã Ba la mật như thế thì có thể viên mãn bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; cũng có thể viên mãn 37 pháp trợ đạo; cũng có thể viên mãn tam giải thoát môn, 18 pháp không, chơn như, pháp giới, pháp tánh… cho đến Nhất thiết trí. Đại Bồ Tát ấy an trụ trong các Thánh pháp vô lậu dị thục như thế, dùng sức thần thông đi đến hằng hà sa thế giới chư Phật khắp 10 phương và dùng các loại y phục, thức ăn, thức uống, đồ nằm, thuốc men, hương hoa, tràng phan, bảo cái, đèn đuốc, kỹ nhạc và các thứ nhu yếu thượng diệu khác, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn, làm lợi ích an lạc cho các hữu tình; đối với người nên dùng bố thí làm lợi ích thì liền dùng bố thí; đối với người nên dùng tịnh giới làm lợi ích thì liền dùng tịnh giới; đối với người nên dùng an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật làm lợi ích thì liền dùng an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật mà làm lợi ích cho họ; đối với người nên dùng tất cả thiện pháp thù thắng làm lợi ích thì liền dùng tất cả thiện pháp thù thắng mà làm lợi ích cho họ. Đại Bồ Tát ấy, thành tựu vô lượng thiện pháp như thế, tuy chịu sanh tử nhưng chẳng bị tội lỗi sanh tử làm nhiễm ô; vì muốn lợi lạc cho các hữu tình nên nhiếp thọ phú quí tự tại của người, trời; do oai lực của phú quí tự tại này, có thể làm lợi ích cho hữu tình, dùng tứ nhiếp pháp mà nhiếp thọ họ. Đại Bồ Tát ấy biết tất cả pháp đều không có tướng, nên tuy biết bốn quả Thanh văn mà chẳng trụ quả Thanh văn; tuy biết quả vị Độc giác mà chẳng trụ quả vị Độc giác. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy như thật rõ biết tất cả pháp rồi, vì muốn chứng được Nhất thiết tướng trí, nên chẳng trụ các quả Thanh văn, Độc giác. Đại Bồ Tát biết tất cả pháp đều vô tướng, nên như thật biết rõ lục Ba la mật cũng đều vô tướng. Do nhân duyên này khắp năng viên mãn tất cả pháp Phật.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Khi đại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã, an trụ trong 5 thủ uẩn như mộng, như vang, như tượng, như bóng sáng, như huyễn sự, như thành tầm hương, như việc biến hóa… **viên mãn tịnh giới Ba la mật**. Đại Bồ Tát này như thật biết rõ 5 thủ uẩn này như mộng, như vang, như tượng v.v... mới năng viên mãn vô tướng tịnh giới Ba la mật. Tịnh giới như thế không khuyết không hở, không tì vết, không thủ trước, khéo léo thọ trì, đáng thọ cúng dường, được kẻ trí khen. Đó là Thánh pháp vô lậu, là nhiếp thuộc Thánh đạo xuất thế gian. An trụ giới đây năng khéo thọ trì,

thì đắc: Luật nghi giới*(1)*, hữu biểu giới, vô biểu giới*(2)*, hiện hành giới, bất hiện hành giới*(3)*, oai nghi giới, phi oai nghi giới*(4)*.

Đại Bồ Tát ấy tuy thành tựu đầy đủ các giới như thế nhưng không thủ trước quả do tịnh giới mà được sanh vào dòng họ lớn giàu sang, quyền quý hay sanh Thiên ở 25 cõi trời sai khác *(nhị thập ngũ hữu)* hay do tu giới mà đắc quả Dự lưu, quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, hoặc quả Độc giác; hoặc nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, hoặc đắc Vô sanh pháp nhẫn, hoặc đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? **Vì các pháp này đều vô tướng, hoặc đồng một tướng chỗ gọi vô tướng; pháp vô tướng chẳng đắc vô tướng, pháp hữu tướng chẳng đắc hữu tướng, pháp vô tướng chẳng đắc hữu tướng, pháp hữu tướng chẳng đắc vô tướng. Do nhân duyên ấy, nên hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được**.

Như thế, đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, **có thể nhanh chóng viên mãn tịnh giới Ba la mật vô tướng**, chứng nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh; đã nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh rồi, sẽ đắc Vô sanh pháp nhẫn; đã được Vô sanh pháp nhẫn, lại tu hành Đạo tướng trí hướng đến Nhất thiết tướng trí, đắc 5 thần thông dị thục; lại đắc 500 pháp môn Tam ma địa, 500 pháp môn Đà la ni; an trụ ở trong đó lại có thể chứng đắc bốn sự hiểu biết thông suốt; từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật.

Đại Bồ Tát ấy vì hóa độ hữu tình, nên tuy hiện lưu chuyển sanh tử trong các thú, nhưng chẳng bị các chướng phiền não nghiệp báo ấy làm nhiễm ô, thí như hóa nhơn tuy hiện các việc đi, đứng, nằm, ngồi, nhưng không có thật; tuy hiện các thứ làm lợi ích hữu tình, nhưng đối với hữu tình và sự an lập ấy hoàn toàn không có sở đắc. Như có Như Lai tên Tô Phiến Đa*(5)* chứng đắc Vô thượng Bồ đề, chuyển pháp luân vi diệu, độ vô lượng chúng, giúp họ ra khỏi sanh tử chứng đắc Niết bàn. Nhưng vào thời đó không có hữu tình nào kham nhận thọ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Lúc ấy Như Lai hóa hiện vị hóa Phật giúp cho trụ ở đời lâu dài rồi tự xả thọ mạng, nhập vào cảnh giới Vô dư y bát Niết bàn. Sau khi đã trụ một kiếp, hóa thân của vị Phật ấy lại thọ ký quả vị Vô thượng Bồ đề cho một Bồ Tát khác rồi mới nhập Niết bàn. Hóa thân Phật ấy tuy làm các việc lợi ích hữu tình nhưng không có sở đắc, nghĩa là không nắm bắt sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến không nắm bắt tất cả pháp hữu lậu, vô lậu và các hữu tình. Cũng vậy, đại Bồ Tát này tuy có làm nhưng vô sở đắc.

Như thế, Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã viên mãn tịnh giới Ba la mật; do tịnh giới này được viên mãn, nên có thể nhiếp thọ tất cả pháp Phật.

- Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa với Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Vì sao gọi tên là Vô sanh pháp nhẫn? Pháp này dứt trừ được ác gì? Và sanh ra trí gì? Lại nữa Thiện Hiện! Khi đại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã, an trụ trong 5 thủ uẩn như mộng, như vang, như tượng, như bóng sáng, như ánh nắng, như huyễn sự, như thành tầm hương, như việc biến hóa viên mãn an nhẫn Ba la mật. Đại Bồ Tát này như thật biết rõ 5 thủ uẩn này như mộng, như vang, như tượng v.v... mới năng **viên mãn an nhẫn Ba la mật vô tướng.**

Đại Bồ Tát ấy, biết rõ như thật năm thủ uẩn ấy không có thật tướng, nên tu hai loại nhẫn mới có thể viên mãn an nhẫn Ba la mật vô tướng. Hai loại đó là gì? Một là an thọ nhẫn, hai là quán sát nhẫn.

- An thọ nhẫn là các đại Bồ Tát từ khi mới phát tâm cho đến khi an tọa tòa Bồ đề, ở khoảng giữa, giả sử tất cả loài hữu tình tranh nhau đến chê bai, dùng lời thô ác mắng nhiếc, lăng nhục; lại dùng ngói, đá, dao, gậy làm hại, nhưng đại Bồ Tát ấy, vì đã viên mãn an nhẫn, nên chẳng sanh một niệm sân hận; cũng lại chẳng khởi tâm trả thù, chỉ nghĩ các hữu tình ấy thật đáng thương, ta nay chẳng nên sân hận họ; lại nghĩ tại ta tạo oan gia, nên khiến hữu tình ấy đối với ta phát khởi ác nghiệp như thế, chỉ nên tự trách mình, chẳng nên chấp người. Bồ Tát khi quán sát kỹ như thế, đối với hữu tình sanh lòng thương xót sâu xa, tất cả các sự việc như trên gọi là an thọ nhẫn.

- Quán sát nhẫn là đại Bồ Tát nghĩ thế này: Các hành như huyễn, chẳng thật, chẳng được tự tại, cũng như hư không, không có ngã, hữu tình, mạng giả… cái biết, cái thấy đều chẳng thể nắm bắt được, chỉ là hư vọng phân biệt mà khởi, thì ai chê trách ta, ai mắng nhiếc ta, ai lăng nhục ta, ai dùng các thứ ngói, đá, dao, gậy gia hại ta, ai thọ nhận sự mắng nhiếc gia hại ấy? Đều là tự tâm hư vọng phân biệt. Ta nay chẳng nên phát khởi chấp trước các pháp như thế, do tự tánh không, thắng nghĩa không, nên hoàn toàn không có sở hữu. Khi Bồ Tát quan sát kỹ như thế, như thật biết rõ các hành vắng lặng, đối các pháp chẳng sanh tưởng gì khác; như thế gọi là quán sát nhẫn.

Đại Bồ Tát ấy, vì tu tập hai thứ nhẫn như thế, nên có thể viên mãn an nhẫn Ba la mật vô tướng; do viên mãn an nhẫn Ba la mật vô tướng nên liền đạt được **Vô sanh pháp nhẫn***(6)*.

Phật bảo: Thiện Hiện! Do thế lực tu hành nhẫn nhục này nên các pháp ác bất thiện dù nhỏ nhiệm cũng chẳng sanh, vì vậy gọi là Vô sanh pháp nhẫn. Pháp này khiến cho ngã và ngã sở, các phiền não, mạn nghi v.v... rốt ráo dứt diệt. **Nhẫn này gọi là trí**; đắc trí này nên gọi là đạt được Vô sanh pháp nhẫn.

Các Đại Bồ Tát vì thành tựu nhẫn thù thắng như thế, nên vượt hẳn tất cả Thanh văn, Độc giác.

Đại Bồ Tát ấy, an trụ trong Vô sanh pháp nhẫn thù thắng như thế, hành Bồ Tát đạo, có thể viên mãn Đạo tướng trí; nên thường chẳng xa lìa 37 pháp trợ đạo; cũng chẳng xa lìa 3 giải thoát môn; cũng chẳng xa lìa thần thông dị thục. Đại Bồ Tát ấy, do chẳng xa lìa thần thông dị thục, nên từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Đại Bồ Tát ấy, do thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật được viên mãn, nên chỉ trong sát na tương ưng diệu tuệ, chứng đắc Giác ngộ tối cao.

Như vậy, đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, có thể mau viên mãn an nhẫn Ba la mật vô tướng; vì được viên mãn an nhẫn Ba la mật vô tướng, nên có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí, tất cả Phật pháp đều được viên mãn.

- Lại nữa Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, an trụ trong năm thủ uẩn như mộng, như vang, như tượng, như bóng sáng, như ánh nắng, như huyễn sự, như thành tầm hương, như việc biến hóa; biết rõ như thật năm thủ uẩn ấy như mộng, như vang, như tượng v.v… không có thật tướng rồi, <u>**phát khởi tinh tấn thân tâm dõng mãnh**</u>. Đại Bồ Tát ấy vì phát khởi tinh tấn **thân** dõng mãnh nên dẫn phát thần thông thù thắng; do thần thông này nên đi đến thế giới khắp mười phương cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn; ở chỗ chư Phật, trồng các cội đức, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình; cũng có thể nghiêm tịnh các cõi Phật. Đại Bồ Tát ấy, do thân tinh tấn, thành thục hữu tình, tùy theo căn cơ của họ, phương tiện an lập ở pháp ba thừa, đều khiến rốt ráo.

Như thế, Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã do thân tinh tấn có thể mau **viên mãn tinh tấn Ba la mật vô tướng.**

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, vì phát khởi tinh tấn **tâm** dõng mãnh nên dẫn phát các chi Thánh đạo vô lậu, nhiếp thọ tinh tấn, thì có thể viên mãn tinh tấn Ba la mật và các thiện pháp. Đó là 37 pháp trợ đạo; tam giải thoát môn; 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định

thứ đệ, 10 biến xứ; tứ Thánh đế; lục Ba la mật; 5 loại mắt, 6 phép thần thông; pháp môn Tam ma địa, Đà la ni; thập vị Bồ Tát Tam thừa; 18 pháp không; chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế…; Phật mười lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Đại Bồ Tát ấy, an trụ trong đó, có thể viên mãn Nhất thiết tướng trí; do Nhất thiết tướng trí viên mãn nên vĩnh viễn đoạn trừ được tất cả tập khí phiền não tương tục; do vĩnh viễn đoạn trừ phiền não nên các tướng và vẻ đẹp thành tựu. Do các tướng và vẻ đẹp thành tựu, nên chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, phóng đại quang minh chiếu khắp Tam thiên đại thiên thế giới, khiến các thế giới 6 thứ chấn động, chuyển bánh xe chánh pháp. Do đó, các loại hữu tình trong Tam thiên đại thiên thế giới, nhờ thấy hào quang, nghe biến động, nghe chánh pháp âm, đối với ba thừa, được Bất thối chuyển.

Như thế, Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, viên mãn tinh tấn, an trụ tinh tấn Ba la mật, có thể hoàn thành lợi ích mình và người, mau viên mãn tất cả pháp Phật, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

- Cụ thọ Thiện Hiện lại hỏi Phật: Bạch Thế Tôn! Làm sao đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, an trụ trong 5 thủ uẩn như mộng, như vang, như tượng, như bóng sáng, như ánh nắng, như huyễn sự, như thành tầm hương, như việc biến hóa mà có thể **<u>viên mãn tịnh lự Ba la mật vô tướng</u>**?

Phật Bảo: Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã như thật rõ biết năm thủ uẩn như mộng, như vang, như tượng, như bóng sáng, như ánh nắng, như huyễn sự, như thành tầm hương, như việc biến hóa, không có thật tướng rồi, nhập sơ thiền và an trụ trọn vẹn, nhập đệ nhị, đệ tam, đệ tứ thiền, an trụ trọn vẹn; nhập từ vô lượng an trụ trọn vẹn, nhập bi, hỷ, xả vô lượng an trụ trọn vẹn; nhập định Không vô biên xứ, an trụ trọn vẹn; nhập Thức vô biên xứ định, Vô sở hữu xứ định, Phi tưởng phi phi tưởng xứ định an trụ trọn vẹn; tu Tam ma địa giải thoát; tu Tam ma địa như điển, tu Tam ma địa Thánh chánh, Tam ma địa Kim cang dụ, an trụ trong Tam ma địa Kim cang dụ; trừ Tam ma địa của Như Lai ra, tất cả các Tam ma địa khác hoặc cùng với Tam ma địa Thanh văn, hoặc cùng với Tam ma địa Độc giác, hoặc vô lượng Tam ma địa khác, tất cả như thế đều có thể thân chứng và an trụ trọn vẹn; nhưng đối với tất cả Tam ma địa **chẳng sanh đắm trước**, cũng chẳng đắm trước quả sở đắc của chúng. Vì sao? Vì đại

Bồ Tát ấy như thật rõ biết tất cả Tam ma địa và tất cả pháp đều không có thật tướng, đều lấy vô tánh làm tự tánh. Chẳng nên đem pháp vô tướng đắm trước pháp vô tướng, cũng chẳng nên đem pháp vô tánh làm tự tánh đắm trước pháp vô tánh làm tự tánh. Do chẳng đắm trước Tam ma địa, nên đại Bồ Tát này trọn chẳng thuận theo thế lực tĩnh lự, vô lượng, vô sắc định của các Tam ma địa mà sanh cõi Sắc, cõi Vô sắc. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy, đối tất cả cõi đều vô sở đắc. Với kẻ vào định và chỗ vào định, do đây vào định cũng vô sở đắc. Đại Bồ Tát ấy, đối với tất cả pháp, vì không có sở đắc, nên có thể mau viên mãn tịnh lự Ba la mật vô tướng. Nhờ tịnh lự Ba la mật này, nên siêu vượt các bậc Thanh văn và Độc giác.

Đại Bồ Tát ấy, vì khéo học pháp không nội, pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không… cho đến pháp không không tánh tự tánh, nên đại Bồ Tát ấy, ở trong các pháp không đó, chẳng đắc tất cả pháp, mà an trụ trong đó, chẳng đắc quả Dự lưu, chẳng đắc quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, quả vị Độc giác, chẳng đắc tất cả Bồ Tát hạnh, chẳng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? **Vì các tánh không ấy đều rỗng không, nên đại Bồ Tát ấy, do an trụ pháp không này mà siêu vượt các bậc Thanh văn và Độc giác, chứng nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh***(7)*.

Đại Bồ Tát chứng nhập bậc Chánh tánh ly sanh rồi, viên mãn tất cả tịnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí. Đại Bồ Tát ấy còn chẳng theo thế lực của định mà sanh, huống là theo thế lực phiền não như xan tham v.v… Đại Bồ Tát ấy nếu an trụ trong đây mà tạo tác các nghiệp là điều không thể có. Đại Bồ Tát ấy tuy an trụ trong các nhóm hành như huyễn, làm các điều lợi ích như thật cho các hữu tình, nhưng chẳng đắc huyễn và các hữu tình. Đại Bồ Tát ấy đối với các việc vô sở đắc như thế, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, mau chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, chuyển pháp luân mầu nhiệm, độ vô lượng chúng sanh.

Như thế, đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, có thể mau viên mãn tịnh lự Ba la mật vô tướng; do tịnh lự Ba la mật mau viên mãn này, nên chóng chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, chuyển pháp luân, độ vô lượng chúng sanh; **pháp luân như thế gọi là vô sở đắc, cũng gọi là không, vô tướng, vô nguyện**, có khả năng làm lợi ích to lớn cho chúng hữu tình.

- Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, an trụ trong năm thủ uẩn như mộng, như vang, như tượng, như bóng sáng, như ánh nắng, như huyễn sự, như thành tầm hương, như việc biến hóa, viên mãn Bát Nhã. Đại Bồ

Tát ấy như thật rõ biết tất cả pháp đều như mộng, như tiếng vang, như ảnh tượng v.v… có thể **viên mãn Bát nhã Ba la mật vô tướng**.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa với Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Làm sao đại Bồ như thật biết rõ tất cả pháp đều như mộng, như vang, như tượng, như bóng sáng, như ánh nắng, như huyễn sự, như thành tầm hương, như việc biến hóa?

Phật bảo: Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, chẳng thấy mộng, chẳng thấy người thấy mộng; chẳng nghe tiếng vang, chẳng thấy người nghe tiếng vang; chẳng thấy ảnh tượng, chẳng thấy người thấy ảnh tượng; chẳng thấy bóng sáng, chẳng thấy người thấy bóng sánh; chẳng thấy bóng nắng, chẳng thấy người thấy bóng nắng; chẳng thấy trò huyễn, chẳng thấy người thấy trò huyễn; chẳng thấy ảo thành, chẳng thấy người thấy ảo thành; chẳng thấy việc biến hóa, chẳng thấy người thấy việc biến hóa.Vì sao? Vì mộng và người thấy mộng, tiếng vang và người nghe tiếng vang, ảnh tượng và người thấy ảnh tượng v.v… đều là **do chấp trước** điên đảo của phàm phu ngu si. Các bậc A la hán, Độc giác, Bồ Tát và chư Như Lai Ứng Chánh đẳng giác đều chẳng thấy mộng, cũng chẳng thấy người thấy mộng, đều chẳng nghe tiếng vang, cũng chẳng thấy người nghe tiếng vang, đều chẳng thấy ảnh tượng, cũng chẳng thấy người thấy ảnh tượng v.v…Vì sao? Vì tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh, chẳng thành, chẳng thật, vô tướng, vô vi, chẳng thật có tánh ngang như Niết bàn...

Nếu tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh, chẳng thành, chẳng thật, vô tướng, vô vi, chẳng thật có tánh ngang như Niết bàn, làm sao đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đối với tất cả pháp khởi tướng có tánh, có thành, có thật, có tưởng, có vi, có thật tánh, chẳng tịch diệt. Nếu khởi tưởng như vậy thì không có lý. Vì sao? Nếu đối tất cả pháp có chút tự tánh có thành, có thật, có tướng, có vi, có thật tánh, chẳng tịch diệt có thể nắm bắt được, thời sở hành Bát Nhã chẳng phải là Bát Nhã. Như thế, Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **chẳng chấp trước sắc**, chẳng chấp trước thọ, tưởng, hành, thức; chẳng chấp trước 12 xứ, 18 giới; chẳng chấp trước 12 nhân duyên; chẳng chấp trước Dục giới, Sắc, Vô sắc giới; chẳng chấp trước 37 pháp trợ đạo, 3 giải thoát môn, Tứ đế, 6 Ba la mật; chẳng chấp trước 18 pháp không; chẳng chấp trước chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp trụ, thật tế…; chẳng chấp Nhất thiết trí… cho đến chẳng chấp trước quả vị Giác

ngộ tối cao. Đại Bồ Tát ấy khi tu hành Bát Nhã do chẳng chấp trước nên có thể viên mãn Bồ Tát thập địa, nhưng ở trong đó chẳng sanh tham trước.

Đại Bồ Tát ấy tuy tu hành Bát Nhã nhưng chẳng thấy đắc Bát Nhã; do chẳng thấy đắc Bát Nhã nên cũng chẳng thấy đắc tất cả pháp; tuy quán Bát Nhã nhiếp thọ tất cả pháp, nhưng đối với tất cả pháp ấy hoàn toàn vô sở đắc. Vì sao? Vì các pháp như thế cùng với Bát nhã Ba la mật này không hai, không khác. Vì sao? **Vì tánh của tất cả pháp chẳng thể phân biệt, nói là chơn như, nói là pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì, vì pháp nghĩa không xen tạp, không sai khác vậy.**

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tánh tất cả pháp đều không xen tạp, không sai khác, làm sao có thể nói đó là thiện là phi thiện, là hữu lậu là vô lậu, là thế gian là xuất thế gian, là hữu vi là vô vi, có vô lượng pháp môn sai khác như thế?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Theo ông nghĩ **trong thật tánh** tất cả pháp, có pháp nào khá nói là thiện là phi thiện, là hữu lậu là vô lậu, là thế gian là xuất thế gian, là hữu vi là vô vi, là quả Dự lưu, quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề, Bồ Tát hạnh, là chư Phật Vô thượng Bồ đề?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng có vậy. Bạch Thiện Thệ! Chẳng có vậy.

Phật nói:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát **đối với tất cả pháp như thế không hành, không đắc, không nói, không chỉ.**

- Này Thiện Hiện! Do nhân duyên này nên biết, tất cả pháp không xen tạp, không sai biệt, không tướng, không sanh, không diệt, không ngại, không nói, không chỉ. Thiện Hiện! Nên biết, ta khi xưa tu hành Bồ Tát đạo, đối với tự tánh của pháp, **hoàn toàn không có sở đắc,** hoặc sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức; hoặc 12 xứ, 18 giới; hoặc 12 nhân duyên; hoặc Dục giới, hoặc Sắc, Vô sắc giới; hoặc thiện hoặc phi thiện, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu vi hoặc vô vi, như thế cho đến, hoặc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, quả

vị Độc giác, hoặc các Bồ Tát hạnh, hoặc quả vị Giác ngộ tối cao, Ta đối với tự tánh của các pháp như thế, đều không có sở đắc.

Này Thiện Hiện! Như thế, đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, từ lúc mới phát tâm cho đến khi an tọa tòa Bồ đề, sắp chứng quả vị Giác ngộ tối cao, thường nên khéo biết tự tánh các pháp. Nếu **thường khéo biết tự tánh các pháp thì có khả năng khéo thanh tịnh đạo Bồ đề, cũng có khả năng viên mãn Bồ Tát hạnh, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, an trụ pháp ấy, mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao**, chuyển pháp luân mầu nhiệm, dùng pháp ba thừa, phương tiện điều phục các loại hữu tình, khiến mau được giải thoát ba cõi.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát lấy vô sở đắc làm phương tiện, học Bát Nhã như thế, có khả năng mau viên mãn tất cả Phật pháp".

Thích nghĩa:

*(1). Luật nghi giới (Phạm: Saôvara-zìla) còn gọi là **nhiếp luật nghi giới**, cũng gọi Tự tính giới, Nhất thiết Bồ Tát giới. Là một trong Tam tụ tịnh giới. Nhiếp hàm ý là thâu tóm hết, tức là tuân thủ tất cả các loại giới luật do đức Phật chế định, tích thiện ngừa ác; là giới pháp do 7 chúng (tỉ khưu, tỉ khưu ni, thức xoa ma na, sa di, sa di ni, ưu bà tắc, ưu bà di) thụ trì, gồm có 5 giới, 8 giới, 10 giới và Cụ túc giới... Theo Thích môn qui kính nghi quyển thượng thì Nhiếp luật nghi giới có công năng đoạn trừ các điều ác, là nhân của pháp thân. (X. Kinh Bồ Tát địa trì Q.4; luận Du già sư địa Q.40; luận Thành duy thức Q.9)- Phật Quang từ điển.*

*(2). Hữu biểu giới, vô biểu giới: Giới cấm cốt ngăn ngừa nghiệp có thể xảy ra hay sẽ xảy ra. Phật Quang từ điển giải thích biểu và vô biểu như sau: Biểu vô biểu là nói tắt của Biểu nghiệp (Phạm: Vijĩapti-karman) và Vô biểu nghiệp (Phạm: Avijĩapti-karman). Cũng gọi Hữu biểu nghiệp vô biểu nghiệp, Hữu biểu sắc vô biểu sắc, Tác vô tác, Giáo vô giáo. Nghiệp biểu hiện ra ở ngoài khiến người khác biết rõ, là **Biểu nghiệp**; nghiệp không hiển hiện ra bên ngoài và người khác không biết được, là **Vô biểu nghiệp**. Nghĩa là những hành vi biểu hiện ra bên ngoài, như động tác của cơ thể, lời nói, âm thanh, khiến người khác thấy được, nghe được, gọi là Biểu nghiệp. Trái lại, nghiệp do thân ngữ dẫn khởi, nó có công năng cản trở thiện hoặc ác, nhưng người khác không thấy được, gọi là Vô biểu nghiệp. Thuyết nhất thiết hữu bộ của Tiểu thừa chủ trương: Trong ba*

nghiệp thân, ngữ, ý thì chỉ có thân nghiệp, ngữ nghiệp là có biểu nghiệp và vô biểu nghiệp. Và cho rằng thân biểu nghiệp lấy hình sắc làm thể, ngữ biểu nghiệp lấy âm thanh làm thể, Vô biểu nghiệp lấy sắc ở trong pháp xứ làm thể, đều là pháp có thật. Còn đối với Ý nghiệp thì không lập Biểu nghiệp, Vô biểu nghiệp. Biểu nghiệp thông cả ba tính thiện, ác, vô ký, nó do Tầm, Tứ phát khởi, cho nên nó tồn tại ở cõi Dục và Sơ thiền. Vô biểu nghiệp thì chỉ thông với hai tính thiện, ác, nên nó chỉ tồn tại ở cõi Dục và cõi Sắc. Các nhà Duy thức Đại thừa thì cho rằng vì ý nghiệp có khả năng biểu thị tự ngã trong nội tâm, nên không lập vô biểu nghiệp (có thuyết nói cũng lập vô biểu nghiệp) và chủ trương thể của biểu nghiệp và vô biểu nghiệp đều là có giả. Luận Thành duy thức quyển 1 (Đại 31, 4 hạ), nói: Thân biểu nghiệp chẳng phải có thật, nhưng vì tâm là nhân, khiến biến hiện ra các sắc tướng nối nhau sinh diệt, chuyển đến các phương khác, tựa hồ như có động tác biểu thị tâm, nên mới tạm gọi là Thân biểu. Ngữ biểu cũng chẳng phải thật có tính của tiếng nói, vì trong một sát na tiếng nói không bày tỏ rõ ràng được, mà phải trải qua nhiều sát na nối tiếp nhau, cho nên tính của tiếng nói chẳng phải có thật. Vì sắc hữu đối ở bên ngoài trước đã bị phá, nhưng vì tâm là nhân, nên thức mới biến ra tựa hồ như có tiếng nói, rồi sinh diệt liên tục dường như có biểu thị, nên tạm gọi là Ngữ biểu.

(3). Hiện hành giới và bất hiện hành giới: Hai loại giới này cốt ngăn ngừa những điều xấu ác biểu hiện ra bên ngoài bằng hành động (tạo tác) hay những tư tưởng xấu ác thầm kín che dấu bên trong tâm tư.

(4). Oai nghi giới và phi oai nghi giới: Oai nghi giới là giữ thân oai nghi trong khi đi, đứng, nằm, ngồi lúc nào cũng tỏ ra mẫu mực, mô phạm… lấy thân làm thân giáo. Phi oai nghi giới: Giữ giới để lừa phỉnh, dối gạt người để được cung kính, lợi dưỡng, danh vọng…

(5). Tô Phiến Đa Như lai: Kinh MHBNBLMĐ dịch là Tu Phiến Đa.

(6). Xin nhớ 3 loại nhẫn này: 1. An thọ nhẫn, 2. Quan sát nhẫn, và 3. Vô sanh pháp nhẫn, đã liệt kê ở phẩm "Vô Tướng Vô Đắc" trên.

(7). Bồ Tát Chánh tánh ly sanh: Không có một định nghĩa nào nói rõ phạm trù của một vị Bồ Tát gọi là Chánh tánh ly sanh. Tuy nhiên, thông qua cơ sở tu tập và hành trì dưới đây của một vị Bồ Tát, chúng ta có thể xác định đó là Bồ Tát có danh nghĩa là Chánh tánh ly sanh:

1- Có sở đắc là có phân biệt chấp trước, có tạo tác thi vi, nên các tập khí phiền não sanh (khởi). Vô sở đắc là không thủ, không xả, vô chấp, nên xa lìa các các tập khí phiền não; vì vậy, các phiền não lậu hoặc chẳng sanh. Bồ Tát đoạn trừ tất cả lậu hoặc phiền não, không để chúng sanh khởi thì chứng tánh, nên gọi là Bồ Tát Chánh tánh ly sanh.

2- Trong tiểu mục 17, nói về Lục Ba la mật, phần thứ I Tổng luận có ghi rằng: Có thể nói một vị Bồ Tát quán sát và thấu triệt 18 pháp Không mà chẳng thấy, chẳng nương ***"thập bát không thì có thể gọi là Bồ Tát Chánh tánh ly sanh"****.*

3- Mười đạo ly sanh của chư đại Bồ Tát, gồm: 1/. Xuất sanh Bát nhã Ba la mật, mà luôn quán sát tất cả chúng sanh, 2/. Xa rời những kiến chấp mà độ thoát tất cả chúng sanh bị kiến chấp ràng buộc, 3/. Chẳng tưởng niệm tất cả tướng, mà chẳng bỏ tất cả chúng sanh chấp tướng, 4/. Siêu hóa tam giới, mà thường ở tại tất cả thế giới, 5/. Xa lìa phiền não, mà sống chung với tất cả chúng sanh, 6/. Đắc pháp ly dục mà thường dùng đại bi thương xót tất cả chúng sanh nhiễm trước dục lạc, 7/. Thường thích tịch tịnh, mà luôn thị hiện tất cả quyến thuộc, 8/. Rời sanh thế gian, mà chết đây sanh kia khởi hạnh Bồ Tát, 9/. Chẳng nhiễm tất cả pháp thế gian, mà chẳng dứt tất cả việc làm của thế gian, 10/. Chư Phật Bồ Đề đã thị hiện ra trước mà chẳng bỏ tất cả hạnh nguyện của Bồ Tát. Như thế có thể hiểu rằng, những vị Bồ Tát nào thông đạt mười đạo ly sanh trên đều có thể gọi là Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. (Tự điển Phật học Việt Anh của Thiện Phúc)

Sơ giải:

1. Lục Ba La Mật:

Sáu pháp Ba la mật, cũng còn gọi là sáu pháp đáo bỉ ngạn, vì người học các pháp này viên mãn có thể sang bờ bên kia. Bồ Tát học các pháp này thì sẽ chứng Vô sanh pháp nhẫn hay Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, đắc Đạo tướng trí, đoạn dứt tất cả tập khí phiền não tương tục và chỉ trong sát na tương ưng với diệu huệ thì thành bậc Vô thượng Bồ đề.

Lục Ba la mật được lặp đi lặp lại nhiều lần từ đầu tới cuối Kinh Đại Bát Nhã , đặc biệt trong các phẩm "Xảo Tiện Hành", "Tam Tiệm Thứ",

"Vô Tướng Vô Đắc", "Pháp Nghĩa Vô Tạp" từ Q.365 cho đến hết Q.379 mà chúng ta có dịp tụng qua. Không những thế, sáu Hội sau cùng từ Hội thứ XI đến Hội thứ XVI bắt đầu Q.579 đến hết Q.600, kinh lại trùng tuyên sáu pháp Ba la mật này một lần nữa hết sức chi li trước khi chấm dứt Đại Bát Nhã*. Sự trùng tuyên này không những nói lên tánh cách quan trọng trong việc hành trì Bát nhã Ba la mật mà còn mang ý nghĩa là "ru ngủ" những cảm quan và ý thức của người tu Bát Nhã. Cảm quan và ý thức lúc nào và bất cứ ở đâu cũng dễ phát sanh phân biệt. Vì phân biệt là sở trường của cảm quan và ý thức. Phân biệt tánh tướng thể dụng, phân biệt năng sở, chủ khách v.v... Một khi phân biệt xảy ra thì thay vì là nhất thể lại biến thành đa thù, tạo biên giới ngăn chia chủ khách và cuối cùng dẫn tới chấp trước, hơn thua, được mất... Tâm vốn dĩ là một, tròn đầy, bây giờ biến thành mờ khuyết tẻ nhạt bởi chấp trước. Do chấp trước mà xa lìa Bát Nhã! Vì vậy, Kinh Đại Bát Nhã lặp đi lặp lại nhiều lần sáu pháp Ba la mật này, như sau:*

- Phẩm "Xảo Tiện Hành" thuyết rằng:

"Đại Bồ Tát vì Bồ đề nên khi tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, **không ích-không tổn, không tăng-không giảm, không sanh-không diệt, không nhiễm-không tịnh.** Tu tất cả các pháp Phật cũng lại như thế. Vì sao? Vì Bồ đề, nên khi hành Bát Nhã thậm thâm, đại Bồ Tát đối với tất cả pháp hoàn toàn **không dùng sở duyên làm phương tiện**, chẳng vì ích-tổn, chẳng vì tăng-giảm, chẳng vì sanh-diệt, chẳng vì nhiễm-tịnh bất cứ lúc nào và ở đâu.

(…) Đại Bồ Tát ấy tuy hành bố thí nhưng không nghĩ việc bố thí, không nghĩ người nhận, không nghĩ người cho, cũng không nghĩ đến ngã, ngã sở. Vì sao? **Vì đại Bồ Tát ấy quán tự tướng của tất cả pháp đều không, không khởi, không thành, không chuyển, không diệt, nhập các pháp tướng, biết tất cả pháp vô tác, vô năng, nhập các hành tướng**. Đại Bồ Tát ấy thành tựu phương tiện thiện xảo như thế, luôn luôn tăng trưởng thiện căn thù thắng. Do thiện căn thù thắng, nên có thể hành bố thí, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật; nhưng chẳng mong cầu đắc quả bố thí, nghĩa là chẳng tham trước cảnh giới khả ái do việc bố thí mà được, cũng chẳng tham cầu báo đắc tốt đẹp trong sanh tử do bố thí mà được, chỉ vì cứu hộ người không được

cứu hộ và muốn giải thoát cho người chưa được giải thoát mà hành bố thí Ba la mật".

Tu hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật cũng có ý nghĩa tương tự như thế!

- Phẩm "Học Đạo Khắp" tụng rằng:

"Đại Bồ Tát thành tựu phương tiện thiện xảo thì tăng trưởng thiện căn thù thắng. Do thiện căn tăng trưởng thù thắng, nên có khả năng hành Bát Nhã, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật; tuy hành Bát Nhã, nhưng chẳng mong cầu được giàu sang, thọ mệnh lâu dài, sanh vào dòng quý tộc, sanh Thiên hay đắc quả của tuệ, nghĩa là chẳng tham trước cảnh giới khả ái, cũng chẳng tham cầu quả báo tốt đẹp do tu lục Ba la mật mà được, chỉ vì cứu hộ kẻ không ai cứu hộ và muốn giải thoát người chưa giải thoát, mà tu hành diệu huệ đến bờ kia.

Sở dĩ, đại Bồ Tát được diệu huệ như vậy, là vì các **đại Bồ Tát đối với tự tánh vô tánh của sắc bất động**; đối với tự tánh vô tánh của thọ, tưởng, hành, thức bất động; đối với tự tánh vô tánh của 12 xứ, 18 giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao, cũng bất động. **Vì sao? Vì tự tánh các pháp tức là vô tánh, vô tánh chẳng năng hiện chứng vô tánh".**

- Phẩm "Tam Tiệm Thứ" tụng rằng:

"Bồ Tát khi hành Bát Nhã không tưởng hữu, tưởng vô. Nếu không tưởng hữu cũng không tưởng vô thì tức là Bồ Tát thuận nhẫn; nếu không tưởng hữu cũng không tưởng vô tức là tu đạo; nếu không tưởng hữu cũng không tưởng vô tức là đắc quả. Nên biết, vô tánh tức là đạo Bồ Tát, vô tánh tức là hiện quán".

Tưởng hữu, tưởng vô là nhị nguyên đối đãi, mắc vào nhị nguyên tức không thoát khỏi ngỏ cụt 2 đầu hay nói khác là không tránh khỏi sự câu thúc của ý thức phân biệt. Nếu không tránh khỏi phân biệt, thì chắc chắn sẽ đưa đến chấp trước, tâm đại bi không còn ở đó nữa. **"Chỉ đạt tới Giác ngộ khi nào không có chấp trước, không móng khởi tâm niệm, không có 2 tướng hữu và vô; vì giác ngộ là vô trước, và tự tánh của nó là không tự tánh".**

- Phẩm "Vô Tướng Vô Đắc" tụng rằng:

"Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật, **dùng tâm ly tướng tu hành lục Ba la mật**, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 phép trợ đạo, tứ Thánh đế, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao, chẳng thấy mình tu, chẳng thấy mình xả việc này, đối với việc này..., do việc này..., vì việc này... mà tu tất cả pháp nói trên, như thế là an trụ trong tâm vô lậu lìa tướng, không nhiễm ô, không chấp trước thì chẳng thấy sở tu, chẳng thấy năng tu, cho đến chẳng thấy tất cả pháp Phật; như thế là đại Bồ Tát an trụ tâm vô lậu mà tu tất cả pháp.

(…) Lìa chấp đắm, an trụ tâm vô lậu mà hành Bố thí, dùng tâm ly tướng mà tu lục Ba la mật và tất cả pháp Phật, đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, do tâm vô lậu ly tướng, nên có thể ở trong tất cả pháp vô tướng, vô giác, vô đắc, vô ảnh, vô tác, viên mãn Bát nhã Ba la mật, cũng có thể viên mãn các công đức khác".

- Phẩm "Pháp Nghĩa Vô Tạp" thuyết rằng:

"Khi đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, an trụ trong 5 thủ uẩn như mộng, như vang, như tượng, như bóng sáng, như ánh nắng, như huyễn sự, như thành tầm hương, như việc biến hóa tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Như thật biết rõ 5 thủ uẩn như mộng, như vang, như tượng v.v… đều vô tướng. Vì sao? Vì các mộng, vang, tượng v.v… đều không có tự tánh. Nếu pháp không có tự tánh, thời pháp này vô tướng. Nếu pháp vô tướng, pháp này là nhất tướng chỗ gọi vô tướng.

Do nhân duyên này, phải biết tất cả sự bố thí là vô tướng, người cho vô tướng, người nhận vô tướng, vật cho vô tướng. Nếu biết như vậy mà hành bố thí, thì có thể **viên mãn tu hành bố thí Ba la mật vô tướng**; nếu có thể viên mãn tu hành bố thí vô tướng, thì chẳng xa lìa tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; an trụ bố thí, tịnh giới, an nhẫn v.v… như thế thì có thể viên mãn tất cả pháp Phật".

2. Pháp Nghĩa Vô Tạp:

Tới đây, ***phẩm "Pháp Nghĩa Vô Tạp" nói****:* "Đại Bồ Tát ấy tuy tu hành Bát Nhã nhưng chẳng thấy đắc Bát Nhã; do chẳng thấy đắc Bát Nhã nên cũng chẳng thấy đắc tất cả pháp; tuy quán Bát Nhã nhiếp thọ tất cả pháp, nhưng đối với tất cả pháp ấy hoàn toàn vô sở đắc. Vì sao? Vì các pháp như thế cùng với Bát Nhã này không hai, không khác. Vì sao? **"Vì tánh của tất cả pháp chẳng thể phân biệt, nói là chơn như, là pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì, <u>vì pháp nghĩa không xen tạp, không sai khác vậy</u>**".

Cùng phẩm trên Phật bảo*:*

- "Thiện Hiện! Theo ông nghĩ **trong thật tánh tất cả pháp**, có pháp nào khá nói là thiện là phi thiện, là hữu lậu là vô lậu, là thế gian là xuất thế gian, là hữu vi là vô vi, là quả Dự lưu, quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề, Bồ Tát hạnh, là chư Phật Vô thượng Bồ đề?"

"Thiện Hiện đáp rằng: - Bạch Thế Tôn! Chẳng có vậy. Bạch Thiện Thệ! Chẳng có vậy".

"Phật nói: - Thiện Hiện! Đại Bồ Tát **đối với tất cả pháp như thế không hành, không đắc, không nói, không chỉ".** "Này Thiện Hiện! Do nhân duyên này nên biết, tất cả pháp không xen tạp, không sai biệt, không tướng, không sanh, không diệt, không ngại, không nói, không chỉ…"

Đó là lời nói của bậc Đại sĩ đã chứng thật tánh tất cả pháp và sống trong Đệ nhất nghĩa không, nên mới có tư tưởng như thế!

Bao nhiêu dẫn chứng trên cũng đủ chứng minh giáo lý Phật dạy chẳng có gì phức tạp khó hiểu miễn đừng phân biệt chấp trước, thì pháp nào pháp nào cũng bình đẳng, như như. Nói như thế nọ hay thế kia là tạp loạn, hý luận. Thấy như vậy, nói như vậy là vô tạp vô loạn, tâm hành dứt, ngôn ngữ đoạn, mới bặt hý luận./.

---o0o---

68. PHẨM "CÁC TƯỚNG CÔNG ĐỨC"

Cuối Q.379 cho đến đầu Q.383, Hội thứ I, ĐBN*(1)*.
(Tương đương phần sau của phẩm "Tứ Nhiếp", quyển thứ 27, Kinh MHBNBLMĐ)

Gợi ý:

*Phẩm này của cả 2 Kinh: ĐBN hay MHBNBLMĐ **gói ghém tất cả pháp mầu Phật đạo**, còn gọi là các thiện pháp, các diệu pháp, các pháp hy hữu, tư lương Bồ đề Bồ Tát hay Bồ Tát đạo… Phần thứ I Tổng luận đã trình bày giải thích cặn kẽ rồi, nay chỉ tóm lược thôi. Sở dĩ, Đại Bát Nhã được gọi là bộ Bách khoa toàn thư của Phật đạo, không phải do liệt kê rộng rãi các pháp môn Phật học mà Kinh này cốt "dạy bảo trau truyền" các pháp môn Phật học với mục đích luyện tâm luyện trí, giúp chúng sanh tu thân tích đức để tạo một thế giới thanh bình và hạnh phúc cho chính mình và cho toàn thể chúng sanh.*

Muốn giải thoát, muốn chứng Phật quả phải thọ trì tất cả các pháp môn hy hữu này, ngoài ra không còn pháp môn nào khác. Vì vậy, phẩm này chia làm 2 phần rõ rệt: 1. Phần đầu thuyết về tất cả các pháp mầu Phật đạo hay 81 khoa danh tướng Bát Nhã; và 2. Phần sau nói về bản chất, thật tánh (nói theo Kinh ĐBN) hay thật tướng (nói theo Kinh MHBNBLMĐ) tất cả pháp, biết được bản chất, thật tánh hay thật tướng tất cả pháp thì có thể nhập đạo mà được giải thoát!

Tóm lược:

1. Các pháp mầu Phật đạo hay 81 khoa danh tướng Bát Nhã:

Có đại Bồ Tát hành Bát Nhã an trụ trong báo đắc sáu Ba la mật, và an trụ trong báo đắc ngũ thần thông, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, các Đà la ni, các vô ngại trí, đến cõi nước mười phương, có ai đáng dùng bố thí để độ thì dùng bố thí nhiếp hộ, có ai dùng trì giới để độ thì dùng trì giới nhiếp hộ, có ai đáng dùng nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ để độ thì dùng nhẫn nhục, tinh tấn v.v… nhiếp hộ. Có ai đáng dùng sơ thiền để độ thì dùng sơ thiền để nhiếp hộ. Có ai đáng dùng nhị thiền, tam thiền nhẫn đến

phi phi tưởng xứ để độ thì tùy theo chỗ thích ứng mà nhiếp hộ. Có ai nên dùng từ, bi, hỉ, xả để độ thì dùng từ bi hỉ xả nhiếp hộ. Có ai nên dùng tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát Thánh đạo phần, các không tam muội, vô tướng, vô tác để độ thì theo chỗ thích ứng để nhiếp lấy.

Phật dùng Phật nhãn quán khắp vô lượng hằng hà sa thế giới trong mười phương, thấy các đại Bồ Tát dùng **tứ nhiếp pháp,** nhiếp hóa các hữu tình. Tứ nhiếp pháp đó là: Bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự để nhiếp hộ chúng sanh.

Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã sâu xa, thường dùng các thứ vàng, bạc, ngọc báu, chơn châu, ma ni v.v... cho các hữu tình; hoặc dùng các thứ y phục, thức ăn uống, cung điện, lầu gác, phòng nhà, đồ nằm, xe cộ, hương hoa, đèn đuốc, kỹ nhạc, tràng phan, bảo cái, anh lạc v.v... cho các hữu tình; hoặc đem các loại như voi, ngựa, trâu, dê, lừa v.v… cho các hữu tình; hoặc đem các loại tài vật kho tàng, thành ấp, xóm làng và ngôi vua cho các hữu tình; hoặc đem các bộ phận thân thể như tay, chân, lóng đốt, đầu, mắt, tủy, não cho các hữu tình. Đại Bồ Tát ấy, đem các thứ đồ vật đặt ở ngã tư đường, lên trên đài cao, loan báo thế này: Tất cả hữu tình, có cần vật gì, tự do tới lấy chớ sanh nghi mạn, như lấy của mình chớ nghĩ gì khác.

Bồ Tát dùng một trong bốn nhiếp pháp nhiếp hộ hữu tình xong, lại khuyên hữu tình tu các pháp thế gian và xuất thế gian:

1- Các pháp thế gian:

- Quy y tam bảo: Phật Pháp Tăng:
- Hoặc khuyên thọ trì năm giới cận sự;
- Hoặc khuyên thọ trì tám giới cận trụ;
- Hoặc khuyên thọ trì thập thiện đạo;
- Hoặc khuyên tu hành sơ tĩnh lự;
- Hoặc khuyên tu hành tứ vô lượng tâm: Từ vô lượng, bi vô lượng, hỷ vô lượng và xả vô lượng. Bốn tâm này dùng đối trị 4 phiền não là sân hận, ganh tị, buồn phiền và tham dục;
- Hoặc khuyên tu bốn thiền, bốn định vô sắc: Không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tưởng phi phi tưởng xứ;

- Hoặc khuyên tu hành Phật tùy niệm, Pháp tùy niệm, Tăng tùy niệm, giới tùy niệm, xả tùy niệm, thiên tùy niệm;

- Hoặc khuyên tu quán bất tịnh;

- Hoặc khuyên tu quán sổ tức *(đếm hơi thở)*:

- Hoặc khuyên tu hành tưởng vô thường, tưởng khổ, tưởng vô ngã, tưởng bất tịnh, tưởng nhàm ăn, tưởng tất cả thế gian chẳng đáng vui, tưởng chết, tưởng dứt, tưởng lìa, tưởng diệt.*(2)*

2- Các pháp xuất thế gian:

- Hoặc khuyên tu hành **37 pháp trợ đạo**: Bốn niệm trụ, 4 chánh đoạn, 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 đẳng giác chi và 8 Thánh đạo chi:

"Này Thiện Hiện! Thế nào gọi là **bốn niệm trụ**?

Này Thiện Hiện! Đó là đối với nội thân, an trụ quán theo thân; đối với ngoại thân, an trụ quán theo thân, đối với nội ngoại thân, an trụ quán theo thân, đầy đủ chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ tham ái ở đời, an trụ thân, quán tập; an trụ thân, quán diệt, do đó đối với thân, an trụ quán theo thân; an trụ thân, quán tập; an trụ thân, quán diệt, không có chỗ tựa, đối với các pháp thế gian, không có sự chấp thọ, đó là thứ nhất. Đối với nội thọ, an trụ quán theo thọ; đối với ngoại thọ, an trụ quán theo thọ; đối với nội ngoại thọ, an trụ quán theo thọ, đầy đủ chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ tham ái ở đời, an trụ thọ, quán tập; an trụ thọ, quán diệt; do đó đối với thọ, an trụ quán theo thọ; an trụ thọ, quán tập; an trụ thọ, quán diệt, không có chỗ tựa, đối với các pháp thế gian, không có sự chấp thọ, đó là thứ hai. Đối với nội tâm, an trụ quán theo tâm; đối với ngoại tâm, an trụ quán theo tâm; đối với nội ngoại tâm, an trụ quán theo tâm, đầy đủ chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ tham ái ở đời, an trụ tâm, quán tập; an trụ tâm, quán diệt, do đó đối với tâm, an trụ quán theo tâm; an trụ tâm, quán tập; an trụ tâm, quán diệt, không có chỗ tựa, đối với các pháp thế gian, không có sự chấp thọ, đó là thứ ba. Đối với nội pháp, an trụ quán theo pháp; đối với ngoại pháp, an trụ quán theo pháp, đối với nội ngoại pháp, an trụ quán theo pháp, đầy đủ chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ tham ái ở đời, an trụ pháp, quán tập; an trụ pháp, quán diệt, do đó đối với pháp, an trụ quán theo pháp; an trụ pháp, quán tập; an trụ pháp, quán diệt, không

có chỗ tựa, đối với các pháp thế gian, không có sự chấp thọ, đó là thứ tư. Đó gọi là bốn niệm trụ".

Này Thiện Hiện! Thế nào gọi là **bốn chánh đoạn**?

Này Thiện Hiện! Vì khiến cho các **pháp ác bất thiện chưa sanh**, chẳng sanh, nên khởi phát ý muốn siêng năng tinh tấn, cảnh tĩnh tâm, giữ tâm, đó là thứ nhất. Vì khiến **pháp ác bất thiện đã sanh** đoạn diệt, nên phát khởi ý muốn siêng năng tinh tấn, cảnh tĩnh tâm, giữ tâm, đó là thứ hai. Vì khiến **pháp thiện chưa sanh được sanh** nên phát khởi ý muốn siêng năng tinh tấn, cảnh tỉnh tâm, giữ tâm, đó là thứ ba. Vì khiến **pháp thiện đã sanh đứng vững chẳng mất**, tu và tác chứng trí làm cho đầy đủ tăng trưởng rộng lớn, nên phát khởi ý muốn siêng năng tinh tấn, cảnh tỉnh tâm, giữ tâm, đó là thứ tư. Đó là bốn chánh đoạn*(3)*.

Này Thiện Hiện! Thế nào là **bốn thần túc**?

Này Thiện Hiện! **Dục** tam ma địa trọn nên đoạn hành *(do ước mong thành tựu tam ma địa nên đoạn được hành)*, tu tập thần túc, nương dựa nhàm, nương dựa lìa, nương dựa diệt, hồi hướng về xả, đấy là thứ nhất. **Cần** tam ma địa trọn nên đoạn hành *(do chuyên cần tu tập tam ma địa tròn đầy nên đoạn hành)*, tu tập thần túc, nương dựa nhàm, nương dựa lìa, nương dựa diệt, hồi hướng về xả, đấy là thứ hai. **Tấn** tam ma địa trọn nên đoạn hành *(do tinh tấn tu tập tam ma địa thành tựu)*, tu tập thần túc, nương dựa nhàm, nương dựa lìa, nương dựa diệt, hồi hướng về xả, đấy là thứ ba. **Quán** tam ma địa trọn nên đoạn hành *(do tư duy tam ma địa đầy đủ nên đoạn được hành)*, tu tập thần túc, nương dựa nhàm, nương dựa lìa, hồi hướng về xả, đấy là thứ tư. Đó gọi là bốn thần túc.

Này Thiện Hiện! Những gì gọi là **năm căn**?

Này Thiện Hiện! Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Đó là năm căn.

Này Thiện Hiện! Những gì là **năm lực**?

Này Thiện Hiện! Tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Đó gọi là năm lực.

Này Thiện Hiện! Những gì gọi là **bảy giác chi**?

Này Thiện Hiện! Niệm đẳng giác chi, trạch pháp đẳng giác chi, tinh tấn đẳng giác chi, hỷ đẳng giác chi, khinh an đẳng giác chi, định đẳng giác chi, xả đẳng giác chi. Đó gọi là bảy chi đẳng giác.

Này Thiện Hiện! Những gì gọi là **tám chi Thánh đạo**?

Này Thiện Hiện! Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là tám chi Thánh đạo.

- Hoặc khuyên tu hành **tam giải thoát môn**: Không, vô tướng, vô nguyện;
- Hoặc khuyên tu hành **tám giải thoát**;
- Hoặc khuyên tu hành **tám thắng xứ**, chín thứ đệ định, mười biến xứ;
- Hoặc khuyên tu hành **thập Ba la mật**: Bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát Nhã, phương tiện xảo, nguyện, lực, trí Ba la mật;
- Hoặc khuyên an trụ **khổ Thánh đế**, hoặc khuyên an trụ tập, diệt, đạo Thánh đế.
- Hoặc khuyên an trụ **18 pháp không**: Nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tế không, tán không, vô biến dị không, bổn tánh không, tự tướng không, cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không;
- Hoặc khuyên an trụ chơn như hoặc khuyên **an trụ pháp giới**, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghì giới;
- Hoặc khuyên tu hành tất cả **Đà la ni môn, Tam ma địa môn**;
- Hoặc khuyên tu hành **Bồ Tát thập địa**: Cực hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm huệ địa, Cực nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện huệ địa, Pháp vân địa;
- Hoặc khuyên tu hành **năm nhãn**: 1. Nhục nhãn, 2. Thiên nhãn, 3. Huệ nhãn, 4. Pháp nhãn, 5. Phật nhãn;
- Hoặc khuyên tu hành **sáu thần thông**: 1. Thần túc thông, 2. Thiên nhĩ thông, 3. Tha tâm thông, 4. Túc mệnh thông, 5. Thiên nhãn thông, 6. Lậu tận thông;

- Hoặc khuyên tu hành **Như lai mười lực**: 1: Tri thị xứ phi xứ trí lực; 2: Tri tam thế nghiệp báo trí lực; 3: Tri chư thiên giải thoát tam muội trí lực; 4: Tri chúng sanh tâm tánh trí lực; 5: Tri chủng chủng giải trí lực; 6: Tri chủng chủng giới trí lực; 7: Tri nhất thiết sở đạo trí lực; 8: Tri thiên nhãn vô ngại trí lực; 9: Tri túc mạng vô lậu trí lực và 10: Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực;

- Hoặc khuyên tu hành **4 vô sở úy**: 1. Nhất thiết trí vô sở úy, 2. Lậu tận vô sở úy, 3. Thuyết chướng đạo vô sở úy, 4. Thuyết tận khổ đạo vô sở úy;

- Bốn trí vô ngại: Pháp vô ngại trí, nghĩa vô ngại trí, từ vô ngại trí và lạc thuyết vô ngại trí;

- Đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả;

- Mười tám pháp Phật bất cộng là 18 pháp chỉ đấng Như Lai mới có, A la hán và Duyên giác không có, cũng gọi là Thập bát bất cụ pháp, gồm: 1- Thân vô thất *(Thân không có lỗi)*, 2- Khẩu vô thất *(Lời nói không có lỗi)*, 3- Niệm vô thất *(Ý tưởng không có lỗi)*, 4- Vô dị tưởng *(Không có tư tưởng khác biệt)*, 5- Vô bất định tâm *(Tâm thường an định)*, 6- Vô bất tri dĩ xả *(Rõ biết tất cả mọi chuyện nhưng đều buông bỏ)*, 7- Dục vô diệt *(Lòng mong muốn cứu độ chúng sanh không dứt mất)*, 8- Tinh tấn vô diệt *(Sự tinh tấn cứu độ chúng sanh không dứt mất)*, 9- Niệm vô diệt *(Đối với Chánh pháp của ba đời chư Phật, tất cả trí tuệ đều đầy đủ, không có sự thối chuyển)*, 10- Huệ vô diệt *(Trí tuệ đầy đủ không cùng tận)*, 11- Giải thoát vô diệt *(Có đủ hai loại giải thoát là giải thoát hữu vi và giải thoát vô vi, dứt trừ hoàn toàn mọi phiền não)*, 12- Giải thoát tri kiến vô diệt *(Đối với Giải thoát tri kiến trí tuệ sáng suốt, phân biệt vô ngại)*, 13- Nhất thiết thân nghiệp tùy trí tuệ hành *(Hết thảy nghiệp của thân được thực hành theo trí tuệ)*, 14- Nhất thiết khẩu nghiệp tùy Trí tuệ hành *(Hết thảy nghiệp của lời nói được thực hành theo trí tuệ)*, 15- Nhất thiết ý nghiệp tùy trí tuệ hành *(Hết thảy nghiệp của ý được thực hành theo trí tuệ)*, 16- Trí tuệ tri quá khứ thế vô ngại *(Trí tuệ rõ biết đời quá khứ không ngăn ngại),* 17- Trí tuệ tri vị lai thế vô ngại *(Trí tuệ rõ biết đời vị lai không ngăn ngại)*, 18- Trí tuệ tri hiện tại thế vô ngại *(Trí tuệ rõ biết đời hiện tại không ngăn ngại)*;

- Hoặc khuyên tu hành pháp **vô vong thất**;

- Hoặc khuyên tu hành **tánh hằng trụ xả**;

- Hoặc khuyên tu hành **Nhất thiết trí; hoặc khuyên tu hành Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí**;

- Hoặc khuyên tu hành **32 tướng đại sĩ**;
- Hoặc khuyên tu hành **80 tướng tùy hảo**;
- Hoặc khuyên tu hành quả **Dự lưu; quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề;**
- Hoặc khuyên tu hành tất cả **Bồ Tát hạnh**;
- Hoặc khuyên tu hành quả vị **Giác ngộ tối cao**.

Tất cả các thiện pháp vô lậu nêu trên đều gọi là Thánh pháp xuất thế gian. *(Q.380, ĐBN)*

(Tất cả pháp tu thế gian và Thánh pháp xuất thế gian dưới chương mục của phẩm này mà Đức Phật gọi chung là các thiện pháp, các pháp mầu Phật đạo, các pháp hi hữu, tư lương Bồ đề Bồ Tát hay Bồ Tát đạo, còn gọi là các pháp thật tu thật chứng... được Kinh nhắc đi nhắc lại hàng trăm, hàng ngàn lần từ đầu tới cuối đại phẩm này. Vì tánh cách quan trọng của nó trong viêc tu tập và hành trì Bát Nhã nên chúng tôi phải tách riêng ra và đúc kết thành một phần riêng gọi là ***phần thứ I Tổng luận****, một trong ba phần chính của thiên Tổng luận này. Tới đây, chúng tôi nghĩ các đạo hữu thầm hiểu bố cục của thiên Tổng luận này. Vậy, xin Các thiện hữu có thể quay lại phần thứ I Tổng luận tham khảo nếu có thắc mắc).*

2. Bản chất hay thật tánh tất cả pháp:

1- Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tự tánh của tất cả pháp, tất cả hữu tình rốt ráo đều chẳng thể nắm bắt được; thì tại sao đại Bồ Tát phải tu hành lục Ba la mật? Tại sao đại Bồ Tát phải tu hành bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc? Tại sao đại Bồ Tát phải tu hành 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao?

- Bạch Thế Tôn! Tất cả hữu tình đều **chẳng thể nắm bắt** được; **sự an lập***(4)* **của hữu tình cũng chẳng thể nắm bắt** được. Vì tất cả hữu tình chẳng thể nắm bắt được nên sắc chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì tất cả hữu tình chẳng thể nắm bắt được nên 12 xứ, 18 giới chẳng thể nắm bắt được. Vì tất cả hữu tình chẳng thể nắm bắt được, nên 12 nhân duyên chẳng thể nắm bắt được. Vì tất cả hữu tình chẳng thể nắm bắt được nên bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật cũng chẳng thể

nắm bắt được. Vì tất cả hữu tình chẳng thể nắm bắt được nên tứ thiền, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì tất cả hữu tình chẳng thể nắm bắt được nên 32 tướng Đại sĩ, 80 vẻ đẹp phụ thuộc cũng chẳng thể nắm bắt được.

- Bạch Thế Tôn! Trong cái chẳng thể nắm bắt được; không có hữu tình, không có sự an lập hữu tình; không có sắc, không có sự an lập sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức, không có sự an lập thọ, tưởng, hành, thức; không có 12 xứ, không có 18 giới, không có sự an lập 12 xứ, 18 giới; nói chung không có tất cả pháp Phật, cũng không có sự an lập tất cả pháp Phật.

- Bạch Thế Tôn! Tất cả hữu tình, pháp và sự an lập đều bất khả đắc, đều vô sở hữu, đại Bồ Tát làm sao khi hành Bát Nhã vì các hữu tình tuyên nói các pháp? Đừng cho rằng đại Bồ Tát tự an trụ pháp bất chánh, vì các hữu tình nói pháp bất chánh, khuyên các hữu tình an trụ pháp bất chánh, dùng pháp điên đảo an lập hữu tình. Vì sao? Vì đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã chẳng đắc Bồ đề, huống có Bồ đề pháp có thể đắc, chẳng đắc đại Bồ Tát, huống là có pháp đại Bồ Tát để có thể đắc?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói. **Tất cả hữu tình đều bất khả đắc, sự an lập hữu tình cũng bất khả đắc. Tất cả pháp đều bất khả đắc, sự an lập tất cả pháp cũng bất khả đắc. Do bất khả đắc, nên hoàn toàn vô sở hữu. Vì vô sở hữu nên biết nội không, nên biết ngoại không, nội ngoại không… cho đến vô tánh tự tánh cũng không. Nên biết chơn như không, nên biết pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế… cũng không.** Nên biết Thánh đế khổ không, nên biết Thánh đế tập, diệt, đạo cũng không. Nên biết sắc không, nên biết thọ, tưởng, hành, thức không. Nên biết 12 xứ, 18 giới không. Nên biết tứ thiền bát định, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cũng không. Nên biết nghiêm tịnh tất cả cõi Phật không, nên biết thành thục hữu tình cũng không. Nên biết ba 32 tướng Đại sĩ không, nên biết 80 vẻ đẹp phụ thuộc cũng không.

Này Thiện Hiện! **Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, thấy tất cả pháp đều không rồi, vì các hữu tình tuyên thuyết các pháp,**

khiến lìa điên đảo; tuy vì hữu tình tuyên thuyết các pháp nhưng đối với hữu tình hoàn toàn không có sở đắc, đối với tất cả pháp cũng không có sở đắc, đối với các tướng không chẳng tăng, chẳng giảm, không thủ, không xả. Do nhân duyên ấy, tuy thuyết các pháp nhưng không có sở thuyết.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, đối với tất cả pháp khi quán như thế, chứng được vô chướng ngại trí. Do trí này nên chẳng hoại các pháp, không phân biệt hai, vì các hữu tình như thật tuyên thuyết, khiến lìa chấp trước vọng tưởng điên đảo, tùy theo căn cơ mà đạt quả tam thừa. *(Q.381, ĐBN)*

2- Lại nữa, Thiện Hiện! Thí dụ có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hóa thành một hóa Phật, rồi vị hóa Phật này lại có thể hóa làm vô lượng trăm ngàn triệu ức chúng sanh. Khi ấy, vị hóa Phật kia khuyên bảo răn dạy số chúng sanh đã hóa ra ấy hoặc tu hành bố thí Ba la mật, hoặc tu hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự hoặc Bát nhã Ba la mật, hoặc tu hành tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao, thì khi ấy vị hóa Phật và chúng sanh được hóa ra đối với các pháp **có phân biệt, có phá hoại các pháp được chăng**?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không! Dĩ nhiên, người được biến hóa không thể phân biệt được!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Do nhân duyên đây phải biết đại Bồ Tát cũng lại như thế. Hành Bát Nhã thậm thâm, vì các hữu tình như thật thuyết pháp dù chẳng phân biệt phá hoại pháp tướng mà năng như thật an lập hữu tình, khiến kia an trụ ở bậc nên trụ; tuy đối với hữu tình và tất cả pháp hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được nhưng khiến hữu tình giải thoát vọng tưởng điên đảo chấp trước, lấy bản tánh không buộc không mở của các pháp làm phương tiện vậy**. Vì sao? Vì **bản tánh sắc không buộc không mở**. Bản tánh thọ, tưởng, hành, thức cũng không buộc mở. Nếu bản tánh của sắc không buộc không mở thời chẳng phải sắc; nếu bản tánh thọ, tưởng, hành,

thức không buộc không mở thời chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì **sắc cho đến thức rốt ráo tịnh** vậy. *(Q. 381, ĐBN)*

- Này Thiện Hiện! Bản tánh của 12 xứ, 18 giới không buộc không mở; bản tánh của tất cả pháp Phật từ hành tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cũng không buộc không mở. Nếu bản tánh của tất cả pháp Phật không buộc không mở thì chẳng phải là tất cả pháp Phật. Vì sao? Vì 12 xứ, 18 giới cho đến **tất cả pháp Phật rốt ráo tịnh** vậy.

"Bản tánh của pháp thế gian không buộc không mở, bản tánh của pháp xuất thế gian cũng không buộc không mở; bản tánh của pháp thế gian không buộc không mở thì chẳng phải là pháp thế gian, bản tánh của pháp xuất thế gian không buộc không mở thì chẳng phải là pháp xuất thế gian. Vì sao? Vì pháp thế gian, pháp xuất thế gian rốt ráo tịnh". *(Q.382, ĐBN)*

3- Này Thiện Hiện! Như vậy, Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, tuy vì hữu tình tuyên thuyết các pháp nhưng đối với hữu tình và các pháp tánh hoàn toàn **không có sở đắc**. Vì sao? Vì các hữu tình và tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, **lấy vô sở trụ làm phương tiện**, nên an trụ trong cái vô sở đắc của tất cả pháp, nghĩa là lấy vô sở trụ làm phương tiện nên không an trụ ở sắc, không an trụ ở thọ, tưởng, hành, thức; không an trụ ở 12 xứ, 18 giới; không an trụ ở 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến không an trụ kể cả quả vị Giác ngộ tối cao.

- Này Thiện Hiện! Sắc vô sở trụ, thọ tưởng hành thức cũng vô sở trụ, tất cả pháp cũng đều vô sở trụ. Sắc không vô sở trụ; thọ tưởng hành thức không vô sở trụ, tất cả pháp không cũng vô sở trụ. Vì sao? Vì sắc vô tự tánh bất khả đắc, thọ tưởng hành thức vô tự tánh bất khả đắc; tất cả pháp vô tự tánh bất khả đắc. Sắc không vô tự tánh bất khả đắc, thọ tưởng hành thức không cũng vô tự tánh bất khả đắc; **tất cả pháp không vô tự tánh bất khả đắc**. Vì chẳng phải tất cả pháp không, vô tự tánh, bất khả đắc mà có chỗ trụ vậy.

Trụ chỗ vô sở trụ mới gọi là chính trụ.

Pháp thế gian vô sở trụ, pháp xuất thế gian cũng vô sở trụ. Pháp thế gian không vô sở trụ, pháp xuất thế gian không cũng vô sở trụ. Vì sao? Vì pháp thế gian vô tự tánh bất khả đắc, pháp xuất thế gian cũng vô tự tánh bất khả đắc. Rồi chính pháp thế gian không, vô tự tánh bất khả đắc, pháp xuất thế gian không cũng vô tự tánh bất khả đắc. Chẳng phải tất cả pháp, pháp không, pháp vô tự tánh bất khả đắc mà có chỗ trụ vậy. Trụ chỗ vô sở trụ mới gọi là trụ!

- Này Thiện Hiện! Chẳng phải pháp vô tánh trụ pháp vô tánh, chẳng phải pháp hữu tánh trụ pháp hữu tánh. Chẳng phải pháp tự tánh trụ pháp tự tánh, chẳng phải pháp tha tánh trụ pháp tự tánh, chẳng phải pháp tự tánh trụ pháp tha tánh. Vì sao? Vì tất cả pháp này đều bất khả đắc. Pháp bất khả đắc trụ ở đâu? Như vậy, đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã như thế, đem cái "Không" này mà tu khiển các pháp, rồi như thật chỉ dạy cho chúng hữu tình.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát thường hành Bát Nhã như thế, đối Phật, Bồ Tát, Độc giác, Thanh văn, tất cả Thánh chúng đều không có lỗi. Vì sao? Chư Phật, Bồ Tát, Độc giác, Thanh văn, tất cả Thánh chúng đối pháp tánh này đều **năng tùy giác**. Đã tùy giác rồi, vì các hữu tình tuyên nói không trái. **Tuy vì các hữu tình tuyên nói các pháp mà <u>đối pháp tánh không chuyển không vượt</u>**. Vì sao? **Vì thật tánh các pháp tức chơn như, pháp giới. Chơn như, pháp giới như thế đều chẳng khá chuyển khá vượt. Vì sao? Vì chơn như, pháp giới như thế đều vô tự tánh thì làm thế nào có chuyển có vượt?**

4- Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu chơn như, pháp giới chân thật không chuyển, không vượt thì sắc cùng với chơn như, pháp giới có khác chăng? Thọ, tưởng, hành, thức cùng với chơn như, pháp giới có khác chăng? 12 xứ, 18 giới cùng với chơn như, pháp giới có khác chăng? Tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cùng với chơn như, pháp giới có khác chăng? Pháp thế gian cùng với chơn như, pháp giới có khác chăng? Pháp xuất thế gian cùng với chơn như, pháp giới có khác chăng?

Phật dạy:

- Không! **Sắc chẳng khác chơn như, pháp giới; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng khác chơn như, pháp giới**; 12 xứ, 18 giới cũng chẳng khác chơn như, pháp giới; tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao chẳng khác chơn như, pháp giới; pháp thế gian chẳng khác chơn như, pháp giới; pháp xuất thế gian cũng chẳng khác chơn như, pháp giới.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu sắc chẳng khác chơn như, pháp giới; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng khác chơn như, pháp giới; nếu 12 xứ, 18 giới chẳng khác chơn như, pháp giới; nếu 12 xứ, 18 giới cũng chẳng khác chơn như, pháp giới v.v… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao chẳng khác chơn như, pháp giới. Nếu pháp thế gian chẳng khác chơn như, pháp giới; nếu pháp xuất thế gian cũng chẳng khác chơn như, pháp giới, **thì làm sao Thế Tôn an lập hắc pháp xấu xa, chiêu cảm quả báo mà bị rơi vào địa ngục hay đầu thai thành súc sanh, quỷ giới; thì làm sao Thế Tôn an lập bạch pháp*(5)* tốt đẹp để được hưởng phước báo, sanh trong cõi người trời…?**

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Căn cứ vào tục đế an lập nhân quả sai biệt như thế, chẳng căn cứ vào thắng nghĩa; trong thắng nghĩa đế, chẳng thể nói có nhân quả sai biệt. Vì sao? Vì trong thắng nghĩa, tất cả pháp tánh *(tánh tất cả pháp)* chẳng thể phân biệt, vô thuyết vô thị *(không thuyết, không chỉ)*, làm sao có nhân quả sai khác được.

- Này Thiện Hiện! Trong thắng nghĩa đế, sắc không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh; thọ, tưởng, hành, thức cũng không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì tất cánh không*(6)*, vô tế không*(7)*; trong thắng nghĩa đế, 12 xứ, 18 giới không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì tất cánh không, vô tế không; trong thắng nghĩa đế, cho đến tất cả pháp Phật cũng không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì tất cánh không, vô tế không; trong thắng nghĩa đế, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi cũng không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì tất cánh không, vô tế không.

“Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu y cứ vào tục đế, an lập nhân quả sai biệt, chẳng y cứ vào thắng nghĩa đế thì tất cả phàm phu ngu si đáng lẽ đều là Dự lưu, hoặc đáng lẽ có quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A la hán, hoặc quả vị Độc giác, hay quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Theo ý ông: Tất cả phàm phu ngu si thật biết thế tục và thắng nghĩa đế chăng? Nếu như thật biết thì đáng lẽ họ là Dự lưu, đáng lẽ có quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, hoặc quả vị Độc giác, hay quả vị Giác ngộ tối cao. Nhưng các phàm phu ngu si chẳng thật biết thế tục và thắng nghĩa đế, không biết Thánh đạo, không tu Thánh đạo thì làm sao họ được Thánh quả sai biệt? Chỉ bậc Thánh có khả năng như thật biết thế tục và thắng nghĩa đế, biết có Thánh đạo, có tu Thánh đạo. Vì vậy, mới đắc Thánh quả sai biệt.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tu Thánh đạo thì có đắc Thánh quả chăng?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Không! Chẳng phải tu Thánh đạo có thể đắc Thánh quả, cũng chẳng phải chẳng tu Thánh đạo có thể đắc Thánh quả, chẳng phải lìa Thánh đạo có thể đắc Thánh quả, cũng chẳng phải trụ trong Thánh đạo có thể đắc Thánh quả. Vì sao? Này Thiện Hiện! **Vì trong thắng nghĩa đế, đạo và đạo quả chẳng thể nắm bắt được**. *(Q.383, ĐBN)*

Này Thiện Hiện! Như thế, đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, tuy vì hữu tình an lập Thánh quả có nhiều bậc sai biệt, mà chẳng phân biệt Thánh quả như thế ở cảnh giới hữu vi hay cảnh giới vô vi an lập sai khác.

- Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng phân biệt Thánh quả như thế ở cảnh giới hữu vi hoặc cảnh giới vô vi mà an lập sai biệt thì tại sao Thế Tôn nói dứt ba gút*(8)* gọi quả Dự lưu, mỏng dục tham sân gọi quả Nhất lai, dứt thuận hạ phần*(9)* năm gút gọi quả Bất hoàn, dứt thuận thượng phần*(10)* năm gút gọi là A la hán, khiến bao nhiêu pháp nhóm đều thành pháp diệt gọi là Độc giác Bồ đề, dứt hẳn tất cả tập khí nối nhau gọi là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề? Vậy, làm sao con biết nghĩa Phật đã nói là chẳng phân biệt Thánh quả như thế ở cảnh giới hữu vi hoặc cảnh giới vô vi mà an lập sai biệt?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Theo ý ông: Các Thánh quả đã nói là quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, quả vị Độc giác, quả vị Giác ngộ tối cao, như thế là Thánh quả hữu vi hay là Thánh quả vô vi?

Thiện Hiện đáp:

- Thánh quả như thế đều là vô vi, chẳng phải là hữu vi.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Trong pháp vô vi, có phân biệt chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? **Nếu thiện nam thiện nữ thông đạt tất cả hữu vi, vô vi đều đồng một tướng, đó là vô tướng, thì thiện nam thiện nữ ấy, ngay lúc đó, đối với các pháp có phân biệt đây là hữu vi, hoặc vô vi chăng?**

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát cũng lại như thế, khi hành Bát Nhã thậm thâm, tuy vì hữu tình tuyên thuyết các pháp nhưng **chẳng phân biệt pháp tướng đã thuyết**, đó là pháp không nội, pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, hoặc pháp không không… cho đến pháp không không tánh tự tánh.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, **đối với các pháp không có chấp trước**, cũng luôn dạy người đối với các pháp không chấp trước, đó là đối với bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật hoặc đối với 4 thiền 4 định, 37 pháp trợ đạo; 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao, đều không chấp trước. Vì không chấp trước nên đối với tất cả xứ đều được vô ngại. Như hóa Phật mà chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hóa ra, tuy hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật được đắc quả, nhưng đối với quả ấy chẳng thọ, chẳng trước, chỉ vì hữu tình ban Niết bàn; tuy hành tất cả các thiện pháp, nhưng đối với các quả do tu hành mà được, cũng chẳng thọ, chẳng trước, chỉ vì hữu tình mà ban Niết bàn.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát cũng giống như thế, khi hành Bát Nhã thậm thâm đối với tất cả pháp hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi... đều vô sở trụ, vô chướng ngại. Vì sao? Vì hoàn toàn như đạt thật tướng của tất cả pháp vậy". *(Q. 383, ĐBN)*

Thích nghĩa:

(1). Theo bản dịch ĐBN đã củ soát đăng trong thuvienhoasen.org thì phẩm "Các Tướng Công Đức" bắt đầu từ cuối quyển 379. Còn theo tuvienquangduc.com thì phẩm "Các Tướng Công Đức" bắt đầu từ quyển 380. Theo bản gốc bằng chữ Hán đăng trong hoavouu.com thì bản củ soát trong thuvienhoasen.org theo đúng bản chữ Hán hơn. Sở dĩ, hai bản dịch có sai khác như vậy là ***vì bản gốc bằng chữ Hán không phân chia rõ ràng như cách trình bày theo lối Tây Âu ngày nay****. Chúng tôi phần lớn tóm lược Kinh này, lấy bản đã củ soát trong thuvienhoasen.org hay quangduc.com hay bản gốc trong tuvienquangduc.com phối hợp tham chiếu, nếu có thắc mắc chúng tôi tham thảo thêm bản chữ Hán. Tuy nhiên, xin các đạo hữu đừng quá chú trọng vào hình thức mà quên đi ý Kinh. Nói như vậy cũng không đúng lắm, vì nếu chiết giải một phẩm mà cắt đầu thêm đuôi, lẫn lộn quyển nọ với quyển kia, chắc chắn sẽ làm sai lạc ý Kinh. Chúng tôi, người tóm lược và chiết giải Kinh phải có bổn phận trình bày cho đúng với Kinh sách để khỏi bị thất thố.*

(2). Thập tưởng: (十想) *Chỉ cho 10 tư tưởng hoặc 10 điều phải quán tưởng. Đó là:* ***1-Vô thường*** *tưởng: Quán xét tất cả các pháp hữu vi luôn luôn sinh diệt, vô thường biến hoại.* ***2- Khổ tưởng****: Quán xét tất cả pháp hữu vi là vô thường, luôn bị 3 khổ, 8 khổ bức bách.* ***3- Vô ngã tưởng:*** *Quán tưởng tất cả pháp là khổ, cũng không tự tại, đều do nhân duyên sinh và không có tự tính, cho nên là vô ngã.* ***4- Thực bất tịnh tưởng****: Quán tưởng tất cả thức ăn uống của thế gian đều từ các nhân duyên nhơ nhớp sinh ra, tất thảy là vật bất tịnh.* ***5- Nhất thiết thế gian bất khả lạc tưởng****: Quán tưởng tất cả thế gian không có một điều gì là vui thú, chỉ toàn là tội lỗi, xấu ác.* ***6- Tử tưởng****: Quán tưởng về cái chết.* ***7- Bất tịnh tưởng****: Quán tưởng 36 vật bên trong thân con người và 9 cái lỗ ở ngoài thân đều bài tiết ra những thứ hôi thối, nhớp nhúa.* ***8- Đoạn tưởng****.* ***9- Ly dục tưởng****.* ***10- Tận tưởng****. Ba tưởng sau cùng là quán tưởng được Bồ đề Niết*

bàn, đoạn trừ phiền não, lìa bỏ cõi mê sống chết và dứt hết hoặc nghiệp sinh tử. Về sự đồng dị giữa Thập tưởng và Cửu tướng quán (tức Cửu tưởng, là 9 pháp quán bất tịnh về xác chết của con người nhằm diệt trừ tham dục) thì luận Đại trí độ quyển 21 có nêu ra nhiều thuyết. Có thuyết cho rằng Cửu tướng quán chưa được thiền định, vẫn còn bị dâm dục ngăn che, còn Thập tưởng thì có năng lực diệt trừ 3 độc như dâm dục... Hoặc cho rằng Cửu tướng quán là sơ học, còn Thập tưởng là thành tựu. Hoặc có thuyết chủ trương Thập tưởng và Cửu tướng quán đồng là lìa dục, đều là Niết bàn. Cũng có thuyết cho rằng Cửu tướng quán là nhân, còn Thập tưởng là quả. Lại có thuyết chủ trương Cửu tướng quán là môn ngoài, mà Thập tưởng là môn trong. - Phật Quang từ điển.

(3). Bốn niệm trụ và bốn chánh đoạn: Vì 2 pháp tu này thường lẫn lộn, khó nhớ nên ghi lại nguyên văn của Kinh ĐBN, để lưu ý các đạo hữu!

(4). An lập: (安立) *Tức là bày đặt các nghĩa sai biệt. Cũng tức là dùng lời nói, danh tướng để phân biệt các sự vật khác nhau. Trái lại là phi an lập. Phi an lập là vượt lên trên sự sai biệt tương đối, không dùng lời nói và danh tướng để bày tỏ. Duy Thức Nhị Thập Luận Thuật Ký quyển thượng có nêu lên bốn nghĩa an lập, tức là: 1- An trí, là đối với sự lý đã tồn tại, thành lập cái căn cứ tồn tại của sự lý ấy, cũng gọi là kiến lập, thành lập. 2- Thi thiết, là dùng đạo lý rộng rãi đặt bày cái lý thú của giáo pháp. 3- Khai diễn, đối với thuyết cũ đã nói rồi, thì nói thêm cho rộng ra. 4- Khả kiến, là đối với cảnh giới thuộc pháp tính đã dứt mọi đường nói năng tư lự, thì đem giáo lý tương xứng và dùng lời nói có thể thông suốt cảnh giới ấy để miêu tả. Cũng sách đã dẫn, bảo luận sư Trần Na gọi chung Năng lập, Năng phá đều là an lập; tức hay lập thuyết Đại thừa Duy Thức của tông mình, hay phá luận chấp trước hữu cảnh của tông người, cho nên gọi là An lập. Lại theo luận Đại Tì bà sa quyển 121, thì an lập quả, nghĩa là dựa vào phong luân mà an lập thủy luân, lại dựa vào thủy luân mà an lập kim luân, rồi cứ như thế mà an lập đại địa cho đến an lập tất cả hữu tình, vô tình; cũng tức là cái kết quả được an lập trên một cơ sở nào đó, gọi là An lập quả.* ***Ở đây, an lập là nghĩa an trí, kiến lập, tương đương với nghĩa thành lập trong Duy Thức Nhị Thập Luận Thuật Kí****. Ngoài ra, đối với bản chất của chân như (lý chân đế), đặt bày những lời nói danh tướng khác nhau để giải thích, gọi là An lập đế; còn lìa tất cả lời nói, danh tướng, do lập trường siêu việt tuyệt đối mà thể ngộ lý chân như,*

thì gọi là Phi an lập đế. Luận Thành Duy Thức quyển 9 nói, trong Tướng Kiến Đạo, nếu quán Phi an lập đế, thì có ba phẩm tâm, mà nếu duyên theo An lập đế, thì có mười sáu tâm. Lại Đại Thừa Pháp Uyển Nghĩa Lâm Chương quyển 2 phần cuối, bảo bốn loại Thế tục đế thuộc về An lập đế, mà trong bốn loại Thắng nghĩa đế thì ba loại trước cũng thuộc An lập đế, chỉ có loại sau cùng là Thắng nghĩa đế thuộc Phi an lập đế mà thôi. - Phật Quang tự điển.

Nói nôm na an lập hay thiết lập, thiết định là các giáo lý (có tánh cách qui ước) mô tả về thực tại được tạo lập nhất thời bằng ngôn ngữ, qua đó, cho dù có siêu việt thực tại, nhưng vẫn là thứ được thiết định tạm thời (s: pratisthā, pratisthita, ropana, vyavasthāna, sanniveśa).

(5). Hắc pháp và bạch pháp: Hắc pháp là chỉ cho các pháp xấu ác hoặc các pháp hữu lậu bất thiện. Bạch pháp là chỉ chung các thiện pháp, pháp lành, các thiện pháp vô lậu, trái với hắc pháp kể trên.

*(6). Tất Cánh Không: **Tất cánh** (atyanta)cũng gọi cứu cánh, rốt ráo, tối hậu, tuyệt đối. **Tất Cách Không** (Atyanta-sunyata): Cái Không tối hậu, cái Không tuyệt đối. Thí dụ: Chân lý thanh tịnh tuyệt đối (Niết bàn, thật tướng, tánh không...) xa lìa phiền não ô nhiễm thì gọi là Tất cánh tịnh.*

*(7). Vô Tế Không: **Vô tế** (Anavaragra) không có giới biên; **Vô Tế Không** (Anavaragra-sunyata): Cái Không không biên tế, cái Không của biên tế cũng không nốt.*

Tất Cánh Không và Vô Tế Không là hai pháp không trong 18 pháp không (sunyata) do Bát Nhã đề xướng.

(8). Gút, kết hay kiết là sự trói buộc, chỉ cho phiền não.

(9). Ngũ thuận hạ phần kết (五下分結) *Phạm: Paĩca-àvarahàgìya-saôyo= janàni. Gọi tắt: Ngũ hạ kết. Đối lại: Ngũ thượng phần kết. Chỉ cho 5 thứ kết hoặc (phiền não buộc chặt) thuận theo hạ phần giới, tức là 5 thứ kết hoặc thuộc hạ phần giới (cõi Dục) trong 3 cõi. Năm thứ kết hoặc này buộc chặt chúng sinh trong cõi Dục, khiến không thể nào thoát ra được. Ngũ hạ phần kết là: 1- Dục tham. 2- Sân khuể. 3- Hữu thân kiến. 4- Giới cấm thủ kiến. 5- Si. Đã thích nghĩa rồi.*

(10). Ngũ thuận thượng phần kết: (五上分結) *Phạm: Paĩcaùrdhvabhàgìyasaôyojanàni. Gọi tắt: Ngũ thượng kết. Năm thứ phiền não trói buộc chúng sinh ở 2 cõi Sắc và Vô sắc thuộc thượng phần giới,*

làm cho không ra khỏi được 2 cõi này. Đó là: 1- Sắc tham. 2- Vô sắc tham. 3- Điệu cử. 4- Mạn. 5- Vô minh. Đã thích nghĩa rồi.

Sơ giải:

Phần đầu của phẩm "Các Tướng Công Đức", liệt kê tất các pháp mầu Phật đạo hay còn gọi là 81 khoa danh tướng Bát Nhã mà chúng tôi gộp lại thành một phần riêng và biên soạn thành "phần thứ I Tổng luận", một trong ba phần chính của thiên Tổng luận này, tổng cộng hơn 160 trang, đã được thích nghĩa và lược giải rồi. Nên trong phần lược giải của phẩm này chúng tôi không trùng tuyên nữa.

Chúng ta, cố gắng tụng đọc các giáo lý của phần sau phẩm này mà thôi. Đây là tất cả giáo lý được xem là quan trọng trong việc hiểu biết bản tánh hay thật tánh tất cả pháp. Khi biết rõ thì hành trì Bát Nhã không khó.

*1. Tất cả pháp đều **không thể nắm bắt được**.*

Trong cái chẳng thể nắm bắt được; không có hữu tình, không có sự an lập hữu tình; không có sắc, không có sự an lập của sắc; không có thọ, tưởng, hành, thức, không có sự an lập của thọ, tưởng, hành, thức; không có 12 xứ, 18 giới, không có sự an lập của 12 xứ, 18 giới; nói rộng ra không có tất cả pháp Phật, cũng không có sự an lập của tất cả pháp Phật.

*Vì sao nói là không có sự an lập tất cả pháp Phật và sự an lập hữu tình? Vì an lập tất cả pháp và an lập hữu tình đều **bất khả đắc**. Do bất khả đắc, nên hoàn toàn **vô sở hữu**. Vì vô sở hữu nên biết nội không, ngoại không, nội ngoại không... cho đến vô tánh tự tánh cũng không. Nên biết chơn như không, nên biết pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế... cũng không. Nên biết tứ đế không, nên biết tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí... cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cũng không. Nên biết tất cả cõi Phật không, nên biết thành thục hữu tình, thanh tịnh Phật độ cũng không.*

*Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, thấy tất cả pháp đều không rồi, **vì các hữu tình tuyên thuyết các pháp, khiến lìa điên đảo**; tuy vì hữu tình tuyên thuyết các pháp nhưng đối với tất cả pháp cũng **không có sở đắc**, đối với hữu tình **không có sở đắc**, đối với tướng không cũng chẳng tăng chẳng*

giảm, chẳng thủ chẳng xả. Do nhân duyên ấy, tuy thuyết các pháp nhưng không có sở thuyết.

Đại Bồ Tát ấy, đối với tất cả pháp khi quán như thế, chứng được trí vô ngại. Do trí này nên chẳng hoại các pháp, không phân biệt hai vì hữu tình như thật tuyên thuyết, khiến lìa chấp trước vọng tưởng điên đảo, tùy theo căn cơ mà đạt quả Tam thừa.

Đây là quan điểm thiết yếu của Bát Nhã. Tất cả chư Phật chư Bồ Tát không an lập hữu tình. Hữu tình nương các bậc thang giáo lý mà tự vươn lên trong ánh sáng giác ngộ. Không ai có thể an lập cho ai cả. Vì vậy, Kinh luôn luôn nhắc tất cả các pháp vô sở hữu, bất khả đắc, các pháp là không... Và khi tuyên bố như vậy thì Kinh bảo bậc sơ học Đại thừa đừng kinh đừng khủng cũng đừng hoang mang hối tiếp.

2. Người được biến hóa không thể phân biệt.

Ví như có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hóa thành một hóa Phật, rồi vị hóa Phật này lại có thể hóa làm vô lượng trăm ngàn triệu ức chúng sanh. Khi ấy, vị hóa Phật kia khuyên bảo răn dạy số chúng sanh đã hóa ra ấy, hoặc tu hành lục Ba la mật hoặc tu hành tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao, thì khi ấy vị hóa Phật và chúng sanh được hóa ra đối với các pháp ***không có phân biệt,*** *nên không phá hoại các pháp. Vì người được biến hóa không thể phân biệt. Do nhân duyên đây phải biết đại Bồ Tát cũng lại như thế. Hành Bát Nhã thậm thâm, vì các hữu tình như thật thuyết pháp dù chẳng phân biệt phá hoại pháp tướng mà năng như thật an lập hữu tình, khiến họ an trụ bậc nên trụ; tuy đối với hữu tình và tất cả pháp hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được nhưng* ***khiến hữu tình giải thoát vọng tưởng điên đảo chấp trước****, lấy bản tánh không buộc không mở của các pháp làm phương tiện. Vì sao?*

Vì ***bản tánh sắc không buộc không mở;*** *bản tánh thọ, tưởng, hành, thức cũng không buộc mở. Nếu bản tánh của sắc không buộc không mở thời chẳng phải sắc; nếu bản tánh thọ, tưởng, hành, thức không buộc không mở thời chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì sắc cho đến thức* ***rốt ráo tịnh*** *vậy. Bản tánh của 12 xứ, 18 giới không buộc không mở; bản tánh của tất cả pháp Phật từ tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37*

pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cũng không buộc không mở. Nếu bản tánh của tất cả pháp Phật không buộc không mở thì chẳng phải là tất cả pháp Phật. Vì sao? Vì 12 xứ, 18 giới... cho đến tất cả pháp Phật ***rốt ráo tịnh*** *vậy.*

Bản tính của tất cả pháp cũng như thế, vì tất cả pháp đều bất khả đắc, bất khả đắc tức không thể nắm bắt được. Nếu không nắm bắt được thì vọng niệm điên đảo không sanh, hay nói khác là tâm thể tịch lặng. ***Khi tâm thể vắng lặng, thì thấy đâu đâu cũng cùng toàn một màu thanh tịnh:*** *Trời xanh vẫn là trời xanh, mây trắng vẫn là mây trắng, hòn núi kia ngàn năm vẫn là hòn núi cũ, không vì bản tánh của nó mà nói đẹp nói xấu, nói cao nói thấp, nói lớn nói nhỏ. Khi tâm lặng thì núi vẫn là núi, sông vẫn là sông. Tất cả người vật, trong ngoài đều thanh tịnh như nhau!*

Kinh nói: "Bản tánh của pháp thế gian không buộc không mở, bản tánh của pháp xuất thế gian cũng không buộc không mở; bản tánh pháp thế gian không buộc không mở thì chẳng phải là pháp thế gian, bản tánh pháp xuất thế gian không buộc không mở thì chẳng phải là pháp xuất thế gian. Vì sao? Vì pháp thế gian, pháp xuất thế gian rốt ráo tịnh vậy".

Khi Bồ Tát thâm nhập được pháp không, pháp như rồi thì thấy tất cả pháp đều như như bất động, tức thấy tất cả pháp đều bình đẳng, nên được thanh tịnh.

3. Bồ Tát lấy vô sở trụ làm phương tiện.

Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, ***lấy vô sở trụ làm phương tiện****, nghĩa là lấy vô sở trụ làm phương tiện nên không an trụ ở sắc; không an trụ ở thọ, tưởng, hành, thức; không an trụ ở 12 xứ, 18 giới... Hay nói tóm lại là không an trụ tất cả pháp Phật.*

Sắc vô sở trụ, thọ tưởng hành thức cũng vô sở trụ, tất cả pháp cũng đều vô sở trụ. Sắc không vô sở trụ; thọ tưởng hành thức không vô sở trụ, tất cả pháp không cũng vô sở trụ. Vì sao? ***Vì sắc vô tự tánh bất khả đắc****, thọ tưởng hành thức vô tự tánh bất khả đắc; tất cả pháp vô tự tánh cũng bất khả đắc. Sắc không vô tự tánh bất khả đắc, thọ tưởng hành thức không cũng vô tự tánh bất khả đắc; tất cả pháp không vô tự tánh bất khả đắc. Vì chẳng phải tất cả pháp không vô tự tánh, bất khả đắc mà có chỗ trụ. Vì*

trong không không có chỗ để bám víu. Không chỗ bám víu thì không thể trụ. ***Không chỗ trụ mới gọi là chơn trụ.***

Pháp thế gian vô sở trụ, pháp xuất thế gian cũng vô sở trụ. Pháp thế gian không vô sở trụ, pháp xuất thế gian không cũng vô sở trụ. Vì sao? Vì pháp thế gian vô tự tánh bất khả đắc, pháp xuất thế gian cũng vô tự tánh bất khả đắc. Rồi chính pháp thế gian không, vô tự tánh bất khả đắc, pháp xuất thế gian không cũng vô tự tánh bất khả đắc. Chẳng phải tất cả pháp không, pháp vô tự tánh bất khả đắc mà có chỗ trụ. Trụ chỗ vô sở trụ mới gọi là chân trụ! Vì sao?

Vì chẳng phải pháp vô tánh trụ pháp vô tánh, chẳng phải pháp hữu tánh trụ pháp hữu tánh. Chẳng phải pháp tự tánh trụ pháp tự tánh, chẳng phải pháp tha tánh trụ pháp tự tánh, chẳng phải pháp tự tánh trụ pháp tha tánh... Vì sao? Vì tất cả pháp này đều bất khả đắc. Pháp vô sở hữu bất khả đắc trụ ở đâu? Như vậy, đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã như thế, đem cái "không" này mà tu khiển các pháp, rồi như thật chỉ dạy chúng hữu tình.

Đại Bồ Tát thường hành Bát Nhã thậm thâm như thế, đối Phật, Bồ Tát, Độc giác, Thanh văn, tất cả Thánh chúng đều không có lỗi. Vì sao? Chư Phật, Bồ Tát, Độc giác, Thanh văn, tất cả Thánh chúng đối pháp tánh này ***đều năng tùy giác****. Đã tùy giác rồi, vì các hữu tình tuyên nói không trái ngược. Tuy vì các hữu tình tuyên nói các pháp mà đối pháp tánh không chuyển không vượt. Vì sao?* ***Vì thật tánh các pháp tức chơn như, pháp giới.*** *Chơn như, pháp giới như thế đều chẳng khá chuyển khá vượt. Vì sao? Vì chơn như, pháp giới như thế đều vô tự tánh, vô tự tánh cũng tức là không, thì làm thế nào có chuyển có vượt, có trụ được?*

4. Tất cả pháp cùng chơn như không khác:

Nếu chơn như, pháp giới chân thật không chuyển, không vượt thì uẩn, xứ, giới cùng với chơn như, pháp giới chẳng có sai khác. Pháp Phật, pháp thế gian, pháp xuất thế gian cùng với chơn như, pháp giới cũng chẳng có sai khác. ***Chư Phật căn cứ vào tục đế an lập nhân quả sai biệt như thế, chẳng căn cứ vào thắng nghĩa đế****. Trong thắng nghĩa, chẳng thể nói có nhân quả sai biệt. Vì sao? Vì trong thắng nghĩa, tất cả pháp tánh chẳng thể phân biệt, vô thuyết vô thị, làm sao có nhân quả sai khác được.*

Trong thắng nghĩa đế, sắc không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh; thọ, tưởng, hành, thức cũng không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, ***vì tất cánh không, vô tế không****. Trong thắng nghĩa đế, 12 xứ, 18 giới không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì tất cánh không, vô tế không. Trong thắng nghĩa đế, tất cả pháp Phật cũng không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì tất cánh không, vô tế không. Trong thắng nghĩa đế, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi cũng không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, vì tất cánh không, vô tế không.*

Phàm phu ngu si không thật biết Thế đế (còn gọi là tục đế - tương đối), không thật biết Thắng nghĩa đế (còn gọi là Chân đế - tuyệt đối), không thật biết Thánh đạo, nên không tu Thánh đạo thì làm sao được Thánh quả sai biệt. Chỉ có Thánh giả có khả năng như thật biết tục đế và thắng nghĩa đế, biết có Thánh đạo, có tu Thánh đạo, mới đắc Thánh quả sai khác.

Nhưng chẳng phải tu Thánh đạo có thể đắc Thánh quả, cũng chẳng phải chẳng tu Thánh đạo có thể đắc Thánh quả, chẳng phải lìa Thánh đạo có thể đắc Thánh quả, cũng chẳng phải trụ trong Thánh đạo có thể đắc Thánh quả. Vì sao? Vì trong thắng nghĩa đế, đạo và đạo quả chẳng thể nắm bắt được(bất khả đắc).

Như thế, đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã thậm thâm, tuy vì hữu tình an lập Thánh quả có nhiều bậc sai khác, mà chẳng phân biệt Thánh quả như thế ở cảnh giới hữu vi, cảnh giới vô vi sai khác.

Nếu thiện nam thiện nữ thông đạt tất cả pháp hữu vi, vô vi đều đồng nhất tướng, chỗ gọi là vô tướng, thì thiện nam thiện nữ ấy, ngay lúc đó, đối với các pháp không phân biệt. *Đại Bồ Tát cũng lại như thế, khi hành Bát Nhã, tuy vì hữu tình tuyên thuyết các pháp nhưng chẳng phân biệt pháp tướng đã thuyết, đó là pháp không nội, pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, hoặc pháp không không... cho đến pháp không không tánh tự tánh. Đại Bồ Tát ấy,* ***đối với các pháp không có chấp trước****, cũng luôn dạy người đối với các pháp không chấp trước, đó là đối với 6 pháp Ba la mật hoặc đối với tứ thiền bát định, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí... cho đến quả vị Giác ngộ tối cao, đều không chấp trước. Vì không chấp trước nên đối với tất cả thời xứ đều không ngăn ngại. Như hóa Phật mà chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hóa ra, tuy hành lục độ vạn hạnh được đắc quả, nhưng đối với quả ấy chẳng thọ,*

chẳng trước, chỉ vì hữu tình ban Niết bàn; tuy hành tất cả các thiện pháp, nhưng đối với các quả do tu hành mà được, cũng chẳng thọ, chẳng trước, chỉ vì hữu tình ban Niết bàn. Đại Bồ Tát cũng vậy khi hành Bát Nhã đối với tất cả pháp hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, vô vi, đều vô sở trụ, thì không còn ngăn ngại. Vì sao? Vì **hoàn toàn như đạt thật tướng của tất cả pháp** *vậy.*

Người nào đạt được thật tướng của tất cả pháp như vậy, người ấy chứng được chơn như, pháp giới hay nói khác là giác ngộ!

Tới đây chúng ta không còn lẫn lộn tại sao có lúc Phật thuyết uẩn xứ giới là hư ngụy đổi dời, chẳng thật v.v... Có khi Phật lại thuyết uẩn, xứ, giới cùng với chơn như, pháp giới chẳng có sai khác. Vì sao? Vì tất cả pháp là không, là như... nên Phật tùy theo Tục đế hay Đệ nhất nghĩa nên nói thế nọ hay thế kia. Nếu biết được chìa khóa này để thọ trì Bát Nhã, thì sớm được đạo nhãn.

Kết kuận:

Tất cả pháp Phật còn gọi là các pháp mầu Phật đạo đều được giải thích ở phần thứ I Tổng luận rồi. Nên ở đây, không có gì để nói thêm. Phần sau của phẩm này Kinh nhắc nhở: Tất cả pháp đều không, không thành-không hoại, không sanh-không diệt, không nhiễm-không tịnh, không thể nắm bắt, vô sở hữu, bất khả đắc. Nên không thủ, không xả, không trụ, không chứng, không đắc, không phân biệt, không chấp… Đó là những giáo lý thậm thâm của Đại Bát Nhã, được xiển dương và được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong toàn thể đại phẩm này.

Chỉ cần niệm rằng Bát nhã Ba la mật hay tất cả pháp Phật hay chư Phật chư Bồ Tát… không an lập cho ai hết. Chỉ có hữu tình không ai khác hữu tình, phải tự mình vươn lên trong ánh sáng giác ngộ. Đừng mong cầu nắm bắt, đừng nương vịn hay ỷ lại bất cứ giáo pháp nào dù pháp ấy được xem là thắng diệu nhất, chúng cũng chỉ bồi dưỡng phước đức thiện căn. Tu là tự mình lặn sâu vào trí năng của chính mình, tự vươn lên để giác ngộ, không ai có thể giúp mình, ngoài mình. Nên Cổ đức nói: "Cái gì từ ngoài vào không phải là gia bảo nhà ta".

"Các Tướng Công Đức" nêu trên được xem như một bản liệt kê các bậc thang giáo lý. Căn cứ vào kiếp sống hiện tại, với quán chiếu Bát Nhã

thì có thể suy ra trong quá khứ sống có tu hành, có tích tụ công đức thiện căn hay không? Cũng nhờ căn cứ vào đời sống hiện tại, chúng ta biết tương lai khổ vui sẽ thuộc vào cảnh giới nào trong thập giới?

Nếu trong hiện tại có đời sống tâm tối tàn ác sát nhân vô đạo, gây đau khổ cho người... chắc chắn sẽ bị đọa địa ngục; nếu tham lam, biển lận... chắc chắn sẽ đọa ngạ quỷ; nếu gian dâm vô độ... chẳng còn lương tâm, chắc chắn sẽ đọa vào loài súc sanh; nhiều sân hận thích tranh đoạt đánh đấm, máu lửa, thương yêu bênh bỏ vô chừng... chắc sẽ rơi vào hàng A tu la, quỷ dữ; nếu có đức độ hơn người, sống cuộc đời lành mạnh lại biết giữ 5 giới... kiếp sau trở lại làm người, có đời sống tốt đẹp, đạo đức hơn; nếu biết tu thập thiện, phần ít bố thí, trì giới, thiền định... thì được lên 25 cảnh giới cõi thiên; nếu đoạn một phần hay toàn phần kiến hoặc hay tư hoặc lại biết tu bốn Thánh đế thì đạt 4 quả Thanh văn; nếu chặt đứt 12 mắt xích nhân duyên, thoát sanh tử thì chứng Bích Chi Phật; nếu tu lục độ vạn hạnh, tu tất cả các pháp môn Phật học lại hy sinh nhiều đời kiếp cho toàn thể chúng sanh thì sẽ thành Bồ Tát, Phật.

Phật không đẩy ai xuống địa ngục, Phật cũng không đưa ai vào Niết Bàn, tất cả đều do mình quyết định. Nhờ pháp Phật mà có cái nhìn đúng, cái thấy biết đúng... tu theo chánh đạo thì thoát khỏi lục đạo luân hồi, thoát ly sanh tử... Tất cả là tùy thuộc ý chí, nghị lực của chính mình, không ai ngoài mình.

Tóm lại mà nói "Các Tướng Công Đức" là chìa khóa do Phật trao lại cho những người con Phật kể từ khi Phật giác ngộ. Hãy cố ôm lấy nó như phần thưởng to lớn nhất trong kiếp này, để thực thi hạnh nguyện sớm vuông tròn mà chứng pháp thân, xin đừng quên mất./.

---o0o---

69. PHẨM "CÁC PHÁP BÌNH ĐẲNG"

Cuối Q.383 cho đến đầu Q.386, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Thiện Đạt", cuối quyển thứ 27, Kinh MHBNBLMĐ)

Gợi ý:

Phẩm này chỉ nối tiếp phẩm trước là sau khi học các pháp công đức còn gọi là diệu pháp, các pháp hy hữu, các pháp mầu Phật đạo... thì làm sao có thể tiếp tục học vô lượng vô biên các pháp môn Phật học khác, để ***"hoàn toàn đạt được thật tướng của tất cả pháp"*** *xuyên qua mạn lưới trùng điệp của vạn hữu, phủ kín đôi mắt trần của thế gian.*

Phẩm này giải thích giáo nghĩa sâu xa của tất cả pháp đều không, đều là như, đều bình đẳng trong pháp giới. Chỉ có người nào tri nhận được chỗ này là nhập pháp giới, đạt ngộ mà phát sanh trí tuệ. Đây là một trong các phẩm quan trọng của Đại Bát Nhã trước khi Phật kết thúc pháp hội thứ I này.

Tóm lược:

(Tất cả pháp không có sở hành)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm sao đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thậm thâm, **đối với tất cả pháp hoàn toàn đạt được thật tướng***(1)*?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Thí như hóa Phật mà Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác **hoá ra** chẳng hành tham, chẳng hành sân, chẳng hành si; chẳng hành sắc, cũng chẳng hành thọ tưởng hành thức; chẳng hành 12 xứ, 18 giới; chẳng hành tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến chẳng hành quả vị Giác ngộ tối cao; chẳng hành pháp thế gian, cũng chẳng hành pháp xuất thế gian; chẳng hành pháp hữu lậu, cũng chẳng hành pháp vô lậu; chẳng hành pháp hữu vi, cũng chẳng hành pháp vô vi; chẳng hành đạo, cũng chẳng hành đạo quả.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi hành thâm Bát Nhã, cũng giống như thế: **Đối với tất cả pháp, hoàn toàn không có sở hành. Đấy là khéo đạt thật tướng các pháp, nghĩa là đối pháp tánh không sở phân biệt**.

*(Cụm từ **không hành** và **không sở hành** là một cụm từ có vẻ ngược đời và hơi lạ tai đối với người thường tục như chúng ta nhưng lại thường xuyên được nhắc nhở trong Kinh điển thuộc hệ Bát Nhã. Một khi thông hiểu các pháp rồi thì phải áp dụng vào đời sống. Sự áp dụng đó gọi là hành hay thực hành. Phẩm "Tam Tiệm Thứ", Kinh dạy gì? Phải làm việc theo thứ bậc, phải tu theo thứ bậc, **phải hành** theo thứ bậc. Trong các đoạn Kinh khác cũng nói: Phải hành, phải dẫn và phải tu. Nhưng tại sao chỗ này Kinh bảo là không hành? Không hành sắc, không hành thọ tưởng hành thức, không hành 12 xứ, 18 giới, không hành tất cả pháp kể cả pháp Phật. Vì sao? Vì chúng sanh thường hành theo sở duyên, hành theo tướng nghĩa là hành có nắm bắt, buông bỏ hay hành theo tốt xấu, thương ghét, thị phi... Một khi bị năng sở trói buộc tâm không còn cái bản nguyên thanh tịnh của thuở ban đầu và cũng từ đó tâm theo khách trần mà lưu chuyển. Vì vậy, Kinh thường khuyên là không hành. Nhưng không hành làm sao đắc Bồ Tát hạnh, làm sao thành thục hữu tình, làm sao thanh tịnh Phật độ, chứng Vô thượng Bồ đề hay đắc Nhất thiết trí trí? Hành vẫn hành, không ai cấm đoán nếu không phân biệt, chấp đắm, hay tham ái).*

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã thông đạt các pháp **đều không thật có**? Tất cả pháp **đều là huyễn hóa**? Ngũ uẩn huyễn hóa? 12 xứ, 18 giới huyễn hóa? Tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí... cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cũng huyễn hóa? Như thế cho đến tất cả pháp thế gian, pháp xuất thế gian, tất cả pháp hữu lậu, pháp vô lậu, tất cả pháp hữu vi, pháp vô vi cũng đều như huyễn hóa?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói, tất cả pháp đều như hóa! Không những vậy, tất cả pháp cũng như mộng, như tiếng vang, như ảnh tượng, như bóng sáng, như bóng nắng, như ảo thành. Nhưng chúng sanh không tự biết, khởi tưởng phân biệt chấp trước điên đảo, nên

bị lưu chuyển. Đại Bồ Tát vì vậy, phải chịu khổ nhọc trải bao số kiếp vì cứu độ chúng sanh, tu Bồ Tát đạo, hành sáu Ba la mật, nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình.

Chúng sanh chỉ an trụ trong **danh tướng, hư vọng, ức tưởng, phân biệt**, các đại Bồ Tát hành Bát Nhã từ chỗ danh tướng hư vọng phân biệt ấy, cứu vớt khiến được giải thoát.

(Câu trả lời đầu tiên: Tại sao không hành? Sở dĩ, chúng sanh phần lớn hành là vì "danh tướng, hư vọng, ức tưởng, phân biệt" các pháp mà ra).

(Thế nào là Danh và Tướng?)

Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nhưng cái gì gọi là **danh**? Cái gì gọi là **tướng**?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Danh** là khách trần giả lập, đều do đặt tên, đây gọi là sắc, đây gọi là thọ, tưởng, hành, thức; đây là nam, đây là nữ, đây là tiểu, đây là đại, đây là địa ngục, đây là bàng sanh, đây là quỷ giới, đây là người, đây là trời; đây là pháp thế gian, đây là pháp xuất thế gian, đây là Dự lưu, đây là Nhất lai, đây là Bất hoàn, đây là A la hán, đây là Độc giác; đây là Bồ Tát; đây là Phật v.v…

Tất cả danh xưng như thế đều là **giả lập**, đặt ra để chỉ bày, chẳng phải thật có; các pháp hữu vi cũng chỉ có danh, các pháp vô vi cũng chỉ có danh, chẳng phải thật có. Phàm phu ngu si ở trong*(danh)*vọng chấp, đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã phương tiện thiện xảo giáo hóa khiến xa lìa, nên nói: **Danh là phân biệt, do vọng tưởng sanh khởi, chỉ do các duyên hòa hợp giả có, chẳng nên chấp trước; danh không thật có, tự tánh đều không**.

Đó là đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã phương tiện thiện xảo, vì chúng hữu tình, thuyết pháp lìa danh.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Này Thiện Hiện! Đó gọi là danh. Còn cái gì gọi là **tướng**?

- Này Thiện Hiện! Tướng có 2 thứ: 1 là **sắc tướng**, 2 là **vô sắc tướng**.

Cái gì có hình thể, màu sắc hoặc thô hoặc tế, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc đen trắng, xấu đẹp, ngon dở… mà mắt có thể thấy, tay có thể xúc chạm, lưỡi có thể nếm v.v… thì gọi là **sắc tướng**.

Cái gì không thấy được, không có hình dáng màu sắc thì gọi là **vô sắc tướng** như âm thanh, mùi vị… Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã phương tiện thiện xảo, giáo hóa các hữu tình xa lìa hai tướng, lại **giáo hóa an trụ trong cảnh giới vô tướng**; tuy giáo hóa an trụ trong cảnh giới vô tướng, nhưng chẳng khiến họ rơi vào chấp nhị biên: Tướng, vô tướng.

Đó là đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã phương tiện thiện xảo, khiến các hữu tình, xa lìa tướng, **an trụ cảnh giới vô tướng nên chẳng chấp trước**.

(Lấy vô tướng làm phương tiện mà tu Bát Nhã)

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp chỉ là những danh tướng giả lập, do phân biệt sanh khởi, không có thật tánh thì làm sao các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã đối với các thiện pháp có thể tự mình thăng tiến và có thể làm cho người khác thăng tiến được?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu các pháp có chút thật, chẳng phải giả lập danh tướng, thì đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã đối với các thiện pháp, chẳng tự thăng tiến, cũng chẳng làm cho người khác thăng tiến được. **Vì các pháp không có chút thật, chỉ giả lập các danh và tướng, vì vậy, đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã lấy vô tướng làm phương tiện, có thể viên mãn Bát nhã Ba la mật**, **lấy vô tướng làm phương tiện có thể viên mãn tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí**; lấy vô tướng làm phương tiện có thể viên mãn tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; lấy vô tướng làm phương tiện, đối với các thiện pháp tự viên mãn rồi, cũng có thể khiến người khác viên mãn thiện pháp.

Này Thiện Hiện! **Như thế, vì tất cả pháp không có chút thật, chỉ giả lập các danh và tướng. Các đại Bồ Tát đối với chúng, chẳng khởi điên đảo chấp trước, thì đối với các thiện pháp, có thể tự thăng tiến, cũng có thể khiến người khác thăng tiến.**

*(Hành mà phân biệt chấp đắm là hành theo sở duyên, hành theo tướng. Đó là hành trong điên đảo, nên không thấy được thật tướng các pháp. Muốn tránh điên đảo thì phải lấy **vô tướng** làm phương tiện. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không thật có như trò huyễn (huyễn tức là <u>không</u>) đều vô tướng, vô niệm, vô tác ý.*

Lại nữa, chỗ sâu xa mà Phật muốn nói cũng có nghĩa là <u>pháp tánh vô lậu, vô tướng... cũng không khác nhau</u>. Vì sao? Vì các pháp đều nằm trong pháp giới, pháp tánh, pháp trụ,... Tất cả đều là chơn như thật tướng, tất cả đều <u>như</u>, nên nói là bình đẳng, không khác nhau, không phân biệt. Nói như vậy, là nói theo đệ nhất nghĩa, vì trong đệ nhất nghĩa tất cả pháp đều vô tướng, vô niệm, vô tác ý cả).

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu các pháp có tướng chân thật dù chỉ bằng đầu sợi lông, thì đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã **đối với tất cả pháp đâu biết tất cả pháp đều vô tướng, vô niệm, vô tác ý mà có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, an lập hữu tình ở pháp vô lậu. Vì sao? Vì tất cả pháp không thật có, nên đại Bồ Tát mới biết rõ các pháp vô lậu đều vô tướng, vô niệm, vô tác ý**.

Này Thiện Hiện! Như thế, Đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật, an lập hữu tình ở pháp vô lậu, mới nói là lợi tha chơn thật.

Pháp Thanh văn, pháp Duyên giác, Bồ Tát, Như Lai cùng với pháp tánh vô lậu, vô tướng… không khác nhau; các pháp thế gian cùng với pháp tánh vô lậu, vô tướng… cũng không khác nhau. Tất cả pháp chính là pháp tánh vô lậu, vô tướng, vô niệm, vô tác ý. Do nhân duyên này, <u>nên biết tất cả pháp đều là vô tướng, vô niệm, vô tác ý</u>.

Đại Bồ Tát khi học tất cả pháp đều là vô tướng, vô niệm, vô tác ý có thể tăng ích sở hành các thiện pháp. Đó là lục Ba la mật, hoặc tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng… Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Tất cả các Phật pháp như thế đều do học vô tướng, vô niệm, vô tác ý mà được tăng ích. Vì sao? Vì đại Bồ Tát, trừ pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện không có pháp môn quan trọng nào khác cần phải học. <u>Vì ba pháp môn giải thoát có thể thu nhiếp tất cả pháp diệu thiện</u>. Pháp môn giải thoát không quán tất cả pháp tự tướng đều không; pháp môn giải thoát vô tướng quán tất cả pháp xa lìa các tướng; pháp môn giải thoát vô nguyện quán tất cả pháp xa lìa sở

nguyện. Ba pháp môn này có thể thu nhiếp tất cả thiện pháp thù thắng, lìa ba pháp môn này các thiện pháp chẳng thể tăng trưởng được.

Nếu đại Bồ Tát có thể học ba pháp môn giải thoát như thế, thì có thể học 5 uẩn, cũng có thể học 12 xứ cũng có thể học 18 giới, cũng có thể học sáu giới*(2)*; cũng có thể học tứ đế, cũng có thể học bốn duyên; cũng có thể học các pháp từ duyên sanh ra; cũng có thể học 12 duyên khởi; cũng có thể học 18 pháp không; cũng có thể học chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì; cũng có thể học 10 pháp Ba la mật; cũng có thể học Bồ Tát thập địa; cũng có thể học 37 pháp trợ đạo; cũng có thể học 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; cũng có thể học 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ; cũng có thể học tất cả pháp môn Đà la ni, tất cả pháp môn Tam ma địa; cũng có thể học 5 loại mắt, 6 phép thần thông; cũng có thể học Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng; cũng có thể học pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng có thể học Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; cũng có thể học nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình; cũng có thể học vô lượng vô biên các Phật pháp khác.

(Phải như thật biết tất cả pháp Phật như thế nào?)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát hành Bát Nhã có thể học **tướng ngũ ấm** như thế nào?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát hành Bát Nhã như thật biết sắc, như thật biết thọ, tưởng, hành, thức là có thể học tướng năm uẩn.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã **như thật biết <u>sắc</u> như thế nào**?

Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát như thật biết tướng của sắc, như thật biết sự sanh của sắc, như thật biết sự diệt của sắc, như thật biết **sắc như** thì gọi là như thật biết sắc.

- Này Thiện Hiện! Thế nào là **biết tướng của sắc**?

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát **như thật biết sắc rốt ráo có lỗ hổng, rốt ráo có chỗ hở, giống như bọt nước, tánh chẳng bền chắc thì đó gọi là như thật biết tướng của sắc.**

- Này Thiện Hiện! Thế nào là **biết sắc sanh diệt**?

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát như thật biết sắc không từ đâu đến, không đi về đâu; tuy không đến, không đi nhưng tương ưng với pháp sanh, thì đó gọi là như thật biết sự sanh của sắc. Đại Bồ Tát như thật biết sắc không từ đâu đến, không đi về đâu; tuy không đến, không đi, nhưng tương ưng với pháp diệt, thì đó gọi là như thật biết sự diệt của sắc.

- Này Thiện Hiện! Thế nào là **biết sắc như**?

Này Thiện Hiện! Như thật **biết sắc như ấy không sanh, không diệt, không đến, không đi, không tăng, không giảm, không cấu, không tịnh. Như đó là nói như thật chẳng hư. Như đó trước sau và chặng giữa cũng vậy, thường chẳng đổi khác. Đó là biết sắc như**.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã như thật biết **<u>thọ</u>** như thế nào?

Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã như thật biết **tướng thọ**, như thật biết sự sanh diệt của thọ, như thật biết thọ như, thì gọi là như thật biết thọ. Đại Bồ Tát **như thật biết thọ rốt ráo như ung nhọt, rốt ráo như mũi tên, giống như bọt nổi, hư ngụy chẳng trụ, chóng khởi chóng diệt**, thì đó gọi là như thật biết tướng của thọ. Đại Bồ Tát như thật biết thọ không từ đâu lại, đi không chỗ đến. Đó là biết thọ sanh diệt. Như thật biết **thọ như** ấy không sanh, không diệt, không đến, không đi, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, tánh của nó thường như, chẳng hư vọng, chẳng đổi khác. Đó là biết **thọ như**.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã như thật biết **<u>tưởng</u>** như thế nào?

Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, như thật biết **tướng của tưởng**, như thật biết sự sanh diệt của tưởng, như thật biết tưởng như, thì như vậy là như thật biết tưởng. **Như thật biết tưởng giống như sóng nắng, chẳng thể nắm bắt được, do hư vọng khát ái mà khởi tưởng ấy, giả bày đặt có, giả phát ra lời** nói, thì đó gọi là như thật biết tướng của tưởng. Tướng ấy không từ đâu lại, đi không chỗ đến. Đó là biết tưởng sanh diệt. Như thật biết **tưởng như** không sanh, không diệt, không

đến, không đi, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, tánh của nó thường như, chẳng hư vọng, chẳng đổi khác. Đó là biết **tưởng như**.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã như thật biết **<u>hành</u>** như thế nào?

Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã như thật biết **tướng của hành**, như thật biết sự sanh diệt của hành, như thật biết hành như thì như vậy là như thật biết hành.Như thật biết về **hành như cây chuối lột bỏ từng bẹ thì không còn gì cả**. Minh, vô minh đều do các duyên tạo thành, nghiệp phiền não đều do các duyên tạo thành giả lập, thì đó gọi là như thật biết tướng của hành. Các hành sanh khởi không từ đâu lại, đi không chỗ đến. Đó là biết hành sanh diệt. **Hành như** ấy không sanh, không diệt, không đến, không đi, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, tánh của nó thường như, chẳng hư vọng, chẳng đổi khác. Đó là biết **hành như**.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã như thật biết **<u>thức</u>** như thế nào?

Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã như thật biết tướng của thức, như thật biết sự sanh diệt của thức, như thật biết thức như thì như vậy gọi là như thật biết thức. **Như thật biết thức giống như trò huyễn, do các duyên hòa hợp, giả an lập mà có, thật chẳng thể nắm bắt được,** giống như nhà ảo thuật hoặc đệ tử của ông, ở ngã tư đường, biến hóa làm bốn loại quân lính, đó là quân voi, quân ngựa, quân xe, quân bộ; hoặc lại biến hóa làm các hình sắc khác, tướng tuy như có, nhưng kỳ thực là không. Thức cũng như thế, thật chẳng thể nắm bắt được, thì đó gọi là như thật biết tướng của thức. Thức ấy lúc phát sanh không từ đâu lại, lúc diệt không chỗ đến. Đó là biết thức sanh diệt. **Thức như** ấy không sanh, không diệt, không đến, không đi, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, tánh của nó thường như, chẳng hư vọng, chẳng đổi khác. Đó là biết **thức như**.

Này Thiện Hiện! **Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật, <u>như thật biết sắc và tự tánh của sắc là không</u>, như thật biết thọ và tự tánh của thọ là không, như thật biết tưởng, hành, thức và tự tánh của tưởng, hành, thức là không, thì đó là đại Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật, có thể học năm uẩn.**

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát hành Bát Nhã **có thể học 12 xứ** như thế nào?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Mười hai xứ là gồm lục căn *(nội xứ: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý)* và lục trần *(ngoại xứ: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp)*. Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã như thật biết nội xứ không và không tự tánh; biết ngoại xứ cũng không và không có tự tánh, thì đại Bồ Tát có thể học 12 xứ.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã **có thể học 18 giới** như thế nào?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Mười tám giới gồm lục căn, lục trần, lục thức. Đại Bồ Tát như thật biết lục căn không và không tự tánh; lục trần cũng không và không tự tánh; lục thức cũng không và không tự tánh, thì đại Bồ Tát có thể học 18 giới.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát, khi tu hành Bát Nhã **có thể học sáu giới***(lục đại chủng)*như thế nào?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, như thật biết địa giới và tự tánh của địa giới là không, như thật biết thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tự tánh của chúng là không, thì đó là đại Bồ Tát có thể học sáu giới.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **có thể học bốn Thánh đế** như thế nào?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật, như thật biết Thánh đế khổ, như thật biết Thánh đế tập, diệt, đạo, thì đại Bồ Tát có thể học bốn Thánh đế.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, như thật biết khổ là **tướng bức bách, tự tánh vốn không, xa lìa hai pháp**, là sự thật của bậc Thánh: **Khổ tức là Bồ đề, Bồ đề tức là khổ**, không hai, không khác, chỉ có bậc chân Thánh có thể biết như thật, thì đó gọi là như thật biết Thánh đế khổ.

Như thật biết Thánh đế tập: Như thật biết tập là **tướng sanh khởi**, tự tánh vốn không; Thánh đế diệt: Như thật biết diệt là **tướng tịch tịnh**, tự tánh vốn không; Thánh đế đạo: Như thật biết đạo là **tướng xuất ly**, tự tánh vốn không. Nếu biết như vậy thì đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, có thể học bốn Thánh đế.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **có thể học <u>bốn duyên</u>** như thế nào?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã như thật biết nhân duyên, như thật biết đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên*(3)*, thì đó gọi là có thể học bốn duyên.

Thiện Hiện! Thế nào là biết nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên?

Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã như thật biết **nhân duyên là tướng chủng tử***(4)***, tự tánh vốn không, xa lìa hai pháp** thì đó gọi là như thật biết nhân duyên. Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, như thật biết đẳng vô gián duyên là tướng khai phát, tự tánh vốn không, xa lìa hai pháp, thì đó gọi là như thật biết đẳng vô gián duyên. Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, như thật biết sở duyên duyên là tướng trụ trì, tự tánh vốn không, xa lìa hai pháp, thì đó gọi là như thật biết sở duyên duyên. Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, như thật biết tăng thượng duyên là tướng chẳng ngại, tự tánh vốn không, xa lìa hai pháp, thì đó gọi là như thật biết tăng thượng duyên.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **có thể học các <u>pháp từ duyên sanh ra</u>** như thế nào?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, như thật biết tất cả pháp từ duyên sanh ra mà chẳng sanh chẳng diệt, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng một chẳng khác, chẳng đến chẳng đi, dứt các hý luận, bản tánh vắng lặng thì đại Bồ Tát có thể học các pháp từ duyên sanh ra.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **có thể học <u>12 duyên khởi</u> như thế nào**?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, như thật biết **vô minh** là không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, tự tánh vốn không, xa lìa hai pháp, như thật biết **hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử, sầu, than, khổ, ưu, não** không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, tự tánh vốn không, xa lìa hai pháp thì đại Bồ Tát có thể học 12 duyên khởi.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **có thể học <u>18 pháp không</u>** như thế nào?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, như thật biết pháp không nội **chẳng có tự tánh**, chẳng thể nắm bắt được mà có thể an trụ; như thật biết pháp không ngoại cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng có tự tánh, chẳng thể nắm bắt được mà có thể an trụ thì đại Bồ Tát có thể học 18 pháp không.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **có thể <u>học chơn như, pháp giới, pháp tánh</u>**, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì như thế nào?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, như thật biết chơn như **không hý luận, không phân biệt** mà có thể an trụ; như thật biết pháp giới cho đến cảnh giới bất tư nghì không hý luận, không phân biệt

mà có thể an trụ, thì đại Bồ Tát có thể học chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì. *(Q.384, ĐBN)*

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **có thể <u>học thập Ba la mật</u>** như thế nào?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật, như thật biết bố thí Ba la mật **không tăng, không giảm, không nhiễm, không tịnh, không có tự tánh, chẳng thể nắm bắt được** mà có thể tu tập; như thật biết tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, phương tiện thiện xảo, diệu nguyện, lực, trí Ba la mật không tăng, không giảm, không nhiễm, không tịnh, không có tự tánh, chẳng thể nắm bắt được mà có thể tu tập, thì đại Bồ Tát có thể học bố thí cho đến trí Ba la mật.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **có thể học <u>thập địa Bồ Tát</u>** như thế nào?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, như thật biết bậc Cực hỷ **không tăng, không giảm, không nhiễm, không tịnh, không có tự tánh, chẳng thể nắm bắt được mà có thể tu tập;** như thật biết bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân không tăng, không giảm, không nhiễm, không tịnh, không có tự tánh, **chẳng thể nắm bắt được mà có thể tu tập**, thì đại Bồ Tát có thể học thập địa Bồ Tát.

(…). Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, có thể học 37 pháp trợ đạo? Có thể học 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc? Có thể học 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ? Tất cả pháp môn Đà la ni, tất cả pháp môn Tam ma địa? Năm loại mắt, 6 phép thần thông? Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, 18 pháp Phật bất cộng? Đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả? Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả? Nhất thiết

trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí? Nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình? Vô lượng, vô biên các Phật pháp khác như thế nào?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, như thật biết tất cả các pháp nói trên hoặc vô lượng vô biên các Phật pháp khác **không tăng, không giảm, không nhiễm, không tịnh, không có tự tánh, chẳng thể nắm bắt được mà có thể tu tập**, thì này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, có thể học tất cả các pháp trên và vô lượng vô biên các Phật pháp khác.

(Tất cả pháp là pháp giới. Tất cả pháp đều nhập vào pháp giới*: *Trong chân pháp giới không có phân biệt)

Tất cả pháp là pháp giới. Tất cả pháp đều nhập vào pháp giới. Như Lai dù có ra đời, hoặc chẳng ra đời, các pháp vẫn như vậy, đều nhập pháp giới, không có tướng sai biệt, chẳng phải do Phật thuyết. Vì sao? Vì tất cả pháp thiện hoặc pháp phi thiện, hoặc pháp hữu ký hoặc pháp vô ký, hoặc pháp hữu lậu hoặc pháp vô lậu, hoặc pháp thế gian hoặc pháp xuất thế gian, hoặc pháp hữu vi hoặc pháp vô vi, **đều nhập pháp giới tánh không, vô tướng, vô vi. Cho nên, đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, <u>muốn học pháp giới, nên học tất cả pháp. Nếu học tất cả pháp tức là học pháp giới</u>. Nếu phân biệt pháp tức là phá hoại pháp**.*(5)*

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều nhập pháp giới, không hai, không khác, thì tại sao đại Bồ Tát phải học pháp này hay pháp khác? Phải học lục Ba la mật, học tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, học 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí? Cũng học đạo Bồ Tát, quả vị Giác ngộ tối cao? Tại sao đại Bồ Tát phải học thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật? Học như thế rồi, đắc Nhất thiết trí trí, biết tất cả pháp, tất cả chủng tướng?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Chẳng phải trong pháp giới có các thứ phân biệt** như thế. Đại Bồ Tát không do các thứ phân biệt này mà hành điên đảo, trong cái không hý luận, khởi các hý luận. Vì sao? Vì trong chơn pháp giới hoàn toàn không có phân biệt hý luận.

Pháp giới chẳng phải sắc, cũng chẳng lìa sắc; pháp giới chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng lìa thọ, tưởng, hành, thức. Pháp giới tức là sắc, sắc tức là pháp giới; pháp giới tức là thọ, tưởng, hành, thức; thọ, tưởng, hành, thức tức là pháp giới. Pháp giới chẳng phải 12 xứ, cũng chẳng lìa 12 xứ; pháp giới tức là 12 xứ, 12 xứ chính là pháp giới. Đối với 18 giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí, quả vị Giác ngộ tối cao… cũng lại như thế.

Trong chơn pháp giới không có tất cả các thứ phân biệt hý luận.

Sắc chẳng phải pháp giới, cũng chẳng lìa sắc riêng có pháp giới; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải pháp giới, cũng chẳng lìa thọ, tưởng, hành, thức riêng có pháp giới. Sắc tức là pháp giới, pháp giới tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức tức là pháp giới, pháp giới tức là thọ, tưởng, hành, thức v.v…

Như vậy có thể nói: Pháp thế gian chẳng phải pháp giới, cũng chẳng lìa pháp thế gian riêng có pháp giới; pháp xuất thế gian chẳng phải pháp giới, cũng chẳng lìa pháp xuất thế gian riêng có pháp giới. Pháp thế gian tức là pháp giới, pháp giới tức là pháp thế gian; pháp xuất thế gian tức là pháp giới, pháp giới tức là pháp xuất thế gian.

Nên Phật nói: "Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã nếu thấy có pháp lìa pháp giới thì người đó chẳng thể đạt sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề!

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã biết tất cả pháp tức là pháp giới, dùng pháp không danh tướng, phương tiện thiện xảo, vì các hữu tình mượn danh tướng mà nói: Đây là sắc, đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là 12 xứ, 18 giới; đây là tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất cộng; đây là Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí; đây là Bồ Tát đạo, đây là quả vị Giác ngộ tối cao.

Này Thiện Hiện! Như nhà ảo thuật hoặc đệ tử của ông ta, cầm một vật nhỏ, ở trước mọi người, biến thành các loại hình sắc khác nhau, hoặc biến thành nam nữ hoặc voi, ngựa, trâu, bò, dê… hoặc biến thành thành ấp, làng mạc, vườn tược, ao hồ, đủ các cảnh đẹp, hoặc hóa làm y phục, thức ăn, thức uống, phòng xá, đồ nằm, hoặc hóa hiện cảnh giới của chư Thiên, hoặc hóa hiện làm Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát phát tâm tu các Thánh đạo v.v…

Này Thiện Hiện! Nhà ảo thuật, hoặc đệ tử của y, vì dối gạt người khác, nên ở trước mặt mọi người, hóa làm các trò huyễn hóa này, nhưng trong đám người những nam nữ lớn nhỏ vô trí thấy việc ấy rồi, đều kinh ngạc khen ngợi. Trong khi người trí thấy việc này rồi, liền nghĩ: Thật kỳ dị! Tại sao người này có thể hóa hiện được như vậy? Trong đó không có gì là thật có thể nắm bắt được, lại khiến cho mọi người mê lầm vui mừng. Đối với sự vật không thật, khởi tưởng là vật có thật.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát cũng giống như thế, khi tu hành Bát Nhã, tuy chẳng thấy có pháp nào lìa chơn pháp giới, cũng chẳng thấy pháp giới lìa các pháp, cũng chẳng thấy có hữu tình và sự an lập của chúng hữu tình thật sự có thể nắm bắt được, nhưng có thể dùng các loại phương tiện thiện xảo, tự hành bố thí, cũng khuyên người hành bố thí, hoan hỷ khen ngợi người hành bố thí; tự hành tịnh giới, cũng khuyên người hành tịnh giới, hoan hỷ khen ngợi người hành tịnh giới…, cho đến tự hành Bát Nhã, cũng khuyên người hành Bát Nhã, hoan hỷ khen ngợi người hành Bát Nhã; tự thọ trì mười nghiệp thiện đạo, cũng khuyên người thọ trì mười nghiệp thiện đạo, hoan hỷ khen ngợi người thọ trì mười nghiệp thiện đạo; tự thọ trì tất cả pháp Phật nói chung, cũng khuyên người thọ trì tất cả pháp Phật, hoan hỷ khen ngợi người thọ trì tất cả pháp Phật.

Này Thiện Hiện! Nếu chơn pháp giới, khoảng trước, khoảng giữa, khoảng sau có sai khác thì đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, chẳng có thể dùng phương tiện thiện xảo, thuyết chơn pháp giới, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, tu Bồ Tát hạnh, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao; vì chơn pháp giới, khoảng trước, khoảng giữa, khoảng sau thường không sai khác. Cho nên, đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã có thể phương tiện thiện xảo thuyết chơn pháp giới, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, tu Bồ Tát hạnh, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Thích nghĩa:

(1). Thật tướng hay thực tướng: (實相) *Phạm: Dharmatà bhùta-tathatà. Vốn có nghĩa là bản thể, thực thể, chân tướng, bản tính...; từ đó được khai triển để chỉ cho thể tướng chơn thực bất hư của tất cả muôn pháp, hoặc lý pháp chân thực, lý bất biến, chơn như, pháp tính... Đây là nội dung giác ngộ của đức Phật, hàm ý là chơn thực bản nhiên; tất cả*

danh từ: ***Nhất như, thực tính, thực tế, chân tính, Niết bàn, vô vi, vô tướng... đều là tên khác của Thật tướng****. Vì hết thảy hiện tượng mà thế tục nhận biết đều là giả tướng, chỉ khi nào thoát khỏi sự nhận biết của thế tục mới hiển bày được cái tướng trạng chơn thực thường trụ bất biến của các pháp, cho nên gọi là Thực tướng. Cứ theo Kinh Đại Bát Niết Bàn quyển 36 (bản Nam) và luận Đại Trí Độ quyển 32 thì tất cả tướng sai biệt của các pháp(như tướng cứng của đất, tướng ướt của nước, tướng nóng của lửa) đều là hư giả, tất cả đều có thể phá hoại; trái lại,* ***Thực tướng mà trí vô lậu chứng được thì lìa các tướng hư giả và bình đẳng nhất như****. Nếu còn vọng tâm thì không thể nào thấy được thực tướng. Trong các dịch phẩm của Ngài Cưu Ma La Thập, Thực tướng cũng bao hàm ý nghĩa Không, <u>từ Ngài Long Thọ về sau thì Thực tướng được xem là nội dung Chân đế của Phật giáo</u>. Còn thuyết Chư pháp thực tướng là tiêu biểu(tức pháp ấn) của Phật giáo Đại thừa cũng chính là đối lại với Tam pháp ấn(Vô thường, Vô ngã, Niết bàn) của Phật giáo Tiểu thừa mà được thành lập và được gọi là Thực tướng ấn. Tướng trạng chơn thực của tất cả các pháp gọi là Chư pháp thực tướng, tuy nội dung chư pháp thực tướng tùy theo các tông mà có khác nhau, nhưng phán đoán theo lập trường của mỗi tông, bất cứ pháp nào hễ được xem là tối hậu và rốt ráo thì đều dùng từ Thực tướng để biểu thị. Tướng trạng của thực tướng thông thường cho rằng không thể dùng lời nói để diễn đạt, hay tâm trí để suy lường được. Từ sự phát triển của lập trường này, đến tông Thiên Thai thì lấy việc phát hiện ra tự ngã hoàn toàn nhất, gọi là Chư pháp thực tướng, cũng tức là dứt bặt sự sai khác giữa bản chất(Lý) và hiện thực(Sự), một thế giới trong đó tất cả các pháp hoàn toàn dung hợp, điều hòa, phàm phu trong cõi mê cũng có khả năng thể hiện cảnh giới Phật giác ngộ cao siêu, nêu tỏ tinh thần hiện tượng tức thực tại, sai biệt tức bình đẳng. Thiền tông cho rằng Chư pháp thực tướng là sự hiện thành của Phật Tổ hoặc bản lai diện mục; tông Tịnh độ thì lấy danh hiệu của Phật A di đà làm Thực tướng pháp; Mật tông thì có thuyết Thanh tự thực tướng. Còn tông Nhật liên của Nhật bản thì giải thích thực tướng là đề mục của Bản môn, dẫn thực tướng của chơn như đến hiện thực, bàn về sự dung hợp tương tức của cả 2, đây chính là từ mặt lý luận mà nói rõ thái độ khẳng định hiện thực của Phật giáo Đại thừa. [X. Trung luận Q.3; Đại Bát Niết Bàn Kinh sớ Q.33; Chú Duy Ma Cật Kinh Q.3; Đại Nhật Kinh sớ Q.1; Vãng Sinh Luận chú Q. hạ; Duy*

Ma Kinh nghĩa kí Q.4, phần cuối; Pháp Hoa Kinh văn cú ký Q.4 trung]- Phật Quang tự điển. Đã có thích nghĩa nhưng đây là vấn đề nhập lý quan trọng của người học đạo, nên cần phải nhắc nhở luôn.

Nói gọn thật tướng: Bản thể tuyệt đối, là pháp thân (dhamakàya) hay chơn như (bhùtatathatà) cũng có nghĩa là nhất như, nhất tướng chỗ gọi là vô tướng, là Niết bàn, là chân không, là thật tế. Nó cũng là Bản thể Phật tánh cùng khắp không gian thời gian. Các pháp như thế chẳng do ai tạo tác, chân thật bất hư, nên gọi là Thật tướng.

(2). Sáu giới, từ giới có lẽ hơi "lạ tai". Giới ở đây không có nghĩa là sáu căn hợp với sáu trần và sáu thức thành mười tám giới, giới đây cũng không có nghĩa là cảnh giới như 10 cảnh giới của chúng sanh từ địa ngục đến Phật. ***Giới ở đây có nghĩa là chủng loại, ý nói là "lục giới" hay còn gọi là lục đại chủng****: Địa đại chủng (địa giới), thủy đại chủng (thủy giới), phong đại chủng (phong giới), hỏa đại chủng (hỏa giới), không đại chủng (không giới) và thức đại chủng (thức giới). Chúng ta sẽ còn gặp từ "giới" này rất nhiều lần trong ĐBN.*

(3). Nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên: Xem lại phẩm "Học Quán", Q.3 cho đến phần đầu Q.4, Hội thứ I, ĐBN. Đã thích nghĩa bốn duyên theo Từ điển Phật Quang rồi.

(4). Chủng tử: Nói nôm na là "hạt giống" để duy trì thân căn và khí thế trong thời gian như hạt giống của ngũ cốc: Lúa, mè, đậu v.v... Nhờ hột giống này mà thực vật duy trì mãi trong thế gian. Người ta gọi hột giống này là ngoại chủng. Theo Duy Thức học, cũng như hạt giống của thực vật, hạt giống động vật cũng được gọi là chủng tử, chứa trong A lại da thức gọi là nội chủng, có đủ khả năng sản sinh hết thảy mọi hiện tượng. Chủng tử duy trì thân căn và khí thế của con người, được tàng trữ, huân tập trong Tàng Nha thức(một từ khác của A lại da thức) có thể là thiện hay ác, xấu hay tốt, hữu vi hay vô vi, hữu lậu hay vô lậu…, và trở thành hiện hành trong kiếp này hay kiếp khác. Chủng tử có thể coi là một năng lượng, nói theo hiện đại, đi theo thần thức của một người quá vãng, nhập vào thai nhi với tất cả quá khứ xấu tốt, thiện ác... tiếp nối sự sống cho một cuộc du hành mới. Nghiệp quả là kết quả của các chủng tử thiện ác, xấu tốt ấy. Đó là một lối giải thích tại sao nghiệp quả lại có thể lưu hành (cất giữ và chuyển đổi) từ đời này sang đời khác!

(5). Đoạn Kinh này của ĐBN thay vì dùng từ ghép "pháp giới", Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 79, "Thiện Đạt", Tập 5, quyển 89, lại dùng từ "pháp tánh" trong câu Kinh như sau: "Phật dạy: Thật tướng của hết thảy pháp tức là pháp tánh. Bởi vậy nên hết thảy pháp đều vào trong pháp tánh. Thật tướng của sắc cũng tức là pháp tánh. Đã đồng là pháp tánh thì làm sao có thể dùng sắc tánh để phá hoại pháp tánh được?"

Pháp giới hay pháp tánh đều nằm trong thập nhị chơn như nên là một như không hai không khác.

Sơ giải:

1. Thật tướng:

Bắt đầu học Bát Nhã, chúng ta thấy Phật nói về các pháp như thế nào? Các pháp là duyên hợp giả có, không thật, không có tự tánh, lấy vô tánh làm tự tánh; hơn thế nữa Phật còn bảo các pháp như huyễn, như hóa, như mộng... Kế đến Phật bảo các pháp là như như, hay là pháp như, chúng như vậy bởi vì chúng như vậy, chẳng lúc nào chẳng như; người có cái thấy biết như vậy sẽ chứng được chân như thật tướng của các pháp. Vì sao? Vì thấy các pháp như, chứng được như tánh của vạn pháp nên tâm đạt được bình đẳng và chính cái bình đẳng này đưa đến thanh tịnh.

Phẩm này Phật thuyết về cái thấy bình đẳng đối với các pháp, nghĩa là trình bày cái thấy trong giờ phút chứng ngộ qua một diễn trình trông như có thứ lớp như trên. Nhưng thật ra trong giờ chứng ngộ, Phật đạt được tam minh, ngũ nhãn, lục thần thông và kết quả là diệt trừ được các tập khí phiền não tương tục nhỏ nhiệm rồi trong một sát na tương ưng với diệu huệ đạt Nhất thiết trí trí chứng được Vô thượng Bồ đề. Sự chứng ngộ này chỉ xuất hiện trải qua ba a tăng kỳ kiếp tu Bồ Tát đạo, không phải chỉ qua sự quán xét vạn hữu một cách giản dị theo một diễn trình nào cả.

Trọng tâm của phẩm này thật sự chỉ là tóm tắt và đúc kết 400 quyển trong số 600 quyển Đại Bát Nhã của Hội thứ I: Khi con người dùng cảm quan và ý thức soi rọi vật thể trần gian trên danh và tướng thì không khỏi trở ngại do phân biệt chấp trước gây nên. Phân biệt chấp trước những gì? Chấp trước danh và tướng. Có chấp trước là có nghiêng ngã, thiên lệch làm sao chứng tánh. Phật bảo: **"Danh là phân biệt, do vọng tưởng sanh**

khởi, chỉ do các duyên hòa hợp giả có, chẳng nên chấp trước; danh không thật có, tự tánh đều không". (...) "Vì các pháp không có chút thật, chỉ giả lập các danh và tướng, vì vậy, đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã lấy vô tướng làm phương tiện, có thể viên mãn Bát nhã Ba la mật và tất cả các pháp khác".

Thấy các tướng là vô tướng, mà vô tướng là không có hình tướng, thì thấy cái gì? Nên nói tất cả pháp đều đồng một tướng chỗ gọi là vô tướng. Tất cả pháp đều một tướng là như, như đó là như thường tại, chẳng lúc nào chẳng như, nên nói như đó là bình đẳng. Vì có cái thấy như vậy nên tâm như như bất động. Do như như bất động nên nói là bình đẳng. Nên, ***bình đẳng này Phật gọi là tất cánh tịnh****. Tất cánh tịnh là tuyệt đối thanh tịnh vì không còn sở tác, không sở hành cũng nói là không, vô niệm, vô tác ý... chỗ cao nhất của Bát Nhã.* **"Đấy là khéo đạt thật tướng các pháp, nghĩa là đối pháp tánh không sở phân biệt"**.

Người tu đạt đến cảnh giới này là đạt đến tột cùng cái biên tế thực tại của tất cả pháp, nói khác là chứng được thể tánh thường hằng bất biến của vạn hữu nên gọi là chân như, thật tướng, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bất tư nghì giới, hư không giới, pháp định, pháp trụ, thất tế v.v...

Đây là một đoạn Kinh cốt tủy của Bát Nhã. Vì vậy, mà chúng tôi thường lưu ý người nào ngộ nhập chân như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp trụ, thật tế v.v... thì nhập pháp giới hay được xem là Giác ngộ.

2. Tất cả pháp là pháp giới.
Tất cả pháp đều nhập vào pháp giới: Không phân biệt.

Cảnh giới cuối cùng của tất cả pháp là gì, nếu không phải là Tánh không, nếu không phải là Chân như, Thật tế hay Niết bàn? Nếu không thể vượt qua thế giới lý luận, so đo của cảm quan và ý thức Thế tục thì không thể chứng nhập bất cứ tri giác nào thuộc về giác ngộ. Đó chính là lý do tại sao các nhà Đại thừa từ chối, không tìm gốc rễ của mình trong thế giới của uẩn xứ giới mà lại tìm trong cảnh giới tuyệt đối nào khác? Thế giới của uẩn xứ giới là thế giới thiên sai vạn biệt, vô thường, biến hoại, ngược với thế giới tuyệt đối nhất thể, thường hằng, bất biến.

Nói như vậy, có nghĩa là vẫn còn so đo phân biệt! Vì vẫn còn thấy biên giới hai đầu có và không, tương đối và tuyệt đối của nhị nguyên. Bồ Tát không tìm chỗ đứng của mình ở bờ này (Tục tế - tương đối) hay bờ kia (Chân đế - tuyệt đối). Bồ Tát cũng giống như bất cứ chúng sanh nào khác là mặc dù sống trong phân biệt của thế giới đối đãi này, nhưng Bồ Tát khác với các chúng sanh khác là không phân biệt hay nói cách khác là ***sống trong phân biệt nhưng không thấy sai biệt****. Nếu còn thấy bờ này, bờ kia hay giữa dòng đi nữa, là vẫn còn thấy giới biên, nghĩa là không tránh khỏi phân biệt chấp trước. Nếu không tránh khỏi phân biệt chấp trước thì phải chịu sự trói buộc của thế giới nhị nguyên đối đãi!*

Nhưng đâu là chỗ đứng của các Ngài để từ đó các Ngài thực thi các phương tiện thiện xảo, cứu rỗi chúng sanh?

Các Ngài biết rằng cảnh giới cuối cùng của tất cả các pháp là **không***(1), tánh của tất cả pháp cũng không. Pháp tánh chẳng phải uẩn, xứ, giới, cũng chẳng lìa uẩn, xứ, giới. Pháp tánh tức là uẩn, xứ, giới và uẩn, xứ, giới tức là pháp tánh. Nội không chẳng phải pháp tánh, cũng chẳng lìa nội không riêng có pháp tánh; ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tế không, tán không, vô biến dị không, bổn tánh không, tự tướng không, cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc* không, vô tánh không, *tự tánh không, vô tánh tự tánh không. Nội không chẳng phải pháp tánh, cũng chẳng lìa nội không cho đến vô tánh tự tánh không riêng có pháp tánh. Nội không tức pháp tánh, pháp tánh tức nội không; ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không tức pháp tánh, pháp tánh tức ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không. Bốn Thánh đế, Thập nhị nhân duyên, lục Ba la mật, từ bi hỷ xả, tám giải thoát, tám thắng xứ, chín thứ đệ định, mười biến xứ, tất cả Đà la ni, Tam ma địa, Bồ Tát thập địa, Phật mười lực, tứ vô sở uý, tứ vô ngại giải, mười tám pháp Phật bất cộng v.v… chẳng phải pháp tánh, cũng chẳng lìa tất cả pháp đó riêng có pháp tánh. Pháp tánh tức là tất cả pháp, tất cả pháp tức pháp tánh.*

Pháp thế gian *(Tục đế)* ***chẳng phải pháp giới*** *(thắng nghĩa đế)****, cũng chẳng lìa pháp thế gian riêng có pháp giới. Pháp xuất thế gian chẳng phải pháp giới, cũng chẳng lìa pháp xuất thế gian riêng có pháp giới. Pháp thế gian tức là pháp giới, pháp giới tức là pháp thế gian, pháp xuất thế gian tức là pháp giới, pháp giới tức là pháp xuất thế gian****.(Vậy*

chẳng rời Tục đế mà có Thắng nghĩa đế, Tục đế tức là Thắng nghĩa đế hay ngược lại, không có sự phân biệt)

Nếu biết như vậy, Bồ Tát thật sự nhập pháp giới, tức tìm thấy chỗ đứng đúng của mình hay nói khác là xác định được tinh thể của chính mình trong cảnh giới mà chính các Ngài đang sống, trong chính cảnh giới mà các Ngài chứng nhập. Do thâm hiểu như vậy nên tuy chứng Thật tế nhưng không nhập Niết bàn, quyết tâm ra tay cứu khổ chúng sanh.

Nếu chân pháp giới, trước, giữa, sau có sự sai biệt thì Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, chẳng có thể thi thiết những phương tiện thiện xảo; vì chân pháp giới, khoảng trước, giữa, sau thường không sai biệt. Cho nên, đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã có thể thuyết chân pháp giới, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, tu Bồ Tát hạnh, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, độ thoát chúng hữu tình không hề mệt mỏi.

Trong Đại thừa giáo, tất cả từ Chơn như, Pháp giới, Pháp tánh, Bất hư vọng tánh, Bất biến dị tánh, Bình đẳng tánh, Ly sanh tánh, Pháp định, Pháp trụ, Thật tế, Hư không giới, Bất tư nghì giới, Phật tánh, Tánh không, Vô tướng, Thật Tướng, Pháp thân, Viên Thành Thực, Tự tánh Thanh tịnh thân, Như như, Niết bàn… tất cả những từ này đồng nghĩa với nhau, chúng lưu xuất từ trong cùng bào thai của Như Lai gọi là Như Lai tạng nên như như, không hai không khác.

Các pháp, nó là nó, nó phơi bày như vậy, bởi vì nó là như vậy, mọi vật đều như vậy, mọi hiện hữu đều như vây, chẳng lúc nào chẳng như. Và những từ dùng diễn tả trạng thái đó là gọi Chơn như, Pháp giới, Pháp tánh, Bình đẳng tánh, Ly sanh tánh, Pháp định, Pháp trụ, Thất tế v.v... Nó không có gì xa lạ, ẩn nhiệm, nó chỉ thể tính tuyệt đối của vạn hữu. Thể tính đó bất động, thường hằng, chẳng tăng chẳng giảm, chẳng nhiễm chẳng tịnh… nằm ngoài mọi lý luận nhận thức, ngược lại thế giới hiện tượng mà chúng ta đang sống.

Tri kiến được chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, thật tế, v.v… là nhập pháp giới tức là Giác ngộ. Người có cái thấy biết muôn sự muôn vật như thế, Ngài Thạch Đầu nói: "Người hội muôn vật làm tự mình, ấy là Thánh nhân…" Chính Bát Nhã tiêu biểu bằng con mắt thứ ba giữa trán, chiếu rọi trên muôn sự muôn vật, bắt chúng hiện nguyên hình trong chân như, thật tướng... của chúng. Chân như, thật tướng, bình đẳng

tướng... là nhất tướng chỗ gọi là vô tướng, chúng vô sở hữu, bất khả đắc nên cũng gọi là tánh không, bản tánh không: Trong không hay bản Tánh không tất cả pháp đều bình đẳng, nên phẩm này có tên là "Các Pháp Bình Đẳng". Đó là giai đoạn chứng nhập của những ai thậm nhập được pháp không pháp như này.

Đây là bài pháp quá mắc mỏ, phải tụng đọc nhiều lần mới thẩm thấu được: Khi nào hiểu được Tục đế và Đệ nhất nghĩa đế thì mới có thể hiểu uẩn xứ giới tức là chân như, tức là pháp giới.

Thích nghĩa của phần lược giải này:

(1). Không(空) Phạm: Zùnya. Dịch âm: Thuấn nhã. Dịch ý: Không tánh, Không vô, Không hư, Không tịch, Phi hữu. Đối lại: Hữu. Tất cả vật tồn tại đều không có tự thể, thực thể, thực ngã... tư tưởng ấy gọi là Không. Nói cách khác, Không là sự hư huyễn không thực của muôn vật, hoặc là sự rỗng lặng trong sáng của lý thể. Tư tưởng không đã có từ thời đại đức Phật còn tại thế, rõ ràng nhất trong Phật giáo Đại thừa sau này và là tư tưởng căn bản của hệ thống Kinh Bát Nhã. Không được chia ra thành ***các loại*** *như sau:*

- Nhị không:

1/. Theo phẩm Quán tà kiến trong Trung luận quyển 4 và luận Thành duy thức quyển 1, thì Không được chia ra làm 2 loại là ***Nhân không*** *và* ***Pháp không****. Nhân không nghĩa là trong cá thể của hữu tình không có thực ngã, cho nên Nhân không còn được gọi là Ngã không, Nhân vô ngã, v.v... Pháp không nghĩa là tất cả các pháp do nhân duyên sinh không có thực thể tồn tại, cho nên gọi là Pháp vô ngã. Tiểu thừa chỉ nói Nhân không, chứ không nói Pháp không, còn Đại thừa chủ trương Nhân pháp nhị không(cũng gọi Nhân pháp nhị vô ngã, Ngã pháp nhị không).*

2/. Phẩm Thân kiến trong luận Thành thực quyển 10, chia Không thành 2 loại là ***Tích không*** *và* ***Thể không****. Tích không nghĩa là phân tích sự vật tồn tại đến khi không còn phân tích được nữa thì gọi là Không; còn Thể không có nghĩa là ngay bản thân của tất cả sự vật tồn tại đã là không rồi, đương thể tức không, chứ không cần phải phân tích nữa. Tiểu thừa và tông Thành thực chủ trương Tích không, còn Đại thừa thì chủ trương Thể không.*

*3/. Theo Tam luận huyền nghĩa, Không được chia làm **Đãn không** và **Bất đãn không**. Đãn không là chỉ chấp không, chứ không biết đến Chân không và Diệu hữu. Bất đãn không nghĩa là biết rõ Chân không và thừa nhận Diệu hữu, tức là Trung đạo không.*

- Tam không:

*1/. Theo luận Biện trung biên quyển trung và luận Hiển dương Thánh giáo, thì 3 tính Biến kế sở chấp, Y tha khởi và Viên thành thực đều có nghĩa không, vì thế gọi đó là **Tam không**. Cảnh mà phàm phu vọng chấp thuộc về tính Biến kế sở chấp, tính này xưa nay vốn không, cho nên gọi là **Vô tính không**. Pháp do nhân duyên sinh thuộc về tính Y tha khởi, khác với tính Biến kế sở chấp, nhưng không phải hoàn toàn Vô, mà cũng chẳng phải là Hữu như chúng sinh vọng chấp, đây tức là **Dị tính không**. Còn chân như là tính Viên thành thực, là tự tính do quán xét nhân và pháp đều không mà hiển hiện, đó là **Tự tính không**.*

2/. Theo Kinh Kim cương toàn yếu san định ký quyển 1, thì Không có 3 thứ là Nhân không, Pháp không và Câu không.

- Tứ không:

Kinh Đại tập Q.54 và Kinh Đại Phẩm Bát Nhã Q.5 cho rằng không có 4 loại: Pháp pháp tướng không, Vô pháp vô pháp tướng không, Tự pháp tự pháp tướng không, Tha pháp tha pháp tướng không.

- Lục không:

Theo luận Xá lợi phất a tì đàm quyển 16, thì Không có 6 loại: 1/. Nội không, cũng gọi Thụ giả không, Năng thực không nghĩa là 6 chỗ bên trong (6 căn) đều là không. 2/. Ngoại không, cũng gọi Sở thụ không, Sở thực không, nghĩa là 6 chỗ bên ngoài (6 cảnh) đều là không. 3/. Nội ngoại không, cũng gọi Thân không, Tự thân không. 4/. Không không: Cái Không bị quán chiếu(Sở quán) cũng là Không, vì thế còn gọi là Năng chiếu không. 5/. Đại không, cũng gọi Thân sở trụ xứ không, nghĩa là 10 phương thế giới đều là không. 6/. Đệ nhất nghĩa không, cũng gọi Thắng nghĩa không, Chân thực không, Chân cảnh

không. Nghĩa là ngoài các pháp ra không có cái gì được gọi là tự tính của thực tướng.

- Thất không:

Cứ theo Kinh Lăng già quyển 1 (bản 4 quyển), thì Không có 7 loại: 1/. Tướng không, cũng gọi Tự tướng không, nghĩa là tự tướng và cộng tướng của các pháp đều là không. 2/. Tính tự tính không, cũng gọi Tự tính không, nghĩa là tự tính của các pháp tức là không. 3/. Hành không, 5 uẩn xa lìa ngã và ngã sở, vì do nhân duyên sinh. 4/. Vô hành không, cũng gọi Bất hành không, nghĩa là trong 5 uẩn không hề có Niết bàn. 5/. Nhất thiết pháp li ngôn thuyết không: Tất cả các pháp không thể dùng lời nói để diễn tả, nên là không. 6/. Đệ nhất nghĩa Thánh trí đại không: Đệ nhất nghĩa không thấy được từ quả vị Thánh trí. 7/. Bỉ bỉ không: Mình, người, kia, đây đều là không; cái Không này là theo nghĩa hẹp.

Về thất không, Kinh MHBNBLMĐ liệt kê như sau:

"Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát tu tập bảy pháp không gồm: tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, mới cùng Bát nha Ba-la-mật tương ưng".

Bồ Tát Long Thọ chiết giải "Thất Không" trên trong phẩm thứ ba (Tiếp theo) "Tập Tương Ưng", Tập 2, quyển 36. ĐTĐL" như sau:

"Hỏi: *Vì sao chẳng nói đầy đủ 18 pháp không mà chỉ nói có 7 pháp không này thôi?*

Đáp: Trong Phật pháp tùy trường hợp có thể nói rộng hay nói hẹp. Rộng thì nói đến 18 pháp không, còn hẹp thì chỉ nói đến 7 pháp không này là đủ rồi vậy. Cũng như nói 37 Phẩm Trợ Đạo là nói rộng, còn nói 7 giác chi là nói hẹp.

Vì 7 pháp không này thường làm lợi ích cho chúng sanh; còn 11 pháp không kia thì khi nào chúng sanh khởi tà kiên mới cần nói đến. Khi đã quán được tổng tướng và biệt tướng của các pháp rồi, đã xa lìa được 5 dục, đã được tâm không, thì chỉ cần nói đến pháp không, và chúng sanh không.

Pháp không là do từ nơi tánh không. Tánh đã không thì cũng chẳng có tướng nên là **tự tướng không**. Tướng đã không thì hết thảy

các pháp đều không, là **chư pháp không**. Hết thảy các pháp đã là không, thì là bất khả đắc, tức là **bất khả đắc không**.

Dùng bốn pháp không này để phá hết thảy các pháp hữu vi, được **hữu pháp không**.

Thế nhưng, khi đã phá được hết thảy pháp hữu vi rồi thì thường rơi về chấp vô pháp. Bởi vậy, lại phải quán **vô pháp không**.

Nếu nghe vô pháp không mà trở về chấp hữu pháp thì lại phải quán cả vô pháp lẫn hữu pháp đều không, tức là **vô pháp hữu pháp không**.

Như vậy, người tu hành tuần tự tu tập 7 pháp không như sau:

- Tu tập 4 pháp gồm tánh không, tự tướng không, chư pháp không, và bất khả đắc không để phá chấp về các pháp hữu vi.

Khi đã quán được hữu pháp không rồi, nếu rơi về chấp vô pháp thì phải quán vô pháp không.

- Khi đã quán được hữu pháp không và vô pháp không rồi, lại còn phải quán chung cả vô pháp lẫn hữu pháp đều không, tức là quán vô pháp hữu pháp không. Khi đã quán được cả VÔ lẫn HỮU đều không, cũng như quán nội lẫn ngoại đều không, là đầy đủ cả 7 KHÔNG vậy.

Như vậy. Kinh Lăng Già và Kinh MHBNBLMĐ có sự khác biệt về "Thất Không". Tuy nhiên Kinh MHBNBLMĐ có vẻ phù hợp với 18 pháp không nhiều hơn, nên có thể tin cậy được.

- Thập không.

Luận Đại tì bà sa quyển 8 nêu ra 10 không: Nội không, Ngoại không, Nội ngoại không, Hữu vi không, Vô vi không, Tán hoại không, Bản tính không, Vô tế không, Thắng nghĩa không và Không không.

- Thập nhất không.

Theo Kinh Niết bàn quyển 16 (bản Bắc), thì Không có 11 loại: Nội không, Ngoại không, Nội ngoại không, Hữu vi không, Vô vi không, Vô thủy không, Tính không, Vô sở hữu không, Đệ nhất nghĩa không, Không không, Đại không... Trong đó, Vô sở hữu không cũng gọi Bất khả đắc không.

- Thập lục không.

Theo luận Biện trung biên quyển thượng, thì Không có 16 thứ: Nội không, Ngoại không, Nội ngoại không, Đại không, Không không, Thắng nghĩa không, Hữu vi không, Vô vi không, Tất kính không, Vô tế không, Vô tán không, Bản tính không, Tướng không, Nhất thiết pháp không, Vô tính không và Vô tính tự tính không.

***- Thập bát không*.**

Theo Kinh Đại Phẩm Bát Nhã quyển 3, Kinh Đại tập quyển 54 và luận Đại trí độ quyển 31, thì Không có 18 loại: Nội không, Ngoại không, Nội ngoại không, Không không, Đại không, Đệ nhất nghĩa không, Hữu vi không, Vô vi không, Tất kính không, Vô thủy không, Tán không, Tính không, Tự tướng không, Chư pháp không, Bất khả đắc không, Vô pháp không, Hữu pháp không và Vô pháp hữu pháp không... [X. Kinh Đại Bát Nhã Ba la mật Q.44; Kinh Niết bàn Q.25 (bản Bắc); luận Đại trí độ Q.38; luận Bồ đề tâm; luận Thập bát không; Đại thừa nghĩa chương Q.1 đến Q.4; Duy Ma Kinh nghĩa ký Q.3; Hoa Nghiêm pháp giới quán môn; Trung Quán Luận sớ Q.2 phần cuối]. (xt. Bản Thể, Không Hữu Luận Tranh)- Phật Quang từ điển.

***Lưu ý**: Tất cả pháp Không trên được hình thành theo tiến trình của dòng lịch sử. Kết quả chúng ta có* **18 pháp không** *"gần" hoàn hảo như ngày hôm nay để giải thích thế nào là nhất thiết pháp không. Mặc dù Kinh Luận hoặc sách vở hoặc tự điển hoặc ý kiến của các học giả Phật học giải thích, luận giải nhiều về cái không này, nhưng không ai có thể thậm nhập trọn vẹn. Chỉ khi nào chính các ông chứng nhập được Bát Nhã và các ông là một Bát Nhã sống, một Bát Nhã có đi đứng nằm ngồi các ông mới hiểu nổi trọn vẹn "cái không" bất tận này./.*

---o0o---

70. PHẨM "BẤT KHẢ ĐỘNG"

Cuối Q.386 đến đầu Q.390, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương tương phẩm "Thật Tế" quyển thứ 28, MHBNBLMĐ)

Gợi ý:

*Hai phẩm trước nói về "Các Tướng Công Đức" và "Các Pháp Bình Đẳng". Học các pháp này sẽ chứng biết được cái "**không tánh, như tánh, chỗ gọi là vô tướng của vạn hữu, mà có cái thấy biết bình đẳng đối với muôn sự muôn vật**", nên tâm bất động mà chứng được chân như thật tướng. Phẩm "Bất Khả Động" này không nói về tâm mà Phật nêu lên hai vấn đề: Vấn đề thứ nhất là Thật tế, Chúng sanh tế và vấn đề thứ hai là nói về Bản tánh không.*

Cũng nên mở dấu ngoặc ở đây: Thật tế cũng là không, Bản tánh không cũng là không. Tuy hai mà một. Khi tri nhận được tất cả pháp đều không thì không còn thủ tâm chấp tướng. Không còn thủ tâm, chấp tướng tức không còn thi vi tạo tác. Nên có thể nói là bất động (không còn động chuyển nữa).

Cũng xin đừng nhầm lẫn phẩm "Bất Khả Động" này (bắt đầu từ Q.386 cho đến hết phần đầu Q.390) với phẩm "Pháp Tánh Vô Động" ở cuối Q.397. Phẩm "Bất Khả Động" nói: Vì thâm hiểu tất cả pháp Không nên tâm không động. Phẩm "Pháp Tánh Vô Động" lại nói: Vì soi thấy tất cả pháp như huyễn như hóa v.v... nên tâm rỗng không, bất động. Cách diễn tả có khác nhưng ý không khác.

Chứng được Tánh Không, Chân như, Thật tế... tức là chứng được cái biên tế chung cùng của tất cả pháp tánh thì thành La hán, Bồ Tát, Phật, nên tâm bất động. Cũng vậy, nếu thấy các pháp như huyễn như hóa... thì pháp không chuyển được tâm, do đó thấy biết pháp tánh vô động. Pháp tánh vô động thì pháp không chuyển được tâm mà ngược lại tâm có thể chuyển được pháp. Hai phẩm có tiến trình khác nhau nhưng kết quả chỉ là một.

Nói tóm lại, ba phẩm "Các Tướng Công Đức", "Các Pháp Bình Đẳng" và "Bất Khả Động" được xem là kết luận chung của giáo lý Bát Nhã Tánh Không, kết thúc 400 quyển trong số 600 quyển của Hội thứ I,

ĐBN. Học và hành các giáo lý này thì chứng ngộ, ***nên ba phẩm này có thể xem như là cốt tủy của Đại Bát Nhã Ba La Mật.***

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu các hữu tình và sự an lập của hữu tình đều rốt ráo chẳng thể nắm bắt được thì các Đại Bồ Tát vì ai mà tu Bát Nhã?

Phật bảo: Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát lấy thật tế làm *(định)* lượng, nên tu hành Bát Nhã. Thiện Hiện! Nếu hữu tình tế*(1)* cùng thật tế*(2)* ấy có khác, các đại Bồ Tát chẳng nên tu hành Bát Nhã. Vì hữu tình tế chẳng khác thật tế. Vậy nên, đại Bồ Tát vì các hữu tình hành Bát Nhã.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, vì chẳng hoại pháp thật tế, an lập hữu tình nơi thật tế.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu các hữu tình tế tức là thật tế, đại Bồ Tát làm sao khi tu hành Bát Nhã, vì chẳng hoại pháp thật tế, an lập hữu tình nơi thật tế? Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, an lập hữu tình nơi thật tế ấy thời là an lập thật tế nơi thật tế? Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã an lập thật tế nơi thật tế ấy, thời là an lập tự tánh nơi tự tánh, nhưng chẳng lẽ an lập tự tánh nơi tự tánh? Bạch Thế Tôn! Làm sao nói được đại Bồ Tát ấy, khi tu hành Bát Nhã vì chẳng hoại pháp thật tế, an lập hữu tình nơi thật tế?

Phật bảo: Thiện Hiện! Chẳng thể an lập thật tế nơi thật tế, cũng chẳng thể an lập tự tánh nơi tự tánh. Nhưng các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã phương tiện khéo léo năng an lập hữu tình nơi thật tế, mà hữu tình tế chẳng khác thật tế. Như vậy, Thiện Hiện! Hữu tình tế cùng thật tế không hai không hai phần.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Những gì là đại Bồ Tát phương tiện khéo léo, đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã do sức phương tiện khéo léo đây nên an lập hữu tình nơi thật tế mà năng chẳng hoại tướng thật tế?

(Tất cả pháp bản tánh không)*(3).*

- Thiện Hiện! Các nhà Đại thừa tức các Bồ Tát tu hành Bát Nhã, từ lúc mới phát tâm, đã thành tựu phương tiện thiện xảo như thế. Do sức phương tiện thiện xảo này, **nên an lập hữu tình ở trong bố thí**, đã an lập rồi, vì họ tuyên thuyết bố thí khoảng trước, sau, giữa không có tướng sai biệt: Bố thí như thế khoảng trước, sau, giữa tất cả **đều không**. Người thí, kẻ thọ, kết quả sự bố thí đều không, tất cả hoàn toàn vô sở hữu, bất khả đắc. Như thế, chớ chấp bố thí có sự sai khác và kẻ thí, người thọ, kết quả bố thí, thật tế có sự sai khác. Nếu chẳng chấp thì phước đức tu bố thí sẽ đưa đến quả vị Cam lồ. Khi tu bố thí này chớ chấp thủ sắc, chớ chấp thủ thọ, tưởng, hành, thức; chớ chấp thủ 12 xứ, 18 giới, chớ chấp thủ 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến chớ chấp thủ Bồ Tát hạnh; chớ chấp thủ quả vị Giác ngộ tối cao; chớ chấp thủ pháp thế gian pháp xuất thế; chớ chấp thủ pháp hữu lậu pháp vô lậu; chớ chấp thủ pháp hữu vi pháp vô vi. Vì sao? Vì tất cả bố thí và tánh bố thí là **không**; tất cả người thí và tánh người thí là không; tất cả người thọ và tánh người thọ là không; tất cả kết quả bố thí và tánh của kết quả bố thí cũng không; trong cái không, bố thí chẳng thể nắm bắt được, người thí chẳng thể nắm bắt được, người thọ chẳng thể nắm bắt được, kết quả bố thí chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? **Vì tự tánh của các pháp rốt ráo không. Trong cái rốt ráo không*(4)*, tất cả đều chẳng thể nắm bắt được**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, từ lúc mới phát tâm đã thành tựu phương tiện thiện xảo như thế; do sức phương tiện thiện xảo này, nên **an lập hữu tình ở trong tịnh giới**; đã an lập rồi, nay đối với các hữu tình nên thương xót sâu xa, xa lìa sự giết hại, xa lìa dâm dục, tà hạnh, xa lìa lời nói hư dối, xa lìa lời nói ly gián, xa lìa lời nói thô ác, xa lìa lời nói hỗn tạp, xa lìa tham dục, xa lìa sân nhuế, xa lìa tà kiến. Vì sao? **Vì các pháp như thế hoàn toàn không có tự tánh, nếu pháp không có tự tánh thì gọi là vô tánh, nên chẳng phân biệt chấp trước.**

Thiện Hiện! đại Bồ Tát này khi hành Bát nhã Ba la mật trọn nên phương tiện khéo léo như thế, nên hay khéo thành thục các loài hữu tình, **vì nói quả bố thí và tịnh giới đều chẳng khá được**, khiến biết quả bố thí và tịnh giới tự tánh đều không. Các Bồ Tát đã rõ biết sở tu quả bố thí và tịnh giới tự tánh đều không rồi, mà năng đối trong ấy chẳng sanh chấp trước. Do chẳng chấp trước tâm không tán loạn. Vì không tán loạn, nên năng phát sanh diệu huệ. Nhờ diệu huệ đây dứt hẳn thùy miên tùy miên và

các ràng buộc rồi mới vào Vô dư Niết bàn. Thiện Hiện! Như vậy là nương thế tục mà nói chẳng nương thắng nghĩa. Vì sao? Vì trong không, không có chút pháp khá được, hoặc đã Niết bàn, hoặc sẽ Niết bàn, hoặc nay Niết bàn, hoặc kẻ Niết bàn, hoặc do đây nên được Niết bàn, tất cả như thế đều vô sở hữu, rốt ráo đều không. **Tánh rốt ráo không tức là Niết bàn, lìa Niết bàn đây không riêng có pháp khác**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các Bồ Tát tu hành Bát Nhã từ lúc mới phát tâm, đã thành tựu phương tiện thiện xảo như thế; do sức phương tiện thiện xảo này thấy các hữu tình tâm nhiều sân hận, vô cùng thương xót, phương tiện dạy bảo: **Nên tu an nhẫn**, ưa pháp an nhẫn, chế ngự tâm mình, thọ hạnh an nhẫn. Tại sao phải sân hận? Vì sao sân hận? Sân hận ai? Các pháp ấy, **bản tánh đều không; pháp bản tánh không chưa từng chẳng không**; tánh không như thế chẳng phải Như Lai tạo ra, chẳng phải Độc giác tạo ra, chẳng phải Thanh văn tạo ra, chẳng phải Bồ Tát tạo ra, cũng chẳng phải trời, rồng, thần tiên tạo ra, cũng chẳng phải chư thiên trong cõi Dục, Sắc hay Vô sắc tạo ra. Tất cả pháp như thế, bản tánh đều không, chẳng phải trong tánh không có sân hận, cho nên cần phải an nhẫn để đem lại lợi ích mình người.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bồ Tát tu hành Bát Nhã, từ lúc mới phát tâm đã thành tựu phương tiện thiện xảo như thế; do sức phương tiện thiện xảo này, thấy các hữu tình thân tâm giải đãi, thối thất tinh tấn, phương tiện khuyên bảo, dẫn dắt, khiến **họ phát khởi thân tâm tinh tấn**, tu các thiện pháp. Trong bản tánh không, không có pháp giải đãi, không có người giải đãi, không xứ giải đãi, không thời giải đãi, không do việc này phát sanh giải đãi, biếng nhác. Tất cả pháp ấy đều bản tánh không, chẳng vượt lý không. Phải phát khởi thân tâm tinh tấn, từ bỏ giải đãi, **siêng tu thiện pháp**, đó là lục Ba la mật; hoặc tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao. Chớ sanh giải đãi; nếu sanh giải đãi thì phải chịu nhiều thống khổ. Tất cả pháp ấy, bản tánh đều không, không có các chướng ngại, trong cái không chướng ngại, không có giải đãi, không có người giải đãi, xứ, thời, duyên của việc này cũng chẳng thể nắm bắt được.

Bồ Tát ấy, khi hành Bát Nhã, thành tựu phương tiện thiện xảo như thế, có khả năng khéo léo thành thục hữu tình, vì họ mà nói quả bố thí, tịnh giới, an nhẫn và tinh tấn hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, khiến họ biết quả bố thí, tịnh giới, an nhẫn và tinh tấn tự tánh đều không. Khi họ đã hiểu rõ quả bố thí, tịnh giới… tự tánh đều không rồi, thì có thể đối với pháp ấy chẳng sanh chấp trước, do chẳng chấp trước, tâm không tán loạn, do không tán loạn, có thể phát diệu tuệ, do diệu tuệ này đoạn trừ vĩnh viễn thùy miên và các triền rồi, nhập cảnh giới Niết bàn tuyệt đối.

Như vậy là nương vào thế tục mà nói, chẳng y cứ vào thắng nghĩa. Vì sao? Vì trong không, không có một pháp nhỏ nào có thể nắm bắt được; hoặc đã Niết bàn, hoặc sẽ Niết bàn, hoặc hiện Niết bàn, hoặc người Niết bàn, hoặc do đó mà đắc Niết bàn, tất cả như thế, hoàn toàn vô sở hữu, rốt ráo đều không; tánh không rốt ráo tức là Niết bàn, lìa Niết bàn này không có một pháp riêng khác.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bồ Tát tu hành Bát Nhã, từ lúc sơ phát tâm, thành tựu phương tiện thiện xảo như thế; do sức phương tiện thiện xảo này, thấy các hữu tình, tâm nhiều loạn động, đối với các cảnh dục chẳng thể nhiếp tâm, nên dạy bảo khuyến dẫn **tu thiền định**, nhập các Tam ma địa thù thắng. **Vì tất cả pháp đều bản tánh không; trong bản tánh không, không có pháp có thể nắm bắt có thể gọi là tán loạn hoặc gọi là nhất tâm**. **Nếu có thể an trụ định thù thắng này thì có thể viên mãn tất cả các thiện pháp**. Nhờ viên mãn các thiện pháp thù thắng, nên có thể từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn; ở chỗ các đức Phật, nghe, thọ chánh pháp, bỏ thân thọ thân, trải vô lượng kiếp cho đến đắc quả vị Giác ngộ tối cao, ở khoảng giữa, chẳng bao giờ quên mất.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bồ Tát tu hành Bát Nhã, từ lúc mới phát tâm đã thành tựu phương tiện thiện xảo như thế. Do sức phương tiện thiện xảo này **an trụ bản tánh không**, thấy các hữu tình trí tuệ bạc mỏng, ngu si điên đảo, tạo các nghiệp ác, nên phương tiện khuyến dẫn **siêng tu Bát Nhã**, quán tất cả pháp bản tánh không tịch, tu hành các nghiệp thân, ngữ, ý đều hướng đến Niết bàn; đắc quả Niết bàn quyết dùng Niết bàn mà tạo dựng đời sau. **Tất cả pháp đều bản tánh không. Trong bản tánh không,**

hữu tình và pháp tuy chẳng thể nắm bắt được, nhưng việc tu hành cũng không thối thất. Vì sao? Vì trong bản tánh không, không có pháp tăng giảm, không có người tăng giảm. Lý của bản tánh không chẳng phải có tự tánh, chẳng phải không có tự tánh, lìa phân biệt, dứt các hý luận, cho nên ở trong đó, không tăng, không giảm.

Như vậy, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật phương tiện khéo léo, tự tu hành nghiệp lành thường không biếng bỏ, dạy bảo dạy trao các loại hữu tình khiến tu nghiệp lành thường không biếng bỏ. Thiện Hiện! Đấy gọi là đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật phương tiện khéo léo. Các đại Bồ Tát do sức phương tiện đây, nên an lập hữu tình trong thật tế mà chẳng hoại tướng.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp bản tánh đều không. Trong bản tánh không, hữu tình và các pháp đều chẳng khá được. Do ở trong đấy cũng không có phi pháp, đại Bồ Tát làm sao vì các hữu tình cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thường làm nhiêu ích?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy. Như ngươi đã nói, tất cả pháp bản tánh đều không. Trong bản tánh không, hữu tình và các pháp đều chẳng khá được. Do ở trong đây cũng không phi pháp.

Thiện Hiện! Nếu tất cả pháp bản tánh chẳng không, thì khi Bồ Tát tu hành Bát Nhã chẳng thể an trụ lý bản tánh không, tu chứng quả vị Giác ngộ tối cao, vì lợi ích hữu tình, thuyết bản tánh không. Vì tất cả pháp đều bản tánh không, nên Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, an trụ đạo lý đó, tu chứng quả vị Giác ngộ tối cao, vì lợi ích hữu tình thuyết bản tánh không.

(Những pháp nào bản tánh không?)

Thiện Hiện! Những pháp nào bản tánh đều không mà đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã như thật rõ biết bản tánh không rồi, trụ nơi bản tánh không, vì hữu tình thuyết pháp?

Thiện Hiện! **Sắc bản tánh không**; **thọ, tưởng, hành, thức bản tánh không**; đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã như thật rõ biết các uẩn bản tánh không như thế rồi, an trụ bản tánh không, vì các hữu tình, tuyên thuyết bản

tánh không; 12 xứ, 18 giới bản tánh không, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao bản tánh không; đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, như thật rõ biết bản tánh không rồi, an trụ bản tánh không, vì các hữu tình, tuyên thuyết bản tánh không như thế.

Nếu bản tánh của tất cả pháp chẳng không, thì các đại Bồ Tát chẳng vì các hữu tình thuyết tất cả pháp đều bản tánh không; thuyết như thế là hoại bản tánh không. Nhưng bản tánh không, lý chẳng thể hoại, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì lý bản tánh không không phương, không xứ, không từ đâu đến, cũng không về đâu. Lý không như thế cũng gọi là pháp tánh*(5)*. Trong ấy không có pháp, không tụ, không tán, không tăng, không giảm, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh; tất cả pháp ấy vốn là tánh an trụ. Các đại Bồ Tát an trụ trong đó, cầu đạt quả vị Giác ngộ tối cao chẳng thấy các pháp có chỗ hướng đến, không chỗ hướng đến, vì tất cả pháp hoàn toàn không sở trụ, cho nên gọi là pháp trụ. Các đại Bồ Tát an trụ trong đó, tu hành Bát Nhã, thấy tất cả pháp bản tánh không rồi, nhất định hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, được bất thối chuyển. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy chẳng thấy có pháp có thể gây chướng ngại. Vì thấy tất cả pháp không chướng ngại nên đối với quả vị Giác ngộ tối cao chẳng sanh nghi hoặc, vì vậy nên không bao giờ thối thất.

Trong bản tánh không, ngã chẳng thể nắm bắt được, hữu tình chẳng thể nắm bắt được, sự an lập hữu tình chẳng thể nắm bắt được; dòng sanh mạng, khả năng sanh khởi, sự dưỡng dục, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sanh, nho đồng, khả năng làm việc, khả năng khiến người làm việc, khả năng tạo nghiệp, khả năng khiến người tạo nghiệp, khả năng thọ quả báo, khả năng khiến người thọ quả báo, cái biết, cái thấy cũng chẳng thể nắm bắt được.

Trong **bản tánh không, sắc chẳng thể nắm bắt được**; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng thể nắm bắt được. Trong bản tánh không, 12 xứ, 18 giới chẳng thể nắm bắt được. Trong bản tánh không, 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cũng chẳng thể nắm bắt được. Trong bản tánh

không, pháp sắc phi sắc chẳng thể nắm bắt được; pháp hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện! Như bốn chúng mà Phật hóa ra là Tỳ kheo nam, Tỳ kheo nữ, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ, giả sử có hóa Phật, trải qua trăm ngàn, triệu kiếp, vì bốn chúng ấy tuyên thuyết pháp yếu, hóa chúng ấy cũng chẳng thể đắc quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, hoặc đắc quả vị Độc giác, hay quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì hóa chúng đó hoàn toàn không phải thật, nên không thể đắc quả. Các pháp cũng vậy, đều bản tánh không, hoàn toàn không thật có thì làm sao có thể đắc quả. Đại Bồ Tát, vì hữu tình gì, nói pháp gì khiến hữu tình có thể đắc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn v.v…?

Thiện Hiện! **Đại Bồ Tát tuy vì hữu tình tuyên thuyết các pháp bản tánh không, nhưng các hữu tình, thật chẳng thể hiểu biết được, thương xót họ rơi vào điên đảo, nên cứu vớt khiến an trụ pháp không điên đảo, <u>không điên đảo nghĩa là không phân biệt</u>; không phân biệt thì không điên đảo, nếu có phân biệt thì có điên đảo vì chúng đồng loại.**

Thiện Hiện! Trong cái không phân biệt, không điên đảo, không có ngã, hữu tình, dòng sanh mạng, khả năng sanh khởi, sự dưỡng dục, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sanh, nho đồng… cho đến cái biết, cái thấy; cũng không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; cũng không có 12 xứ, 18 giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao. Cũng không có pháp sắc phi sắc, không có pháp hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi; cũng không có 32 tướng Đại sĩ, không có 80 vẻ đẹp phụ thuộc.

Như vậy, nói lược là "tất cả đều không": Không ngã, không chúng sanh, không mạng giả… cho đến không có cái thấy cái biết, không có sắc thọ tưởng hành thức, không có xứ giới, không có tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, không có tập diệt đạo, không có vô minh cũng không hết vô minh, không có già chết cũng không hết già chết, cũng không có pháp không nội, không có pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không

đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, cũng không có đạo, không có quả, cũng không có chứng đắc v.v…Tất cả đều không sở hữu, nếu không sở hữu thì gọi là bản tánh không. Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, an trụ trong đó thấy các hữu tình đọa vào tưởng điên đảo, phương tiện thiện xảo khiến được giải thoát. Giải thoát những gì? Giải thoát những trói buộc: Không có ngã, tưởng có ngã; không có chúng sanh, tưởng có chúng sanh… cho đến không có cái thấy cái biết, tưởng có thấy biết. Cũng giải thoát những trói buộc: Không có sắc, tưởng có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức, tưởng có thọ, tưởng, hành, thức. Cũng khiến giải thoát những trói buộc: Không có xứ, giới, tưởng có xứ, giới, không có tất cả pháp Phật, tưởng có tất cả pháp Phật. Cũng khiến giải thoát những trói buộc: Không có pháp sắc, phi sắc mà tưởng có pháp sắc phi sắc; không có pháp hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi, mà tưởng có pháp hữu kiến vô kiến cho đến hữu vi vô vi.

Còn Đệ nhất nghĩa đế thì không sanh, không diệt, không tướng, không tác, không hý luận, không phân biệt. Thắng nghĩa đế tức là bản tánh không. Bản tánh không này tức là sở chứng của chư Phật, cũng gọi là Phật đạo. Trong ấy chúng sanh bất khả đắc, cho đến người thấy, người biết bất khả đắc; sắc, thọ, tưởng, hành, thức bất khả đắc cho đến 80 tùy hình hảo bất khả đắc. Tại sao? Vì đại Bồ Tát chẳng phải vì đạo pháp mà cầu Vô thượng Bồ đề. Đại Bồ Tát vì chư pháp thật tướng tánh không mà cầu Vô thượng Bồ đề. Tánh không ấy, tiền tế, hậu tế và trung tế đều tánh không! Thường là tánh không, chưa từng chẳng không. *(Q.388, ĐBN)*

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát *(trụ)* bản tánh không, vì muốn giải thoát các loại hữu tình nên hành Đạo tướng trí. Bồ Tát này hành Đạo tướng trí tức là hành tất cả đạo: Thanh văn, hoặc Độc giác, hoặc Bồ Tát hay Như Lai đạo. Đại Bồ Tát này đối tất cả đạo được viên mãn rồi, mới năng thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, cho đến khi chứng quả Vô thượng Bồ đề. Đã chứng Vô thượng Bồ đề nên khiến Phật nhãn thường không đoạn hoại. Phật nhãn là gì? **Tức là bản tánh không**.

Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ đều dùng bản tánh không, gọi là Phật nhãn. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vị lai đều dùng bản tánh không làm Phật nhãn. Hiện tại mười phương vô biên thế giới có bao nhiêu Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều dùng bản tánh không làm Phật nhãn. **Nhất định không có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nào lìa bản tánh không mà có thể xuất hiện ở đời. Chư Phật xuất thế đều thuyết bản tánh không; hữu tình được giáo hóa cần phải lắng nghe Phật thuyết lý bản tánh không, mới có thể nhập Thánh đạo, chứng quả Thánh đạo; lìa bản tánh không, không có phương tiện nào khác**. Cho nên, các đại Bồ Tát muốn chứng quả vị Giác ngộ tối cao, cần phải an trụ vững vàng lý bản tánh không, tu hành Bát Nhã và các Bồ Tát hạnh. Nếu an trụ vững vàng lý bản tánh không, tu hành Bát Nhã và Bồ Tát hạnh thì chẳng bao giờ thối thất Nhất thiết trí trí.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Như vậy, các đại Bồ Tát thật hi hữu! Tuy hành tất cả pháp bản tánh không nhưng chẳng phá hoại các pháp, đó là **chẳng chấp sắc khác với bản tánh không**, cũng chẳng chấp thọ, tưởng, hành, thức khác với bản tánh không; chẳng chấp 12 xứ, 18 giới khác với bản tánh không, chẳng chấp tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ khác với bản tánh không.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy. Như ngươi vừa nói. Các đại Bồ Tát rất là hiếm có. **Tuy hành tất cả pháp bản tánh đều không, mà đối bản tánh không chẳng hoại các pháp**. Thiện Hiện! **Sắc tức là bản tánh không, bản tánh không tức là sắc**; thọ, tưởng, hành, thức tức là bản tánh không, bản tánh không tức là thọ, tưởng, hành, thức; 12 xứ, 18 giới tức là bản tánh không, bản tánh không tức là 12 xứ, 18 giới; tất cả pháp Phật tức là bản tánh không, bản tánh không tức là tất cả pháp Phật.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu sắc khác bản tánh không, bản tánh không khác sắc; sắc chẳng phải bản tánh không, bản tánh không chẳng phải sắc. Nếu thọ, tưởng, hành, thức khác bản tánh không, bản tánh không khác thọ, tưởng, hành, thức; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải bản tánh không, bản tánh không chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức. Nếu 12 xứ, 18 giới khác bản tánh không, bản tánh không khác 12 xứ, 18 giới; 12 xứ, 18 giới chẳng phải bản tánh không, bản tánh không chẳng phải 12 xứ, 18 giới v.v… cho

đến nếu quả vị Giác ngộ tối cao khác bản tánh không, bản tánh không khác quả vị Giác ngộ tối cao; quả vị Giác ngộ tối cao chẳng phải bản tánh không, bản tánh không chẳng phải quả vị Giác ngộ tối cao **thì các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã chẳng nên quán tất cả pháp đều bản tánh không, để chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.**

Thiện Hiện! **Vì sắc chẳng khác bản tánh không, bản tánh không chẳng khác sắc; sắc tức là bản tánh không, bản tánh không tức là sắc.** Thọ, tưởng, hành, thức chẳng khác bản tánh không, bản tánh không chẳng khác thọ, tưởng, hành, thức; thọ, tưởng, hành, thức tức là bản tánh không, bản tánh không tức là thọ, tưởng, hành, thức. Vì 12 xứ, 18 giới chẳng khác bản tánh không, bản tánh không chẳng khác 12 xứ, 18 giới; 12 xứ, 18 giới tức là bản tánh không, bản tánh không tức là 12 xứ, 18 giới v.v… Quả vị Giác ngộ tối cao chẳng khác bản tánh không, bản tánh không chẳng khác quả vị Giác ngộ tối cao; quả vị Giác ngộ tối cao tức là bản tánh không, bản tánh không tức là quả vị Giác ngộ tối cao, nên các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **quán tất cả pháp đều bản tánh không, nên chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao**. Vì sao? Vì lìa bản tánh không, không có một pháp nào là thật, là thường, có thể hoại, có thể đoạn. Trong bản tánh không, cũng không có một pháp nào là thật, là thường, có thể hoại, có thể đoạn, chỉ có những kẻ ngu si mê muội, điên đảo mới khởi tưởng sai khác, **đó là chấp sắc khác bản tánh không**, hoặc chấp thọ, tưởng, hành, thức khác bản tánh không; hoặc chấp 12 xứ, 18 giới khác bản tánh không; hoặc chấp tất cả pháp Phật khác bản tánh không.

Thiện Hiện! Các phàm phu ngu si ấy chấp các pháp khác bản tánh không rồi, chẳng như thật biết sắc: Chẳng như thật biết thọ, tưởng, hành, thức; vì do chẳng biết nên chấp trước sắc, chấp trước thọ, tưởng, hành, thức; vì do chấp trước nên đối với sắc chấp có ngã và ngã sở, đối với thọ, tưởng, hành, thức chấp có ngã và ngã sở; vì do vọng chấp nên đắm vào vật trong ngoài, <u>thọ nhận sắc, thọ, tưởng, hành, thức của thân sau</u>. Do đó, chẳng có thể giải thoát sanh, lão, bệnh, tử… qua lại ba cõi luân chuyển không cùng. Do nhân duyên ấy, các đại Bồ Tát an trụ bản tánh không Ba la mật, tu hành Bát Nhã, chẳng chấp thọ sắc, cũng chẳng hoại sắc, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng chấp thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng hoại thọ, tưởng, hành, thức hoặc không, hoặc chẳng không.

Thiện Hiện! Thí như hư không chẳng hoại hư không*(6)*, cảnh giới hư không nội chẳng hoại cảnh giới hư không ngoại*(7)*; cảnh giới hư không ngoại chẳng hoại cảnh giới hư không nội. Như vậy, sắc chẳng hoại không, không chẳng hoại sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng hoại không, không chẳng hoại thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì các pháp như thế đều không có tự tánh, chẳng thể hoại nhau, đây là không, đây là bất không.

(Tất cả pháp không, không có hai tướng, không phân biệt).

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều bản tánh không, mà trong bản tánh không hoàn toàn không sai biệt thì các đại Bồ Tát an trụ ở đâu mà phát khởi tâm cầu quả vị Giác ngộ tối cao với lời nguyện: Ta sẽ chứng đắc quả vị đại giác ngộ? Bạch Thế Tôn! Quả vị Giác ngộ tối cao không có hai hành tướng, để có thể chứng quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói, quả vị Giác ngộ tối cao không có hai hành tướng, chẳng phải hai hành tướng có thể chứng quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì **Bồ đề không hai, cũng không phân biệt**. Nếu đối với Bồ đề mà hành hai tướng, có phân biệt thì chắc chắn không có thể chứng. *(Q. 388, ĐBN)*

Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát đối với Bồ đề, chẳng hành hai tướng, cũng chẳng phân biệt, hoàn toàn không trụ vào đâu, mà phát khởi tâm cầu quả vị Giác ngộ tối cao. Các đại Bồ Tát đối với tất cả pháp, chẳng hành hai tướng, cũng chẳng phân biệt, hoàn toàn không có sở hành thì có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Này Thiện Hiện! Sở cầu của các đại Bồ Tát là quả vị Giác ngộ tối cao chẳng phải hành hai tướng mà có thể chứng đắc. Các đại Bồ Tát sở hữu quả vị giác ngộ, hoàn toàn không có sở hành. Đó là chẳng hành sắc, cũng chẳng hành thọ, tưởng, hành, thức; cũng chẳng hành xứ giới, chẳng hành tất cả pháp kể cả quả vị Giác ngô tối cao. Vì sao? Vì các đại Bồ Tát sở hữu quả vị giác ngộ, chẳng duyên vào danh vị chấp ngã, ngã sở, nghĩa là chẳng nghĩ: Ta hành sắc, ta hành thọ, tưởng, hành, thức; cũng chẳng nghĩ là ta hành xứ giới. ta hành tất cả pháp Phật kể cả quả vị Giác ngộ tối cao.

Các đại Bồ Tát sở hữu quả vị Giác ngộ, cũng chẳng phải thủ mà hành, cũng chẳng phải xả mà hành.

Thiện Hiện bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã **chẳng thủ, chẳng xả** mà hành, hoàn toàn không có chỗ hành, nghĩa là chẳng hành sắc, cũng chẳng hành thọ, tưởng, hành, thức; chẳng hành 12 xứ 18 giới, chẳng hành tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến chẳng hành quả vị Giác ngộ tối cao thì làm sao chứng đắc quả vị Vô thượng Bồ đề?

Phật bảo: Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát sở hữu quả vị Giác ngộ **tuy không có chỗ hành nhưng vẫn phải hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật**; vẫn phải hành 18 pháp không, vẫn phải hành 37 pháp trợ đạo; phải hành Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; cần phải hành 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; cần phải hành 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ; cần phải hành tất cả pháp môn Đà la ni, Tam ma địa; cần phải hành tam giải thoát môn; cần phải hành Bồ Tát thập địa; cần phải hành 5 nhãn, 6 thần thông; cần phải hành Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt v.v… cần phải hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; **cần phải an trụ** thần thông thù thắng, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật mới có thể chứng đắc quả vị Vô thượng Bồ đề.

(Không có chỗ hành vì tất cả pháp đều không. Không có chỗ hành có nghĩa là không hành được mất, có không, thủ hay xả. Không có chỗ hành cũng có nghĩa là không vì lợi danh mà hành. Hạnh nguyện của Bồ Tát là làm đẹp thế gian này, nên chỗ nào có khổ thì chỗ đó có Bồ Tát, dù chỗ đó là tận cùng thế giới đầy dầu xôi lửa bỏng. Các Ngài luôn ước nguyện: "Kẻ mù được thấy, kẻ điếc được nghe, kẻ câm được nói, kẻ cuồng được nhớ, kẻ loạn được định, kẻ nghèo được giàu, kẻ trần được áo, kẻ đói được ăn, kẻ khát được uống, kẻ bệnh được lành, kẻ xấu được đẹp, kẻ tàn tật được đầy đủ, kẻ căn khuyết được vuông tròn, kẻ mê lầm được tỉnh ngộ và kẻ mỏi mệt được thư thới". *Vì vậy, những ai phát tâm cầu Vô thượng Bồ đề, phải an trụ tất cả Phật pháp mới có thể hành Bồ Tát đạo, thực thi các hạnh nguyện cao cả nhằm phục vụ lợi ích chúng sanh. Đó là không chỗ hành nhưng vẫn phải hành. Hành như vô sự hay gọi là vô đạo hành!)*

(Bản tánh không là sở chứng của chư Phật, cũng gọi là Phật đạo).

Nếu đại Bồ Tát muốn đắc Vô thượng Bồ đề thì phải an trụ tất cả pháp Phật. Mà **an trụ tất cả pháp Phật tức là an trụ bản tánh không** của sắc, an trụ bản tánh không của thọ tưởng hành thức; an trụ bản tánh không của 12 xứ 18 giới; an trụ bản bản tánh không của tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến an trụ quả vị Giác ngộ tối cao. **Nói gọn, là phải an trụ tất cả pháp Phật. Kinh nói "bản tánh không là sở chứng của chư Phật, cũng gọi là Phật đạo", "Nhất định không có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nào lìa bản tánh không mà có thể xuất hiện ở đời". Vậy, bản tánh không là Như Lai Ứng Cúng Đẳng giác, là Vô thượng Bồ đề, là Phật Đạo**.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nương vào thế tục mà nói, phô diễn các pháp như thật rõ biết bản tánh không rồi, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, chứ chẳng phải như chơn thắng nghĩa*(tức đệ nhất nghĩa đế)*. Vì sao? Vì trong chơn thắng nghĩa, không có sắc có thể nắm bắt được, cũng không có thọ, tưởng, hành, thức có thể nắm bắt được; không có nhãn xứ có thể nắm bắt được…; cũng không có quả vị Giác ngộ tối cao có thể nắm bắt được; không có người hành Bồ Tát hạnh có thể nắm bắt được, cũng không có người hành quả vị Giác ngộ tối cao có thể nắm bắt được.

Thiện Hiện! Các pháp như thế, đều nương vào ngôn từ thế tục mà phô diễn, chẳng y cứ vào thắng nghĩa.

Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, từ lúc mới phát tâm, tuy rất hăng hái vì các hữu tình hành Bồ đề đạo, nhưng đối với tâm này hoàn toàn không có sở đắc, đối với các hữu tình cũng không có sở đắc, đối với Bồ đề cũng không có sở đắc, đối với Phật, Bồ Tát cũng không có sở đắc.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- "Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp hoàn toàn không sở đắc, đều chẳng thể nắm bắt được, thì tại sao đại Bồ Tát hành hạnh Bồ đề có thể đắc quả vị Giác ngộ tối cao?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Khi trước ông nương vào Bồ đề mà đoạn các phiền não, được căn vô lậu an trụ định vô gián, đắc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hay A la hán, thì khi ấy, ông có thấy hữu tình, hoặc tâm hoặc đạo, hoặc quả chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu khi đó ông hoàn toàn không có sở đắc thì tại sao nói là đắc quả A la hán?

Thiện Hiện đáp:

- Vì nương vào thế tục mà nói, chẳng y cứ vào thắng nghĩa.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông nói. Các đại Bồ Tát cũng giống như thế, nương vào thế tục mà nói hành đạo Bồ đề và đắc quả Giác ngộ, chứ chẳng y cứ vào thắng nghĩa.

Này Thiện Hiện! Vì nương vào thế tục nên đặt bày có sắc, đặt bày có thọ, tưởng, hành, thức; vì nương vào thế tục nên đặt bày có 12 xứ, 18 giới; vì nương vào thế tục nên đặt bày 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… đặt bày có quả vị Giác ngộ tối cao; vì nương vào thế tục nên đặt bày có hữu tình, đặt bày có Bồ Tát, chư Phật Thế Tôn, chẳng y cứ thắng nghĩa.

Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát chẳng thấy có pháp nào có thể đối với quả vị Giác ngộ có tăng có giảm, có ích có tổn, vì tất cả pháp, bản tánh không vậy.

Các đại Bồ Tát đối với tất cả pháp, quán bản tánh không còn chẳng thể nắm bắt được, huống là mới phát tâm mà có cái có thể nắm bắt được, huống là tu lục Ba la mật mà có cái có thể nắm bắt được, huống là tu 18 pháp không, Tứ đế, 37 pháp trợ đạo mà có cái có thể nắm bắt được; huống là tu 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến huống là tu quả vị Giác ngộ tối cao mà có cái có thể nắm bắt được.

Các đại Bồ Tát nếu có sở đắc, đối với sở tu mà có thể an trụ tất cả pháp Phật là điều không thể có!

Thích nghĩa:

(1). Hữu tình tế: HT Thích Trí Nghiêm dịch là hữu tình tế khi dịch Đại Bát Nhã. HT Thích Trí Tịnh dịch là chúng sanh tế khi dịch Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa, cả hai như nhau. Chúng tôi dùng chúng sanh tế.

(2). Thật tế là một từ trong thập nhị chân như: (十二真如) *Cũng gọi Thập nhị vô vi, Thập nhị không. Chỉ cho 12 tên gọi của Chân như. 1. Chân*

như: Chân là chân thực, như là thường như. Thể tính của các pháp chân thực thường như. 2. Pháp giới: Giới nghĩa là chỗ nương. Chân như là chỗ nương của các pháp. 3. Pháp tính: Tức là thể tính của các pháp. 4. Bất hư vọng tính: Pháp tính chân thực, xa lìa hư vọng. 5. Bất biến dị tính: Tức pháp thể không biến đổi. 6. Bình đẳng tính: Lìa tướng sai biệt của các pháp, bình đẳng không hai. 7. Ly sinh tính: Tức lìa sinh diệt. 8. Pháp định: Tức pháp tính thường trụ. 9. Pháp trụ: Trụ trong pháp vị chân như. 10. ***Thật tế*** *(hay thật tế): Thực lý chân như rất mực, đến mé cùng cực. 11. Hư không giới: Tức lý thể của chân như cùng khắp. 12. Bất tư nghị giới: Lý thể chân như dứt bặt mọi suy tư nói năng, không thể nghĩ bàn. [X. Kinh Đại Bát Nhã 360]. (xt. Chân Như). - Phật Quang Từ điển.*

Phụ chú: *Đại cương chân như (Phạm: Bhùta-tathatà) chỉ bản thể chân thực tràn khắp vũ trụ - là nguồn gốc của hết thảy muôn vật. Còn gọi Như như, Như thực, Pháp giới, Pháp tính,* ***Tánh không****, Thực tướng, Như lai tạng, Pháp thân, Phật tính, Tự tính thanh tịnh thân, Nhất tâm, Cảnh giới hư không, Cảnh giới đoạn, Cảnh giới ly, Cảnh giới diệt, Cảnh giới vô tánh, Cảnh giới vô tướng, Cảnh giới vô tác, Cảnh giới vô vi, Cảnh giới an ổn, Cảnh giới tịch tịnh, Cảnh giới Niết bàn, Bổn vô, Thật tế v.v…*

Niết bàn với thập nhị chân như chỉ là một, vì Niết bàn bao gồm tất cả nghĩa. Bản dịch của HT Thích Trí Nghiêm vẫn giữ y nguyên văn của bản chữ Hán như trong Hoavouu.com là thật tế, nghĩa là chẳng dịch gì cả. Trong khi bản dịch củ soát của Quangduc.com của một số cư sĩ lại dịch là Niết bàn. Chúng tôi theo bản dịch của HT. Thích Trí Nghiêm, không dịch gì cả, giữ y nguyên văn là thật tế. ***TB***

(3). Bản tánh Không: Phẩm "Biện Đại Thừa" Q.51, Hội thứ I; phẩm "Tam Ma Địa" Q.417, Hội thứ II và phẩm "Thiện Hiện" Q.488, Hội thứ III, ĐBN do nhóm của Ngài Huyền Trang dịch, định nghĩa "bản tánh không" như sau:

Thiện Hiện bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Thế nào là **bản tánh không**?

Phật dạy: Thiện Hiện! Bản tánh nghĩa là bản tánh của tất cả pháp, hoặc tánh của pháp hữu vi, hoặc tánh của pháp vô vi, đều chẳng phải Thanh văn làm ra, chẳng phải Độc giác làm ra, chẳng phải Bồ Tát làm ra, chẳng phải Như Lai làm ra, cũng chẳng phải ai khác làm ra. **Bản tánh này gắn liền với cái không của bản tánh. Vì sao? Vì chẳng phải thường, chẳng phải hoại, bản tánh là như vậy**. Thiện Hiện! Đó là bản tánh không".

Định nghĩa này quá tổng quát, khó nắm.

Thiền sư DT. Suzuki định nghĩa khái quát bản tánh không là:

"Prakriti (bản tánh) là cái làm cho lửa nóng và nước lạnh, nó là bản chất nguyên sơ của mỗi vật thể cá biệt. Khi nói rằng nó Không, có nghĩa không có Tự ngã (Atman) bên trong nó để tạo ra bản chất nguyên sơ của nó, và ý niệm đích thực về bản chất nguyên sơ là một ý niệm Không. Chúng ta đã ghi nhận rằng không có tự ngã cá biệt nơi hậu cứ của cái chúng ta coi như vật thể cá biệt, bởi vì vạn hữu là những sản phẩm của vô số nhân và duyên và chẳng có gì đáng gọi một bản chất nguyên sơ nó độc lập, đơn độc, tự hữu. Tất cả là Không triệt để và nếu thật sự có thứ bản chất nguyên sơ nào đó, thì bằng cách nào cũng vẫn là Không".

(4). Rốt ráo không hay tất cánh không: (cái Không tối hậu, Atyanta-sunyata), Thiền sư D.T. Suzuki giải thích: "Chỗ này nhấn mạnh ý niệm tất cả "các pháp" đều Không một cách tuyệt đối. "Cứu cánh" tức "Tuyệt đối". Phủ nhận thực tại tính khách quan nơi tất cả các pháp ở đây được chủ trương một cách đương nhiên, không điều kiện thắc mắc. "Không của Không", trên thực tiễn, cũng chỉ cho một cái như nhau. Phòng được quét sạch là nhờ chổi; nhưng nếu còn chổi thì không phải là Không tuyệt đối. Quả vậy, phải gạt sang một bên cái chổi, cùng với người quét, mới mong đạt tới ý niệm về Tất cánh Không (Atyanta-sunyata). Còn giữ lại dù chỉ một pháp, một vật hay một người, là còn có điểm chấp để từ đó sản xuất một thế giới của những sai biệt rồi kéo theo những ước muốn và đau khổ. Tánh Không vượt ngoài mọi quyết định tính có thể có, vượt ngoài chuỗi quan hệ bất tận; đó là Niết bàn".

*(5). Lý không như thế cũng gọi là pháp tánh: Như chúng ta biết thập nhị chân như còn gọi là **thập nhị không** mà trong đó pháp tánh cũng là không. Nói rộng tánh không cũng chính là chân như, pháp giới, pháp tánh, thật tế... không hai không khác.*

*(6). **Hư không chẳng hoại hư không**: Từ hư không theo Kinh này là: Một trong sáu đại chủng hay sáu giới: Địa giới, thủy giới, phong giới, hỏa giới, **không giới** và thức giới. Không giới là thành phần thứ năm còn gọi là hư không. Con người có tất cả năm thành phần kia nhưng thiếu không gian thì không thể hoạt động được. Khoảng không gian thấy được này là không giới, thuộc hữu vi. Nhưng khi nói "Hư không chẳng hoại hư không", có ý muốn nói đến không giới(hữu vi) và hư không(vô vi) như một*

số Bộ phái chủ trương theo định nghĩa sau đây của Phật Quang từ điển. Hư không(虛空)*, Phạm là Àkàza, dịch âm là A ca xá:*

***1- Hư Không**: Chỉ cho pháp vô vi thanh tịnh, không bị chướng ngại. Là 1 trong 3 vô vi của Thuyết nhất thiết hữu bộ và Kinh lượng bộ, 1 trong 9 vô vi của Đại chúng bộ và Hóa địa bộ, 1 trong 6 vô vi của luận Bách pháp minh môn và luận Thành duy thức, 1 trong 4 vô vi của luận Đại thừa ngũ uẩn, 1 trong 8 vô vi của luận Du già sư địa và luận A tì đạt ma tạp tập, v.v...*

***2- Hư Không**: Khoảng không bao la, gồm có 5 nghĩa: Trùm khắp, thường hằng, không bị ngăn ngại, không phân biệt, dung nạp hết thảy muôn vật. Còn theo Tông kính lục quyển 6, thì Hư không có 10 nghĩa: Không chướng ngại, cùng khắp, bình đẳng, rộng lớn, vô tướng, thanh tịnh, bất động, hữu không, không không, vô đắc. [X. luận Đại tỳ bà sa Q.75; luận Câu xá Q.1, Q.6; luận Ngoại đạo tiểu thừa niết bàn, luận Du già sư địa Q.53; luận A tỳ đạt ma tạng hiển tông Q.1; luận Thuận chính lý Q.1; Đại thừa nghĩa chương Q.2; Câu xá luận bảo sớ Q.1]. (xt. Hư Không Vô Vi).*

***3- Hư Không**: Tên khác của Không giới. Chỉ cho khoảng không gian, nơi tồn tại của tất cả các pháp, 1 trong 6 giới. Tuy nhiên, cứ theo Thuyết nhất thiết hữu bộ, thì giữa hư không và không giới có sự khác nhau, bộ này cho rằng Hư không chẳng phải sắc, còn Không giới thì là sắc; Hư không không thấy được, Không giới thì thấy được; Hư không vô lậu, Không giới hữu lậu; Hư không vô vi, Không giới hữu vi. Cái không mà chúng ta thấy đó là không giới, chứ chẳng phải Hư không. Nhưng trong các Kinh thì phần nhiều không phân biệt 2 từ này mà dùng thay cho nhau. Ngoài ra, Hữu bộ còn cho rằng sắc của Không giới lấy sáng, tối làm thể, là có thật. Nhưng các bộ phái khác thì không công nhận thuyết này.*

Một số tác giả thường lẫn lộn từ hư không này. Định nghĩa thứ ba(3-)của Phật Quang tự điển, chúng tôi cho là đứng đắn nhất.

*(7). Thích nghĩa kế tiếp sau đây nói rõ hai loại hư không (**hư không nội và hư không ngoại**):*

*Thế nào gọi là **"cảnh giới hư không nội chẳng hoại cảnh giới hư không ngoại?"** Kinh chia ra làm hai loại hư không: Hư không nội và hư không ngoại. Hư không nội thuộc về **vô sắc thể**(vô vi), theo Tông kính lục*

quyển 6, thì Hư không có 10 nghĩa: "Không chướng ngại, cùng khắp, bình đẳng, rộng lớn, vô tướng, thanh tịnh, bất động, hữu không, không không, vô đắc". Hư không ngoại tức thuộc ***sắc thể*** *(hữu vi) là không giới nói trên, nó cũng là một cảnh định gọi là Không vô biên xứ định trong Tứ không định hay tứ định vô sắc.* ***Khoảng không mà chúng ta có thể thấy được mặc dù không có biên giới tức là hư không ngoại hay không giới. Trong Kinh không phân biệt hai thứ hư không này, vì dù là tâm hay vật cũng không thể lấn áp, hoại diệt lẫn nhau, nên Kinh nói:*** **"Hư không chẳng hoại hư không, cảnh giới hư không nội chẳng hoại cảnh giới hư không ngoại. Cảnh giới hư không ngoại chẳng hoại cảnh giới hư không nội. Như vậy, sắc chẳng hoại không, không chẳng hoại sắc…"** ***Sắc*** *có ý nói về sắc thể tức là Vật(hữu vi),* ***Không*** *ý nói vô sắc thể tức là Tâm(vô vi).*

Tóm lại: Hư không nội có ý nói về ***Tâm****, hư không ngoại có ý nói* ***Sắc****. Cho nên, Tâm Kinh Bát nhã Ba la mật có câu "Sắc(TÂM) chẳng khác Không(VẬT), Không chẳng khác Sắc. Sắc tức là Không, Không tức là Sắc".*

Sơ giải:

Đây là một đoạn Kinh rất dễ lẫn lộn nhất từ cách dịch cho đến cách dùng danh từ. Sau khi tham khảo nhiều bản dịch, chúng tôi dùng ***phẩm "Thật Tế" quyển thứ 28, Kinh MHBNBLMĐ*** *tương đương với phẩm "Bất Khả Động" này của ĐBN (vì nó rất phù hợp với bản gốc bằng chữ Hán trong Hoavouu.com), ghi lại cuộc đối thoại giữa Tu Bồ đề và đức Phật, trong phần mở đầu phẩm này để chiết giải:*

"Ngài Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sanh rốt ráo bất khả đắc thì Bồ Tát vì ai mà thực hành Bát nhã Ba la mật?".

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Bồ Tát vì thật tế*(1)* mà hành Bát nhã Ba la mật.

Này Tu Bồ Đề! Nếu **thật tế** cùng **chúng sanh tế***(2)* dị biệt thì Bồ Tát chẳng hành Bát nhã Ba la mật. Nhưng vì thật tế, chúng sanh tế chẳng dị biệt nên đại Bồ Tát vì lợi ích chúng sanh mà hành Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Lúc hành Bát Nhã, đại Bồ Tát vì chẳng phá hoại thật tế mà kiến lập chúng sanh trong thật tế.

- Bạch Thế Tôn! Nếu thật tế tức là chúng sanh tế thì đại Bồ Tát kiến lập thật tế ở nơi thật tế. Nếu kiến lập thật tế ở nơi thật tế có nghĩa là kiến lập tự tánh ở nơi tự tánh. Nhưng chẳng thể kiến lập tự tánh nơi tự tánh. Bạch Thế Tôn! Tại sao lúc hành Bát Nhã, đại Bồ Tát kiến lập chúng sanh nơi thật tế?

- Này Tu Bồ Đề! Thật tế chẳng thể kiến lập thật tế, tự tánh chẳng thể kiến lập tự tánh. Nay đại Bồ Tát lúc hành Bát Nhã vì sức phương tiện nên kiến lập chúng sanh ở thật tế. Thật tế chẳng khác chúng sanh tế. Thật tế cùng chúng sanh tế không hai, không khác".

"… các đại Bồ Tát hành sâu Bát Nhã, vì có phương tiện thiện xảo, nên có khả năng an lập hữu tình khiến trụ thật tế, mà hữu tình không khác với thật tế, hữu tình tế và thật tế không hai, không khác".

Đoạn Kinh này không khác với các đoạn Kinh được dịch trong Tuvienquangduc.com, hay bản dịch đã củ soát trong Quangduc.com, chỉ khác là dùng các từ mà thôi. Sở dĩ, chúng tôi dùng đoạn Kinh này là vì chúng tôi thấy các từ trong đoạn Kinh này hợp với nguyên bản bằng chữ Hán và dễ hiểu hơn.

1. Thật tế và Chúng sanh tế:

Để giải thích cho đoạn Kinh mở đầu ở trên, ***Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 80, "Thật Tế", Tập 5, quyển 90,*** *luận rằng:*

"Lại nữa, kinh dạy: Nếu thật tế và chúng sanh sai khác nhau, thì Bồ Tát chẳng hành Bát nhã Ba la mật. Nhưng vì **thật tế và chúng sanh đều là rốt ráo không**, nên Bồ Tát mới vì lợi ích chúng sanh mà hành Bát nhã Ba la mật.

Nếu chúng sanh là thật có, thì Bồ Tát chẳng có thể vì chúng sanh tu thật tế được. Vì chúng sanh là rốt ráo không, và thật tế cũng là rốt ráo không, chúng sanh và thật tế chẳng có sai khác, nên Bồ Tát mới có thể vì chúng sanh mà hành thật tế vậy.

Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật mới có thể đưa chúng sanh ra khỏi điên đảo, kiến lập họ nơi thật tế, mà chẳng phá hoại thật tế vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chúng sanh tế và thật tế chẳng có sai khác nhau, thì kiến lập chúng sanh nơi thật tế là kiến lập thật tế nơi thật tế vậy.

Thật chẳng thể là như vậy được. Ví như ngón tay chẳng có thể tự chỉ ngón tay được vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy. Chẳng có thể kiến lập thật tế nơi thật tế. Thế nhưng Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật, dùng các lực phương tiện mà kiến lập chúng sanh nơi thật tế. Ở nơi thật tế, thì chúng sanh tế cùng thật tế chẳng sai khác nhau, vì đều là bất khả đắc cả.

Chúng sanh và thật tế chỉ là một tánh, nên chúng sanh tế chẳng phá hoại thật tế vậy.

Bồ Tát biết rõ hai pháp đó chẳng phải một, chẳng phải hai, là rốt ráo thanh tịnh, chẳng có hý luận.

Bởi vậy nên Bồ Tát vì thương xót chúng sanh mà muốn giáo hóa họ, nhằm đưa họ ra khỏi các chấp điên đảo".

Luận Đại Trí Độ đã giải thích xong: "Chẳng có thể kiến lập thật tế nơi thật tế. Thế nhưng Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật, dùng các lực phương tiện mà kiến lập chúng sanh nơi thật tế. Ở nơi thật tế, thì chúng sanh tế cùng thật tế chẳng sai khác nhau". *Bởi vì chúng sanh không và thật tế cũng không, trong không, không ai kiến lập cho ai được, nên nói "Chúng sanh tế" cùng "Thật tế" chẳng sai khác. Đó là nói theo Đệ nhất nghĩa đế.*

Thế nào là Chúng sanh tế, thế nào là Thật tế?

1- Cái thấy biết của người chưa chứng ngộ (nói theo Tục đế):

*Tri kiến của mỗi người về nhân sinh và vũ trụ khác nhau hay nói theo thuật ngữ ngày nay gọi chung tri kiến đó là **văn hóa**. Thứ văn hóa (bao gồm khoa học kỹ thuật, văn chương, mỹ thuật, luân lý, đạo đức, thói quen tập tục cũng như quan điểm sống v.v...) của mỗi cá nhân đều khác nhau tùy theo hoàn cảnh sống và sự thâu thập hay học hỏi của mỗi cá nhân đó. Người ít học, quê mùa thì có văn hóa thấp; người thông minh, lanh lợi, chịu khó học hỏi thâu lượm, có văn hóa cao hơn. Ta có thể biểu thị văn hóa của mỗi phần tử đó trong xã hội bằng những vòng tròn khác nhau: Các vòng tròn đều có giới hạn của nó. Vòng tròn nhỏ tiêu biểu cho người ít học và vòng tròn lớn tiêu biểu cho người học rộng hiểu nhiều. Giới hạn của các vòng tròn lớn nhỏ đó có thể xem là "biên tế tri thức" của mỗi người. Danh từ tri thức có thể xem là sự hiểu biết của mỗi cá nhân mà thiền ngữ thường gọi là kiến*

văn giác tri (thấy nghe hay biết), cái giác tri của hữu sư trí, lượm lặt từ ngoài vào để tạo thành văn hóa riêng cho từng cá thể:

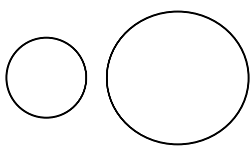
- Hai vòng tròn có thể lớn hay nhỏ, rộng hay hẹp tùy theo văn hóa của mỗi người, có thể không gặp nhau, không đồng quan điểm với nhau. (Hình 1);

- Hai vòng tròn có thể giao thoa ở một điểm, chỗ giao thoa duy nhất đó là chỗ tư tưởng gặp nhau(Hình 2). Chỗ gặp nhau này rất là hạn hẹp;

- Hai vòng tròn có thể tiếp xúc với nhau ở nhiều điểm, đó là chỗ tương đồng văn hóa(Hình 3). Chỗ của hai thứ văn hóa này tuy tương đồng ở một số điểm, nhưng cũng rất giới hạn; và

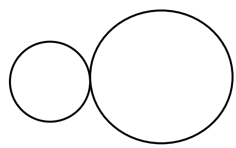
- Hai vòng tròn có thể chồng lên nhau, nghĩa là văn hóa gặp gở tương thông rất nhiều điểm(Hình 4), nhưng chắc chắn là hai vòng tròn không thể chập khít lên nhau và có cùng một tâm điểm, trừ hợp các chư Như Lai với nhau.

(Hình1)



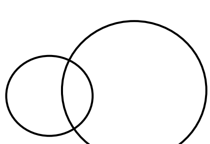
Hai vòng tròn lớn nhỏ rời nhau.

(Hình 2)



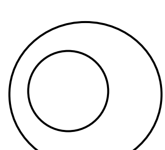
Hai vòng tròn giao thoa ở 1 điểm.

(Hình 3)



Hai hình tròn tiếp xúc với nhau ở nhiều điểm.

(Hình 4)



Hai vòng tròn chập nhau nhưng không đồng tâm, đồng cở nhau.

*Chỗ mà hai vòng tròn không tiếp xúc với nhau (không chập lên nhau) đó là **chỗ sai biệt tư tưởng** của 2 cá thể. Sự sai biệt trở thành tất nhiên trong thế giới Tục đế này. Giới hạn của các tư tưởng tương đồng và dị biệt đó có thể tạm gọi là **biên tế tri thức của hữu tình hay gọi là chúng sanh tế trong thế giới đa thù đa dạng này**. Đó là quan niệm của cái nhìn của chúng sanh từ cái thấy Tục đế.*

2- Cái thấy biết của bậc chứng ngộ pháp không, pháp như:

*Chư Phật, chư Bồ Tát do sự tu tập và hành trì các diệu pháp chứng Bát Nhã Trí, nên thấy biết được bản thể rốt ráo chân thường của vạn pháp (thật pháp hay chơn như thật tướng của tất cả pháp) là "không", là "như" nên bảo là **chứng được giới hạn chung cùng của hết thảy thực tại, gọi là thật tế**. Ngộ rồi thì cùng có một thứ tri kiến như như, như pháp giới, như pháp tánh, như thật tế v.v... không sai khác. Đó là nói theo xuất thế gian, vì chơn như hay thật tế không phải hai không phải khác.*

"*Biên tế của Thực tại", bhùta: **Thực** (thực tại), và koti: **Tế** (*biên *tế). Không phải chiết tự là như thế, nhưng chư Phật bằng Phật nhãn (đồng hóa với trí Bát Nhã, tiêu biểu bằng con mắt thứ ba giữa trán) soi thấy cái biên tế* chung cùng *thực tại tuyệt đối của vạn hữu* không *ngoài bản* tánh *Không hay Như như. Bản tánh Không hay Như như là thật tướng của tất cả pháp, nó* chính là *cái biên tế tuyệt đối, cùng đích của hết thảy thật tại. Thật tế (Bhutakoti) cũng là một dụng ngữ khác chỉ cho Tuyệt Đối. Vậy thật tế tức là "*Không*" hay "Như như", và "*Không*"hay "Như như" tức là thật tế.(3)*

Cái thấy biết của chư Phật với chư Phật đối với mọi vật thể trần gian *là **bình đẳng**. Cái thấy biết trong sát na chứng ngộ của chư Phật rộng lớn như hư không, không có biên giới, không có tiền tế, không có trung tế, không có hậu tế, vô giới hạn... tạm gọi là thật tế. Biên tế của Phật này không khác với biên tế của Phật kia hay nói khác biên tế của tất cả chư Phật không hai không khác.*

Cái thấy biết của chúng sanh do nghiệp dư nói theo đạo Phật hay do hoàn cảnh huân tập nói theo thế gian, biểu hiện bằng những vòng tròn *có giới hạn lớn nhỏ khác nhau, tạm gọi là chúng sanh tế như diễn tả trên.*

Sự phân biệt giữa thật tế và chúng sanh tế là do chúng sanh sống trong mê muội, còn chư Bồ Tát, chư Phật cũng là chúng sanh, nhưng khác với chúng sanh là giác ngộ nên được gọi là hữu tình giác ngộ. Do đâu mà chư Bồ Tát chư Phật giác ngộ, vì chư Bồ Tát chư Phật không còn phân biệt chấp trước nữa, tâm như như bất động nên nhìn thấy muôn sự muôn vật trong chân như thật tướng (bhùtatathatà) của nó hay nói khác là nhìn thấy biên tế tột cùng của thực tại của tất cả pháp, nên nói là chứng thật tế.

Nếu hữu tình có cái thấy biết cùng đích trên hết thảy mọi thực tại như chư Phật thì hữu tình không còn là hữu tình nữa. Vì chân như, pháp giới, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, tánh không, thật tướng, Như lai tạng, pháp thân, Phật tính, tự tính thanh tịnh thân, nhất tâm, cảnh giới hư không, cảnh giới đoạn, cảnh giới ly, cảnh giới diệt, cảnh giới vô tánh, cảnh giới vô tướng, cảnh giới vô tác, cảnh giới vô vi, cảnh giới an ổn, cảnh giới tịch tịnh, cảnh giới Niết bàn, bổn vô, bản thể, thật tế, v.v… của hữu tình và chư Phật đều không hai, không khác. Bổn thể(4) tức Lý và hiện thực(5) tức Sự chỉ là một, trong một thế giới mà ở đó tất cả các pháp hoàn toàn dung hợp trong pháp không và pháp như. Đó là nói theo Đệ nhất nghĩa đế. Vì pháp không, pháp như cũng là không, thì Phật không, Bồ Tát không, chúng sanh không, không hai không khác. Chỉ có chúng sanh không nhập được pháp không, pháp như nên phân biệt chấp trước mà thấy có sai khác nên sanh nhiều khổ lụy, chư Phật chư Bồ Tát thuyết Bát nhã Ba la mật cứu độ chúng sanh ra khỏi.(6)

***

Phàm phu trong cõi mê nếu lột được cái vỏ triền phược, cũng có khả năng thể hiện cảnh giới mà chư Phật giác ngộ, trong đó hiện tượng tức thực tại, sai biệt tức bình đẳng, nghĩa là "thật tế cũng đồng nghĩa với chúng sanh tế" nếu tu học Bát nhã Ba la mật, chứng được chân như thật tánh của tất cả pháp.

Trên thực tế, cảnh giới mà chư Phật đạt được là do tu tập Bát nhã Ba la mật trong nhiều kiếp... không ai có thể kiến lập cho chư Phật và khi chư vị chứng đắc giác ngộ cũng không thể kiến lập cho chúng hữu

tình. Chỉ có hữu tình, không ai khác hơn hữu tình tự kiến chiếu vào tự tánh, vươn lên trong ánh sánh giác ngộ để chứng lấy thật tế. Đó là đứng về "tu sanh", thế tục trí mà nói.

***

Chúng sanh phân biệt nên lúc nào cũng thấy thế giới phân hai có mê là có ngộ, có chúng sanh là có Phật, có thế gian và xuất thế gian, có Tục đế là có Chân đế. Vì vậy, Bát Nhã lúc nào cũng chỉ cho chúng sanh thấy hai chiều đối lập để chúng sanh tự tìm lấy lối thoát giữa những bế tắt đó. Còn chư Phật chư Bồ Tát sống trong Đệ nhất nghĩa đế nên vượt qua và vượt trên cả hai, nên không còn ngăn ngại.

***

Nhưng, Phật với cái nhìn bao dung khi thuyết pháp nói rằng hữu tình tâm đồng tâm Phật, cảnh giới của hữu tình đồng với cảnh giới Phật, thật tế chẳng khác hữu tình tế để khuyến khích chúng sanh quay về "bản hữu" của chính mình.

***Phần "Mạn Thù Thất lợi"**(7)**, Q.574, Hội thứ VII, ĐBN.** Mạn Thù bạch Phật:*

- "Bạch Thế tôn! Hữu tình tâm đồng tâm Phật, tánh chẳng nghĩ bàn ư?

Phật bảo Mạn Thù Thất Lợi:

- Đồng Tử! Như vậy, như ngươi đã nói. Vì sao? Vì Phật, hữu tình, tâm và tất cả pháp thảy đều bình đẳng chẳng nghĩ bàn vậy".

Trong thắng nghĩa đế không có phân biệt. Tất cả đều cùng một Phật tánh, bản hữu bình đẳng như nhau nên nói hữu tình sanh ra từ bào thai của vũ trụ hay cùng trong một Như Lai tạng tánh vì cùng là anh em với nhau.

***

Tất cả dẫn chứng trên cốt thâu vào một mối: Khi thâm nhập Bát nhã Ba la mật rồi thì không phân biệt phàm Thánh, thật tế hay chúng

sanh tế. Tất cả đều bình đẳng như như nằm trong cùng pháp giới, cũng gọi là chơn như, pháp tánh, pháp trụ, pháp định, thật tế v.v...

Để dẫn chứng cho luận giải này tôi lấy một đoạn Kinh trong phẩm "Các Tướng Bình Đẳng", Q.384, ĐBN làm thí dụ:

"**Tất cả pháp là pháp giới. Tất cả pháp đều nhập vào pháp giới**. Như Lai dù có ra đời hoặc chẳng ra đời, các pháp vẫn như vậy, đều nhập pháp giới, không có tướng sai biệt, chẳng phải do Phật thuyết. Vì sao? Vì tất cả pháp thiện hoặc pháp phi thiện, hoặc pháp hữu ký hoặc pháp vô ký, hoặc pháp hữu lậu hoặc pháp vô lậu, hoặc pháp thế gian hoặc pháp xuất thế gian, hoặc pháp hữu vi hoặc pháp vô vi, **đều nhập pháp giới tánh không, vô tướng, vô vi. Cho nên, đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, muốn học pháp giới, nên học tất cả pháp. Nếu học tất cả pháp tức là học pháp giới. Nếu phân biệt pháp tức là phá hoại pháp".**

Như vậy, pháp giới cũng là Chơn như, là Pháp tánh, Bất hư vọng tánh, Bất biến dị tánh, Bình đẳng tánh, Ly sanh tánh, Pháp định, Pháp trụ, Thật tế... Hữu tình tế hay chúng sanh tế cũng phải thu gọn trong đó, vì tất cả pháp đều nằm trong pháp giới. ***Tất cả pháp đều nhập vào pháp giới, bình đẳng, vì là anh em với nhau trong cùng bào thai của Như Lai Tạng nên nói thật tế tức hữu tình tế không hai không khác.***

Đó là luận về phần đầu của phẩm "Bất Khả Động" hay "Thật Tế" Hội thứ I, ĐBN này.

2. *Phần sau của phẩm này nói về* ***bản tánh không****, nội dung như sau:*

1- Những pháp nào bản tánh đều không?

"Phật bảo cụ thọ:

- Thiện Hiện! **Sắc bản tánh không, thọ, tưởng, hành, thức bản tánh không**; đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã như thật rõ biết các uẩn bản tánh không như thế rồi, an trụ bản tánh không, vì các hữu tình, tuyên thuyết bản tánh không; 12 xứ, 18 giới bản tánh không, 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao bản tánh không; đại Bố tát khi hành Bát Nhã, như thật rõ biết bản tánh không rồi, an trụ bản tánh không, vì các hữu tình, tuyên thuyết bản tánh không như thế.

Nếu bản tánh của tất cả pháp chẳng không, thì các đại Bồ Tát chẳng vì các hữu tình thuyết tất cả pháp đều bản tánh không; thuyết như thế là hoại bản tánh không. Nhưng bản tánh không, lý chẳng thể hoại, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn. Vì sao? Vì lý bản tánh không không phương hướng, không xứ sở, không từ đâu đến, cũng không về đâu. Lý không như thế cũng gọi là pháp tánh. Trong ấy không có pháp tụ-tán, tăng-giảm, sanh-diệt, nhiễm-tịnh; tất cả pháp ấy vốn là tánh an trụ. Các đại Bồ Tát an trụ trong đó, cầu đạt quả vị Giác ngộ tối cao chẳng thấy các pháp có chỗ hướng đến, không chỗ hướng đến, vì tất cả pháp hoàn toàn không sở trụ, cho nên gọi là pháp trụ. Các đại Bồ Tát an trụ trong đó, tu hành Bát Nhã, thấy tất cả pháp bản tánh không rồi, nhất định hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, được bất thối chuyển. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy chẳng thấy có pháp có thể gây chướng ngại. Vì thấy tất cả pháp không chướng ngại nên đối với quả vị Giác ngộ tối cao chẳng sanh nghi hoặc, vì vậy nên không bao giờ thối thất.

Trong bản tánh không, ngã chẳng thể nắm bắt được, hữu tình chẳng thể nắm bắt được, sự an lập hữu tình chẳng thể nắm bắt được; dòng sanh mạng, khả năng sanh khởi... cho đến cái biết, cái thấy cũng chẳng thể nắm bắt được.

Trong bản tánh không, sắc chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng thể nắm bắt được; 12 xứ, 18 giới chẳng thể nắm bắt được; 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cũng chẳng thể nắm bắt được. Trong bản tánh không, pháp sắc-phi sắc chẳng thể nắm bắt được; pháp hữu kiến-vô kiến, hữu đối-vô đối, hữu lậu-vô lậu, hữu vi-vô vi cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện! Như bốn chúng mà Phật hóa ra là Tỳ kheo nam, Tỳ kheo nữ, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ, giả sử có hóa Phật, trải qua trăm ngàn, triệu kiếp, vì bốn chúng ấy tuyên thuyết pháp yếu, hóa chúng ấy cũng chẳng thể đắc quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, hoặc đắc quả vị Độc giác, hay quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì hóa chúng đó hoàn toàn không phải thật, nên không thể đắc quả. **Các pháp cũng vậy, đều bản tánh không, hoàn toàn không thật có thì làm sao có thể quả đắc**. Đại Bồ Tát, vì hữu tình gì, nói pháp gì khiến hữu tình có thể đắc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hay Bất hoàn v.v…?

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát tuy vì hữu tình tuyên thuyết các pháp bản tánh không, nhưng các hữu tình, thật chẳng thể hiểu biết được, thương xót họ rơi vào điên đảo, nên cứu vớt khiến an trụ pháp không điên đảo, không điên đảo nghĩa là không phân biệt; không phân biệt thì không điên đảo, nếu có phân biệt thì có điên đảo vì chúng đồng loại.

Thiện Hiện! Trong cái không phân biệt, không điên đảo, không có ngã, hữu tình, dòng sanh mạng, khả năng sanh khởi… cho đến cái biết, cái thấy; cũng không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; cũng không có 12 xứ, 18 giới, 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao. Cũng không có pháp sắc-phi sắc, không có pháp hữu kiến-vô kiến, hữu đối-vô đối, hữu lậu-vô lậu, hữu vi-vô vi; cũng không có 32 tướng Đại sĩ, không có 80 vẻ đẹp phụ thuộc.

Như vậy, nói lược là "tất cả đều không": Không ngã, không chúng sanh, không mạng giả… cho đến không có cái thấy cái biết; không có sắc thọ tưởng hành thức; không có xứ giới; không có tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, không có tập diệt đạo, không có vô minh cũng không hết vô minh, không có già chết cũng không hết già chết, cũng không có pháp không nội, không có pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không, pháp không lớn... cho đến pháp không không tánh tự tánh, cũng không có đạo, không có quả, cũng không có chứng đắc v.v… Tất cả đều không có sở hữu, nếu vô sở hữu thì gọi là bản tánh không. Các đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã, an trụ trong đó thấy các hữu tình đọa vào tưởng điên đảo, phương tiện thiện xảo khiến được giải thoát. Giải thoát những gì? Giải thoát những trói buộc: "Không có ngã, tưởng có ngã; không có chúng sanh, tưởng có chúng sanh… cho đến không có cái thấy cái biết, tưởng có thấy biết. **Cũng giải thoát những trói buộc**: Không có sắc, tưởng có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức, tưởng có thọ, tưởng, hành, thức. Cũng khiến giải thoát những trói buộc: Không có xứ, giới, tưởng có xứ, giới, không có tất cả pháp Phật, tưởng có tất cả pháp Phật. Cũng khiến giải thoát những trói buộc: Không có pháp sắc phi sắc mà tưởng có pháp sắc phi sắc; không có pháp hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi, mà tưởng có pháp hữu kiến, vô kiến cho đến hữu vi, vô vi".

Tất cả pháp đều không, cho đến cái thấy cái biết cũng không. Vì thấy biết không nên được giải thoát. Giải thoát không có nghĩa đi lên thiên đàng hay đi đâu cả mà giải thoát có nghĩa là chặt đứt được những trói buộc do cảm thọ hay thức vọng gây ra. Nếu thấy biết của chúng sanh (Tục đế) là không thì cái thấy biết này ngang đồng với cái thấy biết của Thánh giả (Chân đế hay Đệ nhất nghĩa đế). Nên Phật bảo:

"Còn Đệ nhất nghĩa đế thì không sanh, không diệt, không tướng, không tác, không hý luận, không phân biệt. **Thắng nghĩa đế tức là bản Tánh Không**. Bản Tánh Không này tức là sở chứng của chư Phật, cũng gọi là Phật đạo. Trong ấy chúng sanh bất khả đắc, cho đến người thấy, người biết bất khả đắc; sắc, thọ, tưởng, hành, thức bất khả đắc cho đến 80 tùy hình hảo bất khả đắc. Tại sao? **Vì đại Bồ Tát chẳng phải vì đạo pháp mà cầu Vô thượng Bồ đề. <u>Đại Bồ Tát vì chư pháp thật tướng tánh không mà cầu Vô thượng Bồ đề</u>. Tánh không ấy, tiền tế, hậu tế và trung tế đều tánh không! Thường là tánh không, chưa từng chẳng không"**.

*Để giải thích đoạn Kinh này, **phẩm "Thật Tế" của Đại Trí Độ Luận, Bồ Tát Long Thọ** nói:*

"Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thảy pháp đều là tánh không, mà trong tánh không thì **chẳng có pháp, chẳng có phi pháp, cũng chẳng có chúng sanh**. Như vậy, Bồ Tát làm sao có thể trú trong tánh không, mà cầu nhất thiết chủng trí được?

Phật dạy: Do Bồ Tát thường an trú trong tánh không nên mới thường hành bố thí.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Ở trong tánh không thì hết thảy pháp đều bị phá, chẳng còn gì nữa cả. Như vậy Bồ Tát làm sao có thể an trú trong tánh không để thường hành bố thí?

Phật dạy: Do nhân duyên, Bồ Tát biết rõ thật tướng của các pháp và an trú trong đó, tức là an trú trong tánh không, mà được Vô thượng Bồ đề. Bồ Tát vì chúng sanh thuyết pháp, nói hết thảy các pháp đều là tánh không, nói sắc, thọ, tưởng, hành, thức là tánh không... dẫn đến nói Nhất thiết chủng trí là tánh không.

Tánh không chẳng có trú xứ, nên được gọi là pháp tánh thường trú, chẳng có sanh diệt, chẳng có cấu tịnh, chẳng có tăng giảm. **Tánh không cũng được gọi là thật tướng pháp**. Bồ Tát trú nơi tánh không chẳng thấy có chướng ngại, chẳng thấy có pháp chướng ngại, nên dù biết rõ chúng sanh là rốt ráo không, mà vẫn có thể dùng các lực phương tiện độ thoát chúng sanh.

Hỏi: *Nếu pháp và chúng sanh bản lai đều là không, thì ai dùng lực phương tiện? Ai được độ thoát?*

Đáp: "Tánh không" chẳng có tánh tướng. Nếu chấp "tánh không" có tánh tướng, mới nên nạn hỏi.

Lại nữa, khi đã vào được thật tướng pháp rồi, thì vào được tánh không; biết rõ trong tánh không là chẳng có pháp, chẳng có chúng sanh.

Chỉ vì phàm phu chưa vào được thật tướng, nên mới ức tưởng phân biệt, chấp thật có các pháp hữu vi. Bồ Tát vì chúng sanh mà nói có các pháp, có phân biệt, rồi dần dần đưa chúng sanh vào nơi thật tướng pháp, tức là nơi tánh không vậy. Bồ Tát an trú trong tánh không, mà chẳng chấp tánh không, nên mới dùng lực phương tiện độ thoát chúng sanh.

Trong Kinh, Phật dạy: Trong tánh không đó, thì chúng sanh là bất khả đắc, sắc... dẫn đến 80 vẻ đẹp đều là bất khả đắc cả.

Thế nhưng vì muốn kiến lập chúng sanh nơi thật tế, nên Bồ Tát phải vì chúng sanh nói thế đế, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế vậy.

--o0o--

Phật hỏi: Các người hóa có được đạo chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng được vậy. Vì các người hóa chẳng có căn bản thật sự. Hết thảy pháp đều là tánh không, nên cũng chẳng có căn bản thật sự.

Phật dạy: Bồ Tát hóa độ chúng sanh cũng là như vậy. Chúng sanh và các pháp đều chẳng có căn bản thật sự, mà chúng sanh điên đảo chấp là có. Nay Bồ Tát muốn đưa chúng sanh ra khỏi các chấp điên đảo, nên vì họ nói pháp "không điên đảo". Ở chỗ "không điên đảo"

chẳng có ngã, chẳng có chúng sanh... dẫn đến chẳng có trí giả, chẳng có kiến giả.

Các pháp tuy chỉ một tướng(nhất tướng)mà chúng sanh điên đảo chấp có rất nhiều tướng.

Bồ Tát trú trong tánh không, phá các vọng chấp của chúng sanh mà chẳng phá chúng sanh; Ở ngay nơi tướng chúng sanh điên đảo, mà độ chúng sanh ra khỏi tướng điên đảo, ra khỏi các pháp hữu lậu, và an trú họ trong pháp vô lậu.

Các pháp vô lậu mà Bồ Tát dùng để giáo hóa chúng sanh, như bốn niệm xứ... dẫn đến tám thánh đạo v.v..., đều y theo thế đế sanh diệt mà nói ra, nên chẳng bằng được đệ nhất nghĩa đế vậy".

2- Bản tánh không là sở chứng của chư Phật, cũng gọi là Phật đạo.

"Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai, hiện tại mười phương đều dùng bản tánh không, làm Phật nhãn. **Nhất định không có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nào lìa bản tánh không mà có thể xuất hiện ở đời.** Chư Phật xuất thế đều thuyết bản tánh không; hữu tình được giáo hóa cần phải lắng nghe Phật thuyết lý bản tánh không, mới có thể nhập Thánh đạo, chứng quả Thánh đạo; lìa bản tánh không, không có phương tiện nào khác".

"... Nếu đại Bồ Tát muốn đắc Vô thượng Bồ đề thì phải an trụ tất cả pháp Phật, mà an trụ tất cả pháp Phật tức là an trụ bản tánh không... "Bản tánh không là sở chứng của chư Phật, cũng gọi là Phật đạo". "Nhất định không có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nào lìa bản tánh không mà có thể xuất hiện ở đời". Vậy, bản tánh không là Như Lai Ứng Cúng Đẳng giác, là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, là Phật Đạo".

Kinh và Luận đã giải thích quá rõ, lặp lại chỉ bằng thừa!

Kết luận:

Nếu thấy tất cả pháp bản tánh không thì không phân biệt, không phân biệt tức không chấp. Do công năng vô chấp mà được ***vô thức vô niệm vô tâm****, nên nói là chứng tánh. Chứng tánh đó là tánh gì? Tánh đó tức là Tánh không. Chỗ cao nhất của Bát nhã Ba la mật. Nhưng thật ra chứng*

mà chẳng có gì để chứng nên bảo là không. ***Tất cả đều vô sở hữu, bất khả đắc, rỗng không, trong suốt****. Đỉnh cao của giáo lý Bát Nhã ở chỗ đó!*

Tất cả nổ lực của chúng ta là học ở cái rỗng không trong suốt này. Câu nói trong Truyền Đăng Lục "Vin vào cái có mà chẳng có, tựa vào cái không mà chẳng không" chỉ là câu nói trào lộng đối với hành giả Bát Nhã. Nói Có nói Không trong Đế nhất nghĩa đế là hý luận!

Phần cuối phẩm này chỉ nói về Tánh không. Dĩ nhiên, trong Tánh không không có hơn kém. Nên Kinh nói Thật tế cũng là Chúng sanh tế không hai không khác. Chỉ khi nào chúng sanh học và hành Bát Nhã chứng được Thật tế thì sẽ thấy cái bình đẳng này.

Đây là bài pháp quá mắc mỏ, khó nuốt khó tiêu hóa nhưng hay vô cùng, nhờ đó chúng ta hiểu Tục đế và Chân đế chính xác hơn mới có thể lìa Tục để thấy Chân. Kinh bảo:

"Chư Phật xuất thế đều thuyết bản tánh không; hữu tình được giáo hóa cần phải lắng nghe Phật thuyết lý bản tánh không, mới có thể nhập Thánh đạo, chứng quả Thánh đạo; lìa bản tánh không, không có phương tiện nào khác".

"Bản tánh không là sở chứng của chư Phật, cũng gọi là Phật đạo". "Nhất định không có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nào lìa bản tánh không mà có thể xuất hiện ở đời". Vậy, bản tánh không là Như Lai Ứng Cúng Đẳng giác, là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, là Phật Đạo".

Bao nhiêu lời khẳng định như thế đủ xác tín cho người thọ trì Đại Bát Nhã Ba La Mật này. Hãy theo khuyến dẫn trên mà tu hành thì sớm nhập đạo, chứng Thánh quả thôi.

Thích nghĩa cho phần lược giải này:

(1). Thật tế: Bản dịch ĐBN của HT Thích Trí Nghiêm trong Tuvienquangduc.com dùng từ thật tế, bản dịch của cùng một tác giả nhưng được củ soát trong thuvienhoasen.org dịch là Niết bàn. Nguyên bản bằng chữ Hán trong hoavouu.com là thật tế (實際). *Chúng tôi dùng từ thật tế, vì từ này cũng được HT Thích Trí Tịnh dùng để dịch Kinh MHBNBLMĐ, tức là Kinh Đại Bát Nhã do Phật thuyết ở Hội thứ II cũng còn gọi là đại phẩm như nhiều lần giải thích.*

Thực tế hay thật tế là một trong những từ khó giải thích nhất mà Bát nhã Ba la mật thường lặp đi lặp lại nhiều lần. Tùy các tông phái, tùy theo trình độ tu tập, công phu hành trì của mỗi cá nhân, mỗi nhà, mỗi tông có

những nhận định khác nhau. Trong văn chương Phật học thường đặt từ này ngang hàng hay có thể thay thế với các từ như chân như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, hư không giới, bất tư nghì giới, Phật tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, như như, Niết bàn, Như lai tạng v.v… như đã giải thích ở trên.

Từ điển Phật học Việt Anh - Minh Thông ***giải thích Thật tế*** *(S: Bhùtakoti): Reality-limit. Chân thật tế cực, chỉ Niết bàn thật chứng lìa hẳn hư vọng. Từ này được thích nghĩa nhiều lần ở các phẩm trước. Ở đây giải thích này của từ điển Minh Thông rất phù hợp với các bản Việt dịch ĐBN, nên được nêu ra để các đạo hữu nắm vững vấn đề.*

(2). ***Chúng sanh tế****: Từ này được HT. Thích Trí Tịnh dùng khi dịch Kinh MHBNBLMĐ; Tuvienquangduc.com dịch là hữu tình tế; Quangduc.com cũng dịch là* ***hữu tình tế****, trong khi thuvienhoasen.org dịch là* ***cõi hữu tình****; nguyên văn bản chữ Hán trong hoavouu.com âm là hữu tình tế* 有情際*. Chúng tôi thường dùng cụm từ chúng sanh tế.*

Cái cùng đích biên tế của hết thảy mọi thực tại gọi là thật tế, riêng con người thì gọi là chúng sanh tế. Cũng như nói chơn như của chúng sanh thì gọi là chúng sanh như, thực tế của chúng sanh gọi là chúng sanh tế. Trong phần lược giải trên đã giải thích rộng rồi. Ở đây lặp lại với khía cạnh khác, để giải thích rộng thêm. ***TB***

(3). Định nghĩa Thật tế này của Thiền sư D.T. Suzuki trích từ Thiền luận III.

*(4). Bản thể, bổn thể, bản chất (*本體*): Thông thường, các nhà triết học phương Tây giải thích bản thể: Bản thể là cái tự nó tồn tại đích thực đối lập với hiện tượng. Trong Phật giáo, danh từ pháp thể được dùng để diễn đạt ý nghĩ tương đồng như thế, tức chỉ cái thể tính các pháp, hoặc những danh từ như bản chất các pháp, bản tính, pháp tính, chân như v.v... là những dụng ngữ đồng loại. Trước thời Phật giáo, người Ấn độ cổ đại nhận bản thể của vũ trũ là Phạm (Phạm: brahman), bản thể của cá nhân là Ngã (Phạm: àtman) và cho rằng bản chất của Phạm và Ngã là một (Phạm ngã nhất như). Về bản thể ngã của cá nhân, thì Phật giáo lập thuyết Vô ngã, chủ trương hết thảy các pháp đều do mối quan hệ tương y tương hỗ (nhân duyên) mà tồn tại; trong Phật giáo Đại thừa tư tưởng này còn triệt để hơn nữa mà sản sinh tư tưởng không (Phạm: sùnya). Trong các phái thuộc Phật giáo Bộ phái, có những phái như Độc tử, Pháp*

thượng, Chính lượng v.v... khẳng định sự tồn tại của ngã thể chủ quan (phi tức phi ly uẩn ngã), cũng khẳng định các pháp hiện tượng giới, các phái này thuộc tông Pháp ngã câu hữu (ngã pháp đều có). Lại như Thuyết nhất thiết hữu bộ cho rằng, thể tính của vạn hữu là thường hằng bất diệt suốt trong quá khứ, hiện tại và vị lai, đây tức là thuyết Tam thế thực hữu, pháp thể hằng hữu (ba đời thực có, pháp thể hằng có), nhưng ở mặt khác, thì lại không thừa nhận sự tồn tại của Ngã, vì thế thuộc tông Ngã không pháp hữu (ngã không pháp có). Còn các phái Kinh lượng, Hóa địa, Pháp tạng, Đại chúng, Kê dận, Tây sơn trụ, Bắc sơn trụ v.v... thì chủ trương các pháp quá khứ và vị lai không có thể tính, duy chỉ pháp hiện tại là thực có, đây tức là thuyết Quá vị vô thể (quá khứ vị lai không có thể tính). Lại như Thuyết giả bộ, thì không những chỉ nhận quá vị vô thể, mà ngay cả đối với các pháp hiện tại cũng chủ trương có giả có thực. Theo Thuyết giả bộ nói, thì vạn hữu chia làm năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, trong đó năm uẩn là thực thể, nhưng mười hai xứ, mười tám giới là những pháp sở y, sở duyên, thuộc pháp tích tụ, là có giả, đây tức là thuyết Hiện pháp giả thực (pháp hiện tại có giả có thực). Ngoài ra, Thuyết xuất thế bộ thì cho các pháp thế gian đều là có giả, duy chỉ pháp xuất thế gian là có thực thể, đây tức là thuyết Tục vọng chân thực (tục đế vọng chân đế thực). Nhất thuyết bộ thì chủ trương hết thảy vạn hữu, dù là pháp thế gian hay xuất thế gian, đều chỉ có giả danh chứ không có thực thể, đây tức là thuyết Chư pháp đãn danh (các pháp chỉ có cái tên). Vào giữa thế kỷ thứ IV Tây lịch, Ha lê bạt ma (Phạm: Harivarman), viết luận Thành thực 16 quyển, nêu cao tư tưởng không, phản đối thuyết Tam thế thực hữu, pháp thể hằng hữu của Nhất thiết hữu bộ, không những chỉ phủ nhận sự tồn tại của ngã thể chủ quan, mà còn bác luôn cả sự tồn tại của pháp thể vạn tượng khách quan, đây tức là thuyết Ngã pháp câu không (cả ngã và pháp đều là không). Giáo hệ Phật giáo có liên quan đến vấn đề bản thể tính tướng, mở đầu tự Hữu không luận của Tiểu thừa, biến chuyển mà thành Hữu không luận của Đại thừa, như giáo nghĩa Duy thức dùng thuyết Tam tính, Tam vô tính để trình bày hữu không quan về vạn hữu, và khảo sát thực lý Hữu, Không, Trung đạo. Tức dựa vào ba tính Biến kế sở chấp, Y tha khởi, Viên thành thực, từ phương diện có thuyết minh tự tính của vạn hữu, đồng thời, dựa vào ba vô tính: Tướng vô tính, Sinh vô tính, Thắng nghĩa vô tính, từ phương diện không hiển bày cái chí lý các pháp đều không, cho nên nhấn

mạnh hiện tượng tuy là không hoặc có giả, nhưng thực thể thì là có thật, đây tức là luận Hữu Không Trung Đạo. Tông Tam luận thì bác bỏ loại tư tưởng có, không tương đối ấy, mà lấy cái Không tuyệt đối bất khả đắc làm lý tưởng cùng cực, cho nên đem Tứ trùng nhị đế, Bát bất trung đạo để thuyết minh chân đế pháp tính siêu việt tình chấp, bặt hết tư lự, đây tức là luận Vô tướng giai không. Tư tưởng Không này của tông Tam luận bị coi là Bản thể luận tiêu cực; đối lại, được coi là Bản thể luận tích cực, phát huy giáo chỉ cao nhất của Đại thừa, là luận Chư pháp thực tướng của tông Thiên thai. Tông Thiên thai dựa vào Kinh Pháp hoa và mấy câu kệ trong phẩm Quán Tứ Thánh đế của Trung luận (Đại 30, 33 trung): Các pháp nhân duyên sinh, Tôi bảo đó là không, cũng tức là giả danh, cũng là nghĩa trung đạo, và câu nói trong luận Đại trí độ Trong một tâm được ba trí, mà thuyết minh cái lý mầu nhiệm Không, Giả, Trung ba đế viên dung, và nêu tỏ thể tính của các pháp xưa nay vốn viên dung vô ngại. Đồng thời, chủ trương nếu người ta phá tan được khối mê vọng thì lập tức bước vào cảnh giới thông suốt sáng chói, thể nhận hết thảy các pháp thuần là thực tướng, ngoài thực tướng ra, không có một pháp nào khác. ***Pháp giới muôn tượng la liệt, mỗi mỗi đều là thực tướng, vì thế sai biệt tức là bình đẳng, hiện tượng tức là thực thể, sự tướng và thực thể chẳng hai chẳng khác, muôn pháp là nhất như.*** *Trong Phật giáo Đại thừa, ngoài luận Chư pháp thực tướng của tông Thiên thai ra, như Pháp giới duyên khởi của tông Hoa nghiêm, Lục đại duyên khởi của Mật tông, đều là tư tưởng lí luận chủ trương hiện tượng tức là bản thể. Tóm lại, cái Không mà Phật giáo Đại thừa thuyết minh, tức là cái trạng thái không thể chấp trước. Bát Nhã Tâm Kinh (bản dịch của Ngài Huyền Trang) dùng những tiếng sau đây để thuyết minh mối quan hệ giữa bản thể và hiện tượng (Đại 8, 848 hạ): Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc; sắc tức là không, không tức là sắc. Trong Kinh Phổ biến trí tạng Bát nhã Ba la mật đa tâm do Ngài Pháp nguyệt dịch, trước hai câu trên đây, còn có hai vế (Đại 8, 849 thượng): Sắc tính là không, không tính là sắc. Thông thường người ta dùng hiện tượng để nắm bắt vật chất tồn tại. Nhưng cái gọi là hiện tượng, tức phải dựa vào vô số nguyên nhân, điều kiện và luôn luôn biến hóa; trên đời tuyệt không có một hiện tượng nào là không biến hóa, vì biến hóa không ngừng nên mới có hiện tượng sản sinh, cho nên người ta mới mong nắm bắt sự tồn tại của chúng, đây tức là thế giơi Sắc tính là không, không*

tính là sắc, tương đương với cái Không trong ba đế Không Giả Trung do đại Sư Trí khải lập ra. Cái thế giới hỗn độn không chủ thể, chưa chia thành chủ khách, là thế giới duy nhất, toàn nhất, thế giới một tức hết thảy, hết thảy tức một, người ta nên nắm bắt cái thế giới ấy. Nhưng, muốn đạt được cảnh giới ấy, người ta không thể không dựa vào hiện tượng làm cơ sở. Duy có điều là một hiện tượng tuyệt không có bản thể, mà do nhiều hiện tượng và hết thảy pháp hỗ tương quan hệ mới có thể thành lập được; đồng thời, cũng thể nhận được thế giới duyên khởi tất cả đều do nguyên nhân và điều kiện hỗ tương y tồn mà vận hành. Giả sử hiện tượng Ngã không hoạt động, thì hãy quan sát mối liên quan với người khác, lúc đó có thể hiểu hiện tượng Ngã thường không phải do Ngã mà do các nhân tố ngoại lai người khác thêm vào khiên chế mà dần dần khác với cái Ngã hiện tại. Đứng trên lập trường lý luận mà nói, cũng có thể lý giải hết thảy sự vật ngoại tại không ngừng phủ định tự kỷ, hoặc đối lập với tự kỷ, và trong những điều kiện như thế, người ta phải hạn định quan hệ để khẳng định tự kỷ, đây tức là thế giới Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, tương đương với thế giới Giả của tông Thiên thai. Đã có thể nắm bắt được sự thể nghiệm ở giai đoạn thứ nhất, thứ hai trên đây mà bàn đến giai đoạn thứ ba, nếu thuyết minh bằng lời nói, thì hoàn toàn tương đồng với giai đoạn trước. Song, trong Kinh nghiệm sinh động của nhân loại, trên thực cảm, xác thực có cái thế giới có thể nắm bắt được và so với giai đoạn thứ hai thì thế giới ấy cao hơn, đó tức là thế giới Sắc tức là không, không tức là sắc, tương đương với thuyết Trung của tông Thiên thai. Nói theo nghĩa cùng tột thì ba đế Không Giả Trung không có thứ tự trước sau cách lịch, mà là viên dung vô ngại, một tức ba, ba tức một, đó là nghĩa đích thực của Viên giáo tam đế viên dung trong tông Thiên thai. Mà tư tưởng ấy không những chỉ là một trong những giáo nghĩa trung tâm của tông Thiên thai, mà cũng là chứng minh của Phật pháp Đại thừa đối với bản thể viên thục nhất của muôn pháp. Từ điển Phật Quang.

Lối giải thích này chỉ có người thâm cứu dùng mà thôi. Chúng ta chỉ cần biết bản thể là bản chất hay bản tính của tất cả pháp. Nhưng theo Bát Nhã thì chẳng có gì là bản chất hay bản tánh trong tất cả pháp, tất cả đều giả lập tức là không. ***TB***

(5). Hiện thực hay hiện tượng (現象)*: Đối lại với Bản thể, bản chất. Cái trạng thái của sự vật mà người ta có thể cảm và biết được hiện bày ra*

*trước mắt (nói theo **Sự**). Trong Phật giáo, các hiện tượng được xem là có giả, mà bản thể, bản chất, hoặc gọi là tự tính, bản tính mới là có thật (nói theo **Lý**). Tông Duy thức gọi đối tượng của nhận thức là ảnh tượng (bóng dáng), gọi thực chất của ảnh tượng là bản chất, còn cái hiện tượng biểu hiện trong thực tại thì được gọi là Hiện hành. Những hiện tượng mà người ta thấy chỉ là bóng huyễn do nhận thức sai lầm mà có. Ngoài ra, bản thể nhất như gọi là lý, hiện tượng sai biệt gọi là sự. - Từ điển Phật Quang.*

*Hiểu được hiện thực và bản thể là hiểu được Tục đế (hiện thực-tương đối) và Đệ nhất nghĩa đế (bản thể-tuyệt đối) tức hiểu được sự và lý. Vượt qua và vượt trên lý và sự, tức hiểu được tánh bình đẳng của tất cả pháp tức thâm nhập được Bát nhã Ba la mật. **TB***

*(6). "*Do thế tục pháp, nên nói có Bồ Tát, có hết thảy các sắc pháp. Trái lại, ở nơi Bồ Đề thì chẳng có một định pháp nào cả, chẳng có Phật, chẳng có Bồ Tát, chẳng có chúng sanh, cũng chẳng có Bồ Đề vậy". *Phẩm thứ 80. "Thật Tế", Tập 5, quyển 90, Đại Trí Dộ Luận.*

(7). Mạn Thù Thất Lợi có tên khác là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cùng với Phổ Hiền Bồ Tát, hai vị hộ pháp này giúp Phật giáo hóa chúng sanh trong cõi Sa Bà. Mạn Thù Thất Lợi là nhận vật chánh trong Hội thứ VII, ĐBN.

Những thích nghĩa này tuy dài dòng nhưng rất hữu ích cho sự hiểu biết không những cho phẩm này mà còn cho các Kinh khác nữa. Nên cố gắng đọc tụng, học hỏi thôi./.

---o0o---

71. PHẨM “THÀNH THỤC HỮU TÌNH”

Cuối Q.390 cho đến đầu Q.393, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm “Cụ Túc” quyển thứ 28, MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát tu hành bố thí Ba la mật, tu hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; an trụ 18 pháp không, tu hành tứ Thánh đế, tu hành 37 pháp trợ đạo, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, Nhất thiết trí… cho đến tu hành quả vị Giác ngộ tối cao, chẳng đắc sở cầu là quả vị Giác ngộ thì làm thế nào đại Bồ Tát tu Bồ Tát đạo được viên mãn, có thể chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật, phương tiện thiện xảo khi **tu hành bố thí Ba la mật,** chẳng đắc bố thí, chẳng đắc năng thí, chẳng đắc sở thí, chẳng đắc việc tu, cũng chẳng xa lìa các pháp như thế mà tu hành bố thí Ba la mật thì đại Bồ Tát ấy có thể viên mãn Bồ Tát đạo. Nếu đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, phương tiện thiện xảo khi tu hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật và tất cả pháp Phật, chẳng đắc tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật và tất cả pháp Phật, chẳng đắc năng tu, chẳng đắc sở tu, việc tu, cũng chẳng xa lìa các pháp mà hành, thì đại Bồ Tát ấy có thể viên mãn Bồ Tát đạo.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, phương tiện thiện xảo như thế có thể viên mãn Bồ Tát đạo, mau chứng Vô thượng Bồ đề.

(Chú ý đến giáo lý này: Chẳng đắc sở cầu, chẳng đắc năng tu, sở tu, chẳng đắc việc tu, chẳng xa lìa các pháp tu thì có thể viên mãn Bồ Tát đạo và có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Vì tự tánh Bát Nhã là không, là vô sở hữu, là bất khả đắc. Nếu còn mong cầu nắm bắt, còn thấy năng sở tức còn chấp ngã, chấp pháp, chấp chúng sanh, chấp mạng giả… Còn chấp là còn chướng thì không thể viên mãn đạo Bồ đề, cũng không thể chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao).

Bấy giờ, cụ thọ Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm thế nào Bồ Tát hành Bát Nhã dõng mãnh chuyên cần tu đạo Bồ đề?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, phương tiện thiện xảo chẳng hòa hợp sắc cũng chẳng xa lìa sắc, cũng chẳng hòa hợp thọ, tưởng, hành, thức, cũng không xa lìa thọ, tưởng, hành, thức. Vì các pháp như thế không có tự tánh, nếu không có tự tánh thì làm gì có hợp có ly. Đối với 12 xứ, 18 giới, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao cũng chẳng có hợp có ly. Vì **tất cả pháp không có tự tánh thì không hợp không ly.**

- Này Xá lợi Tử! Như thế là đại Bồ Tát hành Bát Nhã, dõng mãnh chuyên cần tu đạo Bồ đề. Dũng mãnh chuyên cần tu học đạo Bồ đề cũng gọi là tu học Bát Nhã, vì Bát Nhã thâu nhiếp tất cả thiện pháp. Chẳng tu học Bát Nhã, thì chẳng bao giờ có thể đắc sở cầu quả vị Giác ngộ tối cao.

Các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, nếu thấy các pháp có tự tánh, có thể nắm bắt được, thì có chấp thủ, nhưng **các pháp vốn không có tự tánh**, làm gì có thể nắm bắt được mà sanh chấp thủ. Nghĩa là chẳng chấp thủ đây là Bát Nhã, đây là tịnh lự, tinh tấn v.v…; chẳng chấp thủ đây là sắc, đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là xứ giới…; đây là quả vị Giác ngộ tối cao; đây là phàm phu, đây là Thanh văn, là Độc giác, Bồ Tát hay Như Lai.

Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, như thật rõ biết, tất cả pháp đều chẳng thể nắm bắt, đó là Bát nhã Ba la mật chẳng thể nắm bắt, tịnh lự Ba la mật chẳng thể nắm bắt, tinh tấn Ba la mật chẳng thể nắm bắt v.v…; sắc chẳng thể nắm bắt, thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể nắm bắt; xứ giới chẳng thể nắm bắt, tất cả pháp Phật chẳng thể nắm bắt được.

- Này Xá Lợi Tử! **Các Ba la mật chẳng thể nắm bắt được ấy tức là Vô chướng (ngại) Ba la mật. Vô chướng Ba la mật như thế tức là Bát nhã Ba la mật.** Các đại Bồ Tát nên học trong đó.

- Này Xá Lợi Tử! Đại Bồ Tát khi học trong đó, còn chẳng đắc sự học, huống là đắc quả vị Giác ngộ tối cao, huống là đắc Bát Nhã, huống là đắc pháp Bồ Tát, huống là đắc pháp chư Phật. Vì sao? Vì không có một chút pháp nào có tự tánh, các pháp chỉ lấy vô tánh làm tự tánh thì làm gì có

pháp phàm phu, làm gì có pháp Dự lưu, làm gì có pháp Nhất lai, pháp Bất hoàn, pháp A la hán, pháp Độc giác, pháp Bồ Tát hay pháp Như Lai?

- Này Xá Lợi Tử! Các pháp như thế đã chẳng thể nắm bắt được, thì nương vào pháp nào mà có thể đặt bày có phàm phu. Phàm phu đã chẳng thể nắm bắt được, thì làm sao có thể nói đây là Dự lưu, đây là Nhất lai, là Bất hoàn, là A la hán, là Độc giác, Bồ Tát hay Như Lai!

Khi ấy, Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều không có tự tánh, hoàn toàn chẳng phải thật có, thì y cứ vào đâu mà có thể rõ biết đây là phàm phu, đây là pháp phàm phu; đây là Dự lưu, đây là pháp Dự lưu; đây là Nhất lai, đây là pháp Nhất lai… cho đến đây là Như Lai, đây là pháp Như Lai?

Phật hỏi lại Xá Lợi Phất:

- Này Xá lợi Tử! Theo ý ông thì sao? Có phải thật có sắc, thật có thọ, tưởng, hành, thức như các phàm phu ngu si chấp chăng?

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không! Chẳng phải thật có sắc, chẳng phải thật có thọ, tưởng, hành, thức như các phàm phu chấp, **chỉ do phàm phu ngu si điên đảo chấp như thế**; cũng chẳng phải thật có 12 xứ, 18 giới như các phàm phu chấp, chỉ do phàm phu ngu si điên đảo chấp như thế; cũng chẳng phải thật có tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao như các phàm phu chấp, chỉ do phàm phu ngu si điên đảo chấp như thế.

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! **Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, phương tiện thiện xảo, tuy quán các pháp đều không có tự tánh, hoàn toàn chẳng phải thật có, nhưng nương theo thế tục, phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, chỉ vì các hữu tình mà tuyên thuyết các pháp, khiến cho hiểu biết chơn chánh, xa lìa điên đảo**.

Cụ thọ Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, vì sức phương tiện thiện xảo làm thế nào có thể quán các pháp đều không có tự tánh, hoàn toàn chẳng thật có, nhưng nương vào thế tục, phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao, vì các hữu tình tuyên thuyết các pháp khiến được hiểu biết chơn chánh, xa lìa điên đảo?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Vì tất cả pháp hoàn toàn không thật có, không có ngã, ngã sở, đều lấy vô tánh làm tự tánh, bản tánh vắng lặng, tự tướng vắng lặng, chỉ có phàm phu ngu si mê lầm điên đảo, chấp trước sắc uẩn, chấp trước thọ, tưởng, hành, thức uẩn; chấp trước xứ giới; chấp trước tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng; chấp trước Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí;chấp trước tất cả hạnh Bồ Tát, chấp trước quả vị Giác ngộ tối cao; chấp trước phàm phu; chấp trước Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Do nhân duyên ấy, các đại Bồ Tát quán tất cả pháp hoàn toàn không thật có, không có ngã, ngã sở, đều lấy vô tánh làm tự tánh, bản tánh vắng lặng, tự tướng vắng lặng, tu hành Bát Nhã như huyễn sư, vì hữu tình thuyết pháp, đối với người xan tham thì nói bố thí, khiến tu bố thí; hoặc người phá giới thì nói tịnh giới, khiến tu tịnh giới; hoặc người sân hận thì nói an nhẫn, khiến tu an nhẫn; hoặc người giải đãi thì nói tinh tấn, khiến tu tinh tấn; hoặc người tán loạn thì nói tịnh lự, khiến tu tịnh lự; hoặc người ngu si thì nói Bát Nhã, khiến tu Bát Nhã. *(Q. 391, ĐBN)*

- Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát ấy, an lập hữu tình, khiến an trụ bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật rồi, lại vì họ tuyên thuyết Thánh pháp thù thắng có khả năng thoát khỏi sanh tử. Các loài hữu tình nương vào đó tu học, hoặc đắc quả Dự lưu, hoặc đắc quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, hoặc Độc giác, hoặc Bồ Tát, hoặc đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Bấy giờ, Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát là người chẳng có sở đắc, tu hành Bát Nhã mà có thể an trụ hữu tình trong sáu pháp Ba la mật, khiến họ chứng đắc quả Dư lưu, Nhất lai, bất hoàn, A la hán, Bồ Tát, Phật và có thể thoát khỏi sanh tử?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đối với các hữu tình chẳng phải có sở đắc. Vì sao? Vì các đại Bồ Tát ấy khi tu hành Bát Nhã, chẳng thấy thật có hữu tình nhỏ nào có thể nắm bắt được, chỉ theo thế tục giả nói hữu tình.

Đại Bồ Tát ấy, khi tu hành Bát Nhã, an trụ 2 đế, vì các hữu tình, tuyên thuyết Chánh pháp. Hai đế là gì? Đó là thế **Tục đế** và **Thắng nghĩa đế**.

Trong hai đế, hữu tình chẳng thể nắm bắt được, sự an lập hữu tình cũng chẳng thể nắm bắt được. Nhưng các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, phương tiện thiện xảo, vì các hữu tình, tuyên thuyết pháp yếu. Các loài hữu tình nghe pháp ấy rồi, ở trong hiện pháp còn chẳng đắc ngã, huống là đắc sở cầu là quả chứng. *(Q.392, ĐBN)*

- Này Xá lợi Tử! Như thế, đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, phương tiện thiện xảo, tuy vì hữu tình tuyên thuyết Chánh pháp, khiến tu chánh hạnh, đắc quả sở chứng, nhưng đối với họ, tâm hoàn toàn không có sở đắc.

Cụ thọ Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bồ Tát, tuy đối với các pháp, chẳng đắc nhất tánh, chẳng đắc dị tánh, chẳng đắc tổng tánh, chẳng đắc biệt tánh, nhưng mang áo giáp đại công đức như thế; do mang áo giáp đại công đức như thế, nên chẳng lưu chuyển cõi Dục, chẳng lưu chuyển cõi Sắc, chẳng lưu chuyển cõi Vô sắc, chẳng lưu chuyển cõi hữu vi, chẳng lưu chuyển cõi vô vi. Tuy giáo hóa hữu tình khiến thoát ba cõi nhưng đối với hữu tình hoàn toàn không có sở đắc, cũng lại chẳng đắc sự an lập hữu tình. Vì sự an lập hữu tình chẳng thể nắm bắt được nên không bị câu thúc bởi nhiễm hay tịnh; vì không nhiễm không tịnh nên chẳng khá rõ biết các thú sai khác; vì chẳng khá rõ biết các thú sai khác nên không nghiệp, không phiền não; vì không nghiệp không phiền não nên cũng không bị quả báo; đã không bị quả báo thì làm sao biết được có ngã và hữu tình lưu chuyển các thú, hiện ở ba cõi, đủ các loại sai khác?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Đúng vậy! Nếu loài hữu tình trước có, sau không, thì Bồ Tát, Như Lai có sự lầm lẫn; nếu sự sanh tử của các thú trước có sau không, thì Bồ Tát, Như Lai cũng có lầm lẫn; trước không, sau có, cũng như vậy. Như Lai xuất thế, hoặc chẳng xuất thế, pháp tướng thường trụ không bao giờ chuyển đổi. Vì tất cả pháp, pháp tánh, pháp giới, pháp định, pháp trụ, chơn như, thật tế, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, giống như hư không. Trong đó, còn không có ngã, không có hữu tình, không có dòng sanh mạng, không có khả năng sanh khởi, không có sự dưỡng dục, không có sự trưởng thành v.v…, không có cái biết, không có cái thấy, huống là có sắc, có thọ, tưởng, hành, thức; có xứ giới, có các duyên khởi, có pháp duyên sanh, có các chi duyên khởi; đã không có các pháp sở thuyết như thế, thì làm gì có các thú sanh tử; các thú sanh tử đã

chẳng thể nắm bắt được, thì làm gì có thành thục hữu tình, khiến họ giải thoát, chỉ nương thế tục, giả nói.

Vì các pháp như thế, tự tánh đều không; các đại Bồ Tát từ Phật quá khứ đã nghe như thật rồi, vì cứu thoát hữu tình điên đảo chấp trước, nên phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao. Khi phát tâm cũng chẳng nghĩ: Ta đối với pháp này sẽ đắc, khiến hữu tình kia sẽ được độ.

Đại Bồ Tát ấy vì độ thoát hữu tình điên đảo chấp trước, nên mang giáp mũ công đức, thệ nguyện rộng lớn trang nghiêm, dõng mãnh chánh cần, không có đoái tiếc gì, chẳng lùi bỏ quả vị Giác ngộ, đối với Bồ đề thường chẳng khởi do dự sẽ chứng hay chẳng chứng. Luôn luôn nghĩ rằng: Chắc chắn ta sẽ chứng sở cầu giác ngộ, làm lợi ích chân thật cho các hữu tình, khiến họ giải thoát mê lầm điên đảo, qua lại các thú chịu khổ sanh tử.

- Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát ấy tuy độ thoát hữu tình mê lầm điên đảo sanh tử các thú, nhưng không có sở đắc, chỉ nương vào thế tục mà nói. Như nhà ảo thuật hoặc đệ tử của y dùng thuật biến hóa ra vô lượng trăm ngàn ức loài hữu tình, lại hóa đủ loại đồ ăn thức uống thượng diệu cho các hóa hữu tình ấy ăn đều khiến no đủ; làm việc ấy rồi, mừng vui xướng lên, ta đã đạt được phước đức to lớn.

Này Xá lợi Tử! Theo ý ông: Nhà ảo thuật ấy hoặc đệ tử của y có thật khiến cho hữu tình được no đủ chăng?

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không!

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát cũng giống như thế, từ khi mới phát tâm vì muốn độ thoát các hữu tình, nên tu hành bố thí, tu hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; an trụ 18 pháp không, tu hành 37 pháp trợ đạo; an trụ tứ Thánh đế; tu hành 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4định vô sắc; tu hành 8 giải thoát, tu hành 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ; tu hành pháp môn Đà la ni, pháp môn Tam ma địa; tu hành tam giải thoát môn, tu hành Bồ Tát thập địa; tu hành 5 loại mắt, 6 phép thần thông; tu hành Phật mười lực, tu hành bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng; tu hành 32 tướng Đại sĩ, tu hành 80 vẻ đẹp tùy hảo; tu hành pháp không quên mất, tu hành tánh luôn luôn xả; tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; viên mãn đạo Bồ đề, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật.

Này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát tuy làm việc như thế, nhưng đối với hữu tình và tất cả pháp hoàn toàn không có sở đắc, cũng chẳng nghĩ: Ta dùng pháp này điều phục các loại hữu tình như thế.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Sao gọi là đạo Bồ đề** của đại Bồ Tát mà các đại Bồ Tát tu hành đạo này, phương tiện thiện xảo, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát từ sơ phát tâm đã tu hành bố thí Ba la mật, đã hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Đã hành tất cả các thiện pháp nói trên và vô lượng, vô biên các Phật pháp khác. Đó là gọi đạo Bồ đề**.

(Học đạo Bồ đề và dùng lục Ba la mật để thành thục hữu tình).

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Tại sao đại Bồ Tát hành đạo này thì có thể thành thục hữu tình?**

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Bởi vì đại Bồ Tát khi hành bố thí Ba la mật, phương tiện thiện xảo, **tự hành bố thí,** cũng khuyên người hành bố thí, ân cần dạy bảo trao truyền khuyên răn họ: Các thiện nam tử! Chớ chấp trước bố thí, nếu chấp bố thí thì sẽ lại thọ thân, nếu lại thọ thân thì do đây mà lần lượt sẽ thọ vô lượng khổ lớn. Trong thắng nghĩa đế, hoàn toàn không có bố thí, cũng không có người bố thí, cũng không có người nhận, cũng không có vật bố thí, cũng không có quả của bố thí. **Các pháp như thế đều bản tánh không. Trong bản tánh không, không có pháp có thể nắm bắt, tánh không của các pháp cũng chẳng thể nắm bắt được.**

Như vậy, các đại Bồ Tát khi tu hành bố thí Ba la mật, tuy đối với hữu tình, tự hành bố thí, cũng khuyên người bố thí, nhưng đối với bố thí, người thí, kẻ thọ, vật thí, kết quả bố thí đều không sở đắc. Bố thí Ba la mật như thế gọi là **vô sở đắc Ba la mật**. Đại Bồ Tát ấy, khi đối với các pháp này không có sở đắc, phương tiện thiện xảo, có thể giáo hóa hữu tình đắc quả Dự lưu, quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, hoặc quả vị Độc giác, Bồ Tát hay quả vị Giác ngộ tối cao.

- Này Thiện Hiện! Như vậy, là các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, nương vào pháp bố thí, thành thục hữu tình, khiến được an lạc.

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát an trụ bố thí Ba la mật, tự hành bố thí, khuyên các hữu tình hành bố thí rồi, thấy các hữu tình hủy phạm tịnh giới, thương xót vô cùng, **khuyên bảo nên thọ trì tịnh giới**, ta sẽ cúng dường, các ngươi cần đồ ăn thức uống, y phục, giường chiếu, phòng xá, xe cộ, thuốc men cho đến các vật dụng cần thiết khác ta đều cung cấp đầy đủ. Các ngươi do thiếu thốn vật chất nên hủy phạm tịnh giới, làm các việc ác. Ta sẽ tùy theo nhu cầu mà cung cấp đủ. Các ngươi an trụ luật nghi giới rồi dần dần có thể thoát vòng khổ não, hoặc nương vào Thanh văn thừa mà được xuất ly, hoặc nương vào Độc giác thừa mà được xuất ly, hoặc nương vào Vô thượng thừa mà được xuất ly. *(Q. 393, ĐBN)*

Đại Bồ Tát ấy, an trụ bố thí Ba la mật, tự thọ trì tịnh giới, cũng khuyên người thọ trì tịnh giới, thẳng thắn xưng dương pháp thọ trì tịnh giới, hoan hỷ tán thán người thọ trì tịnh giới.

- Này Thiện Hiện! Như vậy, Đại Bồ Tát tu hành bố thí Ba la mật, khuyên các hữu tình an trụ tịnh giới giải thoát sanh tử, được lợi lạc thù thắng.

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát an trụ bố thí Ba la mật, thấy các hữu tình sân hận nhau nên sanh lòng thương xót mà khuyên bảo họ: Vì duyên cớ gì mà các ngươi sân hận? Các ngươi nếu do thiếu thốn mà tạo nên ác nghiệp thì sẽ giúp cho, cần ăn uống, y phục, phòng xá, xe cộ, thuốc thang, đèn sáng và các thứ cần yếu khác, ta đều cấp cho, khiến không thiếu thốn. Các ngươi chẳng nên sân hận nhau mà **nên tu an nhẫn**. Đại Bồ Tát ấy, an trụ bố thí Ba la mật, khuyên các hữu tình tu an nhẫn rồi, lại bảo họ: Nhân duyên sân hận hoàn toàn không chắc thật, đều do hư vọng phân biệt mà sanh, vì tất cả pháp bản tánh không, nên các ngươi vì cớ gì mà đối với cái không thật có, vọng khởi sân hận, nhục mạ, tàn hại nhau. Các ngươi chớ dựa vào sự phân biệt hư vọng mà phát sanh giận dữ, tạo các ác nghiệp, sẽ đọa vào địa ngục, bàng sanh, quỷ giới… chịu các khổ kịch liệt. Các ngươi chớ chấp vào cái chẳng phải thật có, vọng khởi sân hận, mà tạo nghiệp. Do nghiệp tội này, nên mất thân. Các ngươi nên biết, thân người khó được, đời có Phật khó gặp, sanh lòng tin lại càng khó hơn, chớ vì sân hận mà để mất cơ hội tốt. Nếu mất cơ hội này thì khó cứu chữa. Vì vậy, các ngươi đối với các hữu tình chớ khởi sân hận, nên tu an nhẫn.

Đại Bồ Tát ấy, an trụ bố thí Ba la mật, tự hành an nhẫn, cũng khuyên người hành an nhẫn, thẳng thắn tán dương pháp hành an nhẫn, hoan hỷ khen ngợi người hành an nhẫn.

- Này Thiện Hiện! Như vậy, các đại Bồ Tát an trụ bố thí, khuyên các hữu tình tu hành an nhẫn. Các loài hữu tình do đó, lần lượt nương vào ba thừa mà được giải thoát.

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát an trụ bố thí Ba la mật, thấy các hữu tình thân tâm giải đãi, sanh lòng thương xót, khuyên bảo họ: Các ngươi vì duyên cớ gì chẳng siêng năng **tinh tấn tu hành** các thiện pháp mà sanh giải đãi? Nếu họ đáp vì thiếu thốn vật chất, tảo tần kiếm sống, nên không có thời giờ tu tập. Bồ Tát có thể cung cấp vật chất đầy đủ để họ có thể yên tâm chuyên tu pháp bố thí, tịnh giới, an nhẫn v.v... Khi ấy, các hữu tình phát khởi tinh tấn, tu các thiện pháp mau được viên mãn. Do tu các thiện pháp được viên mãn nên dần dần phát sanh các pháp vô lậu; do các pháp vô lậu, hoặc đắc quả Dự lưu, hoặc đắc quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, hoặc đắc quả vị Độc giác, hoặc hướng nhập các bậc Bồ Tát, dần dần chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Đại Bồ Tát ấy, an trụ bố thí, tự hành tinh tấn, cũng khuyên người hành tinh tấn, thẳng thắn tán dương pháp hành tinh tấn, hoan hỷ ngợi khen người hành tinh tấn.

- Này Thiện Hiện! Như thế, các đại Bồ Tát an trụ bố thí Ba la mật, khiến các hữu tình xa lìa giải đãi, siêng tu các thiện pháp, mau được giải thoát.

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát an trụ bố thí Ba la mật, thấy các hữu tình tán loạn thất niệm, thương xót khuyên bảo họ: Các ngươi vì cớ gì mà chẳng **tu tịnh lự**, tán loạn thất niệm, trầm luân trong sanh tử? Nếu họ vì thiếu thốn nên chẳng có thể tu tập. Bồ Tát có thể cung cấp các vật dụng cần thiết, và khuyên bảo: Các ngươi từ nay chẳng nên khởi lại tầm tứ hư vọng phan duyên trong ngoài làm nhiễu loạn tự tâm. Khi ấy, các hữu tình được vật dụng, không còn thiếu thốn, có thể chế phục đoạn trừ hư vọng, nhập các thiền; nương vào các thiền có thể phát khởi từ, bi, hỷ, xả; lại dần dần có thể nhập bốn định vô sắc; do định này thành đạt nên có thể tu 37 pháp trợ đạo, pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện v.v... các thứ thiện pháp khác, và tùy theo căn cơ có thể đắc quả tam thừa, đó là

hoặc chứng đắc Niết bàn Thanh văn, hoặc chứng đắc Niết bàn Độc giác, hoặc chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Đại Bồ Tát ấy, an trụ bố thí Ba la mật, tự tu thiền định, cũng khuyên người tu thiền định, thẳng thắn tán dương pháp thiền định, hoan hỷ khen ngợi người tu thiền định.

- Này Thiện Hiện! Như vậy, các đại Bồ Tát an trụ bố thí Ba la mật, khuyên các hữu tình xa lìa tán loạn, tu các định, làm lợi ích lớn.

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát an trụ bố thí Ba la mật, thấy các hữu tình ngu si điên đảo, thương xót khuyên các hữu tình **tu Bát nhã Ba la mật**. Nếu họ thật sự thiếu thốn vật chất, chẳng có thể tu tập trí tuệ thù thắng, Bồ Tát có thể cung ứng vật chất đầy đủ để họ có thể tu: Trước hết tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự được viên mãn rồi, nên quán sát kỹ thật tướng các pháp, tu hành Bát nhã Ba la mật, nghĩa là khi ấy, nên quán sát kỹ là có pháp nhỏ nào có thể nắm bắt được chăng? Đó là hoặc ngã, hoặc hữu tình, dòng sanh mạng, khả năng sanh khởi, sự dưỡng dục, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sanh, nho đồng… cái biết cái thấy có thể nắm bắt được chăng? Hoặc sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức có thể nắm bắt được chăng? Hoặc 12 xứ, 18 giới có thể nắm bắt được chăng? Hoặc tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí, hoặc Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí có thể nắm bắt được chăng? Hoặc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, quả vị Độc giác có thể nắm bắt được chăng? Hoặc tất cả hạnh Bồ Tát, hoặc quả vị Giác ngộ tối cao có thể nắm bắt được chăng?

Các hữu tình ấy đã được vật dụng rồi không còn thiếu thốn nữa, nương vào sự khuyên bảo của Bồ Tát, trước hết tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự được viên mãn rồi, lại quán sát kỹ thật tướng các pháp, tu hành Bát nhã Ba la mật. Khi quán sát kỹ thật tánh của các pháp đều chẳng thể nắm bắt được; vì chẳng thể nắm bắt được nên không chấp trước; vì không chấp trước nên chẳng thấy có pháp nhỏ nào có sanh, có diệt, có nhiễm, có tịnh. Khi họ đối với các pháp không có sở đắc, thì đối với tất cả xứ chẳng khởi phân biệt, nghĩa là chẳng phân biệt đây là địa ngục, đây là bàng sanh, đây là quỷ giới, đây là A tu la, đây là người, đây là trời, đây là trì giới, đây là phạm giới, đây là phàm phu, là Thánh giả, đây là Thanh văn, đây là Độc giác, đây là Bồ Tát, đây là Như Lai, đây là pháp hữu vi, là pháp vô vi. Vì

không phân biệt như thế, nên tùy theo căn cơ, họ dần dần chứng đắc Niết bàn ba thừa.

Đại Bồ Tát ấy, an trụ bố thí Ba la mật, tự tu Bát nhã Ba la mật, cũng khuyên người tu Bát nhã Ba la mật, thẳng thắn tán dương pháp tu Bát nhã Ba la mật, hoan hỷ khen ngợi người tu Bát nhã Ba la mật.

- Này Thiện Hiện! Như vậy, các đại Bồ Tát an trụ bố thí Ba la mật, khuyên các hữu tình tu hành Bát nhã Ba la mật, khiến đạt được lợi ích an lạc thù thắng.

Sơ giải:

Xưa kia bậc được tôn sùng là "vạn thế sư biểu" (thầy của muôn đời) là Khổng Tử, người chủ trương Tu, Tề, Trị, Bình, nghĩa là dạy người lập thân, lập chí để trở thành một người thầy giỏi, một người cha tốt, một công dân mẫu mực hay một đấng quân vương chân chính như cha mẹ dân, trước hết phải ***tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ****.*

Chủ trương này giữ được giá trị lâu dài trong suốt dòng lịch sử lập quốc của Trung Hoa lẫn các quốc gia lân cận cho đến thời cận đại. Khổng Tử sanh vào năm 551 trước Tây lịch và sanh sau Phật, xứng đáng được xem là bậc thượng tôn trong thiên hạ. Nhưng tiếc thay Khổng Tử chỉ chủ trương xây dựng trong một khuôn khổ hạn hẹp thuộc vấn đề lập thân lập chí cá nhân hơn là trên bình diện của toàn thể nhân sinh và vũ trụ.

Trái lại, Phật là bậc siêu quần trong xã hội loài người cũng như trong tam thiên đại thiên thế giới, được ca tụng là 1- Như lai, 2- Ứng cúng, 3- Chính biến tri, 4- Minh hạnh túc, 5- Thiện thệ, 6- Thế gian giải, 7- Vô thượng sĩ, 8- Điều ngự trượng phu, 9- Thiên nhân sư, 10- Phật Thế Tôn (Bạc già phạm). Giáo lý của Thế Tôn dĩ nhiên không ai có thể sanh bằng, với chủ trương hết sức rộng lớn trong việc tạo dựng một vũ trụ hạnh phúc và an lạc, mà trong đó Từ Bi Hỷ Xả được xem như một tôn chỉ lớn. Nên cương lãnh của Đạo Phật còn đi xa hơn nữa khi chủ trương ***phá ngã, diệt tội, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phât****.*

Nghĩa là Phật không những muốn đào tạo một con người hoàn hảo, mà lại còn muốn xây dựng chúng sanh và tất cả cõi nước trở thành nơi thanh bình và an lạc nhất. Vì vậy, Liên Hiệp Quốc vào năm 2008 mới khuyên các quốc gia trên thế giới lấy đạo Phật làm tôn chỉ tu hành:

- Như thế nào là phá ngã? *Bố thí Ba la mật là một trong những phương tiên hữu hiệu nhất để phá ngã, vì phá bỏ tự kỷ, khước từ quyền tư hữu cá nhân. Người tu Phật chỉ có tam y nhất bát, áo rách cốt che thân, cơm hẫm sống qua ngày, đầu đội trời (đầu không đội nón), chân đạp đất (đi chân không), lấy thiểu dục tri túc làm tôn chỉ sống, niệm niệm "cho đi mà chẳng lấy".*

- Như thế nào là diệt tội? *Tự mình lấy giới làm thầy. Lấy thiền định an tâm để sanh trí tuệ, cũng dạy người tinh tấn tu hành như vậy. Phòng hộ thân căn giữ ba nghiệp (thân khẩu ý) thanh tịnh. Đó là phòng bệnh, phòng nên không phải chữa, nên nói là diệt, diệt ở đây chẳng phải diệt, nhậm vận mà tự diệt.*

Phá ngã, diệt tội là thành thục hữu tình. Muốn vậy, không có phương pháp nào mầu nhiệm hơn là tu thập thiện, tu lục Ba la mật, hay nói khác là tu tất cả pháp mầu Phật đạo.

- Thế nào là nghiêm tịnh cõi Phật? *Thượng cầu giác ngộ, hạ hóa chúng sanh là tu Bồ Tát đạo: Nghĩa là trên cầu giác ngộ để có trí tuệ soi sáng, lăn bánh xe pháp thuyết pháp độ sinh, đem lại phúc lạc cho toàn thể chúng sanh. Đó là kết quả của việc thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật vậy.*

Cứ tinh tấn như thế tu hành cũng dạy người khác tu hành. Một người như thế, trăm người như thế, vạn người như thế... ngày ngày công phu, sống trong tỉnh thức lâu dần đường mê đảo ngược thì được tự tại, thiên hạ thái bình chẳng khác nào như sống dưới thời Nghiêu Thuấn thuở xưa.

Tóm lại, Kinh bảo: "Kết quả của việc tu tập và hành trì **6 pháp Ba la mật và tất cả các thiện pháp còn gọi là đạo Bồ đề**, là dẫn đến Thánh giáo tự giác, nghĩa là tròn đầy quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, rồi có thể thực thi các phương tiện thiện xảo thành thục hữu tình và nghiêm tịnh cõi Phật". *Kinh thuyết quá rõ, nên không cần nói thêm./.*

---o0o---

72. PHẨM "NGHIÊM TỊNH CÕI PHẬT"

Phần sau Q.393 đến đầu Q.394, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Tịnh Phật Quốc" quyển thứ 29, KinhMHBNBLMĐ)

Tóm lược:

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện nghĩ thế này: Những pháp nào gọi là đạo Bồ Tát mà Bồ Tát an trụ trong đó, thường làm lợi ích an lạc tất cả hữu tình?

Phật biết tâm niệm ấy, bảo với Thiện Hiện:

- Này Thiện Hiện! Lục độ vạn hạnh, 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp không, 4 đế, 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ, tất cả pháp môn Đà la ni, Tam ma địa, Tam giải thoát môn là đạo Bồ Tát; 10 địa, 5 nhãn, 6 thần thông là đạo Bồ Tát; Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng là đạo Bồ Tát; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả… cho đến Nhất thiết tướng trí là đạo Bồ Tát.

- Thiện Hiện! Nói tóm lại, **tất cả các pháp Phật đều là đạo Bồ Tát.**

Phật hỏi Cụ thọ:

- Này Thiện Hiện! Có pháp nào Bồ Tát không cần phải học mà có thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Này Thiện Hiện! Nhất định không có pháp nào đại Bồ Tát chẳng cần học mà có thể đắc sở cầu Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì chẳng học thì làm sao có thể đắc quả!

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp tự tánh đều không, thì tại sao đại Bồ Tát cần phải học tất cả pháp? Không lẽ pháp không hý luận mà tạo hý luận cho rằng có pháp này pháp nọ: Đây là pháp thế gian, đây là pháp xuất thế gian, đây là pháp hữu lậu, đây là pháp vô lậu, đây là pháp hữu vi, đây là pháp vô vi, đây là pháp phàm phu, đây là pháp Dự lưu, đây là pháp Nhất

lai, Bất hoàn, A la hán, đây là pháp Độc giác, là pháp Bồ Tát hay pháp Như Lai?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. **Các pháp sở hữu tự tánh đều không**. Nếu tất cả pháp tự tánh chẳng không, thì đáng lẽ các đại Bồ Tát chẳng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Vì tất cả pháp, tự tánh đều không, cho nên các đại Bồ Tát có thể đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

- Này Thiện Hiện! Nếu các hữu tình biết tất cả pháp đều không có tự tánh, thì các đại Bồ Tát chẳng nên học tất cả pháp. **Nhưng vì các hữu tình chẳng biết các pháp đều không có tự tánh, nên các đại Bồ Tát cần phải học tất cả pháp**, để chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, vì các hữu tình an lập, tuyên thuyết.

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát đối với Bồ Tát đạo, khi mới tu học, nên quán sát kỹ, tự tánh các pháp hoàn toàn chẳng thể nắm bắt được, chỉ do hòa hợp tạo ra. Tự tánh các pháp rốt ráo đều không, chẳng nên chấp trước, chẳng nên chấp trước sắc, chẳng nên chấp trước thọ, tưởng, hành, thức; chẳng nên chấp trước 12 xứ, 18 giới; chẳng nên chấp trước tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng; chẳng nên chấp trước Nhất thiết trí… cho đến chẳng nên chấp trước quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì tất cả pháp tự tánh đều không, tánh không chẳng thể chấp trước tánh không; trong cái không, tánh không còn chẳng thể nắm bắt được huống là có tánh không có thể chấp trước không.

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi quán sát tất cả pháp như thế, đối với pháp tánh **không chấp trước**, và như vậy đối với tất cả pháp, thường học không hề mệt mỏi.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát an trụ trong sự học này, quán sát kỹ tâm hành của hữu tình, nên như thật rõ biết **tâm của họ chỉ hành ở sở chấp hư vọng**. Đại Bồ Tát ấy, nghĩ như vậy rồi thi thiết Bát nhã Ba la mật phương tiện thiện xảo, dạy bảo trao truyền cho các hữu tình nên xa lìa sở chấp, hướng vào Chánh pháp tu các hạnh lành: Từ nay nên tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật nhưng chớ ỷ vào việc tu này mà sanh kiêu mạn. Vì sao? Vì trong ấy hoàn toàn không có gì là chắc thật. Từ nay nên tu 18 pháp không, 37 pháp trợ đạo, tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 18 pháp bất bất cộng, Nhất thiết trí… nhưng chớ ỷ lại việc tu này mà sanh kiêu mạn. Vì sao? Vì trong ấy hoàn toàn không có gì chắc

thật. Từ nay nên tu Bồ Tát hạnh, nên tu quả vị Giác ngộ tối cao, nhưng chớ ỷ lại việc tu này mà sanh kiêu mạn. Vì trong ấy hoàn toàn không có gì chắc thật!

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, an trụ Bát nhã Ba la mật, phương tiện thiện xảo, khi dạy bảo trao truyền cho các hữu tình, hành đạo Bồ đề **không nên chấp trước**. Vì sao? Vì tánh của tất cả pháp chẳng thể chấp trước, hoặc năng chấp hoặc sở chấp hoặc sự chấp đều không có tự tánh, vì tự tánh của tất cả pháp là không.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, khi tu hành đạo Bồ đề như thế, đối với tất cả pháp hoàn toàn **vô sở trụ**. Vì lấy vô sở trụ làm phương tiện, nên tuy hành bố thí nhưng ở trong đó hoàn toàn không có sở trụ; tuy hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật nhưng ở trong đó hoàn toàn không có sở trụ. Vì sao? Vì tự tánh như thế, kẻ hành, tướng hành, tất cả đều không. Tuy 18 tám pháp không, 37 pháp trợ đạo, tứ thiền bát định, Nhất thiết trí… nhưng ở trong đó, hoàn toàn không có sở trụ, vì tự tánh như thế, kẻ hành, tướng hành, tất cả đều không; tuy hành Bồ Tát hạnh nhưng ở trong đó, hoàn toàn không có sở trụ, tuy hành quả vị Giác ngộ tối cao nhưng ở trong đó, hoàn toàn không có sở trụ. Vì sao? Vì tự tánh như thế, kẻ hành, tướng hành, tất cả đều không.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, tuy có thể đắc quả Dự lưu nhưng chẳng trụ trong quả ấy; tuy có thể đắc quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, quả vị Độc giác nhưng chẳng trụ trong những quả ấy.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì lý do gì đại Bồ Tát tuy đắc Thánh quả mà lại không trụ trong đó?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát có thể đắc Thánh quả nhưng không trụ trong đó, vì các quả ấy không có tự tánh, năng trụ sở trụ đều không. Chư Bồ Tát từ sơ phát tâm chỉ cầu quả vị Giác ngộ tối cao, nên ở khoảng giữa không muốn trụ bất cứ một quả trung gian nào khác. Đại Bồ Tát ấy, chuyên cầu quả vị Giác ngộ tối cao, bất kể thời xứ nào, nếu có phát khởi nghiệp thân, ngữ, ý cũng đều tương ưng với Bồ đề tâm. Bồ Tát ấy an trụ Bồ đề tâm, khởi Bồ Tát đạo, lợi ích hữu tình.

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất pháp đều chẳng sanh, thì làm sao đại Bồ Tát có thể khởi đạo Bồ đề được?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Tất cả pháp đều chẳng sanh. Những ai không hành, không hướng thì làm sao biết tất cả đều chẳng sanh?*(1)*

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như Lai xuất thế hoặc chẳng xuất thế, các pháp, pháp giới, pháp nhĩ*(2)* vẫn thường trú.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Như Lai xuất thế hoặc chẳng xuất thế, các pháp, pháp giới, pháp nhĩ vẫn thường trú. Nhưng các hữu tình chẳng thể hiểu rõ các pháp, pháp giới, pháp nhĩ thường trú. Các đại Bồ Tát vì làm lợi ích nên khởi đạo Bồ đề, do đắc đạo Bồ đề mới có thể cứu vớt hữu tình, khiến vĩnh viễn giải thoát các khổ sanh tử. *(Q.393, ĐBN)*

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ Tát có phải dùng sanh đạo mà đắc Bồ đề chăng?

Phật dạy:

- Không!

- Bạch Thế Tôn! Có phải dùng bất sanh đạo mà đắc Bồ đề chăng?

Phật dạy:

- Không!

- Bạch Thế Tôn! Có phải dùng đạo sanh bất sanh mà đắc Bồ đề chăng?

Phật dạy:

- Không!

- Bạch Thế Tôn! Có phải dùng đạo chẳng phải sanh, chẳng phải chẳng sanh mà đắc Bồ đề chăng?

Phật dạy:

- Không!

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vậy đại Bồ Tát làm thế nào để đắc Bồ đề?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Chẳng dùng đạo đắc Bồ đề, cũng chẳng dùng phi đạo đắc Bồ đề. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì <u>Bồ đề tức là đạo, đạo tức là Bồ đề</u>.**

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ đề tức là đạo, đạo tức là Bồ đề, thì các đại Bồ Tát đáng lẽ đã đắc hay chẳng đắc đạo Bồ đề? Vậy thì tại sao Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác lại vì họ nói Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng v.v... vô lượng Phật pháp, khiến họ phải học, phải tu, phải chứng?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu tất cả pháp đều chẳng sanh, đại Bồ Tát không dùng sanh đạo, hay bất sanh đạo để đắc quả Bồ đề. Đại Bồ Tát cũng không dùng đạo chẳng phải sanh, chẳng phải chẳng sanh mà đắc quả Bồ đề. Vì sao? Vì **Bồ đề tức là đạo, đạo tức là Bồ đề**. Các đại Bồ Tát nếu đã viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; nếu đã viên mãn tất cả pháp Phật; nếu đã viên mãn vô lượng, vô biên chẳng thể nghĩ bàn các diệu pháp của chư Phật, thì có thể dùng một sát na tương ưng diệu tuệ, vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não chướng, sở tri chướng, các tập khí thô trọng tương tục, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, mới gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đối với tất cả pháp được đại tự tại, lợi ích an lạc tất cả hữu tình, tận đời vị lai.

(Đoạn Kinh trên một lần nữa nói về đạo Bồ đề. Đạo Bồ đề, Bồ đề đạo hay Bồ Tát hạnh chính là các thiện pháp, các pháp hy hữu, các pháp mầu Phật đạo, cũng gọi là tư lương Bồ đề Bồ Tát v.v... Học hết các pháp này thì chứng Bồ đề. Chúng sanh cũng tu hành đạo này nhưng không thể chứng quả. Vì **"tâm của họ chỉ hành ở sở chấp hư vọng"**. *Nếu đừng chấp vào các pháp, đừng chấp vào sở hành thì chúng sanh cũng có cơ hội như Bồ Tát. Nếu muốn tịnh đạo Bồ đề, nghiêm tịnh cõi Phật thì phải quét sạch dây mơ rễ má hay nói khác là phải tự biết "dọn mình" để được vô thức vô niệm vô tâm).*

(Thế nào là nghiêm tịnh cõi Phật?)

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Đại Bồ Tát nghiêm tịnh cõi Phật như thế nào?**

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát từ khi mới phát tâm cho đến lúc viên mãn, **thường tự thanh tịnh thân thô trọng*(3)*, ngữ thô trọng, ý thô trọng, cũng thanh tịnh tam nghiệp cho người, thì có thể nghiêm tịnh sở cầu là cõi Phật**.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Những gì là thân, khẩu, ý thô trọng?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Sát, đạo, dâm là **ba nghiệp thân** thô trọng; nói láo, nói thô lỗ tục tằn, nói ly gián, nói lời hỗn tạp là **bốn nghiệp khẩu** thô trọng; tham, sân, si là **ba ý nghiệp** thô trọng. Nếu giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn đầy cấu uế, ô nhiễm thì cũng gọi là thô trọng. Nếu có tâm xan tham, tâm phạm giới, tâm sân hận, tâm giải đãi, tâm tán loạn, tâm ác tuệ, thì cũng gọi là thô trọng.

- Lại nữa Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát **xa lìa** 18 pháp không, 37 pháp trợ đạo, tứ Thánh đế cũng gọi là thô trọng. Nếu đại Bồ Tát cũng xa lìa tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ cũng gọi là thô trọng. Nếu đại Bồ Tát xa lìa các pháp môn Đà la ni, pháp môn Tam ma địa, pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện cũng gọi là thô trọng. Nếu đại Bồ Tát xa lìa thập địa Bồ Tát, 5 loại mắt, 6 phép thần thông, Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả cũng gọi là thô trọng. Nếu đại Bồ Tát xa lìa Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, xa lìa Bồ Tát hạnh, quả vị Giác ngộ tối cao cũng gọi là thô trọng.

- Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát **tham cầu chứng đắc** các quả Thánh giác cũng gọi là thô trọng.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát **khởi** tưởng sắc, khởi tưởng thọ, tưởng, hành, thức, khởi tưởng 12 xứ 18 giới... cho đến khởi tưởng quả vị Giác ngộ tối cao cũng gọi là thô trọng. Nói chung khởi tưởng tất cả pháp Phật… cũng gọi là thô trọng; khởi tưởng phàm phu, khởi tưởng Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát, Như Lai cũng gọi là thô trọng; khởi tưởng địa ngục, khởi tưởng bàng sanh, quỷ giới, thiên, nhơn, tưởng nam, tưởng nữ, khởi tưởng Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; khởi tưởng thiện, tưởng bất thiện, tưởng vô ký; khởi tưởng thế gian, tưởng xuất thế gian, khởi tưởng hữu lậu, vô lậu, khởi tưởng hữu vi, vô vi cũng gọi là thô trọng.

Vô lượng, vô biên các thứ **chấp trước**, **phân biệt** hư vọng, các nghiệp thân, ngữ, ý và tánh vô kham nhẫn*(4)* của các loài ấy đều gọi là thô trọng.

Đại Bồ Tát này xa lìa những thô trọng nói như trên, **tự mình hành Bố thí**, cũng dạy hành Bố thí Ba la mật; tự mình hành **tịnh giới**, cũng dạy người hành tịnh giới Ba la mật; tự mình hành **an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự**, **Bát nhã Ba la mật** cũng dạy người hành an nhẫn... cho đến Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ Tát thực thi các hạnh nguyện này rồi, đem căn lành này cùng các hữu tình bình đẳng chung có, hồi hướng sở cầu nghiêm tịnh cõi Phật khiến mau viên mãn, lợi vui hữu tình.

Đại Bồ Tát dùng nguyện lực thần thông làm cho Tam thiên đại thiên thế giới đầy ắp bảy báu thượng diệu cúng dường Phật Pháp Tăng. Cúng xong hoan hỷ phát thệ rộng lớn: Con nguyện đem thiện căn đã gieo trồng như thế ban cho các hữu tình cùng có như nhau, hồi hướng sở cầu là nghiêm tịnh cõi Phật, sẽ khiến cho cõi Phật của con trang nghiêm bằng bảy báu, tất cả hữu tình tùy ý thọ dụng mà không nhiễm trước.

Đại Bồ Tát dùng nguyện lực thần thông làm cho Tam thiên đại thiên thế giới đầy đủ các thứ hương hoa, kỹ nhạc, lương thực, y phục vi diệu cúng dường Tam Bảo và tháp Phật. Cúng dường xong hoan hỷ, phát thệ rộng lớn: Con nay nguyện đem thiện căn đã gieo trồng như thế ban cho các hữu tình cùng có như nhau, hồi hướng sở cầu là nghiêm tịnh cõi Phật, sẽ làm cho quốc độ của con thường có các loại hương hoa, âm nhạc thượng diệu, thức ăn trăm món, y phục đủ loại như thế, hữu tình tùy ý thọ dụng thân tâm thoải mái mà không nhiễm trước.

Đại Bồ Tát dùng nguyện lực thần thông, làm cho các thứ cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp thượng diệu, cúng dường chư Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát, Phật và cho các loài chúng sanh khác, rồi vui mừng phát thệ rộng lớn: Con nguyện đem thiện căn đã gieo trồng như thế, ban cho các hữu tình cùng có như nhau hồi hướng sở cầu là nghiêm tịnh cõi Phật, khi đắc quả vị Giác ngộ tối cao, khiến trong quốc độ của con, các loại hữu tình tùy tâm ưa thích cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp thượng diệu, ứng theo niệm mà hiện ra, hoan hỷ thọ dụng mà không nhiễm trước.

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, tinh cần dõng mãnh, **tự tu 18 pháp không** và khuyên người tu 18 pháp không, thực thi xong rồi lại phát nguyện: Khi đắc quả vị Giác ngộ tối cao, khiến các loài hữu tình

trong quốc độ của con đều chẳng xa lìa 18 pháp không này. Đại Bồ Tát **tu hành 6 pháp Ba la mật**, tinh cần dõng mãnh, tự tu 37 pháp trợ đạo, tứ Thánh đế, tứ thiền bát định, 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ, các pháp môn Đà la ni, Tam ma địa, pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, thập địa Bồ Tát, 5 loại mắt, 6 phép thần thông, mười lực Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, Nhất thiết tướng trí, Bồ Tát hạnh… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao và **khuyên người nên tu tất cả pháp Phật** như nói ở trên, thực thi xong rồi lại phát nguyện: Khi đắc quả vị Giác ngộ tối cao, khiến các loài hữu tình trong quốc độ của con đều chẳng xa lìa các thiện pháp này.

- Này Thiện Hiện! Do các hạnh nguyện trên nên đại Bồ Tát có thể nghiêm tịnh cõi Phật.

- Này Thiện Hiện! **Nghiêm tịnh cõi Phật có nghĩa là cõi Phật ấy không có ba ác đạo**: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; **chẳng có tam độc**: Tham, sân, si; **chẳng nghe các ác kiến**; cũng chẳng nghe có hình tướng nam, nữ; cũng chẳng nghe có Thanh văn, Độc giác, cũng chẳng nghe có khổ, vô thường v.v... ; cũng **chẳng nghe có chấp ngã, ngã sở**; cũng **chẳng nghe có tùy miên triền kết**; cũng **chẳng nghe các điên đảo chấp trước**; cũng **chẳng nghe có an lập phần vị sai biệt các quả**; chỉ nghe nói không, vô tướng, vô tánh, vô nguyện, vô sanh, vô diệt v.v... và tùy theo sở thích của hữu tình mà rừng cây kẽ lá thường có gió nhẹ va chạm vào nhau, phát ra các loại âm thanh vi diệu; trong các âm thanh ấy nói tất cả pháp đều không có tự tánh; vì không có tự tánh nên không; vì không nên vô tướng; vì vô tướng nên vô nguyện; vì vô nguyện nên vô sanh; vì vô sanh nên vô diệt. Vì vậy, **các pháp bản lai tịch tịnh, tự tánh Niết bàn.** Phật xuất thế hoặc chẳng xuất thế, pháp tướng thường như thế. Trong cõi Phật kia, các loài hữu tình, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc đi, hoặc đứng, nằm ngồi thường nghe âm thanh nói pháp như thế.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát này đều ở cõi Phật sở trụ trang nghiêm, khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng giác, vì các hữu tình tuyên nói chánh pháp. Hữu tình nghe rồi tất chẳng sanh nghi đây là thị pháp, đây là phi pháp. Vì sao? Vì loại hữu tình kia thấu rõ các pháp tức chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh bất hư vọng, tánh chẳng biến dị. Tất

cả pháp này không phải phi pháp. Các Bồ Tát này đều năng nghiêm tịnh được cõi Phật như thế.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Có những kẻ phước mỏng, không đủ thiện căn, chưa ở chỗ chư Phật, Bồ Tát, Độc giác và Thanh văn, trồng các thiện căn, bị các ác hữu nhiếp thọ, nên xa lìa thiện hữu, chẳng nghe Chánh pháp, thường bị các thứ kiến chấp về ngã, hữu tình và các kiến chấp khác, nên thiên chấp nhị biên thường, đoạn. Các hữu tình ấy tự khởi tà chấp, cũng thường dạy người khiến khởi tà chấp, đối với Phật chẳng phải Phật khởi tưởng là Phật; đối với Pháp chẳng phải Pháp khởi tưởng là Pháp; đối với Tăng chẳng phải Tăng khởi tưởng là Tăng. Do nhân duyên ấy, phỉ báng Chánh pháp, vì phỉ báng chánh pháp nên khi thân hoại mạng chung, đọa vào các đường ác, sanh vào địa ngục, thọ khổ dữ dội.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát ấy chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao rồi, thấy hữu tình kia trầm luân sanh tử thọ vô lượng khổ, dùng sức thần thông phương tiện giáo hóa khiến bỏ ác kiến, trụ trong chánh kiến; từ địa ngục ra sanh vào cõi người; sanh cõi người rồi, lại dùng các loại thần thông phương tiện giáo hóa khiến an trụ trong nhóm chánh định. Do đó rốt ráo chẳng rơi vào đường ác; lại khiến tu tập hạnh nguyện thù thắng, khi mạng chung được sanh cõi Phật nghiêm tịnh, thọ dụng pháp lạc Đại thừa tịnh độ.

- Lại nữa, Thiện Hiện! **Do cõi sở cư rất thanh tịnh, nên hữu tình kia đối với tất cả pháp chẳng khởi hư vọng, phân biệt đây là pháp thế gian, đây là pháp xuất thế gian; đây là pháp hữu lậu, đây là pháp vô lậu; đây là pháp hữu vi, đây là pháp vô vi; các thứ do phân biệt như vậy, rốt ráo chẳng khởi. Do nhân duyên này, bậc hữu tình kia nhất định đắc quả vị Giác ngộ tối cao.**

- Thiện Hiện! Như vậy là đại Bồ Tát nghiêm tịnh cõi Phật.

Thích nghĩa:

(1). Đoạn này dịch giả trong thuvienhoasen.org dịch là: - Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng vậy! Tất cả pháp đều chẳng sanh. Ở đây, những người không làm gì, không hướng đến đâu thì làm sao lại biết tất cả pháp đều chẳng sanh? *Nguyên văn chữ Hán là:* "如như 是thị .如như 是thị .一nhất 切thiết 法pháp 皆giai 不bất 生sanh .此thử 復phục 云vân 何hà 諸chư 無vô 所sở 作tác .無vô 所sở 趣thú 者giả .知tri 一nhất 切thiết

法pháp .皆giai 不bất 生sanh 故cố”. *Có thể dịch tạm là: “Đúng lắm! Đúng lắm! Tất cả pháp đều chẳng sanh. Những ai không hành, không hướng thì làm sao biết được tất cả pháp chẳng sanh?”*

(2). Pháp nhĩ: Cũng gọi Pháp nhiên, Tự nhiên, Thiên nhiên, Tự nhĩ, Pháp nhĩ tự nhiên, Tự nhiên pháp nhĩ, chỉ cho trạng thái tự nhiên, thiên nhiên của các pháp (muôn vật), không trải qua bất kì sự tạo tác nào. Tức chỉ cho tướng trạng của sự vật xưa nay vốn như thế. Cứ theo Hoa nghiêm Kinh thám huyền ký quyển 3, thì nghĩa Pháp nhĩ có thể nhận xét về 2 phương diện: 1- Nhận xét về sự tồn tại của tất cả các pháp: Hết thảy các pháp đều do nhân duyên hòa hợp mà thành, dù nước chảy xuống thấp, lửa bốc lên cao, đều là việc tự nhiên như thế. 2- Nhận xét theo lý chân như của các pháp: Các pháp vốn tùy duyên mà sinh khởi, tính của các pháp xưa nay vốn bình đẳng thường nhiên. Theo luận Du già sư địa quyển 88, thì Pháp nhĩ là đạo lý thứ 4 trong 4 đạo lý, là đạo lý tự nhiên biểu trưng cái tướng vốn như thế của mỗi sự vật, như tính của lửa vốn nóng, tính của nước vốn ướt... (Phật Quang tự điển).

*(3). Thô trọng: Thô là thô sơ, trọng là nặng nề. Thô trọng có nghĩa là nặng nhẹ sai khác về cấp độ như tam thô trọng (còn gọi tam chướng, ba thứ phiền não có cấp độ khác nhau): **Bì thô trọng**: Chướng ngại “sơ sơ” như bệnh ngoài da (bì); **phu thô trọng**: Chướng ngại thấm qua da vào thịt* (chu) và ***cốt thô trọng**: Chướng ngại trầm trọng, thấm tận xương tủy (cốt).*

(4). Kham nhẫn và Vô kham nhẫn: Phạm: Kwama. Nhẫn nại chịu đựng sự bức bách đau đớn của thân và tâm. Kinh Đại Bát Niết Bàn (bản Nam) quyển 26 (Đại 12, 779 hạ) nói: Không tiếc thân mệnh, kham nhẫn các nạn. Lại nữa, tiếng Phạm: Sahà (dịch âm: Sa bà), cũng được dịch là kham nhẫn. Thế giới Kham nhẫn là chỉ cho thế giới Sa bà, vì chúng sinh trong thế giới Sa bà nhẫn chịu 3 độc tham, sân, si và các nỗi khổ não, rồi các Bồ Tát vì giáo hóa chúng sinh mà nhẫn chịu mệt nhọc, cho nên gọi là thế giới Kham nhẫn. Phỏng theo tự điển Phật Quang.

Sơ giải:

Hạnh nguyện của Bồ Tát ở đây là thành thục hữu tình, trang nghiêm thanh tịnh Phật độ, nói theo nghĩa tinh thần của Phật đạo. Người giúp đời làm Kinh tế để mang lại an vui hạnh phúc cho toàn dân, gọi là “Kinh ban

tế thế", nói theo nghĩa chuyên môn thế tục. Dù ẩn dụ dưới hình thức nào, dưới danh nghĩa nào, hai công việc ấy vẫn mang lại mục đích như nhau: Đem lại hạnh phúc và an lạc cho cộng đồng xã hội. Đó là mục tiêu thứ nhất trong việc thành thục hữu tình.

Người ta thường nói tôn giáo đem lại an lạc và hạnh phúc tinh thần cho chúng sanh. Còn làm Kinh tế chỉ cốt mang lại lợi ích vật chất mà thôi. Như đứa trẻ mồ côi, được no cơm ấm áo cảm thấy sung sướng, hạnh phúc. Nhưng nếu nó không được thương yêu chiều chuộng như những đứa trẻ khác có cha mẹ anh em, nó cũng cảm thấy không có hạnh phút nữa.

Thật ra, hạnh phúc về vật chất hay *tinh thần cũng chỉ là hai mặt của đồng tiền, hai mặt của kiếp sống. Có hạnh phúc vật chất nhưng thiếu hạnh phúc tinh thần, không thể gọi là hạnh phúc thật sự hay ngược lại. Hạnh phúc thật sự trọn vẹn khi hai mặt vật chất và tinh thần hỗ tương* cho nhau.

Vậy, học Bát Nhã hay học tất cả pháp mầu Phật đạo để trở thành Bồ Tát, ngõ hầu cứu độ chúng sanh thoát khỏi những khổ ải trên *cả hai phương diện vật chất lẫn tinh thần. Như một khoa học gia sau nhiều năm nghiên cứu cho ra một loại lúa mới ngắn hạn để cứu đói (lúa Thần nông), vị ấy được coi là Bồ Tát; một kỹ sư cho một luồng điện âm và một luồng điện dương chạy qua một sợi dây kim loại nhỏ (tungsten), thắp sáng cả nhân loại; một nhà sinh thực vật học thấy trên một dĩa dơ có một loại nấm móc (fungus) ngăn chặn được sự bành trướng của vi khuẩn, chế ra thuốc trụ sinh đã cứu biết bao sinh mạng; một Newton thấy trái táo rơi, liên hệ giữa gia tốc và tỷ trọng tạo ra kỹ nghệ hàng không, hỏa tiễn, vệ tinh...; một Archimedes thấy "sức đẩy của hơi nước" đã biến cục sắt thành vật biết lội hay lặn sâu dưới đáy biển như loài thủy tộc; một Einstein tạo một năng lượng siêu việt bằng cách "tách rời một nguyên tử"; một Pasteur tìm ra "vi trùng" chế ra thuốc chủng, cứu sống biết bao sanh linh qua bao thế hệ v.v...*

Đó là những Bồ Tát làm đẹp thế gian này trên cả hai lãnh vực vật chất lẫn tinh thần*! Một khi chúng sanh được no cơm ấm áo rồi thì rất dễ dẫn dắt vào chánh đạo, để nghiêm tịnh Phật độ, như câu nói "có thực mới vực được Đạo".*

Nhưng cũng phải nói hạnh phúc hay đau khổ là hai mặt cuộc sống của thế giới nhị nguyên. Hạnh phúc của người này là giới hạn hạnh phúc của kẻ khác. Vượt qua giới hạn đó tức là có tranh đoạt, mà tranh đoạt là có

mất mát, đổ vỡ. Để giảm thiểu đổ vỡ đó, đạo Phật chủ trương phải giáo hóa con người bắt đầu từ mỗi cá nhân bằng cách thành thục hữu tình, mà thành thục hữu tình là nhân chính để trang nghiêm Phật độ.

Phân tích đến kỳ cùng thì nguyên nhân của tất cả xung đột gây tội trong xã hội, đều bắt nguồn từ ***thân khẩu ý*** *của mỗi phần tử sống trong xã hội đó.* **Thân** *là sát, đạo, dâm: Giết người, trộm cắp, tà dâm là ba nghiệp thô trọng của thân thường xảy ra. Còn con người là còn tội ác này, nói như vậy không phải là quá bi quan. Kế đến là* ***khẩu****: Nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác là bốn nghiệp khẩu thô trọng phát xuất từ cửa miệng (bệnh từ khẩu nhập, nghiệp từ khẩu xuất). Và sau cùng là ba nghiệp thô trọng của* ***ý*** *là tham, sân, si. Tham là muốn vơ vét tài sản, sắc đẹp của kẻ khác làm của riêng mình. Lòng tham không đáy. Nếu quyền uy sức mạnh nhỏ, thì sự chiếm đoạt có giới hạn, nếu quyền cao chức trọng, tham vọng càng to thì tang tóc đau thương càng nhiều, có khi không thể tưởng tượng nổi.*

Thế chiến thứ I, thứ II và mới đây chiến tranh giữa Russia và Ukraine là thí dụ cụ thể. Đó chỉ nói về tham, còn sân và si cũng không kém phần độc hại như trên. "Một cơn giận đốt cháy cả rừng công đức" là cốt diễn tả cái thô bạo này. Còn si là vô minh, là phiền não. Có vô minh, phiền não là không có giác ngộ. Vì vậy, tham sân si bị gọi là tam độc!

Trước cơn bão đen tối của các ác nghiệp trên, Phật đạo khuyên người tu thập thiện, tu lục độ vạn hạnh hay *tu Bồ Tát đạo để giác ngộ mà thực thi các chương trình cứu rỗi chúng sanh là thành thục hữu* tình, nghiêm *tịnh quốc độ.*

Nhưng những giáo điều dù tốt đẹp đến đâu chỉ có thể thực hiện được, nếu tất cả chúng sanh trên bình diện cá nhân hay tập thể trước tiên phải từ bỏ tự kỷ. Xả bỏ tự kỷ là phá ngã, là diệt tội, quên mình thì mới có thể hy sinh cho *kẻ khác. Phải biết cho mà đừng nhận!*

"Một bà lão hỏi Triệu Châu: Tôi mang cái thân nữ này bị 5 dây ràng *buộc chướng ngại cho Phật tánh, làm sao thoát ly những triền phược ấy?*

Triệu Châu đáp: Xin nguyện cho mọi người sanh lên cõi trời, còn thân con tiện tỳ này nguyện tiếp tục chịu trầm luân 1 mình trong biển khổ!"

Kết luận:

Muốn nghiêm tịnh cõi Phật thì trước hết phải giữ tam nghiệp: Thân, ngữ, ý thanh tịnh. Vì vậy, Phật bảo: "Tu Bồ Đề! Các Bồ Tát Ma ha tát từ sơ phát tâm cho đến thân rốt sau, thường tự thanh tịnh ba thô trọng nơi thân ngữ ý, cũng thanh tịnh ba thứ thô trọng cho người, nên năng nghiêm tịnh cõi Phật". *Một người thanh tịnh thì cả gia đình thanh tịnh, một gia đình thanh tịnh thì xóm làng thanh tịnh. Xóm làng thanh tịnh thì cả quận cả tỉnh thanh tịnh, tất cả quận tỉnh thanh tịnh tức quốc độ thanh tịnh. Vì vậy, nên Kinh nói* "tâm tịnh thì độ tịnh, tâm bình thì thế giới bình".

Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết, Chương I thuyết về "Quốc Độ Phật", Phật bảo trưởng giả Bảo Tích rằng: "Cho nên, Bảo Tích, nếu Bồ Tát muốn làm thanh tịnh quốc độ, hãy làm thanh tịnh tự tâm. Tùy theo tâm tịnh mà Phật độ tịnh".

Trong Kinh ĐBN Phật luôn luôn phân biệt nhị thừa với Bồ Tát thừa. Sự phân biệt này không có nghĩa chê trách sở học, sở tu, sở thành giữa các bậc Thánh này. Phật chỉ trách nhị thừa chỉ mong tu hành sớm chứng thật tế rồi mau mau trốn vào Niết bàn, chẳng đếm xỉa đến các sanh linh khác đang bị trầm luân trong bể khổ. Vì vậy, HT Thích Tuệ Sĩ trong lời giới thiệu tác phẩm "Nhận Thức và Tánh Không của Hồng Dương", nói một cách bóng bẩy rằng: "Trang nghiêm Phật độ, thành tựu chúng sinh, không phải tự mình gầy dựng một hoa viên để rồi khép cửa vườn hồng, an nhàn tự tại mà tiêu pha năm tháng"./.

---o0o---

73. PHẨM "TỊNH ĐỘ PHƯƠNG TIỆN"

Cuối Q.394 đến đầu Q.395, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Quyết Định" quyển thứ 29, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát an trụ nhóm chánh tánh định hay an trụ nhóm bất định*(1)*?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy đều **an trụ nhóm chánh tánh định**, chẳng phải nhóm bất định.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy an trụ nhóm chánh tánh định Thanh văn thừa? Độc giác thừa? hay là Phật thừa?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Các Đại Bồ Tát ấy đều **an trụ nhóm chánh tánh định Phật thừa**, chẳng phải an trụ nhóm chánh tánh định Nhị thừa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy trụ nhóm chánh tánh định từ khi mới phát tâm, ở ngôi vị Bất thối hay ở thân tối hậu?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Các Đại Bồ Tát ấy, hoặc từ khi mới phát tâm, hoặc ở bậc Bất thối, hoặc ở thân tối hậu, đều an trụ nhóm chánh tánh định.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát an trụ nhóm chánh tánh định có bị đọa vào các đường ác chăng?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! An trụ nhóm chánh tánh định, đại Bồ Tát quyết định không đọa vào các đường ác.

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Các vị ở địa thứ tám*(2)*, hoặc Dự lưu, hoặc Nhất lai, hoặc Bất hoàn, hoặc A la hán, hoặc Độc giác có ai bị đọa vào đường ác chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát an trụ nhóm chánh tánh định cũng giống như thế, quyết định chẳng đọa vào các đường ác. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy từ khi mới phát tâm tu hành bố thí Ba la mật, tu hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; an trụ pháp không nội cho đến pháp không không tánh tự tánh; tu hành ba mươi bảy pháp trợ đạo, an trụ bốn Thánh đế; mười hai nhân duyên; tu hành bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; tu tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ; tu hành pháp môn Đà la ni, pháp môn Tam ma địa; tu hành pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; tu hành thập địa Bồ Tát; tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; tu hành Phật mười lực, tu hành bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng; tu hành pháp không quên mất, tu hành tánh luôn luôn xả; tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; tu hành tất cả Bồ Tát hạnh, quả vị Giác ngộ tối cao, chế phục đoạn trừ tất cả pháp ác bất thiện.

Thiện Hiện! Do nhân duyên này nên các đại Bồ Tát không bao giờ bị đọa vào ác đạo, không sanh cõi trời Trường thọ*(3)*, không sanh nơi biên địa chỗ không có Phật Pháp Tăng, cũng chẳng sanh nơi nhà hạ tiện đầy ác tuệ, tà kiến v.v… Nếu cần hóa hiện làm bàng sanh cũng vì lợi lạc hữu tình mà hóa hiện. Đại Bồ Tát chẳng phải do ác nghiệp mà thọ thân trong đường ác, chỉ do nguyện mà thọ thân kia. Ví như nhà ảo thuật và đệ tử của y hóa hiện làm đủ các loại như trâu bò, voi ngựa, xe cộ… Người xem thấy thế hết sức vui thích! Nhưng những huyễn vật như trâu bò, voi ngựa… không thật sự có. Các đại Bồ Tát cũng giống như thế, tuy thành tựu tất cả pháp vô lậu bạch tịnh, nhưng vì lợi ích các hữu tình, nên hiện thọ thân các loài bàng sanh; tuy thọ thân của chúng nhưng thật chẳng phải chúng, cũng chẳng bị nhiễm ô tội lỗi của chúng.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát an trụ những thắng pháp bạch tịnh nào mà có thể thực hiện phương tiện quyền xảo như thế, tuy thọ thân các loài bàng sanh nhưng chẳng bị ô nhiễm tội lỗi của chúng?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát **an trụ Bát nhã Ba la mật** có thể thực hiện phương tiện thiện xảo như thế, tuy đến vô lượng hằng hà sa thế giới trong 10 phương, hiện các loại thân làm lợi ích an lạc các loài hữu tình, nhưng ở trong đó, chẳng sanh nhiễm trước. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy đối với tất cả pháp hoàn toàn không có sở đắc, nghĩa là hoàn toàn chẳng đắc năng nhiễm, sở nhiễm và nhân duyên của sự nhiễm. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp là không.

- Thiện Hiện! Không chẳng thể nhiễm trước không, không cũng chẳng thể nhiễm trước pháp khác, cũng không có pháp khác có thể nhiễm trước không. Vì sao? Vì trong không, tánh không còn chẳng thể nắm bắt được huống là có pháp khác có thể nắm bắt được.

- Này Thiện Hiện! Như vậy **gọi là pháp bất khả đắc không***(4)*. Các đại Bồ Tát an trụ trong pháp này có thể chứng quả vị Giác ngộ tối cao.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát chỉ an trụ Bát Nhã hay còn an trụ các pháp nào khác mà có thể thực hiện phương tiện thiện xảo như thế?

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Không có pháp nào mà chẳng nhập vào Bát Nhã, tại sao còn nghi là an trụ pháp nào khác?

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế, nếu tự tánh là không thì làm sao Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ tất cả pháp. Bạch Thế Tôn! Chẳng phải ở trong không, có thể nói có pháp nhiếp thọ hay chẳng nhiếp thọ?

- Này Thiện Hiện! Đâu chẳng phải tự tánh các pháp đều chẳng không?

- Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy! Bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy!

- Thiện Hiện! Nếu tất cả pháp tự tánh đều không thì trong cái bất không làm sao nhiếp thọ tất cả pháp*(5)*?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Bạch Thiện Thệ! Đúng vậy!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Do nhân duyên này biết **Bát Nhã thẳm sâu bao gồm tất cả pháp**.

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát khi tu hành **an trụ trong tự tánh không** của tất cả pháp lại có thể dẫn phát thần thông Ba la mật? Chư đại

Bồ Tát an trụ thần thông Ba la mật có thể đi đến vô lượng hằng hà sa thế giới khắp mười phương để cúng dường chư Phật, nghe thọ chánh pháp, ở chỗ chư Phật trồng các thiện căn?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, quán khắp vô lượng hằng hà sa thế giới trong 10 phương và chư Phật cùng tất cả pháp đã thuyết, tự tánh đều không là do danh tự thế tục giả nói; danh tự thế tục giả nói như thế, tự tánh cũng không. **Nếu 10 phương thế giới và chư Phật cùng pháp đã thuyết, giải nói danh tự, tự tánh chẳng không thì cái không đã nói đáng lẽ chẳng cùng khắp; vì cái không đã nói chẳng phải chẳng cùng khắp cho nên tất cả pháp tự tánh đều không.**

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy khi tu hành Bát Nhã, do quán khắp không, phương tiện thiện xảo, mới có thể dẫn phát thần thông thù thắng; an trụ thần thông này, lại có thể dẫn phát thiên nhãn, thiên nhĩ, thần cảnh, tha tâm, túc mạng trí thông và lậu tận trí thông thù thắng*(6)*. Các đại Bồ Tát chẳng phải lìa thần thông mà có thể tự tại thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

- Này Thiện Hiện! Cho nên **thần thông là đạo Bồ đề**, các đại Bồ Tát đều nương đạo này cầu hướng đến quả vị Giác ngộ tối cao. Khi cầu hướng, có thể tự viên mãn tất cả thiện pháp, cũng có thể khiến người tu các thiện pháp; tuy làm việc ấy, nhưng đối với thiện pháp chẳng sanh chấp trước. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy biết các thiện pháp tự tánh đều không, chẳng phải tự tánh không có chấp trước; **nếu có chấp trước thì có mê đắm**; do không chấp trước nên không mê đắm, vì trong tự tánh không không có mê đắm.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy khi tu hành Bát nhã Ba la mật, an trụ thần thông thù thắng, **dẫn phát thiên nhãn thanh tịnh** hơn người, dùng thiên nhãn ấy quán tất cả pháp đều tự tánh không. Nên chẳng nương vào pháp tướng mà tạo tác các nghiệp, tuy vì hữu tình nói pháp như thế, nhưng cũng chẳng thủ đắc tướng của các hữu tình và sự an lập của chúng. Đại Bồ Tát ấy lấy vô sở đắc làm phương tiện, dẫn phát thần thông Ba la mật, dùng thần thông Ba la mật ấy theo bi nguyện mà làm Phật sự.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy dùng thiên nhãn cực kỳ thanh tịnh hơn người có thể thấy vô lượng hằng hà sa thế giới khắp 10 phương; thấy rồi dẫn phát **thần cảnh trí thông** đi đến các nơi ấy làm lợi ích các loài hữu tình, hoặc dùng lục Ba la mật, hoặc dùng ba mươi bảy pháp trợ đạo, hoặc dùng bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc dùng tám giải thoát, hoặc dùng tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ v.v… mà làm lợi ích các loài hữu tình.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy nếu thấy hữu tình ở mười phương thế giới nhiều xan tham, thì vô cùng thương xót, khuyên bảo nên hành bố thí; thấy hữu tình hủy phạm tịnh giới, khuyên bảo nên trì tịnh giới; thấy hữu tình nhiều sân hận, khuyên bảo nên nhẫn nhục; thấy hữu tình lười biếng giải đãi, khuyên bảo nên siêng năng tinh tấn; thấy hữu tình thất niệm, tán loạn, tâm chẳng tịch tịnh, khuyên bảo nên tu các định; thấy hữu tình ngu si ác tuệ, khuyên bảo nên tu trí tuệ để thoát khỏi ngu tối.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát dạy chúng hữu tình nhiều tham dục thì dạy họ **tu quán thân bất tịnh**. Nếu thấy hữu tình nhiều sân nhuế thì phương tiện dạy bảo dẫn dắt khiến họ **tu quán từ bi**. Nếu thấy hữu tình nhiều ngu si, phương tiện dạy bảo dẫn dắt khiến **tu quán duyên khởi**. Nếu thấy hữu tình nhiều ngã mạn, phương tiện dạy bảo dẫn dắt khiến tu **quán giới phân biệt**. Nếu thấy hữu tình nhiều tầm tứ*(7)*, phương tiện dạy bảo dẫn dắt khiến **tu quán sổ tức**. Nếu thấy hữu tình hành tà đạo, thì phương tiện dạy bảo dẫn dắt khiến **nhập chánh đạo**.

- Này Thiện Hiện! Như thế, các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã cần phải an trụ thần thông Ba la mật, mới có thể tự tại tuyên thuyết chánh pháp, lợi ích an lạc các loại hữu tình.

- Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát xa lìa thần thông Ba la mật thì chẳng có thể tự tại tuyên thuyết chánh pháp, làm việc lợi ích cho các hữu tình. Như chim không cánh chẳng có thể bay. Các đại Bồ Tát cũng giống như thế, nếu không có thần thông Ba la mật thì chẳng có thể tự tại tuyên thuyết chánh pháp, làm lợi ích cho các hữu tình. Vì vậy, các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã nên dẫn phát thần thông Ba la mật; nếu dẫn phát thần thông Ba la mật thì có thể tùy ý tuyên thuyết chánh pháp, lợi ích an lạc cho các loài hữu tình.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy **dùng <u>thiên nhĩ</u>** vô cùng thanh tịnh có thể nghe tất cả tiếng nhơn, phi nhơn; do thiên nhĩ này có thể nghe chư Phật ở vô lượng hằng hà sa thế giới khắp 10 phương thuyết pháp; nghe rồi không lẫn lộn, đều có thể thọ trì, vì các hữu tình như thật tuyên thuyết, hoặc thuyết sáu Ba la mật, mười tám pháp không, ba mươi bảy pháp trợ đạo, bốn Thánh đế, hoặc nói bốn tịnh lự, hoặc nói bốn vô lượng, bốn định vô sắc; hoặc nói tám giải thoát, hoặc nói tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ; hoặc nói pháp môn Đà la ni, Tam ma địa; hoặc nói pháp môn giải thoát không, hoặc nói pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện; hoặc nói đạo Thanh văn, hoặc nói đạo Độc giác, hoặc nói đạo Bồ Tát, hoặc nói Niết bàn, khiến hữu tình kia nghe pháp ấy rồi đều được lợi ích an lạc thù thắng.

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát có thể **dùng <u>tha tâm trí</u>**, như thật **rõ biết tâm và tâm sở của các hữu tình**, tùy theo căn cơ, vì họ nói pháp yếu, đó là nói về sáu Ba la mật, mười tám pháp không v.v… cho đến hoặc nói Niết bàn, khiến các hữu tình nghe pháp ấy rồi đều được lợi ích an lạc thù thắng.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy **dùng <u>túc trú tùy niệm</u> trí thông** *(còn gọi là túc mạng thông)* có thể **nhớ các chuyện đời trước** của mình và người; do túc trú tùy niệm trí thông này như thật nhớ biết danh hiệu sai khác của chư Phật và chúng đệ tử quá khứ. Nếu các hữu tình ưa nghe các sự việc đời quá khứ mà được lợi ích thì liền vì họ mà tuyên thuyết các sự việc đời trước. Nhân phương tiện này vì họ thuyết chánh pháp đó là thuyết bố thí, hoặc thuyết tịnh giới, hoặc thuyết an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, hoặc thuyết Bát nhã Ba la mật, như vậy cho đến hoặc thuyết Niết bàn, khiến hữu tình kia nghe pháp ấy rồi đều được lợi ích an lạc thù thắng.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy **dùng <u>lậu tận trí thông</u>** tùy sở đắc, như thật rõ biết các loài hữu tình lậu đoạn hay chưa đoạn, cũng như thật biết phương tiện đoạn lậu vì người tuyên thuyết pháp yếu, đó là thuyết bố thí, hoặc thuyết tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, như vậy cho đến hoặc thuyết Niết bàn, khiến hữu tình kia nghe pháp ấy rồi đều được lợi ích an lạc thù thắng.

Này Thiện Hiện! Như vậy, các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, nên dẫn phát thần thông Ba la mật. Đại Bồ Tát ấy tu tập thần thông Ba la mật được viên mãn, nên tùy theo ý thích thọ các loại thân giúp ích hữu tình, nhưng chẳng bị tội lỗi khổ, vui làm ô nhiễm. Như hóa thân của Phật tuy có thể thực hiện các sự việc nhưng chẳng bị tội lỗi khổ vui làm tạp nhiễm. Các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, nên du hý thần thông Ba la mật. Nếu du hý thần thông Ba la mật thì có thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, mau chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Này Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát chẳng thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật thì chẳng bao giờ đắc sở cầu là quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì tư lương Bồ đề của các đại Bồ Tát nếu chưa đủ thì nhất định chẳng có thể đắc sở cầu là quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Những gì là tư lương Bồ đề** mà các đại Bồ Tát cần phải đủ mới có thể chứng đắc sở cầu là quả vị Vô thượng Bồ đề?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Tất cả thiện pháp đều là tư lương Bồ đề** mà các đại Bồ Tát cần phải *(trang bị)* đủ mới có thể chứng đắc sở cầu là quả vị Giác ngộ tối cao. Các đại Bồ Tát từ khi mới phát tâm tu hành bố thí Ba la mật; tu hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; trong đó hoàn toàn không phân biệt chấp trước, nghĩa là nghĩ: Đây là bố thí v.v... do đây, vì đây mà tu bố thí v.v..., ba sự phân biệt chấp trước ấy đều không có, vì biết tất cả pháp tự tánh là không; do đó việc tu lục Ba la mật, an trụ mười tám pháp không, tu hành ba mươi bảy pháp trợ đạo; an trụ bốn Thánh đế; tu hành bốn tịnh lự, tu hành bốn vô lượng, bốn định vô sắc; tu hành tám giải thoát, tu hành tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, tu hành Nhất thiết trí, cho đến quả vị Giác ngộ tối cao, có thể tự mang lợi ích cho mình, cũng có thể mang lợi ích cho người, khiến thoát sanh tử, chứng đắc Niết bàn cho nên nói **là thiện pháp, cũng gọi là tư lương Bồ đề, cũng gọi là Bồ Tát đạo**. Chúng đại Bồ Tát quá khứ, vị lai, hiện tại tu hành đạo này đã đắc, sẽ đắc và hiện đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng khiến hữu tình đã, sẽ, hiện vượt qua biển lớn sanh tử, chứng vui Niết bàn.

- Thiện Hiện! Nên biết, lại có vô lượng công đức tu hành của các chúng Bồ Tát đều gọi là thiện pháp, cũng gọi là tư lương Bồ đề, cũng

gọi là Bồ Tát đạo. Các đại Bồ Tát cần phải tu thiện pháp thù thắng như thế khiến viên mãn cùng tột mới có thể chứng đắc Nhất thiết trí trí. Cần phải chứng đắc Nhất thiết trí trí rồi mới có thể chuyển bánh xe Chánh pháp không trái ngược, khiến các hữu tình giải thoát sanh tử, chứng đắc Niết bàn cứu cánh thường lạc! *(Q. 395, ĐBN)*

Thích nghĩa:

(1). Nhóm chánh tánh định hay còn gọi chánh định tụ: Tụ có nghĩa là chia thành từng nhóm, chủng hay loại. Tánh chúng sanh chia thành ba nhóm: Chánh, tà và bất định. Nhóm chánh tánh định là chỉ nhóm người chắc chắn được chứng ngộ chánh quả trong số chúng sanh, giai vị Bồ Tát từ ngôi Thập tín trở lên, cũng gọi là Chánh định.

*(2). Các vị ở địa thứ tám: tức bậc Bát nhân, là một trong Tam thừa cộng Thập địa Bồ Tát là: Càn tuệ địa, Tính địa, **Bát nhân địa**, Kiến địa, Bạc địa, Li dục địa, Dĩ tác địa, Bích chi Phật địa, Bồ Tát địa, Phật địa. Bát nhân địa là địa thứ ba trong mười địa của Thông giáo. Nhân, có nghĩa là nhẫn: Tức là hàng ba thừa Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát cùng từ Thế đệ nhất pháp (hạnh cuối cùng trong bốn gia hạnh) vào mười sáu tâm kiến đạo, tức giai vị tu tám pháp nhẫn để chính thức dứt trừ Kiến hoặc. Tám pháp nhẫn là: Khổ pháp trí nhẫn, tập pháp trí nhẫn, diệt pháp trí nhẫn, đạo pháp trí nhẫn, khổ loại trí nhẫn, tập loại trí nhẫn, diệt loại trí nhẫn, đạo loại trí nhẫn v.v...*

(3). Không sanh ở cõi trời Trường thọ: Sanh ở cõi trời Trường thọ không phải là điều tốt, đó là một trong tám nạn. Vì thọ mệnh cao làm hành giả dễ quên những nỗi khổ của sinh lão bệnh tử mà không lo tu tập để giải thoát.

(4). Bất khả đắc không: Tất cả các pháp như sống chết, Niết bàn v.v... tánh, tướng đều tịch diệt, tìm nó không thể được, gọi là bất khả đắc không.

(5).- Thiện Hiện! Tự tánh các pháp đều không, đâu phải chẳng không?

- Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy! Bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy!

- Thiện Hiện! Nếu tất cả pháp tự tánh đều không thì trong cái bất không làm sao nhiếp thọ tất cả pháp?

Nguyên văn bằng chữ Hán là:

"善thiện 現hiện .豈khởi 不bất 諸chư 法pháp 自tự 性tánh 皆giai 空không .

如như 是thị .世Thế 尊Tôn .如như 是thị .善Thiện 逝Thệ .

善thiện 現hiện .若nhược 一nhất 切thiết 法pháp 自tự 性tánh 皆giai 空không .豈khởi 不bất 空không 中trung 攝nhiếp 一nhất 切thiết 法pháp”.

(6). Lục thần thông: Xem lại phần thứ I Tổng luận.

(7). Tầm tứ: (s: vitarka, vicāra). Hai điều kiện của thiền định, là truy cầu và phân tích.

Sơ giải:

Phẩm “Phương Tiện Tịnh Độ” của ĐBN do nhóm của Ngài Huyền Trang dịch và phẩm “Quyết Định” của Kinh MHBNBLMĐ do nhóm của Ngài La Thập dịch, giống nhau như hai giọt nước, chỉ khác ở phẩm tựa. Phương tiện tịnh độ có nghĩa là gì? ***Bồ Tát thực thi các phương tiện thiện xảo để biến cõi đất này trở thành cõi Tịnh độ giống như mong ước của Bồ Tát Pháp Tạng trước khi trở thành Phật A Di Đà****. Đó là một trong những hạnh nguyện cao cả của bất cứ Bồ Tát nào từ sơ phát tâm cho đến khi thành chánh quả. Nhưng trước khi thực thi những chương trình cứu rỗi chúng sanh, Bồ Tát phải học tất cả các thiện pháp, các pháp mầu Phật đạo, tư lương Bồ đề Bồ Tát... để có đủ trí tuệ, các biện tài, các thần thông... mà hóa độ chúng sanh, thanh tịnh quốc độ.*

Kinh bảo “Nếu đại Bồ Tát chẳng thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật thì chẳng bao giờ chứng đắc sở cầu là quả vị Giác ngộ. Vì sao? Vì **tư lương Bồ đề** của các đại Bồ Tát nếu chưa đủ thì nhất định chẳng có thể đắc sở cầu quả vị Giác ngộ tối cao”.

Điều đó có nghĩa phải có đủ tư lương Bồ đề mới có thể chứng đắc sở cầu Quả vị giác ngộ, rồi sau đó mới có thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh quốc độ. Vậy, điều kiện cần và đủ là phải có tư lương Bồ đề. Kinh bảo **“các thiện pháp còn gọi là tư lương Bồ đề”***. Như vậy, các thiện pháp đóng một vai trò quan trọng trong việc tu hành Bồ Tát đạo. Không có các thiện pháp là không có Bồ Tát, không có Phật nói chi đến giác ngộ mà cứu độ chúng sanh.*

Đó là lý do tại sao chúng tôi tách các thiện pháp, các pháp hy hữu, tư lương Bồ đề Bồ tát, Bồ tát đạo… ra làm thành một phần riêng biệt của thiên Tổng luận này, và lấy tên là “Các Pháp Mầu Phật Đạo”. Kinh một lần nữa trước khi chấm dứt, nhấn mạnh vai trò của các thiện pháp

này. Phẩm "Các Tướng Công Đức" quyển 380 mà chúng tôi đã giải thích chi tiết trong phần thứ I Tổng luận. Nay, xin lặp lại một đoạn Kinh khác nói về "Các thiện pháp hay tư lương Bồ Tát" để hiểu và nhớ thêm. Đó là: "... hoặc nhân duyên cho đến tăng thượng duyên; hoặc khổ tập diệt đạo Thánh đế; hoặc vô minh cho đến lão tử; hoặc nội không cho đến vô tánh tự tánh không; hoặc chơn như cho đến bất tư nghì giới; hoặc bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; hoặc bốn niệm trụ cho đến tám Thánh đạo chi; hoặc bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; hoặc tám giải thoát, chín định thứ lớp; hoặc không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn; hoặc tất cả Đà la ni môn, Tam ma địa môn; hoặc năm nhãn, sáu thần thông; hoặc Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc pháp vô vong thất, tánh hằng trụ xả; hoặc Tịnh quán địa cho đến Như Lai địa; hoặc Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa; hoặc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; hoặc Bồ Tát hạnh; hoặc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; hoặc đoạn giới cho đến vô vi giới; hoặc pháp thiện pháp bất thiện; hoặc pháp hữu ký pháp vô ký; hoặc pháp học pháp vô học, pháp phi học phi vô học; hoặc Phật đã thuyết ra pháp luật; hoặc Bồ đề, hoặc Niết Bàn...", *tất cả pháp ấy là các thiện pháp hay còn gọi là **81 danh tướng Bát Nhã** mà chúng ta đã nghiên cứu và thọ trì trong phần thứ I Tổng luận.*

Toàn phẩm này chỉ trùng tu tất cả giáo lý đã thuyết rải rác của các phẩm thuộc Hội thứ I, ĐBN thôi.

Phải học và hành các thiện pháp và nhất là lục Ba la mật, thành thục chúng sanh, nghiêm tịnh cõi Phật. Chỉ có con đường đó mới mở được cánh cửa Giác ngộ, đạt Chánh giác và đắc Nhất thiết trí trí. Ngoài ra không còn con đường nào khác./.

---o0o---

74. PHẨM "VÔ TÁNH TỰ TÁNH"

Phần sau Q.395 cho đến đầu Q.396, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương với phẩm "Tứ đế" và phẩm "Thất Dụ" quyển thứ 29, Kinh MHBNBLMĐ)

Tóm lược:

(Tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh)

Phật bảo cụ thọ Thiện Hiện:

- Thiện Hiện! **Tất cả pháp tu Đại thừa là Bồ Tát pháp, các pháp này cũng chính là pháp Phật**. Đại Bồ Tát đối với tất cả pháp biết tất cả tướng, do đó chứng đắc Nhất thiết tướng trí, vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tập khí tương tục. Chư Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác cũng tu các pháp này nhưng do một sát na tương ưng với diệu huệ, hiện đẳng giác*(1)* rồi, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Trên danh nghĩa hai bậc Thánh ấy tuy cùng là Thánh nhưng có **hành, hướng, trụ, quả** sai biệt.

- Thiện Hiện! **Vì trong vô gián đạo, tu hành tất cả pháp nhưng chưa lìa ám chướng***(2)***, chưa đến bờ giác, chưa được tự tại, chưa đắc quả, thì gọi là đại Bồ Tát. Nếu trong giải thoát đạo, tu hành tất cả pháp, đã lìa ám chướng, đã đến bờ giác, đã được tự tại, đã đắc quả, thì gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.**

Này Thiện Hiện! Đó là Bồ Tát và Phật có sự sai khác. Tuy thứ bậc có khác nhưng pháp tu không sai khác.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp **tự tướng đều không**, thì trong tự tướng không tại sao có các thứ sai khác, đây là địa ngục, đây là bàng sanh, đây là quỷ giới, là trời, là người, là chủng tánh, đây là bậc Đệ bát, đây là quả Dự lưu, đây là quả Nhất lai, đây là quả Bất hoàn, đây là quả A la hán, đây là Độc giác, đây là Đại Bồ tát, đây là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác?

Bạch Thế Tôn! Như điều con đã nêu, chúng sanh đã chẳng thể nắm bắt được thì nghiệp mà chúng tạo cũng chẳng thể nắm bắt được; nếu như nghiệp đã tạo chẳng thể nắm bắt được thì quả dị thục kia cũng chẳng thể nắm bắt được.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! **Tất cả pháp tự tướng không; trong tự tướng không, không có chúng sanh, không có nghiệp đã tạo, không có quả dị thục sai khác có thể nắm bắt**. Nhưng các hữu tình đối với lý "không tự tướng của tất cả pháp" chẳng thể biết thấu đáo; do nhân duyên này, tạo tác các nghiệp, đó là tạo nghiệp hoặc tội hoặc phước, hoặc bất động, hoặc tạo nghiệp vô lậu. Vì tạo nghiệp nên hoặc đọa địa ngục, hoặc đọa bàng sanh, đọa quỷ giới; do tạo nghiệp tốt xấu, nên kết quả phước báo khác nhau hoặc sanh cõi người hoặc sanh cõi trời Dục. Do tạo nghiệp bất động nên hoặc sanh cõi Sắc, hoặc Vô sắc. Do tạo nghiệp vô lậu nên hoặc đắc quả Thanh văn hoặc đắc quả Độc giác. **Nếu biết các pháp tự tướng đều không thì hoặc nhập bậc Bồ Tát hoặc chứng quả vị Giác ngộ tối cao.** Do nhân duyên này, các đại Bồ Tát tu hành bố thí Ba la mật, tu hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, phương tiện thiện xảo, diệu nguyện, lực, trí Ba la mật; an trụ 18 pháp không, an trụ 4 đế; tu hành 4 tịnh lự, tu hành 4 vô lượng, 4 định vô sắc; tu hành 8 giải thoát, tu hành 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ; tu hành Phật 10 lực, tu hành 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng; tu hành pháp không quên mất, tu hành tánh luôn luôn xả; tu hành Nhất thiết trí, tu hành Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, đối với những pháp phần Bồ đề như thế, không gián đoạn, không khiếm thuyết, tu cho viên mãn; đã viên mãn rồi mới có thể dẫn phát định Kim cương dụ, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình, các việc đã làm thường không hoại mất, vì không hoại mất nên chẳng đọa vào sanh tử luân hồi trong các cõi.

- Này Thiện Hiện! Nếu các hữu tình tự biết các pháp tự tướng không thì chẳng cần thuyết đại Bồ Tát cầu chứng quả vị Giác ngộ tối cao làm gì. Vì các hữu tình chẳng biết các pháp tự tướng không, nên lưu chuyển các cõi, chịu vô lượng khổ. Vì vậy, các đại Bồ Tát từ chỗ chư Phật, nghe tất cả pháp tự tướng không rồi, cầu chứng quả vị Giác ngộ, phương tiện thiện xảo, an lập dạy bảo, tự cứu mình và các hữu tình ra khỏi sanh tử ác đạo.

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát thường nghĩ thế này: **Chẳng phải tất cả pháp thật có tự tướng như các phàm phu ngu si đã chấp.** Nhưng

vì **phân biệt điên đảo nên trong cái chẳng phải thật có, khởi tưởng thật có,** nghĩa là trong cái vô ngã khởi tưởng có ngã; ở trong cái không hữu tình, dòng sanh mạng, khả năng sanh khởi v.v… cho đến cái biết, cái thấy, khởi tưởng có hữu tình cho đến cái biết cái thấy; ở trong cái không có sắc mà khởi tưởng sắc, ở trong cái không có thọ, tưởng, hành, thức mà khởi tưởng thọ, tưởng, hành, thức; ở trong cái không có 12 xứ, 18 giới mà khởi tưởng có 12 xứ, 18 giới v.v… cho đến ở trong cái không có pháp thế gian mà khởi tưởng có pháp thế gian, ở trong cái không có pháp xuất thế gian mà khởi tưởng có pháp xuất thế gian; ở trong cái không có pháp hữu lậu vô lậu mà khởi tưởng có pháp hữu lậu vô lậu; ở trong cái không có pháp hữu vi vô vi mà khởi tưởng có pháp hữu vi vô vi; **vì sức phân biệt điên đảo như thế nên trong cái chẳng phải thật có khởi tưởng thật có, hư vọng chấp trước, đảo loạn tâm ý, tạo các nghiệp thiện ác thuộc thân, ngữ, ý, chẳng thể giải thoát sanh tử trong các ác đạo. Ta sẽ cứu vớt họ, khiến được giải thoát.**

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- "Bạch Thế Tôn! Có phải do khổ đế mà đắc Niết bàn, có phải do khổ trí mà đắc Niết bàn, có phải do tập đế mà đắc Niết bàn, có phải do tập trí mà đắc Niết bàn, có phải do diệt đế mà đắc Niết bàn, có phải do diệt trí mà đắc Niết bàn, có phải do đạo đế đắc Niết bàn, có phải do đạo trí đắc Niết bàn chăng?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Chẳng phải do khổ đế mà đắc Niết bàn, chẳng phải do khổ trí mà đắc Niết bàn, chẳng phải do tập đế mà đắc Niết bàn, chẳng phải do tập trí mà đắc Niết bàn v.v… **Ta nói tánh bình đẳng của Tứ đế tức là Niết bàn.** Niết bàn như thế chẳng do Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo mà đắc, cũng chẳng do trí khổ, tập, diệt, đạo mà đắc, **chỉ do Bát nhã Ba la mật chứng tánh bình đẳng, nên gọi là đắc Niết bàn**.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là tánh bình đẳng của Tứ đế?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu ở đâu mà không có khổ không có khổ trí, không có tập không có tập trí, không có diệt không có diệt trí, không có đạo không có đạo trí, đó tức là tánh bình đẳng của bốn Thánh đế.

Tánh bình đẳng này tức là chân như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế v.v… của Thánh đế khổ. Như Lai xuất thế hoặc không xuất thế, tánh tướng thường trụ, không hoại mất, không biến đổi; như thế gọi là tánh bình đẳng của bốn Thánh đế. Các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, vì muốn tùy giác*(3)* **tánh bình đẳng của bốn Thánh đế này nên tu hành Bát Nhã. Nếu giác ngộ tánh bình đẳng của bốn Thánh đế này thì gọi là chân giác ngộ nhất thiết Thánh đế".**

(Kinh nói "không có khổ không có khổ trí, không có tập, diệt, đạo không có tập, diệt, đạo trí đó tức là tánh bình đẳng của Tứ đế. Làm sao sống mà không khổ. Đã là con người có cảm thọ có ý thức tức có vui, có buồn, có khổ. Nhưng Kinh lại nói không có khổ, không có ý thức về khổ, nếu tri nhận như vậy tức là giác ngộ tánh bình đẳng của bốn Thánh đế. Muốn được như vậy thì phải học Bát Nhã, vì Bát Nhã là không, không có tự tánh nên gọi là không. Trong đó: Không cộng với không là không(0+0=0), không trừ với không cũng bằng không(0-0=0), không nhân với không cũng là không(0x0=0), và không chia với không cũng là không nốt(0:0=0). Tất cả đều bằng không, nên Kinh gọi là chân như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh v.v… Vì thập nhị chân như cũng là không, tất cả bằng không hết. Không phân biệt nên gọi là pháp nhĩ, nên nói dù Phật ra đời hay không, các pháp vốn tự nhiên như vậy, bởi vì nó như vậy.

Chẳng do đoạn khổ được Niết bàn, chẳng do giác ngộ về khổ được Niết bàn. Phật nói: **"Ta nói bốn Thánh đế tánh bình đẳng tức là Niết bàn. Niết bàn như thế chẳng do khổ tập diệt đạo đế được, cũng chẳng do khổ trí, tập diệt đạo trí mà được. Chỉ do Bát nhã Ba la mật chứng tánh bình đẳng nên gọi Niết bàn".** *Học Bát Nhã là học Không, học Như, học Bình đẳng. Tri nhận tất cả pháp như thế là đạt tới biên tế cuối cùng của sự vật, tức là chứng giác "nhất thiết Thánh đế").*

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát vì muốn tùy giác tánh bình đẳng của bốn Thánh đế này nên tu hành Bát Nhã? Nếu có thể tùy giác tánh bình đẳng của bốn Thánh đế này, tức là có thể tùy giác tất cả Thánh đế; đã có thể tùy giác tất cả Thánh đế, tức là có thể như thật tu hạnh Bồ Tát; đã có

thể như thật tu hạnh Bồ Tát thì chẳng rơi vào bậc Thanh văn và Độc giác, hướng nhập Chánh tánh ly sanh của Bồ Tát?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, không có chút pháp nào chẳng như thật thấy. Đối với tất cả pháp như thật thấy rồi thì đối với tất cả pháp **hoàn toàn không có sở đắc**; đối với tất cả pháp không có sở đắc rồi thì **như thật thấy tất cả pháp không**, nghĩa là như thật thấy bốn đế sở nhiếp hay sở bất nhiếp, các pháp đều không. Khi thấy như thế thì có thể nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh; vì có thể nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, tức an trụ trong bậc chủng tánh Bồ Tát*(4)*nghĩa là chẳng nhập đỉnh đọa*(5)*; nếu nhập đỉnh đọa thì không tránh rơi vào bậc Thanh văn hoặc Độc giác.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, an trụ bậc Bồ Tát chủng tánh, có thể khởi bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc. Đại Bồ Tát ấy, an trụ Xa ma tha*(6)*như thế, có thể quyết trạch tất cả pháp và tùy giác bốn Thánh đế. Đại Bồ Tát ấy tuy biết khắp các khổ, nhưng có thể chẳng khởi tâm duyên **chấp khổ**; tuy vĩnh viễn đoạn tập nhưng có thể chẳng khởi tâm duyên **chấp tập**; tuy chứng diệt nhưng có thể chẳng khởi tâm duyên **chấp diệt**; tuy tu đạo nhưng có thể chẳng khởi tâm duyên **chấp đạo**; chỉ khởi tâm tùy thuận, hướng đến chứng nhập quả vị Giác ngộ tối cao, đối với tất cả pháp quán sát thật tướng.

(Quán thật tướng các pháp như thế nào?)

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy, đối với tất cả pháp quán sát thật tướng như thế nào?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Quán thật tướng các pháp là không**

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát đối với tất cả pháp quán như thế nào gọi là quán không?

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, đối với tất cả pháp **quán tự tướng không**.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, dùng Tỳ bà xá na **quán tất cả pháp tự tướng không, rồi thì, hoàn toàn không thấy có tự tánh có thể an trụ**

trong ấy mà chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? **Vì quả vị Giác ngộ và tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh**; vô tánh như thế chẳng phải chư Phật tạo ra, chẳng phải Độc giác tạo ra, chẳng phải Bồ Tát tạo ra, chẳng phải chư Thanh văn hướng quả tạo ra, chỉ vì hữu tình đối với tất cả pháp chẳng biết chẳng thấy như thật đều không. Do nhân duyên này, các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, phương tiện thiện xảo, vì các hữu tình như thật tuyên thuyết, khiến lìa chấp trước, thoát khổ sanh tử.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh mà vô tánh như thế chẳng phải chư Phật tạo ra, cũng chẳng phải do ai tạo ra, thì tại sao đặt bày có các pháp sai khác, như đây là địa ngục, đây là bàng sanh, đây là quỷ giới, đây là người, đây là chúng trời, đây là Thanh văn, đây là Độc giác, là Bồ Tát, là Phật? Vì **do nghiệp này nên bày ra địa ngục**, do nghiệp này nên bày ra bàng sanh, do nghiệp này nên bày ra quỷ giới, trời, người, Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát, hay Phật?

- Bạch Thế Tôn! **Vả lại, pháp vô tánh làm sao có tác dụng**, thì tại sao có thể nói do pháp như thế mà sanh địa ngục, do pháp như thế sanh bàng sanh, quỷ giới, do pháp như thế sanh cõi người, cõi trời; do pháp như thế đắc quả Thanh văn, Độc giác, nhập được bậc Bồ Tát, hay đắc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, khiến các hữu tình giải thoát sanh tử?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Thật ra, **trong pháp vô tánh chẳng có thể bày ra các pháp sai khác, cũng không nghiệp, không quả, không có tác dụng.** Vì phàm phu ngu si chẳng biết Thánh pháp Tỳ nại da nên chẳng rõ các pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh, ngu si điên đảo, phát khởi các thứ nghiệp thân, ngữ, ý, lại tùy nghiệp sai khác mà thọ các thứ thân. Rồi nương vào phẩm loại sai khác của các thứ thân ấy mà giả bày địa ngục, bàng sanh, quỷ giới, người, trời v.v…

- Này Thiện Hiện! **Vì muốn cứu vớt phàm phu ngu si điên đảo chịu khổ sanh tử nên đặt bày phần vị sai biệt của Thánh pháp. Nương phần vị này mà đặt bày các quả Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát và chư Phật. Nhưng tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh; trong pháp vô tánh thật không có pháp nào khác, không nghiệp, không quả, cũng không tác dụng, vì pháp vô tánh thường không có tánh**.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Như ông đã nói, **pháp vô tánh chắc chắn không có tác dụng**, thì tại sao có thể nói do pháp như thế mà đắc quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, quả vị Độc giác; nhập bậc Bồ Tát, hành đạo Bồ Tát, đắc quả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, khiến các hữu tình giải thoát sanh tử, thì này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Các đạo đã tu là vô tánh chăng? Quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán là vô tánh chăng? Quả vị Độc giác là vô tánh chăng? Tất cả đạo Bồ Tát là vô tánh chăng? Quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật là vô tánh chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! **Các pháp đã tu đều là vô tánh, quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán cũng vô tánh, quả vị Độc giác cũng vô tánh, tất cả đạo Bồ Tát cũng vô tánh, quả vị Giác ngộ tối cao của chư Phật cũng vô tánh.**

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Pháp vô tánh có thể đắc pháp vô tánh chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Vô tánh và Đạo, tất cả pháp này đều chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng chỗ gọi vô tướng**. Phàm phu ngu si điên đảo, đối với pháp vô tướng, hư vọng phân biệt, khởi tưởng có pháp, chấp trước năm uẩn; ở trong vô thường khởi tưởng thường, ở trong các khổ khởi tưởng vui, ở trong vô ngã khởi tưởng có ngã, ở trong bất tịnh khởi tưởng tịnh, ở trong vô tánh khởi chấp có tánh. Do nhân duyên này các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã thành tựu phương tiện thiện xảo thù thắng, cứu vớt các loại hữu tình như thế, khiến lìa điên đảo hư vọng chấp trước, phương tiện an trụ trong pháp vô tướng, khiến siêng tu học, giải thoát sanh tử, chứng đắc Niết bàn cứu cánh thường lạc.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có phải do sự chân thật chẳng phải hư vọng mà phàm phu ngu si, trong đó chấp trước, tạo tác các nghiệp. Do nhân duyên này mà luân hồi trong các cõi chẳng có thể giải thoát khổ sanh tử chăng?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Không có việc gì nhỏ dù chỉ bằng đầu sợi lông là (chân) thật mà các phàm phu ngu si chấp trước, tạo tác các nghiệp. Do nhân duyên này, luân hồi trong các nẻo, chẳng thể giải thoát các khổ sanh tử. Đó chỉ là hư vọng điên đảo chấp trước.**

- Này Thiện Hiện! Ta nay vì ông mà rộng nói thí dụ làm rõ nghĩa này để cho dễ hiểu. Các người có trí do thí dụ mà đối với nghĩa đã nói sanh hiểu biết đúng đắn.

(Thí dụ về huyễn mộng…)

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao: **Người trong mộng** thấy mình hưởng ngũ dục, y có thật hưởng dục lạc chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không! Người trong mộng còn chẳng thật, huống là có dục lạc thật sự để người đó hưởng.

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao: Ở trong mộng thật có các pháp thế gian xuất thế gian, pháp hữu lậu vô lậu, pháp hữu vi vô chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không! Mộng không phải thật, nên ở trong mộng chẳng có pháp nào là thật.

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao: Ở cõi mộng có các việc sanh tử qua lại chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không! Đã là mộng, không phải thật thì làm gì có sanh tử qua lại!

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao: Ở trong mộng có sự tu đạo chân thật, và nương vào đó mà xa lìa tạp nhiễm, được thanh tịnh chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không! Vì sao? Vì pháp đã thấy ở trong mộng hoàn toàn không có thật, chẳng năng thi thiết, chẳng sở thi thiết, việc tu đạo còn không, huống là nương vào việc tu đạo mà xa lìa tạp nhiễm được thanh tịnh. *(Q. 395, ĐBN)*

- Này Thiện Hiện! Cũng vậy, các **hình tượng trong gương**, dĩ nhiên không phải là người thật, nên không thể tạo nghiệp mà bị đọa các đường ác hay sanh ở cõi người, cõi trời v.v… Nhất định không có pháp nào hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi mà **chẳng như các hình tượng hiện trong gương**. Các hình tượng

trong gương hoàn toàn không có thật, chẳng năng thi thiết, chẳng sở thi thiết, việc tu đạo còn không có, huống là nương vào sự tu đạo mà lìa tạp nhiễm được thanh tịnh.

- Này Thiện Hiện! **Cũng vậy, các tiếng vang phát ra từ hang động** hoàn toàn không có thật, chỉ do tai mê hoặc nương vào để tạo tác các nghiệp, rồi do nghiệp đã tạo, hoặc đọa đường ác, hoặc sanh cõi trời, người. Nhất định không có pháp nào hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi mà chẳng như tiếng vang phát ra từ hang sâu. Các tiếng vang trong hang sâu hoàn toàn không có thật, chẳng năng thi thiết, chẳng sở thi thiết; việc tu đạo còn không có, huống là nương vào sự tu đạo mà lìa tạp nhiễm được thanh tịnh.

- Này Thiện Hiện! **Cũng vậy, như nước hiện ra trong nắng nóng***(7)* hoàn toàn không có thật, chỉ vì mắt mờ mê hoặc chứ làm sao có thể nương vào mà tạo tác các nghiệp, rồi do nghiệp đã tạo, hoặc đọa vào đường ác, hoặc sanh cõi trời, người. Nhất định không có pháp nào, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi mà chẳng như sóng nước hiện trong nắng nóng. Sóng nước hiện ra trong nắng nóng hoàn toàn không phải thật, chẳng năng thi thiết, chẳng sở thi thiết, việc tu đạo còn không có, huống là nương vào việc tu đạo mà lìa tạp nhiễm được thanh tịnh.

- Này Thiện Hiện! **Cũng vậy, các bóng sắc hiện ra do ánh sáng tạo nên***(như đèn hay nắng mặt trời)*. Các bóng này hoàn toàn không phải thật, chỉ vì mắt lòa mê hoặc chứ làm sao "bóng" có thể tạo tác các nghiệp và do nghiệp đã tạo, hoặc đọa vào đường ác, hoặc sanh cõi người, trời. Nhất định không có pháp nào, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi mà chẳng như các sắc tướng hiện ra do ánh sáng. Các sắc tướng do ánh sáng tạo ra hoàn toàn không phải thật, chẳng năng thi thiết, chẳng sở thi thiết; việc tu đạo còn không có, huống là nương vào việc tu đạo mà lìa tạp nhiễm được thanh tịnh.

- Này Thiện Hiện! **Cũng vậy, như nhà ảo thuật tạo ra bốn loại quân là voi, ngựa, xe v.v...** các thứ huyễn đó hoàn toàn không phải thật, chỉ mê hoặc trẻ con khờ khạo nghĩ tưởng các thứ huyễn đó có thể tạo nghiệp, rồi do nghiệp đã tạo, hoặc đọa vào đường ác, hoặc sanh cõi trời, người. Nhất định không có pháp nào, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi mà chẳng như các thứ huyễn. Đã là

huyễn thì không phải thật, thì chẳng thể năng thi thiết, chẳng sở thi thiết; việc tu đạo còn không có huống là nương vào sự tu đạo mà lìa tạp nhiễm được thanh tịnh.

- Này Thiện Hiện! **Cũng vậy, Phật đã hóa ra hóa thân,** các hóa thân hoàn toàn không có thật, thì làm sao có thể nương vào mà tạo tác các nghiệp và do nghiệp đã tạo, hoặc đọa vào đường ác, hoặc sanh cõi trời, người. Nhất định không có pháp nào, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi mà chẳng như hóa thân đã biến hóa ra. Các thân biến hóa hoàn toàn không phải thật, chẳng năng thi thiết, chẳng sở thi thiết; việc tu đạo còn không có, huống là nương vào việc tu đạo mà lìa tạp nhiễm được thanh tịnh.

- Này Thiện Hiện! **Cũng vậy, những vật loại hiện như ảo thành** hoàn toàn không có thật, thì làm sao có thể nương vào đó mà tạo tác các nghiệp và do nghiệp đã tạo ấy, hoặc đọa vào đường ác, hoặc sanh cõi trời, người. Nhất định không có pháp nào, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi mà chẳng như những vật loại hiện trong ảo thành. Những vật loại hiện trong ảo thành hoàn toàn không phải thật, chẳng năng thi thiết, chẳng sở thi thiết; việc tu đạo còn không có, huống là nương vào việc tu đạo mà lìa tạp nhiễm được thanh tịnh.

Bấy giờ, Phật hỏi Thiện Hiện:

- "Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? **Có phải thật có tạp nhiễm và thanh tịnh chăng**?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không! Trong đó hoàn toàn không thật có tạp nhiễm và thanh tịnh.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Tạp nhiễm hay thanh tịnh thật vô sở hữu. Do nhân duyên này nên nói tạp nhiễm và thanh tịnh cũng chẳng phải thật có**. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì các loại hữu tình bám trụ vào ngã, ngã sở, hư vọng phân biệt có tạp nhiễm hay thanh tịnh, chứ chẳng phải thật thấy có tạp nhiễm hay thanh tịnh. Người thấy như thật, biết không có tạp nhiễm, thanh tịnh. Nên có thể nói không có tạp nhiễm hay thanh tịnh".

Thích nghĩa:

(1). Đẳng giác: (等覺)*: Tên gọi khác của đức Phật, còn gọi là Đẳng Chánh Giác* (等正覺)*, một trong 10 đức hiệu của Phật.* ***Đẳng*** (等) *nghĩa là bình đẳng;* **giác** (覺) *tức là giác ngộ; sự giác ngộ của chư Phật là bình đẳng, nhất như, nên được gọi là Đẳng Giác. Muốn thành Phật phải tu mất ba A tăng kỳ kiếp, trải qua 52 giai vị khác nhau. Sau khi hoàn tất 50 giai vị thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, Bồ Tát bước vào giai vị thứ 51 gọi là Đẳng giác, sau đó vào quả vị thứ 52 tức Diệu giác thì thành Phật. Đã giải thích rồi, chỉ lập lại để nhớ!*

(2). Ám chướng: Tối tăm mờ mịch làm ngăn ngại đạo Bồ đề.

(3). Tùy giác có nghĩa là giác ngộ, tri nhận được tánh bình đẳng của tất cả pháp tức là giác ngộ.

(4). Chủng tánh Bồ Tát : Phật căn cứ vào nhân(chủng tử) vô lậu hay không của chúng sanh mà chia làm năm loại chủng tánh: 1- Vô chủng tánh: Vì những chúng sanh nầy chỉ phát tâm làm các việc phước thiện thế gian để mong cầu phước báo cõi trời hay người, nghĩa là tạo nghiệp hữu lậu, không có chủng tử vô lậu, nên gọi là "vô chủng tánh". 2- Thanh văn chủng tánh: Những chúng sanh này tu tập tứ Thánh đế mà ngộ đạo, nên gọi là "Thanh văn tánh". 3- Độc giác chủng tánh: Những chúng sanh này ngộ lý thập nhị nhân duyên mà đắc đạo, nên gọi là "độc giác tánh. Thanh văn và Độc giác chủng tánh, tuy có hạt giống vô lậu, nhưng cả hai loại này chỉ đoạn trừ ngã chấp, nhưng chưa đoạn trừ pháp chấp, nên gọi chung là "nhị thừa chủng tánh". 4- Bồ Tát chủng tánh hay đại thừa chủng tánh: Những chúng sanh này rộng tu lục độ vạn hạnh, đoạn trừ cả ngã chấp và pháp chấp, quyết định thành Phật, nên gọi là "Phật chủng tánh". 5- Bất định chủng tánh: Những chúng sanh này sẵn có những chủng tử hữu lậu và vô lậu, tùy duyên nếu gặp đại thừa thì thành Bồ Tát, Phật, nếu gặp nhị thừa thì thành Thanh văn hay Độc giác. Vì tánh bất định nên gọi là "bất định chủng tánh". Tất cả chủng tánh là do huân tập huân tu nhiều đời nhiều kiếp mà thành! (Phỏng theo Duy thức học của HT Thích Thiện Hoa).

Các chủng tánh trên chúng tôi đã thích nghĩa nhiều lần rồi. Đây lược tóm chung năm loại chủng tánh để thấu hiểu thêm.

(5). Đỉnh đọa: Từ giai vị Đỉnh rơi xuống. Cũng gọi Đỉnh thoái. Chỉ cho hàng Thanh văn từ giai vị Đỉnh thiện căn tụt xuống mà sinh vào đường ác. Bởi vì, giai vị Noãn và Đỉnh trong bốn thiện căn là thuộc về

thiện căn động, cho nên, nếu hành giả trụ nơi tâm tán loạn, lại gần bạn xấu, không nghe chính pháp, hoặc tự mình hiểu sai lạc, thì ắt sẽ tụt khỏi giai vị đã chứng được mà rơi vào đường ác. Còn giai vị Nhẫn và Thế đệ nhất thì thuộc về thiện căn bất động, cho nên vĩnh viễn không bị rơi vào đường ác nữa. Kinh Đại Bát nhã Ba la mật nói đây thì cho rằng Bồ Tát tụt xuống hàng Nhị thừa là Đính đọa. (Phỏng theo Phật Quang từ điển).

(6). Đây thích nghĩa chung cho Xa ma tha và Tỳ bà xá na (phiên âm từ Phạn ngữ śamatha và vipaśyan): Theo truyền thống luôn được dịch là chỉ và quán. ***Chỉ*** *(Xa ma tha) nghĩa là "dừng lại", có ý nghĩa tu tập sự định tâm, dứt mọi vọng niệm.* ***Quán*** *(Tỳ bà xá na) nghĩa là "quán xét", có ý nghĩa tu tập nhận thức đúng thật, sáng suốt về thực tại. Vì thế, xét về kết quả tu tập thì hai pháp tu chỉ và quán cũng được gọi là định và tuệ, vì chỉ giúp đạt được định và quán giúp đạt được tuệ. - Phỏng theo Phật Quang từ điển. Đã thích nghĩa rồi, chỉ lập lại để nhớ!*

(7). ***Như nước hiện ra trong nắng nóng:*** *Nhiệt độ tăng lên làm cho chiết suất của không khí thay đổi, tạo thành ảo ảnh, trông xa giống như có sóng nước. Đó là một trong thất dụ (như ảo, như mộng, như hưởng, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa) của phẩm này, hay là một dụ trong thập dụ của các Kinh điển Đại thừa. Các Kinh điển Đại thừa thường dùng mười thí dụ hiển bày lý Không để giúp người học thành tựu Không quán. Đó là: 1- Như huyễn, 2- Như dương diệm, 3- Như bóng trăng trong nước, 4- Như hư không, 5- Như tiếng vang, 6- Như cung điện Càn thác bà (hay thành tầm hương hoặc ảo thành), 7- Như chiêm bao, 8- Như bóng (ánh sáng mặt trời hay đèn tạo thành bóng), 9- Như hình trong gương, 10- Như (biến) hóa (hay trò ảo thuật).*

Sơ giải:

Phật thường bảo: Không có việc gì nhỏ dù chỉ bằng đầu mảy lông là thật, nó chỉ là hư vọng do chúng sanh điên đảo nghĩ tưởng, chấp trước. Thí như ***người nằm mộng*** *thấy mình hưởng dục lạc, mộng thì không phải thật, thì việc hưởng dục làm sao thật được? Cũng vậy,* ***ảnh trong gương,*** *dĩ nhiên không phải là người thật, chỉ do người hiện ra trước gương thì có ảnh, người đi rồi thì ảnh cũng biến mất, nên không thể nói ảnh trong gương có thể tạo nghiệp. Cũng vậy,* ***các tiếng vang phát ra từ hang động***

hoàn toàn không có thật, tiếng phát ra từ cửa miệng của người bằng xương bằng thịt cũng không thật nốt. ***Như nước hiện ra trong nắng nóng*** *là do nhiệt độ hâm nóng không khí làm chiết suất của không khí thay đổi tạo thành sóng nắng, không phải nước thật, chỉ là ảo ảnh.* ***Như nhà ảo thuật*** *tạo ra bốn loại quân là voi, ngựa, xe v.v..., nhưng các quân chủng này không phải thật, nên không thể thay thế con người để chiến đấu.*

Cũng vậy, Kinh nói: **"Những vật loại hiện trong ảo thành** hoàn toàn không có thật, thì làm sao có thể nương vào đó mà tạo tác các nghiệp và do nghiệp đã tạo ấy, hoặc đọa vào đường ác, hoặc sanh cõi trời, người. Nhất định không có pháp nào, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi mà chẳng như những vật loại hiện trong ảo thành. Những vật loại hiện trong ảo thành hoàn toàn không phải thật, chẳng năng thi thiết, chẳng sở thi thiết; việc tu đạo còn không có, huống là nương vào việc tu đạo mà lìa tạp nhiễm được thanh tịnh".

Đó là những thí dụ thường thấy trong các Kinh nhất là Kinh điển Đại thừa. Vì vậy, Phật bảo:

"Vô tánh và Đạo tất cả pháp này đều chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng chỗ gọi vô tướng. Phàm phu ngu si điên đảo, đối với pháp vô tướng, hư vọng phân biệt, khởi tưởng có pháp, chấp trước năm uẩn; ở trong vô thường khởi tưởng thường, ở trong các khổ khởi tưởng vui, ở trong vô ngã khởi tưởng ngã, ở trong bất tịnh khởi tưởng tịnh, ở trong vô tánh khởi chấp có tánh. Do nhân duyên này các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã thành tựu phương tiện thiện xảo thù thắng, cứu vớt các loại hữu tình như thế, khiến lìa điên đảo hư vọng chấp trước, phương tiện an trụ trong pháp vô tướng, khiến siêng tu học, giải thoát sanh tử, chứng đắc Niết bàn cứu cánh thường lạc".

Vô tánh là tự tánh Bát Nhã.

Phẩm "Bát Nhã Hành Tướng", Q.38, Hội thứ I, ĐBN: "Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng: Pháp gì là tự tánh Bát nhã Ba la mật? Pháp gì là tự tánh tĩnh lự, tinh tiến, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật? Cho đến pháp gì là tự tánh pháp ở trong ở ngoài ở giữa hai? Thiện Hiện đáp: **Vô tánh là tự tánh Bát nhã Ba la mật. Vô tánh là tự tánh tĩnh lự, tinh tiến, an nhẫn,**

tịnh giới, bố thí Ba la mật. Cho đến vô tánh là pháp tự tánh ở trong, ở ngoài hay ở giữa hai. Xá Lợi Tử! Do có đây nên biết Bát nhã Ba la mật rời tự tánh Bát nhã Ba la mật. Tĩnh lự tinh tiến an nhẫn tịnh giới bố thí Ba la mật rời tự tánh tĩnh lự cho đến bố thí Ba la mật. Cho đến pháp ở trong ở ngoài ở giữa hai rời tự tánh pháp ở trong ở ngoài ở giữa hai. Xá Lợi Tử! Bát nhã Ba la mật, rời tướng Bát nhã Ba la mật, tĩnh lự tinh tiến an nhẫn tịnh giới bố thí Ba la mật cho đến pháp ở trong ở ngoài ở giữa hai, Xá Lợi Tử! Tự tánh cũng rời tự tánh, tướng cũng rời tướng; tự tánh cũng rời tướng, tướng cũng rời tự tánh; tự tánh tướng cũng rời tướng tự tánh, tướng tự tánh cũng rời tự tánh tướng".

Với những dẫn chứng trên, ta có thể kết kuận: ***Thấy các pháp là vô tánh, vô tướng chỗ gọi là nhất tướng, nên đắc Bát Nhã hay được Vô thượng Bồ đề.*** *Nên Phật bảo:* "Ta lúc bấy giờ, quán tất cả pháp bình đẳng, **lấy vô tánh làm tánh** *(hay lấy vô tánh làm tự tánh)*, do một sát na tương ưng Bát Nhã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề".

Kết luận:

Bởi các lý do đó nên Kinh nói: "Đại Bồ Tát ấy, đối với tất cả pháp **quán tự tướng không**. Đại Bồ Tát ấy, dùng Tỳ bà xá na **quán tất cả pháp tự tướng không, rồi thì, hoàn toàn không thấy có tự tánh có thể an trụ trong ấy** mà chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? **Vì quả vị Giác ngộ và tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh**; vô tánh như thế chẳng phải do Phật làm ra, cũng không bất cứ ai làm ra. Chỉ vì hữu tình đối với tất cả pháp chẳng biết chẳng thấy tất cả đều không. Do nhân duyên này, các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, phương tiện thiện xảo, vì các hữu tình như thật tuyên thuyết, khiến lìa chấp trước, thoát khổ sanh tử".

Để thấu hiểu kết luận trên, chúng ta lấy 3 giáo lý chính Q.395 của phẩm này, làm chỉ đạo tu hành:

1- Pháp vô tánh không có tác dụng:

"Phật bảo: - Này Thiện Hiện! Vì muốn cứu vớt phàm phu ngu si điên đảo chịu khổ sanh tử nên đặt bày phần vị sai biệt của Thánh pháp. Nương phần vị này mà đặt bày các quả Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát và chư Phật. Nhưng tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh; trong

pháp vô tánh thật không có pháp nào khác, không nghiệp, không quả, cũng không tác dụng, vì pháp vô tánh thường không có tánh".

2- Tạp nhiễm và thanh tịnh cũng chẳng phải thật có:

Phật hỏi Thiện Hiện:

- "Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? **Có phải thật có tạp nhiễm và thanh tịnh chăng**?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không! Trong đó hoàn toàn không thật có tạp nhiễm và thanh tịnh.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Tạp nhiễm hay thanh tịnh thật vô sở hữu. Do nhân duyên này nên nói tạp nhiễm và thanh tịnh cũng chẳng phải thật có**. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì các loại hữu tình bám trụ vào ngã, ngã sở, hư vọng phân biệt có tạp nhiễm hay thanh tịnh, chứ chẳng phải thật thấy có tạp nhiễm hay thanh tịnh. Người thấy như thật, biết không có tạp nhiễm, thanh tịnh. Nên có thể nói không có tạp nhiễm hay thanh tịnh".

3- Vô tánh và Đạo:

"Vô tánh và Đạo, tất cả pháp này đều chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng chỗ gọi vô tướng".

Học Bát Nhã trước hết phải "quán không", sau "lấy vô tánh làm tự tánh" thì sẽ thấy tất cả pháp không còn tác dụng, nên có thể nói chẳng có gì là tạp nhiễm hay thanh tịnh. Kết luận này sâu kín đối với trí năng thường tục. Nhưng một khi thâm nhập được giáo lý này thì có thể tháo gở mọi hệ lụy thế gian mà được giải thoát. Đó là chỗ cần hạ thủ./.

---o0o---

75. PHẨM "THẮNG NGHĨA DU GIÀ"*(1)*

Phần sau Q.396 cho đến đầu Q.397, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Bình Đẳng" Q.29, MHBNBLMĐ)

Gợi ý:

*Trước khi chấm dứt Hội thứ I, với 400 quyển, chiếm 2/3 trong số 600 quyển Đại Bát Nhã, Phật nói các **giáo lý tương ứng với cơ, cảnh, hành, lý, quả… của Kinh này** với tên phẩm là "Thắng Nghĩa Du Già". Đây là giáo pháp thậm thâm, "tháo đinh gở chốt" cho chúng ta. Cái gì chúng ta thắc mắc nghi ngờ thì phẩm này trả lời gần như đầy đủ tất cả. Vậy phải tụng đọc tư duy và ghi nhớ kỹ thôi.*

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Cái thật thấy là không nhiễm, không tịnh, cái thấy chẳng thật cũng không nhiễm, không tịnh. Vì sao? Vì **tất cả pháp đều dùng vô tánh làm tự tánh.**

- Bạch Thế Tôn! Các pháp vô tánh không nhiễm, không tịnh, các pháp có tánh cũng không nhiễm, không tịnh. Các pháp có tánh vô tánh cũng không nhiễm, không tịnh.

- Bạch Thế Tôn! Pháp vô tự tánh không nhiễm, không tịnh, pháp có tự tánh cũng không nhiễm, không tịnh; pháp có tự tánh, vô tự tánh cũng không nhiễm, không tịnh. Vì tất cả pháp đều dùng vô tánh làm tự tánh.

Nếu vậy tại sao Thế Tôn nói có pháp thanh tịnh?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ta nói **tánh bình đẳng của tất cả pháp là pháp thanh tịnh**.

(Pháp nào là pháp bình đẳng?)

- Bạch Thế Tôn! Vậy tất cả pháp nào được coi là bình đẳng?

- Này Thiện Hiện! Các pháp chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh,

pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì, dù Như Lai xuất thế hay chẳng xuất thế, tánh tướng thường trụ, đó gọi là tánh bình đẳng của tất cả pháp; tánh bình đẳng này gọi là pháp thanh tịnh; đây chỉ nương vào thế tục mà nói là thanh tịnh, chứ chẳng y cứ vào thắng nghĩa. Vì sao? Vì trong thắng nghĩa đế, không có sự phân biệt, không có hý luận, tất cả ngôn ngữ danh tự đều đoạn dứt.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp như thấy trong mộng, như ảnh tượng, như tiếng vang, như bóng nắng, như bóng sáng, như trò huyễn, như thân biến hóa, như ảo thành, tuy hiện ra giống như có mà không thật có thì tại sao đại Bồ Tát nương vào **pháp phi chân** như thế mà phát tâm cầu quả vị Giác ngộ tối cao, và phát nguyện: Ta sẽ viên mãn bố thí Ba la mật, ta sẽ viên mãn tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, phương tiện thiện xảo, diệu nguyện, lực, trí Ba la mật; ta sẽ viên mãn bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; ta sẽ viên mãn ba mươi bảy pháp trợ đạo; ta sẽ viên mãn Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng; ta sẽ viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; ta sẽ viên mãn Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; ta sẽ viên ba mươi hai hai tướng Đại sĩ, tám mươi vẻ đẹp tùy hảo; ta sẽ phát khởi Vô lượng quang minh chiếu khắp vô biên thế giới trong mười phương; ta sẽ phát khởi một loại âm thanh vi diệu khắp vô biên thế giới mười phương, tùy theo tâm, tâm sở, ý thích sai khác của các hữu tình mà vì họ nói các loại pháp môn vi diệu, khiến họ siêng tu học, chứng đắc lợi ích an lạc thù thắng?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao: Những điều mà ông đã thuyết đâu chẳng khác như mộng được thấy, như ảnh tượng, như tiếng vang, như bóng nắng, như bóng sáng, như trò huyễn, như thân biến hóa, như ảo thành?

Thiện Hiện đáp:

- Đúng vậy! Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Bạch Thiện Thệ! Nếu tất cả pháp như điều thấy trong mộng, nói đủ cho đến như ảo thành, đều không thật, thì tại sao đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, phát lời chắc thật: Ta sẽ viên mãn tất cả công đức lợi ích an lạc vô lượng hữu tình?

- Bạch Thế Tôn! Chẳng phải điều thấy trong mộng… cho đến những vật loại hiện ra như ảo thành, có thể hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, phương tiện thiện xảo, diệu nguyện, lực, trí Ba la mật, huống là **có thể viên mãn** tất cả pháp như tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… hay tất cả pháp Phật khác?

- Bạch Thế Tôn! Chẳng phải điều thấy trong mộng... cho đến những vật loại hiện ra trong ảo thành, **có thể thành tựu** tất cả việc làm theo ước nguyện. Tất cả pháp khác cũng giống như thế, đều chẳng phải thật?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Pháp chẳng phải thật có, chẳng có thể hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, phương tiện thiện xảo, diệu nguyện, lực, trí Ba la mật, huống là có thể viên mãn. Pháp chẳng phải thật có, nói chi đến việc hành bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, huống là có thể viên mãn. Pháp chẳng phải thật có, nói chi đến việc hành 37 pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí huống có thể viên mãn. Pháp chẳng phải thật có, nói chi đến việc hành ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi vẻ đẹp tùy hảo, huống có thể viên mãn. **Pháp chẳng phải thật, chẳng thể thành tựu việc làm theo nguyện ước, pháp chẳng phải thật có, chẳng thể chứng đắc sở cầu là quả vị Giác ngộ tối cao.**

- Lại nữa, Thiện Hiện! Vì bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, phương tiện thiện xảo, diệu nguyện, lực, trí Ba la mật chẳng phải thật có, nên chẳng thể chứng đắc sở cầu là quả vị Giác ngộ. Vì tất cả pháp Phật nói chung chẳng phải thật có, nên chẳng thể chứng đắc sở cầu là quả vị Giác ngộ.

- Này Thiện Hiện! **Các pháp như thế, tất cả đều do tư duy tạo tác. Các pháp do tư duy tạo tác đều chẳng thể đắc Nhất thiết trí trí. Các pháp như thế đối với đạo Bồ đề, tuy có thể dẫn phát nhưng đối với kết quả không thể giúp ích gì. Do vì các pháp này không sanh, không khởi, không có thật tướng, nên các đại Bồ Tát từ khi mới phát tâm, tuy khởi các pháp thiện của thân, ngữ, ý, đó là tu hành các pháp Phật nói chung, nhưng biết tất cả đều như huyễn, như mộng, như bóng, như vang, như trò huyễn, như thân biến hóa, như ảo thành, đều chẳng phải thật.**

- Lại nữa, Thiện Hiện! **Các pháp như thế tuy chẳng phải thật, nhưng nếu chẳng viên mãn thì nhất định chẳng có thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng đắc quả vị Giác ngộ**. Các đại Bồ Tát nếu chẳng viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật và tất cả các thiện pháp khác thì quyết định chẳng có thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy khi tu hành Bát Nhã, hành tất cả thiện pháp đều như thật biết như mộng, như tượng, như vang, như ảnh, như bóng, như trò huyễn, như thân biến hóa, như ảo thành. Nếu các đại Bồ Tát hành được như vậy, thì đối với tất cả pháp **chẳng chấp thủ Có, chẳng chấp thủ Không**. Vì sao? Vì bố thí Ba la mật chẳng thể nắm bắt, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật cũng chẳng thể nắm bắt; tất cả thiện pháp cũng chẳng có thể nắm bắt. Vì sao? Vì tất cả pháp đều chẳng thể nắm bắt, hoàn toàn không phải thật, giống như mộng, như thành bằng hương khói… **chẳng thể nắm bắt mà cũng chẳng thể chứng đắc.** Nhưng các hữu tình đối với các pháp như thế, chẳng biết chẳng thấy, đại Bồ Tát, vì độ thoát các hữu tình nên cầu quả vị Giác ngộ tối cao để hóa độ họ.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, khi tu hành Bát Nhã, thấy các phàm phu ngu si ở trong cái chẳng phải ngã mà chấp tưởng là ngã; ở trong cái chẳng phải hữu tình, mạng giả, sanh giả, dưỡng giả, sĩ phu, bổ đặc già la, ý sanh, nho đồng, tác giả, khiến tác giả, khởi giả, khiến khởi giả, thọ giả, khiến thọ giả, tri giả, khiến tri giả, kiến giả, khiến kiến giả*(2)* mà tưởng chấp là hữu tình, mạng giả v.v… Đại Bồ Tát ấy, thấy như vậy vô cùng thương xót, phương tiện giáo hóa, khiến lìa điên đảo, vọng tưởng, chấp trước, an để trong cảnh giới cam lồ vô tướng; trụ trong cảnh giới ấy, chẳng khởi tưởng là ngã, cũng chẳng khởi tưởng chấp trước hữu tình, mạng giả v.v… Khi ấy, tất cả trạo cử, tán loạn, phân biệt, hý luận chẳng còn hiện hành, tâm thể mới có thể an trụ cảnh giới an nhiên tịch lặng, vô hý luận.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, do phương tiện này tu hành Bát Nhã, tự mình đối với các pháp không còn chấp trước, sạch các lậu hoặc, các tập khí tương tục, chỉ trong sát na tương ưng với diệu huệ thì "đắc" Vô Thượng Giác ngộ. Đây là nương vào thế tục mà nói, chẳng y vào thắng nghĩa. Trong thắng nghĩa năng đắc, sở đắc, đều bất khả đắc. Vì sao? **Vì nếu bảo đắc pháp tức rơi vào hữu sở đắc. Kẻ hữu sở đắc bèn chấp có**

hai. Kẻ chấp hai chẳng năng đắc quả, cũng chẳng hiện quán, kẻ chấp không hai cũng lại như thế. Nếu không hai, không chẳng hai tức gọi đắc quả, cũng gọi là hiện quán. Vì sao? Vì chấp đây chấp kia đều là hý luận. Lìa hý luận mới gọi là bình đẳng.

Cụ thọ Thiện Hiện Bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều vô tánh, thì cái gì gọi là tánh bình đẳng của pháp?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! **Nếu ở nơi nào không nói hữu tánh, cũng không nói vô tánh, cũng chẳng nói là tánh bình đẳng, thì như thế mới gọi là tánh bình đẳng của pháp. Nên biết, tánh bình đẳng của pháp đã bất khả thuyết, cũng bất khả tri, trừ tánh bình đẳng không có pháp nào có thể đắc, lìa tất cả pháp không có tánh bình đẳng.**

Thiện Hiện phải biết: **Đối với Tánh bình đẳng này hàng phàm phu kể cả Thánh giả đều chẳng thể hành, vì chẳng phải cảnh giới sở hành của họ.**

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tánh bình đẳng cũng chẳng phải cảnh sở hành của Phật chăng?

Phật bảo Thiện Hiện!

- Tánh bình đẳng của pháp chẳng phải cảnh sở hành của các Hiền Thánh. Nghĩa là kẻ tùy tín hành, hoặc kẻ tùy pháp hành, hoặc kẻ Đệ bát, hoặc Dự lưu, hoặc Nhất lai, hoặc Bất hoàn, hoặc A la hán, hoặc Độc giác, hoặc Bồ Tát, hoặc các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều **chẳng thể đem tánh bình đẳng làm cảnh sở hành**.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối tất cả pháp đều được tự tại, vì sao lại nói tánh bình đẳng chẳng phải cảnh sở hành của chư Phật?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối tất cả pháp tuy được tự tại, nếu tánh bình đẳng cùng Phật có khác, thì có thể nói là cảnh sở hành của Phật. **Nhưng tánh bình đẳng cùng Phật không khác, làm sao có thể nói là cảnh sở hành của chư Phật.**

Này Thiện Hiện! Nên biết, hoặc pháp tánh bình đẳng của các phàm phu, hoặc pháp tánh bình đẳng của tùy tín hành, hoặc pháp tánh bình đẳng của tùy pháp hành, hoặc pháp tánh bình đẳng của Đệ bát… cho đến hoặc pháp tánh bình đẳng của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, **tất cả pháp tánh bình đẳng như thế đều đồng nhất tướng, chỗ gọi vô tướng**. Nhất tướng bình đẳng này không có hai, không khác, cho nên chẳng thể nói: Đây là pháp tánh bình đẳng của phàm phu, nói rộng cho đến đây là pháp tánh bình đẳng của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Ở trong tánh bình đẳng nhất tướng đây, các tánh bình đẳng đã chẳng thể nắm bắt được, trong đó, tướng sai biệt của phàm phu và Thánh giả cũng chẳng thể nắm bắt được.

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu trong tánh bình đẳng của tất cả pháp, các tướng sai biệt đều chẳng thể nắm bắt được thì các phàm phu, hoặc tùy tín hành, hoặc tùy pháp hành, hoặc các Đệ bát, hoặc các Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, hoặc các Độc giác, hoặc các đại Bồ Tát, hoặc chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tất cả pháp như thế và hữu tình đáng lẽ không sai biệt?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói, ở trong tánh bình đẳng của tất cả pháp, hoặc các phàm phu, hoặc các bậc Thánh cho đến Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, pháp và hữu tình **đều không sai biệt**.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu trong tánh bình đẳng của tất cả pháp phàm phu, Thánh giả, pháp và hữu tình đều không sai khác, thì tại sao có Tam Bảo xuất hiện ở thế gian, đó là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Phật, Pháp, Tăng bảo cùng với tánh bình đẳng có khác nhau chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Như con hiểu nghĩa Phật nói thì Phật, Pháp, Tăng bảo cùng với tánh bình đẳng đều không có sai khác.

- Bạch Thế Tôn! Hoặc Phật bảo, hoặc Pháp bảo, hoặc Tăng bảo, hoặc tánh bình đẳng, tất cả như thế đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng đó là vô tướng. Nhưng Phật Thế Tôn ở trong vô tướng, phương tiện thiện xảo, kiến lập các

pháp v.v... có sự sai khác, gọi đây là phàm phu, đây là tùy tín hành, đây là tùy pháp hành, đây là Đệ bát, đây là Dự lưu, đây là Nhất lai v.v...cho đến đây là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói. Như Lai đối với pháp phương tiện thiện xảo, có thể đối với vô tướng kiến lập các pháp v.v... sai biệt.

- Lại nữa, Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Nếu Như Lai chẳng chứng quả vị Giác ngộ tối cao vì hữu tình kiến lập các pháp sai khác thì liệu hữu tình có thể tự biết: Đây là địa ngục, đây là bàng sanh, đây là quỷ giới, đây là người, đây là chúng trời; đây là sắc, đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là mười hai xứ, mười tám giới; đây là tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc; đây là Tứ đế, đây là ba mươi bảy trợ đạo, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến đây là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, các loại hữu tình đối với các tướng sai biệt như thế có thể tự biết chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không! Nếu Phật chẳng vì hữu tình an lập tướng sai biệt như thế thì các hữu tình chẳng có thể tự biết các tướng sai biệt như thế.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Vì vậy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối với pháp vô tướng phương tiện thiện xảo tuy vì hữu tình an lập các thứ tướng sai khác, nhưng đối với pháp tánh bình đẳng của các pháp hoàn toàn vô động.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có phải Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối với pháp tánh bình đẳng của tất cả pháp hoàn toàn không có lay động? Như vậy thì tất cả phàm phu ngu si đối với pháp tánh bình đẳng của các pháp không có lay động chăng? Như vậy thì tùy tín hành, hoặc tùy pháp hành, hoặc Đệ bát, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán v.v… đối với pháp tánh bình đẳng của các pháp cũng không lay động chăng?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Vì tất cả pháp và các hữu tình đều chẳng vượt*(3)* pháp tánh bình đẳng, đối các pháp tánh bình đẳng cũng **đều không chỗ động**.

- Này Thiện Hiện! Nên biết, chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tức là chơn như, pháp giới, pháp tánh v.v…của phàm phu ngu si, cũng là chơn như, pháp giới, pháp tánh v.v… của tùy tín hành, tùy pháp hành, Đệ bát v.v… Vì sao? Vì tất cả pháp và các hữu tình đều chẳng vượt qua chơn như, pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh… cho đến cảnh giới bất tư nghì.

- Này Thiện Hiện! Nên biết, chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì tánh không sai khác.

- Này Thiện Hiện! Vì **tướng** của sắc khác nhau nên **tánh** cũng phải khác nhau, vì tướng của thọ, tưởng, hành, thức khác nên tánh cũng phải khác, vậy thì **pháp tánh** cũng phải khác nhau; vì tướng của mười hai xứ, mười tám giới khác nên tánh cũng phải khác, vậy thì pháp tánh cũng phải khác nhau; nói rộng cho đến vì tướng của Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí khác nên tánh cũng phải khác, vậy thì pháp tánh cũng phải khác nhau; vì tướng của phàm phu ngu si khác nên tánh cũng phải khác, vì tướng của tùy tín hành, tùy pháp hành, Đệ bát v.v… khác nên tánh cũng phải khác, vậy thì pháp tánh cũng phải khác nhau; vì tướng của các pháp thế gian, pháp xuất thế gian khác nên tánh cũng phải khác, vì tướng của các pháp hữu lậu, vô lậu, pháp hữu vi, vô vi khác nên tánh cũng phải khác, vậy thì pháp tánh cũng phải khác nhau.

Thiện Hiện bạch Phật:

- Bach thế Tôn! Làm sao đối với các **pháp tướng sai khác** mà có thể an lập được **pháp tánh nhất tướng**? Làm sao đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, chẳng phân biệt pháp và các hữu tình có các loại tánh?

(Tất cả pháp đều rỗng không).

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! **Pháp tánh của sắc là rỗng không**. Pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức là rỗng không. Pháp tánh của mười hai xứ, mười tám giới ới cũng rỗng không. Pháp tánh của tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cũng rỗng không. Pháp tánh của phàm phu ngu si là rỗng không.

Pháp tánh của tùy tín hành, tùy pháp hành, Đệ bát, v.v… là rỗng không. Pháp tánh của pháp thế gian, xuất thế gian là rỗng không. Pháp tánh của pháp hữu lậu vô lậu, pháp hữu vi vô vi cũng rỗng không. Nói chung, **tất cả pháp tánh đều là rỗng không.**

Vì vậy, Cụ thọ Thiện Hiện mới hỏi Phật:

- "Làm sao đối với các pháp tướng sai khác mà có thể an lập được pháp tánh nhất tướng?"

Phật hỏi lại Cụ thọ:

- Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Pháp tánh của sắc là rỗng không chăng? Pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức là rỗng không chăng? Nói rộng, pháp tánh của tất cả pháp là rỗng không chăng?

Cụ thọ bạch Phật:

- Bạch Thiện Thệ! Đúng vậy! **Tất cả pháp tánh đều là rỗng không**.

Phật lại hỏi:

- Trong rỗng không, tướng sai khác của pháp thảy có thể nắm bắt được chăng? Nghĩa là tướng sai khác của sắc có thể nắm bắt được chăng? Tướng sai khác của thọ, tưởng, hành, thức có thể nắm bắt được chăng? Tướng sai khác của pháp thế gian, xuất thế gian có thể nắm bắt được chăng? Tướng sai khác của pháp hữu lậu vô lậu, pháp hữu vi vô vi có thể nắm bắt được chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không! **Trong rỗng không, tất cả tướng sai khác đều chẳng thể nắm bắt được".**

Do đó nên biết, **pháp tánh bình đẳng chẳng phải sắc, chẳng lìa sắc**; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức, chẳng lìa thọ, tưởng, hành, thức; pháp tánh bình đẳng chẳng phải mười hai xứ, mười tám giới, chẳng lìa mười hai xứ, mười tám giới; pháp tánh bình đẳng chẳng phải tứ thiền, tứ vô lương, tứ định vô sắc, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí…, cũng chẳng lìa tất cả các pháp ấy; pháp tánh bình đẳng chẳng phải phàm phu ngu si, cũng chẳng lìa phàm phu ngu si; chẳng phải tùy tín hành, tùy pháp hành, Đệ bát, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán… cho đến Như Lai Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng lìa tùy tín hành cho đến Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; chẳng phải pháp thế gian xuất thế gian, chẳng lìa pháp thế gian xuất thế gian; chẳng phải pháp hữu lậu vô lậu, pháp hữu vi vô vi, chẳng lìa pháp hữu lậu vô lậu, pháp hữu vi vô vi.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Pháp tánh bình đẳng có phải là hữu vi, có phải là vô vi?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Pháp tánh bình đẳng chẳng phải là hữu vi, chẳng phải là vô vi; nhưng lìa pháp hữu vi, pháp vô vi chẳng thể nắm bắt được; lìa pháp vô vi, pháp hữu vi cũng chẳng thể nắm bắt được.

Này Thiện Hiện! Hoặc cảnh giới hữu vi, hoặc cảnh giới vô vi, hai cảnh giới như thế, chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng đó là vô tướng. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương vào thế tục mà nói, chứ chẳng y cứ vào thắng nghĩa. Vì sao? Vì chẳng phải trong thắng nghĩa có thể có thân hành, ngữ hành, ý hành, chẳng phải lìa thân hành, ngữ hành, ý hành mà có thể nắm bắt được thắng nghĩa.

Này Thiện Hiện! Nên biết, **chính pháp tánh bình đẳng của hữu vi, vô vi gọi là thắng nghĩa** *(hay đệ nhất nghĩa đế)*, cho nên đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật, chẳng động thắng nghĩa mà hành hạnh đại Bồ Tát, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Thích nghĩa:

(1). Thắng nghĩa du già: Thắng nghĩa có nghĩa là cao tột, vi diệu hay thực tại tối hậu cũng còn gọi là Đệ nhất nghĩa. Du già có nghĩa là tương ưng, tức là ***tương ưng với cơ, cảnh, hành, lý, quả…*** *Thắng nghĩa du già: Tu hành như thế nào để* ***cơ*** *(nghĩa là đã được quả tròn đầy, lợi sanh cứu vật, tùy cơ duyên mà cảm ứng, thuốc và bệnh tương ứng với nhau),* ***cảnh*** (*không trái với tự tánh của tất cả pháp),* **hành** *(tương ứng với hành các định, tuệ v.v...),* ***lý*** (*lý hai đế: an lập, phi an lập),* ***quả*** *(có thể chứng đắc Vô thượng Bồ đề cùng tột) tương ưng với "đạo lí chân thực tối thắng".*

(2). Ngã, chúng sanh, thọ giả, mạng giả, sanh giả, dưỡng dục giả, tác giả, sử tác giả, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả, tri giả, kiến giả. Đây là ***14 khoa danh tướng*** trong ***Bát thập nhất khoa*** *(Tám mươi mốt khoa): Đã được thích nghĩa rồi, xin xem lại các phẩm trước!*

(3). Vượt qua: Chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ,

thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì, còn gọi là "thập nhị Chân như" của Kinh Bát Đại Nhã. Tánh Bình đẳng như trên đã thuyết là bất khả thuyết, bất khả tư nghì, là một trong thập nhị Chân như, cũng chính là Phật tánh, cũng chính là Tánh Không, cũng gọi Tất cánh tịnh hay Niết bàn… Vậy thì tất cả pháp và tất cả hữu tình làm sao có thể vượt qua (To overcome—To outdo) được.

Sơ giải:

Đây là một phẩm đặc biệt được Phật thuyết trước khi chấm dứt Hội thứ I, ĐBN. Tại sao phẩm này gọi là đặc biệt? Điểm thứ nhất: Vì phẩm này trả lời được những thắc mắc của chúng ta: Tại sao tất cả pháp kể cả pháp Phật đều như huyễn như mộng không giúp ích gì, không thể thành tựu sở cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà lại phải học phải tu, và còn được ca tụng là thắng nghĩa? Điểm thứ hai là nói về tánh tất cả pháp đều rỗng không?

1. Nhất tánh Bình đẳng hay Thắng nghĩa Du già:

Có một điều làm cho chúng ta ngạc nhiên (tôi không muốn nói là ngỡ ngàng hay lẫn lộn) là Kinh thường nói tất cả pháp (kể cả pháp Phật) đều như mộng ảo, như trăng trong nước, như ảnh trong gương hay như thành bằng hương khói… chẳng thật có. Nếu như vậy không riêng gì Thiện Hiện mà kể cả chúng ta cũng tự nghĩ là ***không thể thành tựu*** *những việc làm như nguyện ước, thì nhất định chẳng có thể chứng đắc sở cầu là quả vị Giác ngộ tối cao?*

Để trả lời Phật bảo Thiện Hiện: "Các pháp như thế tuy chẳng phải thật, nhưng nếu chẳng viên mãn thì nhất định chẳng có thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao".

Câu trả lời có vẻ như mâu thuẫn với tri thức thường tục. Các pháp không thật như huyễn đều do tư duy tạo tác, ***nhưng nếu không viên mãn tất cả pháp nhất định sẽ không thể chứng đắc sở cầu****? Để trả lời vấn nạn này, Phật bảo nếu hành tất cả các thiện pháp như huyễn cho đến ảo thành như vậy, thì đối với tất cả pháp chẳng chấp thủ. Nếu chẳng chấp thủ thì có thể thành tựu hay chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.*

Lý do gì đưa đến chấp thủ? Câu trả lời là: Tại vì ***nắm bắt****!*

Động cơ chính nằm đằng sau nắm bắt đó chính là do cái ***ngã*** *thúc đẩy. Chư Bồ Tát vì muốn cứu độ chúng sanh ra khỏi mê lộ đó nên mới giảng rằng chẳng có ngã mà tưởng có ngã, nên phải quay đi lộn lại trong sáu nẻo luân hồi. Diệt ngã thì không còn điên đảo, vọng tưởng, chấp trước nữa mới có thể an trụ trong cảnh giới Cam lồ vô tướng.*

Muốn được như vậy, thì phải học và hành Bát Nhã để tự mình không còn chấp ngã nữa mới sạch hết các lậu hoặc, các tập khí tương tục, rồi thì chỉ trong sát na tương ưng với diệu huệ thì "đắc" Vô Thượng Bồ đề. Nhưng còn nói đắc là còn thấy năng chứng sở chứng, là còn thủ tâm chấp tướng. Đó là nói theo thế tục, trong thắng nghĩa "năng đắc, sở đắc, đều bất khả đắc. Vì sao? Vì nếu bảo đắc pháp tức rơi vào hữu sở đắc. Kẻ hữu sở đắc bèn chấp có hai. Kẻ chấp hai chẳng năng đắc quả, cũng chẳng hiện quán, kẻ chấp không hai cũng lại như thế. Nếu không hai, không chẳng hai tức gọi đắc quả, cũng gọi là hiện quán. Vì sao? Vì chấp đây chấp kia đều là hý luận. Lìa hý luận mới gọi là bình đẳng". *(Q.396, ĐBN)*

Có bình đẳng mới có thanh tịnh, đó là mục tiêu chính của việc tu hành. Vậy thế nào là bình đẳng? Phật thường bảo: "Nếu ở nơi nào không nói hữu tánh, cũng không nói vô tánh, cũng chẳng nói là tánh bình đẳng, thì như thế mới gọi là tánh bình đẳng của pháp. Nên biết, tánh bình đẳng của pháp đã bất khả thuyết, cũng bất khả tri, trừ tánh bình đẳng không có pháp nào có thể đắc, lìa tất cả pháp không có tánh bình đẳng".

"Hoặc pháp tánh bình đẳng của các phàm phu, hoặc pháp tánh bình đẳng của Thánh giả… cho đến hoặc pháp tánh bình đẳng của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tất cả pháp tánh bình đẳng như thế **đều đồng nhất tướng, chỗ gọi vô tướng**. Nhất tướng bình đẳng này không hai, không khác, cho nên chẳng thể nói: Đây là pháp tánh bình đẳng của phàm phu, nói rộng cho đến đây là pháp tánh bình đẳng của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Ở trong tánh bình đẳng nhất tướng đây, tánh bình đẳng đã chẳng thể nắm bắt được…" *(Q.396, ĐBN)*

Bởi vậy, nên mở đầu phẩm "Thắng Nghĩa Du Già", Phật Bảo:

"Các pháp chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì, dù Như Lai xuất thế hay chẳng xuất thế, **tánh tướng thường trụ, đó gọi là tánh bình đẳng của tất cả**

pháp; tánh bình đẳng này gọi là pháp thanh tịnh; đây chỉ nương vào thế tục mà nói là thanh tịnh, chứ chẳng y cứ vào thắng nghĩa. Vì sao? Vì trong thắng nghĩa đế, không có sự phân biệt, không có hý luận, tất cả ngôn ngữ danh tự đều dứt".

Như vậy, có thể kết luận: Nhất tướng bình đẳng này cũng chính là Chân như, Pháp giới, Pháp tánh, Bình đẳng tánh, Ly sanh tánh, Pháp định, Pháp trụ, Thật tế... cũng gọi là Phật tánh, Tánh không, Thật Tướng, Pháp thân, Viên Thành Thực, Tự tánh Thanh tịnh thân, Như lai tạng, Niết bàn... tất cả không hai không khác. Chứng biết như vậy thì cơ cảnh hành quả đạt đến chỗ rốt ráo, tức đạt được đạo lý chân thực tối thắng, nên gọi là "Thắng nghĩa Du già". Nếu đạt tới chỗ đó thì pháp giới, pháp tánh của phàm phu cùng với cảnh giới chư Phật Như Lai không khác.

2. Tất cả pháp tánh đều rỗng không.

Pháp tánh của sắc là rỗng không, pháp tánh của thọ, tưởng, hành, thức là rỗng không. Pháp tánh của mười hai xứ, mười tám giới cũng rỗng không. Pháp tánh của bốn thiền, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, ba mươi bảy pháp trợ đạo mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cũng rỗng không. Pháp tánh của phàm phu ngu si rỗng không. Pháp tánh của tùy tín hành, tùy pháp hành, Đệ bát… cho đến Phật Vô thượng cũng rỗng không. Pháp tánh của pháp thế gian, xuất thế gian rỗng không. Pháp tánh của pháp hữu lậu vô lậu, pháp hữu vi vô vi cũng rỗng không. Nói chung, tất cả pháp tánh đều là rỗng không.

*Trong cái rỗng không, tất cả tướng sai khác đều chẳng thể nắm bắt được. Do đó nên biết, **pháp tánh bình đẳng chẳng phải sắc, chẳng lìa sắc**; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức, chẳng lìa thọ, tưởng, hành, thức; pháp tánh bình đẳng chẳng phải mười hai xứ, mười tám giới, chẳng lìa mười hai xứ, mười tám giới; pháp tánh bình đẳng chẳng phải tứ thiền, tứ vô lượng, tứ định vô sắc, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí…cho đến Vô thượng Chánh Đẳng Chánh giác, cũng chẳng lìa tất cả các pháp ấy; pháp tánh bình đẳng chẳng phải pháp thế gian xuất thế gian, chẳng lìa pháp thế gian xuất thế gian; chẳng phải*

pháp hữu lậu vô lậu, pháp hữu vi vô vi, chẳng lìa pháp hữu lậu vô lậu, pháp hữu vi vô vi.

Vì lìa pháp hữu vi, thì không có pháp vô vi; lìa pháp vô vi, thì không có pháp hữu vi.

*Do đó, **phẩm "Bình Đẳng" quyển thứ 29, Kinh MHBNBLMĐ, nói:***

"Đức Phật cũng dùng thế đế để nói chớ chẳng phải dùng đệ nhất nghĩa. Tại sao? Vì trong Đệ nhất nghĩa không có thân hành, không có khẩu hành, không có ý hành, cũng chẳng lìa thân, khẩu, ý hành mà được Đệ nhất nghĩa. **Tướng bình đẳng của các pháp hữu vi, vô vi ấy tức là Đệ nhất nghĩa.**

Lúc hành Bát Nhã, đại Bồ Tát ở trong Đệ nhất nghĩa chẳng động mà làm lợi ích cho chúng hữu tình".

*Trong đệ nhất nghĩa tất cả pháp đều không, không phân biệt, tất cả đều bình đẳng, nên nói là thanh tịnh. **Mục đích học Bát Nhã là học về đệ nhất nghĩa đế này**. Nên nhớ, nên ghi nhận. Học như vậy là có thể đến bờ kia của tất cả pháp./.*

---o0o---

76. PHẨM "PHÁP TÁNH VÔ ĐỘNG"

Phần sau quyển 397, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Như Hóa" Q.29, MHBNBLMĐ)

Gợi ý:

Như trên đã nói để chấm dứt pháp hội thứ I, Phật thuyết các pháp chẳng thật, như huyễn hóa như mộng, các pháp vô tánh, vô tướng, pháp tánh rỗng không, để đưa đến kết luận là nếu có cái thấy biết như vậy thì được tâm bình đẳng, bình đẳng đó là thanh tịnh.

Nếu tri nhận như thế thì không còn chấp ngã, chấp pháp tâm sẽ như như bất động. Tâm như như bất động thì pháp tánh cũng vô động. Như vậy, ***trong ngoài đều không động nên được an nhiên tịch lặng****. Do đó, tâm hành hành dứt, bặt hý luận thì được thanh tịnh!*

Gợi ý này cũng là kết luận cho 3 phẩm: "Vô Tánh Tự Tánh", "Thắng Nghĩa Du Già" và "Pháp Tánh Vô Động". Tuy 3 nhưng chỉ là một: Tất cả các pháp đều không, đều như như bất động, đều bình đẳng như nhau, nên nói là thanh tịnh. Học Bát Nhã hay học Phật nói chung là học chỗ này.

Tóm lược:

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tánh bình đẳng của các pháp đều không, không năng tác sở tác, làm sao các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã thi thiết bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, làm lợi ích chúng hữu tình?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói, **pháp tánh bình đẳng (của tất cả pháp), đều là bản tánh không, mà bản tánh không này đối với pháp hữu, pháp vô chẳng năng tác, sở tác.** *(Q. 397, ĐBN)*

Này Thiện Hiện! Nếu chúng hữu tình tự biết các pháp tánh bình đẳng đều không, thời Như Lai hay Bồ Tát chẳng hiện thần thông làm các việc hi hữu. Đó là trong bản tánh không của các pháp, **vì không động nên khiến hữu tình xa lìa các thứ vọng tưởng điên đảo, an trụ các pháp không**, giải thoát khổ sanh tử; cũng khiến các hữu tình xa lìa tưởng ngã, tưởng hữu tình, tưởng dòng sanh mạng, tưởng khả năng sanh khởi… cho tới

tưởng cái biết, cái thấy; cũng khiến xa lìa tưởng sắc, tưởng thọ, tưởng, hành, thức; cũng khiến xa lìa tưởng 12 xứ, 18 giới; cũng khiến xa lìa tưởng nhân duyên, tưởng đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên; cũng khiến xa lìa tưởng các pháp từ duyên sanh ra; cũng khiến xa lìa tưởng 12 duyên khởi; cũng khiến xa lìa tưởng pháp thế gian xuất thế gian, tưởng pháp hữu lậu vô lậu, tưởng pháp hữu vi vô vi, an trụ cảnh giới vô vi, giải thoát khổ sanh tử.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Do không nào mà nói các pháp là không?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Do tưởng không nên nói các pháp là không**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Theo ý ông thì sao? Nếu thân biến hóa lại hóa làm ra các việc thì việc này thật sự chẳng không chăng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không! Các việc biến hóa hoàn toàn không có thật sự, tất cả đều không.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Biến hóa và không, hai pháp như thế chẳng phải hợp, chẳng phải tan; hai pháp đều không, nên chẳng phân biệt là không hay hóa. Vì sao? Vì chẳng phải trong rỗng không, có không có hóa, hai việc có thể nắm bắt được.

Lại nữa, Thiện Hiện! Không có sắc nào mà chẳng phải là hóa, không có thọ, tưởng, hành, thức nào mà chẳng phải là hóa. Các sự biến hóa ấy đều là không. Không có 12 xứ 18 giới nào mà chẳng phải là hóa. Các sự biến hóa ấy đều là không. Không có 4 thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí v.v… mà chẳng phải là hóa. Các sự biến hóa ấy đều là không. Không có Bồ Tát hạnh nào mà chẳng phải là hóa, không có quả vị Giác ngộ tối cao nào mà chẳng phải là hóa. Các sự biến hóa ấy đều là không.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các uẩn, xứ, giới, các chi duyên khởi v.v... thuộc thế gian đều là hóa. Các Ba la mật, hoặc 37 pháp phần Bồ đề, hoặc 3 môn giải thoát, hoặc 18 pháp không, hoặc các Thánh đế, hoặc 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, hoặc 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ, hoặc pháp môn Đà la ni, pháp môn Tam ma địa, hoặc 10 địa Bồ Tát, hoặc

5 loại mắt, 6 phép thần thông, hoặc Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, hoặc 32 tướng Đại sĩ, 80 vẻ đẹp tùy hảo, hoặc pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, hoặc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, hoặc các quả vị do pháp ấy mà đạt được, hoặc các loại Bổ đặc già la nương vào pháp ấy mà an lập cũng đều là hóa hết sao?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Tất cả pháp thế gian và xuất thế gian đều như biến hóa, nhưng trong đó, có pháp là sở hóa của Thanh văn, có pháp là sở hóa của Độc giác, có pháp là sở hóa của Bồ Tát, có pháp là sở hóa của Như Lai, có pháp là sở hóa của phiền não, có pháp là sở hóa của thiện pháp.

Này Thiện Hiện! Do nhân duyên này mà nói tất cả pháp đều như biến hóa như nhau không sai khác.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có quả đoạn trừ, đó là quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A la hán, hoặc bậc Độc giác, hoặc bậc Như Lai, vĩnh viễn đoạn trừ tập khí phiền não tương tục, cũng đâu phải là hóa?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Các pháp nếu cùng hai tướng sanh diệt hợp nhau, thì đều là hóa**. **Nếu pháp chẳng cùng với tướng sanh diệt hợp nhau, pháp ấy chẳng phải hóa.**

- Bạch Thế Tôn! Pháp nào là pháp chẳng phải là hóa?

- Này Thiện Hiện! Pháp chẳng hư dối tức là **Niết bàn**. Pháp này chẳng hợp với tướng sanh diệt, vì vậy chẳng phải là hóa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Như Thế Tôn đã nói, pháp tánh bình đẳng, tất cả đều không, không kẻ năng động, không hai khá được, không có chút pháp chẳng tự tánh không. Vì sao Niết bàn khá nói chẳng phải hóa?

- Này Thiện Hiện! **Không có bất cứ một pháp nào dù nhỏ nhặt bằng đầu mảy lông mà tự tánh chẳng không, tự tánh không này không do ai làm ra, tánh nó thường không, đây tức là Niết bàn. Vì không ai làm ra, tự tánh thường không, chẳng lúc nào chẳng không, nên mới gọi là Niết bàn. Niết bàn là vô sanh, vô diệt, phi hóa.**

Sơ giải:

Phẩm này một lần nữa đề cập "tất cả pháp là hóa, bản tánh không, tự tướng không". Phật bảo: **"Không có bất cứ một pháp nào dù nhỏ nhiệm bằng đầu mảy lông mà tự tánh chẳng không, tự tánh không này không do ai làm ra, tánh nó thường không, đây tức là Niết bàn. Vì không ai làm ra, tự tánh thường không, chẳng lúc nào chẳng không, nên mới gọi là Niết bàn. Niết bàn là vô sanh, vô diệt, phi hóa"**.

Chư Phật biết tất cả pháp đều không, nên thân tâm không dao động. Do đó, chư Phật có thể chuyển các pháp mà không bị các pháp chuyển.

Phần "Na Già Thất Lợi" Q.576, Hội thứ VIII, ĐBN. *Bồ Tát Long Cát Tường bảo:*

"Thiện Tử phải biết! Nếu những ai thân tâm dao động thì thấy đại địa… cũng dao động. Chư Phật Thế Tôn, Bồ Tát Bất thối chuyển, Độc giác và A la hán thân tâm an tĩnh, xa lìa mọi dao động; ở trong các pháp không thấy, không biết có động, có chuyển, có nghiêng, có lay. Vì sao? Vì các Ngài thường an trụ pháp không động, không chuyển, không nghiêng, không lay, nghĩa là chứng tướng Không, Vô tướng, Vô nguyện, vắng lặng, pháp xa lìa, Bản tánh không. Do trụ pháp này nên thân tâm không động".

Suốt đại phẩm Bát Nhã từ trên xuống dưới, Phật lặp đi lặp lại: Các pháp như huyễn như hóa, không thật, giả có, chúng do duyên hợp, không có tự tánh nên bảo là không. Các pháp là như tướng. Quán tưởng như thế lâu ngày, tâm sẽ như như bất động. Tâm như như bất động, nên bảo là thanh tịnh. Tu hành 84.000 pháp môn rốt lại chỉ cốt muốn được thanh tịnh. Thanh tịnh đó là Niết bàn. Niết bàn là vô sanh, vô diệt, phi hóa.

Kết luận cho 3 phẩm:

("Vô Tánh Tự Tánh", "Thắng Nghĩa Du Già"
và "Pháp Tánh Vô Động")

Phẩm "Vô Tánh Tự Tánh", phẩm "Thắng Nghĩa Du Già" hay còn gọi là phẩm "Bình Đẳng" và phẩm "Pháp Tánh Vô Động" này diễn tả cùng một ý, vì có liên hệ hỗ tương nhau: Thấy tất cả pháp là Không *hay* Bản *tánh không, thấy tất cả pháp tự tướng không, lấy vô tánh làm tự tánh thì được tâm bình đẳng không động, không lay, nên nói là thanh tịnh.*

Ba phẩm này có thể xem là kết luận của Hội thứ I nói riêng và Đại Bát Nhã nói chung. Bố cục này hết sức chặt chẽ dường như ở trong cùng một tiến trình có tánh cách vừa diễn dịch vừa qui nạp trong phương thức suy luận thường tục. Nhưng chả có gì gọi là suy luận ở đây, đó là cái giác biết của chư Phật qua sư chiếu soi của Bát nhã Ba la mật.

1. Phẩm "Vô Tánh Tự Tánh", cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- "Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy, đối với tất cả pháp quán sát thật tướng như thế nào?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Quán thật tướng các pháp là **đối với tất cả pháp đều quán là không**.

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát ấy, đối với tất cả pháp quán pháp nào là không?

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, **đối với tất cả pháp quán tự tướng không**.

- Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát ấy, dùng Tỳ bà xá na quán tất cả pháp tự tướng không, hoàn toàn không thấy có tự tánh có thể an trụ trong ấy mà chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ và **tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh**; vô tánh như thế chẳng phải chư Phật tạo ra, chẳng phải Độc giác tạo ra, Bồ Tát tạo ra, chẳng phải chư Thanh văn hướng quả tạo ra, chỉ vì hữu tình đối với tất cả pháp chẳng biết chẳng thấy như thật đều không. Do nhân duyên này, các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, phương tiện thiện xảo, vì hữu tình như thật tuyên thuyết, khiến lìa chấp trước, thoát khổ sanh tử".

*Hữu tình đối với tất cả pháp chẳng biết chẳng thấy như thật đều không. Nên Bồ Tát **quán tất cả pháp đều không, không thể nắm bắt, lấy vô tánh làm tự tánh** tuyên thuyết, khiến lìa chấp trước, thoát khỏi sanh tử mà được Niết Bàn.*

2. Phẩm "Thắng Nghĩa Du Già", *còn gọi là phẩm "Bình Đẳng" cũng nói:* **"tất cả pháp đều dùng vô tánh làm tự tánh"**, *vô tánh cũng là không và* **"trong rỗng không, tất cả tướng sai khác đều chẳng thể nắm bắt được".**

Nên, phẩm "Bình Đẳng" quyển thứ 29, Kinh MHBNBLMĐ, nói:

"Đức Phật cũng dùng thế đế để nói chớ chẳng phải dùng đệ nhất nghĩa. Tại sao? Vì trong Đệ nhất nghĩa không có thân hành, không có khẩu hành, không có ý hành, cũng chẳng lìa thân, khẩu, ý hành mà được Đệ nhất nghĩa.Tướng bình đẳng của các pháp hữu vi, vô vi ấy tức là Đệ nhất nghĩa.

Lúc hành Bát Nhã, đại Bồ Tát ở trong **Đệ nhất nghĩa chẳng động** mà làm lợi ích cho chúng hữu tình".

3. Phẩm "Pháp Tánh Vô Động". *Kinh cũng lặp lại các pháp là không thật, không có tự tánh nên gọi là vô tánh. Người thấy các pháp là không, vô tánh thì được* ***tâm bất động****. Nếu thấy pháp mà phân biệt pháp thì bị pháp chuyển. Nên Phật dạy:*

- "Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói, **pháp tánh bình đẳng (của tất cả pháp), đều là bản tánh không, mà bản tánh không này đối với pháp hữu, pháp vô chẳng năng tác, sở tác.** *(Q. 397, ĐBN)*

Này Thiện Hiện! Nếu chúng hữu tình tự biết các pháp tánh bình đẳng đều không, thời Như Lai hay Bồ Tát chẳng hiện thần thông làm các việc hi hữu. Đó là trong bản tánh không của các pháp, **vì không động nên khiến hữu tình xa lìa các thứ vọng tưởng điên đảo, an trụ các pháp không**, giải thoát khổ sanh tử".

Cả 3 phẩm, Kinh đều bảo: "Thật tánh các pháp đều bất động". *Nếu thấy tất cả pháp bất động, thì vật không thể chuyển được tâm mà trái lại tâm có thể chuyển được vật. Nên ngồi tại đạo tràng mà có thể chuyển pháp luân khắp tam thiên đại thiên thế giới./.*

---o0o---

77. PHẨM "BỒ TÁT THƯỜNG ĐỀ*(1)*"

Q.398 đến đầu Q.399, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Tát Đà Ba Luân" quyển thứ 30, Kinh MHBNBLMĐ)

Gợi ý:

Để chấm dứt pháp hội thứ I, Kinh ĐBN đưa ra hai phẩm: Phẩm "Bồ Tát Thường Đề" và phẩm "Bồ Tát Pháp Dũng". Hai diễn viên được dựng lên để nhấn mạnh vai trò quan trọng của Bát Nhã trong việc xây dựng tâm linh. Phẩm "Bồ Tát Thường Đề", miêu tả trường hợp của một vị Bồ Tát có tên là Thường Đề ước nguyện được nghe Bát Nhã phải chẻ xương bán tủy. Đây là phẩm được xem là "làm gương" cho những ai tầm cầu Bát nhã Ba la mật chẳng tiếc thân mạng. Phẩm này chỉ trần thuật về sự kiện, không đề cập nhiều về giáo lý. Ai cũng có thể lãnh hội.

Tóm lược:

Thường Đề Bồ Tát cầu Bát nhã Ba la mật, tu tập để trở thành Vô thượng Bồ đề. Bồ Tát Thường Đề không tiếc thân mạng, không mong cầu lợi dưỡng, chẳng mong cung kính suy tôn mà chỉ muốn được Bát nhã Ba la mật. Bồ Tát thường ở những nơi thanh vắng tu tập.

Bỗng nhiên, nghe trong hư không có tiếng nói: Này thiện nam tử! Ngươi nên đi về hướng Đông thì quyết định được nghe Bát nhã Ba la mật. Khi đi, ngươi chớ nệ mệt mỏi, chớ lo ngủ nghỉ, chớ nghĩ đến ăn uống, chớ tưởng ngày đêm, chớ sợ lạnh nóng, đối với pháp nội ngoại, tâm chớ tán loạn. Khi đi, chẳng được ngoái nhìn hai bên, chớ ngó trước sau, trên dưới, bốn phía, chớ phá oai nghi, chớ hoại thân tướng; chớ động sắc; chớ động thọ, tưởng, hành, thức; chớ động mười hai xứ, mười tám giới, chớ động thập nhị duyên khởi; nói rộng, chớ động tất cả thiện pháp cho đến… chớ động pháp thế gian, chớ động pháp xuất thế gian; chớ động pháp hữu lậu, pháp vô lậu; chớ động pháp hữu vi, pháp vô vi. Vì sao? Này thiện nam tử! Vì nếu đối với các pháp có động thì đối với Phật pháp chẳng thể an trụ. Nếu đối với Phật pháp chẳng an trụ thì sẽ luân hồi sanh tử trong các thú. Nếu luân hồi sanh tử trong các thú thì chẳng có thể đắc Bát nhã Ba la mật.

Bồ Tát Thường Đề nghe những lời ân cần khuyên bảo trong hư không, hết sức hoan hỷ chấp tay cung kính đáp lại rằng:

- Rất cám ơn! Tôi sẽ nghe theo. Vì sao? Vì tôi muốn vì tất cả hữu tình làm ánh sáng lớn, vì tôi muốn tiếp thu tất cả pháp thù thắng của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, vì tôi muốn chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Khi ấy, tiếng trong hư không lại nói với Bồ Tát Thường Đề:

- Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử! Ngươi sẽ đối với pháp sâu xa không, vô tướng, vô nguyện nên sanh tin hiểu. Ngươi nên **dùng tâm lìa tất cả tướng** mà cầu Bát nhã Ba la mật; ngươi nên dùng tâm lìa tướng ngã, hữu tình, dòng sanh mạng… cho đến cái biết, cái thấy mà cầu Bát nhã Ba la mật.

Thiện nam tử! Ngươi đối với các bạn ác nên xa lìa, đối với các bạn lành nên thân cận cúng dường. Nếu ngươi làm được như thế thì chẳng bao lâu sẽ được nghe Bát Nhã.

Thiện nam tử! Ngươi nên nghĩ thế này: Người mà ta theo để nghe Bát nhã Ba la mật là thiện chơn hữu tối thắng của ta. Vì Ta theo họ nghe pháp vi diệu ấy, nên đối với quả vị Giác ngộ tối cao, mau được Bất thối chuyển. Ta do vị ấy mà được gần Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, thường sanh vào cõi nước nghiêm tịnh của chư Phật, cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn, lắng nghe Chánh pháp trồng các cội đức. Ngươi nên suy lường quán sát các công đức thắng lợi như thế. Bồ Tát pháp sư thường vì ngươi mà nói Bát nhã Ba la mật, ngươi nên cung kính phụng sự như phụng sự chư Phật.

Thiện nam tử! Ngươi chớ mang tâm lợi lộc danh dự thế tục mà theo Pháp sư, chỉ vì ái trọng cung kính cúng dường pháp Vô thượng mà theo Pháp sư.

Thiện nam tử! Bây giờ ngươi nên quán nghĩa lý chơn thật của các pháp. **Thế nào là nghĩa lý chơn thật của các pháp? Đó là tất cả pháp vô nhiễm, vô tịnh. Vì sao? Này thiện nam tử! Vì tự tánh của tất cả pháp đều không, không có ngã, hữu tình, dòng sanh mạng… cái biết, cái thấy, như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như ảnh tượng, như bóng nắng, như bóng sáng, như trò biến hóa, như ảo thành. Nếu có thể quán sát nghĩa lý chơn thật của các pháp như thế, theo Pháp sư, thì chẳng bao lâu sẽ thành tựu Bát nhã Ba la mật thậm thâm.** *(Q. 398, ĐBN)*

Sau khi nghe những lời khuyên bảo ân cần như thế, Bồ Tát Thường Đề đi về hướng Đông. Nhưng đi chưa được bao lâu lại tự nghĩ: Không biết mình phải đi bao lâu? Chỗ đó là chỗ nào? Thành quách thôn làng gì? Cách đây bao xa? Tại sao mình dại khờ không chịu hỏi trước! Bây giờ phải làm sao đây? Nghĩ như vậy rồi, liền dừng lại nơi ấy, đấm ngực buồn than, lo sầu khóc lóc, trải qua chốc lát, mới nghĩ: Ta ở nơi đây một ngày một đêm hoặc qua bảy ngày bảy đêm, chẳng nề mệt mỏi, chẳng màng ngủ nghỉ, chẳng đếm xỉa đến ăn uống, chẳng tưởng ngày đêm, chẳng sợ lạnh nóng, đối với pháp trong ngoài, tâm chẳng tán loạn. Nếu chưa biết rõ cách thành ấp chỗ đến xa gần thì chẳng bao giờ rời bỏ chỗ này.

Bồ Tát Thường Đề khi đang than khóc, tự trách như thế, bỗng nhiên ở phía trước có hình Phật hiện, khen Bồ Tát Thường Đề:

- Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử! Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ khi tu Bồ Tát đạo dùng hạnh cần khổ cầu Bát nhã Ba la mật cũng giống như ngươi hiện nay.

Này thiện nam tử! Ngươi đem tâm dõng mãnh tinh tấn ưa thích, cung kính cầu pháp như thế rất đáng khen. Vậy, từ đây đi về hướng Đông khoảng năm trăm do tuần sẽ thấy có một cái thành tên là Diệu Hương*(2)*; thành ấy cao rộng, bảy báu tạo thành; ở ngoài thành ấy có bảy lớp tường vách, bảy lớp lầu quán, bảy lớp lan can, bảy lớp hào báu, bảy lớp cây Đa la báu giăng hàng đều bằng bảy báu… bao bọc chung quanh. Thành báu to lớn này mỗi mặt khoảng mười hai do tuần thanh tịnh, rộng rãi, người vật đông đúc, an ổn, giàu có, an lạc. Trong đó có năm trăm đường sá chợ búa giống nhau, đẹp như tranh vẽ. Thành đều có tường và lầu gác cao ngăn địch làm bằng vàng tía, thắp sáng bằng các ngọc báu, ánh sáng rực rỡ, xen vào giữa bờ tường là các cây báu, gốc rễ, thân, nhánh, lá và hoa quả của các cây ấy đều do loại báu đặc biệt tạo thành. Bờ tường, lầu gác và các cây báu phủ bằng lưới vàng, kết bằng dây báu, treo bằng linh vàng, nối bằng chuông, gió nhẹ thoảng qua, phát tiếng êm dịu, giống như khéo tấu năm loại kỹ nhạc; vô lượng hữu tình trong thành báu ấy ngày đêm thường nghe, vui vẻ khoái lạc. Bảy lớp hào báu bao quanh thành tràn đầy nước tám công đức, nhiệt độ điều hòa, trong vắt như gương; trong hào đâu đâu cũng có thuyền bảy báu trang hoàng đẹp đẽ, ai cũng ưa nhìn. Trong các hào nước có đủ loại hoa lạ, nào hoa sen xanh, đỏ, trắng, vàng, và đủ loại hoa báu khác, sắc hương tươi thắm, phủ khắp mặt nước. Trong thành có

năm trăm vườn cảnh, mỗi vườn cảnh có năm trăm ao. Ao to rộng một dặm. Trong các ao cũng có bốn loại sen quý xanh, đỏ, trắng, vàng to như bánh xe, sáng tỏa mặt nước. Trong vườn có nhiều loại chim: Khổng tước, anh võ, le le, cò, hồng nhạn, hoàng anh, ngỗng trời, xuân oanh, vịt nước, cò trắng, uyên ương, giao thanh, chim trĩ, tinh vệ, gà hồ, thiên nga, hồ phượng, diệu sí, bồ hồng, yết la tần ca, chim cộng mạng v.v... tiếng hót thật vi diệu. Dân chúng trong thành đã nhiều kiếp tu tập Bát nhã Ba la mật, tạo quả thù thắng nên đời này mới được hưởng như thế!

Trong thành Diệu Hương tại một nơi cao ráo, đẹp đẽ thấy có một cái cung rộng một do tuần. Đó là cung của Bồ Tát Pháp Dũng. Cung này trang trí trang nghiêm kỳ diệu. Bao quanh cung có 7 lớp bờ tường, 7 lớp lầu gác, 7 lớp lan can, 7 lớp hào báu, 7 lớp cây Đa la báu thẳng hàng, lại có bốn vườn cảnh tên là Thường Hỷ, Ly Ưu, Hoa Nghiêm và Hương Sức. Trong mỗi khu vườn lại có tám cái ao tên là Hiền Thiện, Hiền Thượng, Hoan Hỷ, Hỷ Thượng, An ổn, Cụ An, Ly Bố và Bất Thối. Trong mỗi ao có các loại sen quý đủ màu, có nước tám công đức, hương thơm như chiên đàn, sắc vị thanh tao, có le le, nhạn v.v... bơi giỡn nô đùa trong đó.

Trong thành Diệu Hương lại có một cái đài báu, trên dài báu này có tòa sư tử dành cho Bồ Tát Pháp Dũng*(3)* thuyết pháp. Bốn chân của tòa ấy đều do vàng, bạc, lưu ly, sa cừ tạo thành. Ở trên tòa ấy, lại trải thêm một lớp nệm, lót chăn thêu, phủ bằng lụa trắng, buộc bằng vải hồng. Hai bên bảo tòa đặt hai gối đỏ, thòng các vải màn, rải hoa diệu hương; tòa ấy cao rộng nửa do tuần. Ở trên không trung giăng màn thêu, bên trong chưng bày trướng ngọc, lớn nhỏ cân xứng với tòa, thòng các tua hoa, treo bằng chuông vàng. Vì kính pháp nên bốn bên tòa rải hoa ngũ sắc, đốt hương vô giá, lại dùng các loại hương nước, hương bột, hương xoa rải trên đất, la liệt đủ thứ tràng phan bảo cái. Bồ Tát Pháp Dũng mỗi khi lên bảo tòa này thuyết Bát nhã Ba la mật, đều có vô lượng chúng Trời Rồng, Dược xoa, Kiền đạt phược, A tu la, Yết lộ trà, Khẩn nại lạc, Mạc hô lạc già Nhơn, Phi nhơn v.v... cùng đến vân tập, cung kính cúng dường Bồ Tát Pháp Dũng, nghe thọ Bát nhã Ba la mật. Khi ấy, các đại chúng đã nghe pháp rồi, có người tụng trì, có người biên chép, có người chuyên đọc, có người tư duy, có người như thuyết tu hành, có người khai ngộ cho kẻ khác. Do nhân duyên ấy, các loại hữu tình ở trong đường ác được pháp bất đọa và đối với quả vị Giác ngộ tối cao vĩnh viễn không thối chuyển.

Này thiện nam tử! Ngươi nên siêng năng tinh tấn mau đi đến chỗ đại Bồ Tát Pháp Dũng. Đại Bồ Tát này là thiện hữu chơn tịnh lâu dài của ngươi, thị hiện dạy bảo dẫn dắt, khiến ngươi mau chứng đắc sở cầu. Bồ Tát này vào đời quá khứ dùng hạnh cần khổ cầu Bát Nhã cũng như ngươi vậy. Ngươi nên nhanh đến chỗ đại Bồ Tát Pháp Dũng, chớ sanh nghi ngại, chớ kể ngày đêm, chẳng bao lâu sẽ được nghe Bát nhã Ba la mật.

Nghe tới đây, Thường Đề Bồ Tát rất đổi vui mừng, tâm niệm: Khi nào ta sẽ gặp đại Bồ Tát Pháp Dũng, thân cận cúng dường, được nghe Bát nhã Ba la mật; nghe rồi có thể vĩnh viễn đoạn trừ các thứ kiến thức hư vọng phân biệt đã có, mau chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Bồ Tát Thường Đề luôn luôn tâm niệm như vậy sáu thời như người bị phải tên độc lúc nào cũng nghĩ đến phương cách làm sao thoát cảnh đau đớn.

Nên biết, Bồ Tát Thường Đề khi nghĩ như thế, ở ngay chỗ này, đối với tất cả pháp, khởi pháp tri kiến vô chướng ngại; do tri kiến này, liền có thể nhập ngay vô lượng pháp môn Tam ma địa thù thắng*(4)*.

Bồ Tát Thường Đề an trụ trong Tam ma địa như thế, hiện thấy chư Phật Như Lai trong vô lượng, vô số, vô biên thế giới khắp mười phương, vì các chúng đại Bồ Tát tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật. Khi ấy, chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều cùng khen ngợi, an ủi dạy bảo Thường Đề Bồ Tát:

- Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử! Chúng tôi khi xưa hành Bồ Tát đạo, cũng như ngươi hôm nay, dùng hạnh cần khổ cầu Bát nhã Ba la mật; khi cần cầu, cũng như ngươi hôm nay đắc các Tam muội như thế. Chúng tôi lúc ấy, đắc vô lượng Tam muội, tu hành rốt ráo rồi thì mới có thể thành tựu Bát nhã Ba la mật thậm thâm, phương tiện thiện xảo; do đó có thể viên mãn tất cả Phật pháp, liền được an trụ ở bậc Bất thối. Chúng tôi quán các Tam ma địa này tự tánh là không nhập không xuất, cũng chẳng thấy pháp năng nhập năng xuất, cũng chẳng thấy đây là Bồ Tát đạo có thể tu, cũng chẳng thấy đây là quả vị Giác ngộ có thể chứng. **Chúng tôi khi ấy vì đối với tất cả pháp không chấp trước nên chính đó là Bát nhã Ba la mật**. Vì chúng tôi an trụ vô sở chấp này, nên có thể đạt được thân chân kim sắc, ánh sáng một tầm, đủ ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi vẻ đẹp tùy hảo; lại có thể chứng đắc Phật giới, Phật định, Phật tuệ vô thượng bất khả tư nghì; tất cả công đức Ba la mật đều viên mãn. Vì vậy, này thiện nam tử! Đối với pháp này, ngươi càng nên cung kính, cần cầu, không được lơi

lỏng. Nếu đối với pháp này càng sanh cung kính, cần cầu, thường chẳng buông lỏng, thì đối với quả vị Giác ngộ tối cao dễ chứng đắc.

Thiện nam tử! Đối với thiện hữu, ngươi nên thường cung kính, như cung kính chư Phật. Vì sao? Này thiện nam tử! Nếu Bồ Tát thường được thiện hữu nhiếp hộ, thì mau chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Ngay đó, Thường Đề Bồ Tát liền bạch chư Phật mười phương:

- Ai là thiện hữu của con, con sẽ thân cận cung kính cúng dường?

Chư Phật mười phương bảo Thường Đề:

- **Đại Bồ Tát Pháp Dũng là chơn thiện hữu lâu dài của ngươi,** có thể nhiếp hộ ngươi, khiến ngươi thành tựu sở cầu là quả vị Giác ngộ tối cao, cũng khiến ngươi học phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Vì Bồ Tát ấy luôn luôn giúp ích cho ngươi lâu dài nên là thiện hữu của ngươi, ngươi nên thân cận cúng dường cung kính.

Lại nữa, Thiện nam tử! Nếu một kiếp, hoặc hai, hoặc ba, như thế cho đến hoặc trăm ngàn kiếp, hoặc hơn thế nữa, ngươi cung kính tôn thờ Bồ Tát Pháp Dũng, lại dùng tất cả nhạc cụ thượng diệu cho đến sắc, thanh, hương, vị, xúc vi diệu của cả thế giới Tam thiên đại thiên cúng dường hết thì cũng chưa có thể báo ơn Bồ Tát ấy trong giây lát. Vì sao? Này thiện nam tử! Vì ngươi nhờ oai lực của Bồ Tát Pháp Dũng, mà hiện đắc vô lượng pháp môn Tam ma địa thắng diệu như thế; lại sẽ nhờ Bồ Tát ấy khiến ngươi đạt được phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật thậm thâm, mau chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Mười phương Phật phương tiện khen ngợi an ủi dạy bảo Thường Đề Bồ Tát, khiến hoan hỷ xong rồi, bỗng nhiên chẳng hiện*(5)*. Bấy giờ, Bồ Tát Thường Đề từ Tam ma địa xuất, chẳng thấy chư Phật, ôm lòng buồn than, liền nghĩ: “Khi ở tam ma địa được thấy chư Phật mười phương trước từ đâu đến, giờ lại đi đâu, ai là người có thể dứt nghi này?”

Rồi Bồ Tát Thường Đề theo chỉ dẫn của chư Phật mười phương, quyết định lên đường tìm đại Bồ Tát Pháp Dũng, người mà chư Phật mười phương khuyên nhủ sẽ là thiện hữu tri thức lâu dài, có thể thành tựu sở nguyện cho Thường Đề. Nhưng Bồ Tát quá nghèo làm sao có thể mua phẩm vật cúng dường đại Bồ Tát Pháp Dũng. Thường Đề Bồ Tát cảm thấy không vui khi tự nghĩ nếu ta đến tay không thì làm sao biểu lộ được lòng chí thành cầu pháp? Bây giờ ta chỉ còn cái thân là tài sản cuối cùng, có thể

bán để mua phẩm vật cúng dường Bát nhã Ba la mật và pháp sư Pháp Dũng.

Nghĩ như thế rồi Thường Đề Bồ Tát đi lần về hướng Đông đến một thành lớn, rộng rãi nghiêm tịnh, dân chúng đông đúc, an lạc, giàu sang. Bồ Tát Thường Đề vào chợ, đi vòng khắp nơi, lớn tiếng rao: Tôi muốn bán thân này, ai muốn mua tôi sẽ bán cho? Tôi muốn bán thân này, ai muốn mua tôi sẽ bán cho? Tôi muốn bán…!

Bọn ác ma biết nếu Bồ Tát Thường Đề bán được thân mua phẩm vật cúng dường Bồ Tát Pháp Dũng, nhân đó sẽ học được pháp vô thượng, chứng đắc Vô thượng Bồ đề, cứu độ nhiều người thì bè lũ ma không còn đất sống. Nghĩ vậy nên bọn ác ma ngăn chặn lời rao, không để cho ai nghe, nhưng ở trong thành chỉ có một nữ trưởng giả, do sức thiện căn đời trước nên ma chẳng có thể ngăn được.

Bồ Tát Thường Đề vòng quanh khắp chợ, phố phường "rao hàng" đã lâu, nhưng chẳng có ai hỏi han. Nên buồn tủi đứng than: "Ta có tội tình gì mà bán thân để cúng dường Bát Nhã và Pháp sư mà chẳng có ai hỏi han chi hết?"

Khi ấy, trời Đế Thích thấy vậy mới nghĩ: Thiện nam tử này dường như là vì muốn cúng dường Bát nhã Ba la mật và pháp sư thuyết pháp Pháp Dũng, nên tự bán thân. Ta nên thử xem là thật sự vì mộ pháp hay vì dối trá lừa gạt thế gian? Nghĩ thế rồi liền tự hóa làm một Bà la môn trẻ tuổi đi đến chỗ Thường Đề hỏi:

- Ngươi nay vì nhân duyên gì mà đứng đây khóc lóc lo sầu?

Bồ Tát Thường Đề đáp:

- Này chú! Ta vì cúng dường Bát nhã Ba la mật thậm thâm và pháp sư thuyết pháp là Bồ Tát Pháp Dũng, nhưng nghèo khó không có vật báu, vì do ái pháp, nên muốn tự bán thân, nhưng khắp trong thành này không ai hỏi mua, chắc mình phước mỏng, phận hèn nên không được toại nguyện!

Khi ấy, thanh niên Bà la môn mới nói với Thường Đề:

- Nay đây tôi muốn tế trời, chẳng dùng thân người, chỉ cần máu người, tủy người, tim người, ngươi có thể bán cho tôi không?

Thường Đề nói thầm: Như vậy là có người mua rồi, ta sẽ có lễ vật cúng dường Bát nhã Ba la mật và pháp sư, khiến ta đầy đủ phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật, mau chứng quả vị Giác ngộ. Nghĩ như thế rất đổi vui mừng, nên Thường Đề Bồ Tát dùng lời êm dịu đáp lời Bà La Môn:

- Vâng tôi sẽ bán hết cho chú.
- Hết thảy trị giá bao nhiêu?
- Tùy chú, bao nhiêu cũng được.

Thường Đề nói như vậy rồi, liền đưa tay phải ra cầm dao bén đâm vào cánh tay trái cho máu chảy ra; lại lóc đùi phải, thịt da rơi xuống đất, đập xương lòi tủy, đưa cho Bà la môn. Lại đến bên tường toan mổ tim ra, thì nữ trưởng giả ở trên gác cao, trước đó nghe Thường Đề lớn tiếng rao bán thân, sau lại thấy tự cắt thân mình, liền xuống gác, đến chỗ Thường Đề hỏi:

- Vì nhân duyên gì trước đây ngươi rao tự bán thân, nay cắt máu, rút tủy, lại muốn mổ tim?

Thường Đề đáp:

- Cô có biết không? Tôi vì muốn cúng dường Bát nhã Ba la mật và pháp sư Pháp Dũng, nhưng nghèo túng, không có tài sản, vì mến trọng pháp nên tự bán thân mà không có ai mua. Nay bán ba vật này cho Bà la môn.

Nữ trưởng giả hỏi:

- Ngươi tự bán thân, máu, tim, tủy cúng dường Bát Nhã và pháp sư, để được công đức thắng lợi gì?

Thường Đề đáp:

- Bồ Tát Pháp Dũng đối với pháp thậm thâm đã được tự tại, sẽ vì tôi mà nói phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Sở học của Bồ Tát, sở thừa của Bồ Tát, sở hành của Bồ Tát, sở tác của Bồ Tát, nếu tôi được nghe rồi như thuyết tu hành, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, thì mau chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao, được thân sắc vàng, đủ ba mươi hai tướng Đại sĩ và tám mươi vẻ đẹp tùy hảo, ánh sáng một tầm, hào quang vô lượng, đủ Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng… cho đến đắc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, đầy đủ tất cả Pháp bảo Vô thượng, phân chia bố thí cho tất cả hữu tình, làm chỗ nương tựa cho tất cả chúng sanh. Tôi xả thân mạng là vì các công đức thắng lợi này.

Nữ trưởng giả nghe nói Phật pháp vi diệu thù thắng chẳng thể nghĩ bàn, rất đổi xúc động, vui mừng cung kính chấp tay thưa với Thường Đề:

- Điều Đại sĩ nói vi diệu tối thắng to lớn đệ nhất, rất là hi hữu; vì đạt được tất cả Phật pháp như thế dù xả bỏ thân mạng nhiều kiếp như số cát sông Hằng chẳng tiếc, huống chi chỉ xả bỏ một thân. Vì sao? Vì nếu đắc công đức vi diệu như thế thì có thể lợi lạc tất cả hữu tình. Đại sĩ nghèo còn vì công đức vi diệu như thế mà chẳng tiếc thân mạng, huống gì giàu sang phú quý như con. Nay Đại sĩ chớ nên tự hại thân mình, cần những phẩm vật cúng dường nào con sẽ dâng cho Ngài hết kể cả vàng, bạc, ngọc báu, lưu ly, sa cừ, trân châu Mạc ni v.v… cho đến hoa hương, anh lạc, tràng phan, bảo cái, kỹ nhạc, đèn đuốc, xe cộ, y phục và đủ các thứ phẩm vật cúng dường thượng diệu khác, Ngài có thể đem cúng dường Bát nhã Ba la mật và pháp sư Pháp Dũng. Xin Đại sĩ chớ hại mình. Bản thân con cũng nguyện theo Đại sĩ đến chỗ đại Bồ Tát Pháp Dũng, đồng thời chiêm ngưỡng, cùng trồng căn lành, vì được nghe thuyết Phật pháp vậy.

Khi ấy, trời Đế Thích liền hiện nguyên hình trước mặt Thường Đề, khom người kính cẩn khen:

- Hay thay! Hay thay! Đại sĩ vì pháp mà chí thành kiên cố đến như thế. Chư Phật quá khứ khi hành Bồ Tát đạo cũng như Đại sĩ, dùng nguyện kiên cố cầu Bát nhã Ba la mật, phương tiện thiện xảo, thỉnh vấn sở học, sở thừa, sở hành, sở tác của Bồ Tát, tâm không mỏi mệt, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng quả vị Giác ngộ tối cao. Tôi chỉ thử Ngài thôi, chứ không cần máu, tủy, tim của Ngài. Nay Ngài cần gì, tôi sẽ hiến dâng để đền cái tội khinh xuất vừa qua?

Thường Đề đáp:

- Tôi chỉ có nguyện là đạt quả vị Giác ngộ tối cao. Thiên chủ có thể thỏa mãn nguyện này chăng?

Trời Đế Thích cảm thấy hổ thẹn, thưa với Thường Đề:

- Điều này ngoài sức của tôi, chỉ có chư Phật Đại Thánh Pháp Vương mới có thể làm nổi! Thưa Đại sĩ! Ngoài quả vị Giác ngộ tối cao ra, Ngài còn ước muốn điều gì khác, may ra tôi có thể đáp ứng?

Thường Đề đáp:

- Bát Nhã cũng là ước nguyện của tôi, ông có thể ban cho chăng?

Khi ấy, trời Đế Thích lại thập phần bối rối, bèn thưa với Thường Đề:

- Đối với ước muốn này tôi cũng chẳng có thể ban cho được. Nhưng tôi có khả năng khiến thân Đại Sĩ bình phục như cũ, Ngài có ước muốn như thế chăng?

Thường Đề đáp:

- Điều này tôi có thể tự hoàn thành, khỏi nhọc Thiên Chủ. Vì sao? Vì nếu tôi bày tỏ sự việc với mười phương chư Phật, phát lời chân thành: Nay tự bán thân là vì mộ pháp, chứ chẳng dối trá lừa gạt mê hoặc thế gian. Do nhân duyên này, nhất định đối với quả vị Giác ngộ tối cao chẳng thối chuyển, thì khiến cho thân tôi bình phục như cũ; lời này chưa dứt, có thể khiến cho tôi bình phục như xưa, đâu dám nhờ oai thần của Ngài!

Thiên Đế Thích nói:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Thần lực của Phật chẳng thể nghĩ bàn, Bồ Tát chí thành việc gì mà chẳng xong! Nhưng vì tôi mà tổn hại thân Đại Sĩ, cúi xin từ bi cho tôi hoàn thành việc này.

Bồ Tát Thường Đề bảo Đế Thích:

- Ngươi đã ân cần thì tùy theo ý người.

Khi ấy, trời Đế Thích liền dùng oai lực mình khiến thân Thường Đề bình phục như cũ, thậm chí chẳng thấy một vết sẹo nào, hình mạo đoan nghiêm hơn trước. Đế Thích xấu hổ tạ lỗi, nhiễu quanh bên phải bỗng nhiên biến mất.

Chứng kiến diễn biến hi hữu trên làm cho nữ trưởng giả càng thêm kính phục bèn chắp tay thưa với Thường Đề Bồ Tát :

- Xin rũ từ bi, quang lâm nhà con giây lát, những phẩm vật cần để cúng dường Bát Nhã và Bồ Tát Pháp Dũng, con thưa với cha mẹ sẽ dâng hiến tất cả. Con và thị nữ cũng từ giã cha mẹ cùng Đại sĩ đi đến thành Diệu Hương để cúng dường nghe pháp.

Khi ấy, Thường Đề thuận theo sở nguyện của nàng, cùng đến nhà nàng, dừng lại ngoài cửa. Nữ trưởng giả liền vào nhà, thưa với cha mẹ:

- Xin cho con nhiều tràng hoa, hương xoa, hương bột v.v... thượng diệu, y phục, anh lạc, tràng phan, bảo cái, kỹ nhạc, dù tô, trân châu Mạc ni, ngọc báu Phệ lưu ly, ngọc báu Phả chi ca, san hô, hổ phách và các loại phẩm vật cúng dường khác như vàng, bạc v.v... mà trong nhà chúng ta sẵn có, cũng cho con năm trăm thị nữ đã phụng sự con trước đây, mang các phẩm vật cúng dường cùng theo chân Bồ Tát Thường Đề, đi đến thành Diệu Hương để cúng dường Bát nhã Ba la mật và pháp sư Pháp Dũng. Bồ Tát ấy sẽ vì con mà tuyên thuyết pháp yếu; con được nghe rồi, như thuyết tu hành, quyết định đạt được vô biên Phật pháp vi diệu.

Cha mẹ nàng nghe xong thất kinh, liền hỏi con gái:

- Bồ Tát Thường Đề nay đang ở đâu? Là hạng người nào?

Nàng liền thưa:

- Người này đang chờ ngoài cửa. Vị Đại sĩ ấy vì muốn độ thoát khổ sanh tử cho tất cả hữu tình nên cần cầu quả vị Giác ngộ tối cao. Vị Đại sĩ ấy vì ái trọng chánh pháp, chẳng tiếc thân mạng, muốn cúng dường Bát nhã Ba la mật và pháp sư Pháp Dũng cho nên vào trong thành này, đi vòng khắp nơi, lớn tiếng rao bán thân mình để mua lễ vật cúng dường, nhất nhất nữ trưởng giả đều kể hết cho cha mẹ không thiếu dù chỉ là một chi tiết nhỏ nhặt nào!

Bấy giờ, cha mẹ nghe con gái kể tất cả nội tình, vui mừng khen chưa từng có, liền bảo:

- Theo lời con nói, thì Bồ Tát Thường Đề thật hi hữu, mang giáp bị đại công đức như thế, dõng mãnh tinh tấn cầu Phật pháp; Phật pháp sở cầu vi diệu tối thắng, quảng đại thanh tịnh, chẳng thể nghĩ bàn, có công năng dẫn dắt các loại hữu tình ở thế gian, khiến đạt lợi ích an lạc thù thắng. Con đối với pháp ấy đã mến trọng sâu sắc, muốn theo thiện hữu đem các phẩm vật đến thành Diệu Hương cúng dường Bát nhã Ba la mật và pháp sư thuyết pháp là Bồ Tát Pháp Dũng, vì muốn chứng đắc các Phật pháp thì tại sao cha mẹ chẳng tùy hỷ! Cha mẹ cho phép con và cũng muốn tháp tùng nữa, con hoan hỷ chăng?

Người con vui mừng, liền thưa:

- Con vô cùng sung sướng!

Cha mẹ nàng bảo:

- Con nên mau chuẩn bị phẩm vật cúng dường và thị tùng rồi cùng đi.

Khi ấy, nữ trưởng giả liền chuẩn bị xong năm trăm cỗ xe, trang hoàng bằng bảy báu, cũng khiến năm trăm thị nữ thường theo hầu tự ý lấy các châu báu quý hiếm và đủ các thứ phẩm vật cúng dường thượng diệu khác đủ loại, nhiều vô lượng đem theo. Nữ trưởng giả đã chuẩn bị xong các việc như vậy rồi, cung kính thưa thỉnh Bồ Tát Thường Đề cỡi một xe đi trước, cô ta, cha mẹ và năm trăm thị nữ mỗi người cỡi một xe, vây quanh theo hầu Bồ Tát Thường Đề, đi lần về hướng Đông đến thành Diệu Hương.

Chẳng bao lâu mọi người thấy trước mặt hiện ra một cái thành uy nghi lộng lẫy. Thành này cao rộng bằng bảy báu. Ở ngoài thành, chung quanh đều có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lầu quán, bảy lớp lan can, bảy lớp hào

báu, bảy lớp hàng cây Đa la thẳng tắp đều do bảy báu tạo thành, tất cả giống như đã tả ở trên. Đó là thành Diệu Hương mà mọi người mong đợi.

Mọi người từ từ tiến vào. Từ đàng xa mọi người đã thấy đại Bồ Tát Pháp Dũng ngồi trên tòa sư tử ở chính giữa đài bảy báu, có vô lượng, vô số trăm ngàn ức triệu chúng hội vây quanh, đang vì họ nói pháp.

Bấy giờ, Bồ Tát Thường Đề vừa thấy đại Bồ Tát Pháp Dũng, thân tâm mừng vui, liền nghĩ thế này: Chúng ta chẳng nên cỡi xe đi thẳng đến chỗ Đại Bồ Tát Pháp Dũng. Nghĩ rồi, liền xuống xe, sửa lại y phục. Cùng lúc nữ trưởng giả và cha mẹ nàng và năm trăm thị nữ cũng đều xuống xe. Mọi người đều dùng các báu vật và y phục thượng diệu trang điểm thân thể, mang các phẩm vật cúng dường, cung kính vây quanh Bồ Tát Thường Đề, lần bước đến chỗ Đại Bồ Tát Pháp Dũng. Gần chỗ ở của Đại Bồ Tát Pháp Dũng, có đài bằng bảy báu, dùng gỗ chiên đàn đỏ mà trang hoàng, treo linh, chuông báu, phát ra âm thanh vi diệu, chung quanh đều thả lưới trân châu; ở bốn góc đài treo bốn bảo châu để làm đèn sáng, ngày đêm luôn chiếu sáng; bốn mặt bảo đài có bốn lư hương làm bằng bạch ngân, trang hoàng bằng các châu báu, luôn luôn đốt bằng hương hắc trầm thủy và rải các loại hoa quí để cúng dường. Trên đài có tòa do bảy báu tạo, trên đó trải một lớp nệm thêu lụa; có đặt một cái hòm, do bốn báu hiệp thành, trang hoàng lộng lẫy. Hòm này đựng Kinh Bát nhã Ba la mật, viết bằng mực lưu ly trên các lá bằng vàng ròng. Hòm niêm phong, đóng ấn cẩn thận, chung quanh hòm đâu đâu cũng treo phan hoa báu, trang hoàng đẹp đẽ, khả ái. Bồ Tát Thường Đề, nữ trưởng giả v.v... thấy đài báu này trang nghiêm đẹp đẽ, chấp tay cung kính khen chưa từng có. Lại thấy Đế Thích và vô lượng trăm ngàn chúng trời đứng cạnh đài báu, cầm đủ các thứ hương bột thượng diệu và loại ngọc vụn, hương hoa vi diệu, vàng, bạc v.v... rải lên đài báu.

Bồ Tát Thường Đề thấy vậy mới hỏi Đế Thích:

- Vì duyên gì Thiên chủ và các chúng trời cúng dường đài này?

Trời Đế Thích đáp:

- Đại sĩ biết chăng? Ở trong đài này có Pháp vô thượng gọi là Bát nhã Ba la mật thậm thâm, là mẹ của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các chư Bồ Tát. Nếu các đại Bồ Tát đối với pháp này tinh cần tu học thì mau đạt tất cả công đức giải thoát, có thể thành tựu tất cả Phật pháp, có thể

mau chứng đắc Nhất thiết trí trí. Do nhân duyên ấy, tôi và quyến thuộc đối với pháp này, cung kính cúng dường.

Bồ Tát Thường Đề nghe rồi hoan hỷ, hỏi tiếp trời Đế Thích:

- Bát nhã Ba la mật hiện nay ở chỗ nào? Tôi muốn cúng dường, mong Ngài chỉ cho.

Trời Đế Thích nói:

- Đại sĩ biết chăng? Bát nhã Ba la mật đựng trong hòm bằng bốn báu, trên tòa bảy báu kia. Bồ Tát Pháp Dũng tự niêm phong và đóng ấn lại. Chúng tôi chẳng dám mở ra xem.

Bấy giờ, Bồ Tát Thường Đề và nữ trưởng giả, cha mẹ nàng, cùng năm trăm thị nữ, nghe nói vậy rồi liền lấy những vật mang theo như hoa hương, ngọc báu, y phục, anh lạc, tràng phan, bảo cái, kỹ nhạc, đèn đuốc và các phẩm vật cúng dường khác, chia làm hai phần: Một phần dành để cúng dường Bát nhã Ba la mật, phần còn lại thì dành cho Đại Bồ Tát Pháp Dũng.

Đến nơi, thấy Đại Bồ Tát Pháp Dũng ngồi trên tòa sư tử, có đại chúng vây quanh, mọi người tùy tùng liền lấy hương hoa, tràng phan, bảo cái, y phục, anh lạc, kỹ nhạc, đèn đuốc, các thứ ngọc báu v.v... trải ra cúng dường Bát nhã Ba la mật và pháp sư. Bồ Tát Pháp Dũng liền dùng sức oai thần lấy các loại hoa quí cúng dường rải lên không trung, trên đỉnh đầu, bỗng nhiên hiệp thành một đài hoa quí, kết báu trang nghiêm, thật khả ái. Lại khiến các loại hương thơm đã rải bay lên hư không, ngay trên đài hoa, bỗng nhiên hiệp thành lọng hương quí, có các loại ngọc báu trang hoàng. Lại khiến các loại y phục quí báu đã rải bay lên hư không, ngang trên lộng hương, bỗng nhiên hiệp thành một cái màn báu, cũng dùng các báu vật trang hoàng đẹp đẽ. Còn các phẩm vật khác như tràng phan, bảo cái, kỹ nhạc, đèn đuốc các thứ anh lạc v.v... tự nhiên vọt lên trên xung quanh bức màn trên đài, tự trang hoàng đẹp đẽ, xảo diệu.

Bồ Tát Thường Đề, nữ trưởng giả v.v... thấy việc này rồi, vui mừng không ngớt khen ngợi đại Bồ Tát Pháp Dũng: Đại sư của ta rất là hi hữu, có thể hiện sức đại oai thần như thế, khi làm Bồ Tát còn có năng lực như thế, huống là lúc đắc quả vị Giác ngộ tối cao.

Khi ấy, Thường Đề và nữ trưởng giả cùng các quyến thuộc, vì thâm tâm kính ái đại Bồ Tát Pháp Dũng, nên đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ tối cao, phát nguyện rằng: Do thiện căn thù thắng này, chúng con nguyện

đời đương lai quyết định thành Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; do thiện căn thù thắng này, chúng con nguyện đời đương lai tinh cần tu học Bồ Tát đạo, đối với pháp môn sâu xa, thông đạt vô ngại, như Đại Bồ Tát Pháp Dũng hiện nay; do thiện căn thù thắng này, chúng con nguyện đời đương lai tinh cần tu học Bồ Tát đạo, ngồi tòa sư tử, ở giữa đại chúng, tuyên thuyết nghĩa lý thậm thâm của Bát nhã Ba la mật, hoàn toàn không sợ như Đại Bồ Tát Pháp Dũng hiện nay; do thiện căn thù thắng này, chúng con nguyện đời đương lai tinh cần tu học Bồ Tát đạo, thành tựu sức phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật, có thể mau chóng thành tựu sở cầu là quả vị Giác ngộ tối cao; do thiện căn thù thắng này, chúng con nguyện đời đương lai tinh cần tu học Bồ Tát đạo, đắc thần thông thù thắng, biến hóa tự tại, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình như Đại Bồ Tát Pháp Dũng hiện nay.

Sau khi cúng dường xong, Bồ Tát Thường Đề, nữ trưởng giả cùng quyến thuộc đảnh lễ sát chân đại Bồ Tát Pháp Dũng, rồi chắp tay, cung kính nhiễu bên phải ba vòng, xong lui ra đứng một bên.

Lúc bấy giờ, Bồ Tát Thường Đề, khom lưng chắp tay thưa đại Bồ Tát Pháp Dũng:

- Tôi thường ưa ở chỗ thanh vắng cầu Bát Nhã thậm thâm. Có một hôm bỗng nhiên nghe có tiếng trên không trung, gọi: Này thiện nam tử! Ngươi nên đi về hướng Đông, quyết định được nghe Bát nhã Ba la mật. Tôi nghe như vậy rồi, liền đi về hướng Đông. Đi chưa được bao lâu, lại nghĩ: Tại sao ta chẳng hỏi tiếng trên không trung đi về hướng Đông xa hay gần, đi đến thành ấp nào, sẽ gặp ai thuyết Bát nhã Ba la mật? Nghĩ như thế rồi liền dừng lại, đấm ngực buồn than, lo sầu khóc lóc, trải qua bảy ngày đêm chẳng hề mỏi mệt, chẳng tưởng ngủ nghỉ, chẳng màng ăn uống, chẳng lo ngày đêm, chẳng sợ lạnh nóng, đối với pháp trong, ngoài, tâm chẳng loạn động, chỉ nghĩ thế này: Khi nào ta sẽ được nghe Bát nhã Ba la mật?

Đang lúc sầu lo khóc lóc, tự than, bỗng nhiên ở trước mặt tôi hiện ra hình Phật bảo tôi rằng: Này thiện nam tử! Ngươi đem tâm cầu pháp dõng mãnh tinh tấn, yêu thích, cung kính như thế, thì nên đi về hướng Đông này, qua khoảng năm trăm do tuần, có vương thành lớn tên là Diệu Hương, trong thành có Bồ Tát tên là Pháp Dũng, thường vì vô lượng trăm ngàn hữu tình tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật. Ngươi nên theo vị Bồ Tát

để được nghe Bát nhã Ba la mật. Lại, này thiện nam tử! Bồ Tát Pháp Dũng là thiện hữu thanh tịnh dài lâu của ngươi, thị hiện dạy bảo, dẫn dắt khiến ngươi mau chứng đắc sở cầu quả vị Giác ngộ tối cao. Bồ Tát Pháp Dũng ở đời quá khứ, dùng hạnh cần khổ cầu Bát nhã Ba la mật cũng như ngươi hôm nay. Ngươi mau đến chỗ đại Bồ Tát Pháp Dũng, chớ sanh nghi ngại, chớ kể ngày đêm, chẳng bao lâu sẽ được nghe Bát nhã Ba la mật. *(Q.398, ĐBN)*

Khi ấy, tôi được nghe lời nói như vậy rồi, thân tâm vui mừng, nên nghĩ: Ta sẽ được gặp Bồ Tát Pháp Dũng để nghe Bát nhã Ba la mật? Nghe rồi có thể đoạn trừ vĩnh viễn các thứ phân biệt hư vọng, mau chứng quả vị Giác ngộ tối cao. Nghĩ như vậy, đối với tất cả pháp liền có thể hiện khởi tri kiến vô ngại. Do tri kiến này tôi được nhập vô lượng pháp môn Tam ma địa thù thắng, an trụ trong Tam ma địa như thế, hiện thấy vô lượng, vô số, vô biên chư Phật Như Lai khắp mười phương thế giới, vì các chúng Bồ Tát tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật. Khi ấy, chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều cùng khen ngợi an ủi, ân cần dạy bảo tôi: Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử! Chúng tôi khi xưa hành Bồ Tát đạo cũng như ngươi hôm nay, dùng hạnh cần khổ cầu Bát nhã Ba la mật thậm thâm, trong khi cần khổ cũng như ngươi hiện nay đắc các Tam ma địa như thế. Bấy giờ, chúng tôi tu vô lượng Tam ma địa được cứu cánh rồi thì có thể thành tựu phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật. Do đó, có thể thành tựu tất cả Phật pháp, liền được an trụ bậc Bất thối chuyển.

Khi ấy, mười phương chư Phật dạy bảo an ủi tôi, khiến tôi hoan hỷ rồi, bỗng nhiên biến mất. Tôi từ sở chứng Tam ma địa xuất ra, chẳng thấy chư Phật, ôm lòng buồn bã, nghĩ: Không biết chư Phật mười phương, trước từ đâu đến, nay đi về đâu? Ai có thể vì ta giải quyết nghi vấn này? Lại nghĩ thế này: Bồ Tát Pháp Dũng từ lâu đã tu học phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật, đã đắc vô lượng pháp môn Đà la ni, Tam ma địa, đối với thần thông Bồ Tát đã viên mãn đạt tự tại, đã từng cúng dường vô lượng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, ở chỗ chư Phật, phát thệ nguyện rộng lớn, trồng các căn lành. Ở trong thời gian lâu dài là thiện hữu của ta, thường nhiếp thọ ta, khiến đạt được lợi lạc. Ta nên mau đi đến chỗ đại Bồ Tát Pháp Dũng, thưa hỏi việc thấy chư Phật mười phương vừa rồi, là: **Trước từ đâu đến, nay đi về đâu**? Bồ Tát ấy có thể vì ta mà giải đáp nghi vấn. Bấy giờ, tôi nghĩ như vậy rồi, dõng mãnh tinh tấn đi dần về hướng Đông,

thấm thoát vào được thành này, thấy Đại sư ngồi tòa Sư tử, trên đài bảy báu, đại chúng vây quanh, vì họ thuyết pháp. Ngay ở chốn này vừa thấy Đại sư, thân tâm vui mừng, cho nên nay tôi thỉnh vấn Đại sư, chư Phật mười phương mà tôi đã thấy trước đây là từ đâu đến, nay đi về đâu? Cúi xin Đại sư vì tôi mà nói để tôi rõ biết; đã rõ biết rồi, đời đời sẽ gặp chư Phật.

Thích nghĩa:

(1). Bồ Tát Thường Đề, có Kinh gọi là Thường Bi Bồ Tát hay Phổ Từ Bồ Tát, Kinh MHBNBLMĐ gọi là Tát Đà Ba Luân: Cả bốn tên đều chỉ cho một vị Bồ Tát, vì thương xót hữu tình sống trong cõi đời ác trược, nên chẻ xương bán tủy cầu Bát Nhã để cứu độ chúng sanh.

(2). Đại vương thành: Kinh ĐBN gọi là thành ***Diệu Hương****, Kinh MHBNBLMĐ gọi là Chúng Hương.*

(3). Bồ Tát Pháp Dũng, Kinh MHBNBLMĐ gọi là Bồ Tát Đàm Vô Kiệt.

(4). Kinh ĐBN thường nói đến các Tam ma địa, các Tam muội hay định là các loại tập trung tinh thần cao độ. Khi đạt được các Tam muội này thì sẽ có vô vàn thần thông diệu dụng. Nhưng Kinh không có chỉ dạy phương pháp tập luyện. Tuy nhiên, Kinh hé mở một vài chi tiết để thành tựu định này "... Khi đi, ngươi chớ nệ mệt mỏi, chớ lo ngủ nghỉ, chớ nghĩ đến ăn uống, chớ tưởng ngày đêm, chớ sợ lạnh nóng, đối với pháp nội ngoại, tâm chớ tán loạn. Khi đi, chẳng được ngoái nhìn hai bên, chớ ngó trước sau, trên dưới, bốn phía, chớ phá oai nghi, chớ hoại thân tướng; chớ động sắc; chớ động thọ, tưởng, hành, thức; chớ động mười hai xứ, mười tám giới, chớ động mười hai duyên khởi; nói rộng, chớ động tất cả thiện pháp cho đến… chớ động pháp thế gian, chớ động pháp xuất thế gian; chớ động pháp hữu lậu, pháp vô lậu; chớ động pháp hữu vi, pháp vô vi".

Kinh tiếp tục diễn tả: "...Bồ Tát Thường Đề luôn luôn tâm niệm như vậy sáu thời như người bị phải tên độc lúc nào cũng nghĩ đến phương cách làm sao thoát khỏi cảnh đau đớn. **Nên biết, Bồ Tát Thường Đề khi nghĩ như thế, ở ngay chỗ này, đối với tất cả pháp, khởi pháp tri kiến vô chướng ngại; do tri kiến này, liền có thể nhập ngay vô lượng pháp môn Tam ma địa thù thắng"**.

*Trong một đoạn Kinh khác thuộc **"Phần Na Già Thất Lợi", Hội thứ VIII**, Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi bảo Bồ Tát Na Già Thất Lợi vào thành khất thực:* "... trong khi đi chớ được cất chân, chớ được hạ chân, chớ co chớ duỗi, chớ khởi tâm ta, chớ dấy hý luận, chớ sanh tưởng đường sá, chớ sanh tưởng thành ấp xóm làng, chớ sanh tưởng nam nữ lớn nhỏ, chớ sanh tưởng đường lớn, ngõ hẻm, vườn rừng, nhà cửa v.v... Vì sao? Vì Bồ đề xa lìa các tưởng sở hữu, không cao không thấp, không nắm không buông, tâm dứt dao động, lời lìa hý luận, không có số lượng. Đó là chỗ hướng tới Bồ đề của Bồ Tát. Nếu Ngài có thể đi được như thế, thì tùy ý đi mà hành khất thực. Na Già Thất Lợi nương vào uy lực dạy bảo ấy, **nhập định Hải dụ**. Ví như biển cả, nước rộng sâu, lặng yên, có nhiều ngọc báu, đầy đủ sinh mạng các loài thủy tộc. Định đây cũng thế, uy lực rộng sâu, thần dụng khó nghĩ, ba nghiệp an tĩnh, đủ các báu công đức, nhiếp dưỡng hàm thức".

Hai đoạn Kinh tuy khác nhau đôi chút nhưng miêu tả cùng một phương pháp tập trung để đi đến chỗ thành tựu các Tam muội này. Tuy nhiên, nó đòi hỏi một kỹ năng tuyệt hảo, một sự tập trung cao độ. Có lẽ, vì quá nhiếp tâm trong nhất niệm "Làm sao nghe được Bát nhã Ba la mật", chẳng nề mệt mỏi, chẳng màng ngủ nghỉ, chẳng đếm xỉa đến ăn uống, chẳng tưởng ngày đêm, chẳng sợ lạnh nóng, đối với pháp trong ngoài, tâm chẳng tán loạn. Đó là yếu tố đưa đến chín muồi, nứt vỡ, "giây phút cuối cùng của nhất quán bùng nổ" mà Bồ Tát Thường Đề cũng như Bồ Tát Na Già Thất Lợi chứng đắc các Tam muội thần dụng này chăng?

Thích nghĩa này tuy rườm rà, nhưng để bổ túc cho phần giải thích các Tam muội nói trong "Phần thứ I Tổng luận về các pháp mầu Phật đạo".

(5). Bỗng nhiên chẳng hiện: Cụm từ này khó hiểu, cả hai Kinh ĐBN và Kinh MHBNBLMĐ đều thuật lại là Bồ Tát Thường Đề khi ở Tam ma địa thấy chư Phật chỉ bảo, nhắn nhủ, xong từ Tam ma địa xuất ra thì không còn thấy chư Phật nữa, nên Kinh nói là "bỗng nhiên không hiện". Nếu trong trạng thái "thức", dùng mắt thường để nhìn thì ai cũng thấy cũng biết: Có ẩn, có hiện. Nhưng trong trạng thái tập trung tinh thần tức "vào định, hay đang ở trong Tam ma địa", không thể dùng giác quan, nên chẳng thấy chẳng biết. Kinh thuật rằng "Bồ Tát Thường Đề từ Tam ma địa xuất, chẳng thấy chư Phật, ôm lòng buồn than, liền nghĩ: "Khi ở Tam ma địa được thấy chư Phật mười phương trước từ đâu đến, giờ lại đi đâu, ai là người có thể dứt nghi này?" Như vậy, bỗng nhiên chẳng hiện có

nghĩa khi xuất định chẳng thấy gì cả. Chẳng thấy gì cả có nghĩa là không còn hiện diện nữa, nên *Kinh dịch là "bổng nhiên chẳng hiện?"*

Trong luận bốn Thiền luận II của thiền sư D.T. Suzuki do Trúc Thiên dịch nói về "Tính kham nhẫn trong đời sống đạo Phật", có nói về Thường Đề Bồ Tát, nội dung như sau: "Khi Thường Đề vừa nghe tiếng nói ấy liền thâm nhập Tam muội, nhờ đó thấu suốt rõ ràng các điều kiện tâm linh của hết thảy Chư Phật. Rồi khi ra khỏi Tam muội, tất cả Chư Phật hiện tiền ***bỗng nhiên biến mất****. Tức thì sinh lòng phiền muộn, lại hỏi nữa: "Chư Phật này từ đâu đến? Các Ngài đã đi đâu? Thường Đề buồn bã nhưng cùng lúc càng quyết định gặp cho kỳ được Pháp Thượng Bồ Tát". Ở đây thay vì dịch là "Bỗng nhiên chẳng hiện" lại dịch là "bỗng nhiên biến mất". Mong rằng những so chiếu và giải thích tuy dài dòng nhưng có thể giải quyết một vài thắc mắc đối với các cụm từ khó hiểu trên. Cụm từ "bỗng nhiên biến mất" dễ hiểu hơn "bỗng nhiên chẳng hiện!"*

Sơ giải:

Câu chuyện Bồ Tát Thường Đề cầu Bát nhã Ba la mật trong phẩm này mà Phật kể cho cụ thọ Thiện Hiện cũng giống như câu chuyện của chính Đức Phật trong thời kỳ tu Bồ Tát đạo gặp Phật Nhiên Đăng thọ ký ở quyển 500, Kinh ĐBN: Lúc bây giờ, Đức Thích Ca là một thanh niên nghèo, nghe tin Phật Nhiên Đăng đến vương đô Liên Hoa thuyết pháp, vì muốn thấy Phật, nghe pháp nên làm thuê để kiếm tiền mua hoa cúng dường. Thanh niên này làm lụng vất vả mà chỉ được mấy quan tiền, không đủ để mua hoa. May thay, có một cô gái cho năm cọng hoa sen. Ở đầu ngã ba đường tại vương đô Liên Hoa, thanh niên này tức Phật Thích Ca phụng hiến năm cọng hoa sen, trải tóc che bùn để Phật Nhiên Đăng đi qua. Nhờ đó được nghe Bát nhã Ba la mật, siêng năng tu tập các Ba la mật và vô lượng các pháp Phật khác, nên được Phật Nhiên Đăng trao ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Ở đây Bồ Tát Thường Đề không có may mắn như đức Thế Tôn trực tiếp được gặp chư Phật truyền pháp và thọ ký, Bồ Tát Thường Đề nghe trên không bảo cứ đi về hướng Đông đến được thành Diệu Hương, sẽ gặp pháp sư tên là Pháp Dũng thuyết Bát nhã Ba la mật.

Để cúng dường Bát nhã Ba la mật và pháp sư Pháp Dũng, Bồ Tát Thường Đề phải chẻ xương bán tủy để mua phẩm vật. May thay, tất cả sự kiện trên được con gái của một gia đình giàu có chứng kiến. Cô này nhất nhất thuật lại cho cha mẹ và nhờ vậy được cha mẹ ủng hộ, cho phép cô cùng đi với Bồ Tát Thường Đề mang phẩm vật đến thành Diệu Hương cúng dường Bát nhã Ba la mật và Bồ Tát Pháp Dũng để được nghe Bát nhã Ba la mật.

Kinh thuật lại đầy đủ, ở đây không cần lặp lại nữa, chỉ thêm rườm rà vô ích. Đây chỉ là trần thuật về sự kiện hơn là thuyết giảng về giáo lý. Ai cũng có thể đọc và hiểu, nên không cần nói thêm.

Sự kiện quan trọng ở đây là Bồ Tát Thường Đề vì thiết tha cầu Bát nhã *Ba la mật và cầu thượng tri thức là Bồ Tát Pháp Dũng thuyết giảng Bát nhã Ba la mật nên muốn mua hoa cúng dường, nhưng không có tiền để mua nên phải bán xương máu, tủy sống. Câu chuyện này nói lên lòng thiết tha cầu đạo nên không tiếc thân mạng. Sự kiện này có hai ý nghĩa: 1. Kinh Bát nhã Ba la mật là một linh vật xuất hiện ở đời và 2. Là tinh thần cầu đạo để cứu độ chúng sanh.*

Đây cũng là một thí dụ để hậu thời hiểu rõ tất cả chúng sanh muốn trở thành *Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, muốn cứu hộ người cần được cứu hộ thì phải hành động như Thường Đề Bồ Tát hay giống như Thế Tôn khi xưa, phải xả thân mạng cầu đạo để cứu độ* muôn loài, *chứ không phải cầu đạo với tinh thần vị kỷ* vì lợi vì danh./.

---o0o---

78. PHẨM "BỒ TÁT PHÁP DŨNG"

Cuối Q.399 đến đầu Q.400, Hội thứ I, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Đàm Vô Kiệt", Kinh MHBNBLMĐ)

Gợi ý:

*Phẩm trên miêu tả **người cầu** Bát Nhã là Bồ Tát Thường đề. Phẩm này nói về **người thuyết** Bát Nhã là Bồ Tát Pháp Dũng, cũng là người **ôn tập** lại tất cả những gì được gọi là yếu chỉ Bát nhã Ba la mật ở Hội thứ I mà Phật đã thuyết tại đỉnh Linh Thứu, núi Kỳ Xà Quật, thuộc thành Vương Xá, xứ Ma Kiệt Đà.*

Tóm lược:

(Như Lai tức chơn như, pháp giới, pháp tánh..., của tất cả pháp không đến không đi).

Đại Bồ Tát Pháp Dũng nói với Thường Đề:

Này thiện nam tử! **Chơn như** của các pháp không đến, không đi, chẳng thể phô bày; chơn như như thế tức là Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến tri v.v... cho đến Phật Thế Tôn hay Bạc già phạm.

Này thiện nam tử! Pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, tánh chẳng đổi khác, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì, tánh vô sanh, tánh vô diệt, tánh như thật, tánh viễn ly, tánh tịch tịnh, tánh giới thanh tịnh vô nhiễm, tánh không của các pháp không đến, không đi, chẳng thể phô bày; pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, bình đẳng tánh, tất cả… cho đến tánh không, như thế tức là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến tri… cho đến Phật Thế Tôn hay Bạc già phạm.

Này thiện nam tử! Tất cả Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến tri, Minh Hạnh túc… cho đến Phật Thế Tôn hay Bạc già phạm chẳng phải các pháp, chẳng lìa các pháp.

Này thiện nam tử! **Pháp như,** Như Lai như là một như, chứ chẳng phải hai. Pháp như chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là nhất tướng, chỗ gọi là vô tướng.

Này thiện nam tử! Pháp như chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải bốn cho đến chẳng phải trăm ngàn v.v... Vì sao? Này thiện nam tử! Vì pháp như lìa số lượng, chẳng phải có tánh.

Lại nữa, thiện nam tử! Thí như có người vào mùa nắng gắt, đi trong đồng vắng, khát nước, thấy nắng dợn động, tưởng là nước. Nghĩ như vậy rồi, đi thẳng tới chỗ đó, càng đi càng chẳng thấy nước, càng đuổi càng thấy nước xa hơn.

Này thiện nam tử! Ý ông nghĩ sao? Nước trong ánh nắng ấy từ hốc núi, suối ao nào đến, nay lại đi đâu? Có phải từ biển Đông, có phải từ biển Tây, biển Nam, biển Bắc đến chăng?

Thường Đề đáp:

- Nước trong nắng dợn còn chẳng có, huống có thể nói là từ đâu đến và có chỗ đi.

(Pháp thân Như Lai tức là pháp như, pháp giới, pháp tánh... là thật tánh các pháp đều bất động... cũng chẳng đến chẳng đi)

Bồ Tát Pháp Dũng nói với Thường Đề:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói, như người khát kia, ngu si vô trí, bị nóng bức bách thấy nắng lay động trong chỗ không có nước, vọng sanh có nước; nếu bảo Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến tri có đến, có đi, cũng giống như thế. Nên biết người ấy ngu si vô trí. Vì sao? Này thiện nam tử! Vì tất cả Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến tri chẳng thể dựa vào sắc thân mà thấy. **Như Lai tức là pháp thân.**

- Này thiện nam tử! **Pháp thân** của tất cả Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến tri, Minh Hạnh túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn hay Bạc già phạm không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu. Vì sao? Này thiện nam tử! **Vì thật tánh các pháp đều bất động**.

Này thiện nam tử! **Pháp thân Như Lai tức là chơn như, pháp giới, pháp tánh… của các pháp; chơn như, pháp giới, pháp tánh… đã chẳng thể nói có đến có đi, thì pháp thân của Như Lai cũng giống như thế không đến, không đi.**

Lại nữa, thiện nam tử! Như người trong mộng thấy chư Phật, hoặc một vị, hoặc mười vị, hoặc trăm vị, hoặc ngàn vị cho đến vô số. Người ấy khi tỉnh mộng rồi, không thấy gì cả.

Này thiện nam tử! Ý ông nghĩ sao: Phật đã thấy trong mộng từ đâu đến và đi về đâu?

Thường Đề đáp:

- Điều thấy trong mộng đều là hư vọng, hoàn toàn chẳng thật có thì sao có thể nói có chỗ đến đi.

Bồ Tát Pháp Dũng nói với Thường Đề:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói, người chấp những điều mộng thấy có đến có đi thì nên biết người ấy ngu si vô trí. Nếu gọi Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến tri... có đến có đi thì cũng giống như thế, nên biết người ấy ngu si vô trí. Vì sao? Này thiện nam tử! Vì tất cả Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến tri... chẳng thể nương vào sắc thân mà thấy. **Như Lai ấy tức pháp thân**.

Này thiện nam tử! **Pháp thân của Như Lai tức là chơn như, pháp giới, pháp tánh… của các pháp. Chơn như, pháp giới, pháp tánh… đã chẳng có thể nói có đến có đi thì pháp thân của Như Lai cũng giống như thế, không đến, không đi.**

Lại nữa, thiện nam tử! Giống như nhà ảo thuật, như ảnh trong gương, như tiếng vang phát ra từ hang động, như bóng rọi lên tường, như tia chớp, như việc biến hóa, như trong ảo thành… các hiện tượng ấy tạm có rồi không.

- Này thiện nam tử! Ý ông nghĩ sao: Tất cả các hiện tượng ấy là từ đâu đến, đi về đâu?

Thường Đề đáp:

- Các hiện tượng ấy chẳng phải thật, như vậy sao có thể nói có đến có đi?

Bồ Tát Pháp Dũng nói với Thường Đề:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói: Nếu chấp các hiện tượng có đến đi thì nên biết người ấy ngu si vô trí. Nếu cho là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến tri có đến có đi, cũng giống như thế, nên biết người ấy ngu si vô trí. Vì sao? Này thiện nam tử! **Vì tất cả Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến tri... chẳng thể dựa vào sắc thân để thấy. Như Lai tức là pháp thân.**

Này thiện nam tử! **Pháp thân của Như Lai tức là chơn như, pháp giới, pháp tánh… của các pháp. Chơn như, pháp giới, pháp tánh… đã chẳng có thể nói có đến có đi thì pháp thân của Như Lai cũng giống như thế, không đến, không đi.**

(Cái thắc mắc to lớn của Bồ Tát Thường Đề mà Bồ Tát này có ý định khi gặp Bồ Tát Pháp Dũng để hỏi là Như Lai từ đâu đến và sẽ đi về đâu? Đoạn Kinh trên đã trả lời Như Lai chẳng khứ chẳng lai nên mới gọi là Như Lai. Tất cả pháp như, là thật tánh các pháp đều bất động, cùng nằm trong pháp giới, chẳng lìa pháp giới, tất cả pháp là pháp giới cũng lại như vậy, nên không lai không khứ. Pháp thân Như lai cũng lại như thế).

(Tất cả pháp như huyễn, như mộng...)

Lại nữa, thiện nam tử! Tất cả Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến tri... nói tất cả pháp như mộng thấy, như bóng sáng, như tiếng vang, như ảnh tượng, như trò huyễn, như biến hóa, như ảo thành đều chẳng phải thật có. Nếu đối với pháp nghĩa thậm thâm mà chư Phật đã nói như thế chẳng biết như thật, chấp thân Như Lai là danh là sắc, có đến có đi, thì **nên biết kẻ ấy mê muội pháp tánh**, ngu si vô trí, lưu chuyển các thú, chịu khổ sanh tử, xa lìa Bát nhã Ba la mật, cũng lại xa lìa tất cả Phật pháp. Nếu đối với pháp nghĩa thậm thâm mà chư Phật đã dạy, có khả năng biết như thật, chẳng chấp các pháp có đến có đi, có sanh có diệt, có nhiễm có tịnh. Do chẳng chấp nên có thể hành Bát nhã Ba la mật, cũng có thể siêng tu tất cả Phật pháp, như thế là gần gũi sở cầu quả vị Giác ngộ tối cao, cũng gọi là đệ tử chơn tịnh của Như Lai. Xứng đáng nhận của tín thí của người trời trong thế gian.

(Các pháp không ngoài duyên sanh)

Lại nữa, thiện nam tử! Như trong biển lớn có các trân bảo, trân bảo chẳng phải từ mười phương đến, cũng chẳng phải hữu tình ở trong đó tạo ra, cũng chẳng phải các báu này không phải duyên sanh. Nhưng vì sức thiện căn của các hữu tình, nên khiến trong biển có các báu sanh; báu ấy sanh là nương vào nhân duyên hòa hợp mà có, chứ không từ đâu đến; báu ấy diệt cũng không đi về đâu, chỉ vì sức thiện căn của hữu tình đã hết,

khiến báu kia diệt mất. Vì sao? **Vì các pháp hữu vi, duyên hiệp thì sanh, duyên lìa thì diệt, trong đó hoàn toàn không có ai sanh, ai diệt**. Vì vậy, các pháp không đến, không đi; thân của chư Như Lai cũng lại như thế, ở trong mười phương, không từ đâu đến, cũng chẳng phải ở trong đó có người tạo tác, cũng chẳng thể nói không phải duyên sanh, nhưng vì nương vào sự tu hành tịnh hạnh viên mãn, cho nên có thân Như Lai xuất hiện ở đời. Khi thân Phật diệt, cũng không đi về đâu trong mười phương, chỉ do sức nhân duyên hòa hợp đã hết liền diệt. Vì vậy, chư Phật không đến, không đi.

Lại nữa, thiện nam tử! **Thí như cây đàn không hầu nương vào các loại nhân duyên hòa hợp mà có tiếng sanh, nhân duyên của tiếng ấy là cái cần, cái ống, khe hở, cái trục, sợi dây v.v... tác ý của nhạc công. Như vậy, từng yếu tố một chẳng có thể sanh tiếng, khi hòa hợp tất cả yếu tố lại, tiếng nó mới phát; tiếng ấy phát sanh không từ đâu đến, khi diệt không đi về đâu.**

Này thiện nam tử! Thân của chư Như Lai cũng giống như thế, nương vào các thứ nhân duyên mà sanh, nhân duyên của thân ấy là vô lượng phước đức trí tuệ và thiện căn do tu tập thành thục mà có. Như vậy, từng yếu tố một chẳng có thể sanh thân, khi hòa hợp lại, thân ấy mới sanh; thân đã sanh ấy không từ đâu đến, khi diệt chẳng đi về đâu.

Này thiện nam tử! Đối với tướng không đến đi của Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến tri... ngươi nên biết như thế. **Theo đạo lý này, thì đối với <u>tướng không đến không đi của tất cả pháp</u> cũng phải biết như thế. Nếu đối với Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến tri... và tất cả pháp có thể như thật biết không đến, không đi, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh thì nhất định có khả năng tu hành Bát nhã Ba la mật thậm thâm, phương tiện thiện xảo, quyết chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao.** *(Đó là nói theo đệ nhất nghĩa đế)*

Khi Đại Bồ Tát Pháp Dũng nói tướng vô lai, vô khứ của chư Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến tri, Minh Hạnh túc… khiến cho thế giới Tam thiên đại thiên kia, tất cả đại địa, các núi, biển lớn và các thiên cung, sáu thứ biến động, các cung điện của ma đều mất ánh sáng, cây cỏ núi rừng sanh hoa nở trái đều quay đầu hướng về chỗ đại Bồ Tát Pháp Dũng; trên không cũng mưa xuống các loại hương hoa.

Khi ấy, trời Đế Thích, Tứ đại thiên vương và các chúng trời ở trên không trung, liền dùng các loại hương hoa vi diệu cõi trời rải cúng dường đại Bồ Tát Pháp Dũng, xong rồi lại cầm các thứ hương hoa vi diệu cõi trời rải cúng dường Thường Đề Bồ Tát và thưa:

- Nhờ Đại sĩ mà chúng con được nghe **giáo pháp thắng nghĩa** như thế. Tất cả người chấp thân kiến ở thế gian nghe pháp ấy rồi có thể xả chấp trước, an trụ trong ngôi vị nan phục*(như thân các vị La hán không còn phiền não, lậu hoặc cần chế phục nữa)*.

Bấy giờ, Thường Đề thưa đại Bồ Tát Pháp Dũng:

- Thưa Đại sư! Do nhân duyên gì khiến cho tất cả đại địa, các núi, biển lớn ở thế giới này, có sáu loại biến động và hiện các loại tướng hi hữu như thế?

Bồ Tát Pháp Dũng đáp:

- Do tôi trả lời câu hỏi của Ngài về tướng vô khứ, vô lai của Như Lai Ứng cúng, Chánh Biến tri... mà ở trong hội này có tám ngàn chúng sanh đều chứng đắc Vô sanh pháp nhẫn. Lại có tám mươi triệu chúng sanh đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ tối cao. Lại có tám vạn bốn ngàn chúng sanh xa lìa trần cấu, đối với các pháp, sanh pháp nhãn thanh tịnh. Do nhân duyên ấy, khiến cho tất cả đại địa, các núi, biển lớn ở trong thế giới này khởi sáu thứ biến động và hiện ra các tướng hi hữu.

Bồ Tát Thường Đề nghe vậy rồi, hết sức vui mừng, liền nghĩ: Nay ta được thiện lợi lớn, đó là nhờ ta hỏi Bồ Tát Pháp Dũng mà làm cho các hữu tình được nghe Bát nhã Ba la mật thậm thâm, được nghe tướng vô khứ, vô lai của chư Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến tri như thế, khiến mọi người đạt lợi ích lớn. Ta nhờ thiện căn thù thắng như thế, có thể đủ thành tựu sở cầu là quả vị Giác ngộ tối cao. Đối với quả vị Giác ngộ tối cao, ta không còn nghi ngờ, lo lắng nữa. Ở đời vị lai, ta nhất định thành Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến tri, lợi ích an lạc cho vô lượng hữu tình. Tất… tất… đều nhờ Bồ Tát Pháp Dũng, ta phải cúng dường Bồ Tát.

Trời Đế Thích biết tâm niệm ấy, hóa làm vô lượng hương hoa vi diệu, dâng cho Bồ Tát Thường Đề, thưa:

- Thưa Đại sĩ xin Ngài vì thương xót con nhận những hoa này để đem cúng dường Bồ Tát Pháp Dũng. Đại sĩ nên thọ nhận đồ cúng dường của chúng con, chúng con nay nhờ Đại sĩ mà thành tựu công đức. Vì sao? Vì

nhờ Đại sĩ mà vô lượng trăm ngàn hữu tình chúng con đạt được lợi ích lớn, đó là chắc chắn sẽ chứng sở cầu là quả vị Giác ngộ tối cao.

Bồ Tát Thường Đề nhận hương hoa vi diệu của trời Đế Thích, rải cúng dường đại Bồ Tát Pháp Dũng rồi, đảnh lễ sát chân, chấp tay cung kính bạch:

- Bạch Đại sư! Từ ngày hôm nay, tôi nguyện đem thân mạng phụng sự Đại sư tùy Ngài sai bảo.

Nói như thế rồi, chấp tay đứng hầu đại Bồ Tát Pháp Dũng.

Đồng thời, nữ trưởng giả và các quyến thuộc cung kính chấp tay bạch với Thường Đề Bồ Tát:

- Từ nay chúng con cũng đem thân mạng phụng sự hầu Ngài, xin Ngài thương xót chấp thuận cho.

Bồ Tát Thường Đề liền đáp:

- Các ngươi chí thành theo ta thì phải tuân theo sự dạy bảo của ta, ta sẽ chấp thuận.

Nữ trưởng giả thưa với Thường Đề:

- Chúng con thành tâm theo Ngài, tuân theo sự dạy bảo của Ngài.

Thường Đề Bồ Tát đem nữ trưởng giả, năm trăm thị nữ, xe báu cùng đồ cúng dường dâng lên Đại Bồ Tát Pháp Dũng và thưa rằng:

- Thưa Đại sư! Đây là lễ vật các thứ dâng cúng Đại sư, xin Ngài từ bi vì tôi mà nhận.

Bồ Tát Pháp Dũng muốn khiến cho thiện căn đã gieo trồng của Thường Đề được viên mãn, nên nhận nữ trưởng giả và các quyến thuộc, năm trăm cỗ xe báu cùng các phẩm vật cúng dường; nhận xong hoàn thí cho Bồ Tát Thường Đề.

Bồ Tát Pháp Dũng thuyết pháp đã lâu, mặt trời sắp lặn, biết chúng mệt mỏi, rời tòa Sư tử, quay về cung mình.

Bồ Tát Thường Đề chờ đợi suốt bảy năm, chẳng ngồi, chẳng nằm, chỉ đi, chỉ đứng, chẳng màng ngủ nghỉ, chẳng nhớ ngày đêm, chẳng quản mệt mỏi, chẳng nghĩ ăn uống, chẳng ngại lạnh nóng, chẳng duyên trong ngoài, chẳng từng phát khởi giận hờn, oán ghét và tất cả phiền não triền cấu khác, chỉ nghĩ: Khi nào Bồ Tát Pháp Dũng từ Tam ma địa xuất, ta và quyến thuộc sẽ trải pháp tòa, rưới quét mặt đất, rải các hương hoa. Trong khi đó, nữ trưởng giả và các quyến thuộc cũng suốt bảy năm, chỉ đi, chỉ

đứng, chẳng rời sở niệm, đều noi theo Thường Đề, tới lui theo Ngài chưa từng rời bỏ.

Bỗng nhiên Thường Đề Bồ Tát nghe có tiếng trên không bảo:

- Này thiện nam tử! Sau bảy ngày nữa, Bồ Tát Pháp Dũng sẽ ra khỏi định, ở trong thành này tuyên thuyết Chánh pháp.

Bồ Tát Thường Đề nghe tiếng trên không rồi, hết sức mừng vui, nghĩ thế này: Nay ta sẽ vì đại Bồ Tát Pháp Dũng trải bày trang nghiêm pháp tòa sư tử, rưới quét mặt đất, rải hương hoa vi diệu thỉnh đại Bồ Tát lên tòa này, vì chúng tuyên thuyết phương tiện thiện xảo Bát nhã Ba la mật thậm thâm và pháp yếu khác.

Bồ Tát Thường Đề nghĩ như thế rồi cùng với nữ trưởng giả và các quyến thuộc trang hoàng tòa sư tử bằng bảy báu. Khi ấy, nữ trưởng giả và các quyến thuộc mỗi người cởi một chiếc áo đẹp nhất, trải chồng lên tòa. Bồ Tát Thường Đề trang hoàng xong, tìm nước rưới mặt đất nhưng chẳng có. Vì sao? Vì ác ma đã che giấu nước trong ngoài thành, khiến chẳng hiện. Ma nghĩ thế này: Bồ Tát Thường Đề tìm nước chẳng được, thì sầu khổ mệt mỏi, tâm mê muội, đối với quả vị Giác ngộ tối cao sẽ chuyển đổi, thiện căn chẳng tăng, trí tuệ chẳng chiếu; đối với Nhất thiết trí sẽ bị trì trệ, thì chẳng có thể làm trống cảnh giới của ta được.

Bồ Tát Thường Đề dùng đủ các thứ phương tiện để tìm nước mà không được, nghĩ thế này: Ta nên chích thân lấy máu rưới đất để che bụi cho Đại sư. **Thân của ta nhất định rồi đây sẽ hư rã, dùng cái thân hư ngụy như thế để làm gì. Ta từ vô thỉ đến nay, lưu chuyển sanh tử thường vì ngũ dục làm tan mất thân mạng nhưng chưa từng vì chánh pháp mà xả thân.** Vì vậy, nay phải chích thân lấy máu. Nghĩ như thế rồi, liền cầm dao bén chích khắp thân mình lấy máu để rưới đất.

Khi ấy, nữ trưởng giả cùng quyến thuộc cũng noi theo Thường Đề chích máu rưới đất.

Trời Đế Thích chứng kiến cảnh này, liền nghĩ: Bồ Tát Thường Đề, nữ trưởng giả v.v... rất là hi hữu! Do ái pháp, trọng pháp đến nổi chích khắp toàn thân lấy máu rưới khắp mặt đất, chẳng hề phát khởi một tâm niệm khác, khiến lũ ác ma rình tìm chẳng có cơ hội, cũng chẳng có thể làm trở ngại việc tu thiện phẩm. Lạ thay, Đại sĩ! Chỉ có Ngài mới có thể mang giáp bị rộng lớn như thế, vì muốn lợi lạc tất cả hữu tình, đem tâm thuần tịnh, chẳng đoái thân mạng, cầu quả vị Giác ngộ tối cao, thường phát thệ

nguyện: Ta vì cứu giúp tất cả hữu tình trầm luân sanh tử chịu vô lượng, vô biên khổ não thân tâm mà cầu quả vị Giác ngộ tối cao, sự việc nếu chưa thành thì quyết không lười bỏ.

Trời Đế Thích nghĩ như thế rồi, liền biến máu của Thường Đề, nữ trưởng giả v.v... tất cả đều thành nước thơm chiên đàn, làm cho chỗ đất đã rưới, bốn phía quanh pháp tòa mỗi bên rộng ngót một trăm do tuần, đều có mùi thơm chiên đàn rất kỳ lạ chẳng thể tưởng tượng được.

Làm việc ấy rồi, Thiên Đế Thích khen ngợi Thường Đề:

- Hay thay! Hay thay! Chí nguyện của Đại sĩ kiên cố, tinh tấn dõng mãnh, chẳng thể nghĩ bàn, sự ái trọng cầu pháp rất là cao cả. Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ cũng do chí nguyện kiên cố, dõng mãnh tinh tấn, ái trọng cầu pháp tu hành phạm hạnh thanh tịnh của Bồ Tát mà chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Giờ đây, chí nguyện của Đại sĩ như thế nhất định sẽ chứng đắc sở cầu.

Kế đến, Bồ Tát Thường Đề lại nghĩ: Làm thế nào để có các hương hoa vi diệu rải quanh pháp tòa và làm thế nào có hoa mang rải cúng dường khi Đại sư thăng tòa thuyết pháp.

Khi ấy, trời Đế Thích biết ý nghĩ đó, liền biến hóa ra hương hoa vi diệu, số lượng bằng ngàn hộc *(đơn vị đo lường ngày xưa tương đương với 10 lít)* của nước Ma kiệt đà, cung kính dâng lên Bồ Tát Thường Đề. Bồ Tát Thường Đề lấy một phần rải quanh pháp tòa.

(Nghĩa thú Bát nhã Ba la mật)

Bấy giờ, đại Bồ Tát Pháp Dũng xuất định rời cung mình, thượng tòa sư tử thuyết pháp. Bồ Tát Thường Đề lại được chiêm ngưỡng đại Bồ Tát Pháp Dũng lần nữa, hết sức vui mừng, thân tâm khoái lạc, liền cùng với quyến thuộc mang phần hương hoa vi diệu còn lại, rải dâng cúng dường; xong, đảnh lễ sát chân, nhiễu quanh bên phải ba vòng lui ngồi một bên.

Lúc bấy giờ, đại Bồ Tát Pháp Dũng nói với Thường Đề:

- Này thiện nam tử! Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Và suy nghĩ chính chắn. Ta sẽ vì ông mà tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật.

Thường Đề thưa:

- Dạ xin Ngài giảng nói, chúng tôi muốn nghe.

Bồ Tát Pháp Dũng liền nói với Thường Đề:

- Này thiện nam tử! Vì tất cả pháp **bình đẳng** cho nên nên biết Bát nhã Ba la mật cũng bình đẳng. Vì tất cả pháp **viễn ly** cho nên nên biết Bát nhã Ba la mật cũng viễn ly. Vì tất cả pháp **bất động** cho nên nên biết Bát nhã Ba la mật cũng bất động. Vì tất cả pháp **vô niệm,** cho nên nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô niệm. Vì tất cả pháp **vô úy** cho nên nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô úy. Vì tất cả pháp **nhất vị** cho nên nên biết Bát nhã Ba la mật cũng nhất vị. Vì tất cả pháp **không giới hạn** cho nên nên biết Bát nhã Ba la mật cũng không giới hạn. Vì tất cả pháp **vô sanh** nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh. Vì tất cả pháp **vô diệt** nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô diệt. Vì **thái hư vô biên** nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên. Vì **biển lớn vô biên** nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên. Vì **Diệu Cao sơn vô biên** nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên. Vì núi **Diệu Cao hùng vĩ** nên biết Bát nhã Ba la mật cũng hùng vĩ. Vì **thái hư vô phân biệt** nên biết Bát nhã Ba la mật cũng **vô phân biệt.**

*(Để giải thích đoạn Kinh này **Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 99, "Đàm Vô Kiệt", Tập 5, quyển 100** giải thích như sau:*

"Trong Kinh nói: "Các pháp bình đẳng nên phải biết Bát nhã Ba la mật cũng bình đẳng". Thế nhưng, người tu chẳng nên chấp cái tướng bình đẳng ấy.

Bình đẳng là tự tướng ly. Hết thảy các pháp đều là tự tướng ly. Ly có nghĩa là như tướng, là vô tướng. Trước đây đã có nói "ly tướng", "vô tướng" tức là bình đẳng tướng.

Trong Kinh nói: "Các pháp ly, nên phải biết Bát nhã Ba la mật cũng ly".

Nếu là ly tướng thì là trú trong không, mà trú trong không tức là trú bất động. Vì sao? **Vì ở nơi thật tướng pháp thì hết thảy các pháp đều bình đẳng, bất động**; các pháp hý luận bất động, các phiền não bất động... dẫn đến các pháp vô thường bất động vậy.

Trong Kinh nói: "Các pháp bất động nên phải biết Bát nhã Ba la mật cũng bất động".

Nếu là bình đẳng, là ly, là bất động, thì cũng là vô niệm.

Vì sao? Vì có niệm tức là có tướng, có chấp tướng. Phải là vô niệm mới là vô tướng vậy. Trong Kinh nói: "Các pháp vô niệm, nên phải biết Bát nhã Ba la mật cũng vô niệm".

Nếu là bất động thì chẳng có đến, chẳng có đi, chẳng có sanh, chẳng có diệt. Trong Kinh nói: "Các pháp vô sanh, vô diệt nên phải biết Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh, vô diệt" .

Người có hý luận thì ở giữa đại chúng mới sanh sợ hãi, chẳng rõ được Niết Bàn mới sanh sợ hãi. Người nghe nói các pháp vô sanh, vô diệt mà chẳng sanh sợ hãi là người đã vào được pháp tánh, đã được vô sanh pháp nhẫn rồi vậy. Trong Kinh nói: "Các pháp vô úy, nên phải biết Bát nhã Ba la mật cũng có vô úy" .

Khi đã vào được trong pháp tánh thì biết rõ hết thảy pháp đều chỉ là một tướng (nhất tướng), chỉ là một vị (nhất vị) mà thôi. Trong Kinh nói: "Các pháp nhất vị nên phải biết Bát nhã Ba la mật cũng nhất vị".

Hỏi: *Trên đã nói các pháp bình đẳng. Nay vì sao còn nói đến "nhất vị" làm gì nữa?*

Đáp: Trong "không" có thể có vị, có thể chẳng có vị.

Có người tu hành rồi mà còn có kiến chấp, còn chấp tâm, còn thủ tướng, còn phân biệt trù lượng. Hạng người đó khi biết được các pháp là rốt ráo không, là rốt ráo bình đẳng, thì rất hoan hỷ, vui mừng nhưng lại lấy đó làm vị. Ví như người đang bị nóng nực bức bách mà gặp được nước được gió, thì rất hoan hỷ, vui mừng, lấy đó làm vị.

Như vậy ở nơi không mà còn chấp không thì vẫn còn có vị. Khi đã vào được nơi chân thật rốt ráo không, thì chẳng còn có vị nữa.

Nay nói đến "nhất vị" là nói Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật thì chỗ duyên và chỗ quán đều đồng một vị, nên gọi là "nhất vị".

Bồ Tát ở nơi "không" có "đại không trí lực", nên hết thảy các pháp tùy theo đó cũng đều là rốt rao không. Ví như trong một chảo đường phèn đang được nấu sôi, nếu bỏ những thứ đường khác vào, thì tất cả đều hòa hợp thanh một vị duy nhất của đường phèn. Lại ví như nước từ trăm sông chảy dồn vào biển, đều hòa hợp với nhau và hòa hợp với nước biển để thành một vị duy nhất là vị mặn của nước biển.

Các pháp cũng là như vậy. Phàm phu thấy các pháp có khác nhau. Thế nhưng khi đã vào trong Bát nhã Ba la mật rồi, thì tất cả các pháp đều thành một vị.

--o0o--

Chấp có tướng là chấp "hữu", chấp chẳng có tướng là chấp "vô".

Người tu hành khi đã vào được thật quán, thấy hết thảy các pháp là chẳng phải có, cũng là chẳng phải không, nên nói là vô tướng, là vô tướng tướng vậy.

Nếu là vô tướng thì cũng tức là vô biên. Quán như vậy nên được "vô biên Bát nhã Ba la mật. Trong Kinh nói: "Các pháp vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên" .

Có thuyết nói "hữu biên" là có 2 bên: Bên thường và bên đoạn; bên ác và bên thiện, bên thế gian và bên Niết Bàn v.v... Khi đã vào trong Bát nhã Ba la mật rồi thì chẳng còn phân biệt có các biên như vậy nên gọi là "vô biên Bát nhã Ba la mật".

Lại có thuyết phân biệt có biên trước (tiền biên), có biên sau (hậu biên). Ví như nói thế gian vô thỉ là chẳng có biên trước (vô tiền biên); vào Vô Dư Niết Bàn là có biên trước(tiền biên), chẳng có ra lại nữa là chẳng có biên sau (vô hậu biên) v.v... Như vậy, người chấp thế gian, sợ Niết Bàn là người phân biệt có các biên. Trái lại, người đã vào trong Bát nhã Ba la mật rồi, thì chẳng thấy có các biên, nên nói hết thảy các pháp ở nơi thật tướng là chẳng có vào ra, chẳng có đến đi vậy.

Hỏi: *Các pháp bình đẳng, các pháp ly đã là vô biên rồi. Như vậy cần gì phải nói riêng nữa?*

Đáp: Đối với người đã biết rõ các pháp là bình đẳng, là ly thì chẳng cần phải nói. Nhưng đối với những người còn chấp tướng, còn chấp một bên thì phải nói các pháp là vô biên.

Bồ Tát Đàm Vô Kiệt*(Bồ Tát Pháp Dũng)* chẳng phải chỉ thuyết pháp cho một mình Bồ Tát Tát Đà Ba Luân*(Bồ Tát Thường Đề)*. Bồ Tát Tát Đà Ba Luân cũng chẳng phải chỉ vì mình mà hỏi Bồ Tát Đàm Vô Kiệt. Đây là vì chúng sanh có tâm hành sai khác nhau nên Bồ Tát Đàm Vô Kiệt phải dùng các nhân duyên thí dụ để chúng sanh thấy rõ Bát nhã Ba la mật cùng hết thảy các pháp đều là vô biên, như nói: "Hư không vô biên, nước trong biển lớn vô biên, nên phải biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên".

Hỏi: *Hư không là vô vi, là thường pháp, chẳng có thể tìm được biên bờ, nên nói là hư không vô biên. Còn biển lớn ở trong 4 châu thiên hạ bao quanh núi Tu Di; nước trong biển lớn có thể đo lường được. Vì sao lại nói nước trong biển lớn là vô biên?*

Đáp: Phải hiểu "vô biên" theo 2 nghĩa:

- Thật sự là chẳng có biên bờ, nên gọi là vô biên.
- Thật sự là có biên bờ, nhưng vì mênh mông, chẳng thể suy lường được, nên gọi là vô biên.

Dùng thuyền có thể vượt qua biển nhỏ; còn biển lớn quá mênh mông, chẳng có thể dùng thuyền vượt qua được, chỉ dùng thần thông mới vượt qua được, nên gọi biển lớn là vô biên vậy.

Ví dụ hàng ngoại đạo tu thiền định chỉ có thể đến các cõi trời Dục giới, Sắc giới hoặc Vô sắc giới, nên chỉ ví như người vượt qua biển nhỏ.

Hàng ngoại đạo do còn chấp tâm, do chưa phá được ngã tâm nên chẳng có thể vượt qua biển lớn "3 cõi".

Các bậc Thánh hiền đã được đầy đủ trí huệ, đã phá được các tà tướng, đã vào được thật tướng pháp, mới có thể vượt qua được biển lớn "3 cõi" vậy".

--o0o--

"Ví như hư không vô phân biệt, thì trong ngoài, xa gần, tịnh uế ... đều bình đẳng, vô phân biệt.

Cũng như vậy, Bát nhã Ba la mật vô phân biệt. Các pháp vào trong Bát nhã Ba la mật đều vô phân biệt, nên trong ngoài, thiện ác... đều bình đẳng. Phân biệt nói 5 ấm vô biên là nói 5 ấm thường có trong khắp thế gian.

Cũng như vậy, Bát nhã Ba la mật chẳng xa rời 5 ấm, vì 5 ấm thật tướng tức là Bát nhã Ba la mật.

Hết thảy các sắc pháp nếu được chia chẻ sẽ trở thành vi trần, trở thành vô phân vô lượng (chẳng thể phân, chẳng thể lượng). Như vậy các sắc pháp đều là vô hình, vô sắc, vô biên chẳng có bờ bên này bờ bên kia (chẳng có bỉ thử). "Vô biên Bát nhã Ba la mật" cũng là như vậy. Các pháp phân biệt, sắc pháp cùng vô sắc pháp, khi đã vào trong Bát nhã Ba la mật đều chẳng có biên bờ, chẳng có phân biệt. Bởi vậy nên nói: "Sắc vô biên, thì Bát nhã Ba la mật cũng vô biên".

Luận đã giải thích quá rõ chánh văn của đoạn Kinh trên rồi, chúng ta đọc đoạn Kinh kế tiếp:

Này thiện nam tử! **Vì sắc vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên**; vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên. Vì 12 xứ, 18 giới vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô

biên. Vì tứ thiền bát định vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên. Vì tứ đế, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên. Vì tất cả pháp hữu lậu vô lậu vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên. Vì tất cả pháp hữu vi vô vi vô biên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên. Vì Kim cương dụ **bình đẳng**, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng bình đẳng. Vì tất cả pháp **không hoại**, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng không hoại. Vì tất cả pháp **không tạp nhiễm**, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng không tạp nhiễm. Vì tất cả pháp **không sai biệt**, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng không sai biệt. Vì tự tánh các pháp **chẳng thể nắm bắt được**, nên biết tự tánh Bát nhã Ba la mật cũng chẳng thể nắm bắt được; vì các pháp **không có sở hữu** bình đẳng, nên biết Bát nhã Ba la mật không có sở hữu cũng bình đẳng; vì các pháp **không có tạo tác**, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng không có tạo tác; vì các pháp **chẳng thể nghĩ bàn**, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng chẳng thể nghĩ bàn.

*(Để giải thích đoạn Kinh cuối cùng này, **Đại Trí Độ Luận** giảng tiếp:*

“Người thế gian do bị phiền não che tâm, nên phân biệt có các pháp riêng khác. Các bậc thánh, khi được Bát nhã Ba la mật rồi, **dùng pháp “không” để phân biệt ức tưởng các pháp**, nên vào được 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác”. Lúc bấy giờ, các ngài đã phá hết thảy các pháp tướng, nên chẳng còn ưu bi sầu khổ nữa; các ngài chẳng còn chấp các pháp tướng, vì biết rõ các pháp tánh là bất khả đắc. Hết thảy các pháp đều theo nhân duyên sanh, nên chẳng có tự tánh, ngay từ căn bản là quyết định chẳng thật có.

Vì các pháp đều theo nhân duyên hoà hợp sanh, nên khi các duyên chưa hòa hợp là không, khi có các duyên hòa hợp mới thành có. Như vậy là trước không, nay theo nhân duyên hòa hợp mà có, nên là chẳng có tự tánh vậy.

Các pháp theo nhân duyên sanh, tánh của các pháp là pháp tánh. Hết thảy các pháp hữu vi cũng như vô vi đều là chẳng có tự tánh, đều là bất khả đắc. Bát nhã Ba la mật cũng là như vậy.

Bất khả đắc cũng tức là vô sở hữu; Vô sở hữu cũng tức là bình đẳng. Vì sao? **Vì “có” mới phân biệt, “không” thì chẳng có phân biệt**.

Ví như hương chiên đàn khi được đốt lên thì mới phân biệt được khói của hương chiên đàn thơm; khi khói đã diệt rồi, thì chẳng còn phân biệt nữa, bởi vậy nên nói các pháp là vô tác; **chúng sanh là không, các pháp cũng là không; chúng sanh và các pháp đều là vô tác.**

Ví như nói lửa cháy, gió động, thức hay biết v.v… thì tất cả các sự việc ấy đều là pháp; mỗi mỗi tợ như có tự lực riêng, nhưng thực ra đều là vô sắc, vô hình, đều là không, là vô tác cả. Dẫn đến nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Trước đây đã nói chúng sanh là vô tác giả, nay rộng nói các pháp đều là vô sở tác cả.

Hết thảy các pháp bình đẳng là bất khả tư nghì. Vì sao? Vì hết thảy các pháp đều chẳng thể quyết định là thường hay là vô thường, là khổ hay là lạc, là thật hay là hư, là có ngã hay là vô ngã, là sanh diệt hay là bất sanh diệt, là ly hay là bất ly, là hữu hay là vô.

Hết thảy các pháp tuy có phân biệt sai khác, nhưng tất cả đều bất khả tư nghì. Vì sao? Vì tâm chúng sanh ức tưởng, phân biệt mà sanh ra có các pháp. Thật ra thật tánh của các pháp vượt qua khỏi tâm lượng của chúng sanh, vượt qua ngoài danh tự ngữ ngôn.

Các bậc Thánh Hiền chẳng có thể hành được, chẳng có thể đến được, nên gọi là bất khả tư nghì. Bát nhã Ba la mật cũng là như vậy".

Bình đẳng tánh hay bất khả tư nghì không hai không khác vì cùng nằm trong thập nhị chân như, nên chẳng thể hành được, chẳng thể đạt, pháp nhĩ như vậy, chẳng ai có thể làm ra tạo ra kể cả Hiền Thánh.

*Tất cả những gì mà chúng ta thắc mắc về "tướng của Bát Nhã", đều được giải thích rõ ràng trong **phẩm thứ 99, "Đàm Vô Kiệt", Tập 5, quyển 100, của Đại Trí Độ Luận** do Bồ Tát Long Thọ quản diễn như trên).*

Kinh thuyết tiếp:

Bồ Tát Thường Đề nghe nói cú nghĩa sai biệt của Bát nhã Ba la mật, liền ngay trước pháp tòa đắc sáu mươi ức *(6 triệu)* pháp môn Tam ma địa, đó là Tam ma địa chư pháp bình đẳng, Tam ma địa chư pháp viễn ly, Tam ma địa chư pháp bất động v.v...

Bồ Tát Thường Đề đã đắc sáu mươi ức pháp môn Tam ma địa như thế tức thời hiện thấy Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến tri có đại chúng Thanh văn, Bồ Tát vây quanh trong hằng hà sa số thế giới Tam thiên đại thiên ở

Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phía trên dưới nhiều như cát sông Hằng, đem danh như thế, cú như thế, chữ như thế, lý thú như thế, vì các đại Bồ Tát tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật, như nay ta ở thế giới tam thiên đại thiên này, có đại chúng Thanh văn, Bồ Tát vây quanh, dùng danh như thế, cú như thế, chữ như thế, lý thú như thế, vì các chúng đại Bồ Tát tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật v.v... như nhau không khác.

Bồ Tát Thường Đề từ đó về sau đa văn trí tuệ chẳng thể nghĩ bàn, giống như biển cả, tùy nơi thọ sanh, thường gặp chư Phật, thường sanh vào quốc độ diệu tịnh của chư Phật, cho đến trong mộng cũng thường thấy Phật vì mình thuyết Bát Nhã, thân cận cúng dường chưa từng lơi lỏng.

Sơ giải:

Mục đích hành cước của Bồ Tát Thường Đề là được nghe Bát nhã Ba la mật tu tập để trở thành Vô thượng Bồ đề ra tay tế độ chúng sanh. Nên khi nghe trên không có tiếng nói là đi về hướng Đông sẽ đến được thành Diệu Hương, ở đó sẽ gặp Bồ Tát có tên là Pháp Dũng thuyết Bát nhã Ba la mật. Nhưng khi đi chẳng nề mệt nhọc, chẳng màng ngủ nghỉ, chẳng đếm xỉa đến ăn uống, chẳng tưởng ngày đêm, chẳng sợ lạnh nóng, đối với pháp trong ngoài, tâm chẳng tán loạn. Nhờ tập trung cao độ như thế, nên Bồ Tát Thường Đề nhập được Tam muội. Trong Tam muội Bồ Tát thấu rõ các điều kiện tâm linh của hết thảy Chư Phật. Rồi khi xuất định Bồ Tát không thấy chư Phật nữa nên đem lòng buồn bực, quyết tâm khi gặp Bồ Tát Pháp Dũng sẽ hỏi Bồ Tát này "chư Phật từ đâu đến và sẽ đi về đâu?"(1)

Câu hỏi "chư Phật từ đâu đến và sẽ đi về đâu" không những chỉ dành riêng cho Bồ Tát Thường Đề mà cũng là thắc mắc chung cho những ai tu Phật. Trả lời được câu hỏi này là hiểu được pháp thân Như Lai hay hiểu về chân như, pháp giới, pháp tánh của tất cả pháp.

1. Như lai tức chơn như, pháp giới, pháp tánh... chơn như, pháp giới, pháp tánh tức Như lai.

Kinh "Đệ nhất nghĩa không", thuộc Tạp A hàm, số 335 ghi như sau: "Thế nào là Kinh Đệ nhất nghĩa không? Này các Tỳ kheo, lúc mắt

sanh thì nó không có chỗ đến; lúc diệt thì nó không có chỗ đi. Như vậy, mắt chẳng thật sanh, sanh rồi diệt mất; có nghiệp báo mà không tác giả. Ấm này diệt rồi, ấm khác tương tục, trừ pháp tục số. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy, trừ pháp tục số.

Pháp tục số tức là nói, cái này có thì cái kia có, cái này khởi thì cái kia khởi, như vô minh duyên hành, hành duyên thức, nói chi tiết đầy đủ cho đến thuần một khối khổ lớn tập khởi. Lại nữa, cái này không thì cái kia không, cái này diệt thì cái kia diệt, vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt. Như vậy, nói rộng cho đến thuần một khối khổ lớn tụ diệt. Này các Tỳ kheo, đó gọi là Kinh Đệ nhất nghĩa không".

Mắt được đề cập ở đây là nhãn căn (nhãn căn nằm trong thân căn, biểu thị con người). Khi nói "Mắt sanh thì nó không có chỗ đến, lúc diệt thì nó không có chỗ đi", đó là nói về sự sanh diệt của các pháp. Đứng về phương diện thế tục mà nói, sự xuất hiện của một pháp, người ta cho là pháp ấy sanh; pháp ấy tan rã, hình tướng băng hoại người ta cho là diệt. Hiện tượng sanh và diệt này dựa vào không gian và thời gian. Nếu như chúng ta tách khái niệm thời gian và không gian khỏi sự vật, hay nói rộng thời gian vô cùng tận thì khái niệm sanh và diệt này không còn nữa.

Sanh rồi diệt, diệt rồi sanh vô cùng tận thì gọi là bất sanh bất diệt. Thí dụ khi gieo lúa ngoài đồng, hạt lúa nẩy mầm thành mạ. Người ta cho là lúa mới sanh. Nếu nói lúa mới sanh tại sao từ vô thủy chưa có loài người đã có lúa? Khi cây lúa lớn nở hoa kết hạt, lúa chín người ta gặt chỉ còn trơ lại gốc, trâu bò ăn. Lúc đó lúa chết, người ta gọi là diệt. Nhưng nói lúa diệt sao bây giờ và mãi đến thời hỏa tận vẫn còn lúa(1)?

Pháp không sanh không diệt thì pháp không tới không lui, không đến không đi. Đi và đến là sự di động trong không gian, đi từ Đông sang Tây hay đi từ chỗ này sang chỗ nọ. Đi và đến cũng có nghĩa là tử với sanh: Sanh từ đâu đến, chết đi về đâu. Không riêng con người có sự di động mà mây nước, muôn loài đều có sự vận hành kể cả những nguyên tử cực nhỏ. Vì vậy, con mắt trần thấy rõ ràng có đến có đi, có sanh có diệt.

Để phá tướng đến đi, chủ yếu là tướng đi, tướng đi không có thì tướng đến cũng không. Tướng đi và đến không có, tức là tướng sanh diệt cũng không có. Đến đồng nghĩa với sanh, đi đồng nghĩa với diệt. Nên Kinh nói: "Sanh vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ".

Hòa Thượng Chí Công nói: "Trong thân có tướng là thân vô tướng, trên đường vô minh là đường vô sanh". *Có thân là có tướng: Tướng mập, tướng gầy, tướng đẹp, tướng xấu... Tại sao Hòa thượng Chí Công lại nói "trong thân có tướng là thân vô tướng?" Cái thân có tướng đó do tứ đại hợp thành, do cha mẹ sanh, biến đổi vô thường, sanh trụ dị diệt, theo thời gian rồi cũng băng hoại. Nhưng bên trong cái thân vô thường lại có cái chân thường, cái chân thường đó là "***pháp thân***". Pháp thân là vô tướng, không do ai sanh ra. Vô tướng thì không thành không hoại, trường tồn mãi với thời gian. Vậy, thấy tướng mà quên tướng tức "thấy tánh" hay thấy Phật tánh, là thấy pháp thân.*

Thấy tướng mà chấp tướng quên tâm, nên nói là vô minh. Thấy tướng quên tướng tức biết quay trở lại, ngay đó thấy tánh. Thấy tánh tức thành đạt giác ngộ thì không còn rơi vào luân hồi sanh tử nữa, nên nói vô sanh.

2. Pháp thân Như Lai không đến không đi:

Như trên đã nói: Phẩm này là tổng kết tất cả những gì mà Bát Nhã muốn xiển dương. Nếu thông đạt phẩm này thì hiểu được chân như, pháp giới, pháp tánh, pháp trụ, pháp định, thật tế... hay nói khác là "nhập pháp giới". Nhập pháp giới có nghĩa chính ông là pháp giới và pháp giới chính là ông hay nói khác pháp thân của ông là pháp giới và pháp giới chính là pháp thân của ông.

Pháp giới bao gồm vạn hữu cùng khắp. Pháp thân của tất cả Như Lai Ứng Cúng cũng cùng khắp. Vì sao? Vì Như Lai giác biết bản thể của tất cả pháp chân thật, thường như cùng khắp. Nên Như lai nhập pháp giới. Trong Kinh Lăng Nghiêm Phật bảo ông Phú Lâu Na: "Còn ta thì trái với vọng trần, hiệp với chân tâm thường trụ bất sanh bất diệt, biến khắp cả pháp giới. Cho nên ta mới được tự tại vô ngại. Ở trong một hiện ra vô lượng, vô lượng hiện làm một, trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ; không rời nơi đạo tràng mà hiện khắp cả mười phương thế giới. Thân ta bao trùm mười phương hư không vô tận. Trên đầu một mảy lông hiện ra các cõi nước; ngồi trong hạt bụi mà chuyển đại pháp luân…"

Thân Như Lai biến khắp pháp giới, bao trùm mười phương hư không vô tận. Như vậy, Như Lai là pháp giới, pháp giới tức Như Lai, không hai

không khác. Như là như thường tại, chẳng lúc nào chẳng như. Người thấy như thế thì được gọi là Như Lai không khác.

Vì chư Phật giác ngộ được chơn như thật tướng của các pháp như thế, nên chư Phật được gọi là Như Lai. Như Lai có nghĩa là người đến như thế, đến từ bào thai của vũ trụ. Như Lai chính là vũ trụ và vũ trụ chính là Như Lai. Ngài Thạch Đầu nói: "Người hội muôn vật làm tự mình, ấy là Thánh nhân". *Hay nói khác người hội muôn vật làm tự mình, là người nhập pháp giới, người ấy chính là chư Như Lai, chư Phật không khác.*

Trong Kinh "Mạn Thù Vấn", trích trong Q.574, Hội thứ VII, ĐBN, Xá Lợi Phất nói với Bồ Tát Mạn Thù Sư Lợi: "Này Mạn Thù, há không có Pháp giới mà chư Phật chứng nhập sao? Bởi vì Pháp giới là Phật và Phật là Pháp giới, nên Pháp giới không tự chứng Pháp giới. **Pháp giới tức hết thảy các pháp đều không; và tánh Không này là Bồ đề, không hai, không phân biệt**…"

Như vậy, Như Lai không thể đồng hóa với chơn như hay pháp giới, pháp tánh, bình đẳng tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế... mà ***Như Lai chính là chơn như, là pháp giới, pháp tánh****, v.v... Như Lai cũng chính là Pháp thân, là Như lai tạng, là Bản lai diện mục, Viên thành thật tánh. Đã là Pháp thân, là Như lai tạng, là Bản lai diện mục... thì làm gì có đến có đi, có biến dịch sanh diệt đổi dời... Nên Kinh nói:* "Pháp thân của Như Lai tức là chơn như, pháp giới, pháp tánh… của tất cả pháp. Chơn như, pháp giới, pháp tánh… đã chẳng có thể nói có đến có đi thì pháp thân của Như Lai cũng giống như thế, không đến, không đi".

Để kết luận *cho luận giải "chư Phật không từ đâu đến cũng không đi về đâu", chúng tôi trích dẫn một đoạn Kinh khác trong* ***phẩm Đàm Vô Kiệt, quyển thứ 30, Kinh MHBNBLMĐ*** *để làm sáng tỏ thêm mục này:*

"Lúc ấy Đàm Vô Kiệt Bồ Tát *(Pháp Dũng)* bảo Tát Đà Ba Luân Bồ Tát *(Thường Đề)*: Này thiện nam tử! Chư Phật không từ đâu đến, đi cũng không đến đâu. Tại sao vậy?

Chư pháp như, tướng chẳng động. Chư pháp như tức là chư Phật.

Pháp vô sanh không đến, không đi. Pháp vô sanh tức là chư Phật.

Pháp vô diệt không đến, không đi. Pháp vô diệt tức là chư Phật.

Pháp thật tế không đến, không đi. Pháp thật tế là chư Phật.

Pháp không không đến, không đi. Pháp không là chư Phật.

Pháp vô nhiễm không đến, không đi. Pháp vô nhiễm là chư Phật.

Pháp tịch diệt không đến, không đi. Pháp tịch diệt là chư Phật.

Tánh hư không không đến, không đi. Tánh hư không là chư Phật.

Này thiện nam tử! Rời các pháp ấy không có Phật. **Chư Phật như, các pháp như, một như không sai khác.**

Này thiện nam tử! Như ấy thường một, không có hai, không có ba, ra ngoài pháp số, vì là vô sở hữu. Ví như tháng cuối xuân, giữa ban ngày lúc nắng nóng, có người thấy ánh nắng dợn động bèn đuổi theo mong tìm được nước. Ý ông nghĩ sao? Nước ấy từ ao nào, núi nào, suối nào chảy đến, nay đi về đâu, hoặc là chảy về biển Đông, biển Tây, biển Nam, biển Bắc ư?

Tát Đà Ba Luân thưa:

- Thưa Đại sư! Trong ánh nắng còn không có nước, làm sao có được chỗ nước đến, nước đi!

Này thiện nam tử! Kẻ ngu vô trí bị khát bức ngặt, thấy nắng dợn bèn tưởng là nước.

Này thiện nam tử! Nếu có người phân biệt chư Phật có đến có đi, phải biết các người ấy đều là ngu phu. Tại sao vậy?

Này thiện nam tử! Chư Phật, chẳng thể lấy sắc thân thấy được. Chư Phật, pháp thân không đến, không đi, cũng không chỗ đến, chỗ đi.

Này thiện nam tử! Thí như nhà ảo thuật, biến hóa ra các thứ như voi, ngựa, bò, dê, nam, nữ. Ý ông nghĩ sao? Ảo sự ấy từ chỗ nào đến, đi đến đâu?

- Thưa Đại sư! Ảo sự không thật làm sao có chỗ đến, chỗ đi.

Này thiện nam tử! Người mà phân biệt đức Phật có đến, có đi cũng như vậy.

Này thiện nam tử! Ví như chiêm bao thấy voi, ngựa, bò, dê, nam, nữ. Ý ông nghĩ sao? Cảnh vật được thấy trong chiêm bao có chỗ đến chỗ đi chăng?

- Thưa Đại sư! Cảnh vật được thấy trong chiêm bao đều là hư vọng, làm sao lại có đến, có đi.

Này thiện nam tử! Nếu người mà phân biệt đức Phật có đến, có đi cũng như vậy.

Này thiện nam tử! Đức Phật nói các pháp như chiêm bao. Nếu có chúng sanh nào chẳng biết pháp nghĩa ấy, cho danh tự sắc thân là Phật, người ấy phân biệt chư Phật có đến, có đi.

Vì chẳng biết tướng thật tế của các pháp, nên đều là hạng ngu phu vô trí.

Các người ấy mãi mãi qua lại năm đường, xa rời Bát nhã Ba la mật, xa rời Phật pháp.

Này thiện nam tử! Đức Phật nói các pháp như ảo, như mộng. Nếu có chúng sanh nào biết đúng thật, thì người ấy chẳng phân biệt các pháp, hoặc đến, hoặc đi, hoặc sanh, hoặc diệt. Nếu chẳng phân biệt các pháp hoặc đến, hoặc đi, hoặc sanh, hoặc diệt thì có thể biết được thật tướng của các pháp mà đức Phật đã nói. Người ấy hành Bát nhã Ba la mật gần Vô thượng Bồ đề, gọi là chơn đệ tử, chẳng hư vọng ăn của tín thí. Người ấy đáng nhận cúng dường. Là phước điền thế gian".

Phẩm "Đàm Vô Kiệt" của Kinh MHBNBLMĐ chẳng qua là rút gọn phẩm "Pháp Dũng Bồ Tát" của Kinh ĐBN. Mục đích trích dẫn này cốt làm rõ nghĩa Kinh ĐBN mà thôi.

3. Tất cả pháp như huyễn, như mộng...

Kinh nói: "Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói tất cả pháp như mộng, như bóng sáng, như tiếng vang, như ảnh tượng, như trò huyễn, như sự biến hóa, như ảo thành đều **chẳng phải thật có**. Nếu đối với pháp nghĩa thậm thâm mà chư Phật đã nói như thế chẳng biết như thật, **chấp thân Như Lai là danh là sắc, có đến có đi, thì nên biết kẻ ấy mê muội pháp tánh,** ngu si vô trí, lưu chuyển các thú, chịu khổ sanh tử, xa lìa Bát nhã Ba la mật, cũng lại xa lìa tất cả Phật pháp. Nếu đối với pháp nghĩa thậm thâm mà chư Phật đã dạy, có khả năng biết như thật, chẳng chấp các pháp có đến có đi, có sanh có diệt, có nhiễm có tịnh. Do chẳng chấp nên có thể hành Bát Nhã, cũng có thể siêng tu tất cả Phật pháp, như thế là gần gũi sở cầu là quả vị Giác ngộ tối cao, cũng gọi là đệ tử chơn tịnh của Như Lai. Xứng đáng nhận đồ cúng dường của người, trời trong thế gian".

Đây là câu Phật thường nói trong hầu hết các phẩm của Hội thứ I cũng như trong toàn bộ Đại Bát Nhã Ba La Mật: Các pháp không thật, giả có, chúng như mộng, như huyễn, như tượng, bóng mây... Chấp vào các

pháp là thật có, có sanh diệt, đến đi, nhiễm tịnh... thì bị lưu chuyển trong luân hồi sanh tử mà chịu nhiều khổ lụy, không thể tu học Bát nhã Ba la mật nói chi đến việc chứng đắc Giác ngộ.

4. Các pháp không ngoài duyên sanh:

Kinh nói: "Như trong biển lớn có các trân bảo, trân bảo chẳng phải từ mười phương đến, cũng chẳng phải hữu tình ở trong đó tạo ra, cũng chẳng phải các báu này không có nhân duyên sanh. Nhưng vì sức thiện căn của các hữu tình, nên khiến trong biển có các báu sanh; báu ấy sanh nương vào sức nhân duyên hòa hợp mà có, chứ không từ đâu đến; báu ấy diệt cũng không đi về đâu, chỉ vì sức thiện căn của hữu tình đã hết, khiến báu kia diệt mất. Vì sao? **Vì các pháp hữu vi, duyên hiệp thì sanh, duyên lìa thì diệt, trong đó hoàn toàn không có ai sanh, ai diệt**. Vì vậy, các pháp không đến, không đi; thân của chư Như Lai cũng như thế, ở trong 10 phương, không từ đâu đến, cũng chẳng phải ở trong đó có người tạo tác, cũng chẳng thể nói không có nhân duyên sanh, nhưng vì nương vào sự tu hành tịnh hạnh viên mãn, cho nên có thân Như Lai xuất hiện ở đời. Khi thân Phật diệt, cũng không đi về đâu trong 10 phương, chỉ do sức nhân duyên hòa hợp đã hết liền diệt. Vì vậy, chư Phật không đến, không đi". *(Q.399, ĐBN)*

Các trân bảo sở dĩ có sanh là do nhân duyên phước đức thiện căn của hữu tình hòa hợp. Cũng cùng đoạn Kinh trên, Kinh thuyết tiếp với thí dụ hết sức cụ thể:

"Thí như cây đàn không hầu nương vào các loại nhân duyên hòa hợp mà có tiếng sanh, nhân duyên của tiếng ấy là cái cần, cái ống, khe hở, cái trục, sợi dây v.v... tác ý của nhạc công. Như vậy, từng yếu tố một chẳng có thể sanh tiếng, khi hòa hợp tất cả yếu tố lại, tiếng nó mới phát; tiếng ấy phát sanh không từ đâu đến, khi diệt đi, không đi về đâu.

Thân của chư Như Lai cũng giống như thế, nương vào các thứ nhân duyên mà sanh, nhân duyên của thân ấy là vô lượng phước đức trí tuệ và thiện căn do tu tập thành thục mà có. Như vậy, từng yếu tố một chẳng có thể sanh thân, khi hòa hợp lại, thân ấy mới sanh; thân đã sanh ấy không từ đâu đến, khi diệt chẳng đi về đâu".

Kinh lấy thí dụ âm thanh phát ra từ cây đàn không hầu: Âm thanh đó không do cần, không do dây, không do thùng gỗ, không do da bọc, không do tay người khảy... nghĩa là không do bất cứ một yếu tố lẻ loi nào mà có. Âm thanh có được là do tổng hợp của tất cả các yếu tố đó hợp thành. Thân Phật cũng vậy, nương vào nhân duyên sanh, nhân duyên ấy là do vô lượng phước đức, trí tuệ, thiện căn do cần tu khổ tập mà có. Như vậy, từng yếu tố một chẳng có thể sanh thân, khi hòa hợp lại, thân ấy mới sanh; thân đã sanh ấy không từ đâu đến, khi diệt chẳng đi về đâu. Đối với thiên hà đại địa như sông núi, biển cả... cũng đều như thế cả.

*Nên **Luận Đại Trí Độ, phẩm thứ 89, "Đàm Vô Kiệt", Tập 5, quyển 100,** giải thích rằng:*

"Cũng như vậy, thân Phật chẳng phải chẳng có nhân duyên mà sanh, chẳng phải do ít nhân duyên mà được sanh; thân Phật phải có đầy đủ các nhân duyên hòa hợp mới sanh vậy.

Ví như có gương, có người soi gương, có ánh sáng đầy đủ, có mặt gương lau chùi sạch sẽ thì mới có bóng người ở trong gương. Nếu các duyên ly tán thì chẳng còn có bóng người ở trong gương nữa.

Cũng như vậy, nếu có đầy đủ nhân duyên hòa hợp thì Phật liền hiện.

Nếu các nhân duyên ly tán thì Phật liền diệt vậy.

Bồ Tát Đàm Vô Kiệt bảo Bồ Tát Tát Đà Ba Luân rằng: Này thiện nam tử! Phải nên như vậy mà quán thân Phật là chẳng có các tướng đến, tướng đi. Hết thảy các pháp cũng đều là như vậy, đều chẳng có đến, chẳng có đi.

Người nào biết các pháp tướng chẳng có tướng đến, chẳng có tướng đi, ắt sẽ được Bát nhã Ba la mật, được các lực phương tiện Bát nhã Ba la mật... dẫn đến sẽ được Vô thượng Bồ đề.

Vì sao? Vì người ấy được vô ngại ở nơi hết thảy các pháp vậy".

Do đó, phẩm này Phật bảo: "Đối với tướng không đến đi của Như Lai Ứng chánh Đẳng Giác, ngươi nên biết như thế. **Theo đạo lý này, thì đối với tướng không đến không đi của tất cả pháp cũng phải biết như thế**. Nếu đối với Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và tất cả pháp có thể như thật biết không đến, không đi, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh thì nhất định có khả năng tu hành Bát Nhã thậm thâm, phương tiện thiện xảo, quyết chứng đắc quả vị Giác ngộ tối cao".

5. Nghĩa thú Bát nhã Ba la mật:

Đây là bài pháp quan trọng, nên trước khi thuyết Bồ Tát Pháp Dũng ân cần bảo Bồ Tát Thường Đề:

"Này thiện nam tử! Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Và suy nghĩ chính chắn. Ta sẽ vì ông mà tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật.

- Này thiện nam tử! Vì tất cả pháp **bình đẳng.** Cho nên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng bình đẳng. Vì tất cả pháp **viễn ly** cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng viễn ly. Vì tất cả pháp **bất động** cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng bất động. Vì tất cả pháp **vô niệm**, cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô niệm. Vì tất cả pháp **vô úy** cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô úy. Vì tất cả pháp **nhất vị** cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng nhất vị. Vì tất cả pháp **không giới hạn** cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng không giới hạn. Vì tất cả pháp **vô sanh** cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh. Vì tất cả pháp **vô diệt** cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô diệt. Vì **thái hư vô biên** cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên. Vì **biển lớn vô biên** cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên. Vì **Diệu Cao sơn vô biên** cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên. Vì núi Diệu Cao hùng vĩ cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng hùng vĩ. Vì thái hư vô phân biệt cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô phân biệt.

Này thiện nam tử! Vì sắc vô biên, cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng **vô biên**; vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên, cho nên, nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên. Vì 12 xứ, 18 giới vô biên, cho nên biết Bát Nhã cũng vô biên. Vì tứ thiền bát định vô biên, cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên. Vì tứ Thánh đế, 37 pháp trợ đạo, 18 pháp bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao vô biên, cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên. Vì tất cả pháp hữu lậu vô lậu vô biên, cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên. Vì tất cả pháp hữu vi vô vi vô biên, cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng vô biên. Vì Kim cương dụ **bình đẳng**, cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng bình đẳng. Vì tất cả pháp **không hoại**, cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng không hoại. Vì tất cả pháp **không tạp nhiễm**, cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng không tạp nhiễm. Vì tất cả pháp **không sai biệt**, cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng không sai biệt. Vì tự tánh các pháp **chẳng thể nắm bắt được**, cho nên biết tự tánh Bát

nhã Ba la mật cũng chẳng thể nắm bắt được; vì các pháp **vô sở hữu** bình đẳng, cho nên biết Bát nhã Ba la mật vô sở hữu cũng bình đẳng; vì các pháp **không tạo tác**, cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng không tạo tác; vì các pháp **chẳng thể nghĩ bàn**, cho nên biết Bát nhã Ba la mật cũng chẳng thể nghĩ bàn".

Toàn bộ Bát Nhã đều nói "tất cả pháp là bình đẳng, viễn ly, vô niệm, vô úy, vô sở hữu, bất khả đắc, nhất vị, không tạo, không tác, không sanh, không diệt, chẳng thể nghĩ bàn v.v... nên Bát Nhã cũng bình đẳng, viễn ly, vô niệm, vô úy... chẳng thể nghĩ bàn v.v..." Như núi Diệu cao vô biên nên Bát Nhã vô biên, biển cả vô biên nên Bát Nhã vô biên, thái hư vô biên nên Bát Nhã cũng vô biên, tất cả pháp Phật cho đến quả vị Giác ngộ tối cao vô biên nên Bát Nhã cũng vô biên. Nói tóm lại pháp thế gian có đặc tánh gì thì Bát Nhã có đặc tánh đó. Vì vậy, Bát Nhã mới có thể bao dung che chở đối với tất cả trắc trở của thế gian.

Đoạn Kinh này được xem như cú nghĩa nhiệm mầu của Bát nhã Ba la mật. Nhưng tại sao nó lại được xem là nhiệm mầu? Vì ngay trước pháp tòa Bồ Tát Thường Đề thâm nhập được phương tiện này, liền đắc sáu mươi ức pháp môn Tam ma địa... Rồi từ đó về sau được đa văn trí tuệ giống như biển cả chẳng thể nghĩ bàn. Phải chăng Bồ Tát Thường Đề quán các tất cả pháp như vậy nhập được chân lý, liền đắc các Tam muội, rồi được đa văn trí tuệ?

Kinh Pháp Hoa nói về "Khai thị ngộ nhập trong tri kiến Như Lai". Tri kiến Như Lai hay còn gọi là Phật trí. "Khai" là mở ra, "thị" là chỉ cho thấy, "ngộ" là giác biết, "nhập" là đi vào chân lý. Một khi nhập được chân lý rồi, thì chân lý chính là ông và ông chính là chân lý. Chủ đích của Kinh Pháp Hoa nhằm chỉ cho chúng sanh mỗi người đều có Phật trí này. Nhưng vì vọng động mà quên đi cái sẵn có ở nơi mình, nên vọng ngoại tầm cầu như chàng cùng tử có sẵn hạt châu trong chéo áo mà không biết, nên phải đi lang thang khắp đầu đường xó chợ kiếm ăn. Nhưng may mắn cùng tử gặp người có trí chỉ cho biết hạt châu trong chéo áo. Rồi từ đó nhờ bán hạt châu mà trở nên giàu sang sung sướng. Hạt châu ở đây chính là trí tuệ Phật hay Bát Nhã Trí sẵn có trong mỗi chúng sanh.

Bồ Tát Pháp Dũng chẳng khác nào "người trí", tuyên thuyết cú nghĩa Bát nhã Ba la mật như thế, khiến Bồ Tát Thường Đề thâm hiểu nhập được chân lý, rồi liền trước tòa đắc cả vạn Tam muội, các biện tài, thần thông

diệu dụng mà trở thành bậc trí tuệ. Còn chúng ta nghe cú nghĩa Bát nhã Ba la mật như thế thì tuệ giác có biến chuyển không?

Đây là phẩm đúc kết các giáo lý quan trọng của Bát nhã Ba la mật thuộc Hội thứ I, quá hay. Câu cần nhớ trong phẩm này là: " Như Lai tức là pháp thân". "Pháp thân Như Lai tức là chơn như, pháp giới, pháp tánh… của các pháp…" *Nếu hiểu tất cả pháp đều như như thế, thì có thể nhập pháp giới như chư Phật.*

Phẩm "Bồ Tát Pháp Dũng" chẳng qua là ôn lại tất cả giáo lý mà chúng ta đã trì tụng trong 400 quyển Kinh thuộc pháp hội thứ I, ĐBN. Nếu chúng ta đã thọ trì cẩn thận Hội thứ I thì bốn Hội kế tiếp có cùng giáo lý, sẽ không có gì trở ngại!

Thích nghĩa cho phần lược giải này:

(1). Sanh và diệt: Ngài Phạm Chí Thanh Mục chú thích cuốn Trung Luận của Bồ Tát Long Thọ nói về "bất sinh bất diệt" của cây lúa như sau: "Vạn vật không có sinh, vì sao? Vì thế gian hiện thấy. Thế gian chính mắt thấy lúc ban sơ lúa chẳng sinh. Vì sao? Vì lìa lúa trong kiếp ban sơ thời lúa hiện nay không thể có được. Nếu lìa lúa trong kiếp ban sơ mà hiện nay có lúa thời mới gọi là có sinh ra, song kỳ thật không có như vậy. Thế nên chẳng sinh. Tại sao chẳng diệt? Vì thế gian hiện thấy. Thế gian chính mắt thấy trong lúc ban sơ lúa chẳng diệt, nếu diệt thời nay không thể có lúa, song kỳ thật có lúa. Thế nên chẳng diệt"./.

---o0o---

79. PHẨM "KẾT KHUYẾN"
(Phần cuối quyển 400, ĐBN)

"Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Nên biết, do lý thú như thế oai đức Bát Nhã sâu xa thù thắng, khiến các Bồ Tát có thể mau dẫn phát được Nhất thiết trí trí. Vì vậy, này Thiện Hiện! Nếu Đại Bồ Tát muốn học 6 phép Ba la mật mau được viên mãn, muốn thông đạt đầy đủ cảnh giới chư Phật, muốn đắc thần thông tự tại của chư Phật, muốn mau chứng đắc Nhất thiết trí trí, muốn có thể lợi ích an lạc tất cả hữu tình một cách rốt ráo thì nên học Bát Nhã như thế, nên đối với Bát Nhã như thế cung kính lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, rốt ráo thông suốt, như thuyết tu hành, như lý tư duy nghĩa thú sâu xa, biên chép truyền bá, vì người giải nói; nên dùng các loại tràng hoa, các thứ hương xoa, hương bột, y phục, anh lạc, tràng phan, bảo cái, kỹ nhạc, đèn đuốc thượng diệu và các vật quí hiếm khác cung kính cúng dường, tôn trọng, ngợi khen. Vì sao? Vì Bát Nhã đã thuyết này là mẹ sanh mẹ dưỡng, là thầy mô phạm chơn chánh; tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều cùng tôn trọng cung kính khen ngợi. Tất cả chúng Đại Bồ Tát đều cúng dường, tinh cần tu học; đó là giáo huấn chơn thật của Như Lai.

Bấy giờ, Phật bảo A nan:

- Đối với Như Lai, ông có ái kính chăng?

A nan thưa:

- Bạch Thế Tôn! Dạ có! Con thật có ái kính Phật, Như Lai tự biết.

Phật bảo A nan:

- Đúng vậy! Ông đối với Ta, thật có ái kính. Từ trước đến nay ông thường dùng nghiệp thân, ngữ, ý từ hòa, tốt đẹp, cung kính cúng dường, theo hầu bên ta, chưa từng trái ý.

Này A nan! Ông nên dùng sự chân thật cung kính cúng dường thân Ta khi ta còn ở đời. Sau khi Ta Niết bàn ông cũng nên dùng sự ái kính như thế mà cúng dường tôn trọng Bát Nhã.

Lần thứ hai, lần thứ ba, đức Phật đem Bát nhã Ba la mật giáo huấn A nan như thế, khiến cho vô cùng ái kính tôn trọng cúng dường hơn là cúng dường thân Như Lai.

Lại bảo:

- Này A nan! Ta đem Bát nhã Ba la mật như thế, trước đại chúng hôm nay phó chúc cho ông, ông nên thọ trì. Sau khi Ta Niết bàn cho đến một chữ chớ để quên mất. Bát nhã Ba la mật như thế, tùy theo thời gian, nơi chốn mà nó lưu bố *(lưu hành)* ở thế gian, nên biết tức là có chư Phật Thế Tôn hiện trụ thế gian, vì chúng thuyết pháp.

A nan nên biết: Nếu có ai đối với Bát nhã Ba la mật này, cung kính lắng nghe, thọ trì, đọc tụng rốt ráo thông suốt, như thuyết tu hành, như lý tư duy, nghĩa thú sâu xa, biên chép truyền bá, vì người giải nói; lại dùng các loại tràng hoa, hương xoa, hương bột, y phục, anh lạc, tràng phan, bảo cái, kỹ nhạc, đèn đuốc thượng diệu và các vật quý hiếm khác cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, thì nên biết người ấy thường gặp chư Phật, lắng nghe chánh pháp, tu các phạm hạnh.

Khi ấy, đức Bạc già phạm nói Kinh này xong, có vô lượng chúng đại Bồ Tát, Bồ Tát Từ Thị làm thượng thủ, Đại Ca diếp ba, Xá lợi tử, A nan đà v.v... các đại Thanh văn và trời, rồng, người, phi người, v.v... tất cả đại chúng, nghe Phật nói rồi, đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành".

Sơ giải:

Cũng như hầu hết các Kinh khác, phẩm cuối cùng Phật thường khuyên các đệ tử hãy đọc tụng, thọ trì và truyền bá rộng rãi Kinh này. Đó là nhiệm vụ của phẩm "Kết Khuyến", thuộc Hội thứ I, ĐBN do nhóm của Ngài Huyền Trang dịch. Phật bảo A nan:

- "Đối với Như Lai, ông có ái kính chăng?

A nan thưa:

- Bạch Thế Tôn! Dạ có! Con thật có ái kính Phật, Như Lai tự biết.

Phật bảo A nan:

- Đúng vậy! Ông đối với Ta, thật có ái kính. Từ trước đến nay ông thường dùng nghiệp thân, ngữ, ý từ hòa, tốt đẹp, cung kính cúng dường, theo hầu bên ta, chưa từng trái ý.

Này A nan! Ông nên dùng sự chân thật cung kính cúng dường thân Ta khi ta còn ở đời. Sau khi Ta Niết bàn ông cũng nên dùng sự ái kính như thế mà cúng dường tôn trọng Bát Nhã".

(...) "Ta đem Bát nhã Ba la mật như thế, trước đại chúng hôm nay phó chúc cho ông, ông nên thọ trì. Sau khi Ta Niết bàn cho đến một chữ chớ

để quên mất. Bát nhã Ba la mật như thế, tùy theo thời gian, nơi chốn mà nó lưu bố ở thế gian, nên biết tức là có chư Phật Thế Tôn hiện trụ thế gian, vì chúng thuyết pháp".

Thiết nghĩ, lời phó chúc chân thành này cũng đủ khích lệ cho những ai phụng trì cũng như truyền bá Bát Nhã, nên không cần bàn thêm./.

---o0o---

Đến đây chấm dứt phần thứ nhất,
(Hội thứ I).

Hội thứ I, ĐBN, còn gọi là Đại phẩm (Phạm: Zatasàhasrik-prajĩàpàramità), cả thảy tổng cộng 79 phẩm, 400 quyển, tức chiếm hết 2/3 trong số 600 quyển Đại Bát Nhã. Các học giả cũng như các nhà khảo cứu về Đại Bát Nhã đều đồng ý "Hội thứ I có tên là Đại phẩm" trùng tuyên *quá nhiều như chúng ta đã biết. Vì vậy, chúng tôi cố gắng giản lược như trên, cốt để các đạo hữu dễ tụng đọc, dễ tu hành. Chúng tôi chỉ cắt xén phần trùng tuyên mà thôi, còn cốt tủy không những giữ y nguyên bản* mà *còn triển khai như các thiện hữu đọc qua tự rõ.*

Tất cả các giáo lý căn bản của Bát nhã Ba la mật đều nằm ở Hội thứ I này. Nếu tụng đọc kỹ Hội thứ I thì có thể hiểu tất cả 5 Hội đầu.

Cũng xin lưu ý các thiện hữu tuy nói là luận giải nhưng thật sự chỉ sơ lược đại cương thôi. Ở phẩm nào Kinh miêu tả về sự kiện theo lối trần thuật chúng tôi tóm lược ngắn gọn; phẩm nào gút mắt khó khăn chúng tôi thích nghĩa, lược giải tỉ mỉ. Phần lớn là lặp lại lời Phật, Tổ hay các Thiền sư có đạo học sâu dày. Lưu ý này không những dành cho Hội thứ I mà cho cả toàn bộ Tổng luận Đại Bát Nhã. Cái quan trọng nhất của chúng tôi là **cố đào sâu những biểu thị hay pháp nghĩa hiển hiện của Bát Nhã**. *Còn tiêu hóa hay thẩm thấu nổi hay không là tùy thuộc người thọ trì. Bát Nhã lúc nào cũng ngụ ý như vậy. Không ai dọn sẵn cơm cho mình ăn cả. Trâu Bảo Lộc ăn cỏ trâu Đồng Nai không thể no được.*

Cứ mỗi lần củ soát lại bản thảo, chúng tôi có khi phải viết lại, sửa đổi hay thêm thắt đôi chút, hay đôi khi phải viết lại toàn phẩm. Tại sao? Kinh nghiệm bản thân cho thấy rằng càng trì tụng thì càng thâm hiểu thêm.

Đây không dám nói chuyển y, nhưng gần như vậy dù trong gang tấc. Các thiện hữu trì tụng nhiều chính văn, có khi luận giải chắc chắn còn hơn những gì mà chúng tôi đã làm. Chúng tôi chỉ là người đi trước, một hướng dẫn viên hơn là một pháp sư chính thống!

Khi viết xong thiên Tổng luận Đại Bát Nhã (phiên bản I) chúng tôi mới có dịp tụng bộ Đại Trí Độ Luận do Bồ Tát Long Thọ soạn thảo vào đầu kỷ nguyên thứ II sau Tây Lịch. Đây là một bộ luận đồ sộ gồm 5 tập, 100 quyển (khoảng 4.000 trang) do nhóm của Tam tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập soạn dịch. Bộ luận này dùng để chiết giải Kinh MHBNBLMĐ, tức là Hội thứ II, một trong 16 Hội của Đại Bát Nhã.

Bồ Tát Long Thọ là Tổ thứ XIV truyền thừa từ đức Thế Tôn, thay thế Phật nắm giữ và phát triển Tăng đoàn. Ngài là bậc Long tượng đã viết ba bộ luận nổi tiếng (gọi chung là Trung luận Bát bất) trước khi biên soạn bộ Đại Trí Độ Luận này. Đây là bậc thật tu thật chứng có công phu sâu dày, nên Bộ luận của Ngài làm sáng tỏ thêm Kinh Đại Bát Nhã như đức Thế Tôn đã tiên đoán. Kỳ xuất bản lần thứ II (phiên bản II) của thiên Tổng luận Đại Bát Nhã, chúng tôi mới có dịp cập nhật Hội thứ II, là nhờ bộ Luận này. Nếu Hội thứ I thiếu sót, Hội thứ II sẽ bổ túc giúp thiện hữu nắm vững các giáo lý Bát Nhã nhất là các pháp tu Phật học.

Sau đây, chúng ta sẽ tiếp tục trì tụng "phần hai, Hội thứ II gọi là Đại bản" (Phạm: Paĩcaviôzatisàhasrikà-prajĩàpàramità), gồm 84 phẩm, 78 quyển bắt đầu từ Q.401 cho đến hết Q.478, nhưng thiếu 3 phẩm "Bồ Tát Thường Đề", "Bồ Tát Pháp Dũng" và phẩm "Kết Khuyến". Tương đương với Hội thứ II này có Kinh tên là "Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa", do nhóm của Ngài Cưu Ma La Thập dịch từ Phạn sang Hán, HT Thích Trí Tịnh dịch từ Hán sang Việt - Bản Việt dịch Kinh MHBNBLMĐ do HT Thích trí Tịnh dịch, Viện Phật Học Phổ Hiền xuất bản, Thành Hội Phật Giáo T.P. Hồ chí Minh ấn hành năm 1995, trọn bộ 3 tập, có ghi thêm 3 phẩm nói trên. Chúng tôi tìm thấy bản chính văn Kinh MHBNBLMĐ và bản chiết giải Đại Trí Độ Luận của Bồ Tát Long Thọ có đăng trên các mạng Phật học và có lưu hành trên thị trường. Nếu có thể được, các thiện hữu nên tụng song hành với Hội thứ II của Kinh ĐBN càng tốt.

Cũng nên nói trước rằng: Phần hai, Hội thứ II, ĐBN thuyết về giáo lý, cơ, cảnh, hành, quả... cũng như kỹ thuật tu trì quán tưởng chẳng khác Hội

thứ I, chỉ khác là các phẩm của Hội thứ II ngắn gọn. Đọc Hội thứ II các thiện hữu sẽ cảm thấy "dễ chịu" hơn!

Mặc dù nói hai Hội tương đương nhau, nói như vậy không có nghĩa là tụng Hội thứ I xong không cần tụng Hội thứ II nữa. Nhất định không phải vậy! Đọc Hội thứ II để nắm vững Hội thứ I, vì Hội thứ II gãy gọn, tổng quát, ít trùng tụng dễ nắm, lại được bổ túc bởi Đại Trí Độ Luận, nên dễ hiểu dễ thâm nhập Tánh Không Bát Nhã hơn.

Lại nữa, học Phật là trì tụng, càng tụng nhiều càng tốt, càng tụng càng vỡ ra, cái gì dấu kín trong tiềm thức bấy lâu có một lúc nào đó sẽ bùng nổ, để tự phát chiếu các diệu dụng của nó! Có lẽ chúng tôi lưu ý quá nhiều về vấn đề này? Vì sao? Vì nó cần thiết trong vấn đề đọc tụng cũng như thọ trì Kinh điển!

Hội thứ II, ĐBN chia ra thành nhiều phẩm gẫy gọn, phẩm tựa rất phù hợp với chánh văn, nên chúng tôi không phải chia thành nhiều đoạn hay phân đoạn như Hội thứ I. Do đó, việc đọc tụng thọ trì Hội thứ II "xuôi chèo mát mái" hơn so với các Hội khác.

Cho nên, mỗi lần ôn tập lại các giáo lý của 5 Hội đầu, chúng tôi thường ưu tiên đọc tụng Hội thứ II nhiều nhất! Đó là kinh nghiệm. Hy vọng các thiện hữu sẽ gặt hái được nhiều kết quả tốt khi đọc tụng thọ trì Hội thứ II, ĐBN này.

Người nào đọc trọn vẹn Hội thứ I xong, phải nói là tinh tấn đáng khen. Hội thứ II sẽ gây ngạc nhiên với bộ Đại Trí Độ Luận do Bồ Tát Long Thọ biên soạn, chắc chắn mang lại kết quả tốt ngoài sự mong chờ./.

Chấm dứt phần một, Hội thứ I, ĐBN.

HẾT TẬP 2

---o0o---

Xin đọc tiếp TẬP 3, bắt đầu Hội thứ II, ĐBN.